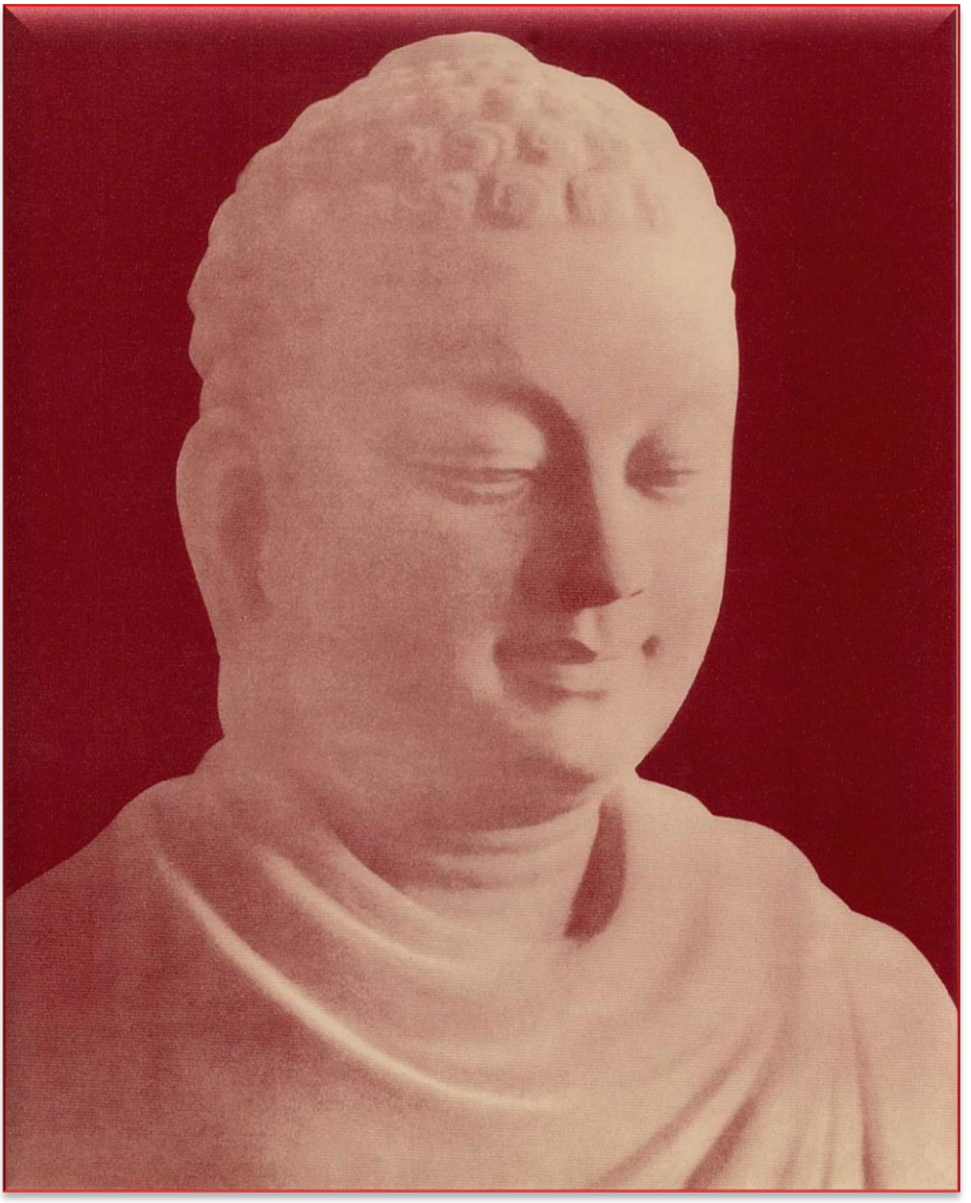


NAM – MÔ BỔN – SƯ THÍCH – CA MÂU – NI PHẬT

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Tập 59

BỘ KINH TẬP VI

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

NHỮNG QUY ƯỚC THỐNG NHẤT TRONG LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

I- <u>Viết hoa toàn bộ</u>:

1. **Tên người**: (Phật) Vô Lượng, (vua) Tự Đức, (Thiền sư) Vạn Hạnh, (Bồ-tát) Quán Thế Âm...
2. **Tên nước:** Việt Nam, Trung Hoa, Thái Lan, Đài Loan...
3. **Tôn xưng danh hiệu Phật**: Đức Như Lai, Bậc Chúng Hựu, Đấng Tối Chánh Giác...
4. **Tác phẩm, kinh sách**: luận Trung Quán, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Trường A-hàm...

II- Viết hoa chữ đầu:

1. **Địa danh**: thành Vương xá, chùa Ấn quang, rừng Thi lợi...
2. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, Khổ xuất yếu thánh đế...
3. **Phẩm bậc, quả vị tôn kính**: Hòa thượng, Thanh văn, Duyên giác, Thái tử (nói về Phật, Bồ-tát thị hiện độ sanh; ví dụ: Thái tử Tỳ-bà-thi), Tôn giả...
4. Chủng loại: chư Thiên
5. **Phương hướng**: phương Đông nam, hướng Tây bắc, phía Đông thành Vương xá...

III- <u>Viết hoa chữ đầu + gạch nối</u>: (những từ được phiên âm từ Pāli)

1. **Nhân danh:** Mãn-độ-ma, Xà-ni-sa, Xá-lợi-phất...
2. **Địa danh**: nước Bạt-kỳ, thành Xá-vệ, cõi Diêm-phù-đề...
3. **Thuật ngữ Phật học được nhấn mạnh**: A-lại-da, Tam-phật- đà, Ba-la-đề-mục-xoa...
4. **Phẩm bậc, quả vị**: Tỳ-kheo, Ưu-bà-di, A-la-hán...
5. **Chủng loại**: A-tu-la, La-sát, Càn-thát-bà...

IV- <u>Gạch nối</u>: (danh từ chung được phiên âm từ Pāli)

<u>ví dụ</u>: đàn-việt, na-do-tha, do-tuần...

V- Số:

1. **Viết thành chữ:** (những số quá lớn nên chú thích thêm số)
   ví dụ: hai trăm năm mươi (giới), ba mươi hai (tướng tốt), mười lăm ức bảy ngàn sáu mươi vạn (1.570.600.000)...
2. **Viết thành số**: số hiệu kinh, số trang dẫn
   ví dụ: Đại I, trang 15, cht. 52 ...

VI- Đặc biệt:

- ✓ **Âm "y" và "i"**: dù đứng một mình, đứng đầu từ hoặc ở giữa từ, hoặc sau các phụ âm: K, L, M, T, Q vẫn viết theo thói quen cũ.
  ví dụ: kỷ cương, lý luận, hoàn mỹ, quy định, li ti, hoan hỷ...
- ✓ 梵 viết là "**Phạm**" không viết là "**Phạn**" (phát âm theo chữ Brahma).
- ✓ 慧 viết là "**Tuệ**" không viết là "**Huệ**".

Chùa Pháp Bảo-Thủ Đức, ngày 8 tháng 9 năm 2000

*Sa môn **THÍCH TỊNH HẠNH***

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 59

BỘ KINH TẬP VI

SỐ 606 → 625

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

MỤC LỤC
BỘ KINH TẬP 6 – T059

SỐ 606 3
KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH 3
Quyển 1 3
Phẩm 1: TẬP TÁN 3
Phẩm 2: GỐC NĂM ẤM 7
Phẩm 3: TƯỚNG NĂM ẤM 8
Phẩm 4: PHÂN BIỆT NĂM ẤM 9
Phẩm 5: THÀNH HOẠI CỦA NĂM ẤM 10
Quyển 2 32
Phẩm 6: TỪ 32
Phẩm 7: TRỪ SỢ HÃI 36
Phẩm 8: PHÂN BIỆT HÀNH TƯỚNG 37
Quyển 3 61
Phẩm 9: KHUYẾN Ý 61
Phẩm 10: LÌA ĐIÊN ĐẢO 70
Phẩm 11: HIỂU RÕ THỨC ĂN 71
Phẩm 12: PHỤC THẮNG CÁC CĂN 75
Phẩm 13: NHẪN NHỤC 75
Phẩm 14: KHÔNG ĐÁP TRẢ ĐIỀU ÁC 76
Phẩm 15: THIÊN NHÃN THẤY THỦY CHUNG 76
Phẩm 16: THIÊN NHĨ 78
Phẩm 17: NGHĨ VỀ ĐỜI TRƯỚC 79
Phẩm 18: BIẾT TÂM NIỆM NGƯỜI 80
Phẩm 19: ĐỊA NGỤC 83
Quyển 4 97
Phẩm 20: KHUYẾN DUYỆT 97
Phẩm 21: HÀNH KHÔNG 98
Quyển 5 123
Phẩm 22: THẦN TÚC 123
Phẩm 23: SỔ TỨC 128
Quyển 6 149
Phẩm 24: QUÁN 149
Phẩm 25: HỌC ĐỊA 156
Phẩm 26: BẬC VÔ HỌC 165
Phẩm 27: VÔ HỌC 167
Quyển 7 170

Phẩm 28: TU HÀNH CỦA BA BẬC ĐỆ TỬ 170
Phẩm 29: DUYÊN GIÁC 178
Phẩm 30: BỒ-TÁT 182
SỐ 607 195
KINH ĐẠO ĐỊA 195
Chương 1: XÉT VỀ LOẠI 195
Chương 2: BIẾT NĂM ẤM TUỆ 198
Chương 3: TÙY THUỘC HOÀN TOÀN VÀO ỨNG TƯỚNG 198
Chương 4: NĂM ẤM PHÂN BIỆT LIỀN CHẬN ĐỨNG ĐƯỢC 199
Chương 5: NĂM LOẠI THÀNH BẠI 200
Chương 6: HẠNH THẦN TÚC 212
Chương 7: NĂM MƯƠI LĂM THỨ QUÁN 214
SỐ 608 217
KINH TIỂU ĐẠO ĐỊA 217
SỐ 609 223
KINH THIỀN YẾU 223
Phẩm 1: QUỞ TRÁCH DỤC 223
SỐ 610 229
PHẬT THUYẾT KINH QUÁN CHƯƠNG CÚ TRONG THÂN 229
Chương: MƯỜI MỘT NHÂN DUYÊN 234
SỐ 611 237
KINH QUÁN PHÁP 237
SỐ 612 243
PHẬT THUYẾT KINH QUÁN THÂN 243
SỐ 613 247
KINH PHÁP THIỀN BÍ YẾU 247
Quyển thượng 247
Quyển trung 275
Quyển hạ 305
SỐ 614 333
KINH TỌA THIỀN TAM-MUỘI 333
Quyển thượng 333
Quyển hạ 363
SỐ 615 393
KINH BỒ-TÁT HA SẮC DỤC PHÁP 393
SỐ 616 395
THIỀN PHÁP YẾU GIẢI 395
Quyển thượng 395
Quyển hạ 417

SỐ 617 435
TƯ DUY LƯỢC YẾU PHÁP 435
SỐ 618 447
KINH THIỀN ĐẠT-MA-ĐA-LA 447
Quyển thượng 447
Phần 1: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH PHÁP NIỆM AN BAN – PHẦN THOÁI CHUYỂN 447
Phần 2: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN THOÁI CHUYỂN 451
Phần 3: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN AN BAN NIỆM TRỤ 457
Phần 4: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN TRỤ 457
Phần 5: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN THĂNG TIẾN 465
Phần 6: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN THĂNG TIẾN 476
Phần 7: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN NIỆM AN BAN QUYẾT ĐỊNH 482
Phần 8: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN THẮNG ĐẠO QUYẾT ĐỊNH 489
Quyển hạ 507
Phần 9: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN THOÁI LUI 507
Phần 10: PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN TRỤ 510
Phần 11: ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN THĂNG TIẾN 512
Phần 12: ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN QUYẾT ĐỊNH 518
Phần 13: TU HÀNH QUÁN GIỚI 522
Phần 14: TU HÀNH TAM-MUỘI BỐN VÔ LƯỢNG 531
Phần 15: TU HÀNH QUÁN ẤM 533
Phần 16: TU HÀNH QUÁN NHẬP 538
Phần 17: TU HÀNH QUÁN MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN 541
SỐ 619 551
NGŨ MÔN THIỀN KINH YẾU DỤNG PHÁP 551
SỐ 620 577
PHÁP BÍ YẾU TRỊ BỆNH THIỀN 577
Quyển thượng 577
Quyển hạ 594
SỐ 621 609
KINH PHẬT ẤN TAM-MUỘI 609
SỐ 622 613
KINH TỰ THỆ TAM-MUỘI 613

SỐ 623 623
KINH NHƯ LAI ĐỘC CHỨNG TỰ THỆ TAM-MUỘI 623
SỐ 624 631
KINH THUẦN CHÂN-ĐÀ-LA SỞ VẤN NHƯ LAI TAM-MUỘI 631
Quyển thượng 631
Quyển trung 658
Quyển hạ 678
SỐ 625 704
KINH ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA VƯƠNG SỞ VẤN 704
Quyển 1 704
Quyển 2 725
Quyển 3 750
Quyển 4 777

-oOo-

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 59

BỘ KINH TẬP 6

SỐ 606 → 625

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 606

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ.

QUYỂN 1

BÀI TỰA

Người biên tập kinh Con Đường Tu Hành là vị Sa-môn Thiên Trúc, tên là Chúng Hộ, qua ở tại khu vực Khánh hưng Trung Quốc. Thuở nhỏ học kinh điển cao thâm trọng yếu, thông hết cả mười hai bộ loại kinh điển thuộc Pháp tạng. Với trí tam đạt, chẳng có gì mà ngài chẳng quán thông uyên bác, nghiên tầm chỗ huyền diệu, thể nhập sâu xa, đem lòng Từ bi rộng lớn hoằng hóa lợi ích chúng sinh, làm thêm sáng ánh đại quang, chiếu soi, khai ngộ kẻ tăm tối. Lời giáo huấn ban ra chư vị cam lồ êm dịu; quyền hiện phàm phu mà thật ra là Bồ-tát, thương nghĩ đến người sau mong cầu học đạo, hoặc vì sức kém chẳng thể tự tiến được, cho nên tổng kết sự so sánh sâu rộng giữa các kinh, lập nên con đường tắt dễ tiến tới: Phân biệt điểm cốt lõi về việc hình thành, hoại diệt của năm uẩn, làm thay đổi nỗi thống khổ của sinh tử vi tế; khuyên bảo người mê muội, nhắc nhở kẻ lầm lạc, cho nên biên soạn kinh này. Tuy văn giản lược mà nghĩa phong phú; chọn lấy những ví dụ đó đây, phòng chế tâm gian. Chỉ dùng số mục thiền định làm chuyên đề, giải bày nghĩa không, quy về sự quán tưởng không tạp loạn làm tông chỉ. Thật có thể gọi là con đường xa lìa họa hoạn đạt đến chỗ tịch tĩnh vô vi.

-oOo-

Phẩm 1: TẬP TÁN

Sự xuất hiện của Ngài
Sáng hơn ánh mặt trời
Đức chứa cao vời vợi

Hơn hẳn hạng đế vương.
Chư Thiên và Thần tiên
Tinh chuyên mau chóng thành
Học nhiều thông các nghĩa
Tối yếu là giữ lễ.
Trời, người, rồng, quỷ, thần
Ở đời mà tinh tấn
Phụng sự Đức Thế Tôn
Ba cõi không ai sánh.
Dùng tuệ tuyệt vời cứu
Trừ hết sợ sinh tử
Phật, Chánh pháp, chúng Tăng
Ba ngôi không gì hơn.
Nên quán đạo nhãn này
Nói đúng pháp bình đẳng
Lấy ý nêu lời Phật
Giống như rưới cam lồ.
Có người chuyên tu hành
Quán sát ở thế gian
Ba nhiêu thứ ồn ào
Nỗi bất an sinh tử.
Chìm đắm trong cuộc đời
Giống xe hư đắm bùn
Chẳng thể tự cứu được
Nên từ cốt lõi kinh.
Cũng như chọn các hoa
Thương đời nên phải nói
Chuyên nghe kinh tu hành
Trừ hữu để đạt vô.

Ngay khi đang giảng kinh Con Đường Tu Hành thì các loại phiền não bất như ý như sinh, tử, già, bệnh, âu lo, trói buộc, khóc than đều có mặt. Người tu hành, tại gia hoặc xuất gia, muốn đạt được pháp cứu cánh thanh tịnh mà chí chẳng chuyển đổi, trái lại bằng lòng với vị ngọt các hoạn cho là tuyệt diệu, thì những kẻ ấy không ai cứu giúp, không chỗ nương tựa trông nhờ, chỉ nên xả bỏ tất cả mong cầu. Vì vậy người muốn xa lìa phiền não, thường nên tinh tấn phụng hành kinh này. Bài tụng rằng:

Đọa vào sinh, già, chết, sầu buồn
Vì có thân tâm nên có khổ
Muốn được cứu độ không còn khổ
Học tu hành đạo chớ có nản.

Sao gọi không hành, sao gọi là hành?

Thế nào là tu hành, thế nào là con đường tu hành?

Kẻ không hành là kẻ nghĩ về tham dâm, giận dữ, nhằm hại thân thuộc, che khuất quốc độ, chư Thiên và pháp hủy giới cấm, quen nói lời thô ác, nghe điều bất thiện, chẳng ưa học hỏi, tự khinh thường, tự kiêu mạn, chấp hữu, khởi tà tưởng thường còn, tham muốn có chỗ ở cho thân, gần gũi nữ sắc, phóng dật, biếng lười, đắm mê tình dục, chẳng kìa nộ si, mong cầu lắm chuyện, người bỏ lánh xa, phóng túng, tự cho là mình đúng, đa nghi phóng tâm, mất đức tinh tấn, lòng luôn sợ sệt, căn môn chẳng định, đuổi theo căn trần, nói nhiều vô độ, ưa nghĩ viễn vông, luận bàn tà thuyết, thích nói việc quanh co, thuận theo điều phi pháp, xa rời đạo nghĩa, gọi đó là không hành. Như vậy, đối với đạo vô vi chẳng thể thực hiện. Bài tụng rằng:

Sân hận, tham dục nghĩ hại mạng
Thường ưa thân thể, tưởng bất tịnh
Tà trí, thuận theo bao tội lỗi
Phật nói kẻ ấy không thể hành.

Sao gọi là có thể hành? Chẳng khởi sân hận, chẳng nghĩ làm hại, gần gũi bạn lành, giữ giới thanh tịnh, nói hợp với đạo, thọ giáo học hỏi, chẳng tự khinh mạn, nghĩ đến vô thường, khổ, không chẳng phải là nơi thân có thể cư trú; chẳng cận kề nữ sắc, trừ bỏ phóng dật, chí phải tinh tấn, diệt trừ trần lao, ăn ít, biết tiết chế, thực hành cứu độ, nhiếp hóa, ngày đêm tỉnh thức, thâu giữ tâm chẳng quên, chẳng có hồ nghi, không ôm sợ sệt, căn môn vắng lặng, loại bỏ các duyên, lời nói hợp với bình đẳng, giải thoát; thích nơi ở vắng vẻ, quán đúng như thật; pháp chưa đạt được thì quan tâm đến; những pháp đang theo đuổi, kiên trì chẳng quên; hoan hỷ thâu thập điều cốt yếu của pháp hóa. Đối với cơm ăn, áo mặc nên biết rõ chỗ dừng đủ; để hết tâm trí vào kinh điển, chẳng chút mệt mỏi, luôn luôn quán tưởng về thức ăn cấu uế của thế gian vô thường, chẳng an lạc; thực hành đạo vô vi là tĩnh lặng.

Những pháp gần với vô vi như vậy gọi là pháp nên hành, mà thực hành là nhằm mong cầu cái gì, đó là Niết-bàn.

Bài tụng rằng:

Giới tịnh, chí vui, tưởng vô ngã
Chỉ nghe kinh nghĩa, theo bạn lành
Xét kỹ điều biết, làm như biết
Phật nói đây là đạo vô vi.
Các chỗ nên đến là niệm pháp
Thiền định bao nhiêu, ý không nản
Đó là đã giảng chỗ chứa đức
Nhiếp định các căn gọi là lành.

Sao gọi là tu hành, thế nào gọi là hành? Nghĩa là, luôn luôn tuân phụng sự tu tập, đó là tu hành; sự tu và tập ấy gọi là hành.

Sao gọi là con đường tu hành? Tinh chuyên theo con đường tịch tĩnh, đó là con đường tu hành. Sự tu hành ấy có ba bậc: Một là phàm phu; hai là học hướng đạo; ba là vô sở học. Đó là đối với hàng phàm phu, hàng mới tu học, hoặc hàng tu học đã lâu mà chưa thành, vì những hàng ấy mà nói kinh Con Đường Tu Hành. Còn những kẻ không học mà thông đạt thì đối với họ có gì mà luận bàn, cho nên gọi là lặng lẽ quán chiếu kinh Con Đường Tu Hành.

Thế nào là lặng lẽ quán chiếu? Hướng đến quả của bốn đức Sa-môn.

Thế nào là bốn đức? Đó là cảnh giới hữu dư Nê-hoàn.

Thế nào là hữu dư? Đó là người đang đạt đến cảnh giới vô vi.

Thế nào là đang đạt đến cảnh giới vô vi? Đó là đã trừ hết gốc rễ của tất cả khổ đau. Vì vậy hành giả muốn xả bỏ sự não hại của tất cả nỗi khổ kịch liệt, thì thường nên tinh chuyên, chẳng khởi lên việc làm nào khác, chẳng làm thương tổn điều răn cấm, tu tập tịch quán. Nếu như hành giả hủy bỏ giới cấm, làm tổn thương giáo pháp, chẳng đạt tịch quán thì uổng phí công phu. Giống như có người chà gỗ lấy lửa nhưng thường dừng nghỉ, chẳng chuyên nhất, kết quả chẳng đến đâu, đã không lấy được lửa mà uổng phí công sức. Người có tâm lười biếng mà muốn cầu vô vi, cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Thường được vắng lặng, hành thiền định
Nên bỏ kiêu mạn và khinh, đua
Trân trọng tu hành chớ hủy mất
Ví như đêm tối mở mắt đi.
Như vậy hành giả thấy chỗ đến

Trí tuệ giống như tinh tấn này
Phụng sự chánh hóa chưa từng mỏi
Mới đạt đạo vô vi vắng lặng.
Thấu suốt các việc mầu, vi diệu
Quán thấu lời dạy của đại đức,
Kinh này dạy rộng, tên tịch quán
Tôi chép các kinh để diễn bày.

-oOo-

Phẩm 2: GỐC NĂM ẤM

Từ bao nhiêu kinh chọn cốt lõi
Lập lời cam lồ chẳng già chết
Người mà nghe rõ nên phụng hành
Trí tuệ thanh tịnh trừ tăm tối.
Như ánh mặt trời vào chỗ trống
Giống như mặt trăng chiếu các sao
Đã độ được đời, nên thọ giáo
Tròn đầy hết mức như trăng thu.
Cung phụng La-hán nên cúi đầu
Lạy Đấng Năng Nhân như hư không
Nương đấng cao độ được cam lồ
Trừ mầm mống các dục ở đời
Bao nhiêu đời sống như là quả
Mừng vui, lo lắng là các cành
Phật dạy năm ấm vốn là không
Nên xem các kinh từ bản gốc.

Các người tu hành đạo nên quán thân là cội gốc của năm ấm. Năm ấm là sắc, thống, tưởng, hành, thức. Ví như một thành, có bao nhiêu gia cư ở Đông, Tây, Nam, Bắc hợp lại mới gọi là thành. Sắc cũng như thế, chẳng phải một sắc là sắc ấm, thống, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy, chẳng phải chỉ một thức gọi là thức ấm; nó có mười nhập; hoặc pháp quán sắc, đó là sắc ấm. Tám trăm thống lạc (thọ lạc) gọi đó là thống ấm; tưởng, hành, thức ấm, mỗi thứ có tám trăm mới gọi là ấm. Hiểu về gốc năm ấm cũng nên như thế. Bài tụng rằng:

Sắc, thống, tưởng, hành, thức

Chỗ khởi của năm ấm
Ví như có thành lớn
Gồm nhiều nhà là Sắc.
Một sắc chẳng phải sắc
Gồm có mười sắc nhập
Thống lạc có tám trăm
Tưởng, hành, thức cũng vậy.
Người trí hiểu pháp này
Bao nhiêu mới gọi ấm
Biết rõ chẳng phải một
Hành giả nên ghi nhớ

-oOo-

Phẩm 3: TƯỚNG NĂM ẤM

Tập hợp các duyên có tương quan
Do lìa tuệ nói, bỏ lời Phật
Quen tánh ngu si, chẳng hiểu rõ
Ví như cây có nhiều cành lá.
Theo năm góc mà phân bố sinh
Không có cách hay cũng như thế
Nên biết năm ấm cũng giống vậy
Người trí thông suốt rõ điều này.
Cho nên sinh trưởng có tánh địa
Lời thuyết giảng pháp như mật thoa
Tỳ-kheo giống ong hút vị hoa
Giống như hoa sen đang nở rộ.
Tuệ Ngài sáng tỏ hơn mặt trời
Phật lại siêu vượt hơn hoa sen
Thanh khiết của Phật không vướng mắc
Cho nên cúi đầu quy phục Ngài.
Tướng Ngài an nhiên đạt vô ngại
Tịch tĩnh vô tưởng, đắc thiền định
Chưa từng thoái chuyển và đọa lạc
Chỉ vì cứu tế đạt vô vi.
Chủ động dẫn đưa mà thị hiện

Giáo huấn quần mê như mình làm
Vì thương chúng ta cho nên nói
Chính là chúng sinh ở đời sau.

Người tu hành phải biết rõ tướng của năm ấm.

Thế nào là biết rõ tướng của năm ấm? Có ánh sáng là sắc, có hình dáng là sắc, tay nắm được cũng gọi là sắc, hoặc biểu thị cho người khác biết cũng gọi là sắc. Quen theo cái vui là thống, chẳng vui chẳng khổ cũng là thống, đó là tướng của thống. Tướng của thức là tưởng, hoặc nam hoặc nữ, và các vật khác là tư tưởng. Hễ có tạo tác thì gọi là hành, hoặc làm việc thiện, hoặc làm việc ác, hoặc chẳng thiện, chẳng ác đều gọi là hành. Hiểu rõ tướng là thức; thiện, bất thiện, cũng chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện, hiểu rõ việc ấy là thức. Như vậy là đều hiểu rõ về tướng của năm ấm.

Bài tụng rằng:

Sắc là bất an, nhiều nhơ bẩn
Phật thuyết kinh giáo đúng như thật
Như lời ngài nói thực hành theo
Phân biệt thành nhiều tướng năm ấm.

-oOo-

Phẩm 4: PHÂN BIỆT NĂM ẤM

Phải dùng cam lồ diệt lửa mạnh
Tiêu trừ gốc khổ của năm ấm
Tuệ Ngài chiếu sáng như mặt trời
Ba cõi quy phụng, con cũng vậy
Phật, Đấng Năng Nhân, sức tuệ sâu
Hiểu rõ, thông tuệ, trí thanh tịnh
Theo điều hiểu biết mà chỉ nghĩa
Chọn giáo pháp Phật tùy cơ nói
Nên phân biệt nghe hiểu bài giảng
Nay đây dẫn dắt theo chủ ý
Phân biệt chỗ khởi gốc năm ấm
Dẫn rộng nhiều nghĩa, khéo suy tư.

Người tu hành phải phân biệt rõ nguồn gốc của năm ấm.

Sao gọi là hiểu rõ gốc của năm ấm? Ví như ở ngã tư đường, có xâu trân châu bị đánh rơi, có người thấy, trong lòng vui mừng muốn đến lượm.

Người ấy mắt thấy xâu trân châu gọi là sắc ấm; ưa thích vừa ý gọi là thống ấm; vừa thấy mà biết xâu trân châu gọi là tưởng ấm; người ấy sinh tâm muốn lượm xâu trân châu gọi là hành ấm; phân biệt xâu trân châu là thức ấm. Năm ấm như vậy, như xâu trân châu một khi cùng vận hành, tạo ra bao nhiêu sự vận hành khác. Nếu từ tâm xuất hiện, như xâu trân châu, năm ấm cùng lúc cùng hưng khởi và tiêu diệt. Tất cả mọi người cũng giống như thế, khi mắt thấy sắc, năm ấm đều khởi; tai nghe tiếng; mũi ngửi mùi; lưỡi nếm vị; thân cảm thọ; tâm tưởng pháp cũng như vậy. Bốn ấm thuộc tâm, không phải sắc ấm. Như vậy là nguồn gốc của năm ấm riêng biệt.

Bài tụng rằng:

Đấng đức vô cùng phân biệt nói
Như Ngài đã giảng nghĩa trong kinh
Kẻ tham dục mê chẳng thọ giáo
Con nay thuận pháp giảng theo ngài.

-oOo-

Phẩm 5: THÀNH HOẠI CỦA NĂM ẤM

Kẻ minh trí không phiền Thế Tôn
Điều thuận không ngừng, đạt mục đích
Đã vượt cảnh giới, đến vô biên
Đảnh lễ Thế Tôn, khen vô lượng.
Lời giảng như mặt trời
Chiếu đệ tử như thế
Biết rõ cảnh trần lao
Trừ sợ như hoa héo.
Ngài thấy các khởi, diệt
Rõ, năm ấm thành hoại
Nên cúi đầu lễ Phật
Nghe con giảng lời Ngài.

Người tu hành nên biết sự biến đổi thành hoại của năm ấm. Sao gọi là nên biết sự thành hoại của năm ấm? Ví như khi con người sắp chết, vì sự bức bách cho mạng sống chấm dứt, nên trong thân, lần lượt có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh dần dần kéo đến, thấy nhiều mộng mị, toàn điềm quái đản, lòng khiến sợ hãi kinh hoàng.

Mộng thấy ong mật, quạ, chim khách, chim cắt, chim thứu đậu trên

đỉnh đầu; thấy chúng đậu trên nhà vui chơi; thân choàng y phục xanh, vàng, trắng, đen, cỡi ngựa chứng, rồi lại kêu lên: Than ôi!

Mộng thấy nằm gối trên con chó lớn, lại gối lên con khỉ, nằm ở trên đất. Mộng thấy cùng với người chết, kẻ đồ tể ăn chung một đồ đựng, cùng cỡi xe dạo chơi; hoặc dùng dầu mè và bơ, đề hồ, tự bôi trên thân rồi lại uống ăn nó, luôn luôn như thế. Thấy rắn quấn quanh thân kéo lộn xuống nước.

Hoặc tự thấy thân vui mừng, nhảy nhót, vỗ đùi cười giỡn. Hoặc tự thấy mình trang sức rồi tự nằm trên giường, dùng tro bôi mình, rồi lại lấy ăn. Hoặc thấy kiến bò trên mình. Hoặc thấy ăn muối, chó, khỉ thấy đuổi theo cắn. Hoặc thấy phụ nữ trong làng cúng tế gia thần, thấy nhà ngã đổ, đền thờ các thần tan nát.

Mộng thấy lưỡi cày cày rụng râu tóc; hoặc có khi răng tự rụng xuống đất, lại mặc năm áo trắng. Hoặc thấy thân mình trần trụi mà đi, dùng dầu mè xoa thân, lăn lộn trong đất.

Mộng thấy mặc áo bằng da, cổ rách rưới. Mộng thấy người khác cỡi xe hư mục đến cửa rước đi. Hoặc thấy các hoa đẹp xông mùi thơm, thân thuộc dùng chúng để làm đẹp thân thể. Tổ tiên vì hiện nhan sắc xanh, đen, nên kêu trước bị bắt. Thường mộng như vậy, dạo chơi trong gò mả lượm xâu chuỗi ngọc đẹp và thấy hoa sen đỏ rơi trên cổ, xô ngã xuống sông lớn bị nước cuốn trôi đi.

Mộng thấy lộn nhào xuống nước năm hồ, chín sông không đáy *(chẳng bám vào đâu được)*. Hoặc thấy đi vào rừng rậm không có hoa quả mà còn bị gai gốc móc rách thân thể, bị các thứ ngói đá đè lên thân. Hoặc mộng thấy cây khô trụi không còn cành lá, đu lên trên ấy vui chơi một mình. Hoặc ở nơi miếu mạo tự nhảy múa. Hoặc thấy rừng cây, thích ở trong đó một mình, vui vẻ cười lớn, bẻ chặt cành khô bó lại ôm đi. Hoặc vào nhà tối chẳng có cửa ra vào. Lại leo lên trong hang núi cao chẳng biết đường ra. Lại thấy núi lở đà lên trên mình, khóc lóc kêu la thảm thiết. Hoặc thấy bầy voi đi đến giẫm đạp trên thân. Mộng thấy bụi đất dính khắp thân, đầu hoặc mặc áo rách đi giữa đồng hoang.

Mộng thấy cỡi cọp chạy rất nhanh. Hoặc cỡi lừa, chó đi về hướng Nam, vào trong gò mả thâu nhặt tro than, móng tóc. Tự thấy mình đội hoa khô đi vào núi lớn, Diêm vương thấy hỏi.

Bài tụng rằng:

Ở đời ham vui thú,
Lâm chung đến mới sợ
Bị khốn trong bệnh tật
Bức bách chẳng an ổn.
Lo sầu đốt cháy tâm
Thấy mộng lòng sợ hãi
Như thấy người ác đuổi,
Lo sợ cũng như vậy.

Người ấy biết rồi, ôm lòng sợ sệt, thân thể run rẩy, mạng sống sắp tàn, thấu rõ như vậy, chẳng ngờ gì nữa, điềm mộng của ta hôm nay từ xưa chưa từng có. Vì sợ nên lông trên da dựng ngược, bệnh càng nặng thêm, chấn động bất an. Ví như bầy voi mạnh cùng đến giẫm đạp lên cây chuối, bệnh chuyển nặng nằm mẹp trên giường, cũng giống như vậy. Cùng quẫn, chẳng còn cách nào khác là cầu thầy thuốc. Con cháu thân tộc thấy nguy khốn như thế, sai người mời thầy thuốc. Nơi chốn có thể sai người đi thì thân thể dơ bẩn, áo quần rách rưới, hoặc tóc, móng dài thượt, đội nón rách nát, chân mang guốc bằng gỗ bể, đi khập khểnh, cỡi lên xe mục, sắc mặt đen thui, hai mắt lại xanh, thường dùng tay vuốt râu tóc; xe bò mà nó cỡi, hoặc xanh hoặc đen, lại có màu trắng, gấp rút kêu thầy, bồng bỏ lên xe.

Bài tụng rằng:

Khi người đi xem chơi
Chỉ vui không điều ích
Buông lung theo sở dục
Chưa từng nghĩ đến thuốc
Thân vừa có bệnh tật
Khốn khổ nằm mẹp giường
Vậy sau mới mời thầy
Muốn khiến trị lành bệnh.

Khi ấy, thầy thuốc dùng ý quán xét biết người bệnh ắt chết. Vì sao? Vì thấy hiện tượng quái lạ này: Xem sắc phục, ngôn ngữ của người đến mời, thấy đội nón rách, tóc rối móng dài; lại nhằm ngày xấu, như ngày mồng bốn, ngày mồng sáu, ngày mười hai, ngày mười bốn. Vì đến vào những ngày này, nên thầy thuốc không vui, vì gặp lúc tinh tú mất đi giờ tốt, là những ngày cấm của Thần tiên, Tiên thánh. Vị thầy thuốc nghĩ: "Tuy là gặp điềm kiết hung của tinh tú quái la, nhưng có thể trị liệu được." Vì sao? Vì tuy người có bệnh hơi thở thoi thóp, nhưng bổn mạng chưa dứt, tưởng

nên chữa khỏi. Nếu đối với người bệnh chẳng thể chữa lành được thì nói với người ấy: Bất tất phải nhằm ngày tốt, theo sự kiết hung của tinh tú. Vì vậy người trí tuệ chẳng cần nhật lịch để chọn giờ tốt. Thần tiên thường nói, nên cầu phương tiện hoặc người bị bệnh phong hàn mà nặng chưa dứt, thảng hoặc có hoạnh tử thì có thể chữa trị được; dù cho mạng phải chết, vô phương cứu chữa, tuy vậy, phải đến cứu chữa còn hơn là không đến. Thầy thuốc nghĩ vậy rồi liền đứng dậy ra đi.

Bài tụng rằng:

Ví như có hai người
Đều khởi hành vào biển
Người sang được bờ kia
Kẻ biệt tăm trong ấy.
Rơi vào biển bệnh tật
Dụ ấy cũng như vậy
Do chứng bệnh sai khác
Mà kẻ sống, người chết.

Khi ấy, vị thầy thuốc kia đã đến nhà người bệnh, thì có điềm xấu, liền nghe tiếng hung dữ: Chết rồi, thiêu đốt, nát tan, vĩnh biệt, lột bỏ, kéo ra, sợ chết lôi, đưa đi, đóng lại, nên để xem đã. Chẳng thể cứu chữa, cho là chết rồi. Phương Nam, cáo kêu, hoặc nghe tiếng quạ, cú. Hoặc thấy trẻ nít lấy đất dồn lại, đứng trần lôi kéo tóc nhau, đập bể bình chậu và các đồ vật. Thấy những biến trạng này rồi, tới trước thăm hỏi bệnh nhân nằm liệt trên giường.

Bài tụng rằng:

Thầy thuốc xem tướng của người bệnh
Sợ sệt bàng hoàng, chẳng được yên
Hoặc ngồi, hoặc đứng lại nằm mẹp
Phiền muộn, nóng bức tợ đốt da.

Thầy thuốc thấy như vậy liền nghĩ: "Như ta xem qua gốc ngọn các mạch thì chắc chắn chết, sắc diện hoảng hốt, mắt chớp, thân thể vàng úa, miệng chảy dãi, mắt lờ đờ, lỗ mũi hếch, vàng, sắc diện nhợt nhạt, chẳng nghe tiếng, mùi, môi khô, lưỡi thụt, dung mạo như đất, trăm mạch rối loạn, lông tóc dựng ngược, nắm tóc véo mũi đều chẳng hay biết, hơi thở chẳng đều, hoặc chậm, hoặc nhanh."

Bài tụng rằng:

Sắc diện thì biến đổi
Tóc lông thì dựng đứng
Xem xét như suy nghĩ
Lưỡi cứng điềm xấu, hiện.
Người bệnh có điềm ấy
Mạng sống thoi thóp thôi
Lửa tật đã bao vây
Như thiêu đốt cỏ khô.

Lại có kinh khác nói về sự biến đổi của các điềm lạ khi người lâm chung: Dù có tắm rửa, lại như chẳng tắm; dù đốt các thứ hương tốt như hương thơm của hoa, hương thơm của rễ cây chiên-đàn, cây mật, các loại hương này mùi thơm rất tốt nhưng người bệnh nghe chúng như ngửi mùi thiêu đốt phân, tủy, mỡ, da, thịt, móng, lông, tóc, xương của người chết.

Lại như ngửi mùi rắn, chuột, chó, hồ ly, chim cắt, cú, tiếng của người bệnh biến đổi như tiếng ngói bể, tình trạng giống như nghẹt cổ, giọng nói hoặc như tiếng chim hạc, nhạn, khổng tước, trâu, bò, ngựa, hổ, chó sói, tiếng trống, tánh ý của người ấy thay đổi bất thường, hoặc hiện thân ngay thẳng mềm mại, hoặc thân thể khô cứng, biến đổi luôn luôn; hoặc nhẹ hoặc nặng, chẳng còn biết gì. Đối với các điềm quái lạ này, những người sắp chết, mỗi người gặp một số việc, không cần phải có đủ.

Bài tụng rằng:

Thấy biết bao biến đổi,
Các não đến bức thân
Tâm chí luôn sợ hãi,
Gặp nạn là như thế,
Tánh người tồi như vậy,
Thân biến đổi nhiều thứ
Giống như quả lau, trúc,
Tự sinh, tự nhiên hoại.

Nay theo sự học hỏi, cũng như sự nghe biết của ta thì những điềm quái lạ biến hiện ra khi người sắp chết là miệng chẳng biết vị, tai chẳng nghe tiếng, gân mạch co rút, hơi thở bất định, thân thể đau nhức, rên rỉ, huyết cạn, khí tàn, thân hình gầy yếu, gân cốt lộ ra. Hoặc thân bỗng nhiên phình ra, huyết mạch tăng lên, má, răng trệ xuống, đầu lắc, trông thấy thật đáng chán, cử động yếu ớt, đồng tử trong mắt đen hơn ngày thường, mắt chẳng nhìn thấy, tiểu tiện không thông, chân tay rã rời, các căn chẳng định;

trong mắt, trong miệng hết thanh khí, hơi thở dồn dập, các điềm quái lạ biến đổi hiện ra như thế.

Bài tụng rằng:

Bệnh tật khổ vô cùng
Huyết mạch tinh khí cạn
Như nước xói gốc cây
Nên thường như nhổ gốc.

Khi ấy, thầy thuốc nghĩ: "Có bệnh như thế này chắc chết, chẳng còn nghi ngờ gì nữa." Ngày xưa các lương y sáng tác, kết tập sách thuốc, đối với các bệnh dứt trừ sự sợ hãi, có các vị thuốc tên là Trường nhĩ, Khôi chướng, Dưỡng ngôn, Trưởng dục, Cấp giáo, Đa nhiễm, Thiên hựu, Trường cái, Đại thủ, Thoái chuyển, Tiểu tụy, Đại bạch, Tối tôn, Lệ diện, Điều ngưu, Kỳ bá, Y hồi, Biến thước... những vị thuốc ấy đều trị thân bệnh.

Bài tụng rằng:

Với các loại như thế
Pháp quý, Phạm chí, Tiên
Cứu đúng có kết quả,
Và vua lương y khác.
Quyết định sự thành bại,
Biết rộng vượt được nạn
Thương dùng kinh cứu mạng,
Như pháp Phạm chí tạo.

Lại có loại thuốc chủ trị về tai mắt, tên là Nhãn huyền, Động diêu, Hòa đấu, Linh minh, Nguyệt thị, Anh tử, Khiếp tàng, Thiện giác, Điều ngưu, Mục kim, Ngốc kiêu, Lực thị, Lôi minh... những vị thuốc trên chủ trị tai mắt.

Bài tụng rằng:

Những vị thuốc về mắt...
Hòa chế được phân minh
Trừ bệnh hết đui mù
Như mặt trời trừ tối.

Lại có loại thuốc về ghẻ chữa lành các mụt nhọt, ghẻ, tên là Pháp tài, Trĩ đệ, Đoan chánh, Từ ước, Hoàng kim, Ngôn đàm. Đó là các vị thuốc chữa trị về ghẻ.

Bài tụng rằng:

Có loại chuyên trị liệu,
Trăm thứ bệnh ghẻ lở
Có thể trừ các bệnh
Như dùng chân đạp đất.
Cho nên xuất pháp tài,
Tạo kinh sách cho đời
Chính là trị ghẻ lở
Khiến chúng lìa hoạn nạn.

Lại có thuốc cho trẻ con, tên các vị thuốc ấy là: Tôn-ca-diệp, Kỳ-vức, Phụng man, Tốc tật, đó là thuốc trị bệnh cho trẻ con.

Bài tụng rằng:

Ví như có ghẻ đầu,
Bỏ việc, trừ cao ngạo
Nên sinh ở thế tục
Thương xót trị trẻ con
Tôn-ca-diệp các món...
Làm lành dùng chánh pháp
Thương nghĩ đám trẻ thơ
Nên làm ra sách thuốc.

Lại có thuốc về quỷ thần, tên là "Đái hoa, Bất sự hỏa." Đó là những vị thuốc trừ diệt quỷ thần đến quấy nhiễu người.

Bài tụng rằng:

Các sao chuyển vần quanh
Đời người cũng như vậy
Có kẻ chủ khủng bố
Mà có nhiều nguy hại.
Tạo lập kinh điển ấy
Vì giải tai hoạn kia
Như Phật dùng chánh pháp
Trừ ngu khiến được sáng.

Chánh là để cùng kết hợp các loại thuốc trên đây và để những loại phù phép, thuốc mê, bói toán, chú thuật, chẳng thể làm cho lành, khiến bệnh nhân khỏi chết.

Bài tụng rằng:

Tạo tác tội ở đời

Khổ sở ôm phiền não
Bệnh đau loạn tâm chí
Mạng dơ luôn bức xúc.
Bị bệnh làm chìm đắm
Thấy chết mới sợ hãi
Thiên đế và các thần
Chẳng cứu nỗi, huống ta!

Thầy thuốc nghĩ: "Mạng sống kéo dài chưa dứt nên thoái thác tránh đi", liền nói với mọi người:

–Nay, người bệnh này, nếu có đòi ăn thức ăn ngon thì phải chiều ý cho ăn, không được trái ý. Ta có việc gấp, xin cáo từ; xong việc sẽ trở lại.

Viện lý do này rồi liền ra đi.

Bài tụng rằng:

Khi mạng sống sắp dứt
Bị bệnh thật khốn đốn
Lăn lộn với trần lao
Tội đến chẳng tự biết.
Điềm lạ tự nhiên khởi
Bị các ấm thiêu đốt
Dù cầm nắm kim cương
Cũng chẳng cứu được mạng.

Khi ấy, nam, nữ, già, trẻ trong nhà có người bệnh nghe thầy thuốc nói, liền dẹp hết thuốc thang và các chú thuật. Toàn gia quyến thuộc, họ hàng cùng những người gần gũi quen biết đều đến vây quanh người bệnh, buồn rầu khóc lóc quán niệm nỗi thống khổ của bệnh. Ví như người đồ tể bắt heo trong bầy heo, đem ra sắp giết. Những con heo khác đều kinh hãi dồn lại, vểnh tai nghe tiếng, hoảng sợ nhìn chăm chăm. Ví như cọp dữ bắt bò, trong bầy bò, những con bò khác sợ hãi chạy mất, hoặc chạy lên núi hoặc chui vào hang, hoặc vào rừng cây, vọt nhảy kêu rống. Ví như ngư phủ bủa lưới bắt cá. Các con cá khác thấy sợ chạy tứ tán, lặn trốn vào bờ đá, hoặc dưới cỏ. Lại như con chim nhạn vào giữa bầy chim mà có con bị bắt thì các chim khác thấy vậy đều bay táo tác.

Người ấy cũng vậy, vô thường đến nơi, thân thể hư hoại, gia đình thân thuộc, nghĩ sắp biệt ly nên buồn đau dường ấy. Mạng sắp chấm dứt, sứ giả của Diêm vương tự nhiên đi đến, tới nơi thấy buộc trói, tên sắt bắn vào, lên thuyền sinh tử, bị tội dẫn dắt, liền muốn dắt đi. Gia đình vây quanh,

xõa tóc buồn thương, mặt mắt lem luốc, khóc lóc thở than, nước mắt ràn rụa, cùng nói:

–Đau đớn thay! Tại sao bỏ nhau!

Đấm ngực, cào mặt, ca ngợi bao nhiêu đức hạnh của người bệnh, lòng luôn buồn rầu.

Bài tụng rằng:

Người tật bệnh khốn khổ
Nhiệt tiêu, thân lạnh cóng
Người nhà đều tụ quanh
Cất tiếng khóc thê, thảm.
Tạo nghiệp rồi khổ vui
Như ong chọn vị hoa
Tâm liền nhận buồn bã
Và buồn cả thân tộc.

Người kia bệnh tật như vậy, trong thân phong đao khởi, khiến cho xương cốt chân tay người bệnh rã rời. Có gió làm đứt các chi tiết. Có gió làm chấn động gân mạch giãn ra. Có gió làm khiến phá vỡ xương tiêu tủy bệnh nhân. Có gió làm cho biến đổi sắc mặt, mắt, tai, mũi, miệng, yết hầu đều xanh; các lỗ chân lông đều bít lấp, phá hoại da dẽ trên thân. Lại có một thứ gió tên là Chỉ hiếp khiến cho thịt ở thân và đầu gối, lông mi, hông lưng, xương sống, bụng sụp xuống, ruột già, ruột non, gan, phổi, tim, tỳ và nội tạng đều ngừng hoạt động. Có gió tên là Toàn, khiến mỡ, huyết, cơ quan đại tiểu tiện sinh tạng, thục tạng đều chẳng lưu thông, lạnh, hoặc nóng đều khô. Có gió tên là Tiết gian khiến tay chân hoặc co rút, hoặc duỗi ra, rồi giơ tay chân ra muốn nắm bắt hư không. Ngồi đây bần thần, có lúc cười vu vơ, lại thở ra não nuột, các bộ phận cơ thể rã rời, gân giãn mạch trầm, tủy não tiêu hao, mắt chẳng thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, mũi chẳng biết mùi, miệng chẳng biết vị, thân lạnh khí dứt, không còn biết gì, dưới tim còn nóng, thần thức vẫn còn, nhưng người cứng đơ như gỗ, chẳng thể cử động.

Bài tụng rằng:

Khi gió đao khởi lên,
Thân động nhiều chẳng an
Các duyên đều kéo đến,
Chẳng tự hay biết gì
Thân gặp biết bao khổ,
Mạng sống mới kết thúc.

Ví như dây cung nỏ,
Chùng, căng chẳng dùng được.

Bấy giờ, tâm người ấy lẩn quẩn, bốn đại đều suy hoại, mạng yếu ớt đi, tuy tồn tại nhưng như đèn sắp tắt. Trong tâm người này có thân ý căn, lúc còn sống đã làm những việc thiện, ác, tâm liền nghĩ đến cội nguồn của các điều họa phúc, lành, dữ; đời này, đời sau đã và sẽ làm gì, tâm đều tự biết. Người làm điều thiện thì sắc diện khoan hòa, kẻ làm điều ác thì sắc diện chẳng vui. Người mà tâm vui, sắc diện tốt thì nên biết chắc chắn là đi về cõi thiện. Còn người sắc diện xấu, tâm niệm chẳng tốt thì sẽ bị đọa vào nẻo ác. Như có người già soi vào gương trong, tự thấy thân mình đầu bạc mặt nhăn, răng rụng ghẻ chốc, dơ bẩn đen xấu, da dùn, lưng còng, tuổi già run rẩy. Đã thấy như vậy lại tự xấu hổ, nhắm mắt ném gương, tự nhủ ta đã già rồi! Già suy dẫn đến, lòng ôm lo sầu, từ bỏ an ổn, đến với cùng cực. Kẻ chuyên làm ác, khi lâm chung đến, thấy hiện tượng ác, sầu thảm sợ sệt, tự khắc trách mình; ta sa nơi cõi ác chắc chắn vậy rồi. Cũng như người già soi gương thấy hình biết là già nua.

Bài tụng rằng:

Vàng báu làm các thứ
Đẹp xấu thành bất đồng
Nếu có người làm ác
Chìm đắm vào vực sâu
Đã chìm rồi nổi lên
Ngoái nhìn không chỗ tựa
Như bị nước cuốn trôi
Đến chết cũng như vậy.

Người làm thiện thì có ba việc: Nhiếp thân, khẩu, ý tịnh tu các đức; lấy pháp làm tài sản, khi lâm chung, tâm luôn hoan hỷ, nhất định sinh Thiên. Ví như khách buôn đi xa kiếm sống, qua được đường hiểm, thâu nhiều tài lợi, trở về đến nhà, lòng vui vô cùng. Lại như nhà nông cày cấy được mùa, gió thuận mưa hòa, thu nhiều lúa thóc, chứa đầy kho lúa, lòng rất vui mừng. Như bệnh nặng được lành, trả hết nợ nần, trong lòng vui vẻ cũng lại như vậy. Như ong hút hoa cốt để làm mật, tích đức cũng vậy, lòng họ rất vui, nhất định sinh lên cõi trời.

Bài tụng rằng:

Kẻ chánh sĩ có học
Tích lũy hành chân pháp

Để vượt các họa hoạn
Tự đạt được minh đạo
Ví như người nhàn nhã
Lên núi cao nhìn xuống
Người kia khi mạng chung
Thấy đường thiện cũng thế.

Bấy giờ, mạng đã tận, thân căn, thức diệt, liền thọ thân Trung ấm. Như cái cân tùy theo sự nhẹ hay nặng mà lên hoặc xuống, thiện ác cũng như vậy. Thần thức lìa xác, thân trụ ở thân Trung ấm, năm ấm đều đầy đủ không thiếu ấm vào. Khi chết, năm ấm chẳng đến với thân Trung ấm nhưng năm ấm của thân Trung ấm cũng chẳng rời bỏ cội nguồn.

Ví như lấy cái ấn ấn xuống bùn, ấn chẳng dính bùn, bùn cũng chẳng rời ấn. Như trồng ngũ cốc, mầm sinh ra thân quả nhưng thân quả chẳng phải là gốc rễ mà cũng chẳng lìa gốc rễ. Như vậy, tinh thần hồn phách của người chết chẳng cùng ở với năm ấm, nhưng chẳng lìa gốc. Tùy theo sự gieo trồng mà gặt được quả báo. Người làm điều phước đức thì trụ ở thân Trung ấm thiện. Người chỉ làm việc ác thì ở thân Trung ấm tội lỗi, chỉ có đạo nhãn mới thấy mà thôi. Ở thân Trung ấm có ba loại thức ăn: Một là xúc chạm sự mềm mại, hai là tâm thực, ba là ý thức thực. Ở thân Trung ấm hoặc một ngày nhiều nhất là bảy ngày. Đến như cha mẹ cũng tùy theo hạnh nghiệp chính mà hoặc bị đọa vào ba đường ác, hay sinh nơi nhân gian, thiên thượng. Người làm việc ác nhiều, tại thân Trung ấm thấy lửa dữ khởi lên bao quanh thân hình, như lửa đồng hoang thiêu đốt cỏ cây, bụi bặm, phủ khắp thân, thấy các loài quạ, chim cắt, người ác, móng răng đều dài, mặt xấu xí, y phục rách rưới, trên đầu lửa cháy, ai nấy đều cầm đao gậy đánh đập, mâu đâm, kích chém, tâm luôn sợ sệt, muốn cầu cứu hộ, xa thấy rừng cây, đi vào trong ấy, lúc đó rừng cây liền mất. Năm ấm của thân Trung ấm đi vào rừng đao kiếm trong chốn địa ngục, người bị đọa vào địa ngục, thần thức thấy như thế.

Bài tụng rằng:

Cuồng mê như voi say
Làm trái Thánh pháp dạy
Nhiễm ô như thấm nước
Tâm mê loạn như thế.
Thường tổn hại chánh đạo
Buông tâm vào đường tà
Người này gặp các khổ

Mạng chung đọa địa ngục.

Người làm ít việc ác thì thấy khói lửa bụi bặm vây quanh khắp thân mình và bị sư tử, hổ, báo, rắn hổ mang, voi rượt đuổi. Lại thấy kên to, nguồn suối, sông sâu, núi lở, khe lớn, tâm luôn sợ sệt, chạy vào trong đó. Khi ấy các thứ kia liền mất. Năm ấm của thân Trung ấm bị đọa vào súc sinh. Người thấy những hiện tượng như vậy thì biết là thọ thân súc sinh.

Bài tụng rằng:

Theo si bỏ trí tuệ
Hoặc mê đọa đường tối
Ác khẩu nói lời thô
Thích việc đánh đập người.
Lại bị phạm tội ương
Ưa làm việc bất thiện
Người vô từ như vậy
Sinh vào loài súc sinh.

Nếu người tội nhẹ thì chung quanh bốn bên có sức nóng thổi lên, thân thể nung nấu, tự nhiên đói khát, xa thấy người đến đều cầm đao gậy, mâu kích cung tên, đứng vây chung quanh. Trông thấy thành lớp, ý muốn vào trong, vừa móng ý ấy, thành liền biến mất, năm ấm của thân Trung ấm sinh vào loài quỷ đói, thấy những hiện tượng như vậy biết là bị đọa vào ngạ quỷ.

Bài tụng rằng:

Ương ngạnh ưa gièm pha
Xa giới, chẳng theo pháp
Phạm cấm việc ô uế
Tham lam ăn một mình.
Đọa vào chốn máu mũ
Đói khát phiền não đốt
Nên biết đám người này
Nhất định làm ngạ quỷ.

Người tu đức lành thanh tịnh thì gió mát bốn phía đến, gió đó rất thơm, biết bao loại hương xông bao phủ khắp trên thân, các loại âm thanh, kỹ nhạc cùng hòa âm. Xem thấy vườn cảnh, rừng cảnh hoa quả đều tươi tốt, mới móng ý muốn vào, tức thời biến mất, tinh thần của năm ấm nơi thân Trung ấm tự nhiên sinh lên cõi trời Đao-lợi.

Bài tụng rằng:

Theo pháp về Thánh đạo,
Gieo nghiệp phước sinh Tiên
Dùng kỹ nhạc tự vui
Dạo trong vườn cây hoa.
Chúng ngọc nữ đẹp đẽ
Mắt sáng ngời, đoan chánh
Thường xem, tâm ưa thích
Ở trên đỉnh thái sơn.

Người làm việc thiện hoặc ác không thuần nhất thì sẽ sinh vào loài người. Khi cha mẹ giao hợp, tinh huyết chẳng mất thì đứa con sẽ đầu thai. Cha mẹ cùng nghĩ về đức tốt ngang nhau thì bào thai suông sẻ, không có gì trở ngại, tâm luôn luôn vui vẻ, không nghĩ bậy thì được an ổn, không buồn bực, không có bệnh tật, có thể giữ lấy thai nhi. Nhưng chẳng được xem thường, cũng không làm việc ngang ngược, làm theo chánh pháp chẳng bị nhiễm ô, tức là dứt bỏ tất cả trần cấu, tội lỗi. Còn tinh huyết chẳng trong cũng chẳng đục, vừa phải, chẳng mạnh cũng chẳng hư, cũng không đỏ đen, chẳng bị phong hàn, các độc xen lộn, chẳng lẫn với nước tiểu, thì thần thức của kẻ sắp sinh hướng đến, tâm tự nghĩ. Nếu ta là nam thì chẳng cùng tương hợp với người nữ, ta muốn cùng tương thông thì khởi tâm sân giận. Kẻ nam tử oán giận kia, ý chí mềm yếu, nghĩ đến người nữ thì vừa giận, vừa vui, liền chê người nam, muốn đến người nữ. Nên khi tinh của người cha vọt ra thì thần thức vào của kẻ ấy vui, mừng, gọi là cho ta.

Bấy giờ, năm ấm của thân trung ấm liền biến mất, bèn nhập vào tinh huyết cha mẹ hợp lại thành bào thai. Đã ở trong bào thai thì vui vẻ bội phần, cái chẳng phải là năm ấm của thân Trung ấm, cũng chẳng lìa nó, thì khi vào bào thai gọi là sắc ấm, khi hoan hỷ là thống lạc ấm, khi nghĩ đến tinh huyết là tưởng ấm, do các duyên tội phước sẵn có được vào bào thai là hành ấm, thần thức ở trong bào thai tức là thức ấm. Hòa hợp như vậy gọi là năm ấm.

Khi tìm đến thai liền được hai căn: Ý căn và thân căn.

Tuần đầu ở trong thai chẳng tăng giảm gì.

Tuần thứ hai thai mới biến chuyển chút ít giống như váng sữa mỏng.

Đến tuần thứ ba tương tợ như kem.

Tuần thứ tư ngưng đọng lại như bơ.

Đến tuần thứ năm bào thai biến đổi giống như váng sữa.

Tuần thứ sáu biến thành cục thịt nhỏ.

Tuần thứ bảy chuyển thành như cục thịt lớn.

Qua tuần thứ tám, nó cứng như đất.

Tuần thứ chín biến thành năm khối u, hai cùi chỏ, hai đùi vế và cổ từ trong đó mọc ra.

Đến tuần thứ mười, lại có năm khối u, đó là hai tay, hai chân và đầu.

Tuần thứ mười một, tiếp tục sinh hai mươi bốn khối u, ngón tay, ngón chân, mắt, tai, mũi, miệng từ đây phát sinh.

Tuần thứ mười hai, tướng bào thai lần lần hình thành.

Tuần thứ mười ba, hiện tướng bụng.

Tuần thứ mười bốn sinh gan, phổi, tim và tỳ, thận.

Tuần thứ mười lăm thì sinh ruột già.

Tuần thứ mười sáu thì có ruột non.

Tuần thứ mười bảy thì có dạ dày.

Tuần thứ mười tám thì khởi hai chỗ sinh tạng và thục tạng.

Tuần thứ mười chín, sinh xương đùi vế và xương chân, bàn tay, bàn chân, cánh tay, các bộ phận của chân tay đã liền nhau.

Tuần thứ hai mươi, sinh hình dáng hậu môn, lỗ rún, khuôn mặt.

Tuần thứ hai mươi mốt, xương cộ của các bộ phận theo đó sinh ra; hai xương ở sọ đầu, ba mươi hai răng ở miệng, bảy xương ở cổ, hai xương ở đùi vế, hai xương khuỷu tay, bốn xương cánh tay, mười hai xương ở bụng, mười tám xương ở lưng, hai xương cổ tay, bốn xương đầu gối, bốn mươi xương ở chân, một trăm lẻ tám xương nhỏ dính với thịt, trong đó, mười tám xương ở hai bên hông, hai xương ở trên mi. Như vậy, xương trong thân thể gồm có ba trăm, chúng dính liền nhau, mềm như trái bầu mới ra.

Tuần thứ hai mươi hai, xương cứng dần như trái bầu chưa già.

Tuần thứ hai mươi ba, xương chuyển thành cứng như hồ đào. Ba trăm xương này đều nối liền nhau: Xương chân nối xương chân, xương đầu gối dính xương đầu gối, xương mắt cá dính với xương mắt cá, xương đùi vế dính với xương đùi vế, xương mông dính với xương mông, xương sống dính với xương sống, xương ngực dính với xương ngực, xương hông dính với xương hông, xương vai dính với xương vai; các xương cổ, mặt, cánh tay, cổ tay, chân lần lượt nói dính liền nhau. Các xương kết tụ như vậy giống như huyễn hóa. Lại như dồn xương làm bờ tướng, gân bó lại, máu

chảy quanh, da thịt bít lấp bên trong, lớp da mỏng phủ lên. Do cái nhân là tội hay phước mà gặt hái cái quả như thế, nó không có tư tưởng, nương theo cái gốc tâm của nó theo phong đại dắt dẫn mà cử động.

Bài tụng rằng:

Thân do xương dồn lại,
Theo tâm thả buông lung
Thân hiện tại qua nhanh,
Giống như kéo dắt chạy
Hành nghiệp tạo đời trước,
Pháp thiện, ác hưng khởi
Ví như người đi đường,
Bằng phẳng hoặc gai gốc.

Tuần thứ hai mươi bốn, sinh bảy trăm dây gân dính liền với thân.

Tuần thứ hai mươi lăm, sinh bảy ngàn mạch hãy còn chưa đủ.

Tuần thứ hai mươi sáu, tất cả các mạch đều hình thành đầy đủ nhiều như rễ cây hoa sen.

Tuần thứ hai mươi bảy, ba trăm sáu mươi ba dây gân đều hình thành.

Tuần thứ hai mươi tám, thịt bắt đầu sinh.

Tuần thứ hai mươi chín, thịt dày dần.

Tuần thứ ba mươi mới có da.

Tuần thứ ba mươi mốt, da trở nên dày và cứng.

Tuần thứ ba mươi hai, lớp da hình thành.

Tuần thứ ba mươi ba, tai, mũi, môi, ngón tay, đầu gối, các chi tiết hình thành.

Tuần thứ ba mươi bốn, sinh chín mươi chín vạn lỗ chân lông, tóc mà vẫn chưa xong.

Tuần thứ ba mươi lăm, lỗ chân lông mới đầy đủ.

Tuần thứ ba mươi sáu, móng hình thành.

Tuần thứ ba mươi bảy, trong bụng mẹ biết bao nhiêu thứ gió nổi dậy: Có gió mở tai, mắt, mũi, miệng đứa bé. Có gió nổi lên nhuộm tóc, lông, hoặc đẹp đẽ hoặc xấu xí. Lại có gió nổi lên hình thành hình sắc của thân thể, hoặc là trắng, đỏ, đen, có đẹp có xấu, đều do hành nghiệp đời trước. Trong bảy ngày này, sinh thứ gió lạnh, nóng làm thông đường đại, tiểu tiện.

Bài tụng rằng:

Trong thân gân buộc lại
Huyết, các mạch hình thành
Chứa đầy đồ bất tịnh
Nước rửa các lỗ rỉ.
Tâm hư dối, khiến vậy
Dối trá mà hợp thành
Cơ quan như người gỗ
Nhưng cầu thật khó được.

Tuần thứ ba mươi tám, ở trong thai mẹ tùy theo hạnh nghiệp sẵn có, tự nhiên gió nổi lên. Hành nghiệp đời trước thiện thì có gió thơm, có thể làm cho thân ý điều hòa, không khuyết tật, gân xương ngay ngắn, khiến thân hình đẹp đẽ, ai cũng thương kính. Hành nghiệp sẵn có là ác thì nổi lên gió thối, khiến thân bất an, chẳng thể vừa ý, thổi gân cốt làm cho cong gù, không đẹp đẽ, chẳng ra vẻ đàn ông, người thấy chẳng ưa. Đó là ba mươi tám tuần – chín tháng thiếu bốn ngày, thân thể gân cốt của đứa trẻ thành một con người.

Bài tụng rằng:

Ở bụng mẹ chín tháng
Thì hình thể đầy đủ
Gân xương đều hình thành
Đầy đủ chẳng thiếu gì.
Trong bụng dần tự thành
Chút xíu rồi thành lớn
Cho đến khi đủ đầy
Như trăng vào ngày rằm.

Thân thể đứa trẻ có hai phần: Một phần của cha, một phần của mẹ. Các thứ tóc, lông, má, mắt, lưỡi, yết hầu, tim gan, đùi vế, thận, ruột, máu, thứ mềm mại của thân thể từ mẹ. Còn móng, gân, xương, răng, tủy, não, mạch, các thứ cứng thì từ cha.

Bài tụng rằng:

Thân người nối liền nhau
Đều do cha mẹ sinh
Có biết bao bộ phận
Nhân duyên hóa lập thành.
Nương vào nên thân sắc
Tất phải bị suy hao

Nhiều vật đóng thành xe
Thân thể cũng như vậy.
Làm tên có hai việc
Lập thân giống như thế
Do nương vào cha mẹ
Sau đó mới sinh ra.

Đứa bé ở trong bụng mẹ, ở dưới sinh tạng, trên thục tạng. Bé trai thì lưng ở ngoài mặt hướng vào trong, ở hông bên trái. Bé gái thì quay lưng vào mẹ và mặt hướng ra ngoài, ở hông bên phải, chỗ hôi thối khổ đau, dơ ướt bất tịnh, tất cả gân cốt co rút, không duỗi ra được, ở gọn trong cái bọc da nơi bụng dây nhợ buộc ràng, chỗ chứa máu huyết bôi lấm bức bách. Cứ nương ở nơi phần tiểu dơ bẩn như vậy tới chín tháng thiếu bốn ngày. Nếu đời trước có làm việc thiện thì vào ngày đầu, ngày kế nghĩ rằng: Ta ở tại cung điện cũng như trên trời. Còn kẻ làm ác thì cho là ở địa ngục Nê-lê thế gian, đến ngày thứ ba thì buồn rầu chẳng vui, đến ngày thứ tư thì bụng người mẹ nổi gió, hoặc phía trên, hoặc phía dưới, làm chuyển đổi thân hình đứa bé, khiến quay ngược đầu hướng ra cửa mình. Kẻ có đức thì nghĩ rằng: Ta nhảy vào trong ao nước tắm vui chơi như rơi vào chốn hoa thơm ở rừng sâu vậy. Còn kẻ vô phước thì tự nghĩ ta từ trên núi rơi vào trong hầm xí dơ bẩn bên bờ cây, hoặc như trên lưới gai chốn địa ngục, trong tảng đá giữa đồng trống, trong chốn kiếm kích, sầu lo chẳng vui. Quả báo của việc thiện, ác chẳng đồng như vậy.

Bài tụng rằng:

Như rơi vào lửa cháy
Khói mù bao chung quanh
Quả buông lung đã đến
Như ở trong nước sôi.
Nguyên do của khổ, lạc
Đều do tội, phước thành
Việc làm khi còn sống
Thọ thân đều như vậy.

Thân đứa bé đã hướng đến cửa mình, lại khi sinh ra, bị gió bên ngoài thổi. Người mẹ dùng tay thấm nước nóng rửa thì đau đớn bức bách như là bị bệnh ghẻ, vì thế khổ não sợ chết, liền khởi nghi hoặc, cho nên mê muội chẳng biết từ đâu đến đây. Vừa sinh ra đời, nơi máu huyết dính hôi, loài quỷ mị xúm đến vây quanh. Trong chỗ gian tà, loài phi thi xúc chạm, loài độc hại, quỷ điên đều rình rập xâm phạm. Như ở ngã tư đường, làm rơi một

cục thịt, các loài quạ, diều, cắt, sói đều đến tranh giành, các loài yêu quỷ tà vạy muốn được đứa bé, bao vây chung quanh, cũng giống như thế. Người đời trước làm thiện thì đám tà vạy chẳng dễ xâm phạm được. Nếu đời trước làm ác thì đám tà vạy liền chụp lấy. Khi đứa bé mới sinh, nhờ vào sữa mẹ mà sống, dần dần lớn lên nhờ ăn uống mà tồn tại.

Bài tụng rằng:

Khi ở trong bào thai
Gặp biết bao khổ não
Đã sinh, được làm người
Khổ ấy gấp trăm ngàn.
Các căn đã thành tựu
Vì thân vốn mong manh
Có sinh phải già chết
Quả thật rất hư dối.

Đứa bé khi đã trưởng thành, làm lụng nuôi thân. Vừa thu hoạch lúa thóc thì thân thể tức thời sinh ra tám mươi loài trùng:

Hai loài ở chân tóc: Một tên là Điềm, hai tên là Trọng điềm.

Ba loài ở trên đầu tên là Kiên cố, Thương tổn, Hủy hại.

Một loài ở não, hai loài ở ngoài não: Một tên là Triết vị, hai là Hao nhiễu, ba tên là Cối loạn.

Hai loài ở trên trán: Một tên là Ty hạ, hai tên là Hủ hủ.

Hai loài ở mắt: Một tên là Thiệt điềm, hai tên là Trọng điềm.

Hai loài ở tai: Một tên là Thức vị, hai tên là Hiện vị anh.

Hai loài ở nhĩ căn: Một tên là Xích, hai tên là Phục xích.

Hai loài ở mũi: Một tên là Phì, hai tên là Phục phì.

Hai loài ở trong miệng: Một tên là Diêu, hai tên là Động diêu.

Hai loài trong răng: Một tên là Ác tệ, hai tên là Hung bạo.

Ba loài ở chân răng tên là Suyển tức, Hưu chỉ, Tốt diệt.

Một loài ở lưỡi tên là Cam mỹ.

Một loài ở căn lưỡi tên là Nhu nhuyến.

Một loài ở lợi tên là Lai vãng.

Một loài ở yết hầu tên là Đạm hầu.

Hai loài ở đồng tử: Một là Thùy, hai là Phục thùy.

Một loài ở cánh tay tên là Trụ lập.

Một loài ở tay tên là Châu triền.

Hai loài ở ngực: Một tên là Ngạch Khanh, hai tên là Quảng phố.

Một loài ở tim tên là Bang báo.

Một loài ở vú tên là Chúng hiện.

Một loài ở rốn tên là Vi nhiễu.

Hai loài ở hông: Một tên là Nguyệt, hai tên là Nguyệt diện.

Hai loài ở xương sống: Một tên là Nguyệt hành, hai tên là Nguyệt mạo.

Một loài ở giữa lưng và ngực tên là An phong.

Một loài ở trong da tên là Hổ trảo.

Hai loài ở thịt: Một tên là Tiêu lự, hai tên là Thiêu thọ.

Bốn loài ở xương là Thậm độc, Tập độc, Tê cốt, Tạp độc.

Năm loài ở tủy tên là: Sát hại, Vô sát, Phá hoại, Ly hài, Bạch cốt.

Hai loài ở ruột già: Một tên là Khương lang, hai tên là Khương lang huề.

Hai loài ở ruột non: Một tên là Nhi tử, hai tên là Phục tử.

Một loài ở gan tên là Ngân tử.

Một loài ở sinh tạng tên là Bí thu.

Một loài ở thục tạng tên là Thái tức.

Một loài ở đường tiêu hóa tên là Trọng thân.

Ba loài ở trong phân tên là Cân mục, Kiết mục, Biên phát.

Hai loài ở xương cụt: Một tên là Lưu hạ, hai tên là Trọng lưu.

Năm loài ở nước bọt tên là: Tông tánh, Ác tộc, Ngọa mị, Bất giáo, Hộ trấp.

Một loài ở đùi vế tên là Qua trương.

Một loài ở đầu gối tên là Hiện thượng.

Một loài ở mắt cá tên là Châm huề.

Một loài ở chân tên là Tiêu nhiên.

Một loài ở lòng bàn chân tên là Thực bì.

Đó là tám mươi loài trùng ở nơi thân người, ngày đêm gặm nhấm thân thể.

Bài tụng rằng:

Từ đầu tóc xuống tới chân

Trong khắp thân trùng ăn người
Nghĩ kỹ nó là cấu uế
Ví dụ sánh như nước dơ.
Từ mình sinh lại hại mình
Như đao oán làm hại người
Thường đến ăn mòn thân thể
Như dòng nước xói hai bờ.

Trong thân người, do gió, gây bệnh có một trăm lẻ một chứng; hàn, nhiệt cộng lại mỗi loại có một trăm lẻ một. Gồm chung lại có bốn trăm lẻ bốn chứng bệnh ở trong thân người. Như gỗ sinh lửa, lại tự đốt cháy, bệnh cũng như vậy, vốn do thân sinh lại làm nguy thân. Và trong, ngoài thân, tám mươi loài trùng, quấy động thân thể, khiến người bất an, huống gì lại thêm những khổ não bên ngoài nữa. Nghĩ thân như vậy, thường khởi sầu lo. Nhưng kẻ phàm phu, tự cho an ổn, chẳng nghe chẳng hiểu. Vì sao? Vì chẳng thấy sự thật.

Bài tụng rằng:

Tóc lông, các móng, răng
Tim, thịt cùng da xương
Tinh huyết, hàn, nhiệt sinh
Tủy, não, mỡ sinh, thục
Nước mắt cùng mũi, dãi
Đại tiểu tiện thường chảy
Thật cực kỳ bất tịnh
Người ngu cho là quý.

Nghĩ về thân người, bao phủ bằng một lớp da mỏng, như dồn các cây táo, cây gai lại bọc một lớp rất mỏng; vì được che lại nên con người chẳng biết. Giả sử lột hết lớp da ra như khối thịt bất động thì cái gì có thể gọi là thân người. Các đốt xương chống đỡ nhau như xích sắt nối liền. Xem xét kỹ như vậy còn chẳng đủ để nhàm chán, huống là gần gũi để nhìn ngắm ư?

Khi ấy, dùng kệ mà than:

Nghĩ vốn là dơ uế
Ví như cây vừa thối
Chẳng khác các trần cấu
Trùng trong thân cũng vậy.
Như tô vẽ tranh đẹp
Rốt cuộc sẽ hư hại

Sự thật thấy vốn không
Đâu đáng để gần gũi.

Người đời đã tạo ra điều họa phúc, có kẻ chưa hết tuổi thọ đã chết yểu. Ví như thợ đồ gốm, làm các đồ bằng đất nung, có cái mới làm thì bị bể, có cái khi muốn sửa lại để nung bị bể, hoặc có cái bị bể trên lò nung, có cái bị bể khi đưa xuống, có cái để xuống đất bị bể, có cái va chạm bị bể, có cái dòn quá bị bể, có cái bể trong lò, có cái nung chín bị bể, có các bị bể khi di chuyển, có cái sử dụng bị bể, dù không sử dụng lâu ngày cũng bể.

Con người cũng vậy, có kẻ vừa mới khởi ý đi đầu thai, nhưng chưa đi đã chết. Hoặc có kẻ hai căn tại thai mới như kem, có kẻ như bơ, như miếng thịt, cục thịt, đầy đủ sáu tình, hoặc chưa đầy đủ mà đã chết. Hoặc có kẻ khi sắp sinh, hoặc vừa mới sinh một ngày, trăm ngày, một tuổi, mười tuổi, trưởng thành thì chết. Hoặc có kẻ hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi tuổi thì chết; từ một tuổi cho đến trăm tuổi mới chết, tuy trường thọ nhưng rồi cũng chết. Năm ấm như vậy vốn là không, lần lượt nương nhau, khoảnh khắc có, rồi khoảnh khắc mất, cất chân lên, hạ chân xuống đều là vô thường. Người ngu si chẳng nghe, chẳng biết, ngược lại cho là có thân. Từ trẻ cho đến già đều cho là ngã sở, bảo là thuần chất, chẳng biết luôn biến đổi vô thường. Người tu hành nên tư duy quán xét điều ấy. Từ như thế đến như thế, không như thế thì không có gì.

Thế nào gọi là từ như thế đến như thế?

Do hành nghiệp gốc đã tạo ra họa, phúc cho nên đến khi chết ở tại thân Trung ấm, rồi đến thần thức ở trong bào thai, hình trạng như váng sữa mỏng, cục thịt, khúc thịt dần dần đến thịt cứng, rồi có sáu căn, sáu căn đầy đủ thì sinh ra. Từ thân trẻ thơ đến trung niên, cho tới già bệnh, rồi lại trở về cõi chết. Năm ấm ấy cứ xoay vần trong sinh tử, mãi mãi như dòng sông không ngừng nghỉ, tất cả đều không, giống như huyễn hóa. Cứ đảo lộ như vậy cho đến già, bệnh, chết. Ví như có thành lớn, cửa phía tây phát hỏa, từ đó tuần tự thiêu đốt cho đến cửa phía Đông đều thành tro tàn, bảo là lửa nơi cửa Đông chẳng phải là lửa lúc phát khởi. Nhưng sự thiêu cháy đó chẳng lìa ngọn lửa gốc. Con người cũng vậy, do nhân duyên gốc rồi tùy theo đó mà có họa, phúc. Nên quán xét thế này, do như vậy mới có như vậy.

Thế nào gọi là không như vậy thì không có?

Không có họa hay phước và các trần lao khác thì chẳng về cõi chết, đã không chết thì không có thân Trung ấm, nếu không có thân Trung ấm

thì do đâu có sinh. Đã không có sinh thì gia, bệnh, chết do đâu mà có. Nghĩ về gốc ngọn của dòng sinh tử như thế, người tu hành nên quán về chỗ phát xuất, sự hình thành và tiêu hoại của năm ấm.

Bài tụng rằng:

Biết rõ nghĩa trí tuệ
Tâm tịnh như trăng tròn
Giữ chí cho chuyên nhất
Thương yêu người ba cõi...
Như hoa sen trong nước
Mọc lên đẹp mềm mại
Miệng nói ra lời nói
Người nghe được vui mừng.
Diễn rõ gốc phát khởi
Hiểu rồi dứt hết sạch
Đạt năng nhân rốt ráo
Vì thương xót chúng sinh.
Nên ta từ kinh Phật
Lược chọn mà chép ra
Do giảng thuyết Phật pháp
Nên tạo kinh tu hành.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 2

Phẩm 6: TỪ

Khách buôn qua đồng vắng
Đói khát nơi đường hiểm
Đạo sư cứu giúp họ
Dẫn đến chỗ sống được.
Bèn dùng đạo vô vi
Dứt trừ các cấu uế
Tâm được nhiều an lạc
Kính lễ Phật Thế Tôn.
Thuyền ở tại biển lớn
Nhằm đúng miệng cá kình
Thuyền ấy vào bụng cá
Khởi lòng Từ cứu giúp.
Trong khoảnh khắc lặn xuống
Cứu người và châu báu
Biết vô số trăm ngàn
Khổ vui tròn chung thủy.
Vượt qua các Thánh trước
Đức ngài như Thái sơn
Trí sáng vượt mặt trời
Cúi đều phụng trí tuệ.

Là người tu hành, nên bỏ sân, si thường giữ tâm Từ. Có người tu hành, chỉ phát nguyện suông, khiến chúng sinh an, nhưng chẳng biết cách gì cứu độ được an. Tuy có lời êm dịu an ổn, nhưng chẳng thực hiện lòng Từ bi bình đẳng. Người tu hành chớ nói Từ bi suông. Hoặc có người tu hành khởi ý nghĩ Từ bi, muốn làm an ổn cho tất cả các loài chúng sinh. Có lòng Từ như thế cũng là tốt rồi, nhưng chẳng phải là lòng Từ đầy đủ đạo đức. Muốn thực hành đại đạo chớ khởi lòng Từ suông.

Bài tụng rằng:

Giả sử người học đạo
Tâm nghĩ, miệng nói từ
Tự cho chút an ổn
Cũng được ít phước mỏng.
Ví như thợ làm tên
Rơi mất, lửa đốt cháy
Đâu thể khiến tên ấy
Thành tựu để mà dùng.

Trên con đường tu hành, kiến tạo lòng Từ rộng lớn và sẽ thực hiện thế nào?

Nếu người tu hành ở nơi nóng bức thì mong cầu chỗ mát mẻ mới được an ổn; ở nơi lạnh lẽo thì mong cầu đến chỗ ấm áp, mới được an ổn; như đói được ăn, như khát được uống; như đi đường xa mệt mỏi khốn đốn mà được xe chở, mới được an ổn, như đang đứng mà được ngồi; như người quá mệt mà được nằm nghỉ; như người trần trụi mà được y phục che hình; như thân dơ bẩn mà được tắm rửa, lòng rất vui mừng ổn định thanh thản, bao nhiêu nỗi khổ đều được qua khỏi, thân tâm phấn khích, được sự an lạc, giữ tâm chẳng loạn, được người thương kính. Gần gũi, thương yêu cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc, bạn bè, tri thức, đều khiến họ được an ổn. Tất cả chúng sinh có các nỗi khổ, cũng như thân ta, đều được an ổn, dân chúng khắp mười phương đều khiến độ thoát, thân tâm an ổn, mong cho hai họ nội ngoại, trong ngoài đều được an ổn. Kế đến nghĩ tới những kẻ phàm tục, trang trải thêm lòng Từ đến oan gia, không có tâm sai khác, đều khiến được độ thoát như sự an ổn của thân ta. Giả sử niệm trước nghĩ về dân chúng trong mười phương, niệm kế nghĩ về oan gia, nhưng nếu bị loạn động mà tâm lúc ban đầu không thể chế ngự sự phân biệt giữa người oán và bạn thân, thì nên quán thế này: "Sự kết chặt oán ghét của ta đối với oan gia, tâm ý này đã trôi qua, nay đã xả bỏ", rồi lại khởi niệm thương yêu như cha mẹ, vợ con, cũng kính trọng như họ hàng. Như vậy thì chẳng còn ôm hận nữa, quán xét về căn nguyên của sinh tử trong năm đường, hoặc đã từng làm cha mẹ, vợ con, anh em, bằng hữu trong nhà, chỉ vì lâu xa chẳng nhớ biết. Vì vậy nên chẳng ôm lòng oán hận.

Bài tụng rằng:

Nên phát hạnh tâm Từ

Nghĩ oán như bạn lành
Xoay vần trong sinh tử
Chắc từng làm bà con.
Ví như cây sinh hoa
Chuyển thành quả không khác
Cha mẹ, vợ con, bạn
Họ hàng cũng như vậy.

Người tu hành tâm tự nghĩ: "Giả sử sân giận với người khác thì tự hại mình thôi. Như cây phát ra lửa trở lại tự đốt mình, như cây chuối sinh quả rồi tự khô, như con la mang thai trở lại nguy thân. Ta cũng như vậy, nếu ôm lòng sân giận, lại tự làm hại mình. Người khởi lòng sân giận đối với người khác, thì, hoặc là do tội này mà đọa làm mãng xà, hay là đọa vào đường ác." Quán xét kỹ như vậy nên không ôm lòng ác. Nếu ghét người nào thì nên phát khởi thương yêu.

Bài tụng rằng:

Có ai do sân giận
Mà oán hại người khác
Đời sau đọa làm rắn
Hoặc đọa làm thú dữ.
Ví như cây tre chẻ
Cây chuối, la mang thai
Trở lại hại cũng vậy
Nên phải khởi lòng Từ.

Người tu hành phải thực hiện lòng Từ bình đẳng: Đối với cha mẹ, vợ con, anh em, bạn bè và oan gia không gần không xa, bình đẳng không yêu không ghét. Và đối với vô lượng thế giới trong mười phương, trang trải lòng Từ cùng khắp, chưa từng tăng giảm.

Bài tụng rằng:

Người thực hành lòng Từ
Bình đẳng không ghét thương
Chẳng nệ gần hay xa
Mới thực hiện lòng Từ.
Tâm bình đẳng hành Từ
Cho đến ba cõi người…
Người hành từ như thế
Đức ấy hơn Phạm thiên.

Người tu hành thành tựu đầy đủ lòng Từ thì lửa chẳng thiêu được, dao chẳng đâm được, độc chẳng hại được, các tà chẳng hoành hành được.

Bài tụng rằng:

Đao nhân chẳng thể hại
Quan quyền và giặc oán
Tà quỷ, các La-sát
Măng xà và sấm chớ,.
Sư tử cùng voi cọp
Và các thú dữ khác
Tất cả chẳng dám gần
Không thể làm thương tổn.

Người tu tập hạnh Từ phải nên như vậy thì đêm ngủ an ổn, thức dậy vui tươi. Đêm ngủ người trời bảo vệ, chưa từng có mộng ác, sắc diện vui vẻ, y thực chẳng thiếu, sinh vào chỗ Phạm thiên, đoan nghiêm đẹp đẽ, mắt thì tròng trắng ,tròng đen phân minh, thân thể điều hòa, ít tật bệnh, được sống lâu, chư Thiên cung kính, nhắm đến việc đắc đạo, được Phật khen ngợi, sạch hết trần lao, không còn thoái chuyển. Để được an ổn, đến cảnh giới Vô dư, chứng đắc tịch diệt đều do lòng Từ.

Bài tụng rằng:

Người hành trì lòng Từ
Đẹp đẽ, y thực nhiều
Mọi người đều kính ngưỡng
Sống lâu, sáng như trăng.
Ngủ, thức, đi, đứng yên
Thiên thần đều ủng hộ
Sinh phạm, chư Thiên kính
Được Thế Tôn khen ngợi.
Vì vậy người tu đạo
Phải thực hành lòng Từ.

Bài tụng rằng:

Hành lòng Từ hướng đến tất cả
Trừ các sân hại gọi là Từ
Nay ta chỉ rõ các oán đức
Như trong kinh Phật đã nêu giảng.

-oOo-

Phẩm 7: TRỪ SỢ HÃI

Các điều cần biết rõ
Phân biệt đều hiểu hết
Gặp chư Phật quá khứ
Thấu rõ là như thế.
Vì là Chánh đẳng giác
Cho nên gọi là Phật
Kẻ trí và trời, rồng
Không ai chẳng quay về.
Giáo hóa các cõi, giới
Trừ bỏ những tội lỗi
Đệ dẫn kẻ ngu, ác
Khiến tâm được sáng suốt.
Được an lạc, thoát khổ
Trừ bỏ các sợ sệt
Xin cúi đầu lễ Phật
Quy mạng Đấng Tối Thắng.
Phật hàng phục cứng cỏi
Rống tiếng voi như sấm
Giữ chí, tiếng nghe khắp
Đều thoát khỏi mông muội.
Ngu si tự phóng tâm
Dong ruổi như mưa trào
Voi tên là Đào bát
Để chế phục cao ngạo
Và các vua rồng, thần.
Ôm độc, mắt tóe lửa
Phật dùng điều lành độ
Thần chúng thường vắng lặng.
Giải thoát không chướng ngại
Nay con xin cúi đầu
Quy mạng dưới chân Ngài
Thế Tôn tịch nhiên thắng.
Thấy ma ôm sân độc
Biến hóa lửa khắp nơi

Đội núi, mang binh khí
Cầm đao và mâu kích.
Mãng xà vác cây lớn
Muốn đến hại Thế Tôn
Chư quỷ thần đều tới
Chẳng kinh cũng chẳng hoảng.
Lông chúng như dao nhọn
Vây bọc khắp chung quanh
Tính đếm số rất nhiều
Chẳng lấy làm sợ hãi.
Cũng chưa từng kính nghi
Nhưng chúng không ngu si
Đã bỏ các nạn sợ
Quy mạng Đấng Tối Thắng.

Người tu hành, nếu ở chỗ trống, chỗ vắng mà có sợ hãi, tóc lông dựng đứng, thì nên nghĩ đến điều thiện nơi công đức của Như Lai, hình tượng, dung mạo và Pháp cùng chúng Tăng. Nghĩ đến giới cấm, phân biệt rõ nghĩa Không, biết là sáu phần, mười hai nhân duyên phụng hành Từ bi. Giả sử sợ hãi, thì nghĩ về điều này, không còn sợ nữa.

Bài tụng rằng:

Hoặc vì sợ sệt bò dưới đất
Chẳng thể tự đứng thẳng với pháp
Dạy khiến giữ giới pháp vững chắc
Như gió thổi núi chẳng lay động.
Ví như ong kia chọn vị hoa
Tôi chép các kinh cũng như vậy
Văn tuy rất ít, an lạc chiều
Muốn trừ sợ hãi nên giảng thuyết.

-oOo-

Phẩm 8: PHÂN BIỆT HÀNH TƯỚNG

Tự làm mất châu báu
Rơi vào nước biển lớn
Nhanh chóng cầm dụng cụ
Lặn xuống tìm lại nó.

Siêng năng chẳng kể mệt
Giữ tâm không lay chuyển
Thần biển thấy như vậy
Liền lấy ngọc trở lại.
Vừa khởi phương tiện này
Chấm dứt ý Thiên vương
Vượt đến núi báu lớn
Chẳng cho là mệt nhọc.
Rốt ráo vốn là không
Đảnh lễ Đấng Vô Trước
Ý nguyện không lay chuyển
Quy mạng Đấng Tối Thắng.
Như Long vương cuộn khúc
Ngồi thiền cũng như thế
Cầu đạo dùng tinh tấn
Khởi đại lực thành Phật.
Hành trình trong bảy ngày
Nhẫn hóa được nữ nhân
Đảnh lễ Đấng Chí Tôn
Thấy tin chẳng lay chuyển.

Người tu hành, nếu tâm tự nghĩ ở trong sinh tử chẳng thể tính đếm, quen thói dâm, nộ, si đến nay quá lâu, mạng người đã ngắn mà lại còn lười biếng thì đâu có thể trong một đời trừ hết tội lỗi. Nếu có ý nghĩ ấy, thì nên quán chiếu như sau: Ví như ngôi nhà cũ không có người ở, trải qua nhiều năm tăm tối, chẳng đèn đuốc, nhưng đem lửa vào thì bóng tối tiêu hết. Tuy là lâu ngày quen theo trần cấu, các độc nhưng vì có trí tuệ nên các thứ tội lỗi đều được tiêu trừ. Vì sao? Vì sức của trí tuệ mạnh mẽ, ngu si yếu đuối.

Bài tụng rằng:

Muốn cầu đạo nghĩa chớ biếng lười
Để được pháp lợi, lìa suy hao
Nương trí tuệ quang minh của Phật
Vĩnh viễn trừ hết dâm, nộ, si.

Ai có thể phụng hành theo đạo này như thế?

Chỉ có người tin, siêng năng, trí tuệ; không dối trá, có ý chí mới có thể làm theo được.

Thế nào gọi là tin?

Thấy, biết vạn vật chung quy đều vô thường; những cái mà thân thọ nhận đều là khổ; ba cõi là không; tất cả các pháp đều vô ngã. Người hiểu biết như vậy thì gọi là tin.

Bài tụng rằng:

Người tu hành trì đạo
Nghĩ biết đời chẳng an
Vạn vật đều vô thường
Thân thọ đều là khổ.
Ba cõi thảy là không
Tất cả pháp vô ngã
Nắm vững những điều đó
Thì được gọi là tin.
Nếu khởi tưởng có ta
Gọi là người điên đảo
Thấu rõ tất cả không
Nên biết đó là Phật.
Người hiểu rõ như thế
Đạt được đạo cam lồ
Không gì làm lay động
Đây mới gọi là tin.

Với người tu hành, thế nào gọi là tinh tấn?

Nếu người tu hành tinh chuyên quán về không, vô ngã, tâm chẳng rời bỏ, thì gọi là tinh tấn. Giả như lửa cháy gần đến chỗ ngồi, đốt cháy y phục và đầu, mắt, tâm, nên nghĩ: "Lửa đốt cháy đầu ta, đốt thẳng vào xương thịt da, khiến thân ta chết, nhưng quyết không xả bỏ nẻo hành trì." Vì sao? Vì tuy thân ta bị thiêu đốt, nhưng chẳng đủ để so với ngọn lửa dâm, nộ, si nằm trong thân tướng này, xoay vần theo sinh tử nơi ba đường ác, thiêu đốt thân ta cho đến nay, trải qua vô số đời. Chưa đạt đến chỗ cứu cánh nơi đạo đức thì tuy bị đốt cháy một thân, chẳng đủ để tự cứu độ, chỉ nên nỗ lực dập tắt ngọn lửa dâm, nộ, si. Đã được diệt độ rồi thì chẳng còn thoái lui nữa. Đã không có thân thì không có các họa hoạn của lửa trong ngoài, dâm, nộ, si ấy chẳng thể dễ diệt. Ví như dùng bùi nhùi mà muốn làm chảy đồng sắt thì chẳng bao giờ có thể được. Giữ tâm kiên cường, bằng tất cả phương tiện mới có thể trừ hết bệnh dâm, nộ, si.

Bài tụng rằng:

Người tinh chuyên tu trì đạo đức

Nên ngay lúc ấy chớ tiếc thân
Ví như có voi rửa thân hình
Tắm rửa vừa sạch, lại nằm đất.
Giả sử nạn gấp đã đến nơi
Sấm sét chớp lòe chẳng kinh sợ
Ví như hoa héo người chẳng tiếc
Vứt bỏ phiền não cũng như thế.

Với người tu hành, thế nào gọi là trí tuệ?

Hiểu rõ khi hành thiền định, biết khi nên quán chiếu, biết khi quán sát tuệ, biết khi thọ pháp, biết khi trụ định, cũng biết khi ra khỏi định chậm hay nhanh; phân biệt tâm mình có thiện ác. Ví như lương y biết bệnh ở trong người, nên kiềm chế tâm, chớ để phóng túng. Ví như con voi mạnh khỏe sắp rơi xuống rãnh, giếng, người giữ voi phải ngăn lại không cho rơi vào.

Người tu hành kiềm chế, cắt đứt sự vướng mắc ngoại duyên cũng phải như vậy, biết tâm là do duyên các tưởng mà hợp thành. Ví như người sáng mắt biết thức ăn dễ dàng. Lại như viên tể tướng biết ý nhà vua thích gì và không thích gì; biết rõ phương tiện, tất cả chỗ tiến lên và dừng lại trên đường hướng đến giải thoát. Giống như người thợ vàng phân biệt vàng tốt hay xấu. Nếu người hành đạo rời bỏ minh trí, chẳng tỏ hướng đi, ôm lòng sợ sệt, cho phải là quấy, cho quấy là phải, thì chẳng thành tựu trí tuệ. Người hành đạo ấy, dù đắc bậc Thiền thứ nhất, đến bậc Thiền thứ hai, thì cũng tự sợ hãi cho là mất thiền, chẳng biết là sự khởi chuyển tịch tĩnh, tâm nghĩ: "Ôi! Ta mê lầm! Vốn có hiện tượng tốt đẹp mà nay lại mất đi", tâm liền thoái chuyển. Trong niềm hoan hỷ của thiền diệt mà lìa định ý thì tự giới hạn tâm, chẳng tiến bộ được. Hoài nghi như thế thì mất thiền, cho thành là bất thành, cho bất thành là thành.

Thế nào là hiểu rõ ý thiền định?

Chuyên tâm vững chí vào bậc Thiền thứ nhất, tâm ở định diệt tận; vừa khởi hạnh ấy, vào bậc Thiền thứ hai. Sở dĩ người mê từ lâu tập quen thói tục vì chưa biết Chánh đế và các lậu tận. Vì chẳng thấu đạt Chánh đế, nên tâm chí còn ở nơi lậu, hoặc cầu bậc Thiền thứ hai mà không thể chế ngự tâm thì chẳng đầy đủ thiền. Vì vậy hành giả nên biết điều sai lầm ấy. Nếu hành giả sáng suốt chẳng khởi mê lầm ấy thì chẳng mất thiền. Đây gọi là trí tuệ.

Bài tụng rằng:

Giả sử hiểu rõ thân, các pháp

Thì biết đúng đường về của ý
Phương tiện ngăn chế tâm giong ruổi
Ví như móc sắt điều voi trắng.
Có người sáng suốt rõ định ý
Phân biệt tịch quán cũng như vậy
Thường dùng trí tuệ không do dự
Trụ nơi đạo đức thuận giáo pháp.

Với người hành đạo, thế nào là chẳng tà vạy?

Đó là chẳng dua nịnh, tâm ngay thẳng, chuyên tinh hành đạo, vun bồi lòng tin, giữ sự thành thật, dù ở trong dòng biến chuyển nhưng chẳng bị chuyển biến. Có những việc phiền não chẳng thể giải tỏa, thì nên hướng về Pháp sư trình bày điều lầm lỗi vướng mắc của mình. Ví như người bệnh có nỗi khổ của bệnh tật thì sẽ thành thật trình bày với thầy thuốc. Pháp sư quán xét ý chí của hành giả, rồi tùy theo sự thiếu sót của người ấy mà giảng nói pháp.

Bài tụng rằng:

Hành giả luôn ngay thẳng
Giữ tâm không dua nịnh
Vâng theo Pháp sư dạy
Dứt các bẩn trần lao.
An ổn được thanh tịnh
Chuyên tinh siêng tu đạo
Phụng hành lời Phật dạy
Quyết hành trì đúng pháp.

–Giả sử hành giả tình dục bức bách, thì vì họ mà nói pháp bất tịnh về thân người, có ba bậc:

1. Xương của thân giống như các bộ phận của xích sắt chống đỡ liền nhau.

2. Vừa thọ giáo pháp, liền quán xương đầu.

3. Đã rõ phép quán ấy, lại quán sát trên trán, buộc tâm ở đầu.

Giả sử người nhiều sân giận thì vì họ nói về lòng Từ. Lòng Từ có bốn bậc:

1. Cha mẹ, bà con.

2. Người trung gian không thân quá và không sơ quá.

3. Chung cả mọi người.

4. Để được hạnh này, nên trang trải lòng Từ bình đẳng.

Thủ hộ oan gia với đầy đủ lòng Từ thì trừ được chín sự bực bội cùng sự sân giận. Rõ được nghĩa này thì tuy có sự khắn khít nhưng cũng rồi xa. Chín sự bực bội khiến người nổi sân là gì?

1. Tâm sự nghĩ rằng người này vốn đã từng xâm phạm, chống đối ta.

2. Người này về sau sẽ xâm phạm, chống đối ta.

3. Hiện đang khinh dễ ta.

4. Trong thời quá khứ đã chống đối bạn bè ta.

5. Về sau sẽ xâm phạm bạn bè ta.

6. Hiện tại khinh dễ bạn bè ta.

7. Người ấy khi trước kính trọng oan gia của ta.

8. Sau này sẽ lại kính trọng như thế nữa.

9. Hiện nay lại đang kính trọng.

Tuy có tâm lý ấy nhưng đều nên xả bỏ.

–Cái gì có thể khiến người không xâm phạm đến thân mình?

Chỉ nên tự giữ mình đừng xâm phạm đến người khác mà thôi. Nếu bị xâm phạm là sự báo ứng của tội bất thiện từ đời trước của ta, đến nay phải chịu quả ác. Bạn bè của ta vốn cũng có tội, cho nên đến nay phải chịu họa hoạn. Và oan gia của ta vốn cùng với người kia, đời trước là bà con, lại có phước đức khiến người ấy kính trọng, thì với ba bậc quán, chín sự bực bội, không đủ để ôm hận.

–Sao gọi là hoạnh sân?

Chưa từng gặp nhau, vừa thấy liền nổi sân, khi ấy nên suy nghĩ: "Người này chưa từng xâm phạm hay chống đối ta, nay cũng không có lỗi, lại chẳng có gì sơ suất thì cớ sao nhìn họ bằng ác cảm? Người nào vô cớ khởi tâm ác với người khác thì trở lại tự thọ tội. Giống như ngược gió tung bụi, lại dơ thân vậy." Người tu hành, nếu chẳng thể diệt trừ sân hận, khiến chẳng khởi lên, thì những người ấy chẳng vào được đạo phẩm. Như chén nước đầy chẳng thể bưng đi xa. Người có khả năng kiềm chế sân hận như nước tưới lửa, thì không hại gì. Thế nên, người tu hành vào luật đạo lấy đó mà noi theo, nên tuy gặp khổ não, đao, cưa xẻ thân cũng chớ khởi sân hận, như đốt cây khô, không có tâm hận, huống là sân hận đối với người vô tội.

Bài tụng rằng:

Quán khắp cả thân mình

Với người oán không khác
Vứt bỏ chín loại bực
Lập chí chẳng hoạnh sân.
Chế tâm, chẳng ôm hận
Như cây khô, không sân
Người trên đường tu hành
Như vậy, không tội lỗi.

Người tu hành, nếu nhiều ngu si thì nên quán chiếu mười hai nhân duyên, phân biệt rõ ràng. Do nhân duyên sinh mà có lão tử. Nếu chẳng có sinh thì không có khởi đầu, kết thúc.

Bài tụng rằng:

Chẳng si thì không sinh
Đã trừ hoạn lão tử
Vốn không có khởi đầu
Thì do đâu kết thúc?
Vì do sáu tình khởi
Loạn động dẫn đến si
Do si có ràng buộc
Trở thành ngu, tối, si.

Người tu hành, nếu có nhiều tạp tưởng thì vì họ mà nói rõ cách đếm hơi thở ra vào. Hơi thở đã định thì ý vắng lặng, vô cầu.

Bài tụng rằng:

Sổ tức, cầu Chỉ và Tương tùy
Quán thấy Chánh đế, tâm liền dừng
Muốn tịnh bản tánh theo như vậy
Ngồi yên loạn tưởng hành chẳng thành.

Người tu hành, nếu nhiều kiêu mạn thì vì họ mà nói nghĩa này: Người có ba loại kiêu mạn:

1. Cho ta không bằng người kia.

2. Người kia bằng ta.

3. Ta hơn người kia.

Người có ý nghĩ ấy là đã ôm lòng tự đại, nên khởi quán sát này: Trong bãi tha ma ở ngoài thành xương, tủy, đầu, thân vứt bỏ lộn xộn khắp các nơi, không còn huyết mạch, da thịt tiêu mất. Nên đến quán xét nơi này: Sự giàu nghèo, sang hèn, nam nữ, lớn nhỏ, đẹp xấu, toàn là

xương khô như nhau có gì khác đâu! Từ khi sinh cho đến lúc mạng chung, da bao bọc thịt, máu thấm, gân buộc, y phục che thân, hương hoa, anh lạc trang sức. Ví như làn gió huyễn hóa khéo nêu bày, lại do tâm, ý thức xoay vần mà vận hành, đến như thành quách, quốc ấp, làng xóm, ra, vào, tiến, thoái... Khởi quán như vậy rồi không còn kiêu mạn. Người vốn không quán chiếu thì thấy trong gò mả và tất cả mọi người đều bình thường, không có gì khác lạ.

Bài tụng rằng:

Người tài trí giàu sang
Cỡi xe ngựa dạo thành
Và thây nơi gò mả
Xét kỹ đâu khác gì.
Ở chỗ vắng, dưới cây
Nếu khởi quán như thế
Giữ tâm mà hành đạo
Lửa mạn chẳng thể thiêu.

Pháp sư thuyết giảng kinh, quán sát tâm lý con người gồm có mười chín loại. Căn cứ vào đâu mà biết? Phân biệt phiền não mới biết được. Những gì là mười chín loại?

1. Tham dâm.
2. Sân hận.
3. Ngu si.
4. Dâm nộ.
5. Dâm si.
6. Si, sân.
7. Dâm, nộ, ngu si.
8. Miệng sạch, ý dâm.
9. Lời nhu, tâm cứng.
10. Miệng sáng, tâm si.
11. Lời hay mà chứa ba độc.
12. Lời thô, tâm hòa.
13. Miệng ác, tâm cương.
14. Lời thô, tâm si.
15. Miệng thô chứa ba độc.

16. Miệng si, tâm tà.

17. Miệng si, lòng nộ.

18. Tâm miệng đều si.

19. Miệng si, tâm chứa ba độc.

Bài tụng rằng:

Người có dâm, nộ, si
Gọi chung là ba độc
Hai lần hai xen vào
Kể luôn lại có bốn.
Miệng như cũng có bốn
Miệng si, ngôn si bốn
Theo lời Thế Tôn dạy
Tâm người có mười chín.

–Làm sao để biết người có tướng tham dâm?

Tánh ưa trau dồi lòe loẹt, chơi giỡn, vội vàng, ý chí thay đổi nhanh chóng, tánh như khỉ vượn, hay quên, lầm lẫn, xảo trá, nông nổi, không biết lo xa, cử động, thao tác chẳng nhìn trước sau, làm việc chẳng tha thiết, nhiều việc lo sợ, nói nhiều, ưa khóc, dễ bị lừa đảo, dễ bị chinh phục, yên tâm chịu đựng đủ thứ khổ nhọc, được lợi nhỏ thì lăn vào sự tiêu xài phung phí hỉ hả, mất đi chút đỉnh thì buồn lo quá mức, nghe người khen ngợi thì hớn hở tin theo, những điều cần giấu kỹ đều đem thổ lộ, thân ấm áp, nhiều nhơ bẩn; da mỏng thân hôi, lông tóc thưa thớt, nhiều đóm trắng, nhăn nheo; chẳng ưa râu dài, răng trắng, không đều, ưa y phục sạch, thích mặc lòe loẹt làm đẹp thân thể, ưa mặc đồ mỏng; học nhiều về kỹ thuật không có môn nào là chẳng thông; luôn đi du ngoạn; thường ưa cười mỉm, làm ra vẻ giữ giới; hòa nhã, kính người lớn gặp người thăm hỏi trước; giả bộ tươi tỉnh, diệu dàng, rất nhu mì, e lệ, nhiều lòng Từ, phân biệt tốt xấu để đạt được vấn đề nơi giao dịch, nhu hòa, nhiều buồn rầu, mang nhiều ân huệ. Đối với thân hữu ban cho theo ý họ; có được chút ít, chẳng ban cho người, tranh giành lợi lộc lớn hơn; xét lại bản thân, việc làm chậm chạp; hiểu rõ thế pháp, có thể quyết đoán. Nếu thấy người tốt, cung kính, tôn trọng; biết việc nhanh chóng, khéo léo nói năng, thông minh lanh lợi, lời nói ôn hòa; có nhiều bạn bè nhưng chẳng thể thân mật lâu dài; ít nóng giận, tôn trọng Trưởng lão; đi đứng nằm ngồi chẳng được thong dong. Tuy học giáo pháp, nhưng vẫn ham muốn tài vật. Bà con, bè bạn, bỏ lơ chẳng gắn bó, kết bạn chẳng bền. Nghe việc sắc dục liền khởi tham đắm. Ai phanh phui điều xấu, tìm

cách ém giấu, dễ tiến, dễ thoái. Như vậy là tướng tham dâm.

Bài tụng rằng:

Nhanh nhẹn nhẹ nhàng như vượn khỉ
Thường vui vẻ cười, lại hay khóc
Được lợi rất vui, mất quá buồn
Nói năng nhiều lời, dễ hàng phục.
Mê hoặc, lơ đễnh rồi kinh sợ
Vui vẻ tin người dễ bị lừa
Tánh ý hay quên, chẳng lo xa
Ưa xét giới pháp, có trí tuệ.
Ham nhìn sắc đẹp, ý khéo trao
Làm đẹp thân hình, kính bằng hữu
Thong thả thân ấm, nhiều nhơ bẩn
Dễ tin e lệ, nhưng có dũng.
Bốn pháp tài, sắc và thân hữu
Chẳng thể thích nghi sau hối hận
Các điều đã học, nhanh lãnh hội
Tuy mau biết đó, lại mau quên.
Lòe loẹt trang điểm, bằng y phục
Làm việc vặt vãnh, nhưng kính lão
Người trí kính, người có chí học
Thông đạt rõ ràng mà hòa giải.
Thường ưa ra thành, đi du ngoạn
Nói lời khéo léo, cũng ưa nghe
Lợi khẩu, lời suông thường phân biệt
Chỗ ở, nằm ngồi chẳng được lâu.
Tánh mềm mỏng, chí thành
Khinh việc, chẳng đoái hoài
Vội vàng chẳng chịu khổ
Bạn bè thích ban ân.
Ghét tóc dài, thích ngắn
Vui vẻ mà hôi hám
Trí xảo, da nhăn trắng,
Giữ giới, tuệ vô ngại
Gặp người, niềm nở hỏi
Áo mỏng, mặt, răng sạch

Tâm Từ dễ theo việc
Rong chơi, chẳng tiếc của
Riêng biết người hành Từ
Dễ dạy, chẳng ương ngạnh
Phật dạy, tánh như vậy
Là đúng tướng tham dâm.

–Nên căn cứ vào đâu để xem tướng sân hận?

Hiểu rõ về nghĩa sâu xa thì chẳng vội oán hận. Nếu nóng giận thì khó hiểu rõ được, không có tâm thương xót, lời nói thì hết sức thành thật nhưng hung hăng thô ác, thường thường mang sự hồ nghi, chẳng tìm hiểu tin tưởng, ưa bới móc lỗi người khác, thức nhiều ít ngủ, có nhiều oán ghét, kết bạn có thủy chung; cừu thù khó giải, thọ nhận chẳng quên, không sợ có kẻ oán, người khủng bố chẳng sợ, phần nhiều dùng sức phản kháng lại, chẳng chịu khuất phục, nhiều lo âu, khó giáo huấn; thân thể cao lớn, mày dài, trán vuông, tóc tốt, mạnh khoẻ, tánh cương khó phục; chậm lụt khó tiếp thu những điều được nghe, nhưng khi tiếp thu được rồi thì lại khó quên. Nếu mất của cải do nhu cầu của thân hữu, thì vĩnh viễn không buồn tiếc, khó tiến, khó thoái. Vì vậy biết đó là tướng sân hận.

Bài tụng rằng:

Tánh ý cang cường hiểu sâu nghĩa
Nghi khắp mọi người, tìm tốt, xấu
Ít ưa ngủ nghỉ, khó khuất phục
Tối dạ khó học, cũng khó quên.
Chịu được khổ nhọc, không thể gần
Không sợ ràng buộc, bất chợt sân
Thân khẩu tương ưng khó khuyên can
Mạnh mẽ có sức và cứng cỏi.
Ít sợ, ít bạn, nhiều oán ghét
Ít an ổn, thân thể to lớn
Đã làm việc gì, chẳng hối tiếc
Bỏ của cải rồi, chẳng đoái hoài.
Một khi bỏ bạn, chẳng nghĩ lại
Chưa từng sửa đổi, cũng chẳng phục
Dốc sức tinh tấn lo việc lớn
Phật bảo như vậy là tướng sân.

–Quán xét thế nào mà biết tướng ngu si?

Đó là tánh tình mềm mỏng, ưa tự khen ngợi, không có lòng thương xót, phá hoại cầu chánh pháp, thường lim dim, sắc mặt tiều tụy, không lanh lợi, ưa thích chỗ tối, thường tự than thở, lười biếng không tin, ghét người hiền, thường ưa đi một mình, ít hiểu biết tự tại, làm việc do dự, chẳng rõ lành dữ, chẳng phân thiện ác. Nếu có việc gấp, chẳng thể xử lý, lại chẳng nghe khuyên can; chẳng phân biệt rõ bạn và thù; làm việc ngang ngược, tệ như hổ lang; ăn mặc xấu xí, thân thể dơ bẩn, tánh tình quạu quọ, râu tóc rối bù, chẳng màng chải chuốc; lo nhiều, thích nằm; ăn nhiều không tiết độ; người nhờ vả, sai bảo thì không chịu làm; chẳng nhờ, chẳng sai bảo thì lại tự làm; điều đáng sợ thì chẳng sợ, việc chẳng đáng sợ thì lại sợ, điều nên lo thì lại mừng, nên mừng thì lại lo; việc đáng khóc thì cười, đáng cười thì khóc. Nếu có việc cấp bách sai bảo làm thì chẳng làm; vừa đi, kêu trở lại, chẳng chịu ngoái lại; thường gặp khổ cực chịu nỗi gian lao; ăn uống vật gì chẳng phân biệt mùi vị, nói chuyện cười nhiều, hay quên lời quan trọng, cắn lưỡi liếm môi; nhưng sau cãi lại; đi đứng nằm ngồi chưa từng yên ổn, cử động làm việc, chẳng sợ khó là gì, chẳng biết tiến, thoái. Phật bảo đó là những tiếng ngu si.

Bài tụng rằng:

Bạc nhược, không lòng Từ
Cứng đầu mà tự khoe
Mắt ưa nhắm, chẳng nhìn
Tiều tụy, luôn than thở.
Độc hành, không tin ai
Ghét hiền và lười biếng
Thường lo, nhiều hồ nghi
Chẳng phân biệt thiện, ác.
Thân thể thì dơ bẩn
Chẳng biết lời lành, dữ
Tạo việc nhiều phiền muộn
Chẳng thể tự làm xong.
Nhờ vả chẳng chịu làm
Chẳng sai bảo lại làm
Đáng sợ thì chẳng sợ
Chẳng đáng thì lại sợ.
Đáng vui thì lại buồn

Nên buồn thì lại vui
Đáng khóc thì lại cười
Nên cười thì lại khóc.
Ham ăn, chẳng biết no
Chẳng phân bạn hay thù
Tánh tình ưa ngang ngạnh
Không tuệ, gặp khổ não.
Râu tóc luôn rối bù
Vô tín, ưa bóng tối
Chẳng phân biệt năm mùi
Nằm nhiều, như hổ lang.
Biết ít mà tự cao
Cắn lưỡi và liếm môi
Ưa nói giỡn, rồi cãi
Nói chuyện nhưng cười nhiều.
Nằm, ở lại chẳng yên
Việc gấp khó tiến hành
Kêu lui nhưng cứ tới
Tánh vậy là tướng si.

–Thế nào gọi là tướng dâm, nộ, si?

Đã nói về dâm, nộ, si thế nào thì tướng dâm, nộ, si cũng như vậy. Kẻ mà cùng với tất cả các thứ phiền não cấu uế cùng hòa nhập thì gọi là tướng dâm, nộ, si.

Bài tụng rằng:

Kẻ ở trong phiền não
Hòa nhập với dâm, nộ
Nên quán tướng dâm, nộ
Đó là si, không trí.
Tất cả, trước đã nói
Tham dục các cấu uế
Có hạnh dâm, nộ ngu
Thì biết chẳng lìa si.

–Thế nào gọi là kẻ miệng dục, tâm dục?

Ngôn ngữ mềm mỏng, thuận theo chẳng trái. Điều mình chẳng muốn thì chẳng gán cho người. Lời nói, ý nghĩ hợp với lời thiện, an ổn vừa ý. Ví như cây tốt, sắc hoa tươi thắm, quả cũng ngon ngọt. Miệng

dục, tâm dục, cũng giống như vậy.

Bài tụng rằng:

Lời nói thường nhu hòa
Thuận theo được lâu dài
Ngôn hành cũng tương xứng
Thân, tâm chẳng hại người.
Ví như cây, hoa tốt
Thành trái cũng ngon ngọt
Đức Phật gọi đó là
Tướng dâm của tâm, miệng.

–Thế nào gọi là người miệng dục, tâm nộ?

Miệng nói lời như hòa mà tâm ôm độc hại, giống như loại cây đắng, tuy sắc hao tươi thắm mà thành quả rất đắng. Lời nhu hòa chứa độc cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Người miệng nói nhu hòa
Mà tâm ôm độc hại
Nhìn người rất hoan hỷ
Theo đuổi thì dễ thân.
Miệng nói lời nhu thuận
Trong tâm họ ngậm độc
Như cây, sắc hoa tươi
Quả lại đắng như độc.

–Làm sao biết người miệng dục, tâm si?

Lời nói nhu hòa, nhưng tối dạ, chẳng thể làm ích cho người mà cũng chẳng làm tổn hại người. Ví như cái bình vẽ vời, nhìn bề ngoài rất tốt đẹp nhưng bên trong thì trống rỗng và tối. Miệng dục, tâm si thì cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Miệng nói có nhu hòa
Mà tâm vẫn si mê
Nên biết những người ấy
Miệng dâm mà tâm ngu.
Xem miệng ấy như tuệ
Trong tâm tối như mực

Ngoài đẹp như bình vẽ
Nhưng trong rỗng, lại tối.

–Thế nào gọi là người miệng dục mà tâm nộ si?

Lời nói thì nhu hòa, nghĩ về điều thiện chút ít, tánh chẳng điều thuận, hoặc lại nghĩ ác, có lúc chẳng nghĩ. Thiện ác chẳng phân, tánh ấy khó biết. Ví như thuốc ngọt trộn lẫn mặn, đắng, chẳng thể phân biệt. Người có miệng dục mà tâm nộ si, cũng giống như vậy.

Bài tụng rằng:

Có người miệng nói dục
Mà tâm ôm nộ, si
Ví như đề hồ ngọt
Xen lẫn cay, đắng, mặn.

–Thế nào gọi là người miệng thô mà tâm dâm?

Ngôn ngữ cứng cỏi nhưng trong làm tổn thương người. Mọi người đều ghét, chẳng muốn nhìn thấy, không ai kính trọng. Ví như cha mẹ quở trách con cháu, tuy miệng cứng cỏi nhưng lòng thương yêu. Ví như thuốc chữa ghẻ nhọt, chà rửa mụt ghẻ của người, đang lúc ấy thì rất đau, nhưng dần dần sẽ lành, lòng rất vui vẻ. Người có miệng cứng cỏi mà tâm dâm, cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Có người miệng nói cứng
Mà tâm ôm dâm dục
Như mặt trời mùa hạ
Ánh sáng chiếu nước lạnh.

–Thế nào gọi là người miệng cứng cỏi mà tâm nộ?

Miệng nói thô bạo và những điều cần suy nghĩ thì không có sự thương yêu, chẳng muốn làm lợi người. Ví như thuốc đắng lại hòa thêm chất độc, nếu cho uống thì người bệnh mửa ra không uống, nếu đã uống vào rồi thì hại đến mạng người. Người miệng cứng cỏi mà tâm nộ, cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Người miệng nói cứng, không thân kính
Tâm nghĩ tệ ác và ôm độc
Thường ưa chống đối với người khác
Nên xem kẻ này hành tạp độc.

–Thế nào gọi là người miệng thô mà tâm si?

Nói thường cứng cỏi, gán điều ác cho người, cử động làm việc tâm chẳng tự biết, chẳng nghĩ việc thiện của người, cũng chẳng nghĩ điều ác. Ví như có giặc cướp rút đao uy hiếp người, nhưng chẳng làm hại. Như vậy, hành giả biết miệng cứng cỏi mà tâm ngu si.

Bài tụng rằng:

Miệng nói cứng cỏi, tâm chẳng hại
Ưa khủng bố người, không gì khác
Ví như rút đao mà không chém
Miệng thô, tâm si cũng như vậy.

–Thế nào gọi là người miệng thô, tâm chứa ba độc?

Miệng nói cứng cỏi hoặc thiện với người, rồi lại thêm điều ác; bỗng dưng nghĩ điều bất thiện, cũng chẳng thể làm ác. Ví như vị khâm sai bắt được giặc cướp, ông ta ra lệnh thuộc hạ khủng bố, trách mắng, rồi lại cho người dụ dỗ, thăm hỏi; kế đó thuộc hạ lại tra khảo đánh đập. Lại có vị không hỏi thiện, ác cũng chẳng tra khảo, trách mắng. Đó gọi là người miệng thô mà chứa ba độc.

Bài tụng rằng:

Miệng nói lời cứng cỏi
Tâm sẵn chứa ba độc
Người tánh ý như thế
Chẳng thiện, chẳng làm ác.
Làm theo cách người này
Gọi là người trung gian
Khổ nhọc và an ổn
Việc ấy xen lẫn nhau.

–Thế nào gọi là người miệng si mà tâm dục?

Không biết rõ điều gì về người, cùng nói chuyện hoàn toàn không có kiến giải, chẳng hiểu thiện ác. Tâm thường tự nghĩ: ý nghĩa của mục đích hướng đến là nên làm gì, để cho người thêm lợi ích. Đã đến được mục đích như điều mong ước rồi, mà không quên chủ ý ban đầu. Ví như đêm tối, khởi mây, đổ mưa. Người miệng si tâm dục cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Có người miệng si mà tâm dục
Miệng nói ra lời chẳng hiểu rõ

Như rồng phun mưa mà chẳng sấm
Miệng si tâm dục cũng như thế.

–Thế nào gọi là miệng si tâm cứng cỏi?

Chẳng thể làm việc thiện, cũng chẳng thêm điều ác, thường nghĩ rằng dùng cách gì để làm hại người. Nếu có cách rồi thì liền làm ngay để hại người. Ví như dùng tro phủ lên than đỏ, người đi trên đó liền bị phỏng chân, miệng si tâm nộ cũng như thế.

Bài tụng rằng:

Miệng si mà tâm cứng
Chẳng nhu, không nói ác
Ôm ác gán cho người
Chẳng nghĩ tạo thiên lợi.
Lời nói chẳng rõ ràng
Chứa ác ở trong tâm
Như tro phủ than đỏ
Nếu giẫm, thiêu thân người.

–Thế nào gọi là miệng si, tâm tăm tối?

Chẳng thể dùng điều thiện ban bố cho người, tâm cũng chẳng thể nghĩ thêm điều ác. Đối với điều thiện, ác của người khác, không tăng, không giảm. Vì sao? Vì không có uy lực. Ví như lửa tàn dùng tro phủ lên, nếu mang cỏ khô và phân bò khô, chất đống trên đó, tay chạm chân đạp, không thể thiêu cháy được và cũng chẳng bị phỏng. Vì sao? Vì không còn có khả năng phát hỏa. Miệng si, tâm tăm tối cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Người miệng nói ngu si
Và trong lòng hắc ám
Đều chẳng thường nghĩ ác
Cũng chẳng luôn nghĩ thiện.
Chẳng thể thành việc được
Cũng có thể làm nên
Như vội vàng thổi, nấu
Không thể nào chín được.

–Thế nào gọi là miệng si, tâm chứa ba độc?

Miệng nói không xâm phạm, cũng chẳng làm ích lợi người, trong đó có chút ít tổn hại thì ngày đêm suy nghĩ, do đâu mà tổn hại đến người, lại

nghĩ làm sao để lợi người. Hoặc tâm niệm: chẳng làm tổn hại, hay lợi ích cho người. Ví như chiếc bình cũ chứa đầy vật sạch, hoặc chẳng sạch, rồi đậy miệng lại, chẳng thấy gì bên trong, có nói mới biết. Miệng si tâm chứa ba độc cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Tánh ưa làm ngang ngược
Miệng nói chẳng chừa gì
Mà chứa dâm, nộ, si
Đầy ắp điều xú uế.
Ví như bình cũ lớn
Chứa vật tịnh, bất tịnh
Chẳng thể ích cho người
Cũng không làm tổn hại.

Là Pháp sư thì dùng mười chín việc này quán, quán xét tánh tình của người mà giảng nói pháp cho họ. Với người có tướng dâm thì giảng thuyết thế nào? Vì họ mà giảng rằng, người quen thói dục nhiều khi bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ. Sau khi được thoát ra lại làm loài chim dâm dục như là oanh vũ, sẻ xanh, bồ câu, uyên ương, ngỗng, vịt, khổng tước, và loài dã nhân vượn, khỉ. Nếu trở lại làm người thì đa dâm, phóng dật, cẩu thả, vội vàng, hung bạo. Nên quán sát điều này, sắc đẹp và thân người, quán biết là tội lỗi, dơ uế, xấu xa, mong manh, bất tịnh. Chớ quen thói dâm dục.

Bài tụng rằng:

Người quen dâm dục nhiều
Kiêu mạn, mau tự đốt
Trong loài người, súc sinh
Hoặc địa ngục, ngạ quỷ.
Sinh ra rồi tự hại
Lửa trần lao thiêu hủy
Muốn được thoát chốn này
Tùy thuận nên giảng nói.

Nếu người sân si nhiều thì tùy theo nếp sống của họ mà nói pháp thích ứng. Nếu nhiều sân giận thì bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ. Từ chốn ác thoát ra sẽ làm các loài thú độc, quỷ mị, La-sát, phản túc, nữ quỷ, hỗn quỷ, lại làm sư tử, hổ sói, rắn hổ mang; trùng độc, muỗi nhặng, sâu, ong, loài trùng nhiều chân. Nếu từ chốn này trở lại nhân gian thì hình mạo

xấu xí, chẳng ai ưa thích, thường chết yểu, nhiều tật bệnh, thân thể bất toàn. Vì tội lỗi phân minh như vậy, nên thực hiện lòng Từ, trừ bỏ sân giận.

Bài tụng rằng:

Người ôm nhiều sân giận
Mọi người ai cũng ghét
Mang tội đọa cõi ác
Nhiều bệnh chẳng an ổn.
Đọa làm quỷ, thú độc
Sinh làm người hạ tiện
Người hành trì tâm Từ
Liền dứt trừ sân giận.

Nếu người nhiều ngu si, thì vì họ nói pháp này: U mê quá mức thì chết bị đọa vào đường địa ngục, ngạ quỷ. Nếu đọa vào súc sinh thì làm những loài thú ngu đần như là trâu, bò, cáo, chó, la, lừa, heo. Nếu trở lại làm người thì tánh chẳng cương quyết, nhãn căn yếu, không rõ, mang nhiều tật bệnh, sáu loài tình cảm chẳng đầy đủ, sinh trong loài dã nhân, man rợ, từ chỗ tối tăm này nhập vào chốn tăm tối khác. Vì vậy dạy cho họ quán mười hai nhân duyên để diệt trừ cội gốc của ngu tối.

Bài tụng rằng:

Người quen thói ngu si
Các căn chẳng hoàn bị
Sinh trong loài trâu, dê
Sau đọa vào địa ngục.
Nếu mà người tu học
Nguyện vượt đường ác này
Muốn thoát khỏi tăm tối
Nên quán mười hai duyên.

Nếu người nhiều dâm, nộ nên thực hiện hai việc: Quán bất tịnh và hành tâm Từ. Nếu nhiều dâm, si thì nêu giảng hai việc: Rỗng không và Từ, nếu nộ si mạnh, thì nói hai việc: dẫn dắt dùng lòng Từ và hiểu rõ gốc si.

Bài tụng rằng:

Hành Từ, quán Bất tịnh
Đối trị dâm, nộ, si

Dạy người ngu chẳng rõ
Sắc nơi mười hai duyên.
Nếu người sân giận mạnh
Và si quá tăm tối
Vì họ giảng tâm Từ
Gốc mười hai nhân duyên.

Nếu có người miệng dâm mà tâm dục, thì vì họ mà nói ý nghĩa vô thường, tịch tĩnh. Còn tâm nộ mà miệng sân thì chỉ giảng nhân từ. Miệng si, tăm tối thì giảng về mười hai duyên. Ngoài ra, bốn loại đầy đủ các bệnh: Một là miệng dâm, tâm ôm ba độc; hai là miệng đầy đủ nộ, dâm, sân, si; ba là miệng ngu, trong chứa ba cấu; bốn là người thuần chứa ba độc, thì vị Pháp sư nên giảng giải cho họ vì họ mà nói pháp giáo hóa, khiến tĩnh lặng, quán gốc nhân duyên. Vì sao? Vì nơi họ phiền não cấu uế dày đặc, chứa nhiều tội lỗi, tự trói buộc mình. Tuy là gặp pháp, nhưng chẳng thấy Thánh đế, chỉ nên dạy họ tụng đọc, khuyến khích tinh tấn. Nhờ vậy, nên chuyên vào việc đọc tụng mà phiền não trở nên cạn mỏng. Tuy chẳng đắc đạo nhưng có thể sinh Thiên.

Bài tụng rằng:

Có người hành phạm dâm
Mà tâm sân hận, si
Nên dạy đọc tụng kinh
Và khuyên làm việc phước.
Thì phiền não tuy mạnh
Nhưng nhờ đó trừ tội
Bởi do phương tiện ấy
Mà mau được sinh Thiên.

Ví như có người chăm sóc vườn cây, san bằng gò đống cao, thấp, tưới tẩm đúng thời, nhổ bỏ gai gốc; cỏ dại, lau lách, cành nhánh cong queo, đâm ngang không hàng lối đều phát chặt hết, đem bỏ bên ngoài bờ rào, khiến khu vườn quang đãng. Cây cối không vướng, rễ xanh lá tốt, đều được giữ gìn, khiến không gãy ngã. Vì vậy nên cây cối lớn nhanh, hoa quả trĩu cành. Người tu hành nhận lãnh lời dạy của thầy diệt trừ các thứ uế dục, tưởng dâm, nộ, si. Vì vậy cho nên sự tu hành càng tăng tiến, cho đến lúc đắc đạo.

Bài tụng rằng:

Cây cối mọc cong, quẹo

Đâm chĩa chẳng thẳng hàng
Gai gốc, các thứ dơ
Dọn sạch, khiến ngay ngắn.
Dùng bao nhiêu phương cách
Sửa soạn mới thành được
Tu hành chăm cây pháp
Theo kinh cũng như vậy.
Trừ các dâm, nộ, si
Nhân trăm ngàn lời thầy
Diệt bỏ các tội lỗi
Như người chăm sóc cây.

Pháp sư thuyết pháp xem xét bốn việc:

1. Học rộng mà được đến với đạo.

2. Mang lòng tin đến với đạo, đối với chỗ học vấn thì không thể luận bàn nghĩa lý.

3. Học rộng mà đạo đức chưa thành tựu.

4. Không hiểu biết, không đạo đức.

Lại có bốn pháp:

1. Ban đầu do Pháp sư, thọ nhận lời dạy của Pháp sư mà biết nghĩa, hiểu pháp.

2. Tuy hiểu nghĩa nhưng chẳng thể đạt được chỗ nhiệm mầu.

3. Phân biệt được pháp cạn chứ chẳng thể đến chỗ sâu xa.

4. Chẳng biết ý nghĩa, cũng chẳng hiểu rõ.

Học pháp như thế là đã tập hạnh khổ sở vô ích. Ví như hai người đều chẳng biết bơi lội bị rơi vào chỗ nước sâu, muốn cứu nhau thoát khỏi, nhưng lại bị chết chìm. Ví như người mù dắt người đui muốn đến nơi nào đó, giữa đường mờ mịt, chẳng tới nơi được. Người chẳng biết nghĩa, cũng chẳng thông tuệ mà muốn thuyết pháp, muốn cứu độ người, cũng giống như thế.

Bài tụng rằng:

Ví như người học rộng
Điều thiện nhiều vô số
Đã đạt Ba-la-mật
Như người vượt biển lớn.
Nếu người như thật tịnh

Nhưng không có trí tuệ
Chỉ nắm được điều chính
Chẳng thể đạt nghĩa sâu.
Nếu người tập vào đạo
Tùy thuận chẳng trái luật
Luôn luôn kính thọ giáo
Như vậy có tỉnh thức.
Như gần bậc tôn quý
Chắc chắn được lợi nhiều
Người học đạo tu hành
Mà cầu hiểu biết nghĩa.
Thì chỉ hiểu nghĩa thôi
Chẳng thể đạt thâm diệu
Như người ăn canh không
Chẳng có hạt cơm nào.
Như theo thầy học nghĩa
Chẳng rõ biết lý mầu
Chẳng thể hiểu đại đạo
Chẳng đạt tuệ chân chánh.
Giả sử chẳng vào đạo
Chẳng thể phân biệt nói
Chẳng hiểu rõ trí tuệ
Không nghĩa, chẳng biết gì.
Như mù muốn dẫn đui
Chẳng thể đi đâu được
Không nghĩa cũng không trí
Cũng giống như vậy thôi.

Người tu hành có ba hạng:

1. Thân hành đạo mà tâm chẳng làm theo.

2. Tâm hành đạo nhưng thân chẳng theo.

3. Thân tâm đều hành đạo.

–Thế nào là thân hành đạo mà tâm chẳng theo?

Giả sử người tu hành ngồi kiết già ngay ngắn, như cây đứng yên chẳng từng dao động, tuy biểu hiện tướng này, nhưng nội tâm buông thả, luôn nghĩ về sự trơn láng, mịn màng của sắc, thanh, hương, vị, điều cần sửa đổi thì chẳng sửa đổi, mong cầu tất cả, tâm buông lung, chẳng được

tự tại. Ví như thây chết vất ở bãi tha ma, hổ lang, cầm thú, chim, chó, cáo, tranh nhau ăn thịt, thân định, tâm loạn, cũng giống như vậy. Đây là hạng người tu hành đạo đức mà thân định, tâm loạn.

Bài tụng rằng:

Kiết già, ngồi ngay thẳng
Bất động như Thái sơn
Nhưng trong tâm mê loạn
Giống như voi sa vực.
Người tu hành như vậy
Thân định mà tâm loạn
Giống như hoa trái mùa
Không tạo quả mà rụng.

–Thế nào là người tu hành có tâm hợp với đạo mà thân chẳng theo?

Thân chẳng ngồi thẳng mà thành tựu bốn Ý chỉ, bốn Niệm xứ khi ấy tâm tuy định mà thân chẳng ngồi yên.

Bài tụng rằng:

Nếu như tâm tánh tự điều hòa
Trụ bốn Ý chỉ, không tướng khác
Khi ấy gọi là bốn Ý chỉ
Tuy thân chẳng định tâm chẳng loạn.

–Thế nào gọi là người tu hành, thân tâm đều định?

Thân ngồi ngay thẳng, tâm chẳng buông thả. Các căn đều tĩnh lặng, chẳng giong ruổi theo các duyên bên ngoài. Ngay khi ấy, thân tâm đều định, hoàn toàn chẳng lay động, do đó biết là thân tâm đều định.

Bài tụng rằng:

Thân và tâm đều định
Trong, ngoài chẳng buông thả
Tĩnh lặng, ngồi kiết già
Như trụ vững, khó lay.
Thấy sự thật sinh tử
Như nước xoáy vây bờ
Thân và tâm tương ưng
Mau thành đạo, đắc quả.

Người tu hành chuyên cần tinh tấn, tu đạo không động chuyển, như vậy mau đạt đến Niết-bàn tịch tĩnh.

Bài tụng rằng:

Giảng thuyết bao nhiêu nghĩa chính yếu
Như sữa, mật trộn vào thức ăn
Người không dua nịnh, thường theo pháp
Dùng giáo pháp Phật tự điều hòa.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 3

Phẩm 9: KHUYẾN Ý

–Theo phương pháp tu hành, thì dùng cách gì để tự định tĩnh tâm mình?

Tôi đã từng nghe:

Ngày xưa có một vị quốc vương muốn tuyển chọn một người thông minh trong nước để làm phụ thần. Bấy giờ, nhà vua tạm bày ra vô lượng cách thức khéo léo, tuyển chọn được một người thông minh quảng bác, ý chỉ rộng lớn, cao nhã, oai dũng nhưng không hung bạo, danh đức đầy đủ. Nhà vua muốn thử người này để biết như thế nào, cho nên dùng trọng tội gán ghép ông ta, ra lệnh cho sứ thần đựng đầy dầu trong bát, khiến ông ta bưng từ cửa phía Bắc đi về cửa phía Nam, cách thành hai mươi dặm, có khu vườn tên là Điều hý, bưng qua nơi ấy. Nếu người bưng dầu mà làm rơi một giọt thì chém đầu, khỏi cần tâu hỏi.

Bài tụng rằng:

Giả sử người ấy đến vườn Hý
Theo lời ta dặn chẳng đổ dầu
Nên kính người ấy như thân ta
Giữa đường đổ dầu thì chém đầu.

Lúc này, quần thần nhận lệnh nghiêm trọng của vua, đổ đầy dầu vào bát, giao cho người kia, người kia hai tay bưng bát dầu mà lòng vô cùng lo lắng, tự nghĩ: “Dầu đầy bát, mà thành ấp lại đông người qua lại, xe, ngựa, người xem đầy đường. Ví như nước lặng yên mà có gió thổi thì nước nổi sóng.” Người cũng như vậy, tâm chẳng an ổn. Rồi lại tự nghĩ: “Không một ai khuyên ta cố gắng và bảo ta đừng sợ hãi! Dầu trong bát ấy, chỉ bưng đi bảy bước thôi, còn chẳng thể tới được, huống là khoảng đường như thế.” Người này lo lắng, chẳng biết trông cậy vào đâu, ôm lòng sợ hãi.

Bài tụng rằng:

Thấy người voi, ngựa và xe cộ
Gió lớn thổi nước, tâm như thế
Lòng ôm sợ hãi chẳng đến được
Đâu thể làm xong sự việc này.

Người ấy lại nghĩ: "Nay ta chắc chết, chẳng còn nghi ngờ gì nữa! Nhưng nếu có thể bưng bát, khiến dầu không đổ, đến được vườn kia thì bấy giờ mới thoát chết." Phải thực hiện cách này: "Nếu thấy điều phải, điều quấy mà tâm chẳng động, chỉ nghĩ đến bát dầu, ý chí chẳng duyên vào việc gì khác, nhiên hậu mới đến đích." Khi ấy, người kia bình tĩnh từ từ bước đi. Lúc đó, quần thần, quân lính và người xem vô số trăm ngàn đi theo xem, như mây vần vũ bao quanh Thái sơn.

Bài tụng rằng:

Người kia ôm bát tâm cương quyết
Dọc đường thấy biết bao người xem
Dân chúng vây quanh kéo đi theo
Ví như sông biển nổi mây lớn.

Khi người ấy đang bưng bát, tiếng đồn vang xa đâu cũng nghe, vô số người tập trung đến, họ đều nói: "Nhìn y phục, hình thể, cử động của người này nhất định phải là tử tù." Tin tức về người này truyền đến gia đình, cha mẹ, họ hàng đều nghe, tất cả cùng chạy tới, đến chỗ người con kia, kêu gào, khóc la bi thảm. Nhưng người ấy chú tâm, chẳng ngoái nhìn cha mẹ, anh em, vợ con và thân quyến, tâm chỉ gắn vào bát dầu, không móng khởi ý niệm nào khác.

Bài tụng rằng:

Con cái gào khóc lệ như suối
Kể lể lắm điều gọi kêu cha
Tâm ôm sợ sệt chẳng biết ai
Chuyên tinh, giữ ý mà bưng bát.

Đám đông bàn tán, bảo nhau réo gọi, ba lần như thế. Khi ấy, người trong cả nước đều tập trung đến, người xem quấy nhiễu kêu réo chấn động, đuổi chạy theo nhau, giẫm đất bụi nổi, san sát nối tiếp, không có khoảng hở. Người ấy chú tâm, chẳng nhìn nơi đám đông.

Bài tụng rằng:

Mọi người kêu réo mãi không thôi
Trước sau nối tiếp không khoảng hở

Nhưng người bưng dầu chẳng nhìn thấy
Như sấm trời mưa, không hại gì.

Người xem lại nói: "Có người con gái đi đến, đoan trang, sắc diện rạng rỡ, cả nước không ai bằng, như mặt trăng tròn đầy độc sáng giữa các vì sao, tươi tắn như hoa sen, đang đi trên đường lớn. Vóc dáng cao sang, phong thái hơn người, giống như ngọc nữ, lại tợ như hoàng hậu của vua trời Đao-lợi, tự là Hộ Lợi, đoan trang hết mực, chư Thiên và loài người ai cũng kính trọng. Nay ở đây, người con gái này cũng rực rỡ như vậy, có khả năng biểu diễn tám loại vũ khúc, âm thanh trong trẻo êm ái, người nghe đều hoan hỷ."

Bài tụng rằng:

Cử chỉ thì thong dong
Ca múa chẳng lỗi nhịp
Tâm luôn luôn vui vẻ
Làm cảm động mọi người.
Xướng ca tiếng thương cảm
Thân hình thì uyển chuyển
Chẳng mau cũng chẳng chậm
Y phục luôn tề chỉnh.
Bảy loại âm vi diệu
Thuật lại có năm mươi
Ba nghiệp đều thanh tịnh
Tiết cung, thương hòa hợp.
Thân từ đầu đến chân
Trang nghiêm anh lạc báu
Nói năng thì êm dịu
Giống như cam lồ rơi.

Bấy giờ, người ấy nhất tâm bưng bát, chí chẳng lay động, cũng chẳng nhìn ai. Người xem đều nói: "Thà hôm nay được nhìn dung nhan người con gái kia thì chết đi cũng chẳng ân hận, hơn là sống lâu mà chẳng được thấy." Người ấy tuy nghe lời này nhưng vẫn chuyên chú bưng bát, chẳng để ý đến.

Bài tụng rằng:

Khéo léo và thong dong
Nhảy múa rất tuyệt vời
Tất cả người ham thích
Ví như vợ của ma.

Làm động người lìa dục
Huống gì kẻ phàm phu
Đi đến bên người ấy
Bưng bát tâm chẳng chuyển.

Ngay lúc ấy, có con voi say to lớn chạy xông vào đường lớn. Mọi người bảo nhau: "Voi say đến, nó giày đạp chúng ta chết tức khắc. Đây là loài yêu mị hóa làm hình voi gây nhiều nguy hại, chẳng chừa một ai", thân hình nó lở loét, da dẻ sần sùi, từ đùi vế to lớn, chất độc chảy xuống, lưỡi đỏ như máu, bụng sệ sát đất, miệng môi trệ xếch, bước đi nghinh ngang, không gì câu thúc, thân dính máu người, ngang nhiên tự tác, không gì trở ngại, giống như nhà vua; nhìn xa như quả núi, tiếng gầm rền vang như tiếng sấm cất cao vòi lên một cách giận dữ.

Bài tụng rằng:

Voi lớn sức mạnh thật khó đương
Thân có máu chảy như suối nguồn
Giày đất bụi tung, vòi giơ cao
Như muốn làm hại hết mọi người.

Như vậy, voi ấy khủng bố những người xem, khiến họ chạy tứ tán, phá tan binh lính, các voi khác chạy hết. Tất cả người trông thấy đều muốn hại cho nó chết nên chặt cây to giăng ra, tuy bị đụng cây đau đớn nhưng nó chẳng sợ gì.

Bài tụng rằng:

Phá người và đàn voi
Làm người sợ hoặc chết
Phá hại các nhà cửa
Bươn chạy chẳng sợ gì.
Tiếng đồn lan xa gần
Tính khí rất hung hăng
Ngang tàng không kiềm thúc
Chẳng mong gì cao xa.

Bấy giờ, các nhà buôn bán, quán xá ở ngã tư đường, chợ búa, xóm làng đều sợ hãi thu dọn hàng hóa đậy cất, đóng cửa; sợ nhà cửa bị đập phá sập, mọi người đều chạy tránh. Lại có thợ giết voi, nhưng cũng không có ai chế ngự được, nó lại càng nổi sân giẫm đạp các loài voi, ngựa, trâu, dê, heo, bò, xéo nát các cổ xe, vung vãi tứ tung.

Bài tụng rằng:

Các nơi quán xá đều đập cất
Hại người, súc vật, giẫm nát xe
Thấy việc như vậy đóng nhà cửa
Tan hoang như cướp phá bản doanh.

Hoặc có người chứng kiến, chấn động sợ hãi chẳng dám rục rịch. Hoặc có người kêu oán than thở, khóc lóc. Lại có kẻ hôn mê chẳng biết. Có người chưa kịp mặc áo, bỏ chạy. Có kẻ mê lầm chẳng biết đông tây. Lại có kẻ chạy nhanh như gió thổi mây chẳng biết đến đâu. Trong đó có kẻ sợ quá nằm áp bụng sát đất. Lại có kẻ cùng quẫn lắp tên vào cung toan bắn, hoặc cầm đao nhọn muốn đâm, trong đó có người thất sắc, hoảng hốt, nói xàm. Hoặc có kẻ giận dữ mắt đỏ kè. Lại có người đứng chỗ vắng, từ xa nhìn lại vui vẻ. Tuy có người cầm binh trượng nhưng chẳng thể thi thố gì được.

Bài tụng rằng:

Với việc này mê sợ
Cũng có kẻ thương khóc
Kinh hãi, chẳng gì ngăn
Lại có người cầm gậy.
Kẻ sợ sệt nằm xuống
Người xa chẳng tự biết
Kẻ gặp vậy chẳng yên
Đều do thấy voi say.

Khi ấy, có người biết chú thuật thuần hóa voi, tâm tự nghĩ: ta đã tự học phương pháp điều khiển voi, cách thức hay, dở gồm có tám trăm thứ, ta xem voi này hầu như không có cách nào trong ấy. Ta nay phải quán sát kỹ xem nó phát xuất từ chủng loại nào? Loại thượng có bốn, hay là loại trung, loại hạ? Do quán sát mà biết được, liền cất cao giọng trì tụng thần chú.

Bài tụng rằng:

Thiên vương trao kim cương
Ta có lời vi diệu
Trừ được mọi cao ngạo
Ốm yếu khiến khỏe mạnh.

Ngay lúc đó, người kia cất tiếng nói: "Các người sáng suốt, không có tự tại, cũng không nổi nóng, trừ bỏ ân ái, vâng làm theo pháp, tu hành thành tín, đạt đến mục đích. Hãy bỏ mọi cao ngạo, để tâm an ổn." Rồi nói hai bài kệ này của Tiên thánh xưa.

Dâm dật và nộ si
Ba thứ phá đời này
Thành đạo, hết các cấu
Nhiệt não được tiêu trừ
Dùng pháp chí thành kia.
Tu hành cũng như thế
Cốt là xin Tượng vương
Trừ hoặc bỏ cuồng ngông.

Voi nghe lời giáo huấn chính đáng này liền bỏ tự tại, tự hàng phục tâm, thuận theo lẽ phải, đi trở về chuồng, chẳng còn nhiễu hại, phạm đến mọi người. Người bưng bát kia chẳng hay voi đến cũng chẳng biết voi đi. Vì sao? Vì chú tâm, sợ chết, nên không còn nghĩ gì khác.

Bài tụng rằng:

Thấy voi như mưa dữ
Nhưng tâm chưa từng loạn
Mưa ấy tuy đã dứt
Bầu trời vẫn chẳng sáng.
Người ấy cũng như vậy
Chẳng biết voi đến, về
Trụ tâm, bưng bát dầu
Như cất báu chẳng quên.

Lúc ấy, người xem, vì bị quấy nhiễu chạy tứ tản khắp nơi, nên trong thành phát hỏa thiêu đốt các cung điện và nhiều nhà báu, lầu gác, đài cao, hiện ra ánh sáng rực rỡ kỳ lạ, lần lượt tiếp nối giống như ngọn núi lớn, không có gì là chẳng thấy, khói tỏa cùng khắp, lửa vẫn bừng cháy.

Bài tụng rằng:

Thành ấy giàu sang, rất đẹp đẽ
Cung điện, nhà cửa thật nguy nga
Nhưng khói xông tỏa khắp mọi nơi
Lửa cháy như người muốn tự đốt.

Khi lửa cháy thành thì các loài ong đều phóng ra nọc độc chích người. Người xem bị đau nhức, kinh hãi bỏ chạy, trai gái già trẻ, sắc diện biến thành xấu xí, đầu rối, mình trần, đồ trang sức quý giá rơi mất, bị khói xông nên chảy nước mắt; thấy ánh lửa từ xa, trong lòng sợ sệt, chẳng biết chạy đến đâu, kêu nhau ơi ới; cha con, anh em, vợ chồng, nô tỳ dặn nhau tránh lửa, tránh nước, chớ rơi xuống bùn, mới được an ổn.

Bài tụng rằng:

Trong lòng lo rầu, chẳng tự biết
Nhà cửa, thân tộc và nô tỳ
Cỡi các voi ngựa, buồn rầu chạy
Nói có lửa lớn, nên tránh đi.

Bấy giờ, quan binh đến dập lửa. Người ấy chuyên chú nhất tâm bưng bát, không rơi một giọt, chẳng biết khi lửa bốc cháy và tàn lụi. Vì sao? Vì giữ tâm chuyên ý, không nghĩ gì khác.

Bài tụng rằng:

Có số đông mê hoặc
Như chim gặp lửa bay
Lửa ấy đốt điện nhà
Khói xông như mây cuộn.
Đầu rối và kinh sợ
Bỏ chạy tránh khỏi lửa
Chú tâm vào bát dầu
Chẳng hay lửa cháy tàn.

Cùng lúc, năm sắc mây nổi lên, trời sấm chớp lớn.

Bài tụng rằng:

Đã nổi mù lớn, mưa trái thời
Gió dậy thổi mây khiến mù mịt
Không trung khắp chỗ trời tăm tối
Giống bầy voi dữ, mây cũng vậy.

Rồi cuồng phong nổi dậy, thổi đất tung bụi, cát sỏi ngói đá chận ngăn khắp nẻo đi, cây ngã, cành gãy hoa quả rơi rụng.

Bài tụng rằng:

Gió nổi dậy, tung bụi khắp nơi
Mây đen ùn kéo giăng cùng khắp
Gió mạnh sập tối, chẳng thấy nhau
Sấm chớp giáng xuống, ai cũng kinh.

Lúc này, mây lớn tóe sáng, sấm sét giáng xuống. Loài khổng tước đều kêu, trời liền trút mưa đá. Tuy có biến động này nhưng người kia cũng chẳng nghe. Vì sao? Vì chỉ nghĩ đến bát dầu.

Bài tụng rằng:

Khi voi ấy bươn chạy

Giống như mây lớn nổi
Mưa đá tắt gió lớn
Trốc cây làm hư nhà.
Người ấy đều chẳng thấy
Lành, dữ nào có hay
Chẳng biết gió, mây khởi
Chỉ quán chén dầu đầy.

Bấy giờ, người ấy bưng bát dầu đầy đến khu vườn kia, không rơi một giọt. Binh lính, sứ thần đều trở về cung vua, tâu bày đầy đủ với vua về các tai nạn, và người bưng bát chuyên tâm không động, đã về đến khu vườn, không rơi một giọt. Vua nghe tâu khen rằng: "Người này khó sánh kịp, là người hùng trong loài người, chẳng ngoái nhìn thân thuộc và ngọc nữ, chẳng nao núng trước họa hoạn, voi dữ, nước lửa, điện chớp, sấm sét. Ta đây nghe tiếng sấm còn kinh ngạc, sợ hãi, tuy có người tâu trình nhưng chẳng tỉnh. Hoặc có người bị phân tán tâm thần mà chết. Hoặc có người nữ đang khỏe mà bị hư thai, người này là chỗ dựa của muôn dân nhưng chẳng ai biết, tuy là gặp các nạn, nhưng tâm chẳng động, con người như vậy, không có việc gì là chẳng làm được. Tâm vững chắc như thế, không bao giờ sợ nạn. Vua địa ngục tra khảo có thể ăn kim cương." Nhà vua hoan hỷ, lập làm đại thần.

Bài tụng rằng:

Thấy thân tộc khóc lóc
Và voi say quậy phá
Tuy gặp các nạn sợ
Nhưng tâm chẳng lay động.
Vua thấy người kiên định
Không lay chuyển như thế
Nên thân ái, kính trọng
Lập lên làm đại thần.

Do tâm của vị chánh sĩ ấy kiên cố, dù gặp các việc tốt xấu và các tai nạn khủng khiếp, tâm chỉ chẳng chuyển di, nên được thoát tội chết, lại được giàu sang, trường thọ. Người tu hành chế ngự tâm cũng như vậy, tuy có các họa hoạn và dâm, nộ, si đến nhiễu loạn các căn nhưng luôn giữ tâm chẳng theo, nhiếp ý làm đầu, quán sát trong thân thể mình và bên ngoài thân thể người, pháp của tâm thọ cũng lại như vậy.

Bài tụng rằng:

Như người bưng bát mật
Chẳng động không rơi đổ
Tuệ mầu ý như biển
Chuyên tâm bưng bát dầu.
Nếu người muốn học đạo
Phải giữ tâm như thế
Tâm chứa các đức sáng
Trừ hết tất cả tội.
Sắc dục có bao nhiêu
Tái khởi ở nộ si
Có chí, chẳng phóng dật
Tĩnh lặng để tự chế.
Thân người có bệnh tật
Dùng thuốc để chữa lành
Tâm bệnh cũng như thế
Bốn Ý chỉ nhằm trừ.

Người tâm kiên cường, năng lực ý chí như vậy, thì dùng móng tay phá được núi tuyết, dùng cọng hoa sen đâm thủng núi vàng, dùng cưa sắt cưa đứt núi báu Tu-di. Còn người không có lòng tin thì không thể hăng hái tiến lên được; ôm lòng dua nịnh, phóng túng thất niệm thì tuy sống lâu trên đời, nhưng chẳng bao giờ có thể đoạn trừ được cấu bẩn dâm, nộ, si! Người có tín, tinh tấn, chất trực, trí tuệ thì tâm họ kiên cường, cũng có khả năng thổi núi lay động, huống gì là trừ được dâm, nộ, si. Cho nên người tu hành muốn hoàn thành đạo đức thì dùng tín, tinh tấn, trí tuệ, chất trực điều phục tâm mình một cách chuyên nhất, ngay trong lúc tu hành.

Bài tụng rằng:

Chất trực tín, tinh tấn
Trí tuệ, không dua nịnh
Là năm căn trừ tội
Lìa vô số tâm uế.
Hiểu rõ vô lượng kinh
Tự biết là Phật dạy
Chỉ lấy lời cốt yếu
Phân biệt nghĩa vô lượng.

-oOo-

Phẩm 10: LÌA ĐIÊN ĐẢO

Công đức Đấng Giác Ngộ cao vời
Giống như học thuật ở chỗ vắng
Dòng trí tuệ trong thân lành báu
Xin cúi đầu lạy Đại sơn vương.
Từ trời cao giáng xuống
Biết hướng, không mê lầm
Phật chẳng từ thai sinh
Chẳng vào cũng chẳng ra.
Chẳng bị các khổ não
Chẳng đắm, chẳng điên đảo
Đức trọng, không đắm vướng
Quy mạng, vượt sinh tử.

Người tu hành, có kẻ luôn luôn biếng nhác, nên đối với pháp vi diệu khó hiểu, khó thấu chẳng phân biệt, nên biết rõ nguồn gốc các khổ, đoạn trừ các tập, chứng đắc nẻo diệt và tu niệm về đạo. Ví như có người lấy một sợi tóc chia tách làm trăm phần, rồi nối lại như cũ, không để suy suyễn, việc này rất khó phải không?

Đáp:

–Rất khó! Rất khó! Có thể dùng các loại thuốc huyễn hóa, thần chú mới nối tóc lại như cũ. Đạo Nê-hoàn chẳng dùng phương cách này để thành lập. Tuy chúng ta chưa có khả năng đạt đạo, nhưng người chứng ngộ sẽ có phương tiện.

Bài tụng rằng:

Thường mạnh tiến hướng cửa giải thoát
Muốn rõ việc này khó thật khó
Nỗ lực khuyến tu không thoái chuyển
Như khoan sâu đất, được nước suối.

Thường khởi quán thế này: Mau chóng thành tựu không gì bằng Nê-hoàn, chẳng cầu từ đâu khác, từ do tâm địa đến. Do từ người khác mà được mới là khó, chứ do sự chuyên cần của ta mà đạt được thì có khó gì đâu. Lại nên khởi nghĩ thế này: Chỉ dùng để quán để dụ tâm thăng tiến, như dụ đứa bé, gọi nó đi tới trước, đến để lấy vật trong tay mà ăn. Đứa bé đến nơi, mở hai tay ra chẳng có gì hết. Cái thấy điên đảo của thế nhân cũng như thế, vô thường cho là thường, khổ bảo là vui, vô ngã cho là hữu ngã thân, không

bảo là thật. Bỏ bốn điên đảo, khởi quán "Vốn không". Như vậy mới gọi là thuận theo lời giáo huấn của Đức Phật.

Bài tụng rằng:

Người chẳng hiểu "vốn không"
Thường nghĩ vui là tịnh
Ví như lấy nắm tay
Dùng để dụ trẻ thơ
Người điên đảo cũng thế
Cứ tưởng là có ta
Vì họ rọi ánh sáng
Như trong tối thắp đèn.

Đầu tóc mà ta có chẳng thể tồn tại lâu dài, cũng chẳng phải là sạch sẽ, chẳng an ổn, là vô ngã. Dùng phép quán ấy quán tất cả đều như thế, khuyên phát tâm quán chiếu ấy, như người sáng mắt cầm đuốc đi vào nhà trống, xem không thấy người, cũng không thấy gì khác. Người quán xét kỹ cũng giống như thế. Quán sát bản chất của sắc thấy là vô thường, khổ, vô ngã chẳng phải thân. Kẻ có kiến chấp hư vọng thì trở lại tự ràng buộc mình. Người quán rõ về không thì đâu có gì ngăn ngại. Hiện có thể thấy nghe đạt được Đạo tích, rồi Vãng hoàn, Bất hoàn cùng Vô sở trước, đạt được bình đẳng giác. Họ là người, ta cũng là người, họ thành đạo thì vì lý do gì mà chỉ riêng ta chẳng đạt được. Người tu hành tự khuyến khích tâm như thế, xả bốn điên đảo, chuyên tâm tu hành.

Bài tụng rằng:

Tóc, lông, móng, xương, thịt
Và các hình sắc khác
Đến mê hoặc tâm pháp
Làm rối loạn năm ấm.
Vô thường, khổ, bất an
Vô ngã và bất tịnh
Thân như nhà gò trống
Người sáng suốt quán vậy.

-oOo-

Phẩm 11: HIỂU RÕ THỨC ĂN

Phật ở rừng Ba chất

Thiên đế dâng trăm vị
Lại ở thành Xá-vệ
Ba-tư-nặc cúng dường.
Tỳ-lan-nhã thiết trai
Cơm tuy có vị ngon
Thọ với tâm bình đẳng
Kính lễ Đấng Vô Trước.
Tuy dùng cơm này rồi
Chẳng đắm, chẳng vì sắc
Cũng chẳng tạo kiêu mạn
Trừ bỏ mọi cao ngạo.
Thọ cúng dường nơi ấy
Như vượt đại lộ vắng
Chẳng vì cầu ngon ngọt
Vì vậy xin đảnh lễ.

Bấy giờ, người tu hành nên quán về thức ăn: "Dù cho món ăn có trăm vị hay món ăn dở, thì khi vào trong bụng như nhau, không có gì khác. Đưa thức ăn vào miệng nhai, cùng hòa với nước miếng và thứ nôn ra giống nhau. Nếu vào sinh tạng thì thân hỏa nung nấu, nước trong thân làm tan ra, gió thổi xoay vần, dần dần tiêu hóa, đưa vào thục tạng, chất cứng là phân, chất nước là nước tiểu, bọt là nước mũi, nước miếng. Trong tạng, chất cần thiết thấm vào thành cơ thể, những chất cần thiết này chảy vào khắp các mạch, để rồi nuôi dưỡng tóc, lông, móng, răng, xương, tủy, máu, thịt, mỡ, tinh khí, đầu não." Đó là bốn đại bên ngoài nuôi dưỡng năm căn bên trong; các căn đắc lực nuôi lớn tâm pháp, khởi dâm, nộ, si. Muốn biết điều ấy thì phải suy gẫm về gốc rễ của sự ăn uống, do đó mà phát khởi.

Bài tụng rằng:

Đồ ngon, kể ra nhiều vô số
Vào trong bụng rồi khác gì đâu
Ở đó biến thành đồ bất tịnh
Cho nên người tu chẳng tham ăn.

Tuy cần ăn uống, nhưng chẳng cầu to béo, cốt là nuôi thân. Ví như viên quan lớn bắt các con chim, cắt hết cánh rồi nhốt vào lồng. Hằng ngày chọn con mập để cấp cho quan đầu bếp. Khi ấy các con chim ngày càng giảm dần. Trong đó có một con nghĩ rằng: "Con mập chết trước, nếu ta mập thì cũng chết như con trước, còn nếu không ăn thì sẽ chết

đói. Nay nên tiết chế ăn uống để cho thân không mập, cũng đừng khiến quá ốm, khiến thân thể nhẹ nhàng, ra vào không ngại, chẳng bị viên quan thấy làm hại; lông cánh có thể dần dần sinh trưởng. Nếu thoát ra lồng thì bay đi đến đâu tùy thích."

Người tu hành cũng nghĩ như thế: "Ăn uống là cốt để an thân, khiến thân thể không nặng nề, ăn uống vừa phải, dễ tiêu, ngủ ít; ngồi đứng kinh hành, thở ra vào đều an ổn, ít đại tiểu tiện; đối với thân thì làm cạn mỏng dâm, nộ, si."

Người tu hành nên quán như thế này: Ta chẳng tham đắm thân, trừ bỏ các tình dục, thân này chẳng quan trọng, xương cốt dính liền chống đỡ nhau. Nay trong thân ấy chỉ chứa đồ bất tịnh, không có gì là kiên cố, ví như oan gia không bị giam hãm, thường mang giặc oan đến làm thương tổn thân hữu; nên vận dụng nó mà cúng dường phụng sự. Ví như nhà vua, nên sử dụng thân như thế nào? Tuân theo lời Phật dạy ngồi, đứng, kinh hành, khiến không có tai hoạn; thường quán thức ăn như đồ uống tồi, biết đầy đủ các chất dơ bẩn trong đó, đem nuôi thân mạng, cốt để được hành đạo, như có thân thuộc chẳng thể vứt bỏ. Thân cũng như vậy, tắm rửa, ăn uống, y phục che thân. Như thương yêu một đứa con, thường chăm sóc chẳng khiến nó khổ vì lạnh, nóng, đói khát, chẳng bị muỗi mòng, rận rệp đốt cắn.

Như có nghịch tặc bị bắt giam vào ngục, ngục tốt tra khảo trừng trị, biết bao cách trước, sau ăn cướp vật của ai? Nhà ở đâu? Ăn cướp rồi giấu ở đâu? Đồng bọn gồm có ai? Thủ lãnh của cả bọn là ai? Dùng năm loại độc để trừng trị; chết đi sống lại, liền tự nghĩ: "Dùng cách nào để thoát khỏi sự đánh đập?" Tâm liền khai mở, nói với người giữ ngục: "Từ xa, ở nước nọ có một người con của đại trưởng giả, tên là Cấm Giới; đồ ăn trộm được, xưa nay tôi đều gởi nơi đó. Ở tại nhà đó, chúng tôi cùng đi ăn trộm, nó là bạn tôi."

Chủ ngục nghe lời, bắt con của trưởng giả nhốt cùng với tên ăn trộm kia, trong một nhà lao, cột với nhau bằng dây sắt. Khi ấy, người nhà của con trưởng giả có đem thức ăn đến, liền ăn một mình, chẳng chia cho tên ăn trộm, tên ăn trộm rất tức giận, trợn mắt nghiến răng, toát mồ hôi, than thở, muốn khởi ý ác, khiến con của trưởng giả chẳng tự che chở thân mạng mình, huống là ăn một mình. Con của trưởng giả muốn đi tiểu tiện, chẳng thể ráng chịu trong khoảnh khắc, chẳng đi đây đó, chỉ muốn đến nhà sau, liền nói với tên ăn trộm: "Cùng lên nhà xí với tôi."

Tên ăn trộm đáp: "Chỗ mà anh đến, tôi không thể đến."

Con trưởng giả bị bức bách cùng cực, bảo tên ăn trộm: "Tôi không có lỗi với anh, anh đưa tôi vào vòng lao lý. Nay tôi muốn đi tiểu, anh lại chẳng cùng đi với tôi. Nếu chẳng bị trói chung với anh, tôi chẳng bao giờ báo anh. Nếu tôi có điều gì xúc phạm anh thì cứ nói để cho tôi biết lỗi mà xin tạ lỗi."

Tên ăn trộm đáp: "Anh thật chẳng có lỗi gì, nhưng tôi đưa anh vào đây vì anh có bà con đông, tôi thì muốn tự thoát khỏi tội, chẳng muốn bị khảo tra, mong được ăn uống, cho nên mới nói dối. Anh có người mang thức ăn, lại ăn một mình, chẳng chịu cho tôi, nên tôi không đi theo anh."

Con của trưởng giả đáp: "Biết mối hận của anh rồi, từ nay về sau không bao giờ thất lễ nữa. Nếu có người mang thức ăn đến, tôi sẽ mời anh xơi trước, sau đó tôi mới ăn, để duy trì mạng sống thôi. Xin anh cùng đến nhà sau, khiến thân tôi được thư thái."

Tên ăn trộm mới đi theo. Ngày hôm sau, cơm mang đến, liền sai nô tỳ: "Hãy đưa cơm đến mời người bên cạnh trước, cơm còn dư lại mới đem cho ta."

Nô tỳ vâng lệnh làm theo lời người chủ. Khi về đến nhà, nô tỳ thưa lại đầy đủ với trưởng giả. Trưởng giả nghe nói, lòng nổi sân giận. Ngày hôm sau, đi đến ngục, gọi đứa con bảo: "Ngươi sinh vào dòng dõi giàu sang mà lại theo làm việc với bọn nghịch tặc, ác nhân, rồi cùng thân mật, gần gũi mà hoàn toàn chẳng hay biết. Điều ấy đã đưa ngươi vào vòng lao ngục."

Đứa con đáp: "Lời cha dạy rất đúng! Con chẳng kính người này, cho là thân quen. Con biết rõ nó là tên trộm. Con muốn đi tiểu tiện, ép nó chẳng đi theo. Thân nặng, bụng trướng, mắt trợn, tai ù, đầu nhức, lưng mỏi, xương sườn, ngực, như muốn bật ra, lồng ngực đầy hơi, hơi thở muốn đứt, tâm ý phiền loạn, mê man chẳng biết, chân tay rã rời, xương cốt đau nhức, mạng sống gần tàn. Đối với tình trạng tồi tệ như trên, mồ hôi toát ra, hơi thở đứt đoạn, kẻ trộm cướp nói với con: 'Ngươi phải theo ta như người bệnh theo thầy thuốc, như vậy mới được. Trước hết cho ta ăn, rồi sau mới ăn, ta sẽ theo ngươi'. Vì tham sống cho nên mới gần gũi."

Như con của trưởng giả, biết rõ kẻ trộm cướp này là oan gia, nhưng vì quá cùng quẫn nên bên ngoài tỏ vẻ như là thân mật, nhưng bên trong lại lạnh nhạt. Biết bốn đại là vật nương gởi, chẳng phải thường còn, bốn đại tăng, giảm, luôn chẳng an ổn, như rắn độc, như ảo ảnh dợn nắng, bóng trăng dưới nước, tiếng vang trong núi. Hiểu thân như thế, người hành đạo cũng

vậy, hiểu biết năm ấm toàn là oán tặc, dùng cơm áo là cốt để nuôi thân thể ấy, khiến chẳng nguy hại. Sớm tối chuyên cần tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, chẳng phải do lười biếng bỏ bê mà được thành đạo, đạt đến vô vi, vượt khỏi họa hoạn đầu cuối của ba cõi.

-oOo-

Phẩm 12: PHỤC THẮNG CÁC CĂN

Người tu hành mà dâm, nộ, si cạn mỏng, nếu chẳng tập theo trần thì không gì quấy hại. Còn chưa thành tựu đạo đức, chẳng phải thấy Thánh đế mà tự cho đó là đã đạt, thì người tu hành như thế phải tự răn giữ tâm ý buông thả theo ý nghĩ về sự êm ái của sắc, thanh, hương, vị sa đắm vào năm ấm, việc làm chưa xong.

Nếu người, tâm chẳng chạy theo năm thứ che ngăn gây chướng ngại, thì biết là đắc đạo. Còn nếu tâm loạn động, chạy theo dục tình thì tức thời phải lo sợ mà tinh tấn lên. Như người chăn trâu giữ trâu ở trong đầm. Nếu trâu buông chạy giẫm đạp lúa người, người chăn trâu sợ chủ biết được, dắt trâu về nhà dùng gậy đánh đập. Sáng hôm sau lại thả ra chăn tại chỗ cũ giả vờ như chẳng thấy biết việc phạm vào lúa má của người. Nếu không làm vậy thì con trâu sẽ nghĩ là người chăn chẳng thấy, rồi lại ăn lúa của người, sẽ bị chủ thấy đánh đập. Con trâu về sau sợ hãi không dám ăn nữa.

Người tu hành tự ngăn giữ năm căn cũng như vậy, chẳng chạy theo tình dục thì biết đạo sẽ thành. Nếu theo sáu suy thì tức thời phải tự chế, quán về nạn khổ sinh tử của ba đường, ngày đêm tinh cần hơn trước vạn lần. Điều chưa đạt được nên nỗ lực thành tựu, đã thành tựu rồi, khiến đừng buông bỏ.

-oOo-

Phẩm 13: NHẪN NHỤC

Giả sử có người đánh đập, mắng nhiếc người tu hành thì bấy giờ người tu hành nên quán như thế này: Cái có thể mắng chửi chỉ có âm thanh. Suy xét cho kỹ đều là rỗng không, vừa khởi liền diệt.

Ví như văn tự, mỗi chữ đều khác nhau, cứ kể riêng từng chữ một thì không có tiếng mắng chửi.

Ví như một người mù không thấy gì thì dù cho một trăm người mù

cũng chẳng thấy gì. Mắng chửi cũng như thế, một chữ đã chẳng thành thì dù cho trăm ngàn chữ cũng đều là rỗng không.

Giả sử cha mẹ, vợ con, thân thuộc cùng khen ngợi ta cũng đều là rỗng không. Nếu quán thế này: Cũng như người mọi rợ khác tiếng đến mắng chửi ta, giống như tiếng gió thoảng, tiếng ấy là rỗng không.

-oOo-

Phẩm 14: KHÔNG ĐÁP TRẢ ĐIỀU ÁC

Giả sử người tu hành ngồi thiền định chỗ vắng vẻ, có người đến đánh đập, dùng dao, gậy, ngói, đá đánh ném vào mình, nên quán thế này: Danh sắc đều rỗng không, bị đánh và đánh đều không có sở hữu, vốn từ đâu sinh? Ai là người sân giận? Giận người nào? Đời trước ta chẳng tạo thiện nên đến nỗi phải bị nạn thế này. Nếu không có danh sắc thì không có duyên để gặp nạn. Nếu ta nổi sân lên để trả đũa người ấy thì các oán càng nhiều, chẳng thể trả hết. Ví như rắn độc và loài trăm chân: bọ chét, chí rận, muỗi mòng sâu bọ là những loài quấy nhiễu người không có sự báo trả. Giả sử như có thể loại trừ những nỗi lo lắng bên ngoài nhưng đâu có thể trừ bỏ chúng trong nội thân, bốn trăm lẻ bốn bệnh, tám mươi loài trùng. Vì vậy phải chế phục nội tâm, diệt các cấu uế, lắng định tâm chí, cho nên gọi là tu hành.

-oOo-

Phẩm 15: THIÊN NHÃN THẤY THỦY CHUNG

Người tu hành, giả sử bị buồn ngủ thì nên nghĩ về vô thường, chẳng bao lâu sự chết sẽ đến, tưởng nghĩ các khổ não nơi sinh tử. Rửa tay, lau mặt, nhìn ngó bốn phương, nhìn sao trời nếu là ban đêm, để tự chế ngự tâm, vứt bỏ biếng lười, đừng nghĩ đến việc nằm ngủ. Nếu cứ buồn ngủ thì nên đứng dậy kinh hành. Giả sử không định được thì nên dời chỗ ngồi, tưởng muốn thấy ánh sáng, mặc dầu trong tâm tối. Tư duy đến ba thứ ánh sáng, khiến trong ngoài đều sáng.

Bài tụng rằng:

Nên nghĩ khổ sinh tử
Xem tội thấy khắp nơi
Tỉnh nhìn ánh sáng ngoài

Cầu chiếu sáng trong tâm.
Diệt bỏ tối thùy miên
Như mặt trời trừ tối
Như vậy tuy nhắm mắt
Thấy rõ hơn người mở.

Người tu hành thường nghĩ thấy ánh sáng, ngày đêm không khác, phân biệt chỗ hướng đến nhỏ hay lớn, phải hay trái, đi xa, học khắp, không gì mà chẳng thông. Tư duy như vậy thì được đạo nhãn, chỗ thấy bình đẳng, không có chỗ biên địa và cõi trời Tịnh cư.

Bài tụng rằng:

Tuy là nhắm mắt, thường như mở
Chỗ thấy thiền định hơn Thiên nhãn
Thấy khắp loài chúng sinh thế gian
Thấu suốt trên trời, đâu cũng thấy.

Người tu hành đã thành tựu đạo nhãn, thấy hết ba chốn ác trong các phương. Ví như sau cơn mưa lớn, vào buổi sớm tạnh ráo, có một người mắt sáng đứng trên đỉnh núi xem thành quách, đất nước, huyện ấp, xóm làng, nhân dân, rừng cây, hoa quả, dòng sông, suối nguồn. Sư tử, hổ sói, voi, ngựa, dê, nai và các thú rừng, đến đi lui tới đều thấy hết.

Bài tụng rằng:

Ví như gương sáng và hư không
Mưa lớn vừa xong, trời sáng trong
Người có mắt sáng đứng núi cao
Từ trên nhìn xuống đều thấy hết.
Lại xem thành quách và quốc ấp
Người tu hành cũng lại như vậy
Nhìn thấy thế gian và cầm thú
Chốn địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh.

Người tu hành nhìn tam thiên đại thiên thế giới cũng như vậy, thấy con người hướng đến chỗ thiện ác, sinh tử. Điều ấy gọi là đã đạt được thần thông.

Bài tụng rằng:

Tuy có vị cam lồ vô thượng
Thấy cõi ba ngàn đức hơn kia
Người tu hành, theo lời Phật dạy

Mau đắc thần thông, không ngăn ngại.
Phật đều thấy khắp tất cả tịnh
Thương xót chúng sinh, nói điều ấy
Rõ căn sau trước, khiến mau độ
Dùng nghĩa vô cùng mà phân biệt.

-oOo-

Phẩm 16: THIÊN NHĨ

Thức tuệ là động tĩnh ứng duyên
Không gì ngăn ngại, thuận chánh đạo
Có người vận chuyển pháp luân này
Cúi đầu vận chuyển dòng Đại Thánh
Thức tỉnh bao nhiêu món kỹ nhạc.
Dẫu có thương yêu, tâm bình đẳng
Nghe tiếng trời người và địa ngục
Chắp tay cúi người Đấng Tánh Tịnh.

Người tu hành vừa thành tựu Thiên nhĩ, liền được nghe khắp, cũng không lo phiền. Ví như có người đào đất tìm kiếm kho tàng, vốn chỉ tìm một, nhưng được các kho tàng khác. Người tu hành cũng như thế, vốn cầu Thiên nhĩ, sự nghe khắp ứng theo, nghe hết tiếng nơi cõi trời, tiếng thế gian.

Bài tụng rằng:

Nghĩ người tu hành kia
Khởi pháp dùng phương tiện
Siêng năng, được Thiên nhãn
Thấy trời và thế gian.
Tự nhiên sinh nghe khắp
Cái nghe cũng vô hạn
Như người đào tìm của
Tự nhiên được báu khác.

Ví như nửa đêm, mọi người thường ngủ mê, chỉ có một người thức leo lên tầng lầu bảy. Trong lúc vắng lặng ấy, lắng nghe các âm thanh: Kỹ nhạc, ca múa, khóc lóc, bi thương, đánh trống... Những điều người tu hành thấy, cũng giống như thế, tâm vốn tĩnh lặng xa nghe các âm thanh kêu khóc, khổ đau nơi chốn địa ngục, thấy nghe tiếng ngạ quỷ và súc sinh, trời, thế gian, kỹ nhạc. Đó chính là chứng thần thông Thiên

nhĩ.

Bài tụng rằng:

Như đêm mọi người đều say ngủ
Một người tỉnh dậy lên lầu bảy
Lắng lòng mà nghe tất cả người
Âm thanh, kỹ nhạc và ca múa.
Người tu đạo cũng lại như vậy
Thiên nhĩ nghe khắp các âm thanh
Với các hình sắc ở ba cõi
Biết rõ tất cả các ngôn ngữ.
Từ vô số nghĩa lớn của kinh
Ta nghe như được uống cam lồ
Ví như người bệnh uống thuốc hay
Diễn lời Thiên nhãn của Phật dạy.

-oOo-

Phẩm 17: NGHĨ VỀ ĐỜI TRƯỚC

Trí tuệ là gốc lành của thân
Kinh pháp là hoa, đức là quả
Giải thoát thị hiện đứng bất động
Nay con quy mạng đại thọ Phật.
Từ trăm ức đời trồng căn lành
Trải vô lượng kiếp tu phạm hạnh
Biết trăm ngàn ức đời sống xưa
Phật giác ý mạnh, quy tâm định.

Giả sử người tu hành tâm tự nghĩ: "Ta từ đâu đến mà được thân người?" Dùng Thiên nhãn xem rõ, tâm thấy hết vốn sinh làm người, hoặc ở phi nhân.

Ví như có một người từ một huyện này đến một huyện khác, biết nơi qua lại, ngồi đứng trước kia. Người tu hành cũng vậy, tự nghĩ nhớ về những thọ thân đã từng trải qua; tên họ, đẹp xấu, thọ mạng dài ngắn, ăn uống, y phục đều hiểu biết, chết nơi kia sinh nơi này, chết nơi này sinh nơi kia. Nhớ nghĩ như thế, biết vô số sự sinh tử đã qua, như vậy gọi là thần thông biết những đời sống trước (Túc mạng thông).

Bài tụng rằng:

Người tu hành dùng Thiên nhãn thấy
Biết vô số kiếp đã trải qua
Đều thấy thọ thân trong quá khứ
Ví như đi thuyền tự soi mặt.
Chỗ sinh của Phật đều nghĩ biết
Ta xem các kinh mà chép ra
Như vậy gọi là xưa đã từng
Dùng tâm trí tuệ chọn cốt yếu.

-oOo-

Phẩm 18: BIẾT TÂM NIỆM NGƯỜI

Thở than chẳng kể xiết
Biết ý nghĩ chúng sinh
Tự thấy tâm nghĩ gì
Phải, quấy, định, buông thả.
Điều ý chí mong cầu
Trí vô lượng hiểu rõ
Diệt trừ các tội lỗi
Quay về Đấng Tối Thắng.

Người tu hành dùng Thiên nhãn nhìn thấy điều phải quấy, thiện ác, tốt đẹp, xấu xa của loài người, và chẳng phải người thấy rõ sự tối tăm sâu thẳm hay sự trong sáng của tâm hành. Kẻ ưa sân giận thì tâm họ như thế, người ý chí hòa nhã, vui vẻ thì sẽ như thế.

Bài tụng rằng:

Dùng Thiên nhãn nhìn khắp
Thấy người chẳng phải người
Xem xét sắc diện chúng
Cũng thấy tâm niệm họ.
Biết cội gốc ý nghĩ
Vì sao có hạnh này
Người tu đạo biết hết
Sân giận và vui hòa.

Ví như người ngồi bên bờ sông thấy các loài vật trong nước như cá, ba ba, giải, cá sấu và một số loài thủy tộc khác. Người tu hành cũng vậy, thấy tâm của chúng sinh nghĩ điều thiện, ác rõ ràng không ngại. Đó

gọi là thần thông biết tâm niệm thiện ác của kẻ khác.

Bài tụng rằng:

Giác nhãn thấy rõ tâm thanh tịnh
Do tu đạo hạnh nên được vậy
Biết tâm niệm người nghĩ điều gì
Giống như thấy thân cây cành lá.

Cũng như khách buôn muốn có được ngọc thủy tinh phải vào sông biển mới được vật báu này và được các thứ như: trân châu, kim cương, san hô, xa cừ, mã não. Người tu hành cũng vậy, bỏ ngủ nghỉ chuyên tâm vào ánh sáng thì được Thiên nhãn và đạt được Thiên nhĩ, Thần túc. Tự biết mình từ đâu đến, thấy gốc gác của người khác. Vì vậy người tu hành nên tập tỉnh giác.

Bài tụng rằng:

Giống như một việc vào sông biển
Mà được vô số châu báu lớn
Tu hành trừ ngủ nghỉ cũng vậy
Dùng Thiên nhãn nghe, biết ngọn ngành.
Nếu vậy, tu hành chí tịch tĩnh
Nay điều ta nói y lời Phật
Thấy vô lượng sắc hơn Thiên nhãn
Biết tâm thị phi của chúng sinh.
Sức nhẫn nhục kia hơn đại địa
Mềm mại, an hòa hơn cả nước
Giữ chí vững chắc như Tu-di
Bỏ qua người thường, vượt hư không.
Trí tuệ sâu hơn sông
Như biển, không sân hận
Đức ấy không sánh kịp
Kính lễ Đấng Tối Thắng.
Trong lòng ôm giữ đạo
Chư Thiên đều ngợi khen
Giữ tâm mà vững chắc
Chẳng móng khởi vui thích.
Điều hòa các ý tưởng
Chẳng cho chúng tăng giảm
Đức sáng không gì bằng

Con cúi đầu đảnh lễ.

Giả sử người tu hành mà tâm có sự khinh suất thì nên tư duy điều lo buồn: Rốt cuộc sẽ trở về với cái chết, chưa được độ thoát. Còn bị vô thường, chẳng phải là lúc hoan hỷ, dù có thương yêu rồi cũng sẽ có ly biệt.

Bài tụng rằng:

Vô số các dòng sông
Đầy ắp nước bùn nhơ
Chưa vượt sông sinh tử
Loạn động lại hoan hỷ.
Dù thương yêu vô cùng
Chẳng lâu sẽ ly biệt
Chạm mặt với vô thường
Đều tùy theo tội phước.

Người tu hành, tâm tự nghĩ: Giá như ta mạng chung, thì chẳng thành đạo đức, cũng chưa hướng tới đạo, hoặc bị phạm nghịch, chẳng theo giáo pháp, rơi vào ba đường, chẳng thể thoát khỏi họa hoạn vô cùng, theo các thứ tà kiến cho là không mê lầm, rồi lại vào bào thai luân hồi sinh tử, xương cốt không thể chứa cao như Thái sơn; hoặc bị chặt đầu, máu như sông biển, hoặc gặp người khóc lóc lệ như năm sông, cùng với cha mẹ, vợ con, anh em sinh ly tử biệt vô thường, sầu đau vô lượng.

Bài tụng rằng:

Khi còn chưa đắc đạo
Luôn luôn sợ sinh tử
Sẽ bị trăm ngàn nạn
Rồi vào lại bào thai.
Chưa trừ gốc sầu lo
Gặp vô lượng phiền não
Chẳng được về Thánh đạo
Mở cửa ba đường dữ.

Người tu hành tự nghĩ: Nhiều đêm sợ hãi. Giả hoặc bị đọa vào chốn cầm thú là nơi chốn phi pháp, thường ôm lòng hại, giết chóc lẫn nhau, giết chóc lẫn nhau, không có xấu hổ, từ chỗ tối vào chỗ tối. Đã bị đọa vào chốn họa hoạn này, thì khó trở lại thân người. Một đồng tiền rơi xuống biển còn có thể tìm được, chứ đã mất thân người rồi, khó mà được lại.

Bài tụng rằng:

Tham dâm che khuất, giận si mê
Cầm gậy đuổi xua, không xấu hổ
Vì chốn mây mù của súc sinh
Đọa khổ ấy trở lại người khó.

Người tu hành tự nghĩ, thân ta sẽ bị đọa vào ngạ quỷ. Đã từng nghe người chốn ấy cầm đồ đựng bằng sành, đựng những thứ nước mũi, nước miếng, mủ, máu và đồ mửa dơ uế của người để làm thức ăn, phải đi khắp mà xin.

Bài tụng rằng:

Dùng đồ chứa bất tịnh
Bằng sành nhưng chẳng lành
Chứa mủ máu mũi dãi
Uống vào như uống nước.
Tham ăn, thường tranh chấp
Chỗ đến của tội lỗi
Kẻ hành động như vậy
Đọa vào đường ngạ quỷ.

-oOo-

Phẩm 19: ĐỊA NGỤC

Người tu hành tự nghĩ: Thân ta sẽ không bị đọa địa ngục. Từng nghe, tội nhân vừa trông thấy nhau thì ôm lòng sân giận lại muốn hại nhau. Móng tay nhọn sắc như dao bén, các loại binh khí, mâu kích, cung tên, ngói gạch tự nhiên hiện ra khi hướng vào nhau thì tiếng đao kích như tiếng đập đồng, binh trượng hư hoại rồi thì đao mâu giao nhau như là màn lưới. Tội nhân thấy hiện tượng này ôm lòng sầu lo.

Bài tụng rằng:

Các thứ tội nhân ấy
Ở địa ngục hại nhau
Ý muốn được binh trượng
Nên tâm đều có đủ.
Cầm đao gây hại nhau
Như lưới làm động nước
Như nóng giữa trưa hè
Đao nhọn nóng cũng thế.

Hoặc có kẻ khủng bố mà chẳng tự hay biết, lại có người kêu oan mà tâm sâu độc muốn hại mạng nhau, cho đó là vui, liền phát khởi tranh giành, đánh đấm, làm tổn thương nhau. Tay chân đứt lìa, đầu cổ rời xa; hoặc đâm vào thân máu chảy như suối, đao nhọn đâm vào thân đau không thể nói, chỗ bị đâm lửa trong đó từ từ vọt ra. Hoặc thân bị xô ngã, như cuồng phong thổi rụng lá cây. Có người nằm trên đất, thân nát như bụi, trong khoảnh khắc thân trở lại như cũ.

Bài tụng rằng:

Kéo tóc lại đấm đá
Lần lượt lôi kéo nhau
Tội nhân cùng xúm đánh
Khổ não không kể hết.
Lại gia tăng khủng bố
Bấy giờ lại đánh lớn
Ví như nhổ cây rừng
Xô nhau ngã cũng thế.

Bấy giờ, chỉ trong khoảnh khắc, tội nhân bình phục, gió mát bốn phía thổi tới, khiến trở lại như cũ. Quỷ giữ ngục rưới nước lên người, đã sống lại nhưng tội ác chưa hết nên khiến chẳng hết, nghe tiếng của quỷ ngục liền khởi động như trước.

Bài tụng rằng:

Lấy nước rưới trên thân
Gió mát lại thổi đến
Bấy giờ các tội nhân
Lại nghe tiếng quỷ ngục.
Tội nhân thân tan rã
Liền sống lại như cũ
Tội nghiệp tạo chưa hết
Nếu lại chịu khảo tra.

Lúc này, tội nhân trải qua sự chuyển biến ấy lại thấy nhau, liền nổi sân giận, môi miệng run lên, mắt đỏ như máu, đánh nhau như trước, ruột bao tử đều tuột ra ngoài; kết oán đến giờ, ngày tháng quá lâu, thân thể rách nát, ngã xuống máu chảy, giống như suối bẩn, thân thể bình phục, lại từ dưới đất đứng lên, hại nhau như trước.

Bài tụng rằng:

Đọa vào trong địa ngục

Khổ não chẳng thể nói
Hại nhau tạo sợ hãi
Kết quả của tội xưa.
Luôn luôn thấy là hại
Rồi sống lại như trước
Ý ác hướng đến nhau
Gây tội không dừng nghỉ.
Với người thế gian này
Ưa tạo nghiệp sát hại
Ở tại địa ngục tưởng
Thọ tội như trước gây.
Vì thế người cùng gây
Ở địa ngục lâu dài
Cùng giết nhau triền miên
Chết, sống lại như cũ.
Người ở đời phạm tội
Đọa vào địa ngục tưởng
Ví như loài cây chuối
Vừa tàn, sinh trở lại.

Nếu tội nhân đọa vào địa ngục Hắc thằng thì khi ấy quỷ ngục bắt các tội nhân đặt trên nền sắt nóng, lại cầm dây sắt và cưa sắt, lửa tự nhiên phát ra áp ngay vào thân thể tội nhân, dùng cưa cưa từ đầu đến chân ra thành trăm ngàn khúc, cũng như thợ mộc cưa các tấm ván.

Bài tụng rằng:

Quỷ giữ ngục nhận lệnh của vua
Dây sắt trói thân, dùng cưa cắt
Cưa ấy, lửa đỏ cả trên dưới
Xô người ngã xuống cưa từng khúc

Quỷ giữ ngục lại dùng búa chẻ thân, rìu đục đều dùng cả. Ví như thợ mộc đẵn gỗ, hoặc làm cho bốn phía, có tám góc. Trị thân tội nhân cũng như thế.

Bài tụng rằng:

Giữ ngục, tội nhân ác gặp nhau
Búa, đục, rìu, cưa cùng dây sắt
Phanh bổ tội nhân cũng giống như
Thợ mộc khởi công dựng nhà mới.

Khi ấy, quỷ giữ ngục đốt dây sắt áp thẳng vào thân, cắt da thịt, phá thân thể, thấu đến xương tủy, xương sườn, xương sống, đùi vế, ống chân, đầu cổ, tay, chân, mỗi thứ mỗi nơi.

Bài tụng rằng:

Khảo tra trăm đau đớn
Ở tại ngục Hắc thằng
Bóc da dùng búa cắt
Bị đẽo như dựng nhà.
Các chi rời khỏi thân
Máu chảy như dòng suối
Xương thịt chia lìa nhau
Đau đớn đâu nói hết.
Quỷ ngục của diêm vương
Phá thân họ như thế
Tội lỗi nếu chưa hết
Mủ máu chảy dường ấy.

Có người bị đọa vào địa ngục Hợp hội, tội ác nặng đến nỗi, khiến tội nhân ngồi trên định sắt, đóng đinh vào đầu gối, tiếp theo đóng đinh khắp cùng thân thể, thân thể tan nát, xương thịt đều cháy, các bộ phận rã rời mỗi thứ một nơi. Mạng sống suýt dứt, đau chẳng thể nói. Tự nhiên có luồng gió thổi nhổ đinh ra, tội nhân bình phục như cũ, rồi lại dùng đinh đóng vào thân. Khổ não như vậy trải qua trăm ngàn vạn năm, chẳng thể kể xiết.

Bài tụng rằng:

Dùng vô số trăm ngàn đinh sắt
Từ không trung rải xuống như mưa
Làm nát thân người như mài mì
Tội xưa đến nỗi gặp ách ấy.

Kế đến mưa sắt dội xuống, và rồi chày sắt, voi đen, núi lớn đè trên thân như ép mía, như chà nho, tủy, não, mỡ, máu thịt, đồ bất tịnh đều chảy ra.

Bài tụng rằng:

Voi đen, chày sắt, núi đá lớn
Đè bẹp, dùng xe sắt cán thân
Thấy quỷ địa ngục đều khiếp sợ
Phá nát thân mình giống như mía.

Dùng bánh xe sắt ép thân hình như ép dầu mè, bỏ vào trong cối dùng chày giã.

Bài tụng rằng:

Quỷ ngục không nhân từ
Dùng xe sắt chày cối
Làm khốn khổ tội nhân
Như người ép dầu mè.

Lúc ấy, tội nhân từ xa thấy núi lớn, thấy rồi sợ hãi chạy vào trong hang rộng, hy vọng tự cứu nhưng chẳng thoát được, vừa vào hang ấy liền bảo nhau: "Núi này nhiều cây, nên dừng ở đây." Khi đó, ai nấy đều sợ hãi, phân tán vào khoảng giữa các cây, núi tự nhiên kẹp lại mà nát thân hình.

Bài tụng rằng:

Vì chứa các tội lỗi
Vốn do mình gây ra
Khi ấy các tội nhân
Đều vào trong hang núi.
Vừa vào hang núi xong
Núi kia tự kẹp lại
Khi nát thân tội nhân
Tiếng kêu rất đau đớn.
Hại trâu, dê, nai, chim chóc
Đã không xót thương, lại giết người
Tại ngục Hợp hội khổ vô cùng
Gây hại thân người, gặt khổ thôi.

Lại từ xa thấy lửa cháy, tội nhân bảo rằng: "Đất này bằng phẳng rộng rãi, cỏ cây xanh tươi, giống như lưu ly, nên đi đến đó, mới được an ổn." Liền đi ngược về hướng lửa, ngồi ở khoảng giữa các cây, bốn phía tức thì lửa nổi dậy vây quanh, thiêu đốt họ, đau đớn kêu khóc thảm thiết, chạy về các hướng Đông, Tây, Nam, Bắc để tránh lửa, nhưng ở đâu cũng gặp lửa, chẳng thể tự cứu.

Bài tụng rằng:

Móng tóc tự nhiên dài
Sắc biến đốt đau đớn
Gió thổi thân, lưỡi khô
Thấy ngục sứ, sợ hãi.

Vô số các tội nhân
Đã bị lửa thiêu đốt
Khói xông lửa hướng họ
Như phù du vào đèn.

Lại từ xa thấy rừng cây lá sắt, bảo nhau rằng: "Rừng cây kia rất tốt, cỏ xanh, suối chảy, hãy cùng đến đó." Vô số trăm ngàn các tội nhân đều vào trong rừng. Có người ngồi bên gốc cây, có người đứng nghỉ, có người nằm ngủ. Gió nóng bốn phía thổi đến, rừng cây lay động, lá kiếm lao xuống trên thân họ, xẻ da cắt thịt, phá xương thấu tủy, làm bị thương hông, ngực, lưng, cắt cổ chẻ đầu.

Bài tụng rằng:

Phần nhiều lầm tin, hại chúng sinh
Địa vào địa ngục tên Hữu hoạt
Gió nóng nổi quanh rơi lá sắt
Giống như nhập trận, đánh bị thương.

Bấy giờ, trong rừng cây sắt, liền tự nhiên có chim ô thước, điêu, thứu; miệng chúng như sắt, dùng máu thịt làm thức ăn, đậu trên đầu tội nhân, mổ mắt mà ăn, đập đầu hút não.

Bài tụng rằng:

Người kia ở đời trước
Lầm tin hại chúng sinh
Vì sắt rơi trên thân
Nên đứt ra từng đoạn.
Quạ, diều rất dễ sợ
Bốn phía đến mổ người
Đậu trên đầu mổ mắt
Phá não ra mà ăn.

Khi ấy, trong đại địa ngục Thiết diệp, tự nhiên sinh ra loại chó, có con đen thui, hoặc có con trắng, chạy đến muốn cắn tội nhân, tội nhân khóc la thảm thiết, lánh đi để trốn. Hoặc có kẻ chạy tứ tản, hoặc quá sợ đứng khựng, chó đuổi kịp liền bắt tội nhân cắn đứt đầu uống máu, kế đến ăn thịt hút tủy.

Bài tụng rằng:

Há mồm, răng trắng hếu
Sủa, kêu tiếng dễ sợ

Thè lưỡi và liếm môi
Cưỡng bức làm hại người.
Dùng dao cắt thân hình
Thức ăn của chim thú
Khổ độc thấy thảm não
Mãi lầm tin giết hại.

Tội nhân bị chó cắn, bị chim, quạ hại, sợ hãi vội vàng bỏ chạy. Lại thấy con đường lớn rẻ ra tám ngã, đều là đao bén, trong lòng tự nhủ: "Cỏ xanh tươi tốt, có biết bao cây cối, nên chạy đến đó, rồi chạy trên đao bén bị cắt đứt bàn chân, máu chảy ròng ròng."

Bài tụng rằng:

Người ấy thọ kinh luật
Phá hư cầu chánh pháp
Thấy có kẻ theo giới
Lại cưỡng dạy phạm giới.
Xua người vào đường dài
Đao nhọn cắt chân họ
Dưới chân đều bị thương
Đau đớn chẳng tự tại.

Bấy giờ, xa thấy những cây gai nhọn, cao bốn mươi dặm, mũi nhọn dài thước sáu, đầu mũi nhọn ấy tự nhiên phát hỏa, tội nhân nghĩ: "Kia là những cây đẹp, đủ các loại hoa quả." Rồi cùng đi đến khoảng giữa các cây sắt.

Bài tụng rằng:

Xa thấy cây là sắt
Cành nhánh rất là cao
Đầu bén nhọn như cưa
Chĩa lên hoặc đâm xuống.
Những tội nhân vừa thấy
Cho đó là trái cây
Kết quả tội đời trước
Tai ương phải gánh chịu

Lúc này, có La-sát, tướng mạo đáng sợ, móng tóc đều dài, y phục dơ dáy, trên đầu lửa bốc, cầm binh trượng đến đánh tội nhân, sai khiến tội nhân trên cây, họ sợ hãi, lệ tuôn ràn rụa, đều tuân phục theo lời sai khiến. Những mũi nhọn đâm xuống đều xuyên suốt thân họ, gây thương

tích nơi thân thể, máu chảy ròng ròng.

Bài tụng rằng:

Hình lớn sắt như tro
Hung tợn mắt trợn trừng
Chủ ngục sai cầm gậy
Đánh đập những người này.
Đời trước chứa tội ác
Mê đắm thói tà dâm
Tự nói nghiệp của ta
Đắm vào thân, chảy máu.

Khi đó, tội nhân bị quỷ giữ ngục bắn tên đến như mưa, gào khóc thảm thiết, kêu vang xin xuống, mũi nhọn lại đâm ngược lên, xuyên suốt thân thể như nướng thịt, lại kêu xin trở lên, tội nhân chắp tay cùng van xin tha thiết, kính lễ quỷ ác, xin xét tha tội.

Bài tụng rằng:

Từ trên cây nhọn rơi xuống rồi
Ngục vương, quỷ ngục đâm ngược lên
Bị tên bắn trúng, nên chắp tay
Cầu xin thương xót, mong tha tội.

Quỷ giữ ngục nghe thấy cầu xin càng thêm sân giận, lại đánh đâm nữa, làm cho khắp thân thể tội nhân đều bị thương, khóc lóc kêu la như trước.

Bài tụng rằng:

Ngục vương, quỷ ngục lại đánh, đâm
Cầu xin muốn thoát, quỷ thêm giận
Khi ấy mũi nhọn đâm cùng khắp
Ra lệnh trở lên, lại như cũ.

Ở bên cây sắt kia có hai cái nồi rất lớn, giống như núi lớn. Quỷ giữ ngục liền bắt người phạm tội bỏ vào trong nồi, nước sôi đảo lên xuống, ví như trong nồi lớn có ở thế gian, đun loại đậu nhỏ, nước sôi đảo lên xuống. Người ở trong vạc nước sôi như trải qua ngàn vạn ức năm bị khảo đánh đau đớn.

Bài tụng rằng:

Dù được làm quốc trưởng
Điều khiển cả vạn dân

Nhưng đến cõi địa ngục
Bị khảo trăm ức năm.
Đọa vào vạc nước sôi
Ở trong nồi bị nấu
Dùng lửa thiêu, nấu đốt
Ví như nấu đậu vậy.

Từ trong nồi sắt thoát ra, từ xa thấy dòng sông, truyền miệng nhau rằng: "Sông kia mênh mông nhưng có oai thần, sóng nước nổi dậy, các loại hoa trôi xuôi dòng, hai bên bờ mọc cây, lá cây xanh tươi, bóng rợp dòng sông, lòng sông toàn cát, nước sông trong mát hãy đến uống nước, tắm rửa giải lao." Hai bên sông mọc gai góc nhưng tội nhân chẳng nhìn kỹ nhảy vào dòng sông kia đều là tro sôi.

Bài tụng rằng:

Kẻ kia đời trước hại thủy trùng
Máu thịt đều rơi, còn xương não
Vốn tưởng nước mát, lại tro sôi
Từ sâu, nước sôi vọt trào lên.

Tội nhân đọa ở địa ngục Tro sôi, tóc, lông, móng, răng, xương, thịt đều trôi giạt đi nơi khác; xương mình gân buộc theo dòng trôi lên hoặc xuống. Vừa muốn cầu ra khỏi, quỷ giữ ngục liền móc nằm xuống nền đất nóng. Gió nổi lên thổi, thân thể lại như cũ. Quỷ ngục hỏi: "Các ngươi từ đâu đến và muốn đi đâu? Tội nhân đáp: "Chẳng rõ chỗ đi và đến. Kể từ bao nhiêu trăm ngàn ức năm, đói chẳng được ăn, vì vậy rất đói khát." Quỷ giữ ngục, lấy móc sắt móc miệng há ra, dùng viên sắt đỏ và dùng nước đồng sôi rót vào trong miệng, thiêu đốt yết hầu tội nhân, năm tạng trong bụng đều cháy, ruột bao tử liền tuột xuống, quá đau đớn chẳng thể nói. Tội ác quá khứ chưa hết, cho nên chẳng chết. Cách sông chẳng xa, có hai địa ngục, một tên là Khiếu hoán, hai tên là Đại khiếu hoán, dùng sắt làm thành, lầu gác trăm thước, bờ tường kiên cố, dùng toàn dây sắt rào bên trên. Tội nhân bảo nhau: "Thành này lớn, đẹp, hãy cùng đến xem." Vừa vào bên trong, tâm tự nghĩ: "Đã thoát tai nạn khủng khiếp, không còn bị não hại, vui vẻ mừng rỡ, hoan hô!" Hoặc có người áp mặt xuống đất, có người nằm ngửa, có người phành bụng ngủ nghỉ, gương mặt âu lo. Từ ngoài bốn bức tường, tự nhiên có lửa, đốt các lầu gác, bờ tường, dây sắt và cửa đều bùng cháy. Trong thành ngập lửa, thiêu thân tội nhân, lần lượt đều bị. Cũng như mồi đuốc, giống như điện chớp, cũng

như lửa lan, đốt thân đau đớn. Ví như tên lửa bắn voi, kêu gào khổ đau không thể nói, lâu hàng trăm năm cửa Đông mới mở. Vô số trăm ngàn tội nhân đều chạy đến cửa đó, vừa đến nơi thì cửa liền đóng, xô nhau ngã xuống đất như cây lớn ngã, đè bẹp lên nhau giống như đống củi. Tội ác quá khứ chưa hết nên chưa chết được.

Bài tụng rằng:

Đến địa ngục sợ hãi kêu gào
Cầu cứu hộ cho nên đến đó
Như đống củi lớn dùng lửa đốt
Tội nhân dồn đống thiêu cũng vậy.
Thiêu đau đớn như thế
Kêu gào chạy tứ tản
Luôn sợ quỷ giữ ngục
Khủng bố nên sợ sệt.
Nếu nghe lệnh truyền đạt
Kháng cự chẳng chịu theo
Nhốt ở ngục Khiếu hoán
Tội ác chịu đớn đau.
Chịu vô số khổ đau khốc liệt
Bị lửa thiêu đốt rất nguy khốn
Vô lượng khổ não chẳng thể nói
Tội nhân kêu la rồi gào thét.

Tội nhân thoát khỏi ngục Khiếu hoán, tiếp vào đại địa ngục A-tỳ. Quỷ giữ ngục ngay tức khắc bắt lấy các tội nhân, dùng năm loại hình độc để trị. Căng thân thể như là căng da trâu, dùng đinh sắt lớn đóng vào tay, chân và đóng vào tim, lôi lưỡi ra dùng trăm cây đinh đóng vào. Lại lóc da từ chân đến đầu.

Bài tụng rằng:

Căng thân như da trâu
Dùng đinh sắt đóng vào
Kết quả tội lưỡng thiệt
Đinh sắt hủy hoại lưỡi.
Lóc da kéo trên đất
Giống như đuôi sư tử
Như thế mà thọ khổ
Tính đếm chẳng thể lường.

Khi ấy quỷ giữ ngục bắt lấy tội nhân buộc vào xe sắt. Quỷ giữ ngục cỡi xe, dùng dàm cáng miệng, tay trái điều khiển xe, tay phải cầm gậy đánh vào tội nhân, khiến chạy khắp Đông, Tây, Nam, Bắc. Tội nhân kéo xe mệt nhừ thè lưỡi, bị gậy đánh thân, phá hủy chi thể, bị mửa ra máu, lê lết bị thương nơi ngực.

Bài tụng rằng:

Tội nhân bị buộc vào xe sắt
Quỷ ngục đuổi đi chạy khắp nơi
Bị đánh vào thân mửa ra máu
Như ngựa chiến đấu bị mâu đâm.
Không có lòng tin, khinh người hiền
Như phạm tội ác là đúng lẽ
Tội nặng dẫn vào ngục A-tỳ
Nhận chịu vô số các khổ độc.

Tại địa ngục A-tỳ, tự nhiên lửa than ngập tới đầu gối tội nhân, lửa ấy lan rộng không có giới hạn. Bấy giờ, tội nhân khởi tà niệm: "Trở lại con đường ngoằn ngoèo gọi là chỗ tốt." Liền vào trong lửa bị thiêu đốt thịt da và gân, huyết, mạch. Vừa giở chân trở lại, bình phục như cũ.

Bài tụng rằng:

Khi lửa than cháy đến đầu gối
Đã lan rộng rồi gió lại thổi
Tội nhân đi đứng thiêu đốt da
Bỏ chánh theo tà tội như thế.

Được rời khỏi ngục này, đi chẳng bao xa có địa ngục phân sôi, rộng dài vô cùng, đáy nó rất sâu, tội nhân thấy nó bảo là ao tắm, truyền miệng nói với nhau: "Kia có ao tắm, trong ao có hoa sen xanh năm sắc. Nên cùng nhau đến đó tắm rửa, uống nước giải khát." Tất cả đều nhảy vào ao, chìm lỉm đến đáy. Nơi ấy có các loài trùng, miệng như kim sắt, dùng thịt làm thức ăn, đục khoét thân tội nhân, phá hoại da thịt, từ chân đục thủng đến đỉnh đầu; mắt, tai, mũi, miệng đều có trùng bò ra. Vì tội xưa chưa hết, nên chẳng chết.

Bài tụng rằng:

Quả tội đã đến chịu đau đớn
Bấy giờ tội nhân ngục A-tỳ
Đau khổ kêu gào lòng ảo não

Nọc thẳng thân ra, đinh đóng vào.
Phân sôi mùi bất tịnh
Dài rộng không bờ bến
Xương sâu ở trong đó
Đáy của nó rất sâu.
Phạm toàn là tội ác
Đọa ngục Diêm vương này
Các bọn tội nhân ấy
Trùng miệng nhọn gặm thân.
Ở ngục than đỏ và A-tỳ
Cùng tất cả tội trong phân sôi
Rơi vào dòng sông tội phát khởi
Tội xưa đã đến nên chẳng chết.

Nơi ấy, có hai ngục tên là Thiêu chích và Bổ chử. Lúc đó, quỷ giữ ngục bắt các tội nhân chặt ra từng khúc bỏ trên lò sấy dùng lửa mà rang, lại úp trên sàng sắt rồi dùng lửa nướng.

Bài tụng rằng:

Đã đến chốn đại khổ
Nơi thiêu nướng, đốt, chưng
Trong tội lỗi, tai ương
Mới biết hành ác xưa.
Dùng dao cắt từng khúc
Hủy hoại thành vô số
Dùng sàng sắt thiêu nướng
Bỏ chảo sấy, sấy khô.
Nơi Thiêu chích, Bổ chử
Hành tội thật đáng sợ
Vô số người bị hại
Như đầu bếp bằm thịt.
Nếu hãm hại người hiền
Đâm đầu vào lửa dữ
Kẻ phạm giới, hủy pháp
Voi lớn thấy giẫm đạp.
Làm người tánh hung hãn
Thường ưa hại chúng sinh
Ăn uống không chọn lựa

Sinh làm quỷ giữ ngục.

Người tu hành tâm tự nghĩ: Thân ta sẽ không giống như thế. Đọa vào ngục tám tội và mười sáu bộ. Lại vô số đời trước của ta đến nay đã từng ở cõi ác này. Giả sử chẳng thể đạt Thánh đạo rốt ráo thì sẽ trở lại vào trong ấy. Ví như có người phạm tội phản nghịch, nhà vua sai cận thần vào buổi sáng sớm dùng mâu đâm một trăm mũi, buổi trưa đâm một trăm mũi, gần tối đâm một trăm mũi. Người kia trong một ngày bị ba trăm mũi, thân thể đều bị thương tích, không còn chỗ nào lành lặn. Cơ thể đau nhức, khổ não thật chẳng kể xiết. Tuy có sự đau đớn này nhưng so với nỗi khổ của địa ngục, gấp trăm ngàn vạn ức số lần, chẳng thể ví dụ được. Nỗi đau đớn của địa ngục, hết sức khổ não như vậy.

Bài tụng rằng:

Tự phạm các ác dẫn đến đây
Bị khảo đớn đau mà chán ghét
Thấy khổ não này nên nghĩ kỹ
Thường siêng tinh tấn, mau thành đạo.

Người tu hành lập chí tu học như vậy, nên trừ cái tâm bám vào sự vui thích. Nếu ý chí lơi lỏng thì phải tự kiềm chế. Cũng như người cỡi xe điều khiển xe chạy.

Bài tụng rằng:

Giống như đốt lửa than
Chưa từng có dừng nghỉ
Thường gặp khổ thống ấy
Ngày đêm hại vô lượng.
Dùng các mâu kích nhọn
Bị đâm đau trăm lần
So các não hại này
Khổ ngục triệu lần hơn.

Người tu hành tâm tự nghĩ: Thân ta nay chưa thoát khỏi họa hoạn này, chẳng nên vui thích. Tự chế như vậy, chẳng thể vui đùa nữa. Nếu người lập chí như thế, thì có thể tinh chuyên tu hành, thâm nhập pháp thiện. Hành giả bấy giờ mới run sợ, sớm tối chẳng trái pháp ấy.

Bài tụng rằng:

Thấy suy hao như thế
Như trái cây tự hư

Quán xét tội trần lao
Dồn chứa như Thái sơn.
Bị khổ trược uế ấy
Người phạm đọa cõi ác
Chuyên tịnh việc tu hành
Bỏ vui chơi đùa giỡn.
Quán cõi ác tối tăm khổ não
Pháp kinh Phật sáng như mặt trời
Vì chán các hoạn nên mới giảng
Chép sao kinh điển trừ khinh mạn.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 4

Phẩm 20: KHUYẾN DUYỆT

Dùng trí tuệ độ chúng
Thành đạo dòng sông trong
Người trí thường uống nước
Là nước pháp cam lồ.
Nước sông ấy vô tận
Vẫn chảy mãi không ngừng
Nguyện quay về giống tuệ
Đạo đức sẽ đầy đủ.
Nếu là người yếu đuối
Nhờ học, ý tự đạt
Tạo định ý độ thoát
Lập chí Thiền tư pháp.
Phật Đấng Thiên Trung Thiên
Khéo hành quyền phương tiện
Hiện vô lượng trí tuệ
Thân tâm quy mạng lễ.

Giả sử người tu hành khởi tâm mềm yếu thì tự nghĩ: Ta được thuận lợi, đã thoát khỏi tám nạn, được sống nhàn nhã tự tại. Ta đã gặp được Bậc Thầy Nhất Thiết Trí, được quay về với giáo pháp của Ngài và chúng Tăng, thành tựu đầy đủ pháp vô dục. Ta đã gieo mầm phạm hạnh, có cái đã thành, hoặc có cái đang hướng đến đạo. Nhiều người rơi vào đường tà, ta thuận theo chánh đạo, người khác làm trái, ta làm phải.

Nay đây, chẳng bao lâu nữa, ta là con của Đấng Pháp vương. Cõi trời và nhân gian đều khen ngợi hương giới đức, chẳng giấu công đức ấy, chẳng còn buồn phiền. Bấy giờ, mới an ổn nếm vị giải thoát, ngày càng no đủ, được cứu độ an ổn, vượt qua đường ác, không còn sợ hãi, nương vào tịch quán, vào tám đạo hạnh, thẳng đến thành Niết-bàn, không còn hoạn nạn sợ

hãi. Vì vậy tự khuyến khích mình tuân phụng tinh tấn, siêng năng.

Bài tụng rằng:

Tu hành, dù gầy yếu
Thường mong gặp pháp lợi
Ta được nương Thế Tôn
Chánh pháp và chúng Tăng.
Phương tiện làm tâm vui
Khuyên người chí bạc nhược
Thường chuyên tâm tuân phụng
Thế gọi là tu hành.
Sơ học và thành đạo
Phức tạp như rừng cây
Vì rời bỏ đường tà
Nên tạo lập chánh lộ.
Dùng giới đức làm hương
Ví như xông cây rừng
Hốt nhiên được giải thoát
Đắc đạo hiện khắp nơi.
Do từ Phật sinh cây kinh pháp
Chỉ chép điều chính như chọn hoa
Với pháp, có người toan biếng nhác
Muốn khiến tự gắng nên giảng nói.

-oOo-

Phẩm 21: HÀNH KHÔNG

Người vật đều có tên
Biết hết tên gốc chúng
Hiểu khổ cho chúng sinh
Như tơ của cọng sen.
Do quán xét kỹ lưỡng
Không còn có ngã tưởng
Người chẳng nghĩ đến thân
Xin lạy Đấng Vô Trước.
Hào quang chiếu thế gian
Như đuốc vào nhà tối

Tâm ngài đã soi thấy
Tất cả không vững bền.
Con theo Đấng Giác Ngộ
Tâm Ngài hành bình đẳng
Quán sát người và trời
Thấy khắp là rỗng không.

Nếu người tu hành có tưởng về chấp ta đây, chẳng thể nhập vào lý không thì phải tự khắc trách: "Ta đã suy thoái không lợi dụng tâm vướng mắc, chẳng thuận với không tuệ, ưa tưởng chấp ta đây", thì nên lo lắng tự gắng lên, đưa tâm về không, hoặc tự răn ý chí hướng về định ý. Do đạt bốn không, ba cõi đều là không, vạn vật vô thường. Có người nghĩ vậy tự khuyến khích tâm mình tiến lên, khiến chẳng phóng dật.

Bài tụng rằng:

Người chẳng hiểu không, có tưởng ngã
Thì chí lay động như cây lay
Khuyến dụ tâm ấy hướng về không
Chẳng bao lâu sẽ đạt tịch tĩnh.

Ví như nhà vua có một đứa bé hát tuồng. Mẹ đứa bé chết, nó về nhà lo tang chế. Nhà vua muốn nghe hát, sai người gọi nó rằng vua muốn gặp, thằng bé tự nghĩ: "Ta có mẹ già, vừa thấy lại bỏ đi. Nay lệnh vua rất gấp, nếu không đi thì sẽ mất mạng, hoặc bị trụ phạt. Mẹ tuy qua đời nhưng không có cơ nghiệp gì khác. Ta phải đi thôi, đừng trái lệnh vua. Giả vờ diễn trò cho vua được vui." Gắng gượng dằn lòng, nén nỗi bi thương, chẳng nghĩ đến mẹ, liền tự trang điểm, vui vẻ phục sức đến trình diện vua. Giả vờ diễn trò để khiến vua vui vẻ. Bỗng tự nghĩ lại đang chịu tang mẹ, trong lòng buồn đau như cỏ bị đốt "Ôi đau đớn thay, sao nỡ cười đùa!" Vừa buồn tang mẹ, nhưng quá sợ nhà vua, nên tức thời nén nỗi thương tâm, như lửa bị nước tưới, lại tiếp diễn trò, tạm quên đau buồn. Cười giỡn càng nhiều khiến nhà vua càng thích thú.

Người tu hành cũng nên như vậy, dẫn tâm tiến đạo khiến cho trống rỗng, diệt tưởng vô ngã. Nhân đó tu tập để chứng nhập chân không.

Bài tụng rằng:

Như vua có thằng hề
Bị trọng tang lo buồn
Vờ cười trừ sầu khổ
Lòng vui vẻ hân hoan.

Tu hành cũng như thế
Dụ dẫn tâm hướng không
Chiếu sáng gần tuệ sáng
Định ý không động chuyển.

Vì vậy, người tu hành nên theo giáo pháp "Không". Nếu răn nhắc tâm mình trong khi loạn tưởng, hoặc móng khởi ngã tưởng, thì tự tư duy: Ví như có người tập trung cây cối, để kết thành bè, muốn qua sông lớn, nhưng nước sông quá mạnh làm trôi và phá tan bè. Ta khuyến dụ tâm tinh tấn đến nay đã lâu ngày, siêng năng chịu khổ chẳng nói hết, bỗng chốc loạn ý khởi lên, phát sinh tưởng chấp ngã, chống trái sự tinh chuyên.

Bài tụng rằng:

Ví như dồn cây để làm bè
Nước sông chảy mạnh làm tan rã
Dòng sông ái dục mạnh như thế
Muốn ý tịch tĩnh phải hướng không.

Ví như vào tháng hạ, cỏ cây khô cháy, khi được cơn mưa rào liền nẩy chồi lại, ngũ cốc dồi dào. Ta tư duy "không" thì không còn chấp ngã. Nếu chẳng tư duy liền khởi tâm tưởng.

Bài tụng rằng:

Ví như nắng hạn gặp mưa rào
Cỏ cây khô cháy đều đâm chồi
Nếu người tu hành tư duy "không"
Dứt bỏ tưởng niệm, không chấp ngã.

Người tu hành tự nghĩ: Ta sở dĩ thiền tọa là muốn cầu diệt độ, nhưng thật sự thì đâu có cầu. Nếu có cái ngã có thể cầu thì cái ngã vốn là không, không có cái ngã của ta. Vậy ngã là cái gì? Thật có thân chăng?

Bài tụng rằng:

Ai cho "ngã tưởng" ấy là giác
Thì thường quán kỹ có vốn không
Nếu để theo tục chẳng tự biết
Giống như trong tối tìm người mù.

Người tu hành dừng lại tư duy: Có thân mới thành ngã, áo cơm thường dùng, có dư mới cho người khác, đó là cái ngã của ta, nghĩ rằng hết thảy vốn là không. Giả sử có nạn thì trước hết tự bảo hộ, sau mới cứu người khác. Nếu xả thân rồi, lại có hoạn nạn nữa thì sẽ theo đuổi giúp đỡ. Tất cả

sự tham lam của con người đều do thân mà phát khởi, chứ không do người khác tính toán. Vì vậy nên biết thân là ngã của ta.

Bài tụng rằng:

Tham tài tham sắc đều do thân
Nếu có nạn dữ trước tự hộ
Chẳng ngó đến ai, chỉ lo mình
Người tục cho là ngã của ta.

Người tu hành tự nghĩ: Nên quán về nguồn gốc của thân do sáu yếu tố hợp thành: Một là đất, hai là nước, ba là lửa, bốn là gió, năm là không, sáu là thần (thức). Cái gì gọi là đất? Đó có hai thứ: Đất ở trong và đất ở ngoài.

Bài tụng rằng:

Đất, nước, gió, lửa, không
Hồn thần nữa là sáu
Trong sáu ngoài cũng sáu
Phật dùng Thánh trí giảng.

Cái gì là đất trong thân? Trong thân, chất cứng như là tóc, lông, móng, răng, cấu bẩn, xương thịt, da gân liền nhau, ngũ tạng, ruột, bao tử, phân uế, bất tịnh. Các chất gì cứng gọi là đất trong thân.

Bài tụng rằng:

Thân người chứa biết bao nhiêu thứ
Tóc, lông, răng, móng, xương, da, thịt...
Và các chất cứng trong cơ thể
Gọi đó là đất ở trong thân.

Người tu hành lại tự suy nghĩ: "Ta xem đất trong thân là thân ta chăng? Thần thức gá vào, cùng với đất ở trong hợp thành chăng? Sự kết hợp của thân đã khác thì cái ngã của ta cũng riêng biệt?" Hãy quán sát về việc cạo tóc: Khi râu tóc rơi xuống trước mắt, mỗi sợi tóc rời ta, dụng tâm quán sát cả trăm lần, cái ngã của ở chỗ nào? Nếu chỉ một sợi là ngã, còn những sợi khác thì sao? Nếu tất cả sợi đều là ngã thì điều này cũng chẳng đúng, vì có biết bao nhiêu là ngã. Lại tóc, râu cạo xuống từ ngắn đến dài cũng khó đếm xuể, nếu khi đem bỏ vào lửa đốt thì thân sẽ chết? Tóc do bốn điều kiện phát sinh: Một là do nhân duyên; hai là trần lao; ba là ái dục; bốn là ăn uống. Nếu chẳng phải là thân thì không có ngã của ta, râu tóc các duyên hợp lại, ngã mới có. Một sợi tóc rơi xuống đất, hoặc bỏ vào lửa, hoặc

rụng ở nhà xí, dùng chân giẫm lên, thì đối với thân không có đau đớn gì. Ở tại trên đầu cũng không có ích gì. Vì vậy quán xét ở trên đầu, tại dưới đất giống nhau không khác.

Bài tụng rằng:

Trên đầu tuy nhiều tóc
Thêm bớt cũng không khác
Dù cạo hay là còn
Cũng chẳng lấy làm lo.
Quán sát kỹ như vậy
Không có ngã của ta
Vậy nên phân biệt rõ
Tất cả không có thân.

Giả sử tóc kia là cái ngã của ta thì ta giống như rau hành cắt rồi, sau sẽ mọc lại. Lấy đó suy ra, sẽ có thêm ngã nữa. Vì sao? Vì thứ rau hành ấy tự hủy, tự sinh. Tất cả đều là không, chẳng phải ta, không có ngã. Giả sử râu, tóc, cùng với thần thức hòa hợp như nước và sữa hòa hợp thì vẫn còn có thể tách ra được. Giả sử râu tóc có ngã của ta thì lúc ban đầu ở trong bào thai bẩm thụ hình, thức, hoàn toàn không có râu tóc, lúc ấy cái ngã của ta là cái gì? Sau đó do nhân duyên sinh. Vì vậy biết rằng, râu tóc không có cái ngã của ta, dù râu tóc có sinh hay là không sinh, hoặc cạo hoặc chừa cũng không có thân. Do đó quán xét, cỏ cây và râu tóc giống nhau không khác.

Bài tụng rằng:

Nếu râu, tóc là ngã của ta
Thì cũng giống như thứ rau hành
Thân như rau cỏ cắt rồi sinh
Xem thân cùng cỏ chẳng khác gì.

Người tu hành tự nghĩ thế này: Vốn không có ta, nay chẳng thấy ngã. Hiểu rõ như thế, chẳng còn hồ nghi, như tóc không có ngã, tất cả cũng thế. Tóc, lông, móng, răng, xương, thịt, da đều không thuộc về đâu. Quán kỹ như thế thì đất không có ngã của ta, ngã không ở trong đất.

Bài tụng rằng:

Tóc, râu... không có ngã của ta
Cắt xẻ thân ra trăm ngàn mảng
Trong ấy tìm cầu, không có thân
Ví như vào nước mà tìm lửa.

Người tu hành tự nghĩ: Ta tìm nơi đất trong thân, hoàn toàn không có ngã của ta. Nên quán sát đất bên ngoài thử xem có cái ngã của ta nương gá vào đất bên ngoài chăng? Sao gọi là đất bên ngoài cùng với thân chẳng liên quan? Thô cứng chắc chắn ngoài thân người, đó là hình dáng của đất đai, núi non, các đá, ngói, gạch, cây gỗ, đồng sắt, chì, thiếc, vàng bạc, thâu thạch, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, lưu ly, thủy tinh, cây cối, thảo mộc, lúa thóc, vật thực có mặt khắp nơi.

Bài tụng rằng:

Núi non, đá ngói đất cỏ cây
Và các loại hình hiện có khác
Chúng đang phát sinh ngoài thân ta
Đó gọi là thứ đất ngoài thân.

Người tu hành quán sát đất bên ngoài thì biết đất bên trong không có ngã của ta. Vì sao? Vì đất trong thân tăng giảm thì có sự khổ đau hãy còn không có thân, huống gì là đất ngoài thân mà có thân sao? Dù có phá hoại, cắt đứt, thiêu rụi, đào xới, xé chẻ cũng chẳng đau đớn, thì đâu có thể gọi là ngã của ta? Cho nên đất ở trong và ngoài đều không thuộc về đâu, như nhau không khác.

Bài tụng rằng:

Như đất trong thân đã vô ngã
Huống là có, ở đất bên ngoài
Do quán vô ngã đều không khác
Bừng tỉnh cùng không, chẳng khác gì.

Cái gì gọi là nước? Nước ở trong ta, ta ở trong nước. Nước có hai thứ: Nước ở trong và nước ở ngoài. Cái gì gọi là nước ở trong? Ở trong thân, những chất thuộc về loại mềm, ẩm ướt như các loại mỡ, huyết mạch, tủy não, nước mũi, nước mắt, nước dãi, nước đờm, gan, mật, nước tiểu... Các chất ẩm ướt trong thân, gọi đó là nước ở trong.

Bài tụng rằng:

Các chất như gan, mật
Huyết mạch, mồ hôi, mỡ
Đờm, dãi và tiểu tiện
Là chất ướt trong thân.
Xẻ thân thấy chất mềm
Chẳng tưởng quan thần thức

Lưu thông khắp trong thân
Đó là nước ở trong.

Người tu hành hỉ, khạc ra trước mặt và quán sát kỹ lưỡng, dùng que vạch ra xem ngã có ở đấy không? Giả sử ngã nương nơi đó ngày ngày chảy ra, thì bị vứt bỏ tiêu mất, đã theo ra ngoài rồi thì chẳng cho là ngã, cũng chẳng nên gìn giữ. Giả sử dùng que vạch ra mà có cái ngã của ta, đựng đầy trong bát thì gọi là gì? Quán sát như vậy, biết chắc là không có ngã. Vì sao? Vì xét về hình thể thì không có gì hết. Lấy đó mà so thì loại nước rất nhiều. Nước đã không có ngã, thì trong hay ngoài cũng vậy.

Bài tụng rằng:

Giả sử ngã như nước
Nước tiêu ngã cũng tiêu
Nước trong thân vơi đầy
Đáng lẽ ngã cũng vậy.
Như bỏ nước trong thân
Chẳng nghĩ đó là thân
Người quán kỹ như thế
Không chấp ngã của ta.

Người tu hành đã thức tỉnh quán sát thấy nước ở trong thân không có ngã của ta rồi, thì nên quán sát nước ở bên ngoài, có ngã chăng? Ngã nương vào nước chăng? Cái gì là nước ở ngoài chẳng có trong thân mình? Mùi vị của rễ, thân, cành, lá, hoa, quả, đề hồ, dầu mè, rượu, tương, sương móc, nước tắm, nước ao, giếng, suối, ngòi, rãnh, kênh, sóng, sông, biển, nước ngầm, gọi là nước ở ngoài.

Bài tụng rằng:

Các thứ gọi là nước trên đất
Và các mùi của thuốc rễ, thân
Cùng thân riêng biệt chăng liên quan
Gọi đó là nước ở bên ngoài.

Người tu hành quán kỹ nước ở bên ngoài, phân biệt thế này: nước trong thân còn không có ngã của ta, nhưng khi có sự tăng giảm, còn khiến thân đau đớn, huống gì là nước bên ngoài còn có thân? Dù có người lấy, đối với mình cũng không tổn hại. Nếu có người cho, đối với thân cũng không có ích. Lấy đó mà quán thì nước ở trong hay ngoài này như nhau, không khác. Vì sao? Vì đều không có sở hữu.

Bài tụng rằng:

Nước ở trong thân không có ngã
Dù có khổ vui và tăng giảm
Vậy nước ở ngoài đâu có thân
Khổ vui, tăng giảm đều vô hại.

Nay nên quán sát các thứ lửa. Lửa có ngã chăng? Ngã ở trong lửa chăng? Cái gì gọi là lửa? Lửa có hai thứ: Lửa ở trong và lửa ở ngoài. Cái gì gọi là lửa ở trong? Hơi ấm áp, sức nóng bức khắp cùng trong thân, nó duy trì mạng sống và thiêu hóa thức ăn. Các sức nóng trong thân ấy là lửa ở trong.

Bài tụng rằng:

Sức nóng trong thân tiêu thức ăn
Hơi ấm ôn hòa giữ mạng sống
Như vậy thể phần và sức nóng
Gọi đó là lửa ở trong thân.

Người tu hành nên khởi các quán về các hơi ấm ở trong thân: Hoặc hơi nóng trên đầu, hoặc ở trong tay, chân, xương sống, hông, bụng, lưng. Quán chiếu như thế, mỗi bộ phận đều có sự sai khác. Suy ra thân người là một, đúng là không có ngã. Quán kỹ như thế, thì không thuộc về đâu, đó là lửa ở trong.

Bài tụng rằng:

Phân biệt kỹ thân người
Biết lửa không có ngã
Ở khắp các bộ phận
Đâu cũng chẳng thấy ngã.

Người tu hành lại tự tư duy: Ta tìm cầu lửa ở bên trong đã không có thân, thì quán sát lửa bên ngoài có ngã chăng? Ngã nương vào lửa chăng? Cái gì gọi là lửa bên ngoài chẳng liên quan đến thân? Đó là lửa và các thứ thuộc về ấm, nóng. Ánh sáng do mặt trời, mặt trăng tinh tú phát ra, lửa ở cung điện các Thiên thần, ở bờ đất núi cao, do đục đá, y phục, châu báu, vàng bạc, đồng, sắt, châu ngọc, anh lạc và các loại ngũ cốc, cây cối, dược thảo, đề hồ, dầu mè, các loại có sức nóng đều là lửa bên ngoài.

Bài tụng rằng:

Lửa nóng, nhật nguyệt và tinh tú
Các loại đá, sáng nóng dưới đất
Và tất cả thứ nóng ấm khác

Gọi đó là lửa ở bên ngoài.

Người tu hành tư duy lửa ở ngoài đã thấy như thế, thì biết lửa ở ngoài chẳng thể kể xiết. Lửa có hai việc, đó là đốt và nấu. Lửa ở trong cây cỏ thì chẳng đốt cây cỏ. Công dụng mỗi thứ khác nhau. Nếu ở trong lửa bên ngoài có cái ngã của ta thì chúng chẳng khác biệt. Vì vậy biết rằng lửa ở ngoài không có thân, thân cũng chẳng ở trong lửa. Lửa ở trong và lửa bên ngoài đều giống nhau. Vì sao? Vì đều trở về không.

Bài tụng rằng:

Sở dĩ có lửa này
Để thiêu đốt, nấu chín
Núi cao các thứ đá
Chỗ tích tụ lửa ấy.
Ở các chỗ khác nhau
Đốt cháy không cùng lúc
Lửa ngoài không như thế
Nên biết là vô ngã.

Nay nên quán sát các thứ gió có ngã chăng? Ngã ở trong gió chăng? Cái gì gọi là gió?

Gió có hai thứ: Gió ở trong và gió ở ngoài. Cái gì là gió ở trong? Hơi mà thân lãnh nạp ra vào, lên xuống, gió khởi ngang hông, xương sườn, lưng, gió thông cả trăm mạch, xương cốt, gió có sức kéo co rút gân lại, các gió nhanh, độc thổi lên hoành hành làm chết người. Đây gọi là gió bên trong.

Bài tụng rằng:

Gió mang trong thân như cơ quan
Các thứ gió chấm dứt mạng người
Hen suyễn rung động co rút chân
Đó gọi là gió ở bên trong.

Người tu hành nên khởi quán như thế này: Các thứ gió bên trong đều do ăn uống không đúng thời tiết mà phát sinh, do các nhân duyên khác mà gió chẳng thông. Gió có nhiều thứ, trong mỗi bước chân, đủ thứ khởi, diệt. Đối với chúng, tìm cầu ngã nhưng chẳng thể nắm bắt được. Vì vậy nói rằng tìm cầu gió ở bên trong nhưng không có ngã của ta.

Bài tụng rằng:

Gió động gió trụ tại thân người

Biết bao nhiêu thứ từ duyên khởi
Chúng đều khác nhau chẳng có ngã
Nên gió ở trong không có thân.

Người tu hành tâm tự nghĩ: Nay tìm cầu gió ở bên trong đã không có ngã, thì nên quán sát gió ở bên ngoài. Cái gì gọi là gió bên ngoài chẳng tương quan đến thân? Gió mạnh cuồng loạn ở Đông, Tây, Nam, Bắc, gió nhẹ, gió lạnh, nóng, nhiều ít, hiu hiu, gió nổi mây, gió xoáy, gió động, gió hình thành, phá hủy đất trời và gió giữ nước, đó gọi là gió ở ngoài.

Bài tụng rằng:

Các thứ gió bốn phương lạnh, nóng
Gió xoáy, gió hình thành, diệt vong
Gió tan mây, trong sáng nhẹ nhàng
Đó gọi là gió ở bên ngoài.

Người tu hành mà quán sát gió như thế, thì tự nghĩ, gió bên ngoài chẳng đồng, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc có khi trung bình, hoặc như lúc quá nóng cầm quạt tự quạt, hoặc như có bụi đất phủi đi. Gió thổi nhanh mạnh thì nhấc người lên; gió xoáy ở trên hư không, khi đất trời hoại thì thổi tróc núi Tu-di, hai bên cọ xát nhau khiến tan nát hết, nhấc dưới lên trên, thổi bay lên cao, rồi để rớt xuống va chạm nhau, nát bấy như bụi. Thân chỉ có một, không có to, nhỏ. Gió bên ngoài đã nhiều lại có to, nhỏ. Quán sát gió bên trong bên ngoài đều như nhau không sai khác. Vì sao? Vì đều chẳng thuộc về đâu.

Bài tụng rằng:

Giống như cầm quạt trừ nóng bức
Gió mát thân người và gió xoáy
Gió trong hư không cũng vô ngã
Đó gọi là gió ở bên ngoài.

Người tu hành đều có khả năng phân biệt, hiểu rõ bốn đại ấy. Tuy vậy, chưa xả được vì chẳng biết thân là không. Những việc làm hiện tại gắn liền với ý nghĩa là có thân, cũng gọi là có ta. Để quán chiếu nó vốn không, nghĩa bốn đại chủng bên trong và vốn đại chủng bên ngoài đều như nhau, không khác. Vì sao? Vì tâm, ý, thức chẳng ở trong thống, tưởng, hành, thức cũng chẳng liên quan đến bốn đại của thân.

Bài tụng rằng:

Nên quán sát bốn đại chủng này

Kẻ không trí tuệ thường hoài nghi
Sắc, thống, tưởng, hành, thức chẳng dính trong
Thì đâu tương quan bốn đại ngoài.

Người tu hành giả sử hồ nghi thì nên quán sát nguồn gốc để có thể hiểu rõ tướng trạng của nó, biết nó như thế nào. Ví như trồng cây phát sinh ra quả, chẳng phải là do hạt giống, chủng chẳng phải là lìa hạt giống. Tất cả như thế, do nhân kết hợp bốn đại. Như có năm ấm thì tại bào thai thành tâm tinh thần và hình trạng như váng sữa đục, rồi phát triển như cục thịt, dần dần thành thân tiểu nhi. Từ thân bé tí đến trung niên vốn là do bao nhiêu thứ từ bào thai sinh khởi. Thân đã thành tựu rồi, thì chẳng phải là cái thân kết hợp lúc ban đầu mà cũng chẳng lìa nó. Mới bắt đầu, từ bào thai, tinh thần dần dần thành hình, đến lúc trung niên, tinh thần vẫn hiện hữu, do sự biến đổi của bốn đại chủng dần dần ngày càng trưởng thành. Do quán "vốn không" nên không có ngã, cũng giống như bốn đại chủng, không sai khác. Tinh thần hiện hữu, dần dần trưởng thành theo thân thể nhưng chúng không có tinh thần, cũng dần dần to lớn.

Bài tụng rằng:

Tâm do bên trong sinh
Như cây từ hạt mọc
Tâm như cây do quả
Đại chủng ngoài cũng vậy.
Thân pháp cũng như thế
Do tâm và các tưởng
Đại chủng ngoài không ý
Đâu có thể có tưởng.

Ví như các đại chủng bên ngoài, có thứ hiện thành vàng, về sau có thợ. Hoặc sản xuất ra đồng, sắt, hoặc sản xuất chì, thiếc, hoặc sản xuất bạc, hoặc sản xuất các loại báu như sản xuất thâu thạch, xa cừ, mã não, lưu ly, thủy tinh, san hô, hổ phách, bích ngọc, kim cương, vàng ròng. Các loại đại chủng bên ngoài, sản xuất các loại châu báu quý lạ như thế. Còn kể về đại chủng bên thân thì trong bào thai bắt đầu sinh hai cục thịt gọi là hình dạng mắt, cái có ánh sáng trong mắt để nhìn thấy gọi là tinh thể. Con ngươi đen trong mắt vin vào tinh thể bên trong mà thấy được hình ảnh bên ngoài, trong ngoài tiếp xúc nhau rồi mới sinh thức. Thức cùng với thống, tưởng, hành phát sinh chỗ nào? Nếu như từ mắt sinh thống, tưởng, hành thì tai, mũi, miệng, ý cũng như thế, các đại chủng trong và ngoài cũng không sai

khác. Các đại chủng từ bên trong như tâm, thống, tưởng, hành vốn là từ trong phát khởi, chẳng do bên ngoài.

Bài tụng rằng:

Có đại chủng bên ngoài
Dùng làm ra vàng bạc
Đại chủng trong cũng thế
Hai cục thịt thành mắt.
Từ nhãn căn thấy sắc
Dựa sắc mà thành thức
Do tâm khởi các tưởng
Thức tự tại bên trong.

Người tu hành hoặc có kẻ nghi ngờ thế này: "Cái gọi là đại chủng bên trong, ít có kẻ vượt qua được, đó là cái "trong" trong cái trong." Hoặc tự cho mình biết và nói người ngu muội chẳng nghe, chẳng biết, tâm họ trở lại tà vạy, rơi vào cao ngạo, cái mà thân thấy đó cho là ngã sở. Ngã thì có hình dáng, ngã ở bên trong. Quán thân người khác cũng như thế. Thấy biết như vậy, thì không thể thoát được. Phật giảng giải thân người thuộc về bốn đại, năm ấm và các suy nhập, dựa vào đó gọi là thân, tha nhân là ngã sở, nghĩa là nội ngoại chủng này, phàm nhân nói vậy, nên như người tục đã nói, ta nói theo họ, nếu không theo thì sẽ bị người tranh cãi. Người học đạo chưa từng nghĩ đến thân.

Bài tụng rằng:

Ngã đâu có cái hơn
Có thể vượt nội ngã?
Ngu si cũng như vậy
Vô tuệ theo tà kiến.
Lời nói có tăng giảm
Phàm tục đã nói vậy
Người trí ngoài việc ấy
Phân biệt không sai khác.

Người tu hành thấy biết rốt ráo thành trí tuệ thanh tịnh. Giả sử đại chủng bên trong là ngã sở thì thường được tự tại nên chế phục nó, tiến thoái là do mình, cho nên biết được thì cái vô ngã tại sao chẳng được tự tại? Lo lắng và già nua, tóc râu tự bạc, móng dài, răng rụng, mặt nhăn, da dùn, diện mạo xấu xí, gân mạch rã rời, thịt đau, xương nhức, phong hàn nhiệt đến chống nhau chẳng hòa, máu huyết nhớp nhúa hỗn loạn; bốn đại bên ngoài

cũng vậy, hoặc có đất bị đào xới, núi lở, hang sụp; đất nước, gió, lửa hoặc tăng, hoặc tổn, thật chẳng tự tại, cho nên không có thân. Do đó biết rằng, các đại chủng trong ngoài không có ta, chẳng có ngã.

Bài tụng rằng:

Sinh, già, bệnh, chết đến
Còn chẳng tự tại được
Địa chủng ngoài cũng thế
Băng hoại thường tăng giảm.
Các duyên trong thành thân
Đại chủng ngoài cũng vậy
Như thật quán sát kỹ
Thì biết không có ngã.

Người tu hành tự nghĩ tâm ta thế nào? Từ lâu xa đến nay bốn đại đều không, mà ngược lại cho là ngã sở. Ví như mùa hạ nóng bức, trong sáng không mây, đi trên đồng vắng, xa thấy bóng nắng. Khi ấy sức nóng của đất như rải than đỏ, vì không có nước, cỏ cây đều khô, giống như đất cát vào giữa trưa cực nóng. Hoặc có khách buôn thất lạc đồng bọn, đi sau một mình, đầu không đội nón, chân chẳng đi giày. Thân thể, mặt mũi, mồ hôi nhễ nhại, môi miệng khô rát, thân như thiêu đốt, miệng há, lưỡi thè, cực kỳ khát nước. Nhìn trông bốn phía, tâm thần mê hoặc, xa thấy bóng nắng tưởng đó là nước, cho là dòng nước chẳng còn bao xa, bên cạnh có cây cùng bao loài chim le le, nhạn, uyên ương tung tăng trong ấy. Ta nên đến đó tự trầm mình xuống, để hết nóng bức cùng mọi thứ dơ bẩn nơi thân, giải trừ được cái khát kịch liệt và sự mệt nhọc.

Bấy giờ, người ấy sau khi nghĩ như vậy rồi ra sức chạy nhanh đến chỗ bóng nắng, thân thể rũ liệt lại càng thêm khát, lâm cảnh khốn đốn, hơi thở hụt hẫng, tâm thần bấn loạn, liền nghĩ: Ta tưởng nước gần chạy đi cả mấy dặm mà chẳng đến chỗ nước, vậy đó là cái gì? Cái mà ta đã thấy đúng là nước sông hay là ta lầm chăng? Rồi tiếp tục tiến bước, ngày càng ngã về chiều, khi ấy trời mát dần chẳng thấy bóng nắng, chẳng còn có loại nước kia, tâm liền tự biết đó là do sức nóng chói chang tạo nên. Vì ta quá khát xa thấy bóng nắng lại cho là nước.

Bài tụng rằng:

Xa thấy ánh sáng chói
Cho đó là dòng nước
Khốn đốn vì quá khát

Nên gọi đó là sông.
Về chiều trời mát dần
Nhìn kỹ hiện tượng ấy
Mới biết là bóng nắng
Ta lầm cho là nước.

Người tu hành tự nghĩ: Ta vốn cũng vậy, vì khát tình dục, truy tìm chẳng nghĩ, chấp đắm vào tình yêu chung thủy, trở lại tự thiêu đốt, mê chấp tưởng nghi, lưới si, bị kiến chấp sai lầm, huyễn hóa che khuất. Ta từ lâu xa lầm là có tâm ấy, tham lam chấp ngã, cho đó là của ta. Nay đã biết rồi, xét kỹ cái thấy, thì cái thấy tưởng có thân từ đây đã dứt trừ. Nay thấy sáu phần không có cái ngã của ta; quán sát một sợi lông, sợi tóc hoàn toàn không thấy có, huống gì trong sợi lông của cơ thể thấy được các vật? Phân tích một sợi lông trên thân đã có biết bao nhiêu là chuyện để nói, huống là giảng luận cả đại địa?

Bài tụng rằng:

Tự xem thân mình là có ngã
Như người ngu khát nước thấy nắng
Biết sáu phần chẳng phải ngã sở
Người có tâm ấy hợp với đạo.

Người tu hành lại nên tư duy: Người ngu chẳng biết nên khởi tâm sinh tưởng ngã ấy là của ta. Ý niệm ấy là các tưởng tà hạnh. Lúc mới khởi gọi là niệm, sau khi khởi gọi là hành. Suy nghĩ rồi tâm mới động, khiến miệng phát ra lời. Dựa vào thân bốn đại cho là ta có ngã, nhưng việc ấy đều là không, không có ta, không có ngã, chỉ là ấm khởi, nguồn gốc của các nhập, do vậy mới có thân, nhân đó gọi tên là người. Người trượng phu xem hạt thì biết là mầm; loài có răng thì ý chí phát động từ bên trong, do gió có tiếng khiến lưỡi phát ngôn. Ví như dòng nước lớn từ núi cao chảy xuống, vang động êm ả. Hành giả nghe cũng như tiếng vang trong núi sâu kêu lên vọng lại. Lưỡi của người có lời nói vốn là từ tâm phát khởi cũng giống như vậy.

Bài tụng rằng:

Nương vào các chủng, tưởng các pháp
Vốn do nghĩ tà khởi ý niệm
Do thân trưởng thành có ngôn thuyết
Phát ra nhiều nghĩa như suối nguồn.

Người tu hành lại nên tự nghĩ: Thân tứ đại ấy vốn không có ta, không có ngã, trở lại làm hại nhau. Ví như người giàu có vô số của cải

nhưng có bốn oan gia. Bốn oan gia nghĩ rằng: "Người này rất giàu, của cải chẳng ít; đất đai, nhà cửa, đồ vật vô lượng; nô tỳ, người ở không thiếu gì; bà con, bằng hữu cũng đều giàu có. Chúng ta đã nghèo, lại không có thế lực, chúng ta chẳng thể báo oán người này được. Phải dùng phương tiện lòn cúi người này. Nên lấy lý do gì để thành đạt phương kế? Thường gần gũi hắn mới có thể báo oán được?"

Bấy giờ, bốn oan gia giả đến quy thuận, người nào cũng nói: chúng tôi vì Nhân giả mà tận lực phục dịch, xin làm nô tỳ, muốn làm việc gì, xin sự sai bảo. Người nhà giàu ấy liền thâu nhận, xem họ như kẻ thân tín, khiến ở bên mình. Bốn người kia, kính cẩn, tối ngủ sáng dậy đều sợ sệt khép nép vòng tay; các việc làm nặng nhọc đều làm trước hết, không né tránh khó khăn. Người giàu ấy thấy bốn người kia cung kính tuân phục, trung thực, hòa nhã, mới đem lòng thương yêu hết mực, cho bốn người ấy là bạn thân của mình, không ai hơn được. Ngồi tại chỗ ngồi trên chiếu, khen ngợi rằng họ là bạn thân của ta, cũng như anh em, con cháu không khác, họ có thể làm việc cho ta hoàn toàn không trái ý. Đã có lời khen ngợi như thế rồi, ăn uống cùng chén bát, ra vào cùng xe.

Bài tụng rằng:

Bằng nhiều cách gần gũi
Dẹp kiêu mạn, chẳng nghịch
Lòn cúi như gia nô
Phục tùng, khiến hoan hỷ.
Oán đâu thể làm vậy
Đều là do thù xưa
Đời này gây hiềm khích
Đeo theo như bạn thân.

Bấy giờ, người giàu kia gần gũi với bốn kẻ oán, lòng chưa từng tẻ nhạt. Về sau, có việc cùng với bốn người này, từ thành đang ở muốn đi đến huyện khác, bọn họ cùng lén bàn luận: người này từ lâu là kẻ thù của ta. Nay nó đã nằm trong tay ta. Giờ thì tại nơi đồng vắng không có người, ở khoảng này trước sau bị hại chẳng phải là một. Nay, con đường cách xa thành ấp, cách xa huyện, trước sau không ai, hai bên cũng không kẻ canh gác, không có mục đồng, không người lấy củi, không kẻ đi săn. Vào lúc đứng bóng như vầy, mãnh thú còn nghỉ ngơi huống là người đi đường lo ngại về nguy hiểm. Khi ấy, bốn kẻ oan gia nắm tóc người giàu nọ vật nằm xuống đất, đè lên ngực vạch rõ tội xưa.

Người thứ nhất nói: Vào thời gian nọ, mày giết cha ta.

Người thứ hai nói: Mày đã giết anh ta.

Người thứ ba nói: Mày đã giết con ta.

Người thứ tư nói: Mày đã giết cháu ta.

Nay đã bắt được mày rồi phải chặt ra từng khúc, cắt đầu bổ ra từng mảnh, mày hãy tự soát xét bản tâm đã từng làm điều gì đều phải suy nghĩ lại. Nay mày mất mạng, đến ngục của Diêm-la. Bấy giờ, người giàu mới biết, những người này là oan gia của mình mà mình lại cho là bạn thân. Lúc đầu đến phụ giúp, mình tin tưởng thương yêu họ, cho ăn uống vui chơi không tiếc, xem họ như con, mong ước là tất cả đều được vinh hiển trong tương lai. Nhưng từ lâu, chúng đã rắp tâm muốn hại nhưng mình chẳng hay biết. Nay nắm đầu vật xuống đất, kể bao nhiêu tội lỗi cũ, xẻo tai, mũi và chặt tay chân, lóc da, cắt lưỡi, mới biết rõ các kẻ kia là oán thù của mình.

Bài tụng rằng:

Con người đến với nhau
Oan gia giống bạn lành
Miệng hòa, tâm ôm độc
Như tro phủ than đỏ.
Quá tin không đề phòng
Lóc da như giết dê
Người ấy tâm mới biết
Là oán chẳng phải thân.

Người tu hành cứ như thế mà quán nghĩa này: Ta vốn tự cho bốn đại địa, thủy, hỏa, phong thuộc về ta. Nay quán xét kỹ chúng, mới biết rõ đó là oan gia nối kết với nhau bằng dây xích xương. Vì sao? Vì nước trong thân tăng hoặc giảm, khiến sinh bệnh rét, có một trăm lẻ một thứ khổ, vốn từ thân phát ra rồi trở lại tự hại thân. Nếu làm cho lửa trong thân có sự chuyển biến thì sinh bệnh sốt, chịu một trăm lẻ một nỗi đau, vốn từ thân phát ra rồi trở lại tự hại thân. Nếu gió phát khởi thì bị bệnh phong, chịu một trăm lẻ một thứ đau nhức. Nếu đất biến động thì nhiều bệnh phát sinh, đó là bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh cùng phát. Bốn đại của thân như thế đều là oán thù, đều chẳng phải ngã, quả thật đáng nhàm chán. Người sáng suốt nên vứt bỏ, chưa hề ham muốn.

Bài tụng rằng:

Lửa có sẵn trong cây
Cọ nhau lại tự cháy
Bốn đại chủng cũng vậy
Chẳng hòa nguy đến thân.
Người sáng suốt quán kỹ
Biết rõ nguồn gốc chúng
Bốn đại trong là không
Là oán, vui nỗi gì.

Người tu hành tự tư duy: Ta quán bốn đại chủng thật chẳng phải là ngã sở. Nên quán đại chủng "không" gồm có những loại nào? Không có ở thân, thân có ở không. Những gì gọi là đại chủng không? Không có hai thứ: không bên trong và không bên ngoài. Những gì gọi là không bên trong? Ở trong thân, các chỗ thuộc khoảng trống của mắt, tai, mũi, miệng, thân, tim, ngực, bụng ruột bao tử, các lỗ xú uế, các khoảng trống trong xương, các mạch, bắp thịt co giật, những nơi ấy gọi không bên trong.

Bài tụng rằng:

Các lỗ nơi hoa sen
Không trong thân cũng vậy
Xương, thịt, da, nơi giật
Không khác không trong thân.

Người tu hành nên khởi quán thế này. Các khoảng trống trong thân đều gọi là không. Ý niệm chẳng khởi từ không ấy, chẳng cùng kết hợp. Vì sao? Vì ý từ tâm khởi, ý này nối tiếp ý khác không dứt, vốn do sự tiếp xúc phát sinh. Do cái "ý pháp" ấy sẽ tự quán tâm, quán tâm người khác, tâm cũng không có không, không có chỗ nương tựa. Dùng trí "ba đạt" quán sát quá khứ, vị lai, hiện tại đều không sở hữu. Với bao nhiêu phương tiện quán sát cái không bên trong vĩnh viễn chẳng thấy thân. Vì vậy, cái thân bên trong không có cái ngã của ta.

Bài tụng rằng:

Quán không bên trong ở chỗ nào
Chẳng tìm thấy ngã như mảy trần
Vì vậy trong thân tâm ý thức
Ví như bóng tối, chỉ có danh.

Người tu hành nên quán thế này: Đã thấy cái không bên trong hoàn toàn không có sở hữu, lại nên quán cái không bên ngoài là những loại nào, có ngã, ngã có nương vào chúng chăng? Cái gì gọi là cái không bên

ngoài không liên quan đến thân? Cái không có hình sắc, không thể nhìn thấy, cũng chẳng thể nắm bắt, không có thân hình chẳng dẫn dắt kiềm chế, chẳng bị bốn đại chủng che phủ. Do hư không ấy mà phân biệt bốn đại; y vào đó mà qua lại, ra vào, tới lui, lên xuống, đi đến, co duỗi, cử động, xuống sâu, lên cao, gió xoay vần được, lửa đỏ, núi đổ; nhật nguyệt tinh tú quây quần chung quanh, nương vào đó mà vận hành được. Đó là cái không bên ngoài.

Bài tụng rằng:

Chẳng thấy được hình sắc
Dung hết không trở ngại
Nương đó người qua lại
Cúi duỗi và cử động.
Sông ngòi lưu thông được
Nhật nguyệt gió xoay vần
Núi đổ và lửa cháy
Đó là "không" bên ngoài.

Người tu hành quán sát kỹ như thế về cái không bên trong thân còn chẳng phải là ngã sở huống là cái không bên ngoài mà gọi là ngã? Hãy giữ tâm chuyên chú vào không bên trong và ngoài như nhau, không sai khác. Vì sao? Vì không có khổ, lạc. Chẳng thể nắm bắt, không có tưởng nghĩ. Đã không nghĩ tưởng thì không có khổ lạc, sẽ chẳng nghĩ về ngã.

Bài tụng rằng:

Cái không ở trong thân
Xét thân rõ vô ngã
Huống là không ở ngoài
Lại cho là có ư?
Quán không ở trong ngoài
Đều như nhau không khác
Vì chẳng khởi khổ vui
Xa lìa các niệm tưởng.

Nay nên quán sát đại chủng tâm thần: Tâm thần có ngã, ngã nương vào tâm thần chăng? Cái gì gọi là tâm thần? Tâm thần ở trong chẳng ở ngoài. Tâm nương vào đại chủng bên trong thấy được đại chủng bên ngoài mà khởi nhân duyên. Tâm thần có sáu lãnh vực nhận thức: Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm. Người tu hành nên quán xét như thế này: Mắt duyên sắc mà biết rõ, còn không thì theo tâm, vì vậy cho nên mới có nhãn thức.

Bài tụng rằng:

Nhờ đại chủng bên trong
Và bốn đại bên ngoài
Như hai cây cọ nhau
Ra lửa, thức cũng vậy.
Tai, mũi, thân, miệng, ý
Phân biệt, thành sáu thứ
Sắc làm chủ tội phước
Gọi đó là các thức.

Nhãn thức ấy chẳng ở trong con mắt, chẳng ở ngoài sắc, chẳng hợp cùng với sắc, cũng chẳng lìa mắt từ ngoài duyên sắc. Ở trong ứng với duyên thì gọi là thức.

Bài tụng rằng:

Ví như đồ cọ lửa
Chẻ ra làm trăm phần
Hoàn toàn chẳng thấy lửa
Quán lửa chẳng lìa cây.
Xem xét các loại thức
Cũng như vậy mà thôi
Do sáu tình có thức
Quán xét bất khả phân.

Ví như có nhà vua ngự trên lầu cao cùng với bá quan quần thần hội họp. Khi chưa làm vua, ông vốn là vị Tiên nhân ở trên núi, quần thần rước về lập làm vua, chưa từng nghe nhạc, nghe âm thanh của trống đàn không hầu, cầm sắt. Âm thanh của chúng rất cảm thương, hòa nhã êm dịu cho là chưa từng có, xoay hỏi quần thần, đó là tiếng của loại gì mà âm thanh hay quá vậy.

Bài tụng rằng:

Như vua người tiên ở nơi vắng
Đến nơi nhân gian nghe tiếng đàn
Nhà vua khi ấy hỏi quần thần
Âm thanh gì mà hay quá vậy.

Quần thần tâu vua:

–Đại vương chưa từng nghe âm thanh này ư?

Bài tụng rằng:

Quần thần tâu vua rằng
Vua chưa từng nghe ư
Như vua muốn xem thử
Thần chẳng nói sai lời.

Nhà vua bảo quần thần:

–Ta vốn từ lâu học đạo trên Tuyết sơn, là người tiên ở chỗ vắng vẻ, vì thế đối với những tiếng khác lạ này chưa nghe.

Bài tụng rằng:

Vua đem nguồn gốc nói bề tôi
Ở chỗ thanh vắng pháp làm vui
Đi ở một mình nên chẳng biết
Chẳng thể phân biệt âm thanh này.

Cận thần tâu vua:

–Đại vương muốn biết, đó gọi là cây đàn.

Bài tụng rằng:

Vua chưa nghe tiếng này
Chẳng hiểu chỗ âm phát
Thần tâu bậc tôn quý
Thứ ấy gọi là đàn.

Vua bảo cận thần:

–Đem đàn đến ta xem là loại gì.

Cận thần liền vâng lệnh mang cây đàn đến.

Vua bảo:

–Ta chẳng dùng thứ ấy, hãy lấy âm thanh của nó đến.

Cận thần tâu:

–Đây là cây đàn, cần phải dùng phương cách, động tác, công phu mới phát ra tiếng. Vậy làm sao lấy tiếng ra để mà trình cho vua được.

Bài tụng rằng:

Nhà vua có điều hỏi
Quần thần đều tâu rằng
Âm thanh chẳng thể lấy
Không có âm tự nhiên.

Nhà vua hỏi quần thần:

–Dùng công phu gì mà khiến có tiếng?

Quần thần tâu:

–Đây là cây đàn, do thợ đã dùng gỗ khô làm thành, rồi dùng dây buộc vào mới hoàn tất. Lại thử âm thanh của nó khiến chẳng lớn, chẳng nhỏ, điều chỉnh cho thích hợp.

Bài tụng rằng:

Đẽo gọt gỗ khô làm đàn này
Làm cho ngoài mỏng và trong rỗng
Lại mắc dây tốt, điều chỉnh âm
Nhiên hậu tiếng nó mới êm dịu.

Quần thần tâu vua:

–Trống, đàn phải khéo tay thì âm tiết mới hòa nhau, chẳng gấp, chẳng hoãn, chẳng chậm, chẳng nhanh. Khi biết âm thì rõ tiết tấu, tiếng thô tế, cao thấp mới đúng chỗ. Lại đã hiểu tiếng ngâm vịnh thi phú thì lời ca chẳng lạc tiết tấu, nhịp nhàng với âm trống, tám âm chín khúc, mười tám bậc, cung bậc có điệu khác nhau, sự biến đổi của dây có ba mười chín.

Bài tụng rằng:

Âm nó mà hòa dịu
Phát tiếng rất thánh thoát
Bốn bộ tiếng êm ái
Có thể ca thông suốt.
Hiểu rõ ngâm thơ phú
Như kỹ nhạc của trời
Người nào đạt như thế
Trống, đàn mới hòa trong.

Quần thần tâu vua:

–Như thế, nhạc sư điều chỉnh âm thanh của dây đàn, lúc đó mới êm ái. Như âm thanh nhà vua đã nghe đã mất rồi chẳng thể tìm lại được. Dù người bốn phương đuổi theo âm thanh ấy tìm nó ở chỗ nào cũng chẳng thể được.

Vua phán bảo quần thần:

–Cái gọi là đàn ấy không ích cho đời, không có thiết yếu, cái đàn ấy khiến cho vô số người phóng dật, chẳng thuần lương, vì khi nghe thấy nó thì lòng người bị mê hoặc. Hãy lấy đàn ấy đi, đập thành trăm mảnh, vứt bỏ ngoài đồng.

Bài tụng rằng:

Biết bao công phu mới thành âm
Chỉ vì hư vọng mê hoặc đời
Nếu không có trống, đâu phát tiếng
Phiền não rất nhiều do đó ra.

Người tu hành nghĩ thế này: Ví như chiếc đàn kia tốn biết bao nhiêu công mới thành tiếng. Mắt cũng như thế, không bị phong, hàn, nhiệt thì tinh thể của nó trong suốt, tâm chẳng nghĩ gì khác, bên trong và ngoài mắt đều sáng, sắc đã thấy không có xa gần, sắc không nhỏ nhiệm, cũng chẳng che khuất. Thức chẳng phải là một thứ, vì nhân đó mà duyên nên nhãn thức.

Bài tụng rằng:

Do biết bao công, mới thành đàn
Từ tai nghe tiếng, tâm ưa thích
Không có các bệnh, mắt sáng trong
Nếu không nghĩ khác, gọi nhãn thức.

Nhãn thức đã do nhân duyên sinh khởi thì nhân duyên kết hợp ấy là vật vô thường, khổ, không, vô ngã. Do từ nhãn thức mà dẫn đến họa hoạn này. Dù có người nói có sinh mạng thường, lạc thì cái ngã sở ấy cũng chẳng thể nắm bắt được. Đây là lời nói hư dối, đâu có thể tự cho rằng nhãn thức là ngã sở. Vì vậy biết rằng, thân không có nhãn thức, nhãn thức vô thường, các tưởng của tâm cũng giống như thế. Người quán sâu xét kỹ thì biết nguồn gốc của nó; tất cả các pháp đều chẳng phải là ngã sở. Ví như lấy tàu lá chuối cho đó là vật cứng nhưng đang ở trên tay đã rách vụn; lần lượt chọn mãi cho đến gốc của nó không có một cái gì cứng chắc, cũng chẳng có cái lõi, thì đâu có thể cứng được. Người tu hành cũng thế, từ khi nơi phát tâm, quán lông tóc là của mình hay của người? Quán kỹ thế này: quán sát tóc trên đầu của mình, tất cả đại chủng địa, thủy, hỏa, phong, không và tinh thần thấy là không có thân. Như ta từng nghe: Mặt trời đã lặn, trời tối không có ánh trăng, có một người độc hành, vào nửa đêm trông thấy cái cây từ xa cho là giặc cướp, như đang giơ đao, trương cung, cầm kích muốn hại mình, không còn hồ nghi gì nữa, trong lòng sợ sệt, không dám bước tới. Cất bước di động lòng rất lo âu, sợ sệt quá đỗi. Trời dần về sáng, tinh tú lặn mất, mặt trời sắp mọc, lúc ấy mới rõ chẳng phải là kẻ cướp mà là cái cây. Người tu hành nên quán như thế này: Ta từ lâu đời ngu si che lấp, cho là có thân cùng đầu, tay, chân, hông, sườn, ngực, bụng, các chỗ chất chứa, bước đi, đến dừng, ngồi đứng, nói năng, việc có thể làm dần dần tự đạt, học hỏi hiểu lẽ là trí tuệ thông minh, mờ mịt ngu si tức là nông cạn. Bây giờ mới rõ, không

có cái ngã của ta, xương cốt nói nhau, da dẻ bọc ngoài, do tâm ý, gió, bước đi, tới, dừng, nằm, đứng, nói năng, có các động tác.

Bài tụng rằng:

Có người đêm đi đường
Thấy cây tưởng là cướp
Người ngu cũng như thế
Thấy thân nghĩ có ngã.
Rõ không có ngã, nhân
Chứa các duyên thành thân
Xương cốt các lỗ thông
Do tâm thần, gió động.

Ta từng nghe rằng, xưa tại một nước nọ, các đám thiếu niên chơi ở bên sông, cùng nhau vui đùa, dùng cát xây thành hoặc làm nhà cửa, cho là sở hữu của mình, ai nấy tự giữ, phân biệt việc làm khiến không sai sót. Làm nhà xong rồi trong đó có một đứa dùng chân đụng, phá thành đứa khác; chủ thành quá giận nắm tóc đứa kia dùng tay thoi đấm, cất tiếng kêu lớn: Có người phá thành của tôi, xin quý vị đến đây giúp tôi trị tội. Đám trẻ đáp lời đều đến trợ giúp, đánh đập đứa kia, chân đạp lên thân hỏi: Vì cớ gì ngươi phá hoại thành của người khác? Và đám đó nói: Ngươi phá thành người khác thì phải làm lại. Rồi cùng bảo nhau: Có thấy người này phá hoại thành của người khác không? Nếu có ai bắt chước thì trị tội như thế. Ấy nấy ở tại thành của mình mà vui đùa cười giỡn, chớ phạm đến nhau nữa.

Bài tụng rằng:

Trẻ con xây thành cát
Chạm vào đầu tan rã
Chơi giỡn mà làm nên
Cho đó là của ta.
Ai nấy tự yên trí
Là nhà, thành của mình
Mà vui chơi trong đó
Như vua ở trong cung.

Bấy giờ, lũ nhỏ vui chơi với thành cát, cho là của ta, nên giữ gìn ưa thích, chẳng ai đụng đến. Ngày đã sắp tối, chúng muốn trở về, tâm chẳng luyến tiếc, chẳng đoái hoài thành cát, dùng tay chân đạp phá bỏ đi, rồi trở về nhà.

Bài tụng rằng:

Trẻ con dồn cát để làm thành
Ở trong chơi giỡn đến hoàng hôn
Trời vừa chạng vạng không luyến tiếc
Liền bỏ thành ấy, trở về nhà.

Người tu hành nên quán thế này: Ta chưa hiểu đạo, nghĩ nó là của ta, đắm vào ân ái, giữ sắc của thân. Già bệnh dẫn đến đối mặt vô thường, bỗng tiêu diệt hết. Nay vừa bỏ sắc, tâm không còn ưa, dùng pháp trí tuệ, phân tích chia chẻ, bốn đại năm ấm, nay đã hiểu rõ sắc, thống, tưởng, hành, thức, trần của các nhập, chẳng phải là của ta. Như năm ấm này chẳng phải là sở hữu của thân; quá khứ, vị lai, hiện tại cũng vậy. Ai muốn quán xét sinh tử, dùng phép quán như thế thì có đủ khả năng đến được cửa giải thoát. Nếu người muốn cầu "không" thì làm theo như thế.

Bài tụng rằng:

Có người quen với dục
Chẳng bỏ, đắm ân ái
Mãi tự giữ lấy thân
Như phụng kính người thân.
Nếu xa lìa tình dục
Như trăng bị che khuất
Biết thân như thành cát
Chẳng nghĩ ngã của ta.

Người tu hành thấy ba cõi là không, thì chẳng còn ưa thích sinh tới đó nữa. Thế nào gọi là vô nguyện, hướng đến cửa giải thoát? Có cảnh giới dâm, nộ, si, cấu, giả sử khởi tưởng thì chế ngự không theo, đó gọi là vô nguyện, hướng đến cửa giải thoát. Người không khởi tưởng như vậy tức ra khỏi ba cửa giải thoát. Vô tướng cũng như thế. Đã hiểu rõ điều ấy thì gọi là ba cửa giải thoát. Người tu hành, vì vậy chuyên tinh, chỉ muốn hiểu "không".

Bài tụng rằng:

Ba cõi, chẳng thấy ngã
Chỗ thấy, đều là không
Đâu thể cầu sinh lại
Hoàn toàn chẳng trở lui.
Tâm luôn luôn nghĩ đến
Vô tướng, Vô nguyện, Không

Như ở trong trận chiến
Hàng phục trừ giặc oán.
Quán năm ấm vốn không
Nương gá trong thân người
Quá khứ và vị lai
Hiện tại cũng như vậy.
Chứa nhóm thân khổ nhọc
Tất cả đều rã tan
Người sáng quán năm ấm
Giống như bọt của nước.
Đạt Vô tướng, Vô nguyện
Thấy ba cõi đều Không
Ba giải thoát an ổn
Đều vượt các khổ não.
Thấy cát tường chẳng xa
Như xem chỉ bàn tay
Thế gọi là Sa-môn
Thủy chung không có hoạn.
Tỉnh giác xem kinh pháp của Phật
Vì cầu giải thoát thường an ổn
Nghĩ sâu nói rộng chỉ vì thương
Để hành giả hiểu giảng Không nhiều.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 5

Phẩm 22: THẦN TÚC

Tâm trong sạch như thể dòng suối
Hòa với Tỳ-kheo như ánh sáng
Khỏi khổ, tuệ an như gió mát
Nuôi lớn giống Phật xin cúi đầu.
Ngay khi được tịch định
Như núi chẳng thể động
Quán rõ như cân đo
Trừ tội khiến hết uế.
Dùng nghĩa kinh tịch quán
Chiếu sáng khắp thế gian
Nhiếp tâm xin quy mạng
Đảnh lễ Tam Giới Tôn.

Người tu hành, hoặc trước hết đắc tịch tĩnh, rồi sau mới nhập quán, hoặc trước hết đắc quán, rồi sau mới nhập tịch tĩnh. Thực hành tịch tĩnh vừa đạt đến quán thì được giải thoát. Nếu trước hết nhập quán mà đạt đến tịch tĩnh cũng được giải thoát. Thế nào gọi là tịch tĩnh? Tâm đứng vững, chẳng động, chẳng loạn và chẳng buông thả, đó là tướng của tịch tĩnh. Suy tầm nguyên nhân của hành động, tâm quán chánh pháp, tỉnh táo xem xét việc làm để thấy được cội nguồn, dựa vào hình tướng đó gọi là quán. Ví như việc bán vàng, có người mua vàng sau khi xem vàng không nói là tốt hay xấu, đó gọi là tịch quán. Xem vàng, phân biệt, biết vàng sản xuất từ đâu, có xen lẫn bạc đồng, biết nó là thật hay giả, đá đỏ hay vàng ròng đó gọi là quán. Như người cắt cỏ, tay trái nắm cỏ, tay phải cầm liềm cắt. Chỗ tịch nhiên ấy giống như tay nắm cỏ, pháp quán ấy thì giống như cái liềm cắt cỏ.

Bài tụng rằng:

Tâm không một vết nhơ

Không động gọi là tịch
Nếu người tâm luôn tỉnh
Thế gọi là quán pháp.
Tay nắm cỏ là tịch
Liềm cắt cỏ là quán
Vì vậy nên tịch nhiên
Nhiệm mầu để giải thoát.

Người tu hành quán hài cốt con người, ở trước, ở sau như nhau không khác, mở mắt hay nhắm mắt, quán cũng như nhau, đó gọi là tịch. Tìm tòi suy nghĩ: đầu cổ khác, tay chân khác, đốt xương tách rời ra, mỗi thứ một nơi, đó gọi là quán. Xương này kết nối thân lại, dựa vào bốn đại mà lớn, nhờ các duyên ăn uống, yêu thương ngủ nghỉ, tội phước mà sống, chung quy đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, suy thoái, hoàn toàn không sở hữu, đó gọi là quán. Nói tóm lại thấy mà không quán sát thì gọi là tịch, phân biệt nguồn gốc của nó thì gọi là quán.

Bài tụng rằng:

Thấy xương cốt dính liền chẳng quán
Tâm chẳng dấy động gọi là tịch
Phân biệt đầu, tay, chân, thân thể
Khởi ý muốn xét gọi là quán.

Người tu hành bằng cách nào gọi là tinh chuyên cầu nhập tịch tĩnh? Có vô số phương tiện để đạt đến tịch tĩnh. Nay đây tóm lược để giải nói thì có hai cách để đạt đến.

1. Quán Bất tịnh.

2. Quán Sổ tức theo dõi hơi thở ra vào.

Thế nào gọi là quán Bất tịnh?

Trước hết phát khởi lòng Từ, nghĩ đến tất cả, đều được an ổn. Phát tâm như vậy rồi, liền đến bãi tha ma, ngồi quán về người chết. Kể từ một ngày cho đến bảy ngày, hoặc thân thể phình trướng, màu sắc xanh đen, rữa nát hôi thối, côn trùng rúc rỉa, không còn da thịt, máu mủ nhày nhụa. Nhìn các cốt xương, gân buộc với nhau, xương trắng phô bày, thật là nhờm tởm. Hoặc thấy xương cốt qua biết bao năm tháng lâu xa, nát vụn nằm trên đất, màu như ngọc xám. Chú tâm nghĩ kỹ, bám theo chỗ diệu quán, bước đi, tới dừng, nằm đứng, kinh hành, nhớ mãi không quên. Hoặc đến chỗ thanh vắng, không có người ở, tréo chân ngồi thẳng, nghĩ về hình dạng tử thi đã

thấy trong bãi tha ma, nhất tâm tư duy.

Bài tụng rằng:

Đến bãi tha ma quán bất tịnh
Và đến đó rồi quán tử thi
Ở nơi vắng vẻ, không tiếng người
Tự quán thân mình như thây kia.

Người tu hành, nên hành trì pháp quán này phải đến xem lại, rồi trở về chỗ cũ mà khởi quán vô thường, ra vào, tới, lui không hề lìa bỏ, sớm tối chẳng lười, suốt một tháng, một năm, hay hơn số ấy nữa, tinh chuyên chẳng bỏ, kinh hành, ngồi đứng, ngủ thức, dừng nghỉ, hoặc một mình. Hoặc với số đông thường chẳng lìa tâm tật bệnh hay khỏe mạnh, phải giữ ý chỉ, chẳng những chỉ dùng cái vô thường, khổ, không, chẳng phải thân này làm đề mục thiền định mà còn dùng đối tượng quán đúng thực tế, chẳng do từ hư vọng.

Bài tụng rằng:

Khi quán nếu quên nhân duyên quán
Đến bãi tha ma để nhìn lại
Chẳng phải chỉ quán vô thường, khổ
Nếu chẳng chuyển tâm quán như thấy.

Đúng như hình trạng của tử thi đã thấy ở bãi tha ma, nhất tâm tưởng nghĩ như lúc đầu chẳng bỏ quên, quán tâm mình cũng vậy. Quán hình trạng người chết và thân thể của ta như nhau, không sai khác. Nếu thấy tha nhân, hoặc nam, hoặc nữ, lớn nhỏ, đẹp đẽ, xấu xí, trần truồng, mặc y phục, trang sức anh lạc, hoặc không trang sức, nhất tâm quán sát khẳng khác tử thi: Dùng quán bất tịnh, đạt được tịch tĩnh. Bấy giờ người tu hành thường quán các thứ bất tịnh hiển bày giống như các dòng sông đều chảy về biển cả.

Bài tụng rằng:

Thân ta, tử thi, thân lớn nhỏ
Đều là bất tịnh, chẳng khác gì
Tâm luôn tinh chuyên chưa hề bỏ
Ví như các sông vào biển cả.

Người tu hành, tâm tự nghĩ: Đã được tự tại rồi thì tâm chẳng chống trái ta, chẳng còn bị mê hoặc. Tức thời hoan hỷ vì đã có thể hưởng được niềm an lạc kỳ diệu, tâm chí vững chải chẳng còn theo dục. Nếu như thấy nữ nhân cho là bộ xương, chẳng phải là bóng hình đẹp đẽ, quán biết chắc

thật cái dục tạp nhiễm căn bản kia chỉ là ô uế tội lỗi, xa lìa tình sắc, chẳng tạo các ác, đó là bậc Thiền thứ nhất, vứt bỏ năm cái, đầy đủ năm đức, lìa các suy tưởng, xa các pháp dục bất thiện, tâm chuyên nghĩ tưởng tịch tĩnh một cách kiên quyết để vui vẻ, an ổn thực hành bậc Thiền thứ nhất. Đó gọi là pháp tịch nhiên. Cầu mà được như vậy là do quán bất tịnh.

Bài tụng rằng:

Chí tự tại như cung
Tâm niệm dẫn dắt nhau
Quán da xương nữ nhân
Kiềm ý chẳng theo dục.
Lìa tội, tâm thanh tịnh
Thân thoát khỏi các ác
Ở đời được tự tại
Hoan hỷ được thiền định.

Bậc Thiền thứ nhất ấy còn tiếp tục vượt qua các lậu, vì lậu chưa hết. Hành giả trụ Thiền thứ nhất như thế nên còn là phàm phu. Là đệ tử của Phật nên đứng ngoài loại thiền ấy. Chưa hết lậu thì nên nhập thất. Như Tiên nhân vĩnh viễn xa lìa dục, trước sau không gián đoạn. Chẳng phải đệ tử Phật còn tu hành như vậy để cầu bậc Thiền thứ nhất, cũng rất khó đạt. Còn ba bậc thiền nữa chỉ xê xích chút ít với bậc thiền trước. Ví như học bắn, đứng xa đích lớn, tập lâu mới trúng, tập mãi không dừng nghỉ, thành xạ thủ bắn chẻ sợi lông. Ban đầu học về bậc Thiền thứ nhất, tinh cần cho đến đạt được, thì ba bậc thiền còn lại học rất dễ.

Bài tụng rằng:

Học bậc Thiền thứ nhất
Tinh cần rất khó đạt
Ba bậc thiền còn lại
Thì đạt cũng dễ thôi.
Ví như học cách bắn
Mới đầu rất khó trúng
Đã trúng được đích lớn
Nhắmắt bắn chẻ lông.
Nếu đạt tịch nhiên đệ nhất thiền
Chỉ là phàm phu, nên răn trách
Ngoài cảnh, chẳng phải đệ tử Phật
Đã lìa ái dục, giống Tiên nhân.

Người tu hành đã đạt được tự tại, thành tựu bốn Thiền rồi, muốn chứng đắc thần túc thì quán xét tất cả là không, xét từng bộ phận, mắt, tai, mũi, lưỡi, miệng, đầu, cổ, hông, xương sống, tay, chân, ngực, bụng và các lỗ chân lông giống như hư không. Khởi quán như vậy rồi tự thấy thân mình, từng bộ phận liên kết như gốc hoa sen, giống các lỗ của củ, quán như hư không. Sau đó, thấy thân giống như cái đẫy da; dần dần quán sát như thế, liền xa lìa tướng về hình thể, chỉ còn tưởng không. Đã đắc tưởng không rồi, lại không còn tưởng về sắc, hoặc tu tập tưởng không liên tục thì thấy thân thể không phải là đối tượng để tham đắm. Muốn thấy thân thì tự thấy, muốn chẳng thấy thì cũng chẳng thấy. Muốn thấy hư không thì thấy, muốn chẳng thấy thì cũng chẳng thấy. Thân tâm như nhau, ý ở bên trong như sữa hòa với nước, tâm chẳng lìa thân, thân chẳng lìa tâm. Giữ vững ý chí dùng tâm cử thân, khiến rời khỏi chỗ ngồi, chuyên tâm nơi không, như người cầm cân để cân sắt... cân đúng phân lạng. Sau khi cân ngang bằng rồi, tay giơ lên treo cân. Tu hành cũng thế, tự nâng thân lên, chuyên tâm niệm không.

Bài tụng rằng:

Có người tu hành đắc
Thần túc bay lên trời
Quán xương đốt của thân
Lỗ chân lông đều không.
Lìa bỏ chẳng nghĩ ta
Chuyên ưa niệm tưởng không
Như cân lớn cân vật
Cử thân cũng như vậy.

Người tu hành tập làm như vậy sẽ được thành tựu. Lúc đầu mới cử thân cách đất bằng con rận con, rồi chuyển tăng như hạt mè. Dần dần bằng hạt đậu lớn, rồi lại bằng cây táo. Tập cử thân như thế cho đến Phạm thiên, rồi đến cung của chư Thiên cõi Tịnh cư, xuyên suốt núi Tu-di, không có gì ngăn cản. Vào đất không nứt, ra khỏi đất không có lỗ, dạo chơi trong hư không, ngồi nằm, đi đứng, phần trên thân phóng lửa, phần dưới thân phun nước; phần trên thân phun nước, phần dưới thân phun lửa; từ các lỗ chân lông phóng ra biết bao nhiêu luồng ánh sáng, tỏa chiếu năm màu như mặt trời chiếu sáng; có thể biến một thân thành vô số, biến làm trâu, ngựa, rồng, voi, lừa, la, lạc đà, hổ lang, sư tử... không có loại nào mà chẳng hiện được. Trong khoảng khởi ý dạo khắp cõi Phật và trở về. Cảnh giới thần túc ấy biến hóa thông đạt, thần túc ấy do bốn loại thiền đạt được, mà bốn loại thiền

đó do quán bất tịnh, sổ tức đạt được. Vì vậy người tu hành nên quán niệm Bất tịnh và Sổ tức.

Bài tụng rằng:

Do học tập cử nhẹ
Như gió không vướng mắc
Thân vọt lên Phạm thiên
Xem khắp cung chư Thiên.
Phi hành trong hư không
Như mây không bị cản
Vào đất như vào nước
Trên không như dưới đất.
Từ thân tự phát lửa
Giống như ánh mặt trời
Dưới thân phun ra nước
Như đêm tỏa sương mù.
Tinh chuyên đắc thần túc
Tự tại không trở ngại
Muốn tiếp xúc Phạm thiên
Tự do, huống gì khác.
Muốn đến phương cõi khác
Khinh thân liền đến được
Vứt ném kim cang nhanh
Đến về cũng như vậy.
Tự tại như biến hóa
Hiện được vô số hình
Như ưa thích trò huyễn
Ưa thần túc cũng vậy.
Dạo khắp ao cam lồ kinh Phật
Cũng như voi lớn và suối hoa
Tóm nói ý nghĩa đúng lời dạy
Nên ca ngợi thần túc như vậy.

-oOo-

Phẩm 23: SỔ TỨC

Oai thần chói lọi như mặt trời

Đức sáng rực rỡ hơn Thiên đế
Sắc diện đẹp đẽ như trăng đầy
Phá tan bóng tối, trừ cấu bẩn.
Miệng nói lời pháp, như cam lồ
Phát lời êm dịu, khen mười thiện
Dốc hết lòng tin quy Thế Tôn
Xin đảnh lễ Phật, Đấng Cao Tột.
Xem chọn các kinh như vào biển
Chọn được Thiền định không rơi rớt
Mới dám xưng là đệ tử Phật
Vì vậy đảnh lễ Đấng Tối Thắng.

Người tu hành tự nghĩ: Thế nào gọi là đạt đến bậc Thiền thứ nhất vô lậu? Thế nào gọi là đệ tử của Thế Tôn?

Nếu người tu hành ở tại bậc thiền còn bị thoái đọa thì thường khởi ý nghĩ: Ta đắc bậc Thiền thứ nhất nên còn bị thoái đọa. Vì còn bị thoái đọa nên thực hành bậc thứ nhất được sinh làm Phạm thiên. Ở đó phước mỏng, khi thọ mạng hết thì sẽ bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tại nhân gian. Nghĩ rằng hạng người này, tuy ở cõi Phạm nhưng xét kỹ, dù là Tỳ-kheo nhưng chẳng thoát khỏi loại phàm phu, cõi ác. Vì sao? Vì chưa giải thoát.

Bài tụng rằng:

Giả sử mới học được lậu thiền
Người tu ấy lọt như lổ thủng
Tuy sinh Phạm thiên rồi đọa lại
Mưa trên áo tơ biến đổi màu.

Ví như nhà vua có một vị đại thần phạm trọng tội, ra lệnh: Trước hết tra khảo, chịu đủ năm loại cực hình, sau đó mới trói lại bỏ vào ngục, cho mặc áo rách, cho ăn cơm thô, rơm cỏ làm giường không cho người nhà vào thăm, nhốt tại phòng gần nhà xí, nơi xú uế. Thuộc hạ nhận lệnh rồi, liền theo lời vua, tra khảo như pháp. Ngày trước, người này có chút công giúp vua, nên vua nghĩ đến và sai bảo quan cai ngục thả người ấy được tự do bốn tháng, vui chơi thoải mái, cùng với bà con an ủi chúc tụng. Xong bốn tháng rồi trở vào trong ngục.

Bài tụng rằng:

Như có bầy tôi phạm phép vua
Vua nghĩ ân xưa, cho ra ngục

Tự do vui chơi theo ý muốn
Rồi sau nhốt lại vào trong ngục.

Quan coi ngục nhận lệnh, làm như lệnh vua bảo. Người ấy được thả ra, tắm rửa, phục sắc cùng các tùy tùng ra đi du ngoạn, tự do hưởng năm dục. Tuy cùng hưởng dục lạc nhưng lòng lại lo nghĩ: Nay cùng tùy tùng tự do hưởng năm dục lạc, nhưng tại sao thả rồi lại bắt vào ngục? Ba thời than thở: Lại sẽ bị khảo tra, mặc áo rách, ăn cơm thô, nằm rơm cỏ, cùng ở một chỗ với bọn tiểu nhân, có gì đau đớn bằng. Còn sẽ bị bọ chét, rận rệp, ruồi nhặng, muỗi mòng chích đốt, ở trong ấy thật ghê tởm. Mùa hạ thì quá nóng, mùa đông thì quá lạnh, chuột ban đêm kêu chạy trong bóng tối từng đàn, đồ dơ bẩn bất tịnh, máu chảy tràn lan mặt đất, đầu tóc rối bù, khảo tra đủ thứ. Hoặc có kẻ bị xẻo tai, cắt mũi; hoặc bị chặt đứt tay chân, ô uế bất tịnh, giống như là ở bãi tha ma, khổ đau không kể xiết, sẽ cùng với bọn tội lỗi này ở một chỗ.

Bài tụng rằng:

Quan ấy lo nghĩ sau bốn tháng
Cùng bà con thân ái vui chơi
Sẽ trở lại ngục bị tra khảo
Gặp nguy, đau khổ chẳng thể lường.

Lại sẽ chứng kiến các tội nhân bị cột nhốt. Chúng phạm tội ác, làm các việc trái đạo như dâm đãng, trộm cắp, cướp đoạt con cái người, thiêu đốt nhà người và nhà chứa ngũ cốc; dùng độc hại người, ưa khinh mạn; hoặc giết nam nữ, mổ giết trâu bò; cướp phá các làng xóm, huyện ấp, thành quách, nghĩ điều hại nước. Lại sẽ chứng kiến năm loại cực hình, đánh đập bàn tay, bàn chân, tai, mũi bê bết máu; hoặc thấy chém vào đầu, vết thương lở loét, mủ máu rịn ra; hoặc bị đánh nặng, thân thể sưng phù, vô số ruồi nhặng bu bám nơi thân, nằm ở trên đất giống như con heo; hoặc người mới vào ngục mặt, mắt, tay chân đều bị lở lói, phù thủng bong lên như bị phỏng, sầu khổ không kể xiết, đứng yên chẳng dám động, hoặc gầy ốm như bộ xương đứng, nhan sắc xấu xí giống như quỷ đói; hoặc ở lâu trong ngục vì hơi phù thủng, đầu rối móng dài; hoặc có người trong đó hằng ngày trông mong ra khỏi; hoặc có kẻ tự nghĩ: Ta ở trong ngục, không có kỳ hạn ra khỏi nên chẳng áy náy. Những kẻ mới vào, chứng kiến cảnh thắt cổ chết, hoặc khảo tra, hoặc đâm chém, hoặc miệng nhận tội, hoặc dùng dây trói thân, hoặc cùng người chết nằm chung giường chiếu, hoặc dẫn ra nằm trên cầu xí. Nếu thực hiện con đường tu hành thì hoàn toàn chẳng bị khảo tra.

Bài tụng rằng:

Người ác thật quá nhiều
Tội lỗi thật đáng ghét
Cùng ở với người ngu
Giống như ở với heo.
Khóc than rơi nước mắt
Khổ như quỷ cùng nhà
Đại thần ấy sầu lo
Sao chịu vào lại ngục?

Những tội nhân này ở trong ngục hình, ai cũng bàn luận về việc vua chúa, đạo tặc hoặc nói về gạo thóc, ăn uống, hoa hương, kỹ nhạc, nam nữ hoặc nói chuyện lên núi, xuống biển xa xưa. Hoặc nói chuyện đánh nhau của nước khác. Hoặc ta thán về việc làm đã qua của vua. Hoặc nói vua ác, trị nước không đúng chính sách, nếu giặc đến công phá thì sẽ mất nước. Hoặc nói vua băng hà sẽ có tân vương lên thay, rồi ban lệnh đại xá, hay là hoàng hậu mang thai đến ngày sinh nở thì tù nhân được phóng thích. Hoặc trong thành phát lửa, nhiều chỗ bị thiêu cháy, cửa ngục được mở, chúng ta thoát ra. Hoặc họ cùng bàn luận: Nếu thấy điềm lạ như có chim thứu đến kêu, đậu trên cổng ngục, hay đậu trên cửa ngục kêu lên, mộng thấy lên nhà trên, hoặc lên núi cao, lại vào long cung, rơi vào ao sen, đi thuyền qua biển, thì tự biết là chẳng bao lâu sẽ thoát được cảnh khổ.

Bài tụng rằng:

Các người phạm pháp vua
Bàn luận, tự khích lệ
Tụ họp, tâm hoan hỷ
Hy vọng được giải thoát.
Như bầy trâu sụp hầm
Rơi giếng hiểm như thế
Khi đại thần nghĩ vậy
Người vô phước rất lo.

Khi đại thần suy nghĩ: Ta nên làm thế nào để nghe lại lời bàn luận của bọn đạo tặc ấy, thì có kẻ bảo nhau: "Nếu quan coi ngục có hỏi thì sẽ trả lời thế này: Dùng cực hình khảo tra thì chẳng qua khỏi mười bốn ngày thân thể đã quen, chẳng còn đau đớn. Giả sử đem thân xẻ ra từng khúc, thì dù dao để trên đỉnh đầu cũng chẳng thốt ra lời dối trá là tôi phạm tội này. Chớ nói cái gian nhà nơi tàng giấu của ở chỗ nào. Chớ dẫn chỉ người nào là đồng

đảng, hoặc có dụ hỏi thì đừng tin. Ngục tốt khủng bố thì các ngươi phải thận trọng không khuất phục. Nếu bị khảo tra cũng không được sợ hãi."

Bài tụng rằng:

Lần lượt khuyến khích nhau
Bảo nhau cách từ chối
Suy nghĩ đáp thế nào
Khi quan ngục hỏi đến.
Đại thần và quyến thuộc
Lại nghĩ khổ trong ngục
Đã quen với năm dục
Nên lòng ôm sầu não.

Tù nhân bảo nhau: Các ngươi không thấy người ta bỏ cha mẹ, anh em, thân thuộc, chẳng tiếc thân mạng, xa lìa quê hương, băng trên gai gốc, tre cây, rừng rậm, núi đồi hoang vu hiểm trở, chẳng đoái hoài đến thân, vào biển tìm cầu của cải. Chúng ta chẳng trải qua gian khổ mà đạt được vật báu. Vì vậy nên phải chịu đựng khảo đánh, để khỏi mất của cải, lọt vào tay người.

Bài tụng rằng:

Giặc cướp của người khác
Của chẳng phải tự có
Nghĩ vậy, chẳng tiếc thân
Mất của lại gặp nguy.

Đại thần ấy tự nghĩ, sao ta chịu chứng kiến ngục tốt đứng trước kêu gọi người rồi nói: Ta và chức nữ tam tinh là chỗ thâm giao, đời trước trực thuộc vua địa ngục, sinh vào lúc nửa đêm ngày hai mươi chín. Các ngươi chẳng nghe khi ta mới vừa tới ngục, đất nước có các họa hoạn, nhiễu động bất an, phát sinh nhiều điều quái lạ sao? Không có tiếng núi lở mà đất bị chấn động, bốn phương trông thấy đỏ rực, rồi bỗng dưng tối sầm. Chim điêu thứu, quạ, thước, chồn, sói, thú hoang, chim chí, chim kiêu sinh ở bãi tha ma, ăn thịt người, quỷ thần, yêu quái, tu hú, quỷ cây nêu, quỷ chuồng xí, nữ thần phản túc đều vui mừng: "Ngục tốt này được sinh ra chính là cho chúng ta. Nếu khi lớn lên hại nhiều người vất tại bãi tha ma, chúng ta sẽ có được máu thịt và mỡ, tủy não của người chết để làm thức ăn. Vì vậy nên chúng ta phải bảo hộ người ấy để thọ mạng được lâu dài." Khi mới sinh ra, ta vì có sự cứu hộ ấy nên chẳng sợ ai.

Bài tụng rằng:

Không có xót thương, nói bạo ác
Người ấy vô cớ ôm oán kết
Nghĩ lời ngục tốt, quan buồn rầu
Tuy thích vui chơi nhưng lo sầu.

Ngục tốt nói: Ta có đôi tay thuận tiện, không có gì là chẳng nắm bắt được, không có gì sánh bằng, đâu có gì hơn nổi? Trước sau ta dùng đôi tay thuận tiện này giết vô số người. Lại cắt tay, chân, tai, mũi và đầu, dùng tay móc mắt khỏi dùng đao nhọn, bắt tù nhân đứng thẳng nhấc lên đánh thọt lét, cọ xát vào bờ nhám, cột đầu dùng kẹp tre kẹp ở giường, dùng năm cực hình trị tội, cột vải trên ngón tay, tẩm dầu dùng lửa đốt; chế mỡ trên tóc, chích lửa đốt; bó cỏ khô trên thân dùng lửa đốt; cắt thân thể nát như thịt vằm để lấy lời khai; cạy miệng, cắt môi, lóc da mặt miệng nhai ngón tay như nhai rau. Nếu đánh người bằng roi thì dùng gậy trúc, roi da. Ngục tốt ưa thích dùng kim đâm vào ngón tay; dùng dây cột ngang bụng, treo đầu trên ngọn cây.

Bài tụng rằng:

Đại thần chẳng vui sợ về ngục
Khảo tra như vậy rất đáng sợ
Ngục tốt luôn đến nói tội hình
Có nỗi lo này chẳng được yên.

Ngục tốt lại nói, ta không ghét, yêu; chẳng ưa dạo xem, nghe tiếng ca hát. Nếu có tử tội, đã niêm yết, đánh trống, binh lính vây quanh dẫn đến đô thị, thì ta phải chặt đầu. Tuy có tướng cầm đầu quân trận dũng mãnh, bậc giàu sang cao cả, nhưng cũng sợ bàn tay thuận lợi như bóp nát ngà voi của ta; bọn nghịch tặc cang cường, kẻ thiện nhân khinh mạn, ta đều treo cổ; cha mẹ, anh em, thân thuộc khóc lóc van xin một tí thôi, ta cũng chẳng nghe. Lại cha, con kêu la nhảy dựng như là hổ kêu, thì ta vặn họng khiến không có tiếng.

Bài tụng rằng:

Đại thần, bà con cùng vui chơi
Nghĩ đến ngục tốt nói ngục hình
Ví như người đang uống rượu ngon
Có kẻ say sưa giỡn ồn ào.

Ngục tốt lại nói: "Ta có hơi độc; hơi độc trong mắt phát ra, hễ mở mắt nhìn người thì ngực bị xé ra, đầu bể ra giống như rạch nước. Nam, nữ

thấy ta không ai mà chẳng sợ, tuy có hình người nhưng làm hạnh của quỷ mị.” Ở nơi cửa ngục, nói như vậy rồi, liền bỏ đi, thì vừa lúc họa hoạn đau khổ ập đến. Tuy ở tại cung điện, tự vui với năm dục, nhưng đâu có cho là vui.

Bài tụng rằng:

Có nỗi khổ như vậy
Do tội lỗi bất tịnh
Ai cho là vui thích
An ổn không lo buồn?
Như tù nhân đến chết
Tìm hoa đội trên đầu
Do vua được tạm tha
Sẽ trở lại thọ hình.

Người tu hành tự suy nghĩ: Dù Phạm thiên cũng sẽ trở lại cõi ác; ở trong bào thai nằm trên thục tạng, dưới sinh tạng, dơ bẩn bất tịnh, năm hệ buộc ràng.

Bài tụng rằng:

Tu hành đắc Thiền lậu
Được vậy nửa vời thôi
Sinh tại cõi trời Phạm
Chẳng thể mãi an ổn.
Trong tâm nghĩ như vậy
Mạng dứt rơi cõi ác
Như người tạm ra ngục
Hạn hết lại bị khảo.

Ví như đứa bé bắt được một con chim sẻ, nắm giữ sinh phiền bực, mới dùng sợi dây cột chân mà thả bay đi. Chim cho là đã được thoát chẳng gặp nguy hiểm nữa, muốn bay đến cây có quả, ao nước mát mẻ để ăn uống tự do, an ổn, không lo, nhưng sợi dây đã hết mức, lôi nó trở lại, tiếp tục bị bắt, buồn rầu như xưa không khác. Người tu hành cũng vậy, tự suy nghĩ: Tuy đến Phạm thiên cũng sẽ trở lại Dục giới, chịu khổ như thế.

Bài tụng rằng:

Ví như có chim bị cột chân
Vừa bay, hết dây, kéo trở lại
Tu hành cũng thế, lên cõi Phạm

Trở lại cõi Dục, chẳng lìa khổ.

Người tu hành tự nghĩ: Thân ta nếu đắc Thiền vô lậu thì bấy giờ mới thoát chốn khổ đau sợ hãi, xứng danh Phật tử, chẳng bị sự ăn uống làm mê vọng, để thoát khỏi do dự, đối với chánh đạo, đạt bậc Thiền thứ nhất, phải trải qua, nương tựa và thâm nhập chánh kiến.

Bài tụng rằng:

Để đắc Đệ nhất thiền
Hạnh vô cấu thênh thang
Như trước sau khó thoát
Tinh tấn đạt dễ dàng.

Người tu hành tự nghĩ: Quán chiếu các việc thiện, ác cho đến bậc Thiền thứ nhất, vốn do bộ xương này mà đạt được thôi. Hình hài vô thường, khổ, không, vô ngã ấy do bốn đại hình thành.

Bài tụng rằng:

Bậc Thiền thứ nhất do thân đạt
Do bốn đại thành, nhất tâm hành
Vô thường, khổ, không, thoát chấp ngã
Quán chiếu như vậy, thường tinh tấn.

Cái tâm vận dụng tư duy quán sát của người tu hành vốn cũng lại là vô thường, khổ, không, vô ngã, do bốn đại tạo thành, đều từ nhân duyên chuyển biến dắt dẫn nhau rồi do tâm tưởng họa phúc nương gá vào hình hài trở về vô thường, khổ, không, vô ngã, do bốn đại hợp thành. Như ta nhận chịu cái thân năm ấm này là rỗng không, không sở hữu; do mười hai nhân duyên nối kết quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng giống như vậy. Tưởng các ấm của Dục giới, ấm của Sắc giới, ấm của Vô sắc giới giống như thế đều là mong manh. Thấy ba cõi là rỗng không, gốc rễ của nó sâu xa, và là tà chớ không chánh, làm chấn động, đốt thiêu, và thấy cái không nơi ấm cũng đều là tịch tĩnh, chí chăm chăm hướng đến vô vi, không có niệm nào khác, y vào Nê-hoàn. Bấy giờ, tâm thành nhuần nhuyễn chẳng trái sự tu hành; khi ấy dùng cái thấy để thẩm xét về đế lý, mới thành A-na-hàm, chẳng còn trở lại nữa, hoàn toàn giải thoát cái khổ của Dục giới.

Bài tụng rằng:

Tâm tư duy kia đều nhuần nhuyễn
Ý chí nương tựa vào thân ấy
Hiểu rõ năm ấm cả ba đời

Đều thấy rỗng không, gọi Thánh hiền.

Người tu hành tự nghĩ: Thân ta mãi bị năm ấm ngăn che, là nơi xú uế bất tịnh, đã bị đánh lừa. Ví như đám côn đồ hung nghịch lấy cái bình đẹp đựng đầy đồ bất tịnh, rồi dán miệng lại, dùng hoa rải trên xe, dùng hương xông vào, đem cho người nhà quê và nói: "Ngươi cầm bình này đến nơi công viên nọ, đứng đợi bọn ta. Trong bình đựng đầy rượu và đường rất ngon. Bọn ta trở về nhà làm xong công việc rồi cùng tới đó ăn uống. Giữ kỹ chớ để mất, sẽ nghĩ đến công lao của ngươi.

Người nhà quê tin lời vui vẻ ôm bình, tâm tự nghĩ: Nay sẽ được tự do ăn uống vui chơi. Khi đến công viên ấy rồi, chẳng cho ruồi bu đậu trên ấy, đợi mãi cho đến quá trưa, bụng lại đói khát mà bọn ấy không đến, lo rầu than thở. Ngày đã về chiều, leo lên cây nhìn bốn phía, chẳng thấy ai đến, tuột xuống lại đợi bọn họ cho đến hoàng hôn, tâm tự nghĩ: "Quá giờ đóng cửa thành rồi mà bọn họ vẫn chưa đến, nay bình đường và rượu ngon đã thuộc về ta, ta sẽ đem bán nó có thể trở nên giàu có. Trước tiên nên thưởng thức xem sao." Liền rửa tay sạch sẽ, mở bình ra thì thấy trong bình chứa đầy đồ bất tịnh, bấy giờ mới biết bọn côn đồ kia đã lừa dối mình.

Người tu hành cũng vậy, khi đã thấy Thánh đế rồi thì biết từ lâu xa đến nay đã bị năm ấm lừa dối.

Bài tụng rằng:

Thọ thân trước khi chết
Năm ấm đã dối lừa
Lại thường trải khổ, vui
Gọi thọ mạng ta người.
Năm dục lừa người tu
Về sau mới tự thấy
Như người được bình đẹp
Mở ra biết bất tịnh.

Ví như vị đạo sư có nhiều của báu cưới cho con một người vợ đoan trang, đẹp đẽ không chê vào đâu, người con rất thương yêu, chẳng làm phật ý, xa nhau trong khoảnh khắc coi như đã chết.

Bấy giờ trong nước, giao thông bị cắt đứt tới mười hai năm, không có người đến. Về sau, người khách buôn từ phương xa tới, dừng chân tại nước láng giềng, nghỉ ngơi chưa đi tiếp. Vị Đạo sư nói với con:

–Con đi đến đó mua sắm rồi trở về.

Người con nghe bảo, lo rầu chẳng vui, như mũi tên bắn vào tim, nói với bạn bè:

–Các ngươi không biết ta thương vợ lắm sao. Nay cha ta bảo ta lìa bỏ nàng mà đi buôn bán. Vừa nghe lệnh ấy lòng ta tan nát, nay ta sẽ phải chết thôi, tự nhảy xuống nước, hay là từ trên núi cao rơi xuống hang sâu.

Bài tụng rằng:

Tuổi trẻ thương yêu vợ
Ái dục rất mạnh mẽ
Nghĩ đến lời cha dặn
Trí những mãi lo sầu.
Lòng buồn rầu muốn chết
Cớ sao lìa vợ yêu
Đứa con rất đau buồn
Như voi núi bị cột.

Bạn bè nghe vậy liền đáp:

–Sở dĩ sinh con là để coi trông coi gia môn, đi bốn phương tìm của về để cung cấp cho cha mẹ. Giả sử không lao động thì lấy gì sinh sống? Dù ở trên trời còn chẳng an nhàn huống gì ở chốn nhân gian.

Đã nghe lệnh của cha và được bè bạn khuyên can, người con xót xa rơi lệ, hai tay đấm ngực chuẩn bị ra đi.

Bài tụng rằng:

Bạn bè, trí thức cùng khuyên can
Nghe lời cha dạy mới lên đàng
Cảm thương vì dục như tên trúng
Lòng thương nhớ vợ thật mênh mang.

Lòng luôn tưởng nhớ vợ chưa từng gián đoạn, đi đến nơi ấy mua sắm rồi liền trở về nước. Trên đường về, vui mừng nghĩ: "Như thế là chẳng bao lâu nữa ta sẽ gặp nàng." Sớm tối nghĩ nhớ vợ vừa về tới nhà đã hỏi vợ ở đâu.

Bài tụng rằng:

Mua sắm xong xuôi lại trở về
Luôn luôn tưởng nhớ vị hiền thê
Khi về tới cửa thăm hỏi trước
Vợ đâu, cho biết ta đã về.

Người vợ ấy nghĩ nhớ chồng lòng buồn sầu muộn. Do đời trước

phước mỏng nên vừa bị lâm bệnh, tuy mạng sống vẫn còn mà thân thể đã sinh bao thứ ghẻ lở, máu mủ ràn rụa, bị bệnh hàn nhiệt, lại bị chứng điên, nước trong bụng khô kiệt, hơi bốc lên, thân thể nóng bức, mặt tay chân phù thủng, vô số ruồi nhặng bu khắp thân, đầu tóc. Ốm như ngạ quỷ, nằm trên đệm cỏ y phục rách nát.

Bài tụng rằng:

Chồng nàng hết mực thương yêu
Kiếp xưa phước mỏng nên nhiều tai ương
Bị vô số bệnh liệt giường
Bỏ rơi tòa đẹp lại nương đất nằm.

Khi ấy, người chồng vào nhà hỏi gia nhân:

–Vợ ta đâu rồi?

Nô tỳ e ngại, rơi lệ khóc lóc thảm thiết, thưa:

–Dạ vợ của hiền lang ở trên gác kia.

Người chồng tự lên gác tìm, thấy vậy biến sắc vì chưa từng gặp một dung mạo như thế. Xấu xí chẳng dám nhìn. Bao nhiêu ý niệm yêu thương, ân tình, vĩnh viễn tan biến hết, không còn mảy may ưa thích, nhàm chán tất cả, chẳng muốn thấy nữa.

Bài tụng rằng:

Quán sát nhan sắc chẳng ham thích
Giống như thây chết ở tha ma
Ốm như bộ xương không da thịt
Như cát chìm nước mất dạng tăm.

Người tu hành cũng giống như vậy, nhàm chán ái dục, khởi quán bất tịnh cầu đạt tịch tĩnh.

Bài tụng rằng:

Là người tu hành đã lìa dục
Nhàm chán năm dục cũng như vậy
Như người thấy vợ bị ghẻ lở
Lại thêm nhiều bệnh nằm liệt giường.

Thế nào là tu hành quán Sổ tức giữ tâm ý để cầu tịch tĩnh?

Nay sẽ giảng nói phương pháp sổ tức. Thế nào là sổ tức? Thế nào là An? Thế nào là Ban?

Hơi thở ra là An; hơi thở vào là Ban. Theo dõi hơi thở ra vào không

nghĩ một điều gì khác, thì gọi đó là đếm hơi thở ra vào. Thế nào gọi là tu hành đếm hơi thở, để giữ ý, đạt tịch tĩnh? Đếm hơi thở để giữ ý, có bốn việc. Thực hiện hai điều không lỗi và mười sáu điều đặc thù.

Bài tụng rằng:

Người tu hành muốn cầu tịch tĩnh
Nên biết hơi thở ra và vào
Không có hai lỗi hiểu bốn việc
Phải có mười sáu điều đặc thù.

Những gì là bốn việc?

1. Sổ tức.

2. Tương tùy.

3. Chỉ quán.

4. Hoàn tịnh.

Bài tụng rằng:

Nên dùng Sổ tức và Tương tùy
Quán sát vạn vật trong thế gian
Thực hành Hoàn, Tịnh để chế tâm
Dùng bốn việc này mà định ý.

Những gì là hai lỗi? Hơi thở quá dài hoặc quá ngắn, đó là hai lỗi, phải loại trừ hai lỗi ấy.

Bài tụng rằng:

Hơi thở dù ngắn dài
Lộn xộn không thứ lớp
Để An ban - Thủ ý
Loại trừ hai lỗi ấy.

Mười sáu điều đặc thù là những gì? Hơi thở dài thì biết, hơi thở ngắn cũng biết, hơi thở làm động thân thì biết, hơi thở êm dịu liền biết, gặp vui thì biết, được an lạc liền biết, tâm hướng đến đâu thì liền biết, tâm nhu thuận thì biết, điều phục tâm thì biết, tâm hoan hỷ thì biết, tâm chế phục liền biết, tâm giải thoát liền biết, thấy vô thường thì biết, vô dục thì biết, quán tịch tĩnh liền biết, thấy đường hướng về đạo liền biết. Đó là mười sáu điều đặc biệt thù thắng của Sổ tức.

Bài tụng rằng:

Riêng biết hơi thở dài hay ngắn

Khi rõ hơi thở làm động thân
Điều hòa ra vào thân được định
Vui mừng như vậy được an lạc.
Biết an ổn là sáu
Chí hành đó là bảy
Để khiến tâm tâm nhu hòa
Thân hành kể là tám.
Đã biết rõ tâm ý
Nhân đó được hoan hỷ
Chế phục tâm được định
Tự tại khiến thuận hành.
Vô thường các dục diệt
Nên quán ba việc ấy
Và biết chỗ hướng đến
Là mười sáu đặc, thắng.

Thế nào gọi là Sổ tức?

Nếu người tu hành ngồi nơi vắng vẻ không có người, giữ chí không loạn động đếm hơi thở ra vào cho đến mười. Bắt đầu từ một đến hai, nếu tâm loạn động thì đếm lại một, hai cho đến chín, nếu tâm còn loạn động thì phải đếm lại, đó gọi là sổ tức. Cứ như thế, hành giả ngày đêm tập hơi thở một tháng, hoặc một năm, cho đến khi được mười hơi thở mà tâm không loạn động.

Bài tụng rằng:

Tự tại bất động giống như núi
Đếm thở ra vào cho được mười
Ngày, đêm, tháng, năm chẳng dừng nghỉ
Tu hành như vậy giữ hơi thở.

Sổ tức đã định thì nên hành Tương tùy. Ví như có người đi trước, có cái bóng đi theo, tu hành cũng vậy, theo dõi hơi thở ra vào, không có một niệm nào khác.

Bài tụng rằng:

Sổ tức tâm tịch được tự tại
Đếm hơi ra vào là tu hành
Tâm mà theo dõi không loạn động
Sổ tức chế tâm gọi Tương tùy.

Người tu hành đã được Tương tùy rồi thì bấy giờ nên quán. Như người chăn trâu đứng bên trâu trông coi nó ăn. Như vậy là hành giả từ khi bắt đầu đếm hơi thở, theo dõi hơi thở chậm, nhanh mà quán sát, xem hơi thở đến đâu, biết giới hạn hơi thở ra vào, đó là hơi thở dài. Đếm hơi thở ngắn cũng giống như vậy.

Bài tụng rằng:

Hơi thở dài thì biết
Thở lại cũng như thế
Nếu theo dõi như vậy
Biết hơi thở dài ngắn.

Thế nào là đếm hơi thở mà động thân thì biết? Quán hết các hơi thở nặng nhọc ở trong thân, hơi thở vào ra cũng như vậy.

Thế nào là đếm hơi thở làm thân thoải mái liền biết? Khi vừa khởi hơi thở, nếu thân lười mệt và buồn ngủ, thân thể nặng nề thì trừ bỏ đi, nhất tâm đếm hơi thở, đếm hơi thở trở vào cũng như thế.

Thế nào là đếm hơi thở được vui liền biết? Là khi mới đếm hơi thở mà có sự hoan hỷ. Hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở được an lạc liền biết? Khi bắt đầu quán hơi thở thì được an ổn; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở mà tâm hướng về đâu liền biết? Khởi đếm hơi thở, theo dõi quán chiếu các hiện tượng; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở, tâm nhu thuận liền biết? Mới bắt đầu đếm hơi thở, các niệm tưởng phân biệt thuận theo hơi thở; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở mà điều phục tâm liền biết? Lúc mới phát khởi hơi thở, thức tưởng biết các quán mà đếm hơi thở; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở mà tâm vui mừng liền biết? Khi mới bắt đầu đếm hơi thở, nếu tâm chẳng vui thì khuyến khích khiến vui để thuận với hơi thở ra; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là tâm chế phục, hơi thở ra liền biết? Nếu tâm chẳng định cưỡng chế khiến tịch lặng để đếm hơi thở; hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở tâm giải thoát liền biết? Nếu điều khiển hơi thở ra mà ý chẳng thật cởi mở thì chế phục khiến vượt qua, rồi đếm hơi thở ra, hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở thấy vô thường liền biết? Thấy các hơi thở

nặng nề đều là vô thường, đó là hơi thở ra, hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở ra thấy vô dục liền biết? Thấy sự khởi diệt của hơi thở, như vậy là lìa dục, đó là quán hơi thở ra lìa dục liền biết, hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở, quán tịch tĩnh liền biết? Khi hơi thở phát ra quán thấy diệt tận, đó lá quán tịch diệt nơi hơi thở liền biết, hơi thở vào cũng vậy.

Thế nào là đếm hơi thở hướng về đạo liền tự biết? Thấy hơi thở ra tịch diệt. Thấy như vậy rồi về sau tâm liền lìa mọi khách trần, vì xa lìa vô dục, bỏ tam giới ý liền giải thoát. Giữ gìn được ý này đó là đếm hơi thở ra và hơi thở vào. Đó là đã nói mười sáu điều đặc biệt thù thắng. Sở dĩ hành giả quán hơi thở ra vào cốt là cầu tịch tĩnh cho nên khiến tâm an định. Từ sự tịch tĩnh đó mà có hai hạng: một là phàm phu, hai là đệ tử Phật.

Thế nào là phàm phu mà cầu tịch tĩnh? Nếu muốn tâm dừng lại thì trừ diệt năm ấm cái. Vì sao muốn diệt trừ các họa hoạn của ấm cái? Vì muốn đạt Đệ nhất thiền. Vì sao muốn cầu bậc Thiền thứ nhất? Vì muốn chứng đắc ngũ thông. Thế nào là đệ tử Phật muốn cầu tĩnh lặng? Sở dĩ cầu là muốn được ôn hòa. Vì sao cầu ôn hòa? Muốn đạt đến pháp Đảnh. Thấy năm ấm là không, tất cả đều chẳng phải ngã sở, đó gọi là pháp Đảnh. Vì sao cầu pháp Đảnh? Vì thấy bốn Đế thuận với pháp Nhẫn. Vì sao theo cầu pháp Nhẫn? Vì muốn được pháp tối thượng của thế gian? Vì sao cầu pháp tối thượng của thế gian? Vì muốn biết biết các pháp đều là khổ, nhân đó đạt được phân biệt ba mươi bảy pháp đạo phẩm. Vì sao muốn biết cái khổ của các pháp? Vì muốn được Địa thứ tám. Vì sao? Vì ý chí của người ở Địa thứ tám là muốn đạt đến Đạo tích.

Thế nào là phàm phu do đếm hơi thở mà đạt đến tĩnh lặng? Vì tâm gắn liền với hơi thở chú ý không loạn động, không có ý niệm khác. Do đó từ sự đếm hơi thở mà đạt được tĩnh lặng, và do phương tiện ấy mà năm ấm cái đều bị tiêu diệt. Bấy giờ, hơi thở dù điều khiển ra vào, thường cùng với tâm duyên với niệm tưởng, hơi thở vào cũng vậy. Nếu quán sát chỗ đến của hơi thở ra vào thì đó gọi là hành, trong tâm hoan hỷ thì gọi đó là vui vẻ, cái vừa ý thì gọi đó là an; tâm tôn quý đệ nhất mà được tự tại thì gọi đó là định ý, bắt đầu trừ năm ấm cái trong tâm thuận chiều giải thoát từ đó lìa chấp trước. Thế nào là lìa chấp trước? Là xa lìa các tưởng về ái dục, các pháp hành bất thiện. Như vậy, niệm tưởng được hoan hỷ, an ổn, tâm đắc đệ nhất định, dứt trừ năm phẩm, đầy đủ năm

phẩm nhờ vào pháp đếm hơi thở ấy. Do đạt năm đức, đắc bậc Thiền thứ nhất, đã đắc bậc Thiền thứ nhất tập mãi không bỏ. Bậc Thiền thứ nhất vừa an định, vững chắc không động, muốn cầu thần thông, chí được thần túc, Thiên nhãn thấy khắp, Thiên nhĩ nghe hết, biết từ đâu sinh đến, biết tâm niệm người, pháp ý tự tại. Ví như thợ vàng dùng đủ màu vàng tự do làm ra các loại anh lạc, nhẫn, xuyến, ngọc dao như ý muốn đều thành. Khi đã đắc bậc Thiền thứ tư thì cũng tự tại như thế, đấy là năm thông.

Thế nào là đệ tử Phật đếm hơi thở ra vào mà được tĩnh lặng? Người tu hành ngồi nơi vắng vẻ không người, thu nhiếp tâm ý chẳng cho giong ruổi, tinh chuyên, quán hơi thở ra vào. Hơi thở từ mũi chuyển đến yết hầu, rồi đến giữa rốn, từ rốn trở lại mũi, phải tỉnh táo quán sát. Hơi thở ra có khác, hơi thở vào chẳng giống, điều ý theo dõi hơi thở ra vào, khiến tâm bất loạn. Do đếm hơi thở ấy mà tâm chí định được tĩnh lặng, vĩnh viễn không có niệm tưởng nào khác xen vào, chỉ nghĩ về đức tánh của Phật, Pháp và Thánh chúng, thông suốt nghĩa của bốn đế Khổ, Tập, Tận, Đạo liền được vui thích, đó gọi là ôn hòa. Như người thổi lửa, sức nóng đến nơi mặt chớ lửa chẳng chạm mặt, chỉ có hơi nóng thôi. Sức nóng của lửa ấy chẳng phải do thổi mà có, nên biết như thế. Ôn hòa cũng như vậy.

Thế nào là pháp Ôn noãn? Chưa đầy đủ văn bản thiện, gồm có chín việc: Có vị nhu hòa, hạ nhu hòa, thắng nhu hòa. Có hạ trung, có trung trung, có thắng trung. Có thượng nhu hòa, có trung thượng nhu hòa, có thượng thượng nhu hòa. Biết vi nhu hòa và hạ nhu hòa ấy, gọi là căn bản thiện an hòa. Hạ trung, trung trung, và thượng trung ấy gọi là căn bản thiện pháp Đảnh. Hạ thượng, trung thượng và thượng thượng nhu hòa ấy, gọi là pháp Nhẫn nhu hòa chân thật. Cái thượng ở trong cái thượng, đó là pháp tôn quý của thế gian, là ý nghĩa căn bản thiện của chín việc. Vì vậy các lậu thế gian chưa hết, nếu người tu hành đắc hạnh ôn hòa, gắn chặt tư tưởng vào pháp đếm hơi thở, nhân đó chuyên nghĩ tưởng hơi thở, nếu thở trở lại thì ý cũng theo dõi hơi thở không có niệm nào khác. Nếu hơi thở phát ra thì biết hơi thở trở lại, tâm thể nhập Phật, Pháp và Thánh chúng, Khổ, Tập, Tận, Đạo như ở trong sự ôn hòa, tâm trở nên thăng tiến, đó gọi là pháp Đảnh. Giống như có người đứng trên núi cao quán sát bốn phương, hoặc có kẻ leo lên núi: Hoặc có kẻ leo xuống, hoặc có người vào đường Thánh, hoặc vào chốn phàm phu. Người tu hành đã đạt được pháp Đảnh mà nhập vào chốn phàm phu, thật đáng buồn. Ví như nước ở trên núi chảy xuống rất nhanh, tạo thành dòng xoáy. Có người muốn vượt qua, lội vào dòng nước, bơi qua bờ bên kia, bị dòng

nước xoáy lôi lại, bị khốn giữa dòng, đã mệt mỏi, hết sức liền bị dòng nước nhận chìm xuống đáy, người ấy nghĩ chắc chắn là chết chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Người đứng bên bờ, buồn cho người ấy. Tu hành cũng vậy, đã gặp được minh sư sớm tối thức tỉnh, ngồi theo lối kiết già, áo thô cơm đạm, ngồi trên mền cỏ, khốn khổ xác thân, tạo hạnh như thế, nhưng bị dòng xoáy sinh tự ngăn cản, đắm vào ân tình, chẳng thể chuyên nhất, hoàn toàn chìm vào ao nước các tưởng thì đâu được ánh sáng của đạo, vì vậy người tu hành lo rầu cho họ. Ví như người lái buôn có nhiều của báu đi ngang qua con đường nơi đồng vắng hiểm trở, về gần tới nhà, bỗng nhiên gặp bọn giặc cướp, cướp mất hết tiền của, mọi người ấy náy cho ông, cũng sẽ vì người tu hành mà lo lắng như vậy. Ví như nông gia cày gieo ngũ cốc, hạt chắc tươi tốt đến khi sắp gặt hái thì bỗng dưng có trận mưa đá làm dập nát trái hạt, chỉ còn cỏ rác, người ấy buồn rầu. Tu hành cũng vậy, đã được pháp Đảnh mà sa vào chốn phàm phu, nên bị áy náy lo âu. Đã được pháp Đảnh rồi mà lại bị thoái đọa. Hoặc gặp bạn ác nghĩ đến ái dục, bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, ưa du hành xa, chẳng được tinh chuyên. Hoặc bị bệnh kinh niên, hoặc gặp mất mùa, đói khát, khốn khó, chẳng có gì ăn đỡ đói. Hoặc nghĩ việc nhà, cha mẹ, anh em, vợ con, thân thuộc. Hoặc ngồi chẳng đúng chỗ, nơi ồn ào náo nhiệt. Đã đắc pháp Đảnh mà chưa thành đạo quả, già nua kéo đến, tâm liền mê hoặc, bỗng lâm bệnh khốn, mạng sống sắp dứt. Niềm tin đối với Phật, Pháp, Thánh chúng và sự chấm dứt Khổ, Tập, Tận, Đạo đã có thì vĩnh viễn không còn tin nữa. Thiền định đang tập, thì xả bỏ; cái nên quán thì không quán nữa; Tinh tấn thì trở thành bê trễ. Cái pháp vốn đã suy nghĩ vĩnh viễn không khởi lại. Vì vậy, nên từ pháp Đảnh ấy mà bị thoái đọa.

Thế nào là pháp Đảnh chẳng thoái lui?

Như đã tin thì càng ngày niềm tin ấy càng tăng lớn. Như định tâm vốn có khiến chẳng lay động, đối tượng quán chiếu chẳng mất, luôn luôn quán sát, tinh cần càng gia tăng, pháp đã suy nghĩ tinh chuyên chẳng bỏ. Vì vậy cho nên chẳng mất pháp Đảnh. Tu hành như vậy, do sự tinh chuyên mà tâm định tĩnh, luôn luôn tư duy pháp cứu cánh, vì ngay từ đầu chưa từng lay động, chẳng nghĩ gì thêm. Như thế liền biết hơi thở ra có khác, hơi thở vào chẳng giống, khiến sinh tâm phân biệt: hơi thở ra vào có khác nhau. Thấy biết như vậy, không có nghĩ gì khác. Đó gọi là bậc thượng trong bậc trung mà đắc pháp Nhẫn. Tâm không nghĩ tưởng gì khác mà khởi quán như thế, niệm trước, niệm sau chưa từng lẫn lộn, phân biệt quán sát tâm qua lại. Thế nào thì gọi đó là pháp Nhẫn nhu hòa, thấp nhất trong bậc thượng trung?

Nếu khiến tâm ưa thích chuyên nghĩ, ý chí chẳng dời đổi, lăng xăng, thì gọi đó là pháp nhu hòa bậc thượng trung.

Nhẫn ấy thuận hướng đến chỗ nào?

Thuận hướng đến bốn Đế, thẩm xét đúng như thật, nhờ vậy tâm đạt đến thanh tịnh, đó gọi là Tín. Tuy nhiên, đạt đến điều đó là chưa thành Tín căn. Vì được lòng tin như vậy, thân, khẩu, ý kiên quyết thì gọi đó là tinh tấn, còn chưa thể thành Tinh tấn căn. Chí hướng đến các pháp đó gọi là hữu tâm chưa thành Niệm căn. Vì tâm chuyên nhất, gọi đó là định ý, chưa thành Định căn. Cái mà quán các pháp phân biệt nghĩa, gọi là trí tuệ chưa thành Tuệ căn. Nghĩ năm pháp ấy, hướng đến các căn chưa thành đạo căn. Có niệm có tưởng, còn có sự hiện hữu và thấy có sự nhiễu động thì chưa thành định, ý đó gọi là đạt cái cao nhất trong bậc thượng, là pháp tôn quý của thế tục. Người tu hành cần hiểu rõ điều này, nơi sắc khởi, diệt, thống ý pháp, quán nguồn gốc của sự khởi diệt, xem xét nhân duyên của nó ở quá khứ, vị lai, thực hành định vô nguyện, theo vào cửa giải thoát, quán xét khổ nơi sinh tử. Nghĩ rằng năm ấm này chính là nỗi ưu lo, họa hoạn, không còn hồ nghi nữa. Bấy giờ mới đạt được pháp Nhẫn thoát khổ. Đã thấy nguồn gốc khổ rồi liền thấy tuệ nhẫn, trừ diệt mười kết. Đó là: Một là tham thân, hai là kiến thân, ba là tà kiến, bốn là do dự, năm là mất giới, sáu là hồ nghi, bảy là ái dục, tám là sân hận, chín là cao ngạo, mười là ngu si.

Trừ bỏ mười kết ấy, đã đạt được tâm này thì mới hướng đến vô lậu nhập vào chánh kiến, vượt qua phần vị phàm phu, trụ ở Thánh đạo, chẳng phạm tội lỗi về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng bị chết oan, thành tựu Đạo tích, thực hành thiền định, chẳng quản ba thời, đã hướng đến cửa giải thoát, chưa khởi pháp ác thì chẳng sinh lại, các ác tự hết. Pháp thiện chưa khởi sẽ khiến hưng phát, pháp thiện đã hưng khiến thành đầy đủ, tâm đã như vậy, thì tùy theo sở thích, đó gọi là Tam-muội tự ý khiến chí chuyên nhất, gọi là định ý tự tại. Từ đó, lần lượt tin tưởng, tinh tấn quán sát, giữ gìn thân mạng gọi đó là tín. Tư duy hạnh ấy gọi là Tam-muội tự ý, chuyên tinh tu đạo đạt được thần túc. Giả sử tu hành thân, khẩu, ý kiên quyết thì gọi đó là pháp định ý tinh tấn. Ý chí chuyên vào tâm thức thì gọi là định ý. Muốn vào nghĩa đạo thì gọi là định ý sát giới. Do nhân duyên ấy đạt được bốn Thần túc. Đã đạt được thần túc rồi thì gọi là Tín căn; thân tâm kiên cố thì gọi là Tinh tấn căn; pháp có thể tư duy thì gọi là Ý căn; tâm chuyên nhất thì gọi là Định căn; có khả năng phân biệt pháp và biết chỗ hướng đến, đó gọi là Trí tuệ căn. Như vậy là đầy đủ năm Căn. Lòng tin mà ôn hòa thì gọi

là Tín lực, Tinh tấn lực, Ý lực, Tịch ý lực, Trí tuệ lực cũng giống như thế. Thành tựu năm Lực luôn luôn theo dõi các pháp, tâm tỉnh thức, phân biệt các pháp thì gọi là tinh cầu các pháp giác ý, thân tâm kiên cố thì gọi là Tinh tấn giác ý, tâm luôn vui vẻ phấn khởi được như ý muốn thì gọi là Hân duyệt giác ý, thân ý nương nhau, tin tưởng nhu hòa chẳng loạn động thì gọi là Tín giác ý, tâm chuyên nhất tịch tĩnh thì gọi là Định giác ý, tâm đã diệt các cấu dâm, nộ, si chí đạt sở nguyện là Hộ giác ý. Vậy là bảy Giác ý thành tựu. Nếu quán riêng ý nghĩa các pháp thì gọi là chánh kiến, các điều tư duy không có ước muốn tà vạy thì đó là chánh niệm. Thân ý kiên cố là chánh phương tiện, tâm hướng về nghĩa kinh là chánh ý, tâm chuyên nhất là chánh định, thân ý và sự tạo nghiệp cả ba đều thanh tịnh. Lúc đó mới đắc thành tám hạnh Chánh đạo. Trong tám Chánh đạo này chánh kiến, chánh niệm, chánh phương tiện đó là ba việc thuộc về thân; chánh ý, chánh định là hai việc thuộc về tịch tĩnh; hai quán tịch tĩnh này như hai con ngựa đóng vào một chiếc xe để chở đi.

Nếu tâm vô lậu không chuyên nhất về một pháp mà biến nhập vào ba mươi bảy pháp phẩm và vì thế đầy đủ ba mươi bảy pháp này, thì hiểu biết khổ. Nếu thường xuyên như vậy thì liền đắc tâm vô lậu thứ hai.

Bấy giờ tư duy: Như nay năm ấm của Dục giới có khổ thì Sắc giới và Vô sắc giới cũng vậy không khác. Đó gọi là thành tựu trí tuệ tùy nhẫn tri khổ, đạt được tâm vô lậu thứ ba.

Đã đắc hạnh ấy vì thấy khổ cho nên trừ được mười tám kết: siêu vượt Sắc giới, Vô sắc giới, thuận chiều trí tuệ, liền đắc tâm vô lậu thứ tư.

Đã đạt được bốn tâm vô lậu rồi, vượt qua tội lỗi khổ đau của ba cõi liền tự biết: "Ta đã vượt qua họa hoạn, không có các phiền não vượt qua các khổ." Rồi tự tư duy: Khổ vốn do đâu? Vốn do ân ái mà sinh mê đắm ràng buộc. Từ lâu xa đến nay tập quen với ân ái này nên bị họa hoạn. Nay vĩnh viễn nhổ gốc ân ái thì không còn các khổ não. Biết cái nạn ân ái dễ ưa thích từ đâu mà có thì gọi là hiểu rõ tập đoạn trừ pháp nhẫn, đó là tâm vô lậu thứ năm.

Trừ diệt các tập nhiễm của Dục giới thì dứt được bảy kết, biết nhổ các họa hoạn của Dục giới gọi đó là tâm vô lậu thứ sáu.

Người tu hành tự nghĩ: Gốc của Sắc giới vốn do đâu mà phát khởi? Quán chiếu kỹ nguồn gốc của nó là từ dục mà khởi, ưa phát sinh ân ái dễ ưa thích, đó là tâm vô lậu thứ bảy.

Vì có hạnh này nên vượt qua Sắc giới còn mười hai kết của Vô sắc

giới, tâm theo nếp sống của tuệ, đó là tâm vô lậu thứ tám. Đó gọi là tám nghĩa hạt giống đầu tiên của sự giác ngộ.

Bấy giờ, tâm nghĩ: "Ta thấy ba cõi vì trừ khổ tập đối với dục không ưa thích" đó gọi là an ổn, chỉ ưa vắng lặng êm ái dễ chịu đó là nhẫn pháp tuệ diệt tận. Đây là tâm vô lậu thứ chín.

Đã được nghĩa này thắng diệt hết gốc đối với Dục giới, trừ sự ràng buộc của bảy kết, đó là tâm vô lậu thứ mười.

Rồi tự nghĩ: Nếu chẳng tham đắm chấp trước nơi cõi Sắc và Vô sắc thì gọi là tịch tĩnh, đó gọi là tâm vô lậu thứ mười một, rồi trừ mười hai nghi kết, đã vượt qua họa hoạn này liền đắc tuệ diệt tận, đó là tâm vô lậu thứ mười hai.

Bấy giờ, tự nghĩ: Được điều chưa từng có đúng như Đức Phật Thế Tôn giảng giải pháp. Nhờ đạo nghĩa ấy, biết khổ của Dục giới nên vứt bỏ đi. Biết là do từ tập mà phát sinh nên xa lìa tập, đạt được tận diệt nhân đấy được nhập vào pháp tuệ đạo nhẫn, đó là tâm vô lậu thứ mười ba.

Bấy giờ, dùng đạo lực thấy cõi Dục, bỏ tám kiết, bỏ vậy rồi, nhiên hậu mới đạt được pháp tuệ hưng long ấy, đó là tâm vô lậu thứ mười bốn.

Ngay khi đó, tâm nghĩ, được điều chưa từng có. Do đạo hạnh ấy biết nỗi khổ của Sắc giới, Vô sắc giới mà trừ diệt các tập, chứng đắc tận diệt, đó là tâm vô lậu thứ mười lăm.

Tùy theo ý mình trừ diệt mười hai kết ở cõi Sắc và Vô sắc, trừ kiết ấy rồi thì phát khởi đạo tuệ đó là tâm vô lậu thứ mười sáu.

Ngay khi trừ hết tám mươi tám kết, thì nên bỏ mười kết tưởng. Vì sao? Vì lấy một giọt nước từ sông Hằng thì rốt cuộc cái tính chất cũng như nước sông Hằng. Những cái mà chưa trừ diệt như một giọt nước liền thành Đạo tích, đạt đến Thánh hiền, bảy lần sinh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian, vĩnh viễn dứt hết gốc khổ. Người tu hành lấy đó noi theo, nhổ gốc rễ các khổ não, dứt dòng sinh tử thì tâm mừng vui, đã vượt ba đường, chẳng phạm ngũ nghịch, lìa các tà đạo, vượt qua tri kiến, chẳng theo ngoại đạo mong cầu vinh hiện, các đức hỗ trợ thỉ chung chẳng đối, họa hoạn bảy phen chưa từng phạm giới, thấy vô số quang minh, ngày đêm hoan hỷ. Ví như có người tránh nơi đói khát đến nước nhiều của cải, thoát hiểm được an như bị nhốt ngục được thả ra, như bệnh được lành, tâm luôn phấn khởi. Tu hành như thế do An ban Thủ ý mà được tịch tĩnh. Muốn cầu tịch tĩnh phải tu tập như thế.

Bài tụng rằng:

Biết rõ ngủ nghỉ thêm biếng lười
Phân biệt hơi thở từ thân ra
Tu hạnh thở vào nhớ là vào
Gọi là hành trì quán hơi thở.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 6

Phẩm 24: QUÁN

Tướng lông trắng giữa mày
Sáng hơn mặt trời sáng
Như chim hộc trên không
Xa gần đều nhìn thấy.
Thân Ngài như sư tử
Vượt hẳn thân vua trời
Mi và ngực rộng đẹp
Xin đảnh lễ Thế Tôn.
Cánh tay đều đặn và tròn trịa
Rốn của Thế Tôn như nước xoáy
Đùi vế ống chân như trụ vàng
Quay về nương tựa xin đảnh lễ.
Mắt Ngài lóng lánh tựa hoa sen
Lông tóc trên thân như Khổng tước
Tâm luôn an trụ trong vắng lặng
Con xin quy mạng Đấng hơn Tiên.

Với người tu hành, thế nào gọi là quán?

Đến chỗ thanh vắng, ở một mình bên gốc cây, quán sát nguồn gốc của năm ấm, thấy đúng như sự xem xét một cách chắc chắn là khổ, không, vô thường, vô ngã; cái thân sắc, thống, tưởng, hành, thức vốn là không thân có năm mươi lăm tính chất không nên tham đắm cũng không có nơi chốn.

Bài tụng rằng:

Do hành nhẫn nhục được pháp quán
Quán sát năm ấm vốn từ đâu
Thấy quá khứ, vị lai, hiện tại
Phân biệt nói năm mươi lăm dụ.

Những gì là năm mươi lăm tính chất?

Đó là:

1. Thân như bọt nước chẳng thể nắm bắt được.
2. Thân như biển cả chẳng chán năm dục.
3. Thân sẽ già chết như sông chảy về biển cả.
4. Thân như phân uế, kẻ trí vứt bỏ.
5. Thân như thành cát chóng bị tan hoại.
6. Thân như biên địa gặp nhiều oán tặc.
7. Thân như nước quỷ không có giữ gìn.
8. Thân như đống xương thịt dính máu.
9. Thân như tủy gân bó lại mà đứng.
10. Thân như đất chứa dâm, nộ, si.
11. Thân như đồng trống người ngu bị mê hoặc.
12. Thân như đường hiểm thường mất pháp lành.
13. Thân như mộ gạch nung do bao điều yêu thương dựng nên.
14. Thân như đồ nứt bể thường bị rỉ chảy.
15. Thân như bình đẹp chứa đầy đồ bất tịnh.
16. Thân như nhà xí chín lỗ thường chảy.
17. Thân như cống rãnh toàn là dơ bẩn.
18. Thân như huyễn hóa dùng hoặc bịp người chẳng biết sự thật.
19. Thân như gai gốc đâm chích thân tâm.
20. Thân như nhà mục, đồ ăn hư thối.
21. Thân như nhà lớn chứa nhiều loài trùng.
22. Thân như lỗ trống dơ sạch ra vào.
23. Thân như hoa héo, mau đến tàn tạ.
24. Thân như cỗ xe đồng hành cùng vô thường.
25. Thân như sương mù chẳng dừng lâu được.
26. Thân như mụt ghẻ bất tịnh chảy ra.
27. Thân như người mù chẳng thấy sắc màu.
28. Thân như ngôi nhà chỗ chứa bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh.
29. Thân như ống cống các loại dơ uế đều dồn vào đó.
30. Thân như cái sọt chỗ chứa của rắn độc.

31. Thân như nắm tay không, để lừa con nít.
32. Thân như tha ma, người thấy đều sợ.
33. Thân như con rắn, lửa sân thường đốt.
34. Thân như nước loạn, đầu mối của mười tám kết.
35. Thân như hồn tàn tạ, khi chết quỷ dẫn đi.
36. Thân như tiền đồng, bên ngoài mạ vàng.
37. Thân như khối rỗng, chỗ ở của sáu tình.
38. Thân như ngạ quỷ, thường cầu ăn uống.
39. Thân như voi đồng hoang, ôm già bệnh chết.
40. Thân như chó chết thường được phủ che.
41. Thân như tâm kẻ địch thường ôm oán thù.
42. Thân như cây chuối, chẳng được bền chắc.
43. Thân như thuyền hư, bị sáu mươi hai kiến chấp mê hoặc.
44. Thân như nhà dâm, chẳng chọn thiện ác.
45. Thân như gác mục, xiêu đổ niệm lành.
46. Thân như cổ họng bị nghẹt, uế trược ở trong.
47. Thân không có ích, trong ngoài có hoạn.
48. Thân như nhà hoang, bị dâm, nộ, si làm hại.
49. Thân không cứu hộ, thường gặp tai nạn.
50. Thân không gìn giữ, các bệnh xâm nhập.
51. Thân không chỗ về, sự chết bức bách.
52. Thân như đàn cầm do dây có tiếng.
53. Thân như cái trống da, cây bao bọc nó vốn là không.
54. Thân như cái chén, không có bền chắc.
55. Thân như thành tro, gió mưa tan hoại, rồi già bệnh chết.

Do năm mươi lăm tính chất ấy, quán thân là dơ uế, thân là giả dối, mãi không trở lại chớ tin mà gần gũi xót thương, hãy xả bỏ, không có thân sơ. Ví như mộng, như huyễn, như bóng, như vang, như ánh nước bỗng nhiên hóa hiện. Nó giống như là oan gia mà thường cung kính, phụng sự cung cấp để cầu vừa ý, tắm rửa, chải chuốt, ăn uống, y phục, giường chõng, ngọa cụ theo đúng nhu cầu, dẫn dắt con người đến cái họa hoạn cuối cùng là già, bệnh, chết.

Bài tụng rằng:

Cho thân này ăn uống
Tự tại hưởng năm dục
Cầu bình an như bạn
Xét kỹ là oán thù.
Không cứu không giữ gìn
Mãi mãi không trở lại
Dẫn người đến họa hại
Vào sinh, già, bệnh, chết.

Con người sau khi chết đều sẽ rã tan, làm thức ăn cho chó thú. Hoặc có thây bị thiêu đốt, xương cốt vung vãi trên đất. Dựa vào vô số phương cách quán thân này: Ví như ung nhọt, giống như mũi tên ghim vào thân chẳng nhổ ra giống như tử tội ở chốn đông người. Quán sát các khổ não của thân thể phát sinh khi chết thì không có niệm tham đắm gọi là sắc. Quán thân là yếu đuối tiếp giáp với an nguy thì gọi là thống. Có sự hiểu biết thì gọi là tưởng. Tâm niệm là hành. Phân biệt các loại thì gọi là thức.

Bài tụng rằng:

Biết rằng nhãn thủ sắc sở quán
Thân ấy có được vốn nhờ duyên
Các thứ mềm dịu để thành hành
Dùng tâm vô sắc quán các đức.

Ví như bên dòng sông có một cái ao, bầy voi vào ao tắm, uống nước, ăn hoa sen xanh, thân cây phù dung rồi ra đi. Khi ấy dấu chân to, nhỏ lớn, dài hiện lên trên cát bùn. Có người thọ săn, kẻ chăn trâu, dê, lượm củi quơ rác, người đi đường nhìn thấy dấu chân ấy nói: "Có bầy voi lớn đi ngang qua đây!" "Tuy chẳng thấy voi nhưng thấy dấu chân chúng thì nhận biết là có bầy voi đi ngang qua đây." Không có ấm của thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, sự biến đổi các ấm không tướng: thống, tưởng, hành, thức là nhỏ nhiệm.

Bài tụng rằng:

Như ao ở bên sông
Trong cát có chân đi
Vì thấy dấu chân voi
Biết có bầy voi qua.
Như thế suy nghĩ kỹ
Đến được pháp thức niệm

Nhiều chỗ đều hiện rõ
Nhân duyên của khởi diệt.

Như vậy, các niệm tưởng vô sắc đều nương vào sắc, nhiên hậu mới có sắc pháp. Ví như hai cây lau dựa vào nhau mà đứng.

Bài tụng rằng:

Vô sắc nhiều chỗ nương
Hữu sắc nương vô sắc
Như cành dính liền cây
Danh sắc cũng như thế.

Pháp vô sắc ấy dựa vào hữu sắc mà phân biệt, còn hữu sắc thì cũng chẳng nương vào sự đắm chấp của vô sắc. Như trước hết có trống, nhiên hậu mới phát ra tiếng, tiếng đó và trống khác nhau, chẳng đồng, trống chẳng ở trong tiếng, tiếng chẳng ở trong trống. Danh và sắc cũng như thế đều khác nhau chẳng hợp, đắp đổi nương nhau mới thành. Ấm vô sắc ấy chẳng được tự tại, chẳng phải tự lực mà phát khởi được.

Ví như có hai người, một người mù từ lúc sinh ra, một người bị què muốn đi đến nước khác. Người mù con mắt tối tăm vĩnh viễn chẳng thấy gì hết, chẳng biết hướng đi; còn người què thì không có hai chân chẳng thể đi được. Người mù gọi người què bảo: "Ta bị mù có chân đi được nhưng mắt mịt mờ không biết phương hướng. Còn ngươi thì què chẳng thể đi được nhưng lại có mắt sáng thấy đường lui tới. Nay hai chúng ta cùng nương nhờ vào nhau mà đi đến nước kia." Người què ngồi trên vai người mù mà đi được, chẳng phải do oai lực của người què cũng chẳng phải phước đức của người mù. Sắc pháp cũng thế chẳng phải đứng riêng lẻ được, vô sắc cũng thế đắp đổi nương nhau.

Bài tụng rằng:

Tư duy các pháp chẳng riêng thành
Sắc pháp, vô sắc cũng vậy thôi
Tại thế gian, nương nhau đắp đổi
Ví như què, mù cõng nhau đi.

Danh sắc ấy đắp đổi nương nhau. Ví như trống và tiếng, như cung và tên nương nhờ nhau, hỗ trợ nhau chẳng hợp chẳng rời. Vạn vật cũng thế từ nhân duyên mà thành, không có uy lực, chẳng được tự tại, đều từ duyên mà hiện khởi sự vật mới phát sinh. Tu hành cũng như thế, quán sát các pháp vốn là như vậy có sự sinh khởi, hoại diệt, vốn không sở hữu, bỗng tự nhiên

hiện rồi lại diệt mất, vô sinh mà sinh, vô khởi mà khởi, chung quy đều là vô thường.

Bài tụng rằng:

Năm ấm vốn thuộc không
Nương tựa hành mỏng manh
Do nhân duyên hợp thành
Đắp đổi hỗ trợ nhau.
Khởi, diệt, không có thường
Hưng suy như phù vân
Thân, tâm tưởng, niệm pháp
Đều hoại diệt như thế.

Người tu hành thường lấy bốn việc để quán vô thường.

1. Tất cả vạn vật đã sinh ra chung quy đều vô thường.
2. Sự hưng khởi ấy không có tăng giảm.
3. Vạn vật diệt hết cũng chẳng hao giảm.
4. Người vật chung quy đều tan rã, cũng chẳng diệt hết.

Vì vậy cho nên cái bất sinh sinh ra, cái bất tận hết đi. Thấy vạn vật tiên khởi sự quán sát về sự khởi diệt tồn vong như thế. Người quán như vậy không có gì mà chẳng biết, có khả năng thấy tất cả, chẳng có gì mà chẳng thấu suốt.

Bài tụng rằng:

Người vật tuy có sinh
Chẳng tăng giảm, chẳng diệt
Cũng chẳng bỏ hình thể
Tuy mất nhưng chẳng diệt.
Tuy hết, nhưng tương tục
Đều từ bốn nhân duyên
Quán vạn vật như thế
Siêu vượt cả thỉ chung.

Giả sử người tu hành tự nghĩ: Vạn vật hiện hữu ở khắp nơi chung quy đều vô thường, nhiễu động bất an, vừa khởi liền diệt đều trở về không. Từ khi mới sinh ra đến lúc vô thường là họa hoạn già bệnh chết luôn theo bám sát thân thì người quán như vậy, chẳng đắm vào ba xứ, chẳng ưa bốn loài, không trụ năm thức, tâm ấy chẳng nhập vào chín chỗ của chúng sinh ở. Dù có sinh lại cũng trừ ba kết: Một là tham dâm, hai là phạm giới, ba là hồ nghi

để thành Đạo tích, đạt đến vô vi. Ví như dòng sông chảy về biển cả.

Bài tụng rằng:

Quán vạn vật biến chuyển
Nghĩ tất cả sẽ qua
Và ái dục buộc ràng
Tất cả đều vô thường.
Muốn được thoát thế gian
Phải bỏ mê đắm dục
Đó gọi là Đạo tích
Dẫn đến cõi vô vi.

Người tu hành nào mà quán như thế thì tự xem thân mình như là rắn độc. Ví như thành phát cháy trong đó có người nhà giàu thấy nhà cửa bị thiêu rụi rất đau buồn, tự nghĩ: "Làm thế nào để đem những của cải quý giá ra? Liền nhớ lại: "Ta có một cái rương, trong có các vật báu giấu tại ngôi nhà kia nào là ngọc sáng đẹp, vật quý báu hạng nhất đều chứa đầy nơi ấy giá trị vô cùng không thể kể xiết." Trong lòng sợ hãi vừa muốn bước đi sợ bị lửa đốt nhưng vì tham lam vật báu chẳng kể thân mạng liền xông vào lửa, đến chỗ rương báu, bên cạnh đó có rương rắn hổ mang.

Bấy giờ người nhà giàu kia đã sợ ngọn lửa mạnh, lại bị khói xông vào mắt, trong lòng nôn nao sợ hãi chẳng còn bình tĩnh để xem xét kỹ, lấy lầm rương rắn kẹp nách bươn chạy. Bọn cướp đuổi theo sau muốn đoạt rương. Vừa thấy cướp đuổi liền phóng thật nhanh. Cướp đuổi chẳng kịp từ xa réo gọi: "Nếu như đuổi kịp ngươi thì ta sẽ đâm chết! Nếu bỏ rương lại mới mong thoát chết. Nhưng nếu không bỏ thì mạng sống chẳng còn."

Người nhà giàu thấy cướp đuổi sắp kịp, nghĩ: "Đã mất của báu lại chẳng tự cứu được mạng." Liền nghĩ lại: "Ta hãy mở rương ra lấy của quý nhất mang trong mình, bỏ đồ còn lại mà đi khi đó mới an ổn được." Liền mở rương ra chỉ thấy rắn độc mới biết chẳng phải là vật báu mà là rắn độc.

Tu hành cũng vậy, đã đạt Đạo đế rồi thì thấy tất cả hình thể đều như rắn độc. Do vậy, người muốn đạt đến quán này thì cần phải suy xét cho tinh tường.

Bài tụng rằng:

Ví như lửa bốc cháy
Người vội lấy của báu
Lại cầm nhầm rương rắn

Cho là những châu báu.
Mở ra thấy ghê sợ
Bên trong đầy rắn độc
Khi ấy liền bỏ ngay
Biết là chẳng phải báu.
Tu hành cũng như vậy
Quán kỹ vốn là không
Khi rõ được bốn Đế
Thấy thân như bốn rắn.
Biết vậy tu bốn Đế
Thường tư duy đạo đức
Để đạt được vô vi
Trừ khổ mới được an.
Để vào cửa giải thoát
Khỏi các tội lỗi khác
Vì vậy phân biệt nói
Quán sát pháp vô thường.

-oOo-

Phẩm 25: HỌC ĐỊA

Sức dũng mãnh hoàn hảo
Mặt sáng như hoa vàng
Thần túc nhanh hơn gió
Tự tại dạo khắp nơi.
Đức lớn không thể lường
Điều thuận, năng nhẫn nhục
Phật an trụ giới định
Xin nương về kính lễ.
Bước đi thanh thản chẳng nhiễm trần
Đức Ngài vô lượng sở nguyện an
Chẳng ai sánh bằng không chấp trước
Không thể ví dụ, xin quy y.
Phật dùng phương tiện pháp làm cung
Hàng phục tà ma oán, quân địch
Trừ hết trần lao, các cấu uế
Nguyện quy mạng Phật nhất tâm lễ.

Người tu hành đã đắc Đạo tích, thấy năm dục lạc chung quy đều là vô thường nhưng chẳng thể đoạn hết. Vì sao? Vì vẫn thấy còn niệm vi tế về sắc, thanh, hương, vị.

Bài tụng rằng:

Đã thành tựu được đạo tích rồi
Trí tuệ hiểu rõ năm dục không
Thấy ai cõi Dục như ngựa nhác
Tâm chẳng đắm sắc vẫn chưa đoạn.

Ví như gã thiếu niên Phạm chí nọ, ưa sạch sẽ, đi ra phía sau nhà làm bẩn ngón tay, đi đến nói với thợ vàng là ngón tay bị bẩn chẳng sạch, dùng lửa đốt giùm. Thợ vàng can: "Chớ nghĩ như vậy, có cách khác trừ được dơ bẩn này, đó là dùng tro chà xát, dùng nước rửa đi. Nếu ta đốt thì ngươi không thể chịu nổi. Sự đau đớn do lửa chạm vào thân lại càng đau hơn là chà rửa." Gã thiếu niên Phạm chí nghe nói, liền nổi giận mắng chửi thợ vàng: Đừng lấy lòng mình mà suy lường kẻ khác. Tự mình chẳng thể chịu đựng lại bảo người khác chẳng chịu nổi. Ta không muốn gì hết chỉ vì tay ta bị bẩn nên chẳng dám đi đường, sợ gặp người ta hoặc ta gần người. Thân ta có học căn bản ba kinh và biết sáu nghề, học luận thuyết hiểu rõ điều thích ứng, có khả năng xem vạn vật, phân biệt ý nghĩa của chúng theo thứ tự chương cú; biết ba thứ ánh sáng nơi thiên văn, địa lý; học sáu mươi bốn tướng; biết mạng lộc của người là phú quý hay bần tiện; làm cho ruộng vườn nhà cửa yên ổn; hiểu tiếng của một trăm loài chim; biết trước tai biến; thấy quốc gia kia có nhiều oán tặc muốn làm hại nước này. Ngay khi có tai họa của mặt trời, gió mưa không đúng thời tiết, có sao xấu xuất hiện; người đẹp màu xanh, màu đỏ; phân biệt tướng đàn ông, đàn bà, trâu, ngựa, gà, dê. Biết trước là ngũ cốc bị hạn hán hay lụt lội, tốt hay xấu. Biết sự dời đổi xê dịch của tinh tú; biết sự suy hao nhiều hay ít của hạn hán và lụt lội ấy. Bói xem có lụt lớn cũng như sự phá hoại của nó. Thấy sự biến đổi ra vào của nhật thực và nguyệt thực. Nếu có người mang thai thì phân biệt nam hay nữ; hiểu biết các việc quân pháp chiến đấu; biết suốt cổ kim; thấy rõ vị trí của năm ngôi sao, Hỏa tinh trong mười hai thời, một trăm thời khắc của ngày đêm; có khả năng hiểu rõ y thuật, biết dùng thuốc để trị lành các bệnh phong, hàn, nhiệt, ghẻ lở nhỏ nhặt; biết quỹ đạo mặt trời, mặt trăng, phát xuất từ đâu và sự biến đổi màu sắc của nó thích hợp với điềm gì như là núi lở, động đất hay sao rơi, và biết các sao sở thuộc để phụng sự Thiên thần. Học thuật của cổ nhân đều có khả năng phân biệt, không có môn

nào là không thông. Bói xem sao chổi xuất hiện sẽ có điềm gì. Vì vậy đồ dơ bẩn dính trên tay ta không để lâu, phải theo lời ta mà trừ bỏ ngón tay dơ uế ấy.

Thợ vàng nghe xong, nướng kiềm thật đỏ kẹp ngón tay kia, thiếu niên bị nóng đau chẳng thể chịu nổi, đưa ngón tay lên miệng ngậm. Thợ vàng cười lớn bảo thiếu niên: "Ngươi tự khoe khoang mình là thông minh, bác học, quán cổ thông kim, không có gì mà chẳng thông hiểu. Thanh tịnh không lỗi lầm nhưng nay tại sao lại đưa ngón tay dơ bẩn vào miệng ngậm." Người thiếu niên đáp: "Khi chưa bị đau thì ngón tay dơ bẩn, nhưng vừa chạm đến lửa quá đau, liền quên ngón tay bẩn." Đạo tích cũng thế, vốn trong đêm dài tập nhiễm vết nhơ ái dục, trong khoảnh khắc muốn xa lìa tình dục. Nhưng vừa thấy sắc đẹp, ý dâm móng khởi. Vì sao? Vì các căn chế ngự còn lỏng lẻo, chưa đắc Định diệt tận.

Bài tụng rằng:

Đã thấy thói quen của sắc dục
Tuy rõ tính chất đạt Đạo tích
Tâm còn tưởng đẹp vẫn nghe hương
Như sông về biển, dục cũng vậy.

Khi đắc Đạo tích, tự nghĩ: Thân ta chẳng nên tập thói dâm dục, như những phàm phu khác. Nên cho tình dục là ô uế, ưa thích vô dục, dập tắt sự bừng cháy của dục, tập quán bất tịnh, ngày đêm không bỏ. Người tập như thế dâm, nộ, si giảm dần được đến với đạo, một lần trở lại nhân gian dứt trừ gốc khổ, khi đã được trở lại thì đối với các ái dục không còn móng khởi được thanh tịnh, dâm, nộ, si mỏng nhưng tâm vẫn được đoạn hẳn, nên có sự buồn khổ.

Ví như gã đàn ông có người vợ đẹp, khuôn mặt mịn màng dùng các thứ anh lạc trang điểm thân thể, gã rất yêu thương. Tuy có sắc đẹp như thế nhưng là quỷ dâm chứ chẳng phải là người, chỉ dùng máu thịt người làm thức ăn. Có người mách với người chồng:

–Vợ ngươi là La-sát, ăn thịt uống máu.

Người chồng chẳng tin nhưng người ta nói mãi chuyện ấy nên trong lòng khởi nghi ngờ muốn tìm hiểu. Ban đêm giả vờ nằm ngáy ra tiếng như là ngủ say. Người vợ tưởng là đã ngủ, lén ngồi dậy ra khỏi thành đến bãi tha ma. Người chồng theo dõi đằng sau thấy vợ cởi y phục và đồ trang sức qua một bên. Sắc mặt biến thành xấu xí, miệng hiện răng dài, trên đầu bốc cháy, mắt đỏ như lửa, trông rất dễ sợ đến gần xác người, tay bốc thịt miệng

nhai nuốt. Người chồng thấy vậy mới biết vợ mình chẳng phải là người mà là quỷ, liền trở về nhà nằm lại trên giường. Người vợ trở về đến giường chồng nằm, nằm lại như cũ. Người chồng thấy vợ trang nghiêm anh lạc, sắc diện đẹp đẽ, khi ấy lại gần gũi. Giả sử nhớ lại nàng khi ở bãi tha ma ăn nuốt thịt tử thi, tâm liền kinh tởm lòng luôn sợ sệt thì đắc quả Vãng hoàn. Nếu thấy ngoại hình đoan trang đẹp đẽ thì dâm ý móng khởi. Nếu nói là bất tịnh tội lỗi, thì các thứ bất tịnh dâm, nộ, si diệt.

Bài tụng rằng:

Biến hóa thân người như cởi giáp
Làm hình quỷ dâm đến tha ma
Ngốn nuốt thây chết như ăn cơm
Khi ấy chồng biết là La-sát.

Người đắc quả Vãng hoàn tâm tự nghĩ: Ta ở trong cõi Dục ba kết đã mỏng, còn lại rất ít mong đạt Thánh đế, thấy vết nhơ ái dục biết khổ, ít vui, chẳng nên theo dục như hàng phàm phu đặt nặng tình dục. Giống như lằn xanh bu vào tử thi. Ta dùng phương cách gì để trừ dâm, nộ, si khiến diệt hết không còn, đắc thiền dứt hết lậu, nhiên hậu được an ổn như trời Tịnh cư.

Bài tụng rằng:

Khi đắc quả Vãng hoàn
Tu hành một đời thôi
Thì thấy dục "bất khả"
Tập tánh chưa đoạn hẳn.
Tuy lửa dâm dục cháy
Nhưng chẳng thể hại tâm
Vì khởi quán bất tịnh
Ghét dục như La-sát.

Ví như có người ở nơi nóng bức chẳng thể chịu nỗi tìm quạt để quạt, tìm nước để tắm. Đắc quả Vãng hoàn cũng như vậy, thấy dâm, nộ, si cho là nóng bức, nghĩ cầu đạo Bất hoàn.

Bài tụng rằng:

Thành hai nẻo kiết tường
Đi đến trừ hẳn dục
Vì đạt thiền vô lậu
Hành động với Phạm thiên.

Thân có các nóng bức
Dùng nước mát để trừ
Đến cầu đạo Bất hoàn
Đạt được thanh lương ấy.

Bấy giờ, người tu hành khởi quán bất tịnh vĩnh viễn thoát khỏi sắc dục và các dâm, nộ, si, thấy rõ đầu mối khởi diệt của năm ấm diệt tận là định, tri kiến như thế liền dứt năm kiết, không còn ngăn che đắc đạo Bất hoàn, chẳng lại nhân gian vì thoát ái dục, không có các hoạn của quỷ dâm ngăn ngại.

Bài tụng rằng:

Để thoát khốn đốn bệnh ái dục
Thường quán bất tịnh, trừ các ám
Vĩnh viễn lìa sợ, khổ được an
Thành đạo Bất hoàn, quả thứ ba.

Liền đạt sự thanh lương không có nhiệt não. Nếu nhìn sắc dục luôn thấy bất tịnh thì biết là tội lỗi dơ bẩn. Ví như có những khách buôn từ tối đang quá mệt mỏi, đến vào lúc nửa đêm ngày hai mươi chín, tối mù, không có ánh trăng, cửa thành đã đóng vòng quanh bờ tường phía Nam, ở dưới có một vũng nước do trời mưa đọng lại, khách cởi bỏ hành trang dừng bên ao. Thây người chết, gà, chó, voi, thú, các loại rắn trùng... đều có trong nước hoặc chìm hoặc nổi trăm ngàn loài trùng lúc nhút trong thân, lông tóc bồng bềnh bao nhiêu thứ rác rưởi, nước dơ ở trong thành đều dồn về đây.

Bài tụng rằng:

Ví như bên thành có ao lớn
Dơ chẳng dám nhìn, huống là uống
Khách xa đi đến thành đã đóng
Cùng nhau dừng lại bên ao này.

Khi ấy, mọi người vì là khách xa chưa từng đến xứ này, nên chẳng biết ất giáp gì và vì quá mệt mỏi, quá khát nên cởi bỏ y phục nhảy vào tắm rửa, uống nước thỏa thích, no nê mới ra khỏi ao.

Bài tụng rằng:

Đám người kia mới đến chốn này
Nhảy vào nước tắm trừ nóng bức
Cúng vái thủy thần, uống giải khát
Vì quá mệt nhọc ngủ thiếp đi.

Sáng dậy sớm, trời gần sáng, hết mệt, tỉnh táo, mới thấy đồ ô uế bất tịnh trong nước. Có kẻ bỏ chạy, nhắm mắt chẳng dám nhìn, có kẻ lại bịt mũi muốn ói mửa. Bấy giờ mới biết nước dơ bẩn chẳng sạch.

Bài tụng rằng:

Đã đắc quả thứ ba
Thấy dục lạc chẳng an
Nhập thiền định, vô hạn
Thấy dục như nước dơ.

Bấy giờ, người tu hành ưa thiền định, thức tỉnh đối với ái dục, như đám khách buôn kia nhờm tởm nước bất tịnh. Ví như hài nhi tự bốc phân chơi, tuổi tác lớn dần bỏ trò chơi cũ, lại ưa thứ khác; tuổi gần về già bỏ các thú vui, dùng pháp tự vui. Tu hành đã đắc đạo quả Bất hoàn, cũng giống như thế, thấy các thú vui trong năm đường sinh tử như trò đùa trẻ con, lại càng tinh tấn, muốn thoát luân hồi, chẳng mong sinh lại.

Bài tụng rằng:

Ví như có hài nhi
Ngồi đất vọc phân chơi
Tuổi dần dần lớn lên
Bỏ nó chơi trò khác.
Tu hành cũng như vậy
Cần vượt khỏi ba cõi
Bấy giờ bèn tinh tấn
Thành tựu đủ bốn quả.

Ví như ở nước xa xôi nọ, có đám khách buôn, từ phương Đông đến, dừng chân tại một khu vườn ngoài thành. Khi ấy, ở trong thành kia có một người siểm nịnh, nhiều mánh lới, không ai tin, dối làm món ăn uống, hoa hương y phục khác lạ, đến trước người dẫn đường, thăm hỏi sự sinh hoạt ăn ở, nói là chở nhiều, từ xa đến, không còn đường nào khác, đói khát lâu ngày nay mới gặp mặt, xin biếu một ít thức ăn, xin đoái tưởng nhận cho. Vị dẫn đường liền nhận.

Người ấy lại thưa thêm: "Nên vào thành, tôi có ngôi nhà lớn, trong có cung điện đẹp, đầy đủ tiện nghi. Nhà có giếng nước, cầu xí riêng biệt, cây cối thẳng hàng đồ dùng có đủ. Cúi xin Nhân giả chiếu cố vào thành." Nói những lời dối trá như vậy rồi, liền bỏ đi.

Bài tụng rằng:

Có người lòng dối trá
Thấy khách buôn xa đến
Nghênh tiếp vị dẫn đường
Mời ăn rồi nói rằng.
Tôi có một cung điện
Cao lớn rất nguy nga
Người ấy không thành tín
Nói dối rồi bỏ đi.

Bấy giờ, trong có một vị đại trưởng giả nghe hết những điều người kia nói dối với vị dẫn đường, liền đích thân đi ra nghênh đón, bảo với vị dẫn đường ấy rằng:

–Chớ tin lời người kia mà ở lại nhà ấy, có ao nước dơ bẩn nơi sau nhà, phẩn uế dơ dáy chảy ra phía trước, vì vậy cho nên không thể nghỉ chân tại đó.

Vị dẫn đường nghe xong đáp:

–Nhà tuy có xú uế nhưng đã có cách trừ như đốt hương, rải hoa.

Bài tụng rằng:

Trưởng giả lòng thân thiện
Nói với vị dẫn đường
Rằng ở cạnh nhà ấy
Có xú uế bất tịnh.
Vị dẫn đường nghe nói
Liền đáp lại thế này
Tuy hôi, nhưng có cách
Đốt hương, rải các hoa.

Bấy giờ trưởng giả bảo với vị dẫn đường:

–Lại sẽ gặp tai nạn, các loài trùng độc đều ở trong đó, chúng ăn thịt và uống máu. Nếu chúng đói sẽ chui vào trong bao đựng đồ của các ngươi, cắn nát hành trang.

Vị dẫn đường đáp:

–Ta sẽ cho chúng thức ăn mà chúng thích, để khỏi chui vào đồ vật.

Bài tụng rằng:

Có nhiều trùng độc ở trong nhà
Chỉ có ăn thịt uống máu thôi
Người dẫn đường đáp lời trưởng giả

Ta sẽ cho những gì chúng thiếu.

Trưởng giả nói với người dẫn đường:

–Ở bốn góc nhà ấy có bốn con rắn độc, dữ tợn, nguy hại, ưa tranh giành nhau, chẳng thể ở gần, vậy dùng cách gì mà làm yên những con rắn này?

Người dẫn đường đáp:

–Ta biết cách. Rải thuốc, đọc thần chú, khiến chúng không xâm phạm.

Bài tụng rằng:

Có bốn rắn độc ở trong nhà
Ôm lòng độc ác muốn hại nhau
Dùng rất nhiều thuốc và thần chú
Trừ được rắn độc quấn bên trong

Khi ấy, trưởng giả lại bảo người dẫn đường:

–Lại có nạn lớn, vì tường cũ, nền móng sẽ đổ, bờ tường nghiêng ngã, chẳng thể dựa nương.

Người dẫn đường đáp:

–Nếu có nạn này, ta chẳng thể ở, cũng không có cách khiến tường khỏi đổ. Vì sao? Vì nếu có đổ thì sẽ mất mạng.

Bài tụng rằng:

Vì nhà cũ rồi sắp ngã đổ
Nếu như sập xuống, chẳng thể giữ
Người dẫn đường nói với trưởng giả
Có nạn kinh khủng ta chẳng ở.

Người dẫn đường nghe nói đủ các tai nạn của căn nhà, lại chính mắt chứng kiến, tâm sinh chán nản, chẳng dám ở đó. Vị Bất hoàn cũng như thế, nghe Thế Tôn dạy, biết rõ Thánh đế, chẳng ưa họa hoạn nơi sinh tử xoay vần.

Bài tụng rằng:

Đã đắc Bất hoàn lìa các khổ
Tu hành cầu vô lượng an ổn
Chẳng một mảy may ưa sinh tử
Như người dẫn đường chẳng trú ngụ.

Giải thích ví dụ: Ngôi nhà là thân người; nước dơ bẩn, là chín lỗ

thường tống ra đồ bất tịnh; nước đầy trùng là trong thân có tám mươi loài trùng thường ăn thịt xương máu, tủy trong thân; đất bằng để xây tường là đồ cúng dường, cung cấp cho thân để ăn uống; bốn con rắn độc là bốn đại: Địa, thủy, hỏa, phong trong thân; ngôi nhà hư cũ ngày đêm sắp sụp là già, bệnh, chết mà người tu hành ngày đêm nhờ vào phương tiện muốn thoát khỏi các nạn; người dẫn đường là quả Bất hoàn; người tu hành tinh chuyên nghe Thế Tôn dạy, xem ba cõi đều thấy rực cháy; những hình tướng mà mắt quán sát, chung quy đều là vô thường chẳng tránh khỏi rã tan. Ví như người dẫn đường thấy sự nguy hiểm của ngôi nhà lớn.

Bài tụng rằng:

Loài rắn sẵn chất độc
Ghê sợ chẳng thể gần
Bốn con ở bốn góc
Là bốn đại của thân.
Hư mục muốn ngã đổ
Khi thân có tăng giảm
Thường gặp các khổ não
Già, bệnh, chết đường cùng.
Người dua nịnh trong thành
Dụ cho thiền hữu lậu
Người đắm vào tham dục
Ân ái làm chướng ngại.
Trưởng giả- người giữ giới
Bậc thầy không bị lụy
Cứu độ người tu hành
Vượt qua các khổ nạn.
Ví như đoàn khách buôn
Trong có người dẫn đường
Phật tử uống cam lồ
Để đắc đạo Vô trước.
Bậc thầy hành giả giảng
Thân khổ, không, vô thường
Quán xét kỹ tam giới
Nhiễu động, chẳng an ổn.

Phải cầu nhất tâm để đạt đến quả vị vô học, kiến đế, không chấp trước.

Bài tụng rằng:

Phật thương chúng sinh nói
Năng cứu tất cả khổ
Tôi xem các kinh Phật
Thích nói Vô học địa.

-oOo-

Phẩm 26: BẬC VÔ HỌC

Vua nọ thả voi say
Hung hãn, ngà rất bén
Các rồng mang hơi độc
Cảm hóa khiến điều phục.
Cứu hộ các khủng nạn
Luôn luôn được tự tại
Mười lực Phật vô tận
Con và đệ tử lễ.
Chư Thiên, long, thần, phụng Đại thánh
Muôn dân an ổn đều quy y
Thảy nhờ cung kính được độ thoát
Dòng dõi Thánh chúng, xin cúi đầu.

Người tu hành đã ở học địa, chẳng ưa luân hồi; đã không ưa thích gì thì chẳng tham đắm ba cõi, vượt qua cõi Sắc và Vô sắc, dứt tất cả kiết, ý nghĩ về căn lực và các giác ý, thấy diệt là tịch, như vậy gọi là định vĩnh viễn. Quán thấy như vậy, lìa sắc, vô sắc; xa hý luận, tự đại.

Bài tụng rằng:

Tâm đã trụ học địa
Hiểu rõ các giác ý
Chế cái sợ sinh tử
Diệt cái lo không vui.
Hết các hoạn chẳng còn
Cái thấy đúng như thật
Trừ hý luận, tự đại
Diệt si cũng như thế.

Người tu hành tự nghĩ: Nên biết, nay đây đã thành A-la-hán, đắc Vô sở trước, các lậu hằng dứt tận, tu phạm hạnh trong sạch, việc làm đã xong,

vứt bỏ gánh nặng, đã được lợi mình, sinh tử đã dứt, đạt tuệ bình đẳng, vượt qua hào bẩn, cày bỏ cỏ dơ, không có rỉ chảy, thành dòng Hiền thánh, đã qua bỉ, thử.

Bài tụng rằng:

Tu hành trụ học địa
Bất động, thành Thánh đạo
Đã vừa được lợi mình
Qua khổ, thường được an.
Núi nóng hực, nguồn khô
Hết hẳn không nước chảy
Phụng kính lìa hý luận
Gọi là Vô sở trước.

Đã đoạn trừ năm phẩm rồi, là bậc cao trong loài người.

Bài tụng rằng:

Đã đoạn trừ năm phẩm
Thành tựu đủ sáu thông
Dứt bỏ các trần lao
Như nước giặt áo bẩn.
Xa lìa họa sinh tử
Nhờ độ được an ổn
Đó gọi là Chánh sĩ
Cao tột, hết trần si.

Đây là A-la-hán đạt Vô sở trước, xứng đáng mặc Thiên y, ở tại cung thần, dạo chơi điện tía, ăn uống tự nhiên, trăm loại âm nhạc, thường để hiện bày diệu dụng, an vui hết mực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, miệng nói. Nay đây, thân ta là thân mười lực; được thân này thì cõi trời và nhân gian, tất cả đều trợ giúp; người kính phụng thì tăng thêm dòng dõi chư Thiên và làm tổn giảm hàng A-tu-luân.

Bài tụng rằng:

Vòi vọi bốn đức, thành sáu thông
Trí tuệ, nhẫn nhục, cầu cao tột
Thuận theo lời Phật, đạt cứu cánh
Cho nên thuyết giảng bậc Vô học.

-oOo-

Phẩm 27: VÔ HỌC

Phương tiện thắng các khổ
Vĩnh viễn thoát ái ân
Đã lìa khổ sinh tử
Diệt hết các bụi trần.
Như mặt trời xua mây
Tan bóng tối ân ái
Quy mạng Phật, Thánh đạo
Hết khổ thường an ổn.
Đã vượt các nhập, giới
Như người thoát lao ngục
Ví như loài vàng ròng
Trong lửa không hư hao.
Định Nê-hoàn tịch tĩnh
Chưa từng ái thân mạng
Phật kịp dùng cam lồ
Con xin cúi đầu lạy.

Người tu hành trụ ở cảnh giới hữu dư Nê-hoàn, vì rốt ráo nên chẳng tạo tác, chẳng thọ thân nữa, tâm chuyên nhất chưa từng buông thả, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, lìa tất cả sự đắm chấp, lại không thủ, xả, dứt tận gốc khổ.

Bài tụng rằng:

Đã đạt được vô vi
Vĩnh viễn không mong cầu
Trụ quả vị Hữu dư
Rốt ráo, chẳng tạo tác.
Chẳng đắm sắc, thanh, hương
Dứt trừ vị, cùng lúc
Ví như loài bông sen
Chẳng bị dính nước bùn.
Các căn đã định rồi
Chẳng nhập theo các hoặc
Như vàng không lộn sắc
Vĩnh viễn rời sinh tử.
Không có đắm nhân duyên
Vậy mới an ổn mãi

Gọi là hạnh an tĩnh
Diệt hết gốc khổ não.

Ví như đốt sắt đến độ đỏ rực, dùng búa đập lên, cấu bẩn trên đó rơi ra, dần dần nguội lại, chẳng biết sức nóng của lửa ấy chạm đến. Tu hành cũng vậy, nếu đạt đến cảnh giới Nê-hoàn vô dư thì người diệt độ dần dần thoát khổ. Vì vậy, kinh này gọi là Tu hành.

Bài tụng rằng:

Giống như dùng búa đập sắt nung
Đốm lửa tốc lên rồi lại tắt
Pháp người tu hành cũng như vậy
Đã được diệt độ, vô tăm tích.
Ví như trời mưa có bọt nước
Bọt ấy vừa tan, biết về đâu
Nếu có hành giả được diệt độ
Vĩnh viễn chẳng thể trụ chỗ nào.
Chư Thiên, Thần, Tiên, Rồng và Người
Chẳng thấy vị ấy đến nơi đâu
Người tu hành pháp vô thường, không...
Thông minh trí tuệ được diệt độ.
Nếu như hành giả đạt điều này
Kể cả cam lồ chẳng sánh được
Bấy giờ ngộ rồi, luôn an ổn
Đã được diệt độ đạt vô dư.
Đức Phật Thế Tôn nói dụ này:
Như búa đập sắt, lửa tóe ra
Dần dần hướng đến sự diệt độ
Vĩnh viễn không biết thần thức đâu,
Đã đắc đạo diệt độ
Bình đẳng hiểu như thế
Phật, bậc trí tuệ sáng
Thần thức an, chẳng động.
Đã vượt các tội lỗi
Lìa sinh tử, tự đại
Đạt đến vô dục kia
Thanh tịnh như vực sâu.

Ai làm theo lời dạy rong kinh Con Đường Tu Hành này, dần dần

được giải thoát, đạt đến vô vi.

Bài tụng rằng:

Nếu cầu vô vi, muốn diệt độ
Lìa hẳn trược, loạn, được cam lồ
Nên thuyết giảng kinh tu hành này
Theo lời Phật như tối được sáng.
Nếu có thuyết kinh này
Giả sử có người nghe
Phật sẽ chỉ con đường
An ổn không cùng tận.

Người học như vậy sẽ đạt đến cứu cánh, tu hành theo kinh này, tâm như không, năm thông tự có, chẳng sợ sống, chết, vĩnh viễn như đèn hết dầu thì tắt.

-oOo-

KINH CON ĐƯỜNG TU HÀNH

QUYỂN 7

Phẩm 28: TU HÀNH CỦA BA BẬC ĐỆ TỬ

Phật đức cao vời vợi
Oai thần chẳng thể lường
Tùy thời dạy đạo pháp
Độ thoát khắp mười phương.
Thấy sinh tử nhơ bẩn
Bắt nhịp cầu chánh pháp
Chê trách khổ - luân hồi
Ngợi ca cảnh Nê-hoàn.
Giảng giải đệ tử thích
Làm theo hạnh Ngài dạy
Từ từ Ngài dẫn dắt
Cho đến đại an ổn.

Nếu có tu hành thì thấy cái họa hoạn tử sinh, cái đau khổ tột bậc của địa ngục, cái não hại của súc sinh, cái đói khổ của ngạ quỷ, cái sầu lo của con người, cái vô thường của cõi trời chẳng thể chịu nỗi, lần lượt xoay vần như bánh xe. Sinh, già, bệnh, chết, đói, khát, lạnh, nóng, ân ái, xa lìa, oán thù gặp gỡ, nỗi thống khổ buồn vui đâu thể nói hết. Từ nhiều kiếp đến nay ngỗ nghịch với cha mẹ, chia lìa anh em, bất hòa với vợ con, khóc lóc lệ trào nhiều hơn bốn biển, bú sữa mẹ nhiều hơn năm nước sông bốn ngòi, hoặc cha mẹ khóc con, con khóc cha mẹ, hoặc anh khóc em, em khóc anh, hoặc chồng khóc vợ, vợ khóc chồng, ngổn ngang trăm bề kể sao cho xiết. Trồng gốc nhọc khổ, gieo mầm ngu si. Tu hành thấy vậy đều nhờm tởm hết, chỉ muốn thoát khỏi bệnh sinh tử này. Ngày đêm tinh tấn chẳng thể bỏ đạo nghĩa, cầu đạt vô vi tự thấy đời trước từ vô lượng kiếp qua lại tử sinh. Nếu dồn xương cốt hơn núi Tu-di; tủy trây trên đất khắp cả thiên hạ, thây chết cùng khắp thế giới ba ngàn, máu huyết chảy ra nhiều hơn lượng mưa khắp các cõi xưa nay, tu hành tự quán khổ ách như thế, dù cho ngàn vạn kiếp nói còn không hết. Cho nên xả ly gia đình, cạo bỏ râu tóc, tinh chuyên cầu đạo

chẳng ham vinh hiển ở đời giống như kẻ sáng chẳng ưa thây chết.

Bài tụng rằng:

Tu hành thấy sinh tử
Khổ não của địa ngục
Ách ngạ quỷ súc sinh
Ly biệt của thế gian.
Xoay vần của sinh tử
Giống như bánh xe quay
Cha, con, anh, em cách
Vợ con sầu biệt ly.
Khóc lóc, lệ trào tuôn
Nhiều hơn nước bốn biển
Uống dòng sữa của mẹ
Nhiều hơn nước năm sông.
Nên người tu bỏ nhà
Tinh chuyên vì đạo pháp
Chẳng ham vinh thế tục
Như người sáng bỏ độc.

Người tu hành tự nghĩ: Sự mê hoặc của thân ta đến nay chẳng thể kể xiết, chẳng tự hay biết, hội hợp rồi chia ly, thống khổ buồn đau giống như quá say chẳng thể rõ biết, nói bậy cho là nói đúng, tự cho là suy xét kỹ, mê đắm ân ái giống như keo sơn, chẳng thể tự cứu. Thì nên thực hành tinh tấn, xa tục gần đạo.

Ví như có người đi xa đến nước khác mua bán kiếm lời, đến nơi chưa bao lâu thì phát bệnh nặng, người chết rất nhiều, mười người chẳng chừa một thây chết la liệt, mùi hôi thối không tả xiết; đã không có lương y lại không thuốc hay để có thể chữa khỏi bệnh này. Người ấy rất sợ sệt hối hận là đã đến nước đó, nếu không đến thì đâu có gặp nạn này, sớm tối bồn chồn buồn rầu khôn xiết: "Nếu ta lành bệnh nhất định về nước, không khi nào trở lại." Người ấy vừa gặp thầy thuốc giỏi cho uống thuốc, châm cứu tật bệnh dần dần thuyên giảm, khí lực cường kiện liền trở về nước gặp gỡ người nhà, kể chuyên nguy khốn không thể nói hết ấy và tự nhủ từ nay về sau chẳng bao giờ dám đến nơi kia nữa. Miếng cơm manh áo, tìm ở nơi nào khác, chỉ muốn an thân, đâu biết người nào. Về sau chỉ nghe đến tên của nước ấy run rẩy, kinh hoàng, chẳng muốn ra khỏi nhà chỉ giữ lấy thân. Đệ tử cũng vậy thấy bệnh dâm, nộ, si khổ và sinh tử không dừng trong năm đường, sớm tối tinh chuyên tọa thiền niệm đạo, thấu đạt giáo pháp Thế Tôn,

ca ngợi Nê-hoàn, chê trách sinh tử, đó là lương y. Vị thuốc hay uống vào tật bệnh tiêu trừ đó là kinh pháp của Phật trừ khử ba độc. Thây chết nằm la liệt đó là năm ấm, sáu suy. Việc hối hận đến nước ấy đó là tư duy rằng từ nhiều kiếp đến nay xoay vần theo sinh tử. Việc mê đắm ân lại dụ cho tâm lăn xăn không thấy bốn đế: Khổ, Tập, Tận, Đạo. Đã chứng đắc đạo rồi thì sợ khổ nhàm thân, sớm nhập Nê-hoàn, chẳng thể trở lại giáo hóa, cố bám nơi sự tịch diệt nên sự chỉ bày của Đức Phật Thế Tôn vốn không chỉ một, mà phải tiến tới đắc bất thoái chuyển, lui tới tự tại.

Bài tụng rằng:

Như có người đi xa buôn bán
Đến nước kia mắc phải bệnh tình
Chúng dân chết hết chẳng còn ai
Thây chết la liệt không người chôn.
Tâm tự hối hận đến nước ấy
Nếu không thì đâu gặp nạn này
Rồi gặp lương y trị lành bệnh
Liền trở về nước không đi nữa.
Sợ hoạn sinh tử cũng như vậy
Thấy ở năm đường xoay vần khổ
Tự trách lỗi xưa chẳng hiểu đạo
Tử sinh tân khổ rất sầu lo.
Nhất tâm tinh tấn cầu Nê-hoàn
Muốn độ nỗi sợ của thế gian
Ghét sinh tử như chán tử thi
Chuyên chí hướng đến thành vô vi.

Người tu hành lo sợ thân mạng sẽ chết đi mà chẳng được độ thoát, quay trở lại ba đường khó được ra khỏi, chẳng nên lười biếng, chấp có ngã của ta như người phàm tục ở đời chống trái Tam bảo mờ mờ mịt mịt. Ví như ngày xưa, có đám người buôn bán đi xa kiếm sống, băng qua đồng trống không có người ở. Vì đi đường mệt nhọc bèn dừng lại nằm ngủ, cũng chẳng kể giờ giấc, chẳng chuẩn bị binh trượng. Lũ giặc cướp bỗng ùa đến, chẳng ai hay biết, chẳng chuẩn bị cung tên, bị giặc làm hại, trong số này, có khách buôn nhờ khỏe mạnh liền chạy thoát được, chịu đói khát về nhà. Lại lập kế tìm những người bạn khỏe mạnh, theo đường cũ đi buôn bán kiếm sống, mỗi đêm ngủ nghỉ luôn đúng giờ, đi ban đêm trang bị cung tên, giặc thấy như thế chẳng dám chận đường vì biết là khó đối đầu nên tự rút lui. Sự mù mịt ấy là lưới si, nhân si dẫn đến hành, rồi sinh thức, tham đắm

danh sắc, lục nhập, lại thích thống ưa thọ mới có sinh, lão, bệnh tử, sầu, lo, gào khóc khổ đau những điều chẳng vừa ý. Việc kiếm sống là sự tu hành. Sự mệt nhọc nằm ngủ là sự chẳng hiểu biết về vô thường, khổ, không, phi thân. Không đi vào ban đêm là chẳng tư duy sâu sắc về nghĩa kinh. Việc không trang bị binh trượng là chẳng tuân theo trí đại Từ, đại Bi chỉ muốn tự cứu chẳng nghĩ đến chúng sinh. Việc giặc đến bị nguy khốn là ngồi thiền chẳng nhập vào không tịch, trái lại bị năm ấm, sáu suy làm mê hoặc, rơi vào bốn điên đảo, vô thường cho là thường, khổ cho là vui. Chẳng phải thân cho là có thân, không có thật cho là có. Khi mạng chung được sinh Thiên, phước hết thì trở lại cõi đời, chẳng lìa ba đường. Việc người khỏe mạnh chạy thoát về nhà là đắc quả A-la-hán. Việc tìm bạn khỏe mạnh trở lại kiếm sống là đi đến Nê-hoàn. Biết La-hán giới hạn chẳng đạt được cứu cánh, gặp Phật thọ giáo lại phát ý lớn là Bồ-tát. Việc dùng số đông là bạn cùng đi là sáu Độ vô cực và các hạnh khác... Việc trang bị binh trượng, giữ đúng giờ giấc, đi vào ban đêm là đại Từ, đại Bi, phân biệt hành không, chẳng vướng mắc chẳng dứt bỏ. Việc giặc rút lui là trí tuệ vô quái ngại, là pháp Nhẫn bất khởi, thấy ba cõi là không, chẳng sợ sinh tử, tất cả bốn ma đều bị hàng phục.

Bài tụng rằng:

Tu hành sợ mạng chung
Rơi vào ba đường ác
Chẳng chấp ngã của ta
Quy mạng về Tam bảo.
Như xưa có người ngu
Đi xa cầu tài lợi
Buồn ngủ nên nằm ngủ
Bị ác tặc làm hại.
Trong đó có người khỏe
Hết sức chạy thoát được
Về nhà kể gặp nạn
Nay mới được an ổn.
Đã đắc đạo La-hán
Mới tự biết có hạn
Chẳng thể vào sinh tử
Vì Nê-hoàn làm ngại.
Lại hợp cùng bạn mạnh
Trang bị rồi đi đêm
Giặc thấy chẳng dám chận

Trở về lại sào huyệt.
Ở cảnh giới vô vi
Biết Nê-hoàn có hạn
Nên phát tâm Bồ-đề
Hành đại Từ, đại Bi.
Phân biệt sâu sắc không
Không vướng không cắt đứt
Lần lượt vượt sinh tử
Không có nạn ba cõi.

Người tu hành phụng trì giáo pháp, nhập bốn tâm bình đẳng tâm nhưng không có đại Từ bi. Ví như rồng nhỏ chỉ có khả năng mưa một huyện mà không cùng khắp. Tuy dân chúng được thấm nhuần nhưng chẳng đáng kể. La-hán hành đạo nơi bốn Đẳng tâm cũng vậy, giống như rồng biển mưa khắp thiên hạ, không chỗ nào là không thấm nhuần, bậc Bồ-tát đại nhân đại Từ, đại Bi cứu độ khắp tất cả chúng sinh. Phật, Đấng Thiên Trung Thiên thấy tâm của Bồ-tát như thế, phương tiện thị hiện có giới hạn, chẳng vượt Nê-hoàn dần dần tiến tới đại đạo, biết cội gốc của mê hoặc.

Ví như người kia có ba đứa con, người cha khi trẻ nuôi dưỡng con cho đến khôn lớn, áo cơm, thuốc thang chưa từng thiếu hụt. Người cha khi tuổi lớn khí lực suy kiệt, gọi các con lại bảo:

–Các ngươi là lũ bất hiếu, ta sinh đẻ nuôi dưỡng các ngươi nên người. Nay ta tuổi đã già mà các ngươi chẳng phụng dưỡng báo đáp ân nuôi nấng, trái lại bức ép ta tìm của cải, áo cơm, tại sao như vậy? Ta sẽ cáo với quan nhà nước trị tội, giết chết các ngươi.

Các người con nghe cha rầy la, ôm lòng sợ sệt liền phủ phục bên cha:

–Anh em chúng con ngu si đến nỗi chẳng biết nghĩ lý, chẳng đoái hoài đến ân đức nuôi dưỡng của cha mẹ đã từng thương yêu hết mực, kỳ vọng sâu xa, nhưng chúng con chẳng tự xét lỗi mình. Nay nghe cha dạy nên liền vâng lệnh làm theo đạo hiếu, vượt kẻ tầm thường, sớm tối chẳng biếng lười, không thẹn với tổ tiên.

Khi ấy, các người con ai cũng làm ăn sinh sống. Vào biển tìm châu báu được các thứ bảy báu, cung cấp cho cha mẹ. Lòng chí hiếu cao vời, chỉ nghĩ đến cha mẹ, chẳng hề quan tâm tới thân mình. Tìm được viên minh châu sáng lớn, tên là Chiếu minh liền đem về dâng cha. Cha thấy minh châu thì đầu bạc đen lại, răng rụng mọc lại thành đại trưởng giả, xa gần đều quy ngưỡng. Đó gọi là phụ từ thì tử hiếu.

Vì sao đệ tử tu hành thì không có đại Từ? Cha có ba con dụ cho tâm,

ý, thức. Cơm ăn, áo mặc dụ cho trói buộc của năm ấm, sáu suy, mười hai nhân duyên. Con lớn lên tiếp nói tìm cầu cung dưỡng, dụ cho các tình dục chẳng biết chán, chẳng biết đủ. Cha lo sợ, muốn đi cáo quan dụ cho sự hiểu rõ về vô thường, muốn đoạn sáu nhập. Con nhận lời giáo huấn làm theo lời cha dụ cho sự quy mạng Phật. Ba con lại hiếu thuận dụ cho sự khởi đầu của bố thí, phụng giới, trí tuệ. Vào biển được bảy báu dụ cho đạt đến bảy Giác ý thành tựu đạo A-la-hán. Trở thành chí hiếu dụ cho biết được đệ tử bị giới hạn trong cảnh giới Nê-hoàn, lại phát đại tâm làm Đại Bồ-tát. Được châu chiếu minh làm cha trẻ lại dụ cho định ý hiện tại, thấy mười phương Phật không có chướng ngại.

Bài tụng rằng:

Xưa kia có một người
Sinh được ba đứa con
Nuôi nấng đến lớn khôn
Ăn mặc vẫn nhờ cha.
Cha bảo với ba con
Ta nay tuổi đã cao
Các con phải nuôi cha
Sức ta đã tiêu mòn.
Cáo các ngươi đến quan
Năm cực hình đánh đập
Con nghe lời cha dạy
Liền làm theo hiếu đạo.
Vào biển tìm bảy báu
Cung phụng cho cha già
Lại được ngọc Chiếu minh
Cha liền trẻ trở lại.
Ba con tâm, ý, thức
Tình dục chẳng biết đủ
Cha trách, lại hiếu thuận
Đó là giới trí tuệ.
Làm theo bảy Giác ý
Thành Nê-hoàn, La-hán
Thọ nhận lời Phật dạy
Lại phát tâm Bồ-tát.
Đạo đức rất cao vời
Thấy được mười phương Phật
Thân bốn đại chẳng ngại

Như hư không, không vướng.

Ví như ngày xưa có một con ba ba rời biển bơi vào bờ, có một con chồn lớn đuổi bắt, sắp nguy đến tánh mạng. Ba ba biết chồn đến, thụt đầu vào, bốn chân giấu dưới mai. Chồn đứng đợi nếu thò đầu chân ra liền sẽ bắt ăn thịt. Ba ba chẳng động đậy, chồn mệt mỏi bỏ đi. Ba ba trở về chỗ Long vương Đại thần trình bày đầu đuôi và xin làm thân rồng mới không còn sợ hãi, dụ cho có khả năng chế ngự năm ấm chẳng bị ma quấy nhiễu, đắc đạo Nê-hoàn. Được làm rồng dụ cho vào đạo Bồ-tát, chẳng sợ bốn ma, cứu độ chúng sinh.

Bài tụng rằng:

Ba ba thun đầu, chân
Như La-hán bất úy
Làm thần rồng bay được
Bồ-tát cũng như vậy.

Ví như có người đi xa cầu tìm của cải, dãi dầu mưa nắng mới kiếm được nhiều lời. Hoặc ở nơi gặp giặc cướp mất hết tài sản. Lại có người thông minh, ở nơi xứ sở mình tự tạo phương tiện làm ăn, tiền vô như nước, cung cấp bốn phương tích lũy công đức nghĩ đến vô thường, khổ, không, phi thân, quán sự thành bại của vạn vật bên ngoài, hoặc đắc thiền định, thành La-hán đạo, lại từ đó phát ý cầu làm Bồ-tát. Hoặc có người đạt ngộ biết bốn đại là không, không có ở trong ngoài, hành đại Từ bi thương xót chúng sinh nơi mười phương, tuy có chỗ hóa độ nhưng xem như không có, đạo không xa gần, trí tuệ là cao tột, chứng đắc bình đẳng giác, không có quá khứ, vị lai, hiện tại giống như hư không.

Bài tụng rằng:

Như người buôn bán xa
Đệ tử cũng như vậy
Chứa công quán bất tịnh
Quán vạn vật vô thường.
Bồ-tát như người trí
Cầu lợi chẳng đi xa
Hết sinh tử, Nê-hoàn
Đắc giác ngộ bình đẳng.

Người tu hành sợ hãi sinh tử, ghét nạn ba cõi, sợ khổ chán thân, không hiểu rõ nó vốn là không, chỉ muốn vượt thoát họa hoạn, chẳng nghĩ đến chúng sinh. Ví như đội quân tan rã, những người ốm yếu chỉ muốn tự cứu, chẳng cứu giúp sự nguy khốn cho ai. Người có tâm này,

Phật vì họ dạy trừ diệt phiền não ba độc, Nê-hoàn là hạnh phúc, lìa tối đến sáng.

Ví như người dẫn đường dẫn người buôn bán lớn đi đến con đường xa xôi, ở một cánh đồng lớn không có nước cỏ, khách buôn kêu than cho là đường sá xa xôi đâu thể đến nơi, vĩnh viễn cùng đường rồi. Khi ấy người dẫn đường kia là người thông minh hiểu biết rộng, cũng có pháp thuật, biết được ý nghĩ của khách buôn chán nản đường sá xa xôi, liền hóa thành một quốc gia ở giữa đường, có thành ấp, dân chúng, đất đai trù phú, ngũ cốc thừa thải, khách buôn vô cùng mừng rỡ, cùng nhau bàn tán có gì sung sướng bằng, tưởng rằng lâu lắm mới thoát nạn đến được nhân gian. Vừa có ý nghĩ như vậy liền đến thành này còn sợ gì nữa. Khi ấy, đám khách buôn liền dừng lại nơi này, cùng nhau vui vẻ uống ăn thỏa thích, tự do nghỉ ngơi, đến khi sắp chán thành quách biến mất chẳng thấy đất nước. Khách buôn lấy làm lạ hỏi vì sao như vậy? Người dẫn đường đáp: Các ngươi mệt mỏi chán nản, cho là đường sá vời vợi, vĩnh viễn không đi đến, cho nên ta đã hóa hiện thành quách cõi nước, dân chúng để được nghỉ ngơi, thấy các ngươi chán rồi cho nên biến mất.

Phật dạy: "Như vậy, đệ tử tu hành sợ khổ sinh tử, gọi là phiền não sinh tử, sợ họa hoạn của ba cõi, sớm muốn diệt độ." Cho nên vì đó chỉ cho quả La-hán để đắc, dụ cho tiến tới trước vượt qua sinh tử, trừ hết ba cấu, đắc đạo vô vi tự cho là thành đạt đầy đủ. Khi sắp diệt độ Đức Phật đứng trước chỉ cho đại đạo. Vì vị ấy chưa tạo sự thông tỏ, phát huy đạo Chân chánh vô thượng, đắc pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, đạt trí Nhất thiết mới là đạt đạo. Ví như có nước nọ gặp ba ách nạn: Một là giặc cướp, hai là đói khát, ba là tật bệnh. Dân chúng phân tán chạy đến nước khác. Về sau, đất nước yên ổn, hoặc có người trở về, hoặc có người kinh sợ họa hoạn của ba nạn vĩnh viễn chẳng trở lại.

Phật dạy: Đất nước là ba cõi, gặp ba nạn là độc, người bỏ đến nước khác là La-hán, người trở về khi nước an ổn là Bồ-tát đã chứng đắc tất cả trí tuệ sâu xa của pháp Nhẫn vô sở tùng sinh, trở lại ba cõi để hóa độ tất cả. Người gặp ba nạn mà không trở về là La-hán đã đắc vô vi, sợ chỗ ba nạn, chẳng có khả năng trở lại độ thoát chúng sinh.

Bài tụng rằng:

Ví như đám khách buôn
Đi qua cánh đồng hoang
Mệt nhọc sợ chẳng đến
Người dẫn hóa thành quách.

Mọi người dừng, nghỉ ngơi
Ở yên một ngày đêm
Biết tâm họ đã chán
Biến mất chẳng hiện lại.
Phật - Thế Tôn như thế
Thấy sợ nạn sinh tử
Liền thị hiện vô vi
Để độ khổ ba cõi.
Khi sắp nhập Nê-hoàn
Hóa hiện chỉ đại đạo
Khiến đạt vô sở sinh
Rộng cứu độ tất cả.
Lại ví như nước lớn
Bỗng gặp ba tai nạn
Phân tán đến nước khác
Nước yên rồi chẳng về.
Kinh sợ nạn sinh tử
Đó gọi là đệ tử
Về nước chẳng kinh sợ
Bồ-tát độ mười phương.
Quyền tuệ phương tiện hóa
Đều đạt được kết quả
Ví như lái thuyền giỏi
Qua lại chẳng nghỉ ngơi.
Phật - Thế Tôn như vậy
Pháp thân không qua lại
Khắp cùng ở mọi nơi
Như mặt trời chiếu khắp.

-oOo-

Phẩm 29: DUYÊN GIÁC

Người theo Duyên giác mà chẳng tự biết, đã phát đạo chân chánh vô thượng, chẳng thọ chân pháp với thiện hữu, tự chuyên làm ngược lại. Giả sử phụng trì giáo pháp sáu Độ vô cực mà lại có tưởng, muốn được tôn hiệu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, oai thần đáng tôn trọng, mà chẳng biết dùng quyền xảo khéo léo. Phật hiện sắc thân mà trái lại bảo là có thân, liền rơi vào Duyên giác.

Như có người muốn thấy biển lớn lại đi đến ao hồ, sông ngòi, ở đó tìm của báu chỉ lượm được thủy tinh, ngọc minh nguyệt nhỏ, tự cho là đã lấy được kim cương sáng chói. Từ tâm Bồ-tát mà trở lại thối tâm, chẳng hiểu pháp không xuất nhập của Như Lai, không mà vô hình, đạo không có ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại, nhưng gọi kiến giả về không là định, mà không hiểu biết vừa hành không, vừa cứu độ ba cõi, chẳng có khả năng tiến bộ. Trên thì không bằng Phật lại vượt hàng đệ tử, dừng ở giữa chừng. Như có người muốn thấy Thiên đế nhưng thấy vua biên cương thì cho là Thiên đế, muốn học Chánh giác mà tâm có giới hạn, chẳng hiểu tuệ sâu xa, trở lại rơi vào Duyên giác, cũng giống như thế. Nếu có tâm này, Phật bèn chỉ bày dẫn dắt pháp Duyên giác.

Ví như có trưởng giả, tuổi đã già nua, con cái lại đông, có ngôi nhà to lớn, cột trụ lâu ngày bị mục, trong nhà lại phát hỏa. Các đứa con buông lung đam mê theo năm dục, chẳng hay biết tai họa này. Khi ấy người cha nghĩ: "Ngôi nhà này quá cũ lại bị lửa đốt, e sợ cột ngã, ngôi nhà sập xuống, nên tính sao đây." Người cha muốn bày phương tiện khuyến dụ các người con thoát ra khỏi nạn lửa. Người cha ở ngoài trong trỗi nhạc hay, bảo người kêu các con:

–Sẽ cho các con voi, ngựa, xe cộ, ngọc ma-ni.

Các con từ xa nghe tiếng nhạc lại được lệnh cha đều chạy ra khỏi nhà đi đến chỗ cha. Cha liền cho các con các xe cộ báu tốt... mà không thiên vị. Các con thưa:

–Thưa cha tôn kính! Cha kêu chúng con ra hứa cho đồ châu báu, nay đây tại sao chỉ một loại như nhau?

Trưởng giả đáp:

–Ngôi nhà chúng ta đã cũ, cột cái mục hư mà trong nhà lại phát hỏa. Cha sợ cột ngã đè chết các con, cho nên trỗi nhạc kêu các con ra lòng cha mới an. Các con đều là con của cha, cha thương như nhau nên đều cho xe cộ quý báu.

Phật dạy: "Ngôi nhà cũ ấy là ba cõi, cột mục nát muốn ngã là họa hoạn ba độc xoay vần nơi sinh tử, cột bên trong cháy là các niệm tưởng. Trưởng giả là Như Lai, các con phóng dật là đam mê dục nơi ba cõi, trỗi kỹ nhạc là Phật thuyết giảng về tội phước, kêu các con ra hứa cho đồ vật là hiện bày giáo pháp ba thừa các con đều ra, cha cho của báu như nhau là Đại thừa, không có ba thừa. Khi sắp diệt độ, mới biết rõ."

Bài tụng rằng:

Ví như có trưởng giả

Có rất nhiều con cái
Tự mê năm dục lạc
Ở trong ngôi nhà cũ.
Cột mục như muốn ngã
Trong nhà lại phát hỏa
Cha sợ nhà sập đổ
Đè chết các con mình.
Nên trổi các nhạc hay
Con ra cho như nhau
Phật - Thế Tôn cũng thế
Do tâm Duyên giác thành.
Đến khi sắp diệt độ
Đức Phật đến đứng trước
Chỉ bày một giáo pháp
Là Đại thừa mà thôi.

Người tu hành khởi ý muốn cầu Đại đạo, chẳng biết vốn là không, chấp trước ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của sắc thân Phật, Đấng tôn quý trong loài người.

Ví như có người nghe tên vua Chuyển luân vương ở bốn phương, làm chủ bốn châu thiên hạ, có bảy báu, có cả ngàn người con sức khỏe đều dũng mãnh, thành rộng và dài, Đông Tây dài bốn trăm tám mươi dặm, Nam Bắc hai trăm tám mươi dặm, ở giữa có điện lớn vuông vắn bốn mươi dặm, giường tòa bằng bốn báu; dân chúng đông đúc, ngũ cốc dồi dào, sung sướng vô cùng; âm thanh kỹ nhạc có mười hai bộ; phu nhân, thể nữ có tám vạn bốn ngàn; các nước vua cai trị tới tám vạn bốn ngàn; voi ngựa, xe cộ số lượng cũng vậy.

Vua có bốn đức: Trưởng giả, Phạm chí, dân thường, dân nơi nước nhỏ đều tôn kính Thánh đế, như con phụng sự cha. Vua luôn nghĩ thương họ như mẹ thương con, điều vua dạy bảo đều thọ nhận làm theo, xa gần quy phục, như thờ người kính trời nương đất mà sống được.

Lại có bốn đức không lạnh, không nóng, mới sinh không đói khát, suốt đời chưa từng bệnh, Thần linh hết lòng phù hộ. Người nghe việc ấy muốn đến yết kiến vua, tín mộ Thánh giáo, liền khởi hành. Dọc đường mệt mỏi, thấy một con đường khác, thuận chân rẽ vào thấy một thành lớn, dân chúng đông đúc, rừng cây, sông ngòi, vui không kể xiết cho đó là thành quách, là cảnh giới của Thánh vương bèn dừng lại nơi ấy. Nhưng nơi này tuy vui vẻ mà lại là chốn của quỷ thần, người ấy chẳng biết.

Khi đó, có Thiên vương tên là Hưu Tức liền gặp người ấy giải thích cho biết chỗ này chẳng phải là nơi của Thánh vương mà là của quỷ thần. Chuyển luân thánh vương oai đức cao vời; bấy giờ, người kia mới vui mừng gần gũi theo phụng sự.

Nếu có người phát tâm học đạo Bồ-tát mà chẳng hiểu rõ nghĩa sâu, chẳng phân biệt không, gặp đời không có Phật, ra vào chốn vắng lặng, ở bên gốc cây, quán sát vạn vật là vô thường, khổ, không, thân chẳng tồn tại dài lâu mà chẳng rõ vốn là không; mới đắc Duyên giác tự cho là thành; khi sắp Nê-hoàn Phật hiện ra trước, chỉ bày đại pháp giáo nghĩa thâm diệu, mười hai nhân duyên vốn không có cội gốc, hiểu rõ gốc ngọn đều không, không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Đại Từ, đại Bi thì không thấy ba cõi, không có tưởng Nê-hoàn, mới thành chánh chân, độ thoát tất cả.

Bài tụng rằng:

Ví như có người cầu Thánh vương
Lại thấy một thành cho là cõi
Của các tiểu vương nhớ Chuyển luân
Trong đó vui chơi cho là sướng.
Thiên vương Hưu Tức tới gặp gỡ
Cho biết rằng đây là nước quỷ
Chẳng phải là đại đế chuyển luân
Khi ấy mới kinh hoàng tự biết.
Liền khởi hành đến cõi Đại vương
Thấy oai thần đức độ cao vời
Con từ lâu mê mờ chẳng rõ
Nay thường theo hầu phụng Thánh vương.
Muốn học đạo cả mà chẳng hiểu
Rơi vào Duyên giác cũng như vậy
Sau nhận hạnh nhiệm mầu của Phật
Mới đạt được chân đạo Vô thượng.
Oai đức Phật sáng rỡ
Đức ấy cứu chúng sinh
Tâm bình đẳng độ hết
Trừ diệt danh ba độc.
Thoát hẳn khổ sinh tử
Đạo do trí tuệ thành
Thanh tịnh như mặt trời
Phá bóng tối ba cõi.

-oOo-

Phẩm 30: BỒ-TÁT

Người tu hành tu hành tự tư duy: Con người ở trong sinh tử, giống như bánh xe quay lộn lên xuống mà không rời mặt đất; trước sau như vậy, họa hoạn qua lại chẳng lìa ba cõi, đều là do ngu si chẳng biết vốn là không, cho là có bốn đại thật, nương vào đó là vững chắc. Lại như có người thấy huyễn thuật biến hóa hình người mà cho là người thật, chẳng biết là do biến hóa thành. Người ngu cũng vậy, tham đắm "ngã của ta" cho là thân mạng, chẳng hiểu thể của nó là địa, thủy, hỏa, phong.

Ví như có bọn người đi xa, muốn đến chơi ở nước khác, từ lâu nghe có tai nạn dọc đường nên thường lo lắng sợ có giặc cướp, nhìn quanh bốn phía, xa thấy những ngọn núi có các tảng đá, và cây cối cho là có giặc cướp, cỡi ngựa, số cả trăm, ngàn, tự nhủ, biết tính sao đây? Rồi mạnh ai nấy chạy, tán loạn, chẳng biết trốn đâu. Trong đó có người dẫn đường, kêu nói với mọi người:

–Chớ nên bỏ chạy đến chỗ nạn lớn, không có nước nôi! Hoặc gặp khốn cùng, chẳng cứu được mạng; hoặc khốn khó túng quẫn, mới trở về lại, tới lùi đã lâu, lại thêm khổ nhọc; của cải mất sạch, nương tựa vào đâu; rách rưới đói lạnh, lại phải nhờ vả, đem thân mình nương gởi nhà giàu. Hãy tự an tâm cùng nhau khuyến hóa, sai người thám thính, nếu không có giặc thì nên đi tới. Giả sử có giặc đến thì quyết chí cùng đánh, khiến giặc tan chạy. Vì sao? Vì một người liều chết, mười người chẳng đương; mười người liều chết, trăm người chẳng đương; trăm người liều chết thì ngàn người chẳng đương; ngàn người liều chết thì vạn người chẳng đương; vạn người liều chết thì tung hoành thiên hạ.

Mọi người nghe theo, không còn chạy nữa, đều đứng yên lại, đợi sai người thám thính. Chỉ thấy các loại cây cỏ ngói đá, hoàn toàn không có giặc cướp. Mọi người đều vui mừng. Bấy giờ mới tiếp tục đi, cho người dẫn đường là vô song, trí tuệ thông suốt, thật hiếm có trong đời; cử động tới dừng đều tuân theo lệnh của người ấy; không dám chống lại.

Bồ-tát đại nhân tu hành cũng vậy, vì tất cả mà hướng dẫn, giảng giải ba cõi là không, tất cả như biến hóa, năm ấm như huyễn; chẳng chán sinh tử mà diệt thân, hóa độ khắp mười phương, chỉ bày con đường chân chánh, ngợi khen Bồ-tát lâu xa không bạn; lăn lộn trong ba cõi độ thoát sinh tử; đệ tử chí nhỏ thường ôm lòng sợ sệt, chỉ muốn diệt thân chẳng màng tất cả; chẳng được cứu cánh nên lại thoái lui. Từ khi mới phát ý người thông minh

nhân đây nghe lời giáo huấn của Bồ-tát đều phát tâm cầu đạo Vô thượng chân chánh.

Bài tụng rằng:

Bồ-tát vì người tu giảng giải
Tất cả là không thân như huyễn
Nhân duyên hợp thành có thân này
Tâm luôn bất chánh chạy theo tà.
Ví như người buôn, buôn bán xa
Xa thấy cây rừng cho là giặc
Ai cũng sợ hãi đều chạy lánh
Đạo sư giảng giải tâm mới an.
Bồ-tát cũng vậy, giảng nghĩa không
Vì tất cả người rộng nói pháp
Chỉ cho đệ tử đạo sâu xa
Như mặt trời mọc xua mây mờ.

Bồ-tát học đạo dần dần tiến tới đạt trí tuệ cao tột. Dựa vào sáu Độ cao xa, phân biệt nghĩa không, tích lũy công đức trải qua vô kiếp mới đắc quả Phật. Ví như có người tuổi trẻ ra làm quan, mới đầu thì nghèo khổ sau chuyển thành giàu to, cầu làm Thừa ủy, rồi thành Lệnh trưởng, tấn hai ngàn thạch sau thăng Châu mục, Tứ chinh, Công khanh đại thần; rồi dần đến Đế vương, Chuyển luân thánh vương, Thiên đế phạm tôn. Hành đạo Bồ-tát học theo thứ lớp cũng y như vậy, dần dần phát ý Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, kiềm chế sáu tình, trừ khử ba độc, sự che khuất của ấm, suy, hướng đến pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, đạt tới nẻo Bất thoái chuyển, gần hoàn thành đầy đủ mọi việc, ở quả vị Nhất sinh bổ xứ. Giống như mài gương, tẩy, dập, sửa bằng phẳng miếng thiếc, dần dần làm cho trơn láng mới phát ánh sáng; dần dần tập hành sáu pháp Ba-la-mật, tích công lũy đức, kiếp số chẳng thể tính đếm, tự chứng đắc quả vị Phật, khai độ mười phương.

Bài tụng rằng:

Như người trẻ làm quan
Thừa ủy rồi Lệnh trưởng
Hai ngàn thạch Châu mục
Tứ chinh đến Công khanh.
Đại vương rồi Chuyển luân
Nhật nguyệt, Thiên đế Thích
Bồ-tát cũng như vậy

Tích công đức dần dần.
Hành sáu Ba-la-mật
Tu cho đắc Phật quả
Giáo hóa mười phương chúng
Đều khiến được an lạc.

Bồ-tát học định tinh chuyên nhất tâm, dần bỏ các cấu, tâm chí biến hóa. Ví như có người muốn đi vào biển, ngày lại tháng qua cứ vẫn tiến hành, chẳng hề thoái lui. Tuy bị đói rét, chưa từng lay chuyển, chẳng kể khổ nhọc, mệt mỏi, xa gần, đi chẳng nghỉ ngơi, mới tới bờ biển, cùng mọi người lên thuyền, vào biển tìm kiếm châu báu. Tuy biết có ba nạn nhưng chẳng lấy làm run sợ, đến cung điện, chỗ ở của vua Đại Long vương, theo cầu xin ngọc báu Như ý tuyệt diệu để chu cấp cho kẻ cùng khốn. Long vương cấp cho, bảo là bố thí tất cả chớ đừng nuối tiếc. Mọi người đều nhờ vào ánh sáng của viên ngọc, nhưng ngọc chẳng hao giảm. Người ấy được ngọc, tạ ân và vội vã trở về, khắp cả nước đều được an ổn.

Bồ-tát cũng vậy, hành đạo với tâm bình đẳng, muốn cứu chúng sinh phải Từ bi hoan hỷ, hộ trì, nhất tâm nghĩ đến Phật dù bất kỳ ở đâu cũng tinh chuyên hướng về, chưa từng bê trễ, bảy ngày, mười ngày, ba tháng một năm chẳng khởi tưởng dục, nhất tâm hướng Phật và hóa độ chúng sinh, nương vào giáo pháp sâu rộng của Đại thừa, thấy mười phương Phật, thọ giáo đắc định, vì tất cả giảng thuyết Tam-muội bất động. Ví như từ Long vương được ngọc Như ý, ban cho khắp mọi người. Ví như có người nghe trên cõi trời có ngọc nữ, đoan chánh, đẹp đẽ, ý muốn đến xem mà không có thần túc, sớm tối tơ tưởng nằm ngồi chẳng quên. Trải qua bao nhiêu năm chưa từng xao lãng, nên ở trong mộng thấy được ngọc nữ ngồi đứng tới lui. Bồ-tát cũng vậy, nhất tâm tư duy đến bất cứ Phật ở phương nào, lâu năm chẳng dứt thì chứng đắc Tam-muội, kiên quyết hành trì chẳng lười mỏi, nhiều kiếp chẳng nản thì đạt đến quả Phật. Bồ-tát hành đạo đại Từ, đại Bi xót thương tất cả.

Xưa có một người mù chẳng thấy ánh sáng mặt trời, trong lòng lo buồn áy náy: "Tuy có ánh sáng mặt trời mà mắt ta đui mù chẳng thấy, phải làm sao đây?" Tìm được thần sư cho uống cam lồ, nội bệnh tiêu trừ mắt được sáng tỏ, thấy được ánh sáng mặt trời, quan sát tám phương trên dưới và muôn dân. Lúc mới phát đại tâm, sáu nhập, năm ấm, ba độc chưa trừ thì chẳng thể thấy được chư Phật mười phương. Từ khi thành tựu thọ pháp Bồ-tát, thâm nhập giáo lý hành bốn Đẳng tâm, rõ ba cõi là không liền đắc Tam-muội thấy mười phương Phật. Từ định ý đứng dậy cứu giúp chúng sinh. Ví

như châu báu đặt trên thủy tinh, như dùng đồ vật gì đó đựng lưu ly thì màu sắc của lưu ly khiến cho đồ vật đó có cùng hình tượng. Bồ-tát cũng thế, nhất tâm nghĩ đến Phật, không có niệm khác, liền đắc định ý thấy mười phương Phật. Do oai thần của Phật đạt được bốn đức thấy Phật Thế Tôn.

Bài tụng rằng:

Ví như có người đi vào biển
Chưa từng biếng trễ, đến mới thôi
Cùng người lên thuyền đến Long vương
Xin ngọc Như ý - châu báu lớn.
Cho khắp tất cả đâu cũng nhờ
Bồ-tát cũng vậy, hành bốn ân
Đại Từ, đại Bi, hành đại đạo
Nhất tâm tinh tấn pháp Tam-muội.
Như người nghe trời có ngọc nữ
Sớm tối tơ tưởng mộng được thấy
Bồ-tát cũng thế, luôn tinh tấn
Thấy mười phương Phật khắp mọi nơi.
Lại như người mù nghĩ mặt trời
Lương y trị khỏi, mắt liền sáng
Bồ-tát cũng vậy, chuyên hướng Phật
Chưa từng dừng nghỉ, chẳng thoái chuyển.
Như châu báu đặt trên thủy tinh
Lần lượt ánh sáng chiếu khắp nơi
Định Tam-muội Bồ-tát cũng vậy
Từ Phật thọ giáo, hóa độ khắp.

Bồ-tát tích lũy công đức, muốn độ tất cả thị hiện như cha, thị hiện như mẹ, thị hiện như con, thị hiện như thân... Bình đẳng không sai khác, vì năm đường chúng sinh chịu cực khổ vô cùng mà chẳng cho là khổ. Tuy trải qua họa hoạn sinh tử trong năm đường, cái khổ của địa ngục, cái căm giận của ngạ quỷ, cái não hại của súc sinh, cái tai ách theo sinh tử của cõi trời, cõi người mà tâm chẳng khuynh động, hành đại Từ bi đối với bốn ân không nản, cứu giúp mười phương khỏi các niệm tưởng.

Ví như ánh trăng kia khi mới mọc thì nhỏ như sừng dê. Lần lớn lên cho đến tròn đầy, ánh sáng chiếu khắp độc sáng giữa các sao; thứ lớp học đạo, hành pháp Bồ-tát: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, trải qua vô số kiếp siêng năng khổ hạnh, thân tâm tương ưng, ngôn hành hợp nhất, nghĩ mười phương chúng sinh như cha mẹ, không có thân,

sơ.

Ví như trồng cây, ban đầu nảy mầm, sau mọc thành, thân, cành nhánh, lá, hoa, quả, dần dần nên hình. Tu hành cũng như thế, khi mới phát ý, hoan hỷ hướng Phật; dùng tâm hoan hỷ đạt được sự chấm dứt cõi ác, thành tựu sáu pháp Ba-la-mật, nhập vào phương tiện khéo léo, đạt pháp Nhẫn bất khởi, nhất thiết Phật tuệ, mà chuyển pháp luân, thị hiện diệt độ, phân bố đại pháp, đời sau nhờ ân.

Giống như có người muốn xây nhà lớn, trước san bằng mặt đất, kế đến đắp nền, dần dần xây tường, mới thành cao lớn; dùng loại gỗ tốt quý làm rường cột vững chắc, dùng ngói lợp lên, bùn đất bôi trét; làm xong xuôi rồi, sáng sủa khoáng đãng; tường trắng, cột đỏ, nghiêm trang đẹp đẽ. Sau đó, mời bà con thân tộc, bạn bè, hàng xóm... khắp cả, ăn uống, trỗi nhạc rất vui vẻ.

Bồ-tát cũng thế, chứa hạnh vô lượng, chẳng vì khổ nhọc mà lười biếng chán nản; thấy chúng sinh kia, xoay vần nơi năm đường, tử sinh lăn lộn như đá mài bất định nên phát đại Từ bi, trí tuệ không bị che khuất, muốn cứu độ tất cả, giống như hư không, bao trùm tất cả, đạo đức đã thành, hiện cả ba cõi, biểu thị sắc, thân ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, chúng sinh thấy đều vui mừng; vì mười phương chúng sinh mà gầm tiếng gầm của sư tử, tất cả nghe tiếng, thảy đều quy phục, theo bốn tâm mình, thành hạnh ba thừa.

Khi ấy, tụng rằng:

Bồ-tát mới phát tâm
Thương yêu khắp mười phương
Như cha, mẹ, con, thân
Bình đẳng, chẳng mong cầu.
Dần dần phát thành tích
Như cây mọc mầm, thân
Đến cành lá hoa quả
Công người trồng chẳng phí.
Bồ-tát cũng như thế
Phụng hành đạo, dần dần
Công đức sẽ tròn đầy
Bình đẳng, rất an lành.
Giống như xây nhà lớn
San đất xây nền, tường
Dần dần thành cao lớn

Che lợp, rất hoàn chỉnh.
Mời bà con, làng xóm
Ăn uống, ca nhạc vui
Bồ-tát cứu chúng sinh
Độ thoát, ban ánh đạo.

Thế nào gọi là vượt sự tu hành, vừa phát đạo ý đã đạt Bất thoái chuyển, không do đâu phát sinh mà thành tựu đầy đủ A-duy-nhan? Do nhân duyên đặc biệt nào mà đầy đủ hạnh Bồ-tát như vậy?

Hiểu rõ ba cõi là không, năm ấm không có chỗ nương, bốn Đế không có cội gốc, duyên tưởng mà sinh; mười hai nhân duyên si là đầu mối, quán sát đầu mối của si không có nơi chốn; có đắm vào mong cầu thì gọi là si; người trí hiểu rõ là không có.

Ví như nhà ảo thuật trở lại xem người hóa hiện ra, chẳng thấy có người. Bồ-tát cũng thế, thức tỉnh ba cõi là không, giống như bóng nước, như mộng huyễn, như cây chuối, như tiếng vang trong núi sâu, chỉ có tiếng vang mà không có thật. Xưa có người nằm mộng, thấy có một nước dân chúng đông đúc, vua rất nghiêm khắc, quần thần phụng sự, chẳng dám trái ý, ngũ cốc dồi dào, y phục sặc sỡ, xướng ca vui vẻ. Người ấy thấy rồi vui mừng ngắm xem, đi đến yết kiến quốc vương, nhà vua liền lập làm đại thần, ban cho quan chức, nô bộc, tùy tùng, ruộng nhà, bảy báu, vui mừng không xiết. Lại thấy mình bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hóa thân lừa, ở trong bầy cất tiếng kêu. Bỗng nhiên lên cõi trời, cung điện bằng bảy báu, cùng vui vầy với ngọc nữ. Từ mộng tỉnh dậy chẳng thấy gì hết, tự hiểu rõ năm đường như mộng, tất cả vốn không chẳng nắm bắt được. Phân biệt tuệ này thì chẳng thoái chuyển, đạt chỗ vô cùng, quyền tuệ đầy đủ, thông suốt đại đạo, quán tâm như huyễn, năm ấm, sáu nhập thì giống như quần thần; pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc, ở trong năm đường đều giống như người kia tỉnh mộng, thấy không có cái thấy, cũng không có mộng tưởng. Đó gọi là siêu việt, đạt đến Trí tuệ ba-la-mật mà chẳng dựa vào thứ lớp.

Bài tụng rằng:

Thân người và năm ấm
Quán chúng không chỗ nương
Bốn Đế, mười hai duyên
Tất cả đều như huyễn.
Như ban đêm mộng thấy
Một nước rất an vui
Vua lập làm đại thần

Ca nhạc và giàu có.
Vào địa ngục, ngạ quỷ
Làm lừa cất tiếng kêu
Lên trời điện bảy báu
Tỉnh dậy, chẳng thấy gì.
Người trí quán ba cõi
Năm ấm đều như mộng
Vì rõ không nơi chốn
Mới đắc Nhẫn bất khởi.
Đạo pháp chẳng xa gần
Như không, không sở xứ
Tâm không, rõ vốn không
Bỗng như ánh mặt trời.
Trí tuệ ngay lúc ấy
Không được cũng không mất
Đạo không có ba đời
Ngộ rồi vốn như như.

Sao gọi là vượt qua sự tu hành?

Con người vốn là một, do chẳng hiểu biết nên khởi chấp cái ngã của ta, vừa đắm chấp liền bị ràng buộc, mà cầu giải thoát; chẳng đắm chấp thì không bị ràng buộc, cần gì cầu giải thoát. Ví như có năm hiện tượng ở trong hư không là mây, mù, bụi, khói, tro chẳng thể làm dơ bẩn hư không kia. Tâm vốn như hư không, cái độc của năm ấm giống như năm hiện tượng nọ, chẳng che lấp được. Hiểu rõ tâm vốn vô hình, trí tuệ không ngăn ngại, vào sâu pháp nhẫn chẳng theo thứ lớp.

Ví như có người từng là thường dân, nhà rất túng thiếu, đi đến chỗ Phật, theo đàn-việt xin ăn, phát khởi hảo tâm:

–Thân con do tội lỗi từ đời trước chẳng thể bố thí, nay bị nghèo khó, áo chẳng che thân, cơm chẳng no miệng lại chẳng làm phước, ăn nhờ cơm Phật. Nếu con có của cải sẽ cúng dường Phật và Thánh chúng, chu cấp đầy đủ cho người thiếu thốn nghèo cùng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn và Thánh chúng đều tự lui ra. Người ăn xin tự trách: "Ta vốn bạc phước, chẳng thể làm việc phước đức, chịu cảnh thiếu thốn." Nghĩ vậy rồi, nằm dưới bóng cây, khi mặt trời chiếu xiên, các bóng cây khác đều di chuyển, nhưng bóng dưới cây chỗ người ấy nằm không di chuyển, bụi bặm trên thân thể đều được trừ sạch, tự nhiên có oai đức. Khi ấy, quốc vương băng hà, đang cần hiền nhân để nối ngôi, chiêu mộ khắp

nơi trong cả nước chỉ thấy người ăn xin có oai đức khác thường, bóng cây phủ che như tàng lọng, sứ giả đến thưa với quần thần, ca ngợi oai đức của người ấy, dân chúng đều vui mừng chuẩn bị xa giá để nghênh đón, lập làm quốc vương. Lên ngôi hoàng đế rồi, chấn hưng đức hóa khắp cả nước, cúng Phật và Thánh chúng. Người ở trong cái khổ sinh tử của năm đường, năm ấm, sáu nhập, mười hai nhân duyên, nghe giáo pháp sâu xa của Phật, bản thân không có trí tuệ nhưng tâm đại Từ, đại Bi trội hơn tất cả. Tuy muốn độ người mà chẳng thấy có người độ và không có đối tượng được độ, chẳng thấy có ngã của ta, ba cõi như tiếng vang, tất cả đều vô ngã. Giống như hư không, siêu nhập trí tuệ, pháp Bất thoái chuyển được Nhất sinh bổ xứ. Không từ đâu sinh gọi đó hữu đức mà không có sở đắc. Ví như mặt trời mọc thì bóng tối tiêu tan trở thành bình đẳng, không có thân sơ, chẳng thấy có ràng buộc cũng không có giải thoát. Cũng như núi vàng không do tạo tác, người tìm vàng hiểu biết tự do đến đó mà lấy, chẳng hề thấy khó nhọc. Con người vốn thanh tịnh không cấu uế, hiểu rõ tuệ này liền vào cửa đạo không có chướng ngại giống như hư không tự trong sạch, chứ không có ai làm trong sạch.

Bài tụng rằng:

Như người từ lâu nghèo
Theo Thánh chúng xin ăn
Trở lại tự trách mình
Xưa ta chứa tội lỗi.
Liền phát tâm cung kính
Nghĩ thương khắp chúng sinh
Nếu được làm đế vương
Chẩn phát cho muôn dân.
Rồi nằm dưới bóng cây
Bóng cây che thân hình
Sứ giả thưa quần thần
Đến nơi để nghênh đón.
Lập lên làm quốc vương
Phụng Phật và Thánh chúng
Bồ-tát cũng như thế
Siêu vượt, hiểu vốn tịnh
Phước đức cao vời vợi
Độ thoát chư quần sinh
Hư không chẳng bị nhớp
Tâm tịnh như hoa núi

Cứu giúp khổ năm đường
Khiến trừ sợ sinh tử
Như trăng sáng ngày rằm
Riêng tỏa giữa các sao.

Xưa có một người muốn đến xem Phật là người như thế nào, thân hình ra sao, mục đích của giáo lý là gì?

Tôn giả A-nan trông thấy từ xa, đến trước Phật, bạch:

–Người từ xa đi đến là người nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Là người chưa từng có.

Người ấy đến trước Đức Phật, muốn được nhìn Phật, nhưng chẳng thấy Ngài, thân Phật bỗng nhiên biến khỏi tòa ngồi. Người ấy tự nghĩ: "Cố đến xem Phật mà không thấy Ngài." Quán sát suy nghĩ tại sao vậy. Liền tự hiểu rõ Pháp thân của Thế Tôn vốn không có hình tướng, nhưng vì cái ngã nhân của ta mà hiện ra thân này. Ví như trong núi sâu, người kêu lên thì có tiếng vang, do dội lại mà có tiếng. Pháp thân không có nơi chốn thì vì sao muốn thấy? Vừa tư duy như thế rồi liền đạt được Nhất sinh bổ xứ, không từ đâu sinh, trong ngoài bình đẳng như hư không, siêu nhập Chánh giác.

Bài tụng rằng:

Xưa có người khởi ý
Muốn gặp Phật Thế Tôn
Để biết ngài ra sao
Lời dạy như thế nào.
A-nan hỏi người ấy
Phật dạy chưa từng có
Thân Ngài chợt biến mất
Quái lạ nương vào đâu.
Tự phát tuệ hiểu rõ
Thân Phật không đi đâu
Tuệ an trụ thể không
Thị hiện ra cùng khắp.
Đạo pháp như tiếng vang
Tâm bình đẳng không oán
Người hiểu nghĩa như thế
Như hư không trùm khắp.

Bồ-tát phát tâm muốn cứu tất cả, quán thân bốn đại do nhân duyên hợp thành, giống như huyễn hóa, cũng như vật giả chẳng phải sở hữu của

ta, chẳng phải của người khác. Giống như ghép gỗ thành người gỗ do vận hành mới cử động, người ngu thấy vậy cho là người thật, người trí tuệ biết rõ đó là gỗ ghép lại, không có người. Tất cả ba cõi đều không, như sắc, thống, tưởng, hành, thức, mười hai nhân duyên vốn không có sự qua lại, như bóng dưới nước không có hình tướng hành giả như vậy, siêu nhập thành trì Chánh pháp.

Bài tụng rằng:

Bồ-tát mới phát tâm
Hiểu bốn đại vốn không
Xem sinh tử Nê-hoàn
Tất cả đều giống nhau.
Ví như mượn vật người
Thường trả lại chỗ cũ
Chẳng nghĩ về nhân ngã
Trừ bỏ các tối tăm.
Chẳng thấy tâm ý thức
Đạo sáng vượt biển sông
Tam giới như huyễn hóa
Bồ-tát thọ phúng tụng.
Năm đường như dợn nắng
Các ác là giống Phật
Khuyến hóa kẻ chưa hiểu
Pháp thân chẳng chuyển động.

Hoặc người trí tuệ tự nhiên phát ý: Sự tu hành của Như Lai không do lời nói mà đạt đến chánh giác, như ánh mặt trời đồng thời chiếu khắp. Người hiểu nghĩa không thì không có quan niệm đạo tục, bình đẳng như hư không, vĩnh viễn vắng lặng chẳng thể gọi tên. Ví như trong ao bùn giữa đồng trống, không có gieo trồng tự nhiên mọc lên cây hoa sen xanh, hoa phù dung. Bồ-tát cũng vậy ở trong ân ái, hoạn nạn của ba cõi bỗng nhiên phát tuệ, chẳng thấy sinh tử, chẳng trụ Nê-hoàn, giáo hóa tất cả khiến đến an lạc.

Bài tụng rằng:

Ngay khi phát tâm làm Bồ-tát
Phân biệt nghĩa không hiểu ngọn ngành
Vì nhập đạo pháp không gì thiếu
Đầy đủ trí tuệ đạt thần thông.
Giống như hoa sen xanh tại bùn

Như Lai phát ý thành Bồ-đề
Giáo hóa tất cả loài chúng sinh
Đều trụ pháp môn thành Chánh giác.
Hoa xanh trong bùn sạch tốt tươi
Bốn loại màu dụ cho bốn đảnh
Nhất sinh bổ xứ vượt thứ lớp
Sức mạnh hơn định Thủ-lăng-nghiêm.

Bồ-tát tu đạo giống như chim bay trong hư không không gì vướng mắc, vì lấy hư không làm chỗ nương nên chẳng sợ hư không. Bồ-tát cũng vậy, trong khoảnh khắc phát ý liền nhập đạo tuệ, đầy đủ phương tiện quyền xảo, tâm bình đẳng như hư không, không dừng ở nơi đâu, chẳng lìa sinh tử, không ưa Nê-hoàn đều chẳng tăng giảm.

Ví như năm loại màu sắc sặc sỡ khác nhau đều sinh từ thảo mộc; rễ của thảo mộc đều phát sinh từ đất, dưới đất có nước, dưới nước có gió, gió do không mà có. Như vậy tìm căn nguyên đều không sở hữu. Giống như mây nổi bỗng có hơi đến, không biết đến đâu. Bồ-tát cũng thế, hiểu rõ ba cõi là không giống như gió thổi không thể dừng lại, hễ chấp có ngã của ta liền có ba cõi, chẳng thấy có ngã, đâu chấp có bỉ, chẳng rõ vô minh, vô tịnh, bất tịnh. Liền nhập bổn vô cũng không xuất nhập.

Ví như xưa có con trùng nhỏ, trong ruột có kim cương, ở bên bờ biển. Đại thọ Diêm-phù cao bốn ngàn dặm, cây bị chấn động, không thể đứng yên, thần cây hỏi:

–Vì sao ngươi bị chấn động, chẳng yên?

Cây đáp:

–Có trùng nhỏ ở trên thân ta nên chẳng yên.

Thần lại hỏi:

–Chim lớn cánh vàng đậu trên mình ngươi, tại sao không động, mà con trùng nhỏ ở trên lại sợ hãi?

Cây đáp:

–Trùng này tuy nhỏ nhưng bụng chứa kim cương, ta không thể thắng được vì vậy lay động.

Con trùng nhỏ ấy là Bồ-tát phát tâm, cây đại thọ ấy là ba cõi. Cây động chẳng yên là Bồ-tát phát tâm vượt đến trí tuệ sâu xa, đạt Nhất sinh bổ xứ, đạt tam thiên đại thiên thế giới, chấn động sáu cách. Chim cánh vàng đậu trên cây không động là các đệ tử tuy đã thành tựu bốn đạo nhưng không có khả năng cảm hóa.

Bài tụng rằng:

Ví như trùng nhỏ ở trên cây
Run sợ chẳng an cành lá rụng
Bồ-tát, Đại sĩ, cũng như vậy
Siêu thoát thành tựu động ba ngàn.
Tâm ngài kiên cố như kim cương
Độ thoát tất cả họa sinh tử
Đệ tử giống như chim cánh vàng
Ở trong ba cõi chẳng độ ai.

Bồ-tát rõ tuệ thâm nhập vi diệu, không theo thứ lớp. Ví như có người từ dân được lập làm vua, kẻ phàm phu hiểu rõ về bổn vô, tâm ngang bằng hư không, không có nơi chốn, đạt Nhất sinh bổ xứ. Xưa trong hư không, bỗng có cây thuốc cành lá phủ khắp bốn phía, dưới trên, hơi nó tỏa xuống, ố khí của các cây cỏ độc đều tiêu, nuôi lớn thiên hạ, những con người tốt, lớn nhỏ đều bình an, đất cao làm cho bằng, chỗ thấp thì nâng lên cao thiên hạ thái bình, không có khe hang và các gò núi, bảy báu tự nhiên mưa bằng cam lồ, dân chúng lớn nhỏ ai nấy đều vui mừng cho là ta, vốn có phước, xa lìa các hoạn, ra vào đi lại không sợ nạn gì, không có nỗi khổ do thú dữ, đạo tặc, nhờ cây thuốc tự nhiên mà được bình an mưa thuận gió hòa, ngũ cốc dồi dào, sắc mặt hòa vui, áo cơm tự có, không hề lo phiền.

Giống như đại thọ hốt nhiên sinh nơi hư không, che khắp thiên hạ, nếu có phàm phu ở trong sinh tử bỗng hiểu trí tuệ sâu xa đạt được bổn vô không còn vướng mắc, chiếu khắp thiên hạ thì gọi người ấy là Bồ-tát, phóng ra ánh sáng lớn để thành Phật, trừ tất cả cấu bẩn nơi dâm, nộ, si của con người. Nuôi lớn khiến được an lạc làm cho bốn chúng phụng hành đạo nghĩa. Khiến chỗ cao thấp bằng nhau là làm cho năm đường chúng sinh đạt được tuệ bình đẳng. Bảy báu tự nhiên là bảy Giác ý. Mưa cam lồ là giảng pháp Bồ-tát. Dân chúng an ổn, ngũ cốc dồi dào là sinh tử chấm dứt, đạt năm thần thông, liền đạt nghĩa lớn, đạt Nhất sinh bổ xứ.

Bài tụng rằng:

Như người dân được lập làm vua
Bồ-tát Đại sĩ cũng như vậy
Hiểu rõ tuệ sâu đến cùng tột
Chứng đắc quả Phật độ mười phương.
Giống như hư không sinh đại thọ
Cây to cành lá phân bốn phía

Tỏa khắp tám hướng trên và dưới
Đất đai bằng phẳng ngũ cốc nhiều.
Thân người phàm phu trong sinh tử
Bỗng hiểu pháp sâu: tuệ hiện khắp
Độ mười phương cõi thoát ba đường
Với tâm bình đẳng mưa cam lồ.

-oOo-

SỐ 607

KINH ĐẠO ĐỊA

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Chương 1: XÉT VỀ LOẠI

Đức Phật hiện ra từ quang minh vượt trên cả ánh sáng mặt trời, cùng với nhan sắc nhiều đức hạnh. Trong nhiều dòng tộc tôn quý, gìn giữ hạnh đức thì đều vốn từ dòng dõi Phật mà có. Thế gian và trên trời đều chắp tay lễ Phật. Cho nên, đem đầu, mặt lễ Phật là Bậc Tinh tấn Vô thượng không ai bằng trong thiên hạ. Quỷ, Rồng, Trời, người cũng như ở trong ba cõi, tùy theo sự thân cận mà bắt gặp sự vi diệu, người không được độ liền độ, người chết lại không chết, người già lại không già, tất cả đều từ hành trì mà được Phật pháp. Cũng như hành giả, ba điều ấy không có thể hiện mà cũng giữ đức, nghe thuyết đế pháp, tự ý làm thì hành giả được cái vị giống như vắt lấy cam lồ. Thường sợ nhìn thấy sự cất chứa trăm thứ khác. Nếu không được sáng suốt với sự vui nghèo già chết thì phải bị vong thân ở thế gian, giống như con voi rơi xuống hầm không có sức mạnh thì không thể nào tự ra khỏi.

Người thế gian cũng như vậy, từ bao nhiêu thứ trải qua cất giữ làm trọng thì chẳng khác nào bấy nhiêu loài hoa dồn chứa lại ở đây. Muốn cho việc làm của mình gắn liền với hạnh đạo địa, thì phải lắng nghe từ đạo địa, còn nếu muốn nói lên độ đời thì hành giả liền phải lắng nghe, phải nói và hành đạo địa. Sinh, già, bệnh, chết, lo, thích, nếu không thể như ý, sầu não thì hành giả hoặc ở trong nhà hành trì hoặc bỏ nhà mà hành trì đạo địa. Muốn hoại đi các gốc khổ ấy, muốn đến được đạo thì không có cái gần nào khác, không có chỗ về nào khác, không có khả năng nào khác giải thoát nổi, phải xả bỏ tất cả, hành giả như vậy chỉ cần bỏ đi tất cả thì từ đó về sau mới hành được đạo. Nói đến sinh, già, bệnh, chết là nói đến cái ý lo buồn, thân liền sinh ra khổ, muốn độ đời thì liền hành đạo địa, không chán ngán ở tấm thân. Đã có già, bệnh, chết thì từ khổ đau này dính mắc với lòng phiền muộn mà sinh ra. Muốn theo Phật thọ giới, liền hành trì từ đó đạt đến vô vi.

Như thế nào là không thể hành trì? Như thế nào là có thể hành trì? Như thế nào là hành giả? Như thế nào là địa? Không thể hành là niệm dục, niệm sân nhuế, niệm chiếm đoạt, niệm nghĩ đến quốc độ mà không niệm nghĩ cái chết. Theo ác tri thức, không giữ giới, không lãnh nạp tuệ, không nhiếp ý, không thọ giáo, hành không hỏi, tự kỳ vọng ở thân, nhớ nghĩ đến sắc, tưởng, nhớ đến thường, lạc, tưởng tịnh, kế chấp vào thân mình một cách không trí tuệ. Quận, huyện, nơi cư ngụ của người hèn yếu cùng chung sống, nhớ nghĩ đến sắc tối tăm, không xa lìa tham lam, nhiều ham muốn, nhiều tức giận, nhiều si mê, nhiều mối liên hệ, nhiều ăn uống. Xả việc làm tham lam, thân lại muốn ngủ nghỉ, vọng ý, nghi hoặc. Tinh tấn thì đánh mất tinh tấn, sợ hãi không nhiếp căn, nhiều chuyện, nói nhiều, nhiều nghề, nhiều sự tạo tác. Luôn đảo ngược lời dạy, toan tính luôn đổi ý, niệm ấy cũng như vậy. Pháp đời nay theo đạo hoặc rời đạo thì gọi là không thể hành trì. Vì sao điều này không thể hành trì? Vì rời bỏ vô vi, và theo sau đó là lời nói trói buộc, sân giận muốn sát hại, thân thường lạc tịnh; thọ, tưởng không trí tuệ, không tùy theo lời dạy, chừng ấy sự xấu ác, Phật nói đó là chẳng thể hành trì.

Như thế nào là có thể hành trì?

Điều nhớ nghĩ ra không nghĩ đến sân giận, không nghĩ đến sự giết hại gần gũi với Thiện tri thức thông sáng, giữ gìn giới trong sạch, không ăn nhiều, hỏi tự thân, không kỳ vọng nơi ý nghĩ mà chẳng phải ý nghĩ không tốt. Nghĩ đến khổ, nghĩ đến điều không tịnh, không nghĩ đến tấm thân tốt đẹp; không sống nơi quận, huyện, không ở chung với người yếu đuối, không mê mờ, tự hộ niệm, ít não phiền, ít việc, ít ăn, không rời bỏ phương tiện, khuất phục thân, xả ngủ nghỉ. Ý tập trung vào việc làm chánh đáng, giữ lòng mình không có nghi ngờ, tinh tấn trong hành trì, lìa sợ hãi, nhiếp các cửa căn, ít nói chỗ đế hành, thọ đế giáo, tu đế ý. Vui vẻ ở nơi đầm hồ xa vắng, trong hành trì có quán chiếu, chưa đắc được. Pháp tốt đẹp thì khiến đạt đến pháp, đã đạt đến pháp thì liền hộ trì, rất hoan hỷ, muốn nghe kinh về thân, cho nên dụng cùng khắp. Chỉ khi nào không đủ pháp hành, biết phải chết, không ưa thế gian xấu ác, chán cái ăn là có thể vô vi. Cũng như vậy, những người hành pháp muốn tương ưng với vô vi, đó gọi là có thể hành trì.

Sao gọi là có thể hành trì?

Vì tuân theo pháp vô vi, theo sau sự ràng buộc là thuyết giới trong sạch, cắm sâu niềm tin, không nghĩ đến thân, thu nhận Pháp sự. Người đức hạnh xét kỹ nhận thức của mình, không xâm phạm đến điều gì, đó là người đắc đạo tương ưng với vô vi. Phật thuyết về pháp niệm vô số chủng ý không

có khổ, không có chán mệt, đã nói công đức tụ, thu nhiếp căn, điều phục thân nên có thể hành trì. Hành giả có những ý gì để tiếp cận với sự và hành trì như lý?

Hành giả là huân tập, hành giả tiếp cận với sự huân tập, đó là hành trì tu tập, hành giả Ba thừa chưa được đạo, học mà chẳng phải học là thế.

Như thế nào là đạo địa?

Là chỗ hành trì của hành giả đó là đất của hành giả nhưng chưa đạt đến người hành đạo.

Những gì vốn sinh khởi đi, ở tuần tự như trước đã nói, đó là hành; nói như vậy là trọn vẹn. Học giả không phải học giả cũng đã đề cập. Đạo hành địa gọi đó là Chỉ quán. Dụng thế nào gọi là Chỉ quán? Vì chẳng qua chưa được bốn đức, nên muốn đạt đến bốn đức này.

Muốn đạt đến bốn đức này thì vận dụng thế nào? Vì từ sự muốn đạt đến vô vi. Nhân duyên nào để đạt đến được vô vi? Vì không muốn còn việc làm khác

Vì sao không muốn còn việc làm khác?

Bởi chỉ muốn trừ tất cả khổ, cho nên hành giả muốn trừ tất cả khổ thì phải đừng bao giờ cách ly, đừng phạm, đừng xuyên lập chỉ quán. Nếu hành giả xuyên lập thì liền không được chỉ cũng không được quán, quên đi hạnh không, khổ. Ví như người tìm lửa bằng cách dùi cây, dùi khoan xoáy chặt vào cây từ trên xuống thì liền được lửa dùi. Trong khi dùi mà mất sự liên tục thì lửa mất ngay, như vậy thì không bao giờ được lửa, chỉ tự vất vả mà thôi. Đạo cũng giống như vậy, phần sau sẽ đề cập vấn đề này. Giả sử hành giả trong pháp quán, thường bị ý chán mệt. Hành giả trừ bỏ được hành thì không còn xuyên lậu, chán mệt. Người mỏi mệt theo hành thì liền mất hành trì.

Ví như đêm cực tối, người trong tối nhắm mắt mà đi, thì có bao giờ thấy được ánh sáng! Nếu hành giả hành trì mà không còn tuệ tối tăm như vậy thì như mắt mờ lúc đi có ánh sáng mặt trời mọc người chỉ cần một ít tuệ cũng nhận được hạt giống vô vi. Người thông kinh bao nhiêu thì người thông kinh càng xem lời dạy từ kinh là thuyết minh được chỉ quán. Các kinh khác, rải rác đề cập đến vấn đề này. Chính đây là đạo đất được chia ra thành loại chương phẩm.

-oOo-

Chương 2: BIẾT NĂM ẤM TUỆ

Từ biết bao nhiêu kinh làm sáng tỏ bền chắc tính cam lồ không già, không chết. Tiếng tốt nghe được từ việc hành trì như trăng sáng. Sự là tịnh là trí tuệ sáng suốt, nếu giữ lấy việc cứu độ thì lại sáng lên, kể cả trong nhà hành trì thì cũng như vậy. Lòng xấu xa thì không thể nắm bắt, không thể dắt dẫn như ý. Cho nên giúp cho thì được đạo, kính lễ thì được đạo, cúi lạy thì từ đó được cam lồ. Tham là trồng, nhiều ham muốn là sinh trưởng, thương yêu, vui mừng thỏa thích là cành lo âu.

Phật thuyết năm ấm giống như âm sắc của một cây đàn. Lắng nghe điều thuyết minh từ nhiều kinh rồi đem sánh với người hành đạo thì phải biết thân lễ kính, vốn là chỗ tạo thành của năm loại ấm là sắc chủng, thống dương chủng, tư tưởng chủng, hành chủng, thức chủng. Như Quận là gồm bao nhiêu hộ phương Đông, như Quận là gồm bao nhiêu hộ phương Nam, như Quận là gồm bao nhiêu hộ phương Tây, như Quận là gồm bao nhiêu hộ phương Bắc. Cũng chẳng phải một nhà gọi là Quận.

Ví đây là sắc, cũng chẳng phải một sắc là sắc chủng, bao nhiêu sắc là bấy nhiêu sắc chủng. Thọ, tư tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Sắc tại mười nhập văn cũng theo pháp. Thọ nhập thì đây là sắc chủng. Một trăm lẻ tám thọ ấy là thọ chủng; một trăm lẻ tám tư tưởng là tư tưởng chủng; một trăm lẻ tám hành là hành chủng; một trăm lẻ tám thức là thức chủng. Như vậy, phải biết năm chủng đi liền theo sau mà hiện ra. Ví như nói rằng chúng không liên kết, duyên khởi với nhau thì chỉ tỏ là kẻ ngu, vì không nghe lời Phật dạy, hoặc huân tập cái mê lầm mà thôi. Ví như cây cối luôn có lá dính liền với cành nhánh. Kẻ ngu ác hành động dính mắc với năm chủng ấm thì sẽ tụ thành năm chủng ý kế. Đó là thân hành đạo địa biết về chương cú của năm ấm tuệ.

-oOo-

Chương 3: TÙY THUỘC HOÀN TOÀN VÀO ỨNG TƯỚNG

Tánh chất của dòng sông là luôn chảy, có thể chở mọi vật đi theo dòng chảy ấy. Kinh Phá Lục Túc, ví von rằng: Như hoa sen nở ra mặt trời tuệ, ra khỏi phục sức xinh đẹp của hoa sen, phụng sự Phật, thanh tịnh, đạm bạc, hình tướng ấy là như vậy. Đến với Thế Tôn thì chấm dứt cái phước hộ người thấy. Điều tinh tấn kiên cố kia dẫn đưa đạo thì như kinh đã trình bày cụ thể rồi.

Đã là người khai hóa, hành đạo thì cũng phải biết năm thứ ấm, mỗi một thứ tướng có tướng tương ưng. Sắc biểu thị cái tướng, cũng sắc tay

nắm bắt, cũng sắc lại là thọ, là tướng của thọ. Vui, khổ cũng không vui cũng không khổ, hơn nữa thọ thì đây là tướng của thọ. Tướng của thức là tư tưởng, hoặc người nữ hoặc người nam cũng khác đi thì đây là tư tưởng. Chỗ tạo tác đó là hành, hoặc hành động tốt hoặc hành động xấu, hoặc không hành động tốt, hoặc không hành động xấu thì đây là hình tướng của hành. Tướng của thức là thức. Tốt, không tốt cũng chẳng phải không tốt cũng chẳng phải nhận thức tốt thì đây là tướng của thức. Như vậy năm ấm chủng, mỗi một tự nó có tướng sẽ đề cập tiếp theo sau. Đề cập đến sắc này không lấy gì vui cũng lắm điều ác. Phật thuyết ở trong kinh nếu như phải nêu ra, nếu như có thể phân thì bằng vào các tướng của năm ấm có bao nhiêu tướng thì phân ra bấy nhiêu. Đạo địa hoàn toàn tùy theo ứng tướng này.

-oOo-

Chương 4: NĂM ẤM PHÂN BIỆT LIỀN CHẬN ĐỨNG ĐƯỢC

Điều rõ ràng là đem loại cam lồ để dập tắt sức mạnh của năm ấm đó là củi năm ấm, là phải từ trí tuệ sáng suốt mà tiêu hủy, lửa ác. Đi theo ba cõi lễ kính, ta thi lễ chính là đem cam lồ dập tắt ba độc. Phải từ năm ấm khoan thủng chỗ nó sinh ra thích ứng, đem sự thông minh sáng suốt của ý mà dập tắt lửa ác của lòng. Trong ba cõi tôn kính thì ta cũng tôn kính với tấm lòng lễ phép trân trọng. Từ trí tuệ, lực tuệ của chính mình mà mình được, như tự được trí Phật thì liền dạy đệ tử hành trì chỗ mình hướng dẫn. Điều nói nghe ra thì từ ý này mà hình thành sự phân biệt năm ấm, nhận biết nó là từ trí tuệ, từ sức mạnh thủ hộ của mình. Hiểu biết thanh tịnh, tự mình là Phật, thì từ nơi tâm nhận biết ấy liền hiện ra sự việc. Chỗ thuyết của vị Phật này nên làm cho nó hiện ra đức hạnh là có thể nhận biết được. Nghe nói tâm từ định này mà phân biệt được năm ấm của người hành đạo. Phải biết rằng phân biệt được năm ấm thì hành giả phải nhận biết thế nào để biết được năm ấm.

Ví như nơi ngã tư đường, trong đó có đánh rơi một xâu chuỗi trân châu. Một người nào đó bắt gặp được rồi xem xét, họ vui và yêu mến làm sao vì được ngọc như lòng họ ham muốn, người bắt gặp ngọc thì lòng họ ở nơi ngọc. Đây là loại sắc ấm, chỗ vui, vừa ý thì đây là loại ấm cảm thọ. Nếu trên đầu nhận biết rõ chuỗi hạt châu thì đây là loại tư tưởng. Nếu lòng sinh ra ham muốn giữ lấy xâu hạt châu thì đây là loại hành. Từ sự biết này là loại thức. Như vậy năm thứ ý tập trung vào một chuỗi hạt châu, thì năm thứ đều là hành, thế thì bao nhiêu hành động tạo ra cũng là tự hành. Như vậy tại một xâu chuỗi cùng một lúc đều là hành. Năm ấm cũng lại như vậy. Nhãn là chỗ thấy sắc nghĩa là bao gồm cả việc làm của năm hành.

Lại nữa, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, miệng nếm vị, thân xúc chạm thô tế. Bốn ấm trong thân không có sắc chủng sinh ra, như vậy, năm loại ấm, mỗi một tự phân biệt mà biết. Ở sau có đề cập đến đạo đức ấy. Phân biệt nói lên như vậy rồi là nắm được vấn đề thuyết minh của kinh này. Người chưa đắc đạo thì nhận lấy tâm dính mắc. Tâm như vậy mà đi thuyết minh thì cái ngã cũng hiện ra. Đây là chương nói về hành đạo mà năm ấm phân biệt được thì thôi hiện ra.

-oOo-

Chương 5: NĂM LOẠI THÀNH BẠI

Đã biết cầu được Phật thì mong cầu phải hết lòng làm việc cầu, đồng thời việc cầu, được sự rốt ráo thì toàn bộ việc cầu đã đạt đến. Hơn nữa, không cầu mà phải lễ, lễ thì nên không dính mắc vào đâu. Hiểu cho hết thì nhiều lắm không có thể kể xiết. Vấn đề nào diễn tả được bằng ngôn ngữ thì vấn đề ấy giống như mặt trăng sáng tỏ làm cho đệ tử sáng ra, được sự hiểu biết sáng suốt, lo sợ tội từ phiền não sinh ra, có thể hủy hoại thân mình vốn đã biết về năm loại ấm mà sự nên, hư của nó đã được hiểu rõ ràng, cúi đầu lắng nghe vấn đề này nếu có phải thể hiện như vậy.

Phật dạy:

–Người hành đạo phải biết năm ấm là chỗ ra vào của thành và hoại. Giống như mạng người sắp dứt thì sự chết đến là bởi ngừng hô hấp. Khi ấy bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh ở giữa, trước, sau của người theo thứ tự xuất đầu lộ diện. Người sắp chết liền thấy tư tưởng hốt hoảng sợ hãi. Trong mộng thấy ong đục cây, loài quạ mổ lên đỉnh não, đứng trên một trụ lầu, tự thấy mình vui, mặc áo xanh, vàng, đỏ, trắng, thân tự mặc vào. Thấy người cỡi ngựa, vuốt bờm ngựa hý lên thành tiếng. Lấy cái ky làm gối, dồn đất lại mà nằm trên đó. Người chết cũng vác người chết, cũng cùng chung với người hốt phân ăn chung trong một vật đựng đồ ăn; cũng thấy cùng chung với người này kéo xe làm dầu mè nhớp nhúa, đầy cả bùn, cũng bôi lấm cả thân; cũng thấy lúc này là lúc nhiều ham muốn, cũng thấy rơi vào trong lưới, người săn dắt đi. Hoặc thấy tự thân ham vui, nhìn thấy cái vui lại bật khóc; hoặc thấy đường chứa đầy ễnh ương tự mình dậm lên đi qua; hoặc thấy thu lấy muối tự nhiên hay muối biển làm tiền; hoặc thấy bó tóc, để lõa cái "tổ tông" người nữ, tự thân kéo dắt nhau; hoặc có loại tro dính vào thân, cũng ăn tro này, hoặc thấy chó cũng là khỉ sợ hãi đuổi nhau; hoặc thấy tự thân diệt dục mà lấy vợ, lấy chồng; hoặc khi thì thấy người trong gia đình bị thần hoại, hoặc khi thì thấy ngựa đến liếm râu tóc; hoặc khi thì thấy răng rụng xuống đất, hoặc khi thì thấy vác người

chết, áo tự mắc vào thân; hoặc khi thì tự thân để lõa cái "tổ tông" phì nhụa nhớp nhúa; hoặc khi thì thấy dồn đất lại tự mình chuyển đi; hoặc khi thì thấy bọc da và cờ xí mắc dính vào áo mà đi; hoặc khi thì tự thấy trong nhà, cửa đổ hỏng, xe đến nhà chở dầu, hoa, hương; cũng thấy anh em gần gũi với mình, tổ tiên nghiêm nghị hiện ra người thô kệch nét mặt sợ hãi muốn đến lấy hương hoa đi cùng; hoặc khi thì mồ mả vội vã đi bỏ lại hoa đeo cổ; hoặc khi thì thấy thân mình ngã nhào xuống nước sông; hoặc khi thì thấy rơi vào năm hồ, chín sông không thấy đáy; hoặc khi thì vào trong tranh, cỏ với thân trần truồng, tranh và người cắt nhau tự mình chuyển bày khắp; hoặc khi thì trên cây không có quả, không có hoa, không có hoa vui đùa; hoặc khi thì ở trên đàn ca múa; hoặc khi thì đi giữa hàng cây một mình vui đùa với đám cỏ lau cũng như nắm lấy hằng bao nhiêu thân cây phá hỏng, chất thành đống củi; hoặc khi thì vào nhà tối bưng không có cửa ra; hoặc khi thì trèo lên núi cao chất ngất buồn rầu, khóc rống; hoặc khi thì chim Chuyết nuốt chửng đủ thứ cũng như giẫm lên; hoặc khi thì bụi cát đầy cả đầu. Hoặc khi thấy cọp chận bắt xé thây chó, khỉ, lừa. Đi vào mồ mã phương Nam, thấy độc khí tụ lại, tóc lông phân rã, xương đâm nát cái cán hoa. Tự thân thấy vào trong xe tù, vua thấy xe tù khiến người hỏi.

Tiếp theo đây nói về thực tại thế gian vốn được nhiều thứ vui song bản chất là đọa. Hoặc thân rơi vào lo sợ, mạng sống sắp tàn mà không được tự tại, bệnh thì truy đuổi ngặt mà bệnh đã ngặt nghèo thì lòng liền dao động buồn lo mạng cận kề với cái chết. Nhân thế mà mộng mị khiến người bệnh càng thêm hoảng sợ. Người ta trong lòng liền suy tính rằng mạng ta sắp hết. Như vậy, thân mộng là chỗ thấy làm cho ý sợ, thân liền tàn chẳng khác nào loài chim đạp trụ. Thân mình gắn liền với cực khổ, cả hai dính mắc vào nhau. Thế là tự mình muốn tìm đến thầy thuốc. Anh em, thân thuộc mình chứng kiến bệnh nguy kịch liền khiến bảo đưa đến nhà thầy thuốc, gọi ngay sứ giả lên đường. Khi ấy, hiện tượng sau đây xảy ra: không sạch sẽ, áo nhớp, móng dài, tóc râu rối bời, xe chở hư hỏng, giày mang thủng rách, nhan sắc đen đúa, mắt xanh dờn. Trâu ngựa trắng đóng vào xe, tự tay xoa vuốt râu tóc. Sau khi gọi lên thầy thuốc, xe giá vội vàng, khiến đưa lên xe liền sau đó cột buộc người bệnh lại. Con bệnh chỉ ngồi, vui với cái ác, lòng không tính suy đến cái tốt, cái vui, không nghĩ đến thầy chữa bệnh. Thân đã suy sụp thì thân liền rơi vào chỗ khổ đau. Bệnh trăn trối liền gọi ngay thầy thuốc rồi nghĩ đến cái khổ đau của bệnh e không còn sống được nữa. Vì sao? Vì nẻo dẫn đến sau khi chết đã khiến nhận lấy cái tướng được đọng lại ở hình ảnh như vậy: nào là mền, nệm, lời lẽ, xe, dù, râu tóc, áo xống…. Cũng như vậy,

ngày húy kỵ lại gọi lên, hoặc ngày mồng bốn, hoặc ngày mồng sáu, hoặc ngày mồng chín, hoặc ngày mười hai, hoặc ngày mười bốn… thậm chí lại còn xúc phạm đến ngày húy kỵ của người ta là chỗ không vui của thầy thuốc.

Lại nữa, tại sao phải sợ máu, trên bốn chỗ giao nhau ngược nhánh? Bệnh lại gọi to lên cảnh tượng này, bệnh cũng không mong mỏi gì ngày, giờ, khắc, giây, tinh tú, khoảnh khắc, nghi ngờ con người, chấp lấy hình tướng. Vì sao? Vì, hoặc khi ấy điều xấu này là ngày, giờ, phút, giây có người nào đó vận dụng phương tiện có thể cứu sống con bệnh trầm trọng mà bệnh trầm trọng lại có khi không thể cứu sống. Cho nên không mong gì ở giờ, ngày, giây khắc là vậy.

Người sáng suốt thì không, cũng vui vẻ dùng ngày lịch. Tiên nhân thường khuyên phải vì người bệnh mà tìm phương tiện chữa trị cho đến chết. Nếu bệnh thống khổ mà chận đứng được thì có bệnh có khả năng được sống còn. Nếu mạng hết thì chỉ tính đến chuyện ra đi. Như vậy là có thể đến nhà con bệnh khổ đau và về sau điều còn lại là đến hồi kết thúc. Nói đầy đủ hơn là vào biển nước sinh tử hoặc đến nơi này hoặc trong sự hủy hoại. Bệnh cũng sánh như biển sinh tử hoặc là sống hoặc là chết.

Thầy thuốc liền đi đến nhà con bệnh thống khổ. Nghe tiếng thầy thuốc, con bệnh không mấy bằng lòng. Nóng sốt biến mất, cắt ngang đau nhức, lại bỏ cái băm vằm của cơ thể. Sự giết chết ra đi là nguồn nhiệt phát ra bị tiêu hủy dần, làm cắt bỏ đau nhức, loại trừ đớn đau. Sự giết hại ra đi là khử đi nguồn nhiệt phát ra từ cơ thể thì không thể nào chữa trị được nữa. Đã chết là nhìn thấy phương Nam. Lại thấy tổ chim Nhạn có tiếng kêu, lại thấy trẻ con đều là hình dạng đất bụi, lại lõa lồ, kéo đầu tóc lẫn nhau, đập phá bình, bồn, ngói, âu cũng thấy vật dụng, nhà cửa trống trơn lòng không vướng bận. Thầy thuốc đi đến nhà người bệnh, vào nhà thấy người bệnh nằm một chỗ, bệnh lại buồn phiền. Sau đó, người nhà ấy lại trình bày bệnh. Thầy thuốc liền thấy bệnh tướng nguy kịch, thì sợ hãi, kinh khiếp vội đứng lên. Mắc phải bệnh mà không có nghị lực thì không được tự tại. Chứng kiến như vậy liền nghĩ: Như trong kinh ấy nói về cái tướng chết thì sẽ thấy nhan sắc không như lớp da nhăn nheo làm cho thân có màu như đất, lưỡi kéo dài ra hoặc quên đi sự nói năng. Thân thấy nặng nề, xương cốt rã rời, mũi, đầu đều cong, môi, da đen sậm; cổ họng, lưỡi màu sắc như xương, lại không biết vị, miệng sầu thảm, lỗ chân lông đỏ, gân mạch ẩn mất. Búi tóc, dựng đứng lên, kéo tóc mà không hay biết, ngó chòng chọc, nằm ngữa, kinh sợ, sắc mặt thay đổi, mặt nhăn nhó, tóc dựng đứng, nhìn chòng chọc hoặc nói lảm nhảm. Như kinh thuyết: mạng sống

còn lại không còn bao lâu, giống như trong lòng cây mất lửa. Cũng như sáu tướng đã chết mà nói lên điều nghe thấy hay như có gội rửa thân mà chưa tắm, khi ấy thân ví như hương chiên-đàn hoặc khi ấy như hương mật hoặc khi ấy hương đa quả hoặc khi ấy hương na thế, hoặc khi ấy hương gốc, hoặc khi ấy hương vỏ hoặc khi ấy hương hoa hoặc khi ấy hương quả hoặc khi ấy hương thoảng; hoặc khi ấy túc mạng theo hành tướng, gân thơm, tóc thơm, xương thơm, mở, thịt, máu huyết thơm, đại tiện thơm; hoặc khi ấy hương loài nhạn; hoặc khi ấy hương loài chim, hoặc khi ấy hương thằn lằn, hoặc khi ấy hương heo, hoặc khi ấy hương chó, hoặc khi ấy hương khỉ, hoặc khi ấy hương chuột, hoặc khi ấy hương rắn, hoặc khi ấy giống như có người, hoặc khi ấy tiếng mổ cây, hoặc khi ấy tiếng gạch ngói, hoặc khi ấy tiếng hốt hoảng, hoặc khi ấy tiếng xấu ác, hoặc khi ấy tiếng nhạn, hoặc khi ấy tiếng khổng tước, hoặc khi ấy tiếng trống, hoặc khi ấy tiếng ngựa hý, hoặc khi ấy tiếng cọp rống. Trong tướng thục tử cũng có đề cập đến vấn đề này, ví như người khi chết có tướng chết là miệng không biết vị, tai không nghe âm thanh, tất cả đều co rút, mạch dồi máu, thịt, ruột, má hàm trương ra, trên đầu lắc lư hình bóng không có ánh sáng, rốn thịt cứng lại, mắt đen, sắc diện đen đúa, đại tiểu tiện không thông, khớp, căn mở ra, trong miệng, trên canh thịt màu xanh đi đôi với nôn ọe, đánh tháo. Tướng bệnh nặng như vậy là không thể sống. Dù cho Biển thước cũng như tất cả lương y kể cả cúng tế mở hội cũng không thể nào cứu khỏi bệnh này. Bởi thế, thầy thuốc thầm nghĩ, con bệnh này đã hết phương cứu chữa, ta nên tránh đi cho rồi. Thầy thuốc liền khéo lời nói với người trong nhà rằng: Người bệnh muốn gì thì phải chiều theo ý cung cấp cho họ, đừng cấm kỵ ngăn chận. Trong nhà tôi có ít việc cần, xong việc tôi sẽ trở lại. Thầy thuốc kín đáo nói với người nhà của người bệnh rằng: Tôi không thể trở lại để chữa trị. Dứt lời cáo từ, thầy thuốc ra về ngay.

Nhà người bệnh nặng nghe thầy thuốc nói lời ấy liền vứt bỏ thuốc, việc gì phục vụ cho người bệnh đều dừng lại. Thân thuộc quen biết, láng giềng cùng nhau hội lại vây quanh người bệnh khốn cùng, buồn thương, khóc lóc, sửng sờ nhìn. Ví như con trâu bị giết chết nơi lò mổ, con trâu khác thấy con trâu chết sợ quá tự phản ứng, chạy nhảy quanh sân, sợ cuống cuồng chạy thẳng vào núi, giữa rừng cây trâu rống ầm ĩ.

Lại giống như con heo bị giết chết nơi lò mổ, con heo khác thấy cái chết kêu la khủng khiếp, hãi hùng quá mà tai liền điếc, chỉ nhìn thẳng vào cái chết.

Lại như cá bị vây bắt, cá sa vào lưới, cá khác thấy kinh hãi quá lặn xuống chạy vào giữa bãi đá cát giấu mình trong đám rêu tảo.

Lại ví như loài chim tụ đàn rồi lại đi, có một con chim bị loài chim ưng hung dữ bắt đi, chim khác kinh hãi phân tán chia nhau chạy. Anh em, thân thuộc, bạn bè, xóm láng giềng cũng như vậy, thấy cảnh ly biệt thảm thiết người thân sắp chết thì sứ giả địa ngục liền đến dẫn vào ngục. Tại đây sự chết liền chuyển đổi, hết chết cùng tên lại bị chết bắn, sống chết hành tội bức bách liền dẫn dắt sang đến đời khác. Thân thuộc đã trở lại với kẻ mục đồng sống đời trong sạch hoặc miệng đầy khí khái, tiếng tăm không thôi nói ra lời thương xót, thấy được niệm yêu thương. Ngần ấy thứ máu mũ ruột thịt nước mắt tuôn ròng, kêu lên sao phải thế này? Người bệnh tiến gần lại cái chết, bên trong thấy gió nổi lên, gọi gió này là đao phong làm cho người bệnh xương đốt tan rã.

Lại một ngọn gió khác nổi lên, gió này gọi là cự phong làm cho người bệnh đứt ra kết lại.

Lại một ngọn gió khác nổi lên, gió này gọi là châm phong làm cho người bệnh gân mạnh giãn ra.

Lại một ngọn gió nổi lên, gió này gọi là phá cốt phong làm cho người bệnh xương tủy đau nhức.

Lại một ngọn gió nổi lên, gió này gọi là tàng phong làm cho người bệnh mắt, tai, mũi, lỗ chân lông đều thành màu xanh, tóc lông ra vào tất cả. Lỗ này khiến cho lông hoại, đứt, nhổ lên, xóa bỏ.

Lại một ngọn gió nổi lên, gió này gọi là phúc thượng phong làm cho người bệnh trong thân, đầu gối, sườn, vai, lưng, ngực, bụng, rún, phèo, ruột già, ruột non, gan, phổi, tim, lá lách, thân cũng như các tạng khác khiến bị cắt đứt.

Lại một ngọn gió nổi lên, gió này gọi là thành phong làm cho người bệnh xanh, máu, mỡ, mỡ miếng, đại tiểu tiện trở thành chín, nóng, lạnh, rít dính khiến cho thân thể từ chỗ đó thoái hóa.

Lại một ngọn gió gọi là Tiết gian cư phong làm cho người bệnh xương cốt kéo thẳng nhấc lên, hoặc khi thì tay chân giơ lên, hoặc nắm lấy hư không hoặc đứng hoặc ngồi hoặc kêu gào hoặc cười hoặc giận dữ rồi khớp rã, rồi đứt nối, rồi giản kéo gân, rồi xương tủy đau đớn, rồi mất hết tinh thần sáng suốt. Thân bị cắt không biết bao nhiêu chỗ, rồi tim lạnh ngắt như gỗ, rồi vứt bỏ năm hành, đồng thời, trong trái tim nhịp yếu dần, yếu dần cắt đứt sự sống còn lại. Giống như đèn tắt còn lại ánh sáng mờ, trái tim ngưng đập thì còn lại chỉ có cái ý thức vi tế. Thức của người này vốn là chỗ hành tốt xấu, tâm tội phước liền thấy được nó.

Đời nay, nếu ý hành tốt thì liền vui vẻ còn nếu hành ý xấu thì liền xấu hổ. Người tìm được chỗ tốt thì lòng vui còn rơi vào chỗ ác thì lòng liền sầu tủi. Ví như người soi mình vào gương sáng là thấy rõ khuôn

mặt, thấy rõ tóc trắng, da nhăn là sinh thể nhớp nhúa bụi bặm. Hoặc răng rụng hoặc già nua thì từ đó thấy thân mình già nua. Luôn soi mình như vậy tức là tự mắc cỡ, nhắm mắt, buông gương không muốn thấy. Vì thế mà bỏ gương, ưu sầu. Ta từ tráng kiện đến già nua, nhan sắc dẫn đến xấu xí, niềm vui đã ra đi. Như vậy tính chất làm ác là tại ý, từ đó mà ý hành ác. Họ ưu sầu, hối hận nhận lấy khổ não, lòng họ không thể nào tự trách rằng: Nay ta rơi vào chỗ ác là ta không hiện hữu. Nếu như hành giả hành ba điều tốt đẹp, giữ lấy bao nhiêu hạnh nguyện thì hành giả có nhiều cái tốt tối hảo, lập tức vui mừng, lòng vui mừng càng nhiều thì có thể tự mừng rằng ta hiện đang ở trên trời, nơi đây cũng là chỗ tốt đẹp của ta.

Ví như khách buôn được thoát ra từ con đường khó khăn thu được nhiều của cải, quay trở về nhà là đến ngưỡng cửa của niềm vui. Cũng giống như người làm ruộng mong sao thu hoạch được ngũ cốc để đem về nhà. Cũng như bệnh nhân mà được lành bệnh an ổn, cũng như mắc nợ đã trả xong. Làm điều tốt cũng tập hợp được các hảo hạnh như vậy, ví như mật ong có ý nghĩa là ta đã đến chỗ tốt. Ngay khi thân tình thức mất đi thì trong thân ấm liền hiện hữu, ví như cái cân một trên một dưới. Như vậy xả sự chết là lãnh nạp hạt giống sống, giống như hạt lúa và rễ sinh ra song đôi. Như vậy, trong khi thức mất đi thì lập tức trong thức sinh ra năm ấm đầy đủ, không thiếu ấm nào. Tử ấm cũng không phải trong đó mà nhận được năm ấm ra đi, cũng không rời sự chết, mà năm ấm là hiện hữu trong năm ấm, chỉ vì có năm tử ấm nên trong năm ấm sinh ra. Giống như người giữ con dấu, con dấu bôi mực tốt thì trong mực bôi liền có con dấu, hình con dấu cũng không đi đến với mực, mực cũng không rời hình con dấu.

Ví như hạt giống sinh ra rễ, hạt giống cũng chẳng phải rễ, rễ cũng không rời hạt. Người, thần cũng như vậy, nguyên lý lớn nhỏ của nó là như thế. Từ ấy sinh ra trong đó đi đến, từ điều căn bản này mà sự hiện hữu hội lại.

Hành giả tốt thì trong hành giả được năm ấm tốt, hành giả ác trong đó nhận được cái ác. Người thụ đắc ấm là hành Thiên nhãn, người trong định là ăn ba thứ: lạc, niệm, thức. Người trong định hoặc sống một ngày hoặc sống bảy ngày định. Đến chỗ cha mẹ giao hợp thì nơi ấy cũng là chỗ đọa từ trong định. Đương nhiên đi đến chỗ đọa tức là khi chết là đã sinh trong ấm, bởi thế mà sinh ra ngàn tư, hoặc, kiến, niệm, bởi thế mà sinh ra ngu si.

Hành giả tối ác thì tự nhiên khối lửa lớn liền ở bên cạnh. Cũng bao nhiêu trăm ngàn thứ chim nào là quạ, ưng, diều hâu… cùng tụ tập lại. Cũng thấy móng, mắt, răng, người ác trùm y phục, lửa bốc cháy trên đầu

là vì trong tay họ hành động ngần ấy thứ độc hại. Ở xa, tự thân thấy rừng cây thì ý họ sinh khởi đi vào trong rừng này liền ấy trong ấm mất, chỗ sinh ra của họ là chỗ đọa đày. Tức thời không phải chờ lâu, thấy ngay sức nặng lá cây rơi đè ở trong thân, đó gọi là địa ngục. Năm ấm sinh ra đi vào tội lỗi bao hàm cả chỗ làm ác, liền thấy khói bụi, lửa gió, mưa, dữ dội đến vùi dập thân. Lại thấy, voi, sư tử, cọp, hổ mang tự khủng bố thân. Cũng thấy gò đống, giếng chúng cũng tụ hợp lại đằng sau mình. Cũng đứng lại bên bờ vực tuyệt vọng, sinh ra ý nghĩ đi vào trong đó thì liền trong đó, ấm thân đã xả rồi. Ý sinh thì liền mất, trong ấm, chỗ đọa đày sinh ra, lập tức không lâu sẽ đi đến súc sinh, sau đó cực ngu si hiện hành không có lễ kính, giữ lấy ác ý đối với cha mẹ, thường vui với cái rất thô ác nói lời hung dữ sân hận, hành động ác trói, đánh. Người này không cho cũng không lấy liền đọa vào súc sinh, tội giảm nhẹ bớt thì liền sinh ra gió nóng, mạng đói não bức thân, đao mâu vây quanh đâm. Hoàn lại người thì cũng thấy hố lớn, ý nghĩ sinh ra là phải đi vào hố, nghĩa là ý này vừa sinh ra thì liền mất trung ấm, nhận chỗ ấm là chốn đọa đày, ngay lập tức rơi vào ngạ quỷ. Đọa như vậy thì gọi là ngạ quỷ. Từ đó có người nói cùng sống với giặc và hạ tiện. Cũng gièm pha mất lòng chân thật, lừa dối, luận nghị sai lầm. Hầu hết sự ăn không lánh xa cái ác, không trong sạch, từ đó thiện trở lại không hành pháp ngữ thì liền đọa ăn thề máu huyết, phun vọt ra bùn. Đây gọi là đọa vào nơi ngạ quỷ.

Hành giả tối hảo thì được niềm vui tối thiện, cũng được gió hương thổi đến không biết bao nhiêu loài hoa, tự thấy rải lên thân, không biết bao nhiêu kỹ nhạc mà âm thanh theo nhau vang lên, không biết bao nhiêu loại cây ở trong vườn, ý sinh khởi thì lập tức đi vào vườn, ý đã sinh thì trung ấm liền diệt. Điều tương ưng của ý rơi ngay vào ấm nhận lấy sự sống và liền ngay khi đó nhận thân trên trời. Như vậy là sinh vào Thiên thượng. Có phước thì hành giả ứng sinh lên trên trời. Đã có phước thì không xa rời pháp đây là rơi vào hàng trời. Nếu rơi vào loài người thì theo bổn hạnh mà nhận lấy cái vạ phước, cha mẹ cũng tìm hợp lại với nhau. Ứng với túc hạnh là nam thì phước từ đó sinh ra và cũng dừng lại ở chừng phước ấy, đồng thời cha mẹ thu tinh vào cửa bào thai mà nó không mấy chắc chắn. Theo gió nóng lạnh, cũng không nhiễm cũng không quanh co, uốn khúc cũng không làm phiền cũng không dính rít, cũng không chảy dịch, tư tưởng ăn không khởi, không kiêu ngạo không hại bào môn. Cũng không hình cây lật, không hình bánh xe, cũng không hình con chồn, cũng không hình hạt lúa. Chính giữa cũng không trăm hình sắt, cứng ở giữa, cũng không hình thiếc ở giữa. Tất cả cửa không có tinh xấu cũng không mỏng, cũng không dày, cũng không thối, cũng không đen, cũng không

đỏ, cũng không vàng, thừa màu sắc cũng không phân tán, cũng không gió máu, nóng, lạnh lẫn lộn, cũng không tiểu tiện, tinh hợp lại.

Thần khí đã dừng lại ở tinh, thần khí hồi niệm quá khứ ý sinh ham muốn đẩy lùi người nam, tự thân thay thế họ cùng chung vui với người yếu đuối. Kẻ yếu đuối liền là người cha ác hủ hỉ với mẹ. Đã hủ hỉ mà không vui vẻ thì tăng sinh ý phải đẩy lùi người nam này, muốn một mình với người yếu đuối cùng chung khoái lạc. Đã thế tức thần khí đứng chận ngay ở bào môn, ý sinh ra thôi đẩy lùi người nam. Ta đã yếu đuối "hành lễ" thì cha mẹ lập tức gieo tinh lên nhau. Thần khí liền đến đó, ý sinh ra cho đây là tinh của ta tức là thỏa ý vui sống. Khi sự vui đã qua thì sự sống trong ngưng tụ mất, liền đó trong tinh máu sinh ra. Thức ở trong tinh lại sinh ái, trong ái, thức không rơi vào tinh. Chẳng qua từ gốc ấm lại sinh ái, thức, tinh khí của thân đứa trẻ này là ái, chỗ ái ở tinh sinh ra. Đây chính là thọ chủng. Đã biết là tinh thì tinh ấy là tư tưởng chủng là cái gốc của sự hình thành. Hành động nhớ nghĩ là sinh, tử chủng và đã rõ tinh ấy là thức chủng. Đây là năm chủng quan trọng liền ngay đó là được lưỡng căn đó là thân căn và tâm căn tinh mà thôi.

Tuần đầu không giảm.

Hai tuần tinh sinh ra, mỏng như váng sữa trên bọc sữa đông.

Ba tuần tinh đặc lại giống như sữa để lâu ở trong vật đựng.

Bốn tuần tinh hơi cứng như sữa thành.

Năm tuần tinh biến hóa như sữa cô.

Sáu tuần như sữa cô đặc biến hóa đọng cứng lại.

Bảy tuần biến hóa thành kho đông cứng, giống như Thục ô khứ.

Tám tuần biến hóa làm mất ô khứ, ví như ma thạch tử.

Chín tuần tại ma thạch tử ở trên sinh ra năm thùy gồm hình dạng hai vai, hình dạng hai xương bánh chè, hình dạng một đầu.

Mười tuần cũng tại ma thạch tử ở trên sinh ra bốn khuỷu xương gồm hình dạng hai tay, hình dạng hai chân.

Mười một tuần cũng tại ma thạch tử ở trên sinh ra hai mươi bốn khuỷu gồm mười ở bàn tay, hình dạng ngón tay, mười ở chân, hình dạng ngón chân, bốn ở tai, mắt, mũi, miệng hình dạng đầy đủ rõ nét.

Mười hai tuần khuỷu này là chính thức.

Mười ba tuần hình dạng bụng nhô lên.

Mười bốn tuần tim, lá lách cật, gan, lòng sinh ra.

Mười lăm tuần ruột già sinh.

Mười sáu tuần ruột non sinh ra.

Mười bảy tuần dạ dày sinh.

Mười tám tuần sinh ra chỗ cho phổi cho đường hô hấp.

Mười chín tuần đùi, gối, chân, cánh tay, lòng bàn tay, đốt xương tay, chân, mu chân dính liền nhau.

Hai mươi tuần cuốn nhau âm sâu vào hình vòng cái cổ.

Hai mươi mốt tuần là xương tủy tùy sự phân chia mà sinh ra: Chín xương cho đầu, hai xương cho má, ba mươi hai xương cho miệng, bảy xương cho cổ họng, hai xương cho vai, hai xương cho cánh tay. Bốn mươi xương cho cổ tay, mười hai xương cho đầu gối, mười sáu xương cho hai bên hông, mười tám xương cho xương sống, hai xương cho cuống họng, hai xương cho cổ, bốn xương cho cẳng chân, mười bốn xương cho chân, một trăm lẻ tám xương li ti sinh ra trong cơ. Như vậy là ba trăm đốt xương từ đó khéo léo kết dính thân ví như họ dây leo liền lạc.

Hai mươi hai tuần xương hơi cứng ví như mai rùa.

Hai mươi ba tuần tinh khí lại cứng giống như lớp da dày của cây Hồ đào. Đây là ba trăm đốt liên kết nhau mắc dính với xương chân nối liền với bắp chân, bắp chân liền với cổ xương, cổ xương liền với xương sống lưng, xương sườn liền với xương vai xương vai liền với xương cổ đầu, xương cổ đầu liền với xương má đầu, xương má đầu liền với răng. Như vậy toàn bộ xương chất nên thành bằng lớp đá xương, gân ràng buộc lại, máu tắm lên thịt là hồ kết, da bọc che, phước từ đó nhận lấy cái nhọt này mà không biết là sự cảm thọ tùy theo ý nghĩ, tùy theo không khí, tạo nên con rối.

Hai mươi bốn tuần là bảy ngàn gân buộc ràng thân.

Hai mươi lăm tuần sinh ra bảy ngàn mạch máu nhưng vẫn còn chưa hoàn chỉnh.

Hai mươi sáu tuần các mạch máu mới hoàn chỉnh đầy đủ một cách triệt để như bộ ống rễ, hoa sen.

Hai mươi bảy tuần đầy đủ ba trăm sáu mươi đốt xương.

Hai mươi tám tuần thịt non sinh ra.

Hai mươi chín tuần thịt vừa đủ cứng.

Ba mươi tuần da, mô thành sáp.

Ba mươi mốt tuần da, mô hơi cứng.

Ba mươi hai tuần cơ nhớt cổ họng sinh ra.

Ba mươi ba tuần tai, mũi, bụng, lách, mở, đốt xương hiện ra nơi chẩn đoán.

Ba mươi bốn tuần trong thân, ngoài da sinh ra chín mươi chín vạn lỗ.

Ba mươi lăm tuần chín ngàn, chín vạn lỗ hình thành sơ sơ.

Ba mươi sáu tuần móng, giáp sinh ra.

Ba mươi bảy tuần trong bụng mẹ bao nhiêu gió nổi lên hoặc gió khởi lên khiến cho mắt, mũi, miệng mở ra là đã khai thông đường vào hoặc lại nữa, phong trần nổi lên khiến cho tóc, lông phân chia sinh ra đoan chánh cũng như không đoan chánh, hoặc lại gió nổi lên làm đậm sắc thịt hoặc trắng hoặc đen hoặc vàng hoặc đỏ xinh xắn hay không xinh xắn. Bảy ngày này trong não bộ máu, mỡ đặc, mỡ nước, tủy, nóng, lạnh, nước mắt, đường đại tiểu tiện mở ra.

Ba mươi tám tuần trong bụng mẹ gió nổi lên khiến được như túc mạng đã hành động tốt, xấu. Nếu tốt thì hành giả liền có gió hương nổi lên có thể thân, ý khiến xứng đáng làm con người đoan chánh, còn xấu thì hành giả khiến cho gió thúi nổi lên làm cho thân, ý không an, khiến không xứng đáng con người mà xương đốt không đoan chánh hoặc hóp má, hoặc gù lưng hoặc thân mềm nhũng, hoặc người thú, trông thấy có thể là vậy.

Ba mươi tám tuần là chín tháng không tròn bốn ngày, xương đốt đều đầy đủ. Trẻ sinh ra túc hạnh của nó có hai phần: một phần từ cha, một phần từ mẹ hoặc khi lông, tóc, lưỡi, cổ họng, rốn, tim, gan, lách, mắt, xương cùng, máu là từ mẹ, hoặc móng giáp, xương, đại tiểu tiện, mạch máu, tinh hoặc xương đốt khác là từ cha. Túc hạnh nhận từ mẹ sinh ra thành thục ở dưới cả ở trên, con trai nằm bên hông phải mẹ, lưng hướng ra trước, bụng hướng sau. Con gái bên hông trái mẹ, bụng hướng về trước, lưng hướng về sau, toàn bộ khu trú ở nơi thối tha, ô uế để lộ ra tất cả xương đốt, co rút giấu kín trong túi da ở trong bụng, thân dính máu, ở bên ngoài đãy là chỗ đại tiểu tiện phì trướng chèn ép.

Ngoài chín tháng còn có bốn ngày. Trong ngày một, ngày hai, nếu túc hạnh tốt thì ý sinh khởi: Ta ở trong vườn hoa ý nghĩ sánh như ở trên trời. Nếu túc hạnh xấu thì hành giả, ý sinh khởi: ta ở ngục hai ngày thôi, nghĩ thế là ý ở trong ngục ba ngày tức là trong bụng mẹ vui ba ngày, vui thế là ý ở trong bụng bốn ngày. Một ngày một đêm trong bụng mẹ, trên dưới gió dấy động. Đứa trẻ từ gió này xoay đầu xuống dưới, chân lộn ngược lên trên rơi vào trong bào môn của mẹ. Túc hạnh tốt thì ở trong bào môn mẹ ý sinh khởi rơi vào ao nước, trong ao nước nô đùa. Lại nữa, ý sinh khởi ở trên giường cao hoặc trong hương hoa. Túc mạng của hành giả ác thì ý nghĩ sinh ra là từ núi rơi lên trên cây, rơi lên trên bờ vực, rơi vào trong hầm, rơi vào trong chuồng xí, rơi vào trong cỏ hoa vàng quả đầy gai, rơi vào trong cỏ tranh, rơi vào cỏ cói, rơi vào trong hàng đao, mâu. Từ đó hành động ưu não, hốt hoảng. Cũng từ mừng, từ vui, nghe vang tiếng của việc làm tốt xấu. Tự buộc lấy thân vào chỗ đến, tự lại được

chỗ buộc thì liền ra đời. Đã là bào môn thì ở đây là nơi ràng buộc cái bọc, cửa sinh ra mà vội thắt hẹp lại là rơi ngay xuống đất. Chính gió lại là người dội nước nóng, thoa bàn tay thô, bức thân đau đớn như ung nhọt. Từ đây liền quên mất túc hạnh ở trong lòng là chỗ mang lại túc hạnh.

Vì đã sinh ra từ máu me hôi hám nên liên tụ lại nào là tà quỷ, linh hồn thây chết bay lên mỗi loài là hàng yêu quái, quỷ mị, thần nắng độc hại người cha là cũng như vậy. Ví như nơi ngã tư đường có một miếng thịt thái là thịt diều hâu, cú mèo, ô thước, các loài chim tranh nhau cỗ thịt ấy, mỗi con gian lận muốn cho mình được nhiều thịt. Cái vòng lẩn quẩn làm khuấy rối con người là như vậy. Túc hạnh nào tốt đẹp thì không thể vướng lấy túc hạnh xấu xa nào mà nó thường được gắn liền với ngay sau khi sinh ra, người mẹ liền nuôi bú. Đại tiện được là biết ăn uống. Đã có thể ăn uống thì tám mươi loại trùng sinh ra trong thân. Hai loại sinh ra từ gốc tóc. Ba loại bám ở đầu, một loại bám ở não, hai loại khu trú trong não, ba loại bám ở trán, hai loại bám nhãn căn, hai loại dính ở tai, hai loại bám nhĩ căn, hai loại bám tỷ căn, hai loại bám cửa miệng, hai loại ở răng, hai loại ở gốc răng, một loại tại lưỡi, một loại bám cơ quan miệng, một loại bám trong miệng trên nếu răng, một loại tại cổ họng, hai loại ở dưới đầu gối, hai loại bám căn cánh tay, hai loại ở bàn tay, một loại bám khuỷu, hai loại bám lách, một loại bám tim, một loại bám hông, hai loại bám lưng, một loại bám căn xương sống, một loại bám da, hai loại bám thịt, bốn loại bám xương, năm loại bám tủy, hai loại bám ruột già, hai loại bám ruột non, một loại ở chỗ nóng, một loại tại chỗ lạnh, một loại tại đường đại tiện, ba loại tại căn ruột già, hai loại bám căn cổ xương, năm loại bám âm căn, một loại bám ngón tay chân kết dính ở đốt, một loại tại cẳng chân, một loại tại đầu gối, một loại tại bắp chân. Như vậy trong thân khu trú tám mươi loại khuẩn ngày đêm ăn lấy thân, thân liền sinh ra gió, bệnh, nóng lạnh, mỗi thứ có một trăm lẻ một bệnh. Lẫn lộn với bệnh khác lại có một trăm lẻ một bệnh nữa. Như vậy gom lại trong thân có tất cả bốn trăm lẻ bốn bệnh. Ví như trong gỗ phát ra lửa, lửa trở lại đốt gỗ. Bệnh cũng từ thân sinh ra, như vậy chẳng qua là để hủy hoại thân không có khác. Như vậy bệnh từ bên trong, hủy hoại cũng ở bên trong, chớ lại hỏi từ bên ngoài, cái phiền não thường hoại cái phiền muộn đời này. Hiện tại thân thường gắn liền với cái suy, thế gian, người ta không chịu hiểu, lòng họ toan tính để cho thân vui. Điều này chẳng qua là sự thành kiến cố chấp mà thôi.

Tóc, lông, móng, răng, tim, thịt, cơ, xương, tinh, huyết, nóng bức, phiền não sinh ra làm chín nước mắt, nước mũi, phẩn dãi theo thân chảy ròng. Cái phi thường cũng không sạch, người si mê cho là sạch. Toàn bộ là một khối thịt đồng loạt thu giảm lại như một cây táo chua mà chất

chua nằm ở trong thân của nó. Như vậy, theo đó chúng là chất chua của cây táo. Ngu muội không hiểu nên người thế gian mới nhận điều khiển cái thân tự hoại mà rơi vào não phiền.

Ví như con cá chỉ thấy mồi mà không thấy câu, không thấy lưới. Lại ví như trẻ con liếm lưỡi dao mật chỉ ham mật ngọt mà không thấy dao bén. Lại ví như vàng mạ lên đồ đồng, khi người đem bán, người ngu không hiểu cho là vàng ròng nên mua, mua là tự mình bị lừa gạt. Như vậy, thế gian, người ta, nhận thức sai lầm giống như thịt táo chua nằm ở trong thân mình. Từ đó nhận lấy biết bao thứ phiền não mà không sáng suốt nhận biết. Như vậy, loại bỏ đi thịt táo chua thì chỉ còn lại thịt, xương, máu ở đó mà thôi. Chân người luôn luôn giẫm đạp lên cái ác mà không dám nhìn thấy nó. Ai là người dám bảo trì được cái hạnh trong trắng, cái vạ phước đã hết? Hoặc khi phải ngăn chận lại cái mạng hết? Như nhà làm gốm tạo ra vật dụng, lúc thì ở nơi bắc đất, hoặc từ công cụ gốm, hoặc từ con lăn lăn đất hoặc qua vận hành hoặc tạo nên khi cán lưu, đưa vào lò lửa khi nung hoặc lấy ra khi đã chín sứ hoặc khi phân phát sử dụng. Điều quan trọng là cái gì hợp lại thì cái đó phải hủy hoại.

Thân người cũng như vậy hoặc rơi ngay vào trong bụng hoặc không thành, căn bị hỏng, hoặc không đầy đủ, căn bị hỏng, hoặc lúc sắp sinh thời bỏ, hoặc vừa sinh ra thì bỏ, hoặc đang đi học nghề thời bỏ hoặc khi từ mười sáu đến ba mươi, tám mươi, một trăm tuổi hoặc chẳng những thế mà còn lâu hơn nữa song yếu tố tập hợp lại thì phải chết. Ấm như vậy thì chẳng tồn tại được bao lâu. Có sinh ra là vội mất, nâng chân lên là mất hạ chân xuống là mất. Thế gian, người ta không chịu hiểu, tự so tính tấm thân lúc nhỏ, thân lúc trẻ trung, thân lúc già nua, cho đó là thân của ta. Đối với người hành đạo ý nghĩ có khác đi. Người hành đạo thì từ cái có này là từ cái không có, cái không này là cái có từ ấy.

Như thế nào từ cái có này là từ tội mà ra?

Trong chết có hành từ trong thức rơi xuống cái nghiệp mỏng, từ đó cái mỏng manh ngưng lại rồi từ sự ngưng đọng, sáu căn cứng dần. Từ sáu căn liền sinh, theo đó sinh ra thân đứa trẻ. Từ thân đứa trẻ phát triển thành trẻ trung, từ trai trẻ lớn lên thì được thân già, bệnh, chết. Như vậy luôn luôn tùy thuộc, như vậy là thế gian xoay vần không dứt không thuộc vào chỗ nào, rỗng không như ảo hóa, đuổi nhau không dừng. Ví như lửa cháy trong thành, gió lớn thổi lửa, nhà nhà đốt cháy nhau, lửa nhà thứ nhất chẳng phải lửa nhà thứ hai cũng chẳng phải chỉ vì lửa đã cháy ở bên trên nhà mà làm cho nhà tiếp theo lại cháy. Như vậy lửa dây chuyền với nhau đốt cháy, sinh tử cũng như vậy. Mối nhân duyên này không hiện hữu thì cũng không hiện hữu cái gì. Cái ấy diệt thì chính nó cũng diệt.

Thế nào là không có mối liên hệ ấy thì cũng không hiện hữu?

Cái hạnh trong trắng này, vạ phước của nó không có trong sự chết thì nó cũng không hiện hữu. Đã không có trong chết thì làm sao được vãng? Đã không được vãng thì nào phải được sinh ra? Đã không được sinh ra thì nào phải được già, bệnh, chết? Sinh tử như dòng nước chảy, không tạo tác ra nghiệp. Người hành đạo phải biết năm ấm này vốn từ đó mà sinh diệt năm loại đạo đất, gọi đó là chương nói về thành hay hoại vậy.

-oOo-

Chương 6: HẠNH THẦN TÚC

Trạng huống tuệ đi vào tâm như nước, phá cái xấu bám theo cây là cách ly các thứ hoa dại. Độ đời thì vui với công đức tụ lại. Ngọn gió mát lành đáng để vui là không có lỗi, tự mình quay về, một lòng hướng đến nơi đâu mà ở đó tâm không ngừa trong chỉ quán như kinh "Xưng nhiếp câu khiên văn" thì trong chỉ quán thế gian được sáng ra. Vòng tay, đầu mặt luôn cung kính, từ đó ba cõi đều vòng tay cúi đầu tác lễ. Hoặc khi hành giả sống với chỉ trước mặt thì liền được quán hoặc khi hành giả đang được chỉ quán ở trước mặt là được chỉ. Nếu hành giả đã được tâm định thì nên từ đó quán là được hiểu. Ví bằng hành giả quán đã đủ rồi thì phải nên từ đó chỉ là được hiểu, thế nào là tướng của Chỉ quán?

Nếu tâm đang sai khiến một nhân duyên của chỉ, chỉ bất động không có hoặc niệm nào khác thì đây là tướng của chỉ. Nếu tại chỉ mà chỗ chỉ thiên về phân biệt, bỏ mất một bên như tướng tư duy quán, như có lãnh nạp nên đây là tướng của quán. Ví như nhà mua bán vàng thấy vàng mà không xem xét thử vàng, nên chỉ như vậy. Nếu đem vàng đến chỗ thử để biết vàng này xuất xứ từ đâu, có thật vàng hay pha đồng? Biết sắc đá tốt, xấu, dài, ngắn, vuông, tròn, mềm, yếu cũng như bệnh khác của đá. Quán cũng giống như vậy, giống như người cắt cỏ, tay trái nắm cỏ, tay phải nắm liềm, liền tay cắt cỏ. Ví dụ nắm cỏ kia là chỉ cho chỉ còn như cắt cỏ là nhằm ví cho quán. Giống như hành giả thấy đầu lâu, chín chắn xem xét kỹ. Ví như mở mắt thấy, nhắm mắt lại cũng thấy thì cũng như vậy vấn đề không có khác, nên đây là chỉ. Ví bằng phân biệt quán sát xương đầu khác với xương hàm, khác với xương răng, khác với xương cổ, khác với xương cánh tay, khác với xương hông, cổ họng, đầu gối, chân thì như vậy là quán, như vậy là thấy xương nối kết lại. Từ đó có bốn nhân duyên đưa đến sự hiện hữu.

Bốn nhân duyên ấy là gì? Đó là: thực, lễ, hành, hợp cốt cho thấy

chẳng phải thường, khổ, không chẳng phải thân, từ đó sinh ra bất tịnh, không sở hữu. Nên quán điều này. Điều cốt lõi nghe được về tướng của chỉ quán là không phân biệt thì đây là chỉ còn phân biệt thì đây là tâm quán chỉ.

Hành giả hành trì như thế nào để được kết quả tâm chỉ? Có bao nhiêu nhân để hành tâm chỉ? Nghe nói chỉ ý có hai nhân duyên quan trọng làm phương tiện để hành trì thì được chỉ tâm:

1. Niệm ác lộ.

2. Niệm An ban Thủ ý.

Ác lộ hành trì ra sao? Để hiểu được điều này thì hành giả tâm bình đẳng nghĩ đến mọi người khiến họ được an ẩn. Hành giả liền đi đến chỗ cây Phật đi đến quán thây người chết một ngày, cho đến bảy ngày, quán phình trướng, quán sắc xanh, quán như lời thề ước, quán hoại một nửa, quán thịt hết, quán huyết rưới chảy, quán xương cốt liền nhau, quán gân buộc ràng. Hoặc bạc trắng, hoặc bốn mặt phân rã ra mà không có bàn tay nào phá vỡ được. Giống như sắc chim câu, hành giả kia tự tại giữ lấy một tâm trải, phủ khiến nhận biết chẳng còn bao lâu tâm gắn liền với chỉ, nhằm để cho tâm ở chỗ phơi mở ấy chín muồi sự quán xét. Bám vào sự tự biết thì nay là chỗ phơi mở này và không gian này ở chỗ Phật tự ta nhìn thấy được. Xa hơn, trong chỗ thấy của mình nó cũng như vậy. Một chỗ, nơi tịch vắng này mà ngồi chỉ quán thì liền thấy, chẳng hạn như việc trải nhân duyên ra đất thì chỗ thấu suốt của mình đi theo liền, cũng phơi mở như vậy, thế nên việc hành trì không có chỗ cho tiếng động, không có chỗ cho lời nói. Người ở một chỗ tịch vắng liền chánh tọa thì thấy ngay chỗ Phật như trên, khiến cho ý, kiến, niệm đồng nhất với nhau. Nếu hành giả từ việc trải rộng nhân duyên mà lầm lẫn thì không lãnh nạp niệm, tâm không sinh lại bèn đi đến cây Phật để khiến cho tâm chấp nhận hình thái trải mở nhân duyên nhằm làm cho tâm tập trung lại một chỗ. Cũng dẫn niệm không rời niệm thường tại.

Trước mắt, nếu hành giả tâm dàn trải nhân duyên như ra, vào, đi xa mà luôn ở trong tâm, tâm không rời xa nhân duyên. Đêm ngày đã tại tâm là khiến cho nửa tháng, một tháng, một năm lại không những làm cho việc đi không đi sai bậy mà còn khiến cho khi đi, khi dừng, khi ngồi, ngồi một mình, khi cùng chung với nhiều chúng ngồi, khi ốm đau, khi khỏe mạnh, liên kết rơi vào thường niệm của tâm trải bày nhân duyên sừng sững ra trước mắt. Mục đích của việc trải mở nhân duyên là khiến cho niệm như vậy, chẳng phải thường là khổ, không, chẳng phải thân bất tịnh, không sở hữu. Phải biết điều căn bản này: nhân duyên, phơi mở ý và hành niệm là ba vấn đề không có khác nhau. Nếu tâm của mình ở tại chỗ phơi mở được tự tại thì liền nắm chắc âm hưởng của tự thân quán xét. Nếu thấy thây

chết cũng là tự thân, cả hai như nhau không có khác thì liền, hoặc thấy người nam hoặc thấy người yếu đuối hoặc thấy người già, hoặc thấy trai trẻ, hoặc trẻ con hoặc không đoan chánh hoặc trần truồng hoặc mặc áo hoặc trang nghiêm hoặc tự thân ấy cũng thế như là chỗ niệm dàn trải ra hoặc tâm niệm về chỗ đang niệm của mình. Chỗ đang niệm của mình với tất cả không có khác thế là đã ứng từ niệm ác lộ nhận được tâm chỉ. Đây là lúc tâm tùy thuộc không rời hành niệm và việc hành trì càng tăng lên trọn vẹn, chẳng khác nào sông chảy vào biển.

-oOo-

Chương 7: NĂM MƯƠI LĂM THỨ QUÁN

Người hành đạo phải lấy năm mươi lăm loại nhân duyên để tự xem xét thân mình:

Thân này chẳng khác nào ánh sáng lờ mờ không thể nắm bắt được.

Thân này giống như biển lớn, không hề chán, không đủ năm thứ vui.

Thân này chẳng khác nào sông lớn tự cam xin đi vào biển chết.

Thân này chẳng khác nào thứ "đại tiện" mà con người trí tuệ không ham muốn nó.

Thân này chẳng khác nào thành cát, bỗng chốc tan biến mất.

Thân này chẳng khác nào thành trì của nhiều oan gia hội lại để huỷ hoại.

Thân này chẳng khác nào cái thành biến hóa không tự có cũng không thể giữ lấy.

Thân này chẳng khác nào ải xương, thịt máu được tô đắp lên.

Thân này chẳng khác nào cái xe hư nát vì buộc ràng bởi gân mạch.

Thân này chẳng khác nào nhà chứa đầy tham, giận, si mê.

Thân này chẳng khác nào trong ao tù đọng thường u mê, lầm lạc, mất mát.

Thân này chẳng khác nào điều thiện không buồn nhớ đến, ý thường quên, lầm lỗi.

Thân này chẳng khác nào chỗ dẫn đưa một trăm lẻ tám hành vi yêu thương.

Thân này chẳng khác nào cái lọ nứt thường rỉ chảy.

Thân này chẳng khác nào cái bình vẽ vời, bên trong chứa đủ thứ tạp, đầy cả nhớp nhúa.

Thân này chẳng khác nào cái chuồng tiêu sạch bởi chín cửa.

Thân này chẳng khác nào cỗ xe đẹp chở máu người, là nơi xấu xa vậy.

Thân này chẳng khác nào ảo ảnh người si cho là thật.

Thân này chẳng khác nào ghẻ lở.

Thân này giống như cái tâm mắc dính bởi khổ đau.

Thân này chẳng khác nào cái nhà chứa hạt thối hủy hoại bởi ăn uống.

Thân này chẳng khác nào cái ổ lớn nhiều trùng, vô số trùng khu trú ở đây.

Thân này chẳng khác nào cái cốt hoán tội như đầy cả cáo, khỉ không lầm lẫn.

Thân này chẳng khác nào gốm gia dụng không nung chín, mau hỏng là vậy.

Thân này chẳng khác nào một cái đãy hai miệng, miệng vào sạch, cửa ra không sạch.

Thân này chẳng khác nào cái cán nhớp thường cán áo.

Thân này chẳng khác nào chiếc xe luôn đi về nơi chôn cất.

Thân này chẳng khác nào sương mù không tồn tại lâu.

Thân này chẳng khác nào mụt nhọt trên rỉ mủ.

Thân này chẳng khác nào kẻ mù không biết sự thật.

Thân này chẳng khác nào cái chỗ của bốn trăm lẻ bốn bệnh.

Thân này chẳng khác nào cái hầm chứa tất cả đồ nhơ.

Thân này chẳng khác nào cái hang đất, rắn độc quy tụ lại ở.

Thân này chẳng khác nào hư không mà nắm bắt là chỗ coi thường của người ngu si.

Thân này chẳng khác nào nơi mồ mả luôn đáng sợ, đáng khiếp.

Thân này chẳng khác nào cọp, sư tử cùng ở chung, bỗng nhiên nóng nảy, giận dữ.

Thân này chẳng khác nào nơi điên đảo, đố kỵ vì tám mươi tám kiến, tư, hoặc thắng thế.

Thân này chẳng khác nào bức tường thường thoa đắp, sợ chết.

Thân này chẳng khác nào đồng mạ vàng thịt phủ che mà thôi.

Thân này chẳng khác nào cái giả hợp tụ lại, trong đó thường là sáu suy vi tế.

Thân này chẳng khác nào quỷ đói thường cầu xin ăn uống.

Thân này chẳng khác nào cứ điểm lo sợ thường là già, bệnh, chết.

Thân này chẳng khác nào cái đầu lâu thối rữa thường che đậy.

Thân này chẳng khác nào oan gia thường làm nên sự việc là rước lấy nhân duyên xấu.

Thân này chẳng khác nào vỏ cây Ca-đà thọ ở giữa rỗng tuếch, người ngu si tưởng là nặng lắm.

Thân này chẳng khác nào nơi chở đưa nhiều thuyền con sang sông.

Thân này chẳng khác nào đãy đựng thịt hôi thúi.

Thân này chẳng khác nào chỗ tối thăm thẳm của sáu mươi hai tà kiến, không tự giữ mình.

Thân này chẳng khác nào là chỗ vui buồn thương ghét, có thể, không có thể, không được, không nhận.

Thân này chẳng khác nào bức tường hư nát, giống như đi theo cái ác mà nghĩ đến mối liên hệ của họ.

Thân này chẳng khác nào cái nhơ bẩn kết lại, bên trong hiện hữu cái ác.

Thân này chẳng khác nào cái không ý chí luôn gắn liền với cái suy bên ngoài.

Thân này chẳng khác nào cái không chỗ dựa, như cái nhà không điểm tựa, yêu mến hay không yêu mến là hạt sạn xốn đau tất cả.

Thân này chẳng khác nào cái không thể tiếp cận gần gũi thường vỡ vụn ra thành mảnh nhỏ.

Thân này chẳng khác nào cái không có khả năng bảo vệ luôn luôn bệnh, xốn đau tất cả.

Thân này chẳng khác nào cái không có sự tự trở về, khi cái chết đến, không được lìa ra vậy.

-oOo-

SỐ 608

KINH TIỂU ĐẠO ĐỊA

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Chi Diệu, người xứ Thiên Trúc.

Người tu đạo thì tìm nơi hơi thở, sở dĩ hơi thở không tìm được là do bốn nhân duyên. Bốn nhân duyên ấy là gì?

1. Ỷ lại vào điều thiện của mình mà không hiểu việc hộ giới, tự ham muốn tấm thân.

2. Do không giữ gìn giới nên tâm sáng suốt không sinh ra, vì tâm sáng không sinh ra mà không nhận biết được thân, vì không biết rõ được thân nên ý bị mê hoặc.

3. Không hiểu kinh, vì không hiểu kinh nên không được sáng rõ, do không thấu rõ nên ý liền nghi ngờ.

4. Không thường tinh tế tính biết mạng sống, phước ngày một hết mà tâm tự buông lung.

Vì bốn nhân duyên này nên không được hơi thở điều hòa. Người tu đạo cần tìm hơi thở và muốn được hơi thở thì cần phải biết hai việc đi và ngồi:

1. Thở gấp nghẹt.

2. Điều hơi thở ra vào.

Cũng bởi hai mối liên hệ đó mà: một là sống, hai là chết.

Thế nào là thở nghẹt? Thế nào là hơi thở ra vào điều hòa?

Chỗ khởi ý sinh là thở nghẹt, còn tâm dừng lắng là thở điều hòa.

Thế nào là sống? Thế nào là chết?

Ý diệt là sống còn ý khởi lên là chết.

Trước hết cần phải biết nhân duyên này, phải làm sao biết phân biệt nhân duyên từ đâu khởi lên và chấm dứt. Sự việc này do bốn đối đãi. Bốn đối đãi này là gì?

1. Không biết ăn, ăn nhiều, không học hỏi, không kiềm chế, tham mùi vị quá mức.

2. Ý chạy theo sắc không thẩm xét, tinh tế suy tính, cầu nhiều, tự ham muốn đó là những loại thuộc về gốc của khổ.

3. Ý khiếp nhược, triền cái khởi, nhiều ngủ nghỉ, đánh mất bản niệm, hướng theo những thứ giống cây tà trong mộng.

4. Nghi hoặc nên ác khẩu ngày một tăng lên, lời nói hai lưỡi, rơi vào sai trái, lầm lỗi, sân giận, nóng nảy, thân miệng không đi đôi với nhau.

Bởi thế, nên không rơi vào thiền khí, muốn tiếp cận được thiền thì phải làm sao?

Phải thường đếm, tư duy hơi thở nặng nề, hơi thở điều hòa sinh diệt không còn khởi lên. Phải hành trì những gì lúc ấy tư duy phân biệt? Vấn đề lại cũng ở bốn nhân duyên:

1. Gần Thiện tri thức.

2. Biết nhận lãnh lời nói không vọng.

3. Siêng tụng kinh, sớm tối tập ý.

4. Gìn giữ giới thì chớ cách lìa pháp hơi thở mà dễ được.

Thân có bốn bệnh: Hoặc khi đất nhiều thân không được an; hoặc khi nước nhiều thân không được an; hoặc khi lửa nhiều thân không được an; hoặc khi gió nhiều thân không được an. Bốn thứ này nếu được an thì thân được định.

Tâm có bốn bệnh:

1. Si mê nhiều thì tâm không được định.

2. Nóng giận nhiều thì tâm không được định.

3. Dâm dục nhiều thì tâm không được định.

4. Nghi ngờ nhiều thì tâm không được định.

Bốn việc mà không an thì tâm không được định.

Hơi thở ra vào cũng có bốn bệnh: Hoặc khi nhiều tìm cầu thì hơi thở không được yên lặng; hoặc khi nhớ nghĩ nhiều thì hơi thở không được yên lặng; hoặc khi hoan hỷ nhiều thì hơi thở không được yên lặng; hoặc khi khò khè nhiều thì hơi thở không được yên lặng.

Đạo nhân hành đạo lìa bỏ được nhân duyên này thì liền được định tâm.

Nếu thân béo mập nặng nề, ghẻ nhọt, phì nộn, muốn ngồi thì thân không được an; hoặc khi ăn nhiều thì nóng đốt bức lên, thân không được an; hoặc khi uống nhiều thì căng nước thân nặng, mắt mở không nổi, thân không được an; hoặc khi ăn nhiều rồi lại ăn nữa, tham vị quá mức không

học hỏi, không kiềm chế, gió liền bốc lên, không được an, cũng có nghĩa là thiếu ăn.

Nếu nhiều si muội thì luôn hạn chế vào chỗ đám đông người tụ tập, trước hết phải tụng kinh không cần đa văn, chỉ nên tự giữ cho tốt.

Nếu nhiều sân nhuế thì không cần phải ở nhà, nếu ít sở hữu.

Nếu nhiều dâm thì không nên xem kỹ nhạc và các sắc đẹp.

Nếu nhiều nghi thì luôn hạn chế nghe sự khéo nói, lời hay, thường tự gìn giữ, tư duy, tránh đối đáp.

Nếu tìm cầu nhiều thì thường phải nhớ nghĩ, không luôn ngồi chìm đắm trong ý nghĩ.

Nếu nhớ nghĩ nhiều thì thường phải làm sáng tỏ cho được chỗ ý nghĩ của ta điều là cái gốc của khổ đau.

Nếu vui mừng nhiều thì không được tính toán để cái khổ kéo dài ở đằng sau, phải mau kiềm chế.

Nếu thở khò khè nhiều thì thường phải biết tâm mình không nên hay nói ra lời xấu ác, ngồi tạo ra tội.

Người tu đạo hành đạo mà không biết nhân duyên này thì rốt cuộc không thể gần đạo. Lúc nào cũng phải kiềm chế điều này, tâm được sáng dần lên thì dễ được đạo.

Người tu đạo cần sự hướng đạo, điều cần phải biết là niệm quá khứ đã thuộc về quá khứ, đừng bao giờ nghĩ đến nó nữa. Vì sao vậy? Bởi vì biết về nó là gieo trồng, ví như gieo các loại hạt, trồng lúa thì liền nghĩ đến việc thu hoạch lúa, trồng đậu thì nghĩ đến việc thu hoạch đậu. Vì sao? Vì đó là sự sống.

Niệm cũng như vậy, vì gieo niệm thì liền sinh ra, tất cả các duyên hội tụ, ở nơi mười phương để chờ cái họa phước phải nhận lãnh. Điều thiết yếu là không thoát được khổ. Rơi vào sự giết hại thì liền trồng lấy sự giết hại. Giống ăn trộm là gieo sự ăn trộm. Giống dâm là gieo dâm. Giống hai lưỡi là gieo hai lưỡi. Giống ác khẩu là gieo ác khẩu. Giống nói dối là gieo nói dối. Giống thêu dệt lời là gieo sự thêu dệt. Giống ghen ghét là gieo sự ghen ghét. Giống nóng giận là gieo nóng giận. Giống nghi ngờ là gieo nghi ngờ. Cho nên tất cả là niệm chất chồng thêm niệm khó lìa được khổ.

Phải nắm lấy những gì là xa lìa được các khổ? Điều cốt lõi là phải thiền khí nghĩa là không còn trồng lại mười điều ác trên, xa lìa các việc ấy thì những chủng tử khác dần dần sẽ tiêu mất. Vì sao? Vì giống như gieo hạt, tuy thu hoạch được nhiều, song nếu không gieo giống trở lại, chỉ

ăn dần dần, ăn mãi mà không dừng lại để trồng thì cũng có lúc hết sạch gạo mè… Thiền khí cũng như thế. Vì sao? Vì không gieo trồng trở lại. Do rơi vào thiền khí thì tội dần dần tiêu diệt. Vì sao? Vì cần một ít thiền khí là được phước rồi, phước được sinh ra thì vạn ác đều hết, chỉ cần gieo đạo, trồng niệm. Đạo đã được sinh ra thì liền thông tuệ, vì được thông tuệ thì có thể cứu sống người cũng như có thể tự cứu sống lấy mình.

Người tu đạo thì hướng cầu Phật đạo, hiện đời muốn biết rõ về tri, hành của tâm, vấn đề cốt yếu là ở nơi ba niệm: Có niệm quá khứ, niệm tương lai, niệm hiện tại đều có niệm phước, có niệm tội.

Hoặc nếu lúc đọc kinh, hành thiền mà bỗng nghĩ đến sự việc xưa cũ đã từng vì người mà nhẫn nhục hoặc bị rơi vào lãnh vực háo sắc thì nhân niệm sinh ý là tạo nên đầu, chân tội. Lại nữa, tội càng tăng lên thì không thể nào tự kiềm chế. Từ nhân duyên này mà phạm tội là gốc của khổ. Đây là niệm quá khứ tội.

Hoặc lúc từ trong thiền, hoặc đọc kinh mà bỗng sinh niệm thiện, niệm trong sạch là sở hành của khổ lạc, tư duy biết được nó không thường. Đây là phước niệm của quá khứ.

Hoặc khi an tịnh, bỗng niệm loạn sinh ra. Niệm tạo tác chẳng phải thường thì liền mất bổn niệm. Tìm kiếm nhiều tham, dâm, thì tạo ra niệm đeo đẳng. Đây là niệm tương lai tội.

Hoặc khi nếu được an tịnh thì niệm trồng niệm thiện, từ nhân duyên này mà tăng sự thông sáng. Đây là niệm phước vị lai.

Ngay thẳng sống ở gia đình, tự thủ hộ, trì giới mà tà niệm sinh ra, niệm nghĩ nơi nhiều súc vật trong loài lục súc thì sự lo âu mất giới lại càng tăng lên. Đây là niệm tội hiện tại. Nếu sống với gia đình mình mà tự thủ, trì giới, niệm thiện lại tăng lên hằng muốn rời bỏ gia đình. Đây là niệm phước hiện tại.

Hướng đến cầu Phật đạo thì trước nhất phải hiểu rõ tội, phước này thì thông tuệ mới có thể tăng lên. Nếu cầu La-hán thì đoạn trừ tất cả. Đây là hướng cầu Phật đạo. Nếu chỉ muốn tăng phước nhiều thông tuệ thì cầu La-hán. Nếu chỉ muốn đắm mình vào thiền, diệt ác thì thông tuệ kia đi liền theo sau. Cầu Phật, tăng phước thì điều thiết yếu là phải nghe nhiều còn được thông tuệ thì quan trọng là đọc tụng kinh. Muốn biết được điều ấy thì quan trọng là ở nơi giữ gìn giới. Hộ giới thì có thể hiểu kinh, đó có thể là phước của người mà cũng có thể là phước của chính mình.

Người tu đạo hướng cầu Phật đạo, hiện đời muốn hiểu tâm hành của Bồ-tát, điều thiết yếu phải biết về ba giới này:

1. Phải biết trì giới cũng là nắm giữ giới.

2. Phải biết không phạm giới cũng có khả năng trì giới.

3. Phải biết giới, thấu triệt giới, có khả năng trì giới cũng hộ trì giới.

Thứ nhất phải biết nắm giữ giới: Nếu người có vợ, con sống ở nhà nhưng luôn chay tịnh không mất thì đây là giữ giới. Một mình không vợ con, tự giữ gìn không hướng tà vạy, là giữ giới.

Thứ hai phải biết không phạm giới: Nếu người mắt thấy, tai nghe có khả năng không dễ rơi vào âm thanh, sắc tướng cũng như tất cả cái khác thì đây là không phạm giới.

Về sự rét khổ lại vì người mà nhẫn nhục thường không để mất bổn niệm thì đó là giữ giới cũng là tương ưng với nhẫn nhục.

Thứ ba phải biết giới: Biết người nào nắm giữ giới gì thì đây là biết giới. Hiểu rõ giới là biết người nào đó vui với đạo là cha mẹ, bà con thân thuộc, Thiện tri thức là chỗ chẳng phải ganh ghét, không bao giờ ở trong chỗ đông người, hiểu biết thuyết giới.

Người có khả năng trì giới là phải biết rõ năng lực của người tương ưng với nghiệp gì, tùy sức lực của họ đảm nhận mà giao cho khả năng ấy khiến không mất giới.

Hoặc tăng hoặc giảm tùy bệnh mà cho thuốc thì đây là khả năng giới.

Người hộ giới là tất cả phải hộ giúp, gần gũi, thuận theo, phải đạt được ý ấy, xa rời ác tri thức, phải có sự bảo hộ ý. Muốn thuyết mười phương, nhân phi nhân, hoặc ở nơi ca xướng, đàn hát hoặc ở nơi dâm sắc thì thường hay chỉ bày nhiều ít về ý nghĩa thiện với ngôn từ khéo léo không rối loạn ý, lại khiến cho họ có phước thì đây là hộ giới.

Người hành đạo Bồ-tát hướng cầu Phật đạo thì, cốt yếu là phải biết các hành nghiệp ấy thì mới có thể giải thoát cho người cũng như có thể giải thoát cho chính mình, lại có thể là nghiệp của người mà cũng có thể là nghiệp của mình.

-oOo-

SỐ 609

KINH THIỀN YẾU

Hán dịch: Mất tên người dịch,
ghép vào mục lục đời Hậu Hán.

Phẩm 1: QUỞ TRÁCH DỤC

Hành giả cầu đạo, khi muốn tu định thì Pháp sư phải tùy theo căn, tướng mà hành bốn Nhiếp đạo, chỉ bày sự lợi ích, hoan hỷ rộng tin vào tịnh giới. Sau khi tin vào tịnh giới rồi kế đến là trừ sáu dục đó là: sắc dục, hình dung dục, oai nghi dục, ngôn thanh dục, tế hoạt dục nhân tướng dục. Dính mắc với năm dục ở trên là phải khiến quán thấy tướng bất tịnh khả ố của nó. Dính mắc với nhân tướng dục là khiến quán sát tướng xương người phân cắt từng phần.

Quán sát toàn thây ấy thì có thể đoạn được hai dục là oai nghi dục và ngôn thanh dục. Còn quán sát thây chết tan rữa thì hoàn toàn đoạn trừ được sáu dục. Có hai loại quán bất tịnh:

1. Tức quán tử thi thối rữa bất tịnh, thân ta không tịnh cũng lại như vậy. Quán sát như vậy rồi, tâm sinh ra chán ngán lo âu. Giữ lấy hình ảnh này, rồi sau đó đi đến chỗ nhàn tịnh là núi, hồ, nơi mộ địa, nhà bỏ trống, dưới cây, tự quán sát xét chỗ bất tịnh khả đắc. Tâm buộc vào trong thân không để cho chạy tán loạn như ngựa.

2. Hiểu biết, ghi nhớ pháp.

Tự quán trong thân, phân biệt được ba mươi sáu vật, đó là tóc, lông, móng, răng, nước ghèn, nước mũi, nước dãi, nước miếng, mồ hôi, cấu, mỡ dưới da, da, mô, cơ, thịt, gân, mạch, tủy, não, tim, gan, lá lách, thận, phổi, bao tử, ruột già, lòng, bàng quan, mật, đờm, sinh tạng, mủ, máu, đồ đại tiểu tiện, các trùng, chúng thối tha, dơ dáy, chứa đầy những thứ không sạch lấy làm thân. Xưa nay năm đường lửa bốc cháy hừng hực các khổ, giống như thây chết nổi lên muốn trôi đi Đông, Tây thì tùy, chỗ nào nó đến là đều bị ô nhiễm.

Lại nữa, phải nhớ rằng thân ta lấy xương làm trụ, lấy thịt làm hồ, gân buộc ràng xung quanh, tưới ướt như mụt nhọt, như chất độc; da, lông, chín

lỗ làm cửa ngõ; ruột, dạ dày, bọc, màng làm kho chứa; lười biếng, khinh mạn, tâm ác thì mới gọi đó là thân, tham cầu không chán giống như nước khe chảy. Bởi vậy, hành giả phải nhớ nghĩ trừ ba dục, khi thọ nhận của tín thí thì tưởng nó như là lửa độc, nghĩ đến sự cứu lấy các côn trùng, nghĩ tưởng vào tử thi; nghĩ đến nước dãi, răng nhơ, là đồ ngon chất bổ; nghĩ đến việc ta không có tuệ không làm hủy hoại pháp lành; nghĩ về nhân duyên tham ái mà hình thành đường ác. Phải tư duy và tàm quý đầy đủ như vậy thì có thể vượt qua biển sinh tử, làm ruộng phước cho đời. Hoặc quán xét xương người là quán xét đầy đủ giáp cốt hai chân, xương ngón tay chân, xương mu bàn chân, xương mắt cá, xương cẳng chân, xương đầu gối, xương đùi, xương háng, xương lưng, xương sống, xương cổ, xương đầu, xương cằm, móng, xương hai tay, xương ngón tay, chân, xương lòng bàn tay, chân, xương cổ tay, xương cánh tay, xương khuỷu tay, xương bắp tay, xương ngực, xương tim, xương răng, xương sườn; tư duy trước sau như vậy tất cả đều như mắt thấy. Chỗ dính liền với phần bên ngoài thân cũng quán như vậy: ba trăm hai mươi tướng xương là cột trụ ở bên trong. Cái đãy da, chín lỗ xấu xa, chèm nhem ở bên ngoài.

Quán xét thân như vậy chẳng khác nào thây quỷ chết đứng dậy lặng thinh đi lại, thường là tử thi này, tức là đối với thân ta nghĩ tưởng như tử thi. Tưởng như màu xanh bầm, tưởng sình trướng, tưởng mủ thối tha, tưởng vỡ rữa, tưởng bùn máu nhẫy nhụa, tưởng bị ăn tàn, tưởng dòi bò ra, tưởng xương tiêu hết, tưởng phân rã, tưởng thối rữa hoàn toàn, tưởng thế giới chúng sinh không thể vui. Nếu tâm hoảng sợ thì nên quán không vào nhân duyên hư vọng, giống như huyễn hóa, quán không sở hữu, quán trí thanh tịnh đệ nhất nghĩa không. Nếu tâm biếng nhác thì phải tự trách rằng: già, bệnh, chết, khổ đã đến rất gần, mạng sống như tia chớp thoáng có là mất ngay, khó mà giữ cho được. Thân người khó được, thầy tốt khó gặp, Phật pháp sắp mất, lời chân chánh tợ như phản lại. Như ngọn đèn lúc ban mai, tuy hiện hữu nhưng lại vô dụng. Người ác xuất gia tiếp tay với kẻ tục phá pháp, tham dâm, tà trược làm cho đạo suy tàn. Ác pháp cứ tăng dần, ngu tối bao trùm, phá nhân duyên định, các tai nạn thật nhiều. Bên trong là cái phiền não, bên ngoài là ma và các quyến thuộc của ma. Quỷ, ôn dịch lan tràn tai vạ, thế gian hoang vắng, cái ác pháp hoành hành, não phiền vạn mối tám khổ luân hồi ngày đêm không ngớt. Thân ta đáng thương, họa này sẽ đến. Với giặc phiền não chưa có mảy may diệt trừ, với pháp thiền định chưa có chỗ nào đạt được. Tuy mặc pháp y song vẫn còn mùi vị của tư dục, bên trong thật sự rỗng tuếch không khác gì người thế tục. Tất cả các cửa ác thú đều mở

đón chờ. Trong các thiện pháp thì chưa hề vào chánh định, còn các ác pháp thì không ác pháp nào là không làm.

Ta nay tại sao phải đắm vào cái đãy chứa phân này mà sinh ra buông thả, kiêu ngạo, không thể siêng năng chế phục tâm của mình?

Thân rách nát như đây là chỗ chê trách của Hiền thánh, bất tịnh, gớm ghiếc, chín lỗ cứ chảy ra mãi. Nếu tham tấm thân này thì chẳng khác nào là loài súc sinh. Chết đi là lao vào chỗ rất đen tối thì phải dựa vào chỗ nào? Nay đã được thân người không thể đặt thành vấn đề trọng đại rằng: Nếu sinh vào ác thú thì do đâu mà được giải thoát? Phải dắt cái tâm quay về bản xứ. Lại nữa, khi khuyến phát thì phải làm cho tâm vui vẻ thoải mái. Tuệ mạng Pháp vương giải thoát là thường trú, thần thông toả sáng luôn luôn chiếu suốt năm đường, nói thẳng đạo giáo dễ hiểu, dễ làm. Đã là thầy của ta, ta đã quy mạng thì hương hoa tán thán, tâm an ổn vui mừng như nương vào trời Đế Thích mà đi trong hư không, không hề lo sợ. Các Đại Bồ-tát, A-la-hán… đều là đồng bạn bè với ta vì đã có thể chế phục được tâm, như mèo chế phục chuột, các căn điều thuận, lục thông tự tại. Ta cũng như vậy, cần phải tự chế phục tâm để cầu ra khỏi sinh tử. Như người nhốt vào ngục bốn phía vây kín mít chỉ có một lỗ xí mà không còn lối nào khác. Như chất độc trong người chỉ có phân uế mới trị được, không còn thứ thuốc nào khác. Tư duy được điều này là đã nhìn thấy rõ được cái bất tịnh. Lại phải suy nghĩ điều này: Khi bắt đầu tập hành trì thì tâm nhiều tiến thoái, gió tám pháp ác thổi phá vỡ tâm ta. Nếu như ta đắc đạo, tâm an như núi thì dù cho ngũ dục thượng diệu đến đâu cũng còn không thể hoại được huống chi là loại dục hạ đẳng. Như Đại Mục-liên chứng La-hán đã bị người đàn bà nọ dẫn người ca kỹ đẹp trang sức tuyệt đẹp đến muốn phá hoại Mục-liên.

Lúc bấy giờ, Mục-liên đã vì người ca kỹ thuyết kệ rằng:

Thân ngươi dàn xương đứng
Da thịt bọc bên trong
Trong thân đầy bất tịnh
Không một vật nào tốt.
Đãy da đầy phân dơ
Chín lỗ, máu thường luôn
Như quỷ không ngay thẳng
Lấy gì để quý trọng!
Thân ngươi như phân thải
Da mỏng tự che lấy
Trí giả vất xa nó

Như người thải bỏ phân.
Nếu ai biết thân ngươi
Đều chán ghét như ta
Tất cả đều lánh xa
Là như tránh hầm phân.
Thân ngươi tự trang điểm
Dùng anh lạc, hương hoa
Phàm phu mới tham ái
Trí giả lầm được sao.
Thân ngươi đầy bất tịnh
Gom các vật nhớp nhơ
Tuy mặc áo quý, đẹp
Như nhà xí điểm trang.
Sống lưng ngươi dính sườn
Như rui dựa đòn tay
Bên trong là ngũ tạng
Bất tịnh như đãy phân.
Ta thấy ngươi không tịnh
Giống như phân năm màu
Ngọc, anh lạc làm đẹp
Tốt mã như hình vẽ.
Nếu người muốn tịch vắng
Trước sau không đắm trước
Ngươi muốn đến quấy ta
Như thiêu thân vào lửa.
Tất cả các dục độc
Ta nay đã diệt sạch
Ngũ dục đã rời xa
Lưới ma đã xé nát.
Tâm ta như hư không
Tất cả không chỗ đắm
Sắp đến Chánh Sử Thiên
Tâm ta không thể nhiễm.
Đoạ tục sống đời khổ
Mạng sống giống tia chớp
Khi già, bệnh, chết đến
Chẳng dũng mãnh đối đầu.
Không người thân cậy nhờ

Không chỗ để ẩn nấp
Phước trời còn phải hết
Mạng người có dài đâu!
Mạng còn nguy hiểm hơn
Như gió thổi vào mây
Mây tan rã thật mau
Thân mạng không kéo dài.
Thân chết hồn linh tán
Đó không phải thân ta
Lúc gắng sức tinh tấn
Khó được không hơn người.
Sinh tử không tuyệt dứt
Vì thích mùi tham dục
Nuôi giận chất cao mồ
Nhận lầm các khổ đau.
Thân thối như thây chết
Chín lỗ chảy bất tịnh
Như dòi bọ thích phân
Ngu tham thân không khác.
Ở trong cung, mà sáng
Giữa sắc vị năm dục
Ý chí không cam vui
Thường nghĩ thiền u ẩn.
Ngày đêm nhìn song cửa
Có trời vòng tay thưa
Thời đến, nay đáng làm
Bọn ca hát đều ngủ.
Thế gian không đủ vui
Luôn đầy cả ưu não
Hội hợp chính ân ái
Lại phải vào biệt ly.
Gia thất thay nhau khóc
Chết không biết chỗ đến
Người tuệ thấy khổ đế
Cho nên học hành đạo.
Thế gian ngày vui ít
Ưu não lại quá nhiều
Do đâu bị khổ này

Tự làm không do ai.
Người tục thích ân ái
Oan gia chính là đường
Giàu sang là gốc khổ
Như chim sa vào lưới.
Mạng người lướt rất mau
Năm ngựa không thể đuổi
Ngày qua mau, mạng tàn
Mỗi mỗi tự tư duy.
Hiệp hội, chính ân ái
Hễ thịnh ắt có suy
Cho nên tự dứt ra
Đắc đạo ắt lại về.

-oOo-

SỐ 610

PHẬT THUYẾT KINH QUÁN CHƯƠNG CÚ TRONG THÂN

Hán dịch: Thất lạc tên người dịch, xếp vào mục lục đời Hậu Hán.

Tất cả một tâm mình
Đều nghe dạy lời hay
Sở hành Phật đắc đạo
Kinh ấy được tôi nghe.
Cái "Không" cũng chẳng đoạn
Có hành đều chẳng thường
Hễ hành không bại hoại
Phật giảng, trao truyền kinh,
Việc sâu xa khó gặp
Nguyên là Cú, chẳng Chương
Thông đạt khéo diễn bày
Vì vậy nên làm thầy.
Từ gốc vì còn gốc
Tạo tác Pháp tích tập
Từ tuệ mà trừ bỏ
Chỗ giảng thuyết Thượng sĩ.
Từ chỗ nhân duyên có
Có hành đều không có
Cũng có, trừ đời trước
Không biết các hành kia,
Cũng như muốn nói thân
Chỗ giảng ngày ngày gần
Rằng tai họa vô số
Đều chảy hết về thân.
San định như bổn văn
Diễn thuyết điều trọng yếu
Câu năm chữ mỹ lệ

Dùng minh thệ khuyến tu.
Do tụng văn đầy đủ
Âm ngẫu tự vừa tròn
Như hái các hoa trái
Nghe nói ta đều hối.
Thân phi nhân, phi mạng
Phi sĩ, chẳng trượng phu
Hoặc thể hoặc diễm lệ
Việc ấy không có vậy.
Thân tạo tác mà có
Do có, có hoại diệt
Yếu mềm đều diệt vong
Như bọt nước vỡ tung,
Không mạnh thì vô thường
Vô thường thì không vui
Vô thường cũng là khổ
Phi thân, thân phi ngã.
Thân chẳng thường và khổ
Là thân chẳng phải nó
Có ngã, có khổ, đẹp
Thân đều không thật có.
Cho có không thật thể
Có còn cũng có mất
Người trí rõ gốc ngọn
Những gì có thật thể?
Nếu không có chủ nhân
Không được sự tự do
Như vậy mà so tính
Thân nào thật có ngã?
Thể ấy thân là không
Thể có ngã là vọng
Theo nhân duyên hiện hữu
Ngoài thân chết tâm tạo
Thân tạo chẳng ngoài ai
Cũng chẳng tự thân tạo
Đều không có thân tạo
Cũng chẳng thân không tạo
Vì thân không tạo ấy

Từ đó được chắc thật
Cũng chẳng gồm xương đốt.
Từ đời trước đến nay
Chẳng trời phải tạo thân
Chỗ tạo thành phi thần
Chẳng không hành vô bổn
Vô nhân là tự có
Thân này từ đó ra
Có sự cũng có vật
Có gốc có chỗ khởi
Chút ít là có sinh
Gốc từ si cùng ái
Tâm với ái hữu lậu
Cũng có buộc có ràng
Hành hai phẩm là lậu
Đó là gốc cũng khác.
Đời cùng thọ nhân duyên
Vì do ái thân nầy
Từ tiềm năng đến có
Mới đầu hiện tinh bọt
Tinh bọt chuyển ngưng tụ
Hội đủ sinh hạt sương
Từ sương chuyển lớn dần
Mở đầu có bốn thể
Thể năm hình thành đầu
Tích tụ bao nhiêu xương
Từ hành mà thành dụng
Chín là cái sọ đầu
Trán, mũi là hai xương
Răng ba mươi hai gốc
Ba mươi hai xương răng
Thân mình liền với cổ
Mũi liền với vòm họng
Tim cùng cổ, yết hầu
Gồm là mười tám xương
Bốn xương hàm, má, cổ
Họng cũng là bốn xương
Cánh tay mặt, tay trái

Gồm lại năm mươi xương
Nếu chia sườn thân trái
Cần có mười ba gân
Cũng vậy chia sườn phải
Cần có mười ba gân
Ấy là bốn mươi tám
Ba, ba, ba liền nhau
Hai là hai liền nhau
Ngoài ra, không liền nhau
Lấy thân làm bờ cõi
Như buộc lau không cùng
Xương sống, ba mươi hai
Xương khu, eo lưng là ba
Nếu chia đùi trái thân
Xương là hai mươi lăm
Đùi phải là cũng vậy
Là hai mươi lăm xương
Vế vai có bốn xương
Gồm ba trăm hai mươi
Dàn khắp các bộ phận
Phật dạy sự dứt nối
Thân giả đều do tụ
Các căn là chỉ vá
Chẳng nhọt may bọc nhọt
Thân đắp bằng máu thịt
Như cơ quan sợi cây
Như ảo sư ảo thuật
Cơ quan xương cũng vậy
Lấy gân buộc ràng thành
Xương kết hợp như vậy
Làm nên hình thể này
Kẻ ngu đều vướng mắc
Người trí mới không lầm
Da sinh để che chở
Chín lỗ là nhọt lớn
Toàn thân là rỉ chảy
Bất tịnh, chỗ thối tha
Như cái lỗ, miệng mổ

Đầy lỗ dùng ngũ cốc
Thân này là thế đấy
Truy xét nhiều tanh thối
Lông, tóc cùng móng, răng
Bụi đất cùng da bọc
Xương đốt cùng cốt tủy
Phàm gân là hệ mạch
Hệ tim dạ cùng lách
Ruột già cùng ruột non
Hệ gan, phổi cùng thận
Mỡ da cùng phân thải
Nước mắt, dãi cũng bẩn
Mũi, nhờn, mỡ cùng máu
Nóng lạnh mở tiểu tiện
Hệ não và mô não
Đều đem nhận chìm nó
Như trâu già đắm bùn
Mà thành bùn không biết
Trong với ngoài của thân
Ôi! Thành xương với vách
Thịt, máu nhào nặn khéo
Vì oán làm phá hoại
Luôn là do trong, ngoài
Trong đó trăm ngàn thứ
Do vì tham thân thịt
Ngoài thân cũng tai hại
Đều do cực kỳ tham
Thân ấy thối bại hoại
Giống như thành cũ rích
Đêm ngày canh giữ nó
Đã hoại rồi lại hoại
Như chỗ lõm không tụ
Đạo tặc luôn cùng ở
Giữ mình, khinh người khác
Thân là hang rắn hổ
Ôi! Rắn độc cực độc!
Thường cư ngụ nơi than
Vui, nóng, giận, dối che

Tin, không hòa đại độc
Phiền não đầy trăm tuổi
Luôn lấy hòa an ổn
Người giận không phản lại.
Trong thoáng chốc bất an
Thân này là tai họa
Hiềm mới có hoảng sợ
Như cọp dạo đầm hoang
Sợ có nhiều khủng bố
Các niệm là vì mong
Vì tất cả vật khổ
Cũng là các trò kịch
Thân này chủ là thọ
Chìm vào pháp của khổ
Tất cả nhà các bệnh
Là pháp của già, chết
Thân làm tăng ân ái
Khổ vì lạnh cùng nóng
Hoặc gió mà không hòa
Vậy bệnh mới sinh ra
Làm bại hoại các căn
Ôi! Giặc bệnh hại người
Già, chết cột thắt họ
Như đống tuyết có lửa
Bệnh mới mau giải trừ
Như đây là vô số
Thân nhiều sự tai họa
Ta diễn nói tất cả
Chưa thể được đầy đủ
Chính yếu vì các khổ
Thân thối là không thật
Nhiều nhân duyên mà thành
Đại tà cho là thân.

-oOo-

Chương: MƯỜI MỘT NHÂN DUYÊN

Phật dạy:

–Hành giả có mười một nhân duyên làm mất đạo, ta chế ra là khiến mọi người được tỏ ngộ mà không rơi vào đường ác. Người không biết cho là lẽ thường của vạn vật:

1. Quy tụ đông đảo, nghĩa là quần chúng nhân dân.

2. Ăn nhiều, nghĩa là các thức ăn ngon cũng có nghĩa là quá no.

3. Nhiều việc làm, nghĩa là nhiều nghề.

4. Huyên thuyên, nghĩa là lý sự nhiều lời.

5. Ngủ nghỉ quá nhiều.

6. Ý tập trung, nghĩa là ở trong thiền.

7. Huân tập nhiều việc làm, nghĩa là nhiều việc.

8. Thương thân.

9. Khinh, nghĩa là nói lời phi pháp.

10. Tham, nghĩa là đa dục.

11. Không thích sống ở nơi thiện, nghĩa là sống giữa người ác.

Người hành đạo phải đoạn mười một nhân duyên này thì đắc đạo nhanh.

-oOo-

SỐ 611

KINH QUÁN PHÁP

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Trúc Pháp Hộ,
người nước Nguyệt Thị.

Phật dạy:

–Thứ nhất vì sao đếm hơi thở? Vì vận dụng hơi thở nhẹ để dễ biết. Do người thế gian đều tham thân chưa có thể xả bỏ thân để giữ ý.

Lại nữa, việc trong thân khó phân biệt được, đều không tin vào cái gốc không có, không dừng? Vì sao nói là không ý? Vì điên đảo huân tập hơi thở mà thấy có không, nên trước hết nói về hơi thở. Người hiểu được một chút ít về ý thì đã tự cho là hành đệ nhất thiền.

Phật dạy:

–Tọa thiền phải ba định. Ba định ấy là gì?

Một là thân định; hai là khẩu định; ba là ý định. Cảm thọ dừng là thân định. Tiếng nói dừng là khẩu định. Ý niệm dừng là ý định. Niệm dừng là thọ, hành thường niệm đạo; tiếng nói dừng là đoạn dứt bốn điều ác; cảm thọ dừng là không chạy theo tham ý bên trong của mình.

Thân định, khẩu định, ý định được thế phải lập giới thân, nắm giữ ý. Gìn giữ giới thì tất cả không chỗ phạm. Lại nữa, nắm giữ thân, ý thì gọi là trị. Trị thì nắm giữ ý, ý hành ba mươi bảy phẩm kinh vậy.

Kinh nói rằng: "Điều không biết, chỗ không thể dừng là ở trong hơi thở mà không biết được ý đi thì không thể dừng được ý."

Như vậy, phải tinh tấn hành trì, ra sức gìn giữ, ngồi ngay ngắn, khoanh tay, cúi đầu, nắm giữ ý. Trong tâm dính mắc vào cái bên trong thì tùy theo đó mà tự sinh diệt, lúc biết được sự hành hoạt của ý rồi thì ý liền có thể dừng lắng và ý sẽ không bị che lấp. Che lấp là do sự nghe nhận, hý luận và nghi hoặc, sáu căn như vậy là không thể được.

Phật dạy:

–Ý Sổ tức là không làm cho ý rong ruổi theo số hơi thở, phải khiến cho ý không được rong ruổi, hành hoạt là ý gì?

Phật dạy:

–Đã ba định, giới giữ đúng luật là người hành đạo, yêu mến đạo pháp. Cho nên kinh bảo rằng: Tham đạo pháp hành đạo, đã tọa thiền hành đạo là đầu đêm, cuối đêm sợ con ngựa ý, giữ gìn cái ăn, mặt trời ngả về Tây trong mười dặm, đến tối, đây gọi là Tứ thủ, phải tinh tấn không rời nó, đó là lực siêng năng. Vào những lúc nửa đêm, mặt trời mọc, giữa ngày, lúc xế bóng, mà đọc kinh, kinh hành, nhiễu trong ngoài tháp đó gọi là bốn đình chỉ; tự quán thân thể ở trong thì thấy năm diệt; ngoài từ đầu đến chân, từ chân đến đầu, mỗi mỗi quán thấy các thứ ấy có những gì? Tất cả đều đang hôi thối mỗi mỗi bộ phận đều phân rã vốn không sở hữu, một mai rồi sẽ bị trừ khử, diệt tận không sở hữu. Ngược lại, dụng công phu tâm ý hồi niệm cùng không thể giải trừ; mắt thấy người chết phải suy nghĩ kỹ, từ đầu đến chân hoặc ngồi hoặc đứng hoặc ăn cơm thường niệm Từ bi, dụng tâm kiên cố, đó là Sở niệm. Lúc hơi thở ra vào mà được niệm diệt, khi rõ biết hơi thở đã diệt tận đó là Vô sở niệm. Tư duy, giảo kế, biết người, vật đều phải diệt tận ý dừng nghỉ rồi thì mới vào định, rõ biết tánh không. Cho nên kinh bảo rằng: Một là gắng sức; hai là đếm niệm; ba là tư duy.

Phật dạy:

–Tự quán thân mình, có lúc phải quán thân người khác phải quán thân thì đếm hơi thở tinh vi; phải quán thân người khác là tự quán thân ý dính mắc; phải quán thân người khác là thân bại hoại có khi vừa tự quán thân cũng vừa quán thân người khác là tự quán thân mà ý không dính mắc. Quán xét mình và người là tự quán thân mà ý không dính mắc. Có thể quán thân người khác cũng là quán thân tâm người khác mà không vướng mắc. Có khi không thể tự quán thân mình cũng không thể quán thân người khác. Không thể tự quán thân, đó là tự thấy thân phì, trắng, đẹp; không thể quán thân người khác cũng là thấy thân người khác phì, trắng, tốt, đoan chánh, mày trơn nhẵn, đỏ tía bông. Thấy phì thì nghĩ đến phình trướng; thấy trắng thì nghĩ đến xương người chết; thấy lông mày nhẵn nhụi thì nghĩ đến người chết sắp hoại khi ấy chuyển màu sang xanh đen; thấy đỏ tía thì nghĩ đến máu. Tất cả đều sẽ thoái hóa, tan hoại, đáng tham như thế nào được?

Tâm này tự quán thân có ba mươi hai vật gồm: tóc, lông, móng, răng, xương, da thịt, ngũ tạng, mười một thứ này thuộc về đất; nước mắt, nước mũi, đờm, mủ máu, mỡ, tủy, mồ hôi, nước tiểu, bảy thứ này thuộc về nước; lạnh nóng, làm chủ tiêu thực, hai loại này thuộc lửa; gió có mười hai vấn đề. Ba mươi hai vật này đều từ đất, nước, gió, lửa mà ra.

Như thế nào là đất?

Người sống là nhờ từ tinh khí lúa gạo. Lúa là đất, ý là trồng, tinh

khí là nước mưa liền hợp lại mà sinh ra thân. Cầu một cái áo, một bửa ăn thì đó là hộ chủ dưỡng khí. Thân người là vốn không, nên vô thường diệt tận. Đắc đạo thì liền biết thân là chẳng phải thân, nghĩ đến thân không tồn tại lâu, tất yếu phải chết, phải suy thoái. Ý là người trồng bởi thế phải giữ ý nhất tâm. Người si mê không giữ lấy ý bảo vệ thần hồn thì chỉ nuôi bốn cành thân mình đó là sắc vị là chỗ đáng xem nhẹ, nghĩa là nghĩ đến thân mình không biết tất cả cái ác đều là từ thân khởi lên. Ăn uống, tham vị bởi thế mà khổ theo liền. Qua lại sinh tử không thoát khỏi cái chết, gặp ác đối đầu, thần hồn không đi vào đường thiện, ác. Thân chết chôn vào đất, ngày đêm tiêu thối, cũng vốn không có sở hữu, chỉ cho ý hành nghiệp nên hóa thành thân. Thân chết là đều trở về với đất, vạn vật cũng như vậy, tất cả đều phải qua đi đó là chẳng phải thường.

Con người không tự cân nhắc, nghĩ suy vạn điều rối rắm đều không làm được một, vì vậy mà khổ. Thân chết là đưa đi chôn bỏ, vạn vật cũng như vậy, mất là để rồi lại sinh ra, sinh thì lại khổ, rồi liền tạo ra việc gieo trồng thiện, ác, chưa biết chỗ đến là chẳng phải thân. Người hành đạo phải vì thế mà đoạn trừ. Con người không biết bốn điều chẳng phải thường còn rốt cuộc không đạt được đạo, vì cứ tự mình dính mắc nơi thân. Cứ thấy mọi cái chết mất, bại hoại thì biết người và vật đều không có sở hữu. Ý nhờ thế liền được gìn giữ và dứt bặt được hành mà cảm thấy lòng vui. Đã được hành thì tâm liền an lành không cách ly năm thứ kia, tâm chuyên nhất với đạo.

Phật dạy:

–Nghĩ đến thân là quán sát đầu, tóc, não, nghĩ đến tóc là nghĩ nó vốn không sở hữu, sự tạo ra lại là sự hóa thành, tất cả đều phải rơi rụng thối nát. Não như cháo gạo ngưng tụ, đều phải hôi mùi hư hỏng. Mắt chỉ có cái tròng nước đều là chất dịch tiết ra từ cái lõm rỗng. Tai chỉ có thịt cấu bẩn đều xuyên qua thấm rỉ. Miệng, mũi, nước bọt, nước mũi đều là thứ lưu khí tiêu hoại của lưỡi, yết hầu, phổi, gan, tim. Trong lòng là máu nhơ, gan, mật, cách mô, lách gắn liền với dạ dày, thân dính vào xương sống, trong dạ dày có thức ăn chưa tiêu. Ruột già có phân, ruột non, bàng quang có nước tiểu. Muốn phóng uế, thì bụng phình lên một ít thân co lại. Tử khí hết thì tất cả đều phải sình trương thối rữa, tan rã. Ruột, dạ dày, phân nước tiểu chảy lộn lạo lên nhau bốc mùi hôi thối là chỗ đáng gớm. Bên dưới có xương cùng, mông thịt, hai cẳng chân, hai chân. Da thịt tiêu hết thì gân mạch hoại hỏng, xương tiêu, từng đốt phân rã. Xương cẳng chắc trắng toát, xương đùi tròn như bánh xe. Xương cùng dính liền với xương sống, xương sống dính liền với xương sườn, xương vai dính liền với khuỷu xương cánh tay, bàn tay. Da thịt tiêu thì các khớp đốt rơi rã.

Xương cổ dính liền với xương sọ. Máu thịt tiêu hết, kéo dài thời gian chỉ có xương. Khí ra đi không trở lại là người chết, thân thẳng cứng đờ không còn lay động được. Gió bỏ đi thì thân lạnh ngắt. Lửa bỏ đi thì chất dịch vàng từ chín cửa chảy ra. Nước bỏ đi thì sự chết không còn ăn. Đất bỏ đi ba, bốn ngày thì sắc diện trở thành màu xanh cỏ, máu, mủ từ trong miệng, mũi, tai, mắt chảy ra màu đỏ thắm. Cơ, thịt hủy rã, xương trắng lâu ngày chuyển sang màu đen rồi hóa thành tro bụi. Nhìn thấy bộ phận bên ngoài của người chết thối thì xương người chết cũng thối như vậy và thân mình cũng thối mùi như thế, tất cả đều phải tiêu mất hết nên rỗng không là vậy. Khi hơi thở ra hết thì liền nhận biết "Không", biết được "Không" thì liền biết thân là "Không". Vì sao? Vì biết mạng tiếp cận ở nơi hơi thở "Không".

Phật dạy:

–Tâm này trước hết phải quán xét, tư duy, mất niệm, chờ ý hơi thở thì liền thủ hộ ý, ý không ra khỏi thân là đạo nhân, đón chờ ở bên ngoài là vạn vật, niệm ở bên trong thân là nghĩ suy. Thức muốn làm mất niệm, đối đãi với vật đang niệm mà nó chẳng phải thường hoại thì đều là phi ngã sở, ngã cũng chẳng phải là vật chủ. Khi ý niệm chết, nắm giữ sự ra đi của nó như thế nào? Phải giữ lấy thiện, giữ lấy một tiếng thơm, trì kinh, tạo ra nhiều điều có được nhiều niềm vui vậy.

Phật dạy:

–Việc thiện của kẻ ấy nắm giữ sự bỏ đi, ngoài đó ra thì tất cả đều là phi ngã sở. Ý đang nhận biết niệm thì tại sao mọi ân ái hội lại thì phải biệt ly và mỗi một tự nó tiêu? Niệm ấy chỉ là niệm của con người loạn ý, rơi vào con người tội lỗi. Điều cốt yếu là phải quay trở lại thân giữ lấy sự trong sạch, nhắm đến con đường Nê-hoàn.

Phật từ chỗ nhất tâm đến chín đường, niệm bốn sắc nên tất cả đều phải tiêu diệt. Gọi là người chết bốn, năm ngày muốn thối hoại, sắc da đổi thành màu xanh là chính. Năm ngày, sáu ngày mủ, máu từ trong miệng, mũi, tai, mắt chảy ra, màu đỏ là chính. Sau đó, cơ, thịt hoại rã, ruột, bao tử sinh trùng, chúng xoay lại tự ăn ruột, bao tử, da bọc tiêu rữa hôi thối. Xương màu sắc trắng bệch, trải qua thời gian, xương đổi ra màu đen rồi hóa thành, tro đất. Rõ ràng, đất, nước, lửa, gió, không, đều chẳng phải là vật sở hữu của ta. Ý ngươi từ vô số đời cho đến sau này cũng là con người làm vợ con, nô bọc, cũng làm súc sinh, bò, ngựa, trùng, voi, siêng năng đeo nặng cái khổ trên lưng. Cũng là người làm cái việc mổ giết, lột, băm, thái, nướng. Đời nay là người lại cùng với người làm vợ con, nô bộc cũng lấy sự mổ, lột, thái, súc sinh làm sự thong dong, thân chết đều phải nhận lại. Ông là người hành đạo, thà chứng kiến người chết luôn bốc lên mùi

hôi thối còn hơn không biết chết hôi là gì! Thân chết thẳng cứng thì mùi hoại rữa đáng tởm, thẩm xét niệm thì liền sợ không muốn nhìn thấy. Nhất tâm là không sợ hãi, vì sao vậy? Bởi vì nhất tâm là khiến cho người, trên trời được đạo Niết-bàn. Vì Phật biết chín đường đều không, không có sở hữu. Trở về được với nhất tâm thì người hành đạo chóng diệt được niệm đối đãi, không còn chỗ để biết đến cái khác, nhờ thế mà đến Câu thâm quốc, hành trì Câu thâm thì hoàn toàn ở nơi chỗ thấy dụng của mình không ở nơi chỗ thấy đó nên không nhìn thấy.

Phật dạy:

–Muốn tâm tham niệm chẳng phải thường làm suy thoái cái dâm thì phải đối diện với niệm. Sân nhuế thì niệm tâm bình đẳng, ngu si thì niệm tất cả cái gốc của hành là phi thường, vô vi, an ổn. Người không biết được cái chẳng phải thường thì suốt đời chẳng loại bỏ được tham cũng không tách rời được con đường quỷ đói. Cái mà thế gian sở hữu là như mộng thôi, mộng thấy ăn uống ngon lành, thức dậy liền chẳng thấy đâu nữa. Điều thế gian sở hữu là như vậy. Sống đó liền chết đó, vừa thành là liền hoại. Điều cốt lõi là tất cả đều trở về với không thì tại sao phải đáng tham để làm gì? Người có vợ con, tài sản cũng như thế. Vì sao? Vì con người kinh doanh để mưu kế sinh tồn, khi được đồng tiền lãi thì cả gia thất sum vầy vui mừng. Nó giống như loài chim bay quy tụ lại cũng đều là vô thường. Một sớm kia chia ly cũng là lúc không gặp lại. Phiền não hiện hữu cái ý lo, sợ vạn điều khổ, ở trong sinh tử là hằng ngày chất cao lên tội. Người thông tuệ tự gắn liền với ít ham muốn, vui thú cầu được một y và ăn một bữa. Hành động từ định ý, không cầu dừng lại, thường quay về với thân giữ lấy sự trong sạch, đoạn cầu, niệm không.

Hỏi rằng:

–Hành đạo giữ ý là căn bản thì ý từ đâu mà khởi lên?

Phật dạy:

–Trời đất thành rồi, sau đó con người từ trên trời thứ mười lăm xuống. Sống lâu không có yểu mạng, bẻ gảy năm đường sinh tử, từ đó sáu suy khởi lên. Con người sinh ra, tâm, ý vốn tự nó thiện, không có tham, ái, cảm thọ, tư tưởng, sinh tử, thức. Bị tai, mắt, mũi miệng lừa dối. Mắt sáng thấy sắc, tai nghe tiếng động, mũi biết hương, miệng biết mùi vị, thân biết nóng, lạnh, thô, tế. Tâm là tạo tác mười việc nên thành năm ấm. Ý là thức hợp lại là sáu suy là nhân tạo ra thiện, ác hành nghiệp gieo trồng. Từ đây liền có già, bệnh, chết sinh ra năm đường. Cầu đạo muốn dứt trừ sinh tử thì phải tự gìn giữ ý, con mắt dừng lại ở sắc, tai dừng lại ở thanh, mũi dừng lại ở hương, miệng dừng lại ở vị, thân như đoạn sáu suy. Thực hiện việc quán xét, nằm lòng tâm niệm, ngồi thiền diệt ý thức, đắc đạo thì

năm ấm đều mất hết, biết được cái gốc vốn không có, nhờ thế niệm không, tưởng không, thẳng đến Niết-bàn.

Hỏi:

–Do bởi thế mà giữ ý chăng?

Vì ý là thức, là chủ hành động. Sáu suy xấu xa là họa, nó làm việc gieo trồng căn bản năm đường ác. Người của đạo thì tinh tấn suy xét tự giữ bốn ý, là muốn ngăn chận, không tà, niệm, bỏ chạy thức, tư tưởng. Vì sao đạo nhân muốn diệt niệm, thức, tư tưởng thì tất cả phải hành phi thường, thân đoạn mười việc? Thân, miệng, ý, ba cái ấy hình thành năm ấm và sáu suy cho đến ba định hình ấy không biết nỗi chỗ miệng nào làm nên định của miệng, không biết chỗ thân nào làm nên định thân. Ý không nơi chỗ lại nghĩ là ý định.

Phật dạy:

–Đạo có bốn yếu tố, giới nắm giữ then chốt đóng mở dẫn đến lối ra. Bốn yếu tố ấy là gì?

1. Nhận thức khổ đau, mà không còn hướng đến vạn vật. Đây là cách mở được ba đường ác để đi ra.

2. Biết thân chẳng phải thân nhờ thế thân hoại không còn ái lại thân. Đây là từ trong được ra cửa tiếp theo. Trên cõi trời thứ sáu mở ra.

3. Biết chẳng phải thường, ý không còn hướng về lại. Đây là lối được ra, cõi trời mười tám mở.

4. Biết không diệt không.

Đây là lối được ra và cõi trời hai mươi tám mở ra.

Cái rỗng không tiêu mất là rơi ngay vào đạo. Kinh bảo rằng: Hành đạo hiểu rõ là ra được, nghĩa là ý thức được khổ, không, chẳng phải thân, chẳng phải thường. Còn ra được có nghĩa là được ra khỏi bốn cõi quan trọng. Chứng được Đệ nhất thiền ở trên cõi trời thứ bảy, không có thân cảnh. Vì sao? Vì hành đạo mà thân tan biến mất.

-oOo-

SỐ 612

PHẬT THUYẾT KINH QUÁN THÂN

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nguyệt Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở Phật ở vườn Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Lúc ấy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Thân này có da ở ngoài bọc lấy thịt, thịt sinh ra từ thể máu, chứa đầy cả phân và nước tiểu. Cứ nhìn kỹ thân mình thì sẽ thấy thân tốt nỗi gì! Thân luôn có chín lỗ nhơ bệnh, thường không sạch phải tắm rửa luôn, đáng đủ để hổ thẹn, thường cùng với oan gia hợp tác với nhau, để đi đến già chết, nó cũng đồng hành với đủ thứ bệnh, vì sao lại không gớm ghiếc? Thân giả hợp thì phải tan rã, giả hợp thì phải bại vong, bởi vì đem chôn thây chết vào trong đất thì không còn dùng được nữa, chỉ làm đồ ăn cho sài lang.

Tại sao thấy hình ảnh ấy mà không xấu hổ? Ai là người nói về tham dâm như Phật đã nói, vui rất ít mà tội rất nhiều, tự tâm phải quán thấy điều này, nếu như thịt mổ hết ra trên bàn mổ thì chỉ là đống xương, nếu như đốt thì cháy rụi, như trúng độc dược thì đau đớn quằn quại. Người ngu lấy vui mừng làm niềm vui mà không tự biết, vì sao không sợ lưới bủa vây! Tham dâm là ngu muội của tiền, thóc gạo, vàng bạc, trâu, ngựa, nô tỳ, con người là mạng sống cho nên cầu tìm. Mạng sống thì ở ngay đường thở ra vào, một đời người cũng tự quá ít, sống ngoài trăm tuổi là cùng, cũng là sự hội tụ của cái khổ, xem đây thì ai là người đáng người? Như thuở quá khứ cái mạng của ta cũng mong manh, ngày mạng không còn gì cả thì như nước sông trôi mau, như nhật, nguyệt không còn. Quá khứ ấy, mạng chóng tàn, mạng người khi bỏ đi là không quay trở lại, như vậy là bất khả đắc, con người lúc chết, mạng ra đi. Giả sử ngần ấy tiền của, bức lấy của thiên hạ, vật quý giá cũng có tất cả, khi chết đến cũng chẳng vui, cũng không thể chán, cũng không thể vui thích, cũng không thể tự vui, không còn gì nữa cả. Chỉ có thể tự làm thiện, chỗ mình tự làm thiện là chỗ thích nghi tự nhiên.

Nếu do biết giả hợp phải chết thì sẽ có những niềm vui gì?

Con người có thể rơi vào tham dâm, giả sử thọ mạng lâu dài, giả sử

mất đi cái giả hợp là phải chết, thì tại sao lòng ái cứ tập hợp cái vui. Vì sao? Vì không tự mình niệm sự vắng lặng, lòng quá đổi yêu thương vui thích, như trẻ thơ chết thì người thân buồn khóc; cùng lắm là mười ngày, quá mười ngày sau là quên dần nó. Yêu mến vợ con cũng giống như thế, gia thất, thân thuộc, bạn bè quen biết cũng như thế. Do siêng năng với cái khổ mà kinh doanh mưu sống, đặt để tiền của vật chất, tự yêu lấy thân mạng một cách kỳ hảo. Khi chết, con người đều vất sạch cái sở hữu đó. Thân cứng ngắt nơi đất, chôn sâu nó lại, chỉ vì ấm ra đi và sinh ra, tùy theo hành nghiệp, nhận lấy hình hài con người. Ví dụ nhãn tiền như cây là kết quả từ hạt của nó. Như vậy là tâm con người hiện hữu rơi tỏm vào trong sự hiện hữu đó. Dưới vòm trời tất cả là vạn vật, một người được thì không tự đủ còn nếu được một phần thì sao được tự mình phải chán ngán? Không có tính kể ba mươi lăm thú vui, tự mình vui với cái vui khắp cả đó thì có ích gì? Con người vốn vướng phải cái khổ bức sách, nhận lấy tội lỗi, song chỗ tội lỗi ấy lòng người cho đây là cái tốt. Bảo rằng nó có chỗ ích lợi không muốn nhận lấy sự yên tĩnh, cho đó là bức sách là độc rắn tự thân, cho dù ít hay nhiều nó cũng vậy, cho dù nhiều hay ít nó cũng là thế. Như bệnh nặng, nhẹ đều là khổ, giống như xương không còn thịt, chó được gặm xương, chó không hề chán. Như vậy, muốn tập chó, thật ra tập cho được cũng khó mà đã tập được thì phải lắm lo sợ nó. Chỗ tập luyện này chẳng bao lâu, người tập cũng chuốc lấy cái ác. Như người thấy mộng đã tỉnh mộng thì không còn gì để được. Tham dâm cũng như vậy là kịch mộng và như mộng là có vui. Như rắn dữ, như mồi thịt nơi lưỡi câu, như quả trên cây, quả ít vị thì nhiều. Mất đi là thêm kết, là tạo ra cái ác cho mình. Đạo gia thường không dùng, người này ở nhà an lạc trên trời cũng là cây cối màu sắc trên trời, cũng ở nơi đoan chánh, nơi vườn cây xinh đẹp tuyệt vời, cũng được ngọc nữ trên trời. Đã được người trời thì không chán năm thứ vui trên trời.

Nay phải chăng nhận được cái chán ngán mà thiên hạ vui sao?

Là hằng ngày phải ôm giữ lấy hai trăm xương, xương một trăm hai mươi khúc, là gân buộc ràng, là chín lỗ luôn rỉ nhớp, là sáu mươi ba loại, là một trăm bệnh nặng là thịt máu hòa nhau, là sinh ra da thịt, là giữa cái lạnh, nóng, gió, là đại tiểu tiện là ngàn thứ trùng. Tất cả đều từ thân gây nên trong đó cũng có ngàn lỗ, cũng có kịch tính là thân gần rồi lại hoại cái khác là từ đó dơ dáy, nhớp nhúa chảy ra. Từ trong mũi chảy ra nước mũi. Từ miệng, đờm, nước miếng chảy ra. Từ dưới nách mồ hôi luôn chảy. Từ chín lỗ là nơi thoát ra các dạng bài tiết. Như vậy mọi thứ đều từ thân chảy ra, quá hơn nghĩa địa người chết. Có thể tin rằng đó là cái nhà diễn trò gớm ghiếc đằng sau nó là nơi đáng ghét bỏ. Thân sở hữu cái bất tịnh như vậy là

trồng cái bất tịnh, là từ cái gốc này mà ra, như vàng mạ lên đồ vật khác là chiếc áo cổ lỗ được hương, phấn, sáp, thấm son, bông tơi cho đẹp, xanh biếc, xanh đen, là người ngu mới thấy đúng, đây là loại loạn ý. Như hình vẽ trên bình cũng như cái hầm phủ cỏ. Con người là cái nơi ôm ấp yêu thương sau đó hối hận hiểu ra.

Tỳ-kheo nghe kinh quỳ xuống bái nhận đạo giáo như vậy.

-oOo-

SỐ 613

KINH PHÁP THIỀN BÍ YẾU

Hán dịch: Đời Diêu Tần, Pháp sư Cưu-ma-la-thập.

QUYỂN THƯỢNG

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị; lại có năm trăm Đại đức Thanh văn, như các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên...

Bấy giờ, trong thành Vương xá có Tỳ-kheo tên là Ma-ha Ca-hy-la-nan-đà, thông minh nhiều trí đến gặp Đức Phật, đảnh lễ và đi nhiễu quanh ngài bảy vòng. An trú trong thiền định nên Đức Thế Tôn yên lặng không nói. Thấy Phật nhập định, Ca-hy-la-nan-đà liền đến gặp Tôn giả Xá-lợi-phất, đảnh lễ và thưa:

–Đại đức Xá-lợi-phất! Xin Tôn giả giảng giải rộng về nghĩa cốt yếu chánh pháp cho con nghe.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói pháp Tứ đế, phân biệt ý nghĩa từ một lần cho đến bảy lần mà tâm nghi của Ca-hy-la-nan-đà vẫn chưa được khai ngộ. Lần lượt như vậy, vị ấy lễ khắp năm trăm vị Thanh văn, cầu xin các Tôn giả giảng nói nghĩa cốt yếu của chánh pháp. Các vị Thanh văn mỗi vị đều nói pháp Tứ đế cho Tỳ-kheo ấy đến bảy lần mà tâm ông cũng chưa tỏ ngộ.

Ca-hy-la-nan-đà bèn trở lại đảnh lễ Phật. Lúc này, Đức Thế Tôn xuất định, thấy Ca-hy-la-nan-đà đảnh lễ dưới chân, nước mắt như mưa, cầu xin Thế Tôn:

–Mong Ngài hãy chuyển bánh xe chánh pháp cho con.

Đức Thế Tôn lại thuyết Tứ Chân Đế cho ông nghe từ một lần đến bảy lần, nhưng ông ta vẫn chưa hiểu. Nghe Phật giảng được Pháp nhãn trong sạch, nên năm trăm vị Thiên tử mang hoa trời đến cúng dường và bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay nhờ Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà nên chúng con đã sung sướng được điều lợi ích của pháp, được thấy pháp như pháp và đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Nghe chư Thiên nói, Ca-hy-la-nan-đà ôm lòng hổ thẹn, nghẹn ngào, rầu rĩ không nói, gieo mình xuống đất như thái sơn sụp đổ, liền ở trước Phật, nằm rạp trên mặt đất sám hối với Đức Phật.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, trịch áo bày vai phải, đảnh lễ Đức Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng quỳ xuống chắp tay, bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà có nhân duyên gì mà sinh ra được thông minh, bốn luận Tỳ-đà, kinh điển lìa bỏ sự kiềm chế của thế gian, mặt trời, mặt trăng và các vì sao, tất cả các kỹ nghệ không gì là không thông đạt. Lại có tội gì mà từ lúc xuất gia đến nay, trải qua nhiều năm mà vẫn chưa nếm được mùi vị của Phật pháp. Đức Thế Tôn đích thân thuyết pháp cho mà ông ta như người điếc, không nghe, không chứng. Năm trăm bậc đại tướng trong Phật pháp, nói pháp cho ông ta nghe cũng không đạt ích lợi. Cúi xin Đức Thế Tôn nói rõ nhân duyên trước kia của Tỳ-kheo này.

Lúc A-nan hỏi, Phật liền mỉm cười, có ánh sáng năm màu từ trong miệng chiếu ra, nhiễu quanh Phật bảy vòng rồi đi vào đỉnh đầu.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải lắng nghe và ghi nhớ kỹ, ta sẽ giải thích rõ cho ông.

A-nan bạch Phật:

–Xin vâng, con rất muốn nghe!

Phật bảo A-nan:

–Vào thời quá khứ cách đây vô kiếp có Đức Phật hiệu là Nhiên Đăng gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà ở trong giáo pháp của Phật ấy là một Tỳ-kheo tên là A-thuần-nan-đà, thông minh, nhiều trí. Do thông minh nên ông ta kiêu mạn, buông lung, không tu tập bốn Niệm xứ. Khi chết, ông ta bị đọa vào địa ngục Hắc ám, từ địa ngục ra sinh làm loài rồng, loài voi. Trong năm trăm lần thọ thân, ông thường làm vua loài rồng, năm trăm thân thường làm vua loài voi. Khi bỏ thân súc sinh, nhờ trước đây đã xuất gia, giữ giới ông được sinh lên cõi trời. Khi hết tuổi thọ nơi cõi trời ông sinh vào nhân gian. Nhờ trước kia đã đọc tụng ba Tạng kinh điển nên nay được gặp Phật. Vì trước đây buông lung, không tu bốn Niệm xứ cho nên đời nay không thể giác ngộ.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà, nghe Phật nói như vậy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chắp tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Đức Thế Tôn cho con cách buộc giữ niệm.

Phật bảo Ca-hy-la-nan-đà hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ:

–Hôm nay ông muốn hỏi Như Lai về chánh pháp cam lồ để diệt giặc loạn tâm, thuốc trị bệnh phiền não của ba đời chư Phật để đóng tất cả các cửa phóng dật, khắp vì trời người mở tám con đường chân chánh, ông phải quán sát cho đúng, chớ để tâm rối loạn.

Lúc Phật nói lời này, trong chúng có năm mươi Tỳ-kheo già cũng bạch A-nan:

–Hôm nay Đức Thế Tôn muốn nói pháp trừ bỏ phóng dật, chúng con cũng muốn theo học pháp này, cúi xin Tôn giả bạch với Phật giảng nói pháp này cho chúng con.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

–Ta nay ở tại vườn trúc Ca-lan này thuyết pháp buộc niệm cho Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà, chẳng phải vì các ông mà còn vì những người phóng dật trong đời vị lai nữa.

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà:

–Ông nghe lời ta dạy, cẩn thận chớ để quên mất. Kể từ ngày nay, ông tu pháp Sa-môn. Pháp Sa-môn là phải ở nơi vắng vẻ, yên tịnh, trải tọa cụ ngồi kiết già, sửa lại y phục, ngồi ngay thẳng trịch y bày vai phải, bàn tay trái đặt trên bàn tay phải, nhắm mắt, đầu lưỡi chống lên vòm hầu, định tâm khiến cho an trụ, không để phân tán. Đầu tiên, buộc niệm tại ngón chân trái, quán thật kỹ nửa đốt ngón chân tưởng như phồng lên, xem kỹ khiến cho hết sức rõ ràng. Sau đó tưởng như chỗ phồng vỡ ra và thấy nửa đốt xương hết sức trắng và sạch, như có ánh sáng trắng.

Thấy việc này rồi, tiếp đó quán một đốt xương khiến thịt tách ra, thấy một đốt xương hết sức rõ ràng như có ánh sáng trắng.

Phật bảo Ca-hy-la-nan-đà:

–Như vậy gọi là pháp buộc niệm.

Ca-hy-la-nan-đà nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Quán một đốt rồi tiếp đó quán hai đốt. Quán hai đốt rồi tiếp đó quán ba đốt. Quán ba đốt rồi tâm rộng lớn dần dần, lúc ấy nên quán năm đốt, thấy năm đốt chân như có ánh sáng trắng, xương trắng rõ ràng. Buộc tâm như vậy không cho phân tán, nếu tâm tán loạn thì thu giữ trở về, như niệm nửa đốt trước đây.

Khi tưởng niệm thành tựu, toàn thân ấm áp, bên dưới tim nóng. Lúc được tưởng này thì gọi là tâm dừng lại. Tâm đã dừng rồi lại phải tưởng khiến thịt ở mu bàn chân trắng như ngọc kha hay tuyết hết sức rõ ràng. Niệm tưởng này thành rồi thì quán sát xương gót chân, khiến thịt vạch ra hai bên thấy xương gót chân rất sáng và trắng.

Kế đó, quán xương ống quyển khiến thịt rớt xuống, thấy xương ống quyển rất trong, trắng. Rồi lại quán xương đầu gối khiến cho trong trắng rõ ràng. Tiếp đến, quán xương đùi khiến hết sức trắng. Sau đấy quán xương hông, tưởng mỗi bên hông thịt rớt ra hai hướng, chỉ thấy xương hông trắng như ngọc kha, như tuyết cho đến thấy xương sống rất rõ ràng.

Rồi lại quán xương vai, tưởng như thịt vai bị dao cắt, từ vai đến cùi chỏ, từ cùi chỏ đến cổ tay, từ cổ tay đến bàn tay, từ bàn tay đến đầu ngón tay, đều khiến thịt tách ra hai bên và thấy xương trắng của nửa thân. Tiếp đó quán da đầu. Quán da đầu rồi thì quán da mỏng, quán da mỏng xong thì quán màng mô não. Quán màng não rồi thì quán não. Quán não rồi thì quán mỡ, quán yết hầu, quán phổi.

Quán phổi rồi thấy tim, phổi, gan, ruột già, ruột non, tỳ, thận, sinh tạng, thục tạng, bốn mươi hộ trùng ở trong sinh tạng cai quản tám mươi ức trùng nhỏ. Mỗi con trùng đều sống trong các mạch. Số sinh ra từ trứng gồm có ba ức. Miệng chúng ngậm sinh tạng. Mỗi con trùng đều có bốn mươi chín đầu. Đầu đuôi của chúng nhỏ như cây kim.

Hai mươi hộ trong số các con trùng này là trùng lửa, được sinh ra từ tinh chất của hỏa. Hai mươi hộ là trùng gió được sinh từ phong đại. Các con trùng này ra vào các mạch, đùa giỡn thỏa thích. Trùng lửa làm gió hoạt động, trùng gió làm lửa hoạt động, hô hấp lẫn nhau làm chín sinh tạng. Lên xuống qua lại có bảy lần.

Các con trùng này đều có bảy mặt phát ra lửa và bảy tai hút lửa. Chúng động thân để làm chín sinh tạng, sinh tạng chín rồi chúng trở vào các mạch.

Có mươi hộ trùng cai quản ba ức trùng nhỏ thân đỏ như lửa. Trùng có hai mươi đầu, mỗi đầu có bốn miệng ngậm thục tạng. Hành giả phải quán thấy chúng trong tất cả các mạch máu. Thấy việc này rồi, lại thấy các trùng từ yết hầu ra, lại thấy ruột non, gan, phổi, tỳ, thận đều đổ vào ruột già, ra khỏi yết hầu và rớt xuống đất.

Niệm tưởng này thành rồi thì liền thấy ở khoảng đất trước mặt nơi có nước tiểu và phân hôi hám, các con giun, sán quấn quýt lẫn nhau. Miệng chúng chảy ra máu mủ đầy dẫy sự bất tịnh.

Tưởng này thành tựu rồi, tự thấy thân mình như người tuyết trắng, từng đốt xương chống đỡ lẫn nhau. Nếu thấy màu vàng và đen thì phải hối trách. Hối trách rồi tự thấy trên xương mình sinh ra da và da đó đều rớt xuống tụ lại ở khoảnh đất phía trước. Đống da đó lớn dần, mới đầu như cái bát, dần dần như cái vò, rồi như lầu Càn-thát-bà, hoặc lớn hoặc nhỏ tùy theo tâm. Nó dần dần lớn như một quả núi và có các con trùng mổ ăn quả núi này, làm máu mủ chảy ra, có vô số trùng bơi lội trong mủ.

Núi da ấy dần dần mục rã chỉ còn chút ít, các con trùng giành nhau ăn. Có bốn quỷ Dạ-xoa từ trong đất bất ngờ hiện ra, nơi mắt phát lửa. Lưỡi chúng như rắn độc. Mỗi con quỷ có sáu đầu khác nhau. Đầu thứ nhất như núi, đầu thứ hai như mèo, đầu thứ ba như hổ, đầu thứ tư như sói, đầu thứ năm như chó, đầu thứ sáu như chuột. Hai tay của nói giống như vượn. Mười đầu ngón tay của nó đều có bốn đầu rắn độc, một đầu phun nước, một đầu phun đất, một đầu phun đá và một đầu phun lửa. Chân trái nó giống như quỷ Cưu-bàn-trà, chân phải nó giống quỷ Tỳ-xá-xà, hiện hình xấu xí rất đáng sợ. Bốn con Dạ-xoa này mỗi con mang chín loại xác chết, từng hàng từng lớp ở trước hành giả.

Phật bảo Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà:

–Đây là cảnh giới đầu tiên của pháp quán tưởng bất tịnh.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy thọ trì những lời này đừng để quên mất, phải mở rộng pháp cam lồ của các bậc Thánh nơi ba thừa cho chúng sinh đời vị lai.

Nghe Phật dạy, Ca-hy-la-nan-đà quán kỹ từng thứ một, trải qua chín mươi ngày không đổi tâm tưởng. Đến ngày rằm tháng bảy Tăng tự tứ xong, các Tỳ-kheo lễ Đức Thế Tôn rồi trở về chỗ nghỉ.

Vào buổi chiều, vị ấy lần lượt tu đắc bốn quả Sa-môn, ba minh, sáu thông đều được đầy đủ, tâm rất hoan hỷ, đảnh lễ Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay nhờ tư duy, nhờ chánh định, nhờ nương vào pháp Tam-muội mà nguyên nhân tái sinh đã hết, không còn thọ thân sau, con đã biết đạo chân thật, nhất định sẽ thành tựu phạm hạnh thanh tịnh. Bạch Thế Tôn! Người thọ dụng pháp cam lồ này giống như uống cam lồ, cúi xin Thế Tôn hãy giảng rộng lại.

Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà:

–Ông nay đã thật chứng pháp này, phải làm mười tám pháp biến hóa theo ý ông.

Ca-hy-la-nan-đà liền trụ trong hư không thực hiện mười tám pháp

biến hóa theo ý mình.

Các Tỳ-kheo thấy Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà có nhiều tâm ngã mạn mà còn điều phục được, theo lời Phật dạy, buộc tâm một chỗ, không theo các căn, thành A-la-hán. Khi ấy, trong hội chúng có một ngàn năm vị Tỳ-kheo nhiều loạn tâm, thấy việc này rồi đều hoan hỷ liền đến gặp Phật, lần lượt thọ nhận giáo pháp.

Vì Tỳ-kheo Ma-ha Ca-hy-la-nan-đà kiêu mạn này lần đầu tiên chế ra pháp buộc niệm, lúc này Đức Thế Tôn giảng dạy cho bốn chúng:

–Hoặc Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, hoặc nam cư sĩ, hoặc nữ cư sĩ, từ nay về sau ai muốn cầu đạo vô vi phải buộc tâm niệm một chỗ. Nếu để tâm này rong ruổi theo sáu căn, giống như khỉ vượn, không biết hổ thẹn, phải hiểu người này là hạng Chiên-đà-la, chẳng phải dòng dõi Hiền thánh.

Tâm nếu không được điều thuận, thì quỷ coi ngục ở địa ngục A-tỳ thường sai khiến người ấy. Người ác như vậy trong nhiều kiếp không do đâu mà được độ. Giặc loạn tâm này là nguyên nhân khiến ta sinh vào ba cõi và đọa vào ba đường ác.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy đều hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy Tỳ-kheo Ma-ha Ca-hy-la-nan-đà nhờ quán Bất tịnh mà được giải thoát không? Ông phải khéo thọ trì và giảng rộng cho mọi người.

A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con xin vâng lời!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ.

Pháp quán thứ hai là buộc niệm trên trán, quán kỹ trong trán giống như móng tay lớn, cẩn thận đừng thay đổi ý tưởng. Quán trán như vậy khiến sinh an trụ, không sinh các tưởng, chỉ tưởng trên trán. Sau đó, tự quán xương đầu, thấy xương đầu trắng như màu pha lê. Như vậy dần dần thấy xương trắng, toàn thân trắng sạch, trong suốt, thân thể nguyên vẹn, từng đốt xương chống đỡ lẫn nhau và thấy các chất bất tịnh tụ lại ở khoảnh đất trước mặt như đã nói ở phần trên. Khi quán Bất tịnh thành tựu, cẩn thận đừng hủy bỏ thân mạng, phải dạy đổi pháp quán khác.

Pháp quán khác là: Tưởng trong các đốt xương phát ra ánh sáng trắng rực rỡ giống như núi tuyết. Thấy việc này rồi, đống bất tịnh phía trước bị quỷ Dạ-xoa nuốt mất.

Lại phải tưởng phía trước có một bộ xương người rất trắng. Tưởng

này thành rồi thì tưởng hai bộ xương. Thấy hai bộ xương rồi thì thấy ba bộ xương. Thấy ba bộ xương rồi thì thấy bốn bộ xương. Thấy bốn bộ xương rồi thì thấy năm bộ xương, như vậy cho đến thấy mười bộ xương. Thấy mười bộ xương rồi thì thấy hai mươi bộ xương. Thấy hai mươi bộ xương rồi thì thấy ba mươi bộ xương. Thấy ba mươi bộ xương rồi thì thấy bốn mươi bộ xương. Thấy bốn mươi bộ xương rồi thì thấy xương người đầy một phòng ở phía trước, phía sau, bên phải, bên trái xếp hàng hướng vào nhau, chúng giơ tay trái hướng về hành giả.

Lúc ấy, hành giả quán rộng thêm thấy xương người đầy trong nhà lớn, từng hàng hướng vào nhau, trắng như ngọc kha, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Tâm dần dần rộng lớn, hành giả thấy xương người đầy trong một khoảng đất, xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Tâm rộng lớn dần, hành giả thấy xương người đầy trong một do-tuần, xếp hàng hướng vào nhau và giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy trong một do-tuần rồi, cho đến thấy trong một trăm do-tuần đầy xương người xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy trong một trăm do-tuần rồi thì thấy cho đến xương người đầy trong cõi Diêm-phù-đề, xếp hàng hướng vào nhau và giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy xương người đầy trong cõi Diêm-phù-đề rồi thì thấy xương người đầy trong cõi Phất-bà-đề xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy trong cõi Phất-bà-đề rồi, thì thấy xương người đầy trong cõi Cù-da-ni xếp hàng hướng vào nhau và giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy trong cõi Cù-da-ni rồi, thì thấy xương người đầy trong cõi Uất-đan-việt xếp hàng hướng vào nhau đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy xương người đầy trong bốn cõi rồi thân tâm yên ổn, không còn kinh sợ. Tâm dần dần rộng lớn, thấy một trăm cõi Diêm-phù-đề, trong đó đầy xương người xếp hàng hướng vào nhau đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy một trăm cõi Diêm-phù-đề rồi, tiếp đó thấy xương người đầy trong một trăm cõi Phất-bà-đề xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy một trăm cõi Phất-bà-đề rồi, kế đó thấy xương người đầy trong

một trăm cõi Cù-da-ni xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy một trăm cõi Cù-da-ni rồi, kế đó thấy xương người đầy trong một trăm cõi Uất-đan-việt xếp hàng hướng vào nhau, đều giơ tay phải hướng về hành giả.

Thấy việc này rồi, thân tâm an lạc, không còn kinh sợ, tâm tưởng được lợi ích.

Hành giả thấy xương người đầy trong thế giới Ta-bà. Chúng buông thỏng hai tay, mười ngón thả lỏng. Chúng đứng thẳng hướng về hành giả.

Thấy việc này rồi, xuất định, nhập định, hành giả thường thấy xương người, núi, sông, đá vách, tất cả sự vật trên thế gian đều biến hóa giống như xương người.

Thấy việc này rồi, hành giả thấy bốn dòng sông lớn ở bốn phương, nước chảy xiết màu trắng như sữa và thấy các bộ xương người lặn hụp trong đó.

Lúc tưởng này thành tựu, sám hối trở lại, hành giả chỉ thấy nước vọt lên không trung. Hành giả lại phải khởi tưởng khiến nước yên lặng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đây gọi là pháp Tam-muội tâm tưởng ánh sáng trắng phát ra từ xương trắng của phàm phu, cũng gọi là pháp tưởng tâm hối hận cảnh giới sinh tử của phàm phu. Nay vì Ca-hy-la-nan-đà, vì ông và tất cả chúng sinh ở đời vị lai, ta nói pháp Tam-muội ánh sáng trắng phát ra từ xương trắng để thu giữ tâm loạn, vượt biển sinh tử, ông phải giữ gìn chớ để quên mất.

Khi Đức Thế Tôn nói lời này xong, liền hiện Tam-muội ánh sáng trắng với tất cả tướng mạo khiến Tôn giả A-nan được thấy chúng. Tôn giả A-nan nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành. Đây gọi là cảnh giới đầu tiên của pháp quán Bạch cốt.

Phật bảo Tôn giả A-nan tưởng này thành tựu rồi lại dạy tưởng khác. Tưởng khác là tự quán thân mình thành một bộ xương người, hết sức trắng sạch, khiến đầu lộn xuống vào giữa xương đùi, chú tâm một chỗ, thể hiện rất rõ ràng.

Tưởng này thành tựu rồi, quán khắp bốn phía quanh thân đều có xương người. Sau đó, ở khoảnh đất phía trước, tưởng một bộ xương trắng giống như chính mình, đầu gập xuống vào giữa xương đùi.

Tưởng một bộ rồi kế đó tưởng hai bộ. Tưởng hai bộ rồi kế đó tưởng ba bộ. Tưởng ba bộ rồi kế đó tưởng bốn bộ. Tưởng bốn bộ rồi kế đó tưởng

năm bộ. Tưởng như vậy cho đến mười bộ. Hành giả thấy xương người đầy trong một phòng, chúng đều gập đầu xuống vào giữa xương đùi. Thấy một phòng rồi hành giả thấy cho đến một trăm phòng đầy ngập xương người. Chúng đều gập đầu xuống vào giữa xương đùi. Thấy một trăm phòng rồi hành giả thấy xương người đầy trong một do-tuần. Chúng đều gập đầu xuống vào giữa xương đùi. Thấy trong một do-tuần rồi lại thấy cho đến vô lượng bộ xương trắng đều gập đầu xuống vào giữa xương đùi.

Tưởng này thành rồi, thấy các bộ xương người nằm ngang dọc ở khoảnh đất phía trước, hoặc thấy bể đầu, hoặc thấy gãy cổ, hoặc thấy đảo lộn, hoặc thấy uốn cong vẹo, hoặc thấy gãy lưng, hoặc là duỗi chân, hoặc là co chân, hoặc là xương chân chia làm hai phần, hoặc thấy xương đầu gập vào trong ngực, hoặc thấy xương đầu nằm ngửa rụt lại. Chúng nằm ngổn ngang tại khoảnh đất phía trước, bao khắp trên dưới, đầy ngập một phòng.

Tưởng này thành rồi, hành giả thấy vô lượng vô biên các bộ xương trắng hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc nguyên vẹn hoặc không nguyên vẹn nằm ngổn ngang. Các việc như vậy đều phải trụ tâm quán kỹ, hết sức rõ ràng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hành giả thấy việc này rồi thì phải tự tư duy: Trước đây xương vốn nguyên vẹn mà bây giờ bị phân tán nằm ngổn ngang, không thể ghi nhận. Bộ xương trắng này còn không chắc chắn nên biết thân ta cũng là vô ngã. Quán kỹ việc này rồi, nên tự tư duy ngay đống xương nằm ngổn ngang này chỗ nào có thân ta và thân người. Khi ấy hành giả tư duy về vô ngã, thân ý hanh thông, an ổn hỷ lạc.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành rồi lại phải dạy khiến tâm rộng lớn làm cho hành giả thấy xương ngổn ngang trong cõi Diêm-phù-đề và thấy bên ngoài xương này có lửa dữ bao quanh bốn mặt. Hành giả thấy lửa lớn nổi lên, hừng hực cháy lan, thiêu đốt các bộ xương nằm rải rác. Tướng trạng lửa như vậy hoặc có đám lửa giống như dòng nước, ánh lửa rực rỡ tung hoành giữa các bộ xương, hoặc có đám lửa giống như núi lớn đến từ bốn phía.

Tưởng này thành rồi, hành giả rất kinh sợ, lúc xuất định, thân thể bốc hơi nóng, phải thâu tâm trở lại quán xương như trước, quán một bộ xương trắng rất rõ ràng. Lúc hành giả nhập định, không thể tự xuất định, phải nhờ tiếng khảy móng tay, sau đó mới xuất định.

Tưởng này thành tựu rồi, phải tự khởi niệm mà nói: Ta từ vô số kiếp đến nay, tạo các phiền não, bị nghiệp dẫn dắt, khiến nay thấy lửa này phát ra. Hành giả phải nghĩ lửa này có từ bốn đại. Thân ta trống rỗng, bốn đại

không chủ, lửa dữ này phát ra từ không, thân ta thân người cũng đều là không, như lửa này sinh ra từ vọng tưởng để đốt cháy cái gì? Thân ta và lửa đều là vô thường.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Hành giả phải hết lòng quán kỹ các pháp như vậy, quán hư không không có lửa, cũng không có các bộ xương. Người thực hành pháp quán này thân không sợ hãi, thân ý yên tịnh hơn trước kia nhiều.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán Bạch cốt thứ hai.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Quán bộ xương trắng thứ hai xong rồi, phải dạy pháp buộc niệm.

Trước hết phải buộc tâm trên ngón cái chân trái, nhất tâm quán kỹ ngón chân cái khiến thịt bầm xanh chảy rữa, giống như mặt trời nướng da thịt, dần dần lên đến đầu gối, rồi đến đùi. Quán chân trái rồi, quán chân phải cũng như vậy. Quán chân phải rồi kế đó quán đến hông, đến lưng, đến cổ, đến đầu, đến mặt, đến ngực. Tất cả các phần của toàn thân đều bầm đen và rỉ nước giống như mặt trời nướng da thịt. Hành giả quán kỹ thân mình thấy có tràn đầy chất bất tịnh giống như đống phân và nước tiểu. Tưởng một thân xong rồi phải tưởng hai thân. Tưởng hai thân rồi lại phải tưởng ba thân. Tưởng ba thân rồi lại tưởng bốn thân. Tưởng bốn thân rồi phải tưởng năm thân. Tưởng năm thân rồi phải tưởng mười thân. Tưởng mười thân rồi thấy thân người bầm đen, xếp hàng ngang dọc đầy trong một phòng. Chúng bầm đen và rỉ nước giống như ánh nắng đốt da thịt hoặc như đống phân và nước tiểu. Thấy một phòng rồi lại thấy hai phòng. Thấy hai phòng rồi lại thấy cho đến vô lượng các người bất tịnh tràn đầy trong thế giới Ta-bà ở tất cả sáu phương.

Tưởng này xong rồi hành giả tự nghĩ: "Đời trước ta tham dâm, ngu si, không tự giác ngộ, nhiều năm phóng dật, đắm nhiễm sắc tình không có hổ thẹn, theo đuổi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nay thấy thân ta tràn đầy bất tịnh, thân người cũng vậy, có gì đáng ưa?"

Thấy việc này rồi hết sức nhàm chán thân, hổ thẹn tự trách: Lúc xuất định thấy đồ ăn uống cũng như phân và nước tiểu, rất là gớm ghiếc.

Kế đó dạy pháp quán khác, là phải khởi niệm tưởng. Lúc niệm tưởng thành tựu, thấy bên ngoài thân, trong khoảnh các chất bất tịnh vây bốn mặt, thình lình lửa cháy như ngọn lửa phát ra lúc đốt nóng đồ vật, sắc nó màu trắng như bóng nắng phản chiếu lại trên các chất dơ bẩn.

Thấy việc này rồi hành giả rất hoan hỷ, do hoan hỷ nên thân tâm khinh an, nhu hòa, tâm được sáng tỏ, hỷ lạc khác thường.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đây là pháp quán hổ thẹn tự trách thứ ba.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán Hổ thẹn về chất nước bất tịnh thứ ba.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy buộc niệm trên ngón chân cái, xem kỹ ngón chân cái tưởng nó phồng lên. Thấy nó phồng rồi lại tưởng nó bị rã nát, rồi lại tưởng máu mủ xanh, đen, đỏ, trắng. Máu mủ này rất hôi thối, khó có thể chịu được. Như vậy, dần dần tưởng đến đầu gối, đến đùi, chúng đều phình lên, rã nát chảy ra chất bất tịnh.

Quán chân trái rồi, chân phải cũng như vậy. Như vậy lần lần quán đến hông, đến lưng, đến cổ, đến đầu, đến mặt, đến ngực, các chi tiết của toàn thân đều phình trương và rã nát xanh, đỏ, đen, trắng, chất mủ chảy ra hôi hám, dơ bẩn không thể chịu được.

Tưởng một thân thành rồi phải tưởng hai thân. Tưởng hai thân thành rồi phải tưởng ba thân. Tưởng ba thân thành rồi phải tưởng bốn thân. Tưởng bốn thân thành rồi phải tưởng năm thân. Tưởng năm thân thành rồi phải tưởng mười thân. Tưởng mười thân xong rồi, thấy các người phình trướng đầy khắp một phòng. Chúng đều bị rã nát, các chất mủ xanh, đen, đỏ, trắng đều chảy ra hôi hám, dơ bẩn, không thể chịu được. Lại phải tưởng đến một do-tuần. Tưởng một do-tuần rồi, tưởng cho đến một trăm do-tuần. Tưởng một trăm do-tuần rồi, thấy đầy khắp mặt đất và hư không ở tam thiên đại thiên thế giới có các thây người phình trương mục rã, các chất mủ xanh, đen, đỏ, trắng chảy ra, tràn đầy dơ bẩn, không thể chịu được.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Bấy giờ hành giả thấy việc này rồi, tự quán thân mình tràn đầy bất tịnh quán nơi thân người cũng lại như vậy, phải nghĩ rằng: "Thân ta rất đáng chán, nó đầy ngập chất bất tịnh."

Quán kỹ điều đó rồi, hành giả lo sợ cái họa sinh tử, tâm trở nên kiên cố tin sâu vào nhân quả, xuất định, nhập định thường hay thấy chất bất tịnh nên chán ghét muốn xả bỏ thân này. Lúc tưởng điều ấy, tự thấy toàn thể da thịt của thân mình như lá mùa thu rơi rụng. Hành giả thấy thịt rơi xuống đất rồi, tâm liền kinh động, sinh ra sợ hãi, thân tâm chấn động không thể tự

an, nhiệt độ trong người nóng bức như người bệnh sốt, bị cơn khát hành hạ. Lúc xuất định, hành giả như người đi vào nơi đồng trống vào mùa hè, khát mà không có nước uống, thân thể rất mệt nhọc. Tưởng này thành tựu rồi, đến lúc ăn thấy thức ăn giống như tử thi trương sình, thấy nước uống giống như máu mủ. Tưởng này thành tựu rồi thì rất nhàm chán thân, quán trong và ngoài thân không tìm được một chỗ sạch.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại phải dạy cho hành giả pháp quán tưởng khác, đừng vứt bỏ thân mạng và phát triển sự vô sở đắc.

Pháp quán khác là phải ở bên ngoài, cách xa chỗ dơ bẩn hôi hám là một vật sạch, dạy hành giả buộc tâm tưởng một vật sạch, tâm và mắt thấy biết rõ liền muốn đến đó để mà lấy. Như vậy, dần dần chỗ thấy rộng rãi, bên ngoài các chất bất tịnh, có các đất sạch như đất bằng lưu ly. Thấy chỗ tịnh này rồi liền muốn đi đến. Chỗ thấy càng xa rộng ý không thể đạt được.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Bấy giờ phải dạy hành giả như vậy và nói: "Việc mà ông thấy đều là tưởng bất tịnh. Nên biết tưởng bất tịnh là các vật uế tạp xen nhau, khởi lên từ điên đảo, đều do hành động điên đảo trong đời trước mà có thân này. Nguồn gốc của thân này là chủng tử bất tịnh. Ông nay có thật thấy sự bất tịnh ấy không? Tuy thấy bất tịnh, thấy trong sạch ở ngoài nhưng phải biết sự trong sạch này và sự bất tịnh không thể dừng lâu, chỉ do nương theo các căn và nhớ tưởng mà thấy như vậy. Thân bất tịnh này thuộc các nhân duyên, duyên hợp tức có, duyên lìa liền không. Việc mà ông thấy cũng thuộc duyên tưởng. Tưởng thành thì có, tưởng mất liền không. Như tâm tưởng này từ năm tình ra nhập lại tâm ông, duyên vào các dục mà có tưởng ấy. Tưởng bất tịnh này không từ đâu đến, không đi về đâu. Ông phải quán kỹ từng thứ bất tịnh, tìm cầu cái ngã ấy hoàn toàn không thể được.

Thế Tôn nói ta và người đều là không tịch, huống chi là bất tịnh. Quở trách tâm đủ kiểu như vậy, khiến tâm quán không, thấy tóc, lông, móng, răng đều không, thình lình xả các vật bất tịnh, trụ ý như trước, quán xương người trở lại.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải nhớ lời này, đừng để quên mất pháp quán Bất tịnh này và các pháp quán tưởng khác.

Tôn giả A-nan nghe lời dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán Thân trương phình máu mủ và các pháp quán tưởng khác.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, kế đó phải dạy buộc niệm một chỗ, ngồi ngay thẳng chú tâm quán kỹ ngón cái chân phải, khiến da trên ngón chân lớp lớp nối nhau, da dày da mỏng rực sáng cả trong lẫn ngoài. Có một lớp mô mỏng cũng phải quán kỹ quán sát đến hông, đến lưng, đến cổ, đến đầu, đến mặt, đến ngực, toàn thân đều như vậy. Da mỏng, da dày rực sáng trong ngoài, lớp lớp nối nhau như vật bị rạch, bị thối, da nó phình trương không thể nói hết.

Mỗi lỗ chân lông trong thân đều có trăm ngàn vô lượng các chất nước mủ dơ bẩn, giống như giọt mưa, từ lỗ chân lông chảy ra mau như mưa rào, trong ngoài đều chảy, máu mủ tràn ngập, rất là dơ bẩn không thể chịu được. Nó giống ao mủ, cũng giống ao máu trong đó đầy trùng.

Tưởng này thành tựu rồi, phải quán trong ngực và toàn thân là trùng, giống như đống trùng. Lại quán ngón chân cái phình trướng lên, mủ vỡ ra, mủ xanh, mủ vàng, mủ đỏ, mủ đen, mủ hồng, mủ xanh lục, mủ trắng chảy ra trộn với phân và nước tiểu, có các con trùng đùa giỡn trong đó, dơ bẩn hối hám không thể chịu nổi. Vì thế hành giả chán ghét thân này, không tham đắm các dục, không muốn thọ sinh.

Khi tưởng này thành tựu, thấy quỷ Dạ-xoa, thân như núi lớn, đầu tóc bù xù như rừng gai nhọn. Nó có sáu mươi mắt giống như ánh chớp, có bốn mươi miệng. Miệng có hai mươi nanh mọc ngược lên như lá phướn lửa. Lưỡi giống rừng kiếm le ra đến đầu gối. Tay nó cầm gậy sắt giống núi dao như muốn đánh người. Có nhiều con như vậy chẳng phải chỉ một con.

Lúc thấy việc này hành giả rất kinh sợ, thân tâm đều kinh động. Tướng mạo như vậy đều do đời trước hủy phạm giới cấm, làm các điều ác căn bản, vô ngã cho là ngã, vô thường cho là thường, bất tịnh cho là tịnh, phóng dật nhiễm đắm tham thọ các dục, đối với các pháp khổ lại tưởng là an lạc, đối với các pháp không lại sinh tưởng điên đảo, đối với thân bất tịnh lại cho là tịnh, sống bằng tà mạng không kể vô thường.

Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy hành giả: Ông chớ kinh sợ, quỷ Dạ-xoa này là cảnh giới ác độc trong tâm ác của ông, chúng khởi lên từ sáu đại, do sáu đại tạo thành. Nay ông phải quán kỹ sáu đại.

Sáu đại là đất, nước, gió, lửa, không, thức. Ông phải tư duy kỹ từng thứ một. Thân ông là đất chăng? Là lửa chăng? Là gió chăng? Là thức chăng? Là không chăng? Quán kỹ từng thứ như vậy, xem thân này hình thành từ đại nào và tan rã từ đại nào. Sáu đại không chủ, thân cũng không có bản ngã, nay ông vì sao lại sợ Dạ-xoa?

Như tâm tưởng ông không từ đâu đến, không đi về đâu, tâm tưởng thấy Dạ-xoa cũng như vậy. Vì thế, chỉ cần ngồi ổn định tâm ý. Giả sử Dạ-xoa đến đánh ông, ông cũng vui mừng chấp nhận, quán kỹ về vô ngã, trong pháp vô ngã không có tưởng kinh sợ, chỉ nên chánh tâm, ngồi kiết già quán kỹ bất tịnh cùng với Dạ-xoa. Quán một thành tựu rồi lại quán hai. Như vậy dần dần cho đến vô lượng quán kỹ từng thứ khiến cho rõ ràng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải giữ gìn pháp quán Da mỏng bất tịnh đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe lời dạy hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu, gọi là hoàn tất pháp quán Da mỏng thứ năm.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy hành giả buộc niệm trên ngón cái chân phải, quán kỹ ngón chân khiến nó phình trương lên, từ chân đến đầu như túi da thổi phồng, phình trương đen bóng, máu bầm xanh khó chịu đựng và trùng màu trắng đầy trong đó như là hạt gạo. Trùng có bốn đầu, chúng đuổi nhau và mổ ăn lẫn nhau. Da, thịt, xương tủy đều sinh ra trùng. Trùng ăn hết tất cả ngũ tạng, chỉ còn da dày ở bên ngoài xương. Da mỏng da dày giống như tơ lụa, các con trùng ra vào như xuyên qua lá trúc, ra vào liền liền làm da muốn lủng. Trong mắt ngứa ngáy có vô số trùng đục mắt muốn ra sống trên vành mắt. Chín lỗ trên thân cũng lại như vậy. Bấy giờ, các con trùng từ da dày ra vào trong da mỏng, da liền lủng hết, trùng đều rơi xuống đất, rất nhiều không thể đếm được. Chúng làm thành một đống lớn giống như núi trùng phía trước hành giả. Chúng ăn nuốt lẫn nhau, hoặc là quấn lẫn nhau. Hành giả thấy nhiều trùng rồi, lại phải buộc niệm quán kỹ một trùng khiến con trùng này ăn hết các con trùng. Đã ăn trùng rồi, chỉ còn lại một con trùng. Tâm nó lớn dần, hành giả thấy một con trùng lớn như một con chó, thân thể khốn đốn, mũi cong như sừng hiện trước hành giả. Mắt nó màu đỏ như hòn sắt nóng. Thấy việc này rồi, hết sức kinh sợ phải tự nhớ lại thân ta vì sao bỗng nhiên như vậy, làm việc thế này, đầu tiên thấy các con trùng ăn nuốt lẫn nhau, nay thấy trùng này hình thể hôi xấu, ăn nuốt lẫn nhau rất là đáng sợ.

Lúc tưởng này thành tựu, phải tự quán thân, ta và các con trùng vốn không nay có, đã có lại trở về không, như sự bất tịnh này từ tâm tưởng sinh ra, không từ đâu đến, không đi về đâu, cũng không là ta, cũng không là người. Như cái thân này do sáu đại và các nhân duyên hòa hợp lại mà thành, sáu đại ly tán, thân cũng không còn. Trước đây các con trùng không từ đâu

đến, không đi về đâu, đống trùng thân ta có gì là thật, trùng không chủ tể, ta cũng vô ngã. Lúc tư duy điều này, thấy mắt con trùng nhỏ dần.

Thấy việc này rồi, thân tâm vui vẻ, an lạc hơn trước gấp bội.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên khéo thọ trì pháp quán Trùng tu tập và Da dày này đừng để quên mất.

Nghe Phật nói, Tôn giả A-nan hoan hỷ phụng hành.

Tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán Trùng tụ tập và Da dày thứ sáu.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại phải trụ ý buộc niệm một chỗ quán kỹ ngón cái chân phải, quán thật kỹ từ chân đến đầu, khiến da thịt đều tiêu hết. Ruột, dạ dày, bụng, gan, phổi, tim, tỳ, thận, tất cả năm tạng đều rơi xuống đất, chỉ còn gân xương liên kết lẫn nhau. Một lớp mô mỏng còn dính nơi xương, có màu rất đỏ hoặc như bùn đọng, hoặc như nước đục, quán tưởng về nước đục, đem nước đục rửa da, từ chân đến đầu đều làm như vậy. Hành giả tự quán thân mình hết sức rõ ràng. Quán thân mình rồi, lại quán một thân khác giống y như mình đang đứng ở khoảnh đất trước mặt.

Tưởng một thân xong rồi lại phải tưởng hai thân. Tưởng hai thân xong rồi phải tưởng ba thân. Tưởng ba thân xong rồi phải tưởng bốn thân. Tưởng bốn thân xong rồi phải tưởng năm thân. Tưởng năm thân xong rồi phải tưởng cho đến mười thân. Tưởng mười thân rồi thấy khắp trong một phòng đều như vậy. Xương người màu đỏ, hoặc có màu bùn đọng, hoặc có màu nước đục, dùng nước đục rửa da như vậy rất nhiều, dần dần rộng lớn đầy một do-tuần. Tưởng một do-tuần rồi tưởng hai do-tuần. Tưởng hai do-tuần rồi dần dần rộng lớn tưởng một trăm do-tuần. Tưởng một trăm do-tuần rồi tưởng cho đến tam thiên đại thiên thế giới, trong đó đầy xương người màu đỏ, hoặc có màu bùn đọng, hoặc có màu nước đục, dùng nước đục rửa da bao quanh trên dưới, tràn đầy khắp nơi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nay quán kỹ tưởng màu đỏ này đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán tưởng màu đỏ, màu bùn đọng, nước đục tẩy rửa da thứ bảy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại phải dạy cho hành giả buộc tâm trụ ý quán ngón cái chân trái,

từ chân đến đầu như người mới chết có màu vàng úa, phải quán thân mình cũng lại như vậy. Thấy màu vàng úa rồi phải khiến cho màu vàng biến thành màu xanh đỏ. Lúc tưởng này thành tựu, thấy trên mặt đất có một người mới chết có màu vàng, đỏ. Thấy một thây người rồi thấy hai thây. Thấy hai thây rồi thì thấy ba thây. Thấy ba thây rồi thì thấy bốn thây. Thấy bốn thây rồi thì thấy năm thây.

Thấy năm thây rồi, tâm tưởng bén nhạy thường thấy thân mình như người mới chết. Tưởng như vậy thành tựu, thấy tất cả mọi người đầy cõi Diêm-phù-đề giống như người mới chết. Tưởng này thành tựu rồi, quán rộng thêm ra, thấy tam thiên đại thiên thế giới, trong đó đầy người mới chết, tự thấy thân mình và thân người không khác nhau. Lúc tưởng này thành tựu, tâm ý bừng sáng, tham dục mỏng dần.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải quán kỹ tưởng mới chết này đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành gọi là hoàn tất pháp quán tưởng mới chết thứ tám.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại phải dạy hành giả buộc niệm trụ ý quán kỹ ngón cái chân trái từ chân đến đầu khiến tâm không tán loạn, thấy rõ ràng từng loại xương trong thân, chúng chống đỡ và duy trì lẫn nhau, không có cái nào bị rơi rớt, lông tóc, móng, răng đều đầy đủ, trắng sáng. Thấy thân mình rồi, quán đi quán lại tưởng khiến trắng sạch.

Tưởng một thân rồi, lại tưởng hai thân. Tưởng hai thân rồi lại tưởng ba thân. Tưởng ba thân rồi, lại tưởng bốn thân. Tưởng bốn thân rồi lại tưởng năm thân. Cứ như vậy tưởng cho đến mười thân. Tưởng mười thân rồi lại thấy trong một phòng bao khắp trên dưới đều là xương người, lông tóc, móng, răng đầy đủ trắng như ngọc kha, như tuyết. Thấy một phòng rồi lại thấy một trăm phòng. Thấy một trăm phòng rồi lại thấy một cõi Diêm-phù-đề. Thấy một Diêm-phù-đề cho đến thấy tam thiên đại thiên thế giới, trong đó đầy xương người, lông tóc, móng, răng đầy đủ trắng như ngọc kha, như tuyết. Lúc tưởng này thành tựu tâm ý an ổn, vui mừng gấp bội lúc bình thường.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải khéo quán tưởng xương thân đầy đủ đừng cho quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán thân đầy đủ thứ chín.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại dạy hành giả buộc tâm trụ ý quán kỹ hai đốt ngón cái chân phải, khiến tâm chuyên chú không bị phân tán. Quán hai đốt khiến lìa nhau, chỉ có móng chân còn dính lại. Quán hai đốt rồi từ đầu đến chân đều khiến như vậy, khiến từng đốt lìa nhau, chỉ có móng chân còn dính lại. Từ đầu đến chân ba trăm sáu mươi ba đốt quán kỹ từng thứ một, khiến chúng lìa nhau. Nếu không đủ nên trụ tâm quán kỹ khiến các đốt lìa nhau chỉ có móng chân còn dính lại.

Quán thân mình rồi, phải quán thân người. Quán một rồi quán hai. Quán hai rồi quán ba. Quán ba rồi quán bốn. Quán bốn rồi quán năm. Quán năm rồi quán cho đến vô lượng các bộ xương trắng, từng đốt lìa nhau chỉ có móng chân còn dính lại. Thấy việc này rồi, lại thấy ở bốn phương có rất nhiều xương người cũng lại như vậy.

Lúc thành tựu pháp quán này, phải tự nhiên thấy bên ngoài xương người giống biển lớn an tĩnh trong suốt. Tâm hành giả sáng suốt nhạy bén, thấy đủ loại ánh sáng nhiều màu nhiễu quanh bốn bên. Thấy việc này rồi, tâm ý tự nhiên an ổn, vui vẻ, thân tâm thanh tịnh không còn buồn vui.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải quán rõ ràng chắc chắn pháp quán từng đốt lìa nhau này, đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Pháp quán này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán từng đốt lìa nhau thứ mười.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy buộc niệm trụ ý, quán kỹ hai đốt của ngón cái chân phải, khiến từng đốt lìa nhau khoảng chừng ba ngón, quán ánh sáng trắng trụ ở ngón chân. Nếu ngồi ban đêm thì tưởng ánh sáng mặt trăng, nếu ngồi ban ngày thì tưởng ánh sáng mặt trời, liên kết các xương đừng cho phân tán.

Từ chân đến đầu, ba trăm sáu mươi ba đốt đều khiến lìa nhau như ba ngón vậy, dùng ánh sáng trắng níu giữ không cho phân tán. Nếu ngồi ban ngày dùng ánh mặt trời mà giữ. Nếu ngồi ban đêm dùng ánh mặt trăng mà giữ, quán giữa các đốt đều phóng ra ánh sáng trắng. Lúc thành tựu pháp quán này, phải tự nhiên thấy một vị Phật cao một trượng sáu ở trong ánh

sáng mặt trời. Ánh sáng bao khắp một tầm, trái, phải, trên, dưới cũng đều một tầm. Thân thể màu vàng ròng, toàn thân sáng rực chói lọi trang nghiêm. Ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp đều rực rỡ. Mỗi mỗi tướng tốt đều thấy rõ ràng, như Phật còn ở đời không khác. Lúc thấy điều này cẩn thận đừng làm lễ, cần phải an tâm quán kỹ các pháp, phải nghĩ rằng: "Phật nói các pháp không đến không đi, tất cả tánh tướng đều không tịch, chư Phật Như Lai là thân giải thoát. Thân giải thoát là chân như, trong pháp chân như không thấy, không đắc." Lúc tưởng điều này tự nhiên thấy tất cả chư Phật. Nhờ thấy Phật, tâm ý thông suốt, lặng lẽ vui sướng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông quán kỹ xương trắng phát sáng này đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Quán này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán xương trắng phát sáng thứ mười một.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Thành tựu pháp quán này rồi lại phải dạy buộc tâm trụ ý quán kỹ xương sườn. Ở giữa xương sườn dùng sức định tâm quán một đài cao, tự thấy thân mình như một người bằng ngọc trắng đang ngồi kiết già, dùng ánh sáng xương trắng chiếu khắp tất cả, lúc quán điều này làm cho rất rõ ràng. Ngồi đài này rồi, như người có thần thông, ở trên đỉnh nùi Tu-di, quán thấy bốn phương, không có chướng ngại, tự thấy thân cũ rõ ràng, thấy các xương người trắng như ngọc kha, như tuyết, xếp hàng hướng vào nhau, thân thể đầy đủ, không chút khiếm khuyết đầy tam thiên đại thiên thế giới. Đây gọi là Tưởng ánh sáng trắng thành tựu.

Kế đó, quán xương nằm theo chiều dọc, cũng đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy xương nằm theo chiều ngang cũng đầy tam thiên đại thiên thế giới. Thấy xương người màu xanh, từng hàng hướng vào nhau, đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy xương màu đen, từng hàng hướng vào nhau, đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người phình trương từng hàng hướng vào nhau, đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người cùi, lại thấy người thân đầy máu mủ, tràn ngập tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người toàn thân mục rã, có trùng ra vào đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có da mỏng bọc thân đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có xương da liền nhau đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có màu đỏ như máu đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có màu như nước đục, đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có màu như bùn đọng, đầy tam thiên đại thiên thế giới. Lại thấy người có

bộ xương trắng, lông tóc, móng, răng liên kết nhau, chỉ có móng chân còn dính lại, xương người như đầy tam thiên đại thiên thế giới. Kế đó, thấy người có các đốt xương, lìa ra hai hướng khoảng chừng ba ngón có ánh sáng trắng phát ra đầy tam thiên đại thiên thế giới. Kế đó thấy bộ xương trắng phân tán, chỉ có ánh sáng trắng liên kết với nhau đầy tam thiên đại thiên thế giới.

Phải thấy nhiều bộ xương người màu trắng như vậy không thể kể hết.

Lúc thành tựu pháp quán ấy, phải nghĩ rằng: Thân này của ta khởi từ bốn đại, cành, lá, hạt giống đều hết sức bất tịnh như vậy, rất là đáng chán.

Cảnh giới như thế khởi từ tâm ta, tâm tưởng liền thành, không tưởng không thấy, phải biết tưởng này chính là giả quán, thấy từ hư vọng, thuộc các nhân duyên. Ta nay phải quán nhân duyên các pháp. Vì sao gọi là nhân duyên các pháp. Nhân duyên các pháp là sinh ra từ bốn đại. Bốn đại là đất, nước, gió, lửa. Lại phải quán gió lớn này nổi dậy từ bốn phương. Mỗi một phong đại giống như rắn lớn, mỗi con có bốn đầu, hai trên hai dưới, trong nhiều tai của chúng đều phát gió ấy. Lúc quán này thành tựu, gió biến thành lửa, mỗi con rắn độc phun ra núi lửa. Núi ấy cao lớn rất là đáng sợ. Có các Dạ-xoa ở trong núi lửa, động thân nuốt lửa, lỗ chân lông phát ra gió. Biến trạng như vậy đầy khắp một phòng. Khắp một phòng rồi lại khắp hai phòng. Khắp hai phòng rồi dần dần rộng lớn đầy khắp một do-tuần. Đầy một do-tuần rồi đầy khắp hai do-tuần. Đầy hai do-tuần rồi đầy khắp ba do-tuần. Đầy ba do-tuần rồi đầy khắp cõi Diêm-phù-đề. Hành giả thấy các Dạ-xoa ở trong núi lửa, nuốt lửa gánh núi, lỗ chân lông phát ra gió, rong chạy khắp nơi trong khắp cõi Diêm-phù-đề. Lại nữa, quỷ Dạ-xoa đáng sợ áp bức hành giả, lúc thấy điều này tâm rất kinh sợ, xin đổi pháp quán.

Pháp quán khác là trước tiên quán tượng Phật cao một trượng sáu ở trong ánh lửa.

Lúc tưởng này thành tựu, lửa dần dần cạn, biến thành hoa sen. Rất nhiều núi lửa như vàng ròng tụ tập rực sáng trong ngoài. Các quỷ Dạ-xoa giống người bằng ngọc trắng, chỉ có phong đại chuyển động xoay tròn, thổi các hoa sen. Vô số hóa Phật trụ trong hư không, phóng ánh sáng lớn như núi kim cương.

Lúc ấy, các ngọn gió yên tịnh không lay động. Bốn con rắn độc trong miệng phun nước năm sắc đầy khắp một giường. Đầy một giường rồi đầy hai giường. Đầy hai giường rồi đầy ba giường. Như vậy cho đến đầy khắp một phòng. Đầy một phòng rồi lại đầy hai phòng. Đầy hai phòng như vậy rồi đầy ba phòng. Như vậy cho đến đầy khắp mười phòng. Nước đầy mười

phòng rồi, thấy nước năm sắc trong mỗi sắc đều có ánh sáng trắng như cái phướn bằng pha lê. Nó có mười bốn lớp từng đoạn đều không. Nước trắng phun ra trụ trong hư không. Lúc tưởng này thành tựu, hành giả tự thấy trong thân tâm có một con rồng độc. Rồng có sáu đầu, nó cuốn quanh tim bảy vòng. Hai đầu phun nước, hai đầu phun lửa, hai đầu phun đá, trong tai phát ra gió. Các lỗ chân lông trong thân đều sinh ra chín mươi chín rắn độc. Các loại rắn như vậy, hai trên hai dưới. Các con rồng phun nước, từ dưới chân tuôn ra chảy vào dòng nước trắng.

Như vậy, lần lần đầy một do-tuần đều thấy việc này. Đầy một do-tuần rồi đầy hai do-tuần. Đầy hai do-tuần rồi đầy ba do-tuần. Như vậy cho đến đầy cõi Diêm-phù-đề. Đầy cõi Diêm-phù-đề rồi, lúc ấy rồng độc từ rốn chui ra, dần dần lên trên chui vào trong mắt. Từ mắt ra trụ lên đỉnh đầu.

Bấy giờ, trong nước có một cây lớn, cành lá sum suê che khắp tất cả. Rồng độc như vậy không lìa thân ta, lè lưỡi trên cây. Trên lưỡi rồng có tám trăm con quỷ. Hoặc có quỷ thần trên đầu đội núi, hai tay như rắn, hai tay giống chó. Lại có quỷ thần, đầu giống đầu rồng, các lỗ chân lông trong thân có trăm ngàn mắt, trong mắt phát lửa, răng như núi đao lăn lộn trên đất. Lại có các con quỷ, mỗi mỗi con có chín mươi chín đầu. Chúng đều có chín mươi chín tay. Hình dáng đầu rất là xấu xí, giống như dã can, hoặc giống như chồn, hoặc giống như mèo, hoặc là như cáo, hoặc là như chuột. Cổ các con quỷ này đều mang khỉ vượn. Các quỷ ác này đùa giỡn trong nước, có con leo trèo nhảy nhót trên cây. Có quỷ Dạ-xoa trên đầu bốc lửa. Các con vượn dùng nước dập lửa nhưng không dập được, lửa càng thêm mạnh.

Lửa dữ như vậy từ trong nước thình lình rực cháy bên cạnh phướn bằng pha lê, đốt phướn bằng pha lê như nấu vàng ròng. Mỗi ngọn lửa lần lượt nhiễu quanh thân mười vòng, ở trên hành giả như cái lọng bằng vàng ròng. Có màn lưới giăng khắp trên cây và lọng bằng vàng ròng nó đầy đủ ba lớp.

Bấy giờ, dưới đất bỗng có bốn con ác quỷ lớn, có trăm ngàn tai, tai phát ra lửa, nước. Các lỗ chân lông trong thân phun ra các hạt bụi li ti. Trong miệng thổi ra gió đầy khắp thế giới. Có tám vạn bốn ngàn quỷ La-sát, hai nanh mọc ngược lên cao một do-tuần.

Trong các lỗ chân lông của thân, sét đánh nổi lửa, rất nhiều con như vậy chạy giỡn trong nước.

Lại có hổ, chó sói, sư tử, báo, chim, thú, từ lửa vọt ra chạy giỡn trong nước.

Lúc thấy việc này, từng bộ xương đầy khắp thế giới Ta-bà đều cử

động tay phải. Các La-sát tay cầm thiết xoa xúc các xương người dồn lại một chỗ.

Bấy giờ, trong xương người chín màu xếp hàng theo thứ lớp đến chỗ hành giả. Trăm ngàn cảnh giới rất nhiều như vậy không thể kể hết.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lúc tưởng này thành tựu gọi là quán bốn đại, ông phải khéo thọ trì đừng cho quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu, gọi là quán địa đại, quán hỏa đại, quán phong đại, quán thủy đại thứ mười hai, cũng gọi là cảnh giới chín mươi tám xứ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy buộc niệm trụ ý quán kỹ xương sườn bên hông. Tưởng các xương sườn trắng như ngọc kha như tuyết. Thấy xương sườn rồi, thấy xương toàn thân, từng đốt nương nhau trở nên sáng sạch, trắng như pha lê, thấy các chi tiết lớn nhỏ của một bộ xương đều sáng như gương pha lê. Hỏa đại, phong đại, thủy đại, địa đại, các cảnh giới này đều hiện ra ở trong một đốt. Lúc tưởng này thành tựu, thấy đất phương dưới, từ giường trở xuống dần dần mở ra. Thấy đất dưới một giường rồi, lại thấy đất dưới hai giường. Thấy đất dưới hai giường rồi, lại thấy đất dưới ba giường, kế đó thấy trong một phòng. Thấy trong một phòng rồi lại thấy trong hai phòng. Thấy trong hai phòng rồi dần dần thấy trong ba phòng. Thấy trong ba phòng rồi dần dần thấy đất trong một sân dần dần mở ra. Lúc thấy việc này, phải quán kỹ đến phương dưới không có chướng ngại.

Trong phong luân phương dưới có các luồng gió nổi dậy, các Dạ-xoa kia đều nuốt gió này. Nuốt gió này rồi các lỗ chân lông trên thân đều sinh quỷ Cưu-bàn-trà. Mỗi quỷ Cưu-bàn-trà phun ra các núi lửa, đầy đại thiên thế giới. Trong các núi ấy lại có nhiều cô gái đẹp, đánh trống, tấu nhạc, đàn ca trước hành giả. La-sát lại đến tranh nhau bắt họ để ăn. Hành giả thấy rồi rất là kinh sợ không thể kiềm chế được, lúc xuất định luôn luôn bị đau tim, xương đỉnh đầu muốn vỡ. Nhiếp tâm vào định đều thấy cảnh giới bốn đại như trước. Thấy cảnh giới này rồi, nhờ định lực bốn đại, tự thấy thân thể trắng như người ngọc, lửa khởi lên mỗi đốt, nước chảy dưới từng đốt, trong tai phát ra gió, trong mắt có mưa đá.

Thấy việc này rồi, có mười con rắn độc ở trên mặt đất, thân dài lớn năm trăm do-tuần, có một ngàn hai trăm chân, chân giống rồng độc, thân phát ra lửa lăn lộn trên đất. Lúc tưởng này thành tựu, phải chí tâm sám hối

tội trước. Lúc xuất định không được nói nhiều, phải ở nơi vắng vẻ, nhất tâm buộc niệm chỉ trừ lúc ăn. Lại phải sám hối uống các bơ thuốc, sau đó mới đổi pháp quán này.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Pháp quán này gọi là quán bốn đại thứ hai, ông phải thọ trì đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Lúc tưởng này thành tựu, gọi là hoàn tất pháp quán các kết sử căn bản thứ mười ba.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lúc tưởng này thành tựu lại phải thay đổi pháp quán. Pháp quán khác là:

Khi hỏa đại phát động phải khởi tưởng núi, phải tưởng các núi giống như sương giá bị lửa làm tan. Lửa dữ như vậy rất là mạnh mẽ. Lúc lửa hừng mạnh thân thể bốc nóng. Lại tưởng rồng làm mưa dập tắt lửa dữ. Lại phải tưởng đá nát ra như bụi. Rồng lại thổi gió tụ tập các hạt bụi cho đến khi thành núi. Vô số cây rừng, gai góc đều tự nhiên sinh. Bấy giờ nước trắng đầy đủ năm màu chảy trong các cây gai. Nước như vậy trụ trên đỉnh núi giống như băng tích tụ, ngưng lại không động. Tưởng này thành tựu gọi là pháp quán khác thứ mười bốn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di được chánh định Tam-muội, ông phải dạy đổi pháp quán dừng để quên mất. Pháp quán bốn đại này, nếu có người chứng đắc được, Phật cho dùng sữa và thịt. Lúc ăn thịt rửa không cho còn mùi vị và phải tưởng như vào thời đói phải ăn thịt con. Nay thân này nếu không ăn thịt sẽ phát cuồng và chết. Cho nên, Phật dạy các Tỳ-kheo ở nước Xá-vệ, vì tu thiền định được ăn ba loại thịt thanh tịnh.

Tôn giả A-nan nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Dạy đổi pháp quán rồi, lại phải dạy buộc tâm trụ ý như trước, quán kỹ xương sườn, lại khiến trắng sạch hơn trước nhiều lần. Ở giữa hai đốt nhờ sáng và sạch được thấy tất cả các việc dơ xấu.

Lúc tưởng này thành tựu, phải tự quán thân thành một bộ xương người, trong mỗi đốt trắng sạch, sáng tỏ như gương pha lê. Tất cả xương người ở trong cõi Diêm-phù-đề và cảnh giới có được nhờ quán bốn đại đều

ở trong một đốt xương. Thấy việc này rồi hành giả thấy các xương người đến từ phía Đông, xếp hàng theo thứ lớp hướng về phía hành giả nhiều như vi trần. Cũng như phương Đông, các bộ xương trắng khắp thế giới Ta-bà đều xếp hàng theo thứ lớp hướng về phía hành giả. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên dưới cũng lại như vậy. Lại có xương người màu xanh, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc bốn hướng và phương trên dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu bùn đọng, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu nước đục xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu đỏ, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu hồng, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người dính đầy máu mủ, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu vàng, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu xanh lục, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu tím, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau

khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lại có xương người màu khác nhau, giữa hai đốt khắp trong các đốt chảy ra các loại mủ gớm ghiếc mười sáu mùi, xếp hàng theo thứ lớp hướng vào nhau khắp cõi Diêm-phù-đề. Dần dần rộng lớn cho đến phương Đông, khắp thế giới Ta-bà, phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng và phương trên, dưới cũng lại như vậy.

Lúc tưởng này thành tựu, hành giả kinh sợ, thấy các Dạ-xoa muốn đến ăn mình.

Bấy giờ, phải thấy các xương người từng đốt nổi lửa. Từng ngọn lửa bừng lên khắp thế giới Ta-bà. Lại thấy trên đỉnh các bộ xương vọt ra các loại nước như là phướn cờ bằng pha lê. Lại thấy tất cả lửa trên đầu xương biến thành núi đá. Tai các con rồng phát ra gió thổi lửa động núi. Các ngọn núi quay quần trên hư không như người thợ gốm quay bánh xe của mình không ngừng nghỉ.

Thấy việc này rồi, hành giả rất kinh sợ. Do kinh sợ có một ức quỷ gánh núi phun lửa, hình dạng khác nhau đến chỗ người ấy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo an trụ trong chánh niệm, tu không phóng dật, lúc thấy việc này phải dạy các pháp quán không, vô ngã. Khi xuất định cũng khuyên họ thường đến hỏi người trí về nghĩa Không sâu xa. Nghe nghĩa Không rồi phải tự quán sát thân ta nương sự hòa hợp bất tịnh của cha mẹ, gân ràng rịt, máu lấp đầy, ba mươi sáu vật ô nhiễm bất tịnh thuộc các nghiệp duyên khởi lên từ vô minh. Nay quán thân này không một thứ đáng ưa như vật mục rã.

Lúc tư duy như vậy, các bộ xương người đều đến áp bức ta, phải giơ tay phải vỗ các bộ xương mà nghĩ rằng: "Như xương người này hiện từ tưởng hư vọng và phân biệt, thân ta cũng vậy sinh từ bốn đại, lấy làng xóm là sáu nhập là chỗ cư trú, huống gì các xương sinh ra từ hư vọng."

Lúc nghĩ điều ấy, các bộ xương người tan nát như bụi, tích tụ trên đất như núi tuyết trắng. Có một con rắn lớn bỗng nhiên nuốt ăn rất nhiều bộ xương người màu sắc lẫn lộn. Ở trên núi tuyết đó, có một người nữ bằng ngọc trắng, thân thể đoan chánh, cao ba mươi sáu do-tuần, cổ đỏ như lửa, mắt có ánh sáng trắng.

Bấy giờ, nước màu trắng và các tràng phan bằng pha lê đều tự nhiên nhập vào đỉnh người bằng ngọc trắng. Các loại rồng, quỷ, rắn, sư tử, chồn,

mèo đều kinh sợ bỏ chạy. Vì sợ lửa lớn, chúng tìm đến bên dưới của cây. Chín mươi chín con rắn trong các lỗ chân lông của thân đều ở trên cây.

Khi đó, rồng độc uốn lượn quanh cây, lại thấy voi đen đứng dưới cây.

Lúc thấy việc này, nên chí tâm sám hối cả sáu thời, không thích nói nhiều, phải ở chỗ vắng, để tư duy các pháp không. Trong các pháp không, không đất, không nước, cũng không gió lửa. Sắc là điên đảo từ pháp huyễn sinh ra. Thọ là nhân duyên sinh từ các nghiệp. Tưởng là điên đảo, là pháp không trụ. Thức là không thấy thuộc các nghiệp duyên, sinh do hạt giống tham ái, quán kỹ các loại như vậy của thân này. Địa đại là từ không thấy có, không cũng thấy không, vì sao cho tưởng cứng là đất. Phân tích như vậy, cái gì là đất?

Quán điều đó rồi, gọi là quán đất bên ngoài. Quán kỹ từng thứ thấy địa đại không chủ. Lúc tưởng điều này thấy núi xương trắng lại càng tan rã giống như vi trần. Chỉ có xương người ở trong vi trần có các ánh sáng trắng duy trì lẫn nhau. Trong ánh sáng trắng lại sinh các loại ánh sáng bốn màu. Trong ánh sáng lại nổi lửa dữ thiêu đốt các Dạ-xoa. Các Dạ-xoa bị lửa áp bức đều vọt lên cây, chưa đến cây bị voi đen chà đạp. Dạ-xoa phun lửa đốt chân voi đen. Lúc ấy, voi đen rống lên như sư tử rống, diễn thuyết pháp không, vô thường, vô ngã và thuyết thân này là pháp hư hoại, không bao lâu sẽ diệt. Voi đen thuyết rồi đánh nhau với Dạ-xoa. Dạ-xoa cầm thiết xoa đâm tim voi đen. Voi đen lại rống lên một tiếng làm động đất, làm gốc, thân, cành, lá của cây đại thọ nhất thời lay động. Rồng cũng phun lửa muốn thiêu cây này. Các con rắn kinh sợ phùng mang. Mỗi con đều duỗi chín mươi chín đầu để cứu lấy cây này. Dạ-xoa lại càng kinh sợ, tay cầm khối đá lớn muốn ném vào voi đen. Voi đen liền đưa vòi bắt khối đá ném lên trên cây. Đá rơi trên cây giống như núi đao. Dạ-xoa ấy vọt thân, nhảy mạnh, các lỗ chân lông trong thân xuất ra các rồng độc. Rồng độc có bốn đầu phun ra khói lửa, rất là đáng sợ.

Tưởng này thành tựu rồi, tự thấy quả tim trong thân mình sâu như hang giếng. Trong giếng có rắn độc phun trên dưới. Có hạt châu ma-ni hiện ở trên giếng được treo trên hư không bằng mười bốn sợi tơ. Bấy giờ, các con rắn độc ngửa miệng nuốt hạt châu nhưng không thể được, bị rơi lăn dưới đất, mê muội không biết gì.

Lúc ấy, lửa từ miệng nhập vào đảnh. Hành giả nếu thấy việc này phải sám hối, xin được ăn uống tùy ý để điều hòa bốn đại, khiến hết sức yên ổn phải ngồi trong phòng kín, nơi không có tiếng chim.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thành tựu pháp quán này gọi là pháp quán địa đại, phải cần buộc niệm, cẩn thận không buông lung. Nếu tu không buông lung, tiến bộ mau hơn nước chảy, sẽ được đảnh pháp. Tuy có biếng nhác nhưng không bị đọa vào ba đường ác nữa. Khi xả bỏ thân này, qua đời khác sẽ sinh vào cõi trời Đâu-suất, được gặp Bồ-tát Di-lặc thuyết pháp khổ, không, vô thường cho nghe, hốt nhiên ý thông tỏ, đắc quả A-na-hàm.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông phải nhận kỹ pháp quán địa đại, cẩn thận đừng để quên mất, thuyết giảng rộng rãi cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Đắc pháp này gọi là hoàn tất pháp quán địa đại thứ mười bốn, cũng gọi là phân biệt tướng mạo bốn đại, cũng gọi là thấy tướng thô của năm ấm. Người có trí tuệ cũng có thể tự biết kết sử của mình nhiều ít.

Trong bốn Niệm xứ gọi là Thân niệm xứ, chỉ thấy ngoài thân chưa thấy trong thân. Trong bốn phần cảnh giới của Thân niệm xứ đây là phần đầu tiên. Thành tựu pháp quán này, thân tâm an lạc ít tranh cãi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, kế đó phải quán lửa ngoài thân có từ nhân duyên, có duyên thì khởi, duyên lìa thì diệt. Các lửa như vậy, không từ đâu tới, không đi về đâu, thình lình biến diệt, không dừng một chỗ. Lúc nghĩ điều này, lửa bên ngoài đều tắt, không hiện trở lại.

Hành giả phải tư duy các loại nước bên ngoài, ao, sông suối nhờ sức rồng biến hóa tạo thành, nay ta vì sao chợt thấy nước này. Các loại nước ấy không từ đâu đến, không đi về đâu. Lúc nghĩ như vậy, nước bên ngoài không hiện.

Hành giả lại phải khởi niệm gió này cùng với hư không chứa đựng tiếng gầm rống của các con rồng, nhờ vào nhân duyên nên có tưởng ấy, không ở trong, không ở ngoài cũng không ở chính giữa, do tâm điên đảo nên có cái thấy sai lầm này. Lúc nghĩ như vậy, gió bên ngoài không khởi.

Lại phải buộc niệm, tư duy về xương sườn trong thân, thấy xương trong thân trắng như ngọc kha như tuyết. Trong mỗi đốt đều hiện ba mươi sáu vật dơ xấu, bất tịnh. Hoặc thấy da trên thân giống như túi da đầy dẫy bất tịnh. Nó có vô lượng chỗ lở loét và trăm ngàn ung nhọt. Các mủ rỉ rả chảy ra không dứt ngay ở trên đầu bộ xương rất là đáng chán. Hoặc thấy ngũ tạng trong thân đều chảy vào ruột già. Ruột già phình trương, mục rã, vỡ ra, khó chịu nổi.

Bấy giờ, nhờ định lực, xuất định, nhập định, hành giả thấy tất cả thân người và mình đều do chất bất tịnh tụ tập. Thấy các người nữ thân như trùng, chó, dơ xấu, bất tịnh, tự nhiên hành giả được tưởng không tham sắc.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lúc tưởng này thành tựu gọi là quán bốn đại bên ngoài thứ mười bốn, cũng gọi là tạm hiểu về việc học quán không.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải thọ trì lời ta dạy cẩn thận đừng để quên mất.

Tôn giả A-nan nghe Phật nói hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi lại phải buộc niệm, quán kỹ địa đại trong thân, các vật trong thân như xương lông, móng, tóc, ruột, dạ dày, bụng, gan, tim, phổi, các vật cứng chắc đều là địa đại, chúng do tinh khí tạo thành.

Sở dĩ biết đất bên ngoài vô thường là nhờ thí dụ về đại địa được nêu sau đây: Lúc hai mặt trời xuất hiện, đại địa cháy khô. Lúc ba mặt trời xuất hiện sông, ao, hồ đều cạn. Bốn mặt trời xuất hiện, biển lớn cạn hết hai phần ba. Năm mặt trời xuất hiện, biển lớn khô hết. Sáu mặt trời xuất hiện, đại địa bốc lửa. Bảy mặt trời xuất hiện, đại địa cháy sạch. Đất bên ngoài còn vậy, thế nó không lâu dài, huống chi đất trong thân lại chắc chắn sao?

Bấy giờ, hành giả phải tự tư duy: Nay thân này của ta, tóc là ta chăng? Móng là ta chăng? Xương là ta chăng? Ngũ tạng là ta chăng? Quán kỹ các chi tiết của thân như vậy đều không ngã. Hành giả tự quán các xương, quán kỹ từng thứ xem xương này sinh từ chỗ nào. Lúc tinh cha huyết mẹ hòa hợp, lúc như giọt sữa, lúc như Yết-la-la, lúc như là An-phù-đà, các thời như vậy chỗ nào có xương. Phải biết xương vốn không nay có, đã có trở về không. Xương này đồng với tướng hư không. Đất bên ngoài vô thường, đất bên trong cũng vậy. Lúc tư duy như thế, xét kỹ thân mình tất cả các xương tự nhiên tan hết giống như vi trần. Lúc nhập định, quán xương chỉ thấy nơi có cốt, không thấy tướng của cốt. Lúc xuất định, thấy thân như trước không khác.

Lại phải quán lửa trong thân có từ lửa bên ngoài. Lửa bên ngoài vô thường, không có tạm dừng, nay lửa trong thân ta do đâu nóng lâu dài. Lúc quán điều này, lửa trên các xương đều tắt.

Lại phải quán nước trong thân. Nước trong thân ta có nhờ nước bên ngoài. Nước bên ngoài vô thường, thế nó không bền lâu. Nước trong thân cũng vậy, nhờ duyên mà có, vậy chỗ nào có nước là chất bất tịnh tụ họp.

Gió bên ngoài không thường, thể nó không bền lâu. Nó sinh do nhân duyên, rồi lại diệt theo duyên. Nay gió trong thân ta họp thành một cách giả tạo, gượng ép làm cơ quan, chỗ nào có gió, gió khởi từ vọng tưởng và là cái thấy điên đảo.

Lúc tư duy như vậy, không thấy gió trong thân. Gió có trong tai các con rồng đều diệt không hiện. Tư duy kỹ lưỡng đủ loại như vậy, chỗ nào có người và đất, nước, gió, lửa. Quán đất này là pháp hư hoại. Quán lửa này giống như huyễn. Quán gió này khởi lên từ điên đảo. Quán nước này hiện từ tưởng hư vọng. Lúc quán điều ấy, hành giả thấy thân giống như cây chuối, bên trong không chắc thật, hoặc tự thấy tâm như bọt trên nước, nghe các âm thanh bên ngoài giống như tiếng trong hang. Khi quán điều ấy, thấy tất cả ánh lửa trên các xương, thấy nước có ánh sáng trắng, thấy gió của các con rồng đều ở một chỗ.

Hành giả quán thân yên lặng, không biết tướng của thân, lặng tâm an ổn, lặng lẽ, an lạc.

Cảnh giới như vậy gọi là cảnh giới của bốn đại thứ mười lăm.

-oOo-

KINH PHÁP THIỀN BÍ YẾU

QUYỂN TRUNG

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông phải chí tâm thọ trì pháp quán bốn đại, chớ để quên mất và giảng rộng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Lúc quán điều này, do học quán không, thân suy nhược, tâm mệt mỏi, hành giả nên dùng bơ sữa và các loại thuốc bổ. Lúc vào sâu trong thiền định, nên quán tưởng bồi bổ. Pháp quán tưởng bồi bổ là tự quán thân mình khiến từng lớp da bọc nhau giống như cây chuối, sau đó an tâm tưởng như đảnh đầu tự mở ra, lại phải khuyến khích Thích, Phạm, Hộ Thế, chư Thiên khiến đem bình vàng đựng đầy thiên dược. Thích Đề-hoàn Nhân bên trái, chư Thiên Hộ Thế bên phải, đem thiên dược rót vào đỉnh đầu tràn đầy toàn thân. Ngày đêm sáu thời hành giả thường tưởng điều này. Lúc xuất định hành giả xin các loại thuốc bổ, ăn uống thức ăn ngon thường ngồi yên ổn vui vẻ gấp bội.

Tu pháp bồi bổ thân ấy, trải qua ba tháng, sau đó lại niệm cảnh giới khác. Nhờ sức của thiền định, chư Thiên hoan hỷ, Thích Đề-hoàn Nhân thuyết cho nghe pháp không, vô ngã sâu xa, khen ngợi hành giả, đảnh lễ và dâng thiên dược cho hành giả uống. Lúc xuất định dung mạo tươi vui, thân thể mịn màng như xoa dầu mỡ. Thấy việc này gọi là cảnh quán bốn đại thứ mười sáu.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy buộc niệm trụ ý, khiến quán ngoại sắc, tất cả sắc từ đâu sinh ra. Lúc quán điều ấy, thấy năm sắc bên ngoài như ánh sáng ngũ sắc nhiễu quanh thân mình. Lúc tưởng ấy hiện tự quán lồng ngực của thân, xương ngực lần lần sáng sạch như gương pha lê, nó sáng tỏ đáng yêu. Lại thấy từng thứ sắc bên ngoài sáng như ánh mặt trời.

Lúc thành tựu quán này, bốn phương tự nhiên sinh bốn con voi đen. Voi đen rống lớn đạp các sắc diệt mất, các sắc như vậy đều diệt trên đất. Màu đen, màu vàng ở trên hư không đáng yêu hơn bình thường gấp bội. Bấy giờ, voi lớn dùng vòi quấn cây. Bốn con voi đứng bốn phía muốn nhổ

cây này nhưng không thể làm cây lay động. Lại cũng có bốn con voi dùng vòi quấn cây, cũng không thể làm lay động.

Thấy việc này rồi, lúc xuất định, hành giả phải ở chỗ yên tĩnh, hoặc là ở nơi gò mả, hoặc bên gốc cây, hoặc nơi A-lan-nhã, che thân kín đáo, phải nên yên lặng xin thuốc tốt để bồi bổ thân mình. Lại phải trải qua ba tháng tu tập pháp, dùng thuốc bồi bổ thân như trên, một lòng tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, tâm không phóng dật, không khởi tâm vi phạm đối với giới đã thọ, ngày đêm sáu thời sám hối các tội, lại tư duy thân không, ngã không, quán kỹ từng thứ một như cảnh giới trước, hết sức rõ ràng. Lúc tưởng này thành tựu, xương ngực dần dần sáng, giống như hạt thần châu, sáng suốt từ trong ra ngoài.

Rắn độc trong tim lại nhảy lên, trụ trong hư không. Trong miệng nó có lửa muốn nuốt hạt châu ma-ni, nhưng cuối cùng không nuốt được. Nó rớt xuống đất như trước tự đập vào đất, thân tâm mê man, buồn bã trông về bốn phương.

Bấy giờ, các con voi lại tranh nhau chạy đến chỗ cây. Các Dạ-xoa, La-sát, thú dữ, rồng độc đều phun độc đánh với voi đen. Voi đen dùng vòi quấn cây, cất tiếng rống mà kéo. Lúc voi kéo cây, các con rồng, Dạ-xoa phun độc tiến tới đánh, không dám nghỉ ngơi.

Khi đó, trên đất có một con sư tử, hai mắt sáng rực giống như kim cương, đột nhiên nhảy ra đánh với các con rồng. Các con rồng liền vọt lên trụ trong không trung. Voi cố kéo cây không ngừng nghỉ, làm đất dần dần lay động.

Lúc đất động, hành giả phải quán đất này từ không mà có chẳng phải là pháp chắc thật, đất này như thành Càn-thát-bà, như bóng nắng, nó sinh ra từ hư vọng, vì duyên gì mà lay động.

Khi nghĩ điều này trong thân mình tự nhiên xương ngực, mặt dần dần sáng sạch, hành giả thấy mọi thứ có trong thế gian đều rõ ràng. Lúc thành tựu pháp quán này, hành giả như cầm gương sáng tự soi mặt mình. Bấy giờ, hành giả thấy tất cả các hình sắc và các chất bất tịnh bên ngoài thân và cũng thấy tất cả các chất bất tịnh bên trong thân. Tưởng ấy thành tựu gọi là quán thân niệm xứ thứ mười bảy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì văn nghĩa của pháp quán đảnh thân niệm xứ này, cẩn thận đừng để quên mất. Ông hãy mở cửa pháp cam lồ và diễn thuyết rộng rãi cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi lại phải dạy hành giả buộc niệm tư duy quán kỹ xương mặt, tự thấy xương mặt như gương bằng ngọc trắng, trong ngoài đều trong sạch, sạch như là gương sáng.

Dần dần rộng lớn thấy xương toàn thân giống như gương pha lê, trong ngoài đều sạch. Tất cả các sắc đều hiện ở trong, phút chốc thấy thân như người bằng ngọc trắng. Lại thấy trong lặng như lưu ly, trong ngoài đều trong, tất cả các sắc đều hiện ở trong. Lại thấy thân mình như người bằng bạc trắng, chỉ có da mỏng tồn tại. Da ấy rất mỏng mỏng hơn cả kiếp bối cõi trời, trong ngoài rực sáng.

Lại thấy thân mình như người bằng vàng ròng trong ngoài đều không. Lại thấy thân mình như người bằng kim cương.

Lúc thấy điều này, voi đen càng nhiều, dùng vòi quấn cây đem hết sức lực nhưng không thể làm cây lay động. Khi ấy các con voi gầm rống, kinh động đại địa.

Đại địa lay động, có núi kim cương từ đất phương dưới vọt ra trụ ở trước hành giả. Bấy giờ, hành giả thấy bốn bên mình có núi kim cương, thấy đất trước mặt giống như kim cương. Lại thấy các con rồng tìm đến bên trên và dưới của cây phun ra ngọc kim cương. Cây rất chắc chắn, voi không thể lay động. Chỉ có nước năm sắc từ trên cây chảy ra, chảy ngược lên cành cây, từ ngọn cây chảy xuống lá cây, cho đến thân cây cũng có nước chảy.

Từ giữa núi kim cương nước phân tán từ khắp đại địa, bên dưới đất kim cương cho đến núi kim cương.

Nước năm sắc này phóng ánh sáng năm màu, hoặc lên hoặc xuống thay đổi không thường.

Bấy giờ, voi đen ra từ núi kim cương muốn nuốt nước ấy. Các con rồng phun độc đánh với voi lớn. Khi ấy các con rắn chui vào tai rồng, hợp sức với rồng chiến đấu với voi đen. Voi đen dùng hết sức ghì kéo, cũng không hề gì.

Thấy việc này rồi, ánh sáng của các loại nước đều phát ra âm nhạc, hoặc có biến hóa giống như Thiên nữ, ca ngâm múa hát rất là đáng ưa. Người nữ này đẹp đẽ, cõi trời cõi người không ai so sánh được. Âm nhạc của nàng ấy tạo ra cùng với âm thanh vi diệu, trên trời Đao-lợi cũng không sánh được. Hóa nữ như vậy làm các tài nghệ số đến ức ngàn vạn không thể nói hết.

Lúc thấy việc này, hành giả cẩn thận đừng bám víu theo, cần phải buộc tâm, niệm sự bất tịnh trước đây. Khi xuất định phải đến gặp người trí

hỏi về nghĩa không sâu xa. Người trí phải thuyết pháp không, vô ngã cho hành giả.

Bấy giờ, hành giả lại phải buộc niệm như trước, tự quán xương thân, tự thấy xương ngực, sáng sạch đáng ưa, tất cả bất tịnh đều hiện ở trong.

Thấy việc ấy rồi, hành giả lại phải tư duy: Như ta ngày nay tóc là ta chăng? Móng là ta chăng? Xương là ta chăng? Răng là ta chăng? Sắc là ta chăng? Thức là ta chăng? Hành giả quán kỹ từng thứ: Vô minh là ta chăng? Hành là ta chăng? Thức là ta chăng? Danh sắc là ta chăng? Lục nhập là ta chăng? Xúc là ta chăng? Thọ là ta chăng? Ái là ta chăng? Thủ là ta chăng? Hữu là ta chăng? Sinh là ta chăng? Lão là ta chăng? Hoặc Tử là ta chăng? Lúc thân tan rã, các trùng mổ ăn ta là chỗ nào?

Nếu sinh là ta niệm niệm không dừng, ở trong sinh không có tưởng thường trụ nên biết sinh này chẳng phải là ta.

Nếu đầu là ta, tám mảnh xương đầu, phân tách đều khác nhau, trong não sinh trùng, quán trong đầu này thật là vô ngã.

Nếu mắt là ta trong mắt không thật, nó do đất và nước họp lại, mượn lửa làm sự sáng, nhờ gió mà chuyển động. Lúc mắt bị tan rã, chim quạ, chim khách đều đến ăn, các trùng gây lở loét cùng nhau mổ ăn, hãy quán kỹ mắt ấy.

Nếu tim là ta, tim chuyển động nhờ sức gió không lúc nào dừng nghỉ, lại có sáu con rồng họp ở trong tim này, có vô lượng chất độc, tim là nguồn gốc, loại bỏ chất độc ấy. Tim cùng với tâm tánh đều từ không mà có, vọng tưởng gọi là ngã.

Các pháp như vậy, đất, nước, gió, lửa; sắc, hương, vị, xúc, và mười hai duyên chọn kỹ từng thứ một chỗ nào có ta. Quán thân vô ngã vì sao có ngã sở.

Ngã sở là: Sắc xanh là ngã, sắc vàng là ngã, sắc đỏ là ngã, sắc trắng là ngã, sắc đen là ngã. Năm sắc này có từ chỗ yêu thích, sinh theo chỗ dính mắc, ô nhiễm do tham cầu, sinh từ sông lão tử, khởi theo giặc ái ân, hiện theo nhận thức ngu si. Các sắc như vậy thật chẳng phải là ta. Mê hoặc chấp chặt vào chúng sinh, sai lầm nói đó là ngã. Thấy sai lầm về chúng sinh gọi đó là ngã sở. Tất cả như huyễn, chỗ nào có ngã, ở trong pháp huyễn sao có ngã.

Tư duy điều này, hành giả tự thấy xương thân sáng sạch đáng yêu, tất cả những việc muốn thấy trong thế gian đều hiện ở trong. Lại thấy thân mình như người bằng lưu ly, trong ngoài đều không, như người đội tràng phan bằng lưu ly, ngước nhìn trên không trung thấy hết tất cả.

Bấy giờ, đối với trong thân và ngoài thân mình, nhờ quán không, học pháp vô ngã, hành giả tự thấy chân của mình giống như ống lưu ly, cũng thấy phương dưới và các việc mình mong thấy ở tất cả thế gian.

Khi tưởng này thành tựu, đất trước mặt hành giả sáng sạch đáng yêu như bằng lưu ly, rất là sáng suốt. Người trì giới đầy đủ thấy đất sáng sạch như cung điện của Phạm vương.

Người không đủ oai nghi tuy thấy đất sạch nhưng chỉ giống như thủy tinh.

Tưởng ấy thành tựu, có vô lượng trăm ngàn vô số Dạ-xoa, La-sát đều hiện ra từ đất, tay cầm sừng dê trắng mai rùa và đá trắng đập núi kim cương.

Khi ấy trên núi có năm quỷ thần, ngàn đầu, ngàn tay, tay cầm ngàn kiếm đánh với La-sát. Rắn độc đều phun độc vây quanh núi này. Lại có các thiếu nữ ca vịnh cầu khẩn, làm các điệu bộ hỗ trợ núi này. Nếu thấy việc ấy hành giả phải nhất tâm quán sát. Lúc các thiếu nữ này hiện phải quán các thiếu nữ này giống các chiếc bình bên ngoài đẹp đẽ nhưng bên trong đựng đầy đồ hôi hám bất tịnh. Chúng sinh ra từ hư vọng, không từ đâu đến, không đi về đâu, do tội duyên nghiệp ác đời trước mà ta thấy các thiếu nữ có tướng mạo như vậy. Các thiếu nữ này là vọng tưởng của ta trong vô số đời, duyên theo nhân tham ái, thấy từ hư vọng, phải nên chí tâm quán pháp vô ngã. Thân ta vô ngã, thân người cũng vậy. Nay chỗ thấy thuộc các nhân duyên, ta không mong cầu. Ta quán thấy thân này vô thường tan rã, cùng không ngã sở, chỗ nào có người cùng với chúng sinh. Tư duy điều này rồi hành giả nhất tâm quán kỹ pháp không vô ngã.

Lúc quán vô ngã ở ranh giới vùng đất kim cương, tại phương trên có bốn quỷ thần lớn tự nhiên đến gánh núi kim cương. Các Dạ-xoa, La-sát cũng đến giúp quỷ này phá núi kim cương. Khi ấy, núi kim cương từ từ bị phá hủy, trải qua nhiều thời gian, dần dần hết sạch chỉ còn đất kim cương.

Bấy giờ, các con voi và các quỷ ác hợp sức kéo cây, cây kiên cố khó lay động. Thấy việc này rồi, hành giả lại hoan hỷ, sám hối các tội. Sám hối tội rồi hành giả buộc niệm như trước quán người lưu ly. Trên đất lưu ly sinh bốn hoa sen ở bốn bên. Hoa này màu vàng cũng có ngàn cánh, đài bằng kim cương, có một tượng vàng ngồi kiết già, thân tướng đầy đủ, ánh sáng tròn đầy.

Ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc cũng lại như vậy. Lại tự thấy thân lưu ly càng thêm sáng sạch, trong ngoài thông suốt không có các chướng ngại. Các vị hóa Phật đầy khắp trong thân ngoài thân. Các vị hóa Phật đều phóng ánh sáng. Ánh sáng ấy vi diệu như ức ngàn mặt trời, rực rỡ xinh đẹp

đầy khắp tất cả tam thiên đại thiên thế giới trong đó có đầy hóa Phật. Mỗi hóa Phật có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Mỗi một tướng tốt đều phóng ngàn ánh sáng. Ánh sáng ấy rất sáng giống như trăm ngàn mặt trời, mặt trăng hòa hợp. Trong mỗi ánh sáng có vô số Phật như vậy dần dần lan rộng ra đếm không thể hết.

Nơi mỗi ngọn lửa lại có gấp bội vô số hóa Phật. Các hóa Phật đó xoay tròn nhập vào trong thân người bằng lưu ly. Bấy giờ, hành giả tự thấy thân mình như núi bảy báu, cao rõ khả quan lại rất uy nghiêm, như núi Tu-di bằng đủ loại bảo vật. Ánh sáng của núi phản chiếu rõ ràng trên đất kim cương.

Khi ấy, đất kim cương lại càng sáng rõ giống như hạt châu ma-ni màu tím và xanh biếc của trời Diêm-ma. Thân lại càng sáng sạch như vô số ánh sáng chư Phật hóa thành đài báu cũng nhập vào đỉnh đầu người bằng lưu ly.

Lại thấy đất trước mặt ở núi Thiết vi, bên trong có đầy các Đức Phật đang ngồi kiết già trên đài sen, ở trên đất và hư không, ở khoảng giữa cũng không thiếu. Mỗi vị hóa Phật thân đầy khắp thế giới. Các vị hóa Phật ấy không có ngăn ngại nhau. Lại thấy các núi Thiết vi sạch như lưu ly, không có tư tưởng chướng ngại. Hành giả thấy cõi Diêm-phù-đề, núi sông, đá vách, cây cối, gai góc tất cả đều là các vị hóa Phật vi diệu. Tâm dần dần rộng lớn thấy tam thiên đại thiên thế giới, hư không và đất tất cả đều là hình Phật vi diệu.

Khi ấy, hành giả chỉ quán vô ngã, cẩn thận chớ khởi tâm đuổi theo các hình tượng Phật, lại phải tư duy: Tôi nghe Phật nói chư Phật Như Lai có hai thân, một là Sinh thân, hai là Pháp thân. Nay Phật mà ta thấy đã không phải là Pháp thân, lại chẳng phải là Sinh thân, là cái thấy tưởng tượng giả dối, khởi lên từ hư vọng. Chư Phật không đến, ta cũng không đi. Vì sao chỗ này bỗng sinh hình tượng Phật?

Nói lời ấy, hành giả chỉ phải tự quán thân mình vô ngã, cẩn thận đừng đuổi theo các hình tượng hóa Phật. Lại phải quán kỹ nay thân này là của ta, lúc trước bất tịnh, chín lỗ mủ chảy, gân liên kết, máu lấp đầy, sinh tạng thục tạng, đại tiện tiểu tiện, tám vạn hộ trùng. Mỗi mỗi trùng lại có tám mươi ức trùng nhỏ làm quyến thuộc. Thân như vậy có gì là sạch. Tư duy như vậy, tự thấy thân mình giống như cái túi da. Xuất định cũng thấy trong thân không có xương, da của thân giống như cái túi, quán thân người khác cũng như cái túi da.

Thấy điều này, hành giả phải đến gặp người trí học hỏi các pháp khổ.

Nghe pháp khổ rồi, quán kỹ thân này thuộc các nhân duyên phải có khổ do sinh. Đã thọ sinh rồi, sầu bi khổ não, ân ái xa lìa, oán ghét gặp nhau, các khổ như vậy là pháp khổ của thế gian. Nay thân này của ta không bao lâu sẽ bại hoại, ở trong lưới khổ, thuộc giống sinh tử, các giặc gió đao, đi theo thân ta, địa ngục A-tỳ lửa dữ cháy mạnh sẽ thiêu đốt ta. Ta phải trải qua nhận các hình thể xấu ác như lạc đà, lừa, heo, chó tất cả súc sinh và các cầm thú.

Các khổ như vậy gọi là khổ bên ngoài. Nay trong thân ta tự có bốn con rồng độc và vô số rắn độc. Mỗi con rắn có chín mươi chín đầu. La-sát, quỷ ác, Cưu-bàn-trà và các ác quỷ... tập hợp ở tim ta. Thân tâm như vậy hết sức bất tịnh, là đống xấu ác, hạt giống của ba cõi nảy mầm không dứt. Vì sao ta nay ở trong bất tịnh mà sinh tưởng tịnh, đối với vật hư vọng lại cho là kim cương, ở chỗ không có Phật lại tưởng ra hình tượng Phật. Tánh tướng các hành ở tất cả thế gian đều vô thường không lâu thì diệt hết. Như thân này của ta trong khoảnh khảy móng tay cũng sẽ bị bại hoại. Dùng tưởng hư vọng này đối với bất tịnh, thấy là tịnh một cách giả dối hư ngụy.

Tư duy điều ấy, tự thấy thân mình sạch như lưu ly. Các tướng túi da tự nhiên biến mất, quán thân và ngã trọn không thể được, chỉ thấy bốn phương có các con voi đen giẫm đạp đất trước mặt. Tất cả kim cương ở trước mắt đều bị bể nát. Hành giả thấy rễ cây dưới đất cho đến phương dưới, rễ cây rất nhiều không thể đếm hết.

Bấy giờ, voi đen dùng vòi quấn cây như trước, vô lượng các con rồng và Dạ-xoa đánh nhau với voi đen. Voi dữ ghì đạp, các quỷ thần buồn bực lăn lộn dưới đất. Ở trong hư không có các quỷ thần số ấy rất nhiều, tay cầm đao luôn trợ giúp voi đen muốn nhổ cây này.

Nhiều thời gian như vậy một số gốc cây động. Lúc cây này động hành giả tự thấy đất dưới giường tự nhiên chấn động. Ngày ngày như vậy suốt chín mươi ngày. Như vậy hành giả nên xin các thức ăn ngon và các loại thuốc bổ để bồi bổ thân thể. Hành giả, ngồi ngay ngắn yên ổn như pháp trước, thấy cảnh như trước, từ cảnh giới ban đầu, quán kỹ từng thứ một, quán đi quán lại trải qua mười sáu lần hết sức sáng sạch.

Đã sáng sạch rồi lại buộc niệm trở lại, quán thân khổ, không, vô thường, vô ngã tất cả đều không.

Nghĩ như vậy, hành giả quán thân không thấy thân, quán ngã không thấy ngã, quán tâm không thấy tâm.

Khi ấy, bỗng nhiên hành giả thấy đại địa này cùng với núi sông, đá, vách tất cả đều không. Lúc xuất định như người tỉnh rượu hành giả phải chí

tâm tu pháp sám hối, lễ bái nằm rạp trên đất, buông bỏ pháp quán này. Lúc lễ bái chưa cất đầu dậy, tự nhiên thấy ảnh chân thật của Như Lai dùng tay xoa đầu khen là Pháp tử:

–Lành thay! Lành thay! Ông nay khéo quán pháp không của chư Phật.

Do thấy hình Phật, tâm rất hoan hỷ tỉnh ngộ trở lại. Bấy giờ Tôn giả Ma-ha Tân-đầu-lô cùng năm trăm A-la-hán bay đến trước hành giả giảng rộng pháp không sâu xa cho hành giả nghe.

Do thấy năm trăm Tỳ-kheo Thanh văn, tâm rất hoan hỷ hành giả đảnh lễ sám hối, lại thấy ảnh Tôn giả Xá-lợi-phất, Ma-ha Mục-kiền-liên-dạ-na và một hai năm mươi Thanh văn. Bấy giờ thấy ảnh Phật Thích-ca Mâu-ni. Thấy ảnh Phật Thích-ca Mâu-ni rồi lại được thấy ảnh sáu vị Phật thời quá khứ. Lúc này ảnh các vị Phật sáng tỏ khả quan như gương pha lê. Mỗi vị đều giơ tay phải xoa đảnh hành giả.

Chư Phật Như Lai tự nói danh hiệu. Vị Phật thứ nhất nói ta là Tỳ-bà-thi. Vị thứ hai nói ta là Thi-khí. Vị thứ ba nói ta là Tỳ-xá. Vị thứ tư nói ta là Câu-lưu-tôn. Vị thứ năm nói ta là Ca-na-hàm Mâu-ni. Vị thứ sáu nói ta là Ca-diếp-tỳ. Vị thứ bảy nói ta là Phật Thích-ca Mâu-ni, là Hòa thượng của ông. Ông quán pháp không, ta đến chứng minh cho ông. Sáu vị Phật Thế Tôn hiện ra trước mặt để chứng minh cho hiểu biết của hành giả.

Lúc Phật nói lời ấy, thấy sắc thân Phật hết sức rõ ràng, cũng thấy sáu Phật hết sức rõ ràng. Bấy giờ bảy Đức Phật đều có ánh sáng phóng ra từ tướng bạch hào của bậc Đại nhân giữa hai chân mày. Ánh sáng rực rỡ chiếu thế giới và thân lưu ly đều sáng rõ.

Chư Phật hiện tướng này, các lỗ chân lông trong thân đều phóng ánh sáng lớn. Vô số chư Phật đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Đất và hư không đều có màu hoàng kim. Các vị Thế Tôn ấy có vị bay, có vị hiện mười tám pháp biến hóa, có vị đi kinh hành, có vị an trú trong thiền định, có vị ngồi im lặng, có vị phóng ánh sáng lớn, chỉ có Bậc Đại Hòa Thượng Thích-ca Mâu-ni thuyết bốn Chân đế, phân biệt nghĩa không của các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã cho hành giả.

Sáu vị Phật quá khứ cũng phân biệt mười hai nhân duyên, hoặc lại giảng rộng ba mươi bảy phẩm trợ đạo, khen ngợi Thánh hạnh.

Bấy giờ, hành giả thấy Phật nghe pháp, tâm sinh hoan hỷ nên tự tư duy chư Phật Thế Tôn có hai loại thân. Nay Phật mà ta thấy là sắc thân Phật chứ không phải năm phần Pháp thân giải thoát tri kiến của Như Lai.

Tư duy như vậy, lại phải sám hối siêng năng không giải đãi, ngày đêm sáu thời thường tu Tam-muội. Hành giả phải nghĩ rằng sắc thân này

như huyễn, như mộng như bóng nắng, như quay bánh xe lửa, như thành Càn-thát-bà, như âm vang của tiếng kêu cho nên Phật dạy: "Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn ảo ảnh, như sương cũng như chớp. Các pháp như thế ta phải quán kỹ từng thứ hết sức rõ ràng."

Quán điều ấy nếu có một số ít hóa Phật tồn tại, hành giả lại phải quán không. Do quán không, hóa Phật liền diệt chỉ còn lại bảy vị.

Bấy giờ bảy vị Phật cùng đại chúng Thanh văn quyến thuộc giảng rộng ba mươi bảy pháp phẩm trợ Thánh đạo cho hành giả nghe. Nghe pháp này rồi thân tâm hoan hỷ, hành giả lại quán kỹ về pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Lúc quán điều này, voi dữ rống lên, kéo cây lay động. Lúc cây mới động, thấy đất trong một phòng chấn động sáu cách. Lại có Dạ-xoa đâm chết voi đen. Rất nhiều voi đen nằm chết trên đất, không lâu thì rã nát. Mủ trắng, mủ đen, mủ xanh, mủ vàng, mủ xanh lục, mủ tím, mủ đỏ máu đỏ chảy ra làm bẩn đất. Lại có các con bọ hung đến tập hợp ở trên đó. Lại có các con trùng trong mắt phát ra lửa thiêu đốt chết bọ hung.

Bấy giờ, ngoài biên của đất kim cương ở phương dưới có năm bánh xe kim cương và năm người bằng kim cương ở giữa bánh xe, tay phải cầm kiếm kim cương, tay trái cầm chày kim cương. Họ dùng chày đập đất, dùng kiếm chặt cây.

Thấy rõ việc ấy, đại địa dần dần lay động, thấy đất trong thành chấn động sáu cách. Thấy một thành rồi lại thấy hai thành, dần dần rộng lớn thấy một do-tuần. Thấy một do-tuần rồi lại thấy rộng lớn khắp tam thiên đại thiên thế giới, tất cả đất đều lay động. Lúc đất động phía Đông cao vọt lên, phía Tây sụt xuống. Phía Tây cao vọt lên, phía Đông sụt xuống. Phía Nam nhô lên, phía Bắc chìm xuống. Phía Bắc nhô lên, phía Nam chìm xuống. Chính giữa nhô lên, xung quanh chìm xuống. Xung quanh nhô lên, chính giữa chìm xuống.

Khi đất ấy lay động, thấy rễ cây đại thọ cho đến ngoài biên kim cương.

Lúc này, người kim cương dùng đao chặt rễ cây khiến rễ cây đứt. Rễ cây đứt, các con rồng, con rắn đều phun lửa theo cây mà leo lên. Bấy giờ lại có rất nhiều La-sát chất củi trên cây. Người bằng kim cương dùng chày kim cương chặt cành cây gãy. Lúc đập cây này phải đập từ một chày cho đến tám vạn bốn ngàn chày, cành cây mới gãy.

Bấy giờ, đầu chày tự nhiên phát lửa thiêu đốt hết cây này. Chỉ có ruột của cây như chày kim cương, từ đỉnh của tam giới xuống đến bờ cõi kim

cương không thể lay động.

Hành giả đắc pháp quán ấy, xuất định được an lạc, xuất định nhập định tâm thường an tĩnh, vắng lặng không có tưởng buồn vui, lại siêng năng tinh tấn ngày đêm không nghỉ. Do tinh tấn nên Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni cùng với sáu Phật quá khứ hiện ra trước mặt, giảng cho hành giả nghe pháp Tam-muội Không, Tam-muội Vô nguyện và Tam-muội Vô tác.

Nghe xong, hoan hỷ theo lời Phật dạy, hành giả quán kỹ pháp không như dòng nước lớn chảy, không bao lâu đắc đạo A-la-hán.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Pháp quán tưởng bất tịnh này là đại cam lồ, diệt sự tham dục, hay trừ tâm bệnh kết sử của chúng sinh. Ông khéo thọ trì cẩn thận đừng để quên mất. Nếu sau khi Phật diệt độ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe Thánh pháp cam lồ quán đảnh này, có thể thâu giữ các căn, chí tâm buộc niệm, quán kỹ thân phần, tâm không phân tán, gom tâm khiến an trụ, trải qua thời gian ngắn, người này qua đời, được sinh lên trời. Nếu lại có người theo lời Phật dạy, buộc niệm quan kỹ một móng một ngón khiến tâm an trụ, phải biết người này trọn không đọa lạc vào ba đường ác.

Nếu lại có người buộc niệm quán kỹ, thấy xương trắng toàn thân. Lúc người này qua đời, sinh lên trời Đâu-suất, gặp Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ hiệu là Di-lặc, gặp vị Thiên này rồi, theo đó thọ lạc. Khi Di-lặc thành Phật được nghe pháp này lần đầu tiên, người đó liền đắc quả A-la-hán, ba Minh, sáu Thông, đủ tám Giải thoát.

Nếu lại có người, quán bất tịnh này được đầy đủ sẽ thấy ảnh chân thật của Phật ở trên thân mình, nghe Phật thuyết pháp được hết các khổ.

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y phục đảnh lễ Phật, chắp tay quỳ xuống bạch Phật:

–Kính thưa Thế Tôn! Làm sao thọ trì điều cốt yếu của pháp này, đặt tên pháp này là gì?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đây gọi là pháp quán thân bất tịnh và các chất ô uế, cũng gọi là pháp quán về vô ngã, không, để phá ngã. Ông phải khéo thọ trì, phân biệt giảng nói rộng rãi cho chúng sinh khổ trược, nhiều tham dâm ở đời vị lai.

Phật nói lời này, Thích, Phạm, Hộ Thế và vô số Thiên tử mang hoa thiên Mạn-đà-la, hoa Ma-ha mạn-đà-la, hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha mạn-thù-sa, rải trên Phật và đại chúng, rồi đảnh lễ, tán thán Phật:

–Như Lai ra đời rất là hiếm có, có thể hàng phục được tà kiến kiêu

mạn của Ca-hy-la-nan-đà, cũng thuyết pháp thuốc cam lồ cho chúng sinh đời vị lai trừ tham dâm, tăng trưởng hạt giống cõi trời, làm cho Tam bảo không bị gián đoạn. Lành thay Đức Thế Tôn thích nói pháp này! Long thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà cũng cùng với chư Thiên tán thán Phật. Tôn giả A-nan, Tỳ-kheo Ca-hy-la-nan-đà và ngàn Tỳ-kheo, vô lượng chư Thiên, tám bộ chúng nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành, lễ Phật rồi lui ra.

Đắc quán ấy, gọi là mười sắc bất tịnh, cũng gọi là Tam-muội phân biệt cảnh giới các trùng, là cửa bất tịnh đầu tiên, có mười tám phương pháp, tánh các cảnh giới không thể nói đủ. Lúc nhập Tam-muội, tự nhiên sẽ hoàn tất pháp quán thứ mười tám ấy.

-oOo-

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật trụ ở vườn Kỳ thọ Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ. Khi ấy Thế Tôn cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo hội đủ. Lúc ấy, trong hội chúng có một Tỳ-kheo tên là Thiền-nan-đề, thông đạt thiền định sâu xa đã lâu, thành A-la-hán, ba Minh, sáu Thông và tám Giải thoát đều đầy đủ. Vị ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y áo, chắp tay quỳ xuống, bạch Phật:

–Ngày nay Như Lai hiện ở thế gian, lợi lạc cho tất cả. Sau khi Phật diệt độ, Phật không còn tại thế, trong bốn bộ chúng người có nghiệp chướng, lúc buộc niệm, cảnh giới không hiện ở trước mặt. Phiền não như vậy và tất cả tội từ Đột-kiết-la cho đến trọng tội, người muốn sám hối phải làm sao để trừ các tướng tội đó?

Nếu lại có người, sát sinh, tà kiến muốn tu chánh niệm làm sao diệt được chướng ngại của tà kiến, sát sinh, phiền não ác.

Nói lời này rồi, như núi Thái sơn sụp đổ, năm vóc sát đất đảnh lễ Đức Phật và thưa:

–Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con giảng nói khiến cho tất cả chúng sinh đời vị lai thường được chánh niệm, không lìa Hiền thánh.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn giống như từ phụ vỗ về con mình, bảo vị ấy:

–Lành thay, lành thay! Thiện nam, ông hành tâm Từ cùng tương ưng với Từ, nay đầy đủ đại Bi, thành tựu căn vô lậu, lực, giác, đạo. Nay ông hỏi pháp trừ tội cho tất cả chúng sinh ở đời vị lai, hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phóng ánh sáng từ đỉnh đầu, sắc vàng của ánh sáng này có năm trăm hóa Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng, chiếu sáng vàng rực khắp rừng Kỳ-đà, hiện tướng này rồi nhập vào đảnh Phật.

Lúc này, Đức Thế Tôn dạy Thiền-nan-đề và A-nan:

–Ông phải dạy chúng sinh nhiều tội lỗi, nghiệp chướng ở đời vị lai để diệt trừ tội phải niệm Phật. Nhờ niệm Phật sẽ trừ được nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng.

Người niệm Phật trước hết phải ngồi ngay ngắn, xếp hai tay, nhắm mắt, cong đầu lưỡi lên vòm hầu, nhất tâm cột niệm, chuyên chú khiến không phân tán. Tâm đã định rồi trước phải quán tượng. Người quán tượng phải khởi tưởng niệm quán ở khoảng đất trước mặt hết sức trắng sạch, tưởng nó rộng khoảng hai trượng vuông, rồi khiến nó sáng sạch thêm giống như gương sáng. Thấy khoảng đất trước mặt rồi, thấy đất bên trái cũng khiến cho sáng sạch, thấy đất bên phải cũng khiến cho sáng sạch, và thấy đất phía sau cũng khiến cho sáng sạch. Hành giả khiến cho đất ở bốn phương bằng phẳng như lòng bàn tay. Mỗi phương đều tưởng đất rộng hai trượng khiến cho hết sức sáng sạch.

Đất đã sáng rồi lại nhiếp tâm quán, tưởng một hoa sen ở khoảnh đất phía trước. Hoa ấy có ngàn cánh được trang trí bằng bảy báu. Lại phải tưởng tượng vàng cao một trượng sáu, khiến tượng này ngồi kiết già trên hoa sen. Thấy tượng này rồi phải quán kỹ nhục kế trên đảnh, thấy nhục kế trên đảnh có tóc màu xanh biếc, mỗi sợi tóc kéo ra dài một trượng ba. Lúc buông trở lại tóc mềm mại xoay về bên phải. Có ánh sáng lưu ly trụ trên đảnh Phật, mỗi lỗ chân lông chỉ mọc một sợi lông. Hành giả quán tám vạn bốn ngàn lông đều hết sức rõ ràng. Thấy việc ấy rồi, kế quán mặt của tượng, mặt tượng tròn đầy như mặt trăng rằm. Oai quang càng rõ rệt phân chia rõ ràng. Lại quán trán rộng bằng phẳng. Chính giữa chân mày có tướng bạch hào trắng như ngọc kha, như tuyết, hoặc có hạt châu bằng pha lê, mềm mại xoay sang bên phải.

Lại quán lỗ mũi của tượng giống như cái thoi đúc bằng vàng hoặc như mỏ con chim ưng. Ngay trên mặt lại quán miệng của tượng, môi có màu đỏ rất đẹp như trái Tần-bà-la. Kế đó quán răng tượng có đủ bốn mươi cái răng vuông, trắng, bằng phẳng, trên răng có ánh sáng phát ra trắng như trân châu. Màu hồng ở giữa răng phát ra ánh sáng hồng. Kế đó quán cổ của tượng giống như ống lưu ly phát ra sắc vàng một cách rõ ràng. Kế đó quán chữ vạn đầy đủ công đức ở ngực tượng, các nét in trong đó hết sức rõ ràng, từng nét phát ra ánh sáng đầy đủ năm sắc.

Kế đó quán cánh tay của tượng như vòi con voi chúa, mềm mại đáng yêu. Rồi quán mười ngón tay so le theo đúng vị trí hai tay nắm nhau. Trên tay sinh màu sắc như ánh sáng lưu ly. Lông đều hướng lên trên, móng như đồng đỏ, trên móng màu vàng. Trong móng màu hồng như núi đồng đỏ hòa

hợp với vàng ròng.

Tiếp theo là quán màng lưới trong lòng bàn tay giống như lưới bằng trân châu, nắm lại thì không hiện. Quán tay của tượng rồi, quán thân tượng đang ngồi ngay ngắn yên ổn giống như núi vàng ròng, không ngã ngã lui, ngồi ngay thẳng. Lại quán cẳng chân của tượng giống đùi con nai chúa, tròn đầy, thon, thẳng. Kế đó quán mu bàn chân bằng phẳng, đầy đặn và êm mịn, dưới chân có hoa sen đầy đủ ngàn căm xe. Trên chân có lông màu xanh biếc như lưu ly, lông đều hướng lên trên. Ngón chân ngay ngắn từng ngón tiếp nhau, móng màu đồng đỏ. Ở đầu ngón chân cũng có hình bánh xe ngàn căm. Màng lưới giữa ngón chân giống như lụa mịn, giống như chân nhạn chúa.

Các việc như vậy cùng với ánh sáng của thân, ánh sáng chân thật, ánh sáng đảnh, ánh sáng có hóa Phật, chư Thiên, Tỳ-kheo và cùng các hóa Bồ-tát. Những hóa thân này như bánh xe lửa xoay tròn chạy theo ánh sáng.

Như vậy, nghịch quán là quán từ chân quán ngược lên trên cho đến nhục kế nơi đỉnh đầu. Thuận quán là quán từ đỉnh xuống chân. Quán tượng như vậy khiến tâm rõ ràng, chuyên chú thấy một tượng Phật. Thấy một tượng Phật rồi lại phải quán thấy hai tượng. Lúc thấy hai tượng khiến thân tượng Phật thành lưu ly, phát ra ánh sáng khác màu, từng ngọn lửa lần lượt như thiêu núi vàng, hóa tượng nhiều vô số. Thấy hai tượng rồi lại thấy ba tượng. Thấy ba tượng rồi lại thấy bốn tượng. Thấy bốn tượng rồi lại thấy năm tượng. Thấy năm tượng rồi lại thấy mười tượng. Thấy mười tượng rồi tâm trở nên bén nhạy. Thấy cõi Diêm-phù-đề và khắp trong bốn biển. Phàm phu tâm hẹp không được khiến cho rộng. Nếu người rộng lớn, thâu tâm khiến trở lại nội trong bốn biển, lấy núi Thiết vi làm giới hạn.

Hành giả thấy trong biển này đầy tượng Phật, ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp đều khiến rõ ràng. Mỗi một tướng tốt có vô số ánh sáng. Nếu ở các ánh sáng nhơ bẩn bất tịnh, từ tội báo mà có hành giả lại phải dùng hương thơm rải trên đất làm thơm sạch. Hết sức khiêm nhường tu các pháp sám hối. Lại phải an tâm chánh niệm một chỗ, quán tượng như trước không duyên các việc khác, quán kỹ giữa lông mày của tượng. Quán giữa lông mày của tượng rồi kế đó lần lượt quán các tượng còn lại. Mỗi một tướng tốt đều khiến cho rõ ràng. Nếu không rõ ràng phải sám hối, làm các việc khổ nhọc sau đó nhiếp tâm quán tượng như trước, thấy các tượng Phật, sắc thân trang nghiêm, ba mươi hai tướng tốt đều được đầy đủ, đều ngồi trên hoa đầy khắp trong bốn biển.

Thấy tượng ngồi rồi lại phải tác niệm, Thế Tôn khi còn tại thế, mang

bát cầm tích trượng, vào làng khất thực, giáo hóa nơi nơi, dùng phước độ chúng sinh. Nay ta vốn tội gì mà chỉ thấy tượng ngồi mà không thấy tượng đi. Nghĩ như vậy rồi lại sám hối. Đã sám hối rồi lại thâu giữ tâm như trước, buộc niệm quán tượng. Lúc quán tượng thấy tượng ngồi đều đứng dậy, thân cao lớn một trượng sáu, ngay thẳng không nghiêng ngã, ánh sáng của thân đều đầy đủ. Thấy tượng đứng rồi lại thấy tượng đi, ôm bát cầm gậy, oai nghi đĩnh đạt, chư Thiên đại chúng cũng đều vây quanh. Lại có các tượng bay trên hư không phóng ánh sáng màu vàng đầy trong hư không giống như đám mây vàng lại giống như núi vàng. Tướng hảo không gì sánh bằng.

Lại thấy các tượng ở trong hư không hiện mười tám pháp biến hóa, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa hoặc hiện thành thân lớn ở đầy khắp hư không, lớn lại hiện nhỏ như hạt cải, đi trên đất như đi trên nước, đi trên nước như đi trên đất, ở trong hư không vọt lên phía Đông lặn mất ở phía Tây, vọt lên phía Tây lặn mất phía Đông, vọt lên phía Nam lặn xuống phía Bắc, vọt lên phía Bắc lặn xuống phía Nam, vọt lên ở giữa lặn xuống xung quanh; vọt ở xung quanh lặn xuống ở giữa, vọt lên ở trên lặn xuống ở dưới; vọt lên ở dưới lặn xuống ở trên, đi đứng nằm ngồi tự tại theo ý muốn.

Thấy việc này rồi, hành giả lại phải nghĩ: "Thế Tôn còn tại thế dạy các Tỳ-kheo, nằm nghiêng bên hông phải, ta nay cũng quán các tượng nằm, thấy các tượng xếp Tăng-già-lê, nằm gối vào khuỷu tay phải và nghiêng về hông phải. Dưới hông tự nhiên sinh ra cái giường màu vàng, chiên-đàn màu vàng, các loại tạp sắc, các hoa sen vi diệu làm tấm trải giường. Phía trên có cờ phướn báu phủ lên các anh lạc. Phật phóng ánh sáng lớn đầy trong tràng phan báu giống như hoa sen vàng, hoặc giống trăng sao. Vô lượng ánh sáng giống như đám mây tròn, sáng tỏ ở trên không, trong có hóa Phật đầy khắp hư không."

Thấy các tượng nằm rồi lại phải nghĩ: "Trong quá khứ có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni chỉ có một thân giáo hóa chúng sinh, trụ tại đời bốn mươi chín năm rồi nhập đại Niết-bàn giống như củi hết lửa tắt, vĩnh viễn nhập vào Vô dư Niết-bàn. Ta nay dùng tâm tưởng tượng, do tưởng nên thấy nhiều Phật. Nhiều Phật này không từ đâu đến không đi về đâu, từ tâm tưởng mà ta vọng thấy điều này.

Lúc tưởng điều ấy, các tượng dần dần tiêu diệt hết chỉ thấy một tượng ngồi một mình trong đài hoa, tượng này ngồi kiết già. Quán kỹ tượng này thấy ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều rõ ràng.

Thấy tượng này, gọi là pháp Quán tượng. Phật bảo Tôn giả Thiền-nan-đề và A-nan:

–Sau khi Phật diệt nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào muốn sám hối, muốn diệt tội, tuy Phật không còn tại thế nhưng buộc niệm quán kỹ hình tượng thì các nghiệp ác, tội lỗi thì chóng được thanh tịnh.

Quán tượng ấy rồi, lại phải quán từ trong rốn tượng phóng ra một ánh sáng. Ánh sáng đó màu vàng chia làm năm luồng. Một luồng chiếu bên trái, một luồng chiếu bên phải, một luồng chiếu phía trước, một luồng chiếu sau lưng và một luồng chiếu bên trên.

Năm luồng ánh sáng như vậy, trên mỗi ánh sáng đều có hóa Phật. Tướng Phật theo thứ lớp đầy khắp trong hư không. Lúc thấy tướng này, hóa Phật hết sức rõ ràng.

Lại thấy hóa Phật lên đến cõi trời Phạm thiên, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới. Ở tam thiên đại thiên thế giới thấy ánh sáng sắc vàng như núi vàng ròng trong ngoài không ngăn ngại.

Thấy việc ấy rồi, tâm ý an lạc, thấy tượng ngồi phía trước như ảnh thật của Phật. Thấy ảnh Phật rồi lại phải nghĩ: Đây chỉ là ảnh thôi, do oai lực của Thế Tôn, trí tuệ tự tại hiện ra việc này, ta nay nên quán kỹ Phật thật. Bấy giờ bỗng nhiên hành giả thấy thân Phật vi diệu như lưu ly trong sạch, bên trong có kim cương, ở trong kim cương có ánh sáng màu vàng rực, cùng nhau phản chiếu thành các tướng hảo, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp giống như dấu vẽ, sáng rõ phân minh, vi diệu thanh tịnh không thể nói hết.

Vị Phật ấy đứng trong không trung, tay cầm bình rưới nước. Trong bình đựng nước giống như cam lồ. Nước ấy có năm sắc, năm ánh sáng thanh tịnh giống như hạt châu lưu ly, mềm mại trơn láng rót vào đỉnh hành giả đầy khắp trong thân. Hành giả tự thấy trong thân chỗ mà có nước tiếp xúc tám mươi hộ trùng chết dần dần rơi xuống. Trùng đã chết rồi thân thể mềm mại, tâm ý vui vẻ, hành giả lại phải tự nghĩ rằng: Như Lai là đấng cha lành, dùng nước pháp cam lồ thượng vị mà rót vào đảnh con, pháp quán đảnh này nhất định không hư dối. Bấy giờ, lại phải khởi niệm tưởng: "Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con." Người mà tội nghiệp đã trừ thì nghe được Phật thuyết pháp. Pháp mà Phật thuyết là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Chánh đạo. Ba mươi bảy pháp ấy được phân biệt từng thứ giảng cho hành giả nghe. Thuyết pháp này rồi, Phật lại dạy quán khổ, không, vô thường, vô ngã. Dạy pháp này rồi, do thấy Phật được nghe diệu pháp, tâm ý được khai mở, hành giả như nước thuận dòng không lâu thì thành đạo quả A-la-hán.

Người có nghiệp chướng nặng thì chỉ thấy Phật cử động miệng nhưng không nghe thuyết pháp giống như người điếc không biết gì. Bấy giờ hành giả lại phải thực hành sám hối. Đã sám hối rồi năm vóc sát đất khóc lóc với Phật trải qua nhiều ngày, tu các công đức sau đó mới nghe Phật thuyết pháp. Tuy nghe pháp nhưng không hiểu nghĩa. Lại thấy Thế Tôn dùng bình tưới nước rót lên đảnh hành giả. Màu nước đổi thay thuần màu kim cương, vào từ trên đảnh mỗi sắc đều khác nhau xanh, vàng, đỏ, trắng. Các tướng dơ bẩn cũng hiện ở trong. Nước từ đảnh vào xuống thẳng trong thân ra theo gót chân chảy vào trong đất. Đất ấy lập tức biến thành ánh sáng rộng một trượng, nhập sâu dần vào trong đất, đến thẳng mé nước. Đến mé nước rồi lại phải tác ý đi theo ánh sáng này. Lại quán nước này bên dưới toàn là hư không. Lại phải quán dưới khoảng không có đất bằng lưu ly xanh biếc, dưới đất lưu ly có đất sắc vàng, dưới đất sắc vàng có đất kim cương, dưới đất kim cương lại thấy hư không, thông suốt, rỗng lặng, chẳng có thứ gì. Thấy việc này rồi, hành giả nhiếp tâm trở lại quán một tượng Phật như trước. Bấy giờ ánh sáng của Phật kia càng rõ ràng không thể nói hết. Vị Phật lại đem nước trong bình rót vào đảnh hành giả. Ánh sáng của nước ấy cũng như đã nói ở trên. Hành giả quán như vậy bảy lần.

Phật bảo Tôn giả Thiền-nan-đề:

–Đây gọi là quan tượng Tam-muội, cũng gọi là niệm Phật định, lại gọi là trừ tội nghiệp, kế đó gọi là cứu phá giới, khiến cho người hủy hoại giới cấm không mất thiền định.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải khéo thọ trì pháp quán đảnh Tam-muội quán Phật này, phân biệt rộng rãi cho tất cả chúng sinh đời vị lai. Lúc Phật nói lời này, Tôn giả Thiền-nan-đề, các Thiên chúng và một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đều thưa:

–Hôm nay Đức Thế Tôn thuyết pháp trừ tội cho các chúng sinh nhiều loạn tâm. Cúi xin Đức Thế Tôn mở cửa cam lồ, khiến các chúng sinh sau khi Phật diệt độ được nhập Niết-bàn.

Nghe Phật nói pháp Tam-muội quán Phật ấy, Tỳ-kheo Thiền-nan-đề thân tâm hoan hỷ, ngay lúc ấy đắc vô lượng môn Tam-muội, ý giải thông suốt, thành A-la-hán, ba Minh, sáu Thông, đều đầy đủ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu gọi là Tam-muội quán Phật thứ mười chín, cũng gọi là pháp Quán đảnh. Ông khéo thọ trì cẩn thận đừng để quên mất và giảng rộng rãi rõ ràng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Phật nói lời ấy, các Tỳ-kheo nghe Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Người nhiều tham dâm, tuy được quán Phật Tam-muội này nhưng cũng vô ích không thể đắc được đạo quả Hiền thánh. Kế đó phải dạy hành giả tự quán thân mình, làm như pháp đã dạy ở trước, trở lại làm một bộ xương người khiến cho trong suốt và hết sức trắng giống như núi tuyết. Lại phải buộc niệm trụ ý tại rốn, hoặc ở giữa thắt lưng theo hơi thở ra vào. Hít vào đếm một, thở ra đếm hai, hít vào đếm hai thở ra đếm ba, hít vào đếm ba thở ra đếm bốn, hít vào đếm bốn thở ra đếm năm, hít vào đếm năm thở ra đếm sáu, hít vào đếm sáu thở ra đếm bảy, hít vào đếm bảy thở ra đếm tám, hít vào đếm tám thở ra đếm chín, hít vào đếm chín thở ra đếm mười, rồi trở lại từ đầu theo hơi thở vào ra cho đến số mười thì xả và dừng lại.

Bấy giờ, tâm ý yên lặng không khởi niệm. Hành giả tự thấy da của thân giống cái túi bằng lụa. Thấy việc này rồi không thấy xương thân, không biết chỗ của tâm. Bấy giờ lại phải dạy khởi tưởng, trở lại khiến tâm chú ý trong thân, các chi tiết trong thân thể như người bằng ngọc trắng. Đã thấy điều này rồi, lại phải buộc niệm tại đốt xương lớn của xương sườn giữa hông khiến tâm không tán loạn. Bấy giờ lại phải tự nhiên thấy trên thân có một tướng sáng lớn như đồng tiền, dần dần rộng lớn như cá lớn ma-già tụ tập khắp nơi. Lại giống như mây trắng có ánh sáng trắng như gương pha lê. Ánh sáng mạnh dần, toàn thân sáng tỏ. Lại có ánh sáng tròn đầy giống như bánh xe, trong ngoài đều sáng hơn cả mặt trời.

Thấy việc này rồi lại phải như trước, hít vào đếm một, thở ra đếm hai, hít vào đếm hai thở ra đếm ba, hít vào đếm ba thở ra đếm bốn, hít vào đếm bốn thở ra đếm năm, hít vào đếm năm thở ra đếm sáu, hít vào đếm sáu thở ra đếm bảy, hít vào đếm bảy thở ra đếm tám, hít vào đếm tám thở ra đếm chín, hít vào đếm chín thở ra đếm mười, hoặc đơn hoặc kép dài ngắn tùy ý. Buộc niệm như vậy ở chỗ kín khiến tâm không tán loạn.

Lại phải buộc niệm như trước quán đốt xương lớn giữa hông. Lúc quán đốt xương lớn định tâm không khuấy động lại tự thấy thân càng sáng rõ hơn trước kia nhiều lần như đồng tiền lớn vậy.

Hành giả lại càng tinh tấn gấp bội, liền lại thấy ánh sáng trong thân tăng gấp bội, như rửa sạch miệng bình, vật sáng trên thế gian không ví dụ được.

Thấy việc này rồi, hành giả chuyên cần tinh tấn gấp bội, tâm không thoái lui biếng nhác, lại thấy ánh sáng đang ở trước ngực như gương sáng

vậy. Lúc thấy ánh sáng này hành giả phải chuyên cần tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, ân cần không ngừng nghỉ, liền thấy ánh sáng này càng thêm rực rỡ. Bảo châu của chư Thiên cũng không thể sánh được. Ánh sáng ấy thanh tịnh không có các vết xước bẩn và có bảy màu. Từng ánh sáng có bảy màu từ trong ngực phát ra nhập vào trong ánh sáng.

Lúc tướng này hiện, hành giả rất hoan hỷ, tự nhiên vui sướng tâm rất yên ổn không có vật gì có thể làm thí dụ. Hành giả lại phải tinh tấn, tâm không biếng nhác nghỉ ngơi, thấy ánh sáng như mây nhiễu quanh thân bảy vòng. Mỗi một ánh sáng ấy hóa thành bánh xe ánh sáng, ở trong bánh xe ánh sáng tự nhiên thấy tướng mạo căn bản của mười hai nhân duyên, nếu không tinh tấn, giải đãi biếng nhác thì phạm giới khinh cho đến tội Đột-kiết-la, liền thấy ánh sáng tối đen giống như vách tường, hoặc thấy ánh sáng này giống như tro than, lại thấy ánh sáng này giống cái áo vá cũ kỹ hư rách. Đó là ý buông lung khinh tội nhỏ mà gây chướng ngại ánh sáng vô lậu của Thánh hiền.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Pháp môn quán bất tịnh quán đảnh này, các bậc Thánh hiền dạy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nếu có muốn tu các pháp của bậc Thánh hiền phải quán kỹ các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, nhân duyên như là học sổ tức, khiến tâm không tán loạn. Hành giả phải siêng giữ giới, nhất tâm nhiếp giữ, đối với tội nhỏ cũng phải hổ thẹn và chuyên cần sám hối, cho đến tội nhỏ cũng cẩn thận đừng che giấu. Nếu che giấu tội sẽ thấy ánh sáng như gỗ mục nát.

Thấy rõ việc ấy, liền biết mình đã phạm giới, lại phải hổ thẹn, sám hối, tự trách, quét dọn, rải hương thơm trên đất, làm các việc khổ nhọc, lại phải cúng dường cung kính sư trưởng, phụ mẫu. Đối xử cha mẹ như đối với Phật hết sức cung kính. Hành giả lại phải theo thầy và cha mẹ, cầu thệ nguyện rộng và nói rằng: "Tôi nay cúng dường sư trưởng, cha mẹ. Nguyện nhờ công đức này mà con đời đời được giải thoát. Hổ thẹn như vậy và tu các công đức rồi đếm hơi thở như trước, trở lại thấy ánh sáng này sáng tỏ đáng yêu như trước không khác."

Hành giả lại phải buộc niệm quán kỹ đốt xương lớn giữa hông, khiến tâm an định không có phân tán. Giả sử có loạn tâm lại phải tự trách, hổ thẹn sám hối. Đã sám hối lại thấy ánh sáng trong rốn đầy đủ bảy màu giống như bảy báu, phải khiến ánh sáng này hợp làm một ánh sáng trắng, đẹp đáng yêu.

Thấy việc ấy rồi, trở lại dạy buộc niệm tư duy như trước, quán bộ xương trắng trắng như ngọc kha, như tuyết. Đã thấy bộ xương trắng rồi,

lại phải dạy buộc niệm trụ ý ở trên đỉnh bộ xương, thấy đỉnh bộ xương tự nhiên phóng quang. Ánh sáng đó rất mạnh giống ngọn lửa mạnh, dài, ngắn, thô, tế nối thẳng như cây giáo dài, từ trên đỉnh ấy lộn ngược rơi xuống nhập vào xương đỉnh, từ xương đỉnh ra nhập vào xương cổ, từ trong xương cổ ra nhập vào trong ngực, từ xương ngực ra trở vào trong rốn, từ trong rốn ra liền vào trong đốt xương lớn của xương sườn. Nhập vào trong đốt xương lớn rồi, ánh sáng liền diệt mất. Ánh sáng diệt mất rồi, ngay lúc đó có một đám mây ánh sáng lớn tự nhiên trang nghiêm bằng các vật báu và hoa báu thanh tịnh. Bên trên phía trong các màu sắc có một vị Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, ánh quang minh đầy đủ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mỗi mỗi tướng đều phóng ngàn ánh sáng. Ánh sáng này rất sáng như ức ngàn mặt trời sáng rực rỡ chói lọi. Phật ấy cũng thuyết pháp bốn Chân đế. Phật có ánh sáng trụ trước hành giả dùng tay xoa đầu.

Hóa Phật lại dạy:

–Đời trước ông do nhân duyên tham dục, sân hận, ngu si theo đuổi các việc ác. Do vô minh che lấp khiến ông đời đời thọ thân sinh tử. Ông nay nên quán các việc tiểu tụy héo gầy trong thân ông, các lửa ngoài thân đều diệt hết.

Nói lời này rồi, hóa Phật dạy trở lại pháp quán bất tịnh như trước, quán các trùng trong thân chết và rơi xuống. Thấy việc này rồi, hành giả lại phải nổi lửa thiêu đốt các con trùng. Trùng đã không chết lại tự thấy thân như pha lê trắng, trắng đẹp tự nhiên.

Thấy ánh sáng rồi từ trên đầu phát ra ánh sáng. Ánh sáng ấy lớn, nhỏ, thô, tế như cây giáo, khiến cho nó dài một trượng năm. Lại phải nghĩ khiến đầu hướng về phía sau, lại nghĩ khiến cổ hướng về phía sau, khiến thân đều đảo ngược dùng đầu chống xương sườn đối diện với đốt xương lớn ở rốn. Thấy việc ấy, lại phải quán kỹ khiến bộ xương trắng cùng màu với ánh sáng. Đã cùng màu rồi, hành giả thấy ánh sáng ngay ngắn, có trái cây đủ loại màu. Thấy trái cây rồi lại thấy các ánh sáng từ đầu trái cây ra có ánh sáng màu trắng. Ánh sáng ấy rực rỡ như đám mây báu màu trắng. Các bộ xương người ấy có màu trắng đẹp không khác ánh sáng.

Lại thấy các bộ xương bị gãy vỡ rơi rớt, hoặc có bộ xương đầu rơi xuống đất, có bộ xương các đốt xương đều bị phân tán, có bộ xương xương trắng trong toàn thân giống như gió mạnh thổi mưa tuyết, tụ lại hoặc phân tán không nhất định, giống như sấm chớp thoạt hiện thoạt mất.

Các xương người này rớt xuống đất thành đống, giống như núi đất, tợ như mạt vụn của cây mục, tụ tập một chỗ. Hành giả tự quán thấy ở trên

núi đất có khí tự nhiên phát ra, lên đến hư không giống như mây khói. Màu nó trắng tươi đầy khắp hư không, xoay qua bên phải rồi tụ tập trở lại cùng một chỗ. Lúc thấy việc ấy, lại phải dạy tưởng một xương người. Hành giả thấy bộ xương người này thân có chín màu, chín nét rõ ràng. Trong mỗi một nét có xương người chín màu, sắc nó sáng tươi không thể nói hết. Mỗi mỗi xương người lại phải khiến thân thể đầy đủ sáng tỏ, phản chiếu vào trong bộ xương người phía trước làm không chướng ngại.

Quán điều này rồi, lại phải quán trong mỗi sắc giống như lưu ly, không có các chướng ngại. Ở trong sắc có chín mươi chín màu, mỗi một màu lại có rất nhiều xương người chín màu. Các bộ xương ấy có đủ loại tướng tánh, nó không giống nhau, không trở ngại lẫn nhau.

Thấy việc ấy rồi, nên siêng năng tinh tấn diệt tất cả ác. Rõ việc này rồi, đám mây ánh sáng tụ tập lúc trước giống như bình đất, đến nhập vào thân đó, từ rốn nhập vào, đã nhập vào rốn rồi vào trong xương sườn, vào xương sườn rồi tự thấy thân mình không khác xưa bình phục như cũ. Xuất nhập định nhờ đếm hơi thở, thường thấy việc trên.

Lúc thấy việc này, lại phải dạy trở lại, buộc tâm trụ ý ngay ở trong ánh sáng lỗ rốn của mình, không cho tâm tán loạn. Bấy giờ tâm ý hết sức an ổn. Đã an ổn rồi lại tự học phân biệt kỹ càng các thánh giải thoát.

Bấy giờ lại thấy bảy Phật quá khứ thuyết pháp cho hành giả. Pháp được thuyết là pháp bốn Chân đế, pháp năm thọ ấm, không, vô ngã, vô ngã sở.

Khi ấy chư Phật cùng với các Hiền thánh, thường đến trước hành giả dạy các chủng loại pháp, cũng dạy Tam-muội quán không, vô ngã, vô tác, vô nguyện. Chư vị dạy:

–Này Pháp tử! Nay ông phải quán kỹ: sắc, thanh, hương, vị, xúc đều vô thường, không được dừng lâu, mau chóng như điện, tức thời biến mất, cũng lại như huyễn hóa giống như bóng nắng, như ánh lửa lúc nóng, như thành Càn-thát-bà, như chỗ thấy trong mộng, tỉnh ra không biết nó ở đâu, như đục đá thấy tia sáng, biến mất trong chốc lát, như chim bay trên không không thể tìm dấu vết, như tiếng vang không có người đáp. Nay ông cũng phải quán như vậy. Tam giới như huyễn cũng như biến hóa, ở đây liền thấy trong thân và ngoài thân, trống rỗng không có sở hữu, như chim bay trên không, không vướng vào đâu. Tâm vượt ba cõi quán các thế gian, núi Tu-di, biển lớn đều không dừng lâu cũng như huyễn hóa. Hành giả tự quán thân mình, không thấy tưởng của thân liền nghĩ rằng: Thế giới vô thường, ba cõi không an, chỗ nào có thân và đối tượng của mắt. Các sắc dục này và

các nữ nhân, từ điên đảo khởi lên, lầm thấy là đáng yêu, thật ra chúng là pháp mục rã bại hoại một cách mau chóng. Ôi nữ sắc giống như gông cùm làm lao nhọc thần thức của người, kẻ phàm phu ngu muội yêu mến bám víu, không biết chán biết đủ, không thể tự tách ra, không tránh khỏi gông cùm, không chặt đứt được xiềng xích.

Hành giả đã biết tướng của pháp, biết pháp trống không, các sắc dục này giống như giặc thù, có gì đáng mến tiếc. Chúng cũng giống như lao ngục chắc chắn kín đáo khó thoát.

Ta nay quán không nhằm lìa ba cõi, quán thấy thế gian như bọt nổi trên nước, chắc chắn phải bị diệt. Tâm không các tưởng biết rõ các pháp ở thế gian là tai họa phiền luỵ nặng nề. Phàm phu mê hoặc đến chết không giác ngộ, không biết các khổ, mê đắm khó thoát, mặc tình lừa dối không chỗ nào là không đến.

Ta nay quán nữ sắc hư dối ấy, như âm vang của tiếng gọi, cũng như bóng trong gương, tìm cầu không thể được. Quán nữ sắc này là ở chỗ nào, vọng kiến suy kém tai hại lừa dối các phàm phu, gây hại ngày càng nhiều.

Nay quán sắc này giống như chùm hoa rơi rụng theo gió, không từ đâu xuất hiện, không đi về đâu, huyễn hoặc không thật, người ngu tham ưa dính mắc. Nay quán sắc này, tất cả vô thường như người bệnh hủi được lương y trị hết bệnh. Ta nay quán khổ, không, vô thường, thấy sắc tướng này đều không chắc thật, nghĩ các phàm phu rất là đáng thương xót. Họ đắm nhiễm sắc ấy, trọng vọng không biết chán, đam mê vướng mắc, say đắm vô cùng, vì các ân ái mà làm nô bộc, muốn lấy giáo đâm mình, làm đau đớn xương tủy, gông cùm ân ái ràng buộc thân.

Nghĩ như vậy rồi, lại quán tất cả đều trống không, các dâm dục này, các tình trạng của sắc đều từ năm ấm bốn đại mà sinh. Năm ấm không chủ, bốn đại vô ngã, tánh tướng đều không, các thứ đó do đâu mà có.

Lúc quán điều này, trí tuệ sáng tỏ, thấy thân rất sáng như hạt châu ma-ni, không có trở ngại trong suốt như kim cương, trong sạch sáng tỏ như con nai phá lưới thì thoát khỏi sự khổ ách do người thợ săn đem lại. Hành giả quán ngũ ấm tánh tướng đều sạch, quán sáu đại như chim bay lượn trên cao, thân không có chỗ nương cậy do nuốt phải lưỡi câu sắc dục, chủ động để vượt qua, xa lìa nữ sắc không khởi tình dục, tự nhiên vượt khỏi các biển dâm dục. Tất cả các kết sử giống như các con cá, đuổi bắt lẫn nhau để rơi vào hố đen tối. Vô minh lão tử bị lửa trí tuệ thiêu đốt. Quán sự dơ bẩn của sắc, xấu xí bất tịnh, giống như huyễn hoặc không có tạm dừng, vĩnh viễn xa lìa sự ô nhiễm của sắc không bị sắc trói buộc nữa.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, những người tham dâm nhiều, trước hết phải dạy quán Phật khiến lìa các tội, sau đó mới dạy buộc niệm, khiến tâm không tán loạn. Tâm không tán loạn đó là phương pháp sổ tức. Pháp sổ tức này là thuốc trị bệnh tham dâm, là chỗ thực hành của Đấng Pháp Vương Vô Thượng. Ông phải khéo thọ trì cẩn thận đừng để quên mất. Tưởng này thành tựu gọi là hoàn tất pháp quán Sổ tức thứ hai mươi.

Bấy giờ Tôn giả A-nan và Thiền-nan-đề cùng các Tỳ-kheo khen Phật nói, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, du hành giáo hóa tới thôn Đa-la. Đến nơi ấy rồi, Phật cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo vào thôn khất thực. Sau khi thọ trai xong, chư vị đứng bên gốc cây, rửa chân xếp y bát, trải ngọa cụ và ngồi kiết già.

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo tên là Ca-chiên-diên, có một đệ tử tên là Bàn-trực-ca, xuất gia đã lâu, trải qua tám trăm ngày đọc tụng một bài kệ mà không thể thông đạt. Ngày đêm sáu thời, Tỳ-kheo ấy thường tụng lời này "dứt ác hành thiện, tu không phóng dật" chỉ tụng lời này nhưng cuối cùng không thể nhớ.

Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên đem hết đạo lực của mình dạy dỗ đệ tử cũng không làm cho đệ tử hiểu được. Tôn giả liền đến gặp Phật, đảnh lễ nhiễu quanh Phật ba vòng, bạch Phật:

–Như Lai xuất thế, lợi ích rất nhiều, làm lợi lạc cõi trời, người, phổ độ tất cả, chỉ riêng đệ tử con chưa được nhận lãnh, cúi xin Đức Thế Tôn hãy khai ngộ cho con làm cho ông ấy được giải thoát.

Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ! Hôm nay ta sẽ nói cho ông nghe nhân duyên ngày xưa.

Ca-chiên-diên thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con rất muốn nghe.

Phật bảo Ca-chiên-diên:

–Trong quá khứ cách đây chín mươi mốt kiếp có Phật Thế Tôn tên là Tỳ-bà-thi gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,

Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Phật ấy xuất thế giáo hóa chúng sinh, xong việc độ người rộng khắp, Phật nhập Niết-bàn. Sau khi Phật diệt độ, có một Tỳ-kheo thông minh nhiều trí, đọc tụng tam tạng, ỷ giỏi sinh ra kiêu mạn, tán loạn phóng dật. Có người nào theo học, Tỳ-kheo ấy không chịu dạy bảo, chỉ chuyên lừa dối, cao ngạo, không tu chánh niệm.

Sau khi chết, Tỳ-kheo ấy bị đọa vào địa ngục Hắc ám, trải qua chín mươi kiếp thường ở chỗ tối, ngu muội không có trí. Do sức nơi công đức xuất gia trước đây, từ địa ngục ra ông ấy được sinh lên trời. Tuy sinh lên trời, ánh sáng nơi cung trời và các đồ dùng đều đen tối, thấp kém hơn chư Thiên. Do tụng Tam tạng, khi hết tuổi thọ ở cõi trời, ông ấy sinh ở cõi Diêm-phù-đề và được gặp Phật đang tại thế. Vì trước đây cao ngạo nên tuy gặp Phật, ông ấy không hiểu pháp tướng. Ta nay phải thuyết các phương pháp dạy pháp buộc niệm cho ông ấy.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-chiên-diên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin ngài hãy thuyết Chánh pháp cho Tỳ-kheo Bàn-trực-ca ngu si này và tất cả chúng sinh ngu si loạn tưởng ở đời vị lai.

Phật bảo Tỳ-kheo Bàn-trực-ca:

–Từ ngày nay, ông phải thường ở chỗ yên tĩnh, nhất tâm ngồi ngay ngắn, xếp tay nhắm mắt, thu giữ thân, khẩu, ý cẩn thận đừng để phóng dật, ông vì phóng dật nhiều kiếp phải chịu lao khổ lâu dài. Ông phải quán kỹ các pháp theo lời ta dạy.

Khi ấy theo lời Phật dạy, Bàn-trực-ca ngồi ngay ngắn buộc tâm.

Phật bảo Tỳ-kheo Bàn-trực-ca:

–Nay ông phải quán kỹ đốt xương ngón chân cái, khiến tâm không di động, làm cho trên đốt ngón chân dần dần phồng lên, lại khiến phình trương lên, lại phải dùng ý khiến chỗ phình trương này dần dần lớn như cái bát đậu. Ông phải dùng ý khiến nó phình trương, mục rã, da thịt tách ra hai bên, mủ vàng chảy ra. Ở giữa mủ vàng máu chảy ràn rụa. Trên một đốt da thịt thối nát hết, chỉ thấy đốt xương ngón chân phải trắng như ngọc kha, như tuyết.

Thấy một đốt rồi, từ chân phải dần dần rộng lớn cho đến nửa thân, phình trương, rã nát, mủ vàng chảy ra. Khiến da thịt ở nửa thân đều tách ra hai bên, chỉ thấy xương của nửa thân trong sáng và trắng.

Thấy nửa thân rồi, lại thấy toàn thân, tất cả đều phình trương và rã nát rồi, máu mủ đáng ghét và thấy các loại trùng đùa giỡn trong đó, đủ loại như vậy cũng như ở trên.

Quán thấy một rồi lại thấy hai, thấy hai rồi lại thấy ba, thấy ba rồi lại thấy bốn, thấy bốn rồi lại thấy năm, thấy năm rồi thấy cho đến mười, tâm dần dần rộng lớn cho đến thấy trong một phòng. Thấy trong một phòng rồi cho đến thấy một thiên hạ. Thấy một thiên hạ rồi, nếu rộng lại thu nhiếp khiến trở về, quán một như trước. Quán xong rồi lại phải dời ý tưởng, buộc niệm quán kỹ chót mũi. Quán chót mũi rồi, tâm không phân tán. Nếu không phân tán quán xương như trước.

Lại phải tưởng da thịt trong thân do tinh khí bất tịnh của cha mẹ hòa hợp tạo thành. Thân như thế này là hạt giống bất tịnh. Lại phải dạy buộc niệm quán răng. Trong thân của người chỉ có răng này màu trắng. Xương trong thân ta trắng như răng này vậy.

Tâm tưởng trở nên sắc bén, thấy răng dài lớn giống như thân thể. Bấy giờ lại phải dời tưởng quán trên trán, khiến xương trắng trên trán giống như ngọc kha, như tuyết. Nếu không trắng lại phải đổi pháp quán cửu tưởng, rộng nói như pháp quán cửu tưởng.

Lúc quán pháp ấy, nếu là người độn căn, trải qua một tháng cho đến chín mươi ngày quán kỹ việc này, sau đó mới thấy; nếu là người lợi căn thì một niệm thấy liền. Thấy việc này rồi, lại phải quán đốt xương trắng trong hông. Thấy rồi liền quán xương người đủ màu như trước. Pháp này không thành lại phải dạy quán tâm Từ. Quán tâm Từ là rộng nói như bốn Tam-muội. Dạy tâm Từ rồi lại dạy quán xương trắng. Nếu thấy việc khác thận trọng chớ đuổi theo chỉ khiến tâm thấu suốt rõ ràng, thấy bộ xương trắng như núi tuyết trắng. Nếu thấy vật khác liền khởi tâm diệt trừ, phải nghĩ: Như Lai Thế Tôn dạy ta quán xương, vì sao lại có tưởng cảnh giới khác. Ta nay phải nhất tâm quán xương. Thấy xương trắng rồi khiến tâm trong lặng, không có các tưởng bên ngoài, thấy khắp tam thiên đại thiên thế giới trong đó đầy xương người. Thấy xương người này rồi, mỗi mỗi đều diệt quán khổ như trước.

Bấy giờ, nghe Phật dạy lời này, Tỳ-kheo Bàn-trực-ca quán kỹ từng thứ, tâm không phân tán, thấu suốt rõ ràng ngay lập tức đắc đạo A-la-hán, ba Minh, sáu Thông, đủ tám Giải thoát. Vị ấy tự nhớ Tam tạng đã học trong đời trước, hết sức rõ ràng không lẫn lộn.

Bấy giờ, nhờ Tỳ-kheo ngu si cao ngạo Bàn-trực-ca, Đức Thế Tôn chế pháp quán xương trắng thanh tịnh này.

Phật bảo Tôn giả Ca-chiên-diên:

–Tỳ-kheo Bàn-trực-ca ngu si này nhờ buộc niệm mà thành A-la-hán huống gì là người trí mà không tu thiền sao.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn mới nói kệ:

Thiền là pháp cam lồ
Tâm định diệt các ác
Trí tuệ dứt ngu si
Trọn không thọ thân sau.
Bàn-trực-ca ngu si
Còn chứng nhờ tâm định
Huống gì các người trí
Sao không siêng buộc niệm.

Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Ca-chiên-diên và Tôn giả A-nan:

–Nay các ông phải thọ trì lời ta dạy, dùng diệu pháp này độ khắp chúng sinh. Nếu có chúng sinh ngu si đời sau, kiêu mạn cao ngạo, chúng sinh tà kiến ác độc mà muốn tọa thiền từ pháp quán của Ca-hy-la-nan-đà ban đầu cho đến pháp quán tượng của Thiền-nan-đề, lại phải học kỹ pháp quán của Tỳ-kheo Bàn-trực-ca này, sau đó tự quán thân mình, thấy các xương trắng như ngọc, như tuyết.

Bấy giờ, xương người nhập vào thân trở lại thấy tất cả xương trắng, phóng ánh sáng rồi tan mất. Thấy việc này rồi tâm ý hành giả tự nhiên vui vẻ, điềm tĩnh không có niệm khởi. Lúc xuất định trên đảnh thường ấm áp, trong lỗ chân lông thường phát ra các mùi thơm, xuất nhập định hành giả thường nghe diệu pháp, kế đó lại tự thấy thân thể an vui khoái lạc nhan mạo tươi tỉnh, thường ít ngủ nghỉ, thân không bệnh tật khổ sở.

Được Noãn pháp này, hành giả thường tự cảm thấy dưới tim ấm áp, tâm thường an lạc.

Nếu người đời sau muốn học thiền, từ pháp bất tịnh đầu tiên cho đến pháp này. Đắc pháp này gọi là Noãn pháp.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi Phật diệt độ nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ở trong đời ô trược muốn học pháp chánh thọ, tư duy tư pháp buộc niệm quán bất tịnh ban đầu cho đến pháp này gọi là Noãn pháp.

Nếu đắc được pháp này gọi là hoàn tất Noãn pháp thứ hai mươi mốt.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nay ông phải giữ gìn Noãn pháp mà đệ tử của Ca-chiên-diên hỏi phải cẩn thận đừng để mất.

Bấy giờ A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng sinh đời sau nếu có người có thể thọ trì Tam-

muội này, nhất tâm yên ổn thành tựu Noãn pháp, người đó làm sao tự biết được.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có quán kỹ các tướng kết sử, từ pháp bất tịnh ban đầu cho đến pháp này tự biết thân tâm đều ấm áp, từng tâm nói tiếp không có các phiền não, sân hận, nhan sắc vui vẻ. Đây gọi là Noãn pháp.

Lại nữa, A-nan! Nếu có hành giả có được Noãn pháp rồi kế đó phải dạy buộc niệm ở giữa các xương trắng đều có ánh sáng trắng. Lúc thấy ánh sáng trắng xương trắng tan mất. Nếu cảnh giới khác hiện ở phía trước lại phải nhiếp tâm quán trở lại ánh sáng trắng thấy các ánh sáng trắng và từng ngọn lửa cháy lan ra đầy khắp thế giới. Hành giả tự quán thân mình lại càng sáng sạch, hơn cả pha lê và núi tuyết, tự thấy xương người mỗi cái đều phân tán.

Khi quán điều này nên định tâm cho lâu. Tâm định lâu rồi phải tự thấy trên đỉnh có ánh sáng lớn giống như ánh lửa phát từ não ra.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu thấy việc này lại phải dạy quán từ đầu đến chân, quán đi quán lại tất cả mười bốn lần.

Quán điều ấy rồi, xuất định nhập định, thường thấy trên đỉnh phát ra lửa như ánh sáng vàng ròng. Các lỗ chân lông cũng phát ra ánh sáng vàng như rải lúa vàng, thân tâm an lạc. Ánh sáng vàng rực như vậy nhập trở vào đỉnh đầu. Đó gọi là Đảnh pháp.

Nếu có hành giả, được pháp quán ấy thì có thể thành tự pháp quán đảnh.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông khéo thọ trì pháp quán đảnh này giảng rộng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Thành tựu pháp này gọi là hoàn tất pháp Quán đảnh thứ hai mươi hai.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Tưởng này thành tựu rồi, lại phải dạy buộc niệm quán các xương trắng, khiến các xương đã phân tán như gió thổi tuyết tụ lại một chỗ, tự nhiên thành đống trắng như núi tuyết. Nếu thấy việc này đắc đạo không khó. Nếu có người đời trước phạm giới hay đời này phạm giới thì thấy đống xương phân tán giống như tro đất hoặc là thấy các vật màu đen ở trên đó. Những người này lại phải sám hối, tự nói lỗi mình với người trí.

Đã sám hối rồi, thấy trên đống xương có ánh sáng trắng cho đến cõi Vô sắc. Xuất định nhập định thường được an lạc, tham muốn ái dục trước đây dần dần mỏng đi.

Hành giả lại phải quán, tìm ngược lại như trước, thấy chín lỗ máu mủ chảy và vật bất tịnh hết sức rõ ràng. Tâm không nghi ngờ hối tiếc. Lại giống như giữa xương sinh ra lửa thiêu các bất tịnh. Bất tịnh đã hết ánh sáng vàng phát ra, nhập trở lại đỉnh đầu. Lúc ánh sáng nhập vào đỉnh, thân thể khoái lạc, không thể lấy gì để ví dụ được.

Đắc pháp quán ấy gọi là hoàn tất pháp phương tiện quán trợ đảnh thứ hai mươi ba.

Lại phải dạy buộc niệm trụ ý tự quán thân mình giống như bó cỏ. Lúc xuất định cũng thấy thân mình giống như cây chuối, từng lớp da bao nhau. Lại tự quán các lá chuối giống như túi da, trong thân như không khí cũng không thấy xương. Xuất định nhập định thường thấy việc này thân thể gầy yếu.

Lại phải dạy tự quán thân, tự trở lại như bó cỏ khô, thân thể vững bền. Đã thấy thân vững bền rồi, hành giả lại phải uống bơ sữa, ăn uống điều độ, sau đó quán thân trở lại giống như cái túi không, có lửa từ trong thiêu hết thân này. Thiêu hết thân rồi, lúc nhập định thường thấy ánh sáng lửa, quán thấy lửa rồi, thấy ở bốn phương tất cả lửa khởi lên, xuất định nhập định thân nóng như lửa. Hành giả thấy hỏa đại này, từ các chi tiết khởi lên, tất cả lỗ chân lông đều phát ra lửa. Lúc xuất định cũng tự thấy thân như đống lửa, thân thể bốc nóng không thể tự giữ gìn. Bấy giờ bốn phương có núi lửa lớn đều đến tập hợp trước hành giả. Hành giả tự thấy thân mình hợp với ngọn lửa. Đây gọi là tưởng về lửa.

Lại phải khiến lửa thiêu thân cháy sạch. Lửa đã thiêu rồi, lúc nhập định quán thân không có thân, thấy thân đều bị lửa thiêu hết. Lửa thiêu sạch rồi, tự nhiên biết trong thân không có ngã, tất cả kết sử đều giống như vậy không thể nói hết. Đây gọi là tưởng về lửa, hỏa đại chân thật, là hoàn tất pháp quán hỏa đại thứ hai mươi bốn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải khéo thọ trì pháp quán hỏa đại vô ngã này. Pháp quán hỏa đại này gọi là lửa trí tuệ thiêu các phiền não. Ông phải khéo thọ trì và giảng rộng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có hành giả nào thành tựu pháp quán hỏa đại này rồi, lại phải

dạy buộc niệm tư duy, khiến buộc niệm ngay chót mũi, quán xem lửa này từ đâu khởi. Lúc quán lửa này tự thân mình đều không có ngã; đã không có ngã, lửa tự nhiên diệt. Lại phải nghĩ: Thân ta vô ngã, tứ đại không chủ, các kết sử này và kết sử căn bản từ điên đảo khởi, điên đảo cũng không, vì sao trong pháp không lầm thấy lửa trong thân.

Lúc quán điều ấy, hành giả không tìm được lửa và ngã. Đây gọi là quán hỏa đại vô ngã.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông khéo thọ trì pháp quán hỏa đại này, phân biệt và giảng rộng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Nghe Phật dạy Tôn giả A-nan hoan hỷ phụng hành.

Đó gọi là hoàn tất pháp quán thứ hai mươi lăm.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lúc ta thấy lửa diệt, đầu tiên diệt từ mũi, sau đó thân thể nhất thời đều diệt. Lửa trong tim trong thân, tám mươi tám kết sử cũng đều bị diệt. Trong thân mát mẻ, điều hòa, ổn định. Hành giả tự giác ngộ sâu sắc, thấu suốt rõ ràng, quyết chắc là không có ngã. Xuất định nhập định thường biết trong thân không có bản ngã của ta.

Đây gọi là hoàn tất pháp diệt không còn ngã.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Lại phải dạy pháp quán Quán đảnh. Pháp quán Quán đảnh là tự thấy thân mình như ánh sáng lưu ly, vượt khỏi ba cõi, thấy có Phật thật, dùng nước trong bình tắm, từ đảnh rót xuống đầy khắp trong thân. Thân đã đầy rồi, tay chân cũng đầy từ trong rốn chảy ra ở trên đất trước mặt, Phật thường rót nước. Bấy giờ, Đức Thế Tôn rót nước vào đảnh rồi, nước đi hết vào trong thân, nước từ trong rốn chảy ra giống như lưu ly. Màu xanh của nó giống như ánh sáng lưu ly xanh biếc, khí sáng đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Nước ra hết rồi, lại phải dạy buộc niệm xin Phật Thế Tôn rót nước vào đảnh lại cho con. Bấy giờ tự nhiên thấy thân như khí, rộng lớn vượt khỏi ba cõi. Hành giả thấy nước từ đảnh đầu vào, thấy thân to lớn ngang bằng với nước, tràn đầy trong nước. Lại tự thấy rốn giống như hoa sen, có dòng suối chảy vọt ra, đầy khắp trong thân, vây lấy thân như cái ao.

Có các hoa sen, mỗi một hoa sen có ánh sáng bảy màu, ánh sáng ấy diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã tiếng như Phạm âm.

Lúc tướng này hiện, lại phải dạy xếp tay nhắm mắt, nhất tâm ngồi

ngay thẳng, từ trên đảnh tự quán trong thân không thấy xương. Xuất định nhập định tự thấy thân mình như bình lưu ly.

Hành giả lại phải khởi niệm, tưởng bốn con rồng độc lớn ở trong tim mình. Thấy trong tim mình có lỗ chân lông mở ra, có sáu loại rồng, mỗi con rồng có sáu đầu, đầu nó phun độc giống như thổi lửa đầy khắp trong ao ở trên hoa sen.

Mỗi mỗi ánh sáng của hoa nhập vào đảnh của rồng. Lúc ánh sáng nhập vào đảnh, rồng độc tự tiêu tan, chỉ có nước lớn tràn đầy trong thân.

Khi tưởng ấy thành tựu gọi là quán hoa thất giác. Tuy thấy tưởng này hành giả vẫn chưa thông đạt đối với thiền định sâu xa, lại phải dạy đếm hơi thở như trên khiến tâm an ổn, lặng lẽ, không khởi niệm. Lúc tưởng này thành tựu gọi là quán bốn đại tương ưng.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông phải khéo thọ trì pháp quán bốn đại tương ưng với bảy Giác ý này, cẩn thận đừng để quên mất, phân biệt rộng rãi cho tất cả chúng sinh đời vị lai, diễn bày giảng nói cho bốn chúng.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Lại phải dạy buộc niệm, trụ ý quán kỹ thủy đại, từ lỗ chân lông ra đầy khắp thân. Xuất định nhập định hành giả thấy thân như cái ao có nước màu xanh lục. Nước xanh như vậy, giống như dòng suối chảy trên đỉnh núi, từ đỉnh mà ra, từ đỉnh mà vào.

Hành giả thấy bảy bông hoa toàn là màu kim cương, phóng ánh sáng màu vàng có người kim cương, tay cầm kiếm bén chém vào sáu con rồng trước kia. Lại thấy các ngọn lửa từ miệng các con rồng phát ra, khắp thân lửa cháy, nước khô cạn hết, lửa liền tắt sạch..

Lửa nước diệt hết rồi, tự thân mình dần dần rất trắng giống như kim cương. Xuất định nhập định tâm ý khoái lạc, như uống váng sữa hoặc ăn đề hồ, thân tâm an lạc lại phải dạy quán thứ khác, quán cảnh giới bên ngoài. Do sự tưởng tượng tự nhiên thấy có một cây sinh ra trái ngọt kỳ lạ. Trái cây ấy có bốn màu, bốn ánh sáng đều đầy đủ.

Cây ăn trái như vậy như cây lưu ly, đầy khắp tất cả. Thấy cây này rồi rộng thấy tất cả bốn loài chúng sinh bị lửa đói áp bức đều đến xin.

Thấy rồi, hành giả vui mừng, sinh tâm thương xót liền khởi tâm từ, coi những người đến xin này như cha mẹ mình, chịu khổ não lớn, nay ta phải làm gì để cứu vớt họ.

Nghĩ như vậy, liền tự quán thân, trở lại như máu mủ ở trước, lại làm

thịt chia thành từng đoạn đem bố thí cho những chúng sinh đói.

Các ngạ quỷ này, tranh nhau lấy ăn, ăn đã no rồi, liền chạy tán loạn bốn hướng.

-oOo-

KINH PHÁP THIỀN BÍ YẾU

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, hành giả lại phải tự quán thân mình và thân người. Thân ta và thân người sinh ra từ điên đảo, thật không có ngã sở. Nếu có ngã thì tại sao có các ngạ quỷ đến bên cạnh ta. Bấy giờ có vô lượng ngạ quỷ, thân nó cao lớn vô lượng vô biên, đầu như núi Thái sơn, cổ như sợi tơ sợi tóc, bị lửa đói hành hạ kêu gọi xin thức ăn.

Thấy việc ấy rồi, hành giả phải khởi tâm Từ, đem thân bố thí cho quỷ. Ngạ quỷ nhận rồi nuốt ăn thân thể ấy liền được no đủ.

Rõ việc này rồi phải quán nhiều ngạ quỷ đi quanh thân bốn vòng. Hành giả lại đem thân cho các ngạ quỷ ăn như trước. Thấy việc này rồi lại dạy nhiếp thân khiến tâm không tán loạn tự quán thân mình là đống bất tịnh.

Lúc quán điều ấy tự thấy máu mủ và thịt của thân mình từng miếng từng miếng rã ra tụ lại ở khoảng đất phía trước và thấy các chúng sinh tranh nhau lấy ăn những thứ ấy.

Đã thấy việc này, lại phải tự quán thân mình từ các khổ sinh ra, từ các khổ mà có, là pháp bại hoại không lâu sẽ bị tiêu diệt, làm thức ăn cho ngạ quỷ.

Khi quán tưởng ấy, chợt thấy trong thân, chỗ quả tim có lửa dữ thiêu trên ao trước mặt, tất cả hoa sen và các ngạ quỷ với những hình dạng xấu xí và nước ao đều bị đốt hết.

Rõ về việc này rồi, lại phải dạy quán kỹ thân mình hoàn toàn đầy đủ như trước, thân thể bình phục.

Lại quán sát tất cả các lỗ chân lông trên thân, vận dụng tâm từ biến máu thành sữa từ lỗ chân lông chảy ra trên đất như cái ao đầy ngập cả sữa.

Lại thấy nhiều ngạ quỷ đến trên ao này nhưng vì tội đời trước nên không uống được.

Bấy giờ, với tâm Từ hành giả coi quỷ như con, muốn cho chúng uống sữa. Do tội của quỷ biến sữa thành mủ. Ngay lúc ấy hành giả lại khởi tâm Từ.

Do tâm Từ, từ trong các lỗ chân lông trên thân, tổng số sữa đó chảy ra nhiều hơn trước gấp bội. Hành giả nghĩ: "Các ngạ quỷ này bị đói khổ hành hạ sao lại không uống."

Bấy giờ, có ngạ quỷ hình thù cao lớn đến mười do-tuần, cất chân dặm chân, tiếng chân như tiếng năm trăm cỗ xe, đến trước hành giả than rằng: "Đói, đói".

Hành giả liền dùng tâm Từ bố thí sữa cho ngạ quỷ uống. Lúc uống vào miệng sữa biến thành mủ. Tuy là mủ nhưng nhờ tâm Từ của hành giả, ngạ quỷ liền được no đủ.

Thấy quỷ no rồi, hành giả lại tự quán thân, liền tự thấy thân, dưới chân phát lửa thiêu đốt các chúng sinh nói trước đây và các cây cháy sạch.

Khi ấy, nếu thấy nhiều loại khác, phải trở lại buộc niệm quán kỹ thân mình, khiến tâm không động yên tịnh không có niệm khởi. Đã không có niệm tưởng, hành giả phải phát thệ nguyện, nguyện sau này không còn tái sinh, không thích thân sau, không ưa thế gian.

Thệ nguyện rồi, bỗng thấy đất trước mặt giống như lưu ly, thấy dưới lưu ly có nước màu hoàng kim. Hành giả tự thấy thân mình y như là đất lưu ly và cùng màu với nước. Nước ấy ấm áp, trong nước sinh cây như cây bảy báu, cành lá sum suê. Trên cây có bốn quả, tiếng của quả ấy phát ra như tiếng linh, diễn thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã.

Nghe âm thanh ấy rồi, hành giả tự thấy thân mình chìm ở trong nước, qua đến chỗ cây, hành giả tự quán kỹ thân mình, thấy nước từ trên đỉnh chảy ra đầy tràn ao lưu ly.

Trong chốc lát lại có lửa bùng lên, trong lửa sinh gió giống như lưu ly. Lại thấy trên đỉnh, từ đỉnh đến chân trở nên chắc chắn giống như kim cương. Lại có lửa phát ra thiêu sạch kim cương, nước ấm khô cạn hết.

Hành giả lại tự quán thân, trước khi có thịt trong thân, chợt thấy trong ao có cành cây lá đầy đủ, ngọn cây có trái. Trái ấy có âm thanh như tiếng linh, diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, thanh tịnh. Trái cây kỳ diệu như vậy, có âm thanh hay, hương vị đầy đủ nay tôi phải ăn.

Tưởng điều ấy xong, hành giả liền ngước lên níu cây, hái trái cây ăn, vừa ăn xong một trái hành giả cảm thấy vị nó ngon ngọt không gì sánh được.

Đã ăn trái cây rồi, hành giả thấy cây khô kiệt, ba trái còn lại vẫn có ánh sáng. Sau khi ăn trái cây, thân tâm điềm đạm, không có tưởng buồn vui. Hành giả tự quán tâm thức là pháp hư hoại có từ các khổ. Thức là nhân duyên là nguồn gốc các khổ.

Nay quán thức này như bọt trên nước không có tạm dừng, bốn đại không chủ, thân không có ngã, thức không chỗ dựa. Hành giả quán kỹ các pháp như vậy bốn mươi chín lần, quán kỹ tâm thức là pháp bại hoại.

Bấy giờ, hành giả tự thấy thân mình trắng như ngọc kha, như tuyết, do từng đốt xương chống đỡ nhau.

Lại phải dạy hành giả dùng tay phải xoa bóp thân này, thấy thân như bụi, xương vụn như phấn, như đất, như bụi phấn.

Lại phải dạy quán thân như hơi, có từ hơi thở, thân như túi khí không có tạm dừng.

Lại phải dạy tự quán lại thân, làm một bộ xương người như trước.

Thấy xương người rồi, tự quán thân mình, phân tán như trước giống như bụi bặm, như người dùng phấn để thoa trên đất.

Bỗng thấy trên đất có xương người màu xanh, hành giả lại quán như trước, đem bụi xương người này thoa trên đất.

Lại quán thân như bụi màu xanh, bụi biến thành xương người, xương ấy biến thành màu đen, lại phải dùng bột thoa trên đất như trước.

Lại tự quán thân giống như đất đen, thấy trong đất đen có bốn con rắn đen, mắt đỏ như lửa. Rắn đến áp bức thân phun độc muốn hại nhưng không thể hại được, lại biến thành lửa tự thiêu thân mình.

Bấy giờ, trên không trung có âm thanh tự nhiên, thường thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã. Lúc thấy việc này, tám mươi đầu của mỗi con rắn độc đều lửa đốt, trên không trung tự nhiên có nước rưới lên thân rắn độc làm lửa tắt hết, tất cả tám mươi tám đầu đều tiêu tan. Lúc xuất định hành giả cảm thấy thân an lạc, lặng lẽ không có niệm khởi.

Lại phải tự quán thân mình không có tướng cao lớn, bỗng quán thấy thân tự nhiên cao lớn, sáng rực xinh đẹp như núi bảy báu. Hành giả tự thấy thân mình như hạt châu ma-ni. Bấy giờ hành giả lại phải quán pháp không như trên.

Lúc quán pháp không, hành giả tự thấy thân mình vui vẻ, nhu nhuyến, khoái lạc không gì bằng.

Từ trên hoa sen phía trước, ánh sáng màu bảy báu nhập vào tim mình, ở trong hạt châu ma-ni, đầy đủ mười luồn có bảy màu. Bấy giờ trên đảnh có ánh sáng tự nhiên, giống như đám mây sắc vàng, cũng như cái lọng báu có màu giống bạc từ trên đảnh vào, che phía trên ánh sáng của hạt châu ma-ni. Xuất định nhập định thường thấy việc này. Thấy việc này rồi tự nhiên hành giả thấy không còn sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi Phật diệt độ, bốn bộ đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào làm pháp quán này gọi là chánh quán thứ hai mươi sáu, cũng gọi là đắc đạo Tu-đà-hoàn. Nếu được pháp quán này, phải xét kỹ sự thật, khiến thân tự nhiên lìa năm điều ác, hợp với kinh điển, không trái giới luật, thân theo luật, đây gọi là tướng của Tu-đà-hoàn.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có hành giả đắc pháp quán này phải nên che giấu kỹ, chớ tuyên truyền lung tung, cần phải nhất tâm siêng năng tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn rồi, lại phải quán kỹ địa đại. Pháp quán địa đại cũng như nói ở trên. Quán địa đại rồi, lại dạy quán thủy đại. Quán thủy đại là tự quán thân mình, quán các chất nước trong thân, thân như lưu ly kiên cường khó hư hoại.

Nếu thấy thân mình đều là nước phải dạy đổi pháp quán, nếu lại thấy thân thành lưu ly hết cũng dạy đổi pháp quán, quán đại địa trở thành lưu ly còn thân giống như làn khí nhẹ, thấy nước từ trong mắt hiện ra. Nếu thấy việc này gọi là quán bốn đại vi tế.

Lại phải dạy hành giả khiến từ đầu trở xuống đầy cả nước, thấy nước chảy ra từ trong mắt và không rơi xuống đất. Hành giả tự thấy mắt mình như bọt nổi trên mặt nước, và ở trong đó cũng đầy cả nước.

Nếu thấy việc thế này, nước trên đầu không ấm, không lạnh, điều hòa ổn định. Nếu nước ấm là quán sai lầm. Màu nước trong vắt không ấm, không mát.

Kế đó, lại quán nước từ hông trở lên, không ấm, không lạnh, lại quán yết hầu như ống lưu ly, nước nhập vào trong ngực, rồi xuống đến bụng và cho đến đầu gối đừng cho vào cánh tay, khiến nước trong suốt như pha lê. Nếu cảm thấy nước ấm đó là quán đúng. Tưởng này thành rồi, lại dạy cho thông suốt các đốt xương của tứ chi, nước đầy trong đó như bình lưu ly đựng nước. Dần dần rộng lớn thấy đầy một giường, người ngoài cũng thấy, nếu thấy nước này trong và lạnh đó là nước chân thật. Nếu thấy tướng khác không gọi là chân thật.

Hành giả nhập vào thủy quán Tam-muội, dần dần rộng lớn đầy trong một phòng, nước đều trong suốt như khí lưu ly, dần dần rộng lớn, biến khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Thấy việc ấy rồi, phải ở chỗ yên tĩnh, nhất tâm ngồi ngay ngắn, khiến cho tất cả bạn đồng tu đều thanh tịnh không cho náo loạn. Bấy giờ lại có

lửa đỏ rực ở trên nước. Hành giả phải suy nghĩ nước này từ đâu sinh ra và làm sao để hết.

Nếu nói ta là nước, thân ta vô ngã, trước đã quán vô ngã, nay từ trong pháp không, nước từ đâu phát ra. Lúc nghĩ điều này, tánh nước như khí, mất dần mất dần từ trên đỉnh xuống, nước từ từ cạn hết, chỉ còn lại da của thân. Hành giả tự thấy thân mình hết sức mỏng, không gì sánh được, nó như bó cỏ vi trần.

Lại thấy trong thân bỗng nhiên có lửa thiêu thân cháy hết. Hành giả quán thân không có ngã sở, vĩnh viễn không có ngã, ta và chúng sinh tất cả đều không. Khi ấy tâm ý hành giả lặng yên rất là vi tế không thể ví dụ được. Lúc tưởng này thành tựu gọi là quán vô ngã chân thật thứ hai mươi bảy, cũng gọi là tưởng diệt thủy đại, cũng gọi là Tu-đà-hoàn hướng, các pháp giới Hiền thánh vi tế khác cũng không vi diệu bằng, không thể nói hết.

Lúc hành giả ngồi, tu các Tam-muội, lúc được Tam-muội vô ngã sẽ tự nhiên thấy Phật.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông khéo thọ trì cảnh giới thủy đại vi diệu chân thật này giảng rộng cho tất cả chúng sinh đời vị lai.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Đắc pháp quán này rồi lại dạy pháp quán thủy đại. Pháp quán thủy đại này hết sức vi tế khiến cho thủy đại hợp với hỏa đại, thấy thân như hơi, như bóng lưu ly. Hành giả quán bốn bên của rốn đều có lửa nổi dậy và thấy ánh lửa giống như ánh sáng mặt trời. Nếu thấy trên rốn có ánh lửa nổi dậy, hoặc có lửa từ mũi ra, hoặc có lửa từ miệng ra, hoặc từ tai, từ mắt ra một tùy ý. Nếu thấy việc này thấy tất cả lửa phát ra từ lỗ chân lông. Sau khi lửa phát có nước màu xanh lục nối theo sau lửa. Hành giả tự thấy trong thân nước lên, lửa xuống, lửa lên, nước xuống, quán thân không có thân.

Lúc tưởng ấy thành tựu, hành giả thấy lửa, nước trong thân không ấm, không lạnh, thân tâm yên lặng, an trụ không chướng ngại. Đây gọi là quả Tư-đà-hàm cũng gọi là cảnh giới thật tướng. Lúc thấy việc này xuất định, nhập định hành giả thường không thấy thân. Lúc nhập định, người ngoài cũng thấy nước lửa từ chân lông ra, từ chân lông vào. Người nhiều tham dâm thấy lửa vào từ trên đỉnh và ra từ thân căn sau đó mới đầy khắp thân thể và thấy nước cũng như vậy. Lại phải tự quán lửa trên đầu như cái lọng bằng đám mây sắc vàng Diêm-phù-đàn-na, hoặc thấy dưới thân như hoa bảy báu, trong tâm yên lặng, an ổn, khoái lạc, các

việc vui ở thế gian không thể sinh được.

Khi xuất định, thân cũng an lạc, khiến chúng sinh bên ngoài thấy sắc vàng ánh sáng vàng của thiền định Tam-muội yên ổn, chư Thiên, Đế Thích cung kính lễ bái và nói: "Đại đức, nay đã hết khổ, nhất định sẽ chứng quả Tư-đà-hàm." Nghe rồi hành giả hoan hỷ tu thân, thiền định, tâm không bị ràng buộc chướng ngại, an ổn khoái lạc, vui chơi trong vô ngã Tam-muội, dần dần nhập vào môn Tam-muội Không. Các Tam-muội Vô nguyện, Vô tác đều có trong hiện tại. Cảnh giới vi diệu thù thắng như vậy lúc tọa thiền, ở trong thiền định hành giả tự nhiên phân biệt được.

Nếu là người độn căn, Đại Sư Thế Tôn hiện ra trước mặt thuyết pháp cho. Nhờ thấy Phật, nghe pháp được hoan hỷ. Ngay lúc đó hành giả liền đắc đạo Tư-đà-hàm. Hành giả lại phải chí tâm quán lại pháp trước, trải qua hai mươi lăm lần sáng suốt nhạy bén.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông khéo thọ trì pháp quán thủy đại thứ hai mươi chín này, cẩn thận đừng để quên mất. Người đắc pháp này cũng gọi là Tư-đà-hàm, cũng gọi là khéo qua lại. Do duyên nghiệp thiện căn đời trước, gặp được pháp hành thanh tịnh của Thiện tri thức, ông sẽ đắc đạo Tư-đà-hàm này.

Bấy giờ nghe Phật nói, Tôn giả A-nan hoan hỷ phụng hành.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nếu đắc được pháp quán thủy đại vi diệu này rồi lại phải dạy pháp quán hỏa đại đặc biệt tối thắng, vi diệu an ổn.

Lúc thực hiện pháp quán ấy, hành giả tự thấy ánh sáng lửa vi diệu ở trong rốn, cái bệ của nó như hoa sen. Màu của nó như hoa hòa hợp ngàn vạn ức vàng Diêm-phù-đàn-na.

Thấy việc này rồi, lại phải dạy quán lửa trong thân. Khi quán lửa trong thân, hành giả thường tự thấy lửa trong tim có ánh sáng hơn cả trăm ngàn vạn ức hạt minh nguyệt thần châu. Ánh sáng của tâm thanh tịnh cũng lại như vậy. Xuất định nhập định hành giả như người cầm hạt châu sáng đi đường sợ người thấy nhưng thật ra chỉ ở trong tâm tự biết rõ như vậy, người khác không thấy. Dần dần rất sáng, thấy thân giống như gương sáng bằng pha lê, thấy tâm cũng sáng rực như viên ngọc thần châu minh nguyệt. Hành giả sợ người khác thấy thật ra người khác không thấy việc ấy.

Lúc nhập định do tâm sáng hành giả thấy tướng thô của tam thiên đại thiên thế giới, thấy núi Tu-di của cõi Diêm-phù-đề và nước biển lớn đều rõ ràng. Lại thấy hạt châu ma-ni vương trong biển lớn, hạt châu ma-ni ấy phát

ra các ngọn lửa.

Thấy việc này rồi, khi ấy Phật giảng rộng chín loại định theo thứ lớp cho hành giả. Chín loại định theo thứ lớp đó là: chín vô ngại, tám Giải thoát. Các pháp quán như vậy không phải đã thọ nhận trước mà do Phật hiện trước mặt và tự thuyết cho hành giả nghe.

Người lợi căn nghe Phật thuyết pháp trong chín đạo vô ngại, ngay lúc đó liền đắc đạo A-la-hán, vượt hẳn quả vị A-na-hàm, giống như da trắng dễ nhuộm màu.

Nếu là người độn căn, lại phải dạy pháp quán phong đại. Pháp quán phong đại là thấy tất cả gió hết sức vi tế. Vật vi tế ở trong vi tế có thể dùng mắt tâm thấy mà không hề nói đủ. Gió lại xen lẫn với lửa, lửa lại xen lẫn với gió, nước vào trong lửa, gió vào trong nước, lửa vào trong gió, gió, lửa, nước đều theo lỗ chân lông tự tại như ý.

Hoặc lại có gió đầy đủ mười màu, như ánh sáng mười báu, từ lỗ chân lông phát ra, vào từ trong đảnh, phát ra từ trong rốn, vào từ dưới chân, phát ra trong tất cả thân phần, vào từ giữa chân mày, ra từ giữa chân mày, vào từ tất cả bộ phận của thân.

Vô lượng cảnh giới đủ loại như vậy, ánh sáng của Thánh hiền, hạt giống như Thánh hiền, các pháp Thánh hiền đều khởi ra từ phong đại và nhập vào từ trong phong đại này. Pháp quán phong đại này đầy đủ tướng mạo của cảnh giới vi diệu, chỉ có A-la-hán mới có thể phân biệt rộng rãi không thể nói hết, lúc hành giả ngồi sẽ tự nhiên thấy. Nếu thấy việc này, hành giả trừ bỏ bớt các phiền não thành A-na-hàm. Pháp quán phong đại này gọi là tướng cảnh giới tương ưng với A-na-hàm thứ ba mươi.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông khéo thọ trì pháp quán cảnh giới phong đại tối thắng tương ưng với A-na-hàm này, cẩn thận dừng để quên mất.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe lời Phật nói hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Tôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật ở tại khu lâm viên, vườn Kỳ thọ Cấp cô độc, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, khi ấy Tôn giả Ma-ha Ca-diếp có một đệ tử là con một nhà tu khổ hạnh phái Ni-kiền Tử ở thành Vương xá tên là A-kỳ-đạt-đa, cầu Tôn giả Ma-ha Ca-diếp xuất gia học đạo, tu hành khổ hạnh, giữ đủ mười hai hạnh Đầu-đà, trải qua năm năm đắc quả A-na-hàm nhưng không thể vượt lên thành A-la-hán, liền từ chỗ ngồi đứng dậy

đến gặp Tôn giả Ca-diếp, chỉnh y phục, chắp tay đảnh lễ Ma-ha Ca-diếp, bạch rằng:

–Thưa Hòa thượng, con theo Hòa thượng tu hành tinh tấn như cứu lửa cháy đầu, đã năm năm rồi, nay bị dừng lại ở quả A-na-hàm, thân tâm mệt mỏi không thể tiến lên Vô thượng giải thoát, cúi xin Hòa thượng dạy cho con cách tu nhanh.

Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp liền nhập Tam-muội, quán tâm Tỳ-kheo, biết Tỳ-kheo chưa dứt sạch các lậu, hoặc, từ đây mạng sẽ sinh lên cõi trời A-na-hàm. Xuất khỏi Tam-muội, Tôn giả Ca-diếp dạy:

–Pháp tử! Nay thân tâm ta tất cả đều tự tại, ta nhập vào Tam-muội tự tại, quán nghiệp báo đời trước của ông, thấy ông không có duyên thành đạo A-la-hán ngay nơi thân mày.

A-kỳ-đạt nghe lời ấy rồi, buồn rầu khóc như mưa, bạch:

–Thưa Hòa thượng! Ngày nay con không muốn sinh Thiên, như người bệnh nặng cầu sức vô thường, con sợ sinh tử cũng lại như vậy.

Tôn giả Ca-diếp bảo:

–Pháp tử! Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử! Phàm sự ác độc của sinh tử, giống như lửa dữ, thiêu cháy tất cả, rất là đáng chán, ta quán căn cơ của con không được thấu suốt. Nay có Thế Tôn và các Tỳ-kheo ở rừng Kỳ-đà, ta và con cùng đến gặp Phật.

Lúc này, vị Tỳ-kheo đó đắp y mang bát, theo Ca-diếp đến rừng Kỳ-đà gặp Đức Phật. Thấy Đức Phật thân như núi vàng ở giữa đại chúng, oai đức tự tại, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều đầy đủ. Hai vị lễ Phật, nhiễu quanh Phật bảy vòng, lui ra đứng một phía, rồi quỳ xuống chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Đệ tử của con là A-kỳ-đạt-đa, theo con tu mười hai hạnh Đầu-đà, trụ trong thiền định sâu xa, đến quả A-na-hàm thì không thể tăng tiến, làm cạn biển phiền não. Cúi xin Đức Thiên Tôn dạy môn giải thoát trong sạch, cam lồ quán đảnh sâu xa cho con.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo A-kỳ-đạt:

–Lành thay, lành thay! A-kỳ-đạt-đa! Ông muốn hỏi việc này, ta sẽ phân biệt, nêu rõ sự giải thoát cho ông, ông hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ. Vô số đời quá khứ có Phật tên là Đại Quang Minh gồm đủ mười tôn hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Vị Phật ấy ra đời thị hiện ba cách giáo hóa chúng sinh, độ người rộng khắp. Trong đời tượng pháp có một nước tên là Ba-la-nại, nhà vua tên là Phạm-ma-đạt-đa. Vua có một Thái tử tên là Nhẫn Nhục Khải, phát tâm cầu đạo quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề sâu xa, một cách chắc chắc để mong đạt Nhất thiết chủng trí, tự thề không sát sinh, tu mười nghiệp lành, không có tâm chán ghét đối với sáu Ba-la-mật.

Bấy giờ, trong nước ấy có một trưởng giả tên là Nhật Nguyệt Âm có nhiều quyền lực. Ông ta chỉ có một con, đứa con bỗng gặp phải bệnh nóng, phong đại vào tim làm cuồng loạn mất trí, tay cầm gươm bén chạy vào làng giết hại chúng sinh.

Lúc ấy, do thương xót con, trưởng giả kia nâng lò hương trong tay, đến bên ngoài bốn cửa thành, đốt hương, rải hoa phát đại thệ nguyện, nói: "Thế gian nếu có Thần tiên, Thánh nhân, y sư, chú thuật sư, người nào có thể cứu con tôi, tôi sẽ đem tất cả của cải dâng cho."

Khi ấy, Thái tử ra khỏi thành dạo chơi, thấy đại trưởng giả tu tâm Từ cầu nguyện cho con bèn sinh tâm hoan hỷ, nói: "Đại trưởng giả này siêng tu tâm từ khắp vì tất cả mà con của ông ấy lại mắc bệnh nặng, xin chư Thần tiên đều phát khởi Từ bi đến xứ này cứu con ông trưởng giả."

Thái tử nói xong liền có một bậc Đại tiên tên là Quang Vị, từ núi Tuyết bay đến gặp trưởng giả, bảo trưởng giả: "Tai nạn của con ông do bệnh nóng phát ra, do bệnh nóng sinh sân hận dữ dội, tim mạch đều mở, phong đại vào tim cho nên phát cuồng. Bệnh như vậy theo kinh sách Tiên dạy: Người mà phong đại Biến động, cần phải dùng tim và máu của người thiện nam không có sân nhuế thoa vào thân, phải dùng tủy của thiện nam ăn như đậu nành mới có thể trừ khỏi."

Lúc này, trưởng giả nghe Tiên nhân dạy, liền đảnh lễ Thái tử ngay giữa đường mà thưa: "Bậc Đại tiên của trời đất nói: Tai nạn của con tôi phải dùng máu của xương tủy của người có tâm từ, không sân nhuế mới có thể khỏi bệnh. Nay tôi muốn tự đâm thân mình chảy máu cho con ăn, chẻ xương lấy tủy cho nó uống, xin Thái tử chấp nhận cho việc này."

Thái tử bảo: "Trưởng giả! Tôi nghe Phật dạy nếu có chúng sinh nào làm cha mẹ khổ não sẽ bị đọa vào địa ngục lớn không có lúc ra. Vì sao trưởng giả lại tự hại thân mình. Muốn cho đứa con hết bệnh, trưởng giả phải chờ đợi chốc lát, tôi sẽ làm phương tiện lớn cho trưởng giả."

Trưởng giả nghe Thái tử dạy tâm rất hoan hỷ, lễ Thái tử rồi trở về nhà, tìm cách khiêng con đem đến cho Thái tử. Thái tử gặp rồi dùng đề hồ tưới lên anh ta. Khi ấy, Tiên nhân bảo Thái tử: "Giả sử dùng thuốc cây rưới

lên cho người nam này trải qua chín mươi chín ngày cũng không thể hết bệnh, phải có máu của người có tâm Từ không sân hận."

Khi ấy, Thái tử tự tư duy: "Trừ thân ta, những chúng sinh khác đều nổi sân. Nay ta làm việc cứu các bệnh khổ giúp đỡ thân sinh tử để cầu Phật đạo. Ở trong đời vị lai nếu được thành Phật, ta sẽ thí Pháp thân thường mạng này."

Thệ điều ấy rồi, Thái tử liền đâm thân lấy máu thoa lên người con ông đại trưởng giả kia, bổ xương lấy tủy cho anh ta uống. Sau khi uống, con trưởng giả liền khỏi bệnh. Do xương bị chặt, Thái tử mê man, ngã lăn trên đất.

Lúc này trời đất chấn động sáu cách, Thích, Phạm, Hộ Thế, vô số chư Thiên đều cùng nhau bay xuống chỗ Thái tử, bảo: "Nay Ngài dùng thân cứu bệnh cho chúng sinh muốn cầu việc gì? Muốn cầu Đế Thích, Ma vương, Phạm Thiên hay Chuyển luân thánh vương. Trong ba cõi muốn cầu đạt gì?"

Thái tử bạch với Đế Thích: "Nay điều tôi cầu không phải là sự hào quý tôn vinh trong ba cõi. Điều tôi cầu là nguyện thành tựu đạo quả Bồ-đề vô thượng."

Bấy giờ, Đế Thích nghe điều này mới bảo Thái tử: "Nay ông đâm thân, chẻ xương, lấy tủy, thân thể run rẩy, có hối hận không?"

Thái tử liền đứng dậy thệ: "Từ lúc mới chích thân cho tới giờ, nếu tôi không có một chút hối hận nào bằng cọng lông sợi tóc thì khiến cho thân thể tôi bình phục như xưa."

Thệ điều ấy rồi, thân thể Thái tử bình phục như xưa không khác.

Bấy giờ, Đế Thích thấy việc ấy, bèn bạch Thái tử: "Uy đức Thái tử, đặc biệt kỳ lạ không thể sánh được. Ông có ý chí rất mạnh mẽ, chắc chắn sẽ được thành Phật. Lúc Thái tử thành Phật xin độ tôi trước."

Đế Thích thề như thế xong, Thái tử mặc nhiên nói kệ:

Nguyện lúc tôi thành Phật
Rộng độ khắp người trời
Thân tâm không ngăn ngại
Thương yêu khắp tất cả,
Cũng độ cho các ông
Khiến các loại chúng sinh
Đều trụ Đại Niết-bàn
Vĩnh viễn thọ diệu lạc.

Thái tử nói kệ rồi, chư Thiên mưa hoa cúng dường, lại mưa vô lượng trăm ngàn trân bảo chất đầy bức vách của cung điện. Được trân bảo rồi Thái tử đem bố thí, bố thí không dứt, tu đầy đủ các pháp Ba-la-mật được thành Phật.

Phật bảo Ca-diếp:

–Vua nước Ba-la-nại khi ấy, nay chính là phụ vương Duyệt-đầu-đàn, trưởng giả Nguyệt Âm lúc ấy chính là Ma-ha Ca-diếp, con ông trưởng giả khi ấy chính là Tỳ-kheo A-kỳ-đạt, thái tử Nhẫn Nhục Khải lúc đó nay chính là Phật Thích-ca Mâu-ni. Đế Thích lúc ấy nay chính là Tôn giả Xá-lợi-phất.

Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

–Tỳ-kheo A-kỳ-đạt trong quá khứ do bị loạn động về phong đại, bị phát cuồng mà không biết, nên nay nhập định về bốn đại, ở trong định về gió, tâm nghi ngờ không hành được. Giả sử người này nhập vào định phong đại quán bốn đại, đầu sẽ bể thành bảy mảnh, tim bị vỡ mà chết. Phải dạy người này tu tâm Từ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dạy Tỳ-kheo A-kỳ-đạt:

–Ông nay phải quán tất cả chúng sinh đều bị năm khổ bức bách, ông nên sinh tâm Từ lớn, muốn thoát khỏi các khổ, quán sắc, thọ tưởng, hành, thức đều khổ, không, vô thường, vô ngã.

Tỳ-kheo A-kỳ-đạt nghe Phật nói điều này, hốt nhiên tâm ý bừng ngộ, ngay lúc ấy đắc đạo A-la-hán, ba Minh, sáu Thông, tám Giải thoát đều đủ. Liền ở trước Phật vọt thân lên không trung hiện bày mười tám pháp biến hóa. Làm mười tám pháp biến hóa rồi liền từ không trung hạ xuống đảnh lễ Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Hôm nay ngài nói nhân duyên trước kia cho con nghe và thuyết tâm Từ, giảng rộng bốn Đế. Con nhờ Phật lực liền phá nghiệp kết của ba đời, thành A-la-hán, cúi xin Thiên Tôn hãy vì chúng sinh xấu ác ở đời vị lai, do tội nơi nghiệp ác, sinh trong đời năm ô trược, chúng sinh hư vậy nếu tu Đầu-đà, hành các thiền định đắc A-na-hàm, như tâm bị nghi ngờ, ngừng lại không thực hành được, phải tu pháp gì để lìa bờ khổ.

Phật bảo Tỳ-kheo A-kỳ-đạt:

–Hãy lắng nghe và ghi nhớ kỹ, hôm nay vì ông A-kỳ-đạt, rộng vì tất cả chúng sinh đời vị lai, Như Lai giảng rộng từ A-na-hàm đến A-la-hán. Ở khoảng giữa nếu có cảnh giới vi tế nào, phải tự phân biệt. Nếu người bệnh phong nhiều lúc nhập định phong đại, do phong đại thường phát bệnh cuồng, phải dạy quán Phật. Dạy quán Phật là dạy quán mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, pháp tam Niệm xứ, đại Từ, đại Bi của Đức

Như Lai. Lúc quán pháp này tự nhiên thấy được vô lượng sắc thân, tướng tốt vi diệu, hoặc có chư Phật bay trên không trung, làm mười tám pháp biến hóa, hoặc có chư Phật mỗi một tướng hảo, hiện khắp vô lượng trăm ngàn biến hóa. Lúc thấy việc này phải khởi tâm cung kính cúng dường, tưởng ra hương hoa, rải khắp chư Phật, sau đó phải tự tư duy: năm ấm bốn đại trong thân ta đều vô thường, sinh diệt không ngừng, cành nhánh kết sử và kết sử căn bản đều vô thường. Niệm đến mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi của Phật, công đức trang nghiêm như vậy trang nghiêm nơi sắc thân, giống như bình báu đựng bảo châu như ý, nhờ sức hạt châu báu trang sức bình này. Hạt châu không ngã sở bình cũng không trụ, chỉ vì chúng sinh. Phật cũng như vậy, không có sắc tánh cùng với sắc tướng, giải thoát thanh tịnh.

Nay vì sao ta quán mười Lực của Như Lai, lực thị xứ phi xứ, cho đến lực lậu tận, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi làm sao có thể thấy được vô lượng hình tướng có màu sắc. Tưởng điều này rồi, hành giả thấy tượng vàng ròng đầy khắp thế giới Ta-bà, trong bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm đều nói pháp khổ, không, vô thường, vô ngã.

Tuy thấy việc này, hành giả lại phải khởi ý tưởng chư Phật ấy đều do các công đức nơi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, tam Niệm xứ hợp lại thành làm sao có sắc. Lúc tưởng điều này quán kỹ từng thứ, khiến tất cả Phật thân tâm không ngại, cũng không có tưởng về sắc, tự thấy thân mình như mây trên không trung. Hành giả quán năm thọ ấm không có các tánh tướng, bỗng nhiên vui mừng thấy thân trở lại, như đám hoa sen bao vây tam thiên đại thiên thế giới, thấy các Phật ngồi, ngồi bên trên hoa của mình, thuyết cho nghe các pháp môn không, vô ngã, vô nguyện, vô tác, mười bốn cảnh giới Thánh hiền sâu xa.

Phật bảo Tỳ-kheo A-kỳ-đạt:

–Nếu có hành giả thấy việc này rồi, phải dạy tâm Từ là: quán địa ngục một cách thận trọng. Bấy giờ hành giả liền thấy mười tám địa ngục, xe lửa, lò than, núi đao, rừng kiếm. Chúng sinh thọ khổ đều là cha mẹ đời trước của mình, là quyến thuộc, dòng họ thân thích hoặc là thầy trò, bè bạn thân thiết. Hành giả thấy từng người bị lửa dữ ở địa ngục A-tỳ đốt thân, hoặc lại có người từng phần từng phần phát ra lửa, hoặc leo lên rừng kiếm, hoặc đạp lên núi đao, hoặc gieo mình vào vạc nước sôi, hoặc hụp lặn trong sông tro, hoặc uống nước phân sôi, hoặc ăn hòn sắt nóng, hoặc uống nước đồng nóng chảy, hoặc nằm trên giường sắt nóng, hoặc ôm cột đồng cháy, hoặc vào rừng kiếm làm nát thân vô số lần, hoặc móc mắt vô số lần, đem hòn sắt

nóng đặt trên mí mắt, hoặc thấy ngạ quỷ thân hình cao lớn vài chục do-tuần, ăn lửa than hoặc uống máu mủ biến thành nước đồng sôi, toàn thân bốc cháy, dưới gót chân nước đồng chảy ra, hoặc giữa núi Thiết vi u ám tối tăm chúng sinh đầy trong đó, hình trạng giống như La-sát, ăn nuốt lẫn nhau. Thấy các Dạ-xoa lõa hình đen ốm, hai nanh mọc ngược lên, trên đầu lửa cháy, đầu chúng như đầu trâu, trên đầu sừng mưa ra như máu. Lại thấy hổ, sói, sư tử, các cầm thú ác ăn nuốt lẫn nhau. Lại thấy tất cả súc sinh khổ, hoặc thấy A-tu-la cắt đứt tai, mũi chịu các việc khổ. Lại thấy tất cả chúng sinh ở ba cõi bị dục sai sử đều bị khổ não.

Hành giả quán cõi trời Vô tưởng, giống như ánh chớp, ảnh tượng, huyễn hóa, không lâu sẽ bị đọa vào trong địa ngục lớn. Tóm lại mà nói tất cả chúng sinh thuộc hai mươi lăm cõi trong Tam giới đều có các nghiệp khổ não trong ba đường.

Khi ấy, hành giả quán thấy chúng sinh thọ khổ ở tam đồ rõ ràng như xem lòng bàn tay. Hành giả khởi Từ bi sâu xa, sinh tâm thương xót, thấy các chúng sinh đời trước làm nghiệp ác cho nên chịu ác báo. Thấy việc này rồi, hành giả buồn khóc như mưa, muốn cứu hộ, tuy đem hết tâm lực nhưng không thể cứu giúp.

Bấy giờ, trong tâm rất thương xót, ghét tai hoạn sinh tử, không nguyện ở lâu, tâm sinh kinh sợ như có người cầm dao muốn đến hại mình. Thấy việc này rồi hành giả lại khởi lòng Từ bi, muốn cứu giúp người khổ như không biết làm cách nào.

Khi ấy, hành giả tự suy nghĩ: các chúng sinh khổ này do vô minh, vô minh duyên với hành, hành duyên với thức, thức duyên với danh sắc, danh sắc duyên với lục nhập, lục nhập duyên với xúc, xúc duyên với thọ, thọ duyên với ái, ái duyên với thủ, thủ duyên với hữu, hữu duyên với sinh, sinh duyên với lão, tử, ưu bi, khổ não.

Bấy giờ, hành giả tự tư duy vô minh này từ chỗ nào đến, do sinh bằng trứng, bằng thai đầy cả tam giới. Hành giả quán vô minh này nhờ địa đại mà được trưởng thành, dựa vào phong đại mà hoạt động. Nhờ đại địa mà thân thể chắc chắn không hư hoại, hỏa đại chiếu sáng làm trưởng thành, thủy đại có tính chất kết hợp làm thành các vật. Tác động như vậy là vì tánh phong đại hoạt động không dừng tánh nước trôi nổi, tánh lửa nóng nảy, tánh đất cứng chắc. Tánh bốn đại này hai lên, hai xuống. Các phương cũng hai, phương Đông thành tánh sắc ấm, phương Nam thành tánh thọ ấm, phương Tây thành tánh tưởng ấm, phương Bắc thành tánh hành ấm, phương trên thành tánh thức ấm. Năm thọ này dựa vào vô minh mà có,

từ xúc mà sinh ra, do nhân duyên ưa tiếp xúc sinh ra các thọ, thọ làm nhân duyên sinh ái, thủ, hữu, hữu làm nhân duyên nên sinh ba cõi, chín mươi tám sử và các kết nghiệp, trói buộc chúng sinh không có kỳ ra.

Các nghiệp như vậy có từ vô minh, sinh ra dựa vào si, ái. Vô minh này nguồn gốc của nó từ đâu sinh ra khắp ba cõi làm sự trói buộc đối với các chúng sinh. Ta hãy quán vô minh để biết tướng của nó từ chỗ nào phát ra. Vô minh này là địa đại hay là từ địa đại hay hợp với địa đại, hay là sinh từ địa đại. Tánh đất vốn không, suy ra đại địa không chủ, cái gì là vô minh, khởi tưởng si, ái duyên theo hành mà có. Các hành này và các thủ hữu là khởi từ phong đại, từ thủy đại sinh ra, từ hỏa đại chiếu sáng. Bốn đại như vậy, quán kỹ từng thứ, các đại này thật không tánh tướng, giống như có thật. Vì sao lại lôi kéo chúng sinh trói trong ba cõi bị phiền não lớn thiêu đốt.

Tư duy điều này rồi, hành giả sợ hãi sinh tử, sợ sự sung sướng khi sinh lên cõi trời. Hành giả quán các Thiên cung như mộng, như huyễn, như sương cũng như điện, như âm vang rộng thấy tất cả chúng sinh trong ba cõi như cái vòng xoay tròn, chịu khổ vô cùng. Thấy việc ấy rồi, hành giả buồn rầu không vui. Thế gian như dòng sông chảy mạnh, muốn cầu đạo Niết-bàn ngay trong từng sát-na phải mong muốn giải thoát. Khi ấy lại phải dạy quán sổ tức: hít vào đếm một, thở ra đếm hai, hít vào đếm hai thở ra đếm ba, hít vào đếm ba thở ra đếm bốn, hít vào đếm bốn thở ra đếm năm, hít vào đếm năm thở ra đếm sáu, hít vào đếm sáu thở ra đếm bảy, hít vào đếm bảy thở ra đếm tám, hít vào đếm tám thở ra đếm chín, hít vào đếm chín thở ra đếm mười, đếm mười rồi đếm một trăm, đếm một trăm rồi đếm một ngàn, tùy theo hơi thở nhiều ít, nhiếp tâm trụ theo hơi thở.

Bấy giờ, hành giả tự thấy thân mình như trăm ngàn vạn ức hoa sen, tất cả đều héo úa, gió đến từ bốn phía thổi bay đi biến thành lưu ly, như bình lưu ly. Hành giả tự thấy tâm như cây hoa lớn, từ bờ kim cương ở phương dưới, lên đến đỉnh của ba cõi, có bốn quả. Quả ấy vi diệu như hạt châu như ý, có sáu loại ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Lúc thấy việc này, hành giả thấy bờ kim cương cho đến đỉnh ba cõi ở phương trên trong đó có đầy chư Phật và các đại đệ tử quyến thuộc vây quanh. Hoặc có chư Phật bay trên hư không, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, vọt lên ở phía Đông chìm xuống phía Tây, vọt lên ở phía Tây chìm xuống phía Đông, vọt lên ở phía Nam chìm xuống phía Bắc, vọt lên ở phía Bắc chìm xuống phía Nam, vọt lên ở giữa chìm xuống xung quanh, vọt lên xung quanh chìm xuống ở giữa, hoặc hiện thân lớn

đầy khắp hư không, lớn hiện nhỏ lại như hạt cải, biến hiện tự tại theo ý không ngăn ngại.

Hoặc thấy các Thanh văn, nhập bốn đại định, thân như đống lửa, trên ngọn lửa giống như ánh vàng đựng các nước màu. Lại thấy thân mình nhập định như các vị ấy. Bấy giờ phải dạy hành giả rằng: "Tuy rằng ông thấy là nhiều Phật và các Thanh văn, ông nên quán sát các Thế Tôn là thân vô tướng, là đại giải thoát, là quả vô học. Ông nên khéo nhiếp tâm đếm hơi thở như trước. Pháp sổ tức này có mười sáu cách không thể nói đủ."

Hành giả đã đếm hơi thở rồi, tâm ý điềm tĩnh yên lặng không thấy nữa. Lại phải dạy hành giả quán hoa sen tâm, giống như cây hoa trên cây có trái như hạt châu ma-ni, hiện sáu loại ánh sáng. Ánh sáng ấy sáng rỡ, từ đỉnh ba cõi chiếu xuống bờ đất kim cương ở phương dưới. Hành giả thấy rễ cây hoa tâm rủ gần tới đất thật sâu vô cùng.

Bấy giờ, phải quán Pháp thân chư Phật, Pháp thân chư Phật có nhờ sắc thân, sắc thân giống như bình vàng, Pháp thân giống như hạt châu ma-ni. Cần phải quan kỹ trong sắc thân mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi vô ngại giải thoát, trí thần vô lượng, cảnh giới tuyệt diệu, chẳng phải là chỗ thấy của mắt, chẳng phải là chỗ nghĩ của tâm, tất cả các pháp không đến không đi, không trụ không hoại giống như có thật. Phàm phu ngu si bị giặc lớn lão tử truy đuổi, vọng kiến điên đảo, vì điên đảo nên bị đọa lạc trong tam đồ, vào sông ái dục, bị dòng nước chảy xiết cuốn trôi, chìm đắm trong ba cõi. Nay ta vì sao cùng với phàm phu vọng tưởng thấy Phật.

Đại Hòa thượng của ta là Phật Thích-ca Mâu-ni, khi xưa đem đầu, mắt, tủy, não, quốc thành, vợ con ra bố thí, làm trăm ngàn việc khổ hạnh để cầu pháp giải thoát. Nay ngài được thoát khỏi sinh tử, trụ vào Đại Niết-bàn, yên tịnh rốt ráo không sinh trở lại. Như pháp Phật đời quá khứ, trú ở chỗ thường lạc, không đến cũng không đi, trí tuệ hiện tiền, bất động yên lặng vô vi.

Thân được thành tựu nhờ trí tuệ ấy phải có tưởng gì và vì sao biến động. Nay điều ta thấy hiện từ vọng tưởng thuộc các nhân duyên cho nên gọi là pháp sắc tướng điên đảo. Lúc tư duy điều này, tất cả chư Phật và chư Hiền thánh yên lặng ẩn thân, không còn hiện nữa, chỉ còn lại một vị Phật có bốn đệ tử lớn làm thị giả.

Khi ấy, Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni dạy pháp quán bốn đại thanh tịnh cho hành giả. Ngài bảo:

–Pháp tử! Các Hiền thánh ba đời ở quá khứ, lúc quán hạnh này, tự nhiên đều quán pháp quán phong đại.

Quán phong đại là trước tiên quán trong thân, từ cây hoa tâm sinh ra một làn gió nhẹ, lần lần tăng trưởng biến khắp thân thể, khắp thân thể rồi từ lỗ chân lông ra, đầy khắp trong phóng. Đầy khắp trong phòng rồi thấy một làn gió đầy trong một nhà lớn, lại thấy dần dần đầy trong một khoảng đất, đầy trong một khoảng đất rồi lại tăng thêm đầy trong một do-tuần. Đầy một do-tuần rồi, lại đầy hai do-tuần. Đầy hai do-tuần rồi lại đầy ba do-tuần. Đầy ba do-tuần rồi lại đầy bốn do-tuần. Đầy bốn do-tuần rồi lại đầy năm do-tuần. Đầy năm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy mười do-tuần. Gió nhẹ vừa biến động dần dần rộng lớn đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, lên đến đỉnh, xuống đến nền kim cương, biến khắp các nơi rồi trở lại nhập vào đảnh, khiến cho tất cả hoa lá của cây hoa tâm ấy dần dần héo rụng. Hành giả tự thấy thân mình như gương pha lê chiếu sáng trong ngoài. Bấy giờ lại phải dạy quán thủy đại.

Quán thủy đại là trước hết quán trong thân, từ ngọn của cây hoa tâm phát ra một dòng nước nhỏ, như khí lưu ly dần dần rộng thêm giống như đám mây màu trắng đầy khắp trong thân. Khắp trong thân rồi, từ sáu căn ra, nước vọt lên trên đỉnh nhiễu quanh thân bảy vòng như mâu trắng bay, mưa xuống từng giọt. Nước ấy mềm mại, đầy khắp một giường, đầy một giường rồi dần dần rộng lớn đầy khắp một phòng, đầy một phòng rồi đầy trong một nhà, đầy trong một nhà rồi đầy trong một thành, đầy trong một thành rồi đầy mười khoảng đất, đầy mười khoảng đất rồi đầy trăm khoảng đất, đầy trăm khoảnh đất rồi đầy một do-tuần. Nước có màu trắng như ánh sáng lưu ly, hơi của nó vi tế hơn cả sắc cảnh của phàm phu. Dần dần rộng lớn đầy hai do-tuần. Đầy hai do-tuần rồi đầy ba do-tuần. Đầy ba do-tuần rồi đầy bốn do-tuần. Đầy bốn do-tuần rồi đầy năm do-tuần. Đầy năm do-tuần dần dần rộng lớn rồi đầy mười do-tuần, dần dần rộng lớn đầy một cõi Diêm-phù-đề, đầy một cõi Diêm-phù-đề rồi dần dần rộng lớn đầy tam thiên đại thiên thế giới, trên đến đỉnh ba cõi, dưới xuống đất nền kim cương.

Tướng nước như vậy hơi của nó như mây nhập trở vào đảnh. Thấy việc này rồi lại phải dạy quán hỏa đại. Quán hỏa đại là tự quán ngọn cây hoa tâm ở trong thân, giữa các hoa lá có ngọn lửa nhỏ, giống như ánh sáng vàng, ra từ chót tim đầy khắp trong thân, từ lỗ chân lông ra dần dần rộng lớn đầy khắp một giường. Đầy một giường rồi đầy trong một phòng. Đầy trong một phòng rồi dần dần rộng lớn đầy trong một nhà. Đầy trong một nhà rồi đầy trong một thành. Đầy trong một thành rồi đầy trong mười khoảnh đất. Đầy mười khoảnh đất rồi đầy trăm khoảnh đất. Đầy trăm khoảnh đất rồi đầy một do-tuần, màu lửa biến thành trắng như ánh sáng

trân châu, lại càng tươi trắng, núi pha lê, núi tuyết cũng không sánh được. Ánh sáng hồng chiếu lẫn lộn làm cho rực rỡ dần dần rộng lớn đầy hai do-tuần, đầy hai do-tuần rồi đầy ba do-tuần, đầy ba do-tuần rồi đầy bốn tuần, đầy bốn do-tuần rồi đầy năm do-tuần, dần dần rộng lớn đầy một trăm do-tuần, đầy một trăm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một cõi Diêm-phù-đề, đầy một cõi Diêm-phù-đề dần dần rộng lớn đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trên đến đỉnh tam giới, dưới đến nền kim cương, rồi nhập trở vào đỉnh.

Thấy rõ việc ấy, lại dạy quán địa đại. Quán địa đại là tự thấy các hoa của cây tâm trong thân, dần dần rộng lớn, như mây kim cương đầy khắp trong thân. Đầy trong thân rồi lại đầy một giường. Đầy một giường rồi đầy trong một phòng. Đầy trong một phòng rồi dần dần rộng lớn đầy trong một nhà lớn. Đầy trong một nhà lớn rồi đầy trong một thành. Đầy trong một thành rồi đầy trong mười khoảnh đất. Đầy mười khoảnh đất rồi đầy trăm khoảnh đất. Đầy trăm khoảnh đất rồi đầy một do-tuần, đầy một do-tuần rồi, màu nó biến thành màu xanh dần dần rộng lớn biến khắp hai do-tuần, khắp hai do-tuần rồi đầy ba do-tuần, khắp ba do-tuần rồi đầy bốn tuần, khắp bốn do-tuần rồi đầy năm tuần, khắp năm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một trăm do-tuần, đầy một trăm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một cõi Diêm-phù-đề, đầy một cõi Diêm-phù-đề dần dần rộng lớn đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trên đến đỉnh tam giới, dưới đến nền kim cương, rồi nhập trở vào đỉnh.

Thấy việc ấy xong, lại dạy quán địa đại trở lại. Quán địa đại như mây kim cương, khó có thể phá tan, làm sao để diệt trừ. Lúc thấy điều này, thấy Phật Thích-ca Mâu-ni ngồi tòa kim cương cùng với năm trăm quyến thuộc đệ tử tôn quý ngồi trước hành giả, đồng thanh ca ngợi Diệt đế. Nghe lời này rồi hành giả phải quán đại địa Từ nhân duyên khởi, do vô minh duy trì, vô minh không có tánh, si ái không chủ, nhân duyên hư ngụy, giả gọi là vô minh, ái, thủ, hữu... đều thuộc tướng này. Lúc tư duy điều này, hành giả thấy trong tự tâm, trên ngọn các cây hoa dần dần lửa phát ra thiêu đám mây kim cương. Mỗi một đám mây ở giữa các lá hòa lẫn với lửa đầy khắp trong thân, đầy trong thân rồi địa và hỏa đều biến động đầy khắp một giường. Đầy một giường rồi đầy trong một phòng. Đầy trong một phòng rồi dần dần rộng lớn đầy trong một nhà lớn. Đầy trong một nhà lớn rồi đầy trong một thành. Đầy trong một thành rồi đầy trong mười khoảnh đất. Đầy mười khoảnh đất rồi đầy trăm khoảnh đất. Đầy trăm khoảng đất rồi đầy một do-tuần, đầy một do-tuần rồi đầy hai do-tuần, đầy hai do-tuần rồi đầy ba tuần, đầy ba do-tuần rồi đầy bốn tuần,

đầy bốn do-tuần rồi đầy năm tuần, đầy năm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một trăm do-tuần, đầy một trăm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một cõi Diêm-phù-đề, đầy một cõi Diêm-phù-đề. Địa và hỏa hai đại ấy có tánh khác nhau, tác động lẫn nhau, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trên đến đỉnh tam giới, dưới đến nền kim cương, rồi nhập trở vào đỉnh.

Thấy việc ấy xong, lại dạy quán phong đại. Quán phong đại là tự quán trong thân giữa cây hoa tâm phát ra gió màu tím, thủy đại theo vào diệt màu gió này khiến gió cùng màu với nước. Gió làm nước vọt lên đầy khắp trong một thân, dần dần rộng lớn đầy một giường. Đầy một giường rồi đầy trong một phòng. Đầy trong một phòng rồi đầy trong một nhà. Đầy trong một nhà rồi đầy trong một thành. Đầy trong một thành rồi đầy một do-tuần, đầy một do-tuần rồi hai đại gió nước, tánh nó khác nhau, gió thổi nước này thành giống như bọt lưu ly, màu nó rực rỡ, cổ động lẫn nhau đầy khắp hai do-tuần, đầy hai do-tuần rồi đầy ba tuần, đầy ba do-tuần rồi đầy bốn tuần, đầy bốn do-tuần rồi đầy năm tuần, đầy năm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một trăm do-tuần, đầy một trăm do-tuần rồi dần dần rộng lớn đầy một cõi Diêm-phù-đề, đầy một cõi Diêm-phù-đề dần dần rộng lớn đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, trên đến đỉnh tam giới, dưới đến nền kim cương.

Thấy việc này rồi hành giả tự thấy tất cả lỗ chân lông trong thân đều có lửa nổi dậy, ánh sáng lửa này đầy khắp ba cõi, ra ngoài ba cõi như hoa sen vàng ròng, trên hoa có quả xen lẫn trong lá. Trong ánh sáng ấy quả diễn thuyết từ đó, mười hai nhân duyên, pháp vượt sinh tử.

Lại thấy trong thân tất cả nước nổi dậy, nước ấy ấm và thấm khắp, từ lỗ chân lông chảy ra chảy khắp ba cõi, biến khắp tất cả. Màu nước phát ra ánh sáng chiếu sáng đỉnh của tam giới, nhập vào trong ánh sáng lửa phát ra từ quả ấy.

Lại thấy trong thân tất cả gió nổi dậy đầy khắp trong thân từ lỗ chân lông ra dần dần rộng lớn, thổi rất mau đầy khắp ba cõi hóa làm đám mây vàng nhập vào trong ánh sáng của quả ấy.

Rồi có hơi đất rất mỏng manh, đầy khắp bốn đại. Thấy việc này rồi phải dạy quán kỹ năm ấm, trước hết là quán sắc ấm, sắc ấm này dựa vào địa đại mà có, địa đại không nhất định sinh ra từ vô minh, vô minh làm nhân duyên vọng thấy gọi là sắc. Quán sắc tướng này, hư ngụy không thật, cũng không chỗ sinh, hiện ra nhờ nhân duyên. Nhân duyên có tánh không, sắc ấm cũng vậy. Thọ, tưởng, hành, thức, tánh tướng đều không, bên trong không có gì là chắc thật. Quán năm ấm này thật không có nhân duyên, cũng không có thọ hữu. Bốn đại như vậy vì sao tăng

trưởng trong khắp ba cõi.

Lúc tư duy điều ấy, thấy lửa phát ra từ tất cả lỗ chân lông, đầy khắp ba cõi rồi nhập trở vào từ tất cả lỗ chân lông.

Lại thấy tất cả địa đại, giống như đám mây kim cương hiện ta từ tất cả lỗ chân lông đầy khắp ba cõi rồi nhập trở vào theo tất cả lỗ chân lông.

Lại thấy thủy đại giống như bụi bặm từ tất cả các lỗ chân lông chảy ra, đầy khắp ba cõi, rồi nhập trở vào theo tất cả các lỗ chân lông.

Lại thấy phong đại từ tất cả lỗ chân lông thổi ra một cách yếu ớt, đầy khắp ba cõi, rồi trở vào theo tất cả các lỗ chân lông.

Lại thấy phong đại từ tất cả các lỗ chân lông thổi ra một cách yếu ớt, đầy khắp ba cõi rồi nhập trở vào theo tất cả các lỗ chân lông.

Bốn đại như vậy từ lỗ chân lông ra theo lỗ chân lông vào, tới lui qua lại, trải qua tám trăm lần. Thấy việc này rồi, hành giả đếm hơi thở như trước, nín thở mà trụ trải qua từ một đến bảy ngày. Khi ấy thấy đại địa dần dần trống rỗng, thấy dưới một giường dần dần trống rỗng, thấy một phòng dần dần trống rỗng, thấy một phòng rồi, thấy một nhà dần dần rỗng không, thấy một nhà rồi thấy một thành dần dần rỗng không, thấy một thành rồi thấy mười khoảnh đất dần dần rỗng không, thấy mười khoảnh đất rồi thấy một trăm khoảnh đất dần dần rỗng không, thấy một trăm khoảnh đất rồi thấy một do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy một do-tuần đất rồi thấy hai do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy hai do-tuần đất rồi thấy ba do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy ba do-tuần đất rồi thấy bốn do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy bốn do-tuần đất rồi thấy năm do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy năm do-tuần đất rồi thấy cho đến mười do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy mười do-tuần đất rồi thấy cho đến một trăm do-tuần đất dần dần rỗng không, thấy một trăm do-tuần đất rồi thấy cho đến cõi Diêm-phù-đề tám ngàn đất dần dần rỗng không. Thấy cõi Diêm-phù-đề rồi thấy cõi Phất-bà-đề mười ngàn do-tuần đất dần dần rỗng không. Thấy cõi Phất-bà-đề rồi thấy cõi Cù-da-ni ba vạn do-tuần đất dần dần rỗng không. Thấy cõi Cù-da-ni rồi thấy cõi Uất-đàn-việt bốn vạn do-tuần đất dần dần rỗng không. Thấy cõi Uất-đàn-việt rồi thấy núi Tu-di, bốn biển lớn, núi, sông, đá vách, tất cả vật cứng chắc được thấy trong bốn thiên hạ đều dần dần rỗng không. Thấy bốn thiên hạ rồi, tâm dần dần rộng khắp đầy tam thiên đại thiên thế giới, các vật cứng chắc, đại địa núi sông, đá vách tất cả đều rỗng không, tâm không có chỗ tựa.

Bấy giờ, tự nhiên thấy nền kim cương có mười bốn vách kim cương từ dưới kim cương luân tự nhiên vọt lên, va động lẫn nhau, đến trước hành

giả. Trên chóp các hoa vi diệu của cây hoa tâm, tự nhiên lửa nổi dậy thiêu các hoa lá. Bốn quả trên cây rớt xuống đỉnh hành giả, theo đỉnh mà vào trụ ở trong tim. Bấy giờ tâm hành giả bỗng nhiên sáng rực thấy các việc bị che đậy bên ngoài.

Lại có sáu con voi màu đen, đạp phá đại địa, hút nước uống, gió thổi giết chết voi. Tai voi phát lửa thiêu hết các con voi.

Bốn con rắn độc chạy lên ngọn cây, thấy có một người giống như đại lực sĩ chặt cây ấy, xuống đến nền kim cương, lên đến đỉnh tam giới, khiến cây lay động, bốn hạt minh châu trong tâm hành giả lại phát lửa lớn thiêu hết rễ cây. Lúc ấy cây đại thọ nát như bụi. Hành giả thấy rồi nghĩ: "Ta nay quán nước, lửa, gió cùng với thủy đại tất cả đều vô thường, biết diệt trong chốc lát, phải tự quán bốn đại trong thân ta, lửa không dứt, đất nước, gió cũng lại như vậy. Tướng vô minh này không có sở hữu, giả ngụy điên đảo giống như sương, như bóng nắng, thuộc về ba cõi duyên với si, ái, nhớ nghĩ pháp sinh ra ba mươi ba lần, chuyển thành chín trăm chín mươi chín lần, lần lượt niệm thô tướng kết sử có chín mươi tám loại, cành nhánh, hạt giống đầy khắp ba cõi. Vì những kết sử này mà phải chịu thọ sinh vô cùng hoặc đọa địa ngục, lửa dữ đốt thân hoặc làm ngạ quỷ, nuốt nước đồng sôi, ăn hòn sắt nóng, trong trăm ngàn đời không nghe đến nước, lúa, hoặc làm súc sinh, lạc đà, lừa heo, chó nhiều không thể biết, thọ khổ trong loài người, các nạn chẳng phải là một, rất nhiều tai nạn như vậy đều do si, ái mà ra.

Nay quán si, ái tánh không có chỗ có. Lúc nghĩ như vậy, Phật Thích-ca Mâu-ni phóng ánh sáng sắc vàng cùng với quyến thuộc Thanh văn vây quanh, bảo hành giả:

–Nay ông có biết không, sắc tướng hư dối vắng lặng, thọ tưởng hành thức cũng lại như vậy, ông nên quán kỹ Tam-muội không, vô tác, vô nguyện.

Tam-muội Không là quán tánh của sắc và tất cả pháp không có sở hữu, các cái không như vậy gọi là Tam-muội không.

Tam-muội Vô nguyện là quán tánh Niết-bàn, vắng lặng không tướng, quán tướng sinh tử đều giống như có thật. Lúc quán điều này không muốn sinh tử, không ưa Niết-bàn, quán nguồn gốc sinh tử rỗng không, quán tánh tướng Niết-bàn cũng đồng với không, không có hòa hợp đó gọi là vô nguyện Tam-muội.

Tam-muội Vô tác là không thấy tâm, không thấy thân, và các oai nghi có chỗ tác dụng, không thấy Niết-bàn có khởi tánh tướng, chỉ thấy diệt đế thông đạt không có sở hữu.

Bấy giờ, hành giả nghe Phật Thế Tôn thuyết Tam-muội Không, Vô tướng, Vô nguyện ấy, thân tâm yên tĩnh đi vào trong ba cửa không trong khoảng thời gian giống như tráng sĩ co duỗi cánh tay, theo tiếng giảng liền được vượt khỏi chín mươi ức sinh tử, không còn kết sử thành A-la-hán, không thọ thân sau, phạm hạnh đã lập, biết thật như đạo, ý giải thông suốt, không còn trở lại cảnh giới khác nữa, hết lậu hoặc tự nhiên đắc trí tuệ thông suốt. Ngũ thông còn phải nhờ tu chứng lục thông, rộng nói như trong A-tỳ-đàm.

Khi Đức Thế Tôn thuyết pháp Thánh hiền cho Tỳ-kheo A-kỳ-đạt, khiến tâm tương ưng với không, với cảnh giới phân biệt tướng của mười nhất thiết nhập rồi, vị ấy mặc nhiên yên ổn nhập vào Tam-muội vô tránh, phóng các ánh sáng chiếu khắp Thế Tôn. Bấy giờ, hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, ở trong chúng hội tâm ý được khai mở thành A-la-hán. Năm mươi Ưu-bà-tắc phá hai mươi ức kết sử thành Tu-đà-hoàn. Đại chúng trời, người nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ.

Lúc này, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai ban đầu vì Ca-hy-la-nan-đà nói pháp môn Bất tịnh, vì Tỳ-kheo Thiền-nan-đề nói pháp Sổ tức, vì Tỳ-kheo A-kỳ-đạt nói pháp Bốn đại, các pháp môn vi diệu như vậy làm sao để thọ trì, phải dùng tên gì để chỉ dạy cho đời sau?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Kinh này tên là Pháp Thiền Bí Yếu, cũng tên là Pháp Môn Quán Bạch Cốt, cũng tên là Cửu Tưởng Theo Thứ Lớp, cũng gọi là Pháp Quán Tạp Tưởng, cũng gọi là Phương Pháp A-na-bát-na, cũng gọi là Tưởng Bốn Quả Theo Thứ Lớp, cũng gọi là Phân Biệt Cảnh Giới, thọ trì như vậy cẩn thận chớ quên mất.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào muốn học pháp của ba đời chư Phật đoạn giống sinh tử, vượt sông phiền não, làm cạn biển sinh tử, diệt hạt giống ái, dứt các sông kết sử, chán năm thứ dục lạc, ưa Niết-bàn, thì nên học pháp quán này. Công đức của pháp quán này như núi Tu-di, phát ra các ánh sáng, chiếu bốn cõi, người thực hành pháp quán này đầy đủ quả Sa-môn cũng lại như vậy.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi ta diệt độ nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào muốn học pháp này, phải lìa bốn việc ác.

Những gì là bốn:

1. Giữ gìn giới cấm một cách thanh tịnh, không phạm các oai nghi. Đối với giới của năm chúng nếu có chỗ sai phạm phải chí tâm sám hối cho thanh tịnh, giới thanh tịnh rồi gọi là trang nghiêm phạm hạnh.

2. Xa lìa chỗ ồn ào, ở một mình nơi yên tịnh, buộc tâm một chỗ, ít muốn nói pháp, tu hành mười hai hạnh Đầu-đà một cách chín chắn, tâm không mệt mỏi chán nản, như cứu lửa cháy đầu.

3. Phải quét tháp và làm sạch nền đất, bố thí cây đánh răng và que vệ sinh và làm các việc khổ nhọc để trừ tội chướng.

4. Ngày đêm sáu thời thường ngồi không nằm, không ưa ngủ nghỉ, dựa lưng vào những vật nằm nghiêng, thích ở giữa mả, dưới cây, nơi A-lan-nhã, ăn như nai ăn, im lặng như nai.

Nếu có người nào trong bốn chúng thực hành bốn pháp này nên biết người này là nhà khổ hạnh. Khổ hạnh như vậy không lâu sẽ được bốn quả Sa-môn.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có bốn chúng tu tập pháp buộc niệm cho đến quán thấy xương trắng của một phần nhỏ đầu ngón tay, ngón chân hết sức rõ ràng. Nếu thấy một ngón một móng, hoặc thấy tất cả các xương trắng phải biết người này do tâm sắc bén sau khi chết, nhất định sinh lên Đâu-suất-đà thiên, diệt tất cả khổ đau hoạn nạn của ba đường ác. Người này tuy chưa giải thoát nhưng không đọa ác đạo. Phải biết công đức của người này không mất và người này đã lìa được khổ nạn trong ba đường, huống gì quán đủ các bộ xương người màu trắng. Ai thấy bộ xương người này, tuy chưa giải thoát công đức vô lậu, phải biết người này đã thoát khỏi tai nạn khổ nguy hiểm ở ba đường, tám nạn. Phải biết người này đời đời sinh ra đều được thấy Phật, tương lai sẽ gặp Phật Di-lặc ở hội Long hoa, nghe pháp lần đầu tiên liền được chứng quả giải thoát.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào sống trong Phật pháp, vì lợi dưỡng tham cầu không biết chán mà làm hành động ác bằng cách dối trá: thật sự không tọa thiền, buông lung thân, khẩu, hành động phóng dật. Do tham lợi dưỡng, tự nói tọa thiền, Tỳ-kheo như vậy phạm tội Thâu-lan-giá. Phạm rồi không chịu khai tội, không tự hối cải, không bao lâu, liền phạm mười ba Tăng tàn. Nếu trải qua một ngày đến hai ngày, phải biết Tỳ-kheo này là giặc trong trời, người, là La-sát quỷ quái chắc chắn sẽ đọa ác đạo vì phạm tội rất nặng.

Nếu Tỳ-kheo-ni chưng diện tà mị, muốn cầu lợi dưỡng như mèo rình chuột, tham cầu không chán, thật không tọa thiền, tự nói tọa thiền, buông lung thân khẩu, hành động phóng dật vì tham cầu lợi dưỡng tự nói tọa thiền. Tỳ-kheo-ni như vậy phạm Thâu-lan-giá. Phạm rồi không chịu khai tội, không tự cải hối, không bao lâu liền phạm Tăng tàn, nếu trải qua một ngày đến hai ngày, phải biết Tỳ-kheo-ni này là giặc trong trời, người, là La-sát quỷ quái chắc chắn sẽ đọa vào đường ác, vì phạm tội rất nặng.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thật không thấy xương trắng, cho đến quán sổ tức, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phỉnh gạt trời, rồng, quỷ, thần, lừa dối người đời. Những người ác này là dòng giống của Ba-tuần. Do vọng ngữ, tự nói tôi đắc pháp quán bất tịnh cho đến pháp đảnh. Người nói dối này sau khi chết, nhất định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ mau hơn mưa đá. Thọ mạng một kiếp, từ địa ngục ra, đọa trong loài ngạ quỷ, trong tám ngàn năm, nuốt hòn sắt nóng, từ ngạ quỷ ra đọa trong loài súc sinh, sống thường chở nặng, chết lại bị lột da. Trải qua năm trăm đời sinh trở lại trong loài người, mù, điếc, câm, ngọng, gù lưng, tàn phế, bị trăm thứ bệnh thường đi theo mình. Người đó phải trải qua các khổ như vậy không thể nói hết.

Nếu Ưu-bà-tắc thật không tọa thiền tự nói tọa thiền, thật không tu phạm hạnh tự nói tu phạm hạnh, Ưu-bà-tắc này mắc tội thất ý, không có việc bất tịnh nào không làm, đọa lạc vào hạng Chiên-đà-la hôi thối, làm bạn với người ác, là hạt giống mục nát, không sinh ra mầm thiện. Do tham lợi dưỡng cầu nhiều không chán, trải qua một ngày cho đến năm ngày phạm đại vọng ngữ. Người đại ác này là tay chân của Ba-tuần, là hạng Chiên-đà-la, đồng loại với La-sát đồ tể, nhất định sẽ đọa vào ba đường ác. Ưu-bà-tắc này lúc sắp mạng chung mười tám địa ngục xe lửa, lò than do các việc ác biến hóa ra nhất thời nghinh đón người ấy. Người ấy nhất định sẽ đọa vào ba nẻo ác không còn nghi ngờ.

Nếu Ưu-bà-tắc thật không được pháp quán Bất tịnh, cho đến pháp Noãn, lại khởi tăng thượng mạn ở trong đại chúng nói rằng ta đã đắc pháp quán Bất tịnh cho đến Noãn pháp, phải biết Ưu-bà-tắc này là giặc trong trời người, phỉnh gạt Thiên long bát bộ trong thế gian. Ưu-bà-tắc này sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ mau hơn mưa đá, mãn một đại kiếp, hết tuổi thọ ở địa ngục sẽ sinh trong loài ngạ quỷ, trải qua tám ngàn năm, nuốt hòn sắt nóng, từ ngạ quỷ ra đọa trong loài súc sinh, sống thường chở nặng, chết lại bị lột da, trải qua năm trăm thân, sinh lại trong loài người, điếc, mù, câm, ngọng, ốm gầy, trăm thứ bệnh già yếu thường đi theo mình, trải qua khổ như vậy, không thể nói hết.

Nếu Ưu-bà-di bày điều khác lạ để mê hoặc mọi người, thật không tọa thiền tự nói tọa thiền, Ưu-bà-di này mắc tội thất ý, không có việc bất tịnh nào không làm, đọa lạc trong hạng Chiên-đà-la hôi thối, làm bạn với người ác, là quyến thuộc của ma, nhất định sẽ đọa trong ba đường ác. Ưu-bà-di này mắc tội rồi không chịu bày tỏ, không chịu hối cải, trải qua một ngày cho đến năm ngày tham cầu không biết chán. Thật chẳng phạm hạnh, tự nói là phạm hạnh, thật chẳng tọa thiền tự nói tọa thiền. Người đại ác này nhất định sẽ bị đọa trong ba đường ác, theo nghiệp thọ sinh.

Nếu Ưu-bà-di thật chẳng được pháp quán Bất tịnh, cho đến Noãn pháp, lại ở giữa đại chúng khởi tăng thượng mạn, nói lời như vầy: tự nói ta đã đắc pháp quán Bất tịnh cho đến Noãn pháp, Ưu-bà-di này là giặc trong trời người, sau khi chết nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục A-tỳ mau hơn mưa đá. Mãn một đại kiếp, thọ mạng ở địa ngục hết, sinh trong loài ngạ quỷ, trải qua tám ngàn năm, nuốt hòn sắt nóng, từ ngạ quỷ ra, đọa trong súc sinh, sống thường chở nặng, chết lại bị lột da, trải qua năm trăm đời, sinh trở lại trong loài người, đui, điếc, câm, ngọng, già yếu tàn tật trăm thứ bệnh theo bên mình, trải qua các khổ như vậy, không thể nói hết.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào buộc niệm trụ ý, tâm thường tán loạn, ngồi ngay ngắn, giữ chánh định, trụ ý một chỗ, đóng kín các căn. Người này do định lực của tâm niệm an trụ, nên không còn lệ thuộc vào ngoại cảnh, xả thân sang đời sau sinh lên trời Đâu-suất gặp Di-lặc, câu hội với Di-lặc. Lúc hạ sinh xuống Diêm-phù-đề ở hội Long hoa thứ nhất, nghe pháp lần đầu liền ngộ đạo giải thoát.

Lại nữa, này A-nan! Sau khi Phật diệt độ, trong đời ác trược nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thật tu phạm hạnh, hành mười hai hạnh Đầu-đà trang nghiêm thân tâm, thực hành pháp niệm định, tu pháp quán bạch cốt, quán bất tịnh, nhập cảnh giới sâu xa, mắt tâm sáng nhạy, thông đạt pháp thiền, bốn chúng như vậy làm tăng trưởng Phật pháp, làm Chánh pháp không bị hoại diệt.

Hành giả phải giữ kín thân, khẩu, ý giống như có người ngộ bệnh thân tâm, lương y cho toa phải uống đề hồ. Bấy giờ người bệnh liền đến nhà vua xin đề hồ. Vua thương xót lấy đề hồ đem cho người ấy, nhân đó mới chỉ cho người bệnh cách uống đề hồ, phải ở phòng kín nơi không có gió, bụi mà uống nó, uống rồi ngậm miệng ổn định khí tứ đại khiến cho được điều độ.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào uống thuốc cam lồ quán đảnh này,

chỉ trừ bậc thầy giáo thọ biết pháp, không được tùy tiện nói với người khác về việc ấy. Nếu nói với người khác, liền mất cảnh giới ấy, lại phạm mười ba Tăng tàn.

Nếu các bạch y muốn hành thiền định đắc năm thần thông còn không nên nói với những người khác rằng tôi đắc tất cả những bí pháp thần thông, chú thuật của tiên, huống gì là người xuất gia thọ giới cụ túc, nếu đắc Bất tịnh quán cho đến Noãn pháp, không được tùy tiện nói việc ấy với người khác, nếu nói với người khác liền mất cảnh giới khiến nhiều chúng sinh sinh tâm nghi hoặc đối với Phật pháp.

Cho nên ta nay ở trong chúng này dạy các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nếu đắc pháp quán Bất tịnh cho đến Noãn pháp phải kín đáo tu hành, khiến tâm sáng suốt, chỉ nói với người trí hoặc bậc thầy giáo thọ, không được truyền rộng nói với người khác. Nếu nói với người khác vì lợi dưỡng ngay lúc đó liền phạm mười ba Tăng tàn. Phạm tội rồi không sám hối, tâm không tàm quý, cũng phạm trọng tội như đã nói ở trên.

Lại nữa, A-nan! Sau khi Phật diệt độ, hiện tiền không Phật, bốn đệ tử ai cầu giải thoát đắc pháp quán Bất tịnh, phải giấu kín đáo đừng cho người khác biết. Ví như có người bần cùng, cô độc sinh vào đời ác trược, phụ thuộc vào nhà vua vô đạo. Người bần cùng kia đào đất để tìm nước, do nhân duyên đời trước, chợt gặp kho tàng giấu kín, lấy nhiều trân bảo, vì sợ vua ác, người đó giấu của báu này, không cho người khác biết, chỉ ở chỗ kín lấy trân bảo này cung cấp cho vợ con, âm thầm hưởng khoái lạc.

Sau khi Phật diệt độ, bốn đệ tử được vui thiền định, cũng lại như vậy phải giấu kín nó không được rộng nói, nếu ai rộng nói sẽ phạm trọng tội.

Lại nữa, này A-nan! Ví như trưởng giả chỉ có một người con, nó bị bệnh rất nặng: tóc, lông mày rụng sạch. Khi ấy trưởng giả tự nghĩ: "Ta nay kém phước chỉ có một đứa con bị bệnh nặng phải tìm lương y ở đâu?"

Nghĩ rồi, trưởng giả bỏ ra nhiều tiền của tìm kiếm lương y. Do phước đời trước trưởng giả gặp được một thầy thuốc biết nhiều toa thuốc.

Trưởng giả thưa:

–Cúi xin Đại sư hãy khởi đại Từ bi, tôi có một đứa con gặp tai hoạn đã lâu, cúi xin Đại sư trị bệnh này cho hết hẳn. Nay trong nhà tôi có nhiều tài sản của báu giống như Tỳ-sa-môn Thiên vương ở phương Bắc, nếu đứa con bớt bệnh, trừ thân tôi ra, tất cả đều xin dâng cho thầy không dám trái nghịch.

Bấy giờ, lương y kia bảo trưởng giả:

–Nay ông có thể tạo nhà kín bảy tầng, hết sức kín đáo. Sau đó mới có

thể cho con ông uống thuốc. Uống thuốc này rồi, không được gặp người khác, không được nói với người khác, trải qua bốn trăm ngày đứa nhỏ mới hết bệnh.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi Phật diệt độ, bốn đệ tử của Phật nếu tu thiền định cầu giải thoát như người bệnh nặng, theo sự chỉ bảo của lương y, phải ở nơi yên tĩnh hoặc là nơi gò mả, hoặc là bên gốc, hoặc là nơi A-lan-nhã tu hành các đạo Hiền thánh sâu xa, phải giữ gìn kín thân miệng, ở trong nội tâm tu bốn Phạm hạnh, tu bốn Niệm xứ, tu bốn Chánh cần, tu bốn Như ý túc, tu năm Căn, tu năm Lực, tu bảy Giác chi, tu tám Thánh đạo, tu bốn Thiền. Tu bốn Vô lượng tâm, tâm du nhập vào vô lượng môn Tam-muội không hết sức sâu xa cho đến đắc sáu Thần thông. Các loại công đức thắng diệu như vậy chỉ phải nhất tâm, lặng lẽ mà thực hành, cẩn thận chớ khoa trương, trước mọi người mình đắc pháp thượng nhân. Nếu nói đắc pháp Thượng nhân, thì như đã nói ở trên, nhất định sẽ bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi ta nhập Niết-bàn, một trăm năm đầu, pháp Bất tịnh quán này lưu hành ở cõi Diêm-phù-đề, thu giữ những người phóng dật cho quán Tứ đế, trong một ngày tu quán vô thường số người được giải thoát giống như ta còn ở đời không khác.

Sau khi hai trăm năm, ở cõi Diêm-phù-đề này chỉ có một phần hai trong số bốn bộ đệ tử tu quán vô thường đắc đạo giải thoát.

Sau ba trăm năm, chỉ có một phần tư trong số bốn bộ đệ tử tu quán vô thường, được đạo giải thoát.

Sau bốn trăm năm, chỉ có một phần năm trong số bốn bộ đệ tử tu quán vô thường, được đạo giải thoát.

Sau năm trăm năm, chỉ có một phần mười trong số bốn bộ đệ tử tu quán vô thường, được đạo giải thoát.

Sau sáu trăm năm, trong số bốn bộ đệ tử chỉ có một phần trăm đệ tử tu quán vô thường, được đạo giải thoát.

Sau bảy trăm năm, bốn bộ đệ tử chỉ có một phần ngàn tu quán vô thường, được giải thoát.

Tám trăm năm, chỉ có một phần vạn trong số bốn bộ đệ tử tu quán vô thường, đắc đạo giải thoát.

Chín trăm năm, chỉ có một phần ngàn vạn tu quán vô thường được giải thoát.

Một ngàn năm, trong bốn bộ đệ tử, trong ức phần chỉ có mười người, trăm người tu quán vô thường được đạo giải thoát.

Hơn một ngàn năm quán pháp vô thường tuy còn lưu hành trong cõi Diêm-phù-đề, chỉ có một hoặc hai người trong ức ức ngàn vạn đệ tử tu quán vô thường, được đạo giải thoát.

Sau một ngàn năm trăm năm, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào khen ngợi rộng nói pháp quán khổ, không, vô thường, vô ngã, có nhiều chúng sinh ôm lòng ganh ghét, hoặc dùng đao chặt, hoặc dùng ngói đá đánh đập người kia, mắng rằng người này ngu si ở thế gian, chỗ nào có pháp quán khổ, không, vô thường, vô ngã, thân thể trắng sạch vô cùng, tại sao lại nói thân là bất tịnh, ông là người đại ác thật đáng đuổi đi. Lúc tướng này hiện trong trăm ngàn người, không có một người tu quán vô thường. Lúc tướng này hiện, cây phướn pháp sụp đổ, mặt trời trí tuệ lặn mất, tất cả chúng sinh mù tối không có mắt. Phật Thích-ca Mâu-ni tuy có đệ tử nhưng y ca-sa mà họ đắp giống như lá cờ gắn lên đầu cây tự nhiên biến thành màu trắng. Các Tỳ-kheo-ni giống như dâm nữ rao bán nữ sắc để sinh sống. Các Ưu-bà-tắc như Chiên-đà-la, sát sinh vô độ, các Ưu-bà-di tà dâm không đạo đức, lừa dối trăm cách. Lúc tướng này hiện, Chánh pháp vô thượng của Phật Thích-ca Mâu-ni mất vĩnh viễn không còn nữa.

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông đem lời Phật dạy, giảng rộng, phân biệt nghĩa lý của nó cho bốn bộ đệ tử đời vị lai, đừng để quên mất.

Lại nữa, này A-nan! Ông phải giảng giải lời này cho các chúng sinh đời vị lai. Pháp lớn của Như Lai không lâu sẽ lạc mất. Các ông đối với Phật pháp phải siêng năng tinh tấn, phải quán các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã.

Lúc Phật nói lời này, tám ngàn Thiên tử tỏ ngộ về lý vô thường, xa lìa trần cấu, đắc Pháp nhãn trong sạch. Năm trăm Tỳ-kheo liền ở trên tòa không chấp thọ các pháp, dứt hết lậu hoặc, ý được thông suốt, thành A-la-hán.

Khi ấy, Tỳ-kheo A-kỳ-đạt và một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, chư Thiên, long thần nghe Phật nói pháp môn quán vô thường này, tâm khai, ý giải, đều thấu suốt khổ, không, vô thường, đảnh lễ Phật, hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 614

KINH TỌA THIỀN TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Dao Tần, Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

QUYỂN THƯỢNG

Khó gặp Đạo sư dạy
Nghe rồi vui cũng khó
Bậc Thánh nhân thích nghe
Kẻ trí kém lại chán.
Chúng sinh thật đáng thương
Rơi đường hiểm già chết
Nô lệ cho ái dục
Chỗ sợ, ngu chẳng sợ.
Thế giới lớn hoặc nhỏ
Các pháp không thường còn
Tất cả chẳng bền chắc
Tạm hiện như tia chớp.
Thân này thuộc già chết
Chỗ quy tụ các bệnh
Da mỏng che vật bẩn
Ngu, lầm bị lừa dối.
Người thường bị giặc già
Tiêu diệt sức trẻ, mạnh
Như tràng hoa héo khô
Tàn tạ, hết tươi tốt.
Công đức vua Đảnh Sinh
Cùng chung tòa Đế Thích
Phước báo thật vô kể
Ngày nay còn gì đâu.
Vua ấy, cõi trời người
Dục lạc là hơn hết
Lúc chết rất thống khổ

Do đó nên tỉnh ngộ.
Các dục ban đầu vui
Về sau thành khổ lớn
Như oán lúc đầu thiện
Sau thành họa diệt tộc.
Thân là vật chứa bẩn
Chín lỗ thường thải uế
Như ghẻ nhọt Na-lợi
Thuốc hay chẳng trị lành.
Xương, sức xe yếu kém
Gân mạch buộc thức chuyển
Người cho là xe tốt
Tham đắm không hổ thẹn.
Nơi chứa thây người chết
Phơi đầy khắp gò nổng
Khi sống được nuông chiều
Lúc chết đều vất bỏ.
Thường nên nghĩ như vậy
Nhất tâm quán, không loạn
Trừ tối tăm, ngu si
Cầm đuốc để soi sáng.
Nếu lìa bốn niệm chỉ
Ác nào tâm không tạo
Như voi thoát móc sắt
Không theo sự chăn dắt.
Ngày nay tạo nghiệp này
Ngày mai tạo nghiệp khác
Tham vui không thấy khổ
Bất chợt giặc chết tới.
Hối hả làm việc mình
Việc khác cũng chẳng xong
Giặc chết không chờ đợi
Đến thì không thoát khỏi.
Như nai vì khát nước
Nên tìm đến dòng suối
Thợ săn không thương xót
Chẳng cho uống, lại giết.
Người ngu cũng như vậy

Chuyên làm đủ các việc
Chết đến chẳng hẹn trước
Ai sẽ giúp cho ngươi?
Tâm người ưa giàu sang
Năm dục lòng chưa đủ
Các vị đại quốc vương
Cũng không khỏi nạn ấy.
Tiên nhân trì chú thuật
Cũng không thoát sinh tử
Vô thường voi lớn giẫm
Đạp sâu, kiến thành đất.
Cho đến tất cả người
Chư Phật - Bậc Chánh Giác
Vượt khỏi dòng sinh tử
Lại cũng chẳng thường còn.
Vì vậy phải nên biết
Những gì ngươi ưa thích
Đều nên sớm xa lìa
Dốc lòng cầu Niết-bàn.
Sau khi bỏ thân này
Ai sẽ chứng biết ta?
Lại được gặp pháp báu
Và người không được gặp.
Mặt trời Phật xuất hiện
Diệt trừ mọi tối tăm
Phóng các luồng ánh sáng
Dạy người đạo, phi đạo.
Ta từ chốn nào đến
Rồi sẽ sinh vào đâu?
Ở đâu được giải thoát
Nghi này ai sẽ rõ?
Phật - Đấng Nhất Thiết Trí
Lâu lắm mới xuất hiện
Nhất tâm chớ buông lung
Trừ nghi ngờ cho ông.
Chẳng ưa thích lợi lộc
Tham đắm tâm xấu ác
Vì nuôi dưỡng chúng sinh

Nên cầu tướng pháp thật.
Ai biết được khi chết
Sẽ sinh cảnh giới nào?
Ví như đèn trước gió
Chẳng biết lúc nào tắt.
Đến đạo pháp chẳng khó
Bậc Thánh đã chỉ dạy
Giảng trí và nơi trí
Cả hai chẳng nương ngoài.
Nếu ông không buông lung
Một lòng thường hành đạo
Không lâu chứng Niết-bàn
Chốn an lạc bậc nhất.
Bậc trí gần người hiền
Hết lòng kính pháp Phật
Chán thân uế, bất tịnh
Lìa khổ được giải thoát.
Thanh vắng, tu tịch tĩnh
Ngồi kiết già giữa rừng
Giữ tâm, không buông lung
Ý tỏ rõ các duyên.
Nếu trong hữu không chán
Ngủ yên không tự tỉnh
Không nghĩ đời vô thường
Đáng sợ mà không sợ.
Phiền não sâu không đáy
Biển sinh tử không bờ
Thuyền vượt biển chưa tạo
Sao an vui ngủ nghỉ?
Do vậy nên giác ngộ
Chớ vì ngủ che tâm
Trong bốn việc cúng dường
Biết lượng, biết vừa đủ.
Nỗi sợ lớn chưa thoát
Nên phải dốc tinh tấn
Khi các khổ ập tới
Hối hận không kịp nữa.
Đắp y ngồi bên cây

Đúng pháp mà thọ thực
Chớ vì tham vị ngon
Mà dẫn đến tự hoại.
Ăn xong rõ vị, xứ
Ngon, dở đều không khác
Ưa thích sinh buồn khổ
Vì vậy chớ tham vướng.
Hành nghiệp trong thế gian
Tốt đẹp, xấu đều thay đổi
Tất cả đã nhận đủ
Vậy nên tự điều phục.
Nếu ở loài súc sinh
Nhai cỏ làm vị ngon
Địa ngục nuốt thỏi sắt
Nung cháy nóng hừng hực.
Hoặc loài quỷ Bệ-lệ
Máu mủ và phân giải
Đủ các thứ uế tạp
Cho đó là vị ngon.
Hoặc nơi cung điện trời
Xem đủ loại bảy báu
Ăn toàn vị Tô-đà
Thiên nữ tạo vui thú.
Sinh cõi người giàu sang
Đầy đủ bảy vị ngon
Đều đã từng trải qua
Sao nay còn tham luyến?
Qua lại trong thế gian
Nhàm chán việc vui, khổ
Tuy chưa được Niết-bàn
Nên dốc cầu an lạc.

Người học thiền mới đến gặp Thầy, Thầy nên hỏi:

–Ông có trì giới thanh tịnh? Chẳng phạm tội trọng, tà, ác gì chăng?

Nếu đáp:

–Giới luật của năm chúng đều giữ thanh tịnh, không phạm tội trọng, tà, ác, thì sau đấy mới chỉ dạy về đạo pháp.

Nếu đáp:

–Đã phá giới, thì vị Thầy phải hỏi:

–Ông đã phá giới nào?

Nếu trả lời:

–Đã phạm giới trọng.

Thì Thầy nên dạy:

–Như người bị cắt mất tai, mũi, không cần phải soi gương nữa. Hãy trở về siêng năng tụng kinh, khuyến khích tạo phước, có thể gieo trồng nhân duyên đạo pháp cho đời sau, đời này xem như đã bỏ. Ví như cây khô dù có tưới nước, chăm sóc cũng không thể ra lá, đơm hoa và kết trái.

Nếu phá các giới khác thì Thầy nên dạy người ấy đúng như pháp sám hối. Nếu đã được thanh tịnh, như vị Thầy chứng được Thiên nhãn, hoặc Tha tâm trí, thì theo bệnh mà thuyết giảng pháp, dẫn đến với đạo. Nếu Thầy chưa chứng đạt thần thông thì nên xét xem hình tướng, hoặc hỏi người đó:

–Trong ba thứ độc, ông vướng vào loại nào? Dâm dục nhiều chăng? Giận dữ nhiều chăng? Ngu si nhiều chăng?

Làm thế nào để quán xét về tướng mạo?

Nếu là tướng nhiều dâm dục thì người đó nhanh nhẹn, có nhiều thê thiếp, lắm lời, dễ tin, dáng dấp phong lưu, nói năng lưu loát, dễ hiểu, ít khi giận dữ và lo buồn. Có nhiều năng khiếu về kỹ thuật, lãnh hội tốt, kiến thức rộng, ưa thích văn chương, khéo biện luận, thường quán xét về lòng người, có nhiều lo sợ. Ở trong nhà ưa thích mặc áo mỏng, ham muốn về nữ sắc… tham vướng về đồ nằm, y phục, trang sức hương hoa. Tâm ý mềm mỏng, hay yêu thương, lời lẽ hoa mỹ, thích làm việc phước thiện. Ý muốn sinh lên cõi trời, không còn các nạn khổ, phân biệt kẻ đẹp người xấu, ưa tín nhiệm phụ nữ, lửa dục luôn nung nấu, tâm nhiều thay đổi, hối tiếc, thích tự trang sức, ưa xem tranh vẽ nhiều màu, keo kiệt đối với vật của mình, tham cầu vật của người, thích giao kết với bạn bè, không thích ở một mình, chú trọng về chỗ ở, chạy theo thế tục, chợt kinh, chợt sợ, tâm chí như khỉ vượn, nhận thức cạn cợt, làm việc không suy nghĩ, xem nhẹ việc làm, hành động theo sở thích, thích khóc thích cười, thân thể ưa tiếp xúc sự mềm mại, không kham nổi những khổ cực, lạnh nóng, dễ chán nản, dễ ưa thích, không thể nhẫn đối với các việc, được ít vui nhiều, mất ít sầu lớn, tự bày ra rồi tự che giấu. Thân ấm, mồ hôi hôi, da mỏng, tóc mềm, mặt nhiều nếp nhăn, nhiều điểm trắng, cắt móng tay, cạo râu nhẵn, đánh răng kỹ, đi ra ưa mặc đồ sạch sẽ, học thì không chuyên cần, thích dạo chơi đây đó, đa tình, nhiều mong cầu, chấp vào thường kiến, nương nơi người có đức, vồn vã thăm hỏi, thích

sử dụng lời nói của kẻ khác, gượng vui, ra vẻ chịu đựng, nghe sự việc chóng hiểu, nhanh nhẹn trong công việc, phân biệt tốt xấu, thương xót người nghèo khổ, tự đại, hiếu thắng, không chịu sự lấn lướt, ưa thích bố thí, dẫn dắt người làm thiện, được thức ăn ngon thì ban cho mọi người, không để tâm việc nhỏ gần chỉ để chỗ lớn xa, mắt tham đắm nơi sắc, công việc ít khi hoàn thành, không có suy nghĩ sâu kín, biết phong tục, tập quán ở đời, quán xét về nhan sắc, dò biết mặt trái nơi lòng người, lời nói hoa mỹ, trí tuệ ưa biện giải, kết bạn không bền, tóc thưa, ít ngủ nghỉ, đi, đứng, nằm, ngồi không mất oai nghi, của cải hiện có thường đem cứu giúp, sau đó lại hối tiếc, thích làm điều nghĩa, vội vàng làm cho được, nhưng lại mau quên, nơi mọi cử động khó tự cải đổi, khó xa lìa tham dục, gây các tội nhỏ.

Những thứ tướng trạng như vậy là tướng dâm dục.

Tướng của người sân giận là người nhiều ưu sầu, hung tợn, ôm lòng phẫn nộ, thân miệng thô bạo, có thể nhẫn chịu các khổ, gặp việc khó nhường nhịn, sầu nhiều vui ít, có thể làm những việc ác lớn, không có lòng thương người, ưa thích tranh cãi, dung mạo tiều tụy, mắt trợn, mày nhăn, khó nói khó vui, khó làm, khó được. Tâm mình như ghẻ nhọt mà thích nói lỗi của người. Luận bàn về nghĩa lý hay ngang bướng, không thể thuyết phục, khó làm lay chuyển, khó gần gũi, khó ngăn cản, ngậm độc khó nêu ra, kiện tụng không quên, có nhiều tiểu xảo. Không biếng nhác, làm việc mau chóng, ôm lấy những điều mong cầu mà không bày tỏ. Ý sâu khó dò, chịu ân thì báo đáp, có khả năng quy tụ nhiều người theo mình mà không bị ngăn cản, có thể hoàn thành công việc người khác, khó can thiệp, không ngại khó khăn, ví như sư tử rất khó bị khuất phục, thẳng đường tiến tới, không quay đầu lại, nhớ nghĩ ít khi quên, nhiều nghĩ ngợi lo lắng, có trí nhớ tốt, ưa bố thí lợi lạc ít nhưng không thoái lui, làm thầy người lanh lợi, lìa dục, ở một mình, ít dâm dục. Tâm ý thường hiếu thắng, tham chấp vào đoạn kiến. Mắt thường hay dòm ngó, lời nói chân thật, phân biệt rõ sự việc, ít bạn thân, chấp nhặt nơi làm việc, nhớ kỹ không quên, có nhiều sức mạnh, vai ngực nở nang, trán rộng, tóc đều, tâm cứng rắn khó thuyết phục, mau được, khó quên, có khả năng tự xa lìa tham dục, hay tạo các tội nặng.

Những thứ tướng trạng như vậy là tướng sân giận.

Tướng của người ngu si là người đa nghi, nhiều hối hận, biếng nhác, không biết nhận thức, tự mãn, ít chịu tuân thủ, kiêu mạn, khó dạy bảo, việc đáng tin chẳng tin, việc không đáng tin lại tin, không biết cung kính, nơi nào cũng tin theo, dễ nghe lời người khác, vội vàng đường đột không biết hổ thẹn, làm việc không suy nghĩ, thường trái với lời dạy, chẳng biết

chọn bạn, không tự sửa đổi mình, thích mến thầy nơi đạo lạ, không phân biệt thiện ác, khó tiếp nhận, dễ quên, căn cơ thấp kém, lười biếng, chê bai những việc làm bố thí, không có lòng thương xót, không biết tin theo chánh pháp, khi tiếp xúc với việc thì mù mờ, lúc giận dữ thì tối mắt, không có trí tuệ, nhiều mong cầu, lắm nghi ngờ, ít có lòng tin, ganh ghét với người tốt, cho là không có quả báo về tội phước, không phân biệt được lời nói thiện, không nhận biết về lỗi lầm, không nghe theo lời chỉ dạy, luôn bị người thân xa lìa, oán ghét, không biết phép tắc, thích nói lời ác, râu, tóc, móng thường để dài, răng miệng hôi hám, áo quần nhơ bẩn, bị người sai khiến, chỗ đáng sợ thì không sợ, việc vui thì lo buồn, việc đáng lo buồn thì vui, chỗ đáng thương xót lại cười cợt, chỗ vui vẻ thì ưu sầu, đợi dẫn dắt mới theo sau, chịu đựng sự khổ, không phân biệt các mùi vị, khó xa lìa tham dục, tạo tội sâu nặng.

Những thứ tướng trạng như vậy là tướng của ngu si.

Nếu người nhiều dâm dục thì dùng pháp môn Quán bất tịnh để đối trị.

Nếu người nhiều sân giận thì dùng pháp môn Quán tâm Từ bi để đối trị.

Nếu người nhiều ngu si thì tư duy về pháp Quán nhân duyên để đối trị.

Nếu người nhiều lo nghĩ thì dùng pháp Quán hơi thở để đối trị.

Nếu người nhiều tham, sân, si bằng nhau thì dùng pháp môn Niệm Phật để đối trị.

Như vậy, có bao nhiêu thứ bệnh thì có bấy nhiêu pháp để chữa trị.

Thứ nhất: Pháp môn đối trị tham dục

Người nhiều dâm dục thì nên tu tập pháp Quán bất tịnh. Nơi thân người từ chân đến tóc toàn là những thứ bất tịnh: tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, gan, phổi, tim, lá lách, thận, dạ dày, ruột già, ruột non, phân, nước tiểu, nước mũi, nước dãi, mồ hôi, nước mắt, mật, nước dịch, mỡ, mỡ sa, màng óc… Như vậy trong thân toàn là những loại bất tịnh. Lại nữa, quán bất tịnh theo thứ lớp: quán thây chết máu ứ tím bầm, thây sình trướng, thối rữa, máu mủ chảy khắp, mùi hôi xông lên, trùng thú rúc rỉa chỉ còn đống xương tan rã. Đó gọi là Quán bất tịnh.

Lại nữa, người nhiều dâm dục có bảy thứ yêu thích: yêu thích nhan sắc, yêu thích dung mạo tươi đẹp, yêu thích dáng điệu dịu dàng, ưa thích

âm thanh, ưa thích xúc chạm, thương yêu mọi người, yêu thích tất cả.

Nếu người yêu thích sắc thì nên tu tập pháp quán thây chết máu ứ tím bầm và những màu sắc vàng, đỏ bất tịnh… cũng như vậy. Nếu yêu thích dung mạo tươi đẹp thì nên tu tập pháp quán thây chết sình trướng, nứt rã. Nếu yêu thích dáng điệu dịu dàng thì nên tu tập pháp quán thây mới chết, máu chảy tràn trề cho đến khi xương cốt tan rã. Nếu tham đắm âm thanh thì nên tu tập pháp quán hơi thở tắt nghẹn, mạng sống sắp chấm dứt. Nếu ưa thích xúc chạm thì nên tu tập pháp quán bộ xương và các bệnh khiến người khô gầy. Nếu yêu thích mọi người thì nên tu tập sáu pháp quán bất tịnh. Nếu yêu thích tất cả thì nên quán toàn bộ các pháp quán bất tịnh. Hoặc khi thì quán các thứ này, lúc thì quán các thứ khác, tất cả đều là pháp Quán bất tịnh.

Hỏi: Nếu thân bất tịnh, giống như thây chết thối rữa thì từ đâu sinh ra yêu thích tham đắm? Nếu cho thân là trong sạch thì thân dù thối rữa cũng vẫn yêu thích. Nếu không yêu thích thân thối rữa thì thân trong sạch cũng không tham đắm, vì cả hai thân đều như nhau chăng?

Đáp: Có thể mong cầu nơi cả hai thân đều thật trong sạch là không thể được. Tâm người mê lầm vì điên đảo che lấp, nên thân bất tịnh cho là tịnh. Nếu tâm điên đảo được phá trừ thì liền có được pháp quán thật tướng. Khi ấy, biết thân là bất tịnh, hư dối không thật.

Lại nữa, thây chết không còn hơi ấm, mạng sống, thần thức và các căn, người biết rõ được thân ấy thì tâm không sinh đắm nhiễm. Do thân có hơi ấm, mạng căn, thần thức và các căn đầy đủ, nên tâm mê hoặc, điên đảo sinh tham chấp. Lại nữa, khi tâm tham đắm sắc thân thì cho đó là tịnh. Tâm tham đắm được diệt trừ liền biết thân là bất tịnh. Nếu thân thật sự là tịnh thì lẽ ra phải thường thanh tịnh, mà hiện tại thì không như thế. Như chó ăn phân cho là sạch, người thấy cho đó là rất bẩn. Trong, ngoài của thân này thảy đều là bất tịnh. Nếu chấp đắm nơi bên ngoài thân thì bên ngoài ấy chỉ là một lớp da mỏng bao bọc, chỉ cần một phần nhỏ của cơ thể cũng đã là bất tịnh, huống chi trong thân chứa tới ba mươi sáu thứ ô uế.

Lại nữa, xét về nhân duyên thì toàn thân đều là những thứ bất tịnh. Thân đó là do tinh huyết bất tịnh của cha mẹ hợp thành, lại thường tiết ra toàn thứ chẳng sạch. Áo quần, giường nệm cũng dơ dáy bất tịnh, huống gì là chỗ có thây chết, vì vậy, nên biết thân người dù sống hay chết, trong, ngoài đều là bất tịnh.

Lại nữa, người tu quán cũng có ba bậc: mới tu tập, đã tu tập, hoặc đã tu tập lâu ngày.

Nếu người mới tu tập thì nên dạy: Ông hãy hủy bỏ các tưởng bên ngoài nơi thân tướng, trừ diệt hết những thứ bất tịnh, chỉ quán bộ xương màu đỏ, tập trung ý quán tưởng, không nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ các duyên bên ngoài thì phải thâu giữ niệm.

Nếu người đã tu tập thì nên dạy: Quán tưởng trừ bỏ phần da thịt, chỉ quán bộ xương, đều không nhớ nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ các duyên bên ngoài thì nên thâu giữ lấy niệm.

Nếu người đã tu tập lâu ngày thì nên dạy: Chỉ quán về một phần nhỏ trong thân, tâm, loại bỏ hết phần da thịt, buộc tâm ý vào năm chỗ: trên đỉnh đầu, trên trán, giữa chặng mày, chót mũi và trái tim. Buộc tâm ý vào năm chỗ ấy, quán xương, không nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ các duyên bên ngoài thì nên thâu giữ niệm. Thường nhớ nghĩ quán xét tâm, nếu tâm khởi lên thì chế ngự. Nếu tâm mệt mỏi thì xả bỏ các duyên bên ngoài và trụ vào đối tượng được duyên.

Ví như khỉ vượn bị buộc vào trụ cây, cuối cùng mới chịu nằm yên. Đối tượng được duyên như trụ cây, niệm như dây buộc, tâm dụ như khỉ vượn. Cũng như người vú em thường chăm sóc con nhỏ, không cho thất lạc. Hành giả quán tâm cũng như vậy, dần dần chế ngự tâm khiến trụ một nơi đã duyên. Nếu tâm trụ lâu, đó là ứng hợp với pháp thiền. Nếu chứng đắc thiền định thì có thể được ba tướng.

1. Thân thể điều hòa, nhẹ nhàng, vui vẻ, xương trắng phát ra ánh sáng như ngọc bạch kha. Tâm được an trú nơi vắng lặng, đó là pháp quán tịnh. Khi ấy, tâm liền được trụ ở cõi Sắc. Đó gọi là người mới học pháp thiền, đạt được tâm ở cõi Sắc. Tâm thích hợp với pháp thiền tức là pháp ở cõi Sắc. Tâm được pháp ấy, thân tuy ở cõi Dục nhưng bốn đại rất điều hòa, an lạc, hình sắc trong sạch, mềm dịu tươi tắn, đó gọi là tướng vui vẻ.

2. Hành giả quán tướng xương trắng, trong ấy phát ra ánh sáng màu trắng thanh tịnh, tỏa chiếu khắp.

3. Hành giả trụ tâm vào một chỗ, gọi là quán tịnh, bỏ thịt quán xương nên gọi là quán tịnh.

Ba tướng như trên đều tự mình biết, người khác không thể thấy được. Ba bậc trên:

1. Mới tu tập, trước chưa phát tâm.

2. Đã thực hành tu tập ba bốn năm.

3. Tu tập thực hành lâu khoảng một trăm năm.

Thứ hai: Pháp môn đối trị sân giận

Nếu người nhiều sân giận nên học ba pháp môn Quán tâm Từ mới tu tập, hoặc đã tu tập, hoặc đã tu tập lâu ngày.

Nếu người mới tu tập, nên dạy: Hướng tâm Từ đến người thân.

Thế nào là hướng tâm Từ đến người thân và nguyện cho họ được vui?

Nếu hành giả đạt được đầy đủ các loại thân tâm ưa thích, như khi lạnh được mặc ấm, khi nóng được mát mẻ, khi đói khát được ăn uống, khi bần cùng được giàu có, làm việc mệt nhọc được nghỉ ngơi. Những thứ vui ấy đều nguyện cho người thân cùng có được. Vị ấy an trụ vào tâm Từ một cách chuyên nhất, không nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ các duyên bên ngoài thì phải thâu giữ niệm.

Nếu người đã tu tập thì nên dạy: Hướng tâm Từ đến những người không thân, không sơ.

Thế nào là hướng tâm Từ đến nhưng người không thân, sơ?

Nếu hành giả có được đầy đủ các loại thân tâm vui thích thì nguyện cho những người thân, sơ đó cùng được hưởng. Hành giả an trú vào tâm Từ, không khiến nghĩ gì khác, nếu có nghĩ đến các duyên bên ngoài thì phải thâu giữ niệm.

Nếu người tu tập đã lâu ngày thì nên chỉ dạy: Hướng tâm Từ đến những người oán ghét.

Thế nào là hướng tâm từ đến những người thù ghét mà nguyện cho họ được niềm vui?

Nếu hành giả đạt được các thứ thân tâm ưa thích thì nguyện cho người mà mình thù ghét đều được như nhau. Tâm của vị ấy thanh tịnh, rộng lớn xem người thân kẻ oán đều bình đẳng khiến cho mọi chúng sinh trong vô lượng thế giới đều được an lạc, khắp cả mười phương cùng một tâm bình đẳng, rộng lớn, thanh tịnh mười phương như thân mình, thấy họ rõ ràng ngay trước mắt, cùng được an vui. Khi ấy liền chứng đắc tâm Từ.

Lại hỏi:

–Nếu người thân mến và người không thân sơ đó nguyện cho họ đạt được an vui, còn đối với người oán ghét, hung ác thì tại sao lại thương xót và cầu nguyện cho họ được an lạc?

Đáp: Nên ban vui cho họ. Vì sao? Vì những người ấy còn có rất nhiều sự việc tốt, là nhân của pháp thanh tịnh, hôm nay, tại sao ta chỉ vì một oán thù nhỏ mà bỏ mất những việc tốt của họ?

Lại suy nghĩ: "Người ấy ở trong đời quá khứ biết đâu là người thân thiện của ta, nay há vì chút giận dữ mà sinh ra oán ghét? Ta nên nhẫn chịu

đối với họ đều là việc thiện lợi của ta."

Lại nghĩ: "Thực hành những pháp nhân đức bao gồm diệu lực Từ bi rộng lớn vô lượng này thì không thể diệt mất!"

Lại suy nghĩ tiếp: "Nếu không có sự oán ghét thì do đâu mà sinh pháp nhẫn? Sinh pháp nhẫn là do kẻ oán, nên kẻ oán tức là thân thuộc của ta. Hơn nữa, quả báo của sự giận dữ là lớn nhất, trong các điều ác nó là hơn hết. Do sân giận mà hại người, tính chất độc của sân là khó kềm chế, tuy muốn thiêu đốt người, nhưng thật ra lại tự hại mình." Nên tự suy nghĩ: "Bên ngoài mặc pháp phục, bên trong tu tập hạnh nhẫn, đó gọi là Sa-môn, thì đâu vì lời nói xấu mà đổi sắc, buông theo tâm xấu ác? Lại nữa, thân năm ấm này là rừng khổ, là nơi nhận lấy các điều ác, nên khi khổ não, xấu ác ập đến thì sao có thể tránh khỏi? Như kim chích vào thân thì đau đớn vô cùng. Các thứ thù oán rất nhiều, không thể diệt trừ hết, nên tự bảo vệ bằng cách mang giày nhẫn nhục." Như lời Đức Phật dạy:

Dùng sân báo sân
Sân lại hại mình
Sân mình không trả
Trừ diệt quân lớn.
Người không sân giận
Pháp bậc Đại nhân
Tiểu nhân sân giận
Như núi khó chuyển.
Sân là độc dữ
Tàn hại rất nhiều
Không hại được người
Trở lại hại mình.
Sân: bóng tối lớn
Có mắt không thấy
Sân là cấu uế
Làm nhiễm tâm trong.
Sân giận như vậy
Phải gấp dứt bỏ
Rắn độc trong nhà
Không trừ tất hại.
Sân giận như thế
Độc hại vô lượng
Thường tu tâm Từ

Dập tắt giận dữ.

Đó gọi là pháp môn Tam-muội Từ.

Thứ ba: Pháp môn đối trị ngu si

Nếu người nhiều ngu si thì nên học pháp môn theo ba loại tư duy: Hoặc mới tu tập, hoặc đã tu tập, hoặc đã tu tập lâu ngày.

Nếu người mới tu tập thì nên dạy: Sinh duyên nơi lão, tử, vô minh duyên hành. Suy nghĩ như vậy, không nghĩ gì khác, nếu có nghĩ đến các duyên khác thì nên thâu giữ các niệm.

Nếu người đã tu tập thì nên dạy: Hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu. Tư duy như thế, không suy nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ đến các duyên khác thì phải thâu giữ niệm.

Nếu người đã tu tập lâu ngày thì nên chỉ dạy: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên lão tử. Tư duy như vậy, không suy nghĩ gì khác, nếu có nhớ nghĩ đến các duyên khác thì phải thâu giữ niệm.

Hỏi: Tất cả người trí là minh. Tất cả người ngu là vô minh. Trong đó, thế nào là vô minh?

Đáp: Vô minh là không biết gì hết. Vô minh ở đây là có thể tạo sinh tử cho đời sau. Việc có cho là không, việc không cho là có, bỏ các pháp thiện, giữ lấy các pháp ác, phá các tướng chân thật, chấp vào tướng hư vọng. Như trong phẩm Vô minh tướng đã nêu:

Không biết pháp lợi ích
Không hiểu nẻo đạo đức
Nên tạo nhân kết sử
Như lửa cọ xát sinh.
Pháp ác mà tâm chấp
Lìa bỏ các pháp lành
Đoạt chúng sinh, rõ giặc
Suốt quá khứ, vị lai.
Tưởng, thường, lạc, ngã, tịnh
Chấp nơi thân năm ấm
Pháp khổ, tập, diệt, đạo
Cũng lại không thể biết.
Đường hiểm nhiều khổ não

Người mù đi trong đó
Phiền não: nghiệp chứa nhóm
Nên nghiệp khổ xoay vần.
Không nên lấy, lại lấy
Nên lấy lại xả bỏ
Theo tối, đi sai đường
Vấp cây, liền té ngã.
Có mặt mà không trí
Dụ này cũng như vậy
Nhân duyên kia tiêu diệt
Trí sáng mới hiển bày.

Như thế, lược nêu từ vô minh cho đến lão tử cũng như vậy.

Hỏi:

–Trong Phật pháp, lý nhân duyên là rất sâu xa, vậy làm sao người nhiều ngu si có thể quán xét về nhân duyên được?

Đáp:

–Có hai hạng người ngu si: Một là như súc vật. Hai là nhiều tà kiến, là người ngu si bị tà kiến mê lầm tối tăm che lấp.

Đức Phật vì hạng người này mà thuyết giảng pháp quán nhân duyên để tu tập Tam-muội.

Thứ tư: Pháp môn đối trị lo nghĩ

Nếu người nhiều lo nghĩ thù nên tu tập pháp môn Tam-muội quán hơi thở. Có ba hạng người tu học: người mới tu tập, người đã tu tập và người đã tu tập lâu ngày.

Nếu người mới tu tập thì nên dạy: Nhất tâm đếm hơi thở ra vào, hoặc dài hoặc ngắn, đếm từ một đến mười.

Nếu người đã tu tập thì nên dạy: Đếm hơi thở từ một đến mười, tùy theo hơi thở ra vào, niệm cùng với hơi thở, dừng tâm ở một chỗ.

Nếu người đã tu tập lâu ngày thì nên dạy các pháp: Sổ, tùy, chỉ, quán, chuyển quán và thanh tịnh.

Tam-muội quán hơi thở sáu pháp, chia làm mười sáu đề mục.

Thế nào là nhất tâm đếm hơi thở vào?

Hơi thở vào xong thì đếm một. Hơi thở ra xong thì đếm hai. Nếu thở chưa xong mà đếm thì chẳng phải là sổ. Nếu đếm từ hai đến chín mà lẫn lộn thì phải đếm lại từ đầu là một. Ví như người tính toán: một cộng một bằng hai, hai cộng hai bằng bốn, ba nhân ba bằng chín.

Lại hỏi: Vì sao phải đếm?

Đáp: Vì quán vô thường dễ đạt được, cũng dễ dứt trừ các suy nghĩ, nên được nhất tâm. Thân tâm sinh diệt vô thường, giống như liên tục nên khó thấy. Nhờ hơi thở ra vào mà sinh diệt vô thường dễ biết, dễ thấy. Lại nữa, nếu tâm buộc ở chỗ đếm hơi thở thì dứt trừ được những suy nghĩ. Đó là suy nghĩ về dục, về giận dữ, về phiền não, suy nghĩ về bà con, xóm làng, về đất nước, về sự bất tử. Người muốn cầu tâm thanh tịnh để hội nhập chánh đạo thì trước hết phải trừ bỏ ba thứ lo nghĩ thô, rồi đến trừ bỏ ba thứ lo nghĩ vi tế. Trừ bỏ sáu thứ suy nghĩ đó rồi thì sẽ được tất cả pháp thanh tịnh. Ví như người đãi vàng, trước hết lựa bỏ những viên sỏi lớn, sau đó loại bỏ cát sạn nhỏ, rồi mới được những hạt vàng.

Lại hỏi: Thế nào là bệnh thô? Thế nào là bệnh tế?

Đáp: Suy nghĩ về dục, về giận dữ, về phiền não gọi là ba bệnh thô. Lo nghĩ về bà con, về xóm làng, đất nước, về sự bất tử, gọi là ba bệnh tế.

Trừ bỏ hết những thứ lo nghĩ này thì sẽ đạt được tất cả các pháp thanh tịnh.

Lại hỏi: Người chưa đắc đạo, các kết sử chưa đoạn trừ, sáu thứ suy nghĩ mạnh mẽ từ tâm dấy khởi, tạo loạn động, thì làm sao có thể đoạn trừ?

Đáp: Tâm nhàm chán thế gian, tu quán chân chánh thì có thể ngăn chận mà chưa nhổ sạch. Sau khi chứng đạo vô lậu mới có thể nhổ sạch hết mọi gốc rễ kết sử.

Hỏi: Thế nào là quán chân chánh?

Đáp: Thấy người nhiều dục, cầu dục khổ

Được rồi giữ gìn, cũng là khổ
Mất đi lo buồn, là khổ lớn
Khi tâm được dục, vẫn còn khổ?
Nhân của dục, vô thường, khổ, không
Đủ các thứ ấy, biết nên bỏ
Như rắn độc vào nơi nhà người
Không mau diệt nó, tất bị hại.
Không định, không thật, không quý trọng
Cầu mong đủ thứ vui điên đảo
Như A-la-hán đủ sáu thông
Dạy bảo đệ tử biết các dục.
Ông không phá giới, giới thanh tịnh
Không cùng người nữ ở chung phòng
Rắn độc tham dục đầy nhà tâm

Vui, ái trói buộc chẳng lìa nhau.
Đã biết giới thân không phá hủy
Tâm ông cùng lửa dục ở chung
Ông là người xuất gia cầu đạo
Sao tâm phóng dật đến như vậy?
Cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng ông
Thân thuộc yêu thương, cùng tác thành
Họ đều rơi lệ thương tiếc ông
Ông đành xa lìa không đoái tưởng.
Mà tâm luôn nghĩ nhớ đến dục
Vui đùa cùng dục, không nhàm chán
Thường thích cùng ở chung lửa dục
Vui vẻ, yêu thích, không hề lìa.

Như thế là các cách chê trách tham dục và những pháp quán chân chánh để diệt trừ tham dục.

Hỏi: Thế nào là diệt trừ suy nghĩ về giận dữ?

Đáp: Thọ thai, sinh ra luôn bị khổ.

Như vậy chúng sinh chớ giận dữ
Nếu giận khởi lên, Từ bi diệt
Từ bi, sân giận không cùng sánh.
Ông niệm Từ bi, giận dữ dứt
Ví như sáng tối không cùng chung
Nếu giữ giới tịnh, nhớ sân giận
Người đó tự hủy hoại pháp lợi.
Ví như đàn voi vào nước tắm
Lại lấy đất bùn trây khắp thân
Tất cả đều bị già, bệnh, chết
Vô số roi đánh trăm ngàn khổ.
Vì sao người hiền nhớ chúng sinh
Mà lại tăng thêm lòng giận dữ
Nếu khởi tâm sân muốn hại người
Chưa hại được người, trước hại mình.
Nên thường nhớ nghĩ hành Từ bi
Trong không sinh niệm ác, sân, não
Người luôn nhớ nghĩ hành pháp thiện
Tâm ấy thường làm điều Phật nghĩ.
Do đấy không nên nghĩ bất thiện

Thường nghĩ pháp thiện, tâm vui thích
Đời này, đời sau đều an lành
Chứng đạo thường, lạc là Niết-bàn.
Nếu tâm tích chứa nghĩa bất thiện
Tự mình mất lợi, hại kẻ khác
Gọi là người, mình đều bất thiện
Người có tâm tịnh cũng chìm mất.
Ví như đạo nhân ở chốn vắng
Đưa tay kêu gào "giặc cướp tôi".

Có người hỏi:

–Ai cướp ông?

Đáp: Giặc cướp của cải, tôi không sợ, tôi không chứa của cải để mong cầu lợi lạc ở đời thì giặc cướp của nào hại được tôi? Tôi tích tập căn lành và các Pháp bảo, giặc "Giác quán" đến phá hoại lợi ích của tôi. Nếu là giặc cướp của cải thì có thể tránh xa vì có nhiều nơi để cất giấu, còn giặc cướp pháp lành thì không có chốn ẩn lánh.

Như thế là những cách quở trách giận dữ và các pháp chánh quán để dứt trừ suy nghĩ về giận dữ.

Hỏi: Làm thế nào để trừ suy nghĩ về phiền não?

Đáp: Thế gian trăm ngàn loại chúng sinh

Các bệnh thay nhau đến não hại
Giặc chết luôn rình rập muốn giết hại
Vô lượng các khổ: tự chìm đắm.
Vì sao lại bức não người hiền?
Chê bai, mưu hại chẳng nhân từ
Chưa hại được người lại mang họa
Người đời gây hại có thể tha.
Thế gian việc ấy là nhân ác
Cũng không tự nói ta tu thiện
Người xuất gia cầu đạo thanh tịnh
Mà sinh giận dữ, tâm ganh ghét.
Trời tạnh trong mây phóng lửa độc
Nên biết ác ấy tội rất nặng
Người ở thanh vắng sinh đố kỵ
Bậc La-hán chứng Tha tâm trí.
Dạy quở trách rằng "Sao ngu vậy"
Ganh ghét tự phá cội công đức

Mong cầu cúng dường nên tự hợp
Các gốc công đức trang nghiêm thân.
Nếu không trì giới, thiền, đa văn
Dối mặc y nhuộm, hoại Pháp thân
Thật kẻ xin ăn, người tệ ác
Sao cầu cúng dường để lợi thân?
Đói khát, nóng lạnh, trăm ngàn khổ
Chúng sinh thường bị các khổ ấy
Thân tâm khổ sở không cùng tận
Tại sao lại làm hại người hiền?
Ví như ung nhọt dùng kim chích
Như người tù đang bị tra khảo
Khổ sở trói thân, phiền não nhóm
Sao Từ bi lại làm khổ thêm?

Như thế là các cách quở trách về sự suy nghĩ đối với phiền não và các phương pháp quán chân chánh diệt trừ chúng.

Hỏi: Làm thế nào để diệt trừ sự suy nghĩ về xóm làng, thân thuộc?

Đáp: Nên nghĩ như vầy: Trong thế giới sinh tử, do nghiệp duyên lôi kéo thì đâu là thân thuộc, đâu là chẳng thân thuộc? Chỉ vì ngu si nên sinh tâm tham đắm cho là thân thuộc của ta. Đời quá khứ chẳng phải là thân thuộc, cho là thân thuộc. Đời vị lai chẳng phải là thân thuộc, cho là thân thuộc. Đời hiện tại là thân thuộc, nhưng quá khứ chẳng phải là thân thuộc. Ví như đàn chim tối về đậu trên một cây, sáng sớm tùy theo duyên mỗi con bay đi một hướng. Trong gia đình, xóm làng, thân thuộc cũng lại như vậy. Sinh ra trong thế giới, nhưng tâm mỗi người mỗi khác, duyên hội ngộ thì trở thành thân thuộc, duyên tan rã thì thành xa lạ, không có quả báo của nhân duyên cố định để cùng gần gũi với nhau mãi. Ví như cát khô nhờ tay nắm lấy, duyên nắm cho yên hợp thành, duyên thả cho nên tan rã. Cha mẹ nuôi con, đến tuổi già thì được báo đáp. Con nhờ cha mẹ bảo bọc, nuôi dưỡng nên phải báo ân. Nếu thuận theo ý của cha mẹ là thân, nếu trái ý của cha mẹ là giặc. Có người thân thuộc, không thể tạo lợi ích, mà lại còn gây hại. Có người chẳng phải là thân thuộc, không gây tổn hại mà còn đem lại lợi ích lớn. Con người do nhân duyên, nên sinh tham ái, cũng do nơi tham ái mà phải chia lìa. Ví như họa sĩ vẽ hình người nữ rồi tự mình yêu thích, ở đây cũng như vậy, tự sinh ái nhiễm rồi tham đắm vật bên ngoài. Trong đời quá khứ, ông có xóm làng thân thuộc, đời hiện tại ông sẽ làm thế nào? Ông cũng không thể làm lợi ích cho người thân trong

quá khứ. Người thân trong quá khứ cũng không tạo lợi ích gì cho ông, cả hai đều không giúp ích cho nhau, nên không nghĩ rằng ai là thân hay không thân, trong thế giới không hạn lượng, không nhất định. Như vị A-la-hán chỉ dạy cho đệ tử mới xuất gia còn quyến thuộc người thân, nói: "Như kẻ xấu ác nôn ra thức ăn, rồi muốn ăn lại" ông cũng như vậy. Đã xuất gia, vì sao lại còn tham đắm sắc dục? Cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc là tướng giải thoát, mà còn chấp vào xóm làng, thân thuộc, đã không được giải thoát trở lại bị ái dục trói buộc. Ba cõi vô thường thay đổi, không nhất định, hoặc thân thuộc, hoặc chẳng thân thuộc, tuy nay là xóm làng thân thuộc nhưng lâu dần thì không còn nữa. Như vậy là chúng sinh lưu chuyển, luân hồi trong mười phương, làng xóm thân thuộc không cố định, thì chẳng phải là thân thuộc của ta. Người khi sắp chết thì tâm thức không còn, mắt nhìn thẳng không nhấp nháy, hơi thở tắt, mạng sống chấm dứt, như rơi vào hầm tối, khi ấy gia đình, xóm làng thân thuộc còn đâu! Nếu khi mới sinh, đời trước chẳng phải là thân thuộc, nay tạm hòa hợp làm thân thuộc. Hoặc khi sắp chết thì người thân thuộc trở thành không thân thuộc. Suy nghĩ như thế thì không nên quyến luyến về thân thuộc. Như đứa trẻ chết, cùng một lúc cha mẹ của ba nơi đều khác. Cha mẹ, vợ con nơi cõi trời, cõi người, cõi rồng đều khóc giả dối. Quán xét đúng theo những cách thức như vậy để diệt trừ sự suy nghĩ về xóm làng, thân thuộc.

Hỏi: Làm thế nào để diệt trừ sự suy nghĩ về cõi nước?

Đáp: Hành giả nếu nhớ nghĩ về cõi nước thịnh vượng, an ổn, có nhiều người tốt, nên thường bị những suy nghĩ như trên ràng buộc, lôi kéo, nên phải trừ bỏ tâm suy tư lỗi lầm như vậy. Nếu là người trí thì không nên tham vướng vào suy nghĩ. Vì sao? Vì mọi thứ lỗi lầm trong nước ấy như được thiêu đốt nên hoàn cảnh chuyển đổi, cũng có cảnh đói khát, người bị khổ cực, tất cả cõi nước đều không thường, an ổn.

Lại nữa, sự khổ của già, bệnh, chết thì mỗi mỗi nước nào mà không có. Ở chỗ này thân khổ, đến chỗ khác thân cũng khổ, khắp thảy cõi nước không đâu là không khổ. Giả như có cõi nước an ổn thịnh vượng mà có tâm oán kết, phiền não sinh khổ nạn thì chẳng phải là cõi nước tốt. Nếu có thể diệt trừ những thứ xấu ác nơi cõi nước, có thể làm giảm thiểu các kết sử, khiến tâm không còn khổ não thì đó gọi là cõi nước tốt đẹp. Tất cả chúng sinh có hai thứ khổ: Khổ của thân và khổ của tâm, nên thường bị khổ não, không cõi nước nào mà không có hai thứ khổ não ấy.

Lại nữa, có cõi nước rất lạnh, có cõi nước rất nóng, có cõi nước đói khát, có cõi nước nhiều bệnh, có cõi nước nhiều giặc, có cõi nước vương

pháp không chân chánh. Đối với những thứ xấu ác của các cõi nước như vậy, tâm không nên đắm chấp. Đó là chánh quán để diệt trừ sự suy nghĩ về cõi nước.

Hỏi: Làm thế nào để diệt trừ suy nghĩ về sự bất tử?

Đáp: Nếu chỉ dạy cho hành giả như vầy: Hoặc sinh vào nhà quyền quý, hoặc con của dòng họ tài năng, có thế lực hơn người, tất cả đừng nên nhớ nghĩ. Vì sao? Vì khi cái chết đến thì không xem xét già, trẻ, sang, hèn, tài năng, thế lực gì cả. Thân này là các nhân duyên của tất cả sầu khổ. Nếu thấy mình còn trẻ, sống lâu cho là được an ổn, thì đó là kẻ ngu si. Vì sao? Vì sầu não đã nương vào bốn đại này, mà bốn đại tạo tành hình thể như bốn con rắn độc chống trái lẫn nhau, thì không thể an ổn được. Một hơi thở ra thì không tin có thể trở vào.

Lại nữa, người khi ngủ mà muốn tỉnh thức chắc chắn là việc khó tin. Từ khi vào thai cho đến lúc già yếu, cái chết thường đến, cái chết luôn tìm đến mà cứ cho là không chết thì làm sao tin được? Ví như kẻ giết người rút dao, giương cung, tìm người để giết, không chút thương xót. Cuộc sống của người ở thế gian thì sức mạnh của cái chết là hơn hết, không có gì thắng được sức mạnh của cái chết. Dù là người tài giỏi nhất ở đời quá khứ cũng không thể thoát khỏi. Hiện tại cũng không có bậc Đại trí nào có thể thắng nổi. Chẳng thể dùng lời nói nhỏ nhẹ để cầu cứu. Không thể dùng từ ngữ khéo léo, dối lừa, để có thể tránh thoát khỏi cái chết. Cũng không thể trì giới, tinh tấn, để từ bỏ cái chết được.

Vì vậy, nên biết mạng người là mong manh, không thể tin cậy. Chớ tin và cho rằng ta sẽ sống lâu. Bọn giặc chết ấy thường dẫn dắt người đi không đợi đến già rồi sau đó mới giết. Như bậc A-la-hán dạy cho các đệ tử bị những suy nghĩ làm não hại: "Vì sao các ông không biết nhàm chán thế gian để vào đạo? Sao lại còn khởi lên những suy nghĩ ấy?"

Có người chết khi chưa sinh ra, có người chết trong khi sinh, có người chết lúc còn bú, lại có người chết khi bỏ sữa, có người chết lúc còn bé, có người chết vào thời trai tráng, có người chết khi về già. Trong mọi thời gian đều có sự chết, ví như cây vừa có hoa, hoa liền rơi rụng, hoặc khi thành trái mới rụng, hoặc khi chưa chín đã rụng. Vì thế nên biết, phải nỗ lực tinh tấn để cầu đạo an ổn. Cùng ở với giặc có sức mạnh lớn thì không thể tin. Giặc này giống như cọp rất khéo giấu thân.

Cũng vậy, giặc chết thường tìm để giết người. Mọi thứ hiện có nơi thế gian đều rỗng không như bọt nước. Tại sao lại nói phải đợi thời cơ rồi mới vào đạo? Ai có thể biết chắc chắn rằng "Ông sống đến già mới hành

đạo được!" Ví như cây to ở bên vực sâu, bên trên gặp luồng gió lớn, bên dưới thì bị dòng nước dữ cuốn khiến cho gốc rễ, đất đai sụp đổ. Ai sẽ tin chắc là cây này tồn tại lâu dài? Mạng người cũng như vậy, lúc trẻ cũng không thể tin. Cha như lúa giống, mẹ như ruộng tốt, nhân duyên, tội phước từ đời trước như trận mưa thấm nhuần. Chúng sinh như cây lúa, sinh tử như việc gặt lúa. Vô số các bậc Thiên tử, Nhân vương trí đức, như Thiên vương giúp chư Thiên đánh phá hàng A-tu-la. Các thứ thọ lạc rất cao sang, tốt đẹp rồi cũng rơi vào chốn tối tăm. Vì thế, chớ tin nơi mạng sống mà nói: "Hôm nay ta làm việc này, ngày mai ta sẽ làm việc ấy." Như thế là quán chân chánh để trừ bỏ các tư duy về sự "bất tử". Như vậy trước tiên xả bỏ những suy nghĩ thô, sau thì đoạn trừ những tư duy vi tế, thì tâm được thanh tịnh, chứng đắc chánh đạo, tất cả kết sử đều dứt sạch, từ đây có được nơi chốn an ổn, đó là quả của hàng xuất gia, tâm được tự tại, ba nghiệp thanh tịnh bậc nhất, không còn thọ thai. Đọc tụng vô số kinh sách, nghe nhiều, khi ấy đạt được quả báo. Lúc đạt được như vậy thì hoàn toàn phá trừ hết quân ma, lại được tôn xưng là bậc dũng mãnh đệ nhất. Nếu người từ bỏ phiền não trong thế gian mà đi thì không gọi là mạnh. Ngược lại, nếu người có thể phá trừ giặc phiền não, tiêu diệt lửa ba độc, để được thanh tịnh, mát mẻ, vui vẻ, gối cao đầu an ổn trong rừng Niết-bàn, phát khởi đủ các thứ gió mát thiền định, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, từ bốn hướng thổi đến, nhớ nghĩ tới chúng sinh bị chìm trong biển ba độc. Người đầy đủ diệu lực của công đức như vậy mới gọi là dũng mãnh. Như thế, những người tán tâm, nên niệm về hơi thở và học sáu pháp để đoạn trừ các suy nghĩ. Do đó nên niệm về sổ tức.

Hỏi: Trong bốn pháp quán như pháp Quán bất tịnh, pháp Quán niệm Phật, cũng đoạn trừ được các thứ suy nghĩ, vậy tại sao chỉ riêng nói về Quán sổ tức?

Đáp: Do các pháp quán khác rộng rãi nên khó mất, còn Quán sổ tức thì nhanh chóng nên dễ chuyển. Ví như thả bò, vì bò khó mất nên việc chăn giữ có lơ là, còn thả khỉ thì dễ mất nên phải coi giữ cẩn thận. Ở đây cũng như vậy, tâm đếm số hơi thở, không để chút thời gian nào nghĩ về việc khác, nếu nghĩ đến việc khác thì quên mất số đếm. Do vậy, ban đầu muốn đoạn trừ các thứ suy nghĩ thì nên tu tập Quán sổ tức. Đã được pháp Quán sổ tức rồi thì nên thực hành tùy pháp để đoạn trừ mọi thứ suy nghĩ. Khi hơi thở vào đến cùng, nương theo đấy đừng đếm một. Khi thở ra đến cùng nương theo đấy, chờ đếm hai.

Ví như người mắc nợ bị người chủ nợ luôn theo sát không xa rời. Suy nghĩ như vậy, thì hơi thở vào lại thở ra có khác nhau. Hơi thở ra lại thở vào có khác nhau. Khi ấy biết được hơi thở vào khác, hơi thở ra khác. Vì sao? Vì hơi thở ra ấm, hơi thở vào lạnh.

Hỏi: Hơi thở vào, hơi thở ra chỉ là một hơi thở. Vì sao? Vì thở ra rồi lại thở vào. Ví như nước ngậm thì ấm, nhổ ra thì lạnh. Vậy thì nước lạnh trở nên ấm, nước ấm trở nên lạnh?

Đáp: Không phải vậy. Do nội tâm động nên có hơi thở ra, ra rồi liền diệt. Mũi, miệng dẫn từ ngoài vào nên có hơi thở vào, vào rồi liền diệt, nên cũng không có hơi thở sẽ trở ra, cũng không có hơi thở sẽ trở vào.

Lại nữa, tùy theo hạng tuổi: người còn trẻ, thanh niên, người già. Người còn trẻ thì hơi thở vô dài, thanh niên thì hơi thở vô ra đều bằng nhau, người già thì hơi thở ra dài. Vì vậy chẳng phải là một hơi thở.

Lại nữa, từ rốn hơi thở phát ra hầu như tương tục, hơi ra đến miệng, mũi, ra rồi liền mất. Ví như hơi trong quả bóng, khi mở ra liền mất. Nếu dùng duyên là mũi, miệng dẫn hơi vào, đó là từ duyên mới phát sinh. Ví như cái quạt, các duyên hợp thành thì có gió mát. Khi ấy biết hơi thở ra vào do nhân duyên mà có, nên là hư giả không thật, luôn sinh diệt vô thường. Suy nghĩ như vậy, thì hơi thở ra là từ nhân duyên của miệng mũi dẫn dắt mà có. Hơi thở vào là do nhân duyên nơi tâm động mà phát sinh. Người mê lầm không biết, cho đó là hơi thở của mình. Hơi thở là gió, cùng với gió bên ngoài không khác. Đất, nước, lửa, hư không cũng lại như vậy. Do nhân duyên của năm đại ấy hòa hợp nên thức sinh. Thức cũng như vậy, chẳng phải là của ta. Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới cũng vậy. Biết rõ như thế tức thuận theo hơi thở ra vào, gọi đó là tùy pháp. Được pháp tùy rồi nên thực hành pháp chỉ.

Pháp chỉ là tâm gắn liền với sự đếm hơi thở nên trụ ý nơi lỗ mũi để nhớ nghĩ về hơi thở ra vào.

Hỏi: Vì sao phải thực hành pháp Chỉ?

Đáp: Vì nhằm đoạn trừ mọi thứ suy nghĩ khiến tâm không tán loạn. Khi thực hành pháp Sổ và pháp Tùy thì tâm không định được, vì tâm có nhiều căng thẳng. Với pháp Chỉ thì tâm an nhàn, ít làm việc, chỉ trụ một chỗ, nhớ nghĩ về hơi thở ra vào. Ví như người giữ cửa luôn đứng bên cạnh cửa để xem xét người ra vào. Tâm chỉ cũng như vậy, biết lúc hơi thở ra từ rốn lên tim, ngực, cổ họng, đến miệng mũi. Khi hơi thở vào, từ miệng, mũi, cổ họng, tim đến rốn. Giữ tâm và một chỗ như vậy gọi là Chỉ. Lại nữa, trong pháp Chỉ, tâm dừng lại để quan sát. Khi hơi thở vào, năm ấm sinh

diệt khác nhau. Lúc hơi thở ra, năm ấm cũng sinh diệt khác nhau. Như thế, tâm loạn động liền được diệt trừ, nhất tâm tư duy làm cho pháp quán tăng trưởng, đó gọi là pháp Quán. Bỏ việc trụ tâm ở mũi, lìa pháp quán thô. Đã lìa pháp quán thô, tức biết hơi thở là vô thường. Đây gọi là chuyển quán. Quán năm ấm là vô thường, cũng nhớ nghĩ về hơi thở ra vào là sinh diệt vô thường, thấy từ đầu hơi thở ra vào không từ đâu tới, kế đến, quán hơi thở sau cũng không có nơi chốn dấu vết. Nhân duyên hòa hợp nên hiện hữu, nhân duyên tan rã nên không còn. Đó là pháp chuyển quán. Trừ diệt năm thứ ngăn che và các phiền não, tuy trước đã đạt chỉ quán mà phiền não chưa tịnh, tâm còn tạp loạn, nay pháp tịnh này làm cho tâm được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, pháp quán trước giống với việc thực hành pháp niệm hơi thở ra vào của các học phái khác. Nay hành pháp vô lậu giống như hành pháp hữu lậu một cách hoàn hảo, nên gọi là thanh tịnh. Lại nữa, pháp quán ban đầu là một phần trong thân niệm chỉ, dần dần đạt toàn thân niệm chỉ. Kế đến là hành thọ tâm niệm chỉ, trong đó chưa thanh tịnh và còn xa pháp vô lậu. Nay trong pháp niệm chỉ, phải quán mười sáu hành để nhớ nghĩ đến hơi thở ra vào, nhằm đạt được pháp Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất, Khổ pháp nhẫn, cho đến Tận trí của bậc Vô học mới gọi là thanh tịnh. Trong mười sáu pháp ấy, ban đầu là phần hơi thở vào có sáu loại hành Quán sổ tức. Phần hơi thở ra cũng lại như vậy. Nhất tâm nhớ nghĩ hơi thở ra vào hoặc dài hoặc ngắn. Ví như người lo sợ, chạy lên núi, hoặc mang nặng, hoặc thở lên… Những trường hợp như vậy thì hơi thở ngắn. Còn như người khi mỏi mệt được nghỉ ngơi, vui vẻ. Lại như người được thoát ra khỏi ngục tù, các trường hợp như thế thì hơi thở dài. Tất cả hơi thở đều thuộc trong hai loại này: hoặc dài, hoặc ngắn. Thế nên, nói hơi thở dài, hơi thở ngắn, trong ấy cũng hành sáu việc của phép niệm hơi thở.

Niệm về các hơi thở khắp thân, cũng niệm về hơi thở ra vào, đều xem xét trong thân với các hơi thở ra vào, biết rõ toàn thân cho đến ngón chân, ngón tay và các lỗ chân lông, cũng như thấm vào cát. Biết rõ hơi thở ra, từ chân cho đến tóc và khắp các lỗ chân lông cũng như nước thấm qua cát. Ví như hơi thở ra vào đều khắp nơi túi da, hơi thở ra vào nơi mũi miệng cũng như vậy. Quán thấy hơi thở chuyển khắp toàn thân, như lỗ của cọng sen dẫn nước, như lưới đánh cá. Tâm lại quán hơi thở vào ra không riêng nơi mũi miệng mà tất cả lỗ chân lông và chín chỗ trên thân cũng thấy hơi thở ra vào. Cho nên biết hơi thở hiện bày khắp thân, ngoại trừ các hành của thân cũng niệm về hơi thở vào ra.

Người khi mới học quán về hơi thở, nếu thân tỏ ra biếng nhác, mê

ngủ, nặng nề thì phải trừ bỏ. Thân thể nhẹ nhàng hòa dịu, thuận theo thiền định, tâm mới thọ nhận được niềm vui. Cũng phải niệm về hơi thở ra vào để trừ tâm, biếng nhác, mê ngủ, nặng nhọc, được tâm nhẹ nhàng, hòa dịu, thuận theo thiền định, cảm nhận niềm vui trọn vẹn.

Lại nữa, niệm hơi thở vào trong phần niệm chỉ xong, tiếp đến thực hành niệm thọ, quán Chỉ xong thì đạt được Thân niệm chỉ. Đây mới thật là đạt niệm chỉ thọ, mới cảm nhận niềm vui thật sự.

Lại nữa, đã biết tướng thật của thân, nay muốn biết tướng thật của tâm và các pháp của tâm, do đấy cảm nhận niềm vui, cũng niệm hơi thở ra vào, vui thích cũng niệm hơi thở ra vào, làm cho hỷ tăng trưởng, gọi là lạc.

Lại nữa, trong tâm mới sinh vui vẻ gọi là hỷ, sau sự vui ấy hiện bày khắp toàn thân gọi là lạc. Lại nữa, thọ nhận vui trong Sơ thiền, Nhị thiền gọi là hỷ, thọ nhận vui trong Tam thiền, gọi là thọ lạc. Thọ nhận các hành của tâm cũng niệm hơi thở ra vào. Các pháp sinh diệt của tâm, các pháp nhiễm của tâm, các pháp không nhiễm của tâm, các pháp tán loạn, các pháp được thâu tóm nơi tâm, các pháp chánh tà, các tướng nơi tâm như vậy gọi là các hành của tâm. Khi tâm sinh vui mừng cũng niệm hơi thở ra vào. Chỗ thọ nhận vui trước là tự sinh, chẳng phải do tâm tạo niệm mà phát sinh vui mừng.

Hỏi: Thế nào là do cố ý của tâm mà sinh vui mừng?

Đáp: Vì muốn đối trị hai loại tâm: Hoặc tâm tán loạn, hoặc tâm thâu giữ. Thực hiện như thế thì tâm thoát khỏi phiền não, nên niệm về pháp để tâm được vui vẻ. Lại nữa, nếu tâm không vui vẻ thì cố gắng khiến được vui. Khi tâm được thâu giữ cũng niệm hơi thở ra vào. Nếu tâm không an định, thì gắng sức chế ngự làm cho nó được an định. Như trong kinh dạy: "Tâm định là đạo, tâm loạn chẳng phải đạo." Lúc tâm tạo sự giải thoát cũng nên niệm hơi thở ra vào. Nếu ý không được mở bày thì phải dũng mãnh thâu phục, khiến được giải thoát. Như con dê vào lùm cỏ gai, bị gai móc, người ta phải dần dần gỡ ra cho nó. Tâm tạo sự thoát khỏi các thứ kết sử, phiền não cũng lại như vậy. Đó gọi là tâm niệm về chỉ để phát khởi giải thoát. Quán vô thường cũng niệm hơi thở ra vào. Quán các pháp là vô thường, sinh diệt, không, không có ta, tôi. Khi sinh, các pháp là không sinh, khi diệt các pháp là không diệt. Trong đó không có nam, không có nữ, không có người, không tạo tác, không thọ nhận. Đó gọi là pháp quán thuận theo vô thường.

Quán các pháp hữu vi hiện bày tan rã cũng nên niệm hơi thở ra vào là vô thường. Đó gọi là hiện bày tan rã. Các pháp hữu vi có mặt trong đời

này đều từ nhân duyên hòa hợp nơi quá khứ nên tích tập, do duyên hủy hoại nên tan rã. Như vậy, thuận theo đấy mà quán thì gọi là quán xuất tán.

Quán lìa sự trói buộc của dục, cũng niệm hơi thở ra vào. Tâm xa lìa các sự trói buộc là pháp bậc nhất. Đó gọi là pháp quán thuận theo sự lìa dục.

Quán diệt tận cũng niệm hơi thở ra vào. Các khổ của kết sử ở mọi nơi đều dứt hết là chốn an ổn. Đó gọi là pháp quán thuận theo nẻo diệt tận.

Quán buông bỏ cũng niệm hơi thở ra vào. Các thứ phiền não ái nhiễm nơi thân tâm, năm ấm và các pháp hữu vi đều buông bỏ, là sự an ổn bậc nhất. Pháp quán như thế gọi là quán tùy ý chỉ. Đó là mười sáu phần.

Thứ năm: Pháp môn đối trị đẳng phần

Pháp môn thứ năm cần thực hành để đối trị đẳng phần và người bị tội nặng cầu Đức Phật cứu độ. Những người như vậy nên dạy cho họ pháp Tam-muội nhất tâm niệm Phật. Tam-muội niệm Phật gồm có ba loại. Người mới tu tập, hoặc đã tu tập, hoặc đã tu tập lâu ngày.

Nếu người mới tu tập thì đưa đưa đến nơi có tượng Phật, hoặc dạy họ quán xét kỹ tướng tốt nơi tượng Phật, mỗi mỗi tưởng đều thấy rõ ràng, dốc lòng ghi nhớ. Lại đến nơi chốn yên tĩnh, dùng nhãn thức quán xét về tượng Phật, làm cho tâm ý không loạn động, chú tâm vào tượng Phật, không khởi niệm gì khác. Như có những ý niệm khác khởi lên thì thâu tóm chúng, khiến luôn trụ vào tượng Phật. Nếu tâm không an trú, thì vị thầy nên dạy: "Ông phải tự trách tâm mình. Do ngươi đã tạo tội không thể tính kể, nơi vô lượng sinh tử, với đủ loại khổ não đã từng lãnh chịu. Nếu ở địa ngục thì uống nước đồng sôi, nuốt thỏi sắt cháy đỏ. Hoặc ở trong loài súc sinh thì ăn phân, nhai cỏ. Còn ở trong loài ngạ quỷ thì chịu các thứ khổ về đói khát. Nếu ở trong loài người thì nghèo cùng, khốn đốn. Nếu sinh vào cõi trời khi mất hết dục lạc chỉ toàn sầu khổ. Vì thường theo ngươi nên nay ta phải chịu vô lượng khổ não về thân tâm. Nay ta phải chế ngự, điều phục ngươi, ngươi phải theo ta, ta buộc ngươi ở một chỗ. Ta hoàn toàn không để ngươi làm cho khốn đốn, phải chịu thêm các thứ khổ độc nữa. Ngươi thường làm khổ ta, ta nay cần phải dùng sự việc này để chế ngự ngươi." Tự trách liên tục như vậy thì tâm không còn tán loạn. Khi ấy, liền được mắt, tâm sáng suốt, thấy được tướng nới tượng Phật hết sức rõ ràng, như chỗ mắt thấy không khác. Tâm trụ như vậy gọi là người mới tu tập tư duy.

Bấy giờ, lại nên suy nghĩ: Hình tướng này là ai? Đó là hình tướng của Phật Thích-ca Mâu-ni trong quá khứ. Như nay ta được thấy hình

tướng Phật. Hình tượng ấy không đến, ta cũng không đi. Tâm tưởng như vậy thì thấy Đức Phật quá khứ, từ lúc mới giáng thần đã khiến chấn động cả trời đất, gồm có ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân.

1. Lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Dưới bàn chân có hình bánh xe với ngàn tăm.
3. Ngón tay dài, đẹp.
4. Gót chân rộng.
5. Kẽ ngón tay, ngón chân đều có màng lưới mỏng.
6. Mu bàn chân cao, bằng, đẹp.
7. Chân thon, tròn đầy như nai chúa.
8. Đứng thẳng, tay quá gối.
9. Tướng mã âm tàng.
10. Thân tròn thẳng như cây Ni-câu-lô-đà.
11. Mỗi lỗ chân lông đều có một sợi lông.
12. Lông hướng lên và xoay qua phải.
13. Sắc thân hơn sắc vàng ròng.
14. Hào quang tỏa xung quanh thân một trượng.
15. Da mỏng, đẹp.
16. Bảy chỗ đều đầy đặn.
17. Dưới hai nách bằng, đẹp.
18. Thân trên như Sư tử.
19. Thân rất đẹp, ngay ngắn.
20. Vai tròn, đẹp.
21. Có bốn mươi cái răng.
22. Răng trắng, bằng khít, chân sâu.
23. Bốn răng cửa trắng, lớn.
24. Má vuông như má sư tử.
25. Trong vị giác luôn có được vị thượng diệu.
26. Lưỡi lớn, rộng, dài mà mỏng.
27. Tiếng Phạm âm sâu xa.
28. Âm thanh như tiếng chim Ca-lăng-tần-già.
29. Mắt màu xanh biếc.
30. Lông mi như bò chúa.
31. Trên đảnh có nhục kế.

32. Giữa chặng mày có tướng bạch hào dài, đẹp xoắn về bên phải.

Lại có tám mươi vẻ đẹp:

1. Tướng vô kiến đảnh.
2. Mũi cao, thẳng, đẹp, kín.
3. Lông mày như vầng trăng lưỡi liềm, xanh như màu lưu ly.
4. Tai đẹp.
5. Thân như Na-la-diên.
6. Xương nối kết nhau như mắt xích.
7. Khi xoay thân như voi chúa.
8. Khi đi, chân cách đất bốn tấc mà vẫn in dấu.
9. Móng tay màu như đồng đỏ, mỏng và bóng sáng.
10. Đầu gối tròn, đẹp.
11. Thân tinh khiết.
12. Thân mềm mại.
13. Thân không cong.
14. Ngón tay thon dài.
15. Đường chỉ tay đẹp như bức họa nhiều màu.
16. Mạch sâu không lộ.
17. Mắt cá ẩn không lồi.
18. Thân sáng, bóng láng.
19. Thân vững, không xiêu quẹo.
20. Thân đầy đủ *(tháng năm thọ thai, tháng hai sinh)*.
21. Đầy đủ dung nghi.
22. Đứng vững chải *(như bò chúa không động)*.
23. Uy dũng trùm khắp.
24. Chúng sinh thích chiêm ngưỡng.
25. Mặt không dài.
26. Dung mạo đoan nghiêm, không có sắc xen tạp.
27. Môi đỏ như màu quả Tần-bà.
28. Mặt tròn đầy.
29. Âm thanh vang xa.
30. Rốn tròn sâu, không lồi.
31. Lông khắp thân đều xoay về phía phải.

32. Chân tay đầy đặn.

33. Tay chân như ý *(trong ngoài đều nắm được)*.

34. Đường chỉ tay chân đều rõ ràng và thẳng.

35. Chỉ tay dài.

36. Chỉ tay không dứt đoạn.

37. Tất cả chúng sinh có tâm xấu ác, khi trông thấy đều lộ vẻ vui mừng.

38. Mặt rộng, đẹp.

39. Mặt như vầng trăng.

40. Chúng sinh thấy không kinh sợ.

41. Lỗ chân lông tỏa mùi thơm.

42. Miệng thoảng mùi hương, chúng sinh gặp thì có được pháp lạc bảy ngày.

43. Dung nghi như sư tử.

44. Tiến, dừng như voi chúa.

45. Đi như ngỗng chúa.

46. Đầu như quả Ma-đa-la *(quả này không tròn không dài)*.

47. Đầy đủ âm thanh *(có sáu mươi loại âm thanh, Phật đều đầy đủ)*.

48. Răng sắc bén.

49.[1]

50. Lưỡi rộng và đỏ.

51. Lưỡi mỏng.

52. Lông toàn màu hồng, sạch sẽ.

53. Mắt rộng, dài.

54. Khổng môn đầy *(chín khổng môn đủ và đầy đặn)*.

55. Chân tay trắng đỏ như màu hoa sen.

56. Bụng không lồi.

57. Bụng không lép.

58. Thân không động.

59. Thân nặng.

60. Thân lớn.

61. Thân cao, lớn.

---

[1] *Nguyên bản Hán thiếu*

62. Chân tay sạch, đầy đặn.

63. Quanh thân có hào quang lớn, khi đi ánh sáng tỏa chiếu khắp.

64. Xem chúng sinh đều như nhau.

65. Giáo hóa không chấp trước, không tham cầu đệ tử.

66. Tùy thuận theo tiếng của chúng sinh đầy đủ, không thêm không bớt.

67. Thuận theo ngôn ngữ của chúng sinh mà thuyết pháp.

68. Lời nói không bị ngăn ngại.

69. Thuyết pháp theo thứ tự không bị gián đoạn.

70. Tướng của Phật, chúng sinh chiêm ngưỡng không thể biết rõ hết.

71. Chiêm ngưỡng không nhàm chán.

72. Tóc dài, đẹp.

73. Tóc xoắn, đẹp.

74. Tóc không rối.

75. Tóc không hư.

76. Tóc mềm mại.

77. Tóc màu xanh như ngọc Tỳ-lưu-ly.

78. Bề mặt của tóc mềm.

79. Tóc không thưa.

80. Ngực có chữ Đức, chân có chữ Cát.

Ánh sáng chiếu khắp vô lượng thế giới.

Lúc mới sinh đi bảy bước, miệng nói lên những lời quan trọng.

Xuất gia siêng năng tu tập khổ hạnh, ở nơi cội Bồ-đề, hàng phục các ma. Cuối đêm vừa rạng sáng, thành Bậc Đẳng Chánh Giác, hào quang rực rỡ tỏa chiếu khắp mười phương, không đâu là không hiện bày. Chư Thiên nơi hư không đàn hát và rải hoa, mưa hương để cúng dường. Tất cả chúng sinh đều vô cùng cung kính. Một mình đi trong ba cõi, chuyển thân như voi chúa, quán xét về cây Bồ-đề, chuyển pháp luân lần đầu, khiến cho hàng trời, người được giác ngộ, dùng đạo đã tự mình chứng đắc đạt đến Niết-bàn.

Thân Phật như vậy, phát ra sự cảm hóa vô lượng. Dốc lòng niệm Phật không khởi niệm khác, nếu dấy khởi niệm khác theo các duyên thì thâu tóm trở lại. Không loạn động như thế, bấy giờ liền thấy được sắc thân của Phật, một Phật, hai Phật, cho đến sắc thân của chư Phật trong vô lượng thế giới khắp mười phương. Do tâm tưởng nên đều được thấy Phật. Đã thấy Phật,

lại được nghe thuyết pháp, hoặc tự thưa hỏi. Đức Phật vì mình mà thuyết pháp, giải thích những chỗ còn nghi ngờ. Đã đạt được sự nhớ nghĩ về Đức Phật rồi lại phải nhớ nghĩ đến pháp thân công đức của Phật, với vô lượng đại trí, trí tuệ rộng sâu, công đức không thể tính kể, gồm đủ mười tôn hiệu: Đa-đà-a-già-độ (Như Lai), A-lê (Ứng Cúng), Tam-miệu-tam Phật-đà (Chánh Biến Tri), Tỳ-già-giá-la-na-tam-bát-na (Minh Hạnh Túc), Túc-già-đà (Thiện Thệ), Lộ-già-bại (Thế Gian Giải), A-nậu-đa-la (Vô Thượng Sĩ), Phú-lâu-sa-đàm-miệu (Điều Ngự Trượng Phu), Xá-đa-đề-bà-ma-nậu-xá-nam (Thiên Nhân Sư), Phật – Bà-già-bà (Phật – Thế Tôn).

Bấy giờ, lại niệm về thần đức nơi một, hai, ba, bốn, năm Đức Phật, cho đến vô lượng tận hư không giới cũng đều niệm như vậy. Lại thấy một Đức Phật có thể làm thành mười phương Phật, có thể thấy mười phương Phật làm thành một Đức Phật. Có thể khiến một sắc tạo thành sắc của kim, ngân, thủy tinh, Tỳ-lưu-ly, tùy theo sự ưa thích của mọi người đều làm cho họ thấy được. Khi ấy, chỉ quán xét hai việc: "Thân Phật như hư không và công đức của Phật", càng không dấy khởi những niệm khác, tâm được tự tại, ý không giong ruổi, liền chứng được Tam-muội niệm Phật. Nếu tâm giong ruổi theo năm trần, hoặc suy nghĩ về sáu thứ như trước thì phải tự cố gắng hết sức để kềm chế, giữ tâm mạnh mẽ nhằm điều phục nó. Tư duy như vầy: "Thân người khó được, Phật pháp khó gặp, nên gọi là trong các thứ ánh sáng thì mặt trời hơn hết, trong các bậc trí thì Đức Phật là tối thắng. Vì sao? Vì Đức Phật phát khởi tâm đại Bi, thường vì muôn loài dùng đầu, mắt, tủy, não để cứu giúp chúng sinh. Vậy cớ sao mình lại buông lơi tâm ý, không dốc lòng niệm Phật mà phụ ân sâu nặng của Ngài? Nếu Đức Phật không xuất hiện ở đời, thì không có đạo lý của hàng trời, người, đạo lý đạt đến giác ngộ, giải thoát. Nếu người dùng hương hoa cúng dường, dùng xương, thịt, máu, tủy xây dựng tháp để cúng dường thì cũng không bằng người dùng pháp cúng dường, đạt đến Niết-bàn. Tuy nhiên, nếu phụ ân Phật thì dù có niệm Phật cũng không đạt được gì cả. Thế nên, cần phải dốc lòng ghi nhớ, không quên để báo đáp ân Phật, huống nữa là niệm Phật đạt được các Tam-muội, có trí tuệ, thành Phật mà không chuyên niệm sao? Cho nên, hành giả thường phải chuyên tâm giữ gìn ý không cho tán loạn thì được thấy Phật, thưa hỏi những chỗ nghi ngờ. Đó gọi là Tam-muội niệm Phật diệt trừ đẳng phần và các tội nặng khác.

-oOo-

KINH TỌA THIỀN TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

Bấy giờ, hành giả tuy đạt được nhất tâm nhưng chưa thành tựu định lực, còn bị phiền não ở Dục giới làm rối loạn, nên dùng phương tiện tinh tấn tu học, đạt được Sơ thiền nhằm trừ bỏ những ái dục.

Làm thế nào để diệt trừ? Quán xét lỗi lầm về dục của Dục giới là bất tịnh với vô số những thứ bất thiện. Nên nhớ nghĩ ở Sơ thiền sẽ được an ổn, vui vẻ.

Quán xét về dục là thế nào? Từ nhận biết dục là vô thường với những tác động gây nên oan gia như huyễn hóa, rỗng không, không thể nắm bắt. Nhớ nghĩ chưa được thì tâm tối tăm, loạn động, huống nữa đã bị dâm dục trói buộc, che phủ. Vui ở cõi trời còn không an ổn huống nữa là ở cõi người. Tâm người tham đắm cõi Dục không nhàm chán như lửa được bén vào củi, như biển dung nạp các dòng, như vua Đảnh Sinh tuy đủ bảy thứ báu, làm vua bốn cõi thiên hạ, được Đế Thích phân nửa tòa ngồi vẫn không cho là đủ, như họ Na-hầu-sa, vua Chuyển kim luân bị dục giày vò, đọa vào loài mãng xà. Lại như Tiên nhân ăn trái cây, mặc áo cỏ, sống ở nơi thâm sâu, xõa tóc cầu đạo hãy còn không tránh khỏi giặc tham dục hủy hoại, thích vui thì ít, oán giận độc hại lại nhiều. Người tham dục thích gần gũi kẻ ác, xa lìa người hiền.

Dục là rượu độc làm cho say mê trong sự tối tăm, lầm lạc.

Dục là lừa dối, sai khiến kẻ ngu, làm mầm mống cho muôn vàn đau khổ không được tự tại, chỉ có xa lìa dục ở thân thì tâm được an ổn, vui vẻ vô cùng.

Dục không chỗ đạt được như chó gặm xương khô. Mong cầu dục phải vất vả, cực khổ mới được, được dục thật là khó, nhưng mất đi thì rất dễ dàng. Ví như sự nhờ vả chỉ trong chốc lát không thể lâu dài, như những điều thấy trong mộng chốc lát liền diệt mất.

Dục là hoạn nạn, khi cầu đã khổ mà được rồi cũng khổ, được nhiều thì khổ nhiều, như lửa gặp củi, củi càng nhiều thì cháy nhiều.

Dục như miếng thịt, bị các loài chim giành nhau ăn. Tóm lại, như con

thiêu thân bay vào ngọn lửa, như cá mắc phải lưỡi câu, như nai chạy theo tiếng vang, như khát uống nhằm nước mặn. Chúng sinh vì dục mà bị tất cả các khổ nạn, chịu đủ thứ khổ.

Vì thế nên biết, dục là độc hại, phải mong cầu đạt được Sơ thiền để diệt trừ lửa dục. Hành giả tâm phải chuyên cần tinh tấn, tin tưởng được an vui, khiến cho tâm tiến lên, ý không tán loạn. Quán xét tham dục để tâm nhàm chán, từ bỏ hết phiền não kết sử, được định Sơ thiền, xa lìa lửa dục, để được nước thiền định mát ngọt, như khi nóng nực được bóng mát, như kẻ bần cùng được giàu có. Khi đó, liền được niềm vui của Sơ thiền. Tư duy ở trong thiền định được các công đức. Quán phân biệt về tốt xấu liền được nhất tâm.

Hỏi: Người tu tập thiền định được tướng nhất tâm, làm thế nào có thể nhận biết?

Đáp: Thực hành thiền định sắc mặt vui vẻ hiền hòa, điềm tĩnh, thường nhất tâm, mắt không tham đắm sắc, nhờ định lực công đức của thần thông, không tham danh lợi, trừ sạch kiêu mạn, tánh ấy hòa dịu, không ôm lòng độc hại, lại không có bỏn sẻn, ganh ghét, hiểu chính xác tâm thanh tịnh, bàn luận không tranh cãi, thân không lừa dối, lời nói đúng đắn, tâm tánh hòa dịu, biết hổ thẹn trong chánh pháp, chuyên cần tinh tấn giữ gìn giới cấm đầy đủ, đọc tụng kinh sách, suy nghĩ đúng như chánh pháp mà thực hành.

Tâm ý thường an vui, đối với chỗ không vừa lòng vẫn không giận dữ, với bốn sự cúng dường nếu không thanh tịnh thì không thọ nhận. Nếu bố thí thanh tịnh thì nhận lấy nhưng biết vừa đủ, hiểu rõ, xem nhẹ lợi dưỡng có thể thực hành hai pháp bố thí, nhẫn nhục để đoạn trừ tà kiến, bàn luận về nghĩa lý không tự cao, tự mãn, ít nói năng, cung kính khiêm tốn đối với các bậc thượng, trung, hạ; thường thân cận, vâng lời thầy lành, bạn tốt; ăn uống điều độ, không tham vật ngon; thích ở nơi vắng lặng, hoặc khổ, hoặc vui, tâm nhẫn nhục không lay động, không oán thù, không cạnh tranh, không kiện tụng. Đầy đủ các tướng như vậy thì biết đó là tướng nhất tâm. Hai việc quán này làm loạn tâm thiền định như nước lắng trong bị quấy động thì vẩn đục.

Hành giả cũng như vậy, bên trong đã nhất tâm, quán xét rõ chỗ bị não loạn, như mệt nhọc được nghỉ ngơi, như ngủ nghỉ được an ổn, cứ tuần tự như vậy không giác, không quán thì sinh định thanh tịnh, bên trong thanh tịnh hỷ lạc, chứng được Thiền thứ hai. Tâm vốn an nhiên vắng lặng không có đối tượng thủ đắc, chứng đắc hỷ này rồi, khi ấy tâm quán xét

cho hỷ là vướng bận. Thực hành giác quán như ở trên, không thấy pháp hỷ mới lìa được hỷ, chứng đắc lạc của bậc Thánh hiền nhất tâm biết rõ, giữ gìn chánh niệm chứng nhập Thiền thứ ba. Đã xả bỏ hỷ nên nhận biết đúng, nhớ nghĩ về lạc, xả. Bậc Thánh gọi là lạc, xả, người khác bỏ lạc là khó bậc nhất. Từ thiền này trở lên không có lạc, cho nên tất cả bậc Thánh nhân đối với các cõi tịnh đều nói từ là niềm vui bậc nhất, lạc tức là vướng bận. Vì sao? Vì trong Thiền thứ nhất, tâm không loạn động. Do vô sự nên có động tức có chuyển, có chuyển thì có khổ. Cho nên, Thiền thứ ba cho lạc là sự trở ngại. Lại dùng sự tốt đẹp để xả bỏ khổ - lạc ấy. Trước hết trừ tâm ưu, hỷ, trừ bỏ khổ lạc, giữ niệm thanh tịnh, đạt được Thiền thứ tư, không khổ không lạc, giữ niệm thanh tịnh, nhất tâm. Vì thế, Đức Phật dạy, giữ niệm thanh tịnh tột bậc gọi là Thiền thứ tư. Vì nơi lạc, Thiền thứ ba do làm động niệm gọi là khổ. Cho nên, Thiền thứ tư trừ diệt khổ, lạc nên gọi là nơi chốn không còn động niệm, dần dần quán cõi không, phá trừ các tưởng có đối đãi, không nhớ nghĩ các thứ sắc, quán vô lượng cõi không thường quán xét sắc xứ, nhớ nghĩ công đức thượng diệu của định nơi không xứ, tu tập nhớ nghĩ pháp ấy, đạt được không xứ, nhớ nghĩ vô lượng thức xứ, quán vượt qua không xứ, nhớ nghĩ công đức của vô lượng thức xứ, tu tập nhớ nghĩ pháp ấy, đạt được thức xứ. Đặt niệm vào vô sở hữu xứ, quán vượt qua thức xứ, nhớ nghĩ công đức của vô sở hữu xứ. Tu tập, đặt niệm vào pháp ấy liền đạt được vô sở hữu xứ. Đặt niệm vào phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ. Nếu như tất cả tưởng đều là chướng ngại lớn như bệnh, như sự hủy diệt, nếu vô tưởng là chốn mê mờ thì phi hữu tưởng, phi vô tưởng là cõi lành an ổn bậc nhất. Quán vượt qua vô sở hữu xứ, nhớ nghĩ công đức của phi hữu tưởng, phi vô tưởng, tu tập đặt niệm vào pháp ấy liền chứng được phi hữu tưởng, phi vô tưởng xứ.

Hoặc có hành giả từ Địa thứ nhất cho đến địa trên, ở trong địa trên tu tập thực hành tâm Từ, trước hết tự mình được an lạc, diệt trừ các độc giận dữ, thứ đến ban cho chúng sinh khắp cả mười phương. Khi ấy, đạt được Tam-muội tâm Từ. Tâm Bi thương xót khổ của chúng sinh, có thể diệt trừ mọi thứ phiền não, thể hiện đến khắp vô lượng chúng sinh, khi ấy liền được Tam-muội tâm Bi. Có thể diệt trừ mọi thứ trở ngại an lạc, khiến cho vô lượng chúng sinh đều được an vui, khi ấy liền được Tam-muội tâm Hỷ. Có thể phá trừ khổ lạc, quán xét vô lượng chúng sinh khắp mười phương, khi ấy liền đắc Tam-muội tâm xả. Thiền thứ hai cũng lại như vậy. Thiền thứ ba và thứ tư thì trừ hỷ. Nếu người tu học đạt được năm thông thì thân có thể bay đi, biến hóa tự tại. Hành giả nhất tâm nhằm đạt đến các tinh tấn của mình, nhất tâm của tuệ. Nhất tâm quán xét thân, thường khởi tưởng nhẹ nhàng để bay được, hoặc lớn hoặc nhỏ, hai thứ

này đều là trở ngại đối với sự tinh tấn vượt bậc. Có thể nhất tâm tư duy quán xét nhẹ nhàng như người có thể bơi, sức của tâm mạnh mẽ nên không bị chìm đắm, cũng như vượn khỉ từ cao rơi xuống thấp nhờ sức của tâm mạnh mẽ nên thân không bị tổn thương. Như vậy, năng lực nơi dục, năng lực của tinh tấn, năng lực nơi nhất tâm, năng lực của trí tuệ khiến cho tâm lực đó rộng lớn mà thân lại nhỏ, liền có thể bay được.

Lại nữa, quán xét thân ở cõi không, thường tập quán này, năng lực của dục, năng lực của tinh tấn, năng lực của nhất tâm, năng lực của trí tuệ thật là rộng lớn nên thân liền có thể bay lên, như sức của gió lớn có thể dời vật nặng đến chỗ xa. Người này cũng như vậy. Ban đầu nên tự thử nghiệm, cách đất một thước, hai thước, dần đến một trượng, rồi trở lại chỗ cũ như chim con tập bay, trẻ nhỏ tập đi, tư duy kỹ biết năng lực của tâm đều có thể đạt đến chỗ cao xa, tập học quán bốn đại Từ bỏ đại địa, chỉ quán ba đại, tâm nghĩ không tán loạn liền được tự tại, thân vô ngại như chim bay đi. Lại phải học tập xa tưởng gần, xa nên gần diệt, xa hiện bày. Lại có thể biến hóa các vật như quán các loại cây cối, đất đai từ bỏ các thứ khác. Cây cối liền biến thành đất. Vì sao? Vì trong cây cối có phần của đại địa. Thủy, hỏa, phong, không và các vật báu vàng bạc đều như vậy. Vì sao? Vì trong cây có đủ các thành phần đó. Ở Sơ thiền thần thông làm căn bản. Ở thiền thứ tư có mười bốn tâm biến hóa. Sơ thiền có hai quả: Một là là Sơ thiền, hai là cõi Dục. Thiền thứ hai có ba quả: Một là là Nhị thiền, hai là Sơ thiền, ba là cõi Dục. Thiền thứ ba có bốn quả: Một là Tam thiền, hai là Nhị thiền, ba là Sơ thiền, bốn là cõi Dục. Thiền thứ tư có năm quả: Một là Tứ thiền, hai là Tam thiền, ba là Nhị thiền, bốn là Sơ thiền, năm là cõi Dục.

Ngoài các thần thông này, trong luận Đại Thừa có nói: Đệ tử của Đức Thế Tôn tu tập năm pháp môn mong cầu chứng Niết-bàn. Có hai hạng người: Phần nhiều người thích thiền định đắm chấp lạc, hoặc người phần nhiều ưa thích trí mà lại sợ nạn khổ. Người nhiều định, trước tu tập pháp thiền, sau đó chứng đắc Niết-bàn. Người nhiều trí hướng thẳng Niết-bàn, nhưng người này chưa đoạn được phiền não, cũng chưa đạt được thiền định nên chuyên tâm không tán loạn, mong cầu chứng Niết-bàn vượt qua các phiền não như tham ái. Đó gọi là Niết-bàn. Thân thật sự là vô thường, khổ, không, vô ngã. Vì thân điên đảo nên có thường, lạc, ngã, tịnh. Do những việc như vậy nên tham ái chấp vào thân này, tức là hàng chúng sinh thấp kém. Hành giả muốn diệt trừ điên đảo nên tu tập chỉ, quán bốn Niệm xứ, quán thân đủ các khổ nạn. Từ nhân duyên sinh nên vô thường, đủ các khổ não. Thân có ba mươi sáu thứ bất tịnh. Vì không được tự tại nên vô ngã.

Tu tập quán như vậy để quán trong thân, ngoài thân, quán trong lẫn ngoài thân. Tu tập quán như vậy gọi là Thân niệm chỉ. Thật tướng của thân là như vậy.

Do đâu đối với thân này khởi điên đảo tham chấp?

Tư duy kỹ, suy niệm thọ lạc của thân. Vì ưa thích thọ lạc nên ham thích thân này. Quán thọ lạc thật không thể nắm bắt được. Tại sao không thể đạt được lạc? Do nơi y phục và thức ăn dẫn đến lạc. Lạc tăng nhiều là sinh khổ, chẳng phải là lạc chân thật, như nạn khổ ung nhọt, nên dùng thuốc để chữa trị, khổ hết tức là lạc, chẳng phải lạc chân thật.

Lại nữa, cho khổ cũ là khổ, khổ mới là lạc, như gánh nặng khi đổi vai cho rằng đã hết nặng nên lạc, chẳng phải là lạc, như tánh lửa nóng bức không có lúc nào lạnh. Nếu là lạc đích thật thì không có phi lạc. Hoặc cho rằng sự việc bên ngoài là lạc, nhân duyên chưa hẳn là lạc. Hoặc khi là nhân của lạc, khi là nhân của khổ. Nếu khiến tâm pháp tương ưng với sự ưa thích, bấy giờ là lạc. Nếu khi tâm pháp tương ưng với sự giận dữ tức là khổ, cùng tương ưng với vô minh tức là không khổ, không lạc. Từ đấy suy ra có thể biết được có lạc hay không có lạc.

Đáp: Không đúng như vậy. Dâm dục không phải là lạc. Vì sao? Nếu dâm dục ở bên trong thì không phải cầu sắc bên ngoài của người nữ. Cầu sắc bên ngoài của người nữ nên biết dâm dục là khổ. Nếu dâm dục là lạc thì không phải luôn từ bỏ. Nếu từ bỏ thì không phải là lạc. Đối với khổ lớn cho khổ nhỏ là lạc, như người bị đày tội chết, chỉ chịu hình phải roi cho là lạc. Tâm dục hừng hực nên cho dục là lạc. Khi già nhàm chán dục, biết dục chẳng phải là lạc. Nếu tưởng lạc chân thật thì không nên nhàm chán, đầy đủ các nhân duyên. Như vậy, tướng dục lạc thật không thể nắm bắt được. Lạc mất tức khổ. Phật dạy: Thọ lạc nên quán khổ, thọ khổ nên quán lạc, như mũi tên găm vào thân thể, không khổ không lạc nên quán sinh diệt vô thường. Đó là Thọ niệm chỉ. Nên biết tâm thọ khổ, lạc, không khổ, không lạc.

Tâm ấy là thế nào?

Tâm ấy là vô thường, từ nhân duyên sinh ra, sinh diệt không ngừng, giống như sinh, chỉ do điên đảo nên cho là một, xưa không nay có, mà đã có lại không, nên gọi là vô thường.

Làm sao quán biết tâm là không?

Từ nhân duyên sinh có nhân, có sắc thì có thể nhận biết nhớ nghĩ. Muốn thấy được như vậy tức do chúng hòa hợp sinh ra nhãn thức. Như mặt trời ưa thích châu báu, có mặt trời thì có ngọc trai. Có cỏ khô, phân

bò các duyên hòa hợp nên sinh ra lửa, chỉ một duyên để tìm cầu lửa thì không thể được, các duyên hòa hợp thì có lửa. Nhãn thức cũng như vậy, không trú trong mắt, cũng chẳng phải trú ở trong sắc, không trú ở chặng giữa, không có chỗ trú. Cho nên, Đức Phật dạy: Quán tâm quá khứ, hiện tại đều như huyễn hóa, hoặc khổ, hoặc vui, không khổ không vui, tâm mỗi mỗi đều biến đổi, đều diệt. Có tâm tham dục hoặc không tham dục cũng vậy, mỗi mỗi đều sinh, mỗi mỗi đều diệt, quán trong tâm, ngoài tâm, quán trong ngoài tâm cũng vậy. Đó gọi là Tâm niệm chỉ.

Lại nữa, quán tâm thuộc về cái gì? Quán tưởng tư duy, nhớ nghĩ các dục, các tâm tương ưng với pháp và không tương ưng với pháp. Quán kỹ đối tượng và không có đối tượng nắm bắt. Vì sao? Vì từ nhân duyên sinh nên vô thường. Do vô thường nên khổ. Vì khổ nên không được tự tại. Do không được tự tại nên không chủ thể. Vì không chủ thể nên không tĩnh lặng. Trước hết quán riêng biệt về thân, thọ, tâm, pháp thì không thể được. Nay quán tổng quát về bốn Niệm chỉ trong đó chủ thể cũng không thể nắm bắt được, nhưng lìa bỏ các xứ để mong cầu thì cũng không thể được. Nếu thường thì không thể được, không thường cũng không thể được. Nếu thường thì đối với thường khổ hay vui cũng phải luôn nhớ. Nếu người thường có thần ngã thì không có tội sát sinh, não hại, cũng không có Niết-bàn. Nếu thân là thần ngã, khi thân vô thường diệt thì thần ngã cũng phải diệt, không có đời sau cũng không có tội phước. Quán rộng khắp như vậy đều không có chủ thể. Các pháp đều không, không tự tại, do các duyên hòa hợp mới sinh ra, các duyên hủy hoại thì diệt đi. Như vậy, pháp do duyên hòa hợp gọi là pháp Niệm chỉ. Nếu hành giả chứng được pháp Niệm chỉ rồi lại nhàm chán các pháp không, già, bệnh, chết của thế gian đều chẳng có chút gì là thường, lạc, ngã, tịnh cả. Sao ta lại đối với pháp không này mong cầu làm gì? Nên phải an trú trong pháp thiện tối thượng để hội nhập Niết-bàn, kiến lập năng lực tinh tấn đạt được Thâm-xá-ma-đà. Khi chứng đắc Thâm-xá-ma-đà thì an trú trong bốn pháp Niệm chỉ. Quán tướng các pháp đều khổ, không vui, không vui là thật còn lại hư dối. Nhân của khổ là các phiền não như tham ái… chẳng phải trời, chẳng phải thời, chẳng phải ngoại cảnh đều do vọng ngữ sinh ra, do phiền não và nghiệp phát sinh khổ này. Nếu chứng được Niết-bàn thì tất cả khổ đều diệt tận, chẳng phải sắc, vô sắc và sự khởi đầu của thế giới. Tất cả các vọng ngữ có thể diệt được khổ này. Tám Chánh đạo như chánh kiến… là đường Niết-bàn. Chẳng như ngoại đạo hành các khổ hạnh như trì giới, thiền định, trí tuệ không thiết thực. Vì sao? Vì trong Phật pháp, hành cả ba môn giới, định, tuệ thì có thể hội nhập Niết-bàn. Ví như người đứng trên mặt đất bằng, cầm cung tên tốt có thể bắn chết giặc thù. Hành cả ba pháp môn

cũng vậy, giới là mặt đất bằng phẳng, thiền định là cung tốt, trí tuệ là tên nhọn, đầy đủ ba pháp môn thì có thể giết giặc phiền não. Thế nên, hàng ngoại đạo không thể chứng đắc Niết-bàn.

Bấy giờ, hành giả khởi pháp quán bốn duyên như duyên bắn cung giỏi.

Quán khổ có bốn thứ, do nhân duyên sinh nên vô thường, tâm bị khổ não nên khổ, không một thứ gì nắm bắt được nên không, không tạo tác, không thọ nhận nên vô ngã.

Quán bốn thứ tích tập và phiền não, nghiệp hữu lậu hòa hợp nên gọi là tập. Giống như quả sinh là nhân. Ở trong đó được tất cả hành nên có sinh, chẳng giống như quả liên tục nên gọi là duyên.

Quán tận có bốn thứ: Vì tất cả phiền não che phủ nên gọi là Bế. Trừ lửa phiền não gọi là diệt. Đứng đầu trong tất cả pháp gọi là diệu. Vượt ra khỏi thế giới gọi là xuất.

Quán đạo có bốn thứ: Có thể đạt đến Niết-bàn nên gọi là đạo. Không điên đảo nên gọi là chánh. Tất cả chỗ bậc Thánh đi qua gọi là tích. Thoát khỏi sầu não của thế gian nên gọi là ly.

Quán như vậy được pháp giống như vô lậu gọi là pháp Noãn.

Thế nào là noãn?

Thường siêng năng tinh tấn, nên gọi là pháp Noãn. Các củi phiền não bị lửa trí vô lậu thiêu đốt, các dục phát sinh tướng ban đầu gọi là pháp nhẫn. Ví như cái dùi nung vào lửa, lúc đầu phát ra khói nên gọi là noãn. Đây là tướng đầu tiên của quả vị Niết-bàn. Trong đệ tử Phật có hai hạng người:

1. Phần nhiều ưa thích mong cầu thiền định. Đó là người thuộc đạo hữu lậu.

2. Phần nhiều trừ bỏ tham ái, ưa thích trí tuệ chân thật.

Đây là hạng người hướng thẳng đến Niết-bàn, hội nhập vào pháp noãn. Người có tướng noãn thì đạt được nhất tâm sâu xa. Pháp chân thật như ảnh trong gương thấu suốt cảnh giới vô lậu. Bấy giờ, hành giả đạt được an ổn lớn, tự nghĩ: Thiền định của ta sẽ đạt được Niết-bàn. Người thấy đạo như vậy, như người đào giếng đã đến đất mềm thì sẽ biết chẳng bao lâu là có nước. Như người đánh giặc, giặc đã thất bại, tự biết mình đã thắng nên trong lòng an ổn. Như người sắp chết, ta muốn biết còn sống hay không thì trước tiên dùng gậy gõ vào thân. Nếu người ấy các mạch bên trong nổi lên thì biết rằng còn ấm, chắc rằng có thể sống.

Cũng vậy, người nghe pháp tư duy vui vẻ, tâm không tham chấp, lòng

hăng hái, hành giả có pháp Noãn như vậy gọi là pháp Noãn, cũng gọi là có thể đạt được phần thiện căn của Niết-bàn. Pháp thiện căn có mười sáu hành duyên với bốn Đế. Trong sáu địa, một trí tuệ có tất cả pháp cơ bản vô lậu. Dã nhân là người mới đạt được vô lậu thì có thể đạt được an ổn, gọi là có pháp Noãn, càng tiến dần lên thì gọi là pháp Đảnh, như sữa tươi chuyển hóa thành sữa đặc. Người quán thật tướng nơi các pháp cho rằng: Ta phải thoát khỏi khổ. Tâm ưa thích pháp này là pháp chân thật có thể đoạn trừ các thứ khổ não và già, bệnh, chết.

Bấy giờ, nên tư duy ai giảng thuyết pháp này?

–Là Phật Thế Tôn.

Từ đây được lòng tin thanh tịnh đối với Phật bảo. Nếu không có pháp này thì tất cả phiền não lấy cái gì để có thể ngăn cản? Ta phải làm thế nào để được một chút ánh sáng trí tuệ chân thật?

Từ đây, được lòng tin thanh tịnh đối với Pháp bảo, được sự vui mừng lớn. Nếu ta không thể làm bạn tốt với đệ tử của Phật thì phải làm thế nào để được một chút ánh sáng trí tuệ chân thật?

Từ đây, được lòng tin đối với Tăng bảo thanh tịnh, được niềm vui lớn. Trong ba ngôi báu, nhất tâm thanh tịnh hợp với trí tuệ chân thật là thiện căn trên hết, cũng gọi là pháp Đảnh, cũng gọi là có thể đạt được phần thiện căn của Niết-bàn. Như trong kinh Ba-la-diên có nêu:

Ngôi báu Phật, Pháp, Tăng
Ai lòng tin thanh tịnh
Gọi thiện căn pháp Đảnh
Các ông nhất tâm giữ.

Như thế, lòng tin đối với Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán ít mà đối với Dã nhân lại nhiều. Lại nữa, lòng tin này có thể bị phá trừ, có thể mất đi cho nên gọi là ít trí tuệ, như trong kinh Pháp Cú có nêu:

Chuối sinh quả thì chết
Tre ra hoa cũng vậy
La sinh con liền chết
Người kém nuôi cũng thế.
Phá mất chẳng được lợi
Người hèn được tiếng khen
Phần trong sạch diệt hết
Cho đến pháp Đảnh mất.

Lại nữa, chưa đoạn được các kết sử, chưa đạt được tâm vô lượng, trí tuệ vô lậu, vì thế nên gọi là thiểu trí. Lại nữa, siêng năng tinh tấn, nhất tâm

hội nhập vào Niết-bàn, quan sát hiểu rõ năm ấm, bốn đế, mười sáu hành. Khi ấy, tâm không thiếu sót, không hối tiếc, không thoái lui, ưa thích lạc, nhập vào pháp Nhẫn gọi là thiện căn của nhẫn.

Thế nào là nhẫn?

Tùy theo bốn đế gọi là nhẫn. Thiện căn có ba loại thuộc ba thời thượng, trung, hạ.

Thế nào gọi là nhẫn? Quán xét năm ấm vô thường, khổ, không, vô ngã. Tâm nhẫn chịu không thoái lui gọi là nhẫn.

Lại nữa, quán xét thế gian đều là khổ, không, chẳng có vui. Khổ ấy nhân nơi tập là các phiền não như ái… Trí của tập ấy duyên tận gọi là pháp thượng, lại không có pháp gì cao hơn nữa. Tám Chánh đạo có khả năng khiến cho người hành trì đạt được Niết-bàn, không có gì hơn nữa. Lòng tin chắc chắn như vậy, không hối tiếc, không nghi ngờ gọi là nhẫn. Trong đó lại có nhẫn mà các kết sử, tất cả phiền não nghi ngờ, hối tiếc không nhập vào tâm, không thể phá hoại. Ví như núi đá có vô số gió, nước không thể chuyển động. Cho nên gọi là nhẫn, đạt được những việc như vậy gọi là bậc Dã nhân chân thật, như trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy:

Chánh kiến vượt thế gian
Có ai đạt được nhiều
Cho đến ngàn vạn năm
Trọn không đọa đường ác.

Như vậy, chánh kiến của thế gian gọi là thiện căn của nhẫn. Người ấy đa phần dốc lòng tinh tấn, rất nhàm chán hành nơi thế gian, muốn hiểu rõ tướng bốn Đế, hướng đến Niết-bàn. Như vậy, trong nhất tâm gọi là pháp Bậc nhất của thế gian (Thế đệ nhất). Một khi trụ vào bốn hành: Vô thường, khổ, không, vô ngã, thì nên quán khổ pháp nhẫn của một đế trong bốn Đế.

Do đâu phải quán năm thọ ấm, vô thường, khổ, không, vô ngã của cõi Dục?

Trong đó tâm nhẫn nhập vào tuệ, cũng là tâm tương ưng với các pháp của tâm. Đó là pháp Nhẫn về khổ. Các hành: Thân nghiệp, khẩu nghiệp và tâm không tương ưng. Cửa ngõ đầu tiên của tất cả pháp vô lậu từ hiện tại đến vị lai đều gọi là pháp nhẫn về khổ. Kế đến, phát sinh pháp trí về khổ. Pháp Nhẫn về khổ đoạn trừ các kết sử thì pháp trí về khổ liền chứng đắc.

Ví như một người cắt cỏ, một người bó lại. Cũng như dao bén chặt tre, gặp gió liền ngã. Vì công phu của nhẫn trí nên việc ấy được hoàn thành, đoạn được mười kết sử trói buộc của cõi Dục. Bấy giờ, các trí khác được trí vô lậu nhưng chưa được tuệ vô lậu.

Khi ấy, hoàn thành được một trí. Trong tâm thành tựu pháp trí thứ hai. Khổ trí, đẳng trí qua tâm thứ ba và tâm thứ tư thì thành tựu bốn trí: Khổ trí, Pháp trí, Tỷ trí, Đẳng trí.

Trong pháp trí của Tập, Diệt, Đạo, nếu mỗi một trí tăng, người ly dục nhận biết tâm của người khác thì trí thành tựu tăng trưởng. Tỷ nhẫn về khổ và tỷ trí về khổ đoạn được mười tám kết sử thì bốn tâm nơi khổ đế có thể chứng được pháp Nhẫn về tập, pháp trí về tập, đoạn trừ bảy kết sử của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về tập và tỷ trí về tập đoạn trừ mười ba kết sử trói buộc nơi cõi Sắc và Vô sắc.

Pháp nhẫn về diệt và pháp trí về diệt đoạn trừ bảy kết sử trói buộc của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về diệt và tỷ trí về diệt đoạn trừ mười hai kết sử trói buộc của cõi Sắc và Vô sắc.

Pháp nhẫn về đạo và pháp trí về đạo đoạn tám kết sử trói buộc của cõi Dục.

Tỷ nhẫn về đạo và tỷ trí về đạo đoạn mười bốn kết sử trói buộc của cõi Sắc và Vô sắc.

Tỷ trí về đạo gọi là quả Tu-đà-hoàn.

Các pháp tướng của thật trí là mười sáu tâm hay trong mười lăm tâm. Hàng lợi căn gọi là Tùy pháp hành. Hàng độn căn gọi là Tùy tín hành. Thứ hai, người chưa ly dục gọi là hướng đến sơ quả, trước chưa đoạn kết sử đắc mười sáu tâm gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu trước đã đoạn được sáu phẩm kết sử, đắc mười sáu tâm gọi là Tư-đà-hàm. Nếu trước đoạn chín phẩm kết sử, đắc mười sáu tâm gọi là A-na-hàm. Nếu người trước chưa ly dục, đoạn tám mươi tám kết sử gọi là Tu-đà-hoàn.

Lại nữa, được thiện căn của quả vô lậu nên gọi là Tu-đà-hoàn. Hàng lợi căn gọi là Kiến đắc. Hàng độn căn gọi là Tín ái. Người chưa đoạn trừ tư duy, kết sử thì còn bảy lần sinh trở lại. Nếu đoạn trước ba thứ kết sử, tư duy thì gọi là Gia-gia ba lần tái sinh. Ba mươi bảy phẩm, tám phần Thánh đạo gọi là hướng đến Niết-bàn. Tùy theo sự tu tập tiến triển ấy, nên gọi Tu-đà-hoàn là mầm mống, công đức ban đầu để thành Phật. Thoát khỏi đường ác, ba kết sử được đoạn trừ, ba độc giảm bớt gọi là Tư-đà-hàm.

Lại nữa, chín thứ kết sử ở cõi Dục, kiến đế đoạn trừ, tư duy đoạn trừ. Nếu phàm phu trước hết dùng đường hữu lậu đoạn trừ sáu thứ kết sử trói buộc ở cõi Dục để đi vào đường Kiến đế trong mười sáu tâm gọi là Tư-đà-hàm, còn đoạn tám thứ để vào đường Kiến đế trong tâm thứ mười sáu thì

được gọi là quả Tư-đà-hàm hướng đến A-na-hàm. Nếu đệ tử Phật được quả Tu-đà-hoàn, riêng đoạn ba kết sử cõi Dục thì được Tư-đà-hàm. Tư duy này đoạn trừ trói buộc nơi cõi Dục gồm chín loại kết sử, sáu loại đoạn kiến. Đó gọi là tám loại đoạn kiến của quả Tư-đà-hàm, là một loại quả Tư-đà-hàm hướng đến A-na-hàm.

Nếu người phàm phu đoạn trừ chín loại kết sử trói buộc của cõi Dục thì nhập vào đường kiến đế trong tâm thứ mười sáu, gọi là A-na-hàm. Nếu được Tư-đà-hàm thì tiến lên đoạn ba loại kết sử tư duy, đạt giải thoát đạo thứ chín gọi là A-na-hàm.

A-na-hàm có chín loại: Đời này nhập vào Niết-bàn A-na-hàm: Thân trung ấm nhập vào Niết-bàn A-na-hàm. Sinh rồi nhập vào Niết-bàn A-na-hàm. Ân cần cầu nhập Niết-bàn A-na-hàm. Không ân cần cầu nhập Niết-bàn A-na-hàm. Bậc thượng hạnh nhập Niết-bàn A-na-hàm. Đến cõi trời Sắc cứu cánh nhập Niết-bàn A-na-hàm. Đến cõi Vô sắc định nhập Niết-bàn A-na-hàm. Thân chứng A-na-hàm.

Thực hành hướng đến A-la-hán, A-na-hàm nơi cõi Sắc, Vô sắc có chín loại kết sử. Dùng Tam-muội kim cang vô ngại đạo thứ chín để phá tan tất cả kết sử, dùng trí tuệ giải thoát đạo tận thứ chín để tu tập tất cả căn lành. Đó gọi là quả A-la-hán.

A-la-hán này có chín loại. Đó là thoái pháp, bất thoái pháp, tử pháp, thủ pháp, trụ pháp, tất tri pháp, bất hoại pháp, tuệ thoát, cộng thoát. Trí tuệ tăng tiến dần dần thực hành năm loại pháp bị thoái chuyển gọi là Thoái pháp. Trí tuệ lanh lợi, nhanh nhẹn thực hành năm pháp không bị lui sụt, gọi là Bất thoái pháp. Trí tuệ tăng tiến lên, tư duy nhàm chán, tự giết thân mình gọi là Tử pháp. Trí tuệ tăng tiến mạnh mẽ, tự bảo vệ thân gọi là Thủ pháp. Trí tuệ bậc trung, tiến bậc trung, trụ trong chỗ không tăng không giảm, gọi là Trụ pháp. Trí tuệ ít nhanh nhẹn, dốc sức tinh tấn có thể được giải thoát không hoại tâm, gọi là Tất tri pháp. Trí tuệ lanh lợi, tiến mạnh mới được giải thoát không hoại tâm, gọi là Bất hoại pháp. Không thể nhập vào các thiền, chưa đến các lậu tận nơi trung địa gọi là Tuệ giải thoát. Đắc các thiền cũng diệt sạch các lậu của thiền gọi là Cộng giải thoát.

Có A-la-hán thường chán đủ tất cả pháp hữu vi, càng không cầu công đức, chỉ chờ đợi lúc nhập Niết-bàn.

Có A-la-hán cầu bốn Thiền, bốn Định vô sắc, bốn Đẳng tâm, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Nhất thiết nhập, chín Thứ đệ, sáu Thần thông, Tam-muội Nguyện trí, A-lan-nhã-na, Tam-muội Siêu việt, huân tập ba môn giải thoát của thiền và các điều phóng xả. Lại tạo tuệ lợi, cần tinh

tấn. Hội nhập công đức các thiền như vậy gọi là được pháp bất thoái, pháp bất hoại. Khi Phật không xuất hiện ở đời thì không có Phật pháp, không đệ tử.

Lúc ấy, người lìa dục thì Bích-chi-phật xuất hiện. Bích-chi-phật có ba loại: thượng, trung, hạ. Bậc hạ là vốn chứng được Tu-đà-hoàn hoặc Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn này ở trong đời sống thứ bảy, khi không có Phật pháp thì không làm đệ tử, lại không ứng với đời sống thứ tám.

Bấy giờ, làm Bích-chi-phật đời sống thứ hai, hoặc Tư-đà-hàm. Khi ấy, không có Phật pháp, không được làm đệ tử, lại không ứng với đời sống thứ ba, làm Bích-chi-phật. Có người nguyện làm Bích-chi-phật, khi gieo trồng thiện căn của Bích-chi-phật không có Phật pháp, thiện căn đã thuần thục, nhàm chán thế tục, xuất gia chứng đạo gọi là Bích-chi-phật. Đó gọi là Bích-chi-phật bậc trung.

Có người cầu Phật đạo, do nhân duyên lui sụt nên trí lực và tấn lực ít. Bấy giờ, Đức Phật không xuất hiện ở đời, không có Phật pháp, cũng không có đệ tử, nhưng thiện căn tu hành thuần thục, làm Bích-chi-phật, có tướng tốt hoặc nhiều, hoặc ít, nhàm chán thế tục, xuất gia chứng đạo. Đó gọi là Bích-chi-phật bậc thượng.

Đối với các pháp, trí tuệ hội nhập cạn cợt gọi là A-la-hán, nhập vừa gọi là Bích-chi-phật, nhập sâu gọi là Phật. Như từ xa nhìn cây thì không thể phân biệt được cành lá, đến gần có thể phân biệt cành lá, nhưng không phân biệt được cánh hoa, đến ngay dưới cây thì có thể phân biệt biết được cành lá, hoa quả của cây.

Hàng Thanh văn có thể nhận biết tất cả các hành là vô thường, tất cả các pháp là vô chủ, chỉ Niết-bàn là an ổn, tốt đẹp. Hàng Thanh văn có thể quán như vậy chứ không thể nhập sâu, nhận biết rõ. Hàng Bích-chi-phật có thể phân biệt chút ít nhưng cũng không thể nhập sâu, nhận biết rõ. Đức Phật biết các pháp, phân biệt rốt ráo, nhập sâu, nhận biết rõ. Như vua nước Ba-la-nại, khi mùa hè nóng bức, ở trên lầu cao, ngồi giường bảy báu, sai nô tỳ xoa thân bằng hương ngưu đầu chiên-đàn. Cánh tay của nô tỳ đeo nhiều vòng xuyến, khi xoa vào thân vua, những cái xuyến kêu vang. Vua rất sợ chúng bèn bảo lần lượt tháo ra, xuyến ít thì tiếng nhỏ, khi chỉ còn một cái xuyến thì im lặng không có tiếng nữa. Khi ấy, nhà vua giác ngộ và nói: Quốc gia, thần dân, cung nhân, mỹ nữ, nhiều sự thì nhiều phiền não cũng như vậy. Tức thì, nhà vua lìa dục, ở một mình tư duy chứng được quả vị Bích-chi-phật, râu tóc tự rụng, mặc áo bình thường, từ lâu đài đi ra, dùng sức thần túc của mình ra khỏi nhà, vào trong núi. Nhân duyên như vậy là Bích-chi-phật bậc trung.

Nếu hành giả cầu Phật đạo, nhập thiền định, trước hết phải chú tâm chuyên nhớ nghĩ sinh thân của chư Phật ba đời khắp mười phương, đừng nhớ nghĩ đến đất, nước, lửa, gió, núi rừng, cỏ cây, trong trời đất các loại có hình tướng và các pháp khác, tất cả đều chớ nhớ nghĩ, chỉ nhớ nghĩ đến sinh thân của chư Phật ở trong hư không.

Ví như núi lớn Tu-di bằng vàng ở giữa nước sạch của biển cả. Như trong đêm tối đốt ngọn lửa lớn. Như cờ bảy báu ở trong đền thờ lớn. Như vậy, thân Phật có ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp, thường ở trong tướng hư không màu xanh phóng ra vô lượng hào quang thanh tịnh. Thường nhớ nghĩ thân Phật như vậy thì hành giả liền được chư Phật ba đời khắp mười phương hiện ở trước mặt và thấy rõ tất cả Tam-muội. Nếu tâm duyên theo nơi khác thì thu giữ tâm trở lại, khiến niệm trụ nơi thân Phật.

Khi ấy, lại thấy ba trăm ngàn vạn ức vô lượng chư Phật ở phương Đông. Như vậy, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn hướng, trên dưới, tùy theo đối tượng nhớ nghĩ phương nào liền thấy tất cả Phật. Như người ban đêm nhìn thấy các vì sao, trăm ngàn, vô lượng vì sao đều thấy được. Bồ-tát được Tam-muội này trừ diệt tội nặng nơi vô lượng kiếp, tội nặng làm cho nhẹ, tội nhẹ làm cho diệt hết.

Được Tam-muội này rồi phải nhớ nghĩ đến vô lượng công đức, Nhất thiết trí, Nhất thiết giải nhất thiết kiến, Nhất thiết công đức của chư Phật, được đại Từ, đại Bi tự tại, tự mình mới ra khỏi màn vô minh đạt bốn Vô sở úy, năm Nhãn, mười Lực, mười tám pháp Bất cộng, có thể đoạn trừ vô lượng khổ, cứu nỗi lo sợ về lão tử, cùng với Niết-bàn thường lạc, Đức Phật có vô lượng công đức như vậy. Suy nghĩ như thế rồi, tự phát lời nguyện: "Đến khi nào đó con sẽ được thân như Phật, công đức rộng lớn như Phật?"

Lại phát lời đại thệ nguyện: "Tất cả phước quá khứ, tất cả phước hiện tại, đem hết cầu Phật đạo chứ không cầu quả báo khác." Lại suy nghĩ: "Tất cả chúng sinh rất đáng thương xót, công đức thân Phật rộng lớn như vậy, cớ sao chúng sinh lại cầu nghiệp khác mà không cầu Phật. Ví như người con đui mù của nhà giàu sang bị rớt xuống hầm sâu lớn, đói khổ vô cùng, ăn phân, bùn. Người cha rất thương con, tìm cách cứu nó, cứu vớt khỏi hầm sâu, cho con ăn thức ăn thượng vị." Hành giả suy nghĩ: "Hai loại thân công đức cam lồ của Phật như vậy mà chúng sinh bị rớt vào hố sâu sinh tử, ăn các thứ bất tịnh, con sẽ dùng tâm đại Bi cứu vớt tất cả chúng sinh, khiến họ được Phật đạo, vượt khỏi bờ sinh tử, dùng đủ loại pháp vị công đức của Phật làm cho họ no đủ, tất cả Phật pháp nguyện cầu đều chứng được, nghe, đọc, tụng, thọ trì, thưa hỏi, quan sát, thực hành,

chứng quả làm bậc thang, lập thệ chính yếu, mặc áo giáp ba nguyện, ngoài diệt các ma, trong cột giặc kết sử, vào thẳng không trở lại, ba nguyện như vậy so với vô lượng các nguyện, nguyện đều được trụ vào chúng vì cứu độ chúng sinh được Phật đạo. Suy nghĩ như vậy, nguyện như vậy là pháp niệm Phật Tam-muội của Bồ-tát.

Người hành đạo Bồ-tát, đối với ba độc nếu dâm dục nhiều thì trước tiên tự xem xét thân mình có tám tưởng và ba mươi sáu thứ bất tịnh như: xương, thịt, da, da ngoài, gân, mạch máu, máu, gan, phổi, ruột, dạ dày, phân, nước tiểu, nước mũi, nước miếng; chú tâm nhập quán, không theo niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thâu giữ trở lại. Như người cầm ngọn đuốc vào kho ngũ cốc, phân biệt từng loại đậu, lúa mì lúa gạo, bắp ngô đều biết rõ ràng. Lại nữa, quán sáu phần của thân. Cứng là phần đất, ướt là phần nước, nóng là phần lửa, động là phần gió, lỗ hổng là phần không, nhận biết là phần thức; cũng như mổ bò làm thành sáu phần: thân, đầu, bốn chân… mỗi thứ khác nhau. Thân có chín lỗ thường chảy ra thứ bất tịnh, là cái túi da đựng nước dãi, thường nên quán như vậy, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thâu giữ trở lại. Nếu được nhất tâm, ý sinh nhàm chán, lo sợ thì cầu xa lìa thân này, muốn mau diệt độ, sớm nhập Niết-bàn. Khi ấy, phải phát tâm đại Từ, đại Bi, dùng công đức lớn cứu độ chúng sinh, hưng khởi ba nguyện trước. Vì chúng sinh không nhận biết, không thanh tịnh nên tạo tác tội cấu. Con sẽ dẫn dắt vào quả vị giải thoát.

Lại nữa, chúng sinh cõi Dục ham thích bất tịnh như chó ăn phân. Con sẽ độ thoát họ đưa đến đạo thanh tịnh. Lại nữa, con sẽ cầu học tướng thật của pháp: không thường, không vô thường, chẳng tịnh, chẳng bất tịnh. Cớ sao con phải đắm vào sự bất tịnh này? Trí quán bất tịnh từ nhân duyên sinh. Như pháp này của con là phải cầu tướng thật.

Làm sao nhàm chán, lo sợ sự bất tịnh trong thân mà chứng được Niết-bàn?

Phải như voi lớn vượt qua dòng nước chảy xiết, đến tận cùng nguồn cội, được tướng pháp thật, diệt độ nhập Niết-bàn. Lẽ nào như loài khỉ, thỏ khiếp sợ dòng nước chảy mạnh, nên chỉ tự độ mình. Nay con sẽ học theo pháp của Bồ-tát, thực hành pháp quán bất tịnh, trừ bỏ dâm dục, giáo hóa khắp chúng sinh làm cho xa lìa khổ hoạn dục, không thực hành quán bất tịnh thì bị nhàm chán, chìm đắm.

Lại nữa, đã quán bất tịnh thì nhàm chán sinh tử, phải quán pháp môn thanh tịnh, chú tâm vào ba chỗ: Chóp mũi, giữa hai lông mày và trên

trán, nên ở trong pháp môn ấy lấy ra một tấc da, bỏ hết máu thịt, chú tâm vào xương trắng, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên bên ngoài thì thâu giữ trở lại. Chấp vào trong ba duyên thường cùng tâm chống đối như hai người đánh nhau. Nếu hành giả thắng tâm thì không bằng chế ngự nó an trụ. Đó gọi là nhất tâm.

Nếu vì nhàm chán, lo sợ mà phát khởi tâm đại Bi thương nhớ đến chúng sinh, vì chỗ xương rỗng không này mà xa lìa Niết-bàn, rơi vào ba đường ác thì con sẽ dùng hết sức lực làm các công đức giáo hóa chúng sinh khiến cho hiểu được tưởng của thân là không, xương nhờ da bao bọc, tích tụ sự bất tịnh tạo thành chúng sinh. Từ từ sẽ phân biệt tướng của các pháp ấy, có tướng ít bất tịnh thì chúng sinh tham chấp, tướng nhiều bất tịnh thì sinh nhàm chán, lo sợ, có xuất ra tướng của pháp cho nên sinh ra pháp thật. Trong tướng thật của các pháp chẳng tịnh, chẳng bất tịnh, cũng chẳng che đậy, cũng không xuất quán về các pháp, không thể hủy hoại, không thể lay động. Đó gọi là tướng thật của các pháp.

Người hành đạo Bồ-tát, nếu nhiều sân hận thì phải thực hành tâm từ, nhớ nghĩ đến chúng sinh ở phương Đông. Tâm từ thanh tịnh không oán ghét, không sân giận, rộng lớn vô lượng, thấy các chúng sinh đều ở trước mặt. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới cũng như vậy. Chế phục tâm, thực hành tâm từ không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên khác thì thâu giữ trở lại, giữ tâm vào đề mục, quan sát tất cả chúng sinh đều thấy rõ ràng ở trước mặt. Nếu được nhất tâm thì nên phát lời nguyện: "Con vì pháp thanh tịnh, thật Niết-bàn, độ thoát chúng sinh khiến được niềm vui chân thật mà tu hành Tam-muội Từ." Tâm như đấy là đạo của Bồ-tát. Trụ vào Tam-muội Từ để quán tướng thật của các pháp là thanh tịnh, chẳng hủy hoại, chẳng lay động, nguyện cho tất cả chúng sinh đều được pháp lợi ích này. Dùng Tam-muội Từ này nhớ nghĩ đến tất cả chúng sinh ở phương Đông khiến được mọi an lạc của Phật. Mười phương cũng như thế, tâm không loạn động. Đây là pháp môn Tam-muội Từ của Bồ-tát.

Hỏi: Tại sao không cùng một lúc nhớ nghĩ hết tất cả chúng sinh ở khắp mười phương?

Đáp: Trước hết chỉ nhớ nghĩ đến một phương thì dễ được nhất tâm, sau đó lần lượt tới khắp cả mười phương.

Hỏi: Người có kẻ thù hằn luôn muốn hại nhau làm sao thực hành Từ muốn làm cho người kia được an lạc?

Đáp: Từ là pháp của tâm, phát sinh ra từ tâm. Trước từ những người thân, người thân chuyển tăng dần cho đến kẻ oán thù. Như lửa đốt củi cháy

mạnh có thể đốt cả những vật ẩm ướt.

Hỏi: Nếu khi chúng sinh gặp đủ thứ khổ sở hoặc ở trong loài người, hoặc ở địa ngục, tuy Bồ-tát thương xót nhưng những người kia làm thế nào được an lạc?

Đáp: Trước tiên, từ sự an lạc, người kia nắm bắt tướng an lạc của Bồ-tát khiến cho người khổ đó được an lạc như Bồ-tát. Như quân bại trận, tướng sẽ lo sợ mất mạng, nhưng xem xét quân địch kia thì đều cho là dũng sĩ.

Hỏi: Thực hành Tam-muội Từ có lợi ích gì?

Đáp: –Hành giả tự suy nghĩ: Xuất gia lìa tục nên thực hành tâm Từ. Lại suy nghĩ: Thọ dụng của tín thí nên làm lợi ích như lời Đức Phật đã dạy. Luôn luôn thực hành Từ là theo lời dạy của Phật, tức là vào đạo không chỉ là nhận không của tín thí. Lại nữa, thân mặc y phục nhưng tâm không được đắm nhiễm, năng lực của Từ có thể khiến không bị đắm nhiễm. Lại nữa, tâm con thực hành Từ ở trong đời pháp bị phá hủy, con là người có pháp trong những người không có pháp, con là người có pháp, biết pháp chẳng phiền não nhờ diệu lực nơi định của Từ. Bồ-tát thực hành đạo hướng đến cửa giải thoát. Vô số thứ nóng bức khổ não thì Từ đem lại mát mẻ, an lạc. Như lời Phật dạy: Người bị nóng nực nên vào ao nước mát mẻ thì được an lạc. Lại nữa, mặc áo giáp đại Từ ngăn chận được mũi tên phiền não. Từ là thuốc pháp tiêu trừ độc oán kết. Từ có thể trừ diệt phiền não thiêu đốt tâm. Từ là bậc thang pháp bước lên đài giải thoát. Từ là thuyền pháp vượt qua biển sinh tử. Cầu đạt tài pháp thiện thì Từ là của báu bậc nhất. Từ là lương thực của đạo để đi đến Niết-bàn. Từ là bước chân vững chãi đi vào Niết-bàn. Từ là vị tướng giỏi vượt qua ba đường ác. Người có thể thực hành Từ thì tiêu trừ các việc ác, được chư Thiên, thiện thần luôn theo ủng hộ.

Hỏi: Nếu người đang thực hành Tam-muội Từ, cớ sao không mất bớt mà lại tăng trưởng lợi ích?

Đáp: Học giới thanh tịnh, niềm tin trọn vẹn dựa vào an lạc, học tập các thiền định, nhất tâm, trí tuệ, thích ở nơi thanh vắng, thường không buông lung, ít muốn biết đủ, hành theo lời Từ, kiềm chế thân, ít ăn uống, giảm bớt ngủ nghỉ; đầu đêm, cuối đêm tư duy không dứt, lời nói dè dặt, giữ gìn yên lặng; đi, đứng, nằm, ngồi đúng lúc, không làm mất đi, vượt qua mọi khổ cực mệt nhọc, tạo điều hòa lạnh nóng không khiến cho não loạn. Đây gọi là lợi ích của Từ. Lại nữa, đem niềm an lạc của Niết-bàn, an lạc của Phật đạo cho tất cả mọi người gọi là đại Từ. Hành giả tư duy: "Hiện tại, vị lai những bậc Đại nhân thực hành tất cả lợi ích của Từ. Con cũng mong

muốn là vị thần tốt của con. Con sẽ thực hành Từ để báo đáp ân thí chủ một cách đầy đủ." Lại suy nghĩ: "Tâm Từ, đức lớn thương nhớ đến tất cả chúng sinh, dùng đấy làm niềm vui. Đó là báo ân. Lại nữa, diệu lực của Từ có thể khiến cho tất cả tâm chúng sinh được vui mừng, thân xa lìa nóng bức được niềm vui trong lành, hành trì phước Từ, nhớ nghĩ đến an lạc cho tất cả chúng sinh để báo đáp ân ấy. Lại nữa, Từ có lợi ích đoạn trừ pháp sân hận, mở bày pháp môn khen ngợi. Thí chủ làm ruộng tốt là nhân sinh lên cõi Phạm thiên, trụ vào cõi ly dục, trừ bỏ các oán đối và gốc của mọi chống trái, được chư Phật khen ngợi, bậc trí kính yêu, có thể giữ giới thanh tịnh, phát sinh ánh sáng trí tuệ, có thể nghe về lợi ích của pháp, công đức giải thoát, khẳng định là nhân tốt, nguyện lực xuất gia mạnh mẽ, tiêu trừ các ác, Từ có thể hàng phục sự nhục mạ, bất thiện, chứa nhóm niềm vui, phát sinh pháp tinh tấn, là nguồn gốc của giàu sang, phân biệt ngôi nhà trí tuệ, kho tàng thành tín, cửa các pháp thiện, chí thành khen ngợi pháp, cung kính đạo chân chánh căn bản của Phật. Nếu người làm ác, trở lại tự mình nhận chịu các tai ương đó. Năm loại lời ác là lời nói không đúng thời, lời không chân thật, lời chẳng lợi ích, lời chẳng từ, lời chẳng dịu dàng. Năm lời ác này không thể làm điên đảo, tất cả các độc hại cũng không thể làm thương tổn. Ví như ngọn lửa nhỏ không thể đốt nóng biển cả.

Như trong kinh Tỳ-la, vua nước Vu Điền tên A-bà-đà-na nói: "Có hai người chồng, một tên Vô Tỷ, hai tên Xá-mê-bà-đế. Vô Tỷ chê bai Xá-mê-bà-đế vì Xá-mê-bà-đế có năm trăm người hầu. Vua dùng năm trăm mũi tên muốn lần lượt bắn chết họ. Xá-mê-bà-đế bảo các người hầu đứng sau ông ta. Khi ấy, Xá-mê-bà-đế nhập vào Tam-muội Từ. Vua giương cung bắn ông nhưng mũi tên rơi xuống dưới chân, mũi tên thứ hai trở lại dưới chân vua. Nhà vua vô cùng kinh ngạc, lại muốn bắn mũi tên tiếp. Xá-mê-bà-đế nói với vua: "Xin hãy dừng lại, nghĩa vợ chồng là nói với nhau thôi. Nếu ông phóng mũi tên này thì nó sẽ đi thẳng vào tim ông." Khi ấy, nhà vua hoảng sợ, buông cung, ngừng bắn và hỏi:

–Ông có phép thuật gì?

Đáp: Tôi không có phép thuật gì khác. Tôi là đệ tử Đức Phật, nhập vào Tam-muội Từ. Đây là Tam-muội Từ lược nói có ba loại duyên: Sinh duyên, pháp duyên và vô duyên. Những người chưa đắc đạo gọi là sinh duyên. A-la-hán, Bích-chi-phật gọi là pháp duyên. Chư Phật Thế Tôn gọi là vô duyên. Cho nên lược nói pháp môn Tam-muội Từ.

Người hành đạo Bồ-tát ở trong ba độc nếu nhiều ngu si thì nên quán mười hai phần để diệt trừ hai loại ngu si. Bên trong diệt trừ ngu si của thân,

bên ngoài diệt trừ ngu si của chúng sinh. Tư duy rằng: Con và chúng sinh đều ở trong nguy nạn, thường bị sinh, già, bệnh, chết diệt xuất hiện. Chúng sinh thật đáng thương, không biết đạo xuất thế từ đâu để giải thoát? Hết lòng suy nghĩ: sinh, già, bệnh, chết từ nhân duyên sinh. Lại nên suy nghĩ: Sinh duyên nơi gì? Hết lòng suy nghĩ: Sinh duyên nơi hữu, hữu duyên nơi thủ, thủ duyên nơi ái, ái duyên nơi thọ, thọ duyên nơi xúc, xúc duyên nơi lục nhập, lục nhập duyên nơi danh sắc, danh sắc duyên nơi thức, thức duyên nơi hành, hành duyên nơi vô minh. Như vậy, lại suy nghĩ: Phải nhờ nhân duyên gì để diệt sinh, già, chết? Hết lòng suy nghĩ: Sinh diệt nên lão tử diệt, hữu diệt nên sinh diệt, thủ diệt nên hữu diệt, ái diệt nên thủ diệt, thọ diệt nên ái diệt, xúc diệt nên thọ diệt, lục nhập diệt nên xúc diệt, danh sắc diệt nên lục nhập diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, hành diệt nên thức diệt, vô minh diệt nên hành diệt.

Mười hai phần trong đấy như thế nào?

Vô minh phần là không biết trước, không biết sau, không biết cả trước lẫn sau, không biết trong, không biết ngoài, không biết cả trong lẫn ngoài, không biết Phật, không biết Pháp, không biết Tăng; không biết Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không biết nghiệp, không biết quả, không biết cả nghiệp lẫn quả, không biết nhân, không biết duyên, không biết cả nhân lẫn duyên, không biết tội, không biết phước, không biết cả phước lẫn tội, không biết thiện, không biết bất thiện, không biết cả thiện lẫn bất thiện, không biết pháp tội, không biết pháp chẳng tội, không biết pháp nên gần gũi, không biết pháp nên xa lìa, không biết pháp hữu lậu, không nhận biết pháp vô lậu, không nhận biết pháp thế gian, không nhận biết pháp xuất thế gian, không nhận biết pháp quá khứ, không nhận biết pháp vị lai, không nhận biết pháp hiện tại, không nhận biết pháp đen, không nhận biết pháp trắng, không nhận biết pháp phân biệt nhân duyên, không nhận biết pháp sáu xúc, không nhận biết pháp thật chứng, những thứ không nhận biết, không trí tuệ, không nhận thấy tăm tối, không rõ ràng, đó gọi là vô minh. Vô minh duyên nơi hành.

Sao gọi là hành?

Hành có ba loại: Thân hành, khẩu hành và ý hành.

–Thân hành là thế nào? Hơi thở ra, hơi hít vào là pháp thân hành. Vì sao? Vì pháp này thuộc về thân nên gọi là thân hành.

–Khẩu hành là thế nào? Có nhận biết, có quan sát, khởi lên sự giác quán rồi sau đó miệng mới nói. Nếu không có giác quán thì không có lời nói. Đây gọi là khẩu hành.

–Ý hành là thế nào? Thọ, tưởng là pháp của ý, lệ thuộc vào ý. Đây

gọi là ý hành.

Lại nữa, cõi Dục thuộc về hành, cõi Sắc thuộc về hành, cõi Vô sắc cũng thuộc về hành. Lại nữa, thiện là hành, bất thiện là hành và không lay động cũng là hành.

Thế nào thiện là hành? Tất cả thiện của cõi Dục là hành, cũng là ba địa của cõi Sắc.

Thế nào bất thiện là hành? Là các pháp bất thiện.

Thế nào không lay động là hành? Thiền thứ tư có thiện hữu lậu là hành và định vô sắc thiện hữu lậu là hành. Đó gọi là hành. Hành duyên nơi thức.

Thế nào gọi là thức? Sáu loại thức giới là nhãn thức cho đến ý thức, đó gọi là sáu thức. Thức duyên nơi danh sắc.

Thế nào gọi là danh? Bốn phần vô sắc là thọ, tưởng, hành, thức, đó gọi là danh.

Thế nào gọi là sắc? Tất cả các sắc, bốn đại và sắc được tạo ra, đó gọi là sắc.

Thế nào là bốn đại? Đó là đất, nước, lửa, gió. Đất là gì? Tướng cứng, nặng là đất. Tướng mềm, ướt là nước. Tướng nóng là lửa. Tướng lay động là gió. Các sắc còn lại đều có thể nhận thấy. Có chướng ngại, không chướng ngại, đó gọi là sắc được tạo ra. Danh và sắc hòa hợp gọi là danh sắc. Danh sắc duyên nơi lục nhập.

Thế nào là lục nhập? Sáu nhập bên trong là nhãn nhập cho đến ý nhập, đó gọi là lục nhập. Lục nhập duyên nơi xúc.

Thế nào là xúc? Sáu loại xúc giới là nhãn xúc cho đến ý xúc.

Thế nào là nhãn xúc? Mắt duyên sắc sinh ra nhãn thức. Ba pháp hòa hợp gọi là nhãn xúc, cho đến ý xúc cũng như vậy. Xúc duyên nơi thọ.

Thế nào là thọ? Ba loại thọ là lạc thọ, khổ thọ và bất lạc bất khổ thọ.

Thế nào là lạc thọ? Là ái đưa đến.

Thế nào là khổ thọ? Là sân đưa đến.

Thế nào là bất lạc bất khổ thọ? Là si đưa đến. Lại nữa, lạc thọ là sinh ra lạc, lạc có mặt thì có diệt được khổ. Khổ thọ là sinh ra khổ, khổ có mặt thì diệt mất lạc. Bất lạc bất khổ thọ là không nhận biết khổ, không nhận biết lạc. Thọ duyên nơi ái.

Thế nào là ái? Mắt tiếp xúc với sắc sinh ra ái, cho đến ý tiếp xúc với pháp sinh ra ái. Ái duyên nơi thủ.

Thế nào là thủ? Đó là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã ngữ thủ. Thủ

duyên nơi hữu.

Thế nào là hữu? Có ba loại hữu là Dục hữu, Sắc hữu và Vô sắc hữu, dưới từ A-tỳ-đại-nê-lê, trên đến trời Tha hóa tự tại, đó là dục hữu và năng lực tạo nghiệp của chúng.

Thế nào là Sắc hữu? Dưới từ cõi Phạm Thế, trên đến cõi A-ca-nị-trá, đó là Sắc hữu.

Thế nào là Vô sắc hữu? Từ hư không cho đến cõi Phi hữu tưởng, phi vô tưởng, đó là Vô sắc hữu. Hữu duyên nơi sinh.

Thế nào là sinh? Muôn loài chúng sinh sinh ra khắp nơi có thọ, ấm, được giữ gìn, được nhập vào và được thọ mạng, đó gọi là sinh. Sinh duyên nơi già, chết.

Thế nào là già? Răng rụng, tóc bạc, da nhăn, các căn suy kém, hơi thở yếu dần, lưng còng chống gậy bước đi, thân năm ấm suy yếu, đó gọi là già.

Thế nào là chết? Tất cả chúng sinh khắp nơi rơi rụng, tiêu diệt, chết mất, thọ mạng hết, đó gọi là chết. Trước già sau chết gọi là già chết.

Mười hai nhân duyên trong đây, tất cả thế gian chẳng phải ngoài không nhân duyên, chẳng phải ngoài trời, chẳng phải ngoài người, chẳng phải ngoài đủ loại nhân duyên sai lệch sinh ra. Bồ-tát quán xét mười hai nhân duyên, chú tâm không loạn động, không khởi niệm khác. Nếu niệm theo các duyên khác thì thâu giữ trở lại. Quán mười hai phần sinh trong ba đời: Đời trước, đời này và đời sau. Nếu Bồ-tát được trụ tâm thì nên quán mười hai phần là không, không có chủ thể, ngu si nên không nhận biết ngã tạo hành, hành không nhận biết ngã từ si mà có, chỉ vì duyên vô minh nên hành sinh. Như giống cỏ cây từ hạt, mầm mọc lên. Hạt cũng không biết mình nảy ra mầm, mầm cũng không biết mình từ hạt mọc ra. Cho đến già, chết cũng như vậy.

Trong mười hai phần này, mỗi mỗi quán biết chúng không có chủ, không có ngã. Như cỏ cây bên ngoài không có chủ thể, chỉ từ điên đảo thấy có ngã và ngã sở.

Hỏi: Nếu không có ngã và ngã sở, không có chủ thể, không có đối tượng tạo tác thì tại sao nói quá khứ, vị lai, chết đây sinh kia?

Đáp: Tuy không có ngã, ngã sở nhưng trong sáu tình làm nhân, sáu trần làm duyên sinh ra sáu thức, ba việc này hòa hợp nên tiếp xúc với pháp sinh ra nhớ nghĩ, nhận biết về các nghiệp. Do đó, nói quá khứ, vị lai từ đây có sinh tử. Ví như mặt trời thích ngọc báu. Nhờ mặt trời mà phân bò khô hòa hợp các phương tiện phát ra lửa.

Năm ấm cũng vậy, nhân năm ấm này sinh ra năm ấm đời sau nhưng chẳng phải năm ấm này hướng đến đời sau, cũng không lìa này mà được năm ấm đời sau. Năm ấm chỉ từ nhân duyên sinh ra. Ví như mầm sinh ra từ hạt lúa. Hạt lúa này chẳng phải là mầm cũng chẳng phải ngoài mầm khác sinh ra, chẳng khác nhưng chẳng phải một, được thân đời sau cũng như vậy. Ví như cây chưa có cành, đốt, nhánh, lá, hoa, quả, đúng thời tiết, nhân duyên thì hoa lá đều đầy đủ. Hành báo của thiện ác cũng như vậy. Hạt giống bị hoại nên chẳng phải thường, chẳng phải một. Mầm, cành, lá… được sinh ra nên không đoạn, không khác. Sinh tử liên tục cũng như vậy.

Hành giả cho rằng pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, tự sinh, tự diệt, nhận biết do ái mà các pháp có mặt, nhận biết do diệt mà biến mất, nhận biết tận là đạo, dùng bốn loại trí, nhận biết mười hai phần là đạo chánh kiến. Chúng sinh bị trói buộc, chấp vào chỗ hư dối. Bấy giờ, Bồ-tát phát tâm đại Bi: Ta sẽ làm Phật, dùng đạo chánh chân để giáo hóa những chúng sinh kia khiến cho thấy được chánh đạo.

Hỏi: Như trong Ma-ha-diễn Bát-nhã-ba-la-mật-đa nêu: "Các pháp không sinh, không diệt, là không, không thật có, nhất tướng, vô tướng. Đó gọi là chánh kiến." Tại sao nói những pháp quán về vô thường… gọi là chánh kiến?

Đáp: Nếu trong Ma-ha-diễn nêu các pháp là không, vô tướng thì cớ sao nói vô thường, khổ, không, không thật…? Nếu nói không sinh, không diệt, không là tướng thật thì không nên nói vô tướng. Ông nói trước sau không tương ưng. Lại nữa, Đức Phật dạy bốn thứ điên đảo, thường điên đảo, ở trong vô thường cho là thường là điên đảo cũng có lý. Tất cả các pháp hữu vi là vô thường. Vì sao? Vì do duyên sinh. Nhân vô thường, duyên vô thường, đã được quả sinh ra sao là thường? Trước không nay có, có rồi lại không, tất cả chúng sinh đều thấy là vô thường. Bên trong có già, bệnh, chết, bên ngoài thấy vạn vật rơi rụng tan rã. Vì thế nên gọi là vô thường, không thật.

Hỏi: Tôi không nói có thường là thật, vô thường là không thật. Vì sao? Vì Đức Phật đã dạy: Trong không có thường, vô thường cả hai việc đều không thể nắm bắt. Nếu chấp vào hai việc này thì đều là điên đảo.

Đáp: Ông nói không cùng với pháp tương ưng. Vì sao? Vì nói không có pháp cớ sao lại nói cả hai đều điên đảo? Tất cả không, không thật có là thật, không điên đảo. Nếu ta phá thường mà chấp vào vô thường thì pháp của ta nên phá chứ không phải thật ta, phá điên đảo về thường nên quán vô thường. Vì sao? Vì năng lực của vô thường có thể phá thường. Như độc có

thể phá độc khác. Như thuốc trị bệnh, thuốc cũng phải bỏ đi, nên biết thuốc tốt có thể trị bệnh nhưng khi bệnh lành rồi, nếu không bỏ thuốc, sau đó thuốc chính là bệnh. Ở đây cũng vậy, nếu chấp pháp vô thường phải nên phá vì không thật. Ta không thọ nhận pháp vô thường làm sao phá?

Phật dạy:

Khổ là nói thật khổ trong bốn Đế. Ai có thể làm cho an lạc? Nhân của khổ là nhân thật. Ai có thể làm cho chẳng phải nhân? Khổ hết là thật hết. Ai có thể làm cho không hết? Diệt đạo là đạo thật. Ai có thể làm cho chẳng phải đạo? Như mặt trời, ai có thể làm cho lạnh đi? Ai có thể làm cho mặt trăng nóng lên? Gió có thể không lay động? Bốn Đế này hoàn toàn không thể chuyển đổi. Ông đối với Ma-ha-diễn không thể hiểu được, chỉ chấp vào tiếng nói thôi. Thật tướng của các pháp trong Ma-ha-diễn là tướng thật. Tướng thật thì không thể phá, không có người tạo tác. Nếu có thể phá hủy, có thể tạo tác thì đây chẳng phải là Ma-ha-diễn. Như trăng mới mọc một đêm, hai đêm, khi nó mọc rất nhỏ, người mắt sáng có thể nhìn thấy, dùng tay chỉ cho người không thấy. Người không thấy này chỉ nhìn thấy ngón tay của người kia mà lầm là trăng. Người mắt sáng nói: Kẻ ngu này tại sao chỉ nhìn ngón tay của ta. Ngón tay là duyên của trăng, ngón tay chẳng phải là mặt trăng kia. Ông cũng như vậy, tiếng nói chẳng phải là tướng thật, chỉ là tiếng giả biểu thị lý thật. Ông càng chấp vào tiếng nói thì càng mê lầm nơi tướng thật.

Nếu hành giả đạt được chánh tri kiến như vậy thì quan sát mười hai phần hòa hợp là hai phần nhân quả. Khi mười hai phần theo quả là Khổ đế, mười hai phần theo nhân là Tập đế, khi nhân diệt là Diệt đế, thấy được nhân quả diệt tận là Đạo đế. Bốn loại quán về quả là vô thường, khổ, không, vô ngã. Bốn loại quán về nhân là tập, nhân, duyên, sinh.

Hỏi: Quả có bốn loại sao chỉ gọi khổ đế, còn những thứ khác không có tên đế sao?

Đáp: Nếu nói vô thường là đế lại nghi ngờ, khổ đế cũng nghi ngờ, vô ngã là đế cũng nghi ngờ. Đây là một loại nạn xứ. Lại nữa, nếu nói vô thường là đế, không lỗi lầm thì không, vô ngã là đế cũng không lỗi lầm. Nếu vô thường, khổ, không, vô ngã là đế thì chỗ nêu lên là trùng lặp. Cho nên, đối với bốn nói một.

Hỏi: Khổ có tướng gì khác hay ở trong ba chỉ được nêu tên gọi?

Đáp: Khổ là sự chán, lo của tất cả chúng sinh, sự sợ hãi của chúng sinh. Vô thường không như vậy. Nếu có người bị khổ bức bách thì suy nghĩ được về vô thường. Không có người muốn bị khổ.

Hỏi: Có người muốn cầm dao tự giết, kim châm, lửa đốt, thuốc đắng, vào nơi giặc giã, những việc như vậy có phải là cầu khổ không?

Đáp: Chẳng phải là muốn bị khổ, muốn được niềm vui lớn mà sợ khổ nên chấp nhận cái chết. Khổ là nạn thứ nhất. Lạc là lợi bậc nhất. Vì thế, nên xa lìa khổ thật thì được an lạc. Cho nên, Đức Phật chỉ dùng phần quả gọi là khổ đế, chẳng phải vô thường, không, vô ngã là đế. Ở trong bốn đế này hiểu rõ về trí tuệ chân thật, không nghi ngờ, không hối tiếc, đó gọi là chánh kiến. Suy nghĩ về những việc này thì tăng trưởng lợi ích, đó gọi là chánh giác. Trừ diệt tà mạng, thu giữ bốn loại tà ngữ, xa lìa bốn loại tà ngữ khác, thu giữ bốn loại chánh ngữ, trừ bỏ tà mạng, thu giữ ba loại nghiệp, trừ diệt ba loại tà nghiệp khác gọi là chánh nghiệp. Xa lìa những thứ tà mạng, đó gọi là chánh mạng.

Khi quán như vậy mà tinh tấn là chánh phương tiện. Nhớ nghĩ việc này không tán loạn gọi là chánh niệm. Suy nghĩ về việc này không lay động gọi là chánh định. Chánh giác như vua, có bảy việc luôn theo, gọi là đạo đế. Dốc lòng siêng năng cầu đạo gọi là tinh tấn căn. Dốc lòng nhớ nghĩ không quên mất gọi là niệm căn. Tâm an trụ một chỗ, không giong ruổi, tán loạn gọi là định căn. Suy nghĩ, phân biệt biết về những việc vô thường… gọi là tuệ căn. Những căn này được tăng trưởng về sức lực gọi là năm Lực.

Hỏi: Trong tám Chánh đạo đều đã nêu về tuệ, niệm, định… Tại sao trong căn, lực lại còn nêu?

Đáp: Lúc nhập theo hành, ban đầu được lợi ích nhỏ, lúc ấy gọi là căn. Năm việc này tăng trưởng đạt được năng lực, gọi là lực. Ban đầu nhập trung đạo của kiến đế vô lậu, công đức này gọi là tám Chánh đạo. Khi đi vào tư duy về đạo gọi là bảy Giác ý. Ban đầu nhập trung đạo quán niệm về thân, thọ, tâm, pháp, thường dốc lòng nhớ nghĩ, đó gọi là bốn Niệm chỉ. Như vậy đạt được bốn loại tinh tấn của pháp vị thiện, đó gọi là bốn Chánh cần. Như thế, pháp môn ban đầu là dục, tinh tấn, định, tuệ, ân cần tinh tấn cầu tự tại như ý, đó gọi là bốn Thần túc. Tuy gọi là bốn Niệm chỉ, bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn… nhưng đều tùy theo hành ban đầu, lúc sau, nhiều, ít, hành duyên theo từng bậc, mỗi mỗi đều được đặt tên. Ví như bốn đại, mỗi mỗi thứ đều có đủ bốn đại, chỉ đại nào nhiều thì đặt tên đó. Nếu địa chủng nhiều, thủy, hỏa, phong ít thì gọi là địa đại. Thủy, hỏa, phong cũng như vậy. Như trong ba mươi bảy phẩm này, mỗi mỗi đều có đủ các phẩm khác. Như trong bốn Niệm chỉ đều có bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Đạo…

Như vậy, quan sát mười hai phần, bốn Đế, thực hành bốn Niệm chỉ,

bốn Chánh cần, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác ý, tám Chánh đạo thì tâm hành giả được an lạc. Lại dùng pháp này độ thoát chúng sinh. Dốc lòng thệ nguyện tinh tấn cầu Phật. Lúc ấy trong tâm tư duy quán niệm: "Con hiểu rõ, quán biết đạo này không nên thủ chứng." Có hai việc cần thiết nên chưa thể nhập Niết-bàn:

1. Đại Bi, không lìa bỏ chúng sinh.

2. Biết rõ tướng thật của các pháp.

Các tâm, những pháp của tâm đều từ nhân duyên sinh ra. Nay ta làm sao tùy theo pháp không thật này được, phải tự suy nghĩ nhằm hội nhập vào, quán kỹ mười hai nhân duyên, nhận biết nhân duyên là pháp gì? Lại càng suy nghĩ: Bốn loại duyên này là: Nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Năm nhân làm nhân duyên, trừ tâm sau cùng của A-la-hán trong quá khứ, hiện tại, tâm tâm sở pháp của quá khứ, hiện tại; thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên này đều duyên nơi tất cả pháp. Lại tự suy nghĩ: Nếu nói pháp có trong nhân duyên trước thì không nên nói pháp này từ nhân duyên sinh. Nếu không có cũng không nên nói trong nhân duyên sinh ra nửa có nửa không, cũng không nên nói nhân duyên sinh thì làm sao có nhân duyên.

Nếu pháp chưa sinh, nếu tâm tâm sở pháp của quá khứ bị mất đi thì làm sao có thể tạo thứ đệ duyên? Nếu diệu pháp trong Phật pháp không có duyên thì Như Lai làm sao là duyên duyên? Nếu các pháp thật không có tánh thì có pháp cũng không thể nắm bắt. Nếu nhân duyên từ nơi quả ra, do đây có kia thì đây nói không như vậy. Nếu mỗi mỗi sai khác trong nhân duyên, nếu hòa hợp một chỗ thì quả này không thể được.

Làm sao ngoài nhân duyên sinh ra quả, trong nhân duyên không có quả? Nếu trong nhân duyên trước không có quả mà sinh ra thì tại sao ngoài nhân duyên sinh ra quả? Cả hai đều không. Quả thuộc về nhân duyên mà cũng ngoài nhân duyên sinh. Nhân duyên này không tự tại thuộc nhân sinh. Quả này thuộc nhân duyên khác cớ sao không tự tại? Nhân duyên có thể sinh quả. Cho nên, quả không từ nhân duyên mà có, cũng không từ chẳng phải nhân duyên mà có, tức chẳng phải quả. Quả không có nên duyên và phi duyên cũng không có.

Hỏi: Đức Phật dạy: Mười hai nhân duyên thì vô minh duyên nơi các hành. Cớ sao ông nói không có nhân quả?

Đáp: Trước đã trả lời đầy đủ, không nên vấn nạn lần nữa, nếu vấn nạn lại thì phải trả lời lại. Đức Phật dạy: Mắt nhân nơi sắc, duyên với ngu si bên ngoài sinh ra nhớ nghĩ sai lệch thì si là vô minh. Trong đó, vô minh

nương tựa vào đầu mà tồn tại. Nương tựa vào mắt chăng, trong sắc chăng, thức chăng? Không nên nương tựa vào mắt mà tồn tại. Nếu nương tựa vào mắt mà tồn tại thì không nên đối đãi với sắc, thường thích ứng với si. Nếu nương vào mắt mà tồn tại thì không nên đối đãi với mắt tức là ngoài si ra cái gì can dự vào việc của ta. Nếu nương tựa vào thức mà tồn tại thì thức không có sắc, không chướng ngại, không tiếp xúc, không phân chia, không nơi chốn.

Vô minh cũng vậy, làm thế nào có thể tồn tại? Cho nên, vô minh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải chặng giữa, không đến từ đời trước, cũng không sang đời sau, chẳng phải từ phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên, dưới đến, không có pháp thật. Tánh vô minh cũng thế, hiểu được tánh vô minh thì biến đổi được vô minh. Mỗi mỗi suy xét nó vì si không thể nắm bắt. Vô minh duyên nơi hành là thế nào? Như hư không không sinh, không diệt, không có, không mất, bản tánh thì thanh tịnh. Vô minh cũng như vậy, không sinh, không diệt, không có, không mất, bản tánh thanh tịnh. Cho đến, sinh duyên nơi lão, tử cũng vậy. Bồ-tát quán xét mười hai nhân duyên như vậy, nhận biết chúng sinh hư dối, bị lệ thuộc vào nạn khổ nên có thể hóa độ. Nếu các pháp có tướng thật thì khó có thể độ được. Suy nghĩ như vậy thì diệt trừ ngu si. Nếu tâm Bồ-tát nhiều hiểu biết, suy nghĩ thì thường nhớ nghĩ đến A-na-la-na, khi hít vào, thở ra đếm một cho đến mười. Mỗi mỗi tâm không làm cho giong ruổi, tán loạn. Bồ-tát từ pháp môn này đạt được nhất tâm, diệt trừ dục hành của năm thứ ngăn che.

Bồ-tát thấy đạo nên thực hành ba loại nhẫn: Pháp Sinh nhẫn, Nhu thuận pháp nhẫn, Vô sinh nhẫn. Sinh nhẫn là như thế nào? Tất cả chúng sinh hoặc chửi, hoặc đánh, hoặc giết, tạo đủ thứ việc ác mà tâm không lay động, không sân, không hận, không chỉ nhẫn nhục mà còn thể hiện Từ bi. Những chúng sinh này cầu các điều tốt đẹp, nguyện được tất cả, tâm của người nhẫn không xả bỏ họ. Bấy giờ, dần dần hiểu được tướng thật của các pháp, như hơi thở hiện rõ. Ví như mẹ hiền thương yêu con đỏ của mình, cho bú mớm, nuôi dưỡng dạy dỗ, đủ thứ không sạch mà không cho là dơ bẩn, nhớ thương gấp bội, muốn làm cho con được an lạc. Hành giả cũng vậy, tất cả chúng sinh đủ thứ xấu ác, tịnh, bất tịnh, tâm không tăng thêm ghét bỏ, không thoái lui, không lay chuyển.

Lại nữa, vô lượng chúng sinh ở khắp mười phương, một mình con phải nên độ tất cả, khiến cho họ đạt được Phật đạo. Tâm nhẫn nhục không thoái lui, không hối tiếc, không từ bỏ, không biếng nhác, không nhàm chán, không lo sợ, không thấy khó khăn. Ở trong sinh nhẫn này, nhất tâm chú

niệm ba loại tư duy, không khởi lên niệm khác. Nếu niệm theo duyên bên ngoài thì thâu giữ trở lại. Đó gọi là sinh nhẫn.

Nhu thuận nhẫn là như thế nào?

Bồ-tát đã đạt được công đức vô lượng của sinh nhẫn nên nhận biết phước báu của công đức này là vô thường. Khi ấy, nhàm chán vô thường tự cầu phước thường hằng, cũng vì chúng sinh mà cầu pháp thường trụ. Tất cả các pháp, pháp sắc, pháp vô sắc, pháp có thể thấy, pháp không thể thấy, pháp chướng ngại, pháp không chướng ngại, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, hữu vi, vô vi, thượng, trung, hạ, cầu tướng thật của chúng. Cớ sao tướng thật chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải không lạc, chẳng phải không, chẳng phải chẳng không, chẳng phải hữu thần, chẳng phải vô thần? Tại sao chẳng phải thường? Vì do nhân duyên sinh. Trước không nay có, đã có lại không, cho nên chẳng phải thường. Tại sao chẳng phải vô thường? Vì nghiệp báo không mất, lãnh thọ trần duyên bên ngoài, nhân duyên tăng trưởng, cho nên chẳng phải vô thường. Tại sao chẳng phải lạc? Vì ở trong khổ mới sinh tưởng là lạc. Tất cả là tánh vô thường, nơi dục mà sinh, cho nên chẳng phải lạc. Tại sao chẳng phải bất lạc? Vì có lạc thì có hữu, do dục nhiễm sinh ra, cầu lạc không tiếc thân mạng, cho nên, chẳng phải bất lạc. Tại sao chẳng phải không? Vì nhập vào trong ngoài, mỗi mỗi nhận biết rõ ràng, có quả báo của tội, phước, tất cả chúng sinh tin tưởng, cho nên chẳng phải không. Tại sao chẳng phải chẳng không? Vì những thứ hòa hợp sinh ra cầu phân biệt không thể được, tâm lực chuyển đổi cho nên chẳng phải chẳng không. Tại sao chẳng phải hữu thần? Vì không tự tại, thức giới thứ bảy không thể nắm bắt, tướng thần không nắm bắt cho nên chẳng phải hữu thần. Tại sao chẳng phải vô thần? Vì có đời sau, được giải thoát, mỗi mỗi tâm ta sinh ra không tính kể nơi khác, cho nên chẳng phải vô thần. Như vậy, không sinh, không diệt, chẳng phải không sinh, chẳng phải không diệt, chẳng phải có, chẳng phải không, không thọ, không chấp, mọi ngôn thuyết đều diệt, nơi chốn hành của tâm cũng diệt trừ, như tánh của Niết-bàn là tướng thật của pháp. Ở trong pháp này tâm tin tưởng thanh tịnh, không trì trệ, không ngăn ngại, uyển chuyển nhận biết, tin tưởng tiến tới. Đó gọi là pháp Nhẫn nhu thuận.

Pháp Nhẫn vô sinh là thế nào?

Như trong phần nói về pháp tướng thật trên, trí tuệ, tín, tấn, tăng trưởng, các căn thông suốt, đó gọi là pháp Nhẫn vô sinh. Ví như trong pháp của hàng Thanh văn, pháp noãn, đảnh, trí tuệ, tín, tinh tấn tăng trưởng đạt được pháp nhẫn. Nhẫn là nhẫn về Niết-bàn, nhẫn với pháp vô lậu nên gọi

là nhẫn, mới được, mới thấy cho nên gọi là nhẫn. Pháp nhẫn cũng như thế, khi A-la-hán giải thoát không được trí vô sinh, tiến thêm, tạo lợi ích rộng lớn, chưa đến lúc giải thoát mà được trí vô sinh. Pháp Nhẫn vô sinh cũng như vậy, tuy chưa đạt được quả vị Bồ-tát nhưng được pháp Nhẫn vô sinh, đạt được hành quả chân thật của Bồ-tát, đó gọi là đạo quả của Bồ-tát.

Khi ấy, đạt được Tam-muội Ban chu, đối với chúng sinh được đại Bi, hội nhập vào pháp môn Bát-nhã ba-la-mật. Bấy giờ, Đức Phật liền thọ ký danh hiệu cho người ấy, sinh vào trong cõi Phật, được chư Phật nhớ nghĩ, tất cả tội nặng thành nhẹ, tội nhẹ được diệt trừ, đoạn dứt ba đường ác, thường sinh trong hàng trời, người, gọi là bất thoái chuyển, đến cõi bất động, nhục thân sau cùng nhập vào trong pháp thân, có thể làm đủ thứ biến hóa, độ thoát tất cả chúng sinh, đầy đủ sáu Độ, cúng dường chư Phật, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh, đứng trong mười địa, công đức viên mãn, lần lượt chứng được Bồ-đề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là pháp môn ban đầu trong pháp thiện của Bồ-tát.

Khi hành giả định tâm cầu đạo
Thì thường nên quan sát phương tiện
Nếu không đúng thời, không phương tiện
Là phải bị mất không được lợi.
Như nghé chưa sinh mà vắt sữa
Không đúng thời sữa không thể có
Nếu nghé đã sinh, vắt bò đực
Sữa chẳng thể được vì vô trí.
Như chặt cây ướt cầu ra lửa
Không đúng thời, lửa không thể có
Nếu bẻ cây khô để cầu lửa
Vô trí nên không thể được lửa.
Đúng nơi, biết thời, lượng sức mình
Quán tâm, sức phương tiện nhiều ít
Hợp với tinh tấn và không hợp
Tướng đạo đúng thời và không đúng.
Nếu tâm dao động không nên dũng
Dũng quá như vậy chẳng được định
Nếu như củi nhiều, cháy lửa lớn
Gió mạnh thổi đến không dập tắt.
Nếu hay dùng định tự điều tâm
Như vậy dứt động tâm được tịnh
Ví như lửa lớn, gió mạnh thổi

Nước lớn tưới đến đều tiêu diệt.
Nếu người yếu đuối lại lười biếng
Nhàm chán như thế không nên làm
Ví như củi ít, không có lửa
Không được gió thổi, liền tự diệt.
Nếu có tinh tấn, tâm dũng mãnh
Chuyển mạnh như vậy mau đạt đạo
Ví như lửa lớn, nhiều củi đốt
Khi gió thổi đến lửa không tắt.
Nếu hành buông lung nên dừng lại
Nếu lại phế bỏ, mất hộ pháp
Ví như người bệnh được chăm sóc
Nếu không bỏ thì không được sống.
Nếu có tưởng bỏ, tâm chân chánh
Đúng thời siêng làm, mau đắc đạo
Ví như có người cỡi voi thuần
Tùy ý đi khắp không chướng ngại.
Nếu tâm nhiều dâm dục, ái loạn
Bấy giờ không nên hành Từ bi
Người dâm hành từ thêm buồn bực
Như người bệnh lạnh uống thuốc lạnh.
Người dâm, tâm loạn quán bất tịnh
Quán thật bất tịnh tâm được định
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh lạnh uống thuốc nóng.
Nếu tâm nhiều sân giận, rối loạn
Bấy giờ, không nên quán bất tịnh
Người sân quán ác, tăng thêm sân
Như người bệnh nóng uống thuốc nóng.
Nếu người sân giận hành tâm Từ
Hành Từ liên tục tâm sân diệt
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh nóng uống thuốc lạnh.
Nếu tâm nhiều ngu si tăm tối
Không hành pháp từ bi, bất tịnh
Hành hai pháp thêm si, không lợi
Như người bệnh phong uống thuốc khô.
Người tâm ngu tối, quán nhân duyên

Phân biệt quán đế, tâm si diệt
Hành pháp như vậy là thích hợp
Như người bệnh phong uống thuốc bổ.
Ví như thợ vàng bày quạt than
Dụng công trái thời, mất phương pháp
Vội vàng sử dụng không đúng lúc
Hoặc khi tưới nước hoặc buông bỏ.
Vàng chảy vội dừng thì tiêu mất
Chưa chảy liền dừng thì không tan
Phi thời tưới nước vàng còn nguyên
Phi thời buông bỏ thì không đạt.
Tinh tấn, nhất tâm và buông bỏ
Nên phải quán xét pháp hành đạo
Phương tiện phi thời, mất pháp lợi
Nếu không lợi pháp là phi lợi.
Ví như thầy thuốc trị ba bệnh
Chữa lành hết bệnh lạnh, nóng, phong
Phật cũng thế theo bệnh cho thuốc
Bệnh dâm, nộ, si tùy thuốc diệt.

-oOo-

SỐ 615

KINH BỒ-TÁT HA SẮC DỤC PHÁP

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

Nữ sắc là gông cùm của thế gian, phàm phu tham đắm thì không thể tự thoát.

Nữ sắc là họa lớn của thế gian, phàm phu khốn khổ đến chết mà không tránh khỏi.

Nữ sắc là họa hoạn của thế gian, phàm phu gặp phải thì không tai ách nào mà không gặp.

Hành giả đã bỏ được rồi, nếu còn nghĩ lại thì đó là được ra khỏi địa ngục mà lại muốn trở vào; từ cuồng loạn được tỉnh mà muốn cuồng loạn trở lại; từ bệnh được lành lại nghĩ muốn bệnh. Người trí thương xót biết họ cuồng loạn mà điên đảo, ngày chết không xa...

Phàm phu trọng sắc mà cam chịu làm nô lệ suốt đời bôn ba, vì thế mà khổ đau. Tuy bị dao búa chém, mũi đồng nhọn đâm nhưng họ cam tâm chịu đựng mà không cho đó là tai họa. Như người điên vui chơi cái điên, không cho đó là sai.

Hành giả nếu có thể bỏ thì không nên quay lại, tức là phá gông, thoát khỏi cùm kẹp, ghét cuồng, chán bệnh, lìa chỗ tai họa, đã an ổn thêm tốt lành, được ra khỏi ngục tù, vĩnh viễn không còn hoạn nạn.

Tướng và lời nói của người nữ như mật ngọt mà tâm của họ như thuốc độc. Ví như đứng soi mình bên vực nước thẳm, nơi ở của loài giao long, trong hang núi vàng mà có sư tử, nên biết, chỗ tai ác này không thể đến gần.

Trong nhà không hòa là do người vợ. Hủy tông bại tộc là lỗi do nơi đàn bà. Đúng là âm tặc diệt mất trí tuệ của người. Cũng là người thợ săn vây bủa khó thoát được. Ví như lưới cao, bầy chim sa vào không thể tung cánh bay. Lại như lưới dày, đàn cá mắc vào thì trầy vi tróc vảy; cũng như hầm tối, mù lòa rơi vào; như ngọn lửa, thiêu thân gieo vào. Vì thế người trí biết mà lánh xa, đừng để nó hại; ghét mà nhờm tởm nó, đừng để nó làm mê hoặc.

-oOo-

SỐ 616

THIỀN PHÁP YẾU GIẢI

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

QUYỂN THƯỢNG

Khi hành giả mới đến muốn thọ pháp, thầy hỏi:

–Năm giới thanh tịnh chưa?

Nếu người nhiều dâm dục thì nên dạy quán bất tịnh. Bất tịnh có hai loại:

1. Bất tịnh nhàm chán.

2. Bất tịnh không nhàm chán.

Vì sao? Vì chúng sinh có sáu thứ dục: một là đắm sắc, hai là đắm hình dáng, ba là đắm oai nghi, bốn là đắm âm thanh, năm là đắm sự trơn láng, sáu là đắm tướng người.

Đắm năm thứ dục trước, dạy quán bất tịnh nhàm chán. Đắm tướng người, dạy quán xương trắng, lại quán thây chết hoặc vữa nát, hoặc chưa vữa nát. Quán thây chưa vữa nát, đoạn hai loại tham đắm: oai nghi và âm thanh. Quán thây đã vữa nát thì đoạn hết sáu loại tham đắm.

Tập quán bất tịnh có hai loại:

1. Quán thây chết hôi hám bất tịnh. Thân ta bất tịnh giống như thây chết không khác. Quán như vậy tâm ta sinh nhàm chán, giữ lấy tướng này rồi đến chỗ thanh vắng hoặc bên cội cây, hoặc nơi nhà vắng, dùng tướng này mà tự quán bất tịnh, quán sát khắp nơi, buộc tâm vào thân, không cho phóng ra ngoài. Nếu tâm tán loạn, thu nhiếp trở về, buộc vào bên trong.

2. Tuy mắt không thấy trực tiếp nhưng nhờ thọ pháp của thầy mà nhớ tưởng phân biệt, tự quán trong thân đầy dẫy ba mươi sáu vật bất tịnh: tóc, lông, móng, răng, nước mắt, nước miếng, mồ hôi, chất bẩn, mỡ, màng, da, thịt, gân mạch, tủy não, tim, gan, lá lách, thận, phổi, dạ dày, ruột, màng bụng, mật, đàm dãi... sinh tạng chứa máu mủ, phân, vi trùng... Các thứ bất tịnh như vậy tụ kết, tạm gọi là thân. Tự quán như thế, đắm chấp thân ngoài cũng quán như thế.

Nếu tâm nhàm chán dâm dục thì tâm dừng lặng. Nếu tâm không dừng thì cần phải tinh tấn quở trách tâm mình, nghĩ như vầy: "Khổ, già, bệnh, chết sắp đến gần, mạng như điện chớp, thân người khó được, thầy lành khó gặp, Phật pháp sắp diệt, như đèn sắp tắt, rất nhiều tai họa phá hoại pháp định. Bên trong thì có các phiền não, ở ngoài thì có dân ma. Cõi nước đói khát tràn lan, già bệnh khắp nơi, sức của giặc chết rất mạnh, phá mất sự tu tập thiền định. Thân ta đáng sợ, ở trong giặc phiền não chưa làm nó bị tổn hại nhỏ, ở trong pháp thiền định ta chưa có sở đắc. Tuy mặc pháp y nhưng bên trong trống rỗng, đồng như người tục, cửa các ác thú tất cả đều mở. Trong các pháp thiện chưa vào chánh định, đối với pháp ác chưa chắc không tạo. Nay ta vì sao tham đắm túi phân mà sinh biếng nhác, không thể tinh cần chế ngự tâm mình? Cái thân tệ này là nơi Hiền thánh quở trách, chín lỗ chảy ra bất tịnh đáng gớm mà sao tham đắm thân này? Chết đồng với súc sinh, đều rơi vào tối tăm, thật là không nên!"

Như vậy, tâm tư duy tự trách mà thu nhiếp trở về. Đồng thời cũng nên làm cho tâm vui, nghĩ như vầy: "Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, dạy thẳng đạo pháp dễ hiểu dễ hành, là Đại Sư của ta, như thế không nên lo sợ. Như nương vào vua lớn thì không còn sợ hãi. Các bậc A-la-hán việc làm đã hoàn tất, là đồng bạn của ta." Tự tư duy như vậy rồi thì điều phục tâm, như tôi tớ trung thành với chủ. Tâm đã điều phục thì có đủ các quả, sáu thông tự tại.

"Ta cũng phải tự điều phục tâm mình để mong chứng đắc việc này. Chỉ có đường ấy, không còn đường nào khác." Tư duy như thế rồi trở lại quán bất tịnh.

Lại tự hân hoan suy nghĩ: "Khi mới thực tập đạo thì gió phiền não thổi đến phá tâm ta. Nếu ta đắc đạo thì năm dục nổi bật còn không thể phá, huống gì là dục tệ lậu. Như Trưởng lão Mục-liên đắc đạo A-la-hán, người vợ cũ tự trang điểm lộng lẫy rồi đem theo kỹ nhạc muốn quấy nhiễu Tôn giả Mục-liên.

Khi ấy, Tôn giả Mục-liên nói kệ:

Thân ngươi, xương khô đứng
Da thịt bó lấy nhau
Bất tịnh đầy bên trong
Không có một vật sạch
Túi da đầy phẩn uế
Chín lỗ thường chảy ra
Như quỷ, không ngay thẳng
Có gì cho là quý?

Thân ngươi như hầm xí
Da mỏng để tự che
Người trí bỏ lánh xa
Như người vứt đồ nhớp
Nếu người biết thân ngươi
Như ta đã nhàm chán
Tất cả đều xa lìa
Như người tránh hầm xí
Thân ngươi tự trang sức
Hoa hương và anh lạc
Nơi phàm phu tham đắm
Chỗ bậc trí không mê
Thân ngươi chứa bất tịnh
Tụ tập các vật nhơ
Như trang hoàng nhà xí
Người ngu cho là đẹp
Xương sườn mắc xương sống
Như đòn tay nương cột
Năm tạng ở trong bụng
Bất tịnh như hòm phân
Thân ngươi như nhà phẩn
Kẻ ngu muốn giữ gìn
Trang sức châu anh lạc
Ngoài đẹp như bình vẽ
Nếu người không dục nhiễm
Trước sau không tham đắm
Ngươi đến nhiễu loạn ta
Như thiêu thân vào lửa
Tất cả các độc dục
Ta nay đã diệt sạch
Đã xa lìa năm dục
Đã phá thủng lưới ma
Tâm ta như hư không
Không đắm chấp mọi thứ
Giả sử dục cõi trời
Tâm ta vẫn không nhiễm.

Hành giả tư duy như vậy, kiên cố quyết định trụ tâm vào đề mục, không sợ các dục. Nếu người lợi căn, nhất tâm tinh cần - lâu thì đến bảy

ngày - tâm được trụ định. Người trung căn thì đến hai mươi mốt ngày. Người độn căn thì hơi lâu mới đắc. Như khuấy sữa thành bơ, tất có thể được. Nếu không trụ vào sự thực hành thì thân này tuy tập lâu các phương tiện nhưng hoàn toàn không được gì. Như khuấy nước thì rốt cuộc không thể thành bơ được.

Hỏi: Việc gì không được?

Đáp: –Nếu người phạm giới cấm không thể sám hối, hoặc tà kiến không bỏ, hoặc đoạn mất căn lành và ba việc chướng ngại, đó là: phiền não sâu dày, tạo năm tội vô gián, quả báo nẻo ác. Các tội như thế không thể thực tập.

Trong Đại thừa, Bồ-tát lợi căn thật có nhân duyên trí tuệ phước đức thì việc ấy không đồng. Nếu không thực tập thì nên tụng kinh tu phước, xây tháp cúng dường, thuyết pháp giáo hóa, hành Thập thiện đạo.

Hỏi: Làm sao biết là đạt được tướng nhất tâm?

Đáp: Tướng người trụ tâm thì thân nhẹ nhàng, vui vẻ. Sân hận, buồn rầu, các pháp não tâm đều đã dứt hẳn, tâm được sự diệu lạc chưa từng có, hơn hẳn năm dục. Vì tâm trong sạch không nhơ nên thân có ánh sáng. Như gương trong sạch phát ra ánh sáng. Như hạt minh châu trong nước thanh tịnh, phát ánh sáng rực rỡ. Hành giả thấy tướng này thì tâm tự an ổn, vui vẻ. Ví như người khát nước, đào giếng tìm nước, thấy đất ướt rồi thì biết không lâu sẽ được nước. Như vậy, hành giả khi mới thực tập thì như đào đất khô, đào mãi không nghỉ, thấy được tướng ẩm ướt, tự biết không lâu sẽ được thiền định. Nhất tâm tin ưa, chuyên cần thâu giữ tâm vào sâu trong định, nghĩ như thế rồi chê trách năm dục, thấy người cầu dục là đáng chán.

Như người thấy chó vì không được thức ăn sạch nên ăn phân hôi hám. Do các nhân duyên như vậy nên quở trách dục là tội lỗi, tâm sinh thương xót người thọ năm dục: "Tâm mình có niềm vui mà không biết tìm, lại tìm cái vui bất tịnh tội lỗi bên ngoài."

Hành giả nên thường tinh tấn, ngày đêm tập các pháp thiện để giúp cho việc thành tựu thiền định, làm cho tâm xa lìa các pháp làm chướng ngại thiền. Người tập các pháp thiện quán Dục giới là vô thường, khổ, không, vô ngã; như tật bệnh, như ghẻ lở, như ung nhọt, như tên bắn vào tim. Ba độc thiêu đốt phát sinh khói mù tranh giành, ganh ghét, rất đáng chán.

Người quán như vậy gọi là mới tập pháp thiền. Nếu trong khi tập quán mà bị năm thứ ngăn che tâm thì phải diệt trừ. Như sức gió xua tan mây đen che mặt trời, nếu sự ngăn che của dâm dục làm phát sinh tâm nghĩ

về năm dục, liền nên tư duy: "Ta ở trong đạo tự bỏ năm dục, tại sao nay còn nghĩ lại khác nào người ăn lại thức ăn mửa ra? Đây là tội pháp của thế gian. Nay ta học đạo, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục, cho đến trọn đời tình nguyện mãi mãi xa lìa, đoạn trừ năm dục, vì sao trở lại sinh tham đắm, thật là điều chẳng nên" thì liền trừ diệt. Như không cho loài rắn độc vào nhà vì nó là tai họa lớn.

Lại nữa, pháp của năm dục là chỗ cư trú của mọi thứ ác, không thể đảo ngược; lúc đầu thì còn có thể, nhưng lâu về sau sẽ bị nó lừa dối, phải chịu các khổ độc, ganh ghét, sân hận, không ác nào mà không làm. Như túi đựng nhiều dao, dùng tay ôm chặt thì cả hai tay đều bị thương tổn.

Lại nữa, giả sử đủ năm dục nhưng còn không cảm thấy đủ, nếu không thấy đủ thì không có vui, như khát uống nước tương, chưa trừ hết khát thì đâu có vui. Như gãi ghẻ lở, bệnh ấy chưa khỏi thì không thể vui.

Lại nữa, dục nhiễm vào tâm thì không còn biết tốt xấu, không còn sợ tội báo của đời này đời sau. Vì thế cho nên phải trừ bỏ dâm dục. Đã bỏ dâm dục mà còn sinh tâm sân não, tâm sinh sân não thì nên trừ bỏ. Nghĩ đến chúng sinh từ trong thai sinh ra, không lúc nào mà không khổ, đủ các thứ khổ, tại sao lại tăng thêm sự khổ não cho họ? Như người sắp bị giết, thì có người hiền nào lại làm tăng thêm sự đau khổ ấy?

Lại nữa, người hành đạo phải bỏ hết các kiết như: tôi - ta, ái mạn..., tuy không tạo chướng ngại cho việc sinh nơi cõi trời mà hành giả còn không nên nghĩ, huống gì là sân hận hủy hoại cội gốc của niềm vui.

Lại nữa, như nước sôi sùng sục, không thể thấy hình dáng của mặt, tâm sân hận sinh thì không biết tôn trọng cha mẹ, sư trưởng, thậm chí không thọ nhận lời dạy của Phật. Sân là bệnh lớn, tàn hại vô cùng, giống như La-sát, phải dùng tư duy về tâm Từ để diệt trừ sân hận. Dâm dục, sân hận đã dừng, nếu đắc thiền định thì được vui vẻ.

Nếu chưa được niềm vui của thiền mà tình thức tán loạn, buồn rầu, rối rắm, tâm chuyển trầm trọng, khù khờ không biết, thì liền biết là giặc ngủ nghỉ hại tâm. Cái lợi ở đời còn bị nó phá huống chi là việc đạo. Việc ngủ nghỉ so với chết thì như nhau, khác là còn hơi thở. Như vải che mặt nước thì không thấy bóng dáng, ngủ nghỉ che tâm thì không biết tốt xấu; đối với sự thật nơi các pháp cũng vậy. Khi ấy nghĩ như vầy để trừ bỏ: "Các giặc phiền não đều muốn làm nguy hại, tại sao có thể an nhiên ngủ nghỉ? Như trong chiến trận đối địch, ở giữa mũi nhọn thì không nên ngủ nghỉ. Chưa lìa tai họa già, bệnh, chết, chưa thoát khỏi khổ của ba nẻo ác; ở trong đạo pháp, thậm chí Noãn pháp còn chưa có chỗ đạt được thì không nên ngủ nghỉ."

Nghĩ như vậy rồi, nếu vẫn còn buồn ngủ thì nên đứng dậy đi lấy nước lạnh rửa mặt, ngó nhìn bốn phương, ngước xem tinh tú; nghĩ về ba việc trừ diệt ngủ nghỉ, không để che tâm:

1. Sợ hãi, nên tự tư duy: "Vua chết rất mạnh thường muốn giết hại. Nghĩ tới cái chết kề cận, như giặc đến nhanh không thể ỷ lại; lại như dao bén kề cổ, ngủ liền chém đầu."

2. An ủi vui thích, nên nghĩ như vầy: "Phật là Đại Sư, giảng giáo pháp vi diệu chưa từng có, mà ta đã lãnh thọ học tập là sự may mắn đáng mừng" thì tâm ngủ liền mất.

3. Ưu sầu, lại nên nghĩ: "Đời sau sẽ trải qua bao lần thọ thân, tai họa khổ đau vô lượng vô biên." Dùng các nhân duyên như thế quở trách sự ngủ nghỉ.

Tư duy như vậy thì ngủ nghỉ liền dứt.

Nếu bị sự ngăn che của trạo hối thì nên nghĩ như vầy: "Người đời vì muốn trừ bỏ ưu buồn nên tìm cầu sự vui vẻ mà sinh ra mừng rỡ lăng xăng. Nay ta khổ hạnh tọa thiền cầu đạo mà tại sao tự buông lung mừng rỡ lăng xăng? Thật là không nên!" Phật pháp trọng việc nhiếp tâm, coi đó là gốc thì không nên thô tháo, tự phóng túng tâm. Như sóng nước lăn tăn không thấy bóng dáng, trạo hý làm tâm xao động không biết đẹp xấu. Hối như trong thiền độ đã nói.

Hỏi: Tham dục, sân nhuế, nghi, mỗi cái riêng biệt gọi là ngăn che, gây chướng ngại. Vì sao trạo, hối, thụy , miên hai thứ hợp lại mới gọi là cái?

Đáp: Thụy thuộc phiền não, có năng lực yếu kém, miên không trợ giúp thì không thể che tâm. Trạo hý không có hối thì không thể thành cái. Vì thế hợp hai thứ gọi là cái. Ví như dùng dây chiếc buột vật đơn lẻ thì không đủ lực, hợp lại mới có thể buộc chặt.

Lại nữa, tâm pháp thụy, miên thì vì tâm thụy nặng, mà tâm nặng nên thân cũng nặng. Vì sự ngăn che của thụy vi tế, còn sự ngăn che của miên lớn mạnh hơn, có thể ngăn và phá hoại đạo pháp, cho nên hợp cả hai lại gọi là cái.

Ngủ đã thức rồi mà tâm không chuyên nhất, giong ruổi, nghĩ về năm dục, hành các phiền não thì gọi là trạo. Như khỉ được ra khỏi chuồng, tự ý nhảy nhót, đùa giỡn với cây rừng, trạo cũng như thế, đã nghĩ về năm dục, hành các kết sử thì thêm thân, miệng, ý lầm lỗi, rồi sinh ưu sầu hối hận, nghĩ như vầy: "Việc không nên làm mà làm, nên làm mà không làm", cho nên tướng của trạo hối do hợp cả hai, gọi là cái.

Hỏi: –Tạo ác có thể ăn năn thì chẳng phải là cái chăng?

Đáp: Như phạm giới mà tự ăn năn: "Từ nay về sau không tái phạm", như vậy thì chẳng phải là cái. Nếu thường nhớ tâm tạo tội không quên, buồn rầu loạn tâm nên gọi là cái. Dùng các nhân duyên như thế quở trách trạo hối cái, buộc tâm vào duyên, nếu tâm sinh nghi thì nên trừ diệt. Vì sao? Vì nghi là pháp chẳng như ái, mạn nên đời này không sinh tâm vui vẻ và đời sau làm cho rơi vào địa ngục, nghi ngăn che các pháp lành, như gặp đường rẽ, do dự không biết đi theo đường nào, bèn đứng yên. Hành giả cũng thế, pháp trước đã tu tập, vì nghi nên không tập nữa, liền biết tai họa của nghi là ngăn che chánh đạo, phải mau trừ bỏ.

Lại nghĩ: "Phật là Bậc Nhất Thiết Trí, phân biệt pháp là thế gian, là xuất thế gian, là thiện, là bất thiện, là lợi, là hại... rõ ràng phân minh. Nay chỉ thọ nhận thực hành, không nên sinh nghi, cần theo giáo pháp, không nên chống trái. Lại nữa, Phật pháp vi diệu, tu định trí tuệ biết pháp như thật. Ta không có trí này thì làm sao tự tâm suy lường các pháp. Như người tay cầm vũ khí sắc bén thì mới có thể chống cự với giặc. Nếu không nắm binh khí mà chống đối với địch mạnh thì ngược lại sẽ bị hại. Ta nay chưa được trí tuệ tu định thì tại sao muốn lường xét thật tướng các pháp. Đó là việc không nên."

Lại nữa, vì ngoại đạo chẳng phải là đệ tử của Phật nên mới sinh nghi, còn ta là đệ tử của Phật tại sao đối với Phật lại sinh nghi? Phật thường chê trách tai họa của nghi, là phủ, là che, là ngăn, là ngại, là pháp tự dối. Như người đã biết thích khách thì nên bỏ tránh. Nghi cũng như vậy, dối hoặc hành giả; dục cùng với nghi về tuệ hay làm chướng ngại thật trí. Ví như bệnh ghẻ ngứa, càng gãi nhiều càng lây lan đến khắp cả thân, thầy thuốc cho thuốc, bệnh ghẻ liền hết. Hành giả cũng thế, đối với các pháp sinh tưởng nghi ngờ, muốn hiểu việc ấy, tâm nghi càng nhiều, nhờ Phật chỉ thẳng khiến cho đoạn nghi, tâm sinh nghi liền diệt. Các loại nghi ngờ bị quở trách như vậy, phải gấp trừ bỏ.

Hành giả tư duy như vậy trừ bỏ năm cái, tập các pháp lành vào sâu nhất tâm, đoạn phiền não nơi Dục giới, được định Sơ thiền. Như kinh Phật dạy: Hành giả lìa dục và pháp ác bất thiện, có giác, có quán lìa dục, sinh hỷ lạc, vào Sơ thiền.

Hỏi: Thế nào là đắc tướng Sơ thiền?

Đáp: Như trước dùng chánh niệm quở trách, ngăn chặn năm dục, đắc vị đáo địa, thân tâm vui thích, nhu hòa, nhẹ nhàng; thân có ánh sáng,

được tướng Sơ thiền, lại càng tăng tiến nên bốn đại thuộc sắc giới biến mãn khắp thân, nhu hòa, nhẹ nhàng, lìa dục ác bất thiện, do định nhất tâm nên khiến cho vui thích. Vì tạo sắc của sắc giới có tướng ánh sáng nên hành giả thấy ánh sáng đẹp chiếu trong và ngoài thân. Hành giả như thế tâm ý chuyển khác, là chỗ sân không sân, chỗ vui không vui, tám pháp thế gian không thể làm lay động, tín, kính, hổ thẹn chuyển tăng gấp bội, đối với áo mặc cơm ăn, tâm không tham đắm, chỉ lấy các công đức thiện làm quý, ngoài ra là giặc. Đối với năm dục nơi cõi trời còn không màng đến, huống gì là năm dục bất tịnh của thế gian. Người đắc Sơ thiền được các tướng như vậy.

Lại nữa, khi đắc Sơ thiền, tâm rất mừng vui, ví như người nghèo mà được kho báu, tâm hết sức vui mừng, nghĩ như vầy: "Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm tinh cần khổ hạnh, tập đạo Sơ thiền, nay được quả báo như thật không hư. Cái vui kỳ diệu như vậy mà các chúng sinh cuồng mê, ngu ngơ, đắm trong năm dục bất tịnh, chẳng phải vui. Thật đáng thương xót!"

Sơ thiền vui thích trong ngoài khắp thân, như nước ngấm vào đất khô, trong ngoài đều thấm nhuần. Thân thọ vui ở cõi Dục không thể biến khắp. Các thứ lửa dâm, sân cõi Dục thiêu đốt thân, còn vào ao Sơ thiền thì mát mẻ, vui vẻ bậc nhất, trừ các thứ nóng bức. Như nóng bức cùng cực mà vào ao mát mẻ, đã được Sơ thiền thì nghĩ đến pháp môn tu hành đã tu tập, hoặc các duyên khác, đó là: Tam-muội niệm Phật, niệm bất tịnh, quán tâm Từ... Vì sao? Vì sức tư duy của sự thực hành này khiến được thiền định, dần dần thâm nhập thì pháp quán trước tăng gấp bội sự thanh tịnh sáng suốt.

Hành giả được Sơ thiền rồi, tiến cầu Nhị thiền. Nếu đạo hữu lậu ở ranh giới của Nhị thiền thì nhàm chán giác quán. Như năm dục cái ở cõi Dục khiến cho tâm tán loạn, giác quán Sơ thiền não loạn định tâm cũng lại như vậy. Nếu đạo vô lậu lìa dục Sơ thiền, dùng vô lậu Sơ thiền mà quở trách giác quán.

Hỏi: Như kết sử của Sơ thiền cũng hay làm loạn tâm, vì sao chỉ nói giác quán?

Đáp: Kết sử Sơ thiền gọi là giác quán. Vì sao? Vì do giác quán thiện mà sinh tâm đắm chấp, cho nên kết sử cũng gọi là giác quán. Mới được Sơ thiền thì chưa có đắm chấp thứ khác.

Lại nữa, vốn chưa từng được cái mừng vui của giác quán, vì quá mừng vui nên phá hoại tâm định. Do phá định nên trước tiên phải trừ bỏ.

Lại nữa, muốn vào sâu trong định Nhị thiền thì nên trừ bỏ giác quán. Vì cái lợi lớn nên bỏ cái lợi nhỏ, như bỏ cái vui nhỏ ở Dục giới mà được

cái vui lớn.

Hỏi: Sao chỉ nói nên diệt giác quán mà không nói phiền não của Sơ thiền?

Đáp: Giác quán tức là giác quán thiện của Sơ thiền. Ái,... thuộc Sơ thiền cũng gọi là giác quán. Do giác quán làm chướng ngại đạo Nhị thiền cho nên cần phải diệt trừ. Vì thiện giác quán hay giữ hành giả, làm cho tâm trụ trong vui cho nên cần phải diệt trừ.

Lại tư duy: "Biết giác quán ác đúng là giặc, còn giác quán thiện tuy giống như thân thiết nhưng cũng lại là giặc cướp mất lợi lớn của ta. Phải tiến đến mong diệt trừ hai giác quán; giác quán não loạn như các âm thanh não loạn sự an ngủ của người mệt mỏi." Cho nên hành giả trừ diệt giác quán này để cầu đạt Nhị thiền.

Ví như gió và đất hay làm nước bị vẩn đục, không soi được bóng mặt mình, năm dục của Dục giới làm vẩn đục tâm như đất làm bẩn nước. Giác quán làm loạn tâm như gió làm lay nước. Vì giác quán diệt nên bên trong được thanh tịnh. Không giác, không quán thì định sinh vui mừng, vào trong Nhị thiền.

Hỏi: Thế nào là tướng Nhị thiền?

Đáp: Trong kinh nói: "Diệt các giác quán hoặc thiện hoặc vô ký, do không có giác quán làm loạn động nên trong tâm thanh tịnh. Như nước lắng yên không có sóng gió thì trăng sao, núi non chiếu vào, thảy đều thấy." Như thế nội tâm thanh tịnh, gọi là sự tĩnh lặng của Hiền thánh. Tam thiền, Tứ thiền tuy đều tĩnh lặng nhưng vì mới được Nhị thiền nên gọi là có giác quán, cũng nói là nhân duyên. Do nhân duyên mới diệt nên được gọi là tĩnh lặng, định sinh vui mừng, vi diệu hơn Sơ thiền. Vui mừng của Sơ thiền do lìa dục sinh, còn vui mừng ở đây từ định Sơ thiền sinh.

Hỏi: Nhị thiền cũng lìa kết sử của Sơ thiền, tại sao không nói là ly sinh?

Đáp: Tuy cũng là lìa kết sử nhưng ở đây phần nhiều nương vào sức định nên lấy định làm tên. Lại nữa, nói ly dục tức là lìa Dục giới, nói ly Sơ thiền mà chưa lìa Sắc giới cho nên không gọi là ly sinh. Như vậy là tướng Nhị thiền.

Hành giả đã được Nhị thiền, lại cầu đi sâu vào định. Định Nhị thiền có phiền não che tâm. Đó là ái, mạn, tà kiến, nghi... phá hoại tâm định, là giặc của Nhị thiền, chắn cửa Tam thiền, cho nên phải mong diệt bỏ họa này để cầu Tam thiền.

Hỏi: Như vậy thì tại sao Phật nói: lìa mừng hành xả được vào Tam

thiền?

Đáp: Đắc Nhị thiền rất mừng, mà tâm mừng là tâm tội lỗi, trở thành chấp trước, do mừng sinh các kết sử. Vì thế cho nên mừng là gốc của phiền não. Lại nữa, các kết sử không ích lợi, không nên sinh tâm đắm trước; còn mừng là cái vui rất lợi ích mà đắm chấp thì khó bỏ. Vì thế, Phật nói bỏ mừng thì được vào Tam thiền.

Hỏi: Cái vui tội lỗi của năm dục bất tịnh thì cần phải bỏ, còn cái vui tịnh diệu này chúng sinh ưa thích thì tại sao nói bỏ?

Đáp: Trước đã đáp: Sinh nhân duyên đắm chấp là cửa tội lỗi. Lại nếu không bỏ mừng thì không thể đắc công đức thượng diệu. Vì thế nên bỏ nhỏ được lớn thì đâu có lỗi. Hành giả tiến cầu Tam thiền, quán mừng biết là nhân duyên của đau khổ, sầu ưu, họa hoạn. Điều mà có thể vui mừng là việc vô thường, biến đổi thì sinh sầu khổ.

Lại nữa, mừng là cái vui thô. Nay muốn bỏ cái vui thô mà cầu cái vui tế, nên nói là lìa cái mừng, lại vào sâu trong định để cầu cái vui của định khác.

Tại sao tướng của Tam thiền diệt bỏ cái mừng?

Bỏ cái mừng vi diệu này tâm không hối tiếc, biết mừng là cái tai hại. Ví như người biết vợ là La-sát thì có thể lìa bỏ mà tâm không hối tiếc. Mừng là mê loạn, là pháp thô, chẳng phải là vi diệu. Ở đệ Tam thiền, thân cảm thọ vui thì cái vui nhất ở thế gian không có cái vui nào hơn được. Vì bậc Thánh đã trải qua nên có thể thọ, có thể bỏ cái vui không mừng để niệm cái tuệ tinh tế, thì thân vào khắp Tam thiền.

Hỏi: Nói nhất tâm niệm tuệ thì Sơ thiền, Nhị thiền vì sao không nói?

Đáp: Vì ở đệ Tam thiền thân thọ vui khắp, còn tâm hành pháp xả, không khiến cho tâm phân biệt đẹp xấu nên nói nhất tâm niệm tuệ. Lại nữa, trong Tam thiền có ba lỗi: một là tâm chuyển vi tế trầm trệ, hai là tâm phát động mạnh, ba là tâm sinh mê muội.

Hành giả thường phải nhất tâm nghĩ về ba lỗi này. Nếu khi tâm trầm trệ thì dùng sức trí tuệ và tinh tấn làm cho tâm phấn khởi trở lại. Nếu phát động mạnh thì phải thâu tóm vào tĩnh lặng. Nếu tâm mê muội thì nên niệm diệu pháp của Phật, làm cho tâm vui trở lại. Thường nên hộ trì, đối trị ba tâm này, gọi là nhất tâm thực hành cái vui vào đệ Tam thiền.

Hỏi: Như kinh nói: "Trong đệ Tam thiền có cái vui hai thời", vậy những gì là hai thời vui?

Đáp: Trước thì nói vui cảm thọ, sau thì nói vui thích thú.

Hỏi: Có ba loại vui: vui cảm thọ, vui thích thú, vui vô não, thì đối với Tam thiền cái vui nào là vui bậc nhất?

Đáp: Vì cái vui ở Tam thiền là thượng diệu, hơn hẳn cái vui ở bậc dưới, bởi vì vui cảm thọ là cái vui bậc nhất nên gọi là bậc vui rốt ráo tận cùng. Còn hai cái vui kia ở trên còn có nên trong đây không gọi tên.

Hỏi: Cái vui mừng, cái vui không mừng có gì khác biệt?

Đáp: Cảm thọ vui có hai loại: một là hỷ căn, hai là lạc căn. Hỷ căn hỷ lạc thuộc Sơ thiền và Nhị thiền. Lạc căn vô hỷ lạc thuộc Tam thiền.

Lại nữa, cảm thọ vui thô của Sơ thiền ở Dục giới thì gọi là lạc căn, còn tế thì gọi là hỷ căn.

Cảm thọ vui thô của Nhị thiền, Tam thiền thì gọi là hỷ căn, còn tế thì gọi là lạc căn. Ví như nóng bức được nước mát mẻ, lấy rửa tay rửa mặt thì gọi là hỷ, vào trong ao lớn mát mẻ tắm rửa toàn thân là cảm thọ lạc...

Sơ thiền do có giác quán nên vui không biến khắp thân.

Nhị thiền thì quá mừng sinh kinh sợ nên không thể biến khắp thân.

Tam thiền không có chướng ngại nên vui biến khắp thân. Đó gọi là khác biệt.

Lại nữa, cảm thọ vui có bốn loại: sáu thức ở Dục giới tương ưng với vui thì gọi là hỷ căn, cũng gọi là lạc căn. Bốn thức Sơ thiền tương ưng với vui thì gọi là lạc căn, cũng gọi là hỷ căn. Ý thức Nhị thiền tương ưng với vui thì gọi là hỷ căn. Vì Tam thiền lìa hỷ ý thức tương ưng với cảm thọ vui, gọi là lạc căn.

Hành giả đã được Tam thiền, biết ba loại vui trên nên chuyên tâm giữ gìn, sợ bị mất đi, thì đó là phiền não. Cho nên vui lại là họa, phải mong lìa vui. Ví như người cầu cái vui giàu sang, khi cầu đã khổ, lúc được không chán thì thêm khổ; được rồi giữ gìn cũng lại là khổ. Có người vì cầu cái vui, bị khổ nên bỏ; hoặc có được cái vui, không chán, biết khổ nên bỏ; hoặc đã được, giữ gìn là khổ, nên bỏ. Cái vui tai họa của hành giả cũng lại như vậy, mong cái vui của Sơ thiền thì do giác quán não loạn nên bỏ. Còn Nhị thiền thì cái quá mừng làm động, nên bỏ. Biết cái vui ở Tam thiền là vô thường, khó giữ nên bỏ. Vì thế cho nên phải bỏ cái vui này để cầu chỗ an ổn của Tứ thiền.

Hỏi: Hành giả nương vào cái vui thiền định để bỏ cái vui của dục, thì nay nương vào cái vui gì để bỏ cái vui của thiền? Nếu bỏ cái vui của thiền thì được lợi ích gì?

Đáp: Hành giả nương vào cái vui Niết-bàn thì có thể bỏ cái vui của

thiền, được ba lợi ích là: đạo A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật. Cho nên bỏ cái vui thiền định mà hành Tứ thiền an ổn diệu lạc, dùng đạo ba thừa tùy ý mà nhập Niết-bàn.

Hỏi: Làm sao biết là tướng của đệ Tứ thiền?

Đáp: Như Phật nói tướng của Tứ thiền: "Tỳ-kheo nào dứt vui, dứt khổ, trước diệt mừng lo, không khổ không vui, giữ niệm thanh tịnh thì nhập vào Tứ thiền.

Hỏi: Đoạn trừ cái vui của Tam thiền thì đương nhiên khi lìa dục đã đoạn khổ rồi, nay vì sao nói đoạn khổ nữa?

Đáp: Có người nói đoạn trừ có hai loại: Một là biệt tướng đoạn, hai là tổng tướng đoạn. Như bậc Tu-đà-hoàn dùng đạo tỷ trí đoạn hết tất cả kết sử để kiến đế. Việc này thì không như vậy. Vì sao? Vì Phật nói: "Dứt khổ dứt vui thì trước tiên diệt mừng lo. Nếu khổ ở Dục giới thì đáng lẽ nói trước đoạn khổ mừng lo, nhưng mà không nói, cho nên biết chẳng phải khổ ở Dục giới, vì cái vui ở Tam thiền là tướng vô thường, nên hay sinh ra khổ, cho nên nói đoạn khổ."

Lại như Phật nói: "Khi thọ vui nên quán là khổ." Cái vui Tam thiền khi mới sinh, khi trụ là vui, khi diệt là khổ, cho nên nói dứt vui, dứt khổ.

Trước tiên diệt mừng lo: Là cái khổ ở trong Dục giới và cái mừng ở Sơ thiền, Nhị thiền.

Hỏi: Ở trong Dục giới có khổ có lo, khi lìa dục thì diệt hết, tại sao chỉ nói dứt lo mà không nói dứt khổ?

Đáp: Khi lìa dục tuy dứt cả hai việc nhưng gốc của lo lại không thành tựu, mà gốc khổ thành tựu. Do thành tựu nên không được nói là diệt.

Hỏi: Nếu cái vui ở trong Tam thiền phát sinh, khi trụ là vui, khi diệt là khổ, thì nay nói cái mừng trong Sơ thiền. Nhị thiền sao lại không như vậy?

Đáp: Trong kinh Phật đã nói: Khi rời Tam thiền thì dứt vui, dứt khổ, không diệt lo mừng, còn Sơ thiền, Nhị thiền thì không nói như vậy.

Hỏi: Vì sao Phật không nói như vậy?

Đáp: Vì cái vui nơi Tam thiền ở trong ba cõi là cái vui vi diệu hơn hết, nên tâm đắm chấp. Do vì tâm đắm chấp, khi vô thường mới sinh ra khổ. Do cái mừng thô nên không thể biến khắp thân, tuy bị mất đi nhưng không sinh ưu buồn, cho nên trong kinh Phật không nói.

Không khổ không vui: Trong đệ Tứ thiền chỉ có cảm thọ cái không khổ không vui.

Xả: Là bỏ cái vui trong Tam thiền, hành không khổ không vui, thọ cái không nhớ nghĩ, không hối tiếc.

Niệm thanh tịnh: vì diệt bốn việc lo - mừng - khổ - vui nên niệm thanh tịnh.

Hỏi: Trong ba thiền trên không nói thanh tịnh nhưng tại sao ở đây lại nói riêng?

Đáp: Vì Sơ thiền giác quán làm loạn nên niệm không thanh tịnh. Ví như đốt đèn trước gió giữa khoảng đất trống, tuy có tim dầu nhưng vì gió thổi nên ánh sáng không chiếu được.

Trong Nhị thiền tuy thâu tóm trong nhận thức nhưng vì vui mừng quá nên định tâm tán loạn, vì thế không gọi là niệm thanh tịnh.

Trong Tam thiền vì tâm quá vui làm loạn thiền định này nên không nói là niệm thanh tịnh. Trong Tứ thiền hoàn toàn không có việc đó nên nói là niệm thanh tịnh.

Lại nữa, các bậc thiền thấp tuy có tâm định nhưng còn hơi thở ra vào, làm cho khó thâu giữ tâm. Còn trong Tứ thiền không có hơi thở ra vào nên dễ thâu giữ tâm, vì dễ thâu giữ nên niệm thanh tịnh. Vả lại, đệ Tứ thiền mới gọi là chân thiền, còn ba thiền kia là thềm bậc phương tiện. Đệ Tứ thiền ví như đỉnh núi, còn ba thiền định kia như đường lên núi. Cho nên đệ Tứ thiền Phật nói là chỗ bất động. Vì định không còn loạn động nên gọi là chỗ an ổn, điều hòa. Đó là tướng của đệ Tứ thiền.

Ví như giỏi điều khiển ngựa, tùy ý đến nơi muốn đến, hành giả đắc Tứ thiền này muốn hành bốn tâm vô lượng thì tùy ý dễ được, muốn tu tập bốn Niệm xứ thì dễ tu, muốn đắc bốn Đế thì mau đắc, không khó, muốn vào bốn Định vô sắc thì vào rất dễ, muốn đắc sáu thông..., cần điều gì cũng dễ được.

Vì sao? Vì trong đệ Tứ thiền không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, điều hòa tùy ý. Phật ví dụ: Như thợ vàng gia công vàng, luyện đúng cách thì tùy ý tạo ra đồ trang sức, không gì mà không được.

Hỏi: Làm thế nào hành giả đắc tâm Từ vô lượng?

Đáp: Hành giả nương vào Tứ thiền rồi nghĩ đến chúng sinh trong một thành, mong cho họ được an lạc; như vậy đến một quốc độ, bốn thiên hạ trong một cõi Diêm-phù-đề, nhất tiểu thiên quốc độ, nhị thiên quốc độ, tam thiên đại thiên quốc độ... cho đến hằng hà sa vô lượng vô biên chúng sinh trong mười phương, tâm Từ che khắp, mong họ đều được an vui.

Ví như vào thời thủy kiếp tận, nước cạn dần, hỏa châu diệt, không

còn xuất hiện, ở biển lớn Long vương tâm kích động mạnh, từ ý niệm phát sinh ra nước tràn đầy cả biển và trời làm mưa đầy khắp thế giới, khi ấy trời đất lênh láng, tràn đầy nước. Hành giả cũng vậy, dùng nước đại Từ dập tắt sân hận, lòng Từ làm tiêu tan lửa, nước Từ lan tràn dần dần rộng lớn, khắp vô lượng vô biên chúng sinh đều nhờ đó mà thấm nhuần, mãi mãi không dứt. Hoặc nghe thuyết pháp thêm lớn tâm Từ.

Ví như mưa lớn khắp nơi, hành giả thương yêu nghĩ đến chúng sinh, khiến họ được niềm vui thanh tịnh của thế gian. Lại đem sự vui thích của thiền định mà mình đã được ban bố cho chúng sinh; cũng đem cái vui hết khổ của Niết-bàn... cho đến cái vui chân thật đệ nhất của Phật ban cho chúng sinh. Nhờ sức của Từ nên thấy sáu đường chúng sinh trong mười phương không nơi nào mà không vui vẻ.

Hỏi: Như trong A-tỳ-đàm nói: Thế nào là Từ Tam-muội? Đó là quán tất cả chúng sinh thấy họ đều vui vẻ. Lại trong kinh nói: Từ tâm Tam-muội thấy khắp mười phương tất cả đều vui vẻ. Vì sao chỉ mong cho chúng sinh được vui?

Đáp: Mới tập tâm Từ thì mong cho chúng sinh được vui. Thâm nhập Tam-muội từ tâm rồi thì thấy chúng sinh không ai là không vui. Như dùng dụng cụ phát lửa, mới cháy thì bén bùi nhùi cỏ khô, lửa càng cháy mạnh thì cây ướt, núi rừng một lúc đều bốc cháy. Từ cũng như vậy, khi mới nhập pháp quán, thấy sự vui vẻ của người thì mong cho người khổ được sự vui ấy. Sức từ lớn mạnh dần thì thấy tất cả đều được vui.

Hỏi: Chúng sinh thật sự không thể được thì tại sao thấy họ đều được vui mà không phải điên đảo?

Đáp: Định có hai loại: Một là quán thật tướng các pháp, hai là quán tác dụng của pháp. Ví như thợ ngọc, một là biết rành hình dạng quý, tiện, đẹp xấu của ngọc; hai là biết khéo léo mài dũa sử dụng; hoặc biết hình tướng mà không thể biết công dụng; hoặc biết công dụng mà không biết hình tướng; hoặc biết hình tướng cũng biết công dụng.

Hành giả cũng vậy, Hiền thánh chưa lìa dục hay quán tướng pháp bốn chân đế... mà không thể biết công dụng, vì không hành bốn Vô lượng.

Như phàm phu lìa dục, hành các công đức, có công dụng phát sinh bốn Tâm vô lượng mà không thể quán tướng chân thật.

Như các bậc A-la-hán hoàn toàn giải thoát, hay quán thật tướng, đầy đủ thiền định nên sinh bốn Vô lượng. Đắc bốn Vô lượng tức đắc pháp giải. Vì là công dụng nên chẳng phải là điên đảo.

Lại nữa, pháp Phật chân thật thì không có chúng sinh. Tại sao quán

khổ là thật, vui là điên đảo? Cái mà gọi là điên đảo là cái không có chúng sinh mà chấp có tướng ngã, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc biên hoặc vô biên..., đó là điên đảo. Người hành từ biết chúng sinh là giả danh, như bánh xe và các thứ hợp lại, gọi là chiếc xe. Vì vậy cho nên tâm Từ thanh tịnh của hành giả chẳng phải là điên đảo.

Lại nữa, nếu không có chúng sinh mà cho là thật có chúng sinh thọ vui thì đúng là điên đảo. Nhưng có chúng sinh, không có chúng sinh đều là hai bên, thì không nên cho là chỉ có chúng sinh mới là điên đảo.

Lại nữa, nhờ sức Tam-muội từ nên hành giả thấy tất cả chúng sinh đều được vui. Như pháp quán nhất thiết nhập, nhờ sức của thiền định duyên vào cảnh giới mà màu xanh chuyển thành màu đỏ, huống gì chúng sinh đều có tướng vui mà không tự thấy. Như thuộc hàng sang hèn, nghèo giàu, cầm thú đều tự có cái vui thương mến lẫn nhau. Cái họa của người giàu sang thì người nghèo hèn không có. Cái họa của người nghèo hèn thì người giàu sang không có.

Hỏi: Các cõi khác có thể như vậy, còn địa ngục thì sao?

Đáp: Chúng sinh ở địa ngục cũng có phần vui, xa trông thấy núi đao, sông tro sinh tưởng vui mừng, ngỡ là rừng cây suối nước. Thấy người nữ trên cây cũng sinh tưởng vui. Lại tâm ta điên đảo nên yêu mến thân này. Nếu khi sắp bị giết thì chạy trốn, khóc lóc, van xin ngục tốt, mong cho được thả ra. Nếu ngục tốt nói tha cho ngươi được thoát khổ này thì tâm họ cũng rất vui. Như vậy, các chúng sinh ấy đều có phần vui.

Lại nữa, nhờ sức thần thông nên trong mỗi loại biến hóa với tâm hành từ, đều khiến cho chúng sinh được vui. Hoặc ban cho những sở hữu của mình bằng hành động, lời nói, giúp đỡ họ thành tựu lợi ích. Như thâm tâm của chư Phật, Bồ-tát nghĩ thương chúng sinh mà phá tan các nẻo ác, thật khiến cho họ được các thứ vui. Vì vậy cho nên không những mong cho họ vui mà còn làm cho được vui.

Hỏi: Người hành Từ được công đức gì?

Đáp: Người hành Từ thì các ác không thể tăng trưởng, như khéo phòng bị thì giặc bên ngoài không thể gây hại. Nếu muốn gây hại thì tự chuốc lấy tai họa, như dùng tay vỗ vào mũi nhọn thì tay bị thương tổn, còn mũi nhọn thì không hề gì. Năm thứ tà ngữ không thể phá tâm vị ấy. Năm thứ là:

1. Lỗi nói hư dối.
2. Lỗi nói ác khẩu.
3. Lỗi nói không đúng lúc.

4. Lỗi nói tâm ác.

5. Lỗi nói không lợi ích.

Ví như đại địa, không thể phá được, mọi thứ sân hận, vu khống... không thể hủy hoại. Ví như hư không, không thể làm tổn hại. Tâm trí người ấy nhu hòa, giống như áo chư Thiên.

Lại nữa, hành giả nhập Từ thì các loài thú độc như cọp, sói, rắn hổ mang... đều không thể gây hại. Như vào ngục tù cũng không bị tổn hại. Vị ấy được vô lượng công đức như vậy.

Hỏi: Đức từ như vậy, còn thế nào là pháp từ?

Đáp: Nghĩ thương chúng sinh, thấy họ đều được vui. Tâm ấy tương ưng với pháp thuộc về hành ấm, gọi là pháp Từ, hoặc thuộc cõi Sắc, hoặc không thuộc, là pháp tâm sở, tâm cộng sinh, theo tâm hành, chẳng phải sắc pháp, chẳng phải nghiệp, tương ưng nghiệp, cộng sinh nghiệp, theo nghiệp hành, chẳng phải sinh hóa, là phải tu, đắc tu, hành tu, phải chứng thân chứng và tuệ chứng. Hoặc tư duy để đoạn, hoặc không đoạn, hoặc có giác có quán, hoặc không giác có quán, hoặc không giác không quán; hoặc có mừng hoặc không mừng, hoặc có hơi thở ra vào, hoặc không hơi thở ra vào, hoặc Hiền thánh hoặc phàm phu, hoặc tương ưng với cảm giác vui, hoặc tương ưng với cảm giác không khổ không vui, chẳng phải đạo phẩm, trước duyên tướng sau duyên pháp, ở Tứ thiền cũng như ở các địa. Vì duyên với vô lượng chúng sinh nên gọi là vô lượng. Vì thanh tịnh, vì từ niệm, vì thương yêu làm lợi ích nên gọi là phạm hạnh, phạm thừa, vì có thể đến cõi phạm thế nên gọi là phạm đạo, là chỗ hành đạo của chư Phật trong quá khứ.

Hỏi: Tu tập tâm từ như thế nào?

Đáp: Hành giả nào nghĩ như vầy: "Ta bỏ râu tóc, không còn trang sức đẹp để phá tướng kiêu mạn." Nếu nghĩ như thế thì phải nên hành từ. Nay mặc y nhuộm thì phải hành Từ, khiến tâm không ô nhiễm, thì ăn thức ăn của người mới không luống uổng. Như trong kinh nói: "Nếu Tỳ-kheo tập tu tâm Từ, tức là làm theo lời Phật dạy, như vậy mới không uổng của tín thí."

Lại nữa, hành giả hoặc xuất gia hay tại gia mà nghĩ như vầy: "Nhờ sức của tâm Từ nên trong đời ác được an ổn, không hoạn nạn, ở trong chúng phá pháp mà riêng mình vẫn nương pháp tu hành, ở nơi phiền não thiêu đốt mà vẫn khiến cho tâm được mát mẻ, như gần thôn xóm có ao mát mẻ."

Lại nữa, nhờ sức hành Từ nên oan gia độc hại không thể gây hại. Như mang giày da, gai nhọn không thể làm tổn thương. Hành giả ở trong cõi Dục có nhiều tổn hại do sân hận như tranh chấp, xâu xé, oán độc, đủ các

loại tổn hại... nhờ sức của tâm Từ nên không bị thương tổn. Ví như lực sĩ mặc giáp kim cương, cầm binh khí bén, tuy vào trong trận lớn nhưng không hề bị tổn thương.

Lại nữa, Từ hay làm lợi ích cho ba hạng người: Phàm phu hành từ trừ các sân hận, được phước vô lượng, sinh vào cõi tịnh, phước đức thế gian không thể hơn được. Người cầu Thanh văn và Bích-chi-phật: Sức từ hay phá sự sân hận của cõi Dục, các phiền não khác cũng theo đó diệt, được lìa cõi Dục, dần dần ra khỏi ba cõi.

Như Phật đã nói: "Tâm Từ gần như bao quát sự tu tập của bảy giác." Phát tâm Đại thừa vì độ chúng sinh nên lấy tâm Từ làm gốc. Như vậy, tâm Từ đối với ba hạng người có vô lượng lợi ích.

Lại, ban đầu tập Từ có mười sáu hạnh làm cho mau đắc Từ, lại khiến cho vững chãi, cũng thường tu hành:

1. Trì giới thanh tịnh.
2. Tâm không hối hận.
3. Sinh vui mừng trong pháp lành.
4. Vui thích.
5. Thu nhiếp, phòng hộ năm căn.
6. Khéo niệm tuệ phương tiện.
7. Lìa thân lìa tâm.
8. Đồng hành cùng trụ.
9. Hoặc nghe hoặc nói thuận theo pháp từ.
10. Không làm não loạn người.
11. Ăn biết điều độ.
12. Ít ngủ nghỉ.
13. Nói năng tỉnh thức.
14. Bốn oai nghi của thân an ổn, thoải mái.
15. Vật cần dùng tùy ý không thiếu.
16. Không hý luận về các pháp hành.

Đó là mười sáu pháp hỗ trợ Từ Tam-muội.

Bi là quán cái khổ của chúng sinh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thế gian, các khổ như gia hình, đói khát, lạnh lẽo, bệnh hoạn... Vì giữ tướng khổ ấy nên tâm Bi phát triển, thậm chí thấy người vui cũng có cái khổ này.

Hỏi: Vì sao cho vui là khổ?

Đáp: Vì vui là vô thường, vui không lúc chán, từ nhân duyên sinh,

niệm niệm sinh diệt không có lúc dừng, vì thế nên khổ.

Lại nữa, như trời cõi Dục thọ vui như cuồng, như say, không còn biết phân biệt, khi chết mới biết.

Chúng sinh cõi Sắc và Vô sắc thì tâm đắm chấp nơi thiền định sâu xa; thọ mạng hết, theo nhân duyên của nghiệp chịu quả báo.

Như vậy chúng sinh có gì vui? Ở địa ngục thuộc ba nẻo ác là nơi thường trú của họ, trong cõi trời người thì họ như khách tạm dừng nghỉ. Do nhân duyên này nên Phật chỉ nói Khổ đế mà không nói Lạc đế. Vì thế, tất cả chúng sinh chỉ có khổ. Thật đáng thương cho chúng sinh không biết thật khổ, ở trong điên đảo mà sinh tưởng vui; đời này đời sau chịu bao thứ sầu não mà không nhàm chán. Tuy tạm lìa khổ nhưng lại cầu cái vui mà gây ra các sự khổ, nhưng lại cầu cái vui mà gây ra các sự khổ. Tư duy như vậy thấy các chúng sinh đều thọ khổ. Đó là tâm Bi.

Ngoài nghĩa tâm Bi thì như trong bốn Vô lượng của luận Đại thừa còn nói: Mừng là hành giả biết thật tướng các pháp, quán chúng sinh khổ đều là tướng vui, quán chúng sinh vui đều là tướng khổ. Như vậy, các pháp không có tướng nhất định, tùy theo sức của tâm mà chuyển biến. Nếu các pháp không có tướng nhất định thì thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không khó, huống gì các đạo quả khác. Vì tùy ý có thể đắc nên sinh tâm hoan hỷ.

Lại nữa, hành giả nghĩ như vầy: "Ta nhờ trì giới tinh tấn... chút ít, liền được lìa dục, đạt được vô lượng công đức của các thiền định." Nhờ nghĩ về các công đức nên tâm sinh hoan hỷ. Ví như khách buôn đem đổi một ít đồ vật mà được lợi gấp trăm ngàn lần. Tâm hành giả rất hoan hỷ, lại nghĩ như vầy: "Pháp lợi như vậy đều nhờ ân Phật. Phật tự nhiên đắc đạo, giảng thuyết cho mọi người, theo lời dạy tu hành thì được lợi ích như vậy."

Khi ấy tâm nghĩ đến thân cuả mười phương chư Phật có sắc như vàng ròng, tướng hảo trang nghiêm và pháp thân có mười lực... vô lượng công đức. Nhờ nghĩ đến Phật như thế nên tâm sinh hoan hỷ.

Lại nữa, ở trong chín mươi sáu đạo, Phật là hơn hết, hay diệt các khổ, hướng đến thường lạc, tâm sinh hoan hỷ.

Lại phân biệt ba loại pháp Phật:

1. Tướng thường vô lượng Niết-bàn, là pháp bất hoại, rốt ráo.

2. Tám Thánh đạo, phương tiện Niết-bàn.

3. Mười hai bộ loại kinh điển trình bày tám Thánh đạo.

Niệm pháp như thế, tâm sinh hoan hỷ.

Lại nữa, biết thật tướng như vậy, thực hành chánh đạo, lìa các đường tà, đó là người chánh. Nghĩa là trong tất cả chúng, chúng đệ tử Phật là bậc nhất. Tự tư duy: "Ta đã ở trong chúng này, là bạn chân thật của ta, họ có thể giúp ích cho ta." Vì nhân duyên ấy nên tâm sinh hoan hỷ, lại mong cho chúng sinh thảy đều hoan hỷ. Nhờ định lực chuyển thành nên thấy chúng sinh đều được cái mừng ấy.

Xả: Hành giả như người hơi mệt mỏi, tâm tạm nghỉ ngơi, chỉ quán một tướng chúng sinh, không quán khổ vui thì tướng mừng giống như trẻ thơ; nếu thường thương yêu, cưng chiều thì sẽ hư hỏng; nếu thường áp bức, làm sợ hãi thì sẽ ốm gầy. Cho nên có lúc buông xả, không thương không ghét. Như vậy, hành giả nếu thường hành cái mừng của Từ thì tâm phóng túng, vì vui mừng. Nếu thường hành Bi thì tâm sinh sầu não vì nghĩ khổ nhiều. Vì thế hành Xả không để khổ vui thái quá.

Lại nữa, hành giả vào đạo, đắc vị thiền định, phân biệt chúng sinh tốt xấu, là thiện, là bất thiện. Đối với người thiện thì cung kính, thương nhớ; người bất thiện thì sinh khinh mạn. Như người được nhiều châu báu mà xem thường người nghèo, còn thấy người có của báu thì cung kính, thương nhớ. Vì để phá hai tướng này nên hành tâm Xả.

Như trong kinh nói: "Tu tập tâm Từ thì phá trừ sân hận, còn tu tập tâm Bi thì trừ sự não hại chúng sinh, tu tập tâm Hỷ thì trừ ưu sầu, tu tập tâm Xả thì phá trừ thương ghét; chỉ quán chúng sinh được giải thoát nên làm theo ý muốn, như người quán rừng mà không quán cây."

Lại như người đời khi lạnh được ấm, khi nóng được mát, của cải tùy ý sinh thì gọi là vui. Nếu được chức quan, kho báu, ca múa, vui đùa thì gọi là mừng. Nếu mất những thứ này thì gọi là sầu khổ. Nếu không có ba việc ấy thì gọi là Xả. Hành giả cũng vậy, có đủ bốn tâm, tự thân thọ vui, mong niềm vui ấy đến với chúng sinh. Tâm đã nhuần nhuyễn thì thấy tất cả chúng sinh đều được vui.

Lại thấy chư Thiên và thế gian giàu sang thì giữ tướng vui ấy, nguyện cho chúng sinh tâm đã nhuần nhuyễn thì thấy tất cả chúng sinh đều được cái vui này. Khi tu tập pháp Từ thì tâm rất mừng, đem sự vui mừng này mà ban cho chúng sinh. Hoặc từ định xuất, đảnh lễ Phật, Pháp, Tăng, khen ngợi, cúng dường cũng được tâm mừng, thì nguyện cho chúng sinh và lấy cái mừng bên ngoài nguyện ban cho chúng sinh.

Hoặc khi gặp các khổ như: già, bệnh, buồn rầu, đói khát, lạnh lẽo, khốn khổ... thì mong cho chúng sinh lìa các khổ não này. Nghĩ rằng: "Ta có thể phân biệt, liệu định, có tâm nhẫn mà còn khổ não, huống gì chúng

sinh không có trí tuệ, nhẫn nhục mà chịu các khổ thì sao không khổ não?", liền sinh tâm Bi.

Lại thấy có người bị phanh thây, đánh đập; lại nghe trong kinh nói sự khổ đau ở đường ác thì giữ tướng khổ này, quán tất cả đều khổ mà sinh tâm Bi.

Xả là từ bỏ thương ghét, cũng quán chúng sinh không có thương ghét và giữ tướng không thọ khổ vui của chúng sinh. Từ đệ Tứ thiền cho đến cõi Phi hữu tưởng, Phi vô tưởng và khi Dục giới không khổ không vui, giữ tướng này rồi quán tất cả chúng sinh cũng đều như thế, không khổ không vui.

Lại như người giàu có, chỉ có một đứa con nên hết mực thương yêu và thường nhớ đến, các thứ vui ở thế gian nguyện cho nó đều được; thứ mình có được cũng đều ban cho nó. Hoặc khi đứa con ấy gặp các buồn phiền thì cha rất thương xót. Nếu con không còn khổ sở thì cha rất vui mừng. Tâm sinh vui mừng rồi thì mới buông bỏ trách nhiệm để con tự trưởng thành, cha được nghỉ ngơi.

Như vậy, hành giả trong bốn Tâm vô lượng, quán các chúng sinh cũng như con mình, tùy theo các thứ vui mà mình có và các thú vui thế gian nguyện cho họ được niềm vui ấy. Nhờ định lực của Từ nên thấy tất cả đều vui vẻ.

Hành giả rời tâm Từ, nếu thấy chúng sinh chịu các khổ đau thì giữ tướng này, rồi sinh tâm Bi.

Nhờ sức tâm Bi nên thấy chúng sinh thảy đều thọ khổ, thấy rồi thì nguyện cho chúng sinh đều lìa khổ ấy.

Ra khỏi Bi Tam-muội, nếu thấy chúng sinh cảm thọ vui đắc đạo, nhập Niết-bàn thì giữ tướng này rồi sinh tâm mừng, mong cho họ đạt được. Tâm thức nhu hòa thì thấy chúng sinh đều được vui mừng.

Ra khỏi định này thấy chúng sinh không khổ, không vui, không lo, không mừng thì giữ tướng này, rồi sinh tâm Xả, nguyện cho chúng sinh không khổ, không vui, không mừng, không lo. Vì khéo tu định lực xả nên thấy chúng sinh đều không khổ, không vui, không mừng, không lo, được lìa sự thiêu đốt của phiền não.

Lại nữa, nếu chúng sinh có các lỗi lầm thì bỏ qua mà không tra hỏi. Nếu được cung kính, yêu mến thì không vì thế mà mừng, gọi là tâm Xả.

Đó là nghĩa bốn Tâm vô lượng như trong Đại thừa nói.

Tịnh quán có ba bậc:

1. Mới thực tập.

2. Đã thực tập.

3. Thực tập đã lâu.

Nếu người mới thực tập thì nên dạy: Phá bỏ lớp da bất tịnh nên quán bộ xương trắng, buộc ý tại pháp quán, không cho nghĩ bên ngoài, nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về.

Nếu đã thực tập thì nên dạy: Tâm trừ hết da thịt, quán toàn bộ xương đầu, không cho nghĩ bên ngoài, nghĩ các duyên ngoài thì thu nhiếp trở về.

Nếu người đã tập lâu thì nên dạy: Bỏ một tấc da thịt trong thân, buộc ý năm chỗ: trên đảnh, trên trán, giữa hai chân mày, sống mũi, tim. Các chỗ như thế trụ ý tại xương, không cho nghĩ bên ngoài, nghĩ các duyên ngoài thì thu nhiếp trở về.

Lại nên quán tâm, nếu tâm mệt mỏi thì bỏ các tướng bên ngoài, trụ niệm ở duyên. Ví như khỉ bị buộc tại trụ cây, suốt ngày chạy nhảy nhưng vẫn bị buộc lại một chỗ, mệt nhoài mới yên nghỉ. Đối tượng được duyên như trụ cây, niệm như xiềng xích, tâm dụ con khỉ. Cũng như người vú nuôi, trông coi đứa bé không cho rơi té, hành giả quán tâm cũng như vậy, dần dần chế phục tâm, làm cho trụ vào duyên. Nếu tâm trụ lâu thì hợp với pháp thiền. Nếu đắc thiền định thì có ba tướng:

1. Thân thể hòa vui, mềm mại, nhẹ nhàng.

2. Xương trắng tỏa sáng như ngọc kha trắng.

3. Tâm được trụ yên.

Đó là tịnh quán. Khi ấy liền được tâm trong sắc giới. Đó gọi là mới học pháp môn thiền.

Nếu tại định được thắng tâm thì không cần chế phục nó khiến cho an trụ. Đó gọi là nhất tâm.

Nếu có thể trụ trong một tấc thì liền được lột khắp, không chỉ quán xương người màu đỏ, mà đắc pháp quán này rồi thì bỏ xương đỏ, quán tiếp xương trắng, không nghĩ bên ngoài, nghĩ các duyên ngoài liền thu nhiếp trở về.

Nếu tâm thanh tịnh trụ trong pháp quán xương thì thấy quanh xương có ánh sáng trắng phát ra quanh thân, như ánh mặt trời sáng trong giữa trời trong. Ánh sáng này đã xuất hiện mà dùng mắt tâm quán thì thấy rõ tất cả. Nhờ sức ánh sáng nên thấy tướng trong xương người giống như các pháp sinh diệt của tâm và tương ưng với tâm, như nước chảy trong ống ngọc Tỳ-lưu-ly. Khi ấy, tâm liền được diệu lạc mà dục lạc của người dâm dục không

thể ví dụ.

Quán thân bên ngoài cũng như vậy. Như thế, quán một thân, lần lượt quán đến nhiều thân,... cho đến một cõi Diêm-phù-đề, lại từ một Diêm-phù-đề trở lại một tâm cũng được tự tại, thì đó là pháp Tam-muội tịnh trong bất tịnh.

Lại nữa, thân này rỗng không, xương nhờ lớp da mỏng che phủ thì có gì đáng ưa? Rất đáng lo ngại vậy.

-oOo-

THIỀN PHÁP YẾU GIẢI

QUYỂN HẠ

Nếu hành giả muốn cầu định hư không thì nên nghĩ như vầy: "Sắc là công cụ tạo ra đủ mọi thứ đau khổ; như đánh đập, cắt chặt, giết hại, đói lạnh, già, bệnh... đều do sắc." Tư duy như thế thì liền xa lìa sắc, đắc hư không xứ.

Hỏi: Hành giả nay lấy sắc làm thân, thì làm sao lìa bỏ được?

Đáp: Các phiền não là nhân duyên của sắc, lại hay trói buộc sắc. Vì phiền não này diệt nên gọi là lìa sắc.

Lại nữa, tập thực hành pháp quán hư không phá sắc thì được lìa sắc.

Lại nữa, như Phật đã nói: Tỳ-kheo quán năm ấm trong đệ Tứ thiền như bệnh, như mụt ghẻ, như ung nhọt, như mũi nhọn, là vô thường, khổ, không, vô ngã.

Quán như vậy thì lìa năm ấm trong đệ Tứ thiền. Vì các ấm nương vào sắc nên chỉ nói lìa sắc. Vì sao? Vì sắc rốt ráo diệt tận.

Lại nữa, hành giả quán sắc từng phần tách rời thì không có sắc. Như thân thì có phần đầu, chân, vai, tay.... phân ra từng phần riêng rẽ thì không còn thân nữa. Như đầu thì có mắt, tai, mũi, lưỡi, râu, tóc, xương, thịt... tách ra từng phần riêng rẽ thì không có đầu nữa. Như mắt thì gồm bốn đại, bốn trần, thân căn, nhãn căn, mười sự hòa hợp, trắng đen... thành cục thịt gọi là mắt, phân tách ra từng thứ thì không có mắt. Đất,... phân ra từng phần cũng vậy.

Hỏi: Nhãn căn do bốn đại tạo, sắc không thể định thì làm sao phân biệt?

Đáp: Bốn đại và bốn đại tạo vì là tịnh sắc hòa hợp nên gọi là mắt. Nếu bỏ sắc này thì không có mắt. Lại tịnh sắc này tuy không thể thấy, nhưng vì hữu đối nên có thể phân tách. Do có thể phân tách nên không có mắt.

Lại nữa, cái có thể thấy sắc nên gọi là mắt. Nếu trừ bỏ bốn đại và bốn đại tạo sắc thì không có mắt. Nếu không có mắt mà có thể thấy sắc thì tai cũng có thể là mắt. Nếu mắt là sắc pháp thì tất cả sắc pháp có chỗ để phân

tách nên có thể phân biệt. Nếu có thể phân biệt thì là nhiều mắt. Nếu nói bốn đại sở tạo, các vi trần là mắt thì không phải một mắt. Nếu hoàn toàn chẳng có mắt thì một mắt cũng không có. Còn nếu nói vi trần là mắt thì cũng không đúng. Vì sao? Vì nếu vi trần có sắc thì cả mười phương không gọi là vi trần. Nếu chẳng phải sắc thì không gọi là mắt.

Lại nữa, thể của vi trần phân định có bốn phần: sắc, hương, vị, xúc. Mắt này chẳng phải bốn việc ấy. Vì sao? Vì mắt thuộc về nội nhập, còn bốn đại thuộc về ngoại nhập. Cho nên không được lấy các vi trần làm mắt. Như Phật nói các việc hòa hợp, thấy sắc tạm gọi là mắt, chứ không có chắc thật. Tai, mũi, lưỡi, da, thịt, xương,... cũng phá như vậy. Đó gọi là phá tướng trong thân. Sắc bên ngoài như cung điện, tài vật, vợ con... cũng đều phân biệt phá như vậy.

Như Phật bảo La-đà: "Kể từ ngày nay nên phá tan sắc, hủy hoại sắc, làm cho không còn sắc. Hay phân biệt như vậy thì gọi là lìa sắc."

Lại nữa, như Phật nói: Nếu Tỳ-kheo muốn lìa sắc, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt tất cả tướng đối, không nghĩ tất cả tướng khác thì vào cõi hư không vô lượng. Vượt qua tất cả sắc tướng là có thể thấy sắc, diệt tất cả tướng đối là sắc hữu đối mà không thể thấy, không nghĩ tất cả tướng khác là không thể thấy sắc không đối.

Lại nữa, vượt qua tất cả tướng sắc là xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía... các loại sắc tướng; diệt hữu đối là thanh, hương, vị, xúc,...; không nghĩ tất cả tướng khác là lớn, nhỏ, dài, ngắn, vuông, tròn, xa, gần... Lìa tất cả sắc tướng như thế thì được vào cõi hư không.

Lại nữa, hành giả buộc tâm vào hư không trong thân, đó là miệng, mũi, yết hầu, mắt, tai, ngực, bụng... Đã biết sắc là các phiền muộn, là họa nên tâm thích hư không. Nếu tâm tại sắc thì thu nhiếp khiến về với hư không. Tâm trở nên nhu hòa thì làm cho hư không trong thân dần dần rộng lớn, tự thấy sắc thân như lỗ ngó sen, thực tập càng nhạy bén thì thấy thân toàn là hư không, không còn có sắc. Sắc ngoài cũng vậy, hư không trong ngoài đồng một hư không. Khi ấy tâm duyên với hư không vô lượng vô biên, lìa cái tưởng về sắc mà được an ổn vui thích. Như chim ở trong bình, bình vỡ được thoát ra, bay lượn trong hư không, không bị chướng ngại. Đó gọi là định vô sắc ban đầu.

Hành giả biết thọ, tưởng, hành, thức trong hư không như bệnh, như mụt ghẻ, như ung nhọt, như mũi nhọn, là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại cầu định vi diệu liền lìa duyên không. Vì sao? Vì biết tâm sở này tưởng hư không là hư dối, không thật, trước không nay có, có lại hoàn không. Đã biết họa ấy là hư không, từ thức mà có, nghĩa là thức là chân nên chỉ quán

thức bỏ duyên không. Khi tập quán thức thì dần dần thấy tướng của thức sinh khởi tương tục như nước chảy, như đèn sáng. Thức quá khứ, hiện tại, vị lai tương tục vô biên vô lượng.

Hỏi: Vì sao Phật nói cảnh giới của thức vô biên vô lượng?

Đáp: Vì thức có thể duyên xa nên vô biên, duyên vô biên pháp nên vô lượng.

Lại nữa, trước duyên hư không vô biên nên phá hư không vô biên thì thức mới thuận với vô biên. Do tâm hành giả nhu hòa nên có thể làm cho thức rộng đến vô biên. Đó là cảnh giới của thức vô biên.

Hỏi: Cảnh giới của thức này đủ cả bốn ấm, vì sao chỉ nói đến thức?

Đáp: Tất cả pháp bên trong đều lấy thức làm chủ. Các pháp tâm sở đều tùy thuộc thức. Nếu nói đến thức tức là nói các việc khác. Lại trong Dục giới, sắc ấm làm chủ, trong Sắc giới thọ ấm làm chủ, Hư không xứ, Thức xứ thì thức ấm làm chủ, vô sở hữu xứ tưởng ấm làm chủ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì hành ấm làm chủ.

Lại nữa, ba pháp: thân, tâm, tâm sở pháp thì ở Dục giới, Sắc giới vì lấy thân làm chủ nên tâm theo thân. Nếu không có thân thì chỉ dùng sức của tâm.

Tâm có hai phần: một phần duyên không, còn một phần tự duyên nên phải có hai xứ: không, thức. Vì ban đầu phá sắc nên lấy hư không gọi tên. Do phá hư không nên chỉ lấy thức làm tên.

Tâm sở pháp cũng có hai phần: một phần thuộc Tưởng, một phần thuộc Hành. Vì vậy cũng có hai xứ: Tưởng vô sở hữu và Hành phi tưởng phi phi tưởng.

Lại nữa, do duyên với thức nên lìa được hư không. Vì thế, tuy có các ấm khác nhưng chỉ lấy thức làm tên.

Hành giả đã được thức xứ rồi, lại cầu định vi diệu, quán thức là huyễn, như trên đã nói.

Lại nữa, quán thức như huyễn, là hư dối, thuộc về các nhân duyên nên không tự tại; có duyên thì sinh, không duyên thì diệt. Thức không trụ tình, không trụ duyên, cũng không trụ khoảng giữa, chẳng có chỗ trụ, chẳng phải không có chỗ trụ. Tướng thức như vậy, nên Thế Tôn nói thức như huyễn hóa. Hành giả đã tư duy như thế thì lìa được thức xứ.

Lại nữa, hành giả lại tư duy: "Như năm dục là hư dối thì sắc cũng như vậy. Như sắc hư dối thì hư không cũng như thế. Hư không hư dối thì tướng của thức cũng vậy đều là hư dối. Nhưng chúng sinh mê hoặc, đắm

chấp gọi là các pháp, chỉ có rỗng không, không có gì là chỗ an ổn.” Nghĩ như thế rồi thì liền nhập vào Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Hư không xứ với Vô sở hữu xứ có gì khác nhau?

Đáp: Trước thì tâm lấy tưởng hư không làm duyên, ở đây tâm tưởng Vô sở hữu làm duyên. Đó là sự khác nhau.

Hành giả đã vào Vô sở hữu xứ, nếu là bậc lợi căn thì biết trong ấy còn có thọ, tưởng, hành, thức nên nhàm chán họa ấy, như trước đã nói. Còn người độn căn thì không thể biết.

Lại nữa, nhân lìa Vô sở hữu xứ có ba kiến giải: một là hữu kiến, hai là vô kiến, ba là phi hữu kiến phi vô kiến.

Hữu kiến: từ Dục giới cho đến Thức xứ.

Vô kiến: tức là Vô sở hữu xứ.

Phi hữu phi vô kiến: tưởng phi phi tưởng xứ.

Vô kiến này cần phải lìa bỏ. Vì sao? Vì Phi tưởng phi phi tưởng tuy vi tế mà còn phải bỏ, huống gì Vô sở hữu xứ.

Nghĩ như vậy rồi thì lìa Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Như trong Phật pháp cũng có rỗng không, không sở hữu. Nếu đó là thật thì vì sao nói là tà kiến cần phải lìa bỏ?

Đáp: Trong Phật pháp vì dùng để phá chấp trước nên nói không phải là thật. Còn cho rằng Vô sở hữu xứ là thật thì rơi vào tà kiến, trong đó chúng sinh sau khi thọ quả báo tùy theo nhân duyên của nghiệp lại thọ quả báo khác. Vì thế nên phải trừ bỏ. Tên tuy giống nhưng thật ra thì khác hẳn.

Lại nữa, hành giả nghĩ như vầy: “Tất cả cảnh giới tưởng đều thô, đáng lo lắng, như bệnh, như mụt, như ung nhọt, như trúng tên. Còn cảnh giới không tưởng là chỗ ngu si. Nay chỗ tĩnh lặng vi diệu đệ nhất là Phi tưởng phi phi tưởng xứ.” Quán như vậy rồi thì lìa cảnh giới tưởng về Vô sở hữu xứ mà nhập vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Trong ấy là Hữu tưởng hay Vô tưởng?

Đáp: Trong ấy là Hữu tưởng.

Hỏi: Nếu là Hữu tưởng thì bảy địa dưới sao không gọi là tưởng định?

Đáp: Vì trong các địa này phần tưởng vi tế, không sắc bén; dụng của tưởng không nổi bật, nên không gọi là tưởng. Vì tâm hành giả ở Phi hữu tưởng phi vô tưởng nên Phật nương theo gốc của định mà gọi tên, gọi là Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ.

Người độn căn không biết trong đó có bốn ấm, bèn cho là cảnh giới Niết-bàn an ổn mà sinh tăng thượng mạn, sống được tám vạn kiếp rồi trở

lại rơi vào các cảnh giới khác.

Bốn ấm trong ấy tuy vi tế, sâu xa, vi diệu, như bậc lợi căn thì có thể hiểu rõ, hiểu rồi nhàm chán mà nghĩ như vầy: "Đây cũng là pháp tạo tác hòa hợp, pháp do nhân duyên sinh, là hư dối không thật, như bệnh, như mụt, như ung nhọt, như trúng tên, là vô thường, khổ, không, vô ngã, cũng là làm nhân duyên cho đời sau, cần phải lìa bỏ. Do cái họa ấy nên phải học bốn Đế."

Hỏi: Khi bỏ các địa khác, vì sao không nói học bốn Đế?

Đáp: Vì trước đã nói như bệnh, như mụt, như ung nhọt, như trúng tên, là vô thường, khổ, không, vô ngã. Đó là lược nói bốn Đế, chỉ chưa nói rộng mà thôi.

Lại các địa kia không ngăn ngại, không khó khăn nên phàm phu hữu lậu cũng có thể vượt qua. Còn đây là tột đỉnh thế gian, chỉ có Thánh nhân học đạo Vô lậu mới có thể vượt qua. Ví như chim bị cột dây ở chân, ban đầu tuy được bay đi nhưng hết dây rồi cũng bị kéo trở lại. Người phàm phu cũng vậy, tuy vượt qua các địa nhưng Ma vương không vì thế mà sợ hãi. Nếu vượt qua địa vị Hữu đảnh thì Ma vương rất sợ hãi. Như dây đứt, chim bay mất. Vì thế, khi lìa các địa ấy, không nói bốn đế. Địa vị Hữu đảnh là cửa trọng yếu của ba cõi, muốn vượt qua cửa này thì phải học bốn Đế.

Hỏi: Thế nào là bốn Đế?

Đáp: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.

Khổ có hai: một là khổ thân, hai là khổ tâm.

Tập cũng có hai: một là sử, hai là phiền não.

Diệt cũng có hai: một là Niết-bàn Hữu dư y, hai là Niết-bàn Vô dư y.

Đạo cũng có hai: một là Định, hai là Tuệ.

Lại nữa, Khổ đế có hai thứ: một là Khổ đế, hai là Khổ thánh đế. Khổ đế là tướng của phiền não, nghĩa là năm thọ ấm gọi là Khổ đế. Khổ thánh đế là nhờ hiểu biết nên tu đạo, gọi là Khổ thánh đế.

Tập đế có hai: một là Tập đế, hai là Tập thánh đế. Tập đế là tướng phát sinh, nghĩa là ái v.v.., các phiền não gọi là Tập đế. Tập thánh đế là vì đoạn trừ (phiền não) nên tu đạo, đó là Tập thánh đế.

Diệt đế có hai: một là Diệt đế, hai là Diệt thánh đế. Diệt đế là tướng vắng lặng, nghĩa là bốn quả Sa-môn, gọi là Diệt đế. Diệt thánh đế là vì để chứng tịch diệt nên hành đạo, đó là Diệt thánh đế.

Đạo đế có hai: một là Đạo đế, hai là Đạo thánh đế. Đạo đế là tướng xuất phát hướng đến, nghĩa là tám Thánh đạo, gọi là Đạo đế. Lại nữa, đế

có hai thứ: tổng tướng và biệt tướng. Tổng tướng khổ là năm thọ ấm. Biệt tướng khổ là phân biệt rộng về sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Tổng tướng tập có khả năng sinh ái cho thân đời sau.

Biệt tướng tập: phân biệt rộng về ái..., các phiền não và nhân duyên năm thọ ấm của nghiệp hữu lậu.

Tổng tướng diệt: có khả năng sinh sự đoạn tận ái của thân sau.

Biệt tướng diệt: phân biệt rộng rãi về sự đoạn tận tám mươi chín thứ kết sử.

Tổng tướng đạo: tám Thánh đạo, biệt tướng đạo, phân biệt rộng từ khổ pháp nhẫn cho đến vô học đạo.

Nếu không thông hiểu bốn đế thì xoay vần trong năm đường, qua lại sinh tử không lúc nào dừng nghỉ. Vì nhân duyên này nên hành giả phải suy niệm về sinh, già, bệnh, chết... tất cả khổ não đều do có thân. Ví như tất cả cỏ cây đều từ đất phát sinh, như trong kinh nói: "Chúng sinh trong mười phương sở dĩ có thân đều bị khổ là do có sinh. Ví như thức ăn độc dù ngon hay dở đều làm chết người. Nếu không có thân tâm thì khổ chết không nơi nương tựa. Như gió dữ bẻ gãy cây lớn, nếu không có cây thì không bị hủy hoại." Như vậy, lược nói căn bản thọ khổ của thân tâm. Như hư không là gốc của gió, cây là gốc của lửa, đất là gốc của nước, thân là gốc của khổ.

Lại nữa, như đất thường là tướng cứng chắc, nước thường có tướng ẩm ướt, lửa thường là tướng nóng, gió thường là tướng động, thân tâm thường là tướng khổ. Vì sao? Vì có thân nên các khổ như: già, chết, đói, khát, nóng, lạnh, gió, mưa... thường bám theo. Vì có tâm nên các khổ như ưu sầu, sợ hãi, sân hận, ganh ghét... thường bám theo. Nếu biết khổ của thân hiện tại thì khổ quá khứ cũng như vậy. Như khổ của thân hiện tại, quá khứ thì vị lai cũng vậy. Ví như hiện nay thấy thóc giống sinh lúa thì xét biết quá khứ, vị lai cũng đều như vậy. Lại như hiện tại thấy lửa là tướng nóng thì xét biết lửa quá khứ, vị lai cũng lại nóng như vậy. Nếu không có thân tâm thì trước không khổ, nay cũng không khổ và sau cũng không khổ. Phải biết, đau khổ trong ba đời đều từ thân tâm mà có, cho nên phải quán khổ đế. Như vậy, tâm sinh nhàm chán.

Nhân duyên của khổ ấy chỉ từ các phiền não như ái,... phát sinh, chẳng phải trời, chẳng phải thời, chẳng phải tự nhiên, cũng chẳng phải không nhân duyên. Nếu lìa phiền não thì không có sinh, nên biết thế gian đều từ phiền não như ái,... sinh ra. Như người làm một việc gì thì trước tiên đều từ mong muốn. Vì vậy các phiền não là nhân duyên của khổ. Lại nữa, do nước ái

nên mới thọ thân, nếu không có nước ái thì không có thọ thân; như đất khô không thể trét vách, lấy nước hòa vào thì có thể trét.

Lại nữa, vì các phiền não nên sự thọ thân mỗi mỗi không đồng. Như người nhiều dục thì thọ thân nhiều tướng dục. Người nhiều sân hận thì thọ thân có nhiều tướng sân. Người nhiều ngu si thì thọ thân có nhiều tướng si. Người ít phiền não thì thọ thân ít phiền não. Vì thấy quả báo hiện nay khác nhau nên biết nhân duyên xưa khác biệt, đời sau theo phiền não thọ thân sai khác cũng như thế, tùy theo nghiệp mà thọ thân. Nếu không sân giận thì không thọ thân rắn độc, tất cả thân khác cũng vậy.

Vì vậy nên biết các phiền não như ái,... là nhân duyên của tất cả khổ. Vì nhân duyên của khổ diệt nên khổ liền dứt, đó là Niết-bàn. Niết-bàn gọi là Ly dục, đoạn trừ các phiền não, thường hằng không biến đổi, trong đó không có sinh, không có già, không bệnh, không chết, không có khổ thương yêu mà chia lìa, oán ghét mà gặp nhau, an vui mãi mãi.

Hành giả khi đắc Niết-bàn diệt độ thì hoàn toàn không đi về đâu, gọi là Tịch diệt. Như đèn cháy dầu hết thì tắt, không đến các phương, gọi đó là Diệt đế. Đắc đạo Niết-bàn phương tiện thì Định phân làm ba loại, Tuệ phân làm hai loại, Giới phân làm ba loại.

Trụ trong Giới này tu hành định tuệ; nghĩa là đối với bốn Đế, Tuệ hay quyết định, đó là Chánh kiến. Nương vào chánh kiến mà sự hiểu biết pháp phát sinh, đó là Chánh tư duy. Gọi là Tuệ phân làm hai loại.

Chánh định, Chánh niệm, Chánh tinh tấn, gọi là Định, phân làm ba loại.

Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, gọi là Giới, phân làm ba loại.

Trụ vào giới tịnh nên các mầm phiền não không phát triển thì thế lực nó suy kém dần. Như gieo giống không đúng thời tiết thì mầm không phát triển, sức các phiền não đến thì phần định có thể ngăn chặn, như núi lớn ngăn nước, nước không thể phá nổi. Ví như chú thuật có thể cấm chế rắn độc, tuy nó có độc nhưng không thể hại người, phần định cũng như vậy. Tuệ có khả năng nhổ tận cội gốc phiền não, như nước lớn chảy mạnh, cây trên ven bờ đều bị nhổ trôi.

Thực hành ba phần này là đường chân chánh ngay thẳng của tám Chánh đạo, có khả năng diệt trừ nhân của khổ, an ổn rốt ráo, thường lạc vô vi.

Nếu phương tiện ban đầu mà tập pháp môn này thì có mười việc:

1. Tâm chuyên chánh: Tâm chuyên chánh thì mọi việc bên ngoài dù

đến phá hoại không lay chuyển. Như gió bốn phía nổi dậy mà núi không lay động.

2. Chất trực: Người chất trực nghe thầy nói pháp không nhìn chỗ ưu khuyết, tâm không tăng giảm, nương vào lời dạy không nghi ngờ. Ví như vào rừng rậm chặt củi, cây thẳng thì dễ kéo ra, cây cong khó ra. Như vậy rừng rậm ba cõi, người chất trực dễ thoát ra, người quanh co khó thoát. Ở trong Phật pháp chỉ có người chất trực là được dùng, người quanh co thì loại bỏ.

3. Hổ thẹn: Đó là phục sức đẹp đẽ, trang nghiêm hơn hết. Hổ thẹn là móc sắt chế phục tâm ác. Có hổ có thẹn mới thật là người. Nếu không hổ không thẹn thì không khác gì súc sinh.

4. Không phóng dật: Đó là gốc của tất cả pháp thiện. Thế gian phóng túng, mất các việc lợi. Hành giả phóng dật, mất lợi Niết-bàn. Nên biết, phóng dật như oán, như giặc, tâm thường xa lìa. Nên biết, không phóng dật như vua, cha, thầy, phải tôn trọng, thừa sự không rời.

5. Xa lìa: Nhờ sự xa lìa này mà thành tựu không phóng dật. Nếu gần năm dục, các tình phát khởi thì trước hết thân phải lìa thôn xóm, kế đến tâm xa lìa không nghĩ việc đời.

6. Ít muốn: Đồ vật giúp cho sự sống, tâm không mong cầu nhiều. Cầu mong nhiều thì rơi vào các lo âu.

7. Biết đủ: Có người tuy ít muốn nhưng ưa đắm vật đẹp nên tâm đạo bị lụn bại. Vì thế, người trí chỉ mong vừa đủ mà thôi.

8. Tâm không đắm chấp: Nếu có đệ tử, đàn-việt, trí thức, thân thuộc thăm hỏi hoặc đưa rước thì có nhiều việc phiền toái... Các việc như vậy hủy hoại đạo nghiệp, cho nên không nên tham đắm.

9. Không thích cái vui ở đời: Như ca múa, âm nhạc, giờ lành, ngày tốt, chọn lựa tốt xấu,... tất cả việc đời đều không ưa thích.

10. Nhẫn nhục: Khi hành giả cầu đạo phải nhẫn mười việc:

-Sự xâm hại của muỗi mòng.

-Rắn rết có nọc độc.

-Loài thú độc.

-Mắng chửi, phỉ báng.

-Đánh, ném, gia hại.

-Đau bệnh.

-Đói.

-Khát.

-Lạnh.

-Nóng.

Những việc khổ não như thế hành giả nhẫn chịu, chớ để bị lung lạc, luôn thắng vượt những việc này.

Lại nữa, như người hiểu biết tướng bệnh, biết nguyên nhân của bệnh, biết thuốc trị lành bệnh, được khám bệnh nhân tùy theo nhu cầu mà bổ thuốc, không lâu sẽ lành; hành giả cũng vậy, biết thật tướng của khổ, biết nguyên nhân của khổ, biết đạo hết khổ, biết được thầy lành để học, như vậy không lâu được an ổn, tĩnh lặng.

Hỏi: Đã đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vào sâu trong thiền định, chỉ còn kết sử yếu ớt bậc thượng, tâm dễ nhu hòa, không cần các nhân duyên, các ví dụ để quán bốn Đế thì khác gì chẳng tăng thêm?

Đáp: Chẳng phải nói riêng về một vị Hữu đảnh mà bao gồm tất cả các vị Hữu đảnh, đều quán bốn ấm thuộc sắc giới là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên găm vào tim. Vô thường, khổ, không, vô ngã đều là pháp nhân duyên, hư dối tạo tác. Quán Niết-bàn thượng diệu ổn định an lạc, chẳng phải là pháp tạo tác, chân thật không dối. Diệt ba độc ba suy thì khổ của thân tâm diệt. Thường quở trách bốn ấm và nhân duyên của chúng thì gọi là Khổ đế, Tập đế; khen ngợi Niết-bàn và đạo Niết-bàn gọi là Diệt đế, Đạo đế.

Hành giả đắc bốn Thiền, bốn Định vô sắc, tâm đã nhu hòa, nếu cần năm thần thông mà nương vào Tứ thiền thì dễ đắc, nếu nương vào Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, tuy có thể được nhưng cầu rất khó, mà có được cũng không kiên cố. Vì sao? Vì Sơ thiền thì giác quán làm loạn định, còn Nhị thiền thì quá mừng, Tam thiền thì quá vui, cùng định trái nhau. Bốn Như ý đều là tướng định, chỉ có Tứ thiền không khổ, không vui, không lo, không mừng, hơi thở không ra vào, là nơi các Thánh trụ, an ổn diệu lạc.

Cho nên hành giả phải nương vào Tứ thiền để tu bốn Như ý. Đó là: dục định hành pháp thành tựu như ý, tinh tấn định, tâm định, tư duy định hành pháp thành tựu như ý. Nương vào đây mà an trụ thì không việc gì là không thành tựu.

Hỏi: Thế nào là dục định hành pháp thành tựu như ý?

Đáp: Dục là tên gọi của sự mong muốn. Định là tên gọi của nhất tâm không có tăng giảm. Hành pháp là tên gọi của tín, niệm, xảo tuệ, hỷ lạc... hỗ trợ thành tựu dục định. Nhờ dục là chủ mà được định, nên gọi là Dục định. Tinh tấn định, Tâm định, Tư duy định cũng như vậy. Hành giả quán dục đừng cho tăng giảm, chớ nhiếp vào trong lắm mà bề ngoài nhiều

tán loạn, phải dịu dàng bình đẳng điều hòa mới có thể sử dụng. Giống như điều chỉnh dây đàn không căng lắm, không dùn lắm thì tùy ý đàn theo khúc ca; Tinh tấn, Tâm, Tư duy cũng vậy. Như hành giả học bay, muốn bay gọi là dục, nhiếp thu các tâm tán loạn, tập hợp các pháp trợ hành, gọi là tâm tinh tấn, có thể nhấc thân lên, lìa thân tâm thô nặng như ngủ, trạo cử thì tâm liền nhẹ nhàng. Nhờ tâm nhẹ nhàng nên có thể nhấc thân lên, đó gọi là tâm; trù liệu dục, tinh tấn tâm nhiều ít có thể nhấc thân lên, nhưng chưa phá hết sắc cuối cùng trong và ngoài, gọi là tư duy. Nương vào bốn phần như ý có thể đạt đầy đủ tất cả công đức, huống gì năm thần thông.

Hỏi: Năm thần thông, pháp nào sinh trước?

Đáp: Tùy theo sở thích mà sinh trước.

Hỏi: Nếu vậy thì tại sao biến hóa thần thông thần thông lại nêu trước?

Đáp: Sử dụng năm thần thông phần nhiều là vì chúng sinh. Vì sao? Vì như bậc tuệ giải thoát A-la-hán, sau khi đắc A-la-hán nghĩ như vầy: "Có nhiều chúng sinh độn căn, không tin việc đạo, khinh mạn pháp. Ta được thần thông dủ sạch lậu hoặc là việc khó, thì tại sao không phát khởi thần thông giáo hóa mà để họ rơi vào tội lỗi? Vả lại, Đức Phật đại Bi làm lợi ích cho chúng sinh, ta là đệ tử, phải dùng thần thông giúp ích cho chúng sinh." Như vậy, các chúng sinh phần nhiều nhờ sự hóa hiện đó mà được lợi ích, sự thần biến cảm động sang hèn, đại chúng đều phục tùng, các thần thông khác không được như vậy. Vì thế cho nên biến hóa thần thông được nêu trước.

Hỏi: Thân nơi cõi trời hỏa đại nhiều nên có ánh sáng, cũng có thể đi mau trên hư không. Quỷ thần phong đại nhiều nên thân nhẹ nhàng, không bị chướng ngại. Thân rồng thủy đại nhiều nên tâm niệm sinh nước, cũng có thể biến hóa chuyển động. Thân người địa đại nhiều nên tướng động và nhẹ ít thì làm sao có thể bay?

Đáp: Do địa đại của thân người có tướng động và nhẹ ít nên mới cầu học thần thông. Như trời, rồng dùng thần thông làm gì? Như đất tuy nặng mà nhờ sức của nước nên đất chuyển động. Như thế thì nhờ sức của tâm nên có thể nhấc thân lên. Ví như khỉ từ trên cao rơi xuống mà thân không bị tổn thương, còn người rớt thì bị thương. Khỉ nhờ sức tâm nhẹ nhàng, nhanh nhẹn, mạnh mẽ nên không bị thương tổn. Nên biết, thần thông của thân cũng như thế, vì sức tâm mạnh mẽ, lại như người nổi, tuy ở chỗ nước sâu mà không bị chìm và nhờ sức phương tiện của tâm nên có thể giữ thân mình. Vì thế nên biết, thân người tuy nặng nhưng nhờ sức tâm mạnh mẽ

mà thân bay trên hư không.

Hỏi: Như vậy thì có thể tin, nhưng học như thế nào?

Đáp: Nếu hành giả trụ ở đệ Tứ thiền, nương vào bốn phần như ý, nhất tâm thâu tóm niệm, quán thân đâu đâu cũng là hư không, như lỗ trống của củ sen, giữ tướng thân nhẹ nhàng, tập mãi không dừng thì thân cùng hợp với tâm, như sắt hợp với lửa. Diệt tướng thân nặng nề, chỉ còn thân nhẹ nhàng, hợp với Dục, Tinh tấn, Tư duy và hợp với pháp trợ hành. Nhờ của sức hạnh thiện như Dục... nên thân liền thuận theo, như thép ở trong lửa, mềm dẻo, dễ sử dụng. Vả lại, bốn đại tạo sắc thuộc sắc giới hòa hợp ở trong thân này, làm cho thân nhẹ, tùy ý có thể bay đi. Như người uống thuốc, tâm trở nên sáng suốt thì thân dễ chịu; ví như nhờ bốn đại tạo sắc của sắc giới trong sạch, ở trong thân này nên mắt sáng trong. Như người học khiêu vũ, tập mãi dần dần nhuần nhuyễn hơn mọi người. Như chim con học bay, dần dần bay xa hơn; thần thông của thân cũng vậy, khi mới được thì bay một trượng hoặc hai trượng, dần dần có thể bay xa.

Thần thông biến hóa này có bốn loại:

1. Thân bay trên hư không như chim bay.

2. Xa làm cho gần.

3. Biến mất nơi này xuất hiện nơi kia.

4. Mau lẹ như ý nghĩ.

Trong khoảnh khắc khảy móng tay có sáu mươi ý niệm, trong khoảng một niệm có thể vượt qua vô lượng a-tăng-kỳ hằng hà sa cõi nước, tùy theo niệm liền đến. Dùng thần thông này thân được tự tại, một thân phân làm nhiều thân, nhiều thân hợp thành một thân, lớn hóa thành nhỏ, nhỏ hóa ra lớn, nặng bằng Tu-di, nhẹ như lông hồng... Các việc như vậy làm theo ý muốn.

Lại nữa, Bồ-tát đắc thần thông về thân này, trong khoảng một niệm vượt qua hằng hà sa cõi nước, tuy chúng sinh thấy Bồ-tát đến với họ nhưng Bồ-tát vẫn bất động nơi xứ sở của mình, thuyết pháp giáo hóa nơi ấy mà cũng không bỏ nơi này.

Hoặc có trời, người điên đảo chấp thường, có thể dùng thần thông độ họ bằng cách hóa hiện thiêu đốt tam thiên đại thiên thế giới. Chúng sinh thấy tam thiên đại thiên thế giới bị đốt cháy tan rã mà cõi nước không bị tổn hại. Nếu có chúng sinh sinh tâm kiêu mạn thì hiện ra tay cầm chày Kim cang, từ trong chày phát ra lửa, người thấy sợ hãi, quy phục, lễ kính. Có người thích thân Chuyển luân thánh vương, liền hiện thân Chuyển luân thánh vương mà thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Thích Đề-hoàn Nhân,

hoặc hiện Ma vương, hoặc hiện Thanh văn, Bích-chi-phật, hoặc hiện thân Phật... tùy theo thân mà họ ưa thích, hiện ra thuyết pháp cho họ.

Hoặc Bồ-tát ngồi kiết già trên hư không, bốn phía thân phóng ra các thứ ánh sáng rồi thuyết pháp cho họ. Hoặc có khi chúng sinh thích nhiều màu sắc đẹp đẽ liền hiện tam thiên đại thiên thế giới bằng bảy báu, trang nghiêm bằng cờ phướn, lọng hoa, trăm thứ kỹ nhạc, ở trong đó thuyết pháp. Hoặc làm cho tam thiên đại thiên thế giới thành một biển nước có hoa sen màu xanh, màu hồng che kín mặt nước, ở trên ấy thuyết pháp.

Hoặc ngồi trên núi Tu-di dùng tiếng Phạm âm thuyết pháp, các cõi nước đều nghe. Hoặc có lúc chúng sinh không thấy hình tướng mà chỉ nghe tiếng thuyết pháp; hoặc hiện thân Càn-thát-bà dùng âm thanh kỹ nhạc làm cho tâm họ vui, sau đó mới thuyết pháp. Hoặc hiện làm Long vương điện chớp, sấm sét dùng để thuyết pháp. Dùng các thứ nhân duyên phương tiện hiện thần biến như vậy để khai mở, dẫn dắt chúng sinh.

Hỏi: Thần thông ấy biến hóa các vật thì tại sao không phải là hư vọng?

Đáp: Hành giả trước đã biết các pháp là hư dối, như huyễn, như hóa. Ví như nắn đất mềm tùy theo ý muốn, như người phước đức còn có thể làm cho mùa hạ có tuyết, mùa đông hoa sinh, dòng sông ngừng chảy... Lại như Tiên nhân sân giận, làm cho cọp, sói, sư tử biến thành đá, huống chi định lực thần thông mà không biến hóa ra vật.

Lại nữa, trong tất cả vật đều có phần của khí, giữ tướng phần này, dùng thần lực khuếch đại nó thì các phần khác ẩn mất. Như kinh nói: "Các vị Tỳ-kheo có thần lực, tâm được tự tại, thấy có cây lớn, muốn làm thành đất thì cây liền thành đất. Vì sao? Vì cây có thành phần của đất. Hoặc nước, lửa, gió cũng như vậy. Nếu là vàng, bạc, các thứ vật báu, tùy ý đều làm được. Vì sao? Vì cây có phần tịnh."

Hỏi: Vật biến hóa như vậy không có gốc ngọn, thì việc đó thế nào?

Đáp: Đã nói trong hư không có vi trần do bốn đại tạo, nhờ tâm lực làm cho các vi trần hợp lại, hoặc hóa ra người. Ví như người chết, hoặc sinh cõi trời, hoặc sinh vào địa ngục là do nhân duyên tội phước, hòa hợp vi trần hóa làm thân cũng vậy. Những vật đó là tướng biến hóa thần thông.

Hành giả nào muốn cầu Thiên nhĩ thì cũng lấy đệ Tứ thiền làm gốc, tu tập bốn phần như ý như trên đã nói; điều hòa làm tâm nhu hòa, thâu tóm niệm vào âm thanh của đại chúng, giữ các thứ tướng âm thanh, âm thanh đã nghe phải thường tưởng niệm. Nếu tâm duyên việc khác thì thu nhiếp trở về, thường phải nhất tâm tu niệm thì trong tai liền được sắc

thanh tịnh do bốn đại sắc giới tạo. Đó gọi là tu tập Thiên nhĩ. Dùng Thiên nhĩ này nghe âm thanh của vô lượng cõi nước ở mười phương, đó là: tiếng Trời, tiếng Người, tiếng Rồng, tiếng A-tu-la, tiếng Càn-thát-bà, tiếng Chiên-đà-la, tiếng Ma-hầu-lặc và tiếng của ngạ quỷ, súc sinh... Các âm thanh đau khổ, lớn, nhỏ, thô, tế... ở địa ngục thảy đều nghe rõ. Tâm định của Bồ-tát dần dần sâu hơn nên mới nghe âm thanh của chư Phật nơi mười phương, nghe pháp từ Phật nói mà không nắm giữ tướng, do pháp là chân thật, pháp là tối thượng, nên không nương vào lời nói mà nương vào nghĩa sâu xa.

Thế nào là nghĩa sâu xa?

Đó là biết các pháp là không, vô tướng, vô tác, nên không sinh tà kiến. Đối với nghĩa thì cũng không thủ đắc nghĩa, trong cái không thể thủ đắc, cũng không có tướng thủ đắc. Đó là y vào nghĩa sâu xa mà không dựa vào lời nói.

Lại nữa, hành giả căn cứ vào kinh liễu nghĩa, chứ không căn cứ vào kinh chẳng liễu nghĩa. Người thấu tỏ diệu nghĩa của kinh, nếu có thể y vào nghĩa thì tất cả các kinh đều liễu nghĩa, nghĩa rốt ráo là không, vì không thể nói về tướng. Do đó các kinh đều là thấu tỏ về ý nghĩa. Ai không y vào nghĩa thì người đó đối với các kinh đều không liễu nghĩa. Vì sao? Vì không có trí sâu xa nên chạy theo âm thanh, mà thật tướng của âm thanh này cũng nhập vào nghĩa sâu xa, đều không thể nói. Đó là phân biệt kinh liễu nghĩa.

Lại nữa, hành giả y vào trí mà không y vào thức. Vì sao? Vì hành giả biết tướng của thức này từ nhân duyên hòa hợp sinh ra, nên không có tự tánh, không sắc, không đối, không thể thấy, không hay, không biết, dư hối như huyễn. Biết tướng của thức như thế thì thức tức là trí. Vì thế y vào trí mà không y vào thức. Hành giả tuy cũng sinh hiểu biết, hoặc thuộc thức, hoặc thuộc trí, nhưng không sinh đắm chấp, biết tướng như của thức thì thức tức là tướng của trí. Do đó, tướng của trí này là vì chúng sinh mà nói.

Lại nữa, hành giả y vào pháp mà không y vào người. Vì sao? Vì trong pháp Phật quả thật có người không thanh tịnh, không được giải thoát. Nhưng tất cả pháp không có ngã, không có nhân, chỉ tùy thuộc thế tục mà nói có nhân có ngã. Vì thế, hành giả y vào pháp mà không y vào người. Pháp này nghĩa là tánh của các pháp. Tánh của pháp là tánh vô sinh. Tánh vô sinh ấy là cái không rốt ráo. Cái không rốt ráo ấy là cái không thể nêu bày. Vì sao? Vì dùng lời nói pháp, trong pháp không có lời, trong lời không có pháp. Lời thì không có tướng lời, tất cả lời nói chẳng phải là tướng của lời nói. Vì thế, trong kinh nói: "Không chỉ bày, không nói năng là pháp Phật."

Hành giả dùng Thiên nhĩ nghe các pháp Phật thì đối với người hoặc pháp không sinh chấp trước cái thấy. Nếu phân biệt hai tướng thì chẳng phải là pháp Phật. Nếu không thấy hai tướng thì là pháp Phật. Hành giả nhờ nương vào sức của Thiên nhĩ nên nghe được pháp sâu xa, rồi giáo hóa chúng sinh. Đó là thần thông Thiên nhĩ.

Nếu hành giả muốn được Tha tâm trí thì trước nên quán tâm mình, giữ tướng sinh, tướng trụ, tướng diệt của tâm, cũng biết tướng dơ, tướng sạch, tướng định, tướng loạn... của tâm. Lại quán sự dơ sạch, gần xa, nhiều ít... nơi đối tượng được duyên của tâm tự nắm bắt tướng trong và ngoài tâm rồi, sau đó quán sắc chúng sinh, giữ tướng tâm dục, tướng tâm sân, tướng tâm kiêu mạn, tướng tâm keo kiệt, tướng tâm ganh ghét, tướng tâm buồn rầu, tướng tâm sợ hãi, âm thanh lời nói các thứ tạo ra tướng tâm..., và nghĩ như vầy: "Phật như tâm ta lúc sinh, lúc trụ, lúc diệt, người kia cũng như vậy."

Mình biết tâm sở duyên của mình thì người khác cũng như vậy. Tâm ta có sắc tướng, lời nói, tướng tạo tác như vậy, thường tu học tướng tâm. Tu tập như vậy rồi thì đắc Tha tâm thông, khi ấy chỉ duyên vào tâm và tâm sở pháp của người kia thì như người mắt sáng nhìn thấy cá trong nước trong, lớn nhỏ, đẹp xấu đều thấy cả. Tuy bị nước che lấp nhưng vì nước trong nên nhìn không bị chướng ngại. Hành giả như thế, nhờ sức biết của Tha tâm thông nên tâm chúng sinh tuy bị thân che nhưng có thể thấy được.

Đã được tâm thông thì lúc ở trong đại chúng nói pháp, trước phải biết tâm họ, biết chúng sinh ấy dùng thân tâm hành pháp gì, nhân duyên gì, có tướng gì, ưa việc gì? Vì biết là nhờ tự tâm thanh tịnh nên biết tâm chúng sinh cũng có thể thanh tịnh. Như trong tấm gương sáng, tùy theo hình sắc mà hiện ra có dài ngắn, vuông tròn, thô tế... hiện ra đúng như tướng đó, không tăng không giảm. Vì sao? Vì gương trong sáng. Gương tuy không phân biệt mà hiển bày tướng ấy.

Hành giả cũng như vậy, nhờ tâm mình thanh tịnh, các pháp không có tướng nhất định, vì thường thanh tịnh nên biết hết tâm và tâm sở pháp của chúng sinh. Nếu ở trong chúng có người nhiều dâm dục, liền biết tâm họ mà thuyết pháp để họ lìa dâm dục; sân hận cũng như vậy. Vì sao? Vì thật tướng của tâm không ô nhiễm, không sân hận, không si mê.

Hoặc trong chúng có người cầu Thanh văn thừa thì cũng biết tâm ấy mà thuyết pháp cho họ, tuy thuyết pháp nhưng biết tánh pháp không có cái nhỏ.

Người cầu Bích-chi-phật thì cũng biết tâm họ mà thuyết pháp, tuy

thuyết pháp nhưng biết tánh pháp cũng không có cái bậc trung.

Người nào cầu Đại thừa thì cũng biết tâm họ mà thuyết pháp, tuy thuyết pháp nhưng biết tánh pháp không có cái lớn.

Cứ như vậy hành giả tùy theo tâm chúng sinh mà thuyết pháp cho họ, cũng không phân biệt tướng tâm. Tuy thuyết pháp phân biệt ba thừa mà không hủy hoại pháp tánh. Vì không hủy hoại pháp tánh nên biết hết mọi nẻo hành hóa nơi tâm của tất cả chúng sinh. Tuy dùng tâm mình mà biết tâm người, nhưng đối với tâm này tâm kia không thuận không nghịch. Cũng biết tâm tâm nối nhau của tất cả chúng sinh như nước chảy. Như biết tâm tánh thì pháp tánh cũng như vậy, dùng Tha tâm trí biết tâm chúng sinh mà thuyết pháp cho họ thì không có hại vậy. Đó gọi là biết thần thông Tha tâm trí.

Hành giả muốn biết túc mạng, trước tự mình biết rõ việc đang qua, việc vừa qua, dần dần đêm qua, ngày qua, ngày trước nữa..., như vậy một tháng, từ năm nay lùi về hồi còn bé. Như người đi đường, đi đến nơi muốn đến, rồi tư duy nhớ lại những chỗ đã đi qua. Tập như thế rồi, khéo tu sức định, nhớ lại lúc sinh, lúc còn trong thai, biết chết nơi kia mà sinh vào thai này, biết được một đời, hai đời, ba đời, cho đến trăm đời, ngàn đời, vạn đời, vô lượng ức đời. Dùng trí túc mạng tự biết việc đã qua của mình và người: những việc đã trải qua từ hằng hà sa kiếp thảy đều nhớ biết, dùng túc mạng để giáo hóa chúng sinh, nói như vầy: "Ta ở nơi kia có dòng họ và tên như vậy, sống như vậy, trải qua sự khổ vui và tuổi thọ như vậy." Cũng nói cái việc mà họ đã trải qua. Hành giả nhờ sức túc mạng nên biết được nhân duyên tội phước đời trước của chúng sinh, nghĩa là nhân duyên của hàng Thanh văn, nhân duyên của Bích-chi-phật, nhân duyên của Phật, tùy theo nhân duyên ấy mà thuyết pháp.

Lại nữa, hành giả nhờ sức của trí túc mạng nên biết mình theo chư Phật trồng căn lành mà không hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng giác, nay sẽ hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng giác. Hành giả cũng biết các pháp quá khứ khi diệt không đi về đâu, biết các pháp vị lai khi sinh không từ đâu đến. Tuy biết đời quá khứ không có khởi đầu, nhưng không sinh kiến chấp không khởi đầu. Tuy thấy chúng sinh đời vị lai diệt vào Niết-bàn nhưng cũng không sinh biên kiến.

Khi hành giả niệm về túc mạng thì các căn lành tăng trưởng và nhân duyên tội lỗi vô lượng đời đều tiêu hết. Vì sao? Vì biết tất cả các pháp không có tướng mới và cũ. Được trí tuệ như vậy rồi, quán tất cả pháp hữu vi và sự khổ vui đã trải qua trong sinh tử như thấy việc trong mộng. Vì thế

nên ở trong sinh tử tâm không nhàm chán mà sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh, biết tất cả các pháp đều là tướng tạo tác, nghĩ như vầy: "Như ta đã qua lại trong sinh tử ngàn vạn ức vô lượng kiếp đều là hư vọng chẳng thật. Tất cả chúng sinh qua lại sinh tử cũng đều như vậy. Nếu không có bốn đại, bốn ấm thì đó là thật. Bốn đại, bốn ấm rốt cuộc cũng không sinh."

Lại nữa, hành giả dùng trí túc mạng nhớ đã từng làm Chuyển luân thánh vương, cái vui đã hưởng thọ đã bị vô thường tiêu diệt, cái vui của Thích Đề-hoàn Nhân cũng bị vô thường tiêu diệt. Có các cõi nước thanh tịnh, đẹp đẽ và có chư Phật, Bồ-tát sắc tướng tuyệt đẹp chuyển theo bánh xe pháp, thảy đều vô thường, huống gì việc khác. Nghĩ như vậy rồi, tâm nhàm chán, xa lìa. Hành giả nương trí túc mạng nhập vào vô thường, không; quán tất cả các pháp đều rỗng không, vô thường mà chúng sinh điên đảo nên tham đắm. Vì chúng sinh ấy mà sinh lòng thương xót. Hành tâm Bi này, dần dần được thành tựu đại Bi. Sau khi được Đại Bi thì được mười phương chư Phật nhớ nghĩ và các Bồ-tát khen ngợi công đức ấy. Đó gọi là Thần thông túc mạng.

Hành giả nào muốn cầu Thiên nhãn thì trước giữ tướng ánh sáng, đó là ánh sáng của đèn, lửa, hạt châu, mặt trời, mặt trăng, sao đêm... Giữ tướng ánh sáng này rồi, ban ngày thì nhắm mắt lại, đêm thì không, chỉ đặt niệm trên tướng ánh sáng như mắt đã thấy, thường tu tập niệm ánh sáng, buộc tâm tại ánh sáng, không nhớ nghĩ gì khác; nếu nó chạy đi thì thu nhiếp về, tâm trụ một chỗ. Khi ấy, bốn đại sở tạo sắc giới là sắc thanh tịnh, ở trong mắt này thì mắt này gọi là Thiên. Vì bốn Đại thiên tạo ra nên gọi là Thiên nhãn. Mắt thanh tịnh của các Hiền thánh cũng gọi là Thiên nhãn. Hành giả đã được Thiên nhãn này thì các núi như Tu-di, Thiết vi,... cây lớn và các cõi nước đều không làm ngăn ngại. Dùng mắt không chướng ngại có thể thấy mười phương vô lượng, vô số chư Phật và nước đẹp đẽ.

Bấy giờ, hành giả có thể biết tất cả Phật là một Đức Phật. Lại thấy một Đức Phật là tất cả Phật. Vì pháp tánh không hoại vậy. Như thấy tướng Phật, tự thấy tướng thân cũng như vậy, vì tướng của tự thân tịnh nên tướng tất cả pháp cũng lại như vậy. Như thấy Phật thanh tịnh thì đệ tử cũng vậy, không có hai tướng và chúng sinh trong cõi nước nơi mười phương như: địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, trời, người, trừ chúng sinh cõi Vô sắc, sống chết, đẹp xấu đều thấy hết. Biết tất cả nhân duyên và quả báo của chúng sinh trong sáu đường ở mười phương. Chúng sinh ấy nhờ nhân duyên nghiệp lành nên được sinh trong trời người. Chúng sinh đây vì nghiệp ác

nên sinh trong ba đường ác.

Hành giả ở trong Thiên nhãn này được sức trí tuệ nên tuy thấy chúng sinh mà không sinh tưởng về chúng sinh. Tất cả pháp không có tưởng chúng sinh. Tuy thấy nghiệp và quả báo liền nhau nhưng cũng nhập vào tất cả pháp, không nghiệp, không quả báo. Tuy Thiên nhãn thấy tất cả sắc nhưng vì dùng sức trí tuệ nên không giữ tướng sắc, sắc này thảy đều không.

Lại nữa, hoặc ngăn ngại, hoặc không ngăn ngại, xa, gần, trên, dưới, thảy đều thấy hết. Hành giả thấy được thân hình đẹp đẽ, tinh tế, thanh tịnh của chư Thiên ở Sắc giới mà họ không thấy, thậm chí đại thiên cũng không thấy vị ấy. Như vậy là tất cả nghĩa của thần thông, như đã nói rộng trong nghĩa thần thông của Đại thừa.

-oOo-

SỐ 617

TƯ DUY LƯỢC YẾU PHÁP

Hán dịch: Đời Hậu Tần, Tam tạng Cưu-ma-la-thập.

Bệnh của thân có ba: gió, lạnh và nóng, là ba thứ bệnh nhẹ. Bệnh của tâm cũng có ba, chúng rất trầm trọng khi dấy động thì nhiều kiếp phải chịu khổ.

Như thế chỉ có Đức Phật là vị lương y tài ba mới có thể vì chúng sinh mà chế ra các loại thuốc. Trong vô lượng kiếp, hành giả đã mắc các chứng bệnh này, nay mới bắt đầu tu hành. Vậy cần phải làm chủ lấy tâm mình, chuyên tinh hết mực không tiếc thân mạng. Có người nếu tâm không quyết định dứt khoát mà đi vào chỗ quân giặc, thì không phá được giặc. Phá loạn quân tưởng cũng lại như vậy.

Đức Phật dạy:

–Dù máu thịt có khô cằn đi nữa, chỉ còn da bọc xương thì cũng không bỏ tinh tấn. Như có người bị lửa dữ thiêu đốt thân thể, quần áo. Khi ấy duy nhất chỉ có chữa lửa, ngoài ra không có ý niệm gì khác. Vượt khổ phiền não cũng như vậy, phải chấp nhận các thứ bệnh khổ, đói khát, lạnh nóng, sân hận... mỗi khi nó đến với mình, xa lánh những nơi nhộn nhịp, ồn ào, ở chỗ vắng lặng, yên tĩnh. Vì sao? Vì các thứ âm thanh làm náo loạn tưởng tâm định như người đi vào rừng gai.

Những ai cầu học Sơ thiền, trước nhất phải tập các quán hoặc thực hành bốn Tâm vô lượng, hoặc quán Bất tịnh, hoặc quán Nhân duyên, hoặc Tam-muội niệm Phật, hoặc An-na-ban-na. Thực hành như vậy được rồi thì rất dễ vào Sơ thiền. Nếu người căn tín lanh lẹ thì đi thẳng vào thiền, quán chiếu sự lỗi lầm của năm dục, thấy nó giống như hầm lửa, nhà xí. Khi niệm cảnh giới Sơ thiền như ao nước mát mẽ, như đài quán cao, trừ được năm thứ ngăn che gây chướng ngại, liền đạt được Sơ thiền.

Như Tiên nhân Ba-lợi khi mới học thiền, thấy thây phụ nữ chết bên đường, bụng sình to lên rồi thối rã ra. Lúc ấy trụ tâm vững chắc, nắm rõ tướng này nên tự quán thân mình không khác gì thân ấy. Thực hành được như vậy rồi, tìm nơi vắng vẻ, chuyên ý suy nghĩ, liền được Sơ thiền.

Một hôm nọ, Đức Phật ngồi thiền bên bờ sông Hằng, có một Tỳ-kheo ít học đến hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để được đạo?

Phật đáp:

–Chớ bám vào vật khác thì sẽ hiểu được pháp Không, liền được dấu vết đạo.

Có vị Tỳ-kheo học rộng tự nghĩ: "Lạ thay! Mình không nắm bắt được gì." Nghĩ vậy, liền đến hỏi Phật.

Phật dạy:

–Hãy lấy viên đá nhỏ ở sông Hằng, rồi dùng nước trong bình rửa sạch đi.

Tỳ-kheo y giáo. Phật hỏi:

–Nước sông Hằng nhiều hay nước trong bình nhiều?

Tỳ-kheo thưa:

–Không thể ví dụ được.

Đức Phật dạy:

–Nếu không dùng tay rửa sạch đá thì dù nước kia nhiều cũng vô dụng. Hành giả nên siêng năng tinh tấn, dùng tay trí tuệ thiền định để gột rửa tâm sạch. Nếu không làm được như vậy thì không nên lìa pháp.

-oOo-

Pháp Quán Tứ Vô Lượng

Người học cầu Phật đạo trước nên thực hành bốn Tâm vô lượng. Tâm vô lượng ấy, công đức cũng vô lượng. Đối với tất cả chúng sinh gồm ba phần:

1. Cha mẹ, thân thích và Thiện tri thức.

2. Những kẻ oán thù thường luôn não hại.

3. Người thường không thân cũng không oán.

Đối với ba hạng người này, hành giả luôn đem từ tâm quán sát, xem người già như cha mẹ, người lớn như anh em, người nhỏ như con. Luôn tu tập lòng Từ như vậy. Sở dĩ con người vì oán mà có duyên ác, nhân duyên ác hết rồi trở lại thành thân thích, kẻ oán người thân không cố định. Tại sao? Vì đời này có oán ghét nhau, đời sau lại thân thích nhau. Vì tâm sân hận oán ghét nên tự đánh mất lợi lớn, phá phước báo nhẫn nhục sẽ mất đi sự nghiệp tâm Từ. Như vậy là làm cản trở nhân duyên với Phật đạo. Thế

nên không sân hận, oán ghét, xem giặc oán như là người thân của mình. Vì sao? Vì nhờ giặc oán mà ta được nhân duyên với Phật đạo. Nếu như giặc oán không ghét ta thì không có sức kham nhẫn. Vậy thì họ là bậc Thiện tri thức của ta, làm cho ta được Nhẫn nhục ba-la-mật.

Đối với giặc oán đã được lòng Từ rồi, thì với chúng sinh nơi mười phương phải có lòng thương xót bao trùm cả thế giới, thấy sự biến đổi vô thường của chúng sinh luôn bị các thứ khổ, già, bệnh, chết bức bách và sự bất an của loài bò, bay, máy, cựa mà khởi lên lòng Từ. Hoặc thấy chúng sinh đời này hoặc đời sau được an vui, được sinh lên cõi trời vui, vào đường Hiền thánh vui mà khởi tâm hoan hỷ. Không thấy chúng sinh có sự khổ vui, không lo, không mừng. Lấy trí tuệ tự chế ngự mình, chỉ duyên vào chúng sinh mà có tâm xả. Đó là bốn Tâm vô lượng, vì khởi lòng Từ trùm khắp cả mười phương chúng sinh cho nên gọi là vô lượng.

Hành giả phải thường xuyên tu tập tâm ấy, hoặc có lúc tâm sân hận khởi lên, phải coi nó như rắn độc, lửa cháy trên mình, nhanh chóng vứt bỏ đi, hoặc tâm chạy tán loạn, giong ruổi theo năm dục và bị năm triền cái bao phủ, khi ấy cần phải gấp rút đem sức mạnh nơi trí tuệ tinh tấn bắt nó trở lại. Tu tập tâm Từ luôn luôn nghĩ đến chúng sinh và làm cho họ được cái vui của Phật. Cứ như vậy tập quen dần không thôi, liền được xa rời năm dục, bỏ năm triền cái, vào Sơ thiền. Khi được tướng Sơ thiền rồi thì khắp thân người ấy đều thể hiện nét vui vẻ. Đối với các pháp thiện sinh ra niềm vui hỷ lạc, thấy có các thứ sắc đẹp vi diệu. Đó gọi là mới vào cửa thiền định phước đức nhân duyên của Phật đạo vậy. Một khi đã được bốn Tâm vô lượng rồi thì đối với tất cả chúng sinh luôn nhẫn nhục không sân hận. Đây gọi là Chúng sinh nhẫn. Khi được Chúng sinh nhẫn rồi thì dễ được pháp nhẫn. Pháp nhẫn nghĩa là các pháp không sinh, không diệt, rốt ráo tướng không. Ai có khả năng tin theo và lãnh thọ thì là pháp nhẫn, cũng gọi là Vô sinh pháp nhẫn, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thọ ký sẽ thành Phật. Hành giả cứ như vậy mà tu tập.

-oOo-

Pháp Quán Bất Tịnh

Tham dục, sân hận, si mê, ngu muội là chứng bệnh trầm kha của chúng sinh. Luyến thân, đắm dục nên sinh ra sân hận, bị điên đảo làm mê hoặc tức là ngu si, do ngu si che lấp nên trong lẫn ngoài thân cứ chạy theo đuổi bám ấy tướng trôi nổi, giả dối không thật, cứ thế nó huân tập dần. Một khi nó đã nhuộm vào tâm thì rất khó bỏ. Vậy muốn trừ tham dục thì phải

quán bất tịnh. Sân hận từ bên ngoài tác động nên dễ ngăn chận. Cũng như người chẻ đốt tre, đầu tiên thì rất là khó, nhưng khi đã chế ngự được tham dục rồi thì sân hận tự điều phục.

Quán bất tịnh nghĩa là biết thân này ở trong bào thai bất tịnh. Lại từ chỗ bất tịnh mà ra, trong lớp da mỏng hoàn toàn chứa bất tịnh. Bên ngoài có bốn đại do thức ăn uống tạo thành. Nếu tâm quán sát kỹ thì từ chân cho đến tóc, rồi từ tóc xuống đến chân, đúng là một cái đãy đựng đồ bất tịnh. Nào là não, màng, nước miếng, nước mũi, nước mủ, phân tiểu... Lược nói thì có ba mươi sáu thứ. Nói rộng thì có vô lượng. Ví như người nông phu mở cái bồ thì trong đó chứa đủ thứ như lúa, gạo, đậu, lúa mạch...

Hành giả dùng tâm sáng suốt mà mở kho thân này thì sẽ thấy các đường dơ nào là gan, mật, phổi, ruột, dạ dày và trùng rỉa rúc. Chín lỗ luôn chảy ra ghèn, nước mắt, tai rỉ ra những cấu bẩn, mũi nhỏ ra nước mũi, miệng khạc ra nước miếng, đờm dãi, đường đại tiểu tiện thường tuôn ra phân tiểu. Tuy được quần áo che kín nhưng thật là một nhà xí không hơn không kém. Thân trạng như vậy thì lấy gì cho là tịnh.

Lại quán thân này tạm gọi là người, bốn đại hòa hợp ví như ngôi nhà, xương sống như đòn giông, xương sườn như kèo, xương đùi như cột, da như bốn vách tường, thịt như vữa, luống dối giả hợp thành người, cho là an toàn. Nhưng thật ra rất là nguy hiểm, không chân thật, tan sụm trong chốc lát, xương bàn chân nối với xương ống chân, xương ống chân tiếp với xương đùi, xương đùi tiếp với xương sống, xương sống tiếp với xương đầu, từng lớp xương chống đỡ lẫn nhau, nguy như trứng mỏng.

Quán kỹ ra thì thân này chẳng được một cái gì, như vậy tâm này sinh nhàm chán, luôn nghĩ ba mươi sáu vật bất tịnh, như thật mà phân biệt. Trong thân như vậy, ngoài thân cũng không khác. Nếu tâm không trụ, chế ngự nó, thì lại chuyên niệm bất tịnh. Người mà tâm đã trụ vào tướng rồi thì thân thể rất nhu hòa, dần dần tâm được an lạc.

Nếu tâm không trụ nên tự trách tâm mình rằng: "Từ vô số kiếp cho đến nay ta chạy theo ngươi, từng trải qua trong ba đường ác khổ độc muôn nẻo. Từ nay trở đi ta phải hàng phục ngươi, ngươi phải theo ta." Rồi buộc tâm mình, khiến được thành tựu. Nếu thật sự nhàm ghét thân này, nên đến quán xương trắng thì cũng có thể nhập được Sơ thiền.

Hành giả dốc chí cầu Đại thừa thì sau khi mạng chung, tùy ý sinh ra trước các Đức Phật. Nếu không được như vậy thì chắc chắn sẽ đến cung trời Đâu-suất và diện kiến Đức Phật Di-lặc.

-oOo-

Pháp Quán Xương Trắng

Quán xương trắng nghĩa là trừ hết tất cả thịt, da, máu, gân. Các lớp xương chống đỡ nhau trắng như ngọc, tuyết, ánh sáng cũng như vậy. Nếu không thấy được như thế thì ví như người mắc bệnh hủi. Thầy thuốc dạy người nhà nên cho người bệnh đó uống máu, tưởng màu trắng giống như sữa thì mới hết bệnh. Những vật trong nhà đều sơn trắng cả, rồi lấy ly bạc đựng đầy máu, đưa cho người bệnh uống bảo đây là sữa, uống đi sẽ hết bệnh. Người bệnh cứ một mực nói đấy là máu. Người nhà đáp:

–Vật trắng trị lành bệnh, ngươi lại không thấy tất cả vật trong nhà đều trắng chăng?

Người bệnh thấy máu rồi, chuyên tâm tưởng sữa không còn cho là máu nữa. Như vậy cho đến bảy ngày liền biến thành sữa, huống nữa thật trắng mà lại không thấy. Đã thấy xương trắng rồi, lại quán bên trong xương của người. Tâm ấy sinh diệt liên tục như kết hạt châu, như những gì ý thấy, rồi quán ngoài thân cũng lại như vậy. Nếu tâm trụ vào tinh tấn chớ bỏ, ví như bươi tro tìm lửa, đào thấy ướt thì chắc là nước sắp tới. Nếu tâm trụ vắng lặng thì mở mắt là thấy rõ ánh sáng của xương trắng. Như nước trong lặng thì thấy bóng mặt, đục thì không rõ, khô thì không thấy gì.

-oOo-

Pháp Quán Tam-Muội Phật

Phật là Đấng Pháp Vương, dạy con người làm các việc lành. Thế nên người tập thiền, trước nên niệm Phật. Người niệm Phật làm cho các trọng tội trong vô lượng kiếp được giảm bớt đi để đến được thiền định. Chí tâm niệm Phật thì được Phật gia hộ, cũng như người mà được nhà vua sủng ái, thì oan gia trái chủ không dám xâm lấn. Người niệm Phật thì các pháp ác không thể nhiễu loạn. Người nào thường niệm Phật thì Phật luôn thường tại.

Thế nào là niệm Phật?

Hành giả nhớ rõ hình tượng đã thấy, nên quán tướng tốt của tượng thì khi ấy liền thấy như Phật thật. Trên từ nhục kế lông trắng giữa chặn mày, dưới cho đến chân, rồi từ chân cho đến nhục kế, nắm chắc các tướng như vậy, trở lại chỗ vắng lặng nhắm mắt tư duy, buộc tâm vào tượng, không nghĩ ngợi gì khác, nếu tâm còn nghĩ theo duyên khác thì kéo nó trở

lại ngay, tâm tự quán sát như ý được thấy. Đấy là đạt được quán tượng định. Khi ấy nên nghĩ như vầy: "Ta không đến, tượng không lại, mà được thấy là do tâm định tưởng vậy."

Thêm bước nữa là quán sinh thân thì liền được thấy không khác gì đối diện với nhau. Tâm người cứ mãi mê giong ruổi theo các pháp ác, cũng như mẹ hiền trông con mình, chớ để nó rơi vào hố sâu đường hiểm. Niệm như con trẻ, hành giả như mẹ hiền, nếu tâm không trụ thì tự trách tâm mình. Nghĩ đến sự bức bách của sinh già, bệnh, chết, nếu được sinh lên cõi trời thì theo đuổi sự ham muốn không kiềm chế tâm vào pháp thiện. Nếu rơi vào ba đường ác khổ não, sợ sệt, tâm thiện không phát sinh. Nay đã thừa nhận cả gia tài giáo pháp vi diệu, tại sao lại không chí tâm chuyên niệm ư? Nghĩ rằng: sinh vào thời mạt pháp, mạt pháp sắp diệt, giống như đánh trống mở cửa thả tù nhân, đến khi tiếng trống đã tạm yên, cửa cũng đã khép một cánh, lẽ nào lại ung dung không ra khỏi ngục? Từ quá khứ vô thỉ ở trong thế giới đến nay, sinh tử khổ não vạn nẻo, nay thừa nhận giáo pháp chưa thành tựu, giặc chết vô thường ập đến thì thân này trong chốc lát cũng không thể giữ được, lại phải chịu khổ sinh tử trong vô lượng kiếp số. Như vậy, phải dùng đủ mọi cách khiến cho tâm được trụ. Người mà tâm đã trụ tướng rồi thì đi, đứng, nằm, ngồi đều thấy Phật, rồi sau tiến dần đến sinh thân, Pháp thân. Khi đã được sơ quán rồi thì tiến đến rất dễ.

-oOo-

Pháp Quán Sinh Thân

Quán sinh thân nghĩa là khi đã quán hình tượng rồi, tâm tưởng được thành tựu, gom ý vào trong định thì liền được thấy. Nên nương vào tượng để niệm sinh thân, quán Đức Phật ngồi dưới cây Bồ-đề, phóng ra ánh sáng chói lọi, tướng tốt đặc biệt kỳ lạ, hoặc tại vườn Lộc dã vì năm Tỳ-kheo Phật nói pháp Tứ đế, hoặc tại núi Kỳ-xà-quật Đức Phật phóng ra ánh sáng vì tất cả đại chúng mà nói Bát-nhã. Như vậy, tùy theo mỗi nơi mà buộc niệm, chớ để tâm chạy tán ra ngoài. Một khi tâm tưởng đã trụ, liền được thấy Phật mỗi hành động đều được an lạc, diệu lạc đến tận xương tủy.

Ví như khi đang nóng bức mà được tắm nước mát, khi lạnh được nhà ấm. Như vậy, không thể đem cái vui của thế gia mà so sánh được.

-oOo-

Pháp Quán Pháp Thân

Quán Pháp thân nghĩa là đã thấy sinh thân của Phật ở nơi không trung rồi, nhân nơi Sinh thân mà quán nội Pháp thân, mười Lực, bốn Vô sở úy, đại Từ đại vô lượng nghiệp thiện. Như có người trước nghĩ đến bình vàng, sau quán bên trong bình hoàn toàn là ma-ni, châu báu. Bởi vì tôn quý vi diệu, thần trí không thể so sánh, không xa, không gần, không khó, không dễ, thế giới không hạn lượng, rõ ràng trước mặt, ngoài ra không có gì khác. Hiểu rõ các pháp, thường chuyên niệm, không cho tâm tán loạn, nếu tâm nghĩ đến duyên khác thì liền kéo nó trở lại.

Lại nữa, tất cả kẻ ngu người trí, sau khi chết, ngoài thì mất các căn như rơi vào hầm tối. Nếu có thể cất tiếng lên, tiếng thấu đến Phạm thiên, tất cả đại lực, đại khổ, đại bố, đại úy đều không qua tử thần. Chỉ có sức của Phật mới có khả năng cứu được, và ban vui Niết-bàn cho hàng trời người.

Lại nữa, tất cả chư Phật trong nhiều đời thường vì tất cả chúng sinh mà không tiếc thân mạng. Như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khi còn làm Thái tử, xuất thành thấy người bệnh hủi, liền ra lệnh thầy thuốc phải gấp mau chữa trị. Thầy thuốc thưa:

–Người bệnh này chỉ có uống máu của người nào không sân hận và lấy mỡ thoa cho họ thì mới hết bệnh.

Thái tử nghĩ: "Người như thế ắt khó kiếm được. Giả sử kiếm được nhưng không chắc người ta đã cho." Nghĩ rồi liền đem thân thể chữa trị người bệnh. Đối với tất cả chúng sinh, ngài cũng lại cứu độ như vậy.

Thế thì ân của Phật sâu nặng hơn cha mẹ. Nếu như tất cả chúng sinh đều là cha mẹ, Phật có một phần thì trong hai phần thường luôn niệm Phật, không nên nghĩ gì khác. Các công đức như vậy còn niệm việc gì? Nếu định này thành tựu thì trừ hết kết phược, cho đến có thể đạt được pháp Nhẫn vô sinh. Còn như chặn giữa bị các bệnh thì tùy theo căn bệnh mà cho thuốc. Nếu không được định thì trong sáu cõi trời thuộc Dục giới là tôn quý đệ nhất, tùy ý bay đến các cung điện, hoặc sinh đến trước các Đức Phật không hư dối. Như người dùng thuốc hòa đồng đỏ, nếu không thành vàng thì cũng không mất chất bạc.

-oOo-

Pháp Quán Mười Phương Chư Phật

Niệm mười phương chư Phật nghĩa là: Ngồi thẳng quán phương Đông bỗng nhiên được bừng sáng, không có các thứ núi non, sông ngòi, vách đá, chỉ thấy Đức Phật trải tòa kiết già, đưa tay nói pháp, tâm mắt quán

sát ánh sáng rực rỡ, tướng hảo tốt đẹp thoạt nhiên rõ ràng, buộc niệm vào Phật, không chạy theo duyên khác. Nếu tâm chạy theo duyên khác thì tức tốc kéo nó trở lại. Như vậy người quán thấy tăng lên mười vị Phật. Thấy vậy rồi sau tăng dần lên trăm ngàn. Cứ thế mãi, cho đến vô hạn, gần thân thì hẹp, càng xa thì càng rộng, chỉ thấy hào quang của Phật chiếu tiếp nhau. Tâm mắt quán sát được như vậy rồi, liền quay thân qua hướng Đông nam, lại quán y như trên.

Khi đã thành tựu rồi thì phương Nam, phương Tây nam, phương Tây, phương Tây bắc, phương trên, phương dưới cũng như vậy. Các phương khác đã được thấy Phật rồi liền ngồi thẳng như lúc quay phương Đông, quán khắp cả mười phương chư Phật, một niệm duyên giáp vòng liền được thấy Phật. Khi người tâm định được thành tựu thì ngay trong định được nghe mười phương chư Phật thuyết pháp. Khi ấy lưới mây nghi ngờ bị phá tan, chứng được Vô sinh nhẫn. Nếu do tội báo từ nhân duyên đời trước không thấy chư Phật thì trong một ngày một đêm phải sáu thời sám hối, tùy hỷ mà khuyến thỉnh. Cứ như vậy dần dần sẽ được thấy Phật. Chắc chắn các Đức Phật vì ta mà thuyết pháp. Khi ấy, tâm được diệu lạc, toàn thân an ổn. Đây gọi là quán mười phương chư Phật.

-oOo-

Pháp Quán Phật Vô Lượng Thọ

Quán Phật Vô Lượng Thọ thì có hai hạng người:

Một là hạng người căn tánh chậm chạp, trước nên dạy họ phải để tâm mắt quan sát cách trán một tấc, trừ da thịt ra chỉ thấy xương đỏ, rồi buộc niệm nơi duyên, không niệm gì khác. Tâm nếu giong ruổi nơi duyên khác thì hãy kéo nó trở lại. Thấy được như vậy rồi dạy họ tiến thêm bước nữa là biến xương đỏ này cách một tấc, trở thành xương trắng phếu như ngọc kha. Thấy được như vậy rồi, dạy họ biến chính thân mình đều thành ra xương trắng, không có da thịt, xương trắng giống như ngọc kha, như tuyết. Thấy như vậy rồi dạy họ tiến cao hơn là biến toàn bộ xương này thành sắc sáng như lưu ly trong suốt, có thể nhìn thấy bên trong. Thấy được như vậy rồi, dạy họ ngay trong thân lưu ly trong suốt, có thể nhìn thấy bên trong. Thấy được như vậy rồi dạy họ ngay trong thân lưu ly phóng ra ánh sáng trắng, từ gần cho đến xa khắp cả cõi Diêm-phù, hoàn toàn chỉ thấy ánh sáng, không thấy các vật khác, rồi thu ánh sáng trở lại nhập vào trong thân. Sau khi thu lại rồi ánh sáng phóng ra như lúc đầu. Tất cả các pháp quán này đều đi từ

dễ đến khó. Màu trắng lúc đầu ít, về sau càng nhiều dần. Đã như vậy từ trong thân phóng ra ánh sáng trắng, trong ánh sáng lại quán Phật Vô Lượng Thọ. Thân hình Phật Vô Lượng Thọ to lớn, đẹp đẽ, ánh sáng cũng vi diệu. Khi ấy ngồi ngay thẳng về phía Tây, nắm chắc lấy mỗi tướng, rồi sau quán toàn thân Đức Phật ngồi kiết già, dung nhan vòi vọi như núi vàng tía, buộc niệm nơi Phật, không theo duyên khác. Nếu tâm theo duyên khác thì kéo nó trở lại. Lúc đó, không khác gì đang ngồi đối diện với Đức Phật. Như vậy không lâu liền được thấy Phật.

Hai là hạng người căn tánh lanh lẹ, trước chỉ cần tưởng ánh sáng, ánh sáng ấy trong suốt, lại trong ánh sáng ấy quán Phật thì liền được thấy.

Hành giả nếu muốn sinh vào quốc độ của Phật Vô Lượng Thọ thì cứ y như vậy mà quán Phật Vô Lượng Thọ.

-oOo-

Pháp Quán Thật Tướng Của Các Pháp

Pháp quán thật tướng của các pháp nghĩa là biết rằng tất cả pháp đều do từ nhân duyên sinh, vì do nhân duyên sinh nên không được tự tại. Do không tự tại nên chỉ có tướng không, chỉ có giả danh, không thật. Nếu pháp là thật có thì không nên nói là không. Trước có nay không gọi là đoạn, không thường, không đoạn, cũng chẳng có không, bặt con đường của tâm thức, dứt hẳn nói năng. Đây gọi là quán thanh tịnh hết mực sâu xa.

Lại dùng pháp quán dâm dật, giận hờn, si mê cũng là thật tướng. Tại sao? Tại vì pháp không ở bên trong cũng không ở bên ngoài. Nếu ở bên trong thì không cần phải cầu nhân duyên bên ngoài mới sinh. Nếu ở bên ngoài thì không có chỗ trụ. Không chỗ trụ thì không sinh diệt, rỗng lặng, không có sở hữu, thanh tịnh, vô vi. Thế nên gọi là quán thật tướng của dâm nộ, si.

Lại tất cả các pháp thanh tịnh, đó chẳng phải chư Phật hay Hiền thánh khiến như vậy, chỉ vì phàm phu chưa được tuệ quán, thấy các pháp hư vọng có đủ các tướng. Khi đạt được thật tướng rồi, quán đó như bóng trong gương. Chỉ có mắt người cuồng mới thấy như thế, chứ kỳ thật không sinh cũng không diệt. Quán pháp hết sức vi diệu như vậy, hành giả nên dùng tâm tinh cần tư duy, lắng sâu vào thật tướng, không sinh tà kiến thì liền được pháp Nhẫn vô sinh.

Pháp này khó duyên, phần nhiều tâm chạy tán loạn. Nếu không chạy tán loạn hoặc là co rút lại thì tâm ấy luôn thanh tịnh. Quán sát rõ ràng, nếu

tâm khó thâu nhiếp thì quở trách tâm rằng: "Trong vô số kiếp đến nay, ngươi luôn chạy theo tạp nghiệp, không biết nhàm chán, rong theo các thú vui thế tục mà không biết tỉnh giác rằng nó là khổ. Tất cả những vui thú của thế gian chỉ gây ra khổ não mà thôi, theo nhân duyên của nghiệp nên thọ sinh trong năm đường. Tất cả như thế đều do tâm tạo ra. Ai xúi nó như vậy? Ngươi như voi say giẫm đạp tàn hại không có vật gì ngăn chặn, vậy lấy gì điều phục ngươi? Chỉ có lấy pháp thiện điều phục thì mới lìa được các hoạn nạn nơi thế gian. Nên biết ở trong bào thai bất tịnh, khổ ách bức bách thân thể chẳng khác gì địa ngục. Đã sinh ra cõi này thì chịu khổ sinh, già, bệnh, chết, lo sầu vạn nẻo, không được tự tại. Nếu được sinh lên cõi trời, hết phước rồi lại bị đọa lạc. Ba cõi không an, vậy ngươi thấy có gì vui mà tham đắm?" Quở trách tâm rồi, trở lại niệm duyên cũ. Người mà tâm tưởng đã trụ thì được tâm nhu hòa, thấy có ánh sáng từ thân phát ra. Đây gọi là quán thật tướng các pháp.

Người muốn sinh vào cõi Phật Vô Lượng Thọ thì cứ y như trên mà quán Phật Vô Lượng Thọ. Lại quán thật tướng của các pháp, quán thế gian này như mộng, huyễn hóa. Tất cả chỉ là giả dối, không thật. Chỉ vì pháp hư vọng, điên đảo, bất giác khởi lên phiền não mà phải chịu lấy các tội báo. Như người thấy lũ trẻ chỉ vì tranh nhau ngói, gạch, đất, gỗ mà nổi lên sân hận, đánh đá nhau. Quán thế gian này cũng như vậy, thế nên khởi lòng đại Bi thề nguyện độ tất cả, luôn hàng phục tâm mình, thực hành hai pháp nhẫn, đó là Chúng sinh nhẫn và Pháp nhẫn.

Chúng sinh nhẫn là nếu thấy hằng hà sa chúng sinh tạo ra điều ác mà tâm không khởi lên sân hận, trái lại còn tỏ ra sự cung kính, cúng dường. Nếu tâm không hoan hỷ. Lại quán chúng sinh không trước, không sau. Nếu có trước thì không có nhân duyên. Nếu có nhân duyên thì không có trước. Nếu trước không thì giữa và sau đều không, quán sát như vậy khỏi bị rơi vào hai trường hợp "thường" và "đoạn" kiến nên dùng con đường an ổn để quán sát chúng sinh, từ đó không sinh ra tà kiến. Đó gọi là Chúng sinh nhẫn.

Pháp nhẫn là quán các pháp thâm diệu thanh tịnh, rốt ráo tướng không, tâm không bị trở ngại, có khả năng nhẫn được các việc. Đây gọi là pháp nhẫn. Người ý mới phát, tuy chưa được pháp nhẫn nhưng cứ y như vậy mà tu tập tâm ấy, quán các pháp rốt ráo là tướng không. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi lên lòng đại Bi. Hễ có bao nhiêu điều lành đều đem hồi hướng, nguyện sinh về nước Phật Vô Lượng Thọ, thì liền được vãng sinh.

-oOo-

Pháp Quán Pháp Hoa Tam-Muội

Trong hai mươi mốt ngày phải nhất tâm tinh tấn, y như lời dạy mà tu hành, nhớ nghĩ đúng như trong kinh Pháp Hoa và niệm Phật Thích-ca cùng với Phật Đa Bảo ngồi chung tòa trong tháp bảy báu, tại núi Kỳ-xà-quật. Lại phân thân hóa Phật khắp cả mười phương, rồi dời chúng sinh trong quốc độ. Tất cả chư Phật mỗi vị đều có Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ làm thị giả. Như Đức Phật Thích-ca dùng Bồ-tát Di-lặc làm thị giả.

Tất cả chư Phật đều hiện sức thần thông, ánh sáng chiếu khắp vô lượng quốc độ, muốn chứng thật pháp. Ngài hiện tướng lưỡi, âm thanh phát ra vang cả mười phương thế giới. Điều mà trong kinh Pháp Hoa nói: "Trong mười phương ba đời, chúng sinh hoặc lớn hoặc nhỏ, dù chỉ xưng một câu Nam-mô Phật đều sẽ thành Phật đạo. Chỉ có một Phật thừa, không hai cũng không ba."

Tất cả các pháp là một tướng, một môn, đó gọi là không sinh không diệt, rốt ráo tướng không, chỉ có một Đại thừa không có hai. Người quán được như vậy rồi thì năm dục tự đoạn, năm triền cái tự trừ. Khi ấy, năm thiện căn tăng trưởng, liền được thiền định, trụ vào định này rồi thì rất thâm tín đối với Đức Phật. Lại nhập vào pháp hết sức vi diệu một tướng một môn thanh tịnh, phải cung kính chư vị Đại Bồ-tát như Văn-thù, Di-lặc, Phổ Hiền, Dược Vương, Đại Nhạo Thuyết, Quán Thế Âm, Đắc Đại Thế Chí.

Đây gọi là nhất tâm tinh tấn, như thuyết tu hành, nhớ nghĩ đúng theo kinh Pháp Hoa. Ấy gọi là hòa hợp thiền định, làm cho tâm càng vững chắc. Như vậy trong vòng hai mươi mốt ngày được ngài Phổ Hiền cỡi voi trắng sáu ngà hiện đến nơi ấy, như trong kinh đã nói.

-oOo-

SỐ 618

KINH THIỀN ĐẠT-MA-ĐA-LA

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la.

QUYỂN THƯỢNG

Phần 1: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH PHÁP NIỆM AN BAN – PHẦN THOÁI CHUYỂN

Trước lễ Phật Mâu-ni
Diệt phiền não thiêu đốt
Người lưu chuyển thoái thất
Giúp họ được thăng tiến
Tu hành pháp vi diệu
Hay lìa lỗi thoái thất
Diệt luôn mọi điều ác
Thành tựu các công đức.

Đức Thế Tôn biết rõ tướng của các pháp, đạt được trí tuệ như thật, diệt tan lửa dữ phiền não, đã thoát khỏi nhà lửa thiêu đốt, dùng thuyền Bát-nhã ba-la-mật vượt biển khổ vô lượng, vì bản nguyện đại Bi nên không bao giờ Ngài rời bỏ chúng sinh, luôn luôn vì những người tu hành mà nói pháp chưa từng có, độ những người chưa độ, làm cho họ được an ổn, có hai cửa cam lồ, mỗi cửa có hai đường: một là đường phương tiện, hai là con đường thù thắng, thanh tịnh, đầy đủ sự vi diệu sâu xa, có khả năng giúp tất cả người tu hành vượt khỏi ba pháp thoái thất, xa lìa mọi trói buộc, thăng tiến càng tăng khiến được thành tựu, quyết định hết khổ sinh tử, dứt trừ mọi ngu si đen tối của chúng sinh từ lâu đời, đưa đến nẻo giải thoát một cách rốt ráo.

Sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, các Tôn giả như Ma-ha Ca-diếp, A-nan, Mạt-điền-địa, Xá-na-bà-tư, Ưu-ba-quật, Bà-tu-mật, Tăng-già-la-xoa, Đạt-ma-đa-la, cho đến Tôn giả Bất-nhược-mật-đa-la, các vị trì pháp, đem ngọn đuốc trí tuệ này thứ tự truyền cho nhau. Như nay theo những gì tôi đã lãnh hội mà nói ra nghĩa này.

Như những gì tôi nghe
Nói cảnh giới tu hành
Phương tiện vượt cứu cánh
Nhờ tu tập phát sinh
Hành giả đối pháp thiện
Trước nên biết bốn thứ
Lùi, giảm, trụ, thăng tiến
Quyết định các công đức
Khi tu hành thoái lui
Liền trụ pháp không sinh
Cũng không thể thăng tiến
Điều đó nay lược nói
Trước khởi ý bình đẳng
Tập hành quán tâm từ
Liền chấm dứt sân hận
Làm cho không khởi lại
Chận đứng các phiền não
Luôn giữ giới thanh tịnh.
Khi giới đã thanh tịnh
Chánh định từ đó khởi
Đã khởi chánh định rồi
Quán sát nên, không nên
Khéo biết nên, không nên
Hướng về điều nên làm
Đã hướng điều nên làm
Chuyên niệm buộc tâm vào
Từ đó được an lạc
Chánh quán nương hơi thở
Khi quán nương hơi thở
Tâm ấy còn tán loạn
Buộc tâm vào hơi thở
Như người khéo điều ngựa.

(An Ban có hai thứ: Một là thấy, hai là xúc, kẻ độn căn không thể thấy)

Tâm đã trụ hơi thở
Tư duy nhớ nghĩ đúng
Lạnh, nóng cùng nặng nhẹ
Mềm mại, trơn, thô nhám

Hành giả biết rõ ràng
Tùy thuận khéo điều hòa
Xúc chạm mà không biết
Tức là tu hành lùi.
Đếm một cho là hai
Đếm hai cho là một
Cho đến chín còn lộn
Thế nên nói tu lùi.
Nếu đếm bị thoái lui
Phải đếm lại từ đầu
Cho đến mười đầy đủ
Xa lìa các nhầm lẫn.
Chưa tu hoặc tu rồi
Hay có cách tu khác
Phát sinh các lỗi này
Như vậy là tu lùi.
Hành giả khi đếm số
Tâm cứ sinh rối loạn
Rối loạn càng phát triển
Như vậy là tu lùi.
Hơi thở không thông suốt
Xông lên trên mũi, mắt
Làm đảnh đầu đau nhức
Bên trong phong đại khởi,
Thở loạn, mất giềng mối
Mà không biết điều phục
Thân thể hết sức nóng
Tâm kia sinh hỗn loạn,
Bốn thứ đã rối bời
Phong đại dấy lên tranh
Hành giả khiến nó dứt
Mà không đủ khả năng,
Không biết cách đối trị
Đây ắt mau thoái giảm
Hành giả nương thở vào
Mà lại nương thở ra,
Hành giả duyên thở ra
Mà lại duyên thở vào

Cả hai tâm đều tịnh
Đây là quả tu hành.
Vắng lặng định ý sinh
Mà lại trụ số đếm
Có các lỗi lầm này
Do tu hành thoái lui.
Thở gấp mà an ban
Thì khiến niệm tán loạn
Do niệm tán loạn này
Tâm tu hành phát cuồng.
Vì tâm kia phát cuồng
Không biết nên, không nên
Cả hai không phân biệt
Thế nên nói tu lùi.
Hành giả đếm đã thành
Thở ra biết thở ra
Ra rồi biết chỗ trụ
Nơi ấy khéo quán sát.
Quán rồi thở trở lại
Lại rồi được thanh tịnh
Không rõ biết sáu thứ
Nên tu hành thoái lui.
Dài, ngắn phân biệt rõ
Toàn thân đều tỉnh thức
Thân hành tạm ngơi nghỉ
Tất cả nên biết rõ
Không hiểu rõ điều đó
Khiến tu hành thoái lùi.

(Bốn việc thù thắng của Thân niệm xứ xong)

Biết vui cũng biết thích
Ý hành siêng phương tiện
Lại nên chế tâm mình
Khiến không cho loạn động.

(Bốn việc thù thắng của Thọ niệm xứ xong)

Phân biệt biết tâm mình
Tu hành quán sát đúng
Lại sinh tâm vui vẻ

Trở lại nhiếp vào định
Không phải tâm không định
Định rồi tâm giải thoát.
(Bốn việc thù thắng của Tâm niệm xứ xong)
Người khéo tu giải thoát
Không để tâm chìm đắm
Nếu rơi vào chìm đắm
Thì không thể giải thoát
Quán sát đoạn vô thường
Lìa dục và diệt tận
Hít vào, thở ra diệt
Gọi là tu hành thắng.
(Đây là bốn pháp Tương tợ niệm xứ)
Như vậy mười sáu hành
Tâm tự tại hồi chuyển
Những gì xúc biết được
Thấy được cũng như vậy.
Nếu thấy cùng với xúc
Không khéo biết phân tích
Lỗi này cần phải rõ
Vô trí nên thoái lui.
Tu hành tăng tiến lên
Không nên duyên nơi thấp
Nơi thấp cũng như vậy
Không nên tiến lên trên.
Nếu thấy hai đều tiến
Tâm trụ quán bình đẳng
Thì nó tự nhiên thành
Như vậy đạt cứu cánh.

-oOo-

Phần 2: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN THOÁI CHUYỂN

Niệm thù thắng thành tựu
Đắm mình trong biếng trễ

Thế là trạng thái lùi
Không kham nổi sở cầu.
Không nhiễm ô, vô ký
Dấy lên các phiền não
Cấu, trược bức bách sinh
Do đó mất chánh kiến.
Trạo cử hoặc bế tắc
Trôi nổi, thô, trơn, nhám
Là năm tướng thoái giảm
Tu hành nên phân biệt.
Tránh xa sự viễn vọng
Chấp hữu nên đọa lạc
Nhìn lại thấy hiểm nguy
Đều là tướng thoái giảm.
Bệnh nhiều dứt tranh chấp
Nhiều nghiệp giong ruổi mãi
Lấy đó làm giải thoát
Là năm nhân thoái giảm.
Tín, giới, văn, xả, tuệ
Từ đó suy thoái dần
Thân nặng và tối, độn
Ham ngủ và chìm đắm.
Là năm thứ nên biết
Tu hành tướng thoái chuyển
Sợ sệt nhiều do dự
Kinh hãi không vui thích.
Biếng trễ lìa chỗ muốn
Không hồi hướng tu hành
Chưa tập, đã tập rồi
Cả hai đều bị mất.
Cho đó là giải thoát
Nên gọi tu hành lùi
Chánh định lìa tướng vui
Trí tuệ tiêu tan hết.
Bốn đại chủng thô nhám
Lại từ trong thân khởi
Trạo cử mất chánh niệm
Do đó ý rối loạn.

Tâm này không yên tĩnh
Đều từ hành giả sinh
Tất cả các tướng lành
Không hiển hiện rõ ràng.
Hành giả quán như vậy
Muốn thấy nhưng rất khó
Các căn đều giong ruổi
Theo dục bám nẻo duyên.
Ý tà khắp đó đây
Vui đắm vào cảnh giới
Hình tiêu, ý sầu thảm
Thân này bị thiêu đốt.
Thiêu đốt như vậy rồi
Vì thế nói tu lùi
Không siêng năng phương tiện
Về sau ắt hối hận.
Nghe những điều thành tựu
Muốn tiến nhưng vì yếu
Không đến được chỗ vui
Thấy thù thắng không giữ
Đều do vô trí cả
Thế nên nói tu lùi
Tự nghĩ có phạm giới
Nghi, hối và các giác.
Ý nhược không còn chuyên
Thế nên nói tu lùi
Các lỗi, định ý mòn
Chánh định dần tiêu diệt.
Tâm loạn triền cái che
Vì thế nói tu lùi
Tâm khởi điều thuận xả
Không quán thời, phi thời.
Không rõ duyên trụ khởi
Vô trí nên tu lùi
Không biết hành sáu thời
Cũng không rõ sáu cõi.
Ngu muội sáu phương tiện
Vì thế nói tu lùi

Biết tham dục, sân hận
Mười tưởng khéo phương tiện.
Hướng về cảnh giới thiền
Và hiểu sai tâm pháp
Vượt qua từng thứ lớp
Vô trí nên tu lùi.
Không quán xứ phi xứ
Nghiệp báo và chánh thọ
Thiền định các giải thoát
Không rõ vị thanh tịnh.
Các căn giăng bủa khắp
Không phân biệt tánh dục
Tâm đuổi theo tướng tạp
Vì vô trí nên lùi.
Đối với đường khổ vui
Tâm ấy không hướng đến
Ý mê hoặc như vậy
Ắt hướng về thoái chuyển.
Khởi trụ cùng khởi duyên
Ra vào hay phương tiện
Không thành tựu sáu pháp
Vì thế tu hành lùi.
Biết pháp cũng biết nghĩa
Biết thời cũng biết lượng
Biết mình và biết người
Biết cả phước Già-la
Không rõ bảy điều này
Vì thế tu hành lùi.
Dấy lên các pháp ác
Quen tạo nghiệp thấp hèn
Thân gần bạn không tốt
Thế nên tu hành lùi.
Nói sai, việc làm trái
Người thọ tâm hướng vui
Nên biết đây không lâu
Tu hành chắc thoái chuyển
Y báo và chánh báo
Nào giường nằm các thứ

Tất cả chẳng phải vui
Gần nó khiến tu lùi.
Vui theo các tướng tạp
Tu tuệ vì đó giảm
Vứt hết chốn sở duyên
Tâm không được chân thật.
Tu hành bỏ tướng chánh
Tâm chạy theo duyên ngoài
Tuy muốn về chỗ cũ
Nhưng ý lại không vui
Nên mất phần trưởng dưỡng
Tâm đó không nhất định
Thân không được tươi nhuần
Vui thích cũng không sinh
Không bằng lòng hiện cảnh
Thân ý đều rối loạn
Chánh định không khởi nổi
Vĩnh viễn tâm không trụ
Tâm không trụ như vậy
Nên khiến tu hành lùi.
Ái kiến, mạn càng tăng
Tâm đắm chấp vào duyên
Do đó lụy niệm sinh
Thế nên nói tu lùi.
Thân như gai nhọn chích
Nên cứ hay trạo cử
Toàn thân đều nặng nề
Như rắn độc hung dữ
Có ba lỗi ác ấy
Chắc chắn tu hành lùi.
Việc làm được chưa được
Việc khác ý không ưa
Quen gần ba pháp lùi
Thế nên nói tu chuyển
Nghiệp báo và phiền não
Đó là ba chướng ngại
Trở ngại đường giải thoát
Vì thế tu hành lùi.

Phương tiện tưởng hạnh ác
Ở cảnh giới Tam-muội
Nơi đó không quán sát
Vì thế tu hành lùi.
Phương tiện tưởng cảnh giới
Hành Tam-muội, các môn…
Nghe theo điều hy vọng
Thì lùi ngay bước đầu.
Lúc sinh quán tưởng diệt
Lúc diệt quán tưởng sinh
Cả hai đều sẽ mất
Vì thế nên tu lùi.
Nếu ở trong pháp trụ
Và quán tưởng sinh diệt
Dấy lên các điên đảo
Gọi là tu hành lùi.
Lúc vào quán tưởng ra
Lúc ra quán tưởng vào
Cả hai quán tưởng trụ
Thì gọi là điên đảo.
Muốn cởi trói phiền não
Tu hành đúng phương tiện
Nhờ thế càng thêm sức
Các tướng tương tợ sinh.
Tướng tương tợ đã sinh
Tâm hành giả tùy chuyển
Phiền não liền khởi lên
Gọi là tu hành lùi.
Người hành giả vượt qua
Dòng nước xiết chảy mạnh
Vì khả năng yếu kém
Không vào được biển pháp.
Vô lượng cách thoái lùi
Sâu xa khó lường nổi
Bậc trí giả sáng suốt
Chính mình nên nêu rộng.

-oOo-

Phần 3: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN AN BAN NIỆM TRỤ

Theo sức khả năng tôi
Nói lỗi thoái lui rồi
Nay sẽ nói lỗi trụ
Hành giả khéo lắng nghe.
Trong lúc thở ra vào
Không thấy cũng không biết
Không hiểu phương tiện cầu
Đó là trụ cửa đầu.
Văn tuệ đã phát sinh
Kế hiểu rõ tư tuệ
Không hiểu rõ thứ lớp
Ngu si trụ chỗ trói.
Nếu đếm đã thành tựu
Thở ra biết thở ra
Không biết pháp tùy thuận
Thế nói tu hành trụ.
Như Phật hỏi Tỳ-kheo:
Ai tập niệm An ban?
Có một Tỳ-kheo đáp:
Niệm tu tập của con.
"Ông có niệm An ban
Không thể nói không có
Thì liền có thắng diệu."
Mâu-ni nói nên tu
Đường phương tiện An ban.

-oOo-

Phần 4: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN TRỤ

Thắng đạo tu Chỉ, Quán
Niệm hành tướng đã thành
Không giỏi pháp thăng tiến
Tức là trụ chỗ trói.
Đắm chấp cảnh sở duyên
Tiến tu tâm bê trễ
Do đó bị trói buộc

Không thể đến thắng xứ
Hoặc có không thể động
Không mềm cũng không cứng
Hoặc vững chắc kiên cố
Cũng như tượng Kim cương.
Có năm chướng ngại này
Không tiến cũng không thoái
Đó là trụ tướng buộc
Xa con đường thăng tiến.
Loạn sáng và tối tăm
Chính mình nhẫn không hiện
Ví như đốt dầu cặn
Cũng như mắt bị màng,
Ánh sáng không phát rõ
Xả bỏ các hỷ lạc
Tịch diệt dứt vui thích
Nó không thể khởi lại.
Giống như vật cứng chắc
Mà hiện lên tướng mềm
Người tu hành có lúc
Cũng trụ tướng như vậy.
Tướng không theo chỗ muốn
Mà dấy lên tưởng dục
Tuy muốn tùy theo ý
Rốt cuộc không có vui.
Tướng chẳng lưu giữ được
Mà cố ý giữ lại
Như vậy trái với niệm
Đó là bị trói buộc.
Khi tưởng đã thành tựu
Nên biết không ngăn được
Trụ rồi không giữ tướng
Chắc đến chỗ tối thắng.
Khi vọt muốn cho chìm
Hoặc cao muốn hạ thấp
Đi muốn khiến trở lại
Chỗ trụ không muốn trụ.
Lúc diệt muốn không diệt

Rốt cuộc không như ý
Hành giả trụ sinh diệt
Sở hành luôn chuyển tiến.
Các pháp tướng đã thành
Nhưng không bỏ tự tướng
Nếu không bỏ tự tướng
Thì tự tướng hiển hiện.
Da mỏng che bất tịnh
Để khỏi thấy thân dơ
Oai nghi và các thứ
Lợi lạc che thân khổ.
Tương tợ thứ lớp sinh
Trước sau không gián đoạn
Che mất tướng vô thường
Không thấy thân thay đổi.
Phơi bày sự cảm thọ
Nắm giữ tướng của ta
Hay nhớ nghĩ việc cũ
Ẩn thân, không quán ngã.
Đó là tướng tương tợ
Hành giả không phân biệt
Từ đó khởi ái lạc
Sinh ra tướng công đức.
Đắm chấp vọng tưởng sinh
Lại không màng thăng tiến
Thì thắng pháp khó thành
Sự lỗi lầm càng tăng.
Không ngã tướng, tợ tướng
Loại này không hồi chuyển
Không hồi chuyển như vậy
Hành giả sinh ngu si.
Vô trí bị trói buộc
Cột chặt vào nơi ấy
Tham đắm sinh các lỗi
Tướng ấy nay phải nói:
Trí tuệ tổn hoại dần
Phân ly và tạp loạn
Phá tan không hòa hợp

Đó là bị tướng trói.
Với thân, không khéo léo
Tự sinh tướng phân ly
Tạp loạn hay nát vụn
Ấy là bị trói buộc.
Giữ thường không tưởng khác
Các sắc sẽ không sinh
Nhiều thứ tướng vi diệu
Cũng không lần lượt khởi.
Tuôn chảy không dừng lại
Thân này dần tiêu giảm
Tướng hoặc lại hoặc đi
Tu hành không tăng trưởng.
Tịch tĩnh đã không sinh
Không nuôi lớn thân căn
Tâm không khởi vui vẻ
Nên nói xả bất tịnh.
Kia không thanh tịnh xả
Điều thấy không rõ ràng
Cũng không thể thăng tiến
Lại cũng không thoái chuyển.
Như giỡn tượng Sa-môn
Giây lát sinh khoái lạc
Ví như mượn y phục
Hay như thấy chiêm bao.
Là mạng không thanh tịnh
Dối nịnh và các ác
Nơi làng xóm tri thức
Hiển bày các công đức.
Che giấu các lỗi lầm
Phạm tội không phát lồ
Và tất cả trói buộc
Làm nhơ kẻ tu hành
Phảng phất có sự tướng
Liền khởi tưởng là thật
Chưa thuần cho là thuần
Chưa diệt tưởng đã diệt.
Phương tiện chưa tới đâu

Mà mong cầu thăng tiến
Như mộng lúa trong hạt
Thế là bị trói buộc.
Nghiệp mới khởi: vô phương
Tướng hiện: giữ chặt lấy.
Tâm kiêu mạn quá tăng
Như vậy bị trói buộc.
Hoặc có người tu hành
Mà khởi đoạn thường kiến
Kiến chấp khiến tâm loạn
Tức là bị trói buộc.
Hoặc có người tu hành
Quán sát kỹ nơi thân
Người kia bị trói buộc
Tâm chán không tăng tiến.
Tâm chán không tăng tiến
Không lìa tham dục được
Nếu không lìa tham dục
Giải thoát có từ đâu?
Không thành tựu giải thoát
Thì không được lậu tận
Người không đoạn các lậu
Thì không phải trí tuệ.
Thân niệm xứ nơi ấy
Tướng trụ đã phân biệt
Thọ, Tâm, Pháp niệm xứ
Như vậy cần nói rộng.
Tu hành tâm không vui
Cũng không sinh hỷ lạc
Thân còn vui lăng xăng
Nên biết trụ tướng này.
Tu hành chỗ đạt được
Tín, giới, văn, xả, tuệ
Chỉ giữ được phần nhỏ
Thế là còn trụ tướng.
Tỳ-kheo còn buộc ràng
Nên đến chỗ A-nan
Mê lầm nơi tướng trụ

Nay cần phải lược nói:
Được chánh định vô tướng
Sáu năm còn bị trói
Theo Tôn giả A-nan
Để nghe những lời dạy.
Không thể tiến đạo nghiệp
Mà cũng không thoái chuyển
Càng trụ vào cảnh giới
Thì không thể giải thoát.
Không đến cũng không đi
Giải thoát rồi mà trụ
Trụ rồi lại giải thoát
Giải thoát rồi lại buộc.
Hoặc có người tu hành
Trụ cảnh giới bất thoái
Phiền não vi tế khởi
Mà không tỉnh thức được.
Vì không biết phiền não
Không đến được thắng xứ
Không phân biệt các địa
Cũng không lỗi thoái lùi.
Khi các lỗi không sinh
Như vậy dừng nơi trụ
Hoặc ở trong phần trụ
Làm mất đi diệu tướng.
Các diệu tướng tuy diệt
Ý còn thuận đối tượng
Khi ý thuận đối tượng
Các lạc ý phát sinh.
Đã có diệu lạc rồi
Tâm nương vắng lặng trụ
Nhân tâm yên tịnh đó
Cho rằng tự mình làm.
An chỉ chưa tới đâu
Không được quả đầy đủ
Vô trí che mắt tâm.
Mà tự cho là trí.
Tu hành mà vô trí

Không biết điều ứng dụng
Nếu người biết ứng dụng
Ở cảnh giới cứu cánh.
Trụ trong cộng địa ấy
Những việc ấy làm bẩn
Nếu như người tu hành
Thành tựu Bất cộng địa.
Như vậy biết lỗi lầm
Thì không còn trói nữa
Lỗi phiền não không biết
Ngu si không thật trí.
Thiền giác là điều tốt
Như voi trói vào cây
Tu quán cảnh giới trí
Không biết chỗ khởi lên.
Từ nơi chốn nương ra
Mà không thể tự biết
Không vọt cũng không chìm
Không thấy chỗ khởi tướng.
Cũng không biết chỗ diệt
Lỗi cũng là không lỗi
Đã nói các chướng ngại
Đều là tướng trụ chắc.
Do kia không chỗ trụ
Đây chẳng nói trí sáng
Dấy lên các lỗi lầm
Bao nhiêu duyên ràng buộc.
Phải dùng phương đối trị
Các vi diệu hiển hiện
Bậc tôn quý không kính
Cũng không bỏ kiêu mạn.
Tự che giấu lỗi mình
Không nói cho ai biết
Nay ta đã già suy
Mọi người đều ruồng bỏ.
Mất luôn cả lợi dưỡng
Làm ta sinh khổ não
Tâm thường ôm lo sợ

Âu sầu than thở dài.
Sau khi ta chết rồi
Muốn bày trò gì đây?
Giấu lỗi tâm ưu não
Ngu hoặc gây trói buộc.
Chính mình sinh tội lụy
Mất cả biển công đức
Đắm chấp vui hiện tại
Xan, tham không tuệ sáng.
Bỏ cả qua đời sau
Gây ra các lỗi ác
Các trụ buộc như vậy
Khởi lên đều khác nhau.
Hành giả không khiếp nhược
Trị những gì nên trị
Yếu kém không phương tiện
Cho rằng do đâu tiến.
Thế thì rất khó vượt
Như voi yếu sa lầy
Không thể vươn lên được
Khinh nhờn tâm bê trễ.
Mãi mãi phải chìm đắm
Càng đến gần chỗ chết
Gây nghiệp báo phiền não
Ba thứ chướng ngại này.
Vô trí không sao khởi
Vĩnh viễn bị chìm đắm
Chứa ngu tối từ đâu
Gây các nghiệp phiền não.
Các loại trói buộc này
Mê loạn không tự tại
Quen gần các lỗi ác
Xa lìa công đức lành.
Làm cho ý nhiễu loạn
Như tên quay trên không
Rắn độc đầy dẫy cả
Rồng và bò cạp độc.
Biển sâu thẳm không đáy

Không biết đống lửa lớn
Người mù đi đến gần
Tối tăm nên không thấy.
Hành giả trụ chỗ buộc
Lỗi ấy cũng như vậy
Lỗi trụ nhiều vô lượng
Đức thăng tiến cũng vậy.
Như biển không bờ bến
Sâu thẳm đâu đo được
Thế gian vì không biết
Chân thật tuệ là đuốc.
Cầm đuốc không phóng dật
Sáng mãi sẽ không tắt
Khéo nói lỗi phần trụ
Trói những kẻ tối tăm.
Quyết định biết cảnh giới
Chẳng có phần của ta
Các thứ lỗi trói buộc
Không phải chỉ một tướng
Nên biết các nghiệp duyên
Chỉ Phật mới biết rõ.

-oOo-

Phần 5: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN THĂNG TIẾN

Tỳ-kheo-niệm An ban
Công đức trụ thăng tiến
Càng làm tăng trí tuệ
Nay tôi thứ lớp nói:
Công đức trụ tiến rồi
Trụ rồi lại tiến thêm
Thế nên nói hành giả
Công đức trụ thăng tiến.
Hành giả quán chóp mũi
Buộc tâm khiến trụ bền
Chuyên niệm tư duy đúng
Chánh quán nương hơi thở.

Khi thở ra hay vào
Buộc tâm theo ý niệm
Nhớ nghĩ nếu không quên
Đây mới trụ công đức.
Khi trụ công đức rồi
Lại khởi phương tiện cầu
Lúc mong cầu công đức
Trụ phát sinh thăng tiến.
Khi thăng tiến cùng khởi
Cũng sinh công đức trụ
Gọi là trụ rồi tiến
Tiến rồi trụ công đức.
Hiểu rõ tướng An ban
Công đức và các lỗi
Dứt nặng, nhẹ, lạnh, nóng
Mềm trơn và thô nhám.
A-na thâu Ban-na
Là thâu giữ các căn
Vì căn hay duyên cảnh
Thâu nó cho dừng lại.
Ngoài tán theo số đếm
Nghĩa thâu lại cũng vậy
Đưa hơi thở vào trong
Nên nói là A-na.
Tâm chuyển theo chốn duyên
Chận lại đừng cho động
Tâm khởi theo chốn duyên
Cũng chế ngự rồi diệt.
Hành giả quán nếu tăng
Chế nó khiến theo chỉ
Hành giả nếu chỉ tăng
Bắt đầu phải theo quán.
Thấy tăng là do xúc
Xúc tăng là do thấy
Đắc chứng và trí chứng
Cả hai đều nhiếp nhau.
Hành giả duyên không tịch
Thâu tóm ý vắng lặng

Trong thân sinh mát mẻ
Diệt trừ mọi nóng bức.
Trạo cử làm tâm động
Thâu giữ khiến dừng lại
Siêng phương tiện hồi chuyển
Thân này rất sung mãn.
Nuôi lớn bốn đại chủng
Đều nhờ vào hơi thở
Chủng này lại tăng thêm
Hành giả chấp bốn đạo.
Hay khởi lên A-na
Dừng đứng theo pháp thiện
Ngã sở là gai lớn
Phải cố gắng nhổ ra.
Thở ngắn rồi diệt dần
Tâm hành giả yên tĩnh
Vì vậy Thế Tôn nói
Gọi tên là A-na.
Lại nữa tướng Ban-na
Nay cần phải lược nói
Chân lông cùng các lỗ
Trước khai thông hơi thở.
Trên đưa ra Ban-na
Là do thở ra vào
Hành giả khi thở ra
Các căn theo chốn duyên.
Tâm tâm pháp đều thuận
Đây cũng nói Ban-na
Thở ra quy về diệt
Nhập vào căn bản địa.
Chánh thọ và mạng chung
Đây do xả thở ra
Hành giả thở ra diệt
A-na thứ lớp sinh.
Diệt tận Tam-ma-đề
Đệ tứ thiền cũng vậy.
Ban-na khi đã diệt
Thứ lớp A-na sinh

Khi A-na dấy khởi
Nói A-thế-bà-sa
Ta quán người chết kia
Rõ không có tướng ấy.
Kia diệt rồi lại sinh
Quán có tướng như vậy
Chất độc và hầm lửa
Cảnh giới tương tợ này.
Thở ra hay thâu ý
Không để theo nẻo duyên
Giống như móc chế voi
Gọi Ba-thế-bà-sa.
(Thở ra có nhiếp tâm)
Xả trừ tưởng điên đảo
Thành tựu tưởng chân thật
Lìa chủ tể và thường
Chỉ là việc không hành
Vốn không từ chỗ đến
Cũng không đi về đâu
Đến, đi không nắm bắt
Khoảnh khắc cũng không trụ
Người trí thấy điều này
Lìa các sự hiểu biết
Thở ra không tác giả
Thấy tức đọa điên đảo
Thở ra đã quá khứ
Điều này không thể thấy
Mạng mất, hơi thở diệt
Quá khứ cũng như vậy.
Các công năng An ban
Thở ra và thở vào
Các vật và chữ nghĩa
Tôi đã lược nói xong
Do thêm nhiều nên nói
Tướng không thể lìa dụng
Nếu bị loạn giác tưởng
Nên tập luyện An ban
Nếu đếm không bị loạn

Là trừ nội tham chấp
Nếu đếm được tùy thuận
Nhất định lìa không thuận
Chí trụ cảnh không loạn
Hay thâu các loạn tưởng
Bắt đầu đếm từ một
Như vậy cho đến mười
Hành giả thuận pháp đếm
Liền được trụ công đức
Đã được công đức rồi
Thì mong cầu thăng tiến
Diệt tất cả loạn giác
Nên Phật nói tăng thượng.
(Cách đếm đã xong)
Đếm hay diệt tất cả
Giác, Phật nói là diệt
Tất cả đều không loạn
Là vì do tăng thượng
Trong ngoài thở ra vào
Đi thì bóng tâm theo
Quán sát thật chắc chắn
Thuận thì đến Niết-bàn
Hành giả thở ra vào
Bắt đầu từ điểm khởi.
(Hơi thở ra vào đều bắt đầu từ rốn)
Biết thăng tiến như vậy
Hay lìa tham bên ngoài.
(Xong môn Tùy)
Dừng yên ngay gió mạnh
Tam-ma-đề đã khởi
Tam-muội cũng khởi rồi
Thì được công đức trụ.
(Pháp môn Chỉ xong)
Hành giả trụ chỉ rồi
Quán sát theo hơi thở
Quán từ điểm khởi đầu
Hơi thở từ đó khởi.
Pháp này gọi là Na

Và một hay là hai?
Lạnh nóng đều quán sát
Tám thứ như trước nói.
Là quán chung các đại
Hay chỉ một thứ chăng?
Lúc quán thảy đều có
Lấy một tăng thượng nói
Hành giả quán phong đại
Tạo sắc từ đó sinh
Chỉ tâm cùng tâm pháp
Nương vào tạo sắc khởi
Vì tạo sắc kia rồi
Nhân đó có chủng đại
Các hơi thở ra vào
Hơi ấy gọi y chủng
Báo phong và trưởng dưỡng
Gọi là ba thứ gió
Hoặc nói là vào trước
Mà ra là ở sau
Hoặc nói ra ở trước
Mà vào là ở sau
Thảy đều có nhân duyên
Kia nói lời như vậy
Như nghĩa chân thật này
Người trí nên quyết định
Bắt đầu từ nơi rốn
Tắm sạch các chân lông.
(Báo phong này mở lổ chân lông cho nên gọi là ra nhưng chẳng phải ra ngoài)
Do nghĩa phong như vậy
Trên nói ra phía trước
Chân lông đã khai thông
Nên nhập thì ở trước
Như người lúc mới sống
A-na vào nên sinh
Rồi dẫn hơi thở ra

Thế nên nói Ba-na[*].
(Đây là nghĩa chân thật)
Hơi thở các chủng đại
Cắt đứt khổ không sống
Nên biết kia chẳng thọ
Thọ thì không như vậy
Nhờ hành giả tu hành
Không lo đoạn bức bách
Thế nên thở ra vào
Với thân lại chẳng thọ
Nếu khi đoạn thức mạng
Hơi thở không trở lại
Vậy nên chúng sinh đến
Là do mạng căn khởi
Thở thì là thân hành
Những điều thế tôn dạy
Cũng gọi căn bản y
Chúng sinh do nơi chuyển
Khi hơi thở bị diệt
Mạng sống không chỗ nương
Do hay giữ mạng căn
Nên nói chúng sinh đếm
Niệm A-na, Ban-na
Duyên phong đại làm cảnh
Tuy nói tư duy đúng
Mà hạnh không chân thật
Tất cả đều tu quán
Hành giả chuyên phong đại
Với quán có sai biệt
Thứ lớp này sẽ nói
Niệm A-na, Ban-na
Chia ra thành ba thứ
Nghĩa là từ văn khởi
Tư tuệ cùng tu tuệ
Nên ấy niệm An ban
Tỳ-kheo văn tuệ sinh

---

[*] Ba-na 波那 = Ban-na 般ˊo

Tất cả thời đều thọ
Danh tự làm cảnh giới
Cảnh giới thở ra vào
Chánh niệm từ tuệ sinh
Nên biết kia duyên danh
Hoặc lúc lại duyên nghĩa
Niệm A-na, Ban-na
Khởi lên tu thiền tuệ
Xả rồi gọi là quán
Chỉ duyên nghĩa các pháp
Nên biết gần cảnh giới
Không có các thứ khác
Cũng chẳng duyên tương tựa
Nói là cùng trí lành
Gọi là niệm An ban
Tánh trí tuệ sáng suốt
Cũng gọi là xả tánh
Đây là điều Phật dạy
Nên biết tánh tuệ này
Xả căn cùng câu sinh
Nếu khiến xả tánh này
Cùng các thứ khởi khác
Dục hữu, Sắc hữu trói
Vô sắc không thân y
Thiền ấy chưa tối thượng
Bít thân, nghẽn hơi thở
Hoặc gọi căn bản địa
Lại cũng là quyến thuộc
Nói rằng chỉ quyến thuộc
Chẳng phải căn bản địa
Muốn khiến kia xả tánh
Từ nơi căn bản địa
Niệm A-na, Ban-na
Phải tại nơi tám địa
Nói rằng chỉ quyến thuộc
Nói xả căn như vậy
Biết kia niệm An ban
Chỉ tại nơi năm địa

Định ở năm địa này
Nương vào chỗ hồi chuyển
Khi chặng giữa chỗ đến
Và hai quyến thuộc sau
Tứ thiền đảnh tối thượng
Tuy kia có xả căn
Ở thân ấy không có
Rửa sạch các chân lông
Thứ tư và quyến thuộc
Trong đó nói hai thứ
Báo sinh và trưởng dưỡng
Nhưng không có y phong
Thở vào và thở ra
Hơi này gọi là y
Vì thân hết sức nghẽn
Không y nói hai thứ
Phật dạy thở ra vào
Là bắt đầu Tứ thiền
Cũng nói chỗ yết hầu
Biết rõ có nói năng
Đều là vì phương tiện
Cũng lấy nghĩa thiền nhiếp
Thở ra và thở vào
Ngay đó chưa nhập định
Hành giả quán thở ra
Trên thấu đệ Tứ thiền
Suốt thấu cảnh giới gió
Nơi ấy nhớ nghĩ đúng
Thế nào ngã là tâm?
Đối duyên chưa rốt ráo
Hoặc lúc lại ở trên
Tiến ít quán sát lại
Hoặc lúc trụ nơi ấy
Không có các phương tiện
Hành giả quán như vậy
Thì trừ sạch nghi hoặc
Hành thấu tận nguồn gió
Nơi ấy khéo quán sát

Nên biết tâm như thế
Gọi là trừ nghi quán.
(Pháp môn Quán xong)
Ở trên quán sát rồi
Nương phong đại dừng trụ
Quán sát điều nên làm
Lại khởi các phép tu
Nếu tâm kia quán gió
Rồi lại khéo quyết định
Nên nói người tu hành
Hồi chuyển khéo phương tiện
Như người vào xóm làng
Làm xong việc rồi về
Tu hành quán như vậy
Hỷ lạc liền tăng trưởng
Đã xả niệm thở vào
An ở duyên thở ra
Cũng xả niệm thở ra
An nơi duyên thở vào
Đếm số đã rốt ráo
Thở ra biết thở ra
Tất cả loại như vậy
Cũng gọi là hồi chuyển
Quán sát tướng ứng hợp
Các tướng đều xoay chuyển
Mỗi mỗi quán các việc
Thứ lớp chuyển cũng vậy
Người khéo về hồi chuyển
Nói nghĩa hồi chuyển này
Nên biết là hồi chuyển
Tu hành theo trí tuệ
Phương tiện từ đó sinh
Thắng đạo hiện ra trước
Văn tuệ niệm hành xong
Lần lượt Tư tuệ sinh
Đã bỏ hạnh Dục giới
Rồi sau nhập tu tuệ
Đều gọi là hồi chuyển

Những điều Thế Tôn dạy
Cảnh hành giả chưa đến
Thứ lớp nhập Sơ thiền
Cho đến đệ Tam thiền
Chuyển ấy cũng như vậy
Đệ Tứ thiền quyến thuộc
Nếu kia có phong đại
Đây cũng nên hồi chuyển
Nhập vào địa căn bản
Từ đó khởi phương tiện
Thứ lớp theo trụ khởi
Xuất nhập và niệm xả
Sáu thứ này hồi chuyển
Xả cộng phương tiện địa
Cộng địa hiện ra trước
Xả cộng phương tiện địa
Bất cộng hiện ra trước
Xả bất cộng phương tiện
Bất cộng hiện ra trước
Duyên tướng phương tiện địa
Lần lượt đến rốt ráo
Đây gọi thượng hồi chuyển
Người trí nên nói rõ.

(Thánh nhân, phàm phu cùng pháp hữu gọi là Cộng địa, từ duyên này đến duyên khác gọi là chuyển. Các tướng phương tiện, các địa thứ lớp chuyển cũng như vậy).

Phương tiện như tôi biết
Đã nói nghĩa hồi chuyển
Niệm vô cấu thanh tịnh
Nay theo thứ lớp nói.
Như có người tu hành
Khoảnh khắc ngăn triền cái
Thì đó là thanh tịnh
Bất tịnh không phải thế.
Nếu số đếm thành tựu
Dứt tham chấp bên trong
Nghĩa này cần nên biết
Người tuệ quán thanh tịnh.

Tùy thuận đã thành tựu
Hay xả tham bên ngoài
Tư duy đúng như vậy
Người trí niệm thanh tịnh.
Tỳ-kheo tâm đã trụ
Không bị loạn quấy nhiễu
Niệm không động như vậy
Tu hành trí thanh tịnh.
Nếu đã tận hơi thở
Quán sát lìa nghi hoặc
Lại không mong dứt bỏ
Thì đó là thanh tịnh.
Niệm địa đã xong rồi
Chỗ nương các lỗi lầm
Không còn thì thanh tịnh
Đây nói trong khoảnh khắc.
Niệm A-na, Ban-na
Đường phương tiện đã thâu
Công đức trụ thăng tiến
Nghĩa này đã nói rồi.

-oOo-

Phần 6: CON ĐƯỜNG TU HÀNH THÙ THẮNG – PHẦN THĂNG TIẾN

Công đức trụ thăng tiến
Gồm thâu các phương tiện
Các cảnh giới tu hành
Cộng địa, Bất cộng địa.
Công đức trụ thăng tiến
Kia nương thắng đạo khởi
Đủ các nghĩa tướng hành
Nay nói khéo lắng nghe.
Tâm tăng thượng đã khởi
Tâm hành giả ưa vui
Tâm ưa vui như vậy
Công đức trụ khéo léo.
Người tuệ, phương tiện khéo

Ý khởi siêng tu hành
Như trụ công đức ấy
Tức là phương tiện khéo.
Vừa vào cảnh vi diệu
Chớ theo tưởng lưu chú
Người tuệ nhiếp tâm trụ
Như vậy khéo thọ trì.
Trụ công đức vi diệu
Trong sạch không dơ bẩn
Đầy đủ không giảm bớt
Trụ thanh tịnh an ổn.
Thuần nhất sáng tất cả
Định vững nên không động
Duyên này từ cảm có
Thời qua quy về không.
Sắc tưởng thứ lớp khởi
Đủ mọi tướng phát sinh
Hành giả tư duy đúng
Thân tâm sinh hỷ lạc.
Do vậy công đức trụ
Nhiếp đầy đủ Chỉ quán
Đã khởi thân lạc rồi
Tâm cũng chánh an ổn.
Chính mình và người khác
Công đức trụ thăng tiến
Nay cần phải lược nói
Hành giả nên phân biệt.
Tu hành Tam-ma-đề
Niệm phương tiện tùy thuận
Người trí mở mắt tuệ
Đây gọi là công đức.
Tâm đã đứng vững vàng
Gọi là công đức trụ
Tu hạnh Thánh đối trị
Gọi là công đức tiến.
Đối trị các Thánh hạnh
Công đức trụ thăng tiến
Tâm theo cảnh giới ác

Chỗ khởi lên nên trừ
Hành giả siêng tinh tấn
Công đức càng thêm tăng
Tín, giới, văn, xả tuệ
Tâm không tham, sân hận.
Dục tinh tấn, tàm, quý
Trừ hỷ không phóng dật
Duyệt lạc, niệm, định, xả
Chánh trí các pháp thiện.
Tất cả loại như thế
Tự địa lìa các dơ
Công đức trụ vững chắc
Tùy cảnh giới đối trị.
Là nhờ sức tinh tấn
Giúp tâm thiện phát triển
Cớ gì ở địa ấy
Không nhiếp theo số đếm.
Công đức trụ thăng tiến
Tự địa đã nói rộng
Sức thiện căn tự địa
Tha địa công đức sinh.
Tu hành nghĩa tối thắng
Tướng này nay lược nói
Tự địa đã tăng thượng
Các pháp thắng tịnh sinh.
Nên biết công đức này
Nhờ tha địa thăng tiến
Vô lượng hạnh phương tiện
Vượt qua tất cả pháp.
Tất cả tướng đối trị
Công đức tha địa khởi
Ở vào ngôi sơ niệm
Ba niệm đã gồm tu.
Noãn pháp và Đảnh, Nhẫn
Thế gian đệ nhất pháp
Kiến đạo tư duy đạo
Pháp vô học cũng tu.
Các thiền và thần thông

Vô lượng định vô sắc
Phần chánh pháp đạo phẩm
Rốt ráo trí lậu tận.
Trừ bỏ tất cả nhập
Trí diệu nguyện thanh tịnh
Thân niệm sức thiện căn
Khởi lên các pháp ấy.
Tướng công đức vi diệu
Tất cả tùy thuận sinh
Nếu trụ buộc tâm lại
Tức là tướng tự địa.
Tướng ấy tại thân khởi
Cũng hiện cũng lại xúc
Có lúc nói gần quả
Có lúc nói không gần.
Hoặc lại có cùng quả
Hoặc hoàn toàn không cùng
Điều mà nói gần quả
Là trụ gần bên tướng.
Nếu quả kia không gần
Tức biết cách xa tướng
Nếu như hiện mà xúc
Thì là cùng quả tướng.
Tuy hiện mà không xúc
Tướng không, không công đức
Ví như cây không trái
Đơm hoa mà không đậu.
Như người bị lạnh, khát
Xa trông có nước lửa
Người kia không khởi xúc
Chỉ thấy tướng cũng vậy.
Trống rỗng không công đức
Nên thân không diệu lạc
Hỷ duyệt càng tăng thêm
Dứt vui và vắng lặng.
Thân tâm hưởng vui ấy
Là nói cùng quả tướng
Công đức và các pháp

Tự địa với tha địa.
Tướng thăng tiến hồi chuyển
Bốn thứ cũng như vậy
Tất cả tướng thăng tiến
Đều tốt đẹp rõ ràng.
Hoa sen, hàng cây báu
Và các trang phục đẹp
Ánh sáng chiếu rạng ngời
Vô lượng thứ trang nghiêm.
Tuệ nói là thắng đạo
Công đức trụ thăng tiến
Khởi lên tướng vi diệu
Tôi nay sẽ nói đủ.
Hành giả chú ý nghe
Ở trên Mạn-trà-la
Thuần nhất khởi các tướng
Ánh sáng tràn xuống dưới.
Trong suốt như pha lê
Sáng ấy đủ bốn thể
Làm thân rất hòa dịu
Lại từ thân phát ra.
Dần dần tràn xuống dưới
Tùy theo sức thiện căn
Xa gần không tưởng định
Kết thành Mạn-trà-la.
Thế mạnh hoàn chỗ cũ
Trong chủng tánh căn bản
Tướng ấy ba lớp khởi
Công đức trụ năm tướng.
Công đức tiến năm tướng
Không hoại hai công đức
Hoại nữa hai công đức
Hoại hết một công đức.
Trở lại buộc vào tâm
Trụ bản chủng tánh rồi
Tràn khắp cả mười phương (mười tướng sinh)
Mười tướng công đức trên
(mười tướng đều sinh mười tướng)

Đều lại hiện một tướng.
Rồi tràn sang một bên
Sinh các tướng vi diệu
Ở mé thâm diệu ấy
Lại sinh tướng thâm diệu
Tướng trên dưới xoay vần
Cũng lại hiện như vậy.
Ở nơi ba bậc ấy
Các tướng tạp phát sinh
Tự tướng đều đã diệt
Chỉ còn tổng tướng trụ
Các tạp đã là không
Hạnh tịch tĩnh hồi chuyển
Ba Mạn-trà-la này
Cảnh chia vẫn không dời
Vốn thuận công đức trụ
Tự thế trước đã nói
Thở vào Tam-ma-đề
Biến khắp cả phương dưới
Thở vào Tam-ma-đề
Biến khắp cả phương trên
Cả hai trùm mười phương
Chánh thọ diệu sâu xa
Người theo ý như vậy
Gọi là pháp tự tại.
Thanh tịnh buộc tâm lại
Không pháp cũng không cầu
Sinh rồi có trưởng dưỡng
Thành tựu các công đức
Như cây Thiên Mạn-đà
Ao Mạn-đà sinh trưởng
Công đức trụ thăng tiến
Các thứ tướng vi diệu
Nghĩa này tôi đã nói
Hành giả khéo thọ trì.

-oOo-

Phần 7: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN NIỆM AN BAN QUYẾT ĐỊNH

Đã nói pháp thăng tiến
Nhiếp hết các công đức
Tu hành phần quyết định
Nay theo thứ lớp nói
Khéo niệm hơi thở ra
Thở vào cũng như vậy.
Ra vào tư duy kỹ
Phân biệt đủ rõ ràng
Đây là phần quyết định
Những điều Thế Tôn dạy
Tất cả các căn lành
Đều khắp cả tự tướng
Trí tối thắng vô thượng
Thì gọi là quyết định
Các vị hành giả này
An trụ phần quyết định
Khi thở ra, hít vào
Chánh quán tướng vô thường
Pháp thở thứ lớp sinh
Lần lượt làm tướng nhân
Cho đến các duyên hợp
Lúc khởi không tạm dừng
Nên biết pháp hòa hợp
Tánh nó chóng hoại diệt
Pháp từ nhân duyên khởi
Tánh mòn nên vô thường
Tất cả các duyên lực
Nhờ vào pháp mới sinh
Hư vọng không bền chắc
Chóng khởi cũng mau diệt
Độc trị độc, vô thường
Tánh ấy không trụ lâu
Hành giả quán như vậy
Đây là niệm quyết định
Ví như sự vận hành

Hơi thở liền bị nhanh
Quyết định tưởng vô thừng
Hành giả hướng Niết-bàn
Khi thở ra chưa diệt
Mà thở vào lại sinh.
Khi thở vào chưa diệt
Thở ra lại phát sinh
Quán sát chắc như vậy
Tu hành phần quyết định
Gai bén thô nhám sinh
Các tướng khổ bức bách
Thở ra và thở vào
Lúc nào cũng bức thiết
Hiểu rõ ngay hơi thở
Đủ cả các tướng khổ
Tư duy đúng như vậy
Thì gọi là quyết định
Tự tướng không vững chắc
Tịch diệt không vô ngã
Sức nhân duyên khởi lên
Vì duyên khởi nên diệt
Xa rời tướng chấp ngã
Thường trụ không biến đổi
Hành điên đảo như vậy
Tất cả nên tránh xa.
Chỉ hành quán chân thật
Mới gọi là quyết định
Vô ngã không kiên cố
Cũng không có chủ tể
Kia chẳng thở ra vào
Từng có tướng giác tri
Biết chắc là vô ngã
Nên nói là quyết định
Phải biết trí tướng ấy
Gọi tương tợ Thánh hạnh
Thế thì hành phương tiện
Chẳng phải là chân thật
Tỳ-kheo-niệm An ban

Tưởng tạp niệm là loạn
Loạn rồi tâm không vui
Phải nên theo số đếm
Hoặc đếm hơi thở vào
Hay đếm hơi thở ra
Nghĩ loạn biết quán tưởng
Do đó lìa hết cả.
Người tuệ quán hơi thở
Buộc tâm nơi số đếm
Thở vào đếm là một
Không lộn số thở ra
Chuyên niệm đếm không loạn
Như vậy cho đến mười
Rồi bỏ mười thở ra
Từ đó được quyết định
Đây nói là đầy đủ
Thành tựu đến căn bản
Lại nói các cánh đếm
Hành giả khởi phương tiện
Nếu số đếm căn bản
Không thể quyết định được.
Thở nhanh rất dễ biết
Phương tiện khiến tâm sinh
Bỏ hai hơi thở ra
Rồi sau đếm vào một
Cuối cùng tâm không lộn
Đến thứ hai thành tựu
Nếu ở hai phương tiện
Vẫn không thể quyết định
Vượt mười hơi thở ra
Rồi sau đếm vào một
Chánh niệm tâm không loạn
Lần lượt đến đầy đủ
Đây nói người tu hành
Đếm đến mười thành tựu
Mười pháp đếm như trên
Là số đếm rốt ráo
Rồi lại, như trên xả

Tăng số chẳng phải tu
Hành giả đếm như vậy
Là cách đếm thành tựu
Thành rồi thì phải xả
Tiến đến phương tiện khác
Hành giả đối cách đếm
Mà không được thành tựu
Nên làm lại như trước
Phải đếm lại từ đầu
Phương tiện thành cách đếm
Liền được phần quyết định
Cách đếm đã thành tựu
Người tuệ tâm tùy thuận
Sáu thứ như trước nói
Tu hành đúng phương tiện
Đối với sáu thứ này
Hành giả sinh tưởng lìa
Không vui đắm sinh tử
Tìm cách đoạn phiền não
Tâm hành giả xa lìa
Tất cả pháp hữu vi
Nên biết lìa dục này
Thì quyết định thanh tịnh
Hoặc nói ở trước dài
Hoặc nói ở sau ngắn
Như nghĩa quyết định kia
Nay theo thứ lớp nói
Khi mới khởi thở ra
Nói rằng ở trước ngắn
Đây nói chẳng phải vậy
Vì thế càng tăng dần
Thở ra cứ xa dần
Cho đến không gián đoạn
Tận cùng biết là dài
Nói ngắn thì không phải
Thở ra tăng trưởng dần
Chưa đến chỗ rốt ráo
Trong đó nên quán sát

Gọi là dài trong ngắn
Nhất tâm siêng phương tiện
Chuyên niệm chánh tư duy
Tăng trưởng đến rốt ráo
Gọi là dài trong dài
Quán rồi phong đại chuyển
Xa lìa các tưởng cầu
Rồi sau được quyết định
Đây là ngắn trong dài
Thở vào hết sức ngắn
Rồi đến chỗ phát khởi
Cách quán sát thế này:
Gọi là ngắn trong ngắn
Tư duy đúng như vậy
Hành giả phải hiểu rõ
Khi đã được quyết định
Tiến đến phương tiện khác
Toàn thân đều giác tri
Khắp cả thân đều thở
Hành giả rõ như vậy
Chính đó là quyết định.
Ví như đốt lửa cháy
Ánh sáng chiếu lan xa
Củi hết, lửa sắp lụn
Ánh sáng lại càng gần
Nếu lại đun thêm củi
Ánh sáng chiếu rộng ra
Thế hết quy về diệt
Bốn thứ gió cũng vậy
Hoặc nói là dài ngắn
Trong ngoài sắp đổi nhau
Hoặc cả hai dài ngắn
Mỗi mỗi như vậy nói.
Như múc nước giếng sâu
Buông gầu xa xuống dưới
Rồi kéo trở lên lại
Càng kéo dây càng ngắn
Như bắn tên lên không

Tên bay nhanh vô cùng
Khi nó càng lên cao
Lực hết lại rơi xuống.
Hành giả tư duy đúng
Quán sát nương hơi thở
Đầu xa nhưng sau gần
Nghĩa dài ngắn cũng vậy.
Ví như lăn bánh xe
Giong ruổi qua lại nhau
Qua xa gọi là dài
Lại gần gọi là ngắn
Hơi thở ra vào nhanh
Dài ngắn cũng như vậy.
Hành giả quán thật kỹ
Trước khổ mà sau tập
Quán hơi thở cũng vậy
Trước dài nhưng sau ngắn
Nếu Sơ thiền thở ngắn
Thiền thứ hai thở dài
Là trái nghĩa chánh thọ
Đây không nói như vậy
Ở trong Sơ thiền kia
Hơi thở thế càng xa
Thiền thứ hai thở ngắn
Chánh thọ sai biệt dần
Toàn thân đều giác tri
Thì nương thiền thứ ba
Sau cùng dứt thân hành
Vì lìa lỗ chân lông
Đây nói các Tam-muội
Tùy thuận tướng công đức
Hành giả an trụ vào
Không bị các tưởng loạn
Có gì trong Sơ thiền
Chỉ nói dài không ngắn
Không xả các sở y
Do đó nên thở dài
Nhờ vào sức giác tưởng

Hay khiến thở ra dài.
Thứ hai xả các y
Thế yếu nên thở ngắn
Kinh thật là thâm diệu
Phật nói suối trên núi
Sức chảy không có xa
Chỗ khác không đổ vào
Dụ đảnh núi như trên
Đệ nhị y cũng vậy
Chỉ từ nơi ấy khởi
Thì không thể đi xa
Như nói sĩ phu mạnh
Mang nặng mà leo núi
Sức kiệt khiến hơi dồn
Hơi thở vội hồi chuyển
Khi đến nơi an ổn
Hơi thở lại bình thường
Là dụ hơi thở kia
Trước ngắn mà sau dài
Kia nói sĩ phu mạnh
Mang nặng mà leo núi
Dùng phương tiện thân sức
Nên mới khiến thở dài
Nếu mà phương tiện yếu
Sức mình không mang nặng
Vì không sức phương tiện
Thở yếu nên không xa
Ví như người mạnh mẽ
Bắn tên bay thật xa
Sức yếu không phương tiện
Thế yếu bay không xa
Dụ này cần nên biết
Đây nói nghĩa dài ngắn
Hành giả biết cho kỹ
Tất cả hiểu rõ ràng
Mười sáu phần như vậy
Đều gọi là quyết định.
Như phương tiện thăng tiến

Phân biệt công đức trụ
Quyết định niệm An ban
Cũng nên nói như vậy
Còn những gì chưa nói
Các công đức trụ khác
Thì nay tôi sẽ nói
Như phần quyết định kia.
Quán sát phong đại khởi
Căn bản rất thanh tịnh
Tu hành tướng vi diệu
Đều từ nơi ấy hiện
Ở nơi rốt ráo đó
Báu ma-ni Tam-muội
Nên biết công đức này
Phương tiện căn bản sinh
Đã nói phương tiện diệu
Phần căn bản quyết định
Các tướng chánh thọ khác
Tất cả như trước nói.

-oOo-

Phần 8: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH – PHẦN THẮNG ĐẠO QUYẾT ĐỊNH

Đã nói đường phương tiện
Gồm luôn phần quyết định
Tướng thắng đạo quyết định
Thì nay tôi sẽ nói
Hành giả khéo quyết định
Buộc tâm chỗ kiên cố
Thân thọ và tâm pháp
Ở đây quán sát đúng
Nói có sáu thứ nhân
Hay thành tựu quả vị
Thành hoại đều ba thứ
(Thành thục, thục cũng hoại)
Tu hành tướng quyết định
Đối với sáu nhân này

Phương tiện khéo quán sát
Theo thứ tự tiến lên
Chóng được các lậu tận
Lại cũng có nhân khác
Và các việc thành hoại
Nhiều vô lượng như vậy
Tôi nay chỉ lược nói
Những gì là tu hành
Tướng hoại của thủy đại
Là thây chết bảy ngày
Tướng hủy hoại đã hiện
Như các tử thi kia
Ứ xanh, đen thối rã
Rã rồi máu mủ tuôn
Nước hôi thối tràn lan
Vỡ chảy hoặc phân ly
Tạp xấu thật hôi thối
Đây là hủy đại hoại
Trong thân cũng như vậy
Cho đến kiếp thành bại
Đây do sức thủy đại
Thủy luân vọt mạnh lên
Đại địa đều tan hoại
Từ nguồn Tam thiền kia
Nước xoay chuyển xuống dưới
Tuôn chảy thật mênh mang
Các vật bị tiêu sạch
Tất cả loài tình thức
Lúa thóc và cây rừng
Đều từ đất mọc lên
Đều bị thủy đại hoại
Thủy đại hoại chúng sinh
Đều là do nghiệp cũ
Tướng thủy tai như trên
Quyết định nói vô cấu
Tất cả loại như vậy
Đều từ địa Tam-muội
Quả tu hành khởi lên

Nên biết là quyết định
Hành giả khéo buộc tâm
An trụ Tam-ma-đề
Ở ngay trong chốn duyên
Thấy rõ các tướng này
Khi địa ấy thành thục.

(Cũng có nghĩa cho rằng khi địa này hoại thì có thể hoại phiền não mới thấy tướng ấy)

Biển cảnh giới thênh thang
Hành giả thấy nó hoại
Tướng thủy đại quyết định
Tướng hỏa đại hủy hoại
Nay nói khéo lắng nghe
Loại thức loại không thức
Đây cũng nói như trên
Và tự thấy lửa đốt
Tất cả đều tiêu sạch
Cho đến kiếp thành, hoại
Thế giới ra tro tàn
Ngay nơi hỏa luân đó
Đốt cháy lửa rực lên
Cũng từ mé Nhị thiền
Khắp cả đều mưa lửa
Lửa dữ tràn lan cả
Thế giới bị đốt sạch
Ở Tam-muội địa ấy
Khởi lên tư duy đúng
Hành giả thấy việc này
Tướng lửa hoại quyết định
Tướng phong đại hủy hoại
Nay theo thứ lớp nói
Các chủng loại như trên
Đều bị phong đại hoại
Đại địa và Tu-di
Phân tán như bụi trần
Tất cả đều diệt sạch
Đây do sức phong đại
Trên thấu đệ Tứ thiền

Dưới triệt cõi phong luân
Phong tai từ đó khởi
Tan hoại cũng từ đó
Tất cả phong đại hoại
Người trí thấy chân thật
Chánh tư duy như vậy
Tướng phong hoại quyết định
Tại sao người tu hành
Thường khởi lên nhàm chán
Ở trước thấy pháp khổ
Nhớ nghĩ mãi không quên
Tám khổ địa ngục lớn
Đều tăng mười sáu phần
Các thứ khổ như thế
Địa ngục đều vô lượng
Chúng sinh sinh nơi ấy
Tùy nghiệp chịu các khổ
Tôi ở đường ác này
Chưa lìa hoặc kéo đến
Như tám địa ngục lớn
Ai có thể kể hết
Vô lượng khổ trong đó
Khó biết được bến bờ
Giả người có trăm đầu
Mỗi đầu có trăm lưỡi
Muốn kể khổ địa ngục
Trọn đời không kể hết
Như kinh Ngu Hiệt Địa
Chỉ Phật khéo phân biệt
Tôi đều thấu suốt cả
Không có ai lường được
Xoay vần trong biển khổ
Lặn hụp vô lượng kiếp
Điên đảo không hạnh lành
Đều từ quả khổ ấy
Tự thấy mạng đời trước
Đau khổ từng trải qua
Tu hành nhớ khổ xưa

Liền thuận đường Niết-bàn
Tâm ám độn càng tăng
Súc sinh nghiệp bất tịnh
Ngu si không thích quả
Đủ mọi khổ hành thân
Chín muôn chín ngàn thứ
Hình loại đều khác biệt
Loài chim bay cá lội
Và cựa quậy côn trùng
Tùy nghiệp thọ mà sinh
Thay đổi như tuồng kịch
Tất cả loài chúng sinh
Lần lượt ăn nuốt nhau
Ta do bởi ngu si
Đã từng chịu khổ này
Nhìn lại thấy rùng rợn
Tâm sinh ra nhàm chán
Hành giả lo chán nhiều
Từ khổ quyết định ngay
Hành giả được như vậy
Phương tiện sinh chán lìa
Lại tự mình nhớ nghĩ
Ngạ quỷ khổ vô lượng
Cổ nhỏ bằng cây kim
Thân to như trống sấm
Vô số kiếp phải chịu
Đói khát luôn hoành hành
Thấy trời mưa cam lồ
Muốn uống liền hóa lửa
Như bốn biển rộng kia
Rộng sâu không bờ bến
Giá như uống hết sạch
Cũng không thể hết khát
Lõa hình xõa tóc dài
Như cây Đa-la cháy
Ở trong đó rất lâu
Chịu đủ thứ khổ ấy
Gió nghiệp thổi cùng khắp

Thổi cho thân tan nát
Như nổi trận gió cuồng
Quật gãy các cây khô
Ta chứa hạnh xan tham
Không tu hạnh bố thí
Nên sinh vào ngạ quỷ
Chịu khổ đau thế này
Cảnh giới Tam-muội địa
Hành giả khởi tư duy
Quán sát riêng từng loại
Không còn buông lung nữa
Tuy chưa đoạn phiền não
Thấy các khổ bức ấy
Khổ độc lo sợ nhiều
Rất chán khổ sinh tử
Chán rồi quyết lìa dục
Như xem báu trong tay
Tham muốn đã xa lìa
Mau chóng được giải thoát
Ví như ăn đồ ngon
Trong đó có trùng độc
Đủ cả mùi sinh tử
Các khổ cũng như vậy
Như giỏ đựng rắn độc
Có người mang nó theo
Nếu hết liền vứt bỏ
Không bị nó làm hại
Thân lại cũng như vậy
Bốn đại là rắn độc
Người trí mau xa lìa
Không bị nó làm hại
Như người ngu cầm đuốc
Ngược gió tự thiêu mình
Người thông minh nên trừ
Không bị lửa đốt thiêu
Kẻ đắm vướng sinh tử
Luôn bị lửa thiêu đốt
Nếu biết mau xa lìa

Thì không bị lửa đốt
Ví như chỗ khủng bố
Hay là nơi nhà cháy
Rắn độc, rết hợp lại
Sinh tử còn sợ hơn
Như làng xóm bỏ hoang
Như đồ đựng bỏ trống
Các pháp không, vô ngã
Tánh chân thật cũng vậy
Trong ba đường ác này
Khổ vô lượng như thế
Tuy cõi trời có vui
Nhưng cũng bị khổ lớn
Ví như lửa dữ đốt
Tham ái đốt cũng vậy
Ở lâu trên cõi trời
Thường bị lửa dục đốt
Tự nhớ trời Đao-lợi
An ổn ngồi pháp tòa
Thiên nữ dâng cúng dường
Muôn vàn thứ yêu thích
Bốn bề hàng cây báu
Hoa trái đẹp trang nghiêm
Thỏa mãn cho năm dục
Tất cả đều thọ hưởng
Lúc cỡi rồng, voi trắng
Dạo xem các ao tắm
Phóng ý trong khu rừng
Quay lại trời đã chiều
Ăn toàn vị Tu-đà
Uống thì Cam-mạn-đà
Đầy đủ không lo thiếu
Thọ lạc tựa biển cả
Lại ở trong thắng đường
Thiên nữ tấu âm nhạc
Dáng vẻ thật yêu kiều
Ánh sáng lóe tầm mắt
Diệu âm sáu vạn thứ

Thường buông tiếng uyển chuyển
Tai mắt bị cuốn theo
Làm say cả lòng ta
Chư Thiên ca thánh thoát
Ăn nhịp theo đàn sáo
Nằm ngồi nghe âm nhạc
Thức ngủ đều vui thích
Căn cuốn theo năm dục
Như vành lửa xoay tròn
Tu-di đảnh núi chúa
Ở yên khoái tự tại
Trăm lẻ một thứ báu
Dùng để trang nghiêm đất
Chư Thiên cùng thỏa thích
Trải qua rất lâu dài
Xúc với năm cảnh giới
Rúng động năm căn tình
Tất cả đều đặc biệt
Thật là nhân khoái lạc
Vật thực của chư Thiên
Tùy phước có sai biệt
Thấy sự sai biệt này
Tâm liền sinh ưu não
Rất sầu thảm như thế
Cũng như khổ địa ngục
Ăn thức ăn bất tịnh
Cúi đầu tự hổ thẹn
Hối trách nghiệp đời trước
Khiến tôi đến khổ này
Chư Thiên, A-tu-la
Tự tham giữ lợi dưỡng
Do đó sát phạt nhau
Chết là mối sợ lớn
Hoặc được trời cấp sứ
Hoặc hết sức nghèo thiếu
Ta tuy sinh cõi trời
Khác gì khổ đường ác
Ở chỗ thường vui kia

Hai lăm tướng suy chết
Tướng này sắp mạng chung
Lúc ấy thật là khổ
Vừa mới buông lòng thích
Liền bị năm suy đến
Nếu khi thấy tướng này
Lo sầu không tự an
Thiên nhãn bỗng chợt nháy
Tắm rồi nước dính thân
Tất cả cảnh giới đẹp
Tâm không còn ham thích
Tự nhiên ngàn thứ nhạc
Tiếng Ca-lăng-tần-già
Nay bặt không còn nghe
Biết bảy ngày sẽ chết
Ngọc nữ đều bỏ đi
Theo hầu các trời khác
Thấy vậy sinh buồn bực
Chết rồi đọa địa ngục
Chỉ có bậc Thánh hiền
Hiểu rõ biến vô thường
Thoát khỏi khổ sinh tử
Phàm phu bị thiêu đốt
Dưới nách ra mồ hôi
Y phục dính dơ bẩn
Thấy vậy rất sợ sệt
Đây do nghiệp tịnh hết
Hoa trên mão tươi đẹp
Mà nay bỗng héo tàn
Thân thể vốn rực sáng
Một mai chợt khô gầy
Thường ham ngồi chỗ vui
Nay lại sợ không vui
Năm tướng xấu nay hiện
Biết rằng chết sắp đến
Chỉ có người kiến đế
Không có tướng xấu ấy
Ta nay nói Tỳ-kheo

Ở đó thêm nhàm chán.[*]
Chư Thiên và Thiên xứ
Suy biến không lâu bền
Tu hành trí sáng suốt
Thấy vô thường biến đổi
Bốn báu Tu-di chúa
Núi vàng vòng bao quanh
Hành giả mắt tuệ tịnh
Thấy đó ắt tiêu ma
Lại các đại Thiết vi
Bao quanh bốn thiên hạ
Tiêu hoại tướng vô thường
Hành giả thấy rõ rồi
Tu hành ở cõi trời
Quán sát đúng như vậy
Lại ở trong loài người
Tư duy nhớ nghĩ đúng
Hoặc lúc phạm vương pháp
Bị chém thân, tay, chân
Tra khảo rất dã man
Ta đều trải qua hết
Vĩnh biệt hàng thân thích
Quyến luyến tuôn dòng lệ
Nhỏ giọt xuống một chỗ
Còn hơn bốn biển cả
Ta từ xưa đến nay
Thọ sinh trong loài người
Tính xương trắng chất dồn
Cao rộng hơn Tu-di
Xoay vần ba đường ác
Khổ sở không gì bằng
Cảnh khổ của trời, người
Cũng nhiều vô lượng rồi
Dù muốn nói rộng ra
Trọn đời không hết được
Cảnh giới địa Tam-muội

[*] *Trong bản tiếng Phạm không có câu kệ này.*

Tư duy chỗ quả sinh
Quán sát biết rõ ràng
Hành giả rất nhàm chán
Tôi tuy bỏ nghiệp nhà
Mà chưa thành đạo quả
Tự cho là xuất gia
Chưa thoát ngục sinh tử
Tôi tuy bỏ ân ái
Gọi là xả sở sinh
Mà không thể xa lìa
Nghiệp ái với cha mẹ
Uổng phí làm con người
Không sinh từ pháp Phật
Ngoài khoác y Thánh pháp
Trong không lìa si hoặc
Xả bỏ lợi năm dục
Nương vào nghiệp xuất gia
Mà ở trong pháp Phật
Không được chút công đức
Tuy trong bỏ tham chấp
Mà không được xuất ly
Chưa thành tựu bốn niệm
Từ đâu tâm được vui?
Cạo đầu bỏ hình tướng
Mà không bỏ kiêu mạn
Không bỏ vị dục lạc
Không được thiền duyệt lạc
Trong năm nghiệp vô gián
Chưa có thể thoát khỏi
Ví như bến không thuyền
Mà muốn vượt nước sâu
Chưa nhập tụ quyết định
Không sinh nghiệp cõi trời
Vô minh che tâm mắt
Chìm sâu vực sinh tử
Nên tinh tấn tu tập
Chắc chắn đạt kết quả
Đã làm thì không mất

Hành giả khéo suy nghĩ
Nhận vật của tín thí
Chiếm phần cơ thể kia
Cho mình có công đức
Nhưng thật ra trống rỗng
Do tâm lợi dưỡng này
Che công đức của tôi
Nghĩ sâu khổ khắc cốt
Tức thời khởi nhàm chán
Chưa thoát khỏi đường ác
Bị điên đảo trói buộc
Không hướng đường bình đẳng
Mâu-ni đạo Nhất thừa
Sinh rồi khó tiến tu
Các căn đều đầy đủ
Gặp Phật đang ở đời
Lại được nghe chánh pháp
Mà không bỏ khổ đau
Chưa vượt biển tham dục
Vung đao chém năm giặc
Đây cũng chưa diệt được
Như vậy khi chánh quán
Hành giả hướng giải thoát
Tướng nhàm chán phát sinh
Thì liền sinh quyết định
Thân là đồ bất tịnh
Đủ ba mươi sáu thứ
Ví như cõi đại địa
Nuôi sống đủ các loại
Thân nhờ che đậy kỹ
Cũng phải thường tắm rửa
Bọt nước dễ tiêu ma
Không lâu sẽ ắt diệt
Ví như giỏ rắn độc
Thân tứ đại cũng vậy
Chỗ trú tám vạn trùng
Thường tranh nhau ăn nuốt
Thân này là nhà lửa

Bốn trăm bốn bệnh vây
Đủ các khổ bất tịnh
Đầy ắp cả bên trong
Ví như nhà bỏ trống
Cũng như nơi nghĩa địa
Ngói lợp không vững chắc
Thân này cũng như vậy
Nhóm vô lượng các khổ
Hư vọng không chân thật
Điên đảo khởi tham chấp
Nhiều kiếp luôn khổ sở
Lại dắt vào bào thai
Thọ sanh muôn vàn khổ
Không thấy pháp chân thật
Sinh tử thường luân chuyển
Mới từ Ca-la-la
Tiếp sinh một cục thịt
Lớn dần thành chi tiết
Năm thứ khổ bào thai
Âm u như ngục tối
Bị nhiều nỗi bức bách
Nuôi lớn trong nhà xí
Khổ hôi hám bất tịnh
Ra thai chịu sinh khổ
Dần đến già, bệnh, chết
Tất cả các ấm khởi
Ba tướng vây bức bách
Quán sắc như bọt đọng
Thọ như bong bóng nước
Tưởng như dáng dợn nắng
Các hành như cây chuối
Thức chủng giống huyễn hóa
Hư vọng không chân thật
Bức bách là tướng khổ
Nhân duyên là tướng tập
Tịch tĩnh là tướng diệt
Xuất ly là tướng đạo
Trong bốn Thánh đế này

Hành giả quán sát dần
Tư duy mười sáu hành
Giải thoát khổ sinh tử
Lược nói tất cả pháp
Tự tướng và cộng tướng
Biết rõ nghĩa quyết định
Tu hành chánh quán sát
Hành giả đốt đuốc tuệ
Quán sát bốn Chân đế
Cắt đứt các đường ác
Lìa các khổ thọ thai
Không còn muốn thọ thân
Thêm khổ não nhiều đời
Trừ bỏ hạnh lợi dưỡng
Riêng tu hạnh xa lìa
Khi đã nhàm chán rồi
Không ham vui sinh Thiên
Huống gì đắm thế gian
Nhận chịu các khổ đau
Quán chúng như rắn độc
Ấm là năm giặc oán
Tự biết hoạn tham dục
Nhiều kiếp âm thầm hại
Sáu căn như hư không
Giặc trần tranh đến hại
Trong ngoài xâm nhập vào
Hành giả quán chân thật
Thấy ái như sông lớn
Niết-bàn như bờ kia
Tu hành mắt tuệ tịnh
Quán pháp không vô ngã
Biết chân thật như vậy
Không còn ham ba cõi
Người sáng thấy các pháp
Lược nói ba tướng thành
Và ba hoại đã nói
Phương tiện siêng tu tập
Nghĩa hành tướng thứ lớp

Thì nay lại sẽ nói
Một sắc nhiều cách quán
Mỗi mỗi bốn thứ nhân
Quyết định biết nhân quả
Thân niệm xứ rốt ráo
Thọ cùng tâm tương ưng
Khi quán chỉ tự thể
Vô lượng quả nhân duyên
Tướng ấy đồng chủng tánh
Hành giả khởi tư duy
Đều hiện nơi sở y
Tâm giống ngựa không thuần
Như huyễn, như khỉ vượn
Vô lượng tướng nhân duyên
Tất cả hiện sở y
Hai ấm không, vô ngã
Tiếp hợp quán tưởng sắc
Tưởng hợp thọ và thức
Thực hành hại cũng vậy
Lần lượt tưởng sắc thọ
Tưởng sắc thức cũng vậy
Phân biệt tưởng thọ thức
Thực hành ba giống tưởng
Bốn, năm dần hòa hợp
Tư duy hoại tự tướng
Duyên chung năm ấm thạnh
Bảy chỗ ba cách quán
Cảnh giới rộng vui thích
Hoàn diệt quán sinh diệt
Một niệm thấy chân thật
Đầy đủ pháp niệm xứ
Quán đúng chủng tướng ấm
Như hóa mộng, bóng trăng
Định tuệ càng tăng thêm
Đó là pháp Noãn sinh
Tâm ấy rất vắng lặng
Nhìn chung năm tướng ấm
Tự thân lửa dục đốt

Ba cõi bị thiêu rụi
Các tướng của chánh định
Hướng thẳng cửa giải thoát
Trước hết quán Tứ đế
Mười sáu hành chân thật
Thành tựu pháp Noãn rồi
Tiến lên quán chân thật
Thấy Phật thân tướng đẹp
Vô lượng các công đức
Đệ nhất pháp tịch diệt
Thanh tịnh lìa phiền não
Biển công đức Thánh chúng
Sâu thẳm không thấy đáy
Đủ các tướng vi diệu
Hiện thân và cảnh giới
Thấy rồi tâm hoan hỷ
Đầy đủ tướng pháp Đảnh
Tăng tiến sinh pháp Nhẫn
Năm đường hiện cảnh giới
Đường ác thiêu đốt diệt
Đến nghỉ nơi mát mẽ
Khoảng giữa ở sinh tử
Cuối cùng chỉ nhất tâm
Trước quán khổ vô lượng
Tiếp thấy khổ chủng sinh
Chủng tăng thêm rộng lớn
Dần thấy Khổ, Tập, Diệt
Diệt rồi nhiên hậu quán
Bát Thánh đạo bình đẳng
Tướng vô thường biến diệt
Thô nhám khổ bức bách
Không tịch không chúng sinh
Không tự tại vô ngã
Khổ chủng là nhân duyên
Các duyên hợp là tập
Chủng sinh nên nói khởi
Hưng quả gọi là duyên
Hết Khổ, Tập nên Diệt

Diệt tịch nói tịch chỉ
Thanh tịnh lìa ba cõi
Giác gọi là diệu xuất
Đường tắt là tướng đạo
Bằng thẳng nói chánh nghĩa
Tiến đến gọi là thủ
Vượt qua nên gọi thừa
Tứ đế mười sáu hành
Quán chân thật đầy đủ
Pháp nhẫn lần lượt sinh
Pháp thế gian đệ nhất
Thánh hạnh chánh thọ địa
Được ba quyết định này
Kiến đạo tư duy đạo
Lần lượt đến cứu cánh
Tất cả tướng vi diệu
Mỗi mỗi tùy địa khởi
Thành tựu trí tuệ thật
Đầy đủ các công đức
Nên biết điều nói trên
Là phần tu quyết định
Có các bậc Minh trí
Thực hành phương tiện đúng
Siêng năng chớ lười biếng
Thường khởi lên hổ thẹn
Đối các vị phạm hạnh
Luôn biểu hiện kính mến
Tự giữ giới tu tịnh
Oai nghi cho vững vàng
Giả sử được lợi dưỡng
Ít muốn biết vừa đủ
Dễ đủ cũng dễ nuôi
Lượng thân ăn vừa đủ
Như người bôi mỡ xe
Không vì tham đắm vị
Hiểu rõ tất cả hữu
Hễ sinh ắt có lỗi
Tư duy quán sát đúng

Ba cõi như lửa cháy
Như người bệnh nặng kia
Tin nhận phương thuốc chữa
Nghe Thiện tri thức dạy
Quán sát tư duy kỹ
Thường dùng tâm thanh tịnh
Buộc thân chớ buông lung
Im lặng không nói nhiều
Ngồi yên nghĩ nghĩa thật
Nơi đồng trống gò rừng
Vắng vẻ tu xa lìa
Vô sự thích núi non
Ngồi trong hang đất trống
Trải cỏ dưới gốc cây
Trụ thanh tịnh như vậy
Tu hành xét lại mình
Siêng tu không lười biếng
Chuyên tinh cầu lợi mình
Rời xa lỗi thoái trụ
Chắc chắn được tiến lên
Phần công đức quyết định
Hành giả gắng phương tiện
Đầy đủ các thiện căn
Tôi đem ít tuệ lực
Lược nói các pháp tánh
Như nghĩa rốt ráo ấy
Mười lực cảnh giới trí.

-oOo-

KINH THIỀN ĐẠT-MA-ĐA-LA

QUYỂN HẠ

Phần 9: CON ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN THOÁI LUI

Theo khả năng của tôi
Đã nói niệm An ban
Hành giả quán bất tịnh
Nên phân biệt thứ lớp.
Phương tiện quán bất tịnh
Tư duy niệm thoái giảm
Tướng mà minh trí biết
Thì nay tôi sẽ nói:
Hành giả mới phương tiện
Ngay phần nhỏ nơi thân
Quán sắc da nứt ra
Và chỗ khởi lên tướng.
Tuy sắc da tạm hoại
Nhưng phương tiện yếu kém
Tịnh tưởng trở lại sinh
Gọi là tu hành lùi.
Không khởi điều cần nêu
Lại khiến sắc da hoại
Tịnh tưởng vẫn không trừ
Cũng gọi tu hành lùi.
Hành giả ái dục tăng
Nên đến nơi nghĩa địa
Giữ lấy tướng bất tịnh
Trở lại ngồi chỗ cũ.
Thấy rõ các tử thi
Thân ta cũng như vậy
Chí tâm quán bên trong
Như tướng nghĩa địa kia.

Những gì ta chứng kiến
Nhờ đó được chân thật
Được tướng chân thật rồi
Không còn khởi tưởng tà.
Phương tiện tu như vậy
Mắt tuệ vẫn không tịnh
Mang khối ngu si dày
Nên biết là điên đảo.
Nếu duyên nơi ngón chân
Ám loạn tâm không trụ
Nên buộc tâm như trên
Quán sát cầu thăng tiến.
Chỗ hoại sắc như trên
Tâm kia còn giong ruổi
Nên ra sức tinh tấn
Phương tiện lìa lỗi lùi.
Chớ bị nhiễm phiền não
Khiến không được giải thoát
Tự cố gắng phương tiện
Chóng đến được Niết-bàn.
Chính tự thân hoại tướng
Buộc niệm không phân tán
Ngày đêm siêng tu tập
Chớ để khởi phiền não.
Hành giả tưởng vi diệu
Những điều Thế Tôn dạy
Thường hay luôn giữ gìn
Nhất định không thoái lùi.
Quán nội thân đầy đủ
Niệm ấy đã vững vàng
Tiếp quán đến ngoại duyên
Tập dần làm tăng thêm.
Bên ngoài đã châu toàn
Tam-ma-đề vững chắc
Biết rằng đây không lâu
Lần lượt dứt hết lậu.
Như vua không binh giáp
Đâu đủ để vững chắc

Mà muốn chống giặc oán
Chắc chắn bị giặc hại.
Hành giả đối chính mình
Ngu si chưa tháo gỡ
Mà muốn quán ngoại duyên
Thì quyết chắc thoái lùi.
Tôi nói các Tỳ-kheo
Không hiểu nên tu lùi
Có nhiều lỗi thoái giảm
Nay nói khéo lắng nghe.
Nên biết tu hành lùi
Vì chìm đắm si mê
Hoặc phiền não dày đặc
Nghiệp hành luôn ngăn che.
Có người vì sắc dục
Mà khởi lên phiền não
Đối với các sắc đẹp
Si ái che chánh niệm.
Đủ mọi thứ y phục
Sặc sỡ màu lòe loẹt
Trang sức đủ anh lạc
Vàng bạc, các thứ báu.
Đối với vui thế tục
Hành giả còn luyến tiếc
Do đó động tưởng dục
Chắc chắn biết bị lùi.
Các hình tướng trang nghiêm
Nơi nơi bày dáng đẹp
Những chi tiết thân thể
Vọng tưởng khởi tham dục.
Từng phần của cơ thể
Xúc chạm dáng mềm mại
Làm theo thói quen cũ
Lửa dục bốc lên đốt.
Hoặc khóc hoặc nói cười
Ca múa liếc nhìn nhau
Mặc lụa kết châu ngọc
Tơ đẹp trau chuốt đủ.

Thướt tha vẻ kiều diễm
Dao động tâm hành giả
Xét lại oai nghi mình
Dục khởi khiến thoái lùi.
Có người tình dục nặng
Không chuyên theo bốn thứ
Ngu si thêm phiền não
Xúc thân khởi dâm loạn.
Đó là ái dục mạnh
Tu hành mau thoái lùi
Do các ái dục này
Mê loạn, mất chánh niệm.
Hiểu rõ tướng và tưởng
Nhất định không thoái chuyển
Thấy rõ trong thân mình
Rồi quán sát bên ngoài.
Cảnh giới rộng thênh thang
Giáp vòng thấy bờ hiểm
Không biết chỗ rốt ráo
Tu hành chóng mai một.
Ái đắm nơi thân thể
E rằng khó thăng tiến
Hành giả sinh nghi sợ
Chắc chắn mau thoái lùi.
Nếu muốn lìa nghi sợ
Phải nhàm chán thân thể
Khi nhàm chán đã sinh
Tâm ấy còn chạy loạn.
Hành giả cần nên biết
Đây chắc sẽ bị lùi
Hành giả, tôi đã nói
Phương tiện bất tịnh lùi
Nếu ở trong thắng đạo
Cũng thoái như trước nói.

-oOo-

Phần 10: PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH

– PHẦN TRỤ

Tôi đã lược phân biệt
Phần bất tịnh thoái lùi
Như kia trụ tướng lỗi
Nay theo thứ lớp nói.
Nghiệp phiền não hành giả
Tăng trưởng đầy bên trong
Không hiểu pháp trí độ
Ngu si trói kiến trụ.
Một phần nhỏ nơi thân
Da sắc hoại nứt nẻ
Không biết pháp thăng tiến
Phiền não tăng nên trụ.
Hoặc có nơi thăng tiến
Khắp thân thấy tướng hoại
Không thể cầu duyên ngoài
Ưa quán trụ trong thân.
Nếu cảnh giới bên ngoài
Tâm hành giả vui tiến
Muốn đi cứ cho đi
Phương tiện chớ bắt trụ.
Chưa thấy nơi rốt ráo
Mà dừng lại nửa đường
Ngu si trụ trói buộc
Như voi buộc vào cây.
Tưởng xương có tướng cứng
Thể của nó rất kín
Các tưởng không thứ tự
Cũng không cầu thăng tiến.
Tâm lại không chán lìa
Cũng không thể quyết định
Hành giả tuy thành tựu
Đường bất tịnh đặc biệt.
Không thể khởi thắng tưởng
Làm cho thân nhu hòa
Nếu thân không nhu nhuyễn
Giác quán ắt không sinh
Không thể sinh giác quán

Nên nói tu hành trụ.

-oOo-

Phần 11: ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN THĂNG TIẾN

Đã nói quán bất tịnh
Lỗi trụ đường phương tiện
Nếu ở trong thắng đạo
Trụ như trước đã nói.
Nay trình bày thứ lớp
Bất tịnh phần thăng tiến
Trước tư duy tổng tướng
Buộc niệm duyên bất tịnh.
Trụ phần nhỏ nơi thân
Quán sát đúng tự tướng
Tự tại và ngoại duyên
Nói hai thứ không cùng.
Ở trong thân hành giả
Tự tại Tam-ma-đề
Siêng tập phương tiện đúng
Chỗ rốt ráo viên mãn.
Ngoại duyên vô lượng là
Cảnh giới bao trùm cả
Từ nơi chánh thọ đó
Không thể đếm dễ dàng.
Lại quán trong thân mình
Đây cũng là vô lượng
Chính ở tại thân mình
Có rất nhiều màu sắc.
Gân dính liền với thịt
Số đếm đều năm trăm
Đề-lại cùng kiến-đại [*]
Đây đều có sáu thứ.
Ba mươi sáu vật uế
Ba trăm hai mươi xương

---

[*] *Đề-lại giống như trái. Kiến-đại giống như ung nhọt đầy cả trong bụng.*

Chia làm chín trăm đốt
Chín mươi ngàn mạch máu.
Khí huyết trong cơ thể
Ba vạn sáu ngàn đường
Chân lông khắp thân thể
Chín mươi chín vạn số.
Trong thân trùng rỉa rúc
Hộ trùng tám mươi ngàn
Trong máu ngoài tinh khí
Hai thứ cùng hòa hợp.
Trước từ Ca-la-la
Thân căn cùng mạng căn
Thân bất tịnh có khởi
Là từ Ca-la-la.
Do kết nghiệp dấy sinh
Ngu hoặc sinh tham đắm
Hai thứ phiền não nặng
Tâm ái, sân, ngu si.
Lúc vừa mới thọ sinh
Dấy hai tưởng điên đảo
Bên trong sinh ái dục
Bên ngoài tưởng sân hận.
Nam có tưởng như vậy
Nữ thì khác tướng trên
Ca-la-la bất tịnh
Ca-la tợ trứng nước.
Trứng nước sinh cục thịt
Lớn dần thành chi tiết
Sinh ra gọi em bé
Lớn lên là đồng tử.
Như vậy lớn dần lên
Thanh tráng gọi trung niên
Đến già hình khô gầy
Lụn dần đến già suy.
Thức diệt thì mạng vong
Thân rã xương trắng hiện
Xanh hủy chi tiết lìa
Nát vụn rồi tiêu sạch.

Mười lăm thứ như vậy
Hành giả quán tự tướng
Mới từ Ca-la-la
Lần đến suy già chết.
Bảy ngày hủy biến dần
Cho đến tan diệt sạch
Đời trước từng tu hành
Mới từ Ca-la-la.
Sinh ra đến già chết
Thứ lớp quán sát kỹ
Tướng xương trắng, xanh, đỏ
Chi tiết đều ly tán.
Xương khô mục rồi tiêu
Cho đến không còn gì
Các vị tu hành này
Tư duy nghĩ bất tịnh.
Lại quán sát từ nhân
Hoặc phương tiện học quả
Thành tựu tuệ thâm diệu
Hiểu rõ nghĩa tướng này.
Quán sát Ca-la-la
Cho đến tất cả phần
Bốn đại tịnh hòa hợp
Tạo sắc năm tình căn.
Vô lượng thứ cực vi
Tất cả từ đó khởi
Rồi lại nên quán sát
Tướng sau khi đã chết.
Mỗi ngày thay đổi khác
Như vậy đến bảy ngày
Không cử chỉ lui tới
Hay ngó nhìn nói cười.
Dáng vẻ bặt hẳn cả
Xả tư thái oai nghi
Tử thi dần dần đổi
Sắc ấy ngày càng biến.
Các màu xanh bất tịnh
Lần lượt lộ hiện ra

Sình to thối rã ra
Chảy tràn lan hôi hám.
Các loài trùng bò ra
Thấy vậy lìa sắc dục
Quán sát chỗ đắm trước
Rã rồi cứ ăn mãi
Văng vãi khắp mọi nơi
Diệt toàn bộ ham muốn.

(Trên nói Đoan chánh chẳng phải căn bản cũng nên gọi là toàn thể)

Tự thấy xương khô mục
Không còn tướng tươi nhuần
Lâu dần nên thô nhám
Lìa ham muốn trơn mịn
Mục nát như bụi trần
Mất hẳn không còn gì
Thành tựu tướng như vậy
Lìa ham muốn hữu hình (*)
Năm dục cũng năm hoại
Tùy bệnh mà chữa trị
Tướng chân thật tương đối
Hành giả chánh quán sát
Sắc biến nếu ly tán
Dáng oai nghi trụ diệt
Khô mòn rồi tiêu ma
Gọi là năm thứ hoại
Chính tự trong thân này
Vô lượng các cảnh giới
Hành giả nhớ nghĩ đúng
Thì sẽ được tự tại
Đã nói hai vô lượng
Tự tại và cảnh giới
Hành giả không tự tại
Cũng đã phân biệt nói
Ở đây niệm bất tịnh
Văn, tư và tu tuệ
Chánh quán mở mắt tuệ

---

* *Hữu hình không hẳn đều là chúng sinh.*

Đây nói có ba thứ
Quán tưởng có hai thứ
Có lúc không trụ tưởng
Đều khai bày tư duy
Hoặc lúc không khai mở.
Tánh thứ ba không dơ
Lìa dơ trụ thanh tịnh
Không tưởng không khai mở
Là tưởng tuệ tu thiền
Khởi thân vui tịch chỉ
Ngoài hai không thể được
Tâm cũng vui vắng lặng
Đây gọi là tu tuệ.
Thân thấm nhuần hòa dịu
Đây là tướng tịch tĩnh
Cả hai hông hòa dịu
Nên biết chẳng tịch tĩnh.
Hai thứ không tịch tĩnh
Một thì trụ an ổn
Đây nói trong sắc giới
Tu thiền phát sinh tuệ.
Một trí quán bất tịnh
Dựa vào mười địa khởi
Căn bản chưa đạt định
Khoảng giữa cũng nói dục.
Thân này trụ một cõi
Cảnh giới ở cõi Dục
Hóa sinh đã mạng chung
Diệt ngay không bất tịnh.
Thân sạch không cấu uế
Không khởi lên nhàm chán
Chỉ quán kia sinh diệt
Tướng vô thường biến đổi.
Bào thai sinh ra thân
Liền có hình tử thi
Đối thân khởi tưởng tịnh
Quán bất tịnh đối trị.
Không mong dừng tham dục

Tư duy tập nhàm chán
Liền có tịnh đối trị
Không quán tưởng nhàm chán.
Giải thoát tịnh phương tiện
Người trí mở mắt tuệ
Đối với duyên bất tịnh
Xương trắng phát ánh sáng.
Từ đó thứ lớp khởi
Sắc xanh cây quý báu
Vàng, đỏ hoặc tươi trắng
Nhành, lá, hoa cũng vậy.
Trên choàng châu anh lạc
Đủ mọi sắc vi diệu
Đây gọi là tu hành
Tịnh giải tướng phương tiện.
Thân bất tịnh nơi ấy
Trang nghiêm hiện khắp nơi
Từng bậc thứ lớp trên
Đốt đuốc tuệ Tam-muội.
Từ đó một thân hiện
Cao lớn trùm khắp cả
Tất cả thân khác khởi
Trang nghiêm cũng như vậy.
Đây là tịnh giải thoát
Phương tiện quán bất tịnh
Nếu trong khoảng chốc lát
Tu tập thắng quán này.
Là thuận lời Phật dạy
Kham nhận tất cả thí
Đức Thế Tôn khen ngợi
Ruộng phước tốt ba cõi.
Nói tất cả tướng khác
Công đức cũng như vậy
Tưởng xương trắng xanh ứ
Thành tựu tâm chán lìa.
Nhân niệm bất tịnh này
Phương tiện vượt các địa
Đó là dừng Thân niệm

Thọ, Tâm, Pháp niệm, xứ.
Noãn rồi đến Đảnh, Nhẫn
Thế gian đệ nhất pháp
Kiến đạo và Tu đạo
Cho đến Lậu tận trí.
Nhân đó vượt phương tiện
Tất cả bậc công đức
Lúc mới quán niệm thân
Cho đến chỗ rốt ráo.
Phật dạy niệm bất tịnh
Tất cả các chủng tử
Thế Tôn nói tham dục
Ham lợi không bờ bến.
Thuốc chánh thọ đối trị
Nên tu tưởng chán lìa
Tất cả phiền não khác
Đều phải nhanh chóng trị.
Tôi đã nói bất tịnh
Pháp phương tiện thăng tiến
Còn các thăng tiến khác
Hành tướng như trước nói.

-oOo-

Phần 12: ĐƯỜNG PHƯƠNG TIỆN TU HÀNH QUÁN BẤT TỊNH – PHẦN QUYẾT ĐỊNH

Phần bất tịnh thăng tiến
Nghĩa tướng tôi đã nói
Nay sẽ nói tu hành
Phần bất tịnh quyết định.
Không bị giới ác buộc
Cũng không nghiệp phiền não
Tâm thuận với giải thoát
Chí thường được vui vẻ
Như vậy tùy thuận sinh
Thô nhám bốn đại diệt
Nhu hòa, vui tịch tĩnh
Tam-muội từ đó khởi.

Từ định sinh trí tuệ
Hành giả hay nhàm chán
Chán vọng tưởng khởi tu
Thì lìa được cõi ái.
Tư duy lìa cõi ái
Giải thoát thật trí sinh
Đã sinh trí giải thoát
Vượt khỏi chỗ trói buộc.
Từ đó được vô vi
Nhất định lìa ba cõi
Đây nói người hành giả
Thành tựu phần quyết định.
Thiên vương năm tướng oai
Quán tướng hoại phiền não
Lậu hoặc suy mỏng dần
Do đó mất hết cả.
Nhân vương có năm tướng
Tướng thú vương cũng vậy
Hiểu rõ tướng các địa
Thì gọi là quyết định.
Đầy đủ bốn oai nghi
Dương oai gầm rống lớn
Một mình bước tự tại
Tướng oai Sư tử chúa.
Trong mười lăm tướng này
Hành giả sinh quyết định
Hay khiến trong địa ấy
Diệt tất cả cấu uế.
Buộc niệm Tam-ma-đề
Thoát khỏi lưới phiền não
Đường ác tưởng bất tịnh
Sinh khởi tâm nhàm chán.
Các tướng xanh ứ đọng
Hành giả khéo quyết định
Lại có ba tưởng khác
Minh tưởng và quán tưởng.
Thứ ba là không tưởng
Tu tập tuệ tịch diệt

Tịnh sắc và tự thân
Dấy lên các phiền não.
Tham dục, sân hận, si
Từ đó chánh quán diệt
Mỗi mỗi các tướng này
Có ba tướng quyến thuộc.
Hay trừ các tham dục
Trói buộc sinh phiền não
Tất cả các tướng này
Xét rõ khéo quán sát.
Đây nói người hành giả
Quyết định tưởng bất tịnh
Lâu dần xương trắng mục
Hiện xương sống gầy mòn.
Rồi nát như bụi trần
Tất cả đều tiêu sạch
Từ dưới thứ lớp khởi
Phương tiện hoại chốn dựa.
Tịnh tuệ như đã nói
Tu hành tướng quyết định
Vô lượng thứ thâm diệu
Tất cả bao trùm khắp.
Quyết định chân thật ấy
Sống như Kim sí điểu
Thứ khởi địa thanh tịnh
Bằng phẳng rất trang nghiêm.
Sư tử chúa dũng mãnh
Ngưu vương hoặc long tượng
Các loại hiểm có này
Tướng quyết định nơi nơi.
Trước sinh từ bất tịnh
Rồi lớn trong bất tịnh
Mới khởi Ca-la-la
Trụ ở trong bất tịnh.
Quán kia trụ bảy ngày
Khoảnh khắc niệm không dừng
Hành giả khéo hiểu rõ
Đây là nói quyết định.

Tất cả phần như vậy
Thảy đều biết nghĩa tướng
Thấy rõ chân thật ấy
Mỗi niệm có sinh diệt.
Nhờ quán tưởng xương trắng
Hành giả giác ý sinh
Hay khởi tưởng giác chi
Nên gọi là quyết định.
Các vị hành giả ấy
Phân biệt ba thứ tưởng
Hoặc có người mới tập
Hoặc đã hành sơ qua.
Hay đã tu lâu rồi
Đây chắc gần quyết định
Tùy theo sức trí tuệ
Hướng đến có sai biệt.
Người mới khởi đạo nghiệp
Tập ít nhưng tâm trụ
Học lâu hay theo duyên
Đây nói ba hạng người.
Mới học gọi "Thỉ chủng"
Thứ hai là "Trưởng dưỡng"
Cuối cùng hay "Xả ly"
Nên gọi là quyết định.
Bất tịnh có hai thứ
Hoặc cộng, hoặc không cộng
Như ba quyến thuộc trước
Đây lìa cộng bất tịnh.
Văn, Tư cùng Tu tuệ
Ba thứ niệm bất tịnh
Tất cả thứ như vậy
Hành giả xét rõ ràng
Khéo phân biệt lìa dục
Đây gọi là quyết định.

-oOo-

Phần 13: TU HÀNH QUÁN GIỚI

Niệm An ban bất tịnh
Lùi, dừng hay tiến lên
Tướng chân thật quyết định
Tất cả phân biệt nói.
Tu hành trong phương tiện
Tướng rộng hẹp sai biệt
Nghĩa vi diệu sâu xa
Nay theo thứ lớp nói.
Trước có nhân tu tập
Niệm An ban bất tịnh
Rồi sau quán các giới
Chóng rốt ráo an lạc.
Dùng phương tiện tự vượt
Khổ này khó thành tựu
Đỉnh đầu, giữa chặng mày
Buộc niệm chớ để loạn.
Tịch chỉ thắm nhuần sinh
Tam-ma-đề tăng trưởng
Chỗ dựa đã nhu hòa
Tam-muội yên không động.
Nhiễu loạn tâm bất tịnh
Người trí điều phục cả
Tâm điều phục được thuận
An trụ nơi tu hành.
Ở đó khởi minh tưởng
Từng phần nơi thân hiện
Bắt đầu một sợi tóc
Nhớ nghĩ tướng như thế.
Một khi thấy tự tướng
Rồi gom chung tóc lại
Thứ lớp ba mươi sáu
Biệt, tổng tướng cũng vậy.
Phật nói ba mươi sáu
Mỗi mỗi có chỗ trụ
Có khi các giới kia
Họp chung lại quán sát.
Cũng như người mắt sáng

Mở kho thấy ngũ cốc
Có lúc lại nghịch thuận
Quán vượt hẳn thứ lớp.
Một giới rơi xuống dưới
Còn bao nhiêu ở trên
Thứ lớp kết liền nhau
Biết rõ từng tướng một.
Tạp sắc, không tạp sắc
Đều quán sát khắp cả
Trụ tâm vào một chỗ
Cảnh giới khắp mười phương.
Mỗi chỗ đặt yên rồi
Dựa đó siêng tu tập
Sợi tóc làm trăm phần
Tư duy nhớ nghĩ đúng.
Lại từ nơi một phần
Phân biệt năm chủng giới
Tiếp ở trên không giới
Riêng quán sát tướng thức.
Hành giả thấy không dơ
Tướng thanh tịnh liền sinh
Ví như bọt nước nổi
Trong suốt không ngăn che.
Nơi ấy quán các giới
Mỗi mỗi thấy tự tướng
Nước ướt đất cứng chắc
Gió động lửa thiêu đốt.
Hư không, không chướng ngại
Riêng biết thức tướng này
Nương xanh, vàng, đỏ trắng
Cùng với sắc pha lê.
Đối với tạp sắc này
Hành giả quán sát đủ
Hư không tướng kiên cố
Rộng trùm khắp nơi nơi.
Khó ngăn dụ Kim cương
Tuệ kim cương hoại được
Ở trên Mạn-trà-la

Tất cả thục tướng hiện.
Ví như lửa thiêu đốt
Hay đốt các chất cứng
Hoặc thấy sinh nghi lạ
Tâm thấy rất sợ sệt.
Người trí biết quyết định
Các công đức tăng thêm
Đã hoại hư không giới
Hay khởi tưởng thăng tiến.
Tan hoại hoặc đầy khắp
Nát vụn như bụi trần
Hành giả thấy chân thật
Liền sinh tưởng giải thoát.
Không giới đã hoại rồi
Các giới trên cũng vậy
Đó là hoại tướng trên
Có các tướng hoại khởi.
Lại còn một thứ khác
Quán các giới ở trên
Thứ lớp bao trùm khắp
Hoại hết như trước nói.
Quán ba mươi sáu thứ
Mười tám và tám loại
Tổng cộng là sáu hai
Thế Tôn lược nói giới.
Sắc hoại có ba thứ
Phạm vi sát-na nhỏ
Vô sắc chỉ có hai
Vô vi không tướng hoại.
Tu niệm cảnh bất tịnh
Thì hay xả tham dục
Thuận quán giới phương tiện
Là thuốc trị ngã mạn.
Quán giới bốn vô lượng
Diệt sạch độc sân hận
A-nan nói lời này
Nên tu năm Niệm xứ.
Thế Tôn bảo A-nan:

Lại có niệm thứ sáu
Tóc, lông, móng, răng, xương
Gân, thịt, da dày mỏng.
Mỡ, tạng, tủy, não, màng
Lách, thận, tim, gan, phổi
Bao tử, đại tiểu tràng
Phân tiểu, mũi, nước mắt.
Các huyết lệ dơ bẩn
Vàng, trắng và đờm dãi
Ba mươi sáu bất tịnh
Quán sát trong ba cõi.
Trong đó ướt là nước
Lửa nóng, đất bền chắc
Các cõi có hình sắc
Trong ngoài tướng lay động.
Thở ra vào nói năng
Tất cả đều thông suốt
Nói chung gồm có năm
Tướng này gọi phong giới.
Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân
Chân lông và yết hầu
Núi non và nhà cửa
Trong ngoài không cản trở.
Tất cả thứ như thế
Đều gọi là không giới
Đối với sáu tình căn
Sinh ra các thức chủng.
Nhiều vô lượng như vậy
Nói chung là thức giới
Phật dạy cần nên biết
Sáu cõi chẳng có ngã.
Chẳng quán tướng ấm, giới
Chấp ngã và ngã sở
Tất cả cõi trong ngoài
Nơi ấy ý hồi chuyển.
Từ đó ý khởi động
Ba thọ mười tám thứ
Sáu xúc và bốn xứ

Những điều Thế Tôn dạy.
Ái mạn và phiền não
Tất cả từ đó khởi
Thân này vi tế hợp
Thân này luống không chủ.
Phi ngã phi chúng sinh
Mê hoặc cho chân thật
Phật dạy La-hầu-la:
Quán giới đều vô thường.
Sáu giới như thế này
Là từ sáu chỗ khởi
Khéo tu sáu phương tiện
Sáu thời đều quán một.
Sắc xứ đều đủ cả
Vô sắc chỉ thức giới
Thức ấy dựa vào xứ
Những cảnh giới hành tướng.
Đối trị cùng bị trị
Biết như thật phần số
Các giới chủng trong thân
Lại tự sinh khổ não.
Ví như nuôi rắn độc
Rốt cuộc bị nó hại
Bốn đại tạo ra sắc
Rồi cùng tạo sắc trụ.
Hòa hợp đắp đổi nhau
Lại bị bốn đại hoại
Phương tiện quán bất tịnh
Trước khởi từ tạo sắc.
Phương tiện niệm an ban
Bắt đầu từ bốn đại
Nếu những vị hành giả
Mở rộng hai phương tiện.
Bốn đại và tạo sắc
Quán sát các hòa hợp
Mới đầu nhập căn bản
Kia trước hoại tạo sắc.
Nhập rồi sau mới quán

Do nơi bốn đại hoại
Định tuệ dần mở rộng
Niệm xứ thành tựu đủ.
Hòa hợp quan sát chung
Tất cả đều tịch diệt
Ba mươi sáu bất tịnh
Hôi thối tiêu diệt sạch.
Ba cùng mười tướng này
Hành giả càng nhàm chán
Phật nói căn bản này
Trái với mọi điều ác.
Bốn mươi chín thứ pháp
Tam-muội từ đó khởi
Hành giả quán sát kỹ
Tự thân và Dục giới.
Vô lượng thứ bất tịnh
Đủ mọi thứ dơ xấu
Bị các khổ bức bách
Lửa dữ rực thiêu đốt.
Tướng vô thường biến hoại
Thấy rồi sinh nhàm chán
Sắc giới loại tương tự
Tướng vi diệu hiển hiện.
Rất cầu mong xuất ly
Tưởng nhàm chán tăng tiến
Hữu giác cũng hữu quán
Lìa dục sinh hỷ lạc.
Tịch nhiên nhập Sơ thiền
Trong ngoài đều thanh tịnh
Sở y và cảnh giới
Như luyện tượng vàng ròng.
Chính mình ở Phạm thiên
Nơi ấy rất vui thích
Lại thấy tướng năm chi
Thân và cảnh giới hiện.
Thứ hai diệt giác quán
Trong tâm tịch một chỗ
Từ định sinh hỷ lạc

Bốn chi trong thân hiện.
Sở y và cảnh giới
Ví như san hô thật
Thứ ba ở ly hỷ
Hành xả niệm tuệ trừ.
Thân thọ lạc Tam-muội
Hiểu rõ tướng năm chi
Sở y: Lưu ly xanh
Trong suốt thật vi diệu.
Duyên từ ít đến nhiều
Các căn thứ lớp khởi
Thứ tư dứt khổ vui
Trước đã diệt ưu hỷ
Xả không khổ không vui
Tịch niệm Tam-ma-đề
Tướng bốn chi như vậy
Hiện thân và cảnh giới.
Diệt thở vào thở ra
Sở y cực thuần bạch
Vượt sắc diệt hữu đối
Đây nói nhập không xứ.
Vượt định không tưởng thức
Vượt thức vô sở hữu
Vượt vô sở hữu này
Phi tưởng phi phi tưởng.
Khéo biết tướng các cõi
Không đắm cũng không trói
Bốn phạm hạnh thanh tịnh
Cao rộng không thể lường.
Từ, Bi đều trùm khắp
Hỷ xả cũng như vậy
Căn bản trong Tứ thiền
Tu khởi năm thần thông.
Tam-muội hiện ra trước
Buộc tâm quán chính mình
Tưởng khinh an nhu hòa
Dần dần không hề động.
Cảnh giới hiện ra trước

Ly địa như hạt mè
Lớn dần như hạt lúa
Cao bằng bốn ngón tay.
Rừng này đến rừng kia
Dần dần theo ý thích
Phi hành và biến hóa
Tự tại không chướng ngại.
Gọi là người tu hành
Sức thần thông vi diệu
Buộc tâm nơi chính mình
Thiền định hiện ra trước.
Rõ âm thanh bên ngoài
Như chính trực tiếp nghe
Buộc tâm ngay chính mình
Thiền định hiện ra trước.
Quán tâm niệm người khác
Nhất tâm đều biết hết
Buộc tâm nơi chính mình
Thiền định hiện ra trước
Nhớ nghĩ sinh thân này
Từ thai đến trung ấm
Dần thấy việc đời trước
Cho đến trăm ngàn kiếp.
Tất cả những việc làm
Nhớ nghĩ biết như thật
Buộc tâm ngay chính mình
Thiền định hiện ra trước.
Quán sát loài chúng sinh
Hình sắc và sinh tử
Tùy theo nghiệp quả báo
Trung ấm sinh năm đường.
Hành giả Thiên nhãn tịnh
Thấy tất cả như thật
Căn bản trong các địa
Vô lượng các công đức.
Tâm hành giả tự tại
Tất cả đều đầy đủ
Đó là "Bát bối xả"

"Thắng xứ" tất cả nhập.
Tướng "bối xả" có năm
Bất tịnh cùng tướng tịnh
Sắc, tướng, thức, phiền não
Lược nói năm tướng này.
Trước thắng xứ tự thân
Nội sắc ngoại thiểu sắc
Hoặc một đẹp một xấu
Ngoài, nhiều, hai cũng vậy
Trong không tưởng có sắc
Ngoài quan sát ít nhiều
Cả hai nếu tốt xấu
Là bốn Thắng xứ trước.
Sau bốn trong không sắc
Ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng
Tất cả nhập bốn đại
Bốn sắc cùng không thức.
Quán ngoài và trong thân
Một tướng không sai biệt
Biện luận trí diệu nguyện
Tam-ma-đề không tranh.
Nghịch thuận cùng siêu việt
Vô lượng cửa Tam-muội
Trí sáng quyết định quán
Đầy đủ cả năm thứ.
Một thân hai cảnh giới
Định tướng bao trùm khắp
Thứ ba nhớ nghĩ đủ
Hành giả xả vui chán.
Thứ tư đủ các địa
Hiểu rõ tướng mười xứ
Ba thừa căn đầy đủ
Là nói đủ thứ năm.
Thành tựu giới phương tiện
Diệt ngu si vô thỉ
Làm cho ý thanh tịnh
Trong sạch như hư không
Các công đức như vậy

Tất cả đều rốt ráo.

-oOo-

Phần 14: TU HÀNH TAM-MUỘI BỐN VÔ LƯỢNG

Người tu hành nếu muốn tu tập tâm Từ rộng lớn thì trước hết phải buộc tâm vào nơi chốn duyên, thâm nhập dần cho đến vô lượng, diệt trừ mọi lỗi xấu ác, tâm không còn hơn thua và cũng không kết oán với ai, thanh tịnh không sân hận. Nghĩa là oán đối với bà con thân tộc thì có ba loại chín phẩm, còn đối với chúng sinh thì vô lượng, vô số, khắp cả mười phương, tận cả ba phần, thuần một hạnh lạc, chỉ trừ quốc độ thế giới. Đối với chúng sinh trong thế giới, duyên chung được thành tựu bao trùm khắp cả. Hành giả tu pháp từ phương tiện, trước hết tâm phải tư duy bình đẳng, duyên chung nơi tất cả chúng sinh. Được như vậy thì tâm mới bền vững, diệt trừ mọi sân hận mà khởi lên lòng Từ bi. Đây gọi là quán chung Tam-muội Từ vô lượng.

Khi quán chung mà còn bị sân hận trói buộc thì đối với người thân nhất trong gia đình tu lòng Từ biệt tướng, kế đến người thân vừa, thân xa và kẻ oan gia thì theo thứ lớp tu tập tâm từ với chín phẩm, dần dần lìa tâm sân hận, phát khởi niềm thương mến và đủ sự vui vẻ. Một khi ba niềm vui cho mọi người rồi, sau đó đối tất cả chúng sinh khởi tâm tạo lợi ích rộng lớn, tu tập ba thứ Từ: Từ quảng đại, Từ cực viễn và Từ vô lượng. Từ bỏ mọi sân hận nghi ngại, trụ vào tâm nhân ái, tùy theo sự thích ứng nơi thiện căn công đức, tất cả pháp Phật đều ban bố cho họ. Nghĩa là ban bố vô số pháp lạc, tu vô số loại Từ, trước nên ban cho niềm vui về xuất gia, rồi ban cho niềm vui về thiền định, chánh thọ. Tiếp nữa, ban cho niềm vui Bồ-đề. Cuối cùng, ban cho niềm vui tịch diệt. Những gì đã trải qua hoặc chưa trải qua, hành giả thực hiện đầy đủ mọi sự an lạc, chính mình được và ngay cả người khác được về thiện căn thanh tịnh, cho đến tịch diệt vô thượng, rốt ráo vô vi. Ý tưởng niệm theo sự tu hành ấy mà vô lượng pháp lạc cùng với tướng chúng sinh hiện ra trước. Khi tưởng lạc đã khởi rồi, mỗi mỗi quán sát nhờ vào tướng tự chứng, liền được quyết định. Cũng như gương sáng nên bóng các vật mới hiện ra. Gương Tam-muội Từ cũng do các việc vui mà mọi tướng vui đều hiện ra cả. Hoặc có lúc hành giả bị sân hận quấy loạn, nên suy nghĩ: "Ta từ xưa đến nay do sân hận này mà gây ra nhiều sự giết hại và các tội nghịch, nên phải bị đọa vào đường ác, chịu đủ khổ độc trong địa ngục lớn, hoặc phải chịu làm các loài như ong, bò cạp, rết, rắn độc, rồng dữ, quỷ La-sát, các loài độc hại như vậy." Ngày hôm nay không lo gấp trừ diệt để phải chịu bức

bách, vậy phải dùng phương tiện này chận đứng mọi sân hận. Lại suy nghĩ: "Kẻ mắng, người nhận, họ và ta đều bị vô thường chi phối, khoảnh khắc không dừng trụ, cả hai cùng là quá khứ. Tiếng ác đã diệt rồi sau lại khởi, vô cớ hai người lại tranh cãi lẫn nhau. Nay mỗi niệm hai người liền diệt, hư vọng không thật, vậy thì ai mắng, ai nghe? Như vậy làm gì có điên đảo? Chấp có ngã rồi đánh nhau với hư không. Nhĩ căn do hư vọng điên đảo mà khởi lên nghiệp phiền não, thiệt căn của người kia cũng như vậy. Nhân duyên sinh diệt thì ai mắng, ai nghe?"

Khi hành giả suy nghĩ như vậy rồi, thì sự trói buộc của sân hận được cởi mở, hành tâm Từ bi, lìa mọi vẩn đục, đạt được thanh tịnh. Như Đức Phật dạy:

"Người tu lòng Từ, thực hành bốn Niệm xứ thì được quyết định, sự tu tập được phát triển, thành tựu vô lượng pháp môn, đạo quả thù thắng vi diệu, không còn bị thoái chuyển nữa."

Đấy là ba thứ phương tiện đại Từ. Nếu đã lìa dục thì lại tu tâm từ thanh tịnh vi diệu, lìa dục vọng, làm cho tâm tạo lợi ích lớn càng phát triển đến vô lượng, chứng được quả chân thật. Nhờ công đức đầy đủ mà sở nguyện về Niết-bàn được rốt ráo. Vì sao? Vì tất cả chư Phật dạy:

–Từ là vô úy, Từ là mẹ của các công đức, Từ có khả năng làm phát sinh tất cả công đức, Từ hay làm tiêu sạch mọi thứ xấu ác, hung bạo. Thế nên hành giả phải siêng năng tạo phương tiện, tu đại Từ ly dục.

Bi vô lượng tức như lòng Từ đối với tất cả kẻ oán người thân trong thế gian này thì Bi cũng như vậy, nên theo thứ lớp mà tu tập.

Đức Phật dạy:

–Làm lợi ích cho khắp chúng sinh thì gọi là tâm Từ, trừ diệt não hại là gọi là tâm Bi. Nếu trước khởi lên tâm tạo lợi ích lớn đối với chúng sinh đem đủ mọi thứ vui ban cho họ, rồi sau quán chúng sinh chỉ thấy thọ lạc thì gọi là tâm Từ. Nếu trước quán chúng sinh chịu khổ vô lượng khổ, liền khởi tâm trừ diệt não hại, sau thấy chúng sinh được dứt hết não hại, khi ấy liền được mọi thứ vui, chứ không phải được cho vui, thì gọi là tâm Bi. Thấy tướng thanh tịnh là từ, thấy tướng hư không là Bi. Hạnh tạo lạc là Từ, hạnh dứt khổ là Bi, thế thì có sự sai biệt như vậy.

Hành giả thấy chúng sinh hung bạo, tranh cãi, giận hờn, tàn sát, giết hại, bức bách lẫn nhau, không che chở cho nhau, thấy như vậy rồi khởi lên tâm Bi che chở cho họ. Lại thấy chúng sinh thân thể bị chém đâm, xẻo tai, cắt mũi, chặt đầu, đau khổ không cùng, không thể cứu giúp được, thấy vậy rồi hành giả khởi lên tâm Bi. Khi trụ tâm bi, hành giả thấy chúng sinh trong

năm đường chịu đau khổ bị thiêu đốt, bức bách khôn lường mà khởi lên tâm Bi, tha thiết mong muốn cứu giúp. Như vậy, lúc hành giả hành tâm Bi, vô lượng thiện căn phát sinh, vô lượng tướng công đức hiển hiện. Nếu thấy chúng sinh chịu vô số khổ não như vậy mà hành giả không khởi Bi tâm, thì đó là con người cực ác, không có thiện căn. Như vậy, đại Bi là pháp tu tập chính yếu của tất cả chư Phật, do đó tất cả biển trí tuệ đều được rốt ráo. Hành giả có khả năng tu tập đầy đủ thì biết rằng không bao lâu chắc chắn sẽ đạt đến nơi chốn ấy.

Hỷ vô lượng nghĩa là hành giả đối với cảnh giới Từ, đem sáu tư niệm và các công đức thiện nơi vô lượng pháp Phật, chính mình phải thành tựu tất cả công đức của Giới, Định, Tuệ, luôn làm lợi ích cho chúng sinh, chính mình vui, người khác vui đều đem ban hết cho họ. Hành giả thấy tất cả chúng sinh được pháp lạc thì tâm sinh hoan hỷ. Khi tâm đã hoan hỷ thì diệt tan mọi lo lắng. Lo lắng diệt rồi thì toàn bộ là sự phấn chấn, hoan hỷ tột bực. Nghĩ rằng: "Vui thích thay! Sẽ được an lạc vĩnh viễn." Một khi hành giả đã hoan hỷ đối với tất cả chúng sinh rồi, thì thành tựu nét vui thanh thoát, trong sáng. Đây gọi là "Tam-muội Hỷ vô lượng".

Như Đức Phật dạy:

"Tu tập phải đạt được Hỷ bình đẳng cho đến Thức xứ."

Xả vô lượng tức là khi đã xả bỏ kẻ oán người thân rồi tâm duyên bình đẳng, đây chỉ là chúng sinh, không có sai khác. Lìa Từ, Bi, Hỷ chỉ làm cho chúng sinh hành động gần với cảnh giới, gần với tướng. Vì thế, Đức Phật dạy:

"Xả hết tất cả, kể cả tướng tự có."

Xả vô lượng không giống với xả bỏ kia, mà là bình đẳng thanh tịnh, lìa tướng khổ vui, xả hiện tướng tương tợ. Đây gọi là Tam-muội Xả vô lượng. Đức Phật dạy:

"Tu hạnh xả vô lượng cho đến cảnh giới Vô sở hữu xứ."

Đã lược nói bốn tướng vô lượng, ngoài ra còn có các tướng sâu xa khác. Hành giả cần theo thứ tự tu tập.

-oOo-

Phần 15: TU HÀNH QUÁN ẤM

Nếu hành giả tích lũy công đức, đã từng tu tập thiền định, nghe ít, chỉ cần ai chỉ bày bổn duyên của mình thì có thể tư duy, quán sát năm ấm, hiểu rõ pháp thâm diệu, diệt trừ được sinh tử. Cũng như trận gió mạnh thổi tan

đám mây dày, cũng đoạn trừ hết tất cả sự vui thích của ma oán.

Nghĩa của pháp quán năm ấm này sẽ giảng nói. Hành giả suy nghĩ: "Chính mình muốn vượt qua biển phiền não thì dứt khoát phải rời bỏ tham dục, phát sinh sự thấm nhuần, tự thân vui vẻ, diệt trừ sự ham muốn thô nhám nơi bốn đại, tùy thuận theo bốn đại mà sinh, thâu phục ý loạn tưởng, hướng thẳng đến cứu cánh, trí tuệ được thành tựu. Nếu nơi chốn của quán căn bản được vững chắc, sáng, tịnh, thì có khả năng diệt trừ mọi phiền não, nhờ đó mà hiện ra các tướng vi diệu, trong suốt như lưu ly, long lanh như bọt nước nổi. Hành giả thấy tướng trong sạch không dơ này khởi lên thì dấy niệm lành và giữ tâm không cho buông lung. Khi đã không buông lung thì tướng thành thục khởi lên, tướng thành thục khởi lên rồi thì tướng hoại hiện. Tướng hoại hiện rồi, chỉ khởi tưởng về pháp tất cả đều tịch diệt." Hành giả thành tựu pháp tướng đầy đủ như vậy thì ý chán lìa càng tăng lên, tinh tấn vững bền, không thể lay động. Khi ấy, chứng được Tam-muội thâm diệu, Tam-muội vững chắc, Tam-muội bất động.

Hành giả trụ vào các Tam-muội này thì có thể khởi lên năm thứ Tam-muội trong sáng chiếu soi khắp năm đường. Đó là Tam-muội Nguyệt quang, Tam-muội Nhật quang, Tam-muội Tịnh lưu ly, Tam-muội Luyện kim quang, Tam-muội Vô cấu pha lê. Nhờ vào năm thứ Tam-muội trong sáng này, lại phát sinh Tam-muội Quang diệu, Tam-muội Biến quang diệu, Tam-muội Vô lượng quang diệu.

Lại nữa, hành giả do năm thứ tướng hoại, có thể hủy hoại các duyên. Đó là một là xuyên thủng, hai là lột bỏ, ba là xé rách, bốn là hủy hoại, năm là tiêu diệt. Do năm tướng hoại này mà phá đi tất cả pháp. Tu hành năm thứ Tam-muội ấy thì cảnh giới bị hoại thảy đều được thanh tịnh, tiếp sinh năm thứ tướng Tam-muội: Tam-muội Sư tử vương, Tam-muội Long vương, Tam-muội Kim sí điểu vương, Tam-muội Tượng vương, Tam-muội Ngưu vương, tâm không còn phóng dật nên khởi lên tướng oai hùng này. Hành giả trụ vào các Tam-muội Thú vương này đều tùy theo mỗi loại mà thâu phục nó.

Lại nhờ vào sức của Tam-muội để quán mười tướng nam nữ khởi lên tùy loại tướng, thâu giữ tất cả chúng sinh khi ấy đều hiện. Nếu có thể phân biệt tướng của các Tam-muội này thì không còn sợ sệt nữa. Đây gọi là công đức tự tại đối với tất cả các pháp.

Lại nữa, hành giả từ cảnh giới minh tịnh, quán sát sự lưu chuyển của ấm, từ một chỗ chia ra làm hai phần. Quán như vậy rồi hợp lại thành một, mỗi mỗi lưu chuyển trong đó. Lại thấy năm tướng, mỗi tướng đều sai khác chia ra thành cảnh giới rồi hợp làm một. Sắc như bọt nước nổi, thọ như

bong bóng nước, tưởng như bóng của dợn nắng, hành như cây chuối, thức như tướng huyễn. Quán tướng huyễn của năm thức hư vọng này luôn luôn lừa dối, dối gạt hành giả. Quán như vậy rồi, thân được an ổn, nhu hòa, an lạc.

Lại quán chỗ khởi điểm, tướng không dơ liền hiện, như bong bóng sạch nổi trên mặt nước phát triển dần cho đến đầy cả thân. Tâm hành giả không còn buông lung, chuyên niệm thọ trì. Hành trì rồi thì tướng thanh tịnh càng tăng trưởng, che khắp cả thân, như bong bóng sạch nổi trên mặt đường, lìa các lỗi xấu ác. Trí vi diệu thù thắng liền sinh thì hoại ngay tướng này. Tướng này đã hoại, dòng nước kia cứ chảy mãi vô lượng, như pha lê trong suốt, cảnh giới trí vô biên từ đó thâu tóm lại thành Mạn-đồ-la.

Lại có tướng khác đầy cả bổn xứ, rồi sau tràn đến mười phương vô lượng thế giới, khi đến mười phương rồi, trụ nơi tự tướng. Lúc này, hành giả thấy rõ vô lượng thứ sắc, cũng như nước từ núi đổ xuống làm sủi bọt, tất cả tướng thọ như bong bóng của trận mưa lớn. Tất cả tướng tưởng như hơi nóng mùa xuân. Tất cả tướng hành như cây chuối, không gì chắc thật, quán sát thức như huyễn hóa. Các thứ hư vọng như vậy chỉ dối gạt kẻ ngu. Đây gọi là tu hành quán tự tướng của các ấm.

Quán tự tướng của ấm rồi, lại đem trí tuệ tự soi thân mình, chuyên niệm quán xét. Khi quán xét thấy tướng rực rỡ giáp vòng khởi lên nơi thân xứ, trong đó có đủ các thứ hoa chen nhau, thanh tịnh vi diệu, ngọc báu nhiễu quanh thân. Lại tự thấy thân đủ các báu xen lẫn, các tướng công đức vi diệu trang nghiêm. Thấy các tướng vậy rồi, mắt tuệ của hành giả được bừng sáng, nhìn thấy chính mình và quán sát khắp tất cả. Quán sát rồi, hành giả lại quán tưởng ấm bên ngoài, lửa mạnh cháy rực, khi ấy liền sinh tâm nhàm chán, tinh tấn dũng mãnh muốn vượt qua biển khổ sinh tử không bờ bến. Hành giả đối với tướng thiêu đốt của năm ấm đã chán lìa rồi, lìa tướng dục vọng thì các tướng giải thoát, tướng Niết-bàn và tướng của tất cả công đức lần lượt hiện ra.

Lại nữa, hành giả quán đủ bảy xứ quán năm ấm với khổ, tập, diệt, đạo. Lại quán do nơi ái mà sinh ra năm ấm nên nhàm chán về tai họa mà xa lìa. Như vậy, trong Chân đế theo phương tiện chủng tử trí tuệ sinh khởi, do đó, bảy chỗ khéo tu đúng nghĩa của ba thứ quán. Quán tự tướng thành tựu, quyết định được vững chắc rồi sau đấy được thanh tịnh, dừng ở tu Chỉ, bước qua tu Tuệ, khi Tuệ đã phát sinh thì cảnh giới bằng phẳng thuần nhất, không xen tạp.

Lại nữa, chứng được Quán thù thắng vi diệu thanh tịnh, tư tuệ quyết

định, sự hưng suy của năm ấm mỗi niệm bị trừ diệt, thấy được tướng chân thật. Ví như người ăn trúng thức ăn có độc tố, ắt phải chết. Hành giả quán sự lẫn lộn của ba tướng nơi năm ấm cũng lại như vậy, một niệm sinh, một niệm khổ, tức là khi chỉ một niệm cũng sinh, cũng trụ, cũng diệt. Khi niệm kia sinh liền cùng với khổ sinh. Thế nên mỗi niệm mỗi niệm liên tục. Hành giả quán năm ấm với những sinh diệt, phá hoại, hư dối, vô thường, lỗi lầm của năm ấm như vậy, liền khởi lên hạnh vô thường, hạnh khổ, hạnh không, hạnh vắng lặng, hạnh vô ngã, là pháp vỡ lở là pháp không thật, pháp chóng mục nát và pháp hủy hoại. Như thế là đúng nghĩa vô thường, như trong kinh giảng giải rộng, cho đến cả trăm câu. Hành giả phải thực hành hết các tướng, biết rõ chỗ chân thật của các pháp thì liền được giải thoát, ở vào ngôi chánh định của Hiền thánh mà tu tập pháp quán tưởng này. Quán tướng vô thường ấy nên khởi lên nỗi lo chán cực độ, thấy chỗ lỗi lầm của pháp hữu vi, không vui thích ba cõi.

Lại nữa, hành giả nếu quán sinh thì không diệt, nếu quán diệt thì không sinh, như thế, thì không sinh Thánh hạnh, cốt yếu là phải nhất tâm nhất tướng, hướng thẳng đến giải thoát, sau đấy trí tuệ phát sinh, đấy mới là Thánh hạnh quyết định. Thánh hạnh đã khởi thì tất cả pháp tướng đều hoàn toàn tịch diệt. Si, ái, phiền não và các tội nhơ bẩn, có thể chuyển thành khổ ấm thảy đều được diệt trừ, diệt rồi thì điều phục được tâm, là thấy rõ năm ấm không có ngã và ngã sở. Dùng các hành vô thường để quán sát khổ ấm. Quán sát khổ ấm có tám khổ bức bách, đối với tướng của tám khổ thành tựu tám hạnh. Đó là như bệnh, như ung nhọt, như đâm, như giết hại, vô thường, khổ, không, vô ngã. Như vậy là có bốn thứ thánh hạnh và bốn phi Thánh hạnh, đối với khổ ấm quyết định quán về chỗ chân thật. Như vậy là bốn Đế, mười sáu Thánh hạnh là tướng tu hành ban đầu của pháp Noãn, đối với chân đế, hành giả đạt được trí tuệ chân thật. Quán sát khổ ấm như hòn sắt nóng, cũng không có bền chắc. Biết được như vậy, hành giả hướng thẳng đến Niết-bàn, quay lưng với sinh tử, không ham sự hiện hữu, không đắm sự sinh khởi. Ví như bầy thú bị thợ săn vây ngặt, vì sợ sệt nên chúng nỗ lực gấp rút để vượt khỏi vòng vây. Hành giả thấy sự thiêu đốt, vây bức của sinh tử nên đem hết sức trí tuệ, nhàm chán, quyết vượt khỏi vòng vây của sinh tử.

Lại nữa, hành giả khi phát sinh Tư tuệ, chủng tử nơi pháp Noãn khởi, dừng ở tu chỉ, bước sang phát triển tu tuệ, Noãn chủng càng tăng trưởng, đến tự địa của Noãn, tướng của Noãn đầy đủ, thì lúc dừng ở tu Chỉ, bước sang phát sinh tu Tuệ, chủng tử nơi pháp Đảnh khởi. Khi pháp Noãn sinh,

chủng Đảnh tăng trưởng, đến tự địa của đảnh tướng của đảnh đầy đủ. Khi pháp Noãn sinh, chủng tử của pháp Nhẫn khởi. Lúc pháp Đảnh sinh, chủng tử của pháp Nhẫn tăng trưởng, đến nhẫn tự địa tướng của nhẫn đều đầy đủ.

Lại nữa, vui đối với năm ấm thì gọi là pháp Noãn. Pháp Noãn quán năm ấm có niềm vui đối với Tam bảo thì gọi là Đảnh của pháp Đảnh. Pháp quán mười tám Giới có niềm vui đối với bốn Đế gọi là Nhẫn của pháp Nhẫn. Pháp quán mười hai Nhập đến quán ba thứ, tùy theo thiện căn của hành giả mỗi lần tăng lên, cho nên nói là có sai biệt. Tất cả đều quán khắp Chân đế, chỉ có Nhẫn đối với quán chân thật là tăng lên, nên tưởng về pháp Noãn tăng, pháp Đảnh thì tín, hoan hỷ tăng pháp Nhẫn thì trí tuệ tăng.

Lại nữa, hành giả có ba thứ duyên, đó là các phương trên, dưới và ba thứ căn lành, dựa vào ba duyên này mỗi một đều tăng lên cho nên được nêu ra.

Lại nữa, ba thứ tu Noãn dựa vào Đảnh để chán lìa, dựa vào quán về Hỷ - Nhẫn, dựa vào Xả bình đẳng, cũng tùy vào thiện căn của hành giả mỗi một tăng lên, cho nên được nêu ra. Nên biết, một thứ tu tập tận cùng thì thành tựu được ba pháp.

Lại nữa, hành giả nên biết, ví như có người bị năm giặc oán rút đao rượt theo hăm he muốn giết, tướng chuyển của năm ấm trước sau bức bách cũng như vậy.

Đức Phật dạy:

–Muốn cầu A-tỳ-tam-ma-gia(*) thì phải nên thực hành Đạt-ma Ma-na-tư-già-la(*).

Thường quán nghĩa chân thật, dùng đao Thánh hạnh chém đứt giặc ấm, không phải như kẻ yếu hèn không nắm nổi đao gậy nên rốt cuộc bị giặc bức hại. Đến như vị Hiền thánh mà còn siêng năng tu tập chánh quán như vậy, là vì các ngài muốn có được hiện pháp lạc, vì đời sau mà làm gương sáng lớn và đoạn trừ tất cả nguồn gốc khổ đau, đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh, huống chi là hàng phàm phu không chứng đắc được gì, mà cứ buông lung, không lo siêng năng tu tập.

-oOo-

---

* *Đây là tên gọi của Kiến đạo.*

* *Đạt-ma: Pháp, nghĩa là pháp bậc nhất của thế gian. Ma-na-tư-già-la nghĩa là Nhất kinh tâm, cũng gọi là tư duy.*

Phần 16: TU HÀNH QUÁN NHẬP

Sáu nhập đều ở nơi cảnh giới, luôn trói buộc tâm tham dục, ngu si của chúng sinh, vậy nên phải thường khởi ý tưởng thanh tịnh. Hành giả nên biết! Đối với cảnh giới của các căn ngăn chận phi pháp, thâu tóm tâm theo nơi chốn duyên, buộc nó khiến cho không động, quán đúng về sáu nhập ví như làng xóm bỏ trống, lìa ngã và ngã sở, là nghĩa bất định, là nghĩa xứ của nhập là nghĩa dẫn dắt đi xuống, là nghĩa xứ của nhập hay đưa chúng sinh vào đường ác. Lại, tướng của nội nhập như đốt đập sắt, như kiếm thật bén cũng như dao bén.

Đức Phật dạy:

–Nếu quán xét về tướng của chúng thì có thể xa lìa.

Lại nữa, quán ngoại nhập như giặc ác cướp các thứ châu báu thiện. Nếu hành giả xả chánh niệm, mở các cửa nhập, giong ruổi theo sáu cảnh thì bị giặc ác sáu cảnh cướp đoạt tịnh giới, mất các công đức. Như chim không có hai cánh mà muốn bay trên không, người không hai chân mà muốn đi xa. Người tu hành cũng vậy, phá hủy công đức tịnh giới thì hai cánh Chỉ và Quán vĩnh viễn không thể mọc lại, muốn vượt qua sinh tử, nhưng rốt cuộc không thể được. Như bình bị vỡ, muốn đựng đầy nước dù trong chốc lát cũng không thể. Tỳ-kheo phá giới cũng lại như vậy. Nước pháp Tam-muội chỉ trong khoảnh khắc một niệm cũng không trụ. Như khéo giữ bình Thiên đức không cho vỡ, nó luôn tuôn ra châu báu tùy ý, không cùng tận. Tu hành cũng như vậy, không hủy phạm tịnh giới thì thường hiện ra báu công đức Thánh nên xem thường và phá hủy bình đức thì châu báu liền diệt. Nếu phá bình giới thì vĩnh viễn mất đi pháp bảo. Ví như người bị sứt mũi soi gương, chắc chắn không vui vẻ gì. Tỳ-kheo phá giới cũng như vậy. Bên trong, tĩnh giác thâm tâm nhưng chẳng tự vui. Trăm thứ lúa thóc, thuốc men, cây cỏ đều nhờ vào đất mà phát sinh, tất cả công đức lành cũng đều dựa vào giới tịnh. Như bột chiên-đàn xoa vào thân thì trừ hết mọi nhiệt não. Giới thanh tịnh, mát mẽ hay chấm dứt lửa dục. Như ngọc báu như ý đem treo chỗ nào nóng bức thì nơi ấy liền được mát mẽ. Tịnh giới cũng như vậy, ở trong lửa phiền não có khả năng dập tắt sự thiêu đốt.

Tỳ-kheo phạm giới tự suy nghĩ: Tội nặng, nên sau khi chết, chắc chắn bị đọa vào đường ác, tâm luôn lo lắng hối hận, lúc sắp chết thì hoảng sợ. Người giữ giới thanh tịnh tâm luôn hoan hỷ, sống thì không lo lắng, hối tiếc đến khi chết thì an lạc. Tịnh giới là cái thang để có thể bước lên nhà trí tuệ. Giới là vật dụng để trang nghiêm, cũng là binh khí tốt để bảo vệ. Giới

có năng lực đưa con người đến Niết-bàn. Giới là thửa đất màu mỡ phát sinh mười thứ chủng tử tốt. Thầy dạy giới là như nước tùy thời tưới bón, tín căn liền sinh. Ấm vô lậu là gốc, bốn như ý túc là mầm, tâm Từ là cành, nhánh, thiểu dục tri túc là cành lớn lá, bảy Giác ý là hoa; trí giải thoát là quả, pháp tịch diệt là cam lồ. Hương giới tỏa ra xông khắp tất cả. Điểu vương Hiền thánh đậu nghỉ nơi ấy. Bi là bóng râm mát mẻ che trùm khắp cả. Pháp sư biện tài vua ong mật, âm thanh hòa vọng tiếp nhau, thỉnh thoảng ra vị tinh thuần. Cây kia cao thẳng, vững chắc không có dối trá quanh co, bệnh tật, đây gọi là đại thọ công đức. Những vị hành giả muốn hướng đến Niết-bàn, đẩy lùi mọi khổ đau của ba cõi, thẳng tới thành giải thoát, dần dần các công đức càng phát triển, dừng nghỉ bên gốc cây ấy, uống pháp cam lồ trừ khát của ba thứ hoạn họa, thân này được an ổn, có thể đi đến Niết-bàn.

Lại nữa, giới thì số lượng rất nhiều, hoặc một, hai, ba, bốn, hoặc bảy, cho đến mười hai, hai mươi mốt... Nếu trong khoảnh khắc của mỗi niệm tức có vô lượng chủng loại giới: Đạo cộng, Định cộng, đều sinh ra giới. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng cùng với tâm hồi chuyển. Quán các giới ấy, tướng của chúng đều khác biệt. Hoặc thuần thanh tịnh không vẩn đục. Hoặc nhẹ nhưng sáng sạch. Như vậy, giới tướng thanh tịnh hiện ra ở cảnh giới. Hành giả dựa nơi duyên để niệm về ba xứ, quán xét về giới tướng. Nếu hương xoa mịn màng lìa dơ bẩn, tạo vui vẻ, trong sáng, thuần khiết, thanh sạch, đấy gọi là tướng trong chỗ nương dựa. Hoặc đất ấy bằng phẳng, rộng rãi với hoa đẹp, vật dụng báu, tô điểm bằng các thứ báu trơn láng, đấy gọi là tướng trong cảnh giới tu hành. Ví như con ly ngưu luôn bảo vệ đuôi của nó, lỡ một sợi vướng vào cây, thì nó đứng chết tại gốc cây đó, chứ không cho đứt lông. Tỳ-kheo giữ giới cũng như vậy, dù là một giới nhỏ cũng phải giữ cho đến chết, quyết không phạm. Tướng vi diệu trang nghiêm thân, đầy đủ các vẻ đẹp, cũng như trăng mùa thu chiếu sáng trong hư không. Hành giả tu tập Tam-muội quán tướng thanh tịnh này rồi, mãi cho đến mạng chung cũng không hối tiếc, cũng không nhiệt não, không sợ sệt. Vẫn luôn an vui, hoan hỷ, phấn khích cứ tăng mãi. Cứ như vậy, hành giả phát sinh sự tịch tĩnh an lạc, diệt trừ sự thô nhám nơi bốn đại. Như vậy gọi là tướng trong sự tu hành, nhớ nghĩ.

Lại nữa, trong ba thứ lại có tướng xen tạp làm nhiễu loạn, cản trở, mất chánh niệm, ý không dừng trụ. Hành giả thỉnh cầu sám hối tội lỗi, trọn đời không tạo những nghiệp ác bất thiện, cho đến trong giấc mộng cũng không phạm. Như vậy, việc thọ trì giới càng phát triển lên.

Đức Phật dạy:

–Giới là tràng hoa và hương xoa, là các vật dụng để trang nghiêm.

Gió hương thơm một phương thổi đến ngát cả thế giới, các nơi thổi đến thì ngát hương thơm giới đức. Hoặc là thân không có tay, chân, mắt, tai, mũi, lưỡi... tất cả chi tiết đều không nguyên vẹn. Hoặc thân bị chìm đắm trong phiền não bụi bặm. Hoặc quán xét tự thân lìa mọi trần cấu, tắm rửa, xoa hương vào thân, mặc các thứ y phục nổi bật. Đây gọi là tu hành, từ chỗ nương tựa vào duyên để nhớ nghĩ, quan sát.

Giới có nhiều thứ tạp tướng, oai nghi, định cộng giới, đạo cộng giới, ba thứ giới ấy thảy đều lấy từ trong đó ra để nói. Ba thứ giới này lại có vô lượng các tướng sâu xa vi diệu, người trí sáng suốt nên diễn giảng cho rộng rãi. Hành giả đã quán về tịnh giới, muốn phá các núi nhập, cần phải tu hai pháp: Chỉ và Quán. Trước nên quán xa lìa các điều ác, thân lúc nào cũng đầy niềm vui vẻ, diệt trừ sự thô nhám nơi bốn đại, sự nhu thuận nơi bốn đại sinh, hướng thẳng đến sự an lạc của tịch tĩnh, nhất tâm, không loạn động, tự nơi nội thân buộc tâm vào tướng nhập. Cần phải khéo bảo vệ chỗ dấy khởi của tướng nhập, lúc quán sát, tướng bạch tịnh khởi lên, Tỳ-kheo khi thấy tướng ấy phải khéo giữ gìn, như lời Phật dạy. Ví như gà mẹ khéo biết cách che chở đàn con, nhất định thành tựu, Tỳ-kheo tu hành cũng như vậy, phải chuyên tinh giữ gìn mới được thành tựu. Khi ấy, tướng của mười hai quả tu hiện ra rõ ràng, hành giả khéo bảo vệ, xa lìa mọi buông lung, thì sự tu tập đạo quả mới thành tựu. Cảnh giới thanh tịnh vi diệu lìa các thứ cấu uế, sáng như viên ngọc báu, long lanh như giọt nước đọng, cảnh giới rộng khắp thân xứ, chỉ một phần nhỏ hiện bày tận phương xa, rồi sau lại trở về. Về rồi, một tướng hiện ra, lại chia làm hai, rồi hợp lại làm một, thành cảnh giới Mạn-đồ-la, an trụ bằng phẳng hiện khắp các tướng. Cũng như các ngôi sao, hàng lớp phát ra ánh sáng, rồi sau đó mới lặn, lặn rồi mỗi mỗi đều hiện ra, hợp lại làm một, rồi lại tràn ra khắp các phương. Hiện khắp các phương rồi, lại về trụ nơi an ổn vững chắc. Trụ rồi, tướng thành thục hiện, tướng thành thục hiện rồi lại có vô số các tướng hiện khắp, trải rộng ra, các vật dụng y phục vi diệu, các tướng kỳ lạ đặc biệt đều hiện. Cảnh giới của nội nhập như làng xóm trống vắng. Ngoại nhập là sắc, thanh, hương, vị, xúc và ba đời với ba thứ pháp thiện, bất thiện, vô ký, tất cả đều hiện nơi quán chân thật ấy.

Lại nữa, sáu nhập bên ngoài như giặc, sáu nhập bên trong như xóm làng trống vắng. Cũng nói nhập trong ngoài là bờ bên này, bờ bên kia. Mười hai nhập ấy với các tướng thù thắng vi diệu phát triển đến vô lượng. Điều

này trong kinh Phật đã giảng nói rộng.

Lại nữa, hành giả đối với cảnh giới ấy, tướng thành thục khởi lên, khởi rồi lại hoại, từng chặng có tướng đoạn lìa. Tướng đoạn lìa chảy đi thật xa rồi dừng trụ một chỗ. Như bình quý đựng đầy nước rồi sau mới mở ra, dần thấy tịch diệt. Tịch diệt rồi lại có tướng của tất cả công đức khác phát sinh, trong các môn nhập, thường hiện ra các tạp tướng. Ra rồi, mỗi mỗi lại ở một chỗ, kết thành Mạn-đồ-la. Trên Mạn-đồ-la lại có tự tướng khởi lên, khởi rồi lại thành thục, thành thục ấy không lâu thì tịch diệt. Sau đấy hành giả lại gia tâm tinh tấn, liền hiện tướng thiền thanh tịnh vi diệu. Hiện rồi lại tịch diệt, như các thứ lớp trước.

Lại nữa, hành giả ở trong các nhập có vô số các tướng vi diệu, buộc tâm vào đó thì tướng quyết định liền khởi. Đây gọi là viên minh châu trong búi tóc, dụ cho Tam-muội. Hành giả quán thân mình chia làm hai phần, trên các bảo tạng có hoa sen báu, hành giả thấy mình ở trên hoa sen, lại có các hoa báu vi diệu trang nghiêm xung quanh.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn trong kinh nêu dụ về sáu thứ của chúng sinh, từ đó hành giả quán xét đầy đủ: mắt là chó, đuổi chạy vào thôn năm sắc. Tai là chim bay theo âm thanh trống rỗng. Mũi là rắn độc chui vào hang thơm. Lưỡi là chồn hoang, đắm vào năm vị thây chết. Thân là Thâu-thu-ma-la thường vui bám theo biển xúc. Ý là khỉ vượn luôn vui nhảy theo rừng pháp pháp ba đời. Nếu sáu căn của chúng sinh bị buộc chặt vào một chỗ, không cho nó luông tuồng chạy theo chỗ vui thích, tức là hành giả dùng chánh niệm của Tam-muội trói chặt sáu căn, không cho nó mặc sức chạy theo các duyên, sau đấy dùng trí thanh tịnh quán pháp chân thật. Phàm phu ngu tối đối với sáu cảnh tham đắm, mong muốn về vô lượng pháp ác. Hành giả quán đúng như vậy thì nhất định trừ diệt được tất cả sự vui đắm nơi cảnh giới, luôn là mối gây ra chướng ngại không thể đến Niết-bàn của chúng sinh. Thế nên hành giả muốn phá trừ sinh tử để hướng đến Niết-bàn thì phải hàng phục các căn, rời xa cảnh giới bên ngoài.

-oOo-

Phần 17: TU HÀNH QUÁN MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Đã nói các đối trị và đối tượng được đối trị rồi, sự đối trị ngu si này cần phải phân biệt. Tất cả chư Phật tuyên thuyết pháp duyên khởi là để diệt trừ sự ngu si và làm phát sinh trí như thật cho tất cả chúng sinh. Còn pháp sâu xa vi diệu tùy thuận công đức thì nay sẽ lược nói, khiến cho công đức của các vị hành giả càng phát triển mạnh lên. Diệt trừ mọi thứ tối tăm, nên

quán sát duyên khởi, tránh xa các tưởng về nhị biên chấp thường và đoạn. Hành giả phải biết rằng do nhân duyên hòa hợp các pháp hữu vi mới sinh, cần phải hàng phục những kẻ mê lầm theo ngoại đạo, đã dẫn dụ khiến họ thuận theo. Đệ nhất pháp không, mắt tuệ sáng, sạch, diệt trừ vô minh hắc ám. Hành giả quán sát duyên khởi có bốn thứ: một là liên phược, hai là lưu chú, ba là phần đoạn, bốn là sát-na.

Liên phược có sáu thứ: một là sinh, hai là phần, ba là thú, bốn là sinh môn, năm là sát-na, sáu là thành hoại.

Sinh nghĩa là: Từ tử ấm dần đến trung ấm, trung ấm dần khởi lên sinh ấm. Thân trung ấm của chúng sinh bị vô minh làm hôn loạn, ngu si mờ mịt, tạo ra nghiệp hữu lậu. Thân trung ấm của chúng sinh thấy nam nữ giao hợp, vì kích tố vô minh làm tăng lên nên sinh tưởng điên đảo. Hoặc sinh tưởng hại, hoặc sinh tưởng luyến ái, muốn cùng với người nữ kết hợp thì đối với người nam, sinh ra tâm hại, sau đấy thấy mình với người nữ giao hợp. Lúc đó tâm dục say mê, gọi là thân ái khởi, thấy hòa hợp bất tịnh cho là mình có, đây gọi là thân mạn khởi. Nhờ thức ăn của mẹ mà được phát triển, làm cho thân lớn lên, gọi là thân thực khởi. Bốn đại cùng với Ca-la-la là câu sinh, được báo thân, gọi là thân bốn đại khởi, kết nghiệp làm phương tiện đã qua hai chi, thứ lớp thức chủng sinh. Đây gọi là chủng tử thức, lúc đầu ở Ca-la-la, tâm ấy chìm đắm một ít nơi chỗ nhận biết nên tri thức không sáng suốt, lanh lẹ, đây gọi là Ca-la-la sinh đắc. Vì sự nhận biết đã sáng suốt nhạy bén nên gọi là Thức. Đây gọi là sinh của liên phược.

Phần đoạn nghĩa là từ Ca-la-la tiếp nối khởi lên cục thịt, thành chi tiết lớn chắc, rồi thành em bé, kế đến là thành niên, suy, già, lần lượt hiện ra. Đây gọi là phần liên phược.

Thú nghĩa là hiện khắp đến các cõi. Hành giả quán sát tướng các nẻo. Đây gọi là Thú liên phược.

Sinh môn nghĩa là bốn loài luân hồi liên tục không dứt. Đây gọi là Sinh môn liên phược.

Sát-na nghĩa là quán năm ấm, mỗi niệm sinh diệt tương tục, không gián đoạn. Đây gọi là sát-na liên phược.

Thành hoại nghĩa là tất cả sự khởi diệt, kiếp số, đầu cuối của thế giới, hành giả quán sự thành hoại tương tục ấy gọi là Thành hoại của liên phược.

Đó chính là hành giả quán liên phược của duyên khởi.

Lưu chú nghĩa là hành giả quán sát-na chuyển đến đát-sát-na, cho đến la-bà-na-ma-hầu-lộ-đố. Đây gọi là phần lưu chú Ca-la-la, lưu chú bảy ngày, cục thịt nổi lên rất cứng chắc, mãi cho đến phần suy già. Đây gọi là lưu chú

khởi phần, trụ phần, khởi duyên phần, nhập phần, xuất phần, phương tiện phần. Tất cả chánh thọ, khéo léo lưu chú thứ lớp khởi lên đều gọi là lưu chú. Các nẻo xoay chuyển như vòng lửa xoay tròn, gọi là lưu chú. Tất cả có vô lượng lưu chú như vậy, thế nên hành giả phải quán duyên khởi.

Phần đoạn của lưu chú nghĩa là hành giả quán sát từ phần này đến phần khác cho nên gọi là phần đoạn. Có thể biết như vậy thì mới thành tựu được duyên khởi.

Nói vô minh tăng thượng, cũng giống như người mù không thấy gì cả. Như khối đen lớn rời xa ánh sáng, hoặc ở trước không thấy, hoặc ở sau không thấy, như vậy là mù cả. Nếu trước sau không thấy thì cả hai đều mù. Nếu lìa được hai thứ mù đó thì bỏ được tối tăm ngu si, thành mắt tuệ sáng, thanh tịnh. Như vậy là ngay cả đến Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo mà cũng không biết thì đây gọi là mười thứ si. Khi diệt được mười thứ si này thì gọi là mười thứ tuệ. Đức Phật nói:

"Vô minh là giống nhân đầu tiên gieo trồng ba thứ nghiệp."

Nếu hành giả không biết lỗi lầm của vô minh tức là gieo trồng ba thứ nghiệp, một khi nghiệp đã khởi rồi thì từ đó sinh ra thức. Các thức như huyễn, mọi thứ đều hiện ra cả. Từ thức tương tục khởi lên danh sắc, nơi một thân kia mà có hai tướng. Ví như vật bị trống rỗng, hư nát, thối rã, bên trong các loài trùng làm cho bên ngoài lay động. Cũng như loài tằm lúc đầu tạo ra kén, hai tướng danh sắc cũng vậy. Cho đến khi các căn chưa thành thì gọi là hai tướng danh sắc. Còn lúc các căn khai mở thì gọi là lục nhập. Các căn mới mở chưa có cảnh xúc tác, vì ngu si nên đối với xúc không biết thích hợp hay không thích hợp, như giọt mưa nối nhau rơi xuống tạo thành bong bóng nổi lên. Tình cảm sinh ra xúc cũng như vậy. Cảnh trần bên ngoài chạm mạnh vào thân, làm cho xúc từ bên trong khởi lên. Cũng như dốt đèn là nhờ có đủ dầu mới cháy. Đây gọi là hành giả quán tưởng nơi cảnh giới xúc. Tướng xúc khởi rồi, thứ đến sinh thọ, ví như bọt nước, ba thứ tướng hiện, nếu phân biệt rõ các căn thì có năm thọ. Thọ khởi rồi kế sinh khát ái. Ví như lưỡi liếm mật dính trên dao, dao ái làm lớn các phiền não, gọi là thủ. Thủ sinh hữu, có ba thứ nghiệp, nghiệp chịu quả nơi vị lai nên gọi là hữu. Chủng đã sinh mà chưa thọ thì gọi là vị lai sinh. Khi sinh đã thành thục nên gọi là lão tử. Khi nói về hai chi nơi vị lai sinh thì tướng sinh phát triển. Phật dạy:

"Khi nhận biết về phần thức vị lai sinh, gọi là sinh. Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ gọi là lão tử. Ái, thủ, hữu của đời trước hay chiêu tập nghiệp, cho nên nay chịu nghiệp hữu", đối với sinh này là quá khứ. Ái, thủ là phiền

não, nên nói là vô minh. Hữu tức là hành, ba chi hiện tại có khả năng gieo chủng tử vị lai. Hai chi quá khứ quay cuồng nơi sinh tử. Vì vô minh che lấp nên chúng sinh bị luân hồi trong đó. Sự sai biệt của mười hai chi gồm: Tám hiện tại, hai quá khứ, hai vị lai. Phân biệt rõ như vậy, hành giả nên biết khi chuyển thì tất cả đều là mười hai.

Lại nữa, có các phần nhân duyên khác, nay sẽ nói. Từ Ca-la-la phát triển dần thành cục thịt dày chắc, rồi tiến đến là các chi tiết, thành em bé, lớn lên là tráng niên, chuyển sang giai đoạn già, suy, chết, như vậy là mười thứ phần quán sát duyên khởi.

Lại nữa, đối với phần khởi trụ và khởi duyên phương tiện nhập xuất, cho đến tất cả phần còn lại đều quán duyên khởi. Lại nữa, việc này khởi cho nên việc kia khởi. Nghĩa là nhãn đối với sắc trần phát sinh nhãn thức. Ba việc hòa hợp xúc sinh thọ, tưởng và tư. Đây là hành giả quán dị chủng nơi duyên khởi.

Lại nữa, hành giả theo phương tiện quán duyên khởi của các nhập, dùng cảnh giới sáng, sạch, tự xoay về quán các môn nhập. Thấy như vậy rồi, đều quán về xứ của tự tướng, phá các núi nhập với vô lượng tích tụ, lúc này tướng thành thục dấy khởi, hiện bày đầy khắp mười phương tận cùng cảnh giới của trí. Đến đó hành giả quán sát, trí sáng thăng tiến, khéo trụ vào phương tiện thiện xảo, từ đấy mà văn, tư, tu tuệ, tướng thành thục, tướng hại thứ lớp khởi lên. Các nghĩa thăng tiến còn lại như đã nói nơi phần nhập xứ ở trước.

Lại nữa, việc này có nên việc kia có, việc này khởi nên việc kia khởi. Nghĩa là, hành giả quán nội thân hoại rồi quán ngoại sắc, cũng như soi gương nhờ cảnh vật mà bóng hiện ra. Như vậy, khi tướng của chỗ nương dựa khởi thì ngoại tướng cũng khởi.

Lại nữa, hành giả quán các thứ bất tịnh, duyên khởi ấy trước ở nơi phương tiện, buộc niệm cho vững chắc, sau đấy chia từng chi tiết để quán về chỗ duyên khởi của chúng. Khi minh tướng khởi lên thì tướng vô minh liền hoại. Dựa theo xương chân, xương đầu gối, xương háng, xương bả vai, xương cổ, xương đầu, tất cả đều hiện bày khắp mười phương, tướng của nghiệp hữu lậu hiện khắp, ở dưới từng bậc lần lượt khởi lên các tạp tướng bất tịnh.

Lại nữa, hành giả quán bốn nhân hay sinh ra các khổ: Nhân lần lượt mở rộng nhân gần gũi, nhân trùm khắp và nhân không cùng.

Lại nữa, hành giả quán quả là từ nhân sinh, sinh từ nhân hữu, hữu từ nhân thủ, như vậy cho đến hành từ nhân vô minh, hành là quả cũng là nhân,

từ nhân suy ra quả cho đến già chết cũng lại như vậy. Nếu từ vô minh mà tìm nhân, thì tất hết sức sợ sệt, mà khởi đoạn kiến. Kẻ tối tăm vô trí dù có sáng đi nữa cũng chỉ lóe lên như ánh đom đóm, như vậy lại vẫn cầu nhân không dừng, chỉ thấy mình gắn chặt với khối hắc ám dày đặc.

Đức Thế Tôn dạy:

–Chúng sinh do tư duy không đúng, nếu gắn chặt với khổ thì mãi luân chuyển trong sinh tử.

Vì vô minh trói buộc cho nên luôn bị luân chuyển, vô minh là nguồn gốc, còn chỗ tạo tác của các chi khác đều có tướng hiện. Tất cả chi hữu quay vòng thì vô minh là sự chi phối bậc nhất. Sức chi phối đó đối với các chi kia như kẻ nô bộc lệ thuộc ông chủ. Vì thế, đây không nên kia không, đây diệt nên kia không chuyển. Nên biết các chi khác đều nói như vậy. Tử có bốn thứ: một là chết dần dần, hai là chết tức thì, ba là chết khi hành dứt, bốn là chết trong từng sát-na.

Lại nói có ba thứ vô thường: một là Sát-na vô thường, hai là Phần đoạn vô thường, ba là Chủng loại vô thường. Hành giả khi đã hiểu rõ về vô thường này thì xa lìa được sự phá hoại của bốn ma vô minh, minh tướng hiển hiện, như đèn sáng xua tan bóng tối, cho đến lão tử diệt. Các minh tướng khởi lên cũng lại như vậy. Phá tan các sự tích tụ của vô minh rồi thì thành tựu cảnh giới một tướng thanh tịnh vi diệu, lúc này thân sắc hành giả nhu hòa, thắm nhuần ánh sáng, thắm nhuần ánh sáng rồi, thân tướng hết sức minh tịnh, như hình bóng trong gương sáng. Như vậy là quán tưởng hiện minh tịnh rồi thì các vật trong thân mỗi mỗi tự tướng đều hiển hiện. Quán thành tựu như vậy thì gọi là từ cảnh giới mà được vượt qua. Vì sao? Vì có năm thứ si với năm tướng đối trị: một là giới, hai là nhập, ba là ấm, bốn là ti tiện, năm là cấu uế, đó là năm thứ si. Hoặc quán giới mà có thể vượt qua, hoặc quán ấm, quán nhập, quán về sức tăng trưởng của các thứ kia, quán Đệ nhất nghĩa đế mà được vượt qua. Đây là năm thứ đối trị.

Lại nữa, hành giả nhập vào Tam-muội khoái tịnh lưu ly, ở trong cảnh giới minh tịnh mà quán các chi duyên khởi. Khi quán các chi duyên khởi thì liền sinh tưởng dễ thấy. Như có chỗ nói Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Duyên khởi dễ thấy chăng?

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Mười hai duyên khởi là hết sức sâu xa không bờ đáy, khó thấy, khó biết. Nay ông muốn hủy hoại quả vị sâu xa vi diệu, khó được trong ba a-tăng-kỳ kiếp của ta chăng? Vì sao vui thích mà nói lên lời ấy? Quán thâm diệu này nay ta đang vượt qua, vậy ông nên theo ta quán xét về cảnh giới

của Phật. Biển cảnh giới của Phật mênh mông, kẻ ngoại đạo tối tăm vô trí, hạng chấp nhị biên ám độn, rời xa cảnh giới của trí đều không thể vào được. Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật tuy có vào một ít nhưng không thể đạt đến chỗ cùng tột được.

Lúc Đức Thế Tôn nói lời đó rồi liền nhập vào cảnh giới của trí vô cùng sâu xa vi diệu, trụ nơi Tam-muội chánh thọ tự tại. Cảnh giới chánh thọ có ba Sư tử chúa, trên mỗi Sư tử chúa có bảy ao báu, trong bảy ao báu đều có bảy hoa sen báu, trên bảy hoa sen báu đều có Phật an tọa, phóng ra ánh sáng lớn, thấu đến cảnh giới Thanh văn, sau đấy mới trụ vào các Thanh văn ấy. Từ khi mới phát tâm cho đến thân sau cùng nơi gieo trồng căn lành và các duyên khởi, tất cả đều hiện. Từ đó lại khởi lên ba Sư tử chúa, trên mỗi Sư tử chúa đều có bảy ao báu, trong bảy ao báu đều có bảy hoa sen báu, trên bảy hoa sen báu đều có Phật an tọa, phóng ra ánh sáng lớn tỏa chiếu thấu đến cảnh giới của Bích-chi-phật, sau đấy thì trụ vào chỗ chư vị. Từ khi mới phát tâm cho đến cứu cánh, nơi chốn gieo trồng căn lành và các duyên khởi, tất cả đều hiện.

Từ đó, lại khởi lên vô lượng Sư tử chúa, trên mỗi Sư tử chúa đều có bảy ao báu, trong bảy ao báu đều có bảy hoa sen báu, trên mỗi hoa sen đều có Phật an tọa, phóng ra ánh sáng soi thấu đến cảnh giới của Bồ-tát, sau đó mới trụ vào chư vị Bồ-tát ấy. Từ khi mới phát tâm cho đến lúc an tọa nơi tòa Kim cang, chỗ tu tập tất cả công đức của những căn lành, hoặc nghiệp, hoặc quả và các duyên khởi, tất cả đều hiện bày.

Từ đấy lại khởi lên vô lượng Sư tử chúa, trên mỗi Sư tử chúa đều có bảy ao báu, trong bảy ao báu đều có bảy hoa sen báu, trên mỗi hoa báu đều có Đức Phật an tọa, phóng ra ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp các duyên khởi vô cùng sâu xa của pháp Phật, tất cả đều hiển hiện.

Bấy giờ, Đức Phật dùng thần lực chỉ bày cảnh giới của Phật cho Tôn giả A-nan, rồi bảo:

–Trong cảnh giới của trí lại có vô lượng vô biên cảnh giới của chư Phật. Cảnh giới nơi nẻo hành của trí Phật là hết mực sâu xa vi diệu như vậy, sao lại vui thích cho là dễ thấy? Trí của Tôn giả còn cạn không thể đạt tới mà cho là dễ thấy sao? Cảnh giới của trí như trên với vô lượng pháp hiện ra trước rồi sau đó mới hoại, tất cả đều không, thanh tịnh, vắng lặng. Lại quán cảnh giới của trí thù thắng vi diệu, khởi lên pháp Phật, thân lớn dần lên cho đến khắp cả mười phương, vô lượng pháp bảo sung mãn nơi Pháp thân, ánh sáng nơi Pháp thân thì vô cùng tận. Cảnh giới của chốn hành hóa nơi trí tuệ bất cộng, tất cả các chi duyên khởi vô cùng sâu xa của pháp

Phật đều hiện ra trước, sau đấy mới hoại. Tất cả đều không, thanh tịnh, vắng lặng, không có nơi chốn. Cũng như hư không, không nương tựa vào đâu, như của báu đã vào tay mới gọi là được của báu. Tu quả như vậy gọi là tướng quyết định.

Này A-nan! Cảnh giới của Như Lai là không thể nghĩ bàn, ta nay vì ông chỉ bày một phần nhỏ thôi.

Tôn giả A-nan thấy cảnh giới của Phật như vậy thì hết sức hoan hỷ, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật thâm diệu. Cảnh giới của trí nơi Đức Thế Tôn khó có thể đạt tới chỗ cùng tột. Nếu trước kia con biết cảnh giới của Như Lai vô cùng sâu xa vi diệu như vậy, thì dù thân con có nát vụn như hạt mè, con cũng phải đạt đến bờ kia của pháp Phật rốt ráo. Tất cả như vậy gọi là hành giả quán duyên khởi.

Phần đoạn, sát-na nghĩa là ba đời nơi một sát-na, một sát-na nơi ba đời, pháp chưa khởi gọi là vị lai, đang khởi gọi là hiện tại, khởi rồi gọi là quá khứ. Một sát-na sinh khởi tức là một sát-na, khổ cùng vô thường đều có. Nên biết, các hành trong khoảng một sát-na cũng không trụ, cũng không từ đâu đến và không đi về đâu. Tuy có chuyển đổi mà cũng không chỗ đi, đi cũng không tích tụ. Một sát-na khởi thì một sát-na diệt. Sát-na như một niệm, một niệm như sát-na. Sát-na trước tụ rồi diệt, lúc diệt thì cùng với sát-na sau khởi, tùy thuận đủ đầy bốn duyên cùng sát-na sau khởi.

Cảnh giới tu hành, quán thời gian của một sát-na có vô lượng vi trần, vô lượng vi trần. Mỗi một sát-na liên tục kế tiếp như xâu chuỗi hạt. Ví như bốn người bắn tên rất giỏi, cùng bắn ra bốn mũi tên, có một người có sức đi bộ nhanh, khi các mũi tên chưa rơi xuống đất, đã bắt được cả bốn mũi tên ngay trên không, không cho nó rơi xuống đất. Người đi bộ nhanh như vậy nhưng địa thần còn nhanh hơn và thần hư không còn nhanh hơn địa thần, thần nhật nguyệt thiên nhanh hơn thần hư không. Như vậy mà người đi bộ còn nhanh hơn gấp bội nhật nguyệt thiên. Nên biết, sự nhanh chóng của các hành vô thường còn quá hơn đây nhiều, không thể ví dụ. Như vậy, hành giả quán phần Ca-la-la trụ nơi bảy ngày có vô lượng sát-na, tất cả các phần khác cũng vậy. Quán như thế rồi nhất định lìa mọi ngu si, trí sáng phát triển vô lượng, như vậy, gọi là hành giả quán sát-na duyên khởi.

Lại nữa, hành giả mới nhập vào chánh thọ gọi là cảnh giới liên phược, tăng trưởng gọi là cảnh giới phương tiện lưu chú, an trú gọi là cảnh giới phần đoạn, diệt dần dần gọi là sát-na.

Lại nữa, đã nói bốn thứ biệt tướng quán duyên khởi rồi, Phật nói về

tổng duyên khởi, nay sẽ nói hai chi chủng, hai chi thục, hai chi khởi, hai chi khiên (dẫn dắt). Hai chi chủng, hai chi sinh trưởng, hai chi thành tựu, hai chi thọ nhận, hai chi tác nhân, hai chi điền, hai chi dựa vào, hai chi về chỗ dựa vào. Thọ dựa vào là nói về chi hữu. Hành giả quán duyên khởi hoặc năm ấm, hoặc bốn ấm. Năm ấm là Dục giới, Sắc giới. Bốn ấm là các hành ấm như vô thường, không v.v… ở cõi Vô sắc giới. Đối với ấm, quyết định là chân thật. Quyết định là chân thật rồi thì tướng quyết định hiện ra trước. Việc này có nên việc kia có, việc này khởi nên việc kia khởi. Việc này không nên việc kia không. Đây diệt nên kia không khởi. Ví như có dụng cụ là bùi nhùi, có người mới dùng cách làm cho lửa phát ra, nhưng phải nhờ vào củi mới đốt được. Cũng như nhờ tàng cây mới có bóng mát, nhờ mặt trời mới có ánh sáng, nhờ đèn mới thấy sáng lên. Như vậy, tất cả đều từ duyên khởi.

Vô minh không nói là ta có khả năng sinh hành. Hành cũng không nói là ta từ vô minh sinh. Nên biết tất cả chi hữu đều như vậy. Đây là pháp không, pháp tịch diệt, pháp vô sở hữu, sự tạo tác không thể nắm bắt, chỉ có vô minh cùng các hành hòa hợp sinh ra các pháp hữu lậu. Thọ là trục xe quay tròn nơi bánh xe bị các chi hữu sinh ra các kiết phược, trong các kiết thì chi ái tăng trưởng, trong các phược thì chi thủ phát triển, trong các sử thì chi thức phát triển, trong các triền thì vô minh phát triển, vừa sinh thì kiết tăng, thọ sinh thì phược phát triển, các thức bập bềnh thì lợi sử phát triển, ở cảnh giới thì ngu si, phiền não phát triển. Nghiệp phiền não trói buộc như vậy, có thể chuyển sinh, quả thường luân chuyển, trôi nổi, vì chúng sinh theo nghĩa mà tăng, do đấy nói có sai biệt. Nên biết, trong các phần đều có kết phược sử, triền.

Lại nữa, tu tập sáu thứ quán về mười hai duyên khởi, nơi mười hai chi thì tùy thuận theo nghĩa mà nói. Đó là niệm An ban, quán chi nghiệp, chi hữu. Thở ra, vào là thân hành, giác quán là khẩu hành, tưởng, tư là ý hành, thế nên niệm An ban là để đối trị với vô minh. Phương tiện quán giới là quán chi thức, chi sinh, vì thức tăng trưởng nên vào thai, thức ở các giới tăng nên nói là bảy thức giới. Thế nên quán giới phương tiện là để đối trị với phần kia. Phương tiện quán ấm là quán chi danh sắc, chi lão tử. Thế nên phương tiện quán ấm là để đối trị với phần kia.

Phương tiện quán phá trừ các thứ nhập xuất là quán chi lục nhập, chi xúc, thế nên, phương tiện quán nhập là để đối trị với phần kia. Phương tiện quán duyên khởi là quán chi vô minh, chi thọ, thế nên, phương tiện quán duyên khởi là để đối trị với phần kia. Tại sao? Vì thọ và vô minh là nguồn

gốc của các phiền não, do đấy trí tuệ là để đối trị với vô minh. Hai chi ái, thủ thì nhiễm đắm nơi tịnh, nên quán bất tịnh là để đối trị.

Lại nữa, hành giả quán mười hai duyên hoặc có lúc từ nhân mà đạt tới, hoặc có lúc từ quả mà đạt được. Hoặc từ vô minh hành cho đến lão, tử. Hoặc là quán thức cho đến lão, tử, hoặc ba việc hòa hợp sinh xúc, xúc sinh thọ, thọ sinh ái, ái sinh thủ, cho đến lão tử. Hoặc từ ái, thủ, hữu sinh lão tử. Hoặc từ lão tử cho đến vô minh, hoặc quán lão tử cho đến thức. Như Đức Phật đã nói trong kinh Thành Dụ.

Lại nữa, hành giả từ bốn Niệm xứ quán mười hai chi đều phát triển. Thân niệm xứ quán về chi lục nhập, Thọ niệm xứ quán chi thọ, Tâm niệm xứ quán về chi thức, danh sắc, Pháp niệm xứ thì quán chung các chi.

Giảng nói này rồi là nói kệ tán:

Phương tiện trị địa hành
Cho đến chỗ rốt ráo
Pháp vô thượng thí chủ
Truyền mãi đến ngày nay
Tôi nghe thù thắng ấy
Chọn nghĩa nói thâm diệu
Hợp chương cú trang nghiêm
Muốn pháp trụ lâu dài
Phật pháp sâu không đáy
Tu hành cũng vô biên
Tôi đem trí mọn này
Tuyên dương pháp vô lượng
Sâu xa khó lường được
Như muỗi uống nước biển
Chỉ có người vượt qua
Rồi sau mới rốt ráo.

Sáu mươi hai cõi, sáu chủng, sáu tình, sáu trần, sáu thức, sáu giới, sáu giác. Nói tham, sân, si là ba giác bất tịnh, ngược lại đấy là ba giác tịnh. Khổ vui, không khổ, không vui, ưu, hỷ, xả là sáu.

Ba cõi là Dục, Sắc và Vô sắc. Lại diệt Sắc giới và Vô sắc giới là pháp ba đời, là pháp hạ, trung, thượng, là pháp thiện, bất thiện, vô ký. Là học, vô học, chẳng phải là học - chẳng phải là vô học là bốn. Hai thứ thực, phi thực, lậu - vô lậu, dựa nơi dục, dựa nơi giải thoát hữu vi, vô vi.

Ba mươi sáu thứ bất tịnh gồm có: tóc, lông, móng, răng, da dày, da mỏng, thịt, gân, xương, tủy, lá lách, thận, tim, gan hoành cách mô, phổi,

ruột non, ruột già, màng ruột, bao tử, phân, tiểu, nước mắt, nước mũi, máu, mủ, đàm vàng, đàm trắng, não, màng, nước dãi, mồ hôi, bọt, khớp, mỡ, nước mỡ.

Số lượng về sát-na có một trăm hai mươi sát-na là một đát-sát-na. Sáu mươi đát-sát-na là một la-bà. Ba mươi la-bà là một ma-hầu-lộ-đố. Ba mươi ma-hầu-lộ-đố là một ngày một đêm. Trong một năm chỉ có hai ngày vào hai thời là ngày và đêm, vừa đúng ba mươi ma-hầu-lộ-đố. Nghĩa là ngày mồng tám Bạch phân của tháng Yết-đề, tháng tám gọi là Yết-đề, nửa tháng sau gọi là Bạch phân. Và ngày mồng tám Bạch phân của tháng Bệ-xá-khư, tháng hai gọi là Bệ-xá-khư, nửa tháng sau gọi là Bạch phân. Ngày và đêm của hai ngày trong hai thời này đều có mười lăm ma-hầu-lộ-đố. Từ đó về sau La-bà-lưu hoặc ngày giảm, đêm tăng, hoặc đêm giảm, ngày tăng, gọi là Lưu ngày đêm, đều có ba mươi Ma-hầu-lộ-đố.

Chú thích:

Nói tháng Yết-đề: ngày mồng tám bạch phân. Tháng Bệ-xá-khư: ngày mồng tám bạch phân.

Tháng Yết-đề: ngày 16 tháng 07, cho đến ngày 15 tháng 08. Đây nói tháng tám gọi nửa tháng sau là bạch phân.

Tháng Bệ-xá-khư: ngày mười sáu tháng giêng cho đến ngày mười lăm tháng hai. Tháng hai này gọi nửa tháng sau là bạch phân.

Hai ngày trong khoảng hai thời ấy, ngày và đêm đều có ba mươi ma-hầu-lộ-đố. Từ đó về sau, La-bà-lưu hoặc ngày giảm đêm tăng, hoặc đêm giảm ngày tăng, thì gọi là Lưu.

-oOo-

SỐ 619

NGŨ MÔN THIỀN KINH YẾU DỤNG PHÁP

Biên soạn: Đại Thiền sư Phật-đà Mật-đà.
Hán dịch: Đời Tống, Tam tạng Đàm-ma-mật-đa, người nước Kế Tân.

Pháp thiết yếu của việc tọa thiền có năm môn:

1. An ban.
2. Bất tịnh.
3. Tâm Từ.
4. Quán duyên.
5. Niệm Phật.

Hai môn An ban, Niệm Phật cùng Quán duyên, ba môn này có cảnh giới bên trong và bên ngoài. Niệm Phật và tâm Từ là duyên nơi cảnh giới bên ngoài. Sở dĩ có đến năm môn là tùy theo bệnh của chúng sinh. Nếu người nhiều loạn tâm thì dạy họ dùng pháp An ban. Nếu người nhiều tham ái thì dạy họ dùng pháp Bất tịnh. Nếu người nhiều sân giận thì dạy họ dùng pháp Tâm từ. Nếu người nhiều chấp ngã thì dạy họ dùng pháp Quán nhân duyên. Nếu người tâm bị chìm đắm thì dạy họ pháp Niệm Phật. Nếu hành giả xưa nay có tâm thiện nhưng chưa biết pháp Tam-muội niệm Phật thì dạy họ khiến đạt được nhất tâm quán Phật. Nếu khi quán Phật thì phải chí tâm quan sát tướng tốt của Đức Phật, hiểu rõ, xét kỹ, sau đó, nhắm mắt chuyển sự nhớ nghĩ nơi tâm. Nếu người không hiểu rõ thì mở mắt ra xem xét về tâm thật rõ, rồi ngồi trở lại, thân ngay, ý thẳng, chú niệm ở phía trước như đối diện với chính Đức Phật, rõ ràng không khác.

Bấy giờ hành giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch thầy:

–Con ở trong phòng, buộc niệm thấy Phật không có sai khác.

Thầy dạy:

–Con hãy trở về chỗ ngồi của mình, buộc niệm nơi trán, dốc lòng niệm Phật.

Bấy giờ, trên trán của hành giả có tượng Phật xuất hiện, từ một vị tới

mười vị, cho đến vô lượng vị. Nếu chỗ thấy của hành giả có nhiều Đức Phật từ nơi trán hiện ra, nếu cách thân không xa mà trở lại thì thầy dạy nên biết đây là người cầu Thanh văn. Nếu cách hơi xa thân mà trở lại là người cầu Bích-chi-phật. Nếu cách xa thân mà trở lại là người cầu Đại thừa. Chỗ Phật xuất hiện trở lại gần với thân nơi ba hạng người kia làm cho đất có màu vàng ròng. Những Đức Phật này đều vào hết trong đất. Đất bằng phẳng như bàn tay, sáng sạch như đất. Tự quán thân mình sáng sạch như gương. Đó gọi là đạt được cảnh giới của Tam-muội niệm Phật. Đạt được cảnh giới này rồi hành giả bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Đó là cảnh giới tốt đẹp. Đây gọi là môn quan sát ban đầu.

Thầy lại dạy, buộc niệm nơi tâm, sau đó quán Phật, tức thấy chư Phật từ tâm xuất hiện, tay cầm gậy lưu ly, hai đầu gậy hiện ra người của ba thừa, ánh sáng có lớn nhỏ. Xuất hiện như vậy xong, sau cùng một Đức Phật cầm gậy đứng ngay nơi tâm, tiếp đó, Đức Phật ấy trở vào lại trong thân. Trước hết nên biết chư Phật cùng hiện ra, đầy đủ rồi tùy theo thứ lớp mà nhập vào. Nếu người cầu Tiểu thừa khi nhập vào hết thì dừng lại. Nếu người cầu Đại thừa khi nhập vào hết rồi thì đều từ lỗ chân lông nơi thân xuất hiện ánh sáng đầy khắp bốn biển, trên đến cõi trời Hữu đảnh, dưới tới cõi Gió. Tỏa chiếu như vậy xong, trở vào lại nơi thân như lưu ly thanh tịnh. Sở dĩ ánh sáng trở vào lại nơi thân là muốn chỉ rõ các tướng tốt đẹp, dũng mãnh, nhanh, khỏe hiện ra nơi cảnh giới. Như vậy xong, liền đến bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Đây gọi là Nhất thiết niệm xứ. Vì có thể sinh ra các định nên gọi là niệm xứ, cũng là đầu tiên đạt được pháp này, đều là sự chứng đắc của đệ tử chư Phật, chẳng phải là chỗ thấy biết của thần tiên tà đạo. Trên gậy là tướng định. Ánh sáng của tướng là tướng trí tuệ. Bên trong đó là tướng nơi cảnh giới của phàm phu.

Thầy lại dạy thêm:

–Từ nay, con hãy xả bỏ hai quán trước, chú tâm ở nơi rốn.

Liền vâng theo lời dạy của thầy, hành giả nhất tâm quan sát nơi rốn. Quan sát rốn không lâu, biết rốn có tướng động, nhìn kỹ không loạn, thấy rốn có một vật giống như trứng chim nhạn, màu trắng đẹp, liền đến bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Con hãy quán thêm nơi đó.

Như lời Thầy dạy, hành giả quán rồi thấy có hoa sen cành bằng lưu ly, đài hoa bằng vàng ròng, trên đài có Đức Phật ngồi kiết già. Đức Phật thứ nhất ở nơi rốn lại có hoa sen xuất hiện, trên hoa ấy lại có Đức Phật ngồi kiết già. Lần lượt như vậy, cùng xuất hiện cho đến khắp biển cả. Sau cùng, ở bên biển, Đức Phật thứ nhất nhập vào rốn của Đức Phật thứ hai. Đức Phật thứ hai lại nhập vào rốn Đức Phật thứ ba. Lần lượt nhập trở lại như vậy cho đến Đức Phật nơi rốn của hành giả, khiến cho mỗi mỗi Đức Phật nhập vào rốn của hành giả xong, các lỗ chân lông nơi thân của hành giả lại biến ra hoa sen đầy khắp hư không, giống như chuỗi anh lạc báu phủ khắp. Sinh ra như vậy xong, lại thấy các hoa sen nhập vào hết trong rốn.

Bấy giờ, thân thể của hành giả mềm mại, nhẹ nhàng, vui vẻ. Tự thấy thân mình sáng sạch như màu sắc các loại báu xen nhau, liền bạch thầy về những điều mình đã thấy.

Thầy dạy:

–Tốt lắm! Con đã dụng tâm rất tốt, hãy quan sát thân này thành tướng định, quan sát thêm nơi rốn.

Theo lời dạy, hành giả quan sát thấy nơi đảnh có ngọn lửa sáng năm màu. Thấy rồi bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Quan sát năm ánh sáng có năm tướng đoan nghiêm.

Theo lời dạy, hành giả lại quan sát xong, thấy có một Đức Phật ngồi kiết già ở trong ánh sáng. Lại quan sát Đức Phật nơi năm ánh sáng kia có tướng đoan nghiêm gì? Liền thấy trong miệng Đức Phật có đủ các loại hoa sen hiện ra. Hiện ra xong thì đầy khắp cả mặt đất. Lại khiến quán Đức Phật ở nơi năm ánh sáng kia liền thấy trong rốn của Đức Phật có năm sư tử xuất hiện. Sư tử xuất hiện xong, ăn những hoa sen đã mọc ra, rồi nhập vào rốn của Đức Phật nơi năm ánh sáng kia. Sư tử nhập xong thì năm ánh sáng và Đức Phật liền từ nơi đảnh mà nhập vào. Đây gọi là tướng định của Tam-muội Sư tử phấn tấn.

Hành giả lại quán sát ánh sáng nhập vào thân Đức Phật xong, thân hành giả trở thành màu vàng ròng, thấy thân màu vàng ròng như thế rồi, thấy trong rốn có vật gì tròn như mặt trăng, mặt trời, trắng sáng sạch, thấy rồi bèn bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Quan sát thêm nữa thì thấy Phật xuất hiện.

Khắp dưới nách và nơi hông có Phật xuất hiện, gồm bốn vị Phật xuất

hiện. Bốn vị Phật xuất hiện xong, lại thấy bốn thân Phật, mỗi mỗi thân Phật hiện ra vô lượng ánh sáng mặt trời tròn đầy. Ánh sáng mặt trời rất sáng sạch. Nhân nơi ánh sáng của các mặt trời ấy mà thấy được màu sắc của bốn cõi thiên hạ, trên đến cõi trời Hữu đảnh, dưới tới tận cõi Gió thảy đều rõ ràng như thấy trong bàn tay không có chướng ngại. Đây gọi là cảnh giới Bạch tịnh giải thoát. Thấy như vậy rồi, trở lại thấy bốn Đức Phật tùy theo chỗ xuất ra mà nhập vào. Bốn Đức Phật nhập vào xong, lại thấy các ánh sáng của ngọn lửa trắng, trước nhập vào sau xuất ra, sau nhập vào trước xuất ra, bên trái nhập vào, bên phải xuất ra. Bên phải nhập vào bên trái xuất ra. Bốn loại xuất nhập như thế xong, thấy thân mình sáng sạch và nước bốn phía tràn đầy cũng đều sáng sạch. Đây gọi là cảnh giới Minh tịnh. Thấy ánh sáng này rồi gọi là thành tựu Tam-muội niệm Phật ở trong bốn Thiền.

Hành giả thực hành môn bất tịnh, tâm thiện đi đến chỗ thầy. Khi chưa lãnh thọ pháp, thầy dạy trước hết ở trong phòng, ngồi ngay thẳng suốt bảy ngày. Nếu người có duyên thì hiểu biết thân và rốn có tướng chuyển động. Tự thấy thân mình một cách rõ ràng, trên móng chân cái của chân trái có màu trắng lộ ra như ngọc.

Hành giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đem sự thấy hiểu bạch Thầy. Thầy dạy hành giả thực hành tướng đi, đứng, ngồi. Người ấy nhập vào cảnh giới bên trong nhiều thì xem thấy rất cao xa, biết duyên nhiều nơi bên ngoài. Nếu người dốc lòng đi chậm rải xem thấy kỹ càng thì biết là duyên bên trong. Nếu người duyên theo bên ngoài thì dạy quán sát thây chết ở nơi gò mả, thấy rồi, trở lại nơi phòng an tọa tự quan sát thân mình, nhớ nghĩ về xương suốt trong ba ngày không dứt. Tiếp đến, quan sát những người ở trong phòng, dần dần khiến thấy xương trắng. Thứ lớp tiếp tục cho đến biển cả.

Dùng tướng gì để biết đến biển cả? Nhờ nhân duyên thấy nguồn sáng của nước. Tất cả xương người và thân mình không còn đeo anh lạc. Lại thấy nước lớn ùa tới rưới tắm trên đảnh đầu mình và khắp cả thân, đầy khắp thân rồi thì khiến cho từ ngón chân chảy ra thành dòng sông máu. Đây gọi là Tam-muội Yểm hoạn.

Lại nữa, chuyên niệm trước thấy tất cả đều nằm, chỉ có thân đứng, bạch Thầy.

Thầy dạy:

–Phần tự quán của con chia làm năm phần. Sở dĩ gồm năm phần là nhằm biết nội giác, ngoại giác làm chứng nghiệm. Nếu thân có thể bị hủy hoại làm thành năm phần rõ ràng thì nay biết hiện không có ngã, mỗi mỗi

cũng vô ngã thì tâm hoặc trụ nơi môn định vô ngã, hoặc khi trụ nơi định thì thấy rõ các chi phần nơi cơ thể có dao xuất hiện. Các dao chặt đều có lửa sáng xuất hiện. Đây gọi là cảnh giới Trí tuệ vô ngã.

Lại chú tâm vào xương trắng, tự thấy trên xương có sao sáng xuất hiện, bốn bên có viên vàng ròng. Ngôi sao là cảnh giới minh tịnh. Thỏi vàng là cảnh giới trí tuệ. Hai mươi lần quán như vậy gọi là cảnh giới bạch cốt đầy đủ.

Ở trong mười tưởng chỉ lược nêu ra tướng xương trắng. Tuy hành giả thấy xương trắng, nhưng đối với hình sắc nam, nữ vẫn còn sinh tâm ái. Người muốn diệt trừ ái phải quán ba mươi sáu vật. Nếu khi quán nên buộc tâm nơi trán, chú tâm không bao lâu thì thấy có ngọc sáng xuất hiện ở trước trán, không khiến nó rơi rớt, làm cho tâm an trụ kiên cố. Sở dĩ có tướng này là do hiện pháp lưu xuất ra. Không lâu như vậy, khiến buông ra, nhập vào đất, nhập vào đất xong thì tùy theo đó mà quan sát, làm sáng sạch xuống sâu quá cảnh giới của đất. Sở dĩ nhận biết là do tự thấy thân mình và nơi nơi đều thấy băng tuyết vượt quá nơi cảnh giới của Gió. Do đó nhận biết được thân thể mềm mại, quá hơn cõi Nước. Sở dĩ nhận biết vì tự thấy thân mình và nơi nơi đều có nước, trên nước có bọt xuất hiện, hoặc đến cõi Gió nhận biết được do tự thấy thân mình giống như ngọc trong hư không. Nếu tìm nơi hư không thì trở lại chỗ ánh sáng sáng sạch tùy theo ngọc mà đến. Nếu ngọc xuất hiện rồi thì nhập vào rốn của hành giả. Nhập xong thấy ba mươi sáu vật rõ ràng không bị ngăn ngại. Bấy giờ, hành giả được định tướng nam nữ đầy đủ.

Pháp quán về xương trắng. Người quán về xương trắng bỏ hết thịt, máu, gân mạch, nơi thân chỉ còn mỗi mỗi xương hiện lên trắng giống như ngọc tuyết. Nếu người không nhìn thấy thì ví như người bị bệnh hủi, thầy thuốc bảo người nhà cho uống máu màu sắc giống như sữa thì có thể lành bệnh. Những đồ vật hiện có trong nhà đều khiến thành màu trắng, làm vật dụng bằng bạc trắng để đựng đầy máu, nói với người bệnh uống sữa thì bệnh này sẽ lành. Người bệnh bảo là máu. Người nhà trả lời: Thức uống màu trắng để trị bệnh, con không thấy mọi vật trong nhà đều là màu trắng sao, vì tội nên thấy là máu, hãy chú tâm tưởng là sữa, chớ nghĩ là máu. Bảy ngày như vậy liền biến thành sữa, huống gì là màu trắng thật mà không thể thấy sao? Liền thấy xương người, ở trong xương người, tâm ấy sinh diệt, liên tục như chuỗi ngọc dài. Như vậy chỗ thấy và quán thân bên ngoài cũng như thế. Nếu tâm trụ nơi tinh tấn thì không phế bỏ. Như dùi lửa thấy khói, đào giếng thấy đất mềm ướt thì không lâu nữa được

nước. Nếu tâm an trụ vắng lặng, mắt mở thấy xương, rõ ràng như nước lắng trong thì thấy khuôn mặt, nước đục thì không nhìn thấy.

Tam-muội quán Phật thì Đức Phật là bậc Pháp vương, có thể khiến cho con người đạt được đủ các loại pháp thiện. Cho nên, người ngồi thiền trước phải niệm Phật. Đức Phật có thể khiến cho người còn vô lượng tội nhẹ mỏng đạt được các thiền định. Chí tâm niệm Phật thì Đức Phật cũng niệm người. Làm đối tượng nhớ nghĩ của nhà vua thì các kẻ oán thù, người chủ nợ không thể đến gần được. Niệm Phật cũng như thế, các pháp ác khác không thể nhiễu loạn.

Nếu người niệm Phật nhưng Đức Phật không có ở đời thì làm sao nhớ nghĩ?

Người niệm Phật phải tự có niềm tin, không cần thông qua mắt, phải quan sát về hình tượng tốt đẹp như thấy chính Đức Phật thật không có gì khác. Trước từ nhục kế, tướng trắng giữa hai lông mày, dưới đến chân, trở lại nhục kế, quán kỹ từng tướng, trở lại chỗ yên tĩnh, nhắm mắt suy nghĩ chú tâm vào hình tượng khiến cho không khởi niệm khác. Nếu có duyên khác thì thu giữ niệm trở lại. Tâm tự quan sát như ý đã được thấy. Đây là được định quán duyên. Nên khởi lên suy nghĩ này: "Ta cũng không đi, hình tượng cũng không đến, thấy được là nhờ tâm định tưởng trụ." Đạt được định quán về Đức Phật xong, sau đó dựa theo đấy quan sát về sinh thân, liền được thấy nó như đối diện trước mặt không có gì khác. Người có tâm giong ruổi duyên nhiều nơi pháp ác, phải như người nhũ mẫu chăm sóc con mình không khiến làm điều ác. Nếu tâm không an trụ thì phải tự trách tâm: khổ của già, bệnh, chết thường đến bức bách. Nếu sống lại cõi trời, vướng vào diệu dục thì không có pháp thiện để sửa đổi tâm. Nếu rơi vào ba đường ác thì bị khổ não, lo sợ thì không phát sinh tâm thiện. Nay đối với thân này phải chí tâm niệm Phật.

Lại khởi lên niệm như vầy: "Sinh vào đời sau cùng, pháp sắp diệt mất, giống như đánh trống mở cửa thả tù nhân, tiếng trống vừa dứt, cửa liền đóng lại, lẽ nào không tự biết không cầu ra khỏi ngục hay sao? Từ vô thỉ nơi quá khứ ở trong thế giới sinh tử đến nay, đã tiếp xúc hàng vạn nguyên nhân khổ não. Ngày nay mới bắt đầu thọ trì pháp, chưa được thành tựu nên luôn bị giặc già, vô thường đến xâm hại, trải qua vô lượng kiếp chịu khổ nơi sinh tử." Đủ thứ quở trách tâm như vậy khiến tâm an trụ vào nơi tướng; đi, đứng, nằm, ngồi thường được thấy Phật. Sau đó tiến thêm nơi sinh thân, lần lượt đạt được thiền định thì dễ quan sát về sinh thân. Người quán về pháp thân đã dùng quán hình tượng để tâm tùy theo tưởng

mà thành tựu, giữ gìn ý, nhập vào định liền được thấy. Phải nhân nơi hình tượng để niệm sinh thân, quan sát như đang ngồi nơi cội Bồ-đề, hào quang tỏa chiếu rực rỡ, tướng tốt kỳ diệu. Hoặc như ở trong vườn Lộc uyển vì năm vị Tỳ-kheo mà thuyết giảng pháp bốn Đế.

Lại như ở núi Kỳ-xà-quật phóng ra hào quang lớn vì các đại chúng khi thuyết giảng kinh Bát-nhã. Tùy theo việc dùng một chỗ buộc niệm ở phía trước, không khiến cho tán loạn theo bên ngoài. Tâm tưởng được an trụ thì liền thấy Phật, khắp thân vui mừng thấu tận xương tủy, ví như lúc nóng bức mà được ao nước mát mẻ, khi lạnh được căn nhà ấm áp, niềm vui của thế gian không thể so sánh được. Người quán về pháp thân đã ở trong hư không thấy được sinh thân của Đức Phật rồi phải nhân nơi sinh thân quan sát Pháp thân bên trong có mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, vô lượng nghiệp thiện. Như người trước thấy cái bình vàng, sau đó quán thấy châu báu ma-ni ở bên trong bình. Vì thế, trí thần vi diệu chân thật của pháp thân không gì so sánh được, không gần, chẳng xa, không khó, chẳng dễ, vô lượng thế giới đều như trước mặt, không có một pháp nào mà không nhận biết, tức hiểu rõ về tất cả các pháp. Cho nên hành giả phải thường chuyên niệm không để cho tâm tán loạn. Nếu khởi niệm theo duyên khác thì thu giữ khiến trở lại. Lại nữa, tất cả người sắp chết, phải biết khi chết trước hết mất các căn, như ném xuống hầm lửa phát ra tiếng đến cõi Phạm thiên, hết sức sợ hãi, vì không vượt qua được giặc chết. Chỉ Đức Phật là người duy nhất có đủ diệu lực có thể cứu độ, ban đủ loại an lạc của Niết-bàn cho hàng trời, người.

Lại nữa, tất cả chư Phật đời đời thường vì tất cả chúng sinh nên không tiếc thân mạng. Như Phật Thích-ca Văn khi làm Thái tử, ra ngoài thành du hành, gặp một người bệnh hủi, liền sắc sai người chữa trị.

Thầy thuốc nói:

–Người này không chết, nếu được uống máu và dùng tủy bôi lên người ông ta, mới có thể lành.

Thái tử suy nghĩ và nói:

–Người này khó kiếm được, giả sử có được cũng không thể giết hại họ, một người lành bệnh thì một người chết. Liền dùng thân mình ban cho người ấy để trị bệnh. Đức Phật vì tất cả chúng sinh cũng như thế. Ân Phật sâu nặng hơn cả cha mẹ. Giả sử tất cả chúng sinh đều là một phần thì trong hai phần phải nhớ nghĩ Đức Phật, không nên nhớ nghĩ gì khác. Như vậy, đủ thứ công đức tùy theo sự nhớ nghĩ mà thực hành. Nếu niệm này được thành tựu thì đoạn trừ được sự trói buộc, cho đến có thể đạt được pháp

Nhẫn vô sinh. Nếu ở trong thời gian đó, các bệnh phát khởi thì tùy theo bệnh mà uống thuốc. Nếu không được định thì được làm bậc tôn quý nhất trong sáu tầng trời thuộc cõi Dục, chỗ đến của hành nghiệp là cung điện tùy ý, hoặc chắc chắn sinh ở trước chư Phật. Như người hòa thuốc với đồng đỏ, nếu không thành vàng thì cũng không mất đồng.

-oOo-

Pháp Quán Chư Phật Nơi Mười Phương

Người niệm chư Phật nơi mười phương là ngồi quan sát phương Đông rộng lớn rỗng lặng, ánh sáng rực rỡ, không có các núi, sông, đá, tường, chỉ thấy một Đức Phật ngồi kiết già, đưa tay thuyết pháp. Tâm quan sát kỹ hào quang, tướng tốt một cách rõ ràng, buộc tâm vào nơi Đức Phật, không theo duyên khác. Nếu tâm theo niệm khác thì thu giữ trở lại. Người quan sát được như vậy thì tăng lên mười Đức Phật. Thấy mười Đức Phật rồi, sau đó tăng lên trăm Đức Phật, ngàn Đức Phật cho đến vô lượng thân. Gần thì khiến chuyển thành xa, thành rộng, chỉ thấy chư Phật với hào quang nối tiếp nhau. Tâm quan sát kỹ đạt được như vậy thì nhớ lại phương Đông, phương Nam cũng quan sát như trên. Khi được thành tựu rồi, các phương Tây, Bắc, bốn hướng, trên, dưới cũng như thế. Hướng đến mỗi mỗi phương đều thấy chư Phật rồi, lại nên trong một lúc quán gồm hết chư Phật khắp mười phương. Chỗ duyên của một niệm là được thấy cùng khắp. Tâm định thành tựu, ở trong định thấy chư Phật mười phương đều đang thuyết pháp, đoạn trừ lưới nghi, đạt được nhẫn vô sinh. Nếu có nhân duyên của tội báo từ đời trước không thấy được chư Phật thì phải ngày đêm sáu thời sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, dần dần tự thấy được. Giả như khuyến thỉnh như vậy mà không được thuyết pháp thì người này tâm vẫn được vui vẻ, thân được an ổn không có hoạn nạn.

-oOo-

Pháp Ban Đầu Tập Ngồi Thiền

Trước hết, dạy chú ý quán trên ngón chân cái bên phải thấy trương to lên, dùng ý lột bỏ móng làm cho nước màu vàng chảy ra như máu mủ, da thịt nát hết chỉ thấy xương trắng, thấy hết rồi thì nên dạy rõ về quán xương. Nếu người thấy đầy khắp một cõi thiên hạ thì nên dạy cho pháp Đại thừa. Nếu người thấy gần thì nên dạy cho pháp Tiểu thừa, dạy chú ý quán chóp

mũi, nhớ nghĩ thân người, da thịt đều là tinh khí bất tịnh do cha mẹ tạo thành.

Kế đến, quán răng trắng, ở trong thân người chỉ là xương trắng ấy. Nếu thấy răng dài, hoặc thấy trên trán màu trắng tức quán xương khiến thân đều là màu trắng, xa gần như trên. Người này tùy căn tánh sâu, cạn, nếu khi dạy không thể tức khắc thấy xương trắng thì chỉ dạy như thường về chín loại tưởng quán, khiến một tháng một năm tu tập phải thấy xương trắng hiện ở trước mặt. Nếu thấy chúng sinh dạy quán pháp tâm Từ, dạy quán thuần thục về xương trắng, nhưng nếu thấy vật khác thì nên nói với người đó là pháp này cũng tốt nhưng hãy nên bỏ việc này, chỉ quán về xương trắng. Trước phải như sự quan sát lâu dài về xương trắng. Nếu nói trong thân biết hơi ấm thì dạy cho quán liên tục. Thấy hơi ấm, nhận biết rồi an ổn vui mừng. Đây là pháp Noãn.

Kế đến phải dạy dùng ý phân tích xương trắng, làm cho từng đốt lìa tách ra. Nếu thấy vật khác phải khiến bỏ đi, chỉ quán về xương trắng, phân ly, quán lâu dài về chúng. Nếu nói trên đỉnh đầu ta phát ra lửa thì dạy bảo quán thêm nữa, cho rằng ta thường thấy trên đỉnh đầu lửa xuất hiện tức trong thân an lạc, không có loạn tưởng. Đây là pháp Đảnh.

Kế đến, dạy chú ý làm cho xương được trắng sạch, phân tán rơi rụng nơi đất như tuyết, hoặc như đất nát, trên đó hoặc có ánh sáng trắng, đủ loại vật khác thì nên dạy quán thêm về chúng.

Nếu nói thấy liên tục niềm an vui như vậy ở trong thân thì phải bảo: Khi xưa ông đã ưa thích nơi con người, thường nhớ nghĩ và làm việc thế gian. Người kia quán rồi và nói: Tôi nhớ nghĩ về con người và được thấy, chỉ biến đổi làm máu mủ bất tịnh, rất đáng sợ phải nhìn thấy. Kế đến dạy quán thân thể như bó cỏ, hoặc như túi cỏ lác rỗng không.

Nếu nói tôi thấy thân mình như bó cỏ khô, hoặc như túi cỏ lác rỗng, có lửa thiêu cháy hết, không có ngã thì dạy quán thêm nữa. Khi ý của ông khởi lên thì từ đâu khởi? Khi diệt thì từ đâu diệt? Hãy quán về nó. Nếu người tu quán sát nói: Tôi thấy biết ngay khi khởi từ ý khởi, lúc diệt từ chóp mũi diệt. Khi từ chóp mũi diệt thì trong thân vắng lặng không nhận biết có ngã, phân biệt rõ ràng, dạy quán trên đảnh. Cho rằng, tôi thấy thân cao lớn, trên đảnh tuôn ra nước chảy đầy tràn khắp thân, trong rốn tuôn ra dòng nước ở trên mặt đất. Nước chảy hết rồi, dạy lại rơi xuống nước, khiến thân thô lớn.

Nếu nói tôi thấy thân lớn như nước tràn đầy, ở trong thân nước chảy ra thành ao lớn, thì dạy dùng váng sữa rưới lên đảnh khiến vào trong thân.

Nếu nói, tôi dùng váng sữa rưới lên đảnh, làm cho thân rộng lớn, thì dạy quán thật về nó.

Nếu nói quán trong chốc lát thấy da nổi lửa, lửa liền bốc cháy đầy trong thân thì dùng nước dập tắt, làm cho lửa diệt mất hết, mau được sống lại, thì dạy buộc tâm ý quan sát về ao nước. Đáp rằng: Tôi thấy trong ao nước tự nhiên có cây cối, cây cối sinh ra quả ngọt. Thấy quả này rồi, nếu có chúng sinh đói khát đến cầu xin, người quan sát thấy họ thì dạy khởi tâm Từ, liền tự quán thân.

Nếu nói tôi quán tự thân, tất cả máu mủ chảy ra trên đất, chúng sinh thấy như thế liền lấy để ăn, ăn xong no nê, đi về bốn phía, thì dạy tự quán về thân mình và quán thân người khác.

Nếu nói thấy nhiều loài ngạ quỷ đến gần bên thân, bị đói khát bức bách, mạng sống như sợi tóc thì dạy dùng tâm Từ đem thân bố thí cho chúng. Nếu nói, tôi đã dùng thân để bố thí cho chúng, khiến chúng được đầy đủ thì dạy quán thêm nữa.

Nếu nói tôi thấy vô số chúng sinh đứng vòng quanh bốn bên thân. Nếu thấy sự việc ấy thì nên dạy tự quán thân mình. Nếu nói, tôi tự thấy thân máu mủ bất tịnh ở trên đất, chúng sinh thấy đó liền lấy để ăn, ăn được no nê thì dạy quán thật kỹ. Tôi thấy bỗng nhiên lửa bốc cháy đốt những kẻ có tội và chính thân tôi, nước ở trong ao đã khô cạn hết, thì lại dạy quan sát kỹ về kiến xứ.

Nếu nói tôi thấy chúng sinh và thân mình với nước trong ao đều bằng nhau, thì lại như cũ quan sát chúng sinh và thân mình. Nếu nói, tôi thấy sữa trong thân tôi xuất ra chảy xuống đất, chúng sinh thấy đó nhưng không thể ăn được, do tội nặng, thì dạy dùng tâm Từ để quan sát. Nếu nói, trong chốc lát sữa nơi tôi hóa thành mủ, chúng sinh đói khát bèn ăn nó, đã ăn no nê rồi liền thấy dưới bàn chân lửa cháy thiêu đốt các chúng sinh bỗng nhiên diệt mất hết. Hành giả thấy được sự việc này rồi thì nên dạy tự phát thệ nguyện không thọ sinh nữa. Lại dạy quán về ao nước như trước.

Nếu nói tôi quán thấy ao nước, trong ao có hoa sen cành lá tốt tươi, thấy việc này rồi, tự thân nhập vào trong nước, ngồi bên rừng cây, tự quán lửa về trong thân bốc ra đầy nơi ao, trong chốc lát hốt nhiên lửa bùng lên tự thiêu thân mình và chúng sinh, nước trong ao cạn hết. Lại dạy quán thêm nữa.

Nếu nói tôi thấy trong ao bỗng dưng cây sinh cành lá um tùm, sinh ra quả ngọt, hành giả thấy sự việc đó bèn đi đến nơi cây để ăn quả, ăn no đủ rồi, thân tâm sáng sạch, an ổn, vui vẻ. Lại dạy quán thanh tịnh về ao này

và thân của mình.

Nếu nói, trong chốc lát đều đã khô héo, hành giả thấy tướng hủy hoại ấy, trong lòng sợ hãi, liền đến bạch thầy, thầy nên dạy: Thân là gốc khổ, dạy quán thân như bọt nước.

Nếu nói, tôi thấy thân mình như bọt nước và thân xuất hiện xương, xương hiện ra rồi liền dùng tay ghiền nát như bột để làm đất. Lại dạy quán thân như túi hơi.

Nếu nói, tôi tự quán như túi hơi liền biến từ xương ra, xương ấy rất nhỏ, nghiền nát để bôi lên đất, đất ấy màu xanh. Lại dạy quán về thân.

Nếu nói tôi quán sát thân như hạt bụi nhỏ và thân xuất hiện xương, xương ấy rất đen, nghiền nát dùng làm đất. Lại dạy tự quán thân và quán về đất.

Đáp rằng tôi quan sát ao ấy có rắn xuất hiện, thân đỏ như lửa, đến gần như bức bách thân, liền biến thành lửa tự thiêu thân mình, lặp đi lặp lại bảy lần như vậy, ở trong hư không tự nhiên có nước rưới lên, thân rắn liền diệt. Tiếp tục dạy trở lại quán về thân cùng quán về đất.

Nếu nói, tôi quan sát trong chốc lát tự nhiên ánh sáng xuất hiện cao lớn, sáng đẹp. Lại quán thân.

Nếu nói tôi cảm thấy dễ chịu, tâm ý vui vẻ, không có chán nản, tự nhiên ánh sáng tỏa chiếu khắp thân bảy lượt. Lại dạy quán tự thân.

Nếu nói tôi tự thấy trên đảnh đầu có ánh sáng giống như mây che, màu sắc như bạc. Đầy đủ sự việc này nên đối với đạo thứ nhất cũng gọi là quán về lửa.

Kế đến quán về thủy đại, dạy khiến quan sát trong thân ở đâu có nước. Nếu nói trong thân toàn là nước, thì dạy quan sát thêm nữa.

Nếu nói tôi thấy trong mắt xuất hiện nhiều nước là tốt, nếu không chấp, ông quan sát từ đầu trở lên xem nước ở đâu xuất hiện.

Nếu nói tôi thấy nước từ trong mắt lại không rơi xuống đất thì mắt như bọt nước, trong đầu cũng vậy.

Người thầy phải hỏi:

–Ông thấy nước giống như cái gì? Khi xuất hiện có tướng gì?

Đáp: Tôi thấy trong đầu không ấm, không lạnh, rất tốt. Nếu nói nước nóng lên thì phải biết là không thật.

Lại dạy quán thêm. Phải khiến cho nước không ấm, không lạnh mới là tướng thật. Dạy quán sát về cổ họng, ngực cho đến trong bụng khiến thấy nước tràn đầy, song chỉ làm cho nó nhập vào nơi cánh tay và chân, nước

phải là màu pha lê. Nếu nhận biết nước là nóng ấm như thế mới là thật, nếu là khác thì chẳng phải thật. Kế đến quan sát trong thân thông đến tay chân. Nếu nói tôi thấy đều là tướng túi da, lại thấy nước đầy khắp phòng nhà, giường, tòa. Nước lạnh ấy mới là thật, nếu khác thì chẳng phải là thật. Nếu nhận lấy nước rộng khắp thì rất tốt.

Kế đến quan sát thủy đại từ đâu diệt mất? Nếu nói, tôi thấy nước từ trong thân tôi diệt mất, chỉ còn da rỗng hoặc như bó cỏ, lửa bùng lên thiêu cháy hết, thì biết rõ không có ngã. Quán xong về thủy đại.

Kế đến quan sát về hỏa đại. Dạy quán sát bốn bên rốn chỗ nào có lửa? Nếu nói tôi thấy trên rốn lửa nổi lên, hoặc nói từ trong mũi phát ra, hoặc nói từ trong miệng xuất hiện, hoặc nói từ trong mắt, tai phát ra, thì dạy quan sát thêm.

Đáp: Tôi thấy ánh sáng năm màu xuất hiện ở trong mũi, hình dáng của chúng giống như sợi tơ, trong thân không ấm, không lạnh. Đây là một pháp. Dạy quán thêm về chúng.

Nếu cho rằng, tôi thấy lửa từ trên đảnh đầu xuất hiện, hoặc nói từ đường dưới phát ra thì dạy quán thêm nữa.

Như nói: Tôi thấy lửa ở trên đầu hình dáng như cái dù mây, hoặc nói ở dưới như dáng mây, thân vui vẻ, an ổn. Đây là một pháp. Lại dạy quán thêm về thân.

Nói: Tôi thấy lửa từ trong rốn xuất hiện giống như hoa sen, màu bằng vàng ròng, rất đẹp. Lại quan sát lửa ở trong thân.

Nếu nói, tôi đi, ngồi thường thấy lửa, không chỉ khi ngồi, khi đi thấy lửa, giống như người cầm giữ lửa mà đi, thường ở trước tôi hết sức sáng rõ. Thế nên người khác cho là lạ lùng, nhưng người khác thật sự không thấy, mà thân thường nóng ấm. Đây là một pháp. Dạy quán lâu dài thêm. Cho rằng, tôi thấy nước nơi biển, trong đó có ngọc báu Ma-ni. Ngọc này ánh sáng phát ra như lửa. Ngọc này là một pháp. Quán xong về pháp hỏa đại.

Kế đến quan sát về phong đại. Phong đại này tánh vốn vi tế, chẳng phải là các chi tiết hiện rõ để có thể giải thích nên không xuất hiện. Bốn đại này là nơi chốn làm nguyên do căn bản cho việc ngồi thiền. Tuy thấy nhiều tướng khác nhau nhưng cần phải hướng đến bốn thứ ấy để quan sát.

Ban đầu dạy quán Đức Phật. Trước hết dạy ngồi thiền định, không khiến theo niệm bên ngoài và các duyên sai khiến nơi người khác. Sau đó, tiến đến trước hình tượng tốt đẹp, khiến quan sát kỹ về tượng tốt một cách rõ ràng, tiếp theo là ngồi yên, dạy dùng tâm tự quan sát tướng tốt của hình

tượng này.

Nếu nói tôi thấy hình tượng một cách phân minh, tức là việc thứ nhất.

Dạy tự quán về thân, khiến thân ngồi yên, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy một Đức Phật đến mười Đức Phật đều rất rõ ràng, tức là việc thứ hai.

Dạy tự quan sát kỹ về thân, dần dần an ổn, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói, tôi thấy mười Đức Phật đến hai mươi Đức Phật một cách rõ ràng, tức là việc thứ ba.

Dạy tự quán về thân làm cho thân chuyển thành an ổn thanh tịnh, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy hai mươi Đức Phật đến năm mươi Đức Phật, rõ ràng như ở trước mặt, tức là việc thứ tư.

Dạy tự quán về thân khiến ý chuyển đổi tinh tế, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy năm mươi Đức Phật đến trăm Đức Phật tướng tốt như ở trước mặt, tức là việc thứ năm.

Dạy tự quán về thân làm cho tâm chuyển đổi tinh tế, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy trăm Đức Phật đến hai trăm Đức Phật rõ ràng như ở trước mặt, tức là việc thứ sáu.

Dạy tự quán về thân khiến tâm chuyển đổi tinh tế, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy hai trăm Đức Phật đến bốn trăm bốn trăm Đức Phật rõ ràng hơn ở trước mặt, tức là việc thứ bảy.

Dạy tự quán về thân làm cho tâm chuyển đổi tinh tế, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy bốn trăm Đức Phật đến tám trăm Đức Phật, tướng tốt chuyển sáng, tức là việc thứ tám.

Dạy tự quán về thân khiến tâm chuyển đổi tinh tế, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy tám trăm Đức Phật đến ngàn Đức Phật, tức là việc thứ chín.

Từ một Đức Phật đến ngàn Đức Phật, quan sát kỹ tướng tốt vô cùng một cách phân minh, trở lại tự quan sát về thân bất tịnh máu mủ liền dạy thực hành pháp quán bất tịnh. Nếu thấy xương trắng liền thực hành quán về xương trắng. Nếu thấy chúng sinh đau khổ thì thực hành quán tâm Từ. Nếu không thấy những việc này thì trở lại quan sát một Đức Phật, chí tâm khẩn cầu sám hối là pháp của người ban đầu học quan sát nơi Đức Phật. Nếu hướng đến trụ địa thì nên quan sát rộng về Đức Phật. Nếu nói tôi thấy một Đức Phật đến trăm ngàn vạn, cho đến vô số Đức Phật, tướng tốt một cách rõ ràng, thì đây là việc thứ mười.

Dạy quán về tự thân khiến thân sáng sạch. Dạy trở lại quan sát Đức

Phật, phát thệ nguyện lớn, sinh tâm cúng dường, cho rằng tôi thấy vô lượng Đức Phật, ở trước Đức Phật tự nhiên có hoa, liền đem cúng dường khiến cho hoa hiện bày cùng khắp. Đây là việc thứ mười một.

Dạy tự quán về thân làm cho thân sáng sạch, dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi như thấy ở trước, thấy rồi lòng sinh vui mừng thì dạy chí tâm quan sát về Đức Phật, nhớ nghĩ muốn cúng dường. Nếu nói tôi thấy tự nhiên có hoa mọc lên, đủ loại màu sắc, có người lấy hoa đẹp này đưa cho tôi, rải lên cúng dường chư Phật, hoa rải khắp nơi mà không cùng tận. Đây là việc thứ mười hai.

Kế đến dạy ngồi bên cạnh Đức Phật, tự quán sát về thân mình khiến nó hết sức sáng sạch, dạy trở lại quan sát, bắt đầu từ phương Đông, làm cho ý hướng đến phương Đông, thấy vô số Đức Phật mới dừng lại. Đây là việc thứ mười ba.

Trước dạy về cảnh giới, kế đến đi về phương Đông. Nếu nói ý của tôi đi về phương Đông thấy vô số Đức Phật, đầy trong hư không, không có biên giới, ý mời dừng lại, rồi khiến cho ý trở lại đi về phương Đông cần có giới hạn, liền trụ ở phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Đây là việc thứ mười bốn.

Dạy khiến tự quán những chi tiết ở trong thân một cách rõ ràng. Nếu nói tôi là người nhìn thấy thì dạy trở lại quan sát dưới chân của Đức Phật. hoặc nói, tôi thấy dưới chân của Đức Phật hào quang xen lẫn nhau, sau đó tỏa đến bốn phương, tất cả chư Phật đều ở trong hoa sen bên trên ánh sáng. Đây là việc thứ mười lăm.

Dạy khiến quan sát về Đức Phật, tâm vui mừng quan sát kỹ dưới chân. Nếu nói, tôi thấy dưới chân của Đức Phật ánh sáng phát ra chiếu khắp mặt đất, không có biên giới thì dạy nương theo ánh sáng này để quan sát. Nếu nói tôi thấy chúng sinh đau khổ, vô lượng vô biên ánh sáng đã chiếu đến các nơi ấy, chúng sinh đều được an lạc, thì đây là việc thứ mười sáu.

Dạy quán về tự thân làm cho chuyển đổi thành sáng sạch. Dạy quan sát nơi lỗ rốn của một Đức Phật. Nếu nói tôi thấy trong rốn của một Đức Phật có ánh sáng xuất hiện, chiếu đến nơi rất xa của bốn phương, tất cả chư Phật đều an trụ trên ánh sáng, thì đây là việc thứ mười bảy.

Dạy dùng ánh sáng để quan sát. Nếu nói tôi thấy vô lượng người ở trong ánh sáng thể hiện sự thọ nhận niềm vui, thì đây là việc thứ mười tám.

Dạy tự quán nơi thân làm cho vô cùng sáng sạch, dạy trở lại quan sát nơi hai vú của một Đức Phật. Nếu nói tôi thấy trong hai vú của Đức Phật tự nhiên xuất hiện ánh sáng chiếu khắp bốn phương, tất cả chư Phật đều ở

trên ánh sáng ấy thì đây là việc thứ mười chín.

Dạy dùng ánh sáng để quan sát, nếu nói tôi thấy trong ánh sáng này có vô lượng người đều thọ nhận niềm vui, thì đây là việc thứ hai mươi.

Dạy tự quán về thân, thấy thân rất sáng, dạy trở lại quan sát khoảng giữa đôi lông mày của một Đức Phật. Nếu nói tôi thấy ánh sáng từ khoảng giữa đôi lông mày xuất hiện lớn cái đấu, dần dần to lớn, liền vọt lên ở giữa hư không, thì dạy dùng ánh sáng để quan sát. Vì tùy theo ánh sáng nào mà ý cảm thấy mệt thì dừng lại, càng tìm kiếm thêm nữa. Nếu nói tôi tìm kiếm trên đến vô cực, tới chỗ tận cùng của ánh sáng, thì đây là việc thứ hai mươi mốt.

(*)

Dạy dùng hoa của Đức Phật bắt đầu từ phương Đông. Nếu nói tôi thấy ánh sáng rực rỡ có vô lượng ánh sáng vi tế, đều như sự nhìn thấy, tận đầu ánh sáng có hóa Phật đầy khắp ở phương Đông, ở giữa cùng bỏ qua hai mươi hai việc, thì dạy tiếp tục đi về phương Đông để quan sát. Nếu nói tôi đi và thấy vô lượng Phật, ý cảm thấy mệt mới dừng lại, thì dạy tiếp tục quan sát đến nơi rất xa, liền thấy tướng khác, cho đến phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Đây là việc thứ hai mươi ba.

Dạy tự quán về thân. Nếu nói tôi tự thấy nơi thân đều sáng sạch, giống như ánh sáng hội tụ thì dạy khiến quán Phật, lần lượt làm lễ cúng dường. Nếu nói tôi thấy vô lượng Đức Phật xếp thành hàng, tôi cầm các loại hoa lần lượt tung rải cúng dường chư Phật, đều được cùng khắp, thì đây là việc thứ hai mươi bốn.

Dạy quan sát về việc cúng dường hoa ấy. Nếu nói tôi thấy hoa rơi xuống bên cạnh Đức Phật liền thành màn hoa, hàng lối tuần tự, trang hoàng đẹp đẽ thảy đều như vậy, tất cả chư Phật đều ngồi trên giường của mình, ở trong màn hoa, thì đây là việc thứ hai mươi lăm.

Dạy quan sát về màn hoa. Nếu nói tôi thấy màn hoa dần dần cao lớn, vọt lên nơi hư không thuận hợp một cái lọng che tất cả Đức Phật, thì đây là việc thứ hai mươi sáu.

Dạy quán về tự thân. Nếu nói tôi thấy thân mình to lớn giống như ánh sáng hội tụ, thì dạy trở lại quan sát Đức Phật, lần lượt làm lễ, đều khiến được cùng khắp giống như quan sát về cái lọng. Nếu nói tôi thấy trong lọng hoa trên có đài hoa, phía dưới là bảy thứ báu tạo thành, bên trong dù có hoa

---

* *Nguyên bản không có.*

rủ xuống, dùng tay nhận lấy, thì dạy phân tán đến các phương để cúng dường chư Phật khiến thảy được cùng khắp. Đây là việc thứ hai mươi bảy.

Dạy hướng đến Đức Phật làm lễ, cầu nguyện. Dạy khiến chí tâm ngồi bên cạnh Đức Phật. Nếu nói tôi ngồi trong chốc lát thấy từ nơi đất tự nhiên vọt ra đài bảy báu, màu sắc tuyệt đẹp, hương thơm ngào ngạt, liền lấy để cúng dường tất cả Đức Phật. Đây là việc thứ hai mươi tám.

Dạy tự quán thân rất sáng sạch, thân sáng sạch xong, ngồi bên Đức Phật, quan sát việc cúng dường hoa. Nếu nói, tôi thấy hoa này ở dưới chân Đức Phật, liền biến thành tòa lưu ly, tuần tự bày ra theo hàng lối, Đức Phật ngồi lên trên đó, đường viền ở giữa đều là thứ báu tốt đẹp, tạo nên đường thẳng không gì sánh kịp. Đây là việc thứ hai mươi chín.

Dạy quán tự thân. Nếu nói tôi thấy trong thân lại có thân nhỏ, hai thân chồng lên nhau mà xuất hiện ở bên trong, nhìn thấy bên ngoài sáng sạch, thì dạy trở lại quan sát Đức Phật. Nếu nói tôi thấy tất cả Đức Phật nhập vào trong thân một Đức Phật mà không chật hẹp, thì đây là hoàn tất việc thứ ba mươi.

Quan sát Đức Phật có nhiều việc nhưng chỉ lược nêu ra ba mươi việc để dạy cho hành giả mà thôi.

Ban đầu dạy pháp quán tâm Từ, trước hết chỉ dẫn sám hối, làm thanh tịnh thân, khẩu, ý, chí tâm tha thiết, phát thệ nguyện rộng lớn. Sau đó dạy ngồi thiền, dùng tâm, mắt tự quán thân mình. Nếu nói tôi thấy tự thân liền quán thân khác. Nếu nói tôi thấy chúng sinh bị khổ đau ở trước mặt, dưới chân lửa cháy, tạo thành hầm lửa thiêu đốt các người có tội, máu mủ nơi thân thể chảy thành ao, cao tiếng kêu to đau khổ vô lượng. Lại thấy bốn hướng có thành bao bọc xung quanh, thì đây gọi là việc thứ nhất.

Dạy phát nguyện lớn, sinh tâm thương xót, quan sát kỹ chúng sinh. Nếu nói tôi thấy những người có tội bị lửa bức bách xô đẩy xuống ao máu mủ, máu mủ ở trong ao biến thành hầm lửa thiêu đốt những người bị tội, đau khổ vô lượng, bèn cùng gào khóc, không có chỗ yên ổn dừng nghỉ. Đó là việc thứ hai.

Dạy khiến quan sát kỹ, chớ ôm lòng lo sợ, tâm thề cứu giúp khiến người thay đổi cho đến nhiều người. Nếu nói tôi và người người thay đổi nơi bản thân mình, sắp lên khỏi hầm, được sống lại thì gọi là việc thứ ba.

Dạy quan sát kỹ chúng. Nếu nói tôi thấy ở trong cửa các thành có vô lượng người bị ném xuống hầm lửa, chịu khổ sở, xin thay thế để khiến họ ra khỏi hầm lửa đến nơi an ổn, thì đây là việc thứ tư.

Dạy quan sát kỹ. Nếu nói tôi thấy người ở trong các cửa đến không

ngớt, chịu vô lượng khổ, tôi dùng năng lực của tâm Từ liền lấy tay vỗ mạnh vào cửa ấy, cửa liền bị vỡ hết, bốn bức tường đều bị phá tan, thì đây là việc thứ năm.

Dạy dùng tâm Từ để quan sát. Nếu nói tôi thấy những người trị tội nhân tâm sinh thương xót, tuôn lệ như mưa, dùng tay hứng lấy tưới xuống hầm lửa, lửa liền tắt hết, thì đây là việc thứ sáu.

Dạy quán sát thêm chúng, thấy lửa đã tắt hết, chỉ còn máu mủ đầy ngập hầm lớn, tự thân tuôn ra nước tích chứa nơi ao, máu trong ao tiêu hết, nước ao được lắng trong thì đây là việc thứ bảy.

Dạy khiến quan sát kỹ. Nếu nói tôi thấy trong ao mọc ra cây hoa lớn, chúng sinh thấy cây ấy liền đi đến chọn lấy. Dạy khiến uống nước, tắm rửa làm cho thân thanh tịnh, thì đây là việc thứ tám.

Dạy tự lên trên đài hoa. Nếu nói tôi lên trên đài hoa rồi, thấy chúng sinh bên dưới cũng muốn được lên, liền kéo họ lên trong hoa. Hoa ấy nhỏ hẹp không đủ dung chứa, tôi dùng tay xoa mạnh làm cho hoa trở nên rộng lớn dung chứa được, thì đây là việc thứ chín.

Dạy tự quan sát nơi thân mình sáng sạch. Nếu nói tôi thấy những người bị tội đói khát cần ăn uống, nên sinh tâm thương xót, ở bên cạnh thân có các thức ăn uống, tôi liên ban cho họ, khiến đều no đủ, được nghỉ ngơi, các người tội đều nói lìa khổ được vui, thì đây là việc thứ mười.

Dạy quan sát kỹ, đài hoa lớn thêm, có nhiều tầng lớp mọc ra, tôi liền lên đến tầng thứ hai, thân ngồi yên ổn rồi bèn gọi những người ở dưới, tất cả đều lên đài hoa, vui mừng được an trụ. Tôi phát sinh tâm Bi đối với các chúng sinh ở đấy có những vật cần thiết để ăn uống no đủ. Tôi dùng tâm từ để thuyết pháp cho họ. Các ông do đời trước tạo vô số nghiệp ác như dùng lửa dữ thiêu đốt nhà nhiều người nên đời nay chịu quả báo này. Các ông phải sám hối, diệt trừ tội đời trước, đây là việc thứ mười một.

Dạy phát sinh tâm thiện, lại trèo lên đài hoa. Nếu nói tôi đã lên và những người ở tầng dưới cũng đã lên, những thứ cần thiết cho họ không bị thiếu thốn, lại phải thuyết pháp nói về cõi trời và nhân gian phải chịu mọi báo ứng của năm đường, khiến cho tâm được thông hiểu, thì đây là việc thứ mười hai.

Dạy lại lên trên hoa. Nếu nói tôi đã ở trên hoa, vì những người tầng dưới muốn được lên, đều đưa họ lên, tôi lại phát sinh tâm hỷ quan sát trong hoa này, thấy có những vật cần thiết tự nhiên hiện ra như vàng, bạc, châu báu, áo quần, thức ăn uống, thảy đều cung cấp cho họ. Các thứ nhạc hay của chư Thiên tự nhiên vang đến, tùy theo ý muốn để lãnh thọ niềm vui,

liền vì họ thuyết giảng chánh pháp. Tâm thiện của các ông bắt đầu sinh quả báo, nên đến đúng lúc để nhận lãnh quả báo ấy. Đây là việc thứ mười ba.

Dạy làm tăng thêm tâm thiện, nương theo hoa mà đi lên. Nếu nói tôi đã lên nơi đầu đài hoa, những người ở dưới đều sinh tâm vui mừng, liền sau đó đều lên hết trên chỗ ấy. Lại dạy quan sát hoa. Nếu nói tôi thấy nơi đầu hoa sinh ra hai mươi loại quả lớn hương vị đầy đủ, bảo mọi người trên cây có quả, có thể lấy ăn, liền theo như lời nói, ăn được no đủ, đều cho là an vui, thì đây là việc thứ mười bốn.

Dạy quán trong hoa. Nếu nói tôi thấy trong hoa có đài bằng bảy thứ báu tự nhiên xuất hiện, nơi ấy có quyển kinh tên Trí Tuệ, tôi liền bảo cho tất cả mọi người đều biết: Ở đây có kinh này nêu giảng pháp ba thừa, các ông phải làm lễ sinh tâm cung kính, dâng hương hoa cúng dường, lại muốn được nghe pháp, tôi sẽ nói cho: Đốt hương rải hoa cúng dường xong, muốn được nghe pháp tôi sẽ giảng nói. Tôi và chúng hội đều không thanh tịnh, làm sao có thể nghe pháp? Phải khiến cho thân tâm thanh tịnh, liền vâng theo lời dạy. Tôi nói với mọi người đều ngồi ngay thẳng, nhắm mắt, nhất tâm trừ các tưởng loạn động, tôi cũng như vậy, trong chốc lát toàn thân sáng, sạch, tâm ý vắng lặng, tôi liền nói với họ. Nay tôi sẽ thuyết pháp diệu này cho các ông, hãy chí tâm lắng nghe, lãnh thọ; mọi người liền vâng theo lời dạy. Tôi vì mọi người thuyết giảng khiến họ được lãnh hội chánh pháp. Nghe pháp xong, trên hư không tự nhiên có ánh sáng chiếu tới đài hoa này. Tất cả mọi người ở khắp bốn phương đều được thanh tịnh. Những người này thấy ánh sáng ấy vô cùng vui mừng, tìm kiếm theo ánh sáng mà đi đến. Đây là việc thứ mười lăm.

Dạy quan sát kỹ về thân. Nếu nói tôi tự thấy thân, ánh sáng xuất hiện vây quanh bốn bên, ánh sáng ấy càng sáng rõ thêm liền tự dùng tay đẩy ánh sáng này xa đến bốn phương, có vô lượng người tìm theo ánh sáng đi đến. Tôi dùng tâm Từ cung cấp cho họ những thứ cần thiết, khiến đều được đầy đủ không gì thiếu thốn, liền vì họ thuyết pháp, giúp họ đạt được sự tin, vui mừng thọ lãnh, vâng làm, trong khoảnh khắc thân vọt lên hư không, thứ lớp mà đi. Đây là việc thứ mười sáu.

Dạy quan sát kỹ về đài hoa. Nếu nói tôi thấy những đài hoa hiện có đều đã mất đi, không thấy được bốn hướng thanh tịnh. Nơi sự việc nầy cảnh giới cũng nhiều nhưng chỉ lược nêu lên bấy nhiêu thôi.

Tiếp tục dạy thực hành pháp quán tâm Từ. Trước tiên dạy dùng tâm Từ để tự quan sát thân mình, thấy rõ ràng rồi, liền dạy quán xét những chúng sinh khổ đau. Nếu nói tôi thấy phía bên trong của bốn ngọn

núi có địa ngục lớn, những người bị tội ở đầy trong đó, chịu đau khổ dữ dội, trong khoảnh khắc tự nhiên có lọng sắt che phủ các người bị tội, làm cho họ không thể xuất hiện. Đây là việc thứ nhất.

Dạy dùng tâm Từ để phát thệ nguyện lớn: Tôi sẽ cứu giúp vô lượng chúng sinh đau khổ, khiến họ được giải thoát. Liền khởi tâm Từ, ngồi trên lọng sắt, phá bỏ lọng sắt này. Nếu nói tôi đã dùng tay này phá tan lọng sắt, dần dần phá hết, liền hướng xuống dưới, quan sát thấy các người tội chịu đau khổ lớn, có bánh xe sắt nặng ở trên đầu họ, hoặc ở nơi thân, hoặc ở dưới chân, hoặc lớn hoặc nhỏ, máu mủ chảy ra, đau đớn vô cùng, lớn tiếng kêu khóc, không thể chịu đựng nổi. Lại thấy vô số dụng cụ trị tội để trị những tội nhân kia, khổ sở vô cùng không thể nói hết. Đây là việc thứ hai.

Lại nữa, dạy phát thệ nguyện, tăng thêm tâm Bi để quan sát sự việc ấy. Nếu nói tôi thấy những tội nhân này tâm phát sinh thương xót, lệ tuôn như mưa, những người đó được nghỉ ngơi trong thời gian ngắn. Đây là việc thứ ba.

Dạy tu tâm Từ, thay đổi cho những người bị tội đem đến chỗ cao, liền được hết tội, trong chốc lát người người đều như vậy, đây là việc thứ tư.

Dạy quan sát thêm về sự việc đó. Nếu nói tôi thấy bốn phía của địa ngục có gò cao nổi lên, ở đó có ao máu mủ, khắp nơi trong ao bỗng nhiên lửa bốc cháy, thiêu đốt các người bị tội, đau đớn khó chịu đựng nổi, gào khóc than oán. Nếu nói tôi thấy những việc này sinh tâm thương xót thì ở bên thân tay tuôn ra nước sạch, rưới xuống bốn phía, làm cho lửa dần dần dập tắt, khiến họ được dừng nghỉ ít nhiều. Đây là việc thứ năm.

Dạy quan sát thêm nữa. Nếu nói tôi thấy trong núi có vô lượng người đi vào địa ngục, chịu các khổ sở không thể tính kể. Tôi thấy việc này rồi lòng sinh thương xót, liền đứng trên chiếc bè ở trong ao, thay thế cho những người tội, đưa họ lên bè, khiến được nghỉ ngơi, người người cũng như vậy. Đây là việc thứ sáu.

Dạy quan sát kỹ chúng. Nếu nói tôi thấy ở trong các ngọn núi, người đến không ngừng luôn luôn chịu khổ, tôi dùng diệu lực của tâm Từ tiêu diệt ngọn núi ấy khiến thành đất bằng thì đây là việc thứ bảy.

Dạy dùng tâm Từ, ở trên ao này, lên nơi hư không mà ngồi, thân tuôn ra ít nước vào trong ao. Nếu nói tôi ngồi nơi hư không, tuôn nước xuống ao, máu mủ trong ao đều chảy ra bốn phía, ao ấy được lắng trong, trong khoảnh khắc bốn mặt của ao liền có lửa bốc lên, thiêu cháy hết máu mủ này, thì đây là việc thứ tám.

Dạy dùng tâm Bi, ngồi bên trên ao, quan sát kỹ bốn phía. Nếu nói tôi

thấy những dụng cụ độc hại như bánh xe sắt đi đến dưới tòa ngồi của tôi làm thành đài lớn. Những người bị tội đến từ chốn yên ổn của bốn phương. Tôi ở trên đài thấy lửa phía dưới bốc lên và đài bị đốt cháy hết, lửa lan đến bốn phía thiêu đốt tất cả, thì đây là việc thứ chín.

Dạy quan sát nơi ao. Nếu nói tôi thấy trong ao có dòng suối rộng lớn lan đến bốn phương không có giới hạn, ở đó có những hoa sen mọc lên dần dần rộng lớn che phủ trên ao ấy, thì dạy ở trong hoa quan sát bốn phía, thấy bốn bên của ao có vô lượng người muốn đến chỗ tôi. Tôi dạy họ tắm rửa làm cho thân thanh tịnh. Thân sạch sẽ rồi, ở giữa cánh hoa liền nở ra phần ít, dưới nước, trên giữa bờ đường khiến mọi người đều lên trên đài hoa. Đây là việc thứ mười.

Dạy quan sát bốn bên ao. Nếu nói tôi thấy bốn bên ao có lầu gác tự nhiên xuất hiện và hoa nối tiếp nhau, khiến mọi người hướng lên lầu này, liền được nghỉ ngơi. Mỗi mỗi người tự nói: Được an vui rồi thì dừng nghỉ. Họ liền tìm cầu đồ uống ăn nhưng không có gì để cho. Tức thì nơi đầu mười ngón tay tuôn mưa, mưa hoa làm sữa, mọi người đều được no đủ. Đây là việc thứ mười một.

Dạy quan sát nơi đài hoa. Nếu nói tôi thấy trong đài hoa lại có đài hoa khác xuất hiện và các lầu gác ở bốn phương đều có tầng lớp, rộng lớn như ở trước mặt. Tôi lại lên trên, ở giữa cánh hoa liền nở ra phần nhỏ, giống như các bậc thang để mọi người bước lên. Lại dựa vào bốn phía trên của đài, hướng tới lầu gác, tùy nơi đến, phương Đông và ba phương kia cũng như thế. Tăng thêm tâm Bi để quan sát trong hoa này, tự nhiên có sẵn những vật cần thiết, đem cho mọi người ở khắp nơi, khiến họ được đầy đủ, liền thuyết pháp: Thân này là khổ, không bền chắc đều do đời trước phạm năm tội nghịch, tạo các việc ác đưa đến chịu khổ sở này, nay phải sám hối. Theo như lời dạy, liền sám hối, thì đây là việc thứ mười hai.

Dạy quan sát nơi đài hoa. Nếu nói tôi thấy trong đài hoa xuất hiện thêm lầu gác, tôi liền lên đó, đến nơi, lại làm những bậc thang để cho mọi người đi lên. Tất cả lên lầu nghỉ ngơi rồi, tôi ở trên hoa lấy các thức ăn uống, y phục và những vật cần thiết ban cho khắp nơi, khiến không thiếu thốn gì, liền thuyết pháp cho họ, được vô lượng lợi ích, liền sinh tâm tin tưởng, thọ trì trai giới, thuận làm tất cả, thì đây là việc thứ mười ba.

Dạy quan sát thêm về lầu gác của đài hoa. Nếu nói tôi thấy lầu gác của đài hoa như ở trước mặt, sinh ra sự tốt đẹp hơn trước. Tôi cùng mọi người liền lên tầng trên như trước đây, mọi người cùng lên lầu, tôi đưa cho họ những thứ cần thiết, khiến đều được đầy đủ, không thiếu thốn gì, lại

thuyết pháp, tất cả đều lãnh thọ lời dạy đạt được lợi ích, thì đây là việc thứ mười bốn.

Dạy phát sinh tâm hỷ để quan sát kỹ trong hoa. Nếu nói tôi thấy lầu gác nơi đài hoa hiện ra thứ lớp như ở trước mặt, tôi và mọi người cùng lên. Tôi ngồi trên hoa tâm vô cùng vui mừng, trong khoảnh khắc thấy lầu gác của hoa đều là màu vàng ròng do bảy báu hợp thành, trên ấy có kho báu vô tận, các thứ y phục, thức ăn uống, các thứ nhạc cụ như đàn không hầu âm thanh vi tế dịu dàng… tùy theo ý muốn đều được thọ trì, tu hành. Đây là việc thứ mười lăm.

Dạy quan sát trong đài hoa. Nếu nói tôi đã thấy nơi đài hoa ấy có cây mọc vọt lên, lầu cao mười trượng, cành lá sum suê, tỏa hương thơm ngát. Tự lên trên ngọn cây quan sát phía dưới thấy lầu gác phía đó từ tầng trệt đến tầng năm đều bị phá vỡ, mọi người hoảng sợ, cùng than khổ thay! Liền tìm lên trên hoa để ở trong các hoa. Đây là việc thứ mười sáu.

Dạy sinh lòng thương xót cứu giúp mọi người. Nếu nói tôi ở trong cánh hoa, kéo mọi người lên ở trên đầu hoa, liền lấy quả ngọt cung cấp cho họ, khiến không còn thiếu thốn gì, liền thuyết pháp, chỉ dạy tu tập thiền định, vui mừng vô cùng, bay đi trong hư không tùy ý tự tại. Đây là việc thứ mười bảy.

Dạy ở trên hoa quan sát xa ra khắp bốn phương. Nếu nói tôi thấy nơi bốn phương có ánh sáng như lọng mây hướng đến thân tôi. Bấy giờ, nơi thân tôi tỏa ra ánh sáng và lọng mây nối tiếp nhau, tôi dùng tay xoa nơi lọng làm cho rộng lớn. Đây là việc thứ mười tám.

Dạy tìm ánh sáng, bắt đầu từ phương Đông. Nếu nói tôi tìm ánh sáng đi về phương Đông rất xa. Ở trong ánh sáng này thấy vô lượng người từ nơi ánh sáng hướng đến chỗ có hoa. Như vậy, tìm đến nơi chốn của ánh sáng, liền tự trở về chỗ có hoa. Dạy theo thứ lớp hàng lối, cung cấp y phục, thực phẩm, những vật dụng cần thiết khiến họ được đầy đủ, liền thuyết giảng pháp, tùy ý đáp ứng nên đều vui mừng lãnh thọ, tu hành, thân nhẹ nhàng, bay đi trong hư không, theo ý mà đi các phương Nam, Tây, Bắc cũng như vậy. Đây là việc thứ mười chín.

Dạy quan sát thân, làm cho rộng lớn, đầy trong hư không, vô cùng sáng sạch. Lại thấy rõ khắp bốn phương, vô lượng người vân tập đến bên thân. Tôi dùng tâm Từ khiến cho nhập vào nơi thân mình, nhập vào rồi thì ở yên nơi đó. Trong khoảnh khắc có những vật dụng cần thiết tự nhiên hiện bày, tùy ý nên bố thí cho mọi người, không còn thiếu thốn, mỗi mỗi đều được đầy đủ, thảy đều vui mừng, an ổn, liền thuyết giảng pháp, khiến đạt

được vô lượng lợi ích, nghe hiểu rồi tùy ý mà đi. Đây là việc thứ hai mươi.

Những sự việc như thế là rất nhiều, nhưng người lãnh thọ pháp chỉ lược nói những việc ấy thôi. Thân bệnh có ba loại: Bệnh phong, hàn và nhiệt, là những bệnh nhẹ. Tâm bệnh có ba loại: Bệnh khiến thân lo lắng, chuyển động trong vô số kiếp chịu các khổ não. Chỉ có Đức Phật là vị lương y trao cho thuốc pháp. Người nào có thể thọ nhận thực hành thì trừ bệnh sinh tử, khiến tâm được quyết định chuyên tâm không loạn. Như người gặp giặc, tâm an ổn, ý bình tĩnh, vững chắc, tự thể hiện sự trang nghiêm khiến giặc bỏ chạy. Tâm loạn động đối với giặc ác cũng như vậy. Nói như thế nghĩa là tuy máu thịt đã hết chỉ còn da bọc gân xương, cũng không bỏ tinh tấn. Như người bị đốt thân chỉ muốn cứu chữa lửa chứ không tính đến việc khác. Ra khỏi chốn khổ của phiền não cũng như vậy, phải chịu đựng năm việc khổ hoạn, đói khát, lạnh nóng, sân hận… phải tránh xa chốn ồn ào, ở nơi yên tĩnh. Vì sao? Vì những sự ồn ào làm rối loạn thiền định như đi vào rừng gai gốc.

-oOo-

Pháp Quán Về Bốn Tâm Vô Lượng

Người cầu Phật đạo phải thực hành bốn Tâm vô lượng. Tâm này vô lượng nên công đức cũng vô lượng. Ở trong tất cả chúng sinh gồm có ba loại:

1. Cha mẹ, thân quyến, Thiện tri thức…
2. Giặc oán, kẻ ác luôn muốn não hại.
3. Người ở giữa không thân thuộc, không oán thù.

Hành giả đối với ba loại người này dùng tâm Từ quan sát họ như người thân thuộc. Người già như là cha, người trẻ như là con; thường nên tu tập tâm Từ như vậy. Kẻ oán là vì có duyên xấu ác, duyên xấu ác hết thì trở lại thành thân thuộc. Thân oán không cố định. Vì sao? Vì đời nay là oán, đời sau thành thân. Cái ác của sân hận làm mất lợi lớn. Người mất tâm Từ thì bị chướng ngại nơi Phật đạo. Cho nên, đối với kẻ oán thù thì nên gần gũi, như người thân của mình. Vì sao? Vì do những giặc oán thù khiến ta thành Phật.

Nếu khiến cho kẻ oán không làm ác đối với ta thì nhẫn nhục từ đâu sinh ra? Đó chính là Thiện tri thức của ta, làm cho ta đạt được Nhẫn nhục ba-la-mật. Ở trong kẻ oán thù đạt được tâm Từ rồi, thì đối với chúng sinh khắp mười phương dùng tâm Từ thương yêu, nhớ nghĩ đến tất cả. Nơi các

loài bò bay, máy động không có sự an ổn thì khởi tâm Bi. Nếu thấy các chúng sinh được an lạc nơi đời này, được sinh vào chốn an lạc của cõi trời, đạo an lạc của bậc Hiền thánh thì khởi tâm Hỷ. Không thấy chúng sinh có việc khổ vui, không ưa thích, không vui mừng, dùng trí tuệ để tự chế ngự, duyên nơi chúng sinh mà khởi tâm Xả. Đó gọi là bốn Tâm vô lượng. Đối với chúng sinh ở mười phương yêu thích cùng khắp nên gọi là vô lượng. Hành giả nên tu tập tâm này. Hoặc khi có tâm sân hận nổi lên như rắn, như lửa ở trên thân thì phải mau diệt trừ. Nếu tâm giong ruổi vào trong năm dục và bị năm triền cái ngăn che thì phải dùng diệu lực tinh tấn của trí tuệ thu giữ tâm trở lại.

Tu tập tâm Từ là luôn nhớ nghĩ đến chúng sinh, khiến họ đạt được sự an lạc của Phật. Tu tập tâm Từ không ngừng nghỉ thì xa lìa được năm dục, dứt trừ năm triền cái. Người nhập vào tướng Sơ thiền đạt hoan hỷ, an lạc khắp thân. Ở trong các pháp thiện sinh niềm hoan hỷ, thấy đủ loại màu sắc vi diệu. Đó gọi là nhập vào môn ban đầu của Phật đạo. Nhân duyên công đức của thiền định đạt được nơi bốn Tâm vô lượng rồi thì đối với tất cả chúng sinh nhẫn nhục không sân. Đó gọi là chúng sinh nhẫn. Đạt được chúng sinh nhẫn rồi, thì dễ đạt được pháp nhẫn. Người chứng được pháp nhẫn nghĩa là các pháp không sinh, không diệt, hoàn toàn là tướng không. Người có thể tin nhận pháp nhẫn này gọi là bậc Vô sinh nhẫn, được thọ ký đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Người muốn chứng được Phật đạo nên phải tu tập như vậy. Cầu được Sơ thiền trước hết tu tập các pháp quán như thế, hoặc quán bất tịnh, hoặc quán nhân duyên, hoặc hành Tam-muội niệm Phật, hoặc an ban niệm hơi thở ra vào, sau đó được nhập vào các thiền định. Người cầu Phật đạo trước hết tu tập bốn tâm vô lượng, được dễ dàng nhập vào Sơ thiền. Nếu người căn tánh lanh lợi, thẳng cầu Sơ thiền thì quán xét năm dục có đủ thứ hoạn nạn, lỗi lầm giống như hầm lửa, như nhà xí, nhớ nghĩ đến quả vị Sơ thiền như ao nước trong mát, như đài cao, lầu gác… Năm triền cái được đoạn trừ liền chứng được Sơ thiền. Như vị Tiên nhân Hậu Lợi, ban đầu học thiền, giữa đường thấy tử thi bị trương sình, thối rửa, hôi hám, tâm quan sát kỹ tử thi, tự thấy thân mình như nó không khác gì, đến nơi yên tĩnh chuyên tâm nhớ nghĩ liền chứng được Sơ thiền. Đức Phật ngồi thiền ở bên sông Hằng, có Tỳ-kheo ít học thưa hỏi Đức Phật: Thế nào là đắc đạo? Phật dạy: Vật của người khác chớ lấy, liền hiểu được pháp không, tức đạt được Đạo tích. Người học rộng tự cho là khác lạ, không có chỗ chứng đắc, thưa hỏi Đức Phật.

Phật dạy:

–Lấy hòn đá nhỏ trong dòng sông Hằng, ông hãy dùng tâm ý lấy

nước rửa sạch.

Tỳ-kheo vâng theo lời dạy.

Đức Phật hỏi:

–Nước nơi sông nhiều hay nước rửa bình nhiều?

Tỳ-kheo Đáp:

–Nước sông nhiều không thể so sánh được.

Phật dạy:

–Không dùng tay để rửa, chỉ dùng nước, tuy nhiều cũng không có ích. Hành giả phải siêng năng tinh tấn dùng ngón tay của trí tuệ, thiền định để rửa sạch cấu bẩn nơi tâm. Nếu không như vậy thì không thể xa lìa khổ.

-oOo-

Pháp Quán Bất Tịnh

Tham, sân, si là nguồn gốc của các bệnh mê thân đắm dục thì sinh ra sân hận, bị điên đảo mê lầm tức là bị ngu si che lấp. Đối với thân trong ngoài tham chấp, tưởng là tịnh, huân tập lâu dài, chấp sâu khó bỏ. Muốn lìa tham dục phải quán bất tịnh. Sân do bên ngoài khởi lên, tuy thế vẫn có thể chế ngự nó. Như người chặt cây tre, ban đầu chặt lìa từng lóng. Đã chế phục được tham dục thì hai thứ còn lại tự dứt.

Người quán bất tịnh phải quán thân này sinh ra từ chỗ bất tịnh, ở trong bào thai, từ chốn bất tịnh sinh ra, da mỏng bao phủ, thân bên trong toàn là các thứ bất tịnh. Như vậy bốn đại biến đổi làm thực phẩm chứa đầy bên trong thân. Tự quán sát từ đầu đến chân, bên trong túi da mỏng không có một thứ gì là sạch sẽ. Óc màng não, nước miếng, nước mũi, máu mủ, phân, nước tiểu, lược nêu có ba mươi sáu thứ, rộng ra thì có vô lượng.

Giống như người nông dân mở kho thóc, phân biệt rành mạch các giống lúa, đậu, lúa tẻ. Hành giả quan sát sâu xa thấy thân này như một nhà kho gồm đủ thứ xấu xa, đến ba mươi sáu thứ. Phân biệt đúng như thật thân bên trong như thế thì phải biết thân bên ngoài cũng không khác thân ấy. Nếu người tâm trụ ở hình tướng thì thân mềm mại, tâm ý vui vẻ. Nếu tâm không trụ thì phải tự trách tâm. Ta từ vô số kiếp đến nay, tùy thuận theo ngươi nên phải trải qua ba đường, chịu khổ vô cùng. Từ hôm nay trở đi, ta phải hàng phục ngươi, ngươi hãy theo ta. Thu giữ tâm mình trở lại khiến được thành tựu. Nếu người mỏi mệt về thân mình thì phải quán đến xương trắng, cũng có thể nhập vào Sơ thiền. Hành giả chí cầu Đại thừa, nếu lúc mạng chung tùy theo sự ưa thích của ý được sinh ra trước chư Phật. Nếu

không như vậy thì sẽ sinh lên cõi trời Đâu-suất gặp được Bồ-tát Di-lặc, chắc chắn không có nghi ngờ gì.

Chướng ngại của Sơ thiền là bên trong có giác quán, bên ngoài có nạn lửa. Chướng ngại của Nhị thiền là bên trong có hỷ lạc, bên ngoài có nạn nước. Chướng ngại của Tam thiền là bên trong có hơi thở gấp, bên ngoài có nạn gió. Chướng ngại của quả vị Tứ thiền là đều diệt hết ba nạn kia, không đạt được.

Hai mươi lăm cõi là bốn thiên hạ, sáu cõi nơi Dục giới, bốn đại, bốn quả vị thiền, trời Đại phạm, Vô sắc giới, quả vị Thiền thứ tư có năm cõi trời thuộc quả A-na-hàm, hợp lại có hai mươi lăm cõi.

-oOo-

SỐ 620

PHÁP BÍ YẾU TRỊ BỆNH THIỀN

Hán dịch: Đời Tống, Cư sĩ Thư Cừ Kinh Thanh.

QUYỂN THƯỢNG

Bảy Mươi Hai Pháp Môn Đối Trị Bệnh Loạn Tâm Khi Thực Hành Thiền Định

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà vườn Cấp cô độc thuộc nước Xá-vệ, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo hội đủ. Vào ngày mười lăm tháng năm, mùa hạ, năm trăm Tỳ-kheo Thích tử thực hành pháp A-luyện-nhã tại rừng Trúc, là một trong mười hai pháp tu tâm Từ An-na-ban-na nhập vào Tam-muội Tỳ-lưu-ly.

Bấy giờ, có thái tử con vua Ba-tư-nặc tên Tỳ-lưu-ly, cùng với năm trăm trưởng giả tử cỡi Hương tượng lớn đến ven khu vườn Kỳ hoàn chơi đùa, làm say cả bầy voi, rồi chơi trò đấu voi. Có một hàng voi đen đi trên hoa sen, tiếng kêu của nó rất khó ưa, tiếng kêu nghe như tiếng sét đánh, giữa chừng âm thanh nhỏ lại như tiếng mèo kêu. Các Tỳ-kheo Thích tử như: Thiền na-đề, Ưu-ba-na-đề… tâm ý hoảng sợ hết mực, đối với việc quán sát về phong đại thì phát khởi các tưởng điên đảo, si mê, ra khỏi thiền định, giống như voi say vùng chạy, không thể ngăn lại được.

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo:

–Hãy phòng hộ tâm, giữ cho kiên cố, chúng ta là hàng Thích tử, hôm nay phát sinh sự cuồng loạn như thế có thể gây tổn hại.

Các Tỳ-kheo Tăng liền đi đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, thưa:

–Kính thưa Đại đức! Đại đức có được trí tuệ nhận biết không chướng ngại, giống như ngọn cờ tối thắng bậc nhất của trời Đế Thích, đi tới đâu cũng không sợ hãi. Xin nguyện Đại đức từ bi thương xót cứu vớt các khổ não vì cuồng loạn cho chư vị Tỳ-kheo Thích tử.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, dắt tay Tôn giả A-nan đi đến chỗ Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, cung kính đảnh lễ Phật,

quỳ gối chắp tay bạch:

–Bạch Thế Tôn! Xin nguyện Đấng Thiên Tôn đại Từ đại Bi vì các Tỳ-kheo thực hành A-luyện-nhã ở đời vị lai, do năm việc mà phát sinh cuồng loạn:

1. Do âm thanh mà cuồng loạn.

2. Do tiếng xấu ác.

3. Do lợi dưỡng.

4. Do gió bên ngoài.

5. Do gió bên trong.

Năm thứ bệnh này cần điều trị như thế nào? Cúi xin Đấng Thiên Tôn vì chúng con mà giảng thuyết.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn mỉm cười, có ánh hào quang năm màu phát ra từ miệng Phật, xoay vòng quanh Phật bảy lượt, rồi nhập vào đỉnh đầu. Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Như Lai vì ông mà phân biệt giảng nói rõ. Nếu có hành giả thực hành A-luyện-nhã, tâm tu mười hai loại, đối với pháp An-na-ban-na, nhân vì âm thanh xấu ác bên ngoài tiếp xúc với bốn trăm bốn mươi huyết mạch nơi gốc rễ của tâm bên trong, làm cho tâm nóng nảy, một lúc bị tán loạn, vì năng lực của phong đại mạnh mẽ cho nên ban đầu phát sinh sự cuồng loạn, các mạch nơi nội tâm chuyển động theo năm ngọn gió nhập vào yết hầu, đầu tiên tạo cho miệng nói lời hung dữ. Phải nên hướng dẫn cho hành giả thường dùng những thức ăn như bơ sữa, mật và trái cây, buộc tâm vào một chỗ. Đầu tiên quán tưởng tạo ra một tấm gương soi màu pha lê, tự quán thân mình ở trong gương ấy, làm các việc cuồng loạn.

Khi nhận thấy những sự việc này rồi, trở lại quán xét mà nói như vầy: Ngươi đối trước gương sáng, tự thấy thân mình làm các việc cuồng si. Cha mẹ và quyến thuộc đều thấy ngươi làm những việc không tốt đẹp. Ta nay hướng dẫn cho ngươi phương pháp xa lìa cuồng si, phải nên ghi nhớ và nhận biết. Trước hết là pháp diệt trừ âm thanh, phương pháp nầy là nâng lưỡi lên hướng đến chân răng quán tưởng hai viên ngọc Ma-ni ở trong hai lỗ tai. Sự lóng lánh của ngọc như ý giống như giọt sữa, từng giọt từng giọt trong ấy chảy ra là đề hồ thấm vào lỗ tai, khiến không còn nhận lấy âm thanh. Giả sử có âm thanh lớn, cũng như lấy dầu mỡ bôi đầy vào, hoàn toàn không còn lay động.

Quán tưởng việc này xong rồi, thứ đến lại quán tưởng một trong chín

lớp lọng báu kim cương, từ nơi ngọc như ý sinh ra, che trùm trên thân hành giả, bên dưới có hoa bằng kim cương, hành giả ngồi lên trên ấy. Có núi kim cương, bốn mặt đều bao quanh hành giả, bên trong lại kín bít, bặt dứt những âm thanh bên ngoài. Trong mỗi mỗi ngọn núi có bảy Đức Phật an tọa, vì hành giả giảng nói về bốn Niệm xứ. Lúc ấy, im lặng không còn nghe những âm thanh bên ngoài, chỉ nghe theo lời dạy của Phật. Đây gọi là pháp môn diệt trừ loạn động xả bỏ các tưởng về âm thanh xấu ác.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Hành giả các ông phải nên tu tập, cẩn thận chớ quên mất. Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đã xả bỏ những âm thanh bên ngoài rồi, thì cũng nên xả bỏ những âm thanh bên trong. Âm thanh bên trong là do âm thanh bên ngoài, làm động đến sáu căn, khiến cho mạch tâm điên đảo, năm thứ gió xấu ác theo mạch tâm mà vào, gió làm động tâm, hoặc ca hát, hoặc nhảy múa làm đủ loại thay đổi, ông nên truyền dạy pháp quán tẩy tâm.

Pháp quán tẩy tâm tức trước hết phải tự quán tâm, khiến cho tâm dần dần sáng suốt, giống như hỏa châu, bốn trăm bốn mươi huyết mạch, như Tỳ-lưu-ly màu vàng ròng giống cây chuối thẳng đến bên tâm, hỏa châu xuất ra khí không lạnh, không nóng, không thô, không tế, dùng để xông đốt các tưởng về huyết mạch. Có một vị Phạm vương cầm lấy gương Ma-ni chiếu vào ngực hành giả. Khi ấy, hành giả tự nhìn thấy nơi ngực mình giống như viên ngọc như ý sáng sạch dễ mến, hỏa châu làm tâm.

Trong tay của Đại phạm Thiên vương có ấn Chuyển luân, trong ấn Chuyển luân có hoa sen trắng, trên hoa sen trắng ấy có một vị Thiên đồng tử, tay giơ cao bình sữa, từ nơi viên ngọc như ý phát ra, dùng để rưới vào các huyết mạch, sữa dần dần cạn hết, cho đến khi tâm hoàn toàn chân chánh. Đồng tử tay cầm hai cây kim, một cây màu vàng, một cây màu xanh, theo hai bên tâm đặt hai cái hoa vàng, dùng kim châm vào nó. Sau bảy lần châm thì tâm trở nên nhu hòa như trước, lại dùng nước sữa tẩy rửa tâm, những giọt sữa chảy vào đại tràng, khi đại tràng đầy thì chảy vào tiểu tràng. Lúc tiểu tràng đầy, lại lưu xuất những giọt sữa không dứt, chảy vào miệng của tám vạn trùng, các trùng no đủ, khắp bên trong thân, chảy vào ba trăm ba mươi sáu chi tiết nơi thân và hiện khắp toàn thân. Sau đó, quán tưởng về một ao sữa, trong ao ấy sinh ra hoa sen trắng, hành giả ngồi trên hoa sen, dùng sữa tắm rửa, quán tưởng về bông vải Đâu-la như hoa sen trắng, nhiễu quanh thân bảy vòng, trong chỗ ở của hành giả, có vị Phạm vương tự đem sữa nơi thân mình đến cho hành giả uống. Hành giả uống xong, vị Phạm vương dùng lọng che cho hành giả. Từ nơi lọng của Phạm vương thấy khắp tất cả cảnh giới tối thắng, trở lại với tâm ban đầu,

không còn bị tán loạn.

Khi Đức Phật giảng thuyết lời này, có năm trăm Tỳ-kheo Thích tử thuận theo lời Phật dạy, nhất nhất thực hành, tâm liền mát mẻ, quan sát về sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, không tham đắm thế gian, thông đạt pháp không, bỗng nhiên trở lại chứng đắc bản tâm, phá trừ tám mươi ức kết sử thiêu đốt, chứng quả Tu-đà-hoàn, tu học dần dần chứng đắc quả A-la-hán, thành tựu ba minh, sáu thông, đầy đủ tám Giải thoát.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Đức Phật giảng thuyết xong, đều hoan hỷ phụng hành.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có hành giả muốn thực hành thiền định, phải nên khéo quan sát về cảnh giới của bốn đại, tùy thời tăng giảm. Vào mùa xuân thì nên nhập Tam-muội Hỏa quang, để làm ấm thân thể. Hỏa quang quá mạnh thì thân thể bị đốt cháy, cần phải điều chỉnh ngay. Quán tưởng các hỏa quang là ngọc như ý, từ lỗ chân lông xuất ra, từ trong ánh lửa ấy phát sinh hoa sen vàng, có hóa thân Phật ngồi trên đó, giảng thuyết phương pháp trị bệnh, dùng ba loại ngọc:

1. Ma-ni Nguyệt tinh.

2. Ma-ni Tinh quang, giống như thân xanh, trắng của Thiên tinh quang.

3. Ma-ni Thủy tinh.

Quán tưởng ba viên ngọc này một viên chiếu trên đầu, một viên chiếu bên vai phải, một viên chiếu bên vai trái. Quán thấy ba viên ngọc rồi, liền quán tưởng từ lỗ chân lông trên thân sinh ra ánh sáng của ba viên ngọc, rất là trong suốt thân tâm nhu hòa, được nhập vào Tam-muội Hỏa đại, không vật gì có thể hủy hoại được.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Vào mùa thu nên nhập Tam-muội Địa đại. Khi nhập vào Tam-muội Địa đại thì thấy tướng của địa này có trăm ngàn ngọn núi: núi đá, núi sắt, núi Thiết vi, núi Kim cương. Từ đầu đến chân có ba trăm ba mươi sáu chi tiết trên thân, mỗi mỗi đều thành trăm ngàn ngọn núi, biểu hiện thần khí cao vời của núi. Bấy giờ, hành giả phải nên mau chóng điều trị, chữa trị bằng pháp quán tưởng địa đại. Quan sát kỹ các ngọn núi này cũng như thân cây chuối, cứ như vậy lần lượt quan sát, như trải qua mười ví dụ, mỗi mỗi đều quán tưởng kỹ càng.

Khi ấy, chỉ thấy đại địa trong mười phương, toàn bằng ngọc lưu ly màu trắng, có hoa báu trắng, thấy có các Tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Ca-chiên-diên ngồi trong hang núi Kim cương, che phủ đất giống như nước, vì hành giả này mà giảng thuyết năm pháp phá trừ, năm

pháp hòa hợp, giảng thuyết pháp vô thường của địa đại. Hành giả nghe xong thân tâm đều nhu hòa, trở lại chứng đắc bổn tâm.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Hành giả nhập vào Tam-muội Thủy đại, tự thấy thân mình giống như dòng suối lớn, ba trăm ba mươi sáu chi tiết theo nước chảy đi. Quán thấy nước, hoặc xanh, hoặc trắng, hoặc đỏ, đầy khắp đại địa trong mười phương, nên phải mau chóng điều trị. Phương pháp điều trị thủy đại, trước hết phải quán thân thành bình cát tường bằng ngọc Ma-ni có hoa vàng che phủ bên trên, làm cho nước ở khắp mười phương chảy vào trong bình. Từ bình cát tường này sinh ra bảy đóa hoa, có bảy cành phân chia rõ ràng, giữa mỗi mỗi cánh có bảy dòng suối, trong mỗi dòng suối có bảy đóa hoa vàng, trên mỗi đóa hoa có một Đức Phật ngồi giảng thuyết pháp bảy Giác chi.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có hành giả nhập vào Tam-muội Phong đại, tự thấy thân mình, biến thành con rồng chín đầu, mỗi một đầu rồng có chín trăm lỗ tai và vô số miệng. Những lỗ chân lông trên thân, tai và miệng giống như những cái hang lớn đều phát ra gió mạnh, cần phải mau chóng chữa trị. Phương pháp chữa trị là nên dạy cho hành giả tự quán thân mình, làm tòa Kim cang. Từ bốn phía của tòa quán tưởng có bốn bánh xe như kim cương dùng để duy trì ngọn gió ấy. Mỗi bánh xe vàng lại hóa sinh bảy đóa hoa kim cương, trên mỗi hoa có hóa thân Phật tay cầm vòi tắm, trong mỗi vòi tắm có một con rồng sáu đầu, thân chuyển động thì hấp thụ gió, nay gió ở khắp mười phương yên lặng không động.

Bấy giờ, hành giả lại thấy bảy Đức Phật và bốn vị đại Thanh văn, đều giảng thuyết bảy giác chi, dần dần hội nhập vào tám Thánh đạo, quan sát nhuần nhuyễn bốn đại, dần dần nhập vào cảnh giới trí tuệ của Thánh đạo phần.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có hành giả bốn đại thô kệch, hoặc giận dữ, hoặc vui vẻ, hoặc buồn rầu, hoặc tươi cười, hoặc bị đau bụng, hoặc hạ phong, nếu có các bệnh như vậy phải nên dạy họ chữa trị gấp. Phương pháp chữa trị là trước hết phải quan sát lớp da mỏng, từ phân nửa huyết mạch sinh ra, quán thấy nơi da mỏng có chín mươi chín lớp, giống như bọt khí. Thứ đến, quán da dầy có chín mươi chín lớp, giống như thân cây chuối. Tiếp theo quán các lớp màng, như màng mắt có chín mươi chín lớp, mỏng manh dễ xuyên thủng. Tiếp đến quán về thịt cũng có chín mươi chín lớp, giống như cây chuối, bên trong có loài trùng nhỏ như lông tơ, mỗi con trùng đều có bốn đầu, bốn miệng, có chín mươi chín đuôi. Sau đấy nên quán về xương, thấy xương màu trắng, giống như lưu ly, có chín mươi tám lớp, bốn trăm bốn mươi mạch nhập vào trong xương, chảy liên

tục từ trên xuống dưới, giống như thân cây chuối. Thứ đến, nên quán về tủy có chín mươi tám lớp, như lưới trùng đang xen. Quán các chi tiết xong, tiếp theo là quán xương đầu, dưới mỗi một sợi tóc có bốn trăm bốn mươi huyết mạch, chạy thẳng vào trong não. Ngoài trừ da dầy, da mỏng ra thì xương cùng với thân không khác nhau, chỉ có màng não gồm mười bốn lớp, não phân làm bốn phần, chín mươi tám lớp, bốn trăm bốn mươi huyết mạch chảy suốt vào tim, ruột già, ruột non, lá lách, thận, gan, phổi, mật, cuống họng, sinh tạng, thục tạng, gồm đến tám vạn loài trùng, mỗi mỗi đều quan sát kỹ đều khiến hư không trong sáng, sạch sẽ. Da bọc lấy da, ở đấy trong suốt như lưu ly. Cứ như vậy quan sát kỹ mỗi một chi tiết, làm cho ba trăm ba mươi sáu chi tiết thảy đều rõ ràng, khiến cho tâm dừng lại. Quán ngược trở lại với một ngàn chín trăm chín mươi chín lần.

Sau đó, nên dồn hơi lại một chỗ, quán hơi thở khiến được điều phục. Quán tưởng có một Phạm Thiên vương tay cầm bình Phạm cùng với Phạm chúng đi đến trước hành giả, lấy đao kim cương trao cho hành giả, hành giả được đao rồi tự khoét lấy xương đầu lớn như viên ngọc mã kha đặt trên đầu gối bên trái. Trong bình của Phạm thiên sinh ra hoa sen trắng, có chín đốt, chín nhánh và chín lớp. Một vị đồng tử theo sau Phạm Thiên vương, từ nơi hoa sen ban đầu xuất hiện, thân của đồng tử màu trắng như bạch ngọc, tay cầm bình trắng, trong bình có đề hồ. Từ nơi ngọc như ý trên búi tóc của Phạm vương phát sinh loại thuốc có nhiều màu sắc, đặt vào bình đề hồ. Đồng tử rót đề hồ từ trên đỉnh đầu thấm vào huyết mạch của não, chảy thẳng xuống chân bên trái và nửa đốt ngón tay trái, nửa đốt ngón tay đầy rồi, dần thấm đến chân cho tới lớp da mỏng, lại thấm qua mỗi một chi tiết. Cứ như vậy dần dần lan đầy nửa thân, lan đầy nửa thân rồi, lại lan khắp toàn thân, lan khắp toàn thân rồi, thì cả bốn trăm bốn mươi huyết mạch đều thấm nhuần các loại thuốc ấy. Quán ba trăm ba mươi sáu chi tiết trên thân thảy đều đầy đủ.

Khi ấy, hành giả trở lại lấy xương đầu, đặt yên trên đầu. Vị đồng tử dùng thuốc màu xanh, đặt nơi đầu hành giả. Những giọt thuốc này theo lỗ chân lông mà vào, sợ gió bên ngoài nhập vào nên Phạm vương hướng dẫn làm cho vị thuốc trên núi Tuyết đều trở thành đề hồ tinh khiết, chảy suốt tợ như bức tường pha lê, dùng để bảo vệ thân đến bốn mươi chín lần. Hơn thế nữa, tạo ra một ao đề hồ, có sữa tô trắng làm hoa, trên chỗ ngồi của hành giả có lọng che bằng sữa. Phạm vương theo tâm từ dùng thuốc hòa tan trong sữa. Cứ như vậy quan sát kỹ tới chín trăm chín mươi chín lần. Sau đó, phải nên quán tưởng về chi tiết thứ hai, trong hoa sen có một vị đồng tử sắc hồng, cầm vị thuốc màu đỏ rưới trên tóc và khắp thân thể, nơi tất cả lỗ chân lông, làm cho thuốc màu đỏ thấm theo da mỏng vào đến cốt

tủy, khiến cho bên dưới của tâm sáng lên, toàn thân dần dần mềm mại.

Chi tiết thứ ba: Trong hoa sen lại hiện ra vị đồng tử sắc vàng, tay cầm vị thuốc màu vàng rưới trên tóc và khắp thân, nơi tất cả lỗ chân lông, làm cho thuốc màu vàng thấm theo da mỏng vào đến cốt tủy, khiến bên dưới của tâm trở thành màu xanh, toàn thân dần dần tăng trưởng lại càng tăng sự mềm mại.

Chi tiết thứ tư: Đồng tử Tỳ-lưu-ly, tay phải cầm vị thuốc màu xanh, rưới trên tóc và khắp thân, nơi tất cả lỗ chân lông, làm cho thuốc màu xanh thấm theo da mỏng vào đến cốt tủy, khiến bên dưới của tâm trở thành màu đỏ, mỗi một lỗ chân lông đều châm một cây kim, từ chân trở xuống châm hai cây kim, bên trên của tâm tạo thành ba hoa sen, trong ba hoa sen có ba viên hỏa châu phát ra ánh sáng màu đỏ, chiếu vào tâm, khiến cho bên dưới của tâm dần dần ấm lại. Sau đó, những chi tiết nơi hai tay đều châm ba cây kim, tùy theo huyết mạch trên dưới để điều hòa các khí, sinh khởi bốn trăm bốn mươi huyết mạch, không tiếp xúc với ruột già, mạch thận tăng trưởng. Lại lấy năm cây kim châm vào mạch tràng bên phải. Cứ như vậy đồng tử điều hòa các cây kim bằng sự huân tập và tu học pháp không thể nghĩ bàn, cho nên lấy các cây kim ra đặt dưới năm móng tay, dùng tay xoa mạnh khắp thân hành giả.

Chi tiết thứ năm: Đồng tử Lục sắc, tay cầm bình ngọc, từ nơi hậu môn rưới thuốc màu lục trên khắp các huyết mạch của lục phủ ngũ tạng, lại từ nơi hậu môn chảy ra nước này, các thứ trùng uế tạp theo nước ấy chảy ra không làm tổn hại đề hồ. Trùng này ngừng lại khi nước hết. Sau đó hòa tan vào thuốc khô màu lục, rưới từ trên tóc đến khắp toàn thân, nơi tất cả lỗ chân lông khiến thuốc khô màu lục thấm theo da mỏng vào đến cốt tủy, làm cho bên dưới của tâm trở thành màu trắng, hiện khắp thân thể, dần dần tăng thêm sự mềm mại.

Chi tiết thứ sáu: Đồng tử Tử sắc, cầm bình ngọc mai côi, chứa đầy nước mai côi, rửa khắp các mạch, khiến nước mai côi từ tất cả lỗ chân lông xuất ra. Các trùng ở dưới các lỗ chân lông đều theo nước chảy trôi ra. Lại lấy một vị thuốc khô màu hổ phách hòa vào trong tóc và khắp thân nơi tất cả lỗ chân lông, làm cho vị thuốc ấy thấm theo da mỏng vào đến tận cốt tủy, khiến bên dưới của tâm trở thành màu sáng như ánh sáng bạch tuyết, toàn thân dần dần tăng thêm sự mềm mại.

Chi tiết thứ bảy: Đồng tử Huỳnh sắc, tay cầm dùi kim cương, đâm vào dưới hai chân, đâm vào hai bàn tay và đâm vào hai bên tim. Sau đó, lấy ngọc như ý, làm sạch sáu căn, các căn được khai mở nhận lấy niềm vui của thiền vị tối thượng, giữa các da mạch như xoa dầu thơm, tất cả đều

mềm mại.

Chi tiết thứ tám: Đồng tử Kim cương sắc tay cầm hai bình, lấy thuốc màu kim cương rưới vào hai lỗ tai và tất cả lỗ chân lông như pháp án ma, điều hòa các chi, thân như vòng xích nối liền giữa các chi.

Chi tiết thứ chín: Đồng tử Ma-ni châu sắc từ trong miệng bình xuất hiện, đi đến chỗ hành giả dùng năm ngón tay đặt vào nơi miệng hành giả, từ năm ngón tay rất thẳng ấy lưu xuất ra vị thuốc năm màu, hành giả uống thuốc rồi, quán thân và tâm cho đến các huyết mạch, trong suốt như gương sáng, màu sắc của pha lê, Ma-ni không thể sánh bằng. Vị đồng tử trao cành hoa sen cho hành giả ăn, khi ăn giống như pháp ăn ngó sen, trong mỗi mỗi từ ngó sen ấy xuất ra vị cam lồ. Ăn cành hoa này xong, chỉ còn chín hoa, trong mỗi cành hoa có một vị Phạm vương đem giường Phạm vương cho hành giả ngồi, hành giả ngồi trên giường này thì có lọng bằng bảy báu che lên trên, mỗi vị Phạm vương thuyết giảng pháp môn Từ bi cho hành giả. Phạm vương nhờ uy lực của mười phương chư Phật an trú, ở trước hành giả để thuyết pháp Từ, Bi, Hỷ, Xả, tùy theo căn tánh mà cho thuốc, khiến cho bốn đại điều hòa.

Đức Phật bảo với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông hãy thọ trì cho tốt pháp môn bốn đại điều hòa để hàng phục chín mươi tám kết sử cùng tất cả các bệnh trong và ngoài thân.

Vị Phạm vương vì bốn chúng mà thuyết giảng pháp rưới sữa trên đảnh đầu.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan… nghe Đức Phật thuyết giảng xong đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Trị Bệnh Nghẹt Thở

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo tu tập A-luyện-nhã, dùng tâm thái quá và hơi thở gấp gáp, ngủ trên giường thấp, vì gió lạnh bên ngoài, làm động đến phế quản và phổi thận, các huyết mạch và gân cốt nổi lên, hơi khí bị dồn ứ, tiết chảy ra nước đọng lại trong ngực, cản trở huyết khí lưu thông nên sinh đủ các bệnh đau khổ, sưng vai, gân cốt co rút, phải mau chóng điều trị.

Trước hết phải dùng những thức ăn có chất béo, những thuốc hay của thế gian. Sau đó, ngửa mặt ngủ, hơi thở điều hòa, quán tưởng ao A-nậu-đạt, nước trong ao tràn đầy đến một do-tuần, dưới đáy ao có bốn báu như kim

sa, từ kim luân phát sinh hoa vàng lớn như bánh xe, trong hoa có bốn đầu của loài thú báu, vòi voi phun ra nước, miệng sư tử phun ra nước, miệng ngựa phun ra nước, miệng bò khạc ra cây, nhiễu quanh ao bảy vòng. Rồng chúa nơi ao A-nậu-đạt có cung điện bảy báu ở giữa bốn đầu thú ấy. Trong ngọc như ý trên đảnh đầu của rồng chúa, nhờ năng lực của rồng ấy sinh ra một ngàn năm trăm hoa sen đủ màu. Nơi năm trăm hoa sen xanh có năm trăm vị A-la-hán như Tôn giả Tân-đầu-lô v.v… an tọa. Buổi chiều hoa khép lại, buổi sáng nở ra.

Bên trên chúng Tỳ-kheo có lọng quý bằng bảy báu, bên dưới hoa sen có giường bảy báu. Nơi năm trăm hoa sen vàng có năm trăm vị Sa-di như Thuần-đà-bà… an tọa. Buổi chiều hoa khép lại, buổi sáng nở ra.

Bên trên chúng Sa-di có lọng quý bằng bảy báu, bên dưới hoa sen có giường bảy báu. Nơi năm trăm hoa sen hồng có các vị đại A-la-hán như Tôn giả Ưu-ba-nan-đà, Tu-mật-đa… hoặc nói là năm trăm Đại Bồ-tát, quyến thuộc đều an tọa trên đó. Buổi chiều hoa khép lại, buổi sáng nở ra.

Bên trên chúng Tỳ-kheo có lọng quý bằng bảy báu, bên dưới hoa sen có giường bảy báu, có đài cao bảy báu dài tám ngàn trượng, từ phương dưới sinh ra, trước cung điện Long vương A-nậu-đạt. Có năm trăm vị đồng tử, ở trên đài kia, toàn thân màu vàng. Vị đồng tử thứ nhất tên là Đồ-bà, vị đồng tử thứ hai tên là Thiện Tài… cho đến vị đồng tử thứ năm tên là Quán Đảnh Lực. Nếu muốn điều trị bệnh nghẹt thở, trước hết phải nhớ nghĩ đến một ngàn năm trăm vị Tôn giả như: Tân-đầu-lô… đã nêu trên, làm cho hành giả thấy được rõ ràng. Tôn giả Tân-đầu-lô bảo đồng tử Đồ-bà lấy thuốc Am-bà-đà màu trắng của Long vương A-nậu-đạt uống. Uống thuốc rồi, hết bệnh nghẹt thở, bốn đại điều hòa, mắt liền sáng tỏ. Nếu có người phát tâm Đại thừa thì các vị đồng tử Đồ-bà, vị đồng tử Thiện Tài… cho đến vị đồng tử thứ năm trăm, đều vì người ấy thuyết giảng pháp Đại thừa, nhân đó gặp được mười sáu vị Hiền sĩ như Bạt-đà-bà-la… cũng gặp được một ngàn vị Bồ-tát trong Hiền kiếp như Bồ-tát Di-lặc… nhân đó phát tâm cầu đạt Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật. Nếu có người phát tâm Thanh văn thì Tôn giả Tân-đầu-lô vì người ấy thuyết giảng pháp bốn Niệm xứ, cho đến tám phần Thánh đạo, trải qua chín mươi ngày sẽ đắc quả A-la-hán.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì tốt pháp môn điều trị bệnh nghẹt thở này, hành trì cẩn thận, đừng quên mất. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan… nghe Đức Phật thuyết pháp xong đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Điều Trị Bệnh Tham Dục Của Hành Giả

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu hành giả khi nhập thiền định, muốn nhận biết tham dục khởi lên làm động đến bốn trăm bốn mươi huyết mạch, từ mắt cho đến thân căn, một khi dao động, thì các căn bị bế tắc, làm động đến tâm, khiến tâm bị điên đảo, nhân đó sinh ra cuồng loạn khiến cho mê hoặc, ngày đêm tư duy tham dục. Đây là việc như lửa cháy đầu, phải mau chóng chữa trị.

Phương pháp điều trị này là hướng dẫn cho hành giả quán tử tạng. Tử tạng là phần ở bên dưới sinh tạng, ở bên trên thục tạng, có chín mươi chín lớp mô, như bào thai của heo. Có bốn trăm bốn mươi huyết mạch từ tử tạng sinh ra, cũng như rễ từ cây gốc phân tán ra các rễ cây khác, như đãy phân nhơ có một ngàn chín trăm chi tiết, giống như lá chuối có tám vạn loại trùng luôn vây chung quanh. Bốn trăm bốn mươi huyết mạch cũng do từ tử tạng sinh ra, giống như ruột ngựa thẳng đến sản môn, hình như vòng xuyến đeo nơi tay tròn trịa, trên lớn thon, dưới nhỏ nhọn, hình như răng mọc đủ có chín mươi chín lớp, giữa mỗi lớp có bốn trăm bốn mươi loại trùng, mỗi mỗi trùng có mười hai đầu và mười hai mươi miệng.

Khi hành giả uống nước, nước thấm vào các huyết mạch rồi, phân tán đến các hộ trùng, nhập vào đỉnh đầu của trùng Tỳ-la, thẳng xuống tới sản môn. Cứ mỗi nửa tháng thì các hộ trùng ấy xuất ra nước bất tịnh. Cũng như máu mủ chảy vào miệng của chín mươi trùng, rồi theo sáu lỗ của mười hai trùng xuất ra một thứ nước bất tịnh. Lại có những vi trùng nhỏ như lông tơ, vùng vẫy trong thứ nước bất tịnh ấy.

Này các thiện nam! Tội lỗi nơi đời trước cũng như vậy, theo vào nơi bốn trăm bốn mươi huyết mạch, từ nhãn căn phân tán đến toàn thân, thấm vào đường ruột, đến dưới sinh tạng, bên trên thục tạng tiếp các mạch của phổi, thận, mạch. Từ hai bên nội tạng đều có sáu mươi bốn trùng, mỗi mỗi trùng đều có mười hai đầu và mười hai miệng, chúng lần quần bên nhau theo hình vòng tròn, đầy cả mủ bầm, giống tinh trùng của heo rừng rất là dơ bẩn. Từ nơi âm tạng chia làm ba phần, hai phần bên trên như bẹ chuối, có một ngàn hai trăm huyết mạch, trong mỗi một mạch sinh ra trùng nhỏ như sợi tơ, như mỏ chim Tỳ-lan-đa. Nơi miệng các trùng phát sinh ra bảy vạn tám ngàn trùng màu như những sợi gân, chúng lần quần bên nhau theo hình tròn như mắt loài chim cù sư la, có chín mươi tám mạch từ tâm lên đến đỉnh đầu.

Này các thiện nam! Khi mắt tiếp xúc với sắc thì tâm bị dao động, khiến cho bốn trăm bốn mươi huyết mạch cũng chuyển động không ngừng. Tám vạn hộ trùng một khi há miệng thì mắt chúng xuất ra máu mủ thấm vào các mạch, cho đến đảnh đầu của chúng. Các trùng chuyển động vô cùng rối loạn, trước khi tiếp xúc nữ căn. Tinh màu xanh trắng của nam là nước tiểu của các trùng, tinh màu đỏ cam của nữ là máu mủ của các trùng. Chín mươi tám thứ kết sử đã được huân tập từ tám vạn hộ trùng ấy, thân bốn đại địa, thủy, hỏa, phong này cũng vận hành theo như vậy.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu có người nào trong bốn chúng, mặc y phục hổ thẹn, uống thuốc hổ thẹn, mong cầu sự giải thoát và thoát khỏi mọi khổ của thế gian thì phải nên tu học pháp môn này. Người học pháp môn này như uống nước cam lồ. Trước hết quán tưởng tử tạng cho đến phần thân nơi nữ căn, nam căn đều có các trùng lớn nhỏ há miệng, vểnh tai trừng mắt nôn mủ. Dùng tay lật trái, đặt trên đầu gối chân trái, ngay ngắn đi vào hơi thở như vào thiền định, qua một ngàn chín trăm chín mươi lần quán tưởng như vậy xong, thì trở lại đặt tay lên đầu gối bên phải, ngay ngắn, quán tưởng như trước. Tiếp tục lấy tay lật trái, che trên đầu, làm cho những thứ trùng bất tịnh này theo tới hai mắt, tai, mũi và miệng, không chỗ nào mà không đến. Thấy được sự việc như vậy rồi, thì đối với nữ sắc, nam sắc đẹp đẽ hay Thiên tử, Thiên nữ, khi mắt thấy chúng cũng giống như nhìn thấy các trùng trong ghẻ nhọt của người bệnh ghẻ, như thấy hình dạng quỷ thần Tiễn bán Đa-la nơi địa ngục, hay Mãnh hỏa nhiệt nơi địa ngục A-tỳ. Hành giả phải nên quán sát kỹ thân mình và thân người khác, tất cả chúng sinh trong cõi Dục thì thân phần bất tịnh đều như vậy cả.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nay nên biết, chủng tử căn bản nơi căn thân của chúng sinh vốn đều không thanh tịnh, không thể dùng lời diễn tả hết, chỉ nên nhất tâm quán niệm hơi thở. Nếu người nào uống được thuốc này thì người ấy là bậc Đại trượng phu, là vị thầy của hàng trời, người, là vị chủ điều ngự loài người, là vị đã thoát khỏi bùn dơ tham dục, không bị chìm ngập vào nước kết sử nơi sông lớn tham ái, không còn bị ma quỷ dâm dật huyễn hoặc quấy nhiễu làm hại. Nên biết người ấy tuy chưa ra khỏi sinh tử nhưng thân mạng ấy đã tỏa hương thơm tinh khiết như hương hoa Ưu-ba-la, là người mà các hàng Hương tượng, Long vương, lực sĩ Ma-hê-thủ-la không thể sánh bằng, là bậc đại lực trượng phu được hàng trời,

người cung kính.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì tốt pháp môn này và thuyết giảng cho bốn chúng phải hành trì cẩn thận chớ có quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Đối Trị Bệnh Tham Cầu Lợi Dưỡng

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có hành giả nào bị lửa tham dục thiêu đốt, mũi tên độc lợi dưỡng theo ngọn gió xấu ác thổi đến bắn vào tâm của mình, vì nhân duyên tham dục nên tâm điên đảo, ngày đêm sáu thời, lúc nào cũng suy nghĩ đến phương tiện tham cầu lợi dưỡng, như mèo lùng chuột, tâm không biết chán, như rắn bò bảy bước nhả độc khắp thân. Người xấu ác như vậy khi tiếp xúc với lợi dưỡng như năm trăm rắn độc tụ tập trên thân, trong từng sát-na, lửa độc nơi tâm người ấy bừng cháy không dứt. Suốt cả ngày đêm, gió mạnh phiền não thổi vào củi lợi dưỡng làm cho lửa nơi tâm bừng cháy không dứt. Rắn độc tranh nhau nhiễu hại mầm thiện căn. Vì những nhân duyên ấy khiến tâm mê ám cuồng loạn. Tham độc mạnh mẽ, nên khi thấy người khác được lợi thì tâm mình như bị tên bắn, như chích vào mắt, như đâm vào tai, các căn bế tắc. Năm trăm năm loại rắn, bốn rồng độc lớn, năm giặc rút dao, sáu thân La-sát, mỗi khi chúng hoành hành thì phát sinh cuồng loạn, cần phải mau chóng chữa trị.

Phương pháp điều trị là:

Trước hết nên quán hơi thở, buộc tâm vào định, quán tưởng hình tượng Phật cao một trượng sáu, thân màu vàng ròng, đầy đủ ba mươi hai tướng an tọa nơi tòa Sư tử báu, trong hang bảy báu, nơi núi Kỳ-xà-quật, đang thuyết pháp trừ bỏ tham dục cho đại chúng. Đức Phật ấy bảo các pháp tử: Các ông quán tưởng người tham dục đang mặc cà sa, sáu vật đều đầy đủ, nhưng đấy như là rừng rậm gai gốc, kim châm đan xen dày kín, sẽ sinh nơi rừng kiếm, có trăm ngàn đinh sắt nhọn đâm xuyên các thứ trùng mỏ sắt xúm lại rúc rỉa nơi thân ông, nước đồng sôi đầy vạc, cửa sắt, giường sắt là tọa cụ của ông. Phẩn dơ rắn độc, thỏi sắt nước sôi, rừng đao kiếm kích, trăm ức thứ gai gố, sông lửa trôi chảy là nước đồng, tro than máu mủ đều là thức ăn nước uống của ông.

Khi Đức Thế Tôn thuyết giảng lời này xong thì im lặng, khiến hành

giả tự thấy thân mình nằm trong bức tường thành bằng sắt bảy lớp, thấy năm quỷ La-sát tách miệng làm hai, rồi dùng tám mươi móc sắt kéo lưỡi ra, có vô lượng lưỡi cày bằng sắt hình như cây kiếm để cày trên lưỡi kia. Nơi sừng bò sắt chảy ra nước đồng tích tụ trong thân với trăm ngàn màu sắc mủ, các loài trùng ở đấy nhiều không thể kể hết. Khi thấy sự việc như vậy, tâm hành giả rất hoảng sợ, xuất định, nhập định, đều thấy y phục đang mặc toàn là máu, mủ trộn lẫn phân dơ, rừng đao kiếm kích dùng để trang sức, thấy các thứ vật dụng ăn uống giống như giun, trùng, trăm ngàn loại trùng sinh ra máu mủ, tám mươi loài trùng mỏ sắt như trùng gió, trùng lửa, trùng nước, trùng đất, tất cả các trùng trong địa ngục đều nôn ra máu mủ độc hại tràn đầy nơi bát Đa-la, kiếm kích thỏi sắt nóng dùng làm trái cây.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kệ:

Sinh tử không đoạn dứt
Vì nếm vị tham dục
Oán chất chồng như núi
Nhận chịu mọi khổ đau.
Thân hôi như thây chết
Chín lỗ chảy bất tịnh
Như trùng xí ưa phân
Ngu tham thân không khác.
Người trí nên quán thân
Không đắm nhiễm thế gian
Không lụy vào các dục
Gọi là chân Niết-bàn.
Như chư Phật đã dạy
Nhất tâm hành thiền định
Chỗ vắng quán hơi thở
Gọi là hạnh Đầu-đà.

Này Xá-lợi-phất! Lợi dưỡng làm tổn hại đến thân, làm cản trở thiện căn không thể nào nói hết được, chỉ nên nhất tâm quán niệm hơi thở. Nếu có người uống được thuốc này chính là bậc Đại trượng phu, là thầy của hàng trời, người, là bậc chủ điều ngự trong loài người, là vị đã thoát khỏi bùn dơ tham dục, không bị chìm đắm vào nước kết sử nơi sông ân ái, không còn bị tham lam lợi dưỡng chẳng lành nhiễu hại. Nên biết người ấy, tuy chưa ra khỏi sinh tử, nhưng thân mạng ấy đã tỏa hương tinh khiết như hương hoa Ưu-ba-la, là người mà các hàng Hương tượng, Long vương, Lực sĩ, Ma-hê-thủ-la không thể sánh kịp, là bậc Đại lực trượng phu được hàng

trời, người cung kính.

Này Xá-lợi-phất! Ông nên thọ trì tốt pháp môn này và thuyết giảng cho bốn chúng cùng hành trì cẩn thận, đừng để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan nghe Phật thuyết giảng xong, liền hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Chữa Trị Phạm Giới

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào thọ trì giới cấm của Phật mà thân tâm bị cuồng loạn giống như vượn khỉ thì như trồng cây chưa kịp sinh trưởng mà diệt cành phá rễ. Bảy bộ chúng đối với giới cấm của Phật cũng như vậy. Hình sắc của giới chưa sinh mà đã phạm Đột-kiết-la cho đến phạm Ba-la-di. Như voi say không phân biệt tốt xấu, không biết phương hướng, giẫm đạp tất cả các vật tốt đẹp. Cũng vậy, bốn chúng giẫm phá giới cấm thanh tịnh nơi ao hoa sen xanh. Sức mạnh của việc phá giới giống như chó điên dại, thấy người như thấy cây gỗ, cho đến các loài cầm thú, nó liền theo cắn. Người ác phạm giới thấy sự thanh tịnh của Phật, La-hán, hay ruộng phước công đức của Tỳ-kheo thì liền theo nhục mạ, hủy báng chê bai. Kẻ ấy tự uống thuốc độc, toàn thân hiện máu, chân tay bốc lửa cuồng loạn vô trí. Gió kết sử mạnh dữ, núi phiền não chuyển động, tham dục làm mắt, sân giận làm tay chân, ngu si làm thân thể, giẫm đạp thế gian, gieo trồng hạt giống ác, đã tự gieo trồng điều xấu lại bảo người khác tìm cầu. Lính canh nơi địa ngục, La-sát A bàng đầu trâu, quỷ ác nơi kiếp hỏa, thần linh của rừng kiếm, Diêm-la vương... mười tám chủ ngục, thường giao kết làm bạn bè thân tình, là Thiện tri thức, chắc chắn ngày đêm sẽ bị trôi lăn nơi chốn địa ngục xấu ác như vậy. Người phá giới bị lửa mạnh của các thứ ác xâm nhập vào tâm, đều vì lợi dưỡng, đều vì danh tiếng.

Tự xưng mình đầy đủ oai đức tốt đẹp, đến chỗ của người tu pháp A-luyện-nhã thì như kẻ chuyên huyễn thuật làm mê hoặc mắt người khác. Những người giả dối ấy dối trá cả hạnh Đầu-đà, bị gió xấu ác thổi hoa nghiệp tội rải trên thân mình, miệng ác phỉ báng, lấy hương tâm bất thiện dùng để huân tập thân tâm mình. Thân tâm kẻ ấy cũng như cây Y lan hoa đẹp mà rất độc hại chẳng khác trăm ngàn chó trùng, tuy hành thiền định, giả hiện quán hơi thở, cảnh giới thấy được như lúc ban đầu, thấy Phật màu đen, như chân voi đen, thấy như người bôi tạo, thấy các Tỳ-kheo đầu vỡ

chân gãy, thấy Tỳ-kheo-ni trang sức hoa man, thấy các thiên tượng hóa làm vượn khỉ, lông tóc cháy đỏ đi đến quấy nhiễu. Hoặc thấy hồ ly, dã can có trăm ngàn đuôi, mỗi mỗi đuôi có vô số trùng đủ loại xấu ác. Hoặc thấy lạc đà, lừa, heo, chó, quỷ Cưu-bàn-trà, quỷ ác Dạ-xoa, La-sát quái dị… thân gầy ốm xấu xí, mỗi loài đều cầm đủ loại vũ khí hung dữ đánh đập Tỳ-kheo, đều do vì cuồng loạn phát khởi. Hoặc ca hoặc múa, trên đất nằm phóng uế, làm đủ các việc xấu ác, phải nên mau chữa trị bệnh ấy.

Phương pháp chữa trị là:

Hướng dẫn hành giả nói năng thành thật đúng đắn, sám hối những nghiệp ác, bất thiện đã gây tạo. Người trí phải nên dạy bảo các Tỳ-kheo ấy nhớ nghĩ đến Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, lần lượt niệm nhớ đến bảy Đức Phật. Niệm bảy vị Phật xong thì niệm đến ba mươi lăm Phật, sau đó lại niệm đến các vị Bồ-tát, nhớ nghĩ về tâm Đại thừa, quán tưởng về pháp thường, tự thâm tâm biết hổ thẹn, quán tưởng mỗi một vị Phật lấy nước cam lồ rưới trên đảnh mình.

Lại quán tưởng thân mình đọa vào địa ngục A-tỳ, đến mười tám địa ngục, nhận lấy các khổ não, ở trong địa ngục liền xưng niệm Nam-mô Phật, Nam-mô Pháp, Nam-mô Tỳ-kheo Tăng, tu hành sáu niệm. Trong mộng của người ấy thấy chư Phật Như Lai phóng hào quang từ tướng lông trắng giữa chặng mày đến cứu khổ nơi địa ngục. Thấy sự việc như vậy rồi, hành giả như người mắc nợ, ôm lòng hổ thẹn, cần phải đền trả nợ ấy. Vì thế một lòng một dạ, cởi bỏ y Tăng-già-lê chỉ mặc An-đà-hội, đến chỗ Tăng thanh tịnh, năm vóc đảnh lễ sát đất, hiện bày tâm hổ thẹn, sám hối các tội, chấp lao phục dịch các việc của Tăng, trải qua tám trăm ngày, sau đó tắm rửa thân thể mặc y Tăng-già-lê đi vào tháp Phật, nhất tâm chắp tay quán tưởng Như Lai phóng hào quang lớn từ tướng lông trắng giữa chặng mày. Quán tưởng như vậy từ một ngày cho đến bảy ngày, trở về chỗ người trí, cầu xin sám hối.

Người trí nên bảo:

–Này Tỳ-kheo! Hôm nay ông tự quán tưởng thân mình cũng như chiếc bình vàng đầy bốn rắn độc, hai con ở trên hai con ở dưới luôn phun ra chất độc đáng sợ. Lại quán tưởng một con rồng có sáu đầu quấn quanh chiếc bình, rồng cũng phun ra chất độc như nước nơi miệng rắn. Cây lớn khắp bốn phương đều từ trong bình vàng sinh ra đầy cả ba cõi, có voi đen đi đến muốn nhổ những cây này và bốn phía lửa bốc cháy.

Quán thấy việc như vậy rồi người trí bảo:

–Tỳ-kheo phải nên biết, bình vàng là đồ chứa rắn độc. Rắn màu xanh là từ phong đại sinh ra, là chất độc của phong đại. Rắn màu lục là

từ thủy đại sinh ra, là chất độc của thủy đại. Rắn màu trắng là từ địa đại sinh ra, là chất độc của địa đại. Rắn màu vàng là từ hỏa đại sinh ra, là chất độc của hỏa đại. Rồng sáu đầu là năm ấm nơi thân ông và hư không. Thân này như thế là độc hại, bất tịnh, vì sao buông lung làm điều xấu ác, phạm giới cấm mà không điều trị?

Lại nên bảo người ấy lau quét tháp miếu, làm các việc khổ nhọc. Tiếp đến quán tưởng Đức Phật, thấy Phật phóng hào quang sắc vàng, dùng tay xoa đầu. Sau đó mới nên dạy quán Bất tịnh. Quán Bất tịnh thông suốt không có chướng ngại rồi, sau đó mới có thể thuyết giới giữa Tăng. Khi muốn thuyết giới nên xướng lời này: "Tôi Tỳ-kheo tên… Tỳ-kheo-ni tên… đã trải qua tám trăm ngày thực hành chấp lao phục dịch, bảy ngày quán tướng hào quang từ lông trắng giữa chặng mày của Phật, quán tưởng về rắn độc, về địa ngục đã xong, lại quán một vị Phật thuyết pháp sám hối. Môn quán bất tịnh, không có cảnh giới ta, người, lại thông tỏ về cảnh giới ấy. Đức Phật dùng nước cam lồ rưới trên đảnh đầu Tỳ-kheo, Thiên thần thị hiện trong mộng. Nay tôi đã thanh tịnh, đã biết hổ thẹn, tôi đã tự chứng biết, xin nguyện Tăng nghe cho." Khi ấy, Luật sư dùng luật để kiểm vấn người này, rồi dạy tụng giới, đủ tám trăm biến, sau đó mới cho phép làm Tỳ-kheo thanh tịnh như trước không khác.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu có người nào trong bảy chúng, phạm phải giới, qua hai đêm không chịu sám hối thì người ấy hiện tại thân tuy hành thiền định nhưng không được đạo quả. Nếu phạm giới trọng bị đọa đại địa ngục, ra khỏi địa ngục thọ thân súc sinh trải qua đủ ba kiếp số mới được làm người. Tuy được thân người nhưng phải chịu sự bần cùng, tật bệnh, qua bảy mươi bảy thân cũng không thấy được Phật, không nghe được pháp, các căn không đủ. Vì vậy nên người trí, nếu phạm giới cấm của Phật đối với Đột-kiết-la, phải sinh tâm lo sợ, như bị dao búa chặt đứt, ôm lòng hổ thẹn, huống nữa là phạm giới trọng. Nếu người nào có thể uống được thuốc trì giới này, nên biết người ấy là bậc Trượng phu nhẫn nhục hổ thẹn rất lớn, không ai có thể sánh kịp.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Phá giới tâm bất tịnh
Giống như giặc trộm chó
Khắp nơi cầu lợi dưỡng
Vì tâm tham giết hại.
Nên uống thuốc hổ thẹn
Và mặc áo nhẫn nhục
Trang sức hoa sám hối

Xông ướp hương tâm thiện.
Nhất tâm quán tưởng Phật
Trừ diệt các khổ não
Cũng nên niệm pháp không
Tu tâm, quán Bất tịnh.
Được các Đức Như Lai
Thuốc cam lồ rưới đảnh
Người uống tâm không lo
Sẽ đến bờ Niết-bàn.
Như pháp mà tu hành
Phi pháp thì nên bỏ
Đời này hoặc quá khứ
Người hành pháp được độ.
Tùy thuận lời Phật dạy
Trì giới, hành Đầu-đà
Thân tâm không tạo ác
Mau chóng được giải thoát.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì tốt phương thuốc điều trị phạm giới này, hãy cẩn thận đừng để quên mất.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

PHÁP BÍ YẾU TRỊ BỆNH THIỀN

QUYỂN HẠ

Pháp Môn Đối Trị Bệnh Ưa Thích Âm Nhạc

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có người trong bốn bộ chúng, ưa thích các thứ âm nhạc khởi lên ca xướng không biết nhàm chán, do nhân ấy làm gió tâm lay động, như ngựa chạy rong, như chó nhảy múa, như hươu chúa Y-ni-lợi, mê hoặc ngu tối. Tâm như keo dán, chỗ nào cũng dính mắc, không thể kìm chế được, nên cần mau chóng điều trị.

Phương pháp đối trị bệnh này: Trước hết quán tưởng một Thiên nữ, đoan trang xinh đẹp, hai tay tự nhiên có các nhạc khí, phát ra vạn loại âm thanh. Hành giả quán tưởng thấy Thiên nữ này, qua hình sắc bên ngoài và nghe âm thanh của nhạc trời hay đến trăm ức vạn lần, âm nhạc nơi thế gian không thể sánh được, nên có sự tham đắm.

Quán hình sắc nghe âm thanh, nên dạy quán người nữ ấy. Sáu căn tiếp xúc sáu trần, phát sinh cảnh giới. Nhờ năng lực quán hơi thở, thấy các âm nhạc theo từ nhãn căn sinh ra sáu rắn độc, nhập vào nhĩ căn. Lại thấy hai con trùng, hình như chim cú, phát ra âm thanh lớn ác, phá vỡ đầu, xuất ra não, các trùng tranh lấy mà ăn. Trong bốn căn khác, thấy mèo, thấy chuột, thấy chó, dã can giành lấy mà ăn. Nhờ vậy, quán tưởng thấy được ba mươi sáu thứ bất tịnh của nữ sắc, đều xấu xí bất tịnh. Các trùng trong tử tạng làm chuỗi anh lạc của người nữ, thấy các thứ nhạc cụ của người nữ cầm giữ như đang di chuyển trong phân dơ. Tiếng động mạnh của trùng như tiếng của dã can, tiếng nói của yêu quái, tiếng khóc của quỷ La-sát… không thể nghe được. Nếu khi nhàm chán những việc ấy rồi, đến chỗ bậc trí thành tâm sám hối những nghiệp ác bất thiện đã tạo từ trước. Bậc trí phải nên dạy bảo cho họ quán pháp vô thường.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì tốt pháp môn chữa trị bệnh ưa thích âm nhạc này, hãy cẩn thận hành trì, đừng để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Đối Trị Bệnh Ưa Thích Ca Xướng Kệ Tán

Lại nữa, này Xá-lợi-phất, nếu có hành giả ưa thích làm kệ tụng ngôn từ hoa mỹ để ca ngợi, cũng như gió động lá cây sa la vang ra âm thanh hòa nhã, tiếng như Phạm âm, làm vui tai người khác, làm vừa lòng thích ý nhiều người. Nhân nơi âm vang ấy khiến cho người kia cao ngạo, kiêu mạn, tâm như cỏ loạn theo gió phiền não lay chuyển không dừng, dựng cờ kiêu mạn, đánh trống tự đại, thổi lộng các mạch, do đấy phát cuồng loạn, như vượn khỉ ngu si hái bỏ hoa quả, tâm không tạm dừng, không thể quan sát hơi thở, phải nên mau chóng chữa trị bệnh này.

Phương pháp đối trị bệnh ấy: Trước hết nên quán tưởng đến một ngọn cờ cao bằng bảy báu có vị thần nhạc Càn-thát-bà ở trong ấy, thân như ngọc trắng, mỗi khi cử động thân là xướng kệ. Tên các lỗ chân lông nơi thân sinh ra hoa sen lớn, có trăm ngàn vị Tỳ-kheo ngồi trên hoa sen, lắng nghe đủ thứ âm nhạc, trải qua gấp trăm ngàn vạn lần như vậy, dần dần dứt được tâm kiêu mạn của mình. Người trí phải dạy cho hành giả quan sát kỹ ngọn cờ, từ nơi cờ ấy có gương sáng như pha lê, thấy các Tỳ-kheo nương theo âm thanh kiêu mạn, khiến tâm bất tịnh hóa thành quỷ La-sát, phát ra âm thanh thô ác, từ nơi miệng xuất ra lửa. Lại thấy có quỷ Dạ-xoa đến từ bốn phương rút lưỡi lấy tim đặt lên ngọn cờ, tâm bị dao động, loạn động, la khóc kêu gào như tiếng rống của voi say. Lại có âm thanh vi tế như tiếng ngâm của Tỳ-xá-xà, nhân đó lại thấy các âm thanh hoa mỹ, giống như tiếng kêu la của người, gọi cha mẹ mình mắng chửi vô đạo, từ đó sinh ra nhàm chán muốn lìa bỏ, tai không thích nghe, khởi tưởng phải xa lìa. Người trí nên dạy bảo pháp quán tám khổ.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì tốt phép đối trị bệnh ưa thích ca xướng kệ tán này, hành trì cẩn thận, đừng để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Đối Trị Sự Mạnh Mẽ Của Thủy Đại

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu có người nào trong bốn bộ chúng, nhập

vào Tam-muội Thủy đại, toàn thân xuất ra nước, không thấy thân tâm, giống như biển cả. Khi xuất khỏi định, ăn uống không ngon, ngại tâm không nhiệt, mạch thủy tăng lên, lo lắng không thôi, phải mau chóng chữa trị.

Phương pháp chữa trị là: Quán tưởng một con chim cánh vàng, Tỳ-kheo cỡi trên chim ấy bay qua biển cả mà không sợ hãi. Các La-sát rồng thấy chim thảy đều kinh sợ bỏ chạy, chim này bắt lấy rồng ăn thịt, các rồng rất sợ, nên hút cạn nước biển hóa thành bốn con rắn. Chim cánh vàng chúa, miệng ngậm bốn con rắn, Tỳ-kheo ngồi bên trên, tìm không được nước nên từ mắt của chim phun ra lửa thiêu đốt rắn, khiến các rắn đều sợ hãi. Giống như nhà huyễn thuật, tạo ra người huyễn ẩn mất không hiện, nhập vào thân Tỳ-kheo, từ đây ra khỏi định, hành giả nên uống thuốc đoạn trừ phần thấp kém của thế gian. Quán tưởng có hai viên hỏa châu, một ở dạ dày, điều hòa các mạch; một ở hậu môn hình như đá nóng. Quán tưởng vị thần núi Tuyết tên Uất-đa-già, thân dài sáu trượng, trắng như ngọc tuyết, cầm một loại thuốc hương tên là Sa-ha-na-già trao cho hành giả. Khi uống thuốc này, trước hết phát tâm Bồ-đề Vô thượng, một khi uống xong thì bốn trăm bốn mươi bệnh nơi thân không còn nữa, huống gì là giảm bớt. Nếu muốn vị thần kia mau chóng xuất hiện thì nên tắm rửa sạch sẽ, không ăn năm thứ cay nồng, không uống rượu, không ăn thịt, ở chỗ vắng vẻ nhất tâm quán niệm hơi thở, xưng danh hiệu vị thần ấy, niệm nghĩ hình tượng vị thần ấy, từ một ngày cho đến bảy ngày, sẽ có đại thần núi Tuyết cùng với mười hai vị thần ánh sáng trắng đến trước chỗ hành giả, trước là thuyết pháp, sau đó trao cho thuốc, lại dạy cho mười hai môn thiền định. Các vị thần kia, đều là Bồ-tát ở địa thứ năm.

Nếu có người bệnh, trước phải niệm nghĩ vị thần Uất-đa-la-già, thứ đến niệm vị thần Dũng Kiện, thần Cường Lực, thần Hùng Mãnh, thần Trí Hành, thần Tự Tại, thần Thiện Tý, thần Cưu-ma-la, thần Nan Thắng, thần Bạch Quang Minh, thần Bạch Quang Minh Vương, thần Dược Vương… mười hai thần Bạch quang đều đã được gặp. Nơi mỗi mỗi vị thần đều thưa hỏi các pháp môn khác nhau. Các vị thần ấy, trước tiên khiến cho hành giả được gặp Bồ-tát Di-lặc. Nơi trú xứ của Bồ-tát Di-lặc lại được gặp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi… tất cả các Bồ-tát và mười phương chư Phật. Nếu người này, trong đời quá khứ không phạm bốn giới trọng, thì khi gặp các vị thần ấy liền chứng đắc quả Dự lưu. Nếu người phạm giới thì các vị thần ấy dạy bảo sám hối đủ số một ngàn ngày, sau đó gặp được Bồ-tát Di-lặc và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát Đại sĩ, sau nữa đạt được quả Dự lưu.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu có hành giả nào do thủy đại giảm làm động đến bốn trăm bốn mươi bệnh, muốn được đối trị phải nên mau chóng uống thuốc Sa-ha-na-già sẽ trừ được bệnh hoạn, diệt bỏ biển nghiệp chướng, mau chứng đắc quả Dự lưu. Vì vậy các ông nên thọ trì tốt pháp môn này, hãy cẩn thận hành trì, chớ để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Chữa Trị Hỏa Đại Làm Cho Đau Đầu Đau Mắt Ù Tai

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu hành giả nhập Tam-muội Hỏa đại, từng chi tiết đều có lửa cháy, đến đại tràng, tiểu tràng, cùng lúc phát sinh lửa thiêu đốt các huyết mạch. Khi xuất định, cả đầu đau nhức, huyết mạch co rút, mắt đỏ, tai điếc, nhân đó phát bệnh, phải nên mau chóng chữa trị.

Phương pháp đối trị là: Trước hết quán tưởng có một cái vò bằng lưu ly, chứa đầy nước đủ màu, sinh ra hoa báu đủ màu, trên hoa ấy có trăm ngàn hóa thân Phật và các hóa thân Bồ-tát. Mỗi vị đều phóng ánh sáng từ chòm lông trắng giữa chặng mày, soi chiếu ánh sáng của các ngọn lửa, làm cho lửa hóa rồng vàng. Hành giả thấy vậy sinh tâm vui mừng, khởi niệm quán tưởng cái vò, đặt bên dưới lửa, đài hoa ở bên trên, tự mình muốn đến chỗ Phật, lấy tay vịn vào cái vò, tay liền được mát mẻ, nhân đó cất thân bay đến bên cạnh cái vò, đảnh lễ Đức Phật, liền thấy hóa thân của Phật phóng hào quang từ giữa chặng màu mưa nước cam lồ, rưới khắp toàn thân, nơi nào cam lồ nhỏ giọt xuống đều hóa thành lưu ly, thấm đến đại tràng, đại tràng tiểu tràng đầy đủ cam lồ, lửa dần dần dứt, hóa sinh hoa báu, có màu trắng hồng và phát ra ánh sáng.

Lại nên quán tưởng vị trời Ma-hê-thủ-la cỡi bò vàng, cầm bình nước báu, đến trước chỗ hành giả, trong nước có thuốc tên là Phá độc, khiến hành giả uống.

Lại lấy viên ngọc tên Chiên-đà-la Ma-ni để trên đảnh đầu hành giả, ngọc xuất ra thuốc rưới vào tai, vào mắt, vào mũi, chỉ một lần thấy thôi đã được trừ khỏi bệnh khổ. Vị trời Ma-hê-thủ-la là Đại Bồ-tát thường tự hành trì Tam-muội Thủ lăng nghiêm, liền từ giữa chân mày phóng ra ánh sáng lớn, hóa làm hình tượng Phật, có năm trăm vị Tiên nhân hầu cận Đức Thế Tôn.

Phật vì hành giả thuyết giảng pháp môn cam lồ để trị bệnh.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Ông nên thọ trì cho tốt pháp môn này, hãy hành trì cẩn thận, chớ để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Trị Bệnh Khi Nhập Tam-Muội Địa Mà Thấy Chuyện Chẳng Lành, Bị Thất Tâm Niệm Mà Sinh Sợ Hãi

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu hành giả nhập Tam-muội Địa đại, thấy bốn bề núi đen và giữa các núi có vô lượng, vô số quỷ Cưu-bàn-trà, ngồi chồm hổm trên đất, hiện tướng xấu ác, thân căn hiện rõ. Lại có năm ngọn núi, quỷ Dạ-xoa tranh nhau đến lấy núi kia. Các quỷ Cưu-bàn-trà quá đỗi lo sợ, phát ra âm thanh ác lớn, hướng về chỗ hành giả. Lại thấy các quỷ đầu tóc rối bù, cầm gậy sắt lớn, đầu gậy có núi, đi đến chỗ của hành giả. Lại thấy có quỷ Dạ-xoa vác núi vừa đi vừa múa, La-sát nổi giận, cầm cây đến chỗ Dạ-xoa, cùng đánh nhau. Quỷ Tỳ-xá-già, đầu đội núi đen, miệng ngậm cọp chết, hành giả thấy thế hết sức kinh sợ. Do kinh sợ nên La-sát càng hung dữ, đánh nhau với Dạ-xoa. La-sát thắng, chặt đầu Dạ-xoa, chặt tay chân Tỳ-xá-già, dùng làm chuỗi anh lạc, dùng thân căn của Cưu-bàn-trà để làm vòng hoa, nhảy múa trên mặt đất. Răng chó mọc lên như nhánh cây kiếm. Mưa đá trong mắt, sét đánh bốc lửa. Quỷ Dạ-xoa lại thắng, bắt được La-sát, lóc lấy da mặt, khoét bỏ nữ căn, chặt thân căn của Cưu-bàn-trà, chặt lấy tay chân của Tỳ-xá-già dùng làm vòng hoa, xỏ tai xâu cổ, nhảy múa trên mặt đất, động thân la hét phát ra âm thanh rợn người rất đáng sợ hãi. Lại thấy có bốn thần biển cả, mẹ của sự sinh trưởng, Tỳ-mâu-lâu-chí nằm ngửa trên mặt biển, mỗi vị có ngàn đầu và hai ngàn tay chân, thân xoay bốn hướng, bày cả nữ căn thật đáng ghê sợ. Như núi vấy máu, lông của chúng xấu ác giống như cây kiếm, trong mỗi sợi sinh ra một cây, chẳng khác nào rừng núi đao.

Lại thấy vô lượng, vô số chúng quỷ tai lừa, đầu bò, miệng sư tử, chân ngựa, đuôi sói, thân căn là Cưu-bàn-trà, vô số quỷ như vậy từ bên trong xuất hiện. Lại thấy rồng lớn có trăm ngàn đầu, thân dài mười do-tuần từ bên trong xuất hiện. Lại thấy có một quỷ giống như cầm thú, thân hình như sư tử, có một vạn chân và vô số trăm ngàn rắn độc từ trong ấy sinh ra. Lại

thấy có ngạ quỷ thân hình dài lớn mười ức do-tuần, khạc ra lửa độc, vác cả các núi từ trong ấy hiện ra. Lại thấy ngàn con sói đuôi liền nhau mà thân khác, răng như đá dẹp, từ trong ấy hiện ra. Lại thấy có ngàn con cọp, đuôi cũng có đầu, hợp thân mà đi, từ trong ấy sinh ra. Lại thấy Long nữ, dùng anh lạc trang điểm nơi thân làm đẹp mắt người, từ trong ấy sinh ra. Lại thấy tất cả các loài thú ác như hồ ly, mèo chuột, vượn, khỉ, dã can, quỷ ác đều từ trong ấy sinh ra.

Lại thấy có thần núi Ốc tiêu của địa ngục A-tỳ, mười tám thần địa ngục, chín ức ngục tốt ngưu đầu, tám mươi ức ngạ quỷ, ngàn ức trùng xí, năm trăm ức giun, trùng đủ các loài hình trạng như thế. Lại có thần ác quỷ, hoặc nắm núi dao, hoặc cầm rừng kiếm, hoặc lay núi Tu-di, hoặc chuyển núi Thiết vi, núi Du-càn-đà… Hành giả thấy thân của mình đầy khắp đại địa, ba trăm ba mươi sáu chi tiết đều như núi cao đến cõi Vô sắc. Từ nơi rốn chảy ra nước, có bốn con rắn độc bơi lội trong nước ấy, nơi miệng phun ra lửa. Có mười La-sát đi lại trong lửa, từ trong tai sinh ra gió, từ hậu môn sinh ra gió, thổi động các núi, khiến cho tất cả quỷ thần nổi giận, vì thế nên hành giả rất kinh sợ, sinh bệnh cuồng loạn. Nếu thấy những việc như vậy, nên mau chóng chữa trị.

Phương pháp chữa trị là: Trước hết quán tưởng một mặt trời cùng với Nhật Thiên tử cõi cung điện bốn báu và trỗi trăm ngàn thứ âm nhạc trên núi đen, soi chiếu núi đen làm cho núi dần dần sáng lên.

Quán tưởng một mặt trời xong lại quán tưởng hai mặt trời. Hai mặt trời xong, lại tự quán về xương trắng nơi thân, có ba trăm ba mươi sáu chi tiết trắng như núi tuyết, mặt trời chiếu nơi núi Tuyết tưởng như chiếu trên đảnh đầu. Có Nguyệt Thiên tử với cung điện bốn báu và trăm ngàn quyến thuộc, cầm ngọc minh nguyệt đặt trên đầu của hành giả.

Quán tướng điều này rồi lại quán tưởng trên ngọn núi thứ ba cũng có sự việc diễn ra như trên không khác. Lại quán một mặt trời xong, đến quán bạch cốt như núi Tuyết ở trên. Lại có Nguyệt Thiên tử.

Quán thấy Nguyệt Thiên tử rồi, lại quán trên ngọn núi thứ tư cũng có một mặt trời soi chiếu núi đen. Đã thấy mặt trời rồi nên quán tưởng về bạch cốt nơi thân mình, ba trăm ba mươi sáu chi tiết trắng như núi tuyết, các xương trán đều cùng đối nhau, giữa mỗi một đốt xương trán có một Nguyệt quang, Nguyệt Thiên tử tay cầm hai viên ngọc nắm giữ hai hướng. Như vậy, giữa các chi tiết và mỗi đốt xương trán, phải nên dừng tâm trong khoảng mười sát-na hơi thở ra vào để quán tưởng kỹ càng khiến thấy rõ hơn. Quán thấy mỗi một cốt xương có hai mươi tám ngôi sao, trong sáng,

thanh tịnh thật đẹp, giống như ngọc bảy báu. Quán tưởng như vậy xong, lại quán tưởng một con chim chúa cánh vàng, đầu đội ngọc Ma-ni, bắt lấy bốn con rắn và sáu con rồng, rắn sợ, rồng bỏ trốn. Thấy các quỷ thần trên núi, một khi kinh động thì hình trạng màu đen, đều là do quả báo phá giới từ thân trước, nên cần phải sám hối, nghiêm trì tịnh giới, nếu được giới thanh tịnh thì ánh sáng mặt trời, mặt trăng càng hiển bày sáng tỏ. Nếu kẻ tâm niệm xấu ác, miệng nói lời ác, phạm Đột-kiết-la thì trên ngọc Ma-ni chỉ là đất đen, mặt trời, mặt trăng biến thành bụi bặm, các vì sao không xuất hiện. Các vua A-tu-la với chín trăm chín mươi chín tay và một ngàn đầu, mỗi khi xuất hiện thì che khuất mặt trời, mặt trăng, tinh tú không hiện ra. Đây gọi là thoái lui, do vì đao tâm ác và lửa khẩu ác tạo nên sự cướp đoạt của giặc phá giới. Nếu muốn uống thuốc cam lồ tối thắng này, trước hết nên trì giới thanh tịnh, đầy đủ các oai nghi, sám hối nghiệp chướng và tội ác bất thiện. Thứ đến nên trói tâm buộc ý, ngay ngắn tọa thiền, quán niệm hơi thở như trước. Quán tưởng về ba trăm ba mươi sáu chi tiết, khiến mỗi một chi tiết và các xương trán đều tương xứng nhau, quán thấy trăng sao như đã nói ở trước. Tâm trở nên sáng suốt, thấy giữa một chi tiết, ánh sáng mặt trăng như áo, ánh sáng các sao như sợi tơ, đan xen lẫn nhau. Thấy bốn mặt trời xuất hiện làm nước trong bốn biển lớn ba phần cạn hết hai phần. Năm mặt trời xuất hiện thì ánh sáng nơi núi Tu-di diệt tận, biển lớn cũng khô cạn. Thấy sáu mặt trời xuất hiện thì ánh sáng các ngọn núi dần dần diệt mất. Thấy bảy mặt trời xuất hiện thì đại địa sáng rực, các quỷ La-sát bay trên không trung, bay khắp cõi Dục với cờ lửa theo sau.

Đến cõi Sắc giới, lửa cũng theo tới, muốn đến cõi Vô sắc thì tay chân co rút, rơi vào đống lửa, kêu la đáng sợ, động cả đại địa. Nên mau chóng giữ tâm, quán tưởng ba trăm ba mươi sáu chi tiết, như núi kim cương, hình tướng tốt đẹp đáng ưa thích hơn cả núi Tu-di. Đất, nước, gió, lửa không thể lay động, chỉ thấy bốn con rắn ngậm ngọc Ma-ni đứng giữa núi xương. Khi ấy nên quán tưởng về hình ảnh Đức Phật, thấy ngọn cờ kim cương có gương Ma-ni và bảy Đức Phật quá khứ xuất hiện trong gương. Nên quán tưởng kỹ về tướng lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Đề-xá, Phật Câu-lưu-tôn, Phật Ca-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni. Thấy tướng lông trắng giữa chặng mày của bảy Đức Phật như màu nước pha lê rất trong lành mát mẻ, tẩy rửa ba trăm ba mươi sáu chi tiết trên thân được trắng sạch, tinh khiết, vi diệu, như gương pha lê, không vật gì có thể sánh bằng. Nhân đó lại thấy năm bánh xe kim cương từ phương dưới vọt lên, xoay vòng trên không trung thuyết giảng nghĩa của Tứ đế. Tuy thấy nghe những điều ấy, nhưng phải một lòng quán thân như

núi bạch cốt, liền thấy Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng nước cam lồ rưới trên đảnh của người ấy, sáu vị Phật kia cũng như vậy. Bấy giờ, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni bảo: "Này Pháp tử! Ông nên quán sát kỹ về sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vô thường, khổ, không, vô ngã."

Lại vì người khác mà thuyết giảng rộng về Không, Vô tướng, Vô nguyện, thuyết về chỗ rỗng lặng của thân, bốn đại không chủ thể, năm ấm không nhà cửa, hoàn toàn tịch tĩnh, đồng như hư không, nhân đó liền ngộ về sự vô thường biến hoại của thế gian. Quán bốn Chân đế trong năm sát-na của hơi thở ra vào, phá trừ hai mươi hai ức kết sử thiêu đốt, thành tựu quả vị Tu-đà-hoàn. Trong khoảng mười sát-na của hơi thở ra vào thoát khỏi các dòng ái dục, thành tựu quả Tư-đà-hàm. Trong mười sát-na của hơi thở ra vào thì đoạn trừ các độn sử, các kết sử của dục, sắc giới và các kết sử căn bản, không còn trở lại Dục giới, thành tựu quả vị A-na-hàm. Trong mười sát-na của hơi thở ra vào, qua lại trong pháp không, tâm không bị chướng ngại, an trú nơi ba mươi bốn tâm tương ưng, mười pháp giải thoát căn bản, không diệt không hoại, phá tan chín mươi tám núi kết sử, làm tướng đại dũng mãnh với ánh sáng trí tuệ, dựng ngọn cờ thắng pháp khắp bốn phương. Có tòa báu kim cương từ phương dưới vọt lên cùng nhau diễn thuyết về pháp không. Năm bánh xe kim cương ở bên đầu gối trái, tự nhiên diễn thuyết về chín pháp vô ngại, tám pháp giải thoát, hàng Thanh văn quá khứ đều nhập vào Tam-muội Tỳ-lưu-ly, đứng vững trước hành giả. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni diễn thuyết rộng rãi nghĩa lý của cảnh giới thiền định. Ví như kim cương, nơi ấy vắng lặng, không thấy thân tâm. Vào Tam-muội Kim cương rồi từ Tam-muội xuất khiến cho núi kết sử sạt lở, gốc phiền não dứt sạch, sông vô minh khô cạn, nô tỳ lão tử diệt trừ, sự sinh đã tận, phạm hạnh đã lập, như luyện vàng ròng, không thọ các dục, việc làm đã xong, gọi là đại A-la-hán. Nếu người phát tâm Bồ-đề vô thượng, ban đầu thấy được hào quang, từ tướng lông trắng giữa chặng mày của bảy Đức Phật, mỗi một hào quang chia làm mười nhánh hóa thành mười hoa báu có cây báu, đài báu, xếp hàng trên hư không. Khi ấy, chư Phật trong mười phương cũng phóng ra nguồn nước sáng như đã nói ở trên, để tẩy rửa các chi tiết. Trong mỗi một tướng hào quang ấy thuyết giảng mười tám pháp môn tâm Từ, thuyết giảng mười tám pháp môn đại Bi, thuyết giảng mười tám pháp môn đại Hỷ, thuyết giảng mười tám pháp môn đại Xả, dần dần tăng trưởng, giảng dạy tu tập bốn Tâm vô lượng, khi đủ bốn Tâm vô lượng rồi thì thuyết giảng về mười tâm sáng suốt. Đã thuyết giảng xong về mười tâm sáng suốt, đến giảng thuyết về sắc tức là không, phi sắc diệt không. Đã quán không rồi, nên dạy sáu pháp của Bồ-tát, hành sáu pháp xong nên tu tập sáu niệm, sáu

Pháp thân Phật. Niệm Pháp thân Phật xong, phát khởi tâm hồi hướng. Tâm hồi hướng thành tựu nên lập bốn hoằng thệ nguyện, không xả bỏ chúng sinh. Bốn nguyện thành tựu nên đầy đủ giới Bồ-tát. Giới Bồ-tát thành tựu nên tu tập Bố thí ba-la-mật. Bố thí ba-la-mật thành tựu nên tu tập mười pháp Ba-la-mật.

Quán tưởng như vậy rồi, đến quán không bên trong và không bên ngoài, thấy hiện tại đây có vô lượng trăm ngàn chư Phật, dùng nước rưới trên đảnh đầu, dùng tơ buộc trên đầu thuyết giảng pháp không, nhân nơi pháp không mà tâm được tỏ ngộ, hội nhập quả vị Bồ-tát, gọi là tánh địa. Đó là cảnh giới ban đầu của Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đây gọi là pháp Tam-muội đối trị tăng thượng mạn, diệt gốc vô minh, tướng đáng sợ của ba độc khi vào Tam-muội Địa đại. Ông nên thọ trì cho tốt, hãy cẩn thận chớ để quên mất.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan… nghe Phật thuyết giảng xong, liền hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Đối Trị Phong Đại

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Nếu hành giả nhập Tam-muội Phong đại, tự thấy chín lỗ trên thân mình giống như những hang hốc lớn phát ra luồng gió năm màu. Lại thấy ba trăm ba mươi sáu chi tiết trên thân mình trắng như núi Tuyết, mỗi một luồng gió xuất ra các quỷ Ái cát chi. Các quỷ này tay cầm gậy sắt, lấy ngàn đầu lâu làm chuỗi đeo vào thân, cùng với chín mươi tám loài quỷ rồng đến chỗ hành giả. Hành giả trông thấy, thân tâm kinh sợ, vì vậy phát sinh cuồng loạn hoặc bị bệnh rụng tóc, hãy nên mau chóng chữa trị.

Phương pháp chữa trị: Trước hết nên quán thấy bốn vị đại tiên trên núi Tuyết, núi Hương đều là những Đại Bồ-tát. Những vị tiên ấy thân màu vàng ròng, cao mười sáu trượng, một tay cầm hoa, một tay cầm vòng kim cương, miệng ngậm thuốc hương, bảo vệ cho hành giả không bị gió thổi. Tiên nhân cầm hoa trì chú nên xuất hiện con rồng hút hết cả gió khiến cho thân rồng phình lớn, nằm yên trên đất, không thể cất mình lên được. Lại nên quán tưởng rồng này giống như thân cây chuối, chỉ còn da bọc lấy thân, không thể thở được nữa.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thuyết thần chú:

Nam-mô Phật Đà.

Nam-mô Đạt-ma.

Nam-mô Tăng-già.

Nam-mô Ma-ha lê sư tỳ đồ la đồ, ái đốt đà đạt đà, sa mẫn đà bạt đồ la sí, đà la quật trà thệ trà, già lợi già lợi, Ma-ha già lợi hu ma lợi hu ma lặc sí, tấc đam tỷ diêm tỷ, a diêm tỷ lợi cứu cúc cúc sí, tát bà đà la ni sí, a phiến đề ma câu lê ưng chỉ hu di hu di hu ma hu ma sa họa ha.

Khi thuyết thần chú này xong, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Thần chú này được vô lượng chư Phật trong quá khứ nói ra, hôm nay ta cũng thuyết thần chú ấy, đời vị lai về sau Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Phổ Hiền cũng sẽ thuyết thần chú này. Công đức của thần chú ấy như Tự tại thiên, có thể khiến cho năm trăm năm sau, các Tỳ-kheo xấu ác được tịnh tâm ý, điều hòa được bệnh tăng giảm của bốn đại, cũng đối trị được bốn trăm bốn mươi bệnh trong tâm, sự sinh khởi cảnh giới của bốn trăm bốn mươi huyết mạch và chủng tử nơi tánh dục của chín mươi tám kết sử, cũng đối trị được những nghiệp chướng phạm giới, các điều ác hoàn toàn diệt tận. Đây gọi là thần chú đối trị hoàn toàn bảy mươi hai bệnh phiền não, cũng gọi là thần chú dứt trừ năm thứ vô minh căn bản ngăn che, cũng gọi là hiện tại thấy tất cả chư Phật và chúng Thanh văn thuyết pháp chân thật, phá trừ các kết sử.

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói kệ:

Pháp tánh không chỗ nương
Quán không cũng như vậy
Nếu hay quán bốn đại
Chẳng vì muốn bị hại.
Uống thuốc hành thiền định
Trì tụng Đà-la-ni
Nhất tâm niệm chư Phật
Kết sử hoàn toàn diệt.
Phiền não vĩnh viễn tận
Sông ân ái cũng dứt
Các dục không còn nhân
Tự gọi là giải thoát.
Không còn tâm lo sợ
Sáu thần thông tự tại
Cũng dùng Đà-la-ni
Truyền dạy cho người khác.

Bấy giờ, nói kệ xong, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nay ông nên biết sau khi ta nhập Niết-bàn, vào đời vị lai, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào được nghe pháp giới thanh tịnh và Đà-la-ni Quang minh vương thắng tràng làm thuốc trị các bệnh thiền định bí yếu sâu xa này, nên biết người ấy không những ở nơi một Đức Phật hoặc hai Đức Phật, cho đến năm Đức Phật, gieo trồng các thiện căn mà còn từ lâu xa nơi vô lượng trăm ngàn Đức Phật, tu tập ba tâm Bồ-đề nên ngày nay được nghe pháp môn bí yếu sâu xa này. Như lời giảng dạy mà thực hành, nên biết người ấy, đến thân rốt sau cùng, như dòng nước chảy mạnh, mau chóng chứng đắc bốn quả Sa-môn và hạnh Bồ-tát.

Khi Đức Phật thuyết giảng lời này, có năm trăm Thích tử, càng tăng thêm sự tinh tấn, đầy đủ sáu thần thông. Trong thành Xá-vệ, có một ngàn Thủ-đà-la, đời trước hành thiền định phát cuồng loạn, nay được nghe Phật giảng thuyết, liền sinh hoan hỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Có tám mươi ức chư Thiên, đối trị bệnh bốn đại, thân tâm không còn khổ nạn, ngay khi đó phát tâm cầu đạo quả Vô thượng. Khắp nơi mưa hoa trời để dâng lên Đức Phật và đại chúng. Bấy giờ, trong chúng hội, hàng trời, rồng, tám bộ chúng được nghe Phật giảng thuyết đều đồng thanh thưa:

–Đức Như Lai xuất hiện ở đời, chính vì đối trị bệnh cuồng si tà kiến xấu ác đi theo La-sát, khiến được bản tâm, như tràng hoa đẹp, rất được ưa chuộng. Lành thay! Đức Thế Tôn giống như hoa Ưu-đàm, đúng thời mới nở một lần.

Bấy giờ, cả chúng hội dùng kệ tán thán:

Thái tử Nhật Chủng Vương
Con cháu giòng Cam Giá
Cháu ngoại Tịnh Quang Nguyệt
Con hoàng hậu Ma-da.
Chào đời đi bảy bước
Giẫm chân động đại thiên
Thần mười phương ứng hiện
Ba mươi hai tướng tốt.
Từ bỏ ngôi quốc vương
Ngồi nơi cội Bồ-đề
Lập đạo tràng Kim cương
Điều phục vạn ức ma.
Chứng đắc quả Bồ-đề
Mặt đẹp như trăng rằm

Tâm cấu uế diệt tận
Chúng con nguyện đảnh lễ.
Bậc tối thắng dòng Thích
Bậc từ bi hơn cả
Bậc khiến cho chúng sinh
Giải thoát khổ sinh tử.

Khi nghe đại chúng nói kệ xong, Đức Thế Tôn ân cần duỗi cánh tay màu vàng ròng xoa đảnh đầu Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan và phó chúc việc này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả A-nan cùng tất cả đại chúng nghe Phật thuyết giảng xong, đều hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

Phép Trị Bệnh Vướng Vào Ma Quỷ, Đủ Thứ Không An, Không Đạt Thiền Định Của Người Mới Tập Ngồi Thiền

Tôi nghe như vầy:

Một thời, Đức Phật ở tại trú xứ của quỷ Na-lợi-lâu, nơi khu vườn rừng Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, tại giảng đường của phu nhân Mạt-lợi xây dựng nên, có La-tuần-du cùng với một ngàn người con của hàng trưởng giả vừa mới xuất gia, thỉnh Tôn giả A-nan, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, Tôn giả Xá-lợi-phất… để làm Hòa thượng. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hướng dẫn một ngàn Tỳ-kheo quán niệm hơi thở, an trú chốn vắng vẻ. Hành giả vướng vào ma quỷ, thấy một quỷ thần, mặt như chiếc đàn tỳ bà, bốn mắt hai miệng, trên mặt có ánh sáng, dùng tay vỗ hai bên nách xuống khắp thân thể, miệng xướng lời: "Phụ dịch, phụ dịch", như xoay vòng lửa, giống luồng sáng chớp lúc đỏ lúc tắt, khiến cho tâm của hành giả không an ổn. Nếu thấy việc như vậy nên mau chóng chữa trị. Phương pháp đối trị là hướng dẫn người này một khi nghe quỷ "Phụ dịch" thì nhất tâm, yên lặng, nhắm mắt, âm thầm nói: "Nay ta đã nhận ra ngươi, biết là ngươi ở trong cõi Diêm-phù-đề, ăn lửa, ngửi hương, trộm lấy thịt ngon, làm các việc tà kiến, thích phá hoại giới pháp. Nay ta trì giới, hoàn toàn không sợ ngươi." Khi ấy, nếu người xuất gia nên đọc tụng giới văn, nếu người tại gia nên đọc tụng ba pháp quy y, năm giới, tám giới thì quỷ liền vội vã quay mặt bỏ đi.

Khi nghe lời này, Tôn giả A-nan liền bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! hôm nay các Tỳ-kheo là con của các bậc trưởng giả

này nhân theo lời dạy của Thế Tôn để đối trị quỷ Phụ dịch nhằm thoát khỏi các ma ác, không còn bị vướng mắc vào ma quỷ. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, trải qua hàng ngàn năm, nếu có Tỳ-kheo muốn hướng dẫn các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, ở chỗ vắng lặng quán niệm hơi thở an trú nơi thiền định, nếu có các quỷ thần vì muốn phá đạo, hóa làm hình chuột, hoặc đen hoặc đỏ đến làm rối tâm ý, cào chân cào tay, gãi tai hành giả, không thể nào là không quấy phá, hoặc làm tiếng chim kêu, hoặc làm tiếng ngâm của quỷ, tiếng kẻ trộm, hoặc có quỷ cáo, giả làm hình nữ, trang điểm khắp thân, đến chỗ hành giả, âu yếm vuốt ve nói lời phi pháp, hoặc hiện làm chó gào sủa vô độ, hoặc hiện trăm loài chim điêu, thứu hung ác, phát ra đủ thứ âm thanh, kêu la thảm thiết, hoặc hiện trẻ con hàng trăm ngàn đứa xếp thành hàng hoặc một hoặc hai, hoặc năm hoặc mười, tạo đủ âm thanh đến bên hành giả. Hoặc thấy có ruồi, muỗi, sâu bọ, rệp, bọ chét vào trong lỗ tai kêu như ong chúa, hoặc vào trong mắt tựa như cát sỏi, làm đủ thứ việc loạn tâm khiến hành giả phát cuồng loạn, rời xa nơi vắng lặng, tạo hành động phóng túng, nên phải đối trị như thế nào?

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông hãy lắng nghe cho kỹ và khéo tư duy điều này, Như Lai sẽ giảng thuyết cho ông. Nếu có người trong bốn chúng bị quỷ ấy quấy nhiễu, ông nên giảng nói cho họ về pháp môn đối trị ma quỷ. Loài quỷ "Phụ dịch" này có sáu mươi ba tên gọi. Trong quá khứ, thời Đức Phật Ca-na-hàm Mâu-ni có một Tỳ-kheo sắp dự vào hàng Tu-đà-hoàn hướng, nhưng vì tà mạng nên bị chúng Tăng ruồng đuổi, sau đó do sân giận mà chết bị đọa làm quỷ, cho đến ngày nay trở lại gây não hại nơi bốn bộ chúng. Quỷ sống một kiếp sau khi chết lại rơi vào địa ngục A-tỳ. Các ông nên biết, vì thế ngày nay nhận lấy tên gọi này. Các ông hãy nhất tâm buộc niệm, đừng làm loạn tâm. Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết thần chú:

Ca phục khơn na khưu ni chi lệ phú, khứu phú khứu, a ma lặc ca, sa trá ha.

Quỷ "Phụ dịch" này là Dạ-xoa ác, cũng gọi là quỷ mộng. Khi mộng thấy quỷ này liền mất tinh thần, nên phát tâm sám hối: Khi quỷ "Phụ dịch" đến, nên nói: "Ta ở đời quá khứ gây tạo nhân duyên ác nên gặp quỷ ác, giặc phá hủy giới cấm. Ngày nay ta dùng roi tâm, trói buộc các căn không để nó buông lung." Nếu thần quỷ này trú trong hư không thì gọi là quỷ Hư không, quỷ ở trên giường nệm gọi là quỷ Phúc hành. Lại có ba tên gọi, một tên là Thâm sách. Tên của các quỷ: quỷ phương đạo, quỷ ly mị, quỷ vọng lượng, quỷ ăn máu mủ, quỷ vừa ăn vừa nhổ, quỷ thần nước, quỷ thần lửa, quỷ thần

núi, quỷ thần vườn rừng, quỷ phụ nữ, quỷ nam tử, quỷ đồng nam, quỷ đồng nữ, quỷ Sát-lợi, quỷ Bà-la-môn, quỷ Tỳ-xá, quỷ Thủ-đà, quỷ đi bộ, quỷ vừa đi vừa lộn, quỷ cỡi xe, quỷ tai lừa, quỷ đầu cọp, quỷ tiếng như mèo con, quỷ hình chim tu hú, quỷ tiếng cú tai mèo… hoặc hóa làm tám bộ chúng quỷ thần: quỷ hư hao, quỷ tám sừng, quỷ chuột trắng, quỷ liên hoa sắc, quỷ hồ mị, quỷ quỷ mị, quỷ bách trùng tinh mỵ, quỷ tứ ác Tỳ-xá-già, quỷ Cưu-bàn-trà. Các loại quỷ thần xấu ác như vậy có đến sáu mươi ba loại tên gọi. Mỗi khi bị quỷ đến quấy nhiễu, phải nên quán hơi thở, vào nơi vắng lặng chí tâm niệm danh hiệu bảy vị Phật quá khứ: Đảnh lễ Phật Tỳ-bà-thi, Phật Thi-khí, Phật Đề-xá, Phật Câu-lâu-tôn, Phật Ca-na-hàm Mâu-ni, Phật Ca-diếp, Phật Thích-ca Mâu-ni, xưng niệm các danh hiệu Phật xong, nên nhớ trì niệm tất cả Đà-la-ni âm thanh Phật liền thuyết thần chú: "A di a di ca lê xa toan đà lợi phúc khí xí thâu thế tha thâu thế tha Ma-ha ca lâu ni ca di Đa-la Bồ-đề tát đỏa." Nếu có người bị quỷ "Phụ dịch" làm loạn tâm ý, hoặc tạo ra các cảnh giới huyễn hóa thì nên thọ trì thần chú, niệm danh hiệu bảy Đức Phật này và Bồ-tát Di-lặc, nhất tâm quán niệm hơi thở, tụng Ba-la-đề-mộc-xoa, trải qua một trăm lần thì các loài quỷ ác này đều được điều phục, mãi mãi chúng sẽ không bao giờ não loạn việc hành đạo của bốn bộ chúng.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì tốt pháp môn diệt trừ quỷ ác, điều phục oai nghi, làm thanh tịnh thân, miệng, ý, vì để tăng trưởng hàng đệ tử trong bốn bộ chúng, làm cho họ không khởi sinh niệm cuồng loạn, chứng đắc Tam-muội, hãy nên thọ trì tốt, cẩn thận đừng để quên mất.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật thuyết giảng xong, liền hoan hỷ phụng hành.

Lại nữa, này A-nan! Nếu khi hành giả tọa thiền, bị đau hai tai, xương cốt nơi toàn thân đau đớn, hai bàn tay ngứa ngáy, hai chân tê nhức, tim bị chèn ép, gân chuyển mắt mờ, chỗ tọa thiền bị quỷ đến tìm cách chiếm cứ, hoặc rải hương hoa, hoặc làm đủ trò yêu quái, cần nên mau chóng chữa trị.

Pháp môn đối trị là: Trước hết quán tưởng hai vị Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Dược Thượng, tay cầm bình vàng đem nước rưới cho hành giả. Lại quán vị thần vương núi Tuyết cầm một hoa trắng đi đến chỗ hành giả che trên đảnh đầu, hào quang trắng tỏa ra nhập vào thân, thấm nhuần nơi các lỗ chân lông trên thân khiến thân hành giả được dịu dàng tốt đẹp, không còn các dị tướng. Sau đó, lại thấy đồng tử Đồ-bà cầm hoa của Tiên nhân tung rải lên trên chỗ hành giả, giữa mỗi một hoa tuôn ra thứ thuốc vi diệu

thấm vào các lỗ chân lông, khiến cho các thứ bệnh khổ đau đớn trên thân, các âm thanh, lời lẽ thầm kín của chúng quỷ thần hoàn toàn không còn nữa, được Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Dược Thượng thuyết giảng pháp Đại thừa bình đẳng. Thần núi Hương, thần núi Tuyết, tất cả các thần vương và Đồng tử Đồ-bà cũng tùy theo căn tánh của hành giả mà thuyết giảng đủ mười hai pháp môn thiền định, tùy bệnh cho thuốc, đúng pháp chữa trị, vận dụng các chú thuật. Nhân đó, hành giả được gặp Tôn giả Tân-đầu-lô và các vị La-hán, năm trăm Sa-di như Thuần-đà-bà… cùng một lúc đều đi đến chỗ hành giả, mỗi một vị Thanh văn đều thuyết đủ thứ pháp môn trị bệnh cho người. Hoặc có A-la-hán theo lời Phật dạy, hướng dẫn cho Tỳ-kheo, khoét trên đảnh đầu, dần dần khiến toàn thân đều không, lấy dầu rưới lên thân, quán có Phạm thiên cầm thuốc màu vàng ròng rưới lên thân làm cho thân đầy đặn lại. Các Bồ-tát là lương y thuyết giảng đủ các pháp môn. Nếu người phát tâm Thanh văn thì theo sự thuyết giảng của Tôn giả Tân-đầu-lô sẽ đắc quả Tu-đà-hoàn. Nếu người phát tâm Đại thừa, theo sự thuyết giảng của hai vị Bồ-tát Dược Vương và Bồ-tát Dược Thượng sẽ chứng đắc Tam-muội hiện tiền của chư Phật.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Sau khi Phật diệt độ, nếu bốn chúng đệ tử muốn ngồi thiền, trước hết ở nơi vắng lặng, ngồi ngay thẳng trong bảy ngày, sau đó, tu tập quán niệm hơi thở trong bảy ngày, lại nên uống các loại thuốc trừ bệnh này để dứt bỏ các bệnh, định tâm giữ ý, tu tập thân tâm, điều hòa các đại, không để thời gian trôi qua, một lòng một dạ không phạm giới cấm và các oai nghi, đối với việc trì giới như giữ tròng con mắt. Như người bệnh nặng tùy theo sự hướng dẫn của thầy thuốc. Hành giả cũng như vậy, luôn luôn tăng tiến, không để thoái thất, như cứu lửa cháy đầu, luôn nhớ nghĩ đến lời dạy của Thánh hiền. Đây là thuốc đối trị bệnh tạo sự điều hòa cho thân.

Đức Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Ông nên thọ trì tốt đẹp, hãy cẩn thận thực hành đừng quên mất.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật thuyết giảng xong, liền hoan hỷ phụng hành.

-oOo-

SỐ 621

KINH PHẬT ẤN TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế Cao, người nước An Tức.

Bấy giờ, Đức Phật trú trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo mười hai ngàn vị đều là bậc A-la-hán.

Chúng Đại Bồ-tát gồm có bốn trăm ức vạn vị đều là những bậc Hiền giả như Bồ-tát Di-lặc và chư Bồ-tát trong mười phương nhiều vô số không thể đếm xuể. Tất cả đều bay đến trước Đức Phật, đầu mặt đảnh lễ sát chân Ngài, đứng dậy đi nhiễu quanh chỗ Phật bảy vòng, rồi lui ra ngồi theo thứ lớp lớn nhỏ trăm ngàn vạn ức hàng vô số kể.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc biện tài đệ nhất, trí tuệ sáng suốt, tuyệt vời so với các Bồ-tát không ai sánh kịp.

Bấy giờ, Đức Phật ngồi nhập Tam-muội; toàn thân của Đức Phật, nội y và ngoại y đều oai nghiêm, ánh sáng rực rỡ; tất cả đều không thấy mà vô số cõi Phật trong mười phương đều sáng. Những chúng sinh ở các cõi Phật tự nhiên cúng dường chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán và chư Tỳ-kheo Tăng. Vô số chư Phật trong mười phương đều sai các Bồ-tát bay đến chỗ Phật, ngồi qua một bên; chư Bồ-tát đến đầy đủ, nhiều như số cát sông Hằng; một hạt cát là một vị Bồ-tát, cho đến số cát nơi bốn mươi sông Hằng cũng như vậy; tất cả trên dưới kế nhau, cứ một vị Bồ-tát tự nhiên ngồi trên một hoa sen lớn. Đức Phật liền biến hóa làm cho thế giới rộng mênh mông, các Bồ-tát đến ngồi đông đủ trong đó.

Bồ-tát Di-lặc..., Tôn giả Xá-lợi-phất liền đến trước Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chắp tay hỏi:

–Thưa Nhân giả! Nhân giả là bậc biện tài, vừa rồi Đức Phật nhập vào Tam-muội; nay không thấy, không biết Ngài đến đâu; có ý nghi ngờ xin Hiền giả giảng nói cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Nhân giả cũng là bậc biện tài, vả lại không lâu sẽ thành Phật, còn Tôn giả Xá-lợi-phất, là đại đệ tử Phật, chứng đạo quả A-la-hán, trí tuệ bậc nhất; sao mỗi vị không tự nhất tâm tọa thiền suy tìm để biết thân tâm của

Phật đến đâu!"

Vô số Bồ-tát và A-la-hán... đang ngồi đều nhất tâm suy tìm nơi vô số cõi Phật trong mười phương vô cùng tận, nhưng cũng không ai có thể biết được thân tâm của Phật ở chỗ nào!

Bồ-tát Di-lặc... Tôn giả Xá-lợi-phất lại quỳ gối chắp tay hỏi Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

–Chúng tôi nhất tâm suy tìm thân tâm của Phật, nhưng không thể biết Ngài ở đâu! Muốn biết việc này, xin Nhân giả nói cho.

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói:

–Quý vị đều ngồi yên, chỉ trong khoảnh khắc, Ngài sẽ trở về. Nghe Phật trở về chỗ ngồi, trong hội chúng thấy Phật trở về, thì đều vui mừng đứng dậy đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Bồ-tát Di-lặc... Tôn giả Xá-lợi-phất... đến trước quỳ gối chắp tay thưa hỏi Đức Phật:

–Vừa rồi, khi Đức Thế Tôn nhập Tam-muội, thân tâm và y phục của Thế Tôn chúng con không thấy, cũng không biết đi đâu! Chúng con cùng nhất tâm nhập định để suy tìm thân tâm của Thế Tôn, khắp cả mười phương đến vô cùng, vô tận, vẫn không biết Thế Tôn ở đâu!

Phật bảo:

–Nơi ta đến rất sâu xa, chẳng phải các ông có thể biết được, chỉ có chư Phật mới biết được thôi.

Phật dạy tiếp:

–Tam-muội ấy rất khó gặp; nếu thấy, nghe, biết được Tam-muội ấy, thì rất vui mừng không thể nói được. Vì sao? Vì rất khó lãnh hội.

Phật bảo:

–Các Bồ-tát cầu đạo phụng hành đầy đủ sáu Ba-la-mật, trải qua một ngàn ức vạn kiếp hãy còn không thể thấy được khi Phật nhập vào Tam-muội, cũng không nghe, biết được danh hiệu của Tam-muội Phật này. Nếu Bồ-tát thực hành sáu Ba-la-mật luôn siêng năng, không biếng trễ trải qua ba ngàn ức vạn kiếp mà nghe và gặp danh hiệu của Tam-muội Phật này, hãy còn chưa tin để hướng về nó. Hoặc Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật không hư mất trong bảy ngàn ức vạn kiếp nghe danh hiệu Tam-muội Phật này, vẫn còn chưa tin để hướng về nó. Hoặc Bồ-tát hành sáu Ba-la-mật hư mất trong tám ngàn ức vạn kiếp nghe danh hiệu Tam-muội Phật này thì mới tin, hướng về, tin hướng về Tam-muội, một khi nghe hoặc thấy Tam-muội này, trong lòng hoan hỷ một ngày một đêm còn hơn là hành sáu Ba-la-mật trải

qua ba ngàn ức vạn kiếp. Vì sao? Vì nghe Tam-muội này về sau cầu đạo mau thành Phật. Danh hiệu của Tam-muội Phật này, đó là Ấn trí tuệ trong kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát cầu đạo mới nghe được Ấn trí tuệ nơi kinh Bát-nhã ba-la-mật ấy, còn các vị khác thì không thể nghe được.

Bồ-tát cầu đạo muốn chứng quả vị Phật, cần phải thấu đạt được kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật là cha mẹ lớn của chư Phật trong mười phương; thấu đạt được kinh Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật mới được thành Phật. Bồ-tát cầu đạo cần phải tích công bồi đức đầy đủ mới thấu đạt được kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát cầu đạo mà không thấu đạt được kinh Bát-nhã Ba-la-mật thì không thể thành Phật.

Phật bảo:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào có lòng tin hướng đến kinh Phật Tam-muội, quỳ trước kinh ấy, thành tâm hoan hỷ lễ bái, thì người đó liền được phước báo đời này và đời sau: khi qua đời sinh lên cõi trời làm Thiên vương, hết tuổi thọ sinh xuống nhân gian, lại làm vua Chuyển luân thánh vương. Sau khi qua đời lại sinh lên cõi trời, ở cõi trời qua đời, sinh xuống nhân gian trong hàng vua chúa, lần lượt sinh trong cõi trời, cõi người, không còn đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, quỷ thần, rồng, sau đó trải qua vô số kiếp sẽ thành Phật. Nếu người nào nghe danh hiệu Tam-muội này còn chút hồ nghi không tin dù như mảy lông, sợi tóc, thì người đó sau khi qua đời sẽ bị đọa vào mười tám địa ngục, bị thiêu đốt không khi nào ra khỏi. Sau khi ra, người đó cầu đạo không thể thành Phật. Vì sao? Vì kinh Phật Tam-muội là yếu quyết ấn chứng của chư Phật trong mười phương.

Phật bảo:

–Ta đã giảng nói như vậy, các ông nên tin chớ có hồ nghi. Ai sẽ chứng minh điều đó. Chỉ có các Bồ-tát như số cát bốn mươi sông Hằng là đệ tử nhỏ của ta chứng minh điều đó.

Phật giảng nói kinh này xong, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Di-lặc... Tôn giả Xá-lợi-phất và những vị A-la-hán, chư Thiên, dân chúng nghe kinh đều rất vui mừng, đứng dậy đảnh lễ Phật.

-oOo-

SỐ 622

KINH TỰ THỆ TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư An Thế cao, người nước An Tức

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật du hóa đến tinh xá Giao lộ, trong rừng thuộc nước Ma-kiệt-đà, nơi đạo tràng Hiển dương độc chứng, là chỗ khi Đức Phật mới chứng đắc đạo quả có hào quang sáng rực, tự nhiên có tòa hoa sen báu, linh báu.

Cùng đi với Đức Phật có ba vạn hai ngàn đại Tỳ-kheo đều là A-la-hán đã diệt sạch các lậu, làm chủ tâm ý, giữ gìn các căn, tự tại trong ba đời, thần thông không chướng ngại, ví như rồng lớn, những việc cần làm đã làm xong, đầy đủ Thánh tuệ, thông suốt mọi căn nguyên của chúng sinh, như: Hiền giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và vô số Bồ-tát đều có đầy đủ phương tiện thiện xảo không thể nghĩ bàn, đi vào kho tàng của chư Phật, vượt qua các việc làm của ma, đến hằng sa cõi để ban bố lòng Từ nơi sáu Độ, tùy thời cứu giúp chúng sinh được an vui, tiếng tốt đồn xa, như: Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Từ-Thị... là chư vị thượng thủ.

Đức Như Lai nhập vào Tam-muội Thần tĩnh hóa chứng, cảm đến hằng sa cõi Phật. Trước tòa của Đức Phật, tự nhiên một tòa sen từ dưới đất vọt lên. Hoa ấy thơm đẹp, sáng chiếu thấu đến mười phương. Hoa có ngàn cánh. Trên mỗi mỗi cánh hoa sen có một hóa Bồ-tát và theo thứ tự đứng giữa hư không. Tại chỗ, các vị Bồ-tát lạy năm vóc sát đất, đi nhiễu quanh Đức Phật bảy vòng rồi đứng trước Ngài, cung kính khen ngợi chưa từng có:

–Kính lạy Đức Thế Tôn! Ở cõi chúng con có một loài cây hóa hiện điềm linh ứng, khi cây mới mọc có ánh sáng chiếu khắp hằng sa cõi Phật. Cây phát ra tiếng to, trong trẻo, hòa nhã, làm rung động lòng người, ai nghe cũng đều vui mừng, đầy đủ tâm bình đẳng, tu tập sáu độ của hạnh Đại thừa, ba mươi bảy phẩm trợ đạo hoàn tất Phật sự.

Bấy giờ mỗi Đức Phật ở hằng sa cõi đều bảo Bồ-tát giảng dạy giáo pháp để ánh sáng Đại thừa sáng rỡ. Các Ngài dạy Bồ-tát nơi cõi mình:

–Từ cõi Phật này, các ông vượt qua hằng sa cõi, có cõi Phật Sa-ha (tiếng Hán là cõi Nhẫn). Phật nơi cõi ấy hiệu là Năng Nhân Như Lai Vô Sở Trước Chí Chân Đẳng Chánh Giác, dùng Pháp luật và Thần túc để giảng dạy làm Phật sự.

Mỗi Đức Phật Như lai cầm hoa sen ngàn cánh đưa cho Bồ-tát cõi mình và nói:

–Ông hãy mang hoa này, nhân danh ta với lòng chí thành cung kính gởi đến Như Lai nơi cõi kia Ngài đã thực hành hạnh Bồ-tát có công đức trọn vẹn, chí nguyện đã thành tựu, đầy đủ đạo thể, sinh vào đời năm trược để cứu giúp chúng sinh, theo thứ lớp vượt lên trước Bồ-tát Di-lặc, có lòng Từ bi, tu sáu Độ nhằm cứu vớt quần sinh. Ngài đi đứng có an lạc không? Giáo hóa có dễ dàng không? Như Lai của con dạy đến dâng hoa này thành pháp cúng dường, xin cho tất cả chúng sinh đều hội nhập vào đạo tràng này.

Thế rồi, nương vào oai thần của Phật, các Bồ-tát từ cõi của mình bỗng nhiên biến mất, vào sâu Tam-muội định tịch tĩnh, nhập quán Tam-muội, trong chốc lát đã đến cõi Kham nhẫn, đều rời khỏi tòa, các Bồ-tát đứng cung kính chiêm ngưỡng Thế Tôn và lạy năm vóc sát đất, đi nhiễu bảy vòng rồi lui về vị trí của mình với thần túc thù thắng, oai nghi đĩnh đạc, pháp phục tề chỉnh, thưa trước Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai của chúng con gởi vô lượng lời thăm hỏi chí thành cung kính đến Ngài. Ngài thực hành hạnh Bồ-tát có công đức trọn vẹn, chí nguyện đã thành tựu, đầy đủ đạo thể, sinh vào đời năm trược để cứu giúp chúng sinh, lần lượt vượt lên trước Bồ-tát Di-lặc, có lòng Từ bi, tu tập sáu Độ, cứu vớt quần sinh. Ngài đi đứng có an lạc không? Giáo hóa có dễ dàng không? Nay dâng hoa này thành pháp cúng dường, xin cho tất cả chúng sinh đều hội nhập vào đạo tràng này.

Đức Phật dạy:

–Này Chánh sĩ! Thệ nguyện độ sinh chư Như Lai giáo hóa không mệt mỏi, thông đạt Tam-muội, Pháp thân thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt tròn đầy, Pháp thân hoàn toàn thanh tịnh, không còn bỉ thử, khen ngợi những điều đã nghe với ý hoan hỷ cùng tận.

Bấy giờ, Đức Như Lai Năng Nhân nhận hoa và bỗng mỉm cười, ánh sáng từ kim khẩu phóng ra chiếu sáng khắp hằng sa vô lượng cõi Phật nơi mười phương. Ngài đem hoa ấy rải cúng dường hằng sa chư Phật và ánh sáng chiếu thấu hằng sa thế giới. Chúng sinh nhờ ánh sáng từ bi của Phật nên được trí tuệ sáng suốt, biết rõ đời trước.

Ánh sáng ấy lần lượt chiếu xuống cõi địa ngục khắp ba cõi ác, tám nạn, cung trời, cõi người... Tất cả đều nhờ ánh sáng từ bi mà được giải thoát. Trăm ngàn chúng sinh một lòng phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Chánh chân. Ánh sáng ấy quay trở lại quanh Như Lai ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu. Bấy giờ, hằng sa chư Phật đều thấy lẫn nhau. Nhờ oai thần của chư Phật, chúng sinh đều được thấy Ngài.

Sau khi biến hóa xong, chư Phật đều hiện trở lại như cũ. Trong chúng hội có Bồ-tát tên Hiền Nhu đến trước Phật, nói kệ khen ngợi:

Lành thay! Đại Thánh hóa
Thương xót đến quần sinh
Từ vô lượng số kiếp
Tích chứa hạnh công đức.
Tất cả hạnh công đức
Có hơn cả trăm ngàn
Trăm phước thành một tướng
Lạy Chí Tôn ba cõi.
Lành thay! Đại Thánh hóa
Từ - Tuệ không biên giới
Giáo pháp tịnh lại quý
Thích sư, trời trong trời.
Đại trí cao vô thượng
Thuyền pháp cứu quần sinh
Thánh tuệ tịnh vô lượng
Cúi lạy Đấng Vô Thượng.
Lành thay! Đại Thánh hóa
Ánh từ sáng hằng sa.
Ngu tối đều dứt sạch
Mê muội và đục trong.
Bố thí hợp theo thời
Thiện quyền độ chúng sinh
Cầu pháp độ tất cả
Kính lạy Đấng ba cõi.

Đức Phật dạy Bồ-tát Hiền Nhu:

–Theo pháp chư Phật, mỉm cười có ba nguyên nhân. Ba nguyên nhân là gì?

Nhất thiết trí sâu xa vi diệu, thông suốt ba đời, thấu rõ nguồn gốc của chúng sinh. Ai hướng đến ba thừa đều có bổn hạnh căn tín đầy đủ. Hoặc có

Bồ-tát giữ vững thệ nguyện rộng lớn, mặc áo giáp đức lớn để cứu giúp chúng sinh, đoạn tận các nẻo, làm cầu đò cho muôn loài, chuyên tu tập sáu Độ, không lìa bỏ chúng sinh, giữ đạo kiên cố, từ từ tiến lên, dõng mãnh tinh tấn, bố thí không còn có tướng, giữ giới, tu tập hạnh nhẫn nhục, thiền định không tán loạn, trí tuệ sáng suốt, hướng đến Bất thoái chuyển.

Này Hiền Nhu! Đức Phật sẽ thọ ký cho người đó. Chẳng phải chỉ một Đức Phật thọ ký cho họ, mà còn được chư Phật hiện tại trong mười phương thọ ký. Đây là nguyên nhân thứ nhất.

Này Hiền Nhu! Nếu có Bồ-tát hướng đến A-duy-nhan trồng nhiều gốc đức, đầy đủ Thánh tuệ, cúng dường hằng sa vô lượng chư Phật thì tất cả đều được thọ ký, quyết đoán rõ ràng, làm thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa bình đẳng với chúng sinh, đưa họ vào một hạnh; mời chư Phật, Hiền thánh đại nhân đến làm thuyền đại pháp trong bốn dòng nước dữ, làm cạn biển ái dục, khô mười hai nhân duyên, đi vào năm đường, làm thanh tịnh năm nhãn, tâm ý tịch tĩnh, ở cung Đâu-suất nhóm họp các Bồ-tát, Đại sĩ, Chánh sĩ thanh tịnh, đi trong ba cõi giảng nói pháp không thoái chuyển, được chư Phật hiện tại trong mười phương khen ngợi giữa bốn bộ chúng. Những Bồ-tát này khen ngợi đức của vị ấy: "Không bao lâu sẽ giáng thần thành Phật, chúng sinh trong mười phương được giải thoát." Đây là nguyên nhân thứ hai.

Này Hiền Nhu! Nếu có Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất hết tuổi thọ sẽ giáng thần nhập vào Tam-muội Cứu cánh Quảng hiện. Chư Thiên cõi Tịnh cư quán khắp tam thiên đại thiên cõi có đất đai rộng lớn, dân chúng thuận hòa, các hàng Sát-lợi, Phạm chí, trưởng giả cả trăm ức ở thành ấp nào cũng có đạo đức, thanh tịnh, thuần thục, nhân từ, hòa nhã.

Chuyển luân thánh vương ở Thiên trúc thì nhóm họp nghị bàn với những người uyên bác, có chư Thiên theo hầu một bên. Hiện ở trong cung điện có thị nữ túc trực hầu hạ. Hiện học hết kinh điển thế tục, quán bốn vô thường. Thiên tử trời Tịnh cư khuyên vị ấy xuất gia, vào trong núi nghiên cứu tường tận, ngồi bên cây bối-đa, cạo bỏ râu tóc, tự thệ làm Tỳ-kheo, tu học pháp của Phật trước đây, lấy pháp làm thầy, có trời cõi Tịnh cư làm chứng. Vào một đêm chứng Tam đạt, hàng phục quân ma, đầy đủ Phật sự. Cây báo hiệu điềm lành tốt mọc khắp nơi, mỗi Như Lai trong hằng sa cõi chư Phật, nơi cõi mình giữa tám bộ chúng khen ngợi công đức Bồ-tát ngồi bên gốc cây. Các Đức Phật bảo Bồ-tát cõi của mình đến thành kính dâng hoa và tán dương Đại thừa.

Như vậy, này Hiền Nhu! Chư Phật hiện tại nơi mười phương đều biết

vị ấy, chúng sinh trong pháp hội đạo tràng rất vui mừng. Đây là nguyên nhân thứ ba.

Những Bồ-tát đến đều là những vị vốn có nhân duyên với Như Lai. Nhờ nghe pháp của Như Lai giảng nói các Bồ-tát đều đắc pháp Nhẫn vô sinh, hoặc có vị hướng đến Đồng chân, hoặc hướng đến Liễu sinh, hướng đến A-duy-nhan. Như Lai thọ ký từng vị phân minh, rõ ràng và đầy đủ. Chánh sĩ nên biết! Phật mỉm cười không phải là vô cớ.

Khi Đức Phật giảng nói như vậy, có bảy mươi ức na-thuật Bồ-tát được địa vị Đồng chân, sáu mươi ức na-thuật Bồ-tát được địa vị Liễu sinh, ba mươi ức na-thuật Bồ-tát được A-duy-nhan, trăm ngàn Tỳ-kheo được A-la-hán, chín mươi ức na-thuật người đạt dấu đạo, chư Thiên ba cõi được Pháp nhẫn tịnh.

Khi ấy, Thánh sư nói kệ:

Pháp giới đều là không
Sắc thân chân thanh tịnh
Tổng trì Ba-la-mật
Tam-muội không có nhân
Cõi Phật cũng chẳng không
Tuệ tịnh cũng chẳng có
Thương đời, hiện mỉm cười
Chánh sĩ mau thọ nhận.

Trong chúng có Bồ-tát tên Minh Kiến Quang Hiền, đứng dậy sửa pháp phục, bày vai phải, gối phải sát đất, quỳ dài chắp tay thưa trước Phật:

–Con có điều muốn thưa. Cúi xin Thánh sư dùng vô lượng tuệ chiếu giải thích cho những ai còn chưa nghe.

Đức Thế Tôn dạy:

–Lành thay, ông cứ hỏi! Ta sẽ giảng giải những điều cốt lõi nơi pháp Vô thượng cho ông.

Bồ-tát Minh Kiến Quang Hiền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói rằng: Bồ-tát Chánh sĩ xuất gia đầy đủ đạo, chứng đắc Nhất thiết trí?

Đức Thế Tôn dạy:

–Này Chánh sĩ! Ông hãy lắng nghe cho rõ, nắm lấy ý nghĩa mà suy nghĩ cặn kẽ chỗ cốt yếu của nó. Chư Phật xuất gia chắc chắn có nguyên do nên ở nơi thanh vắng ngồi thiền, tư duy giáo lý huyền diệu, thông đạt đến chỗ nhiệm mầu. Ai chuyên tâm nghĩ đến đạo, chắc chắn được cảm ứng báo.

Ai được cảm ứng thì làm trời cõi Tịnh cư, Phạm thiên, tự tại ra lệnh Đế Thích biến hóa bốn ảnh tượng vô thường già, bệnh, chết. Nhờ nghe nói pháp này mà tất cả chứng lìa, dục lìa khổ nạn, nhớ nghĩ đạo thanh tịnh, vào núi tinh chuyên hành thiền.

Vừa khởi nghĩ ý này, Tứ Thiên vương xuống đến cây Bối-đa, khiến vị ấy nhớ lại pháp xuất gia trước đây của Phật, lấy pháp làm thầy, Phạm thiên làm chứng, tín căn kiên cố, tu tập sáu Độ, bốn Đẳng tâm, bốn Ân, bốn Thiền, hành năm Thần thông, có phương tiện thiện xảo tự tại, tu tập ba mươi bảy phẩm, hoàn tất Phật sự, đã phát tâm không từ bỏ chúng sinh, bỗng nhiên tự ngộ.

Đế Thích xuống đưa dao cạo tóc cho vị ấy. Thế rồi, Bồ-tát tay phải cầm dao, suy nghĩ: "Cắt bỏ những tập khí khổ não, cấu uế, trồng cây vô trước, đoạn trừ dòng sinh tử, thông suốt nguồn Nê-hoàn. Đã phát tâm và được xuất gia rồi, ý chí kiên cố không biếng trễ, có lòng tin sâu xa, không thoái chuyển, hiểu biết đầy đủ, suy nghĩ rõ ràng." Dao chưa đụng tóc mà bỗng nhiên tóc rụng, tự nhiên nổi lên nhục kế sáng đẹp. Bồ-tát suy nghĩ: "Trước kia Phật xuất gia, cạo tóc thì liền có pháp phục ca-sa." Bồ-tát vừa nghĩ như vậy, trời Tịnh cư đem ca-sa vải Kiếp-ba-dục ở cõi Sắc giới dâng cúng Bồ-tát và thưa:

–Cúi xin Chánh sĩ hãy nhận pháp phục này.

Bồ-tát liền nhận và đắp lên mình, rất vừa khít, với oai nghi nghiêm đẹp. Cùng lúc ấy, chư Phật ở hằng sa vô số cõi đều thấy như vậy và đưa ca-sa cho Bồ-tát. Bồ-tát nhận ca-sa của chư Phật, chư Phật nào cũng hiện oai thần hợp nhập lại thành một, gọi là Tát Phi Phật Đầu Chấn Việt. Y phục này hiện đang ở cõi Phạm thiên. Ngồi thiền sáu năm để hoàn tất túc duyên, đêm cuối của năm thứ sáu giới chứng mới hiện.

Giới chứng là gì? Nghĩa là lập chí ở nơi thanh vắng mà thọ hưởng Chánh pháp, tinh thần linh hoạt sâu xa, giữ gìn giới thể, hành đạo không tiếc thân mạng, vứt bỏ nó vì sánh mình bằng với vạn vật, không mong cầu lợi dưỡng, giữ không và hành tịch, luôn luôn quán pháp thanh tịnh, hành bốn Đẳng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả, thanh tịnh, tuyên dương bốn ân, bố thí với lòng nhân ái, có lợi đem cho người một cách bình đẳng vì lòng thương yêu vô tận, hiểu rõ bốn Thiền không có vết bẩn, không phân biệt, tránh sắc thuộc mắt, tránh âm thanh thuộc tai, dứt bỏ hương thơm thuộc mũi, đoạn trừ mùi vị thuộc miệng, không tiếp xúc thuộc thân, dứt tâm vọng niệm thuộc ý, diệt trừ sáu dục, bỏ tập khí cũ, sắc dừng sắc, thanh dừng thanh, hương dừng hương, vị dừng vị, niệm thấy tánh sắc thanh tịnh làm tịch tĩnh

tỷ căn, kềm chế năng lực của miệng, dứt sự ham thích, định trụ giác ý, sắc chẳng phải sắc, chẳng phải không sắc, không có diệt sắc, không phải sắc của sắc.

Vứt bỏ các đại, diệt trừ các tập khí gốc. Thanh chẳng phải thanh, chẳng phải không thanh, không phải thanh của thanh, dứt bỏ sự thọ này, dừng sự phát khởi kia, không có nơi chốn duyên dựa đối đãi, quy về đoạn trừ từ gốc.

Hương chẳng hương, chẳng phải không hương, không phải hương của hương, tinh thần hoàn toàn thanh tịnh, thần túc thanh tịnh.

Vị chẳng vị, chẳng phải không vị, không phải vị của vị, tịch tịnh, rất vi tế, căn lực mạnh mẽ.

Vui chẳng phải vui, không phải vui của vui, bốn đại đều thanh tịnh. Tâm ý thức duyên bảy pháp. Bảy pháp thanh tịnh là chỗ hướng đến của tịnh.

Tâm không phải tâm, chẳng phải không tâm, không phải tâm của tâm.

Ý không phải ý, chẳng phải không ý, không phải ý của ý.

Thức không phải thức, chăng phải không thức, không phải thức của thức. Chẳng phải ý thức tập hợp lại thành một. Do biết một mà trừ bỏ một. Một đó không bị lay động.

Tâm là không, đối tượng là tịnh, từ bỏ danh xưng, xả các nhập, không có chủng tánh, không có quyến thuộc, xa lìa hình pháp, không còn ngã - ngã sở, không có người, xả bỏ thân mạng, không tưởng về ba cõi, không có thức, không ngã, không ngã sở, không người, không mạng, không ý, không tên họ, không hóa, không số, không tạo tác, không từ đâu đến, không đi về đâu, không sinh không diệt, không thân không phạm, không miệng không nói, không tâm không suy nghĩ, không có việc thế tục, không nghĩ tưởng, không có chỗ duyên, không chỗ trụ, không có giới không giữ, không thành niệm, không hủy hoại. Đó gọi là giới cấm.

Trong ngoài đều thanh tịnh, giữ giới cấm của Phật không chút tì vết, cũng không chấp vào giới, không sân không giận, an định thanh tịnh vượt qua đạo thế gian.

Này Chánh sĩ! Bồ-tát ban đầu ngồi nơi gốc cây, trước tiên làm thanh tịnh giới chứng, trừ bỏ gốc khổ dục, đoạn tâm ý tán loạn, không tưởng khởi, không tưởng động, không tưởng dù một chút, không tưởng ngã, không tưởng người, không tưởng chặng giữa, không tưởng đây kia, không tưởng bên trong bên ngoài, không tưởng đạo, không tưởng tục, không tưởng diệt, diệt cái tưởng không, không có tưởng không, không tưởng không có tưởng

không, tận hết các tưởng vô tận.

Này Chánh sĩ! Bồ-tát ngồi bên gốc cây, lập chứng một ngàn tám trăm giới bổn thanh tịnh. Chứng số này xong, bỗng nhiên tòa Kim cương từ đất vọt lên làm cung ma thứ sáu chấn động. Chư Thiên ba cõi ngồi không yên, tất cả cùng nhau đi xuống cây bối-đa để cúng dường hằng sa cõi, bỗng nhiên có tiếng lớn phát ra:

"Đêm nay Bồ-tát ngồi nơi gốc cây sẽ chứng ngộ, chúng sinh đều nghe thấy."

Này Chánh sĩ! Đó là Bồ-tát đầy đủ giới, chứng đạt thành Nhất thiết trí với ba Đạt, sáu Thần thông, ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp Bất cộng, mười lực, bốn Vô sở úy... tất cả đều đầy đủ. Tam thiên đại thiên thế giới chấn động đủ sáu cách, có công đức thu phục quân ma, ánh sáng chiếu khắp hằng sa cõi. Chúng sinh nhờ ánh sáng từ bi này mà được an lạc và phát tâm Vô thượng Chánh chân.

Khi Đức Phật nói như vậy, có tám trăm Tỳ-kheo đắc A-la-hán, ba vạn trời được Pháp nhãn, ba ngàn Thanh tín sĩ chứng A-na-hàm, chánh sĩ Hiền Nhu... được Liễu sinh. Tất cả chúng hội đều phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Thánh sư dạy Hiền Nhu:

–Thuở trước ta ở nước Câu-diệm-di, bỗng nhiên bè đảng thiên ma xông nhập vào chúng hội với y phục khác lạ rồi tranh cãi với đại chúng, phỉ báng nhau. Tỳ-kheo chán sinh tử không thích đạo thể, nổi sân và đều phân tán khỏi chúng, chỉ có La-hán chánh chân đi vào núi rừng. Bấy giờ, vào ngày mười bốn tháng bảy, lúc sao mai mọc, Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan đánh kiền chùy trải nệm cỏ, còn lại mình ta cùng Tôn giả A-nan tự tứ.

Lúc này trời Tịnh cư ở giữa hư không bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đã phân tán. Ngài tự tứ một mình sao?

Phật dạy:

–Xưa kia ta xuất gia, ông làm chứng; đến khi ta đến ngồi bên gốc cây Bối-đa, ông cũng làm chứng. Ta đã trở lại cõi Diêm-phù-lợi đến ba ngàn lần, ở vô lượng cõi Như Lai đều chứng Nhất thiết trí. Từ khi thành Phật đến lúc nhập Niết-bàn, ông làm chứng ba lần, minh thể đầy đủ. Thiên tử nên biết! Như Lai có đạo tuệ và thần thông, một mình đi trong ba cõi, còn phải tu chứng, huống chi là tất cả chúng sinh vì đạo mà không có thầy hay sao?

Phật dạy trời Tịnh cư:

–Đời sau nhiều người giữ chí nguyện thanh bạch, tâm đạo trong sáng, không thích thế tục, ẩn cư trong núi rừng, lập ý chí xuất gia kiên cố. Nếu không có Sư trưởng dạy chánh pháp thì nên theo pháp xuất gia của Ma-ha Ca-diếp là lìa sự ham muốn xả dục làm chứng; lìa tục xả tục làm chứng; lìa danh xưng xả danh xưng làm chứng; xem nhẹ thân mạng, xả thân hư giả làm chứng; lìa bỏ sự mong cầu, trong ngoài xả sự cầu mong làm chứng.

Này Thiên tử! Ma-ha Ca-diếp với năm chứng này mà cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, đạt được pháp tịnh tự nhiên của thầy, cảm ứng đến chư Phật nơi mười phương, cầu xin thưa thỉnh, ngưỡng mộ pháp xuất gia của chư Phật, mời trời Tịnh cư làm chứng. Ba chứng này rõ ràng thì thành Tỳ-kheo hành mười hai hạnh Đầu-đà, nhất tâm kiên cố không khởi tưởng chứng. Nay nơi gốc cây, Ca-diếp chứng đầy đủ thần thông, sau đầy đủ sáu thần thông của Phật.

Này Thiên tử! Đời sau Tỳ-kheo suy nghĩ rõ ràng pháp này, không tự cao cầu danh mà khinh khi đại chúng để mong được cúng dường; cũng không xem thường bỏ qua pháp ấy, chống đối với chúng; không thờ chúng Tăng làm thầy, cho rằng pháp này hoàn toàn không có Tỳ-kheo; người có thể được làm thầy là người ưa thích, ngưỡng mộ, hành theo pháp ấy. Nếu có Tăng thì cầu Tăng làm chứng, vì Tam bảo Phật, Pháp, Tăng giống như Như Lai. Như Lai khen ngợi luật trong sáng, chúng Tỳ-kheo làm thượng thủ.

Thiên tử nên biết! Trong Tỳ-kheo tất có đủ ba thừa.

Khi nghe Phật giảng nói pháp này, trời Tịnh cư và bốn bộ chúng hoan hỷ làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 623

KINH NHƯ LAI ĐỘC CHỨNG TỰ THỆ TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Tây Tấn, Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ, người nước Nhục Chi.

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật du hóa đến tinh xá Giao lộ, trong rừng nước Câu-đàm-di và dừng lại nơi đạo tràng Độc chứng tự thệ Tam-muội, là nơi Đức Phật mới thành đạo, có hào quang sáng rực, tự nhiên hiện điềm lành có tòa sen báu thơm đẹp, sáng thấu cả mười phương. Hoa có ngàn cánh, trên mỗi cánh có hóa Bồ-tát theo thứ tự đứng trên hư không. Tại chỗ, các Bồ-tát lạy sát đất, đi nhiễu một ngàn vòng, trước Phật lớn tiếng khen ngợi chưa từng có:

–Kính lạy Đức Thế Tôn! Nơi bổn quốc chúng con thấy có loài cây hiện điềm lành tốt. Khi cây mới mọc có ánh sáng chiếu hằng sa cõi Phật và phát ra tiếng lớn trong trẻo, hòa nhã làm rung động lòng người. Ai nấy đều vui mừng, đầy đủ bình đẳng, tu tập hạnh sáu Độ của Đại thừa, ba mươi bảy phẩm hoàn tất Phật sự.

Bấy giờ, Như Lai trong hằng sa cõi đều sai Bồ-tát tuyên dương chánh pháp để làm sáng tỏ Đại thừa và dạy Bồ-tát nơi cõi mình:

–Từ cõi Phật này, các ông hãy đi qua hằng sa cõi, có cõi Phật tên Sa-ha (tiếng Hán là cõi Nhẫn). Phật nơi cõi ấy hiệu là Năng Nhân Như Lai Vô Sở Trước Chí Chân, đã vượt qua bốn đạo, không còn thọ sinh, giác ngộ bình đẳng, dùng pháp luật và thần thông để giảng dạy làm Phật sự.

Mỗi Đức Như Lai cầm hoa sen ngàn cánh trao cho Bồ-tát cõi mình và dạy:

–Ông hãy mang hoa này nhân danh ta với lòng chí thành cung kính đến thăm Phật ấy. Ngài thực hành theo hạnh Bồ-tát, có công đức trọn vẹn, chí nguyện đã thành tựu, đầy đủ đạo thể, sinh vào đời năm trược để làm lợi ích cứu giúp chúng sinh, lần lượt vượt lên trước Bồ-tát Di-lặc, mở rộng

lòng Từ bi nơi sáu Độ cứu vớt chúng sinh. Ngài đi đứng có an lạc không, giáo hóa có dễ không? Nay đem hoa này dâng lên thành pháp cúng dường. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều hội nhập trong đạo tràng ấy.

Nương oai thần của Phật, các Bồ-tát từ cõi của mình bỗng nhiên biến mất, vào sâu định tịch tĩnh, Tam-muội nhập quán, chỉ trong chốc lát đã đến cõi Kham nhẫn. Các Bồ-tát rời khỏi tòa, đứng nghiêm trang, cung kính chiêm ngưỡng Đức Phật, lạy sát đất, đi nhiễu bảy vòng rồi trở về chỗ. Với thần túc oai nghi rực rỡ, sửa pháp phục ngay ngắn, các Bồ-tát thưa trước Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như Lai cõi chúng con gởi vô lượng lời thăm hỏi Ngài. Ngài tu tập theo hạnh Bồ-tát đã trọn vẹn các công đức, chí nguyện được thành tựu, đạo thể đầy đủ, giáng thần vào đời năm trược để cứu giúp chúng sinh, lần lượt vượt lên trước Di-lặc, mở lòng Từ bi nơi sáu Độ cứu vớt chúng sinh, Ngài đi đứng có an lạc không? Giáo hóa có dễ không? Nay dâng hoa này thành pháp cúng dường, nguyện cho tất cả chúng sinh đều hội nhập vào đạo tràng ấy.

Đức Phật dạy:

–Chư Như Lai có trí tuệ giáo hóa không mệt mỏi, thông tỏ Tam-muội, pháp thân hoàn toàn thanh tịnh, trí tuệ sáng suốt sâu rộng, đây kia bình đẳng, khen ngợi tôn trọng điều được nghe và hoan hỷ vô cùng.

Bấy giờ, Như Lai Năng Nhân nhận hoa rồi bỗng nhiên mỉm cười, từ kim khẩu ánh sáng phát ra chiếu cả hằng sa vô lượng cõi Phật khắp mười phương. Ngài đem những hoa ấy rải lên hằng hà sa chư Phật. Hằng sa vô lượng chư Phật cũng tỏa ánh sáng thấu suốt hằng sa thế giới. Tất cả chúng sinh nhờ ánh sáng từ bi của Phật mà đều đắc tuệ quán, biết rõ đời trước, lần lượt chiếu vào nhau xuống tới địa ngục. Chúng sinh trong cõi ác, tám nạn, trời, người nhờ ánh sáng từ bi này đều được giải thoát. Trăm ngàn chúng sinh cùng nhau một lòng phát tâm cầu đạo Vô thượng chánh chân.

Ánh sáng ấy quay lại bao quanh thân Ngài ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu. Bấy giờ hằng sa chư Phật đều thấy nhau rất rõ. Nhờ oai thần của chư Phật, chúng sinh đều thấy được Phật.

Sau khi hóa hiện xong thì chư Phật trở lại như thường.

Khi ấy, trong đại chúng có Bồ-tát tên Hiền Nhu, ở trước Phật nói kệ khen ngợi:

Lành thay! Đại Thánh hóa
Thương xót đến quần sinh
Từ vô lượng số kiếp

Tích chứa hạnh công đức.
Tất cả hạnh công đức
Có cả mấy trăm ngàn
Trăm phước thành một tướng
Lạy Đấng Tam Giới Tôn.
Lành thay! Đại Thánh hóa
Từ - Tuệ vô cùng tận
Chánh pháp tịnh lại quý
Thích sư, trời trong trời.
Đại trí cao vô thượng
Thuyền pháp cứu quần sinh
Thánh tuệ tịnh vô lượng
Kính lạy Đấng Vô Thượng.
Lành thay! Đại Thánh hóa
Ánh từ sáng hằng sa
Ngu ám đều diệt tận
Mê ngộ và đục trong.
Bố thí hợp với thời
Thiện quyền độ chúng sinh
Cầu pháp giúp tất cả
Lạy Đấng Tam Giới Tôn.

Khi ấy, Thánh sư dạy Hiền Nhu:

–Theo pháp chư Phật, cười có ba nguyên nhân. Thế nào là ba?

Trí Nhất thiết trí thông suốt cả ba đời, biết rõ tâm nguyện của chúng sinh hướng về ba thừa, có đầy đủ bản hạnh căn tín. Hoặc có Bồ-tát giữ vững chí nguyện rộng lớn, mặc áo giáp đức lớn, giúp đỡ chúng sinh, đoạn hẳn các nẻo, làm cầu đò cho đời, chuyên tu tập sáu Độ, không lìa bỏ chúng sinh, trụ dần dần vào đạo, dõng mãnh tinh tấn, bố thí không phân biệt, giữ gìn giới cấm, tu hành nhẫn nhục, thiền định không tán loạn, trí tuệ sáng suốt, hướng đến bất thoái chuyển. Này Hiền Nhu! Đức Phật sẽ thọ ký cho những vị ấy. Chẳng phải chỉ một Đức Phật thọ ký cho vị ấy, mà được chư Phật hiện tại nơi mười phương thọ ký. Đây là nguyên nhân thứ nhất.

Có Bồ-tát hướng đến A-duy-nhan trồng nhiều gốc đức, đầy đủ thánh tuệ, cúng dường hằng sa vô lượng chư Phật, chư Phật thọ ký cho mỗi vị rõ ràng, làm thanh tịnh cõi Phật, làm thành thục chúng sinh, đưa họ vào một hạnh, mời chư Phật, Hiền thánh đại nhân đến làm thuyền đại pháp trong bốn dòng nước dữ, làm cạn biển sáu dục, khô mười hai nhân duyên, đi vào

năm đường làm thanh tịnh năm căn, tinh thần tịch tĩnh. Ở cung Đâu-suất tập hợp các Bồ-tát, Đại sĩ, Chánh sĩ; thanh tịnh đi trong ba cõi giảng nói pháp bất thoái chuyển, được chư Phật hiện tại trong mười phương ở giữa tám bộ chúng khen ngợi. Như Bồ-tát này khen công đức của vị ấy rằng: "Không bao lâu sẽ giáng thần làm Phật, chúng sinh mười phương đều được giải thoát." Đây là nguyên nhân thứ hai.

Này Hiền Nhu! Nếu có Bồ-tát ở cung trời Đâu-suất hết tuổi thọ sẽ giáng thần nhập vào Tam-muội Cứu cánh quảng hiện. Chư Thiên trời Tịnh cư quán tam thiên đại thiên cõi đất đai rộng lớn, dân chúng hòa thuận. Các hàng Sát-lợi, Phạm chí, Trưởng giả, Cư sĩ ở thành ấp nào cũng có đạo đức, thanh tịnh thuần phục, nhân hòa, từ bi, trí tuệ. Chuyển luân thánh vương ở Thiên Trúc nhóm họp luận bàn với những người uyên bác có chư Thiên theo bên. Hiện ở trong cung điện có thị nữ túc trực hầu hạ. Hiện học hết pháp thế tục, quán bốn vô thường. Thiên tử trời Tịnh cư khuyên vị ấy xuất gia, vào trong núi tinh tấn tu tập, ngồi nơi gốc cây Bối-đa, cạo bỏ râu tóc, tự thệ làm Sa-môn, tu tập theo pháp của Phật trước, lấy pháp làm thầy, trời Tịnh cư làm chứng. Một đêm nọ chứng Tam đạt, thu phục quân ma, đầy đủ Phật sự. Cây báo hiệu điềm lành tốt mọc khắp nơi. Như Lai trong hằng sa thế giới chư Phật ở giữa tám bộ chúng cõi mình khen ngợi công đức Bồ-tát ngồi nơi gốc cây. Chư Phật bảo các Bồ-tát cõi mình đến tặng hoa với lòng cung kính, khen ngợi pháp Đại thừa. Như vậy, này Hiền Nhu! Chư Phật hiện tại nơi mười phương đều biết vị Bồ-tát này. Chúng sinh trong đạo tràng rất vui mừng. Đây là nguyên nhân thứ ba.

Những Bồ-tát đến đều là những vị vốn có nhân duyên với Như Lai, nhờ nghe giảng pháp mà chứng Vô sinh. Hoặc có vị hướng đến Đồng chân; có vị hướng đến Liễu sinh; có vị hướng đến A-duy-nhan; Như Lai đã thọ ký cho từng vị phân minh, đầy đủ.

Chánh sĩ nên biết! Phật mỉm cười không phải là vô cớ.

Khi Phật nói pháp này có bảy mươi ức na-thuật Bồ-tát đắc quả vị Đồng chân, sáu mươi ức na-thuật Bồ-tát đắc quả vị Liễu sinh, ba mươi ức na-thuật Bồ-tát đắc quả vị A-duy-nhan, trăm ngàn ức Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán, chín mươi ức na-thuật người đắc quả Đạo tích, chư Thiên nơi ba cõi đều đắc pháp nhãn.

Khi ấy, Thánh sư nói kệ:

Pháp giới đều là không
Sắc thân chân thanh tịnh
Tổng trì Ba-la-mật
Tam-muội không có nhân

Cõi Phật cũng chẳng không
Tuệ tịnh cũng chẳng có
Thương đời hiện mỉm cười
Chánh sĩ mau thọ nhận.

Khi ấy, trong chúng có Bồ-tát tên Minh Kiến Quang Hiền đứng dậy sửa pháp phục, trịch bày vai phải, gối phải sát đất, quỳ thẳng chắp tay thưa:

–Con có điều muốn thưa. Cúi xin Thánh sư dùng vô lượng tuệ chiếu để giải thích cho người chưa được nghe.

Phật dạy:

–Lành thay! Ông cứ hỏi. Vì ông, ta sẽ giảng giải chánh pháp.

Bồ-tát Minh Kiến Quang Hiền thưa:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói rằng Bồ-tát Chánh sĩ xuất gia đầy đủ đạo, chứng đắc Nhất thiết trí?

Thánh sư dạy:

–Này Chánh sĩ! Hãy lắng nghe cho rõ, suy nghĩ thật kỹ nơi ý nghĩa: chư Phật xuất gia chắc chắn có nguyên do, nơi thanh vắng ngồi thiền, tư duy giáo lý huyền diệu, thông đạt đến chỗ nhiệm mầu. Ai chuyên lòng nghĩ đến đạo, chắc chắn được cảm ứng. Có cảm ứng thì được làm trời Tịnh cư, Phạm thiên tự tại rồi bảo Đế Thích hóa hiện bốn cảnh vô thường già, bệnh, chết và nhân đó giảng pháp này mà tất cả chứng lìa dục, khổ nạn, nhớ nghĩ đạo thanh tịnh, vào chốn núi rừng nghiên cứu tu tập hành thiền.

Vừa khởi nghĩ ý ấy, Tứ Thiên vương xuống đến cây Bối-đa khiến vị ấy nhớ lại pháp xuất gia của Phật trước đây, lấy pháp làm thầy, chư Thiên làm chứng, bên trong có lòng tin kiên cố, tu tập sáu Độ, ba mươi bảy phẩm hoàn tất Phật sự, bỗng nhiên tự ngộ. Đế Thích liền đưa dao cạo, Bồ-tát tay phải cầm tóc, tay trái cầm dao tự suy nghĩ: "Cắt bỏ những tập khí khổ não, cấu uế, trồng cội vô trước, đoạn dòng sinh tử, thông suốt nguồn cội Nê-hoàn."

Đã phát tâm và được xuất gia, ý chí kiên cố không biếng trễ, có lòng tin sâu xa không thoái chuyển, hiểu biết đầy đủ, tư duy rõ ràng. Dao chưa đụng tóc thì bỗng nhiên tóc tự rụng, hiển lộ nhục kế. Bồ-tát Bổ xứ suy nghĩ: "Trước kia Đức Phật xuất gia, cạo tóc thì liền có pháp phục ca-sa."

Vừa nghĩ vậy, trời Tịnh cư đưa ca-sa đẹp mềm bằng lụa trời. Bồ-tát nhận rồi đắp lên thân và sửa ngay ngắn.

Khi ấy, chư Phật trong hằng sa vô lượng cõi thấy rõ như vậy và đưa ca-sa cho Bồ-tát, Bồ-tát liền nhận. Chư Phật cõi này và các cõi khác đều

hiện thần thông uy lực làm cho những chiếc ca-sa của chư Phật đưa nhập lại thành một chiếc tên là Tát Phi Phật Đầu Chấn Việt. Y nay hiện ở cõi Phạm thiên. Ngồi thiền sáu năm, biết rõ kiếp trước. Cuối đêm của năm thứ sáu, Giới chứng mới hiện.

Sao gọi là Giới chứng? Nghĩa là lập chí nơi thanh vắng, thọ hưởng Chánh pháp, tinh thần linh hoạt, giữ giới hành đạo, không tiếc thân mạng, không đoái hoài đến vì sánh nó như vạn vật, không cầu lợi dưỡng, giữ không và hành tịnh, thường quán pháp thanh tịnh, hành bốn đẳng Từ, Bi, Hỷ, Hộ, đầy đủ bốn ân, không còn các thứ buộc che, hiểu rõ bốn tầng thiền không tỳ vết, không còn phân biệt, không theo pháp của kẻ khác, ở trong pháp của Phật chứng đắc đạo Nê-hoàn. Đó là Sa-môn giữ giới chân chánh.

Phật dạy:

–Này Chánh sĩ! Giới cấm không có hình tướng, không vướng trong ba cõi, không thức, không ngã, không nhân, không mạng, không ý, không tên, không họ, không hòa, không số, không tạo tác, không từ đâu đến, không đi về đâu, không hình không diệt, không thân không phạm, không miệng không nói, không tâm không nghĩ, không có việc đời không nghĩ tưởng, không có sở duyên không chỗ trụ, không có giới không cảm ứng, không niệm không bại hoại. Đó là giới cấm. Giới cấm của Phật không tỳ vết, không chấp vào giới, không sân không giận, an ổn thanh tịnh, mục đích vượt qua đạo thế gian. Như vậy là giữ giới. Không thọ không hình, không thọ thọ mạng, không thích năm đạo. Với Phật pháp, người hiểu như vậy là giữ giới. Không ở chặng giữa, không ở một bên, không chấp trước, không lay chuyển, ví như gió trong hư không. Đó là Bồ-tát giữ giới.

Này Chánh sĩ! Ban đầu ngồi nơi gốc cây, trước tiên làm thanh tịnh giới chứng, vứt bỏ gốc khổ dục, đoạn tâm ý tán loạn, không tưởng khởi, không tưởng động, không tưởng kiêu mạn, không tưởng ngã, không tưởng nhân, không tưởng chính giữa, không tưởng đây kia, không tưởng trong ngoài, không tưởng đạo, không tưởng tục, không tưởng diệt, diệt các tưởng không, không tưởng không, không tưởng không có tưởng không, tận hết tưởng vô tận.

Này Chánh sĩ! Bồ-tát ngồi nơi gốc cây lập chứng một ngàn tám trăm giới bản thanh tịnh. Chứng số này xong, bỗng nhiên tòa Kim cang từ đất vọt lên, làm cung ma thứ sáu chấn động mạnh. Chư Thiên ba cõi ngồi không yên, tất cả đều đi xuống đến cây Bối-đa cúng dường hằng sa cõi. Bỗng nhiên có tiếng phát ra:

"Đêm nay Bồ-tát ngồi nơi gốc cây sẽ chứng ngộ. Tất cả chúng sinh

đều thấy.”

Như vậy, này Chánh sĩ! Đó là Bồ-tát đầy đủ giới chứng, đạt Nhất thiết trí với ba Đạt, sáu Thần thông, ba mươi bảy phẩm, mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô sở úy, tất cả đều đầy đủ. Tam thiên đại thiên chấn động đủ sáu cách, có công đức thu phục quân ma, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Chúng sinh nhờ ánh sáng từ bi này đều được an lạc và đều phát tâm cầu đạt đạo Vô thượng chánh chân.

Khi Đức Phật giảng nói như vậy, có tám trăm Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán, ba vạn trời được pháp Nhẫn, ba ngàn người được A-na-hàm, Chánh sĩ Hiền Nhu đắc quả Vô sinh.

Khi ấy, Thánh sư dạy Hiền Nhu:

–Thuở nọ, ta ở nước Câu-diệm-di, bỗng nhiên bè đảng của quân ma xâm nhập, trà trộn trong đại chúng với y phục khác lạ, rồi tranh cãi với chúng, phỉ báng nhau. Tỳ-kheo chán sinh tử không thích đạo thể, nổi sân, bực tức và tự tách rời khỏi chúng, chỉ có La-hán chánh chân bỏ đi vào núi.

Này Hiền Nhu! Khi ấy ba tháng hạ đã qua, ngày tự tứ đã đến. Tối mười bốn tháng bảy, khi sao mai vừa mọc, ta bảo Tôn giả A-nan đánh kiền chùy trải nệm cỏ. Chỉ còn lại ta và Tôn giả A-nan cùng thọ tự tứ. Khi ấy trời Tịnh cư ở giữa hư không bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng Tỳ-kheo đã phân tán, Ngài tự tứ một mình sao?

Phật dạy Thiên tử:

–Xưa, ta xuất gia ông làm chứng. Ta đến cây Bối-đa, ông lại làm chứng. Nay ta tự tứ, ông cũng làm chứng. Ta đã trở lại cõi Diêm-lợi này ba ngàn lần. Ở vô lượng cõi, Như Lai đều đắc quả Nhất thiết trí. Từ khi thành Phật đến lúc Bát-niết-bàn, ông làm chứng ba lần, minh thể đầy đủ. Thiên tử nên biết! Đạo tuệ và thần thông của Như Lai đi một mình trong ba cõi còn phải tu chứng, huống chi là tất cả chúng sinh vì đạo mà không có thầy sao?

Phật dạy Thiên tử Tịnh Cư:

–Đời sau, nhiều người giữ chí nguyện thanh bạch, đạo tâm trong sáng, không thích thế tục, ẩn cư trong núi rừng, lập ý chí xuất gia kiên cố. Nếu không có thầy thì nên theo pháp của Ma-ha Ca-diếp là lìa sự ham muốn, xả dục làm chứng; lìa tục xả tục làm chứng; lìa danh xưng xả danh xưng làm chứng; xem nhẹ thân mạng, xả thân hư giả làm chứng; lìa bỏ sự mong cầu trong ngoài xả sự mong cầu làm chứng.

Này Thiên tử! Với năm chứng này, Tôn giả Ma-ha Ca-diếp cạo bỏ râu tóc, mặc ca-sa, đạt được pháp tịnh tự nhiên của thầy, cảm ứng đến chư Phật nơi mười phương, cầu xin thưa thỉnh, ngưỡng cầu chư Thiên trong ba cõi làm chứng. Ba chứng này rõ ràng liền thành Tỳ-kheo hành mười hai hạnh Đầu-đà, nhất tâm kiên cố không có tưởng chứng.

Bấy giờ nơi gốc cây, Ca-diếp có đầy đủ năm thứ thần thông, sau cùng khi gặp Phật mới đầy đủ sáu thần thông.

Này Thiên tử! Đời sau, nếu Tỳ-kheo suy nghĩ rõ ràng pháp này, không tự cao, cầu danh mà khinh chê chúng Tăng để mong cầu sự cúng dường, cũng không xem thường bỏ qua pháp này, chống đối đại chúng, không thờ chúng Tăng làm thầy, cho rằng pháp này hoàn toàn không có Tỳ-kheo, nhưng người có thể làm thầy là người ưa thích, ngưỡng mộ hành theo pháp ấy. Nếu có Tăng thì cầu Tăng làm chứng, vì Tam bảo Phật, Pháp, Tăng đồng đẳng với Như Lai, cho nên Như Lai khen luật sáng suốt, chúng Tỳ-kheo làm thượng thủ.

Thiên tử nên biết! Trong Tỳ-kheo tất có đủ ba thừa.

Khi Phật giảng nói xong, Thiên tử trời Tịnh cư và tám bộ chúng đều hoan hỷ làm lễ rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 624

KINH THUẦN CHÂN-ĐÀ-LA SỞ VẤN NHƯ LAI TAM-MUỘI

Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-câu-sấm, người nước Nhục Chi.

QUYỂN THƯỢNG

Nghe như vầy:

Một thuở nọ, Đức Phật cùng với sáu vạn Tỳ-kheo ngụ trong núi Kỳ-xà-quật, thuộc thành La-duyệt-kỳ và còn có bảy vạn ba ngàn Bồ-tát đều là những bậc tôn túc từ mười phương cõi Phật đến.

Các vị Bồ-tát đều đã đắc pháp Đà-la-ni, ý thích không bị chướng ngại, lòng luôn nghĩ tới sự hổ thẹn, chú trọng tu hành nhẫn nhục, do đó mà được chứng đắc.

Tâm của các vị như kim cương, không gì có thể chặt đứt được, tu tập giáo pháp của Phật, muốn đầy đủ pháp Phật, việc làm muốn thù thắng, ý không lìa bỏ tâm Bồ-tát và cũng chỉ bảo người khác như vậy; thực hành bố thí, kiềm chế tâm không tán loạn, đem cho những vật ưa thích mà không uổng tiếc, giữ giới thanh tịnh, trang nghiêm thân, khẩu, ý, nhẫn nhục, hòa nhã. Đó là lực, đó là lời thệ nguyện. Trải qua nhiều a-tăng-kỳ kiếp với trăm ngàn việc làm luôn tinh tấn, không biếng trễ, thiền định nhất tâm vào Tam-muội tam-ma-việt.

Tâm của các vị ấy biết ý người khác, lấy đó để tự vui.

Công đức trí tuệ của các vị thông suốt mọi vấn đề.

Tâm vững như núi Tu-di, không gì ví dụ được.

Tâm ấy như địa, thủy, hỏa, phong, không yêu không ghét, luôn có lòng Từ.

Ánh sáng nơi thân sáng rỡ không bị chướng ngại, có lòng trắc ẩn yêu thương chúng sinh, lấy pháp tâm bình đẳng làm niềm vui, cứu giúp mọi người không để rơi vào hai đường có lợi hay không có lợi, khen hay chê, có tiếng tăm hay không có tiếng tăm, khổ hay vui đều vượt qua tất cả pháp thế gian; không tụ tập nơi hội hè, tránh xa các ngoại đạo, hàng phục quân

ma.

Các vị này khó gặp, giống như hoa Ưu-bát-la lâu lắm mới nở một lần, làm người không đợi phải thỉnh mời cho tất cả mọi người, nên gọi là bạn. Bạn chính là sự đạt đến Niết-bàn với áo giáp đại thệ nguyện vô cùng cực làm pháp sâu xa, mạnh mẽ như sư tử, được dấu ấn của Như Lai ấn chứng, được thọ ký không chướng ngại.

Lời nói của các vị ấy chân thật, dùng đế pháp để suy xét, có ánh sáng chiếu sáng hơn ánh sáng mặt trời, mặt trăng, danh tiếng vang khắp mười phương, được tất cả chư Phật hộ trì, không làm cho lìa xa pháp.

Các vị đều giữ gìn kho pháp sâu rộng, không đoạn mất Tam bảo, công đức lan khắp vô số cõi.

Tâm các vị ấy thanh tịnh. Ở cõi của mình dù có qua lại đến chỗ Phật cũng không nhầm lẫn, luôn giáo hóa hướng dẫn chúng sinh, đã nhập vào phương tiện thiện xảo của trí Bát-nhã ba-la-mật.

Đó là niềm vui mừng của tâm người hành Đầu-đà. Nhờ giáo pháp chiếu sáng, chúng sinh được thanh tịnh, biết tướng mọi người, làm việc vui vẻ, không làm mất tâm ý, là vị thầy thuốc có ân đức trị bệnh lão tử, cúng dường vô số chư Phật ở quá khứ.

Nhờ công đức ấy mà được tướng tốt đẹp, thông suốt pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện, thấy các pháp không thật, như huyễn, như sóng nắng, như mộng, như bóng trong nước, như âm thanh vọng lại trong núi. Biết rõ âm thanh của tất cả, thâm nhập các pháp, trả lời thông suốt tất cả vấn nạn, làm theo ý mình, vận dụng trí tuệ để hiểu rõ đạo pháp, lần lần gần với mười Lực của Phật; dùng Nhục nhãn, Tuệ nhãn, Đạo nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn cứu vớt những kẻ bị mê lầm tăm tối, thể nhập sâu các hạnh công đức. Hiểu biết tạng Bồ-tát, nghe pháp không lay động, đắc được Tam-muội Tướng ấn, Tam-muội Kim cang hạnh, Tam-muội Kỳ pháp tại sở tác, Tam-muội Bảo minh trì, Tam-muội Bất xả nhất thiết nhân. Sau khi biết rõ các tâm Tam-muội thì chứng đắc được trí tuệ của Phật, làm theo những hạnh của Phật đã làm, vốn đầy đủ tướng tốt đẹp.

Trong đó:

Có Bồ-tát tên Nhạo Tác.

Có Bồ-tát tên Nhạo Đẳng Hữu.

Có Bồ-tát tên Bảo Thủ.

Có Bồ-tát tên Minh Hoa.

Có Bồ-tát tên Bảo Diệm.

Có Bồ-tát tên Hỷ Kiến.
Có Bồ-tát tên Ý Hỷ.
Có Bồ-tát tên Hỷ Dĩ Nhãn Kiến.
Có Bồ-tát tên Trì Địa.
Có Bồ-tát tên Hoan Hỷ Tác.
Có Bồ-tát tên Đại Xứ Phế.
Có Bồ-tát tên Đại Lợi.
Có Bồ-tát tên Tịch Ma.
Có Bồ-tát tên Ý Hỷ Hương.
Có Bồ-tát tên Nhân Trung Chi Thiên.
Có Bồ-tát tên Đế Nguyện.
Có Bồ-tát tên Đẳng Thị.
Có Bồ-tát tên Tận Kiến Đẳng Bất Đẳng.
Có Bồ-tát tên Chấp Ngự.
Có Bồ-tát tên Nhất Thiện Vô Thiện Nhi Tác Thiện Chi.
Có Bồ-tát tên Di-lặc.
Có Bồ-tát tên Vũ Âm
Có Bồ-tát tên Lưỡng Nhược Sơn Bán.
Có Bồ-tát tên Lưỡng Sơn Đảnh.
Có Bồ-tát tên Từ Hạnh.
Có Bồ-tát tên Quang Anh.
Có Bồ-tát tên Quang Thanh Dương.
Có Bồ-tát tên Khải Minh Vương.
Có Bồ-tát tên Như Đương Nhãn Sở Kiến.
Có Bồ-tát tên Quang Đẳng Tri.
Có Bồ-tát tên Tôn Quan.
Có Bồ-tát tên Thiên Quan.
Có Bồ-tát tên Thiên Nhãn.
Có Bồ-tát tên Thị Xứ Tất Cát.
Có Bồ-tát tên Khoái Tý.
Có Bồ-tát tên Đế Nghị Ý.
Có Bồ-tát tên An Xứ Ý.
Có Bồ-tát tên An Xứ Độ.

Có Bồ-tát tên Vô Sở Động Nhi Độ.

Có Bồ-tát tên Kim Cương Hành Độ.

Có Bồ-tát tên Tam Thế Hành Độ.

Có Bồ-tát tên Đế Như Sự Bất Dị.

Có Bồ-tát tên Trì Nghiêm Dục Hảo.

Có Bồ-tát tên Bất Tận Dục.

Có Bồ-tát tên Bất Khể Lưu Dục.

Có Bồ-tát tên Ý Âm.

Có Bồ-tát tên Tịnh Âm.

Có Bồ-tát tên Bão Mãn Nhất Thiết Âm.

Có Bồ-tát tên Văn-thù-sư-lợi...

Bảy vạn ba ngàn Bồ-tát ấy ở cõi tam thiên đại thiên.

Lại có Thích, Phạm, Hộ thế, tất cả trưởng giả, chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Càn-đà-la, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Ma-hầu-lặc, Nhân phi nhân... đều đến chúng hội, ai cũng muốn nghe pháp của Đức Phật giảng nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Đề-vô-ly đứng dậy, sửa pháp phục, quỳ thẳng, chắp tay khen ngợi Đức Phật:

–Ánh sáng nơi thế gian không bằng ánh sáng của đạo, vì nó làm nền tảng cho thế gian và chiếu sáng, cứu giúp cho những người tăm tối.

Nay con xin tự quay về với Bậc độ đời. Nhờ bố thí mà giữ gìn được mười lực, tự điều phục tâm mình và giáo hóa người khác. Đó là vị cứu độ tất cả, ai nấy đều tuân theo.

Nay con xin quay về với Đấng ba cõi không ai sánh bằng, làm việc gì cũng đều có lợi ích. Ánh sáng đó giống như vàng ròng, âm thanh hòa nhã, thân tướng đẹp đẽ, không ai sánh bằng.

Nay con xin quay về với Đấng được tất cả chúng sinh cung kính, đã vượt qua những gì cần vượt qua, thu phục hàng ngoại đạo, trí tuệ rất thù diệu, vượt lên trên những người có trí, không ai lay chuyển được, biết rõ hành vi của tất cả chúng sinh, công đức của Ngài rất thù thắng.

Nay con xin quay về với Đấng có lòng đại Bi vô tận. Đối với ái dục, Ngài đạt được vô sở đắc. Chúng ma dù chống đối thế nào cũng không thể tùy tiện; giữ gìn giới thanh tịnh an lạc. Đối với chư Thiên, Ngài là trời trong hàng trời, tâm không hề vướng mắc.

Nay con xin quay về với Đấng không ai chống lại nổi. Nghe đức của Ngài, ai nấy đều hoan hỷ. Hình tướng sáng như châu báu, ai thấy cũng yêu

mến. Thực hành bố thí, lìa bỏ tham, sân, si.

Nay con xin quay về với Đấng có đức như bầu trời bao trùm tất cả, dùng bốn đế để vượt qua bốn hang sâu, dù người mù cũng đều trông thấy, nói pháp không cùng tận, làm nền tảng cho tất cả chúng sinh trong ba đời.

Nay con xin quay về với Đấng dưới chân có dấu bánh xe ngàn căm. Ngài được chư Thiên và tất cả loài người phụng thờ, dù không phải nam hay không phải nữ đều được nương nhờ, chúng ma không dám quấy phá. Ngài được chúng sinh cung kính, tôn quý, tu tập và giữ gìn các đế chánh pháp, lòng Từ bi bao la cùng khắp, làm người dẫn đường cho chúng sinh trụ vào pháp bình đẳng.

Nay con xin quay về với Đấng không ai sánh bằng. Âm thanh hòa nhã, thanh tịnh, ai nghe cũng đều vui thích, tiếng như trời Phạm thiên, vang khắp mọi nơi, chúng sinh đều nghe đầy đủ âm thanh ấy.

Nay con xin quay về với đấng có chánh pháp chắc thật, tôn quý. Ngài đã giác ngộ Không, Vô tướng, Vô nguyện, trí tuệ sâu xa không có hạn lượng, đã thể nhập vào môn giải thoát, đó là công đức.

Nay con xin quay về với Đấng được giải thoát, biết rõ các pháp do nhân duyên sinh, công đức đạt được của vị ấy không ở trong, không ở ngoài, đều bình đẳng, giảng nói như thế nào thì đều thực hành như thế đó.

Nay con xin quay về với Đấng vượt qua những sự hiểu biết, không từ đâu sinh, cũng không đi về đâu; thấy các pháp đều giải thoát vì nó như huyễn, như sóng nắng.

Nay con xin quay về với công đức của pháp, chỗ sinh hay không có chỗ sinh đều vô sinh; sinh rồi diệt không cùng tận, chỗ an trụ đúng như pháp, giống như nẻo hội nhập của Đát-tát; suy xét rồi nói đúng với pháp; như Đát-tát không bị lay chuyển, đức như núi lớn, thân như Kim cương.

Nay con xin quay về với Đấng an ổn như núi, thân tâm hợp ý nhau, tiếng tốt lưu cả ba đời, ai cũng nghe biết; tất cả những câu hỏi đều được trả lời, không chút phiền muộn.

Phật bảo:

–Sau khi tán thán Phật xong nếu muốn xin hỏi điều chi thì cứ hỏi.

Đề-vô-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con có điều xin muốn thưa!

Phật dạy:

–Ông hỏi điều gì cứ tự nhiên.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà Bồ-tát nói pháp một cách tự tại để trang nghiêm thân? Vì sao nói rằng Bồ-tát thích pháp thâm diệu, pháp nào cũng thể nhập vào được?

Vì sao nói rằng Bồ-tát biết tâm của chúng sinh?

Vì sao nói rằng Bồ-tát giáo hóa tùy hỷ?

Vì sao nói rằng Bồ-tát tâm hành là một?

Vì sao nói rằng Bồ-tát biết nhân duyên tạo tác?

Vì sao nói rằng Bồ-tát vì trang nghiêm thân mà bố thí, giữ giới, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm và trí tuệ?

Vì sao nói rằng Bồ-tát ở cõi Phạm thiên?

Vì sao nói rằng Bồ-tát có trí tuệ sâu xa?

Vì sao nói rằng Bồ-tát luôn có sự thù thắng?

Vì sao nói rằng Bồ-tát đối với Thanh văn, Bích-chi-phật, tất cả chúng sinh dù thị hiện các pháp nhưng không nhập vào trong pháp đó?

Vì sao nói rằng Bồ-tát lìa sinh tử mà không nhập Niết-bàn?

Vì sao nói rằng Bồ-tát biết tất cả chúng sinh không lìa pháp thân?

Vì sao nói rằng Bồ-tát không rời bản vị mà thị hiện khắp nơi?

Vì sao nói rằng Bồ-tát được tôn quý, phước của chư vị như kho tàng?

Vì sao nói rằng Bồ-tát tùy ý mà được nhập đạo?

Vì sao nói rằng Bồ-tát biết rõ các pháp?

Vì sao nói rằng việc làm của Bồ-tát luôn an ổn chắc chắn?

Vì sao nói rằng Bồ-tát dù ở thế gian, nhưng không vướng mắc?

Vì sao nói rằng Bồ-tát tự tại, đoan nghiêm, không ai sánh bằng?

Vì sao nói rằng Bồ-tát không lìa Phật?

Vì sao nói rằng Bồ-tát tu học an ổn, chắc chắn?

Vì sao nói rằng Bồ-tát với pháp không có tâm chấp giữ, không buông bỏ?

Vì sao nói rằng Bồ-tát cứu hộ chúng sinh?

Vì sao nói rằng Bồ-tát đạt chuyển pháp luân?

Vì sao nói rằng Bồ-tát đạt A-duy-nhan?

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Bồ-tát Đề-vô-ly! Ông hỏi rất đúng, làm cho những vị ở trong hội này được lợi ích. Tương lai, chắc chắn sẽ làm người dẫn đường cho chúng sinh, chính là người làm cho Ma-ha-diễn được

tồn tại lâu dài.

Phật dạy tiếp:

–Ông hãy lắng nghe cho kỹ những lời ta nói hôm nay.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con muốn được nghe!

Phật dạy:

–Bồ-tát nhờ bốn việc mà được tự tại. Bốn việc đó là gì?

1. Ánh sáng chiếu khắp tất cả không chướng ngại.

2. Đối với tất cả châu báu nổi tiếng đem cho người đến xin, không luyến tiếc.

3. Nếu có người hiểu kinh đang giảng nói pháp thì không nên làm gián đoạn nửa chừng, mà phải luôn ở một bên giúp đỡ.

4. Nếu được mời giảng pháp, không nên từ chối, nương dựa chỗ chẳng thể nghĩ bàn của Như lai mà hoan hỷ nói pháp. Đối với việc làm, Bồ-tát không mong cầu chi cả, đem pháp để bố thí.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc thể nhập sâu vào các pháp, những gì làm ra bằng trí tuệ không lìa các công đức. Thế nào là bốn?

1. Đối với mười hai nhân duyên, nhận biết một cách đúng đắn.

2. Thương mình và người, vì cả hai không khác.

3. Đối với sinh tử không nghĩ rằng từ đâu đến hay đi về đâu.

4. Đối với tất cả pháp lấy không để thấy không.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc biết rõ tâm người và công đức của họ tăng hay giảm. Bốn việc đó là gì?

1. Hội nhập Pháp thân hoàn toàn thanh tịnh.

2. Thị hiện những sự tốt đẹp.

3. Lấy bốn việc để quán.

4. Tâm không bị hoại, đạt được Tam-muội.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc theo những việc làm của chúng sinh mà giáo hóa họ. Bốn việc đó là gì?

1. Trí tuệ bình đẳng.

2. Giáo hóa tất cả mọi người.

3. Quán biết các pháp.

4. Tâm đã thanh tịnh và làm mọi người thanh tịnh.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc biết rõ hành vi nơi tâm của mọi người mà giáo hóa. Bốn việc đó là gì?

1. Trí thể nhập vào các pháp.

2. Tuệ không bị chướng ngại.

3. Tâm không hai.

4. Các triền cái tiềm phục không còn khởi lên nữa.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc biết tội phước tạo ra không mất. Bốn việc đó là gì?

1. Tất cả không có gì để đoạn.

2. Không có gì để chấp trước.

3. Biết do nhân duyên tạo ra rồi tùy theo đó mà thị hiện, lấy pháp để giữ pháp.

4. Không nghĩ có ngã, không nghĩ có người, theo đây giáo hóa thì không mất đạo pháp.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc dùng bố thí để trang nghiêm. Bốn việc đó là gì?

1. Lấy tướng để trang nghiêm.

2. Theo sở thích của người mà thị hiện làm cho họ tốt đẹp.

3. Sắc tướng rất đẹp đẽ.

4. Việc làm không cùng tận.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc dùng giới thanh tịnh để trang nghiêm. Bốn việc đó là gì?

1. Làm Chuyển luân vương không mất tâm Bồ-tát.

2. Được làm Thích Đề-hoàn Nhân, lấy tâm Bồ-tát để tự trang nghiêm.

3. Làm Phạm thiên, lấy tâm Bồ-tát để trang nghiêm.

4. Lìa xa tất cả đường ác, chỉ sinh lên cõi trời và làm người trong thế gian, lấy tâm Bồ-tát để trang nghiêm.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lấy nhẫn nhục trang nghiêm. Bốn việc đó là gì?

1. Âm thanh như tiếng trời Phạm âm, ai nghe cũng đều được lợi ích.

2. Âm thanh hòa nhã như chim Ca-lăng.

3. Mọi người ai cũng ưa thích.

4. Có công đức kiên cố.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lấy tinh tấn trang nghiêm. Bốn việc đó là gì?

1. Thân như Kim cương, các tà đạo không hại được.

2. Làm bạn với tất cả chúng sinh.

3. Làm việc gì đều hoàn tất đầy đủ, không hối hận giữa chừng, học hỏi không nhàm chán.

4. Tâm mong thích gì đều có nấy.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lấy thiền định trang nghiêm. Bốn việc đó là gì?

1. Làm việc không xúc phạm đến ai.

2. Không cười nhạo.

3. Không làm điều xấu ác.

4. Tự làm chủ tâm mình.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lấy trí tuệ trang nghiêm. Bốn việc ấy là gì?

1. Không nghĩ có ngã, không nghĩ có nhân, không nghĩ có thọ, không nghĩ có mạng, không chấp thường, không chấp đoạn.

2. Việc làm rất thù thắng.

3. Thể nhập tất cả.

4. Nói pháp không sợ sệt.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc trí tuệ đạt đến bằng Phạm thiên. Bốn việc đó là gì?

1. Lấy tâm Từ không để nghĩ đến chúng sinh.

2. Giáo hóa mọi người bằng cách tăng thêm lòng thương yêu.

3. Giữ gìn các pháp đã được giữ gìn.

4. Bình đẳng với tất cả nhưng không lìa bỏ Phật.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc không lìa trí. Bốn việc ấy là gì?

1. An trụ trong bốn bậc thiền, không làm Bồ-tát lay động.

2. Vận dụng Tam-muội Tam-ma-việt và phương tiện thiện xảo nên không sinh cõi Vô sắc.

3. Tâm tự tại, nói năng không rời chánh pháp.

4. Thấy chư Phật khắp mười phương.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tự tại. Thế nào là bốn?

1. Bên trong tịch tĩnh, bên ngoài cũng tịch tĩnh.

2. Hiểu rõ các pháp như huyễn.

3. Lấy trí tuệ làm năng lực.

4. Không tự cao mà phải vượt qua.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc để nhập sâu vào trí tuệ. Bốn việc đó là gì?

1. Biết dục nhưng không đoạn dục, thủ chứng trung đạo.

2. Biết sinh tử nên trong đó sử dụng phương tiện thiện xảo.

3. Nghe những gì đều biết rõ là chánh đạo hay phi đạo mà không bỏ cái được nghe.

4. Biết vô minh để tiếp cận mười hai nhân duyên.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc dùng pháp thị hiện La-hán, Bích-chi-phật, tất cả mọi người, nhưng trong đó không mong cầu. Thế nào là bốn?

1. Thấy các Tam-muội như huyễn.

2. Hiểu rõ các pháp để trang nghiêm.

3. Xem xét kỹ những sự vui thích do mình đã hành động.

4. Tự tâm biết rõ tất cả như huyễn.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc xa lìa sinh tử không thủ chứng Bát-niết-bàn. Bốn việc ấy là gì?

1. Nhớ nghĩ chư Phật.

2. Tâm Từ bi bình đẳng.

3. Dùng phương tiện thiện xảo.

4. Không quên thệ nguyện đã phát tâm.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc biết tất cả mọi người không lìa Pháp thân. Bốn việc ấy là gì?

1. Thấy tất cả mọi người đều tự nhiên, họ thể nhập Pháp thân cũng tự nhiên.

2. Biết tất cả mọi người tự nhiên.

3. Người tự nhiên, tuệ tự nhiên, không nghi ngờ.

4. Người tự nhiên, Nê-hoàn tự nhiên mà chứng đắc pháp Nhẫn.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc không lìa cội gốc mà thấy không cội gốc. Bốn việc ấy là gì?

1. Luôn nghĩ nhớ Nê-hoàn, muốn đầy đủ pháp Phật, tâm ý biết khắp tất cả.

2. Thân thị hiện Chuyển luân vương, Phạm, Ma, Thích. Trong cõi ấy tu tập tạo các công đức khiến do pháp ấy mà được lãnh hội.

3. Thân thị hiện ngu tối để làm cho kẻ thấp kém có được công đức.

4. Cầu xin được gì, đích thân đem bố thí. Đối với hàng tôn quý thì thị hiện rất giàu sang đến giáo hóa họ.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc đem tưởng nhập vào vô tưởng. Thế nào là bốn?

1. Dù trong sinh tử vô thường nhưng giữ tâm thanh tịnh.

2. Do trước đã chịu khổ nên nay được đắc trí tuệ.

3. Thấy tất cả pháp là vô ngã.

4. Thấy Nê-hoàn tịch tĩnh.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc lìa các kiến chấp nơi pháp. Bốn việc đó là gì?

1. Thanh tịnh.

2. Với Tuệ nhãn thấy khắp mọi nơi.

3. Phật nhãn chắc chắn ở ngay hiện tiền.

4. Đã giác ngộ các pháp, được ấn chứng Nhất sinh bổ xứ.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc quyết định một cách tự tại không nghi ngờ. Bốn việc đó là gì?

1. Cầu mong điều gì đều không chướng ngại.

2. Thể nhập vào trí tuệ chân thật.

3. Không bị che phủ.

4. Không lìa các pháp Đà-la-ni.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc mặc dù tùy thuận theo thế tục nhưng không vướng

mắc. Thế nào là bốn?

1. Biết tường tận việc thế gian.
2. Độ thoát tất cả mọi người.
3. Không còn tánh thương ghét.
4. Làm thanh tịnh nguồn gốc, không bị cấu nhiễm.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc an trụ trong chánh pháp. Bốn việc ấy là gì?

1. Tâm tự tại.
2. Tuệ tự tại.
3. Trí tự tại.
4. Phương tiện thiện xảo tự tại.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc. Bốn việc gì?

1. Không lìa Như Lai.
2. Trước mọi người khen ngợi thân tướng Phật.
3. Đem giáo pháp chiếu rọi vào người để họ phát tâm làm Bồ-tát.
4. Luôn nghĩ nhớ đến Phật.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc tịch tĩnh biết rõ các pháp:

1. Dùng đạo pháp biết rõ tận tường việc thế tục.
2. Hiểu rõ các tuệ của mọi người.
3. Nghe việc gì đều không nghi ngờ nên đạt được pháp Nhẫn.
4. Không nghĩ hữu hay vô, không theo tập tục người đời.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc làm thầy không tham chấp. Bốn việc ấy là gì?

1. Tạo điều kiện làm nhân duyên cho mọi người.
2. Tâm chất phác, thật thà, không dua nịnh.
3. Vì sự an vui của mọi người mà xả thân mạng, luôn lo lắng cho họ.
4. Trí tuệ đạt được không vì bản thân mà chỉ vì mọi người.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc được mọi người khen ngợi. Bốn việc ấy là gì?

1. Tự xả bỏ thân mình, thương yêu người khác.
2. Bỏ tất cả sự vui thích, lấy chánh pháp để tự vui.

3. Nghe điều gì không tự cho là thông suốt.

4. Tự trưởng dưỡng bằng chánh pháp.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc sẽ thành tựu mọi thứ luân chuyển. Bốn việc ấy là gì?

1. Chứng đắc các Đà-la-ni, chứng đắc tùy theo ý muốn.

2. Vô tận diệt.

3. Thể nhập vào tâm, bên trong hiểu rõ các pháp.

4. Hiểu rõ người khác.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn pháp dần đến A-duy-nhan. Những gì là bốn?

1. Đã vượt khỏi sinh tử nhưng không lìa đạo Bồ-tát.

2. Đã đạt pháp Nhẫn vô sở tùng sinh nên thọ nhận sinh tử do không lìa pháp.

3. Đã đạt được pháp ấn Bất thoái chuyển.

4. Nay chứng đắc pháp ấn Đát-tát-a-kiệt, đạt đến mười đạo địa, do đấy, theo thứ lớp thảy đều thấu tỏ.

Sau khi Đức Phật giảng nói bốn việc của Bồ-tát thì tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ánh sáng chiếu khắp cùng tận. Chư Thiên bay trên hư không tấu trăm ngàn âm nhạc để cúng dường Đức Phật.

Mưa hoa trời phát ra tiếng:

–Lành thay, lành thay! Những công hạnh của Đức Phật đã tu hành từ vô số kiếp, hôm nay con mới được nghe. Trong chúng hội, ai nghe pháp này đều do kiếp trước đã tạo nhiều công đức, nghe rồi đọc tụng thọ trì, lại giảng nói cho người, tâm vị ấy không bao giờ quên. Những công hạnh của các vị ấy tu hành cũng sẽ giống như Đức Phật. Hôm nay chúng con được lợi ích ấy. Vì sao? Vì đã được nghe pháp này.

Bấy giờ chư Thiên và tám vạn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một vạn hai ngàn Bồ-tát pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa:

–Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nghe kinh này rồi đọc tụng, thọ trì, khen ngợi, phụng thờ thì sẽ được bao nhiêu pháp công đức?

Đức Phật dạy:

–Sẽ được tám công đức:

1. Có lòng tin kiên cố, không khác gì Bồ-tát.

2. Đích thân đem công đức ban bố cho người để họ tăng trưởng lợi

ích mà lòng không bao giờ hối hận.

3. Nuôi tâm Từ bi vô lượng, đem giáo pháp chiếu soi vào mọi người.

4. Vì pháp nên học hỏi không bao giờ nhàm chán, giống như biển cả luôn đón nhận các dòng nước.

5. Muốn hộ trì chánh pháp.

6. Tự trưởng dưỡng bằng công đức của giáo pháp. Mặc dù thân chết nhưng sắc tướng vẫn đẹp gấp bội.

7. Thể nhập vào các phước công đức, đầy đủ nguyện xưa, được chư Phật ủng hộ.

8. Thu phục quân ma, xa lìa mọi sợ hãi.

Bồ-tát nhờ tám sự việc này, sau khi Như Lai diệt độ sẽ được các pháp công đức.

Khi ấy, đại địa ở tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, tất cả đất đai đều bằng phẳng như lòng bàn tay. Núi non, đất liền, sông biển, rạch ngòi, khe hố đều thấy giống như đất ở trong nước, những loài trong nước đều không thấy điều này. Cây cối khô héo đã trăm năm, nay đều trổ rất nhiều hoa.

Ở chỗ Đức Phật, những cánh hoa ấy đều chỉa ra nghiêng về phía Ngài. Những cây tốt tươi khác cũng như vậy. Mặt đất mọc ra hoa sen lớn như bánh xe, có vô số màu sắc và ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ dưới nhìn lên chẳng thấy gì cả, chỉ nghe tiếng của âm nhạc rất hay.

Khi ấy, từ núi Băng, núi Hương, cây ấy tỏa ra mùi thơm thấu khắp mọi nơi. Hoa ấy cũng từ đất hiện ra, đến rải trên chỗ Đức Phật, đầy tràn nơi mặt đất ngập cả lối đi.

Cây Phật đang ngồi cũng trổ hoa, có tiếng nhạc như nhạc trời, phía trên Đức Phật có ba mươi vạn dặm lọng hoa bằng châu báu, che kín tam thiên đại thiên thế giới.

Tôn giả Xá-lợi-phất quỳ thẳng chắp tay:

–Bạch Thế Tôn! Vì nguyên nhân gì mà hiện ra những điềm lành này?

Đức Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Có vua tên Thuần-chân-đà-la ở núi Hương, cùng vô số trăm ngàn Thuần-chân-đà-la, vô số Kiền-đà-la, vô số chư Thiên cùng nhau đến đây nên có điềm lành ấy.

Đức Phật nói chưa dứt lời thì thấy Thuần-chân-đà-la với tám vạn bốn ngàn kỹ nhạc và vô số người cùng nhau đi đến. Hoa từ hư không rơi xuống giống như mưa từ trên cao đổ xuống. Tất cả những người đến cung kính, lễ

Phật rồi đi nhiễu ba vòng rồi đứng ra phía trước. Vua Thuần-chân-đà-la cầm đàn lưu ly. Vì sao? Vì đó là bản nguyện.

Bốn phía có bốn vạn hai ngàn kỹ nhạc. Thuần-chân-đà-la đứng ở giữa, đồng thời đánh đàn; tiếng đàn vang khắp tam thiên đại thiên thế giới. Các kỹ nhạc của các cõi trời thuộc Dục giới đánh nghe không hay bằng tiếng đàn này. Vì sao? Vì bị tiếng đàn này lấn át nên các vị trời nơi cõi Dục, cõi Sắc không sánh bằng.

Khi Thuần-chân-đà-la đến chỗ Phật đánh đàn thì các cây cối, núi lớn, núi Băng, núi Mục-chân-lân tự nhiên lay động nhè nhẹ giống như múa và tất cả đều cung kính hướng về Đức Phật, như là lễ bái. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả đều tôn trọng cung kính. Các vị Tỳ-kheo và Bồ-tát mới phát tâm, người trong chúng hội, trời, rồng đang ngồi cũng đều reo hò vui mừng, muốn đứng dậy múa.

Bồ-tát Đề-vô-ly hỏi:

–Thanh văn đã lìa các dục, đã chứng đắc tám Duy-vụ thiền, thấy rõ bốn Đế, nay sao lại múa?

Các Thanh văn trả lời:

–Chúng tôi không tự chủ được với tiếng đàn ấy. Đang ngồi mà nghe tiếng đàn thì không sao chịu nổi và cũng không thể kiềm chế tâm mình cho yên ổn.

Bồ-tát Đề-vô-ly hỏi Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

–Thưa Tôn giả! Tôn giả là vị tuổi cao đức trọng, biết nhàm chán, tự giữ đúng theo giới luật, được chư Thiên và người kính mến, tôn trọng, vì sao không thể kiềm chế tâm mà lại múa giống như trẻ con vậy?

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp trả lời:

–Ví như một cơn gió lớn nổi lên thì cây cối dù to như cây đại thụ cũng không tự kiềm chế được. Vì sao? Vì tôi không tự chủ được trước tiếng đàn của vua Thuần-chân-đà-la, ví như khi gió lớn nổi lên. Đó là nguyên do khiến chúng tôi không tự giữ tâm mình được. Hôm nay mới biết điều của Thượng nhân làm, công đức ấy không thể sánh bằng. Các Thanh văn đều bị tiếng đàn kia che lấp.

Bồ-tát Đề-vô-ly nói với Tôn giả Ma-ha Ca-diếp:

–Thấy việc làm của các vị A-duy-việt-trí, nghe tiếng đàn ấy không vị nào rung động. Người có trí nghe vậy thì rối tâm nên không thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tất cả thần lực của Thanh văn đều bị tiếng đàn ấy che lấp, nhưng âm thanh ấy không thể nào làm lay động các vị Ma-ha-diễn. Tất

cả tám vạn bốn ngàn âm điệu kỹ nhạc của Thuần-chân-đà-la được oai thần Phật đón nhận, làm cho phước đức nơi bổn nguyện của ông ta được thành tựu.

Các tiếng nhạc ấy ai cũng nghe và họ nói:

"Các pháp bình đẳng và đều giải thoát. Thượng trung hạ đều thanh tịnh hoàn toàn như nhau. Với tất cả mọi người không chấp về người. Quá khứ, vị lai, hiện tại cũng đều như vậy. Nhưng tiếng nhạc được nghe đó, hiểu rõ ra là không sở hữu. Các pháp, tất cả mọi người và âm thanh cũng đều như vậy."

"Tất cả cõi giống như một cõi. Vì đã đồng đẳng nên không có cõi khác."

"Hiểu rõ không có sở hữu. Vì đồng đẳng nên nói các cõi không sinh, cũng không trưởng thành. Cho nên hoàn toàn không có thức mà tự nhiên; các sở hữu không sở hữu mà tự nhiên."

"Không thể đắc ngoại hành, không đắc nội hành. Tuệ vốn không giống với pháp, nhưng chữ và pháp cũng không có sở hữu, nên cái tên cũng như vậy."

"Biết danh sắc không sở hữu, hành đã không chấp trước thì quá khứ an trụ không cùng cực."

"Đã được nghe pháp căn bản diệt tận không có sở hữu, không có chỗ đến, cũng không có chỗ trụ."

"Những gì chấp trước chỉ có danh tự, nhưng khi đã biết rõ danh tự thì danh tự và pháp đều bình đẳng như nhau."

"Tâm bình đẳng, vì bình đẳng nên không có sở hữu. Nó vốn có lay động nhưng không biết nhau. Dù tâm có đối tượng và suy nghĩ nhưng không có chỗ sinh. Với trí tuệ biết rõ như vậy tức là thể nhập vào pháp."

"Các căn đã đoạn trừ bình đẳng, pháp trước và sau bình đẳng. Biết ba đời bình đẳng thì trí tuệ thể nhập vô số."

"Con người bị danh sắc trói buộc, đó là do con người tạo ra. Từ xưa đến nay, từ sinh đến lão nó đã không có. Đã biết do nhân duyên thì còn phải diệt. Nếu nói rằng có ngã, có nhân, đó là ngược lại với căn bản."

"Chốn trụ của ngã là bình đẳng nên không có chỗ trụ. Các pháp cũng không có chỗ trụ. Biết trụ không có chỗ trụ, đó là nghe và tin một cách hoan hỷ."

"Ví như mưa thì có sấm chớp, đó là cách tự nhiên trên trời. Tất cả các pháp giống như ngã nên nói rằng tự nhiên."

"Ngã và nhân là tự nhiên không. Đã biết như vậy thì thể nhập vào dấu ấn Đà-la-ni, biết rõ các cửa đã được mở tung; vì tướng đồng với tướng nên không có tướng của pháp và không có không, không có hy vọng dùng chữ. Cho nên khác với pháp mà có thượng trung hạ. Chữ nó không tự biết dùng khác bởi vì không thể thấy."

"Tâm ấy từ xưa nay hễ có nguồn gốc là tương tục, đã biết các pháp không sở hữu vì đoạn trừ bổn tế, đã đoạn trừ bản tế thì tất cả có hành động, đã biết bản tế bình đẳng thì đó là Từ bi. Lòng Từ bi thanh tịnh thì bình đẳng với khổ vui, không mừng không buồn; đó là bậc thượng nhân đã thể nhập vào bản tế."

"Pháp học tịch tĩnh lại càng tịch tĩnh, dù nói hay không nói thì pháp đó không tăng giảm. Cho nên không mong cầu tịch tĩnh."

"Tiếng giữa hư không không thể nào nắm bắt được, chỉ nghe mà không thể nói. Nếu có chỗ nghe, chỗ nói thì đều không thành thật."

Khi nghe âm thanh ấy thì tám ngàn Bồ-tát chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa Phật:

–Âm thanh khen ngợi ấy từ đâu phát sinh?

Đức Phật dạy:

–Vua Thuần-chân-đà-la làm ra. Như vừa nói ra thì lập tức ghi nhận lời nói.

Đức Phật hỏi Thuần-chân-đà-la:

–Âm thanh khen ngợi ấy từ đâu phát ra?

Thuần-chân-đà-la thưa:

–Do tiếng người phát ra.

Hỏi: Tất cả tiếng người từ đâu phát ra? Từ hư không phát ra sao?

Bồ-tát Đề-vô-ly nói:

–Này Thuần-chân-đà-la! Tất cả tiếng người không phải từ ý phát ra.

Thuần-chân-đà-la hỏi Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Tiếng ấy từ thân phát ra hay từ tâm phát ra?

Bồ-tát Đề-vô-ly nói:

–Không phải do thân hay do tâm phát ra. Vì sao? Vì thân không thường trụ, giống như cây cỏ không sống mãi, như tường vách không tồn tại lâu dài, có lúc nghiêng đổ. Còn tâm thì không hình tướng, không thể thấy, không thể nghe, không thể nói, nó như huyễn.

Thuần-chân-đà-la hỏi Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Nếu không phải thân, không phải tâm thì tiếng ấy do đâu phát ra?

Bồ-tát Đề-vô-ly trả lời:

–Tất cả do niệm tự nhiên mà có âm thanh.

Thuần-chân-đà-la hỏi:

–Nếu Bồ-tát nói âm thanh từ nơi miệng mà có thì nay âm thanh khen ngợi của tôi do hư không mà phát ra ư? Do đó, các âm thanh không lìa hư không?

Thuần-chân-đà-la nói:

–Nếu Bồ-tát muốn biết rằng âm thanh đều do hư không mà tự nhiên có tiếng, thì chỉ nghe âm thanh chứ không thể thấy, vì nó liền diệt; cái diệt ấy cũng là không. Cho nên nói là tự nhiên.

Các pháp sở dĩ bình đẳng vì bình đẳng như hư không. Dù có nói được hay không nói cũng đều bình đẳng cho nên nói bình đẳng như hư không.

Tất cả pháp chỉ có thể nghe mà không thể thấy. Pháp mà được nghe ấy đối với sự nghe thì không thấy pháp ấy. Nếu âm thanh của pháp không thấy được thì âm thanh ấy không biết pháp.

Các pháp không hay biết, sở dĩ nghe được là nhờ dùng phương tiện thiện xảo. Nếu như không được nghe thì dùng phương tiện thiện xảo để biết, đối với pháp không mong cầu gì cả. Không mong cầu cho nên cần phải có năng lực kiên cố, không yếu mà lại mạnh mẽ, không ai có thể dứt đoạn. Không bị dứt đoạn thì không có sinh, không sinh thì không bị lệ thuộc, không bị lệ thuộc thì nhẹ nhàng, nhẹ nhàng thì thanh tịnh, thanh tịnh thì không còn cấu bẩn, không cấu bẩn thì sáng suốt càng sáng suốt. Sáng suốt đó là gốc của tâm, gốc của tâm là lỗi lầm.

Tội lỗi ấy hết rồi thì không còn vọng tưởng. Các vọng tưởng không còn thì ngay xứ ấy từ từ chuyển lên. Chuyển lên là nhẫn nhục của Bồ-tát. Đạt nhẫn rồi thì không có đối tượng để nhẫn; nhẫn về không cũng như nhẫn về người. Vì sao? Vì cái không không lìa người.

Thế nào là không? Người là không.

Nhẫn với vô tưởng và nhẫn với hữu tưởng. Vì sao? Vì tưởng là tự nhiên nên vô tưởng. Nên nhẫn vô nguyện cũng như nhẫn hữu nguyện. Vì sao? Vì nguyện và tưởng là tự nhiên, không có gốc của nguyện.

Các pháp Nê-hoàn cũng là nhẫn sinh tử. Cho nên sinh tử ví như huyễn mộng.

Bồ-tát chứng đắc nhẫn thì không còn nghi ngờ về hữu và vô, chắc

chắn biết rõ tất cả chúng sinh. Nhờ được nhẫn nên biết rõ tất cả pháp không đến không đi, biết rõ các pháp đều trụ. Các pháp đều trụ thì biết tất cả chúng sinh cũng đều trụ. Ai đã thể nhập vào pháp ấy thì được Vô sinh pháp nhẫn. Chỉ có âm thanh pháp nhẫn ấy không thể nói năng, vốn nó không thể nói. Đức Phật là Đấng Chí Tôn, dù không nói pháp nhưng khiến mọi người đều hiểu rõ.

Bồ-tát Đề-vô-ly bạch Phật:

–Lành thay! Lời nói của Thuần-chân-đà-la rất vi diệu, làm hiểu rõ pháp sâu xa, chứng đắc nhẫn, được mọi người tôn quý. Tất cả nhẫn đã thể nhập được ấy rất là sâu rộng.

Và thưa Phật:

–Vua ấy tạo bao nhiêu công đức với Đức Phật mà muốn gì cũng đều được tự tại như vậy?

Đức Phật dạy Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Ông nên biết! Sông Hằng có vô số cát, cứ lấy một hạt cát làm thành một cõi Phật, đếm hết số lượng tinh tú trong đó thì còn tính đếm được. Nhưng số lượng công đức cúng dường Phật của Thuần-chân-đà-la thì không thể nào tính đếm được.

Bồ-tát Đề-vô-ly hỏi Thuần-chân-đà-la:

–Cúng dường Phật nhiều quá như vậy, công đức tụ hội cao vòi vọi, vậy sao không mau thành Phật?

Thuần-chân-đà-la nói:

–Bồ-tát nhờ mười việc không nhàm chán. Mười việc đó là gì?

1. Cúng dường Như Lai không nhàm chán.

2. Tạo công đức không nhàm chán.

3. Học hỏi giáo pháp không nhàm chán.

4. Với năm thiền chi của bốn bậc thiền, biết không nhàm chán.

5. Thấy các pháp không nhàm chán.

6. Muốn giảng dạy rộng rãi về giáo pháp không nhàm chán.

7. Muốn chỉ dạy mọi người không nhàm chán.

8. Luôn luôn hộ trì Chánh pháp không nhàm chán.

9. Muốn đầy đủ Ba-la-mật không nhàm chán.

10. Muốn cảm hóa, dìu dắt, giúp đỡ người không nhàm chán.

Đó là mười việc không nhàm chán của Bồ-tát.

Thuần-chân-đà-la thưa:

–Con nghe Đại Bồ-tát có Tam-muội tên Bảo Như Lai, ai được Tam-muội ấy thì đều có đầy đủ các thứ quý báu. Nếu có ai hỏi pháp thì vị ấy giảng nói tự tại.

Phật dạy:

–Ông hãy lắng nghe Ta nói.

Thuần-chân-đà-la thưa:

–Xin vâng! Con muốn được nghe.

Phật dạy:

–Bồ-tát không đoạn mất Phật, Pháp, Tăng, đó là ba sự phát tâm, nó có tám mươi pháp báu. Tám mươi pháp báu là gì?

1. Tâm không quên Nhất thiết trí, đó là báu.

2. Tâm không lìa bỏ lòng tin, đó là báu.

3. Tâm huân tập các công đức, không giải đãi, đó là báu.

4. Tâm kiên cố không xả bỏ lời nguyện cầu của mình, đó là báu.

5. Đem bố thí tất cả, tâm không luyến tiếc, ngược lại còn làm tăng trưởng lợi ích, đó là báu.

6. Làm điều gì tâm chỉ nghĩ đến Bồ-tát, đó là báu.

7. Tâm trang nghiêm, thân không phạm ba điều thuộc thân, đó là báu.

8. Tâm thanh tịnh, không nói lời ác, đó là báu.

9. Tâm trang nghiêm, lòng không nghĩ điều ác, đó là báu.

10. Tâm đã giữ giới, đem giới trang nghiêm lại thân, không ham muốn, không nghĩ đến cái xấu của người, đó là báu.

11. Tâm không bị chướng ngại, bình đẳng với chúng sinh, đó là báu.

12. Tâm đã nhẫn nhục được trang nghiêm, nhẫn tất cả điều ác, đó là báu.

13. Tâm không thương tiếc thân mạng, sống theo hạnh Bồ-tát, đó là báu.

14. Tâm không thương ghét, không bị nó làm lay động, đó là báu.

15. Tâm kiên cố, tinh tấn, không biếng nhác, đó là báu.

16. Tâm nghĩ làm điều gì cũng được thành tựu, đó là báu.

17. Tâm nghĩ gì làm đúng, không quên muốn được đầy đủ hạnh Bồ-tát, đó là báu.

18. Tâm hành thiền Tam-muội Tam-ma-việt; phát tâm rồi thì việc làm được tự tại, đó là báu.

19. Tâm cầu pháp muốn thể nhập vào các trí, đó là báu.

20. Được nghe pháp, tâm tu tập tụng đọc, liền được tinh tấn, đó là báu.

21. Nói pháp, tâm không mong cầu điều gì vì vượt qua các mong cầu, đó là báu.

22. Tâm không hư dối, đó là báu.

23. Tâm nghĩ đến chánh đạo và làm đúng theo, đó là báu.

24. Những gì nghe được, làm một cách cẩn thận, đó là báu.

25. Tâm đầy đủ trí tuệ rồi, không theo sự chỉ dạy của người khác, đó là báu.

26. Tâm có lòng Từ vô cực để tự hộ mình, đó là báu.

27. Tâm thương yêu vô cực, bình đẳng với người, đó là báu.

28. Tâm có sự bảo hộ vô cực rồi, lấy chánh pháp để tự vui, đó là báu.

29. Tâm đã bình đẳng vô cực, quán thấy các pháp, đó là báu.

30. Trong sinh tử, tâm không lấy làm đau khổ vì đã thể nhập vào công đức, đó là báu.

31. Tâm muốn chỉ dạy mọi người, phần nhiều nghĩ nhớ đến người, không nghĩ đến bản thân mình, đó là báu.

32. Tâm không thấy thiếu pháp mà còn phân chia cho người để họ được học, đó là báu.

33. Với đại trí, tâm hiểu tất cả vấn đề, có thần túc làm cảm động đến tất cả, đó là báu.

34. Tâm gần gũi Ba-la-mật, điều gì không nghe thì học hỏi, đó là báu.

35. Tâm xa lìa người ác, luôn tu tập các công đức, đó là báu.

36. Tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, nhờ sự tu tập ấy nên không có hai tâm, đó là báu.

37. Tâm biết sinh tử là bệnh đau khổ nên thể nhập vào ý mọi người, đó là báu.

38. Tâm làm thuốc hay để trị các chứng bệnh cho chúng sinh, đó là báu.

39. Tâm không xem thường người thiếu trí, phải đem pháp tôn trọng họ, đó là báu.

40. Tâm không tự cao mà nhẫn với tất cả mọi người, đó là báu.

41. Tâm không dua nịnh, đó là báu.

42. Nghe pháp, tâm không quên vì an trụ vào pháp, đó là báu.

43. Tâm tận lực hộ trì chánh pháp, luôn nghĩ nhớ báo ân Phật, đó là báu.

44. Tâm luôn muốn báo ân với sự kiên cố sâu dày, đó là báu.

45. Nếu bị ai xâm hại, tâm không nghĩ báo thù, đó là báu.

46. Tâm vui thích ở núi rừng vì muốn giữ gìn pháp thanh tịnh, đó là báu.

47. Tâm luôn nghĩ đến từ giã gia đình, làm Sa-môn vì để đạt được Chánh giác, đó là báu.

48. Tâm luôn hướng về đạo, tự kiềm chế mình, phòng hộ các điều ác, đó là báu.

49. Tâm biết đủ, làm người khác hoan hỷ, đó là báu.

50. Với việc đời, tâm biết đủ, đó là không nhàm chán pháp, đó là báu.

51. Tự hộ mình, tâm không theo đến nơi đông đảo ồn náo, đó là báu.

52. Tâm không nhàm chán các công đức, với các tướng đầy đủ những vẻ đẹp, đó là báu.

53. Tâm không nhàm chán trí tuệ, vì muốn quyết nghi cho mọi người, đó là báu.

54. Tâm luôn nghĩ đến Phật vì không lìa Phật, đó là báu.

55. Tâm luôn nghĩ đến pháp vì lời nói không lìa pháp, đó là báu.

56. Tâm luôn nghĩ đến Tăng đạt được A-duy-việt-trí tăng, đó là báu.

57. Tâm luôn nghĩ đến giới, không lìa hạnh Bồ-tát, đó là báu.

58. Tâm luôn nghĩ đến bố thí, không tham tiếc thân mạng, đó là báu.

59. Tâm luôn nghĩ đến cõi trời, liền nhập vào Nhất sinh bổ xứ, đó là báu.

60. Tâm biết rõ bản tế, tìm hiểu các sở hữu, đó là báu.

61. Tâm biết pháp vì không hoại Pháp thân, đó là báu.

62. Làm việc gì, tâm đều biết đúng như việc ấy, biết rõ lời nói của chúng sinh, đó là báu.

63. Tâm biết tự tại làm no đủ cho mọi người, đó là báu.

64. Tâm được Đà-la-ni, nghe pháp rồi không hề quên mất, đó là báu.

65. Tâm biết bổn pháp, hiểu rõ một cách tự nhiên, đó là báu.

66. Tâm hộ tuệ, biết thức như huyễn, đó là báu.

67. Tâm học rất kỹ, chắc chắn, do đó mà được giải thoát, việc làm không bị hoại, đó là báu.

68. Tâm hộ pháp, muốn biết cái tự nhiên của con người, đó là báu.

69. Tâm biết vô thường, khổ, sinh tử ở trong ba cõi mà không bị vướng mắc, đó là báu.

70. Tâm quán các pháp đều không có ngã, không có người, đó là báu.

71. Tâm nhập Nê-hoàn, nguồn gốc vốn tịch tĩnh, đó là báu.

72. Tâm biết Không, Vô tướng, Vô nguyện. Đã giải thoát vượt qua gần đến cửa Nê-hoàn, đó là báu.

73. Tâm không sinh, không chỗ sinh, không bị hoại, không bị diệt. Ai vượt qua khỏi các điều này thì được nhẫn, đó là báu.

74. Tâm biết như huyễn, như mộng, như sóng nắng, như tiếng vang trong núi, như bong bóng trong nước, không kiên cố, không có sự mong cầu, đó là báu.

75. Tâm vui vẻ, biết mười hai nhân duyên trừ bỏ đoạn tận, đó là báu.

76. Tâm hiểu biết rất rõ, không tìm cầu, không rơi vào nhị biên, đó là báu.

77. Tâm không tham dự vào cả hai vấn đề, dùng một vấn đề mà biết tất cả các pháp, đó là báu.

78. Tâm đầy đủ các hạnh, không thoái lui, vượt qua các danh sắc, đó là báu.

79. Tâm nhẹ dần vì đầy đủ các pháp, đó là báu.

80. Tâm hòa hợp ba mươi bảy phẩm để vượt các pháp, đó là báu.

Đức Phật dạy Thuần-chân-đà-la:

–Nếu tu tập đầy đủ tám mươi điều thì chứng đắc Tam-muội Bảo Như Lai. Ai đã chứng đắc Tam-muội này thì không vướng mắc vào Đạo bảo và Dục bảo.

Sao gọi là Dục bảo?

Sao gọi là Đạo bảo?

–Dục bảo là sự tôn quý trong loài người, chư Thiên, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Chuyển luân thánh vương. Người tôn quý như các bậc vương hầu, người tôn quý thì ở cõi trời hay cõi người cũng tự được tôn quý. Ai đã được như vậy thì không gì mạnh mẽ bằng và vui muốn được làm Bồ-tát. Đó gọi là Dục bảo.

–Đạo bảo là lấy pháp để giáo hóa thế tục. Lấy pháp gì để giáo hóa thế gian? Đó là lấy giáo pháp. Vì sao? Vì muốn làm việc gì cũng nhờ nơi trí tuệ. Tuệ là đạo pháp. Giống như các dòng nước đều chảy về biển cả. Như

núi Tu-di cao quý nhất trong các núi. Trong các vì sao, ánh sáng của trăng là sáng nhất. Như mặt trời chiếu sáng chỗ tối tăm. Trong các loài thú, sư tử là mạnh nhất. Trong loài người, vua là trên hết. Ở cõi Đao-lợi, Đế Thích là trên hết. Như trong chúng Phạm, Phạm thiên là hơn cả. Do đó, tuệ tôn quý hơn các pháp, cho nên nói là vua trí tuệ.

Vì thế, ai muốn giải thoát thì nhờ trí tuệ mà được độ, vì đó là đạo an ổn. Giống như nơi tối tăm được sáng là nhờ có ngọn đuốc, là người mạnh mẽ thu phục quân ma, là y vương điều chế thuốc thang, là thầy hiểu rõ các việc. Như giương cung bắn, dù có xa mấy cũng trúng đích. Như lực sĩ dẫn binh đi đánh được chiến thắng, địch không ai toàn mạng. Còn như dùng trí tuệ phá trừ ngu tối thì chúng đều tận diệt. Vì sao? Vì khử trừ dứt mọi cấu uế.

Tâm bình đẳng không sai khác, không tranh cãi giành giật với người, không hại hay oán hận người, việc làm đều được hoàn toàn rốt ráo vì tuệ ấy trung thực, chất phác, làm việc gì đều chí thành, đó là nhất tâm.

Tất cả đều bình đẳng, đó là nhân duyên để đoạn trừ.

Đem Thần túc hòa hợp với các công đức, đó là căn bản.

Những việc làm theo sau, đó là lực.

Đối với vô trí cho là trí, đó là giác.

Chỉ con đường tắt cho người, đó là đạo.

Đã tịch tĩnh mà lại tịch tĩnh, hướng quán mà quán, muốn làm ánh sáng chiếu nơi tăm tối. Bóng tối hết rồi thì sáng. Vì ánh sáng ấy tự nhiên, không cấu bẩn, thanh tịnh trừ bỏ các ham muốn. Trừ bỏ ham muốn thì không còn thấy các cõi đã độ thoát. Nếu không còn các cõi thì bên trong đã tịch tĩnh, thông suốt các không vì thể nhập vào Không. Lìa các nẻo kiến chấp đó là Vô tướng. Không cầu tịch tĩnh là Vô nguyện.

Đã vượt qua ba cõi, vì tướng mà không có tướng đó là tướng. Tướng ấy bình đẳng với hư không. Vì sao? Vì vô cầu đó là Bố thí.

Vượt qua ngã sở chẳng phải là ngã sở, không còn mong cầu, đó là Giới.

Ngã không có chỗ trụ, đó là Nhẫn.

Không nắm bắt, không xả bỏ, đó là Tinh tấn.

Không tăng giảm, đó là Thiền.

Không biết xứ sở, đó là Tuệ.

Được thể nhập vào tất cả là đều do tuệ. Được rồi thì tương đắc với phương tiện thiện xảo, giống như mộng. Đã trang nghiêm bằng vô ngã thì

mỗi hành động đều có công đức, lìa các nẻo trụ chấp.

Phật dạy Thuần-chân-đà-la:

–Đó là Tuệ bảo. Nếu Bồ-tát đầy đủ Tuệ bảo thì đạt được Tam-muội Bảo Như Lai. Ví như biển cả dung chứa các dòng nước nên chữ "Bảo" do đây mà có. Bồ-tát nào đạt Tam-muội này thì dung nạp tất cả mọi người, là nơi tập hợp các pháp, là ánh sáng trong các báu, là nguồn gốc của các báu. Cho nên đối với Tam bảo, không thể biết hết được.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa:

–Vua Thuần-chân-đà-la có đạt được Tam-muội ấy không?

Phật dạy:

–Ông hãy đích thân đến hỏi Thuần-chân-đà-la ấy.

Bồ-tát Đề-vô-ly hỏi Thuần-chân-đà-la:

–Ông có chứng đắc Tam-muội ấy không?

Thuần-chân-đà-la trả lời:

–Tam-muội ấy không phải làm ra, đó là niệm trụ. Dù tôi chứng đắc, hay tôi không chứng đắc thì Tam-muội không có cái để chứng đắc.

Tam-muội ấy không có sắc nên không thể biết. Thọ, tưởng, hành, thức đều không thể biết.

Tam-muội ấy không thể dùng sắc để thấy, không thể nghe, không có tướng sinh, không có tướng tận, không có tướng có; đối với tướng và tướng của tướng không thể quán, không thể thấy. Nếu nói tôi có thể thấy, tôi có thể quán thì không phải là Tam-muội. Vì sao? Vì còn có tưởng về nhân duyên.

Tam-muội không có tưởng về nhân duyên, vì Tam-muội bình đẳng với pháp. Đã bình đẳng với pháp thì ngã cũng vậy. Tất cả mọi người bình đẳng với một người. Vì sao? Vì bình đẳng với tất cả không.

Tam-muội là tướng không, mọi người không có tưởng, nếu không có tưởng tức là tướng Tam-muội. Mọi người không có nguyện, không có nguyện là tướng Tam-muội. Mọi người đều thanh tịnh, đều thanh tịnh là tướng Tam-muội. Mọi người không có ngã, không có ngã là tướng Tam-muội. Không có thân, không có mềm mại, việc làm cũng không thể thủ đắc. Nếu nói tôi biết pháp, tôi thấy pháp thì đều không thể có. Vì vậy không thể theo sự hy vọng mà có được.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa Phật:

–Con thấy y phục của Thuần-chân-đà-la mặc là của thể nữ và kỹ nhạc. Vậy là dâm dật, không biết thể nhập vào pháp sâu xa vi diệu, mà lại nói là

tự tại như pháp.

Phật dạy:

–Bồ-tát đã nhập vào tuệ sâu xa, rõ phương tiện thiện xảo. Đạo ấy không có gì mà không làm được. Thuần-chân đã cầm đàn đánh, ai cũng nghe tiếng đàn ấy, làm cho bảy mươi ức Chân-đà-la, ba mươi ức Kiền-đà-la, tám vạn bốn ngàn trời, người đi theo đều phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Bồ-tát nhờ tuệ phương tiện thiện xảo ấy mà liền được tiếng thơm vang lừng. Người ở địa vị tôn quý nhiều vô số nên làm nền tảng cho họ. Như người đốt lửa, nếu không bỏ thêm củi vào thì biết rằng không lâu lửa sẽ tắt.

Bồ-tát trụ một mình thì không thể làm gốc cho người, phải hòa hợp với người thì mới có thể làm lợi ích cho họ. Muốn làm cho lửa cháy lớn thì phải chất thêm củi vào. Cho nên để có ánh sáng lớn, Bồ-tát phải lấy người làm củi thì mới có ánh sáng lớn được.

Phật dạy:

–Người được Bồ-tát thọ nhận đều đã được đắc bổn.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa Phật:

–Thuần-chân-đà-la làm sao có thể đem những âm thanh kỹ nhạc để khiến người phát tâm cầu đạo quả Vô thượng Bồ-đề?

Đức Phật dạy:

–Vì Thuần-chân-đà-la, Kiền-đà-la đều thích kỹ nhạc nên lấy kỹ nhạc để làm cho họ vui, tất cả đều hoan hỷ.

Biết họ được vui vẻ rồi làm cho họ nghe tiếng Phật, nghe tiếng Pháp và nghe tiếng Tăng, khen ngợi Bồ-tát có đức cao quý; đem Nhất thiết trí huân tập vào tâm họ.

Chỉ cho họ nghe tiếng Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm, Trí tuệ, Từ bi, Ý chỉ, Ý đoạn, Thần túc, Căn, Lực, Giác, Đạo, hướng quán, duy vụ Tam-muội tam-ma-việt.

Nghe tiếng vô thường, khổ, vô ngã, tịch diệt; nghe tiếng không, vô tướng, vô tác, vô sinh, vô sở sinh, không sinh tử.

Nghe tiếng Đà-la-ni của Bồ-tát, Tam-muội Kim cương hạnh, Tam-muội Tịnh tạng chư pháp vương ấn hải ấn, Tam-muội Nhập nhất thiết chư pháp tự tứ chư pháp, Tam-muội Trang nghiêm, Tam-muội Bảo Như Lai, Tam-muội Bảo tự nhiên, Tam-muội Tri thiền, Tam-muội Hoan hỷ, Tam-muội Linh địa tất tác liên hoa, Tam-muội Liên hoa tôn, Tam-muội Vô sở

bất biến nhập, Tam-muội Kỳ ý sai đặc, Tam-muội Đại diện minh, Tam-muội Sư tử minh, Tam-muội Vô ương số nhân, Tam-muội Dĩ nhập bổn, Tam-muội Kim cương thự, Tam-muội Kim cương tràng phan, Tam-muội Nhược kim cương, Tam-muội Kim cương tế, Tam-muội Như địa, Tam-muội Nhược Tu-di, Tam-muội Nhược kim cương trụ, Tam-muội Minh hoa, Tam-muội Kỳ tâm tự tứ, Tam-muội Tri nhất thiết nhập, Tam-muội Nhất thiết sở hành kỳ địa nhân thị, Tam-muội Thậm thâm toàn, Tam-muội Khai minh, Tam-muội Tri nhất thiết nhân tâm hành, Tam-muội Sở lạc, Tam-muội Sinh tuần, Tam-muội Hàng phục chúng ma, Tam-muội Hiện chư sắc, Tam-muội Các nhập kỳ âm, Tam-muội Pháp hành, Tam-muội Tuệ địa thủ, Tam-muội Địa thủ, Tam-muội Kiến đế sở hữu, Tam-muội Giải chư phược, Tam-muội Tắc nhập chư nhân duyên.

-oOo-

KINH THUẦN-CHÂN-ĐÀ-LA SỞ VẤN NHƯ LAI TAM-MUỘI

QUYỂN TRUNG

Đức Phật dạy:

–Thuần-chân-đà-la có âm thanh kỹ nhạc như vậy, nhờ âm thanh ấy mà làm cho người phát tâm cầu đạo quả Bồ-đề. Công đức ấy rất là sâu dày.

Khi Đức Phật giảng nói về công đức của Thuần-chân-đà-la, từ nơi vạt áo của đại chúng trong pháp hội đều hóa đầy hoa sen. Các vị đứng dậy, đem hoa ấy rải lên Thuần-chân-đà-la, Thuần-chân-đà-la dùng vai phải đón nhận hoa. Hoa ấy không rơi xuống đất, ông ta đem hoa dâng cúng dường Phật. Từ phía trên Đức Phật, hoa ấy hóa thành một lọng hoa bằng châu báu che khắp ngàn cõi Phật. Lọng hoa đó xen kẽ gần trăm ngàn viên ngọc quý. Ánh sáng nơi mỗi viên ngọc tỏa ra ức trăm vầng ánh sáng, mỗi vầng ánh sáng có một hoa sen nhiều màu sắc và rất thơm. Trên mỗi hoa sen có một Đức Phật ngồi giống như Đức Thích-ca Văn.

Chư Phật nói:

–Lành thay, lành thay! Này Thuần-chân-đà-la! Người được ông giáo hóa rất nhiều và họ đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Việc làm của Bồ-tát đã vượt qua cảnh giới của mình, nhưng thị hiện vượt qua sinh tử mà vẫn thấy như cũ. Không trụ Nê-hoàn thì vì chúng sinh mà đi trong ba cõi.

Nghĩ đến chư Phật đang ngồi, Thuần-chân-đà-la đem lọng hoa báu che phía trên, và ngay lúc đó ông ta vào Tam-muội. Tam-muội ấy gọi là Nghiêm cái, và tức thời trên chỗ chư Phật ngồi đều có lọng hoa. Các Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng, người trong pháp hội đều có lọng hoa và tay cầm cán lọng. Các Bồ-tát, các Tỳ-kheo Tăng đem lọng hoa đến cúng dường chư Phật. Thuần-chân-đà-la nghĩ: "Muốn thỉnh Phật và chư hóa Phật cùng Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng đến núi Hương, muốn làm cho những người trong cung thất của mình và chư Thiên, quỷ thần đều được nghe pháp và được an vui, với mục đích làm cho họ thấy rõ việc cúng dường Phật làm điều căn bản, nhờ đó được phước đức."

Thuần-chân-đà-la đứng dậy, lạy sát đất, thưa Phật:

–Xin thỉnh Như Lai, chư Bồ-tát cùng chúng Tỳ-kheo đến núi Hương. Chúng con xin cúng dường thức ăn uống bảy ngày để mọi người nhờ đó mà tăng trưởng công đức.

Đức Phật im lặng nhận lời.

Thuần-chân-đà-la rất vui mừng, liền trở về chỗ ngồi cùng tám vạn bốn ngàn người đánh đàn, tấu nhạc để cúng dường Phật, và sau đó lạy Phật rồi trở về núi Hương.

Cung điện của Thuần-chân-đà-la dài rộng ba vạn dặm, có thể đón nhận Phật và những người theo đến. Tường vách, đất cung điện màu xanh pha lê, dùng vàng ròng trời rải trên đất, ở giữa treo xen lẫn vô số châu báu. Có đầy đủ giường ngồi, chân giường làm bằng châu báu nổi tiếng; dùng vải lụa trời làm đường viền. Tòa của Phật cao một ngàn ba trăm dặm, trang hoàng bằng ngọc châu, lan can bằng vật báu và xung quanh treo cờ lọng cũng bằng vật báu, có hương đốt rất thơm dịu, phía trên có cờ phướn che phủ. Hoa trời rải đầy trên đất. Gần chỗ Đức Phật ngồi, có bốn vạn cây bằng châu báu.

Thuần-chân-đà-la nói với quyến thuộc trong cung:

–Đức Phật rất khó gặp, ví như hoa Ưu-đàm-bát. Nay đã được gặp thì hãy cúng dường cho thật tốt, bỏ những ganh ghét, dua nịnh, tham lam. Ai loạn tâm, nên chánh niệm. Hãy chí tâm cúng dường, đem đủ loại hoa thơm đẹp dâng cúng dường. Đem hương thơm của Chiên-đàn đến núi Hương xông đốt để cúng dường Thế Tôn và trỗi những âm nhạc hòa nhã rất hay. Thuần-chân-đà-la ưa thích gì thì nên làm để cúng dường, vì Đức Phật là bậc tối tôn trong loài người. Đem lọng hoa, cờ lụa và y phục đặc biệt đẹp đẽ với vô số màu sắc ở cõi trời dâng cúng dường. Đức Phật rất khó gặp, ai cúng dường Ngài thì đời sau được sinh làm Tứ vương, Đế Thích, Phạm thiên. Nếu làm như vậy thì được thân hình có nhiều tướng tốt, sống lâu, giàu có, tự tại, dung mạo đẹp đẽ không ai sánh bằng, tiếng tốt đồn xa. Người nào cúng dường Phật thì được công đức như vậy. Nếu ở cõi trời thì được an lạc. Được an ổn như vậy đều do cúng dường Phật mà đạt được. Nếu muốn được đạo Bích-chi-phật, Thanh văn, Bồ-tát, nhờ cúng dường Phật mà có thể hàng phục quân ma.

Thuần-chân-đà-la dạy bảo quyến thuộc trong cung như vậy và tất cả đều tuân mệnh, đem đầy đủ các thứ hương hoa, chế biến trăm món thức ăn ngon thơm. Ở phía Nam núi Hương, các kỹ nhạc đánh đàn.

Việc làm đã xong, sự mong ước đã mãn nguyện, tiếng đàn nghe vui vẻ vừa ý, ai cũng muốn được an ổn hoan hỷ, tướng mạo thường tịch, mỉm

cười với mọi người. Sự tôn kính ấy không gì che lấp được. Chư Thiên, A-tu-la đều cúng dường.

Thưa đã đến giờ, xin phiền Ngài, bậc đã nắm giữ mười lực thù thắng, không ai có thể sánh kịp, hàng phục ngoại đạo, làm cho mọi người được lợi ích. Tâm đã thanh tịnh, dứt các trần cấu.

Thưa đã đến giờ, xin phiền Ngài, bậc đã không chút bụi trần, công đức không thể đếm nổi, ý rất tôn nghiêm cùng tận, sinh nơi giàu có tôn quý, bước đi của Ngài không ai theo kịp.

–Thưa đã đến giờ, xin phiền Ngài, bậc đã vĩnh viễn không bước vào ba đường ác nữa, không còn trở lại, vứt bỏ tất cả. Ai thấy Ngài cũng đều hoan hỷ. Ánh sáng của Ngài sáng hơn ánh sáng của những vì sao, mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng của Thích, Phạm không sánh bằng. Ánh sáng ấy sáng khắp, vượt hơn ba cõi, ai thấy ánh sáng ấy giống như trong chỗ tối tăm được thấy ngọn đuốc, ai nấy đều vui mừng. Ánh sáng nào cũng bị che lấp, chỉ có ánh sáng của Ngài không chỗ nào không chiếu tới. Tất cả kỹ nhạc của chư Thiên, Long... không vui thích nên không được giải thoát, ngày càng bị cấu bẩn. Nếu ai nghe tiếng của Đức Phật thì ai nấy đều được giải thoát, trừ sạch cấu bẩn. Các lương y khắp mười phương cũng không thể nào diệt trừ cấu bẩn nơi tâm người ấy được. Phật là Bậc Lương Y, ai nghe đến Ngài thì tâm cấu bẩn liền được tiêu sạch và an lạc. Phật là Đấng Chí Tôn trong các bậc tôn quý, không ai có thể sánh bằng. Lời nói của Ngài thanh tịnh, hoàn toàn chân thật. Tất cả kẻ xấu ác đều hàng phục.

Thưa đã đến giờ, xin phiền Ngài, bậc xưa đã thực hành bố thí, nay đang bố thí, tương lai sẽ lấy pháp bố thí; xưa đã tu hành giữ giới thanh tịnh, tự đạt đến an lạc giải thoát, do kiềm giữ tâm và nhẫn nhục mà được thành tựu.

Thưa đã đến giờ, xin phiền lòng Ngài, bậc đã an trụ trong tinh tấn, tự vui bằng thiền định. Tâm của Ngài đã an định, dùng ánh sáng trí tuệ để quán sát, tâm luôn hoan hỷ.

Thưa đã đến giờ, xin phiền lòng Ngài, bậc từ bi bình đẳng với tất cả. Sự yêu thương ấy vượt qua các oán hận, công đức ấy quá hơn Phạm thiên.

Thưa đã đến giờ, xin phiền lòng Ngài...

Đức Phật dạy các Tỳ-kheo Tăng hãy ôm bát đến nhà người thỉnh mời, mãn bảy ngày rồi về.

Bồ-tát Đề-vô-ly nghĩ: "Muốn làm xe giao lộ ngang dọc bốn trăm dặm, ở giữa có hoa sen để cho Đức Phật, các Bồ-tát và Tỳ-kheo Tăng, mỗi vị ngồi trên mỗi hoa sen, đến núi Hương."

Thế rồi, Bồ-tát liền nhập vào Tam-muội, tức thời sự việc đã diễn ra theo ý. Bồ-tát bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nay đã có xe giao lộ, xin Ngài hãy đến đó. Đức Phật ngồi trên hoa sen, tòa sen ấy cao bốn trượng chín thước. Các Bồ-tát và Tỳ-kheo Tăng cũng đều ngồi trên hoa sen như đã nói. Vì sao? Vì Bồ-tát đã cung thỉnh xin chư vị hãy thương xót mà đến an tọa.

Các Bồ-tát đã an tọa xong, Bồ-tát Đề-vô-ly dùng tay phải tự vận dụng thần thông bưng các hoa sen đi. Thấy oai thần biến hóa của Bồ-tát Đề-vô-ly như vậy, các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc đều đem kỹ nhạc, hương hoa đến núi Hương để cúng dường.

Từ nơi xa, Thuần-chân-đà-la thấy Phật đang ngồi trên xe giao lộ, biết Ngài đã đến, Thuần-chân-đà-la bảo tám vạn bốn ngàn Chân-đà-la, Kiền-đà-la đem hương hoa và đánh đàn, tấu các âm nhạc đến trước đón Phật, thỉnh mời vào cung. Đến nơi, Đức Phật thăng tòa, các Bồ-tát, Tỳ-kheo Tăng cũng đều an vị.

Thuần-chân-đà-la nói với Thích, Phạm, Tứ Thiên vương:

–Đã làm xong đầy đủ. Hãy sắp bày tất cả ra.

Mọi người trong cung đều mang thức ăn uống đến cúng dường. Sau khi ăn uống và rửa tay xong, Thuần-chân-đà-la đặt ghế nhỏ ngồi trước Phật, nghe Ngài nói pháp.

Phật dạy Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Bồ-tát phụng hành Bố thí ba-la-mật có ba mươi hai việc hành trì thanh tịnh. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Bồ-tát bố thí muốn cầu thành Phật phải lấy việc phát tâm làm gốc.

2. Bồ-tát bố thí sẽ lìa đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

3. Bồ-tát bố thí nghĩ muốn độ thoát chúng sinh khắp mười phương.

4. Bồ-tát bố thí cho người, tâm không hối hận.

5. Bồ-tát bố thí cho người, xem họ như Phật.

6. Bồ-tát bố thí cho người, tâm không bỏn sẻn.

7. Bồ-tát bố thí cho người, tâm không loạn mà đem cho một cách hoan hỷ.

8. Bồ-tát bố thí cho người bằng chính tay mình đưa.

9. Bồ-tát bố thí cho người với ý rộng rãi, không hẹp hòi.

10. Bồ-tát bố thí cho người, không mong cầu muốn có chỗ sinh.

11. Bồ-tát bố thí cho người với lòng không mong cầu.

12. Bồ-tát bố thí cho người, không mong cầu đạt được tư hữu, mà phải theo lời dạy trong kinh Phật.

13. Bồ-tát bố thí cho người vì ưa thích kinh Phật.

14. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn cầu Phật đạo.

15. Bồ-tát bố thí cho người, không cao ngạo.

16. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn chỉ dạy mọi người.

17. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn cứu độ chúng sinh.

18. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn đem giáo pháp chỉ dạy chúng sinh.

19. Bồ-tát bố thí cho người vì thuận theo lời Phật dạy.

20. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn hàng phục quân ma.

21. Bồ-tát bố thí cho người vì cầu thành tựu quả Phật.

22. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn cầu làm người hùng mạnh trong loài người.

23. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn bít lấp đường ngạ quỷ.

24. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn đời sau tu tập bố thí.

25. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn đời sau được an vui, giàu sang.

26. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn đời sau được đắc đạo Bồ-tát.

27. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn luôn luôn gần gũi thầy tốt.

28. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn đời đời hòa hợp, hướng về chúng sinh khắp mười phương.

29. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn thành tựu Phật đạo.

30. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn thành tựu đạo Bồ-tát.

31. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

32. Bồ-tát bố thí cho người vì muốn thành tựu cảnh giới trang nghiêm, muốn hướng về Phật, thâm nhập các kinh.

Đó là ba mươi hai việc Bồ-tát bố thí thanh tịnh. Bồ-tát nên hành Bố thí ba-la-mật như vậy.

Bồ-tát hành Thanh tịnh giới ba-la-mật có ba mươi hai việc. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Nẻo hành nơi thân, Bồ-tát luôn thanh tịnh. Đó là giữ giới.

2. Bồ-tát trừ bỏ xan tham, sân giận, ngu si, nói lời trong sạch. Đó là giữ giới.

3. Tâm Bồ-tát khi hành động rất sáng suốt, có trí tuệ, không dối gạt Phật. Đó là giữ giới.

4. Bồ-tát không theo ngoại đạo để hành mười điều. Đó là giữ giới.

5. Bồ-tát dù sinh lên cõi trời hay nhân gian cũng không bao giờ lìa bỏ Phật đạo. Đó là giữ giới.

6. Bồ-tát lìa xa pháp tu của hàng La-hán, Bích-chi-phật nhưng không coi thường các vị ấy. Đó là giữ giới.

7. Bồ-tát tránh xa kẻ dua nịnh, thể nhập vào trí tuệ của Phật. Đó là giữ giới.

8. Bồ-tát học nhiều, có trí tuệ, tâm là đệ nhất. Đó là giữ giới.

9. Bồ-tát rất có lòng Từ bi, luôn nghĩ đến chúng sinh khắp mười phương. Đó là giữ giới.

10. Bồ-tát cứu giúp chúng sinh khắp mười phương để họ được đầy đủ. Đó là giữ giới.

11. Bồ-tát không phạm giới cấm, lìa khỏi các xấu hổ. Đó là giữ giới.

12. Việc làm của Bồ-tát không hư thiếu, luôn cẩn thận. Đó là giữ giới.

13. Bồ-tát không phạm trung đạo, không hành trái với bản tâm. Đó là giữ giới.

14. Bồ-tát tự giữ lấy mình, không phạm đến chúng ma. Đó là giữ giới.

15. Bồ-tát y theo những lời dạy sáng suốt để thoát khỏi đường ác. Đó là giữ giới.

16. Bồ-tát giữ giới được sinh Thiên. Đó là giữ giới.

17. Bồ-tát muốn đầy đủ trí tuệ của Phật. Đó là giữ giới.

18. Bồ-tát giữ giới chặt chẽ, không trái lời Phật dạy. Đó là giữ giới.

19. Bồ-tát không tự cao, khinh chê người khác, luôn tự kiềm chế mình. Đó là giữ giới.

20. Bồ-tát tự kiềm chế tâm mình, không chạy theo ái dục. Đó là giữ giới.

21. Bồ-tát giữ giới đúng lời Phật dạy. Đó là giữ giới.

22. Bồ-tát giữ giới có lòng tin, khuyến khích, giúp đỡ, ưa thích không lừa dối. Đó là giữ giới.

23. Bồ-tát không tham lam, keo kiệt. Đó là giữ giới.

24. Bồ-tát giữ giới chắc chắn theo pháp giáo hóa. Đó là giữ giới.

25. Bồ-tát vứt bỏ tài sản phú quý, muốn làm Sa-môn. Đó là giữ giới.

26. Bồ-tát ưa thích ở chỗ thanh vắng, thích giáo pháp. Đó là giữ giới.

27. Bồ-tát không tham ăn uống, y phục, vì muốn nhập đạo. Đó là giữ giới.

28. Bồ-tát dứt bỏ các điều ác, thành tựu các công đức. Đó là giữ giới.

29. Bồ-tát biểu hiện chuyên cần, lìa xa dòng họ, giữ đức công hạnh. Đó là giữ giới.

30. Bồ-tát thâm nhập pháp hạnh thâm diệu mà không vướng mắc. Đó là giữ giới.

31. Bồ-tát tu hành mười hai nhân duyên theo thứ lớp. Đó là giữ giới.

32. Bồ-tát không theo ngoại đạo, lìa bốn điên đảo. Đó là giữ giới.

Đó là ba mươi hai việc Bồ-tát giữ giới thanh tịnh. Bồ-tát thanh tịnh nên hành giữ Giới ba-la-mật như vậy.

Bồ-tát thanh tịnh hành Nhẫn nhục ba-la-mật có ba mươi hai việc. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Bồ-tát không ham thích bản thân. Đó là nhẫn nhục.

2. Bồ-tát không nuối tiếc tuổi thọ. Đó là nhẫn nhục.

3. Bồ-tát không ôm lòng sân giận với người. Đó là nhẫn nhục.

4. Bồ-tát nhẫn nhục chịu đựng nếu có người mắng chửi, mạ nhục. Đó là nhẫn nhục.

5. Nếu thấy người bệnh hoạn ốm yếu thì Bồ-tát thương yêu họ. Đó là nhẫn nhục.

6. Bồ-tát không khinh thường người không được dạy dỗ. Đó là nhẫn nhục.

7. Tuy là giàu sang tôn quý, nhưng Bồ-tát chịu để người khinh khi. Đó là nhẫn nhục.

8. Bồ-tát bị người làm hại nhưng không sân giận, oán hờn. Đó là nhẫn nhục.

9. Bồ-tát không có tâm sân hận với người. Đó là nhẫn nhục.

10. Bồ-tát bị người hại, khiến phải đi vào đường nhơ, nhưng tâm không thoái chuyển. Đó là nhẫn nhục.

11. Bồ-tát ưa thích và tin tưởng Phật đạo, tâm không biếng nhác. Đó là nhẫn nhục.

12. Tâm Bồ-tát không loạn động, luôn luôn thanh tịnh. Đó là nhẫn nhục.

13. Bồ-tát không bao giờ sân giận người. Đó là nhẫn nhục.

14. Bồ-tát bảo hộ người mà tâm không nghĩ đến việc ấy. Đó là nhẫn

nhục.

15. Bồ-tát luôn đem tâm hòa nhã với người. Đó là nhẫn nhục.

16. Bồ-tát luôn đem tâm thương yêu mọi người. Đó là nhẫn nhục.

17. Bồ-tát không tự thị, cống cao với người. Đó là nhẫn nhục.

18. Bồ-tát luôn khiêm hạ với chúng sinh khắp mười phương. Đó là nhẫn nhục.

19. Bồ-tát không hành động sân giận với người. Đó là nhẫn nhục.

20. Bồ-tát tự kiềm chế mình, không xúc phạm đến ai. Đó là nhẫn nhục.

21. Bồ-tát luôn kiềm giữ tâm để không cho ý vọng khởi. Đó là nhẫn nhục.

22. Bồ-tát thấy mình có lỗi thì tự sám hối, quở trách chính mình. Đó là nhẫn nhục.

23. Bồ-tát không quan tâm đến điều tốt xấu của người. Đó là nhẫn nhục.

24. Bồ-tát luôn thích nhớ nghĩ đến Phật đạo. Đó là nhẫn nhục.

25. Bồ-tát thích hiểu biết rõ về giáo pháp. Đó là nhẫn nhục.

26. Bồ-tát yêu thương chúng sinh khắp mười phương. Đó là nhẫn nhục.

27. Bồ-tát luôn muốn bố thí cho chúng sinh mười phương. Đó là nhẫn nhục.

28. Bồ-tát luôn đem tâm hòa nhã với chúng sinh. Đó là nhẫn nhục.

29. Bồ-tát thích an ủi người. Đó là nhẫn nhục.

30. Bồ-tát theo học giáo pháp, không gián đoạn bỏ dở nửa chừng. Đó là nhẫn nhục.

31. Bồ-tát nghe được ba pháp đối trị không sợ hãi. Đó là nhẫn nhục.

32. Bồ-tát không từ đâu sinh vui thích trí tuệ.

Đó là ba mươi hai việc Bồ-tát hành nhẫn nhục thanh tịnh.

Bồ-tát hành Nhẫn nhục ba-la-mật là như vậy.

Bồ-tát hành Tinh tấn ba-la-mật gồm có ba mươi hai việc. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Không đoạn mất Phật đạo. Đó là tinh tấn.

2. Không đoạn mất giáo pháp. Đó là tinh tấn.

3. Không đoạn bỏ Tỳ-kheo Tăng. Đó là tinh tấn.

4. Người được hóa độ có vô số, không thể đếm. Đó là tinh tấn.

5. Thọ thân sinh tử mà tâm không mỏi mệt. Đó là tinh tấn.

6. Cúng dường vô số chư Phật không chán nản. Đó là tinh tấn.

7. Tạo công đức chẳng thể nghĩ bàn. Đó là tinh tấn.

8. Học hỏi vô số giáo pháp. Đó là tinh tấn.

9. Giáo hóa chúng sinh khắp mười phương. Đó là tinh tấn.

10. Làm thành thục chúng sinh mười phương để họ chứng đắc Phật đạo. Đó là tinh tấn.

11. Vì chúng sinh mười phương mà cung cấp những gì mình có theo sự mong cầu của họ, làm cho họ trở về với đạo. Đó là tinh tấn.

12. Đem cho người đồ đạc tốt đẹp của mình có. Đó là tinh tấn.

13. Giữ gìn các giới cấm. Đó là tinh tấn.

14. Sức nhẫn nhục của mình phải nhu hòa. Đó là tinh tấn.

15. Đầy đủ các định Tam thiền. Đó là tinh tấn.

16. Đầy đủ các trí tuệ. Đó là tinh tấn.

17. Lấy công đức của cảnh giới chư Phật hành để tự trang nghiêm cảnh giới khi mình thành Phật. Đó là tinh tấn.

18. Muốn cầu có năng lực mạnh. Đó là tinh tấn.

19. Thu phục tất cả các ma và quyến thuộc của chúng. Đó là tinh tấn.

20. Giữ gìn giáo pháp của Phật, thu phục các ngoại đạo khác. Đó là tinh tấn.

21. Có đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, các giáo pháp của Phật. Đó là tinh tấn.

22. Trang nghiêm thân, khẩu, ý. Đó là tinh tấn.

23. Không biếng nhác mỏi mệt. Đó là tinh tấn.

24. Làm việc gì đều rốt ráo. Đó là tinh tấn.

25. Tâm luôn luôn dõng mãnh. Đó là tinh tấn.

26. Trừ bỏ các ái dục. Đó là tinh tấn.

27. Độ những ai chưa độ, tạo điều kiện cho những ai chưa nghe kinh; những ai chưa Bát-niết-bàn thì làm cho họ Bát-niết-bàn. Đó là tinh tấn.

28. Mỗi tướng đều có đầy đủ trăm phước công đức. Đó là tinh tấn.

29. Giữ gìn, bảo vệ tất cả kinh pháp của Phật. Đó là tinh tấn.

30. Biết rõ cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn. Đó là tinh tấn.

31. Đời đời thường thấy vô số chư Phật. Đó là tinh tấn.

32. Hạnh xa lìa do tinh tấn mà có. Xa lìa thân tâm đến không có hình tướng, không có chỗ trụ, không có chỗ xuất, không có chỗ nhập, không có chỗ sinh. Đó là không sinh lạc trụ.

Bồ-tát thanh tịnh hành Tinh tấn ba-la-mật là như vậy.

Bồ-tát thanh tịnh hành Thiền ba-la-mật có ba mươi hai việc. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Nhớ nghĩ điều gì đều không bị phạm. Đó là tịnh.

2. Hành trì không thiếu sót. Đó là tịnh.

3. Phân biệt hoàn toàn không quên. Đó là tịnh.

4. Tránh xa các hý luận. Đó là tịnh.

5. Tự giữ gìn, biết đủ. Đó là tịnh.

6. Tâm không nhớ nghĩ điều tà vạy. Đó là tịnh.

7. Khuyến khích mọi người tạo công đức để mong cầu thành Phật. Đó là tịnh.

8. Không phạm sáu việc. Đó là tịnh.

9. Đạt đến Vô sở trước. Đó là tịnh.

10. Tự quán trong và ngoài của chính mình. Đó là tịnh.

11. Đầy đủ năm Thiền chi. Đó là tịnh.

12. Tâm luôn nhu hòa, dịu dàng. Đó là tịnh.

13. Không chấp thân kiến. Đó là tịnh.

14. Bên trong thực hành thiền định. Đó là tịnh.

15. Trở về thâm nhập sâu vào Phật đạo. Đó là tịnh.

16. Tránh xa kẻ ác. Đó là tịnh.

17. Thâm nhập vào trí tuệ sáng suốt. Đó là tịnh.

18. Thâm nhập vào nhân công đức. Đó là tịnh.

19. Nhớ nghĩ đến giáo pháp vốn tự an lạc. Đó là tịnh.

20. Theo thứ lớp thể nhập vào các hạnh. Đó là tịnh.

21. Ân trí tuệ không lay chuyển. Đó là tịnh.

22. Nhờ phương tiện thiện xảo được thành tựu. Đó là tịnh.

23. Muốn được đầy đủ Phật sự. Đó là tịnh.

24. Thương yêu những người khổ đau. Đó là tịnh.

25. Không tập theo sự hành trì của La-hán, Bích-chi-phật. Đó là tịnh.

26. Thích thể nhập đầy đủ trí tuệ sâu xa. Đó là tịnh.

27. Công đức tạo ra không thấy nhàm chán. Đó là tịnh.

28. Tin rằng tất cả chúng sinh không có ngã. Đó là tịnh.

29. Tất cả chúng sinh đều được Tam-muội bất loạn của Phật. Đó là tịnh.

30. Suy nghĩ của chúng sinh đều biết rất rõ. Đó là tịnh.

31. Biết rõ hành vi của chúng sinh. Đó là tịnh.

32. Như vị lương y chữa người lành bệnh, Bồ-tát thọ trì kinh pháp này làm cho sinh, già, bệnh, chết của chúng sinh đều tiêu trừ. Đó là tịnh.

Bồ-tát hành Thiền ba-la-mật thanh tịnh như vậy.

Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật gồm có ba mươi hai việc. Ba mươi hai việc đó là gì?

1. Muốn được giáo pháp của Phật không nhàm chán. Đó là cao minh.

2. Tuần tự học các giáo pháp của Phật. Đó là cao minh.

3. Trí tuệ sáng suốt. Đó là cao minh.

4. Nhờ pháp nên không làm mất trí tuệ. Đó là cao minh.

5. Thâm nhập trí sáng suốt, hiểu rõ năm ấm. Đó là cao minh.

6. Đem trí tuệ soi vào kinh pháp để hiểu rõ đầu mối của nó. Đó là cao minh.

7. Dùng trí tuệ để hiểu rõ A-y-đàn-câu-xá-la. Đó là cao minh.

8. Dùng phương tiện thiện xảo từ từ giác tri mười hai nhân duyên. Đó là cao minh.

9. Với bốn Đế, dùng phương tiện thiện xảo biết rõ tịch diệt. Đó là cao minh.

10. Từ từ nhập vào tuệ phương tiện ngăn ngừa không nhập Nê-hoàn. Đó là cao minh.

11. Quán bên trong biết rõ tất cả. Đó là cao minh.

12. Thọ thân sinh tử nhưng đều hiểu rất rõ trước đây. Đó là cao minh.

13. Biết rõ các pháp không có chỗ sinh. Đó là cao minh.

14. Cội gốc của con người không có hình tướng, nó vốn thanh tịnh, tùy theo tập tục của thế gian để hòa vào hóa độ chúng sinh. Đó là cao minh.

15. Tất cả pháp là một pháp mà thôi. Vì sao? Vì nguồn gốc nó là Nê-hoàn. Đó là cao minh.

16. Tất cả cảnh giới là một cảnh giới mà thôi. Vì sao? Vì vốn tự nó là không. Đó là cao minh.

17. Tất cả chư Phật là một Đức Phật mà thôi. Vì Pháp thân không thể tính. Đó là cao minh.

18. Tất cả việc đều không thể nhận thức thủ đắc. Vì sao? Vì tất cả đều là danh tự, dùng phương tiện thiện xảo để hiểu rõ. Đó là cao minh.

19. Không bị chướng ngại nên đạt được trí tuệ. Vô số người đến hỏi đều trả lời thông suốt đầy đủ. Đó là cao minh.

20. Thấu đạt các kinh pháp Phật, không bao giờ quên, vì nhờ có Đà-la-ni. Đó là cao minh.

21. Biết rõ những việc của ma. Biết rõ như vậy thì liền xa lìa. Đó là cao minh.

22. Biết tất cả pháp như huyễn. Ví như người giả mượn lốt thân rồng, chốc lát bỏ đi; cũng vậy, tất cả đều vô sở hữu. Đó là cao minh.

23. Những gì thấy được giống như trong mộng, như bóng trong nước, như tiếng vang trong núi. Tất cả pháp đều như vậy. Đó là cao minh.

24. Tất cả pháp đều là không, vì vốn nó không có chỗ sinh. Đó là cao minh.

25. Bằng trí tuệ, biết thấu rõ nguồn tâm niệm của chúng sinh. Đó là cao minh.

26. Đem năng lực oai thần của phương tiện thiện xảo mà nhập vào Nê-hoàn, sau đó thị hiện sinh tử. Đó là cao minh.

27. Không, Vô tướng, Vô nguyện, tất cả pháp theo sự chỉ dạy mà chúng sinh đều được độ thoát. Đó là cao minh.

28. Đầu mối của định và bất định đều không thấy, nhưng hiểu rõ nguồn gốc của các pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp không có gì để nắm bắt, không có gì để chấp trước. Đó là cao minh.

29. Được sáng suốt, không còn si ám; được ngọn lửa trí tuệ giảng nói giáo pháp cho chúng sinh đều được độ thoát. Đó là cao minh.

30. Tất cả sinh tử vốn không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Hiểu biết tất cả và hòa nhập theo tập tục để giảng pháp cho chúng sinh, thị hiện sinh đó chết đó. Đó là cao minh.

31. Không giữ gìn bốn việc, bằng trí tuệ biết khắp tất cả. Đó là cao minh.

32. Giảng nói kinh pháp cho tất cả chúng sinh, tuần tự theo sự ưa thích của họ mà giảng nói. Nên tự kiềm chế tâm, tự giữ gìn trí tuệ, làm tất cả đều thành tựu, được chư Phật trông thấy khả năng tài cao ấy, được Bồ-tát đem oai thần của Phật đến ủng hộ.

Đó là ba mươi hai việc thanh tịnh Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát hành Phương tiện thiện xảo gồm có ba mươi hai việc. Ba mươi

hai việc ấy là gì?

1. Dạy bảo mọi người tự giữ thân mình.

2. Không vướng mắc vào phước nhiều hay phước ít.

3. Đối với người chỉ dạy chúng sinh mười phương cầu tìm đạo Bồ-tát hay dạy người không cầu tìm đạo Bồ-tát thì cũng xem như bậc thầy không khác.

4. Muốn có nhiều của cải châu báu để bố thí cho người.

5. Luôn thích tìm cầu La-da-đa để chỉ dạy người.

6. Thị hiện thân người nữ vì muốn giáo hóa người nữ.

7. Thị hiện thiếu niên để giáo hóa trẻ em.

8. Thị hiện nhiều hạng người vì thương yêu chúng sinh.

9. Ở thế gian nếu có người điên loạn thì thị hiện thân điên loạn để độ cho họ được an ổn.

10. Nếu có người loạn tâm phiền não thì theo phiền não của họ mà giảng nói chánh pháp.

11. Theo sở thích của chúng sinh mà đem giáo pháp đến độ họ.

12. Giữ gìn giới cấm trăm năm, ngàn năm; nếu có người vì ham muốn mà xả giới thì đến giáo hóa họ.

13. Nếu chúng sinh ưa thích y phục, các kỹ nhạc thì đem bố thí cho họ, ai nấy đều vui vẻ, nhân đó đem giáo pháp đến giáo hóa họ.

14. Đầu-đà Sa-môn chí hạnh khác nhau, theo pháp hạnh của họ mà đến giáo hóa.

15. Ni-kiền Ba Hòa và các ngoại đạo khác, Bồ-tát theo từng loại mà giáo hóa, hướng dẫn họ vào Phật đạo.

16. Trong các dâm nữ, thị hiện hóa dâm nữ rất đẹp để giáo hóa các dâm nữ dứt bỏ tâm dâm; và hóa làm nam tử từ từ nhập vào Phật đạo.

17. Nếu đại hội tấu các âm nhạc, lúc ấy nếu có người nào thấy thì cho họ nghe tiếng âm nhạc, tất cả ai nấy đều rất vui vẻ, rồi đem âm thanh của âm nhạc thành âm thanh giảng giáo pháp. Người nghe ai nấy đều được độ thoát.

18. Hóa người thợ có kỹ thuật giỏi, Bồ-tát vào trong đó để giáo hóa.

19. Thị hiện Bát-già-tuần, nếu thế gian có ai nghèo khổ, ốm yếu thì chỉ bày kho của nằm trong lòng đất, đem bố thí cho người khổ rồi giảng nói để họ phát tâm Bồ-đề.

20. Nếu ở thế gian có người vì người chết mà kêu gào khóc lóc, Bồ-

tát hóa hiện thần thông cũng sầu khổ để giáo hóa người đau khổ ấy hiểu giáo pháp.

21. Nếu ở thế gian có người mất của cải, Bồ-tát hóa thị hiện kho của cải đem bố thí, rồi sau đó giảng nói giáo hóa họ thành đạo.

22. Nếu có vương hầu, hoặc có quần thần, Chuyển luân vương đau buồn vì không có con, Bồ-tát hóa vào thai làm con. Sau đó, giảng nói cho cha mẹ và người trong gia đình được giải thoát.

23. Có người buôn rất giàu, trên đường đi đã hết lương thực, Bồ-tát hiện oai thần đem thức ăn uống cho no nê, rồi sau đó giảng nói kinh pháp.

24. Nếu có người mù bẩm sinh cả trăm, ngàn người, vạn người, Bồ-tát dùng thần thông hiện người mù rồi cho y phục, thức ăn uống để người mù được sáng mắt, và sau đó từ từ giảng nói kinh pháp để họ phát tâm cầu Phật đạo.

25. Trong đại thành, nếu thấy người tù phạm tội bị trói buộc trong lao ngục, Bồ-tát hóa hiện làm người tù phạm tội vào trong ngục, dùng sức oai thần khiến cho những người bị tù ấy được tắm rửa, mặc áo quần, ăn uống no nê rồi sau đó giảng nói giáo pháp để họ phát tâm cầu đạo.

26. Nếu có tử tội đem ra ngoài thành, Bồ-tát dùng sức oai thần đi theo và hóa làm người, lẫn lộn vào chỗ ấy, dắt kẻ tử tội kia đi. Được cứu thoát, kẻ ấy rất vui mừng, Bồ-tát đưa thức ăn uống cho họ ăn no nê và cho y phục, rồi giảng nói giáo pháp cho họ. Kẻ ấy được giải thoát, rất vui mừng và phát tâm cầu Phật đạo.

27. Nếu có người tranh giành kiện tụng, hoặc tranh giành tiền tài, hoặc tranh giành ruộng vườn, nhà cửa, Bồ-tát đứng giữa hòa giải hai bên. Nếu bên nào không đủ thì Bồ-tát đem tiền của hòa giải chia cho đủ. Sau đó giảng nói giáo pháp để họ phát tâm cầu đạo.

28. Bằng phương tiện thiện xảo, tuy đẹp đẽ mà Bồ-tát thị hiện làm người xấu xí... để hành hóa thuận hợp.

29. Hiện thân làm Sa-môn đáng kính để giáo hóa người, rồi lại làm kẻ bạch y đi giáo hóa người.

30. Bồ-tát hành phương tiện thiện xảo, xa lìa đại chúng theo ở với ngoại đạo; y phục, nói năng theo trong bọn họ; cũng phỉ báng Phật, phỉ báng Pháp, phỉ báng Tỳ-kheo Tăng, rồi từ từ đem giáo pháp giáo hóa, hướng dẫn họ vào trong Phật đạo.

31. Từ từ giáo hóa chúng sinh, khi họ Bát-niết-bàn cũng theo họ Bát-niết-bàn, sau đó hóa đi nơi khác.

32. Bồ-tát hành phương tiện thiện xảo hóa hiện tự tại, hóa làm La-hán, hóa làm Bích-chi-phật, hóa làm Bồ-tát, hóa làm Phật.

Đó là ba mươi hai việc thanh tịnh của phương tiện thiện xảo.

Khi Đức Phật giảng nói về Bát-nhã ba-la-mật, Thuần-chân-đà-la cùng quyến thuộc, chư Thiên, Long, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, chín vạn ba ngàn người đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Theo Phật đến, có tám ngàn Bồ-tát đều chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Vua Thuần-chân-đà-la chứng đắc Tam-muội Minh tuệ. Nghe Phật nói, ông ta rất đỗi vui mừng, đem lụa trời dâng cúng Đức Phật. Lụa ấy rất quý, trên thế gian không thể sánh bằng.

Khi ấy, tám ngàn người trong cung Thuần-chân-đà-la đem một ngàn lọng hoa dâng cúng dường Phật. Bằng oai thần, Đức Phật làm cho những lọng hoa lơ lửng giữa hư không và hợp lại thành một cái lọng hoa dài rộng bốn ngàn dặm che phía trên Ngài. Các phu nhân và con của Thuần-chân-đà-la thấy oai thần biến hóa ấy liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề và tất cả thưa Phật:

–Cúi xin Như Lai chỉ dạy để chúng con được thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Khi nói như vậy, Đức Phật rời khỏi cách đất bốn ngàn hai trăm trượng rồi ngồi trên hư không. Từ nơi thân của Ngài phóng ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả nhạc cụ của quyến thuộc Thuần-chân-đà-la, Ma-hưu-lặc, các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc không đánh mà tự kêu. Ở núi Hương, các cây hoa lá đều phát ra tiếng đàn. Âm thanh ấy rất hay. Mỗi sợi lông trên toàn thân Phật đều phóng ánh sáng, mỗi vầng ánh sáng có mỗi hoa sen và có hóa Bồ-tát ngồi với đầy đủ ba mươi hai tướng tốt. Nhờ oai thần của Phật, âm thanh của các kỹ nhạc nói ra bằng những kinh khó. Theo sự nghi ngờ của chúng, các Bồ-tát ngồi trên hoa sen dựa theo những câu hỏi về kinh khó của họ mà giải nghi.

Các âm thanh phát ra tiếng nói:

–Phải phát tâm hạnh Bồ-tát như thế nào để không quên việc tự đi đến ngồi nơi gốc cây của Phật?

Bồ-tát trả lời:

–Tâm vui vẻ với tất cả chúng sinh thì có lòng đại Từ vô cực. Do đó mà không quên.

Âm thanh hỏi:

–Ý ấy thế nào? Do đâu mà có lòng đại Từ vô cực?

Bồ-tát trả lời:

–Ý ấy do không dua nịnh, ví như tuệ. Nếu có đại Bi vô cực thì đạt đến Nê-hoàn.

Âm thanh hỏi:

–Đối với bố thí thì cho như thế nào? Do đâu việc làm không hối hận? Vì sao không cầu sinh vào đâu cả? Làm sao thực hành nguyện của Bồ-tát?

Bồ-tát trả lời:

–Không tham tiếc tất cả tài vật. Đã cho rồi, không có tâm hối hận. Luôn nghĩ đến đạo Bồ-tát, không mong cầu chỗ sinh.

Âm thanh hỏi:

–Giữ giới thanh tịnh, đối với giới làm thế nào để không tự cao? Làm thế nào để chỉ dạy người phá giới? Do đâu đạt được Đại thừa?

Bồ-tát trả lời:

–Có tâm thiện thì có giới thanh tịnh. Vì biết tất cả pháp đều không, nên không tự cao. Vì có lòng đại Từ vô cực nên có thể chỉ dạy dẫn dắt người phạm giới.

Âm thanh hỏi:

–Nếu bị người mắng chửi, đánh đập, muốn giết thì phải nhẫn nhục thế nào? Làm thế nào để tâm không sân giận, được vui vẻ?

Bồ-tát trả lời:

–Nên nghĩ rằng: "Khi ta thành Phật là làm Y vương cho chúng sinh, ai bị bệnh ta sẽ trị hết bệnh." Nhờ đó mà có thể nhẫn nhục, dù bị người mắng chửi, đánh đập, muốn giết thì tâm không tức giận, lại vui vẻ.

Âm thanh hỏi:

–Tinh tấn thế nào để đạt đến cứu cánh? Làm sao để không biếng nhác mà thành tựu hạnh Bồ-tát?

Bồ-tát trả lời:

–Người tinh tấn theo pháp, vì muốn cứu giúp chúng sinh tinh tấn đến tận cùng. Vì hiểu rõ tất cả đều không nên không biếng nhác.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao để tâm ý đầy đủ và thâm nhập đúng đắn? Thiền định thế nào để tự biết mình không còn chỗ mong cầu?

Bồ-tát trả lời:

–Tâm không mê nên có đầy đủ. Tâm không dua nịnh nên thâm nhập đúng đắn. Nhờ phương tiện thiện xảo nên có thể thiền định, cho nên không

có sự mong cầu.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao có trí tuệ hiểu biết để thực hành đúng đắn? Làm thế nào để đầy đủ nghiệp pháp tuệ? Làm sao giải quyết các nghi ngờ?

Bồ-tát trả lời:

–Thích học hỏi để tăng trưởng trí tuệ. Vì hiểu biết mười hai nhân duyên nên thực hành đúng đắn. Thích bố thí pháp nên giải quyết các nghi ngờ, hiểu rõ căn nguyên của nó.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao có nhiều trí tuệ để thấu hiểu sự nghe biết? Làm thế nào giáo hóa mọi người để tự đạt đến chỗ Chí tôn?

Bồ-tát trả lời:

–Biết khiêm tốn nên có nhiều trí tuệ. Nghe và làm đúng mới có thể thấu đạt. Vì bố thí pháp không mong cầu nên đạt đến chỗ Chí tôn.

Âm thanh hỏi:

–Từ bi thế nào để đạt đến lòng yêu thương vô cực? Làm sao đày đủ hộ bình đẳng? Làm sao đạt được địa vị Phạm thiên?

Bồ-tát trả lời:

–Tâm bình đẳng là Từ. Không nhàm chán là Hộ. Nhờ tâm hoan hỷ vui vẻ nên được làm Phạm thiên.

Âm thanh hỏi:

–Làm thế nào để Bồ-tát thấy Phật? Thấy Phật rồi hoan hỷ thế nào? Làm sao nghe pháp mà không nghi ngờ?

Bồ-tát trả lời:

–Vì tâm luôn nghĩ về Phật nên được thấy Phật, nghe pháp. Vì tâm thanh tịnh, trong sáng nên không nghi ngờ.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao chứa nhóm các công đức? Làm sao để có nhiều trí tuệ? Làm sao biết hướng quán? Những việc như vậy phải cầu thế nào?

Bồ-tát trả lời:

–Vì không nhàm chán công đức nên tích chứa nhiều. Vì học hỏi không nhàm chán nên đạt được trí tuệ. Vì tâm không loạn, vô niệm nên được hướng quán.

Âm thanh hỏi:

–Tàng, xứ nó thế nào? Hành nó ra sao? Chỗ duyên thế nào?

Bồ-tát trả lời:

–Tàng là trống không, không có sở hữu. Xứ là Ba-la-mật. Bốn bậc thiền là hành. Nơi chốn duyên cứu độ tất cả chúng sinh.

Âm thanh hỏi:

–Ma sự là thế nào? Phật sự là thế nào? Phải làm thế nào để thành Bồ-tát?

Bồ-tát trả lời:

–Không can đảm, gan dạ, sợ sệt gọi là ma sự. Tùy thuận với tâm Ma-ha-diễn gọi là Phật sự. Xả bỏ tất cả điều ác nên thành Bồ-tát.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao để gần gũi Ca-la-mật? Làm sao tránh xa thầy ác? Thế nào là trụ bình đẳng? Thế nào là xả?

Bồ-tát trả lời:

–Ai chỉ dạy đạo Bồ-tát thì đó là bạn hành. Người dạy bảo xa lìa tâm Bồ-tát, đó là thầy ác. Làm việc gì đều tự biết, đó là trụ bình đẳng. Lìa bỏ các tà đạo, đó là xả.

Âm thanh hỏi:

–Làm sao để giữ gìn các pháp? Làm thế nào để chỉ dạy mọi người? Dùng phương tiện thiện xảo thế nào để thành đạo Bồ-tát?

Bồ-tát trả lời:

–Tinh tấn nên có thể giữ gìn pháp. Vì có phương tiện thiện xảo nên có thể chỉ dạy mọi người. Tùy theo sự hữu - vô của người, hoặc đạo, hoặc thế tục mà khai đạo để thành Bồ-tát đạo.

Âm thanh hỏi:

–Làm thế nào để hành động bằng tuệ? Thế nào là ma sự? Siêng năng, cố gắng thế nào để không phí mất thời gian?

Bồ-tát trả lời:

–Việc làm không nhầm lẫn nên có tuệ. Việc làm phi pháp, đó là ma sự. Luôn vâng theo lời chỉ dạy, đó là siêng năng cố gắng, khiêm tốn được mọi người kính mến.

Âm thanh hỏi:

–Đạo là gì? Phi đạo là gì? Làm thế nào để dạy người thể nhập vào đạo?

Bồ-tát trả lời:

–Sáu Ba-la-mật là đạo. Tánh hạn hẹp là Thanh văn, Bích-chi-phật,

cho nên chẳng phải đạo Bồ-tát. Hiểu rõ phương tiện thiện xảo để dạy người nhập đạo.

Âm thanh hỏi:

–Sao gọi là suy? Sao gọi là trấn an? Làm thế nào khổ đau được vui vẻ?

Bồ-tát trả lời:

–Nếu đạt được bảy Giác ý thì pháp ấy gọi là lợi. Trấn an là Đà-la-ni. Lấy pháp giáo hóa, không còn đói khát thì được vui vẻ.

Âm thanh hỏi:

–Cha mẹ của Bồ-tát là gì? Thân thuộc là gì? Quyến thuộc là gì? Tốt đẹp với ai?

Bồ-tát trả lời:

–Tuệ là mẹ, Pháp là cha. Ba mươi bảy phẩm là thân thuộc. Công đức là quyến thuộc. Tốt đẹp với tất cả.

Âm thanh hỏi:

–Do đâu biết vô ngã? Do đâu có lòng Từ để nhớ nghĩ tất cả? Vô ngã và từ làm sao biết giống nhau?

Bồ-tát trả lời:

–Hiểu rõ mọi việc là không nên biết vô ngã, đó là đại Từ; và biết tất cả mọi người cũng đều không.

Tất cả sinh tử là do pháp không sinh tử. Biết như vậy cũng là sinh tử. Chỉ có hiểu rõ nó không đi, không trở lại, không ở yên một chỗ. Thực hành được như vậy gọi là đến với đạo.

Không, Vô tướng, Vô nguyện xưa nay là một tướng. Biết như vậy là hiểu rõ năm ấm đều không, không có tướng. Vì không có tướng nên không có nguyện. Nhưng một tướng là vô số tướng.

Năm ấm là không. Vì đã hiện quán nên năm ấm cũng hiện quán. Tất cả mọi người đều không, không có cũng không không. Trí tuệ là để bảo hộ không, dùng phương tiện thiện xảo để bảo hộ chúng sinh, đem lòng Từ bi vô cực để chỉ dạy mọi người. Do đó mà đạt được Nê-hoàn.

Âm thanh hỏi:

–Vì không có sinh nên không có sở hữu. Vậy tất cả các pháp do đâu biết được vi diệu của sinh tử?

Bồ-tát trả lời:

–Vì không có chỗ sinh nên không có sở hữu, cho nên tuệ diệt. Nhờ

dùng phương tiện thiện xảo vi diệu nên biết có sinh tử.

Âm thanh hỏi:

–Sao gọi là quyết định? Sao gọi là trở lại? Làm sao để được nhẫn? Làm sao không còn nghi ngờ?

Bồ-tát trả lời:

–Trụ bình đẳng là quyết định. Đã nhập pháp thân thì không trở lại. Đã được pháp Nhẫn vô sinh nên không còn nghi ngờ.

Âm thanh hỏi:

–Sao gọi là cây Phật? Sao gọi là tướng Bồ-tát? Vì sao Phật gọi là Phật? Sao gọi là Tát-đát-a-kiệt?

Bồ-tát trả lời:

–Cây Phật như bầu trời bao trùm tất cả. Tu tập các pháp là tướng Bồ-tát, cho nên gọi là Phật. Do trí tuệ nên tâm không mong cầu, thân cũng vậy, nên gọi là Như Lai.

-oOo-

KINH THUẦN-CHÂN-ĐÀ-LA SỞ VẤN NHƯ LAI TAM-MUỘI

QUYỂN HẠ

Khi nghe pháp này, các con của Thuần-chân-đà-la được Hoan hỷ tín nhẫn. Mọi người đều cởi các thứ châu báu đeo nơi thân dâng lên cúng dường Đức Phật rồi cùng nhau nói:

–Chúng ta nhờ đem tất cả tài vật cúng dường Phật nên nay được nghe pháp.

Tất cả bạch Phật:

–Thật kỳ lạ thay! Những âm thanh của các kỹ nhạc đã hỏi như vậy, các hóa Bồ-tát đều giải nghi các vấn nạn ấy. Trong chúng hội không ai còn nghi ngờ gì cả. Chúng con đã xóa tan vô số tăm tối, lại được sáng suốt. Vậy ai đã làm cho các âm thanh kỹ nhạc có những vấn nạn và các hóa Bồ-tát đều giải nghi cho chúng?

Phật dạy:

–Đó là do Như Lai làm ra. Ta làm hư không có các âm thanh còn có thể được, huống chi kỹ nhạc, cây Phật. Cho nên việc làm của Như Lai không thể tính kể.

Các con của Thuần-chân-đà-la thưa:

–Chúng con muốn tất cả mọi người đều giống như Như Lai.

Tám vạn bốn ngàn phu nhân của Thuần-chân-đà-la đều đem châu ngọc trời dâng cúng Đức Phật. Những châu ngọc ấy được rải phía trên đỉnh đầu Đức Phật và chúng hóa thành tám vạn bốn ngàn tấm trướng xen nhau. Ở giữa có giường bằng ngọc báu và có tua rèm bằng lụa trời. Giữa các tấm trướng có Đức Phật an tọa đầy đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp.

Thấy sự biến hóa ấy, tám vạn bốn ngàn phu nhân rất vui mừng và đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Với lòng vui mừng vô bờ bến, tất cả đồng thanh khen ngợi Như Lai:

–Ngài là Bậc tự mình thanh tịnh và làm thanh tịnh người khác, tự trừ

khử sạch sẽ không còn cấu bẩn, không còn chấp trước, không ô nhiễm; ánh sáng rất đẹp, mắt như hoa Ưu-bát.

Nay xin tự quay về với Bậc sáng suốt như ánh trăng rằm. Niềm vui mừng lớn không gì bằng thấy Phật. Phật đã dùng phương tiện làm cho chúng sinh đoạn trừ phiền não, nghĩa là ai nghe lời nói của Ngài cũng đều vui vẻ, ưa thích nơi thanh vắng, dùng các châu báu họp lại làm kho cất giữ Pháp bảo.

Nay xin tự quay về với Bậc vượt qua tất cả mọi nơi, như vượt biển đến bờ bên kia, đánh bại ngoại đạo, thu phục các tà kiến, trong sạch hơn hoa sen, lấy không để giáo hóa, lấy sự thật để hướng dẫn.

Nay xin tự quay về với Bậc hoan hỷ, vượt qua bốn hang sâu, lấy Tứ đế để chỉ dạy mọi người, làm con mắt dẫn đường đi trong thế gian, dưới bàn chân có bánh xe ngàn căm tốt đẹp.

Nay tự quay về với Bậc có âm thanh vui vẻ, thân cao hơn người, giảng nói chánh pháp cho chúng sinh. Phật không ai sánh bằng.

Nay tự quay về với Bậc đầy đủ mười Lực, đoạn trừ tham dục; được không vui, mất không buồn; làm người khai sáng cho kẻ mù ở thế gian. Ví như ngọn đuốc sáng trong chỗ tối tăm, đã kềm chế tâm, đạt được mười Lực, bố thí, tự mình an vui, thân thanh tịnh và giải thoát.

Nay tự quay về với Bậc không ai sánh bằng. Thân tướng Ngài rất thù thắng, trong tất cả loài người không ai bằng. Vì chúng sinh, Ngài thị hiện làm cho tất cả đều đạt được bản thể của mình, lấy nhẫn và từ để tự vui.

Nay tự quay về với Bậc được tôn quý, cung kính, như người lái thuyền vượt qua tất cả mọi nơi. Phật là Đấng Chí Tôn, thiêu đốt ba độc, phá tan những tăm tối. Tất cả kẻ ngu si đều nhờ ân đức của Ngài, ai nấy đều đến cúng dường.

Nay tự quay về với Bậc tịch tĩnh đã diệt tận các ác. Ánh sáng của Ngài xa bảy thước, màu vàng ròng. Âm thanh rất to nhưng trong trẻo, làm người đứng đầu trong loài người nên gọi là tôn quý.

Nay tự quay về với Bậc làm nền tảng cho chúng sinh. Ngài đã phá trừ những tánh cao ngạo và các ngu si, cứu độ chúng sinh, tự giữ mình đúng với đạo, làm người dẫn đường cho chúng sinh. Lời nói chắc chắn hoàn toàn chân thật.

Nay tự quay về với Bậc làm ánh sáng chiếu khắp nơi tăm tối. Chúng sinh phụng sự Ngài rất thành kính, tiếng tăm vang khắp, tất cả đều nghe pháp. Lời nói của Ngài đúng như pháp, người nghe đều hiểu rõ.

Nay tự quay về với Bậc hoan hỷ, đã an trụ vào cảnh giới của mình, chiến thắng tâm tự cao, sử dụng mà không vướng mắc, nên biết rất chí tôn.

Nay tự quay về với Bậc thoát khỏi những ham muốn của con người. Âm thanh của Ngài rất hay, nghe như tiếng Phạm thiên, biết rõ tội phước, diệt trừ tâm cấu bẩn cho chúng sinh, hiểu biết năm uẩn, làm việc rất cẩn thận, chú trọng, không ai sánh bằng.

Nay tự quay về với Bậc dứt sạch các cấu bẩn. Tâm Ngài bình đẳng, luôn ủng hộ chúng sinh, làm chủ tâm mình. Sự hiểu biết của Ngài thông hiểu tất cả mọi vấn đề, an trụ vào đạo, việc làm chân chánh, chỉ dạy rất vững chắc, ai nấy được giải thoát.

Nay tự quay về với Bậc biết thời cơ để chỉ dạy người. Đức của Ngài hiền dịu, nghe âm thanh của Ngài ai cũng hiểu rõ ràng. Dù chúng ma nhiều đến đâu, cũng không thể chiến thắng được, đã vượt qua tất cả những tự cao.

Nay tự quay về với Bậc đã trừ sạch các điều ác. Những người lân cận, ai nấy đều tu theo lời dạy bảo và cung kính đến cúng dường. Đức Phật rất khó gặp, có trí tuệ vi diệu, mọi người đến thăm hỏi, ai nấy rất hoan hỷ.

Nay tự quay về với Bậc có đức độ không ai bằng. Với năng lực, tâm Ngài hiểu rõ tất cả. Dù đẹp hay xấu, tâm Ngài đều bình đẳng, đã trụ vào cảnh giới của mình một cách kiên cố, không ai có thể lay động được.

Nay tự quay về với Bậc nắm giữ các lực. Kẽ tay, chân của Ngài có màng lưới mỏng; dưới bàn chân có nổi dấu bánh xe. Đã thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, là bậc thù thắng tất cả.

Nay tự quay về với Bậc có phước đức như bầu trời bao trùm tất cả mọi nơi.

Sau khi khen ngợi Như Lai xong, các phu nhân của Thuần-chân-đà-la thưa Phật:

–Mặc dù phát tâm Vô thượng Bồ-đề rất khó, vậy người nữ làm sao để tự đạt được Vô thượng Bồ-đề?

Phật dạy:

–Nhờ một việc để xa lìa thân nữ, mau được thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Một việc đó là gì? Nghĩa là nhờ phát tâm đạt Nhất thiết trí, tạo vô lượng công đức không sai lầm. Đó là một việc.

Lại có hai việc thân nữ mau thành thân nam để tự đạt được Vô thượng Bồ-đề. Hai việc đó là gì?

1. Lời nói đi đôi với việc làm, không tôn thờ chư Thiên.

2. Chỉ quy y Phật, việc làm chân chánh, không tin theo tà đạo.

Đó là hai việc.

Lại có ba việc thân nữ mau thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Ba việc đó là gì?

1. Giữ gìn ba nghiệp thuộc thân.

2. Giữ gìn bốn nghiệp thuộc miệng.

3. Giữ gìn ba nghiệp thuộc ý.

Đó là ba việc.

Lại có bốn việc thân nữ mau thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Bốn việc đó là gì?

1. Bố thí không dua nịnh.

2. Giữ giới không dua nịnh.

3. Thường tự bảo hộ không dua nịnh.

4. Được nghe pháp không dua nịnh.

Đó bốn là việc.

Lại có năm việc thân nữ mau thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Năm việc đó là gì?

1. Sống với chánh pháp.

2. Việc làm đúng với pháp.

3. Không thích thân nữ.

4. Nghe pháp rất chuyên chú.

5. Luôn nghĩ mình là thân nam.

Đó là năm việc.

Lại có sáu việc thân nữ mau thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Sáu việc đó là gì?

1. Không biếng nhác.

2. Làm việc gì đều không quên.

3. Tâm nhu hòa.

4. Chất phác, thật thà, không dua nịnh.

5. Không phóng túng.

6. Chí thành tha thiết trong việc làm.

Đó sáu là việc.

Lại có bảy việc thân nữ mau được làm thân nam để tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Bảy việc đó là gì?

1. Luôn nghĩ nhớ đến Phật để được Pháp thân.

2. Luôn nghĩ nhớ đến Pháp để được trí tuệ của Phật.

3. Luôn nghĩ nhớ đến Tăng vì muốn dự vào Tăng số.

4. Luôn nghĩ đến giới vì muốn chỗ mong cầu được thanh tịnh.

5. Luôn nghĩ đến bố thí để khử trừ cấu bẩn phiền não.

6. Luôn nghĩ đến chư Thiên vì muốn tâm như Bồ-tát.

7. Luôn nhớ nghĩ loài người vì muốn họ độ thoát sinh tử.

Đó là bảy việc.

Lại có tám việc thân nữ mau thành thân nam để tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Tám việc đó là gì?

1. Không lấy việc ăn uống để tự vui.

2. Không lấy bông hoa để tự vui.

3. Không dùng hương thơm.

4. Không dùng những màu sắc sặc sỡ.

5. Không đến nhà người để trò chuyện.

6. Không ca hát để mua vui.

7. Không ca múa.

8. (*)

Đó là tám việc.

Lại có chín việc thân nữ mau thành thân nam để tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Chín việc đó là gì?

1. Không chấp đoạn.

2. Không chấp thường.

3. Không nghĩ có ngã.

4. Không nghĩ có nhân.

5. Không nghĩ có thọ.

6. Không nghĩ có mạng.

7. Không nghĩ có chỗ sinh.

8. Không nghĩ không có chỗ sinh.

9. Tin nhân duyên.

Đó là chín việc.

Lại có mười việc thân nữ mau thành thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề. Mười việc đó là gì?

---

* *Bản Hán thiếu.*

1. Thương yêu chúng sinh.

2. Không tham cầu lợi tất cả vật.

3. Không nghĩ đến người đàn ông khác. Trọn đời không dối gạt mọi người.

4. Không nói lời hai lưỡi, không nhục mạ.

5. Không nói dối.

6. Không ca hát, kỹ nhạc.

7. Tâm không lấy đó làm vui.

8. Không vọng niệm.

9. Không giữ lòng oán hận.

10. Không hiểu biết bằng phước tội của tà đạo.

Đó là mười việc.

Người nữ có thể làm thân nam để mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Khi người nữ có tâm thí, có tâm pháp, thấy các sắc giống như đống bọt nước; với sắc không tự cao; dù vui hay khổ đều thấy như bong bóng nước trong mưa. Nếu được vui không ham thích, còn bị khổ đau thì không ghét hận. Với an ổn không mừng, với đau khổ không buồn, quán tưởng như sóng nắng. Tâm ấy không thuộc người nam, không thuộc người nữ mà là tất cả.

Sinh tử giống như cây chuối. Nếu biết sinh tử là không thì có thể ở trong sinh tử, mà không niệm hữu, không niệm vô. Thức ví như huyễn, quán tâm ý như hóa. Nếu huyễn thì không có gì khác, không vướng mắc vào các pháp, biết tất cả bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong.

Nếu làm nhà phải nhờ ba việc mới thành tựu, đó là: có cỏ, có đất và có cây. Con người cũng vậy, không phải ngã, không phải ngã sở, không phải mạng tạo ra, việc làm không bị chướng ngại. Đó là con mắt vốn thấy một cách tự nhiên. Mắt như bong bóng nước, chỉ nương vào thịt nhưng bên trong nó rỗng không, vốn nó rỗng không nhưng thanh tịnh. Tai, mũi, miệng, thân, ý cũng vậy.

Quán thân như bóng ảnh, quán âm thanh như tiếng vang, biết tâm như huyễn. Ai biết như vậy thì mau lìa thân nữ, được làm thân nam, tự đạt đến Vô thượng Bồ-đề.

Sau khi Đức Phật dạy như vậy, các phu nhân rất vui mừng và lạy sát chân Phật. Khi ấy, Phật mỉm cười, từ trong miệng Ngài phóng ra ánh sáng với vô lượng màu sắc chiếu khắp mười phương, rồi thu lại bao quanh thân Ngài ba vòng và nhập vào đỉnh đầu.

Tôn giả A-nan đứng dậy, sửa pháp phục, quỳ thẳng khen ngợi Phật:

–Sắc diện Ngài sáng như trăng rằm, rất thù thắng. Màu ánh sáng như vàng trong lửa. Nay Ngài mỉm cười là nguyên nhân gì? Con muốn được nghe. Đây là điều con muốn thưa hỏi.

Thâu nhiếp các trí tuệ thù thắng làm nền tảng cho tất cả chúng sinh. Nhân địa của Ngài, ai cũng cung kính. Ngài mỉm cười, chắc có điều chi hoan hỷ? Đây là điều con muốn thưa hỏi.

Lấy pháp thí để tự vui, với giới thanh tịnh, sức nhẫn nhục. Nay Ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Tinh tấn thì năng lực của căn được thành tựu, lấy việc thiền định để tự vui, trí tuệ như bầu trời che trùm tất cả. Nay Ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Luôn luôn có lòng Từ bi, yêu thương che chở cho họ, bình đẳng như nhau, không thiên vị. Nay Ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Đã đoạn trừ ba độc nên chứng tam nhãn, pháp nói ra như cam lồ. Nay Ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Thu phục quân ma, đuổi các ngoại đạo, chỉ dạy bằng bốn Đế. Nay ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Bằng mười Lực, Thế Tôn quyết đoán các nghi ngờ. Đức ấy vô lượng. Nay ngài mỉm cười là sự việc gì? Đây là điều con muốn hỏi.

Đức Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Ông có thấy các phu nhân cùng quyến thuộc của Thuần-chân-đà-la đang đảnh lễ Ta không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Các phu nhân nhờ sự hoan hỷ đảnh lễ ta và tự phát tâm chứa nhóm các công đức. Sau khi qua đời, thân nữ sẽ được làm thân nam, sinh vào cõi trời Đâu-suất, gặp đức Di-lặc đang giảng nói các việc làm của Bồ-tát, sẽ cúng dường Phật Di-lặc. Qua vô số kiếp sẽ thành Phật. Chúng sinh đều đến cúng dường. Ở trong kiếp ấy, từ từ sẽ thành Bồ-tát đạo. Thuần-chân-đà-la được thành Phật, còn các phu nhân sẽ sinh vào cõi Phật ấy và hành đạo Bồ-tát.

Thuần-chân-đà-la bạch Phật:

–Chúng con sẽ thực hành giống như Đức Phật. Sinh tử đã đoạn tận, chỉ trụ vào cõi người và cõi trời. Đã trụ vào Phật đạo, đầy đủ pháp tạng, trụ

vào tuệ địa, trụ vào công đức, hiện quán Đế đạo, đã dùng phương tiện thiện xảo, đã xây dựng tâm Bồ-tát, giảng nói các pháp rõ ràng.

Theo lời nói, ai nấy đều hoan hỷ. Khi nghe pháp, chúng hội và các Bồ-tát đều nghĩ: "Thuần-chân-đà-la lâu xa về sau sẽ thành Phật, hiệu là gì? Cõi ấy có chúng Bồ-tát cùng sự hành hóa như thế nào?"

Biết tâm niệm của các Bồ-tát, Đức Phật gọi Tôn giả A-nan, dạy:

–Qua bảy vạn bốn ngàn tám trăm kiếp về sau, vua Thuần-chân-đà-la sẽ được thành Phật, hiệu là Quần-ma-la-da-ba-phi-sa (Hán dịch là Đức Vương Minh). Cõi ấy tên Chiên-đà-duy-ma-la (Hán dịch Nguyệt minh), kiếp tên La-đa-na-tam-phi (Hán dịch Bảo đẳng hữu), đất bằng phẳng, trong suốt như lưu ly. Ánh sáng của đất ấy giống như mặt trời và đất rất sạch sẽ, không có bụi dơ. Hư không có những tấm trướng xen nhau, đều bằng các châu báu và có chư Bồ-tát ngồi trong đó.

Trên đường đi, thấy Phật các Bồ-tát nghĩ: "Đúng với những gì ta đã thấy. Đức Phật sẽ khai giải những điều nghi ngờ của các hóa Bồ-tát, làm cho các vị ấy đều sẽ đắc pháp Nhẫn vô sinh."

Khi ấy, quốc độ không có thành quách, xóm làng, huyện ấp của vua. Tất cả mọi người đều ở trong những tấm trướng xen nhau, không thấy có người nữ, không nghe tiếng người nữ. Ai vãng sinh về đó đều được ngồi tòa Sư tử trong hoa sen. Chúng Bồ-tát vui với thiền định, ăn bằng pháp lạc, không có đạo khác, không nghe tiếng đạo khác, chỉ có Bồ-tát là hàng Đại thừa, không có tà đạo, không có người không tin Phật, cũng không có chúng ma, không có dân ma, không có người cầu, không có người khổ. Vì đó là kho tàng quý báu, lấy dấu ấn "không" để niêm phong.

Ở đó nghe chư Thiên và người bình đẳng giống như nhau, đều chỉ là danh từ. Phật ấy sống mười tiểu kiếp, có vô lượng chúng Bồ-tát làm Tăng và đã được thiền định chẳng thể nghĩ bàn. Khi Đức Phật ấy sắp Niết-bàn, trước tiên sẽ thọ ký cho Bồ-tát. Bồ-tát tên Âu-đa-duy-thọ, sau được làm Phật hiệu Ma-ha-duy-thọ (Hán dịch là Đại Nghiêm). Kiếp tên La-đa-na-tam-phi, vì đối với Phật, Pháp, Tăng không bao giờ đoạn tận cho nên gọi là La-đa-na-tam-phi.

Ở trước Phật, Thuần-chân-đà-la được thọ ký, ông ta rất vui mừng sung sướng và bay lên khỏi mặt đất cách một trăm bốn mươi trượng, làm cho tất cả chúng hội rất hoan hỷ. Với công đức của mình và nhờ oai thần của Phật, Thuần-chân-đà-la ca ngợi:

–Các pháp vốn thanh tịnh như hư không, tự nhiên không có. Vì tự nhiên nên không cấu bẩn. Ai biết như vậy là trưởng tử của Phật.

Như cảnh thấy trong mộng, không thể có thật, nên không thể cầm giữ, vì nó như hư không. Ai biết các pháp như mộng thì không còn cho sinh tử là đau khổ. Như những gì nhà ảo thuật hóa hiện, trong đó không có sở đắc. Năm ấm như huyễn thì sắc như bọt nước, thọ như bong bóng trong nước, tưởng như sóng nắng, như cây chuối, không có sở đắc, sinh tử không thể đắc. Những gì mà tâm ý biết được chỉ có danh từ mà thôi.

Phật dạy:

–Nếu như huyễn thì biết năm ấm vốn như hư không, đối với sinh tử không cho là khổ, vì bốn đại bình đẳng như nhau, xem như rắn độc; sáu trần như đồng trống, giữ gìn đúng pháp là nhờ oai thần của Phật.

Những gì cất giấu, lấy đem bố thí cho người, làm như vậy thì được an vui. Nếu đã thanh tịnh thì đó là giới. Vọng tưởng đã được đoạn tận, đó là nhẫn nhục. Tự chế phục tâm mình để tịch tĩnh là tinh tấn. Chú tâm trong việc làm, không thay đổi, đó là thiền. Sở duyên không bị chướng ngại, đó là tuệ. Thọ trì môn học này là Ba-la-mật.

Không ngã, không nhân là Từ bình đẳng. Thanh tịnh đó là Bi. Tịch tĩnh là Hỷ, Xả.

Ai làm được hạnh ấy thì được sinh lên cõi trời Phạm thiên.

Lấy bốn sự để bố thí, chịu nhẫn như Phật, không giận dữ, tham lam; đã vượt qua, không có sở hữu, không có ngã, thọ mạng cũng vậy. Biết sáu trần là không nên đều tịch tĩnh. Ai biết như vậy, đó là Bồ-tát.

Bồ-tát thì không mong cầu, không tưởng, hữu nhân vô nhân, không tưởng hữu ngã, vô ngã. Vì không có hai tâm nên không chấp trước. Vì pháp không có sở hữu nên không có chỗ nương tựa. Nếu đi thì không có chỗ đến, còn đến thì không từ đâu, trụ vào Pháp thân không bị chướng ngại.

Chân như và Phật đồng đẳng, không có, cũng không không. Do nhân duyên hợp lại mà có, ví như sấm chớp hiện lên thì diệt ngay, tâm cũng như vậy, đi trong sinh tử mà tâm không thể nào thấy được.

Tâm như gió, không bị vướng mắc.

Tâm vốn thanh tịnh, đã biết tâm vốn thanh tịnh thì ở trong sinh tử không bị ô nhiễm. Như tường vách nhờ có đất cỏ hợp lại mà thành, còn thân ấy vô tri. Ví như sự yên lặng của gỗ đá. Với thân không thể mong cầu vì nó như gió, không thể đắc, âm thanh cũng vậy.

Nếu trong núi có tiếng vang của kỹ nhạc thì biết tiếng ấy cũng tịnh lặng, không ham muốn tiếng vang ấy. Như hư không, không rớt xuống vì không có chỗ trụ, không có xứ sở, biết rõ các pháp như hư không, không

có chỗ trụ, không có chỗ dừng. Ai biết như vậy là đã trụ bình đẳng.

Nếu có lửa dữ cũng không thể đốt cháy hư không. Vậy, biết các pháp thanh tịnh cũng như hư không. Nếu có lửa dữ ở các cõi khác đến đốt thì cũng không thể nào làm hại được. Vậy, biết các pháp ấy không bị núi Tu-di, núi Già-ca-hòa làm chướng ngại. Ai biết như vậy thì có thể đi khắp các cõi.

Vậy, bốn đại: địa, thủy, hỏa, phong đều bình đẳng, vì như hư không. Ai biết như vậy thì có thể đi đến ức ức cõi.

Ở trong ba cõi nhưng vẫn có âm thanh thượng, trung, hạ.

Ở trong trăm ức kiếp cũng có âm thanh, nó không cùng tận, vì nó vốn tự nhiên.

Sắc-tâm của Phật bình đẳng như nhau và rất vi diệu vì thanh tịnh. Chư Phật bình đẳng như nhau, Bồ-tát tu hành tích chứa vô số công đức, do biết tâm thiện và các pháp đều bình đẳng, sau đó liền được thọ ký.

Bồ-tát là nơi cảnh giới của mình với pháp thân rất thanh tịnh. Ai biết như vậy, sau mới được thọ ký.

Không tưởng sắc, không tưởng với tưởng, cũng không tưởng thọ, tưởng, sinh tử, thức; vì nhờ pháp mà được thọ ký, chứ chẳng phải thọ ký bằng năm ấm bốn đại; cho nên hư không đều bình đẳng như nhau. Ai biết như vậy là đắc pháp Nhẫn vô sinh, sau đó mới được thọ ký.

Tận là không thể tự biết, bất tận là không thể tự biết tận. Ai hướng đến tận là đắc các pháp nhẫn, sau đó mới được thọ ký.

Vô tưởng là đi thẳng đến đạo chân chánh, hữu tưởng là đi vào tà đạo, không chấp trước vào các pháp, đã vượt qua ba đời. Ai biết được như vậy thì được thọ ký.

Tự biết ngã là tự nhiên, các pháp đều tự nhiên, vô ngã cũng lại tự nhiên, hư không cũng tự nhiên. Hư không là tự nhiên vì không sở hữu. Biết ba cái tâm bình đẳng như hư không, cho nên gọi là hư không. Người biết thọ ký thì không nên cho là biết, vì có tâm mong cầu. Người không có tâm, không có ý về thọ ký, đó là được thọ ký.

Thuần-chân-đà-la nói:

–Nếu bình đẳng, các chúng hội đứng trên mặt đất, còn tôi thì ở trên hư không. Vậy biết rằng trên đất và hư không tâm đều bình đẳng, hành khắp ba đời mà không vướng mắc.

Khen ngợi như vậy xong, Thuần-chân-đà-la từ hư không hạ xuống, đến trước Phật thưa:

–Đức Phật vì con nên hiện ra nơi đời. Ngài đã nói rõ cho con từ vô số a-tăng-kỳ kiếp, con nguyện hành đạo Bồ-tát, không làm mất các công đức. Hôm nay con muốn được nghe điều đó.

Khi ấy, các Bồ-tát trong hội đều nghĩ: "Thuần-chân-đà-la quá khứ đã phát tâm với Đức Phật nào?" Biết tâm niệm của các Bồ-tát, muốn giải nghi nên Đức Phật nói với Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Trải qua vô số a-tăng-kỳ kiếp, không thể tính đếm, về đời quá khứ xa xưa có Đức Phật hiệu La-đà-na-kỳ-đầu (Hán dịch: Bảo Anh), cõi ấy tên Thủ-ha (Hán dịch: Tịnh mạo), kiếp tên Ba-la-lâm (Hán dịch: Thanh tịnh mạo). Như Lai ấy có mười hai ức Bồ-tát rất tinh tấn và đắc pháp Nhẫn, đều là Nhất thiết trí. Phật ấy thọ sáu mươi ức năm. Cõi ấy trang nghiêm, bằng phẳng, đất bằng lưu ly, không trồng lúa gạo. Nếu có đói hay khát thì tự nhiên có thức ăn uống hiện ra trước mặt. Cõi ấy không có đạo nào khác, tất cả đều là hàng Đại thừa. Thuở ấy có Chuyển luân vương tên Ni-di-đà-la cai trị bốn thiên hạ. Vua Chuyển luân ấy cúng dường Đức Phật và sáu mươi ức Bồ-tát cả mười ức vạn năm. Vua đã tạo ra vô số công đức, có tám vạn bốn ngàn phu nhân, một ngàn người con và tám vạn bốn ngàn bề tôi của ma đều phát tâm cầu đạt đạo quả Vô thượng Bồ-đề, và cũng phát tâm cúng dường Phật ức vạn năm. Sau đó vua nhường ngôi lại cho Thái tử tên Hòa-đà-ba-lợi-lâm, rồi làm Sa-môn. Thái tử ấy lên làm vua cũng cúng dường Phật giống như đã nói ở trước. Sau đó, thái tử lập con mình lên làm vua và cũng từ bỏ để làm Sa-môn. Như vậy, họ lần lượt truyền ngôi cho nhau như trước, cho đến Phật hết tuổi thọ. Sau khi Phật Bát-niết-bàn, vị vua cuối cùng giữ gìn chánh pháp.

Phật dạy Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Ông biết vua Chuyển luân Ni-di-đà-la thuở ấy là ai không? Chính là Thuần-chân-đà-la đó.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa:

–Lành thay, lành thay! Từ lâu xa không thể nghĩ bàn, vậy mà trí tuệ của Phật vẫn còn nhớ rõ, nói ra như thế.

Phật dạy:

–Trí tuệ ấy chưa đủ để nói đâu. Vì sao? Vì còn biết về chốn hành hóa của tâm ở quá khứ, vị lai và hiện tại có nhân hay không có nhân, có công đức hay không có công đức, nên trí tuệ của Như Lai không có chướng ngại.

Khi Đức Phật nói đến không chướng ngại thì có tám vạn bốn ngàn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Sau khi Thuần-chân-đà-la cùng quyến thuộc cúng dường Phật bảy

ngày xong, ông ta đem tất cả những thứ hiện có của đất nước dâng cúng làm sở hữu của Như Lai và luôn luôn mời thỉnh Thế Tôn đến đây sử dụng vì lòng Từ bi yêu thương tất cả.

Thái tử của Thuần-chân-đà-la tên Di-ma-la-niết lấy chuỗi hạt châu ma-ni dâng cúng dường Phật và thưa:

–Thuần-chân-đà-la con rất thích kỹ nhạc. Cúi xin Như Lai chỉ dạy cho con phương pháp dứt bỏ tâm ham muốn kỹ nhạc ấy.

Phật dạy:

–Từ nay trở đi, ta sẽ ủng hộ ông. Khi có âm thanh kỹ nhạc sẽ làm cho nghe về sáu mươi bốn tiếng pháp để hướng đến đạo. Sáu mươi bốn pháp đó là gì? Chỉ nghe tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng không, tiếng vô ngã, tiếng tịch tĩnh, tiếng thanh tịnh, tiếng không sinh tử, tiếng bản tịnh, tiếng không từ đâu sinh, tiếng đúng với bốn thể của nó, tiếng bản tế, tiếng bản vô, tiếng Pháp thân, tiếng Như Lai, tiếng không có người, tiếng không có thọ, tiếng không có mạng, tiếng không đến, tiếng không có vị lai, tiếng không có quá khứ, tiếng không có hiện tại, tiếng không có xứ sở, tiếng vô sở đắc, tiếng không gì cao hơn, tiếng Bố thí, tiếng Giới thanh tịnh, tiếng Nhẫn nhục, tiếng Tinh tấn, tiếng Nhất tâm, tiếng Trí tuệ, tiếng Từ, tiếng Bi, tiếng Hộ, tiếng bình đẳng, tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng không quên Bồ-tát, tiếng Ý chỉ, tiếng Ý đoạn, tiếng Thần Túc, tiếng Căn, tiếng Lực, tiếng Giác ý, tiếng vào Đạo, tiếng vọng lại, tiếng quán, tiếng phương tiện thiện xảo, tiếng đem tứ sự bố thí, tiếng dạy chúng sinh, tiếng hộ trì chánh pháp, tiếng thu phục quân ma, tiếng huyễn, tiếng như thấy trong mộng, tiếng ánh sáng như mặt trời, tiếng vọng lại, tiếng như bong bóng trong nước, tiếng Pháp thân không hoại, tiếng mười Lực, tiếng bốn Vô sở úy, tiếng mười tám pháp Bất cộng, tiếng Vô thượng Bồ-đề, tiếng Nhất thiết trí, tiếng trang nghiêm quốc độ.

Đó là sáu mươi bốn thứ tiếng. Nếu là tiếng của kỹ nhạc thì Phật dùng oai thần làm cho nghe thành tiếng pháp. Ai đã thể nhập vào điều này thì đạt được ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Khi ấy, trong chúng hội ai nấy rất vui mừng, lạy sát đất và thưa:

–Bồ-tát là bậc rất tôn quý, là người đã trụ vào pháp và được Phật ủng hộ.

Phật dạy:

–Đúng như các vị đã nói. Bồ-tát đã trụ vào pháp thì đều được Phật ủng hộ. Vì sao? Vì ủng hộ Bồ-tát là ủng hộ tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì Bồ-tát phát tâm vì tất cả chúng sinh, nên gọi là lời thệ nguyện ủng hộ kẻ

ngu si tăm tối, thoát khỏi sinh tử để đạt đến Nê-hoàn.

Phật dạy:

–Ai biết ủng hộ Bồ-tát là người đã ủng hộ tất cả chúng sinh, đem những vật sở hữu, y, bát... cúng dường Bồ-tát hay bố thí cho mọi người. Vì sao? Vì Bồ-tát nhờ hơi thở vô ra mà được sống. Như con người nhờ có hơi thở ra vào mà được sống an ổn đầy đủ, vì muốn làm lợi ích cho tất cả.

Khi ấy, tất cả chúng hội: Thiên tử cõi Dục, Thiên tử cõi Sắc, tiên tử cõi thanh tịnh, Chân-đà-la, Kiền-đà-la, Ma-hưu-lặc... đều khen ngợi, phấn chấn làm theo lời Phật dạy. Tất cả đem các loại hoa rải cúng dường Phật.

Thuần-chân-đà-la suy nghĩ: "Từ các Tỳ-kheo, Bồ-tát lên đến Phật đều sắp trở về."

Thuần-chân-đà-la dùng Thần túc trở lại làm xe hoa ngang dài ba trăm dặm bằng các ngọc báu, dùng vô số châu báu làm cây. Ông ta làm tòa Sư tử cao bốn trượng bảy thước cho Như Lai, lấy lụa trời vô số màu sắc, có viền rèm trải trên các tòa. Các Tỳ-kheo và Bồ-tát cùng đến ngồi. Còn các Đế Thích, bốn đại Thiên vương thì làm tòa như tòa ở cõi trời.

Làm đâu đó xong, Thuần-chân-đà-la bạch Phật:

–Xin Ngài từ bi đến an tọa.

Đức Phật và các Tỳ-kheo cùng các Bồ-tát đều đến ngồi xe của Thuần-chân-đà-la. Khi ấy, nhờ Thần túc của Thuần-chân-đà-la, chiếc xe rời khỏi cách mặt đất một trăm bốn mươi trượng. Xe ấy bay trên hư không, có tám ngàn Thiên tử, các Thuần-chân-đà-la, Kiền-đà-la đi theo. Thuần-chân-đà-la lấy vàng làm dây rồi cùng quyến thuộc đi trước, kéo xe đến đạo tràng.

Đức Phật phóng ánh sáng chiếu thấu tam thiên đại thiên thế giới. Vua A-xà-thế cùng quần thần, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thấy ánh sáng nên biết Đức Phật sắp đến. Tất cả đem lọng lụa, cờ, hoa, hương ra khỏi thành La-duyệt để nghênh đón. Tám vạn bốn ngàn kỹ nhạc của Thuần-chân-đà-la vừa đi vừa ca hát, đánh đàn, nghe âm thanh ấy đi trước. Con và quyến thuộc của Thuần-chân-đà-la kéo xe đưa Phật đã đến núi Kỳ-xà-quật. Đức Phật xuống xe và đến chỗ ngồi, còn các Tỳ-kheo, Bồ-tát đều đứng phía trước.

Vua A-xà-thế, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tất cả các vị tôn quý và các vua nhỏ của vua A-xà-thế đem lọng lụa, hương hoa đến cúng dường và lạy Phật rồi thưa:

–Bạch Như Lai! Bồ-tát Đề-vô-ly hỏi Phật: Thuần-chân-đà-la cùng quyến thuộc đem xe đón Phật đến đây. Vậy họ được công đức gì?

Phật dạy:

–Thuần-chân-đà-la cùng quyến thuộc đều phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Nhờ công đức này mà chứng đắc năm thiền chi, cho đến thành Phật vẫn không mất. Đi từ cõi này đến cõi khác cúng dường chư Phật. Ai nghe pháp ấy cũng cúng dường, gần gũi các Tỳ-kheo Tăng và đều biết kiếp trước. Tất cả sẽ thành tựu với lòng đại Bi vô cực, sẽ hộ trì chánh pháp, sẽ giáo hóa chúng sinh.

Vua A-xà-thế nói với Thuần-chân-đà-la:

–Lành thay! Nhân giả được Phật khen ngợi.

Vua A-xà-thế nói tiếp:

–Công đức do Nhân giả tạo ra, xin hãy chia cho tôi một ít để tôi được công đức ấy.

Thuần-chân-đà-la trả lời:

–Nếu vua đồng ý nhận giữ công đức ấy thì tôi sẽ cùng chia cho tất cả. Vì sao? Vì công đức của Bồ-tát tạo ra đều vì chúng sinh nên không ham muốn. Hơn nữa, những công đức tạo ra đó không nghĩ do riêng mình làm. Tất cả chúng sinh cho rằng việc làm của Bồ-tát là vì tất cả nên được sự cứu giúp. Vì sao? Vì Bồ-tát là nhân duyên của tất cả chúng sinh, nhờ sự tu tập nên làm lợi ích cho mọi người.

Thuần-chân-đà-la nói với A-xà-thế:

–Lành thay! Nhân giả đã có hai vị Thiện tri thức. Hai vị đó là Đức Phật và Văn-thù-sư-lợi. Nhờ ân đức này mà được giải trừ tất cả việc làm phi pháp và các điều nghi ngờ.

Vua A-xà-thế nói:

–Hành vi của Bồ-tát rất hoàn hảo, lấy tâm làm pháp khí. Ai nghe pháp này sẽ không còn hồ nghi, không nhớ, cũng không quên.

Bồ-tát Đề-vô-ly thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao nói rằng Bồ-tát có thể làm pháp khí?

Phật dạy:

–Lấy ba mươi hai việc làm pháp khí. Ba mươi hai việc ấy là gì?

1. Bồ-tát trụ yên ổn được Phật hộ trì. Đó là pháp khí.

2. Không dua nịnh, lời nói chắc thật không hai, tin có công đức. Đó là pháp khí.

3. Tu tập hạnh Bồ-tát. Đó là pháp khí.

4. Nghe rồi suy nghĩ. Đó là pháp khí.

5. Thâm nhập vào tâm, từ từ đạt được đạo. Đó là pháp khí.

6. Biết rõ các căn bản. Đó là pháp khí.

7. Bố thí được giàu sang. Đó là pháp khí.

8. Giới thể thanh tịnh, thệ nguyện viên mãn. Đó là pháp khí.

9. Nhẫn nhục được ba mươi hai tướng tốt. Đó là pháp khí.

10. Tinh tấn đối với tất cả pháp của chư Phật. Đó là pháp khí.

11. Nhất tâm điều trị bệnh của mình. Đó là pháp khí.

12. Trí tuệ không chướng ngại. Đó là pháp khí.

13. Từ là bình đẳng với mọi người. Đó là pháp khí.

14. Bi là cứu giúp người nghèo khổ. Đó là pháp khí.

15. Hộ là thương xót chúng sinh. Đó là pháp khí.

16. Tâm bình đẳng là: với tất cả chúng sinh không có tâm riêng biệt. Đó là pháp khí.

17. Làm Thiện tri thức cho người. Đó là pháp khí của tất cả các công đức.

18. Nghe không nhàm chán. Đó là pháp khí của Bát-nhã ba-la-mật.

19. Làm Sa-môn, dù xa cha mẹ quyến thuộc nhưng tâm không đau khổ. Đó là pháp khí.

20. Thích một mình ở trong núi, tâm chuyên nhất. Đó là pháp khí.

21. Thích ở nơi thanh vắng để đạt thiền định. Đó là pháp khí.

22. Đem những gì mình có cho người không có, rồi chỉ dạy họ vào đạo. Đó là pháp khí.

23. Giữ gìn, bảo hộ các pháp để cho kẻ tăm tối được sáng suốt. Đó là pháp khí.

24. Biết Đà-la-ni, hiểu rõ nghĩa nó, rồi đem giảng dạy cho người. Đó là pháp khí.

25. Những gì mình ưa thích là vì mọi người, giải nghi cho họ. Đó là pháp khí.

26. Ai nghĩ nhớ đến Phật thì mau được thấy Phật. Đó là pháp khí.

27. Không sân giận, không hối hận, công đức ấy không biết hết được. Đó là pháp khí.

28. Vì biết các pháp là không, nên không luyến tiếc. Đó là pháp khí.

29. Hiểu rõ mười hai nhân duyên, vượt qua chấp đoạn chấp thường. Đó là pháp khí.

30. Được pháp nhẫn. Đó là pháp khí.

31. Không bao lâu được thọ ký. Đó là pháp khí.

32. Đối với bậc Nhất sinh bổ xứ, nhờ năng lực ở trước nên không động chuyển. Đó là pháp khí.

Trên đây là ba mươi hai pháp khí của Bồ-tát.

Khi Đức Phật nói pháp này có một vạn người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tất cả cất tiếng thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con muốn cho tất cả đều được là pháp khí. Nay chúng con được pháp khí mà Như Lai đã nói.

Đức Phật dạy Thuần-chân-đà-la:

–Ông hãy trở về chỗ cũ, đừng cho mọi người phải mệt nhọc.

Thuần-chân-đà-la thưa:

–Người nào có tâm nghĩ đến mệt nhọc thì chẳng phải là Bồ-tát. Còn ai không nghĩ đến mệt nhọc thì đó là Bồ-tát.

Thuần-chân-đà-la thưa tiếp:

–Bạch Thế Tôn! Nguyên do gì Bồ-tát nghĩ đến mệt nhọc? Nguyên do gì Bồ-tát không nghĩ đến mệt nhọc?

Đức Phật dạy:

–Với bốn việc Bồ-tát biết có mệt nhọc. Bốn việc biết mệt nhọc đó là gì?

1. Nghe người nhiều vô số thì tâm Bồ-tát sợ hãi. Đây là mệt nhọc thứ nhất.

2. Nghe sinh tử không thể vượt qua, làm tâm sợ hãi. Đây là mệt nhọc thứ hai.

3. ghe trí tuệ Phật không hạn lượng, làm tâm Bồ-tát sợ hãi. Đây là mệt nhọc thứ ba.

4. Nghe vô số công đức thành một tướng, làm tâm Bồ-tát sợ hãi. Đây là mệt nhọc thứ tư.

Với bốn việc, Bồ-tát biết không mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Muốn cứu độ tất cả chúng sinh đều đạt đến Nê-hoàn. Đây là việc thứ nhất không cho là mệt nhọc.

2. Muốn tự mình cứu giúp vô số sinh tử, vì muốn tạo công đức nên tâm không sợ, nên không cho là mệt nhọc.

3. Nghe vô số trí tuệ của Phật thì Bồ-tát muốn đầy đủ, tâm không sợ hãi, nên không cho là mệt nhọc.

4. Nghe vô số công đức thành một tướng, tâm Bồ-tát không sợ hãi, nên không cho là mệt nhọc.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát không cho là mệt nhọc.

Lại có bốn việc biết cho là mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Ngay ở giai đoạn trung gian, ưa thích pháp Thanh văn nên đến gần gũi.

2. Ngay ở giai đoạn trung gian, ưa thích pháp Bích-chi-phật, nên đến gần gũi.

3 + 4. Khi chánh pháp sắp tận, không dụng tâm, không hộ trì, không dạy người phát tâm Bồ-tát.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát cho rằng mệt nhọc.

Lại có bốn việc không cho rằng có mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1 + 2. Không tự vui với pháp La-hán, Bích-chi-phật.

3. Chấp nhận chịu chết chứ không lìa pháp.

4. Nếu nghe người thiện có khả năng phát tâm Bồ-tát thì nên đến đó chỉ dạy, không lánh xa.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát không cho là mệt nhọc.

Lại có bốn việc biết Bồ-tát cho là mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, kẻ bần cùng, ăn xin đến cầu xin thì sân giận họ.

2. Chỉ lo lắng cho mình được ăn uống, ngồi nằm được an ổn mà không nghĩ đến người khác.

3. Không nghĩ đến sự học hỏi, cho rằng ta biết nhiều.

4. Có văn tuệ, thường thường vội bỏ đi, không muốn chỉ dạy cho người.

Đó là bốn việc Bồ-tát cho là có mệt nhọc.

Lại có bốn việc Bồ-tát không cho là mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Nếu có người ăn xin đến cầu xin thì đem bố thí cho họ, xem họ như Thiện tri thức của mình.

2. Tâm hòa nhã, dịu dàng với tất cả chúng sinh.

3. Không nghĩ rằng mình được an vui, mà muốn mọi người cũng đều an vui.

4. Với sự học hỏi không nhàm chán, chỉ dạy cho người không có sự mong cầu.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát không cho có mệt nhọc.

Lại có bốn việc biết Bồ-tát cho rằng có mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Không cầu đạo Ba-la-mật.

2. Không lấy tứ sự để bố thí.

3. Với chúng sinh không tinh tấn chỉ dạy nghĩa lý.

4. Nghe nhớ điều gì cho là đã đủ, không nhớ nghĩ đến đạo Bồ-tát.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát cho rằng có mệt nhọc.

Lại có bốn việc biết Bồ-tát không cho rằng có mệt nhọc. Bốn việc đó là gì?

1. Nếu thân bị đốt cháy, không cho là đau đớn mà cầu các Ba-la-mật không biếng nhác.

2. Lấy tứ sự để bố thí để họ đầy đủ, không làm trái ý với người cầu xin.

3. Tinh tấn chỉ dạy, muốn người hoan hỷ.

4. Muốn đầy đủ các công đức, biết không nhàm chán.

Đó là bốn việc biết Bồ-tát không cho rằng có mệt nhọc.

Đức Phật hỏi vua A-xà-thế:

–Có nghe Bồ-tát không cho rằng mệt nhọc không?

Vua trả lời:

–Đã nghe rồi.

Phật dạy:

–Nghe rồi thì từ nay trở đi nếu có người hành Bồ-tát hạnh thì việc làm đừng nhàm chán cho là mệt nhọc.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Sao gọi là Bồ-tát hạnh?

Giữa chúng hội gồm Thuần-chân-đà-la, Kiền-đà-la, Đức Phật giảng nói pháp, mọi người đều lãnh hội: vua A-xà-thế nghe Phật giảng nói về hạnh của Bồ-tát như vầy:

Làm theo pháp đã nghe là hành. Đối với Bồ-tát, hành không mệt nhọc, hành tâm bình đẳng với tất cả, hành kiên cố, hành chắc chắn, hành thanh tịnh, như ý sở tác, với pháp Bồ-tát hành không dua nịnh, hành bố thí, hành cho tất cả mà không tiếc, Bồ-tát hạnh không hành theo chấp hữu, hành nương vào giới thanh tịnh, hành tịch tĩnh, hành thân, khẩu, ý thanh tịnh, tâm Bồ-tát luôn nghĩ đến hành hạnh nhẫn nhục, hành trừ bỏ các oán hận, hành làm Bồ-tát, hành tinh tấn không vọng tưởng, hành đạt đến mục đích, hành đối với sinh tử không cho là khổ nhọc, hành hạnh Bồ-tát không

sợ hãi, hành thiền, hành tri, hành thân tâm an vui, hành hạnh Bồ-tát tâm không tán loạn.

Bồ-tát hành bằng trí tuệ nên hành đúng pháp, Bồ-tát hành không chấp có sở đắc, hành theo lòng Từ, hành tâm hòa nhã, hành tu đại Bi, hành theo hạnh Bồ-tát, hành không sân giận, hành không, hành theo ý, hành thanh tịnh không vọng tưởng.

Bồ-tát hành không mong cầu.

Bồ-tát hành đúng thì nên hành, hành đầy đủ trí tuệ, hành theo Bồ-tát, hành lòng tin không chướng ngại, hành ý an Tam-muội.

Bồ-tát hành không gián đoạn, hành Thần túc, hành thiền, hành bằng năm Thiền chi. Hành theo hạnh Bồ-tát thì không có tội, hành bình đẳng chân thật, hành nương vào pháp, hành muốn chỉ dạy chúng sinh, hành đúng như Bồ-tát, hành việc làm không dựa vào nhân duyên, hành đúng với việc làm, hành đoạn tuyệt các tối tăm.

Với việc làm của Bồ-tát hành không nhầm lẫn, hành thanh tịnh, hành rửa sạch các cấu bẩn. Bồ-tát làm như vậy là hành, hành không hối hận, hành bảo hộ chúng sinh để họ không còn lo sợ.

Bồ-tát làm như vậy là hành, hành đầy đủ theo sự mong cầu của chúng sinh, hành như mặt trời, hành như mặt trăng, hành như hoa sen không nhiễm.

Bồ-tát làm như vậy được chư Thiên cung kính, hành như Đế Thích, hành như chư Thiên, hành đạo đầy đủ.

Bồ-tát hành như vậy chúng ma đều sợ sệt. Hành trì, hành tôn kính, hành diệt sạch dâm, nộ, si.

Bồ-tát hành hạnh như vậy được vô số chư Thiên khen ngợi, hành lâu dài, hành mắt trí tuệ thanh tịnh, hành nghiêm túc, với sắc không hành chấp trước.

Bồ-tát hành như vậy không có tội. Bồ-tát đã hành hạnh như vậy được chư Thiên khen ngợi. Hành lời nói nhu hòa, hành bình đẳng, hành xả bỏ tà đạo.

Bồ-tát hành lấy tuệ làm gốc, hành dõng mãnh, hành chấn động quân ma, hành chúng hội đang ngồi và cây của Phật không khác nhau. Hành đắc Đà-la-ni, hành việc làm của Bồ-tát không nhàm chán, hành trong núi, hành năng nhẫn, hành ưa thích làm Sa-môn, hành hạnh Bồ-tát như ban đầu, hành muốn giải thoát và hành tâm.

Đối với tất cả, hành một cách tôn kính thì chỗ duyên hợp của Bồ-tát

không mất, hành làm thành tựu, hành phương tiện thiện xảo. Đối với thiền định, hành không mong cầu, Bồ-tát hành theo chỗ không có pháp, hành theo thế tục, hành phi thế tục, hành cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Bồ-tát hành như vậy thì không sợ sệt.

Hành tất cả, hành biết rõ mọi người. Nẻo hành trì của Bồ-tát giống như bầu trời bao trùm tất cả.

Khi Phật nói hạnh của Bồ-tát, có năm trăm Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, tám ngàn người trong hội phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Tất cả đều thưa Phật:

–Chúng con sẽ phụng hành và hành đúng hạnh của Bồ-tát.

Đức Phật hiện điềm lành muốn làm cho Thuần-chân-đà-la quay về chỗ cũ. Khi ấy, quyến thuộc trong cung thất của Thuần-chân-đà-la đi nhiễu Phật ba vòng, quỳ trước Phật rồi xin lui. Từ nơi thân họ phóng ánh sáng và tấu kỹ nhạc, đánh đàn, làm đại địa chấn động sáu cách, mưa hoa trời rồi trở về cung thất của mình.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thuần-chân-đà-la cúng dường Phật, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, chư Bồ-tát, công đức ấy đã vượt lên trên con.

Phật dạy Thích Đề-hoàn Nhân:

–Không chỉ vượt hơn ông mà công đức ấy vượt qua tam thiên đại thiên thế giới và cả các Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì Bồ-tát một khi phát tâm thì vượt qua các Thanh văn, Bích-chi-phật. Tất cả chúng sinh nhờ pháp ấy mà được độ thoát. Hạnh Bồ-tát thù thắng hơn tất cả, không ai hơn Đức Phật. Cho nên biết rằng không ai sánh bằng Bồ-tát. Vì sao? Vì Phật nhờ tâm Bồ-tát mà thành tựu. Các Thanh văn nhờ Phật pháp mà thành tựu.

Thích Đề-hoàn Nhân bỗng khóc, nước mắt tuôn trào, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con đã làm tổn hại cội gốc nên không phát tâm Bồ-tát.

Khi đó, trong chúng hội có Thiên tử tên Cụ Hoặc, nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Giáo pháp của Đức Phật lưu bố khắp cõi trời, ai cũng phát tâm Bồ-tát. Nay ông hối hận thì có lợi ích gì? Vì sao Vì ông đã đốt cháy hạt giống Bồ-tát rồi, không phải là pháp khí của Bồ-tát.

Khi Cụ Hoặc nói như vậy, có năm trăm Thiên tử trời Đao-lợi phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Thiên tử Cụ Hoặc thưa Phật:

–Con biết Phật từ nơi hạnh xưa, Bồ-tát được Đề-hòa-kiệt Phật thọ ký, pháp Nhẫn vô sinh. Như Lai đã nói về pháp Nhẫn vô sinh, con muốn được nghe. Cúi xin Ngài nói cho.

Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát không có công đức thì không thể nghe pháp Nhẫn vô sinh.

Phật dạy Cụ Hoặc:

–Bồ-tát nhờ bốn việc mà được pháp Nhẫn vô sinh. Thế nào là bốn?

1. Biết chư Phật từ quá khứ, đương lai và hiện tại đều bình đẳng không có.

2. Bình đẳng với các pháp không khác.

3. Bình đẳng với các cõi Phật.

4. Bình đẳng với chúng sinh.

Đó là bốn việc.

Lại có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Thích không mà lại biết bốn bậc thiền.

2. Với lòng Từ bi vô cực, thích ở nơi ba cõi.

3. Với phương tiện thiện xảo thích sáu Ba-la-mật.

4. Với trí tuệ thích năm Thiền chi.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Đối với năm ấm mà cầu đạo Bồ-tát. Bồ-tát biết năm ấm nhưng tự nhiên.

2. Đối với bốn đại mà cầu Bồ-tát, tin bốn đại nhưng tự nhiên.

3. Đối với sáu trần mà cầu Bồ-tát, gần gũi sáu trần nhưng tự nhiên.

4. Đối với các pháp mà cầu Bồ-tát, đối với các pháp tự nhiên không nghi ngờ.

Đó là bốn.

Lại có bốn việc. Thế nào là bốn?

1. Nhờ trụ vào bản tế mà biết các pháp.

2. Đã trụ nơi pháp của Như Lai thì đều thể nhập vào các pháp bình đẳng với ba đời.

3. Thể nhập vào Pháp thân, biết rõ các pháp, tướng nó như hư không,

không thể hư hoại.

4. Quán các pháp bình đẳng giống nhau.

Đó là nhờ bốn việc mà Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

Khi Đức Phật nói pháp ấy, có năm trăm Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh. Thiên tử Cụ Hoặc được pháp nhẫn không chướng ngại.

Nói xong, Phật dạy Tôn giả A-nan:

–Ông có thấu hiểu những gì Thuần-chân-đà-la đã hỏi không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Con thấu đạt đầy đủ. Pháp ấy rất thích hợp, thích thú không gì bằng, thật vi diệu sâu xa. Đúng như đã nói trước đây, do đó mà hiểu rõ các pháp.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Pháp trước đây Phật đã giảng nói, hôm nay nghe lại thì có thể hiểu rõ ràng. Con là Thanh văn, nghe còn hiểu rõ pháp ấy, huống chi là Bồ-tát có trí tuệ vô cực, tâm như biển lớn dung chứa tất cả. Trí tuệ của các vị ấy sâu rộng, bao quát tất cả mọi nơi, thâu nhiếp các pháp, là vật báu trong các báu, làm người thay thế cho chúng sinh không ai thay thế. Nếu quán sâu vào tuệ của Bồ-tát ấy thì không có gì lường được.

Tôn giả A-nan lại thưa Phật:

–Sau này ai nghe pháp ấy sẽ được hướng đến ánh sáng của pháp. Ánh sáng từ một lỗ chân lông của Như Lai còn che lấp ánh sáng của tam thiên đại thiên mặt trời, mặt trăng, vậy mà ánh sáng từ chân lông toàn thân của Như lai không bằng ánh sáng của pháp này. Chắc chắn không có gì vượt qua được. Vì sao? Vì ánh sáng ấy từ trí tuệ mà có. Ánh sáng pháp biết tất cả chúng sinh, cho nên pháp ấy là tối tôn không gì che lấp được. Đời sau ai nghe pháp này đều được có ánh sáng trí tuệ. Nghe rồi, thọ trì, đọc tụng, dạy bảo người nương vào trí pháp ấy thì không lìa Bồ-tát vì có tất cả. Lấy Bi vô cực làm đại hoằng thệ nguyện. Lấy từ làm áo giáp để thu phục chúng ma, dần dần đến gần dưới cây Phật.

Tôn giả A-nan thưa:

–Con nhờ oai thần của Phật mà giữ gìn pháp ấy. Nếu đọc tụng thuộc lòng và giảng nói rộng rãi cho tất cả chúng sinh thì phước ấy như thế nào?

Phật dạy:

–Nếu có người đem bảy báu đặt đầy cả tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường cho các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, lên đến Đức Phật, chỗ tạo công đức ấy trải qua một ngàn năm.

Phật hỏi Tôn giả A-nan:

–Phước ấy có nhiều không?

Tôn giả A-nan thưa:

–Rất nhiều, rất nhiều! Kính bạch Thiên Trung Thiên.

Phật dạy:

–Mặc dù phước ấy rất nhiều nhưng không bằng người nam hay người nữ phụng hành hạnh Bồ-tát, đêm ngày ba lần tụng đọc, hoặc giảng nói những điều trong pháp kia; công đức này vượt lên trên công đức trước, huống chi người nói pháp này. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy lấy bốn việc trong kinh giảng nói, giải thích ý nghĩa trong pháp ấy, cho nên gọi pháp thí là tối tôn trong các bố thí, đó là ân đức vô cùng cực. Pháp thí là sự hộ trì cùng cực. Vì sao? Vì ai nghe pháp ấy thì tâm không còn phiền não cấu bẩn và sẽ được giải thoát. Nếu đem tất cả của cải ra bố thí chẳng qua là để trưởng dưỡng sinh tử. Còn ai muốn vượt qua sinh tử thì nên đem pháp này để bố thí. Đó là theo lời dạy cách bố thí của Phật. Tất cả chúng sinh nhờ vào pháp thí mà được công đức.

Khi Bồ-tát bố thí được ba mươi hai điều. Ba mươi hai điều ấy là gì?

1. Ý an ổn.
2. Việc làm an ổn.
3. Với hạnh được an ổn.
4. Ít ham muốn.
5. Bớt giận.
6. Bớt si.
7. Tự độ, lại độ người vượt qua sinh tử.
8. Được người yêu mến.
9. Được chư Thiên khen ngợi.
10. Được Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la ủng hộ.
11. Theo việc đã làm mà vượt từng phần.
12. Có được y, bát, thức ăn, giường chiếu, thuốc thang.
13. Tiếng tốt gần xa ai cũng biết, không bao giờ bị tà đạo làm hại.
14. Được chư Phật khen ngợi, tu hành giữ gìn chánh pháp.
15. Nhờ đó mà đắc Pháp thân, không sợ đường ác.
16. Đối với chư Thiên và người không cho là khó.
17. Sinh nơi nào cũng không lìa các Phật pháp.
18. Sinh nơi nào cũng biết được đời trước.

19. Sinh nơi nào cũng được yêu thương.

20. Thân đầy đủ các căn.

21. Được ba mươi hai tướng.

22. Đắc Đà-la-ni, phá hoại ái dục.

23. Biết các nhân duyên, tự nuôi sống bằng thiền định.

24. Lấy đại tuệ tu sửa đường đạo.

25. Tối tăm mau sáng.

26. Tâm không nghĩ điều tà vạy.

27. Bố thí hơn trong thế tục.

28. Pháp tạng được theo ý muốn không cùng tận.

29→32. (*)

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Con phụng hành, giữ gìn pháp này, sau khi Phật Bát-niết-bàn nếu có người ứng với pháp khí thì con sẽ ủng hộ để vị ấy được nghe pháp. Vì sao? Vì như công đức trong kinh đã nói, nhờ công đức nên được vui vẻ.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Ở trước mặt ta, Thuần-chân-đà-la đã nói mạnh mẽ như sư tử. Đời sau, ông nên bảo hộ pháp này. Nhờ công đức ấy, nếu A-tu-luân đem binh đến thì chúng không dám tấn công. Vì sao? Vì đây là pháp yếu không ai có thể đạt được. Nhưng ai muốn giữ gìn nó mà có chỗ lo sợ là vì chỗ hiểu biết chân chánh, nên đối với pháp không mong cầu, cho nên gọi là hộ trì họ.

Phạm thiên bạch Phật:

–Nếu ở quận, huyện, thành ấp, xóm làng, có người nói pháp này, chúng con sẽ rời khỏi trụ xứ để đến ủng hộ. Vì sao? Vì Thanh văn, Bích-chi-phật, Phạm, Thích đều nhờ pháp này mà được thành tựu.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Chúng con là đệ tử của Phật, sẽ phụng hành pháp này, sẽ ủng hộ để pháp này tồn tại lâu dài. Nếu bộ chúng của chúng con không tin Phật pháp, hay trong loài Rồng, Dạ-xoa, Kiền-đà-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc có ai không tin thì con sẽ làm cho họ tin, rồi tùy theo tập tục bảo họ đều nói chú:

"Đa bệ án, bệ a lạp bệ loa, thiểu lạp bệ hưu, yến ma hưu yến y yến sách yến. A hòa đề duy việt đề ba lợi. Cái đa na ni, văn miết ba ca sa quân

---

* *Từ 29 đến 32: bốn pháp các bản đều thiếu.*

hòa, quân hòa đà.”

Họ sẽ tin và quay về Phật pháp. Ai có tâm tà, được tâm chân chánh.

Khi ấy, có Dạ-xoa không tự cao với sức của mình đều khen ngợi Phật và ủng hộ giáo pháp. Đây là điều Phật đã nói.

Tứ Thiên vương nói:

–Nếu ai tìm lỗi người ấy thì không thể được.

Phật dạy Bồ-tát Di-lặc và Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Ta đã tu hành đạo Bồ-tát từ a-tăng-kỳ kiếp, nay lấy pháp này mà giao phó cho các ông để được tồn tại lâu dài.

Bồ-tát Di-lặc nói với Bồ-tát Đề-vô-ly:

–Sau khi Phật Bát-niết-bàn, chúng ta sẽ hộ trì, giữ gìn pháp này, sẽ dạy bảo, nói rộng rãi cho mọi người. Đời sau, nếu Bồ-tát có công đức thì sẽ mau được quyển kinh ấy. Chúng tôi sẽ giúp đỡ, ủng hộ hết lòng. Đời sau, ai được kinh này ghi chép, tụng thuộc lòng đều được an lạc, nên biết rằng đó là do Bồ-tát Di-lặc và Đề-vô-ly đã ủng hộ.

Khi ấy trong hội, ma đến bạch Phật:

–Khi Phật nói pháp cho Thanh văn, con không sợ sệt, không lo lắng. Nay Ngài nói dấu ấn của Bồ-tát trụ vào Như Lai, gần gũi đạo Bồ-tát, ủng hộ tất cả chúng sinh, nghe điều này con rất đau khổ, giống như già lại ốm yếu, như muốn ngã té. Cúi xin Như Lai hãy thương xót con. Vì sao? Vì nghe như vậy con rất đau buồn. Từ nay, xin Ngài đừng nói như vậy nữa.

Phật dạy:

–Này ma! Ngươi đừng khóc lóc, cũng đừng buồn đến như thế. Bạn ngươi còn rất nhiều, nếu ai không nghe pháp này, đó đều là bạn của ngươi. Còn những người tin thì ít lắm!

Phật lấy đất đặt trên móng tay:

–Nếu có người tin hướng về pháp này thì số người ấy ít như đất trên móng tay. Số người không tin nhiều như đất trên cả mặt đất. Số đất này nhiều vô số. Số người không tin ấy đều là bạn của ngươi. Do đó ngươi nên vui vẻ.

Khi Đức Phật giảng nói pháp này, vô số người phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chín vạn hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, tám vạn bốn ngàn người được đạo Tu-đà-hoàn, tám ngàn Tỳ-kheo được A-la-hán.

Bấy giờ, tam thiên đại thiên đều chấn động đủ sáu cách, ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, mưa hoa trời, đàn ca kỹ nhạc không đánh mà tự kêu. Vô số hoa trời ở giữa hư không đều nói:

–Lành thay! lành thay! Ở cõi Diêm-phù chúng ta lại thấy pháp luân chuyển như Đức Như Lai đã chuyển pháp luân ở Ba-la-nại được nhiều an ổn, không bằng hôm nay được nghe nói kinh này, phước tăng lên gấp bội. Nếu có người thọ trì, đọc thuộc lòng kinh này và giảng nói tức là đã ủng hộ, thọ trì pháp.

Bồ-tát Di-lặc, Đề-vô-ly và Tôn giả A-nan thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Pháp này đặt tên là gì? Nên phụng hành thế nào?

Phật dạy:

–Pháp này tên là "Thuần-chân-đà-la sở vấn chư Ba-la-mật, giải chư pháp bảo phẩm."

Khi nói kinh này xong, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Đề-vô-ly, Tỳ-kheo Tăng, chư Thiên, Người, Kiền-đà-la, Quỷ thần, Rồng... đều hoan hỷ, đến trước lạy Phật, rồi lui ra.

-oOo-

SỐ 625

KINH ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA VƯƠNG SỞ VẤN

Hán dịch: Đời Dao Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, người nước Quy Tư.

QUYỂN 1

Tôi nghe như vầy:

Một thuở, Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật tại thành Vương xá, cùng với sáu trăm hai mươi ngàn vị Đại Tỳ-kheo, bảy mươi hai ngàn vị Đại Bồ-tát, đều là những bậc từ các cõi trong mười phương tập họp đến, đều đã đạt được Đà-la-ni vô ngại biện tài, tiến vào niệm tuệ, đầy đủ tàm quý, ý chí bền vững như kim cương, khéo léo tu hành, thành tựu đầy đủ tất cả Phật Pháp. Bản thân chư vị ấy chẳng quên mất tâm Bồ-đề, cũng khiến người khác chẳng quên mất tâm ấy. Chư vị ấy khéo điều phục, mềm dẻo thu nhiếp các căn, có khả năng, biết bỏ đi những vật mình yêu thích, khéo dùng giới thanh tịnh tự trang nghiêm. Đối với các chúng sinh, tâm chư vị ấy bình đẳng, dùng sức nhẫn nhu hòa tự trang nghiêm. Ở trong vô lượng ức a-tăng-kỳ kiếp, chư vị ấy cần mẫn tu các lực Tam-muội thiền định giải thoát, đến đi bằng thần thông tự tại vô ngại, khéo léo dùng trí tuệ phân biệt cú nghĩa tất cả các pháp, tâm chẳng lay động như núi chúa lớn. Đối với chúng sinh, tâm chư vị ấy bình đẳng như đất, nước, lửa, gió, khéo léo lìa khỏi ái dục, sân hận, thường thực hành tâm Từ bi, luôn để lại ánh sáng từ bi chiếu khắp chúng sinh; an trụ đại Bi, thường siêng năng quan sát tất cả chúng sinh, an trụ nơi đại Hỷ, ưa thích pháp cụ túc; an trụ nơi đại Xả được "Vô nhị trí"; lợi lộc, suy bại, hủy hoại, khen ngợi, chê bai, khổ, vui… những pháp thế gian như vậy chư vị ấy đều vượt qua. Bằng ánh sáng trí tuệ, họ tự điều phục chính mình và điều phục người khác, hàng phục các ma, ở thế gian khó gặp như hoa Ưu-đàm, ở trong chúng sinh gầm lên tiếng gầm sư tử chúa, rốt ráo được Niết-bàn, ưa thích bốn vô sở uý thậm thâm.

Chư vị đó đã được Như Lai ấn chứng, được thọ ký không lầm lẫn, đúng như lời dạy mà tu hành. Đối với nghĩa lý, ý vị của pháp tạng thậm thâm rất hợp nhau, che khuất cả mặt trời, mặt trăng; danh tiếng vang

lừng khắp mười phương thế giới. Nếu vì hộ trì các Đức Phật thì chư vị ấy giữ gìn Pháp tạng còn mãi, chẳng dứt tuyệt chủng tánh Tam bảo, có thể đi qua vô biên cõi Phật, hiểu rành biết rõ mọi điều rồi tùy nghi cung cấp, phụng sự các Đức Phật Thế Tôn để nghe nhận giáo pháp, thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sinh đến được bờ kia của chúng sinh mà thuyết pháp phù hợp, biết rõ ý tưởng của tịnh, nhiệm mầu, lời nói khéo léo, là bậc Đại Y vương khéo trị các bệnh. Ở trong vô lượng, vô số cõi, chư vị ấy đã gieo trồng các thiện căn, khéo chứa nhóm tướng tốt phước đức trang nghiêm, có thể hiểu rõ trọn vẹn Không, Vô tướng, Vô nguyện, lý giải rõ các pháp như huyễn, như lửa hừng, như trăng trong nước, như cảnh tượng trong mộng, hiểu rõ hết âm thanh, lời nói của tất cả chúng sinh, khéo phân biệt pháp, thuyết giảng trôi chảy vô tận, khéo léo quan sát trí tuệ xuất thế, thành tựu đại lực, tiếp cận mười Phật lực, đạt được ánh sáng Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Chư vị ấy khéo tu tập các pháp phần trợ đạo trang nghiêm, giỏi lý giải, vượt qua tất cả các cõi. Sáng tỏ Pháp tạng của Bồ-tát thâu nhiếp, khéo léo vận chuyển bánh xe pháp bất thoái, được Tướng ấn Tam-muội, biết rõ Tam-muội Kim cương trường, tất cả các pháp Tam-muội tự tại. Chư vị ấy thường thị hiện ở trước mặt, tay cầm cây đuốc báu lớn, tâm thì khiêm hạ đối với các chúng sinh, thường quan sát trí tuệ của các chúng sinh thực hành Phật sự, việc làm đã xong, đều đã chứa nhóm tất cả công đức đến hết kiếp vị lai. Công đức của chư vị ấy chẳng thể nói cùng tận được.

Tên các vị Bồ-tát ấy là Bồ-tát Bảo Trụ, Bồ-tát Bảo Hữu, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Hoa, Bồ-tát Bảo Vương, Bồ-tát Hỷ Kiến, Bồ-tát Ái Ý, Bồ-tát Ái Nhãn Kiến, Bồ-tát Trì Địa, Bồ-tát Tác Hỷ, Bồ-tát Đại Thế, Bồ-tát Đại Đức, Bồ-tát Hàng Ma, Bồ-tát Ma Cưu, Bồ-tát Nhu Thiên, Bồ-tát Mạn-đà-la Hương, Bồ-tát Bảo Hỷ, Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Vô Cao Hạ, Bồ-tát Thiện Ngư, Bồ-tát Nhất Thiết Chúng sinh Bất Thỉnh Hữu, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Vân Âm, Bồ-tát Trì Sơn Nghiêm, Bồ-tát Sơn Tích, Bồ-tát Thượng Hữu, Bồ-tát Dũng Hữu, Bồ-tát Quang Minh, Bồ-tát Quang Đức, Bồ-tát Đăng Vương, Bồ-tát Quán Chí, Bồ-tát Quang Trang Nghiêm, Bồ-tát Tạp Thể Quan, Bồ-tát Thiên Quan, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Thiên Nhãn Quán, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Thiện Tý, Bồ-tát Tư Chí, Bồ-tát Thiện Trụ Chí, Bồ-tát Thiện Trụ Nghiệp, Bồ-tát Bất Động Túc Tập, Bồ-tát Kim Cương Túc Tấn, Bồ-tát Việt Tam Giới Túc, Bồ-tát Tật Biện, Bồ-tát Tốc Biện, Bồ-tát Vô Đoạn Biện, Bồ-tát Trụ Biện, Bồ-tát Diệu Âm, Bồ-tát Phạm Âm, Bồ-tát Hỷ Nhất Thiết Chúng Sinh Âm, Bồ-tát Văn-thù-

sư-lợi Pháp vương tử,… bảy mươi hai ngàn vị Thượng thủ như vậy.

Bấy giờ Đế Thích, Phạm Thiên vương, các vị hộ thế cùng các bậc đại oai đức khác, các Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Nhân phi nhân… Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di… ở trong tam thiên đại thiên thế giới này đều đến tụ họp nơi đây vì muốn được nghe pháp. Bấy giờ, Thế Tôn vì vô lượng trăm ngàn đại chúng cung kính vây quanh mà diễn nói pháp mầu. Lúc ấy Bồ-tát Thiên Quan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, trật áo bày vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng về Đức Phật, dùng kệ khen:

Thế Tôn vì đời làm đèn sáng
Trí tuệ lợi ích cho thế gian
Khiến người si mê được sáng suốt
Con nay cúi lạy Đấng Ly Thế.
Đấng Thập Lực bố thí tối thắng
Khéo tự điều tâm đến "bờ kia"
Trời, người, rồng, thần đến cúng dường
Cúi đầu kính lạy Đấng Thiêu Kết.
Thắng tướng, thế gian nhiều lợi ích
Ánh sáng tỏa khắp nơi sắc vàng
Giữ giới thanh tịnh diệu, tiếng tuyệt vời
Lạy Đấng ba cõi không ai sánh.
Độ chúng sinh đến bờ thanh tịnh
Điều phục các luận không thể lay
Khéo biết rõ hết tâm chúng sinh
Cúi lễ Đấng Đại Bi cao cả.
Chẳng sinh chấp trước, đoạn kết sử
Dùng sức hàng oán an trụ giới
Thế Tôn, kết sử cấu uế sạch
Con nay lễ Đấng hàng phục oan.
Hơn hết các báu, không tỳ vết
Thường vui, trí tuệ lấy làm đầu
Đoạn trừ tham, sân, si, phiền não
Lạy Đấng Bình đẳng như hư không.
Diễn thuyết Tứ đế độ bốn loài
Thí tịnh nhãn, thuyết pháp cam lồ
Hành hóa vì lợi người ba cõi!
Con cúi lễ Đấng Trì Luân tướng.
Thường được người, trời hay dâng cúng

Thường hóa độ, giải thoát chúng sinh
Hư không trời người đã cúng dường
Con cúi đầu lạy Bậc Nhân Thắng.
Thường ưa tập trung pháp Chánh Thiện
Ban lòng Từ đều khắp thế gian.
Đấng Nhân Tôn trụ đạo chánh chân!
Lạy Đấng Nhiếp trừ tất cả đức.
Tiếng thanh tịnh giảng nói điều lành
Tiếng Phạm âm dịu dàng, vừa ý
Hiểu rõ các âm "đến bờ kia"
Lạy Đấng Mỹ diệu nói như thật.
Nẻo không, vô tướng và vô tác
Giữ gìn pháp khó thấy thậm thâm
Khéo léo tiến vào đường giải thoát
Lạy Đấng Biết rõ đạo giải thoát.
Thế Tôn thông đạt, biết nhân duyên
Thường đoạn trừ sạch Kiến nhị biên
Nói đúng nhân duyên, nghiệp quả báo
Con lạy Đấng ly kiến thế gian.
Không có người đi cùng kẻ đến
Khéo quán các pháp không khinh mạn
Thấy như huyễn hóa trăng đáy nước
Cúi đầu lạy Đấng Thiện Pháp Nhãn.
Sinh hoặc vô sinh đều vô sinh
Hoặc sinh và diệt cũng vô diệt
Đúng nơi pháp trụ làm chỗ dừng
Đấng Điều Ngự trụ nơi như thế.
Nên lời Ngài nói đều chân thật
An trụ Như như trừ khuynh động
Thân núi Kim cương chẳng lay động
Con cúi đầu lễ Đấng Như Như.
Thân, miệng, ý Ngài chẳng khác đâu
Danh tiếng vang lừng trong ba cõi
Con nay xin hỏi đấng trượng phu
Nguyện xin được Ngài thuyết giảng cho!

Bấy giờ, Bồ-tát Thiên Quan dùng kệ tán thán Phật xong, bạch Đức Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con nay có đôi điều muốn hỏi trong pháp vi diệu

thù thắng của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác, như Phật hứa thì con mới dám xin hỏi.

Lúc ấy Phật bảo Bồ-tát Thiên Quan:

–Này Thiện nam! Có điều gì nghi ngờ thì ông cứ hỏi, Như Lai sẽ thuyết giảng khiến ông vui lòng!"

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Kính Đức Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát thành tựu được các loại biện tài trang nghiêm?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát thêm được Thắng trí, biết phân biệt rõ pháp thậm thâm?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát biết rõ các căn?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có thể hiểu biết hoàn cảnh phù hợp để nói pháp?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát biết được tâm hạnh của tất cả chúng sinh?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát biết tất cả tác nhân và quả báo, cũng biết được lỗi đã tạo ra không mất đi?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát trang nghiêm bằng Bố thí?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát trang nghiêm bằng Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có thể thông đạt trang nghiêm phạm đạo?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát không mất thần thông?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát dứt sạch các kết sử?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát qua "đến bờ kia"?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có thể thị hiện tất cả Thanh văn, Duyên giác và oai nghi, hình sắc của các chúng sinh không có sai biệt?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát quán sát sinh tử mà chẳng trụ ở Niết-bàn?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát quán sát cõi chúng sinh giới mà chẳng động đến pháp giới?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát chẳng thoái lui mất lợi ích mà nghĩ đến thị thiện mất lợi ích?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát có của báu lớn, cõi nước vô tận mà dùng sức phương tiện thị hiện bần cùng?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát tu hành các hạnh khiến cho cửa "hữu tác" nhập vào cửa "vô tác"?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát khéo léo quan sát các pháp?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát quyết định phân biệt tất cả các pháp?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát thực hành các pháp thế gian mà chẳng bị nhiễm ô?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát trụ ở pháp tự tại chẳng mong nhờ vào pháp khác?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát chẳng rời chư Phật?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát tự điều phục không có các pháp ác?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát làm thầy dẫn đường giỏi mà chẳng tiếc lẫn pháp?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát vì các chúng sinh làm chỗ nương tựa chân thật?

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát ở trong tất cả các pháp đạt được địa vị Quán đảnh?

Bấy giờ Thế Tôn khen ngợi Bồ-tát Thiên Quan:

–Hay thay, hay thay! Này Thiện nam! Hôm nay ông đã hỏi nhiều điều làm lợi ích an lạc thế gian, lợi ích an người trời, hộ trì các vị Bồ-tát đời vị lai.

Này Thiện nam! Ông thường đã từng ở hằng hà sa chỗ các Đức Phật Thế Tôn thưa hỏi những điều khó hiểu. Nay ông lại sẽ đem đến lợi ích, an lạc lớn cho các vị Bồ-tát vị lai, khiến cho pháp Đại thừa này được trụ thế lâu dài. Này Thiện nam! Ông đã hỏi thì hãy chú tâm lắng nghe!

Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con xin lắng nghe và nhận lãnh.

Đức Phật dạy:

–Này Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được các loại biện tài trang nghiêm! Những gì là bốn?

Đó là:

1. Bồ-tát đối với chúng sinh không có lòng xâm hại, xả tất cả các vật mình ưa thích mà lòng không hối tiếc.

2. Có người thuyết pháp chẳng làm đứt đoạn lời nói của họ mà khởi lòng tùy hỷ, vui mừng khen ngợi "Hay thay" thỉnh cầu thuyết pháp.

3. Hoặc ngày đêm, hoặc ở trong Tăng chúng, hoặc nơi tháp Phật,

dùng tâm Bồ-đề thường làm người dẫn đường trước tiên.

4. Khởi lên tâm, ý chí ham muốn ưa thích các pháp mà Bồ-tát này chuyên tâm muốn đem pháp bố thí bình đẳng chẳng mong lợi dưỡng.

Này Thiện nam! Đó là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì thành được các loại biện tài trang nghiêm.

Này Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì được tăng thắng trí, biết phân biệt rõ pháp thậm thâm. Những gì là bốn?

1. Thuận theo pháp nhân duyên, biết thật tánh của ngã.

2. Biết vào thật tánh của tất cả chúng sinh.

3. Biết hạnh sinh tử không có kẻ đến không có người đi.

4. Biết ấn tướng hư không của tất cả các pháp.

Đó là bốn pháp.

Này Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì biết rõ các căn. Những gì là bốn?

1. Biết hoàn toàn pháp giới môn.

2. Quan sát các pháp môn không có chướng ngại.

3. Biết các thần thông.

4. Khéo điều phục tâm, không có hai hạnh.

Đó là bốn pháp.

Này Thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể biết rõ đúng lúc nên nói pháp. Những gì là bốn?

Đó là:

1. Trí biện tài.

2. Trí độ chúng sinh.

3. Trí phân biệt pháp.

4. Tự tịnh tâm của mình cũng tịnh tâm của cất cả chúng sinh.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì biết rõ tâm hành của tất cả chúng sinh. Những gì là bốn?

1. Trí tuệ siêu xuất, trí không có chướng ngại.

2. Nhập vào phương tiện.

3. Các "hữu" đã tạo tác chẳng hối hận nửa chừng.

4. Có thể tự giác ngộ.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì biết được tạo nhân sẽ chịu nghiệp báo, cũng biết được cái lỗi trong hành động của mình không mất. Những gì là bốn?

1. Chẳng nói đoạn diệt, cũng chẳng nói thường còn.

2. Đối với nghiệp báo đúng như thật mà biết.

3. Đúng như pháp mà hiện ra tướng các pháp trong đó không ngã, không ngã sở.

4. Biết những việc mình tạo tác chẳng mất quả báo.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu, bốn pháp để trang nghiêm bố thí. Những gì là bốn?

1. Trang nghiêm tướng.

2. Trang nghiêm tốt đẹp.

3. Sắc không ai so sánh được.

4. Cõi nước vô tận và dùng tay báu.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm trì giới. Những gì là bốn?

1. Làm vua Chuyển luân mà khéo trang nghiêm tâm Bồ-đề.

2. Làm Thích Đề-hoàn Nhân mà khéo trang nghiêm tâm Bồ-đề.

3. Làm vua Đại phạm mà khéo trang nghiêm tâm Bồ-đề.

4. Chẳng đọa đường ác, sinh cõi thiện trời người mà khéo trang nghiêm tâm Bồ-đề.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm nhẫn nhục. Những gì là bốn?

1. Phát ra âm thanh Phạm, âm thanh Ca-lăng-tần-già.

2. Nhiều người yêu mến, tâm ý vui vẻ.

3. Kiên cố tu pháp lành.

4. Được da màu vàng ròng.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm tinh tấn, không thể phá hoại. Những gì là bốn?

1. Được tất cả chúng sinh không thể hủy hoại.

2. Vì các chúng sinh làm người bạn không mời.

3. Đã có làm việc gì thì chuyên chí chẳng giải đãi, không mệt mỏi, chán nản.

4. Ưa tập trung nhiều hiểu biết, trang nghiêm trí bền vững.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm thiền định. Những gì là bốn?

1. Không có các náo loạn.

2. Không buông lung.

3. Không xan tham, kiêu mạn.

4. Chẳng xả điều phục tâm.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm trí tuệ. Những gì là bốn?

1. Chẳng nói đến ngã nhân, chúng sinh, thọ mạng.

2. Đạt được biện tài vô ngại.

3. Có thể phân biệt giỏi các cú nghĩa.

4. Đối với tất cả các pháp không có nghi hoặc.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để trang nghiêm Phạm đạo. Những gì là bốn?

1. Ở chỗ thanh tịnh phát khởi tâm Từ.

2. Vì giáo hóa chúng sinh phát khởi tâm Bi.

3. Hộ trì chánh pháp, phát khởi tâm Hỷ.

4. Sinh trí Như Lai phát khởi tâm Xả.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì chẳng mất thần thông. Những gì là bốn?

1. Nhập vào Tứ thiền mà chẳng thoái mất.

2. Nhập vào bốn Định mà biết phương tiện.

3. Tâm được tự tại biết tất cả pháp.

4. Dùng thần thông đi đến vô lượng cõi Phật.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đoạn dứt kết sử. Những

gì là bốn?

1. Bên trong tự tịch tĩnh, cũng tịch tĩnh cả bên ngoài.

2. Khéo quan sát các pháp biết chúng như huyễn hóa.

3. Có sức đại trí.

4. Có sức phi kiêu mạn.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể thị hiện oai nghi hình sắc của tất cả các Thanh văn, Duyên giác và các chúng sinh không có khác biệt. Những gì là bốn?

1. Khéo phát khởi Tam-muội như huyễn.

2. Biết tất cả các pháp tướng đúng như thật.

3. Khéo quán sát ngũ thông.

4. Tự quan sát thân mình như huyễn hóa.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì nghĩ đến sinh tử mà chẳng trụ Niết-bàn. Những gì là bốn?

1. Chư Phật hộ trì.

2. Tự mình có tâm Bi rộng lớn.

3. Phương tiện khéo léo.

4. Chẳng xả bản nguyện.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì quán sát chúng sinh giới mà chẳng động pháp giới. Những gì là bốn?

1. Quan sát cái thật tính của mình thông đạt được pháp tánh.

2. Quan sát tính chúng sinh chẳng nghi ngờ tánh trí.

3. Quán tưởng chúng sinh đồng với tánh Niết-bàn.

4. [*]

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì chẳng làm mất lợi ích mà thị hiện mất lợi ích. Những gì là bốn?

1. Đem tâm chí chuyên chú hướng về Niết-bàn.

2. Đi vào cõi sinh tử để tu hành.

---

[*] *Nguyên bản khuyết đi một pháp.*

3. Chí nguyện ham muốn tất cả Phật pháp.

4. Thị hiện làm Thanh văn, Duyên giác để điều phục.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có của báu lớn, cõi nước vô tận, dùng diệu lực phương tiện thị hiện làm kẻ bần cùng không có của cải. Những gì là bốn?

1. Vì hóa độ các chúng sinh thù thắng nên thị hiện hoặc vua Chuyển luân hoặc Đế Thích hoặc vua Phạm thiên.

2. Vì hóa độ chúng sinh bần cùng nên hóa hiện làm kẻ bần cùng.

3. Gặp người đến cầu xin thì đem tất cả của cải của mình ra cho hết.

4. Gặp người giàu có thì thị hiện của báu vô tận, có sức tự tại.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì khéo quan sát các pháp. Những gì là bốn?

1. Tuệ nhãn thanh tịnh.

2. Được Pháp nhãn sáng suốt.

3. Phật nhãn hiện tiền.

4. Đối với tất cả pháp đạt được ngôi vị Quán đảnh.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì phân biệt quyết định được tất cả các pháp. Những gì là bốn?

1. Biện luận.

2. Trí không chướng ngại, hiểu rõ chân lý.

3. An trụ bốn y trí.

4. Trí không xả Đà-la-ni.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì hành động theo pháp thế gian mà chẳng bị nhiễm ô. Những gì là bốn?

1. Quan sát biết pháp thế gian.

2. Siêu việt ra khỏi chúng sinh của thế gian.

3. Đoạn trừ ái dục, sân hận, không bị ô nhiễm.

4. Rốt ráo sáng suốt thanh tịnh.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đối với pháp tự tại

chẳng vọng tưởng điều gì khác. Những gì là bốn?

1. Định được tự tại.

2. Trí được tự tại.

3. Tuệ được tự tại.

4. Phương tiện được tự tại.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì chẳng lìa khỏi Phật. Những gì là bốn?

1. Tự đến gặp Phật, cũng khuyên chúng sinh đến gặp Phật.

2. Tự đến nghe pháp, cũng khuyên chúng sinh tự đến nghe pháp.

3. Tự phát tâm Bồ-đề, cũng khuyên chúng sinh pháp tâm Bồ-đề.

4. Thường chẳng lìa bỏ Niệm Phật Tam-muội.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì khéo tự điều phục, không có các pháp ác. Những gì là bốn?

1. Thánh tuệ xuất thế quan sát tri kiến.

2. Hiển bày giải thoát.

3. Khéo tập hợp các pháp nhẫn.

4. Đoạn lìa tất cả sự chứa nhóm pháp bất thiện.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì giỏi làm thầy dẫn đường mà chẳng lẫn tiếc pháp. Những gì là bốn?

1. Chuyên tâm làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

2. Ý chí kiên cố không gì ân hận.

3. Thường thực hành giáo hóa tất cả chúng sinh.

4. Tự bỏ điều ưa thích của mình để tập trung trí tuệ tu hành. Thường vì tất cả chúng sinh tạo tác lợi ích để thành tựu lợi ích của mình.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp để vì chúng sinh làm chỗ nương tựa chân thật. Những gì là bốn?

1. Xả bỏ lợi của mình, thường cầu lợi cho người khác.

2. Thường tự bỏ các niềm vui mà vì chúng sinh cầu đến các pháp lạc.

3. Đem pháp mình nghe được vì mọi người thuyết giảng rộng rãi không mệt mỏi.

4. Dùng pháp nuôi mạng sống, chẳng dùng y phục, ẩm thực.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì có thể chuyển pháp luân của tất cả chư Phật. Những gì là bốn?

1. Đạt được Đà-la-ni.

2. Chứng đắc Vô đoạn biện trí.

3. Nhập vào tâm, hành của tất cả chúng sinh.

4. Chẳng quan sát giống nòi mà vì họ thuyết pháp dẫn vào cõi Niết-bàn.

Đó là bốn pháp.

Này thiện nam! Bồ-tát thành tựu bốn pháp thì đối với tất cả pháp đạt được địa vị Quán đảnh. Những gì là bốn?

1. Vượt ra các hạnh đi đứng của Bồ-tát.

2. Chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, thị hiện sinh tử.

3. Được ấn không thoái chuyển đã ấn chứng, thể nhập Như Lai ấn.

4. An trụ Bồ-tát địa thứ mười, biết hết các Bồ-tát địa.

Đó là Bồ-tát thành tựu bốn pháp, đối với tất cả pháp đạt được địa vị Quán đảnh.

Khi Phật thuyết giảng bốn pháp như vậy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động sáu cách, ánh sáng lớn soi khắp. Ở trên không trung hàng trăm ngàn ức chư Thiên tấu âm nhạc của trời, ca ngâm, mưa xuống hoa trời Mạn-đà-la, khen ngợi như vầy:

Như Lai Thế Tôn trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp đã tập trung đạo pháp Vô thượng Chánh chân, thảy đều khai thị hiển thuyết ở trong bốn pháp này. Nếu có chúng sinh được nghe kinh này, thọ trì đọc tụng lại vừa biên chép rồi ở trong đại chúng phân biệt thuyết giảng rộng rãi thì nên biết công đức của người này chẳng nhỏ. Nếu có chúng sinh nghe được các pháp bốn câu như vầy, nghe rồi tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, ở trong đại chúng vì người thuyết giảng rộng rãi, chẳng lìa tâm Bồ-đề, người ấy chẳng bao lâu sẽ ở trong các đại chúng người, trời, gầm lên tiếng gầm của sư tử chúa. Giống như hôm nay Đức Như Lai gầm lên tiếng gầm của sư tử chúa. Chúng con hôm nay sung sướng được lợi ích, được nghe các pháp bốn câu như thế này; lại có thể tin hiểu, diễn nói các pháp bốn câu này.

Khi ấy, tám muôn bốn ngàn người, trời phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một vạn hai ngàn vị Bồ-tát được Vô sinh pháp nhẫn.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát phải thành tựu bao nhiêu pháp nữa để sau khi Phật vào Niết-bàn được nghe kinh này, thọ trì, đọc tụng lại biên chép, rồi ở trong đại chúng rộng rãi thuyết giảng, mở bày?

Phật bảo Bồ-tát Thiên Quan:

–Này Thiện nam! Bồ-tát phải thành tựu tám pháp để sau khi Phật Niết-bàn mà thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này. Rồi ở trong đại chúng phân biệt, thuyết giảng rộng rãi. Những gì là tám?

1. Thành tựu ý chí chuyên hướng về đạo Bồ-đề.

2. Hành Từ bi rốt ráo, đối với chúng sinh không có lòng xâm hại.

3. An trụ đại Bi để hóa độ chúng sinh.

4. Thường cầu pháp, làm điều lợi cho pháp, ưa thích pháp, ham muốn pháp, tìm cầu pháp, tập hợp pháp mà lòng không thấy đầy đủ như biển cả nuốt gọn các dòng sông.

5. Bỏ thân mạng để giữ gìn chánh pháp.

6. Gieo trồng căn lành sâu dày, tập hợp các phước đức.

7. Phát khởi đại nguyện, được chư Phật hộ trì.

8. Hàng phục các ma oán, lìa khỏi sự sợ hãi của mọi người.

Này Thiên Quan! Đó là tám pháp Bồ-tát phải thành tựu để sau khi Phật Niết-bàn có thể được thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh pháp này, ở trong đại chúng vì người thuyết giảng rộng rãi. Đời vị lai, khi diễn thuyết pháp như vậy thì ở tam thiên đại thiên thế giới này cũng lại chấn động sáu cách. Những hầm sâu, gò cao, các núi dơ bẩn, sông nước, ao hồ, dòng chảy và các biển cả đều biến mất hết, cũng chẳng gây não hại đến các loài chúng sinh dưới nước.

Bấy giờ tam thiên đại thiên thế giới đều bằng phẳng như bàn tay vi diệu trang nghiêm. Ở tam thiên đại thiên thế giới này, những cây khô chết hàng trăm năm rồi đều sinh hoa lá trở lại, nghiêng mình hướng về Đức Phật. Các cây cối còn sống thì hoa trái cành lá lại càng sum suê, cùng đều nghiêng mình hướng về Đức Phật. Trên mặt đất này mọc lên những hoa sen lớn như bánh xe nhiều màu sắc đáng yêu thích, mùi thơm ngào ngạt vừa ý, ánh sáng rực rỡ soi khắp cùng tam thiên đại thiên thế giới này. Trên giữa hư không có các Thiên tử chẳng hiện hình, đang tấu các âm nhạc. Nghe tiếng nhạc này, chư Thiên ở trong núi chúa Tuyết sơn và núi chúa Hương sơn rãi thêm hương thơm vi diệu khiến cho khắp tam thiên đại thiên thế giới này đều tỏa hương thơm. Trong hai núi chúa Tuyết sơn và Hương sơn mưa xuống các hoa đẹp đều trôi về Đức Phật, đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới, ngoài

ra các cây khác cũng đều mưa hoa xuống. Ở trên không trung có một lọng báu che được một vạn do-tuần. Lọng báu lớn này rủ xuống các xâu trân châu, màn lưới chuông nhỏ trang nghiêm. Trong các lưới chuông nhỏ đã phát âm thanh dịu êm làm vui lòng người, đồng thời có âm thanh nhiệm mầu lớn vang khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Bấy giờ, Đại đức Xá-lợi-phất thấy sự biến hiện này, chắp tay hướng về Đức Phật, bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Đây là điềm ánh sáng gì? Tướng chưa từng có này khắp tam thiên đại thiên thế giới đều được trang nghiêm rất đáng ưa thích!

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Đó là vua Đại Thọ Khẩn-na-la từ trong núi Hương sơn cùng với vô lượng Khẩn-na-la, vô lượng Càn-thát-bà, vô lượng chư Thiên, vô lượng Ma-hầu-la-già… cùng đông người vây quanh, muốn đến gặp Phật lễ bái, cúng dường. Vua Đại thọ Khẩn-na-la muốn đến gặp Phật nên trước hiện tướng đó.

Phật vừa nói xong thì vua Đại thọ Khẩn-na-la cùng với vô lượng chúng Khẩn-na-la, vô lượng chúng Càn-thát-bà, vô lượng Thiên chúng, vô lượng chúng Ma-hầu-la-già… tất cả đại chúng vây quanh. Họ tấu muôn bốn ngàn loại âm nhạc, dùng lời ca thanh tịnh vi diệu hòa với tiếng nhạc, thật khéo léo. Lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh tháp tùng theo họ đến. Các Bồ-tát đại lực thần thông đã kiên cố, bay lên hư không mưa xuống các loại hoa cùng khắp. Họ đi đến chỗ Đức Phật. Đến nơi rồi, họ cùng các người tùy tùng đảnh lễ dưới chân Đức Phật, đi nhiễu quanh bên phải bảy vòng, rồi đứng trước mặt Đức Thế Tôn.

Bấy giờ vua Đại thọ Khẩn-na-la đem cây đàn lưu ly trang nghiêm hoa lá bằng vàng Diêm-phù-đàn, tạo ra được do nghiệp báo thiện, thanh tịnh của mình ra để gảy. Ở trước Đức Như Lai, nhà vua khéo léo tự điều chỉnh tiết tấu tiếng đàn với tám muôn bốn ngàn nhạc cụ khác. Khi vua Đại thọ Khẩn-na-la đang gảy đàn và tấu các nhạc cụ thì âm thanh ấy vang đều khắp tam thiên đại thiên thế giới. Âm thanh của đàn và tiếng ca ngâm vi diệu này lấn át cả âm nhạc của chư Thiên cõi Dục giới.

Lúc ấy, chư Thiên ở cõi Dục đều dừng âm nhạc, cùng nhau đến chỗ Đức Phật. Khi vua Đại thọ Khẩn-na-la đang gảy đàn thì rừng núi của tam thiên đại thiên thế giới như: núi chúa Tu-di, núi Tuyết, núi Mục sơn lân đà, núi Hắc và các thảo dược, cây cối, tòng lâm đều vọt mất hết. Chúng động dần dần, động nữa rồi đều lay động hết, chúng nhấc lên dần dần, nhấc lên nữa rồi đều nhấc lên. Chúng giống như người say rượu ngã tới trước, té lùi

về sau không thể tự chủ được. Các núi Tu-di… nghiêng lệch vọt mất cũng lại như vậy. Khi vua Đại thọ Khẩn-na-la đang gảy đàn, trong đại chúng của Đức Phật, từ những bậc vua cõi người đến Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trời, rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Thích, Phạm, Hộ Thế hoặc Nhân phi nhân và những người ly dục, chỉ trừ Bồ-tát ở quả vị không thoái chuyển, còn tất cả các đại chúng nghe tiếng đàn và các tiếng nhạc này không thể tự ngồi yên mà đều đứng dậy múa theo. Đồng thời tất cả đại chúng Thanh văn nghe tiếng đàn nhạc không thể nhịn được nên đều đứng dậy bỏ hết oai nghi, ra dáng ngang bướng ham vui giống như trẻ con múa giỡn không thể tự kiềm chế được.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với tất cả các Đại Thanh văn và Bồ-tát Đại Ca-diếp:

–Tôn giả và các vị Đại đức đã lìa khỏi phiền não, được tám Giải thoát, kiến giải được bốn Thánh đế mà sao hôm nay xả bỏ hết oai nghi uốn thân múa máy như trẻ con?

Khi đó, Đại đức Ca-diếp và các Thanh văn đáp:

–Này Thiện nam! Chúng ta ở trong này chẳng được tự tại. Vì sao? Vì tiếng đàn này mà chúng ta đều chẳng ngồi yên được, bản thân chúng ta múa máy không thể kiềm chế được, tâm niệm chúng ta không thể an trụ được.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Bồ-tát Đại Ca-diếp:

–Tôn giả tuổi đã lớn, thiểu dục, tri túc, tu hạnh Đầu-đà, thường ưa chỗ tịch tịnh, Trời, Người, A-tu-la kính Tôn giả như Phật. Sao Tôn giả không thể kiềm chế để thân múa may như trẻ con. Sao Tôn giả không hộ trì thân tâm của đại chúng này?

Đại đức Ca-diếp nói rằng:

–Này Thiện nam! Như cơn lốc núi lớn thổi vào cây cối, thảo dược, tòng lâm… những thứ ấy không có sức để tự giữ yên ổn được chứ không phải bản tâm chúng muốn như thế. Nhưng chúng bị kích động nên chẳng thể tự kiềm chế được.

Này Thiện nam! Hôm nay vua Đại thọ Khẩn-na-la này gảy đàn, nhạc hòa với lời ca cực hay cùng tiếng tiêu tiếng địch kích động lòng ta như cơn lốc núi thổi vào các thân cây, nên không thể tự kiềm chế được. Thần lực thệ nguyện uy thế phước đức của đấng Thiện trượng phu này so với uy đức của bậc Thanh văn, Duyên giác thì thù thắng hơn nhiều.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan nói với Tôn giả Đại Ca-diếp:

–Nay ông hãy nhìn xem! Tiếng đàn nhạc đó không làm kinh động

được thể lực uy đức của các vị Bồ-tát ở quả vị không thoái chuyển. Này Đại đức Ca-diếp! Ai nghe như thế mà sẽ chẳng phát tâm nơi đạo Vô thượng Chánh chân Bồ-đề. Vì sao vậy? So với uy lực của hữu lượng trí hôm nay chẳng bằng tiếng đàn. Do đó, khiến cho những người có uy đức lớn như thế nghe tiếng đàn này không thể tự kiềm chế được, còn những bậc hướng về Đại thừa không thoái chuyển thì tiếng đàn ấy không thể lay động được.

Bấy giờ vua Đại thọ Khẩn-na-la lại đổi điệu đàn cùng với tám muốn bốn ngàn điệu nhạc khác. Rồi nhờ uy lực của Đức Phật và uy lực căn lành đời trước của vua Đại thọ Khẩn-na-la nên các âm thanh đàn nhạc nói lên lời kệ:

Tất cả pháp hướng về tịch tịnh
Cho đến thượng, trung, hạ như vầy
Rỗng lặng tịch diệt, không phiền não
Đấng Tối Vô Cấu hiện hôm nay.
Chúng sinh ngang bằng không chúng sinh
Quá khứ, hiện tại cũng vậy thôi
Dùng âm thanh nói khiến người nghe
Tiếng này ngang bằng với pháp giới.
Các thế giới đồng không thế giới
Hiện tướng giảng nói hư không
Không sinh, không tăng cũng không giảm
Hiển thị hư vọng như hư không.
Thiện giác chư Phật đều đồng đẳng
Pháp giới quyết định không hủy hoại
Thông đạt thí, giới và trí tuệ
Nhất tướng bình đẳng, cùng vô tướng.
Các "Kết" tịch diệt mãi không "Kết"
Do vì vọng tưởng sinh phân biệt
Không giữa, không trong cũng không ngoài
Vọng tưởng điên đảo "Có" sinh ra.
Nếu pháp, phi pháp không vọng tưởng
Mong cầu các pháp Vô sở hữu
Hiểu ra danh sắc tánh thật chân
Người kia ở đời, không nhiễm trước.
Quá khứ, vị lai không thể lường
Pháp mầu rộng nói cũng như trên
Bản tế tịch diệt không tận diệt

Không có trụ xứ, không địa phương
Dùng văn tự để nói pháp Không
Mà văn tự này là Tận tướng.
Đã biết văn tự là Tận tướng
Thì đối các pháp không vọng tưởng.
Giữ tâm bình đẳng, không đối tượng
Tất cả chẳng trái với pháp tướng
Tâm và các pháp không có sinh
Biết tất cả pháp nhập bình đẳng.
Tế không tế, đoạn không chỗ đoạn
Trước sau và giữa được đồng đều
Đã biết rõ ba đời bình đẳng
Trí đó thật vô biên vô lượng.
Tham trước sắc, danh ở thế gian
Hữu biên vô biên đều tịch tĩnh
Đã biết rõ pháp tướng nhân duyên
Vô ngã, chúng sinh, mạng, vọng tưởng.
Những điều ngã kiến không khởi lên
Tất cả các pháp cũng không khởi
Nếu điều đã khởi vốn không khởi
Thuận Pháp nhãn, thường thuận theo ngay.
Tính ấy giống như chớp trong mây
Tất cả pháp như thật tính ngã
Ngã, nhân, chúng sinh tính tự không
Nhập vào Đà-la-ni ấn tướng.
Từ giác biết ba môn giải thoát
Nhất tướng, vô tướng đồng một tướng
Tất cả "hữu pháp" không ngằn mé
Pháp, tự pháp không có vọng tưởng.
Nói pháp phân biệt bằng văn chương
Hoặc thượng hoặc hạ hay là trung
Văn tự cũng không có vọng tưởng
Tìm tòi phân biệt nghĩa chân thật.
Nghĩa và văn tự cùng tương ưng
Dùng âm thanh nói không hai nghĩa
Nếu biết bản tánh thường tịch nhiên
Tính bản tế kia thường tự đoạn.
Nếu tính bản tế thường tự đoạn

Nên tu các hạnh lợi cho đời
Tìm tòi bản tế, vô bản tế
Đại Từ bi kia rất thanh tịnh
Nếu đại Từ bi tối thanh tịnh
Khổ vui đồng đẳng mà tu hành
Lại cũng không cao cũng không thấp
Đó gọi Đại trượng phu biết lợi.
Pháp nhãn tịch tĩnh, tối tịch tĩnh,
Cả kiến, bất kiến thường tịch tĩnh
Lại cũng không giảm, cũng không tăng
Tánh kia lìa "tác" thường tịch tĩnh.
Làm sao nắm giữ tiếng trên không
Tuy nghe biết được, không thể nói
Cả người diễn thuyết lẫn người nghe
Thảy đều chẳng thật, được tự tại.

Khi các tiếng đàn nhạc đang diễn ra lời pháp kệ này, tám ngàn vị Bồ-tát đạt được Vô sinh nhẫn.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Lời kệ vi diệu này phát ra từ đâu?

Đức Phật bảo:

–Này Thiện nam! Hôm nay ông tự đến hỏi vua Đại thọ Khẩn-na-la. Vua ấy sẽ vì ông mà đáp cho!

Lúc ấy Bồ-tát Thiên Quan hỏi vua Đại thọ Khẩn-na-la rằng:

–Thưa đức vua! Kệ vi diệu này phát ra từ đâu?

Vua đáp rằng:

–Này Thiện nam! Từ trong âm thanh của chúng sinh phát ra!

Bồ-tát lại hỏi:

–Âm thanh của chúng sinh từ đâu mà phát ra?

Vua đáp:

–Này Thiện nam! Âm thanh của chúng sinh từ hư không phát ra!

Bồ-tát Thiên Quan hỏi:

–Thưa vua Khẩn-na-la! Âm thanh của chúng sinh chẳng phải phát ra từ miệng ư?

Vua đáp:

–Này thiện nam! Vậy là âm thanh của chúng sinh phát ra từ thân hay phát ra từ tâm?

Bồ-tát Thiên Quan đáp:

–Chẳng phát ra từ thân, cũng chẳng phát ra từ tâm! Vì sao? Vì rằng thân ngu si không biết gì như cỏ, cây, sành, đá. Còn tâm thì không hình sắc, không thể nhìn thấy, không sờ mó được không thể tuyên nói được giống như huyễn hóa!

Vua Đại thọ Khẩn-na-la nói:

–Này Thiện nam! Nếu lìa khỏi thân tâm thì âm thanh phát ra từ đâu?

Bồ-tát Thiên Quan đáp rằng:

–Âm thanh phát sinh từ tư duy.

Vua lại hỏi:

–Nếu không có hư không thì âm thanh pháp sinh từ đâu?

Bồ-tát Thiên Quan đáp rằng:

–Nếu lìa khỏi hư không thì âm thanh không thể phát ra được!

Vua Khẩn-na-la nói:

–Này Thiện nam! Vậy nên, ông nên biết rằng, tất cả âm thanh đều phát ra từ hư không. Nên biết, âm thanh này tức là tánh của hư không. Nó được nghe rồi liền diệt mất! Nếu nó đã diệt rồi thì đồng trụ với tánh hư không. Vậy nên, các pháp hoặc nói hoặc không nói đều đồng với tánh hư không. Vì vậy chẳng xả bỏ cõi hư không được. Nếu dùng âm thanh phân biệt các pháp cũng vậy! Nếu dùng âm thanh để có thể nói pháp mà tìm cầu các pháp này ở trong âm thanh thì không thể được, hay tìm cầu âm thanh trong các pháp cũng không được.

Này thiện nam! Vậy nên nói rằng tất cả pháp không thể nói bằng lời, chỉ dùng âm thanh gọi là lời nói. Ông nên biết rằng, lời nói là không có đối tượng. Vả lại, dùng âm thanh gọi là lời nói, những âm thanh này vốn không trụ xứ, mà nếu không trụ xứ thì không bền vững, chân thật, mà cho là thật. Nếu đó là thật thì không thể hủy hoại. Nếu không thể hủy hoại, thì không có khởi lên. Nếu không có khởi lên, thì không có diệt mất. Nếu không có diệt mất thì gọi là thanh tịnh. Nếu đúng là thanh tịnh thì chính là trong sạch. Nếu đúng là trong sạch thì chính là không nhiễm ô. Nếu đúng là không nhiễm ô thì chính là sáng suốt. Nếu đúng là sáng suốt thì chính là tâm tánh. Nếu đúng là tâm tánh thì chính là ra khỏi. Nếu chính là ra khỏi thì ra khỏi các tướng. Nếu ra khỏi các tướng thì chính là quả vị chân chánh. Nếu Bồ-tát ở quả vị chân chánh thì gọi là Vô sinh pháp nhẫn. Nếu chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn thì có thể nhẫn được tất cả, cũng nhẫn được với hư không, cũng nhẫn được với người. Vì sao vậy?

Chẳng rời khỏi người thì gọi đó là hư không. Người tức là hư không,

nhẫn được với vô tướng cũng nhẫn được với cả hữu tướng. Vì sao vậy?

Thật tánh của tướng này tức là vô tướng. Nhẫn với vô nguyện cũng nhẫn cả với nguyện. Vì sao vậy?

Thật tánh của nguyện tức là vô nguyện. Tất cả pháp tánh và chúng sinh tánh, tất cả sự thường còn và hoại diệt cũng nhẫn như thế. Vì sao vậy?

Tánh sinh tử của tất cả chúng sinh giống như huyễn mộng. Đó gọi là Bồ-tát đạt được Vô sinh pháp nhẫn, chẳng trái với tất cả pháp, chẳng ngược với tất cả pháp. Nếu thuận với nhẫn này thì cũng đạt được nhẫn.

Thuận theo các pháp không đi, nếu không đi thì không đến. Nếu không đi, không đến mà biết tất cả pháp thì chính là thường trụ đúng như pháp thuận theo, đúng chỗ mà tu hành thì gọi là thành tựu Vô sinh pháp nhẫn. Tất cả lời nói tức là âm thanh. Vì nói với người khác nên khởi lên âm thanh này. Vô sinh pháp nhẫn này không có thể nói, không có thể nghe. Vì sao vậy?

Nghĩa này không thể nắm bắt được vậy. Pháp nhẫn này không phải âm thanh cũng chẳng phải lời nói.

Này Thiện nam! Đức Như Lai Thế Tôn có cái uy đức lớn đồng với nghĩa không thể nắm giữ. Nói đến nghĩa Không thể nắm giữ tức là nói đến sự chứng đắc.

-oOo-

KINH ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA VƯƠNG
SỞ VẤN

QUYỂN 2

Bấy giờ, Bồ-tát Thiên Quan bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thật chưa từng có! Vua Khẩn-na-la này thành tựu được pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy!

Bạch Thế Tôn! Vua Khẩn-na-la này thành tựu được sức thần thông vi diệu thù thắng như thế, lại có thể diễn thuyết được pháp nhẫn thậm thâm.

Bạch Thế Tôn! Vua Khẩn-na-la đã ở nơi bao nhiêu Đức Phật để gieo trồng các căn lành, có được biện tài như thế?

Đức Phật nói:

–Giả sử có đếm được số thế giới nhiều như các vì sao, bằng với số cát sông Hằng thì số các Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác mà vua Khẩn-na-la này đã phụng sự không thể đếm được.

Này thiện nam! Người này đã ở trong ngần ấy cõi Phật như vậy mà tu hành phạm hạnh, chứa nhóm đạo Vô thượng chánh chân; thế nên đã được biện tài như vậy.

Lúc ấy Bồ-tát Thiên Quan hỏi vua Khẩn-na-la:

–Bệ hạ đã ở chỗ các Đức Phật nhiều không suy lường được như vậy, gieo trồng vô lượng vô biên căn lành, sao không thành đạo Vô thượng chánh chân?

Bấy giờ vua Đại Thọ Khẩn-na-la nói với Bồ-tát Thiên Quan:

–Này thiện nam! Đại Bồ-tát có mười hai pháp không cho là đầy đủ. Những gì là mười hai?

Đó là:

1. Cúng dường phụng sự các Đức Phật Thế Tôn không đầy đủ.

2. Chứa nhóm các căn lành không đầy đủ.

3. Tập trung nghe pháp bảo không đầy đủ.

4. Tu Thiền giải thoát không đầy đủ.

5. Tu Pháp quán tịch không đầy đủ.

6. Lưu thông hiển bày pháp không đầy đủ.

7. Giáo hóa chúng sinh không đầy đủ.

8. Hộ trì chánh pháp không đầy đủ.

9. Không bỏ nơi thanh vắng không đầy đủ.

10. Trang nghiêm cõi Phật đầy các Ba-la-mật không đầy đủ.

11. Tu tập phước tuệ không đầy đủ.

12. Chứa nhóm pháp trợ Bồ-đề không đầy đủ.

Này thiện nam! Đó là mười hai pháp không đầy đủ của Bồ-tát. Vậy nên, Bồ-tát cầu căn lành trang nghiêm không cho là đủ.

Bấy giờ vua Đại thọ Khẩn-na-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe Bồ-tát có được Tam-muội tên là Bảo trụ. Nếu có Bồ-tát đạt được Tam-muội này thì tất cả pháp bảo, các pháp công đức tự nhiên mà có được.

Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin nguyện Đức Như Lai diễn nói về Tam-muội Bảo trụ này. Bồ-tát nghe rồi, đối với tất cả pháp được tự tại, tăng trưởng theo pháp.

Bấy giờ, Phật bảo vua Đại Thọ Khẩn-na-la:

–Đúng vậy, này vua Khẩn-na-la! Quả thật có Tam-muội tên là Bảo trụ! Ông nay hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ nói về Tam-muội Bảo trụ của Bồ-tát!

Vua Khẩn-na-la bạch:

–Lành thay, bạch Thế Tôn! Con nguyện xin lắng nghe và kính nhận.

Phật bảo vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Nếu có Bồ-tát muốn cho chủng tánh Phật bảo chẳng đoạn, chủng tánh Pháp bảo, chủng tánh Tăng bảo chẳng đoạn dứt thì tu hành chứa nhóm sinh ra tám mươi loại báu. Những gì là tám mươi loại báu?

Đó là:

1. Chẳng quên tâm báu nhất thiết trí.
2. Chẳng lìa bỏ tâm báu ý chí.
3. Chẳng bỏ tâm báu tu các căn lành.
4. Chẳng lìa bỏ tâm báu định tịch tĩnh người bền vững.
5. Sinh khởi tâm báu bố thí tất cả.
6. Tâm báu thanh tịnh chẳng mong báo đền mà hồi hướng đạo Bồ-đề.

7. Tâm báu trang nghiêm thân đầy đủ ba điều thiện.

8. Tâm báu trang nghiêm miệng lìa bốn lỗi.

9. Tâm báu trang nghiêm ý lìa bỏ vô minh.

10. Tâm báu trang nghiêm ý lìa bỏ ái dục.

11. Tâm báu trang nghiêm ý lìa bỏ sân hận.

12. Tâm báu trang nghiêm ý lìa bỏ kiến chấp.

13. Tâm báu trì giới chẳng hủy, chẳng thủng, chẳng hoại, chẳng khuyết nên chẳng thủng, chẳng hoại, chẳng khuyết, chẳng ô nhiễm, giới trang nghiêm.

14. Tâm báu không não hại nên đối với chúng sinh bình đẳng.

15. Tâm báu nhu hòa nhẫn nhục thì có thể nhẫn nhịn việc khó nhẫn.

16. Tâm báu không buồn lo, thân mạng thanh tịnh thì Bồ-đề thanh tịnh.

17. Tâm báu không ái dục, sân hận thì không cao thấp.

18. Tâm báu kiên cường trang nghiêm, không lo lắng.

19. Tâm báu tất cả việc đã làm đều được thành tựu không buông thả.

20. Tâm báu niệm tuệ kiên cố, tinh tấn thể nhập, khéo tu tập pháp trợ Bồ-đề.

21. Tâm báu khởi lên Hiền giải thoát Tam-muội nên đạt được tâm tự tại.

22. Tâm báu chứa nhóm pháp nên tập hợp tài sản tự tại.

23. Tâm báu nghe chánh pháp rồi hay hộ trì nên đạt được vô úy.

24. Tâm báu không lẫn tiếc pháp nên lòng không keo lẫn.

25. Tâm báu thuyết pháp chẳng chờ lợi dưỡng nên hướng về chánh lưu.

26. Tâm báu đúng như pháp đã nghe thành tựu đầy đủ nên tu hành đúng như pháp đã nghe.

27. Tâm báu trí quán thì không hàng phục Trí.

28. Tâm báu đại Từ hóa độ chúng sinh.

29. Tâm báu đại Bi, quán sát chúng sinh.

30. Tâm báu đại Hỷ, yêu thích pháp.

31. Tâm báu đại Xả, các pháp tịch tịnh.

32. Tâm báu chẳng chán sinh tử, chứa nhóm các căn lành.

33. Tâm báu hóa độ chúng sinh nên chẳng trụ an lạc riêng mình.

34. Tâm báu Bốn nhiếp vì hộ trì pháp.

35. Tâm báu khởi thần thông nên thị hiện biến hóa tất cả thần thông.

36. Tâm báu Thiện tri thức vì nghe pháp.

37. Tâm báu lìa ác tri thức chứa nhóm căn lành.

38. Tâm báu vì tất cả chúng sinh tu chân chánh như Niết-bàn.

39. Tâm báu lìa tất cả các bệnh, kết sử nhập vào tất cả ý chí của chúng sinh.

40. Tâm báu đối với tất cả pháp sinh tưởng an lạc thì trừ diệt các bệnh.

41. Tâm báu khéo tu, học tập không khinh nhờn thì biết được pháp của bậc Đại nhân.

42. Tâm báu diệt kiêu mạn thì đối với các chúng sinh khiêm nhường hạ mình.

43. Tâm báu không dối trá thì không dua nịnh hót lừa dối.

44. Tâm báu hòa kính thì khiến pháp trụ lâu dài.

45. Tâm báu hộ trì pháp bảo thì báo đáp ân của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại.

46. Tâm báu tri ân, báo ân là bạn thân hoàn hảo.

47. Tâm báu chẳng mong báo đáp thì không có đối tượng thân thiết.

48. Tâm báu thường xuất gia thì chẳng quên điều đã làm.

49. Tâm báu thích an lạc thì giữ gìn sự thanh tịnh.

50. Tâm báu thánh chủng thiểu dục, tri túc thì chứa nhóm trì giới.

51. Tâm báu trang nghiêm tất cả công đức đầu-đà thì đối các chúng sinh không có lỗi.

52. Tâm báu thiểu dục, tri túc thì thấy tuệ không đầy đủ.

53. Tâm báu ở một mình thì thân, ý tịch tịnh.

54. Tâm báu cầu pháp không chán thì đầy đủ tướng tốt.

55. Tâm báu tập trung trí trang nghiêm không chán thì đoạn được các nghi hoặc của tất cả chúng sinh.

56. Tâm báu niệm Phật thì chẳng rời chư Phật.

57. Tâm báu niệm pháp thì chẳng lìa nghe pháp.

58. Tâm báu niệm tăng thì chẳng thoái Bồ-tát tăng.

59. Tâm báu niệm giới thì chẳng xả bỏ tâm Bồ-đề.

60. Tâm báu niệm xả thì xả thì xả được các kết sử.

61. Tâm báu niệm thiên thì buộc ở địa vị Bồ-tát nhất sinh bổ xứ.

62. Tâm báu biện tài về nghĩa thì hiểu hết tất cả nghĩa.

63. Tâm báu biện tài về pháp thì chẳng họa pháp giới.

64. Tâm báu biện tài về từ thì hiểu rõ tất cả âm thanh.

65. Tâm báu ưa biện tài thuyết giảng thì vui thích với tất cả chúng sinh.

66. Tâm báu chứng đắc Đà-la-ni, tùy chỗ nghe pháp chẳng quên mất.

67. Tâm báu nương nghĩa, biết được thật tính của văn tự.

68. Tâm báu nương trí, hiểu biết như huyễn.

69. Tâm báu nương kinh liễu nghĩa thì ở trong kinh liễu nghĩa không sai trái, tranh cãi.

70. Tâm báu nương pháp thì hiểu rõ thật tính của Nhân.

71. Tâm báu quán tất cả pháp vô ngã và chúng sinh đều vô ngã.

72. Tâm báu quán đến Niết-bàn tịch tịnh thì rốt ráo tịch tịnh.

73. Tâm báu quán giải thoát môn Không, Vô tướng, Vô nguyện thì vào cửa Bất tử.

74. Tâm báu quán tất cả pháp không sinh thì đạt được vô sinh pháp nhẫn.

75. Tâm báu thấy tất cả pháp như huyễn, như mộng, như ánh lửa, như bóng, như tiếng vang, như trăng đáy nước thì chẳng trụ các kiến chấp.

76. Tâm báu thuận theo pháp nhân duyên thì dứt sạch đoạn kiến, thường kiến.

77. Tâm báu không vào hai pháp môn thì hiểu được "nhất đạo".

78. Tâm báu lìa tất cả hạnh thì đạt đến quả vị chân chánh.

79. Tâm báu quán, an trụ chánh pháp thì tất cả pháp bình đẳng.

80. Tâm báu tập trung tất cả pháp trợ Bồ-đề thì hiểu hết tất cả pháp của chư Phật.

Như vậy, này vua Khẩn-na-la! Nếu Bồ-tát tu tập các pháp như vậy, khéo tu, ưa tu, an trụ chân chánh để tu hành, đúng như những điều đã nói.

Đó gọi là Bồ-tát Tam-muội Bảo trụ. Nếu như vậy thì Bồ-tát liền được Tam-muội Bảo trụ này. Nếu có Bồ-tát đã thành tựu được Tam-muội Bảo trụ này thì vị Bồ-tát này không có báu thế gian hay báu xuất thế gian nào mà chẳng được tự tại.

Này vua Khẩn-na-la, thế nào là báu thế gian? Thế nào là bán xuất thế gian?

Này vua Khẩn-na-la! Báu thế gian là các bậc tài năng, quý trọng của người, trời như các bậc tài năng xuất chúng của Phạm thiên, Hộ thế, Chuyển luân vương, cư sĩ, Bà-la-môn, Trưởng giả, Sát-lợi. Tuy họ có được tài năng, sự tôn kính của trời người như vậy mà chẳng buông lung. Do họ chẳng buông lung nên có thể chứa nhóm tất cả pháp trợ Bồ-đề. Đó gọi là báu thế gian. Sao gọi là báu xuất thế gian? Sở dĩ gọi bậc Tuệ thánh là báu xuất thế gian vì trí tuệ thâu tóm hết pháp thế gian. Vậy nên, nói nhập vào cửa tuệ Bát-nhã là xuất thế gian. Ví như biển cả là chủ của các dòng sông, như núi Tu-di là vua của các núi, giống như các vì sao thì trăng là chúa, như dược thảo, hỏa châu thì ánh sáng mặt trời là sự cần thiết bậc nhất. Tất cả cầm thú thì sư tử là tối cao của chúng, tất cả thứ dân thì vua là tối cao của họ. Ba mươi ba tầng trời thì Đế Thích là địa vị tối cao, trong các Phạm thiên thì Phạm vương là tối cao.

Như vậy, này vua Khẩn-na-la! Tất cả pháp xuất thế gian thì trí tuệ là trên hết. Vậy nên nói rằng Bát-nhã là vua trong các kinh, vượt qua các dòng, an trụ đạo vậy.

Đó gọi là ngọn đuốc soi sáng kết sử tối tăm.

Đó gọi là sức dũng kiện hàng phục các oán.

Đó gọi là y vương hòa các thứ thuốc.

Đó gọi là thầy biết hết kinh sách.

Đó gọi là mũi tên bắn trúng đích kết sử.

Đó gọi là sức mạnh trừ sạch kết sử.

Đó gọi là con voi lớn nhổ bật rễ cây kết sử.

Đó là không sai trái, tranh cãi, đều bình đẳng.

Đó là không đấu tranh, không kiện tụng.

Đó gọi là không trái nghịch khéo tùy thuận.

Đó gọi là không sân hận, rốt ráo diệt tận

Đó gọi là gọi là biết rõ bốn Thánh đế.

Đó gọi là niệm chánh, niệm xứ.

Đó gọi là chánh năng, chánh đoạn.

Đó gọi là thị hiện năng lực thần túc.

Đó gọi là giới chướng ngại các căn.

Đó gọi là có sức lớn hàng phục.

Đó gọi là biết về thiện, biết về trí.

Đó gọi là khai thị để thị hiện chánh đạo.

Đó gọi là tịch để định tịch tĩnh.

Đó gọi là ánh sáng làm cho tuệ sáng.

Đó gọi là làm sáng để lìa khỏi chướng ngăn che.

Đó là đến chỗ chánh đạo, được chiếu sáng.

Đó gọi là trừ đoạn, trừ kết sử, phiền não

Đó là không sóng gió vượt qua các dòng.

Đó là không thể thấy, vượt qua cảnh giới.

Đó là không cảnh giới, lìa khỏi trong, ngoài.

Đó gọi là Không, lìa khỏi bờ kiến chấp

Đó gọi là Vô tướng lìa khỏi giác quán.

Đó gọi là Vô nguyện ra khỏi tướng ba cõi.

Đó gọi là Nhất tướng không có tướng.

Đó gọi là tướng hư không không tương tợ.

Đó gọi là trừ ái dục, kiêu mạn lìa khỏi nghiệp ma.

Bố thí không vọng tưởng, chẳng nương vào giới, chẳng trụ nhẫn nhục. Chẳng khởi tinh tấn. Chẳng nhiễm trước thiền. Không ngôn thuyết môn. Không nhất thiết môn. Tự tạo phương tiện, không ngã không chúng sinh, đến bờ kia, tập trung các căn lành. Không tạo tác, không người tạo tác, vượt qua các đạo tạo tác.

Này vua Khẩn-na-la! Những điều đó chính là báu xuất thế gian, gọi là báu Bát-nhã. Báu trí tuệ này tức là cái thể của Tam-muội Bảo trụ. Nếu Bồ-tát chứng đắc Tam-muội Bảo trụ thì tất cả các báu đều tập trung lại hết. Này vua Khẩn-na-la! Ví như biển cả là chúa của các dòng sông, nó tập hợp tất cả báu thì tất cả các báu đều về lại hết, rồi ở trong biển sinh ra các báu.

Như vậy, này vua Khẩn-na-la! Nếu Bồ-tát đạt được Tam-muội Bảo trụ này, vì là chúa của tất cả các chúng sinh nên Bồ-tát tập hợp tất cả báu thì tất cả pháp đều hướng về cả. Này vua Khẩn-na-la! Tam-muội Bảo trụ có thể tập hợp tất cả các Pháp bảo. Trong đó chẳng đoạn dứt hạt giống Tam bảo. Tam-muội Bảo trụ này gọi là Tập tụ các Pháp bảo.

Bấy giờ Bồ-tát Thiên Quan bạch Đức Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này đã thành tựu được Tam-muội Bảo trụ này ư?

Phật nói:

–Này thiện nam! Nay ông hãy đích thân hỏi vua Đại thọ Khẩn-na-la. Nhà vua sẽ vì ông mà nói!

Khi ấy Bồ-tát Thiên Quan liền hỏi vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Thưa đức vua Đại thọ Khẩn-na-la! Bệ hạ đã thành tựu được Tam-muội Bảo trụ của Bồ-tát rồi ư?

Nhà vua đáp:

–Này thiện nam! Trong Tam-muội này không trụ, không đắc. Trong Tam-muội này không có người đắc được mà Tam-muội này chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tam-muội này không sắc để thấy, không tiếng để nghe, chẳng phải là tướng trụ, chẳng phải là tướng diệt, không có tướng xứ, chẳng phải vô tướng, chẳng phải nhất tướng. Đã nói tướng ấy là đều không có tướng, không thể tạo tác. Tướng của Tam-muội ấy là tự không có tướng cũng chẳng phải vô tướng. Tu Tam-muội này tương ứng như vậy.

Này thiện nam! Tam-muội này bình đẳng với tất cả các pháp. Nếu đã bình đẳng với các pháp thì cũng bình đẳng với ngã. Nếu bình đẳng với ngã thì cũng bình đẳng với tất cả chúng sinh.

Này thiện nam! Vậy nên Tam-muội này bình đẳng với tất cả chúng sinh. Vì sao vậy? Tất cả chúng sinh tức là không tướng mà không tướng là tướng của Tam-muội. Tất cả chúng sinh tức là tướng vô nguyện mà tướng vô nguyện là tướng của Tam-muội. Tất cả chúng sinh và tất cả pháp là tướng tịch tĩnh mà tướng tịch tĩnh là tướng của Tam-muội. Tất cả chúng sinh là tướng vô ngã mà tướng vô ngã là tướng của Tam-muội. Tướng Tam-muội này không thể dùng thân mà chạm xúc được, không thể dùng tâm mà cảm xúc được. Phàm pháp có thể chạm xúc được hoặc bằng nhau hoặc chẳng bằng nhau, tất cả đều là khéo điều phục diễn nói vậy.

Khi ấy Bồ-tát Thiên Quan liền bạch Phật:

–Thật ít có, bạch Thế Tôn! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này ở trong chỗ phóng dật như vậy mới có thể diễn thuyết được pháp thậm thâm vi diệu.

Phật nói:

–Này Thiện nam! Bồ-tát từ trong đất tuệ phương tiện sinh ra thị hiện tất cả đối tượng tạo tác mà chẳng làm cho tất cả đối tượng tạo ô nhiễm.

Này Thiện nam! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này dùng âm thanh đàn nhạc, tiêu, địch và lời ca vi diệu điều phục bảy mươi ức chúng Khẩn-na-la khiến họ trụ Bồ-đề. Ba mươi ức Càn-thát-bà được điều phục khiến họ trụ ở đạo Vô thượng. Tám muôn bốn ngàn quyến thuộc của vua ấy an trụ Nhất thiết trí. Vua ấy có trí phương tiện rộng lớn như vậy.

Này Thiện nam! Ta xướng lên lời này: Các vị Bồ-tát này tùy nơi cư trú ở tại bổn xứ, tùy theo các chỗ ở đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh.

Này Thiện nam! Giống như không có củi, lửa thì chẳng cháy lên được. Như vậy, này thiện nam! Bồ-tát ở chỗ tịch tĩnh cũng như thế. Họ chẳng thể giáo hóa, dẫn dắt chúng sinh thành công rực rỡ được.

Này Thiện nam! giống như gom lại nhiều củi thì lửa cháy rực. Này Thiện nam! Bồ-tát cũng vậy. Họ ở chỗ nhiều người thì sự giáo hóa dẫn dắt chúng sinh thành công rực rỡ. Này Thiện nam! Do đó ông nên biết! Bồ-tát ở tại chỗ tôn quý thì tùy trụ xứ mà đem lại nhiều lợi ích cho chúng sinh.

Bồ-tát Thiên Quan lại bạch Phật:

–Sao vua Đại thọ Khẩn-na-la này dùng đàn và tiếng ca vi diệu cùng các âm nhạc để giáo hóa chúng sinh?

Phật bảo Bồ-tát Thiên Quan:

–Này Thiện nam! những chúng Khẩn-na-la, Càn-thát-bà và Ma-hầu-la-già… ưa thích âm nhạc. Vua Đại thọ Khẩn-na-la này khéo gảy đàn hòa với âm thanh của các nhạc cụ làm cho chúng Khẩn-na-la, chúng Càn-thát-bà, chúng Ma-hầu-la-già đó khởi lên sự ưa thích vui mừng, tin hiểu, tăng thêm lòng cung kính. Khi họ đã được sự ưa thích, tin hiểu, tăng thêm cung kính này rồi, nhà vua này làm cho trong âm thanh này phát ra tiếng Phật, tiếng Pháp, tiếng Tăng, tiếng chẳng quên tâm Bồ-đề, tiếng Bố thí, tiếng Trì giới, tiếng Nhẫn nhục, tiếng Tinh tấn, tiếng Thiền định, tiếng Trí tuệ, tiếng Từ, tiếng Bi, tiếng Hỷ, tiếng Xả, tiếng Niệm xứ, tiếng Chánh đoạn, tiếng Thần túc, tiếng Ngũ căn, tiếng Ngũ lực, tiếng Giác, tiếng Đạo, tiếng định, tiếng tuệ, tiếng thiền định giải thoát Tam-muội, tiếng vô thường, tiếng khổ, tiếng vô ngã, tiếng tịch, tiếng không, tiếng vô tướng, tiếng vô nguyện, tiếng vô sinh, tiếng vô khởi, tiếng vô hành, tiếng pháp tạng Bồ-tát đã tiếp thu pháp, tiếng Đà-la-ni Kim cương cú Tam-muội mãn, tiếng chuyển pháp luân không thoái, tiếng Nhất thiết quyết định pháp vương, tiếng Tam-muội Đại hải trang nghiêm, tiếng Tam-muội Nhất thiết pháp tự tại, tiếng Tam-muội Bảo hữu, tiếng Tam-muội Bảo hàng phục, tiếng Tam-muội Bảo cự, tiếng Tam-muội Ngụ lạc Tam-muội, tiếng Tam-muội liên hoa trang nghiêm, tiếng Tam-muội Quá liên hoa, tiếng Tam-muội Nhất thiết xứ, tiếng Tam-muội Nhất thiết pháp bạch liên hoa, tiếng Tam-

muội Tăng ích, tiếng Tam-muội Đại phấn tấn, tiếng Tam-muội Sư tử phấn tấn, tiếng Tam-muội Nhật đăng, tiếng Tam-muội Vô lượng toàn, tiếng Tam-muội Tiền tiến, tiếng Tam-muội Kim cương trường, tiếng Tam-muội Kim cương tràng, tiếng Tam-muội Kim cương bất hoại, tiếng Tam-muội Địa trì, tiếng Tam-muội Sơn đăng, tiếng Tam-muội Sơn tràng, tiếng Tam-muội Bảo tạng, tiếng Tam-muội Bảo hoa, tiếng Tam-muội Bảo tâm tự tại, tiếng Tam-muội Quán nhất thiết chúng sinh tâm, tiếng Tam-muội Xuất tăng trưởng nhất thiết hành, tiếng Tam-muội Tu thâm kiên, tiếng Tam-muội Tạp biện, tiếng Tam-muội Vô quán, tiếng Tam-muội Quán Nhất thiết chúng sinh, tiếng Tam-muội du hý, tiếng Tam-muội Xuất nhất thiết thần thông cảnh giới, tiếng Tam-muội Hàng ma giới, tiếng Tam-muội Hiện nhất thiết sắc, tiếng Tam-muội Nhập nhất thiết, tiếng Tam-muội Phân nhất thiết, tiếng Tam-muội Trụ nhất thiết hạnh, tiếng Tam-muội Tuệ đăng, tiếng Tam-muội Thủ đăng, tiếng Tam-muội Quán Bồ-đề, tiếng Tam-muội Quá nhạo biện, tiếng Tam-muội Tác nhập nhất thiết công đức.

Này thiện nam! trong tiếng đàn ca và các âm nhạc này phát ra những pháp Tam-muội như thế, khiến cho các chúng sinh nhận sự hóa độ rồi ra đi. Các vị Đại Bồ-tát thành tựu được pháp hi hữu như thế khi nói đến các hạnh công đức, thần lực của vua Đại thọ Khẩn-na-la này, do nhờ Phật lực nên có hoa trời Mạn-đà-la tụ lại. Các đại chúng đều dùng hoa ấy tung lên trên vua Đại thọ Khẩn-na-la. Vua Đại thọ Khẩn-na-la dùng thần lực, tay phải nắm lấy không để một hoa rơi xuống đất. Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la liền dùng hoa ấy tung lên cúng dường Như Lai. Khi nhà vua đang tung hoa cúng dường, nhờ thần lực của Phật nên những hoa này kết thành một lọng báu che được một ngàn thế giới. Trong lọng báu đó, vô lượng ngàn vạn ức xâu trân châu báu treo rủ xuống. Ở mỗi một xâu trân châu phát ra vô lượng vạn ức ánh sáng. Trong mỗi một ánh sáng hiện ra hoa sen báu đủ sắc đẹp đẽ, hương thơm tỏa ngát thật thích ý. Trong các đài hoa, tất cả đều hiện ra sắc tướng của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai đang ngồi kiết già. Các Đức Phật này đều khen ngợi vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Lành thay, lành thay! Chỉ có vua Đại thọ Khẩn-na-la mới có thể giáo hóa được vô lượng chúng sinh, Bồ-tát nên phải thi hành như vậy! Đã ra khỏi thế gian mà trở lại thế gian để giáo hóa chúng sinh, sinh tử đã hết mà trở lại thọ thân. Đạt được quả vị Niết-bàn trở lại đi khắp ba cõi, sinh ra ở trong đó để giáo hóa chúng sinh.

Bấy giờ vua Đại thọ Khẩn-na-la nghĩ như vầy: "Ta nay phải làm lọng báu che lên cho từng vị Phật." Lúc ấy, nhà vua này liền nhập vào Tam-muội tên là Trang nghiêm bảo cái. Khi nhà vua đang nhập vào Tam-muội

này, có từng lọng báu vi diệu che lên từng vị Như Lai và tay phải của tất cả đại chúng đều cầm lọng báu. Họ lấy làm của mình để cúng dường Phật. Khi ấy, vua Đại thọ Khẩn-na-la lại dấy lên ý niệm này: "Ta nay sẽ thỉnh Đức Thích-ca Như lai và các vị Bồ-tát cùng Tăng chúng Thanh văn, tất cả đại chúng đến cung điện của ta trong núi Hương sơn thọ trai để cho vô lượng vô biên Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… có dịp tập hợp lại nghe pháp. Đích thân ta cúng dường Như Lai và làm người hầu cận Ngài. Nhờ thế mà những chúng sinh ấy được lợi ích, yên vui, an lạc lâu dài."

Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la khởi ý niệm ấy rồi, đảnh lễ dưới chân Phật chắp tay bạch Đức Phật rằng:

–Nguyện xin Đức Thế Tôn và chúng Bồ-tát cùng Tăng chúng Thanh văn thương xót chúng con nhận lời thỉnh mời đến núi Hương sơn bảy hôm để cho vô lượng chúng sinh được tăng trưởng căn lành. Bạch Thế Tôn! Con nay xin đảm nhận làm người hầu cận. Vì thương xót vua Đại thọ Khẩn-na-la này, xin Đức Phật và chúng Bồ-tát cùng Tăng chúng Thanh văn sẽ đến núi Hương sơn trong bảy hôm. Xin Phật thương xót con.

Bấy giờ, vua Khẩn-na-la biết Phật đã nhận lời rồi thì nỗi vui mừng hớn hở lan khắp thân mình. Vua cùng với hoàng hậu và nam nữ quyến thuộc tấu các âm nhạc cúng dường Phật, làm lễ dưới chân Thế Tôn, đi nhiễu về bên phải ba vòng, rồi ra khỏi chúng mà đi về núi Hương sơn. Lúc này vua Đại thọ Khẩn-na-la ở trong Hương sơn tự trang nghiêm chỗ ở, vườn, rừng của mình để cúng dường Như Lai, vua đã trang nghiêm một khoảnh đất vi diệu ngang dọc năm trăm do-tuần: Đất bằng lưu ly xanh xen lẫn vàng Diêm-phù-đàn, các báu đủ màu sắc xen nhau chói sáng. Lúc này trên quảng trường số tòa ngồi đẹp đẽ có đến hàng trăm ngàn cái, chen lẫn vào đó là những hoa sen báu. Ngoài ra còn phô bày trăm ngàn vạn, ức, y cõi trời. Trên quảng trường lại còn vì Đức Phật Như lai bày một tòa sư tử cao ba mươi hai do-tuần, trang trí bằng các thứ báu, lan can bằng các báu vây chung quanh tòa ngồi đó. Dựng lên lọng báu, các cờ báu, vô lượng lò hương đốt kiên hắc trầm thủy. Ở trên thì giăng lụa năm sắc để hứng bụi bặm, sương móc, khắp mọi nơi treo cờ, lọng báu, lụa là ngũ sắc thướt tha, tung lên các loại hoa cõi trời. Ở bốn mặt tòa ngồi tạo ra cây báu lớn đủ màu sắc đẹp đẽ. Ở bên ngoài nhiều người đến và quyến thuộc của nhà vua đều đã tập hợp xong, nhà vua liền nói kệ để dạy bảo cho họ:

Khi được gặp Đức Phật ra đời
Giống như hoa Ưu-đàm-bát-la

Đấng Thế Tôn nay đã hiện ra
Tốt lành cung kính cúng dường Ngài.
Xả kiêu mạn, biếng nhác lừa dối
Cũng lìa huyễn hoặc và xan tham
Các cuộc chơi đùa phải bỏ hết
Tốt lành cung kính Thầy dẫn dắt.
Hoa Hương sơn, hoa đẹp trên trời
Và những loại hoa đẹp, vừa ý
Đều phải tập trung về một chỗ
Đem dâng cúng dường Đấng Nhân Tiên.
Các loại hương quý của mình thích
Kiên hắc trầm thủy và chiên-đàn
Ở trong chốn Hương sơn này có
Đốt cúng dường Bậc Thắng Chúng Sinh.
Tiếng nhạc lời ca hay của mình
Chúng Khẩn-na-la đã ưa thích
Mỗi mỗi khéo trổi các âm nhạc
Đem cúng dường Đấng Trượng Phu Tiên.
Vải đẹp, lọng báu và cờ phướn
Khéo nhuộm mềm mại hợp ý trời
Giăng bày cúng dường Đức Như Lai
Khó gặp, khó được, không ai sánh.
Cúng dường Phật xong đến cõi lành
Hoặc làm Đế Thích, Tứ Thiên vương
Hoặc làm Phạm vương, Tự Tại vương
Hoặc làm vua chúa của người, trời.
Hình sắc, danh tiếng và oai đức
Quyến thuộc, tùy tùng và trân bảo
Mọi người đều nghe lời dạy bảo
Cúng dường Phật xong được lợi này.
Chư Thiên hoan hỷ và người vui
Muốn ở sinh tử thường an lạc
Muốn thường an lạc, đầy an lạc
Phải cúng dường Đấng Thắng Chúng Sinh.
Muốn được Thanh văn và Duyên giác
Cùng thừa thắng diệu, Tối chánh giác
Lại muốn hàng phục các oán ma
Thì phải cúng dường Đấng Pháp Vương.

Lúc vua Đại thọ Khẩn-na-la dạy cho các quyến thuộc của mình như vậy rồi, họ liền tập hợp các chuỗi hoa, hương thơm, hương xoa, bột thơm, bày biện các món ăn trăm vị. Rồi vua ở trước Hương sơn vương, tấu âm nhạc, ca các bài kệ tụng, bạch Phật rằng thời đã đến:

Phật vì lợi ích ban an lạc
Dáng vui hòa nhã, lời dịu dàng
Người, trời lắng nghe, dâng hoa đẹp
Nay đến lúc Đấng Thiện Thệ đến.
Bằng mười Lực hàng phục ma quái
Hàng phục chúng khác lợi cho đời
Cấu trược, vô cấu phải tiêu thôi
Đến lúc lợi ích Thế Tôn lại.
Vui hạnh đầu-đà không đắm say
Thắng tập, niệm tuệ bền không lay
Thắng Nhân thường thoát khỏi thế tục
Lòng hoan hỷ đến làm lợi ích,
Che mờ ánh sáng nhật, nguyệt, châu
Ánh sáng Đế Thích, Phạm vương mờ
Hào quang Mâu-ni đều hỷ lạc
Sáng che ánh sáng của muôn loài.
Tiếng ca trời rồng, Khẩn-na-la
Là tiếng thêm kết, chẳng diệt dục
Tiếng Phạm âm êm dịu của Phật
Diệt trừ kết sử ban an vui.
Thầy thuốc đi khắp cả mười phương
Chẳng thể trị được bệnh phiền não
Y vương Thập lực diễn lời diệu
Diệt hết kết sử, ban an vui.
Đại danh, uy lực, không ai sánh
Không sánh, không lỗi, không lời bẩn
Phục oán, tịch oán, lìa các oán
Thế Tôn lợi ích xin đến cho!
Ban cho thí chủ tuệ cam lồ
Giữ giới, hành giới hơn tất cả
Khéo léo nhẫn nhục rèn tâm tu
Nghĩ con mà đến rất đáng thương!
Đủ sức tinh tấn, pháp tương ưng
An trụ thiền định, đủ thần thông

Tuệ đều phục ý, đủ hổ thẹn
Nguyện Đấng trăm phước tướng đáp lời!
Lòng đại Từ bi, ý bình đẳng
Lìa lỗi ái dục, không kết sử
Trụ Phật đạo, giỏi biết đạo trời
Nguyện Đức Thế Tôn đến ban vui!

Bấy giờ, Thế Tôn biết đã đến giờ vua Đại thọ Khẩn-na-la bạch Phật, liền bảo các Tỳ-kheo đều mang theo bình bát để nhận lời mời bảy hôm, sai người ở lại giữ phòng và cho biết vua Đại thọ Khẩn-na-la báo đã đến lúc phải đến. Khi ấy Bồ-tát Thiên Quan nghĩ: "Nay ta sẽ hóa ra một đài báu lớn cho Thế Tôn và các chúng Bồ-tát, Tăng đại Thanh văn ngồi nơi đài báu, ngồi trên tòa hoa sen trang nghiêm rồi đặt đài báu ấy ở bàn tay phải, nương hư không mà bay đến núi Hương sơn."

Bồ-tát Thiên Quan dấy ý niệm đó rồi, liền nhập vào Tam-muội, dùng sức Tam-muội, Bồ-tát tạo ra một đài báu lớn, ngang, dọc, cao mỗi chiều đều mười chín do-tuần, đủ màu sắc đẹp đẽ, bốn góc bốn trụ trang nghiêm khác nhau. Trong đài xuất hiện trăm ngàn tòa hoa sen báu. Lại bày riêng cho Đức Thế Tôn một tòa hoa sen sư tử báu cao hơn các tòa khác bảy nhẫn. Khi Bồ-tát Thiên Quan hóa ra đài báu và các tòa ngồi hoa sen rồi, Bồ-tát bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Xin Ngài thương xót con đến ngồi vào tòa Sư tử nơi đài báu cùng với đại chúng Bồ-tát, Thanh văn vậy!

Bạch Thế Tôn! Nay con sẽ đặt đài báu này vào bàn tay phải đem đến núi Hương sơn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn thương xót Bồ-tát Thiên Quan, liền thăng lên đài báu ngồi vào tòa Sư tử. Các chúng Bồ-tát và Tăng Thanh văn lần lượt lên tòa ngồi. Khi ấy, Bồ-tát Thiên Quan liền nâng đài báu lên đặt vào bàn tay phải, bay lên hư không đi đến núi Hương sơn.

Bấy giờ, chư Thiên cõi Dục giới, chư Thiên cõi Sắc giới thấy Bồ-tát Thiên Quan hiện thần biến như thế thì rất đỗi vui mừng khởi tâm hiếm có. Để cúng dường Đức Phật và Bồ-tát Thiên Quan, chư Thiên mang theo chuỗi hoa thơm, hương xoa, bột thơm, tấu các âm nhạc, đi đến chỗ đài báu, ở trên không trung, theo cúng dường Phật cho đến tận núi Hương sơn.

Lúc ấy vua Đại thọ Khẩn-na-la từ xa trông thấy Như Lai ngồi trong đài báu đến từ hư không. Thấy rồi, nhà vua cùng vơi quyến thuộc của mình, tám muôn bốn ngàn Khẩn-na-la, mang vòng hoa thơm, bột thơm, hương xoa, tấu lên tám muôn bốn ngàn âm nhạc, rồi đem lời ca cực hay, trong trẻo hòa với các âm nhạc để đến nghinh đón Thế Tôn. Đến nơi, nhà

vua cùng với các quyến thuộc đảnh lễ dưới chân Phật, đem các chuỗi hoa thơm, hương xoa, bột thơm đã mang theo ra cúng dường Phật xong rồi đi trước dẫn đường.

Bấy giờ, Thế Tôn đã đến nơi nên ngài cùng các vị Bồ-tát và đại Thanh văn Tăng, Đế Thích, Phạm vương, các vị Hộ Thế, các đại chúng đến thẳng chỗ ngồi của vua Đại thọ Khẩn-na-la, ngồi vào các tòa ngồi đã bày sẵn nơi đạo tràng trang nghiêm.

Lúc ấy, vua Đại thọ Khẩn-na-la nói với Đế Thích, Phạm vương, các vị hộ thế và các Thiên tử, các vị Đại đức:

–Các vị hãy về chỗ ngồi trước đi! Tôi sẽ vì Như Lai bày biện đồ ăn thức uống cúng dường rồi cùng thọ trai.

Bấy giờ, vua Khẩn-na-la cùng các thê tử, trai gái quyến thuộc tự tay sớt thức ăn, lòng kính cẩn dâng lên, đủ các món ngon vật lạ, đầy đủ mùi vị từ nơi căn lành Bồ-tát sinh ra, đem cúng dường Như Lai, các vị Bồ-tát, tăng Thanh văn, tất cả đại chúng đều đầy đủ. Khi đã đầy đủ rồi, vua Khẩn-na-la thấy chư vị đều đã rửa bát, rửa tay xong, liền cùng với quyến thuộc của mình đến trước Như Lai, theo thứ lớp mà ngồi và muốn được nghe pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vua Khẩn-na-la và đại chúng diễn thuyết diệu pháp, dạy bày lợi lạc.

Thế Tôn liền vì họ diễn thuyết diệu pháp như vầy:

–Này vua Khẩn-na-la! Bồ-tát có ba mươi hai pháp Bố thí ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

Này vua Khẩn-na-la! Đó là:

1. Bồ-tát không quên tâm Bồ-đề mà trước làm người dẫn đường thực hành bố thí.

2. Chẳng khen thừa thấp, nhỏ mà hành bố thí.

3. Các việc làm đều không có tâm chê bai mà thực hành bố thí.

4. Có kẻ đến cầu xin, không có lòng xâm hại.

5. Có người mời thỉnh, khởi tưởng phước điền mà hành bố thí.

6. Các chỗ thỉnh mời, khởi tưởng phước điền mà hành bố thí.

7. Các chỗ thỉnh mời thì khởi lên tư tưởng sư trưởng, khởi lên tư tưởng Thiện tri thức mà hành bố thí.

8. Xả bỏ các kết sử xan tham mà hành bố thí.

9. Không tham tiếc, vui mừng hớn hở mà hành bố thí.

10. Duỗi tay ngay thẳng, thích buông bỏ, không chờ đợi gì mà hành bố thí.

11. Sinh thêm "thượng tâm", chẳng sinh "hạ tâm" mà hành bố thí.

12. Chẳng sinh chỗ ác mà hành bố thí.

13. Chẳng mong quả báo, không mong cầu mà hành bố thí.

14. Ham muốn Phật pháp mà hành bố thí.

15. Tâm không bị phiền não thiêu đốt mà hành bố thí.

16. Lấy nhiếp hóa làm đầu mà hành bố thí.

17. Ta phải giáo hóa, dẫn đường cho chúng sinh mà hành bố thí.

18. Ta phải hộ trì pháp mà hành bố thí.

19. Ta phải thuận theo lời dạy của Như Lai mà hành bố thí.

20. Ta nên hàng phục bè đảng ma mà hành bố thí.

21. Ta nên vì chánh giác Bồ-đề mà hành bố thí.

22. Ta nên làm nghiệp trượng phu mà hành bố thí.

23. Ta nên lìa khỏi ngã quỷ, đường ác mà hành bố thí.

24. Ta nên tập trung tu các nhân, tâm xả mà hành bố thí.

25. Ta phải có được nhiều của cải, cõi nước để nhiếp hóa người khác mà hành bố thí.

26. Ta nên tu pháp hòa kính mà hành bố thí.

27. Ta phải chẳng được lìa khỏi Thiện tri thức mà hành bố thí.

28. Ta nên đối với tất cả chúng sinh không có cái nhìn sân hận mà hành bố thí.

29. Ta nên đem căn lành bố thí hồi hướng về đạo vô thượng mà hành bố thí.

30. Ta nên học tâm xả của các Bồ-tát khác mà hành bố thí.

31. Ta nên trang nghiêm tướng tốt mà hành bố thí.

32. Ta nên làm thanh tịnh cõi Phật mà hành bố thí.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Bố thí ba-la-mật thanh tịnh của Bồ-tát.

Này vua Khẩn-na-la! Bồ-tát lại có ba mươi hai pháp Trì giới ba-la-mật thanh tịnh:

1. Khéo tự tịnh thân. Đó gọi là giới, tham sân si thanh tịnh vậy.

2. Khéo tự tịnh khẩu. Đó gọi là giới, chẳng tự lừa dối Phật và chư Thiên, là không có tướng hư vọng.

3. Khéo tự tịnh tâm. Đó gọi là giới, lìa bỏ vô minh tham, sân, tà kiến vậy.

4. Tịnh mười nghiệp lành. Đó gọi là giới sinh nhân thiên.

5. Chẳng quên tâm Bồ-đề. Đó gọi là giới chẳng tham thừa khác.

6. Ý chí thanh tịnh. Đó gọi là giới xả bỏ huyễn, hư giả.

7. Khen ngợi Hiền thánh. Đó gọi là giới siêng năng nhiếp thủ phi thánh.

8. Lấy Từ làm đầu. Đó gọi là giới đối với các chúng sinh khởi tâm bình đẳng.

9. Tâm tu đại Bi. Đó gọi là giới hướng về con đường giáo hóa chúng sinh.

10. Ưa thích mọi học thuyết. Đó gọi là giới rốt ráo không khiếm khuyết.

11. Có được hổ thẹn. Đó gọi là giới sợ hãi đường ác vậy.

12. Không xuyên thủng sót lọt. Đó gọi là giới chẳng bỏ nửa chừng.

13. Không có tỳ vết. Đó gọi là giới pháp thiện rốt ráo.

14. Tự mình tự tại. Đó gọi là giới đến cõi Phật khác.

15. Tôn trọng người tài năng. Đó là giới bậc trí khen ngợi.

16. Hay vượt ra khỏi. Đó gọi là giới lìa khỏi ác đạo.

17. Khéo an trụ. Đó gọi là giới tất cả an lạc đầy đủ hết.

18. Các Đức Phật khen ngợi. Đó gọi là giới, chính là giới của Phật.

19. Chẳng tự chậm trễ, khinh thường. Đó gọi là giới kiên định.

20. Chân thật cứu vớt người thế gian, chẳng tự cao, hủy hoại người khác. Đó gọi là giới khéo bỏ hết.

21. Tu hạnh xả bỏ. Đó gọi là giới lìa khỏi các phiền não.

22. Tự mình tu hành. Đó gọi là giới tất cả pháp trợ Bồ-đề.

23. Tạo nên niềm hoan hỷ. Đó gọi là giới lìa khỏi tham ái.

24. Khéo giáo hóa kẻ khác. Đó gọi là giới theo đúng như lời nói.

25. Điều phục xuất gia. Đó gọi là giới lìa bỏ tất cả mọi ràng buộc của gia đình.

26. Bền vững ham muốn tu hành. Đó gọi là giới ưa muốn pháp.

27. Quyết định thiểu dục và tri túc. Đó gọi là giới nương theo Thánh chủng.

28. Thích tu Đầu-đà. Đó gọi là giới muốn xả bỏ tất cả các pháp ác.

29. Không nhiễm trước, tương ưng. Đó gọi là giới quán không có chúng sinh.

30. Thuận theo chẳng sai trái. Đó gọi là giới thuận pháp duyên.

31. Lìa khỏi tất cả kiến chấp. Đó gọi là giới lìa khỏi chấp thường, chấp đoạn.

32. (*)

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp trì giới ba-la-mật thanh tịnh.

Này vua Khẩn-na-la! Bồ-tát lại có ba mươi hai pháp Nhẫn ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Chẳng tham trước thân. Đó gọi là biết nhẫn.

2. Chẳng trụ tuổi thọ. Đó là biết nhẫn.

3. Không có tâm xâm hại. Đó là biết nhẫn.

4. Chịu đựng được lời ác. Đó là biết nhẫn.

5. Rủ lòng Từ bi đến kẻ hạ liệt. Đó là biết nhẫn.

6. Chẳng khinh kẻ chưa học. Đó là biết nhẫn.

7. Có thế lực lớn có thể làm kẻ khác khổ sở mà không làm. Đó là biết nhẫn.

8. Tách rời chi thể mà chẳng khởi lòng sân hận. Đó là biết nhẫn.

9. Không có thô nhám. Đó là biết nhẫn.

10. Chẳng sinh sân hận. Đó là biết nhẫn.

11. Không chỉ cho bằng lời nói suông. Đó là biết nhẫn.

12. Có ý chí. Đó là biết nhẫn.

13. Tâm kia không nhơ bẩn. Đó là biết nhẫn.

14. Không có tâm nhiễu loạn. Đó là biết nhẫn.

15. Hộ trì tâm kẻ khác. Đó là biết nhẫn.

16. Dùng của cải làm lợi ích. Đó là biết nhẫn.

17. Hiểu biết đại Bi. Đó là biết nhẫn.

18. Diệt trừ kiêu mạn. Đó là biết nhẫn.

19. Khiêm hạ đối với tất cả chúng sinh, đó là biết nhẫn.

20. Chẳng tăng thêm sự nóng nảy. Đó là biết nhẫn.

21. Ưa thích tịch tĩnh. Đó là biết nhẫn.

22. Nhàn tịnh vô vi. Đó là biết nhẫn.

23. Tự biết lỗi mình. Đó là biết nhẫn.

---

* *Bản Hán thiếu một pháp.*

24. Người khác có khuyết điểm, chẳng nhìn thấy lỗi của họ. Đó là biết nhẫn.

25. Được của cải hợp pháp. Đó là biết nhẫn.

26. Có của cải là lòng tin. Đó là biết nhẫn.

27. Tâm không phiền não. Đó là biết nhẫn.

28. Ý niệm an lạc. Đó là biết nhẫn.

29. Ý trước hỏi han không làm mặt giận. Đó là biết nhẫn.

30. Thuận theo pháp thậm thâm. Đó là biết nhẫn.

31. Thuận ba cửa giải thoát. Đó là biết nhẫn.

32. Hiểu được vô sinh, vô khởi. Đó là biết nhẫn đối với vô sinh pháp nhẫn.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Nhẫn ba-la-mật thanh tịnh của Bồ-tát.

Này vua Khẩn-na-la! Lại có ba mươi hai pháp Tinh tấn ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

Này vua Khẩn-na-la! Đó là:

1. Bồ-tát chẳng đoạn đứt Phật chủng, là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

2. Chẳng đoạn dứt tăng chủng, là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

3. Chịu vô lượng sinh tử, là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

4. Tập hợp vô lượng căn lành là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

5. Cúng dường cung cấp vô lượng các Đức Phật là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

6. Vì muốn bao gồm vô lượng sự hiểu biết nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

7. Vì muốn giáo hóa dẫn đường cho vô lượng chúng sinh nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

8. Muốn dùng lời nói vi diệu làm vui tất cả chúng sinh nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

9. Vì muốn cho tất cả chúng sinh đi ngược lại dòng sinh tử nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

10. Vì các chúng sinh thiết lập thích nghi nên thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

11. Xả bỏ tất cả tài sản của mình là thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

12. Hộ trì tất cả giới không có hủy khuyết là thực hành Tấn ba-la-

mật.

13. Tất cả nhu hòa, nhẫn lực không sân hận là thực hành Tấn ba-la-mật.

14. Ra khỏi tất cả việc đã làm nên thực hành Tấn ba-la-mật.

15. Muốn khởi lên tất cả Thiền định giải thoát… các Tam-muội nên thực hành Tấn ba-la-mật.

16. Tràn đầy trí vô ngại nên thực hành Tấn ba-la-mật.

17. Muốn dùng sự trang nghiêm của tất cả cõi Phật để trang nghiêm cõi Phật của mình nên thực hành Tấn ba-la-mật.

18. Sức mạnh bền vững vượt đến bờ bên kia nên thực hành Tấn ba-la-mật.

19. Hàng phục tất cả các ma trường nên thực hành Tấn ba-la-mật.

20. Hàng phục tất cả các luận thuyết ngoại đạo nên thực hành Tấn ba-la-mật.

21. Đầy đủ pháp thập lực Vô úy của Phật nên thực hành Tấn ba-la-mật.

22. Hay làm xong mọi việc không ngưng nghỉ nên thực hành Tấn ba-la-mật.

23. Tâm không khiếp nhược nên thực hành Tấn ba-la-mật.

24. Tâm Bồ-tát dũng kiện nên thực hành Tấn ba-la-mật.

25. Không cùng ở với tất cả phiền não nên thực hành Tấn ba-la-mật.

26. Diệt trừ tất cả các phiền não kết sử nên thực hành Tấn ba-la-mật.

27. Diệt tất cả kết sử nên thực hành Tấn ba-la-mật.

28. Vượt qua các dòng nên thực hành Tấn ba-la-mật.

29. Giải thoát kẻ chưa giải thoát, làm yên ổn kẻ chưa yên ổn, độ những kẻ chưa được độ nên thực hành Tấn ba-la-mật.

30. Tập hợp trăm tướng phước đức trang nghiêm nên thực hành Tấn ba-la-mật.

31. Hộ trì tất cả chánh pháp của Phật nên thực hành Tấn ba-la-mật.

32. Thần thông đến khắp tất cả cõi Phật để cúng dường, lễ bái, đi nhiễu vòng bên phải, cung kính Chư Phật nên thực hành Tấn ba-la-mật.

Các tinh tấn này từ tịch tĩnh sinh ra. Thân tâm an trụ tịch tĩnh, không ra không vào, không trên không dưới vì đã thâu nhiếp trong với vô sinh vô khởi.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Tinh tấn ba-la-mật

thanh tịnh của Bồ-tát.

Này vua Khẩn-na-la! Bồ-tát lại có ba mươi hai pháp Thiền ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

Đó là:

1. Niệm thanh tịnh.

2. Tuệ thanh tịnh.

3. Tinh tấn thanh tịnh.

4. Tàm quý thanh tịnh.

5. Chắc thật thanh tịnh.

6. Thể tánh tâm thanh tịnh.

7. Chẳng quên tâm Bồ-đề thanh tịnh.

8. Cội gốc công đức thanh tịnh.

9. Không có đối tượng nương tựa thanh tịnh.

10. Ngã, ngã sở thanh tịnh.

11. Khởi thần thông thanh tịnh.

12. Thân tịch tĩnh thanh tịnh.

13. Tu sửa tâm thanh tịnh.

14. Bên trong tịch tĩnh thanh tịnh.

15. Bên ngoài oai nghi thanh tịnh.

16. Đoạn trừ các kiến chấp thanh tịnh.

17. Quán vô ngã, vô chúng sinh, vô nhân, vô thọ giả, vô trượng phu thanh tịnh.

18. Chẳng trụ ba cõi thanh tịnh.

19. Pháp trụ Bồ-đề hiện tiền thanh tịnh.

20. Tâm Bi quán chúng sinh thanh tịnh.

21. Trừ trí chướng thanh tịnh.

22. Trí tuệ siêu xuất thanh tịnh.

23. Chẳng trái nhân quả thanh tịnh.

24. Quyết định pháp nhẫn thanh tịnh.

25. Pháp tu hành vô thường, khổ, không thanh tịnh.

26. Chuyển phương tiện thanh tịnh.

27. Phương tiện giáo hóa thanh tịnh.

28. Gần đạo tràng thanh tịnh.

29. Chẳng mong cầu thừa Thanh văn, Duyên giác thanh tịnh.

30. Đầy đủ vô lậu thanh tịnh.

31. Tâm chẳng tán loạn được định của Phật thanh tịnh.

32. Quán tâm chúng sinh hợp với lời nói thanh tịnh.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Thiền ba-la-mật thanh tịnh.

Này vua Khẩn-na-la! Lại có ba mươi hai pháp Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

1. Tìm cầu tập hợp sự hiểu biết nhiều không chán không đủ, khéo tư duy phân biệt các pháp. Dùng trí tuệ của mình hiểu rõ các pháp, phân biệt rành rẽ "âm", phân biệt rõ về giới hướng về pháp giới.

2. Đối với các "nhập" giỏi phân biệt.

3. Đối với pháp "duyên" giỏi biết trụ "nhân."

4. Đối với các "đế" hiểu biết rõ về "diệt".

5. Biết đến "chánh vị" mà chẳng vào "chánh vị".

6. Quan sát vô khởi khởi lên tự tâm.

7. Biết các pháp vô sinh, "bản tế" thanh tịnh.

8. Biết tất cả chúng sinh vô ngã, lìa khỏi, lìa khỏi kiến chấp điên đảo.

9. Biết tất cả pháp là đồng một pháp "bản tế", lìa khỏi dục.

10. Biết các thế giới là một thế giới, đồng với hư không.

11. Biết tất cả chư Phật đồng với một vị Phật, nhập vào pháp giới không thể nghĩ bàn.

12. Khéo biết phân biệt tất cả chương cú, giỏi về văn tự.

13. Biết vô ngại biện, thuyết pháp rộng rãi làm vui lòng tất cả chúng sinh.

14. Biết Đà-la-ni không quên mất.

15. Biết các nghiệp ma, giáo hóa các ma hướng về Bồ-đề.

16. Quán biết các pháp như huyễn, trụ ở phân biệt có sai khác.

17. Lý giải biết các pháp như ánh chớp, như trăng đáy nước, như mộng, như ảnh, như tiếng vang, các pháp rốt ráo không thành tựu.

18. Hiểu biết tâm tính của tất cả chúng sinh vốn tự thanh tịnh.

19. Khéo phân biệt, quan sát sinh tử, Niết-bàn, khéo học phương tiện.

20. Thông đạt về Không, Vô tướng, Vô nguyện, thị hiện cửa giải thoát.

21. Biết tất cả pháp tính vốn tịch tĩnh, vốn không ràng buộc, ngăn

ngại.

22. Biết tất cả pháp lìa khỏi chướng ngại được sáng tỏ phá tan vô minh, tối tăm.

23. Khéo biết trí phát xuất ra tuệ sáng suốt, vì muốn giải thoát cho tất cả chúng sinh nên thuyết pháp.

24. Biết tất cả pháp không đến đi.

25. Biết nghiệp đã tạo chẳng trái nhau.

26. Biết thị hiện chúng sinh, thị hiện sinh tử.

27. Được thành tựu bốn biện tài, là pháp giải, nghĩa, từ, và nhạo thuyết biện luận.

28. Pháp đã nói không lầm lẫn về pháp "không".

29. Tự mình tịch tĩnh, điều thuận lý giải chân thật, biết tất cả Niết-bàn.

30. Trí hướng về trí tuệ của chư Phật.

31. Hộ trì thành trì của pháp, giữ gìn tất cả pháp.

32. Việc đã làm rốt ráo được địa "thọ ký", trụ ở địa Bồ-tát không thoái chuyển.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Này vua Khẩn-na-la! Lại có ba mươi hai pháp Phương tiện ba-la-mật thanh tịnh. Những gì là ba mươi hai pháp?

Quán sát bản thân không có các ác, vô lượng phước mà chẳng dừng nghỉ nếu có ít phước cũng chẳng dừng lại, vì hóa độ chúng sinh mà thực hành bố thí chẳng mong cầu ruộng chẳng mong quả báo. Giáo hóa kẻ hạ liệt thì hiện làm người hạ liệt dạy các chúng sinh hộ trì khẩu nghiệp. Hiện làm người nữ giáo hóa các thiếu niên. Hiện thân đồng tử giáo hóa các đồng nữ. Thị hiện tất cả các hình sắc giống chúng sinh; tự mình không kiêu mạn thị hiện làm kẻ kiêu mạn, phóng túng, vì hóa độ các chúng sinh kiêu mạn, phóng túng nên thị hiện cuồng loạn để tùy theo điều hiểu biết của chúng mà thuyết pháp. Hàng trăm năm giữ giới, chỉ vì hóa độ một người mà buông bỏ giới ấy để nhận lấy tất cả các điều vui thích.

Rồi hòa đồng với họ khiến cho họ vào với pháp. Tự an trụ tu hạnh Đầu-đà, vì chúng sinh chẳng sợ hãi nên thị hiện tu hạnh xuất gia mà chẳng chê Phật pháp. Hiện làm dâm nữ; nếu ở tại cung vua thì hiện thân con gái đẹp đẽ vì hóa độ chúng sinh mê đắm dâm dục. Ở trong đại chúng, chỗ nhiều người tập hợp thì hiện các nghề khéo, hoặc hiện người sử dụng dụng cụ âm nhạc như sáo, địch, đàn cầm, đàn sắt… giỏi hạng nhất, ở trong chỗ

đông người này ca múa đùa giỡn đều phát ra pháp âm, hiện các nghề khéo theo niềm vui thích của các chúng sinh là vì giáo hóa nên thị hiện ra. Hiện sức thần thông bố thí của cải cho chúng sinh, sau mới nói pháp. Nếu có chúng sinh mất của cải thì vì họ hiện ra kho báu, sau mới nói pháp; có các chúng sinh lo tên đạn bức bách thì tùy theo sự cần thiết của họ mà thị hiện, sau mới nói pháp. Hoặc có trưởng giả, cư sĩ và các tiểu vương, phụ nữ ở nội cung lo không con cái, vì sự ham muốn đó mà hóa làm người chỉ dẫn khiến họ hoan hỷ, thị hiện làm con của họ. Ở trong chỗ đông người làm chủ đám đông ấy, Bồ-tát đem mọi người đến nơi đồng trống, lương thực thiếu thốn, không biết đầu tìm kiếm rồi dùng sức thần thông hóa ra đồ ăn thức uống cho mọi người no đủ rồi kịp thời thuyết pháp, khiến cho họ được tâm không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng. Nếu có chúng sinh từ khi sinh ra liền bị mù, cả bọn nắm đuôi nhau, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn cho đến một chục, một trăm… hoặc một ngàn, hai ngàn cho đến mười ngàn, đối với những người kia thì trước hiện làm người mù nghèo cùng cực, ra ngoài xin của bố thí về chu cấp cho các người mù, rồi Bồ-tát khiến cho mắt của họ được nhìn thấy các màu sắc xong, kịp thời thuyết pháp làm cho họ không thoái chuyển nơi đạo Bồ-đề. Nếu lại có hàng ngàn chúng sinh gây các tội lỗi bị vua bắt giam, Bồ-tát vì giải thoát cho các chúng sinh bị giam cầm trong lao ngục này, hiện làm tội nhân cùng vào trong đó, dùng thần lực mở hết gông cùm, ban cho quần áo, ăn uống no đủ, rồi vì họ thuyết pháp chẳng thoái chuyển nơi đạo Vô thượng. Nếu có chúng sinh phạm tội phải chết, vì giáo hóa họ nên Bồ-tát hóa làm người để thay tội nhân kia, khiến họ được toàn mạng, không lo lắng, Bồ-tát an ủi, khuyến dụ khiến họ vui mừng rồi vì họ thuyết pháp, cuối cùng định tĩnh, trụ ở đạo Vô thượng. Nếu có chúng sinh tranh giành tài lợi, nô tỳ, gia súc, nhà cửa, ruộng đất, đánh đập, đấu tranh, kiện tụng nhau Bồ-tát dùng sức phương tiện hiện ra rất nhiều của báu trả lại khiến hai bên hòa hợp rồi nói pháp, khiến an trụ hạnh Bồ-đề. Vì phương tiện, Bồ-tát hiện làm thân điếc mù, câm ngọng, hiện thân tàn tật xấu xí, xả bỏ hình dáng đẹp đẽ của mình, thị hiện giống hình dáng để hóa độ chúng.

Hoặc lại hiện làm đạo sư ngoại đạo, ở xa mà đến khen ngợi Tam bảo, vì mong muốn Phật chủng; vì phương tiện mà Bồ-tát xả các thiền định, sinh ở cõi Dục hóa làm chúng sinh, hoặc vì những người "vô học" mong được an lạc, nên thị hiện Niết-bàn, để khiến cho tinh tấn tu các pháp hạnh, Bồ-tát dùng phương tiện thị hiện tu hành, được Chánh vị, hiện vào Niết-bàn, tuy chỉ mới tu hành hạnh thù thắng. Bồ-tát dùng phương tiện vì người chưa đạt được chánh vị muốn vào Niết-bàn, đối với người này trước hiện ra hình dáng Như Lai, khiến cho người ấy trụ Bồ-đề.

Này vua Khẩn-na-la! Đó là ba mươi hai pháp Phương tiện ba-la-mật hoàn hảo của Bồ-tát.

Khi Phật nói những Ba-la-mật này, trong các quyến thuộc của vua Đại thọ Khẩn-na-la có chín mươi vạn sáu ngàn chúng sinh phát khởi tâm đạo Vô thượng chánh chân, trong chúng của Như Lai có tám ngàn Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, vua Đại thọ Khẩn-na-la đạt được Tam-muội Trí đăng.

Khi vua Đại thọ Khẩn-na-la được nghe Phật nói pháp, được dạy bày lợi lạc, rất đỗi vui mừng đạt được điều chưa từng có. Nhà vua đem y vô giá dâng lên Thế Tôn. Các Bồ-tát Thanh văn từng người đều được dâng y. Nhà vua đem vườn rừng nơi ở và tất cả vật dụng trong đó dâng lên cúng dường Phật.

Bấy giờ, tám ngàn người con của vua Đại thọ Khẩn-na-la đem các hoa báu trang nghiêm và tám ngàn lọng báu vi diệu để dâng cúng Như Lai. Trong khi họ đang dâng lọng báu, do thần lực của Phật các lọng báu ở trong hư không hợp lại thành một lọng báu che hàng trăm do-tuần. Tám ngàn người con của vua Khẩn-na-la thấy thần lực của Phật thì rất vui mừng, đạt được điều chưa từng có, đều chuyên tâm, chí ý phát tâm Vô thượng Bồ-đề, đều trụ quả vị không thoái chuyển. Phát tâm xong, tất cả đều bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện ban cho chúng con pháp trợ Bồ-đề! Chúng con được nghe rồi, sẽ theo đó mà tu hành.

-oOo-

KINH ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA VƯƠNG
SỞ VẤN

QUYỂN 3

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm ưa thích của các con vua Đại thọ Khẩn-na-la rồi, liền bay lên hư không cao bằng bảy cây đa-la, phóng hào quang rất sáng. Ánh hào quang này soi khắp tam thiên đại thiên thế giới này. Nhạc cụ của chư Thiên cõi Dục, nhạc cụ của Càn-thát-bà của Khẩn-na-la chẳng tấu mà tự kêu lên, phát ra những âm thanh vi diệu. Trong núi chúa Hương sơn, các cây cối cũng đều phát ra âm thanh vi diệu. Lúc ấy ở trên thân Thế Tôn, nơi các lỗ chân lông đều phóng ra vô lượng vạn ức hào quang sáng. Mỗi một ánh sáng đều có hoa sen. Trong mỗi hoa sen có một Bồ-tát. Mỗi Bồ-tát tự trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng ngồi trên đài hoa.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thần lực khiến các nhạc cụ diễn ra kệ trí tuệ, hỏi các điều nghi hoặc để cho các Bồ-tát ở trong đài hoa dùng từng kệ một đáp lại các câu hỏi ấy:

Làm sao để phát khởi
Tâm Vô thượng Bồ-đề
Tâm này chẳng thể quên
Mới đến Bồ-đề giác?
Chí chuyên tâm thành đạt
Vì các chúng sinh nên
Khởi đại Bi trang nghiêm
Tâm Bồ-đề luôn nhớ!

Ý chí kia thế nào?
Hạnh kia sẽ ra sao?
Tâm đại Bi đã nói
Sao gọi đó sinh khởi?
Ý chí không luống dối
Đã tu hành không dối
Trụ Niết-bàn chúng sinh

Đại Bi kia như vậy!

Sao gọi hành bố thí?
Thí rồi tâm rỗng lặng
Cũng chẳng mong báo đền
Hồi hướng đạo Bồ-đề.
Bố thí, bỏ tất cả
Đã thí không tiếc gì
Hướng về đạo Bồ-đề
Chẳng mong cầu quả báo!

Sao gọi trụ trì giới?
Chẳng sinh khinh mạng giới
Cứu người, hủy giới cấm
Đại thừa không gì hơn
Giới là tâm Bồ-đề
Rỗng không, chẳng kiêu mạn
Mà khởi lòng đại Bi
Cứu người, hủy cấm giới!

Sao gọi nhẫn chúng sinh?
Trách móc và mắng nhiếc
Tâm chẳng nên sân hận
Mà tăng thêm hoan hỷ.
Vì chúng sinh, thuốc thang
Trị liệu các bệnh hoạn
Khi nghe lời ác xong
Mà chẳng khởi sân hận.

Sao gọi hành tinh tấn
Sao gọi tu tập hạnh
Sao tâm không mỏi mệt
Khi tu hạnh Bồ-đề?
Tinh tấn hộ chúng sinh
Hộ pháp siêng tinh tấn
Thiện căn đều đầy đủ
Tâm kia không mệt mỏi

Làm sao tu chánh niệm?
Dũng kiện hành tinh tấn
Tu thiền định thế nào?
Tâm không có tán loạn
Không chạy theo tưởng niệm
Tuệ không có hư dối
Dùng phương tiện hành thiền
Tâm kia không rối loạn.

Sao gọi được trí tuệ?
Thấy ngay thẳng là sao?
Quyết định là thế nào?
Sao gọi phân biệt pháp?
Tu học trí tuệ tăng
Học tập tâm ngay thẳng
Quyết định hành pháp thí
Theo nghĩa mà tu trì.

Sao gọi kia cầu học?
Hiểu rộng phải làm sao?
Nghe, nói phải thế nào?
Điều gì đại nhân bỏ?
Cung kính cầu thầy học
Tập gần người hiểu rộng
Nói chẳng vì tài lợi
Đại nhân bỏ như thế!

Sao gọi là hành Từ?
Hành đại Bi thế nào?
Hỷ, Xả là thành tựu
Sao gọi trụ phạm đạo?
Bình đẳng ban lòng Từ
Đại Bi không mệt mỏi
Tùy hỷ gọi là hỷ
Phạm đạo đến được ngay!

Thấy Phật thế nào đây?
Thấy rồi lòng tin tưởng

Nghe pháp rồi thì sao?
Trừ sạch nghi thế nào?
Tu hành nghĩ đến Phật
Được gặp Đấng Đạo Sư
Lòng tin được đầy đủ
Nghe pháp rồi hết nghi!
Sao gọi phước trang nghiêm?
Sao gọi trí trang nghiêm?
Như định cùng với tuệ
Chúng trang nghiêm thế nào?
Trang nghiêm phước không chán
Học vấn trang nghiêm trí!
Tâm định gọi là định
Biết pháp gọi là trí!

Kia hành xứ chỗ nào?
Ở, dừng tướng ra sao?
Những gì kia hành xứ?
Vì sao để tu hành?
Hành xứ chỗ pháp không
Xả chính là bờ kia
Nếu hành, trụ Tứ thiền
Tu hành thoát chúng sinh.

Sao gọi là ma nghiệp?
Phật chánh nghiệp ra sao?
Tạo tác những nghiệp nào
Thì được Bồ-đề hộ?
Hạ thừa là nghiệp ma
Đại thừa là thắng đạo
Tất cả ác lìa bỏ
Thì được Bồ-đề hộ!

Gần bạn lành ra sao
Cùng bạn ác thế nào
Sao gọi xóa bình đẳng
Xa lìa nơi tà kiến?
Tán thán đạo Bồ-đề

Thân cận với người đó
Thì tịnh tâm Bồ-đề
Lìa bỏ ác tri thức.
Các hành nghiệp đã hết
Theo chánh kiến tu hành
Lìa bỏ tà tương ưng
Thì chánh kiến chẳng mất!

Làm sao hộ chánh pháp
Và giáo hóa chúng sinh?
Phương tiện gì tu hành
Để thành đạo Bồ-đề?
Tinh tấn hộ chánh pháp
Phương tiện hóa chúng sinh
Lìa bỏ dòng nhị biên
Thì đắc đạo Bồ-đề!

Tác nghiệp trí thế nào
Thế nào nghiệp vừa ý
Vì sao mau thọ giáo
Thường cung kính thuận theo?
Không tranh là nghiệp trí
Không khởi lên tranh cãi
Miệng nói khéo dịu dàng
Cung kính nhiễu bên phải!

Đạo thì tướng ra sao
Thế nào là phi đạo
Làm sao được an trú
Không suy nghĩ trụ đạo?
Lục độ là chánh đạo
Hạ thừa là phi đạo.
Học phương tiện trí xong
Khiến chúng sinh trụ đạo!

Làm sao được giàu có
Làm sao được lợi lớn
Kho báu ở chỗ nào

Sao cho chúng sinh đủ?
"Thất tài" là giàu có
Tịch tĩnh là lợi lớn
Đà-la ni – kho báu
Biện thuyết khiến sung mãn.

Cha mẹ vốn là ai
Những gì là thân tộc
Tùy tùng tướng ra sao
Người nghiêm sức trí tuệ?
Mẹ "tuệ" vượt bờ kia
Trợ đạo là thân tộc
Thiện, căn là tùy tùng
Người trang nghiêm bằng trí.

Hiểu pháp vô ngã xong
Lòng Từ lan khắp cõi!
Vô ngã và lòng Từ
Nghĩa này là thế nào?
Lẽ không nếu biết rõ
Thì tự rõ vô ngã
Chính tâm từ tối thượng
Đời nay biết là không.

Vị lai không trở lại
Các hành tánh như vậy
Nghiệp báo cũng thế thôi
Làm sao có sinh sôi?
Đệ nhất nghĩa không thế
Cũng không có người đi
Và đạo đế của đời
Nói nghiệp và nghiệp báo.

Nếu Không cùng Vô tướng
Và Vô nguyện giải thoát.
Một tướng đồng Vô tướng.
Làm sao mà đạo sinh?
Không tức là Vô tướng

Vô tướng nên đắc tướng
Một tướng, một nghĩa đồng
Nên nói cửa giải thoát.

Sao gọi là quán Không?
Sao gọi quán chúng sinh?
Không cùng với chúng sinh
Làm sao mà được sinh?
Trí tuệ quán Không đó
Phương tiện quán chúng sinh
Dùng đại Bi giáo hóa
Đưa về đến Niết-bàn.

Không sinh, không có khởi
Tất cả pháp như vậy
Các hạnh sinh ra sao?
Nghĩa này phải nên hiểu
Vô diệt và vô sinh
Trí này đã thông đạt
Từ thệ nguyện phát sinh
Phương tiện này tạo thành!

Làm sao được thọ ký?
Bất thoái chuyển thế nào?
Duyên của Nhẫn ra sao?
Làm sao được quyết định?
Thọ ký – trụ bình đẳng
Pháp giới – bất thoái chuyển
Vô sinh là nhân duyên
Biết pháp được quyết định.

Đạo tràng ở chỗ nào?
Bồ-đề tướng ra sao?
Ai gọi là Như Lai?
Phật được sáng thế nào?
Hư không là đạo tràng
Bồ-đề tướng hư không
Thân tâm chẳng nương cậy

Như như gọi Như Lai!

Bấy giờ, các con của vua Đại thọ Khẩn-na-la nghe Phật nói pháp như vậy rồi, liền đạt được pháp Nhẫn nhu thuận, mỗi người đều dùng chuỗi ngọc mình đang mang dâng lên Như Lai mà bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ được gặp Phật ra đời, hôm nay chúng con mới nghe được pháp thậm thâm này. Thật là ít có, chỉ có Thế Tôn mới khiến cho trong tiếng âm nhạc nói lên lời kệ hỏi điều nghi để cho tượng Bồ-tát đáp lại lời hỏi đó, có thể đoạn dứt các nghi hoặc của tất cả đại chúng, chúng con nghe rồi đạt được ánh sáng pháp rộng lớn.

Bạch Thế Tôn! Nắm giữ điều này là ai?

Phật đáp:

–Này các Hiền sĩ! Các ông nên biết, tất cả đều do thần lực của Như Lai! Oai lực Phật như vậy thật không thể nghĩ bàn.

Lúc ấy, con của vua Đại thọ Khẩn-na-la bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện cho tất cả các chúng sinh đều được thần lực như vậy.

Bấy giờ phu nhân, thể nữ của vua Đại thọ Khẩn-na-la, gồm tám vạn bốn ngàn người, mỗi người đều cầm trên tay xâu trân châu, đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ dưới chân Phật, rồi đều tung chuỗi ngọc lên cúng dường Đức Phật. Trong khi đang tung lên, nhờ thần lực của Phật những chuỗi ngọc ấy ở trong hư không hóa thành tám muôn bốn ngàn cái đài lớn bằng trân châu. Bốn trụ ở bốn phương được trang trí đẹp đẽ. Trong các đài báu đều có giường, tòa ngồi, các chuỗi ngọc báu, hàng trăm ngàn y trời. Trên các tòa ngồi này đều có các Như Lai ngồi kiết già tự trang nghiêm bằng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Lúc ấy tám muôn bốn ngàn phu nhân, thể nữ của vua Đại thọ Khẩn-na-la thấy thần lực của Phật thì rất vui mừng, thấy được điều chưa từng thấy, tất cả đều phát tâm nơi đạo Vô thượng Bồ-đề, đạt được không thoái chuyển, phát tâm rồi, vô cùng vui mừng, cùng nhau dùng kệ ca ngâm, khen ngợi Như Lai:

Nên cúng dường Đấng Tối Vô Thượng
Lợi ích kia không thể nghĩ bàn,
Khéo học lợi ích pháp điều phục
Chúng con đảnh lễ Đấng Thắng Nhân!
Lìa tham sân si, và dua nịnh
Tập tiếng vô úy, lìa não phiền
Từ kho báu lớn khai thị pháp

Cúi đầu lạy Đấng Ly Dục Tôn!
Ngũ nhãn thanh tịnh không nhơ uế
Khéo hay hàng phục các oán thù
Như hoa sen, chẳng nhiễm ba cõi
Được đến bờ kia, con lạy Ngài!
Ban cho thế gian mắt tuệ sáng
Làm mờ ánh sáng, mặt trời, trăng
Ra đời dòng giống Chuyển luân vương
Cầm giữ luân tướng con tán thán!
Tâm thường chẳng đắm nhiễm các sắc
Đạo Sư nương tựa cứu giúp cho
Không ai sánh bằng, huống hơn sao
Diệu âm diễn thuyết con đảnh lễ!
Với lợi, không lợi đều không nhiễm
Tất cả thế pháp đều biết cả
Giải thoát cho kẻ rơi lưới ái
Đạo sư Thế Tôn, con kính lễ!
Trụ thiền định thường điều phục tâm
Trụ mười Lực, đốt cháy kết sử
Giảng đạo pháp, chẳng ban thức ăn
Con lạy Đấng Vô Thượng phước điền!
Nói điều vi diệu, đủ tướng tốt
Đạo trái xả bỏ và lìa xa
Tiếng nói êm dịu như tiếng sấm
Cúi lễ Đấng vượt ra ba cõi!
Đấng Nhân Tôn đã lìa phiền não
Dùng thần thông dạo vô lượng cõi
Làm thuyền vững chắc cứu thế gian
Con cúi đầu kính lễ Như Lai!
Thế Tôn diễn nói tín và tấn
Độ thoát thế gian các kết nghi
Thanh văn có được hạnh lục thông
Cúi đầu khen Đấng lìa sáu đường!
Con cúi lạy Đấng sắc núi vàng
Lạy Đấng các căn điều phục định
Con nay lễ Đấng mặt trăng rằm
Lễ Đấng đức độ vượt loài người!
Diệt hết "kết sử" của chúng sinh

Vượt thoát bốn dòng sông khó qua
Hôm nay chúng con quy y Ngài
Con lễ Đấng Điều Căn Thế Tôn!
Thuở trước Ngài vốn đại bố thí
Cho kẻ cầu xin lòng hoan hỷ
Vật quý ưa thích đem cho người
Con lễ Đấng Thiện Thệ kiện thí!
Thấy chúng sinh si, mạn, mê say
Khéo biết điều này, nhân đã tạo
Đạo Thánh tối thắng không gì trên
Ngài khéo dẫn đường an nơi đó.
Bản tánh "ấm" giới thường rỗng lặng
Các "kết" không thật, chỉ hư ngụy
Thầy trừ cho đời những hối, nghi
Lời nói Thế Tôn, con khen ngợi!
Thường trụ thật pháp, các Tam-muội
Đối pháp tự tại đến bờ kia
Trí tuệ điều ngự tối vô thượng
Con cúi lạy Đấng Đại Thương Chủ!
Lìa khỏi huyễn hoặc các dối lừa
Đại lực hàng phục các quân ma
Sáng suốt, rành đường trên loài người
Giống như gió lớn, không ngại, vướng.
Đáy nước cạn dòng đến bờ kia
Kho báu của Ngài không cùng tận
Như Lai nhiều như cát sông Hằng
Ngài vốn thuở trước thường cúng dường.
Được ở trong đời không lay động
Lìa ái vượt nạn đến bờ kia
Thân cận chư Phật trụ chỗ thiện
Nên kính lễ Đấng vượt loài người!
Bỏ nỗi sợ sinh, già, bệnh, chết
Nhớ lại ngàn ức đời kiếp trước
Lưới ái rất lớn, rất đáng sợ
Mặt trời tuệ sáng, chiếu cỏ khô.
Đạo sư Độc giác ngộ các pháp
Tay chân có vân tướng cát tường
Cỏ cát tường mềm mại hiến dâng

Cát tường Thế Tôn, con đảnh lễ!
Tự tại vượt khỏi Đà-la-ni
Thường dùng pháp thí, không tài thí
Đấng Nhân tôn đánh trống pháp lớn
Con kính lễ Pháp Vương Thế Tôn!
Sinh ra từ dòng vua họ Thích
Các căn tĩnh lặng, tâm cũng tịch
Đạo Sư ba cõi thường tịch diệt
Đấng tâm tịch tĩnh, con ngợi khen!
Ma vương mang kiếm sắc bén đến
Cùng các chúng ma dưới gốc cây
Mà một sợi lông Ngài chẳng động
Cúi khen Đấng bất động như núi!
Đấng Nhân Tôn đến bờ tinh tấn
Vì chúng sinh kham nhẫn khổ đau
Chẳng còn thọ sinh, hết tử sinh
Thế Tôn thuyết nhẫn, con ngợi khen!
Được thế lực lớn, không nghiêng đổ
Khéo trụ vô úy, xứ, phi xứ
Đưa các chúng sinh trụ Bồ-đề
Thế Tôn thiện trụ, con kính lễ!
Biết các cõi không gì bền chắc
Đi xuất gia, lìa bỏ bà con
Biết ba cõi không ai trên được
Trí đến bờ kia, con ngợi khen!
Chúng sinh khổ não không ai cứu
Đem pháp Tam bảo cho đầy đủ
Đưa họ đến cõi không tai nạn
Con lạy Đấng Thế Tôn cứu đời!
Biết các căn, Ngài tu trí lực
Phá tan ác ma, quân ma ác
Âm thanh đã nói, rất nhiệm mầu
Khéo tu các căn, con tán thán!
Nghe chánh pháp, dục là căn bản
Lại đem dục này muốn Bồ-đề
Bình đẳng che đều chẳng thân sơ…
Che chở cho đời, con khen ngợi!
Đấng Thiện Thệ giác ngộ pháp rồi

Tự chuyển Pháp luân Vô thượng thánh
Biết các hành, tướng giống như mộng
Khiến cho chúng sinh hiểu chân thật.

Bấy giờ, các phu nhân, thể nữ của vua Đại thọ Khẩn-na-la dùng kệ tán thán rồi, bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con đều phát tâm đạo Vô thượng, chẳng bao giờ dùng thân nữ này để thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Lành thay, bạch Thế Tôn! Nguyện xin Ngài vì chúng con thuyết pháp phù hợp, khiến cho chúng con chuyển thân nữ được thành thân nam, mau chóng thành đạo Vô thượng chánh chân.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói với các phu nhân, thể nữ của vua Khẩn-na-la:

–Các vị hãy lắng nghe, thành tâm suy nghĩ! Ta sẽ diễn thuyết về sự chuyển xả thân nữ thành thân nam, mau chóng đắc đạo Vô thượng chánh chân.

Họ đồng thanh đáp rằng:

–Hay thay, kính bạch Thế Tôn! Chúng con xin vâng lời lắng nghe!

Phật dạy:

–Này các vị! Thành tựu được một pháp hạnh thì bỏ được thân nữ được thân nam, mau chóng thành đạo Vô thượng chánh chân. Thế nào là một pháp hạnh?

Đó là tâm Bồ-đề, tâm Nhất thiết trí đồng là một tâm. Tâm tối thắng tất cả ba cõi, không quên trang nghiêm tất cả căn lành.

Này các vị! Đó là một pháp, nếu người nữ thành tựu thì chuyển xả được thân nữ thành thân nam, mau chóng thành đạo Vô thượng chánh chân.

Những gì là hai pháp?

Đó là:

1. Gần gũi Phật chẳng phụng sự các trời thần khác.

2. Xa lìa tà kiến.

Đó là hai pháp chuyển xả thân nữ, cho đến mau chóng thành đạo Vô thượng chánh chân.

Lại nữa, này các vị! Nữ nhân thành tựu được ba pháp thì chuyển xả thân nữ thành thân nam.

Những gì là ba?

Đó là:

1. Thân giới.

2. Khẩu giới.

3. Ý giới.

Đó là ba pháp.

Lại nữa, này các vị! Người thành tựu bốn pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là bốn pháp?

Đó là:

1. Không có tâm dối trá mà hành bố thí.

2. Chẳng dùng sự dối trá mà tu trì giới.

3. Đem ý cung kính mà hướng về Thánh hiền.

4. Nghe nhận chánh pháp.

Đó là bốn pháp.

Lại nữa, này các vị! Người nữ thành tựu năm pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là năm pháp?

Đó là:

1. Ưa thích pháp.

2. Ham muốn pháp.

3. Thường nghe pháp.

4. Đã nghe pháp rồi thì Chánh niệm quan sát.

5. Chán ghét thân nữ thường ưa được thành thân nam.

Đó là năm pháp.

Lại nữa, này các vị! Người nữ thành tựu sáu pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là sáu?

Đó là:

1. Tâm nhanh chóng.

2. Tâm nhu nhuyến.

3. Tâm chất trực không lừa dối.

4. Tâm chất trực không huyễn hoặc.

5. Tâm chất trực không giả dối.

6. Tâm chánh trực.

Đó là sáu pháp.

Lại nữa, này các vị! Thành tựu bảy pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là bảy pháp?

Đó là:

1. Niệm Phật muốn thành Phật.

2. Thường niệm Chánh pháp muốn được Phật pháp.

3. Thường niệm Tăng muốn mình làm Tăng.

4. Thường niệm giới thề nguyền thanh tịnh.

5. Thường niệm xả, bỏ các phiền não.

6. Thường niệm Thiên sáng tỏ tâm Bồ-đề.

7. Quán các chúng sinh với tâm hoan hỷ vậy.

Đó là bảy pháp.

Lại nữa, này các vị! Nữ thành tựu tám pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là tám pháp?

1. Chẳng tham ăn.

2. Chẳng tham tiệc tùng.

3. Chẳng tham trượng phu.

4. Chẳng tham hương bột, hương xoa.

5. Chẳng tham dạo chơi vườn rừng.

6. Chẳng tham đùa giỡn, chẳng tham tiếng ca và các âm nhạc.

7. Chẳng tham múa giỡn.

8. Chẳng tham kết giao hội hè.

Đó là tám pháp.

Lại nữa, này các vị! Nữ thành tựu chín pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam. Những gì là chín pháp?

1. Chẳng nói có ngã.

2. Chẳng nói có chúng sinh.

3. Chẳng nói có thọ mạng.

4. Chẳng nói có nhân, trượng phu.

5. Chẳng nói đoạn kiến.

6. Chẳng nói thường kiến.

7. Chẳng chấp vào hữu kiến.

8. Chẳng chấp vào vô kiến.

9. Hiểu rõ pháp nhân duyên.

Đó là chín pháp.

Lại nữa, này các người! Nữ thành tựu mười pháp thì chuyển thân nữ thành thân nam, mau chóng thành Vô thượng Bồ-đề. Những gì là mười pháp?

1. Đối với chúng sinh tu hành tâm Từ.

2. Đối với của cải người khác chẳng sinh lòng tham ái.

3. Chẳng nghĩ đến người đàn ông khác.

4. Trọn đời chẳng nói dối.

5. Chẳng nói hai lưỡi.

6. Chẳng nói lời thô ác.

7. Chẳng nói lời không có nghĩa lý.

8. Chẳng khởi vô minh.

9. Chẳng sân hận.

10. Có cái nhìn chính trực nương vào nghiệp báo.

Này các vị! Đó là mười pháp, nếu người nữ thành tựu thì chuyển thân nữ thành thân nam, mau chóng đạt được đạo quả Vô thượng Bồ-đề.

Này các vị! Lại người nữ nên quan sát pháp thâm diệu: Quán sắc như bọt nước không say đắm sắc. Quán thọ như bong bóng, ở trong vui không sinh tham trước, ở trong khổ chẳng lìa bỏ, ở trong chẳng vui, chẳng khổ chẳng sinh si kết.

Quán tưởng như ánh lửa, trong đó chẳng khởi lên tưởng nam tưởng nữ.

Quán hành như tàu chuối, rõ biết các hành không có bền vững chân thật. Quán như vậy rồi chẳng trụ ở các pháp, chẳng khởi tưởng chấp trước.

Quán thức như huyễn, rõ biết tâm thức như người huyễn đi đến. Biết như vậy rồi, đối với các pháp không nhiễm trước. Quán biết thân này là sự hòa hợp của bốn đại: Đất, lửa, nước, gió. Các đại đã giả hợp làm thân giống như cỏ cây, tường vách, sành sỏi. Thân này như bóng, không ngã, không chúng sinh, không mạng, không nhân, không có trượng phu. Nương vào nghiệp đã tạo tác mà tự luân chuyển. Các cõi vọng tưởng giống như hư không tụ lại. Quán như thật về mắt thì chỉ là thịt, khi bị hủy thì tánh của mắt là không tịch. Quán kỹ như thế về tai, mũi, lưỡi, thân, ý thì tánh chúng đều không tịch. Hiểu thân như bóng trong gương, hiểu biết lời nói giống như tiếng vang. Quán tâm như huyễn. Như vậy, này các vị! Người nữ quan sát các pháp như thế thì mau chóng chuyển thân nữ thành thân nam, mau chóng thành tựu Vô thượng Bồ-đề.

Khi đó, các phu nhân, thể nữ của vua Đại thọ Khẩn-na-la nghe Phật nói pháp chuyển thân nữ này, họ nghe pháp môn này rồi rất vui mừng, được nghe điều chưa từng có, đều đảnh lễ dưới chân Đức Phật, chí tâm không xao lãng.

Khi đó, biết ý nghĩa trong tâm các phu nhân, thể nữ của vua Khẩn-na-la, Thế Tôn liền mỉm cười.

Theo pháp thường, khi Phật mỉm cười thì hàng trăm ngàn hào quang xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía… từ miệng Ngài phát ra, chiếu soi khắp vô lượng, vô biên thế giới trên đến trời Phạm thế, che lấp ánh sáng mặt trời, mặt trăng, trở lại trước Phật. Rồi nhiễu Phật ba vòng, theo trên đỉnh đầu mà vào.

Bấy giờ Đại đức A-nan liền đứng dậy, sửa lại y phục, trật áo vai phải, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng Phật mà nói kệ:

Con hỏi niềm vui diện kiến Ngài
Con hỏi uy đức lạ của Ngài
Con hỏi điều hay đoạn các nghi
Vì duyên cớ gì Ngài cười vậy?
Con hỏi Đấng Tịnh tối thâm diệu
Con hỏi điều lợi ích thế gian
Con hỏi Đấng Nhân Thiên tối thượng
Vì nghĩ thương ai hiện tướng cười?
Con hỏi Đấng ưa thí, điều phục
Con hỏi Đấng trì giới thanh tịnh
Hỏi Đấng ưa nhẫn, đắc nhẫn rồi
Vì lợi ích gì thị hiện cười?
Con hỏi Đấng trụ lực tinh tấn
Hỏi Đấng trụ thiền, đủ thần thông
Hỏi Đấng trí tuệ ngang hư không
Sao hiện cười, thưa đấng Vô đẳng?
Hỏi Đấng Thiện Thệ đại Bi tâm
Hỏi Đấng đại Bi thương thế gian
Hỏi Đấng đại Hỷ và đại Xả
Nhân duyên gì Ngài thị hiện cười?
Con hỏi Đấng qua bờ ba cấu
Hỏi Đấng vô cấu tịnh ba nhãn
Hỏi Đấng thường lạc, ba giải thoát
Ngài cười hẳn phải có nguyên nhân?
Con hỏi Đấng hàng phục kẻ khác
Hỏi Đấng hay nói pháp Cam lồ
Hỏi Đấng hay che tối các ma
Ngài cười, nguyện xin nói lý do?

Con hỏi Đấng giữ gìn mười Lực
Hỏi Đấng thân như sắc núi vàng
Hỏi Đấng đến được đỉnh công đức
Vì ích lợi gì mà ngài cười?

Bấy giờ, Phật bảo Đại đức A-nan:

–Ông hôm nay có thấy các vị phu nhân của vua Đại thọ Khẩn-na-la chăng? Hôm nay, ở chỗ ta, họ đã gieo trồng thiện căn, chí thành pháp tâm Vô thượng Bồ-đề, muốn chuyển thân nữ thành thân nam. Họ đang đảnh lễ dưới chân ta.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con đã thấy, thưa Đức Thế Tôn!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Các phu nhân, thể nữ của vua Khẩn-na-la đem lòng chí thành này gieo trồng các thiện căn, đến hết thân mạng này họ xả bỏ thân nữ được thành thân nam, sinh lên cõi trời Đâu-suất cùng Bồ-tát Di-lặc hộ trì ta vô lượng, vô số kiếp, đã tập hợp đạo pháp Vô thượng Chánh chân.

Khi Bồ-tát Di-lặc thành Phật họ lại sẽ cúng dường. Cứ như vậy, họ lần lượt cúng dường hàng ngàn Đức Phật trong kiếp hiền, dần dần họ đầy đủ pháp trợ Bồ-đề.

Khi vua Đại thọ Khẩn-na-la này được thành Phật, những người nữ này sẽ sinh vào cõi của Đức Phật ấy. Đức Phật Như lai kia sẽ thọ ký cho họ.

Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn! Hôm nay Thế tôn đã vì chúng con mà làm Phật sự lớn, trừ sạch đường ác, an trụ đường lành, thị hiện đạo Bồ-đề, trụ ở kho báu trí tuệ lớn, thành tựu tất cả căn lành xuất thế, thuyết giảng giúp thành tựu bạn Ba-la-mật, thị hiện phương tiện khéo, khuyên phát tâm Bồ-đề, nghe pháp đầy đủ, được chỉ dạy lợi lạc, yêu thích pháp thậm thâm, tất cả chúng con đều được an trụ ở địa vị không thoái chuyển.

Bạch Thế Tôn! Chúng con nay sẽ làm điều tri ân, chẳng phải không tri ân.

Bạch Thế Tôn! Hôm nay chúng con nếu dùng cả máu, thịt, tủy, não còn không thể báo ân được huống là các thứ trân bảo khác!"

Bấy giờ, trong chúng hội có vị Bồ-tát khác dấy lên ý niệm như vầy: "Vua Đại thọ Khẩn-na-la này còn bao lâu nữa sẽ được chứng đắc đạo quả Vô thượng Bồ-đề? Được thành Phật rồi hiệu là gì? Cõi nước của Đức Phật

ấy trang nghiêm ra sao? Các chúng Bồ-tát lấy gì trang nghiêm? Vật thọ dụng của họ tướng loại thế nào?"

Lúc ấy, Thế Tôn biết được ý niệm trong tâm của vị Bồ-tát này. Ngài liền mỉm cười, vô lượng trăm ngàn ánh hào quang đủ mọi màu sắc từ miệng Ngài phát ra, chiếu khắp thế giới của chư Phật trong mười phương nhiều như số cát sông Hằng, chấm dứt tất cả khổ não của chúng sinh, hào quang chiếu khắp chư Thiên, thế gian rồi trở lại nhiễu quanh Đức Phật đủ một ngàn vòng rồi theo đỉnh đầu mà vào.

Bấy giờ Tôn giả A-nan liền đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu về bên phải bảy vòng, ở trước Như Lai, chắp tay mà nói kệ:

Lạy Đấng Thiện Thệ chưa từng thấy
Mỉm cười sự tướng là như vậy
Soi khắp vô lượng ức thế giới
Khắp mười phương như cát sông Hằng.
Ánh sáng Đế Thích và vua Phạm
Hộ Thế, Nhật, Nguyệt, ngọc, lửa, sao
Ánh sáng Nhân tôn làm lu mờ
Nhân gì Ngài cười, nguyện xin nói?
Diệt trừ ba ác, các khổ não
Chúng sinh lìa kết được vui mừng
Người, trời được vui mà nhiều nữa
Thanh tịnh chúng sinh vì sao cười?
Ai vì người, trời trụ Đại thừa?
Ai sẽ chứng đắc, chuyển pháp luân?
Ai đạt được Bồ-đề vô thượng?
Dũng kiện phóng ánh sáng tịnh diệu
Xin Pháp Vương đoạn nghi cho con
Và cho người, trời hết nghi hoặc!
Đại chúng hoan hỷ, nguyện muốn biết
Vì ai Ngài hiện tướng mỉm cười?

Bấy giờ Tôn giả A-nan dùng kệ hỏi Phật rồi, đi nhiễu bên phải ba vòng, trở về chỗ ngồi của mình.

Lúc ấy, Thế Tôn giống như con rồng lớn, quay nhìn mười phương rồi bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Nay ông có thấy vua Đại thọ Khẩn-na-la này cúng dường rất nhiều Đức Như Lai chăng?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Con đã thấy, thưa Thế Tôn!

Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Vua Đại thọ Khẩn-na-la này trải qua sáu mươi tám trăm ngàn ức kiếp nữa rồi sẽ thành Phật, hiệu là Công Đức Vương Quang Minh Như lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước của Ngài tên là Vô cấu nguyệt, kiếp tên là Hữu bảo.

Này A-nan! Đất đai của thế giới Vô cấu nguyệt này bằng phẳng như bàn tay. Đất bằng lưu ly trắng giống như màu sắc của mặt trăng, rất sạch không cấu bẩn, không có các gai góc, sành sỏi, cát đá, có đài báu đẹp trụ trong hư không.

Khi các Bồ-tát đi kinh hành trên đất thì hai bên hiện ra hình tượng Như Lai Công Đức Vương Quang Minh. Các Bồ-tát này thấy tượng Như Lai liền có ý nghĩ như vậy: "Tất cả các pháp đều như tượng!" Nếu có chúng sinh, đối với pháp có điều nghi hoặc liền hỏi tượng Phật. Hỏi tượng Phật rồi thì có thể thọ trì, được Vô sinh nhẫn. Tất cả chúng sinh đều nương nơi đài báu ở hư không mà an trụ. Cõi Đức Phật kia không có danh từ người nữ. Chúng sinh cõi ấy đều hóa sinh cả. Ở trong cõi nước này không có danh từ ẩm thực, mọi người ăn thuần bằng pháp hỷ. Trong cõi nước đó không có các thừa khác, chỉ thuần một Đại thừa mà thôi. Tất cả chúng sinh ở đây quyết định theo Đại thừa. Các chúng sinh đó không hủy cấm giới và oai nghi cùng phá chánh kiến. Tất cả chúng sinh quyết định theo Phật pháp. Nước kia không có ma và Thiên ma, ngoại đạo Ni-càn cùng các đạo khác… chúng sinh ở đó không chấp trước các "kiến" thậm chí chẳng chấp trước ở thiện kiến. Tất cả chúng sinh đều thực hành hạnh sâu xa, đã được ấn không ấn chứng. Chúng sinh người, trời trong cõi ấy không khác nhau. Vật chất mà họ thọ dụng đều đồng đẳng. Tuổi thọ Đức Như Lai Công Đức Vương Minh Quang là mười trung kiếp. Nhiều lợi ích, nhiều an lạc cho trời, người. Số Bồ-tát quyến thuộc của Ngài nhiều vô lượng đều ở địa vị không thoái chuyển.

Khi Đức Như Lai Công Đức Vương Quang Minh này sắp vào Niết-bàn, liền thọ ký cho Bồ-tát Thượng Tinh Tấn:

–Bồ-tát Thượng Tinh Tấn này tiếp theo sẽ được làm Phật, hiệu là Đại Trang Nghiêm Như Lai… Phật Thế Tôn.

Ở trong kiếp này, Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo không đứt đoạn. Vậy nên, kiếp này tên là Hữu bảo.

Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la đích thân được nghe thọ ký rất đỗi vui mừng, được điều chưa từng có. Ông dùng thần lực thiện căn của Đại

Bồ-tát muốn cho đại chúng phát tâm hoan hỷ tăng thêm thiện căn nên bay lên hư không cao bảy cây đa-la, nương thần lực Phật và tài về ngôn từ của mình nói kệ:

Thật tánh bao trùm tất cả pháp
Tánh ấy như "không" không bợn nhơ
Biết đạo nhiệm mầu như vậy rồi
Đó là trưởng tử tất cả Phật.
Như điều nhìn thấy ở trong mộng
Không thật, thấy được đều hư vọng
Đã rõ các pháp là như mộng
Đối với các pháp không lo chán.
Giống như huyễn hóa đã hiện ra
Binh chúng: voi, ngựa, bộ và xe…
Trong đệ nhất nghĩa không có thật
"Ấm" này như huyễn không thật bền.
Thể tánh của sắc như bọt nước
Các thọ như bọt nước hiện lên
Tưởng kia giống như lúc lửa hừng
Các hành không thật như bẹ chuối.
Tâm, ý, thức cùng với ba cõi
Như Lai nói: như huyễn hóa ra
Biết ấm tánh không không thật có
Ở trong các hành không nhàm chán.
Bốn đại, các giới như pháp giới
Các nhập như làng xóm rỗng không
Biết rõ các pháp như vậy xong
Giữ Pháp tạng không của chư Phật.
Bố thí tài, khéo tự điều phục
Tự điều phục bằng tịnh giới không
Tánh nhẫn thường tận – không có tướng
Tinh tấn thắng diệu thường tịch diệt
Tánh thiền tịch tĩnh không hý luận
Trí cũng không tịch không hý luận.
Nếu có thể nhập pháp như trên
Đó gọi là vượt đến bờ kia.
Lòng Từ vô ngã, vô chúng sinh
Đại Bi thanh tịnh như hư không,
Đại Hỷ, đại Xả đều rỗng lặng

Đó là phạm đạo, đạo tối thắng.
Là bốn Nhiếp pháp là tối thắng
Đức Phật nói: bao trùm khắp cả
Được pháp nhiếp này, mãi giải thoát
Đến được bờ kia của nhiếp pháp.
Chúng sinh vô ngã, vô chúng sinh
Chẳng được trượng phu và thọ mạng
Sáu căn thường tự tướng tịch tĩnh
Biết như vậy, gọi là Bồ-tát!
Không có Bồ-tát, không chúng sinh
Cũng lại chẳng sinh, không ngã mạn
Lìa hai, vô trước, không hý luận
Gọi là Vô trước, thật Bồ-tát!
Các pháp không thật như mây nổi
Không có người đi, không kẻ đến
Thể kia thường trụ tánh pháp giới
Thiện Thệ Như Như thông đạt hết.
Các pháp chẳng có, cũng chẳng không
Vì nhân duyên nên các pháp có
Như chớp vừa lóe liền tắt ngay
Tâm kia thường ưa quán như thế.
Tâm hành không sắc, chẳng nắm giữ
Thế gian như thế chẳng thể nắm
Nếu biết tâm tánh vốn thanh tịnh
Không có kết sử, các tối tăm.
Nói thân như cây, như tường vách
Si không có chủ như đá sành
Đã biết như vậy về bản tánh
Lại chẳng khởi tâm dựa vào thân
Miệng nói thanh tịnh như gió thổi,
Như tiếng vang vọng trong hang núi
Biết các âm thanh cũng như vậy
Với các âm thanh dục chẳng say.
Trụ tại hư không chẳng rơi rớt
Hư không không trụ cũng không xứ
Biết các pháp như hư không rồi
Chúng sinh trụ "chân như" như thế.
Hư không vốn không cháy, không sinh

Ngàn vạn ức kiếp mà chẳng cháy
Hiểu ra các pháp như hư không
Đến trăm ngàn cõi không thiêu cháy
Tu-di, Thiết vi và các núi
Thành lớn, thôn ấp và cỏ cây
Biết rõ chúng như hư không rồi
Thần thông đến xa ngàn ức cõi.
Địa đại, thủy, hỏa và phong đại
Bốn đại cũng giống như hư không
Biết những thứ này đều bình đẳng
Dũng kiện nương không, đến ức cõi.
Ba cõi đã có các tiếng nói
Thắng diệu tăng thêm thượng, hạ, trung
Trăm ngàn ức kiếp nói không lường
Chẳng thấy bản tánh, biết tồn tại.
Thù thắng không có tướng sai khác
Tuy biết mà tâm không thể hiểu
Tâm ý cùng nhau vào tịch diệt
Các Như Lai đồng với các pháp
Tu căn lành hàng ngàn vạn kiếp
Vốn khi làm Bồ-tát tu hành
Biết Bồ-đề đồng với các pháp
Nên được thọ ký, đại danh xưng.
Các cảnh giới pháp, tánh sạch trong
Cảnh giới Như lai không thể lường
Biết được bình đẳng như vậy xong
Giữ đức thế thì được thọ ký.
Con nay không có các ấm, cái
Sắc, thọ, tư tưởng cùng với hành
Hiểu biết Bồ-đề được thọ ký
Chẳng nhẫn thọ ký ấm, giới, nhập.
Chứng đắc nhẫn kia vốn tịch tĩnh
Nhẫn và cho, không hai, bình đẳng
Vô lượng này là vô sinh nhẫn
Như vậy thì được thọ ký ngay.
Không thể cùng tận với vô tận
Hỏi hết, không khởi lên các pháp
Thông đạt nhẫn rồi được thọ ký

Không cú, nhập cú, không hình tướng.
Thật không có số, không hai bên
Không có làm khác, phải làm thật
Như vậy được thọ ký của Phật
Tính con nay bình đẳng với pháp
Tính mình vô ngã, đồng tánh không
Tính Bồ-đề giống như hư không
Nếu như thế, liền được thọ ký
Chính là tà hạnh, chẳng chánh chân.
Nếu đem tâm ý mà tu hành
Trong pháp bình đẳng hành thắng hạnh
Thì đều cùng trụ dưới đất thôi
Con nay trụ ở trên không này
Biết người dưới đất không đồng nhau
Chẳng chấp ba cõi, thêm tăng trí
Vậy nên được thọ ký Vô thượng!

Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la từ hư không nói kệ này xong thì hạ xuống, đảnh lễ dưới chân Phật, chắp tay hướng về Ngài, bạch:

–Kính bạch Thế Tôn! Ngài đã vì con làm Phật sự, thọ ký cho con đầy đủ đạo Vô thượng.

Bạch Thế Tôn! Con ở đời quá khứ đã tu các hạnh là vì bất không. Con vì chẳng dối trá nên đã tu các hạnh!

Bấy giờ, trong đại chúng có các vị Đại Bồ-tát có ý niệm như vầy:

–Vua Đại thọ Khẩn-na-la này đã gieo trồng căn lành đầu tiên ở chỗ Đức Phật nào? Đức Phật Như lai kia hiệu là gì?

Khi ấy Bồ-tát Thiên Quan biết ý niệm trong lòng các vị Bồ-tát nên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này lần đầu tiên phát tâm Bồ-đề, gieo trồng thiện căn ở chỗ Đức Phật nào? Đức Phật Thế Tôn kia hiệu là gì?

Lúc ấy Phật bảo Bồ-tát Thiên Quan:

–Này Thiện nam! Thuở quá khứ xa xưa, cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, lúc đó có Phật hiệu là Bảo Tụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác… Phật Thế Tôn, cõi Phật này tên là Tịnh trang nghiêm, kiếp tên là Tịnh khiết. Đức Bảo Tụ Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác này có chúng Bồ-tát gồm sáu mươi ức vị. Tất cả chư vị ấy đều có vô lượng tinh tấn, đắc Đà-la-ni, không lay chuyển nơi đạo Vô thượng chánh chân.

Phật ấy có tuổi thọ sáu mươi ức tuổi. Những vật dụng trong cõi nước kia hoàn toàn do lưu ly tạo thành. Đồ ăn thức uống ở đó thật phong phú như trên cõi trời Đâu-suất. Cõi nước đó không có các thừa khác, chỉ thuần một Đại thừa thôi.

Bấy giờ, có vị Chuyển luân đại vương tên là Ni-mẫn-đà-la, tự tại trong bốn cõi, có đầy đủ bốn vạn phu nhân một ngàn người con, tất cả đều dũng kiện, đẹp đẽ, có thể khuất phục được nhiều người khác.

Khi ấy, vua Ni-mẫn-đà-la thỉnh Đức Như Lai Bảo Tụ và chúng tăng

Bồ-tát để cúng các vật cần dùng đủ một ức năm như: y phục, đồ ăn thức uống, giường nằm, thuốc thang, tất cả đồ ưa thích. Nhà vua đã tạo nên sự cúng dường vô lượng như vậy. Cúng dường Đức Như Lai xong, đức vua ấy thành tựu căn lành này. Bốn vạn phu nhân cùng với một ngàn người con, thêm tám muôn bốn ngàn chúng sinh đồng phát tâm nơi đạo Vô thượng chánh chân. Phát tâm đạo rồi, lại dùng những đồ ưa thích thường cúng dường Đức Như Lai Bảo Tụ đủ một ức năm. Sau đó, nhà vua bỏ ngôi vua trao cho thái tử tên là Tịnh Giới, tự bỏ ngôi vị quốc vương, thể nhập trong pháp của Đức Phật kia, cạo bỏ râu tóc, đem tâm tín thành xuất gia. Rồi cứ như vậy, một ngàn người con trai lần lượt nhường ngôi cho nhau, từng người một đều đi xuất gia, chỉ trừ vị vương tử nhỏ nhất tên là Giác Bi. Ông lên làm vua dùng chánh pháp trị nước, chẳng dùng binh lính, vũ khí, khéo léo, tự tại thống lãnh đất nước.

Này Thiện nam! Bấy giờ, vua Ni-mẫn-đà-la và các con xuất gia rồi, Đức Như Lai Bảo Tụ lúc đầu, nửa chừng và sau cùng, đã nói pháp cho họ có thể thọ trì.

Này Thiện nam! Ý ông thế nào? Đó là ai khác ư? Ông chớ có nghi ngờ vậy! Vua Chuyển luân Ni-mẫn-đà-la kia nay là vua Đại Thọ Khẩn-na-la này. Các con của vua ấy, nay đều tu hành đạo Bồ-tát.

Này Thiện nam! Vua Đại Thọ Khẩn-na-la này, ở trong pháp của Đức Như Lai Bảo Tụ kia phát tâm Bồ-đề vô thượng đầu tiên. Từ đó về sau, nhà vua luôn được gặp Phật, nghe pháp cúng dường chúng tăng, giáo hóa chúng sinh, mà chẳng mau chóng nhận lấy đạo Vô thượng chánh chân. Ta nay thọ ký cho ông ấy đạo Vô thượng này. Ông ấy sẽ được làm Phật hiệu là Như Lai Công Đức Vương Quang Minh.

Bồ-tát Thiên Quan bạch rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Trí tuệ của Như Lai không thể nghĩ bàn mới có thể biết được điều xa xưa như vậy.

Phật dạy:

–Đúng vậy! Này Thiện nam! Đúng như ông đã nói. Như Lai thấy biết vô lượng vô biên. Vì sao vậy?

Này Thiện nam! Vô lượng tất cả chúng sinh đời quá khứ, Như Lai đều có thể biết hết tâm của họ. Biết như vậy khắp mười phương; biết như vậy ở mọi chỗ; biết như vậy về mọi tạo tác của họ; hoặc nghiệp thiện, hoặc nghiệp bất thiện, hoặc nghiệp vô ký, biết như vậy về tất cả sự biến chuyển trong tâm của họ, Như Lai đều biết hết! Nếu hiện tại tâm khởi lên, hoặc tâm thiện, hoặc tâm bất thiện, hoặc vô ký, khởi như vậy ở mười phương, khởi như vậy ở mọi chỗ, khởi những tạo tác như vậy thì Như Lai đều biết. Sự thấy biết của Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Giác như thế không có ngăn ngại. Nếu đời vị lai, tất cả chúng sinh sẽ khởi tâm thì Như Lai đều biết.

Khi Phật nói về trí vô ngại của Như Lai này, ba vạn hai ngàn chúng sinh vốn chưa phát tâm, lần đầu tiên ân cần, trân trọng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Bấy giờ, lần thỉnh Phật và đại chúng Bồ-tát, Thanh văn để cúng dường bảy hôm của vua Đại Thọ Khẩn-na-la đã xong. Nhà vua lại đem các vật dụng cần thiết ưa thích và cung điện, vườn rừng, quảng trường, đất đai, dâng cúng hết, rồi nói như vầy:

Nguyện xin Phật Thế Tôn rủ lòng thương xót chúng con, thỉnh thoảng xin Ngài đến đây với chúng con. Nếu được vậy thì sẽ rất an lạc, sẽ rất lợi ích cho các Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già.

Bấy giờ, con trai của vua Đại Thọ Khẩn-na-la tên là Vô Cấu Nhãn đem lưới ngọc báu dâng lên Như Lai rồi bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Khẩn-na-la chúng con đắm say hương hoa, đắm say ca múa, đắm say lạc thú, nguyện xin Thế Tôn vì chúng con thuyết giảng pháp môn tu hành khiến cho chúng con rời bỏ sự cuồng say, tu tập pháp Bồ-đề trợ đạo.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Vô Cấu Nhãn, con vua Đại Thọ Khẩn-na-la rằng:

–Này Hiền sĩ! Từ đây về sau, ta sẽ giúp ông khiến cho các nhạc cụ phát ra âm thanh sáu mươi bốn pháp trợ Bồ-đề vi diệu.

Những gì là sáu mươi bốn pháp?

Đó là:

1. Phát ra tiếng bố thí
2. Tiếng trì giới.
3. Tiếng nhẫn nhục.

4. Tiếng tinh tấn.
5. Tiếng thiền định.
6. Tiếng trí tuệ.
7. Tiếng Từ.
8. Tiếng Bi.
9. Tiếng Hỷ.
10. Tiếng Xả.
11. Tiếng bốn Nhiếp pháp.
12. Tiếng không quên tâm Bồ-đề vô thượng.
13. Tiếng chẳng nhàm chán sinh tử.
14. Tiếng tập hợp căn lành.
15. Tiếng Phật.
16. Tiếng Pháp.
17. Tiếng Tỳ-kheo tăng.
18. Tiếng Niệm xứ.
19. Tiếng Chánh đoạn.
20. Tiếng Thần túc.
21. Tiếng Căn.
22. Tiếng Lực.
23. Tiếng giác.
24. Tiếng đạo.
25. Tiếng định.
26. Tiếng tuệ.
27. Tiếng vô thường.
28. Tiếng khổ.
29. Tiếng vô ngã.
30. Tiếng tịch.
31. Tiếng vô hành.
32. Tiếng tịnh.
33. Tiếng vô sinh.
34. Tiếng vô khởi.
35. Tiếng như.
36. Tiếng pháp tánh.
37. Tiếng thật tế.
38. Tiếng vô ngã.
39. Tiếng vô chúng sinh.

40. Tiếng vô mạng.
41. Tiếng vô trượng phu.
42. Tiếng vô nhân.
43. Tiếng vô lai.
44. Tiếng vô khứ.
45. Tiếng vô xứ.
46. Tiếng vô trụ.
47. Tiếng không.
48. Tiếng vô tướng.
49. Tiếng vô nguyện.
50. Tiếng ly.
51. Tiếng diệt.
52. Tiếng vô sở hữu.
53. Tiếng nhân duyên.
54. Tiếng vô vật.
55. Tiếng vô tụ.
56. Tiếng vô y.
57. Tiếng hộ chánh pháp.
58. Tiếng hàng ma.
59. Tiếng thiện phương tiện.
60. Tiếng giáo hóa chúng sinh.
61. Tiếng như huyễn, như hóa, như chớp, như trăng đáy nước, như mộng, như âm hưởng,
62. Tiếng pháp giới chẳng hoại.
63. Tiếng như thuyết, như tác.
64. Tiếng tập hợp các thiện căn mà chẳng quên mất, không phóng dật.

Như vậy, này Hiền sĩ! Ta sẽ khiến cho các nhạc cụ của các ông phát ra tiếng sáu mươi bốn pháp hộ trợ đạo Bồ-đề như vậy, nó sẽ khiến cho các ông đạt được pháp không buông lung, đầy đủ pháp trợ Bồ-đề.

-oOo-

KINH ĐẠI THỌ KHẨN-NA-LA VƯƠNG
SỞ VẤN

QUYỂN 4

Bấy giờ, tất cả đại chúng đạt được điều chưa từng có, chắp tay lễ Phật, nói lời như vầy:

–Thật ít có, bạch Thế Tôn! Chỉ có Như Lai mới có thể khéo hộ niệm các Đại Bồ-tát! Ngài dùng sức thần thông mà hộ trì họ.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời các ông nói, Như lai hộ niệm các vị Bồ-tát. Vì sao? Vì hộ niệm các vị Bồ-tát tức là hộ niệm tất cả chúng sinh. Này các vị Chánh sĩ! Nếu Phật Như lai hộ các vị Bồ-tát là đồng thời hộ trì tất cả chúng sinh. Vì sao? Vì chính Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà phát tâm đại trang nghiêm. Họ đã phát tâm đại trang nghiêm rồi, khiến cho vô lượng chúng sinh lìa khỏi sinh, chết, đói khổ, cứu vớt chúng sinh thoát ra, an trí vào chánh đạo. Này các Chánh sĩ! Vậy nên, sau khi ta Niết-bàn, các ông phải hộ trì các vị Bồ-tát. Nếu hộ trì Bồ-tát thì các ông nên biết là đã hộ trì các chúng sinh rồi. Nếu Bồ-tát bố thí y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc trị bệnh tức là bố thí cho tất cả chúng sinh. Nếu đem đồ ưa thích bố thí cho Bồ-tát thì đồng thời thí cho tất cả chúng sinh rồi. Vì sao? Vì từng hơi thở ra, hít vào của từng vị Bồ-tát này thường vì tất cả chúng sinh vậy.

Bấy giờ, chư Thiên cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già… và các đại chúng nghe lời Đức Phật đã nói, thâm tâm họ tùy hỷ. Họ dùng hoa đẹp, trân bảo, chuỗi ngọc, các thứ bột thơm tung lên cúng dường Đức Như Lai.

Lúc ấy, vua Đại thọ Khẩn-na-la có ý nghĩ như vầy: "Lúc này, Đức Như Lai và các vị Bồ-tát, chúng đại Thanh văn sắp sửa trở về. Ta dùng thần lực, từ đây làm tạo một xe báu lớn để cho Phật, đại chúng Bồ-tát, Thanh văn đi. Ta và quyến thuộc sẽ cùng kéo xe. Đó mới là cúng dường Như Lai đầy đủ."

Nghĩ điều đó xong, bấy giờ, nhà vua liền dùng châu báu cõi trời làm ra một cái xe báu, cao năm do-tuần, ngang dọc bằng nhau, cũng năm

do-tuần, xen lẫn giữa các vật báu là vô lượng cây báu dùng để trang nghiêm. Ở trên xe này làm một tòa ngồi sư tử cho Đức Phật Như lai, tôn trí trang nghiêm. Tòa cao bảy nhẫn, trải vô lượng vải báu của trời. Ngoài ra, trên đó cũng thiết lập tòa ngồi cho tất cả Bồ-tát và các vị Thanh văn. Ngay cả các vị Thiên tử, Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế, Càn-thát-bà,… tất cả những người đến nghe pháp đều có tòa ngồi ở trong xe đó. Tạo ra xe báu lớn và bày các tòa ngồi xong, bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la chắp tay bạch Phật:

–Xin nguyện Thế Tôn và các đại chúng thương xót con hãy ngồi lên xe báu.

Lúc ấy, Thế Tôn và các Bồ-tát, đại chúng Thanh văn, tất cả chúng khác đều lên tòa ngồi bày trong xe báu.

Bấy giờ, vua Khẩn-na-la dùng thần lực của Phật và thần lực của mình đem chiếc xe báu ấy đặt vào bàn tay phải, bay lên hư không cao bảy cây Đa-la, rồi tám tám ngàn người con của vua Khẩn-na-la và vô lượng Càn-thát-bà, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già đều dùng vòng vàng móc vào xe báu kéo lướt trên không mà đi. Tám muốn bốn ngàn Khẩn-na-la trỗi lên tám muôn bốn ngàn âm nhạc đi trước dẫn đường, dùng kệ tụng khen ngợi Phật:

Đầy đủ tám muôn và bốn ngàn
Là thân Khẩn-na-la hiện tại
Dùng nhạc hòa lời ca thanh diệu
Ca ngợi thật công đức Như Lai.
Tướng đẹp tối thắng có uy đức
Sắc đẹp tối thắng mọi người yêu
Thường trụ thanh tịnh, công đức thật
Thế Tôn có công đức lớn này
Ở trên hư không, hầu hai bên
Không thể thấy đỉnh Đức Như Lai
Giống như núi lớn vững chẳng động
Có thân như vậy, đức đáng ưa,
Tự tại trên không, tùy chỗ đến
Đạo sư có thần lực lớn này
Giống như hư không, tịnh vô cấu
Kết sử Thế Tôn đoạn hết rồi.
A-tu-la cùng chúng Dạ-xoa
Đế Thích, Phạm vương và Tịnh cư
Nhật, nguyệt, tinh tú, ngọc, ánh lửa

Những tướng tốt sáng đều lu mờ.
Năng lực trí tuệ như biển cả
Khởi phát tâm hành của chúng sinh
Ba minh chiếu sáng khắp ba cõi
Cúi đầu đảnh lễ Đức Thế Tôn.
Hàng phục bốn ma, các kết sử
Nói bốn Thánh đế, đạo Niết-bàn
Sức bốn Thần túc, không sợ hãi
Bước đi thù thắng của Như Lai.
Tuần tự tiến tới không lay động
Trụ Tam-muội, thường tập điều tâm
Nói điều vi diệu vui thế gian
Cũng chẳng nương tựa lời nói đó,
Nói năng êm dịu lời dịu dàng
Nghe xa đến Vô lượng cõi Phật
Nếu có chúng sinh nghe tiếng này
Tất cả an lạc sinh hoan hỷ.
Nước các biển trong ba ngàn cõi
Chứa hết trong một lỗ ở chân lông
Mà không hại chúng sinh dưới nước
Ngài không tổn giảm sức thần thông.
Núi non của ba ngàn thế giới
Đặt gọn vào một lỗ chân lông
Mang đến vô lượng ngàn ức cõi
Nhưng không tổn giảm thân lực Ngài.
Lại ở vô lượng trăm ngàn kiếp
Điều phục thí, chịu khổ không lường
Khéo tu học giới, hộ các căn
Nhẫn nhục, tinh tấn, thiền, tuệ lực,
Cúng dường vô lượng ức Thế Tôn
Hộ trì pháp chư Phật này nói
Tâm Ngài chẳng phát sinh nhàm chán
Đại Từ, đại Bi lợi ích đời,
Ở trong vô vi chẳng thấp hèn
Ở trong hữu vi chẳng kiêu ngạo
Giống như đại địa chẳng ngã nghiêng
Trụ trong thế pháp như sen nở.
Quan sát kỹ lưỡng các pháp không

Đều không tướng, như trăng đáy nước
Như huyễn, như hóa, như bọt nước
Như mộng, như chớp, như lửa hừng.
Thật tánh không ngã, không có nhân
Rất tịnh, không nhiễu, không chủ nhân
Giống như hư không, sạch không bẩn
Tất cả các vật tánh thật chân,
Tất cả các nhân cùng với duyên
Lưu chuyển tạo pháp không có chủ
Hiểu điều này, rõ đạo Bồ-đề
Vậy nên danh hiệu Ngài là Phật.
Các chúng sinh này được lợi lớn
Nếu gặp Đạo sư và hỏi pháp
Người ấy chẳng sợ rơi đường ác
Người này thường được đến đường lành.
Chúng con nay được cúng Thượng Nhân
Tất cả đều cúng ta cũng cúng
Rồi đem hồi hướng tâm Bồ-đề
Nguyện khiến tất cả như Nhân Tôn.
Giả sử hư không có thể lượng
Sợi lông có thể tát cạn biển
Mặt trời, trăng, sao rời hư không
Công đức của Phật không thể hết!

Bấy giờ, Thế Tôn an tọa trên xe báu, lướt hư không mà đi, phóng ra ánh hào quang vàng. Ánh hào quang này chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Lúc trong núi Kỳ-xà-quật ở thành Vương xá, hào quang chiếu soi thêm sáng thì ở thành Vương xá, vua A-xà-thế cùng phu nhân quyến thuộc, binh chúng, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, Cư sĩ thấy điềm sáng này rồi cùng mang hương hoa, bột thơm, hương xoa, cờ, phướn, lọng báu và các nhạc cụ, ra khỏi thành Vương xá để nghênh đón Như Lai. Ra khỏi thành rồi, tiến thẳng đến núi Kỳ-xà-quật. Từ xa, họ đã nghe tiếng âm nhạc hòa lời ca vi diệu của Khẩn-na-la vang khắp trong núi Kỳ-xà-quật.

Bấy giờ, vua Đại thọ Khẩn-na-la dùng thần lực của Đức Phật, từ hư không hạ xuống, đem xe bằng báu lớn an trí trong núi Kỳ-xà-quật.

Lúc ấy, Thế Tôn từ xe báu bước xuống, đến ngồi vào tòa ngồi đã bày sẵn tại chỗ ở của mình. Các vị Bồ-tát, chúng đại Thanh văn cùng xuống xe,

làm lễ dưới chân Như Lai, rồi lần lượt ngồi vào chỗ ngồi của mình.

Bấy giờ, vua A-xà-thế và phu nhân, thể nữ, bà con nội ngoại, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, Cư sĩ… đều mang vật phẩm cúng dường của mình cúng dường Như Lai. Rồi quỳ xuống, chắp tay, thăm hỏi Phật:

–Bạch Thế Tôn! Ngài không mệt mỏi ư? Ngài đi đường có yên ổn, tốt lành không?

Thăm hỏi xong, họ lùi về ngồi một bên. Lúc ấy, Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vua Đại thọ Khẩn-na-la và chúng Khẩn-na-la kéo xe Như Lai vượt hư không đến đây thì được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy:

–Này Thiện nam! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này và các quyến thuộc phát đạo tâm ấy, từ nay về sau sẽ đạt được Ngũ thông mãi cho đến khi thành Phật. Từ cõi Phật này cho đến cõi Phật khác luôn được gặp Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng. Đời đời sinh ra thường biết đời trước của mình, đạt được biện tài khéo léo, âm thanh cực hay, cũng chẳng lìa bỏ sự giáo hóa chúng sinh, đời đời luôn luôn siêng năng hộ trì chánh pháp, siêng năng giáo hóa chúng sinh.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nói với vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Này vua Khẩn-na-la! Bệ hạ đã đạt được lợi ích lớn. Như Lai hôm nay khen ngợi công đức của bệ hạ.

Này vua Khẩn-na-la! Công đức của bệ hạ, ta cũng mong có được chút ít.

Khi đó, vua Đại thọ Khẩn-na-la nói với vua A-xà-thế:

–Đại vương biết cho, công đức của tôi có, tôi xin cho bệ hạ và các chúng sinh hết. Vì sao vậy? Này Đại vương! Các việc công đức Bồ-tát có đều đem cho tất cả chúng sinh.

Vì sao vậy? Thưa Đại vương! vì pháp của Bồ-tát không có keo kiệt, công đức của họ có đều đem ban cho chúng sinh mà tâm họ vui vẻ không buồn, không phiền não. Đại vương nên biết! Bồ-tát đem công đức này hồi hướng về Nhất thiết trí cũng vì nuôi dưỡng tất cả chúng sinh. Vì sao vậy?

Thưa Đại vương! Vì Bồ-tát hộ niệm các chúng sinh vậy. Bồ-tát tu hành hạnh Bồ-đề là làm chỗ dựa cho chúng sinh.

Này Đại vương! Hôm nay, Đại vương cũng có được lợi ích, được Đức Phật Thế tôn, Văn-thù-sư-lợi… làm Thiện tri thức, được gần gũi chư

vị để nghe kinh, thính pháp, chẳng bị các vô minh, hắc ám ngăn che, tội nghịch, tâm nghi, phiền não trừ diệt hết, được ánh sáng pháp rộng lớn, được Pháp nhãn vậy, không có phiền não, Đại vương yên ổn mà trụ. Vậy nên, này Đại vương! Phải tự khắc phục, gắng sức trở thành pháp khí. Nếu nghe được pháp, thậm chí chỉ một câu mà chẳng quên mất thì gọi là hộ trì chánh pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu được bao nhiêu pháp mới có thể là pháp khí?

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Thiên Quan:

–Này Thiện nam! Pháp khí của Bồ-tát có ba mươi hai.

Những gì là ba mươi hai?

1. Phật đã hộ trì là pháp khí Bồ-đề tâm.
2. Chuyên tâm ngay thẳng là pháp khí vô vi.
3. Thêm ý chí lớn là pháp khí căn lành.
4. Tu hành theo đạo là pháp khí cội gốc Bồ-đề.
5. Nhớ nghĩ chân chánh là pháp khí đa văn.
6. Tuệ là pháp khí ra khỏi các đường.
7. Tấn là pháp khí chứa nhóm nghĩa.
8. Thí là pháp khí giàu có.
9. Giới là pháp khí nguyện.
10. Nhẫn là pháp khí ba mươi hai tướng trượng phu.
11. Tinh tấn là pháp khí của tất cả Phật pháp.
12. Thiền là pháp khí luyện tâm.
13. Tuệ là pháp khí vượt chướng ngại.
14. Đại Từ là pháp khí bình đẳng chúng sinh.
15. Đại Bi là pháp khí cứu độ bần cùng.
16. Đại Hỷ là pháp khí ưa thích Phật pháp.
17. Đại Xả là pháp khí xa lìa ái, sân.
18. Thiện tri thức là pháp khí các thiện căn.
19. Tu tập đa văn là pháp khí Bát-nhã ba-la-mật.
20. Xuất gia là pháp khí của sự lìa bỏ ràng buộc, chướng ngại.
21. A-luyện-nhã xứ là pháp khí ít sự việc, không não loạn.
22. Ưa nơi ở tịch tĩnh là pháp khí của các thiền định thần thông.
23. Bốn nhiếp pháp là pháp khí độ chúng sinh.
24. Hộ trì các pháp là pháp khí chiếu ánh sáng.

25. Đà-la-ni là pháp khí nghe được tất cả các pháp chưa nghe.

26. Biện tài là pháp khí đoạn trừ tất cả nghi hoặc.

27. Niệm Phật là pháp khí được gặp chư Phật.

28. Không có tâm não hại là pháp khí hộ trì tất cả căn lành.

29. Pháp không là pháp khí đoạn trừ ngã kiến.

30. Nhân duyên là pháp khí bỏ châu báu.

31. Vô sinh pháp nhẫn là pháp khí xả các chướng ngại được thọ ký.

32. Duyên địa bất thoái là pháp khí vô úy.

Này Thiện nam! Đó là ba mươi hai pháp khí của Bồ-tát.

Khi Phật nói pháp này, mười ngàn chúng sinh phát tâm Vô thượng Bồ-đề cùng bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Nguyện cho chúng sinh được pháp khí này, cũng nguyện cho chúng con thành tựu được pháp khí này, như Phật đã nói!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Này Thiện nam! Ông hãy trở về chỗ ở, các quyến thuộc của ông có thể lo lắng!

Vua Khẩn-na-la bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ-tát có lo lắng thì đó không gọi là Bồ-tát. Bởi vì sao? Vì có thể nhẫn chịu sự lo lắng mới là Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát lo lắng? Sao gọi là Bồ-tát không có lo lắng?

Phật bảo vua Khẩn-na-la:

–Ông nên biết, Bồ-tát có bốn pháp thì có lo lắng.

Những gì là bốn pháp?

1. Nghe có vô lượng vô biên chúng sinh thì tâm sinh kinh sợ.

2. Nghe chịu vô lượng vô biên sinh tử thì tâm sinh kinh sợ.

3. Nghe Phật Như lai có vô lượng trí tuệ thì tâm sinh kinh sợ.

4. Nghe chứa nhóm vô lượng phước đức, trang nghiêm đầy đủ tướng tốt thì tâm sinh kinh sợ.

Này vua Khẩn-na-la! Bồ-tát thành tựu bốn pháp ấy thì sinh lo lắng.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát thành tựu được bốn pháp tâm không lo lắng.

Những gì là bốn pháp?

1. Nghe có vô lượng vô biên chúng sinh thì ta quyết sẽ an trí họ ở đạo Niết-bàn mà không lo lắng.

2. Nghe vô lượng sinh tử mà chẳng kinh sợ, quyết tu các căn lành, tâm không lo lắng.

3. Nghe Phật Như lai có vô lượng trí rồi, ta quyết thành tựu mỹ mãn đại trí như thế mà không lo lắng.

4. Nghe tập hợp vô lượng phước đức trang nghiêm, thành tựu mỹ mãn tướng hảo mà không lo lắng.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp có lo lắng.

Những gì là bốn pháp?

1. Lúc nào cũng muốn chứng được thừa Thanh văn.

2. Lúc nào cũng muốn chứng được thừa Duyên giác.

3. Khi chánh pháp sắp diệt thì buông bỏ chẳng hộ trì.

4. Chẳng khuyên cho người khác an trụ Bồ-đề.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát lại có bốn pháp không có lo lắng.

Những gì là bốn pháp?

1. Có gặp khổ bức thiết chẳng bỏ tâm Bồ-đề.

2. Chẳng sinh tâm Thanh văn, Duyên giác.

3. Thà bỏ thân mạng chẳng bỏ chánh pháp.

4. Khuyên người phát tâm Bồ-đề cho dù vượt qua trăm ngàn do-tuần.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp thì có lo lắng.

Những gì là bốn?

1. Thấy người đến xin sinh lòng sân hận, trách mắng.

2. Tự bằng lòng nằm yên.

3. Chẳng tu tập, học rộng hiểu nhiều.

4. Nếu nghe pháp rồi chẳng vì mọi người thuyết pháp lại.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên phải biết, Bồ-tát lại có bốn pháp không có lo lắng.

Những gì là bốn?

1. Thấy người đến xin rồi phát sinh tư tưởng Thiện tri thức, không có tâm làm tổn hại.

2. Chẳng ưa tự an lạc, thường muốn mọi người cùng vui.

3. Tu tập đa văn không nhàm chán, không cho là đủ.

4. Đã nghe được pháp thì ở trong đại chúng vì người thuyết giảng lại, chẳng mong lợi dưỡng.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp thì có lo lắng.

Những gì là bốn?

1. Chẳng chứa nhóm đạo Ba-la-mật.

2. Chẳng tu Nhiếp pháp.

3. Chẳng siêng năng giáo hóa chúng sinh, có chút ít công đức tự cho là đủ.

4. Chẳng tu vô lượng công đức của Bồ-tát.

Đó là bốn pháp.

Này vua Khẩn-na-la! Ông nên biết, Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp thì không có lo lắng.

Những gì là bốn?

1. Thường siêng năng tinh tấn tu các pháp Ba-la-mật như lửa cháy trên đầu.

2. Thường siêng năng tinh tấn tập hợp bốn Nhiếp pháp.

3. Thường siêng năng tu đầy đủ các công đức.

4. Chứa nhóm vô lượng công đức của Bồ-tát.

Đó là bốn pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn nói bốn pháp này rồi, sai vua Đại Thọ Khẩn-na-la bảo với vua A-xà-thế:

–Này Đại vương! Hôm nay, Đại vương có nghe Phật thuyết giảng pháp bốn câu không lo lắng như vậy của Bồ-tát chăng?

Vua A-xà-thế liền bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Con đã nghe!

Phật nói:

–Này Đại vương! Vậy nên, nếu các vị Bồ-tát tu hành Bồ-đề thì chẳng nên lo lắng.

Vua A-xà-thế bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề?

Lúc ấy, vì muốn thành tựu mỹ mãn cho Khẩn-na-la, Càn-thát-bà, Ma-hầu-la-già… nên Thế Tôn khiến cho trong các tiếng nhạc phát ra pháp âm, lại muốn đáp lại việc vua A-xà-thế hỏi về vấn đề Bồ-tát tu hạnh Bồ-đề mà nói kệ tụng để hiển bày nghĩa ấy:

Nếu muốn tu hành hạnh lợi ích
Nghe được pháp rồi làm đúng theo
Tu hạnh Bồ-đề, hạnh tối thắng
Tu hành hạnh đó không lo lắng.
Tu hạnh an lạc vì chúng sinh
Hành Từ bình đẳng trong chúng sinh
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Các loại hạnh kia nhiều vô ngần.
Vì chúng sinh tu hạnh kiên cố
Người tu hành ý chí thanh tịnh
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia chẳng rơi xuống đường ác.
Tu theo bố thí, hạnh buông xả
Làm theo hạnh bỏ hết tất cả.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Người kia không có hạnh lẫn tiếc
Tu theo tịnh giới, hạnh tịch tĩnh
Thân, miệng thanh tịnh, không hạnh nhơ.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Người ấy không hề hủy phạm hạnh
Theo hạnh nhẫn nhục, hạnh lợi ích
Lìa khỏi hạnh lỗi lầm, sân hận.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không sân hận độc hại
Tu theo hạnh tinh tấn, lực trụ
Hạnh không nhàm chán trong sinh tử.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia trọn không có biếng nhác
Tu theo hạnh thiền định Tam-muội
Thân tâm tĩnh lặng, không náo loạn.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng

Hạnh kia trọn không có rối loạn
Tu theo hạnh trí tuệ Bồ-đề
Tất cả pháp hạnh cũng như thế.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia trọn không có vô trí
Tu theo hạnh Từ, tâm lợi ích
Đối với chúng sinh hạnh thắng Bi.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia trọn không có hại người
Tu theo hạnh Không, hạnh tịch tĩnh
Vô tướng, Vô nguyện, hạnh thanh tịnh.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia trọn không có ước nguyện
Tu theo hạnh chân, hạnh thật đế
Đầy đủ các hạnh nhất thiết trí.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia trọn không có chướng ngại
Tu theo hạnh tín, hạnh hoan hỷ
Khéo niệm, tư duy hạnh không loạn.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không hề có bất tín
Tu tập hạnh thiền định giải thoát
Thì đạt được diệu hạnh Ngũ thông.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không có gì ngăn ngại
Tu hành hạnh Phật và hạnh pháp
Cung cấp Tăng bảo, hạnh thanh tịnh.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia thù thắng, thật tối thượng
Tu theo hạnh pháp và hạnh không
Hạnh giáo hóa tất cả chúng sinh.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không có nơi trụ, dừng
Tu theo hạnh Nhân, hạnh quả báo
Hạnh đoạn dứt tất cả hữu biên.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không thể bị nhiễm trước
Tu theo hạnh thanh tịnh, vô cấu

Hạnh giải thoát hết các kết sử.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không thể có phiền não
Tu theo hạnh an ổn giải thoát
Hạnh vô úy thí các chúng sinh.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia có đủ tất cả nguyện
Tu theo hạnh tháng và hạnh ngày
Như hạnh hoa sen không nhiễm ô.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Đó là bậc người, trời kính lễ
Tu hạnh Đế Thích, hạnh Phạm vương
Là diệu hạnh của pháp thanh tịnh.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh đó khiến ma quân kinh sợ
Tu theo hạnh thắng, hạnh tối thượng
Hạnh đoạn trừ tham dục, sân hận.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không hề có sân si
Tu theo hạnh ngoại đạo cấm giới
Diệu hạnh của Tuệ nhãn thanh tịnh
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không có chút vọng tưởng
Tu theo hạnh điều phục tịch tĩnh
Hạnh không có danh, sắc, loạn cuồng
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Đó là bậc người, trời kính lễ
Tu theo hạnh dễ, hạnh ích lợi
Hạnh thắng diệu trừ đạo sai trái
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Người kia thường có hạnh trí tuệ
Tu hạnh cầu tấn, hạnh mạnh mẽ
Hay dũng mãnh, ma quân sợ hãi.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Người đó biết rõ chốn đạo tràng
Tu hạnh không ngăn, hạnh hiển bày
Đạt được diệu hạnh Đà-la-ni.
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng

Hạnh kia chẳng mất đi quả báo
Tu tập hạnh chánh, hạnh tịch tĩnh
Hạnh thường xuất gia ở mọi lúc
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia tu đúng như lời nói
Tu theo hạnh thắng, hạnh Trưởng giả
Làm theo thế gian không thắng hạnh.
Tu theo hạnh phương tiện tương ưng
Bỏ đi hạnh thiền lạc vi diệu
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không hề có phiền não.
Tu theo hạnh đời, hạnh lìa đời
Hạnh Dục giới, Sắc giới, Vô sắc
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Hạnh kia không có điều sợ hãi.
Tu hạnh biến khắp, hạnh tất cả
Đầy đủ diệu hạnh, các căn lành
Tu hành hạnh Bồ-đề tối thắng
Bậc Trí kia giống như hư không.

Khi Phật nói về pháp hạnh của Bồ-tát, năm trăm Bồ-tát đạt được pháp Nhẫn vô sinh, vua A-xà-thế và quyến thuộc, Bà-la-môn, cư sĩ trong thành Vương xá và tám ngàn chúng sinh trong số quyến thuộc của Khẩn-na-la đã phát tâm vô thượng Bồ-đề, cùng bạch Phật rằng:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con sẽ nương theo các hạnh của Bồ-tát tu hành Bồ-đề như đã nói trên mà tu hành đúng như lời đã nói.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với vua Đại thọ Khẩn-na-la:

–Hôm nay, ông hãy trở về chỗ ở của mình!

Lúc ấy, vua Đại thọ Khẩn-na-la và phu nhân cùng các con cái, tất cả quyến thuộc… đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh bên phải ba vòng, sám hối Thế Tôn, tấu các âm nhạc, trời mưa xuống nhiều hoa, phóng ra ánh sáng lớn, đất đai chấn động. Quyến thuộc và vua Đại thọ Khẩn-na-la, ngay lúc ấy, liền quay trở về trong núi Hương sơn. Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vua Đại thọ Khẩn-na-la này mới có thể cúng dường Đức Phật chân thật, cúng dường pháp chân thật như thế.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Không chỉ một mình ông gọi là chân thật mà các

Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế đại vương, Thanh văn, Duyên giác khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều cho là vua Đại thọ Khẩn-na-la này chân thật thù thắng. Vì sao vậy?

Này Thiên chủ! Bồ-tát phát tâm rồi thì hơn tất cả Thanh văn, Duyên giác.

Này Kiều-thi-ca! Không ai có thể hơn Bồ-tát được chỉ trừ Như lai. Vì sao vậy?

Từ nơi Bồ-tát sinh ra Như lai, từ nơi Như Lai sinh ra tất cả Thanh văn, Duyên giác!

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân nghe được điều Như Lai đã nói này liền rơi lệ nói như vầy:

–Ta nay vĩnh viễn bị lìa khỏi Đại thừa!

Lúc ấy Thiên tử Cù-di thưa với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thưa Thiên chủ phụ vương! Đúng vậy! Đúng vậy! Tất cả các hạnh, tất cả các pháp không có chướng ngại, từ vọng tưởng khởi lên, không thể phát sinh tâm đạo Vô thượng chánh chân, không thể thương xót tất cả chúng sinh, không thể tu theo tâm đại Từ. Nay Thiên chủ phụ vương lại nói gì? Đã vào chánh vị đốt cháy chủng tử thì ở Đại thừa này mãi mãi chẳng phải pháp khí kia.

Khi Thiên tử Cù-di nói lời này, năm trăm Thiên tử trong ba mươi ba tầng trời đều phát tâm đạo Vô thượng chánh chân.

Bấy giờ, Thiên tử Cù-di bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Hiện con muốn gần gũi với hạnh của Bồ-tát. Trăm ngàn ức kiếp tu hạnh khổ khó làm, Phật từ khi tu cho đến khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng được Vô sinh pháp nhẫn, con nguyện xin Đức Phật nói ra chút ít, chúng con nghe rồi sẽ nương theo lời dạy tu hành và sẽ đạt được pháp đó.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên tử Cù-di:

–Không có Bồ-tát nào không gieo trồng thiện căn mà được vô sinh nhẫn. Bồ-tát gieo trồng vô lượng căn lành thì sau đó mới đạt được Vô sinh pháp nhẫn.

Này Thiên tử Cù-di! Bồ-tát thành tựu bốn pháp này thì đạt được vô sinh pháp nhẫn. Những gì là bốn?

1. Chư Phật bình đẳng.

2. Các pháp bình đẳng.

3. Thế giới bình đẳng.

4. Chúng sinh bình đẳng.

Này Cù-di! Đó là bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì được Vô sinh pháp nhẫn. Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Quen thích bốn không.

2. Quen thích đại Bi, ba môn giải thoát.

3. Quen thích phương tiện, sáu pháp Ba-la-mật.

4. Quen thích Thiền định và năm Thần thông.

Đó là bốn pháp. Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn?

Đó là:

1. Biết tánh "ấm" tức là Bồ-đề.

2. Biết tánh của các giới tập trung ở Bồ-đề, tin tính của Bồ-đề tức là tánh của các giới.

3. Biết tánh của các "nhập" tập trung vào Bồ-đề, dùng tánh của Bồ-đề quán đến các "nhập"; tất cả các pháp tập trung vào Bồ-đề,

4. Tánh của Bồ-đề tức là tính của các pháp, quyết định không có nghi ngờ.

Đó là bốn pháp. Bồ-tát lại thành tựu bốn pháp. Những gì là bốn?

1. Biết tất cả các pháp trụ ở thật tế chẳng lay động.

2. Biết tất cả các pháp trụ ở trong chân như.

3. Tin các pháp trong ba đời tánh chẳng hoại.

4. Quán các pháp bình đẳng như tính hư không.

Này Cù-di! Đó là những bốn pháp mà Bồ-tát thành tựu thì được vô sinh pháp nhẫn.

Khi Phật nói pháp này, năm trăm Bồ-tát chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn. Thiên tử Cù-di đạt được Thuận nhẫn.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn đem kinh pháp này ấn chứng nên bảo Đại đức A-nan:

–Này A-nan! Ông hãy thọ trì kinh này! Kinh này tên là "Đại thọ Khẩn-na-la vương nhập tác nhất thiết pháp môn hạnh."

Đại đức A-nan bạch:

–Bạch Thế Tôn! Con đã thọ trì pháp chưa từng có vậy. Bạch Thế Tôn! Kinh này rất thậm thâm vi diệu. Nghĩa kia quyết định, lời văn trang nghiêm.

Bạch Thế Tôn! Không có kinh nào khác có thể hơn được kinh này. Nay ở trong kinh này không gì mà chẳng khai thị.

Bạch Thế Tôn! Ở trước mắt con dù được pháp quang minh cũng không bằng được kinh này. Con nay tự hiểu ở trong kinh này đạt được trăm ngàn vạn ức công đức.

Bạch Thế Tôn! Con nay dùng trí tuệ có hạng lượng vào ngôi vị Thanh văn để nghe kinh ấy mà còn được ánh sáng pháp lớn lao như vậy, huống là Đại Bồ-tát thành tựu vô lượng biển cả pháp khí, dùng vô úy đại trí tu tập các pháp, vì các chúng sinh làm hạnh không mời, dùng vô lượng đại trí nghe pháp như thế thì được bao nhiêu pháp môn?

Phật dạy:

–Này A-nan! Giả sử tất cả ánh sáng mặt trăng mặt trời tam thiên đại thiên thế giới này so với ánh sáng pháp của các Bồ-tát đạt được thì chỉ cần ánh sáng của một lỗ chân lông thôi, đủ có thể làm lu mờ ánh sáng của các mặt trời, mặt trăng đó.

Này A-nan! Nếu tất cả lỗ chân lông của Phật Như Lai đều phóng ra ánh sáng thì các ánh sáng này đều có trí tuệ vậy.

Này A-nan! Như Lai có ánh sáng trí tuệ này. Như Lai dùng ánh sáng trí tuệ này có thể biết tất cả tâm hạnh của chúng sinh. Nếu có chúng sinh nghe được kinh này, đều sẽ được ánh sáng trí rộng lớn này chiếu soi. Nếu có ai biên chép, thọ trì đọc tụng thông suốt, rồi ở trong đại chúng vì người diễn nói rộng rãi, chính niệm suy nghĩ, theo đúng lời dạy mà tu hành thì người này nhất định chẳng lìa khỏi tâm Bồ-đề, giáo hóa chúng sinh, đại Bi trang nghiêm, mặc áo giáp đại Từ, hàng phục các ma.

Này A-nan! Ông nên biết, người như vậy là quyết định hướng về đạo tràng.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nhờ thần lực của Đức Phật nên hôm nay con đã thọ trì được kinh pháp này.

Bạch Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, biên chép kinh này, rồi ở trong đại chúng vì người thuyết giảng rộng rãi thì được bao nhiêu công đức?

Phật dạy:

–Này A-nan! Nếu có Bồ-tát, thiện nam, thiện nữ mỗi buổi sáng đem bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới bố thí cho Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và các vị Duyên giác cho đến các Đức Phật nữa. Và cứ như thế, buổi trưa, buổi chiều, đầu đêm, giữa khuya, cuối đêm, Bồ-tát bố thí như trên, đến trọn một ngàn năm.

–Này A-nan! Ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ, này có công đức nhiều lắm chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

–Rất nhiều, bạch Thế Tôn! Rất nhiều, thưa Đấng Thiện Thệ!

Bạch Thế Tôn! Nếu trong một ngày mà đã được công đức nhiều vô lượng vô biên huống là hàng ngàn năm.

Phật dạy:

–Này A-nan! Ta nay xướng lên khiến cho thiện nam, thiện nữ này vì chứng Bồ-đề, vì giáo hóa chúng sinh, vì chuyển bánh xe pháp mà thọ trì kinh này, lại đọc tụng, biên chép rồi ở trong đại chúng thuyết giảng, phước đó đã là thù thắng vi diệu, huống lại có thể nương theo lời dạy mà tu hành.

Này A-nan! Đối với kinh này, nếu có người thọ trì, thậm chí một bài kệ bốn câu thôi, ở trong đại chúng vì người thuyết giảng thì phước kia đã là thù thắng. Vì sao? Vì bố thí như vậy gọi là pháp thí, sự bố thí cao nhất trong việc bố thí. Thí như vậy tức là pháp thí. Đó là sự xả bỏ thù thắng, gọi là xả bỏ đối với pháp. Đó tên là "Thượng thọ" nghĩa là thọ nhận được pháp. Đó tên là "Thượng trì" nghĩa là gìn giữ pháp. Vì sao vậy?

Này A-nan! Bố thí pháp rồi có thể diệt hết kết sử, của báu cho rồi thêm lớn phiền não! Vậy nên, Bồ-tát vì diệt kết sử phải làm pháp thí. Chư Phật đã ấn khả. Như vậy, bố thí pháp thì có thể thu giữ tất cả công đức.

Này A-nan! Bồ-tát bố thí pháp thì có ba mươi hai công đức tiếng khen.

Những gì là ba mươi hai công đức?

1. Có sự nhớ nghĩ chân chánh.

2. Có được trí tuệ.

3. Có được tinh tấn.

4. Có xa lìa xan tham kết sử.

5. Có ít dâm dục.

6. Có ít sân hận.

7. Có ít ngu si.

8. Hàng phục các kết sử của mình, của người.

9. Được nhiều người ái kính, chư Thiên khen ngợi, các Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… thường theo hộ trì.

10. Chẳng luống thọ dụng sự cúng dường của người.

11. Y phục, đồ ăn, thức uống, ngọa cụ, thuốc men… chẳng cầu mà

được.

12. Danh tiếng vang xa, các ác quỷ… trong mười phương thế giới không thể phá hoại.

13. Các Đức Phật Thế Tôn đã khen ngợi.

14. Hộ trì chánh pháp, giữ gìn pháp tạng của Phật.

15. Không rơi vào trong các đường ác.

16. Sinh vào người, trời chẳng lấy làm khó.

17. Luôn được gặp Phật.

18. Chẳng lìa nghe Pháp.

19. Chẳng lìa cúng dường Tăng.

20. Biết được túc mạng.

21. Sinh vào cõi Phật thanh tịnh.

22. Sinh ra đời các căn đầy đủ.

23. Thân được ba mươi hai tướng trang nghiêm.

24. Làm thượng chủ.

25. Gieo trồng căn bản chủng tử Đà-la-ni.

26. Tạo nhân "vô đoạn biện trí".

27. Được quyến thuộc là người trí tuệ.

28. Tập hợp các nhân đại trí.

29. Mau chóng chứng đắc pháp.

30. Chẳng khởi lòng nhớ nghĩ bất chính.

31. Lìa bỏ tất cả tài thí của thế gian.

32. Được biện tài đại pháp tạng vô tận.

Này A-nan! Bồ-tát thí pháp thì có ba mươi hai công đức tiếng khen.

Bấy giờ, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ thọ trì kinh này. Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai và Niết-bàn có "pháp khí chúng sinh" thì con sẽ khiến cho họ được nghe kinh này, khiến họ tin hiểu, con sẽ hộ vệ họ. Vì sao vậy?

Bạch Thế Tôn! Vì chúng con muốn được công đức như trên.

Lúa ấy, Thế Tôn khen Thích Đề-hoàn Nhân:

–Hay thay, hay thay! Này Thiên chủ! Ông nay mới có thể siêng năng hộ trì pháp, gầm tiếng gầm sư tử.

Này Thiên chủ! Nay ông dùng cái thiện căn hộ trì pháp này để tồn tại theo pháp của ta thì chúng A-tu-la đều sẽ hàng phục, chư Thiên được lợi

ích. Vì sao vậy?

Này Kiều-thi-ca! Được thấy pháp vô úy như vậy, nên gọi là đối với các pháp không chỗ nhiễm trước.

Này Thiên chủ! Các điều sợ hãi đều do chấp trước ở ngã kiến vậy.

Này Thiên chủ! Nếu không vướng mắc chính là hộ trì chánh pháp.

Bấy giờ, chủ thế giới Ta-bà, vua Đại phạm thiên bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con cũng xả vô lượng Thiền lạc để đi đến thành ấp, xóm làng, quận huyện mà lưu thông pháp này. Con cũng sẽ đến chỗ những người nghe pháp kia, khiến cho người nói pháp có được sức nhớ nghĩ kiên cố. Vì sao? Vì từ trong pháp này sinh ra vô lượng Thanh văn, Duyên giác, Đế Thích, Phạm vương, Hộ thế.

Bấy giờ, Tứ đại Thiên vương bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bốn vua chúng con chính là Thanh văn của Phật, sẽ hộ trì kiên cố đối với kinh pháp này khiến được trụ thế lâu dài. Các quyến thuộc của con nếu có người không tin pháp này của Phật thì con điều phục khiến họ phải tin, ở trong pháp của Phật thêm siêng năng tinh tấn gần gũi yêu thích.

Bạch Thế Tôn! Nếu có Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già… mà có kẻ ác tâm, nếu muốn hàng phục thì phải tụng chú này. Đó là:

1. Đa la ti.
2. Y ti.
3. Y na ti.
4. Bà la ti.
5. Hô lâu.
6. Ma ha hô lâu.
7. Hô lâu hô lâu.
8. Y bà tri.
9. Tỳ bà tri.
10. Ba ly xa đà ni Kỳ na nê.
11. Ba ca xa nê.
12. Hi trì hi trì.
13. Sinh tỳ trì.
14. A xa.
15. Đa xa.

16. Ma la y để nê già hầu.

17. Tát bà pha pha đề na.

18. Tát bà di lợi xa pha đả khư đa na.

19. A na ưu Đa-la tát bà phục đa na Phật đà bạt ni đa.

(20) Bốn Đại Thiên vương đã được nghe câu chú.

(21) Nhờ sức thần chú này mà các mong cầu ham muốn ngắn ngủi đều có thể hàng phục được hết.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thiên Quan:

–Này các Thiện trượng phu! Ta nay đem pháp Vô thượng Bồ-đề khó được, đã tập hợp trong vô lượng ngàn vạn a-tăng-kỳ kiếp này phó chúc cho các ông, khiến cho pháp được trụ thế lâu dài, không đoạn diệt giữa chừng!

Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thiên Quan bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn, chúng con sẽ lưu bố rộng rãi kinh pháp này, chúng con sẽ làm cho kinh pháp này đến tay các Bồ-tát có gieo trồng thiện căn sâu dày và cả các chúng sinh nữa; khiến được tự tại, hàng phục kiêu mạn, có thể thọ trì, tin hiểu kinh này. Sau khi Phật Niết-bàn, nếu có người được nghe kinh pháp này mà thọ trì, đọc tụng, biên chép, thuyết giảng thì phải biết là đều nhờ thần lực của Bồ-tát Di-lặc, của Bồ-tát Thiên Quan hộ trì.

Bấy giờ, Ma vương Ba-tuần đi đến trong pháp hội bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Ngài vì mọi người nói các pháp của Thanh văn thì điều đó con chẳng sợ gì! Hôm nay, Thế Tôn diễn thuyết pháp Bồ-tát như vậy thì Bồ-tát in theo dấu ấn Như lai hộ trì tất cả chúng sinh về đường giải thoát. Ngài nói pháp như vậy chẳng khác nào hôm nay con bị trúng mũi tên lo buồn. Con nay tự biết phương tiện của con là sinh lão, nên nguyện xin Phật Thế tôn nắm lấy tay con, không diễn thuyết kinh pháp có sức công đức rất lớn như thế nữa, chớ khiến cho chúng con lại bị trúng mũi tên lo buồn!

Phật bảo Ba-tuần:

–Ngươi chớ sầu khổ! Phần nhiều chúng sinh ở tại cảnh giới của ngươi chẳng tin kinh này, có ít chúng sinh có thể tin nhận mà thôi.

Này Ba-tuần! Ông nên biết, giống như từ đại địa nhón lấy ít đất, sự tin pháp thậm thâm của chúng sinh cũng rất ít như vậy. Số người chẳng tin kinh này cũng nhiều như đại địa còn lại.

Này Ba-tuần! Ông nên vui mừng mới phải.

Này Ba-tuần! Hơn nữa, cõi chúng sinh nhiều vô lượng vô biên.

Khi Phật nói pháp này, vô lượng chúng sinh trụ nơi tâm đạo Vô thượng chánh chân, chín vạn hai ngàn Bồ-tát được vô sinh pháp nhẫn, tám vạn bốn ngàn chúng sinh xa lìa trần cấu, đắc pháp Nhãn tịnh, tám ngàn Tỳ-kheo hết các lậu hoặc, tâm được giải thoát.

Khi ấy, tam thiên đại thiên thế giới chấn động; ánh sáng lớn soi khắp, trời rưới mưa hoa, trăm ngàn nhạc cụ không tấu mà kêu, trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư Thiên rất vui mừng, cùng ca ngợi:

–Chúng con nay ở trong cõi Diêm-phù-đề được gặp lại bánh xe pháp chuyển. Bạch Thế Tôn! Thuở trước ở tại nước Ba-la-nại, Ngài đã chuyển bánh xe pháp, làm lợi ích cho chúng sinh, nay lại thuyết giảng kinh này càng thêm lợi ích chúng sinh, thật là thù thắng! Trong số chúng sinh ấy có kẻ thọ trì kinh này thì người đó không bao lâu sẽ chuyển bánh xe pháp.

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thiên Quan, Đại đức A-nan… bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Kinh này tên là gì? Thọ trì thế nào?

Phật dạy:

–Này các thiện nam tử! Kinh này tên là Đại thọ Khẩn-na-la sở vấn, còn có tên là Tuyên thuyết bất tư nghị pháp phẩm. Cứ y như thế mà thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thiên Quan, Đại đức A-nan… Tất cả đại chúng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà… nghe Phật nói đều rất vui mừng.

-oOo-